

**UBND TỈNH QUẢNG NINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1330/SGDDĐT-TCHC  
V/v thông báo kết quả thi tuyển  
sinh trung học phổ thông năm  
học 2025 - 2026

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các trường trung học phổ thông có tổ chức thi tuyển sinh.

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025 - 2026 được phê duyệt tại Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 15/6/2025 Sở Giáo dục và Đào tạo đã công bố kết quả thi tuyển sinh.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị:

1. Niêm yết công khai Bảng điểm bài thi tuyển sinh tại trường để học sinh, cha mẹ học sinh biết kết quả thi.

2. Kiểm tra thông tin của thí sinh; nếu phát hiện sai sót, gửi văn bản đề nghị chỉnh sửa về Sở Giáo dục và Đào tạo qua email [ts10@quangninh.edu.vn](mailto:ts10@quangninh.edu.vn) trước ngày 22/6/2025.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, TCHC.

Ký bởi: Vũ Văn Dương

Ký bởi: Phạm Thái Sơn

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đinh Ngọc Sơn**

SỞ GDĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên                    | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                     | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú                  |
|-----|---------|--------------|---------------------------|------------|-------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|--------------------------|
|     |         |              |                           |            |             |           |                  |                                                 |           |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |                          |
| 1   | 0101001 | 022310002166 | ĐOÀN PHƯƠNG ANH           | 09/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.8   | 7.75 | 2.75       |            |                          |
| 2   | 0101002 | 022310010913 | HOÀNG MINH ANH            | 15/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.2   | 9.0  | 7.0        |            |                          |
| 3   | 0101003 | 022310000561 | LÊ QUỲNH ANH              | 19/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long                                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 7.8   | 8.5  | 4.5        |            |                          |
| 4   | 0101004 | 022310006289 | NGÔ NGỌC ANH              | 18/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.2   | 9.0  | 4.5        |            |                          |
| 5   | 0101005 | 022310006557 | PHẠM QUỲNH ANH            | 25/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.6   | 9.25 | 4.25       |            |                          |
| 6   | 0101006 | 022210002258 | PHAN PHÚC ANH             | 08/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.8   | 9.0  | 4.75       |            |                          |
| 7   | 0101007 | 022310009818 | TRẦN MINH ANH             | 16/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trưng Vương                                | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 8.4   | 8.25 | 5.75       |            |                          |
| 8   | 0101008 | 022310007146 | TRẦN NGỌC ANH             | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 9.8   | 9.25 | 4.0        |            |                          |
| 9   | 0101009 | 030210011609 | TRƯƠNG TUẤN ANH           | 06/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.6   | 9.0  | 1.5        |            |                          |
| 10  | 0101010 | 022310011379 | VŨ MAI ANH                | 30/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Móng Dương                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 8.4   | 9.0  | 2.5        |            |                          |
| 11  | 0101011 | 022210004272 | NGUYỄN TIẾN THIÊN ẮN      | 28/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 10.0  | 9.0  | 5.5        |            |                          |
| 12  | 0101012 | 022210006668 | ĐÀO NGỌC BÁCH             | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 8.8   | 9.25 | 5.25       |            |                          |
| 13  | 0101013 | 022210006951 | BÀO NGUYỄN GIA BẢO        | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.5          | 8.0   | 7.25 | 3.0        |            |                          |
| 14  | 0101014 | 022210010305 | NGUYỄN GIA BẢO            | 31/07/2010 | Quảng Ninh. | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                          | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 8.8   | 9.0  | 5.5        |            |                          |
| 15  | 0101015 | 022210010239 | NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO      | 17/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                   | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 8.0   | 8.5  | 0.25       |            |                          |
| 16  | 0101016 | 022210006477 | PHẠM BÙI GIA BẢO          | 29/05/2010 | Hà Nội      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 6.5          | 9.4   | 8.5  | 2.75       |            | Môn chuyên NV2: Văng thi |
| 17  | 0101017 | 022210007808 | BÙI NGỌC CUÔNG            | 04/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.2   | 9.25 | 5.25       |            |                          |
| 18  | 0101018 | 022210003908 | TRẦN MINH CUÔNG           | 12/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Mường            | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.0          | 9.6   | 9.0  | 5.75       |            |                          |
| 19  | 0101019 | 022210001247 | HOÀNG VĂN DŨNG            | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu                                      | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 9.2   | 8.5  | 5.0        |            |                          |
| 20  | 0101020 | 022210003058 | LẠI ANH DŨNG              | 28/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Móng Dương                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 9.0   | 8.25 | 0.5        |            |                          |
| 21  | 0101021 | 022210006099 | NGUYỄN LÂM DŨNG           | 24/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                                 | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 6.5          | 9.0   | 8.75 | 6.0        | 5.2        |                          |
| 22  | 0101022 | 022210008032 | PHẠM VĂN ĐÀI              | 22/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.0          | 9.6   | 8.75 | 4.75       |            |                          |
| 23  | 0101023 | 022210000654 | NGÔ ĐỨC ĐẠT               | 02/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trưng Vương                                | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.0   | 9.0  | 5.0        |            |                          |
| 24  | 0101024 | 022210013284 | BÙI MINH ĐỨC              | 20/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                                | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 6.75         | 9.6   | 9.5  | 8.75       | 6.88       |                          |
| 25  | 0101025 | 022210001387 | ĐÀO HUY ĐỨC               | 15/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                                  | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.0          | 9.6   | 8.0  | 4.25       |            |                          |
| 26  | 0101026 | 022210002723 | LÊ TRẦN DUY ĐỨC           | 17/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 9.8   | 8.0  | 6.5        |            |                          |
| 27  | 0101027 | 022310005642 | PHẠM HƯƠNG GIANG          | 30/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 9.8   | 8.0  | 5.75       |            |                          |
| 28  | 0101028 | 030310014847 | TRƯƠNG NGUYỆT HƯƠNG GIANG | 17/12/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 8.4   | 8.75 | 5.75       |            |                          |
| 29  | 0101029 | 022310000470 | VŨ HƯƠNG GIANG            | 16/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.8   | 8.75 | 5.0        |            |                          |
| 30  | 0101030 | 022310011284 | HOÀNG BẢO HẢ              | 14/06/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 8.8   | 9.0  | 5.0        |            |                          |
| 31  | 0101031 | 022310009705 | NÔNG THANH HẢ             | 09/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tây              | THCS Tiên Lãng                                  | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.0          | 8.6   | 9.25 | 5.0        |            |                          |
| 32  | 0101032 | 022310010010 | PHẠM NGÂN HẢ              | 06/02/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.8   | 9.25 | 5.25       |            |                          |
| 33  | 0101033 | 034310003918 | BÙI MINH HẰNG             | 06/05/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Móng Dương                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 8.8   | 8.0  | 0.25       |            |                          |
| 34  | 0101034 | 022310004700 | QUÁCH GIA HẰN             | 13/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.5          | 9.0   | 8.5  | 2.5        |            |                          |
| 35  | 0101035 | 022210005163 | BÙI ĐỨC HIẾU              | 22/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 5.5          | 9.6   | 8.5  | 6.75       |            |                          |
| 36  | 0101036 | 022210003295 | ĐỖ MINH HIẾU              | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.0   | 9.25 | 3.5        |            |                          |
| 37  | 0101037 | 022210008970 | NGUYỄN TRUNG HIẾU         | 16/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc                                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 9.0   | 8.5  | 5.5        |            |                          |
| 38  | 0101038 | 022210007618 | NGUYỄN TRUNG HIẾU         | 03/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 9.4   | 9.25 | 6.75       |            |                          |
| 39  | 0101039 | 022210011918 | PHẠM MINH HIẾU            | 10/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 8.4   | 8.25 | 4.75       |            |                          |
| 40  | 0101040 | 030310101318 | PHAN LÂM HOA              | 09/11/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.2   | 9.0  | 4.25       |            |                          |
| 41  | 0101041 | 022310000402 | HOÀNG THU HOÀI            | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc                                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.0   | 8.5  | 5.5        |            |                          |
| 42  | 0101042 | 022210012543 | ĐẶNG NHẬT HOÀNG           | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.5          | 7.6   | 8.25 | 3.5        |            |                          |
| 43  | 0101043 | 022210002601 | VŨ HOÀNG                  | 25/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 8.8   | 9.25 | 4.75       |            |                          |
| 44  | 0101044 | 022210012042 | VŨ HUY HOÀNG              | 24/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Thị trấn Cái Rồng                          | Tiếng Anh | Toán               |                    | 5.25         | 9.2   | 9.5  | 5.25       |            |                          |
| 45  | 0101045 | 022210007405 | HOÀNG MINH HỌC            | 07/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tây              | THCS Thị trấn Bình Liêu                         | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 8.6   | 8.0  | 5.5        |            |                          |
| 46  | 0101046 | 022210005562 | HÙNG HỮNG                 | 04/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                   | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 9.6   | 9.0  | 7.5        |            |                          |
| 47  | 0101047 | 022210003000 | ĐỖ ĐÀI HỮNG               | 14/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 10.0  | 8.75 | 2.0        |            |                          |
| 48  | 0101048 | 030210011457 | NGUYỄN MANH HỮNG          | 09/08/2010 | Hà Nội      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 9.8   | 8.75 | 5.0        |            |                          |
| 49  | 0101049 | 022210003119 | BÙI QUANG HUY             | 08/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.8   | 8.75 | 2.0        |            |                          |
| 50  | 0101050 | 022210004140 | ĐÀO BÀ HUY                | 22/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 9.8   | 8.75 | 4.25       |            |                          |
| 51  | 0101051 | 022210010807 | ĐÀO ĐÌNH HUY              | 17/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                  | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.0          | 8.6   | 9.0  | 3.75       |            |                          |
| 52  | 0101052 | 022210010253 | NGUYỄN GIA HUY            | 25/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.4   | 8.5  | 2.5        |            |                          |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|-------------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                   |           |            |             |                  |                                           |           |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 53  | 0101053 | 022210011503 | NGUYỄN HOÀNG GIA  | HUY       | 17/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 8.8    | 8.25 | 1.0        |            |         |
| 54  | 0101054 | 038210018636 | NGUYỄN QUỐC       | HUY       | 24/02/2010 | Thanh Hóa   | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 7.2    | 9.0  | 4.5        |            |         |
| 55  | 0101055 | 022210008353 | NGUYỄN THÁI       | HUY       | 17/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               | Vật lý             | 8.0          | 9.4    | 9.25 | 3.5        | 2.75       |         |
| 56  | 0101056 | 022210007269 | VŨ NGUYỄN ĐỨC     | HUY       | 19/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 8.6    | 9.25 | 5.75       |            |         |
| 57  | 0101057 | 022210007959 | HOÀNG QUANG       | HÙNG      | 30/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 8.8    | 8.0  | 4.5        |            |         |
| 58  | 0101058 | 022210000323 | NGUYỄN THỊNH      | HÙNG      | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Mao Khê II                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 5.0          | 9.4    | 8.75 | 4.5        |            |         |
| 59  | 0101059 | 022210006397 | VŨ VIỆT           | HÙNG      | 15/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS thị trấn Quảng Hà                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.0          | 9.6    | 9.0  | 6.75       |            |         |
| 60  | 0101060 | 022210011262 | ĐƯƠNG ANH         | KHA       | 15/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.5          | 9.2    | 9.5  | 8.25       |            |         |
| 61  | 0101061 | 022210002025 | TRINH VĂN         | KHÁI      | 01/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Mao Khê II                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 6.6    | 8.5  | 4.5        |            |         |
| 62  | 0101062 | 022310000443 | HOÀNG NGỌC        | KHÁNH     | 24/04/2010 | Nghệ An     | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 9.4    | 8.5  | 4.75       |            |         |
| 63  | 0101063 | 022310004800 | NGUYỄN GIA        | KHÁNH     | 24/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 10.0   | 9.25 | 7.25       |            |         |
| 64  | 0101064 | 022210011072 | TẠ DUY            | KHOA      | 12/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 8.4    | 9.0  | 7.0        |            |         |
| 65  | 0101065 | 022210019999 | HUỖNH TUẤN        | KHÔI      | 07/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 9.4    | 8.75 | 4.25       |            |         |
| 66  | 0101066 | 022210011674 | TRẦN ANH          | KHÔI      | 26/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 7.8    | 8.5  | 1.75       |            |         |
| 67  | 0101067 | 022210007211 | NGUYỄN ĐỎ TUẤN    | KIỆT      | 04/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.2    | 9.75 | 9.0        |            |         |
| 68  | 0101068 | 022210011026 | NGUYỄN NAM        | KIỆT      | 13/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.6    | 9.0  | 5.75       |            |         |
| 69  | 0101069 | 022210004409 | BÙI TÙNG          | LÂM       | 16/02/2010 | Quảng Ninh. | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 8.6    | 8.75 | 4.5        |            |         |
| 70  | 0101070 | 022310006013 | NGỖ LÊ THÁI       | LINH      | 21/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.6    | 9.0  | 7.0        |            |         |
| 71  | 0101071 | 022310007683 | TRỊNH KHÁNH       | LINH      | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 5.75         | 7.6    | 9.0  | 1.0        |            |         |
| 72  | 0101072 | 022310010733 | VŨ NGUYỄN HẢI     | LINH      | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Minh Thành                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 8.8    | 8.0  | 7.25       |            |         |
| 73  | 0101073 | 024310007159 | VŨ THỦY           | LINH      | 30/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | Toán               | Địa lý             | 7.75         | 9.4    | 8.75 | 4.75       | 3.25       |         |
| 74  | 0101074 | 022210011871 | TRẦN ĐÌNH         | LONG      | 29/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 9.6    | 9.25 | 7.75       |            |         |
| 75  | 0101075 | 022210008199 | VĂN HUY           | LONG      | 03/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 8.8    | 8.5  | 1.0        |            |         |
| 76  | 0101076 | 022210004389 | ĐỖ VĂN            | MANH      | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hà Tu                                | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 9.6    | 8.75 | 7.5        |            |         |
| 77  | 0101077 | 022310011558 | BÙI THỦY          | MINH      | 16/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 9.2    | 7.5  | 5.75       |            |         |
| 78  | 0101078 | 022210009109 | ĐƯƠNG ĐỨC         | MINH      | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 9.8    | 9.5  | 5.5        |            |         |
| 79  | 0101079 | 022210008577 | ĐẶNG TUẤN         | MINH      | 25/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.0    | 8.75 | 4.25       |            |         |
| 80  | 0101080 | 022210003809 | LÊ CÔNG           | MINH      | 26/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.2    | 9.0  | 5.75       |            |         |
| 81  | 0101081 | 022310007392 | LÊ NGỌC           | MINH      | 28/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 9.8    | 9.0  | 3.0        |            |         |
| 82  | 0101082 | 031210013261 | MAI NGỌC          | MINH      | 15/06/2010 | Hải Phòng   | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.0          | 8.6    | 9.25 | 7.75       |            |         |
| 83  | 0101083 | 022210012474 | NGUYỄN NHẬT       | MINH      | 15/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 8.0    | 8.5  | 5.25       |            |         |
| 84  | 0101084 | 022210010091 | NGUYỄN THIÊN      | MINH      | 08/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Ka Long                              | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 8.8    | 8.75 | 4.5        |            |         |
| 85  | 0101085 | 022210002555 | PHẠM TUẤN         | MINH      | 24/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Thị trấn Bình Liêu                   | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 6.5          | 8.2    | 9.0  | 9.0        | 6.46       |         |
| 86  | 0101086 | 022210008781 | PHÍ GIA           | MINH      | 01/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.75         | 9.6    | 9.25 | 6.0        |            |         |
| 87  | 0101087 | 022210001301 | TƯỜNG DUY         | MINH      | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 9.6    | 9.0  | 1.75       |            |         |
| 88  | 0101088 | 022210010148 | VŨ QUANG          | MINH      | 11/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 8.6    | 9.0  | 5.75       |            |         |
| 89  | 0101089 | 022310006357 | VŨ QUẾ            | MINH      | 13/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.6    | 9.5  | 5.5        |            |         |
| 90  | 0101090 | 030310008920 | VŨ THỊ            | MINH      | 16/05/2010 | Hải Dương   | Nữ               | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 7.8    | 8.5  | 2.5        |            |         |
| 91  | 0101091 | 022310002995 | NGUYỄN THANH      | NGA       | 11/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 9.4    | 9.0  | 5.75       |            |         |
| 92  | 0101092 | 022310000108 | TRẦN THIÊN        | NGÂN      | 15/11/2010 | Hải Phòng   | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.2    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 93  | 0101093 | 022310002903 | LƯƠNG KHÁNH       | NGOC      | 17/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 9.0          | 8.6    | 8.75 | 3.0        |            |         |
| 94  | 0101094 | 022210004108 | NGUYỄN TẠ KHÔI    | NGUYỄN    | 07/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.8    | 9.25 | 6.75       |            |         |
| 95  | 0101095 | 066210014142 | TRƯƠNG PHƯỚC      | NGUYỄN    | 15/05/2010 | Đắk Lắk     | Nam              | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 10.0   | 8.75 | 7.0        |            |         |
| 96  | 0101096 | 001310004370 | KHUẤT HOÀNG KHÁNH | NHI       | 02/08/2010 | Hà Nội      | Nữ               | THCS Móng Dương                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 9.0          | 9.6    | 9.25 | 4.75       |            |         |
| 97  | 0101097 | 022310006606 | NGUYỄN HIẾU       | NHI       | 18/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 8.4    | 7.75 | 1.5        |            |         |
| 98  | 0101098 | 022310006827 | PHẠM THỊ KHÁNH    | NHI       | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Móng Dương                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.0    | 9.0  | 3.25       |            |         |
| 99  | 0101099 | 030210015897 | BÙI THANH         | PHONG     | 03/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 9.8    | 9.25 | 5.75       |            |         |
| 100 | 0101100 | 027210007178 | ĐÌNH HẢI          | PHONG     | 13/06/2010 | Bắc Ninh    | Nam              | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.4    | 9.75 | 8.25       |            |         |
| 101 | 0101101 | 022210003472 | ĐỖ NGUYỄN         | PHONG     | 06/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 9.0    | 8.5  | 0.25       |            |         |
| 102 | 0101102 | 026210008787 | HÀ TUẤN           | PHONG     | 27/10/2010 | Vĩnh Phúc   | Nam              | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 7.6    | 9.0  | 2.25       |            |         |
| 103 | 0101103 | 022210005685 | NGUYỄN ĐAN        | PHONG     | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.4    | 9.5  | 6.0        |            |         |
| 104 | 0101104 | 022210001719 | NGUYỄN NAM        | PHONG     | 27/11/2010 | Quảng Ninh. | Nam              | THCS thị trấn Quảng Hà                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.6    | 9.0  | 6.25       |            |         |
| 105 | 0101105 | 022210008819 | BÙI BÀ            | PHÚ       | 16/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 8.6    | 9.0  | 4.5        |            |         |
| 106 | 0101106 | 034310003100 | ĐỖ MINH           | PHƯƠNG    | 05/03/2010 | Thái Bình   | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh | Toán               | Sinh               | 8.25         | 9.6    | 8.5  | 1.25       | 4.75       |         |
| 107 | 0101107 | 022210012653 | ĐOÀN MINH         | QUẦN      | 26/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Tử Long                          | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 9.4    | 9.0  | 7.0        |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú                  |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|--------------------------|
|     |         |              |                   |           |            |            |                  |                                           |           |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |                          |
| 108 | 0101108 | 031310016629 | NGUYỄN AN TRÚC    | QUẢN      | 07/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ               | THCS Thị trấn Bình Liêu                   | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 8.0    | 8.25 | 6.5        |            |                          |
| 109 | 0101109 | 022210009095 | PHẠM ANH          | QUYẾT     | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS thị trấn Quảng Hà                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.75         | 9.4    | 9.0  | 7.0        |            |                          |
| 110 | 0101110 | 022310000355 | NGUYỄN THỊ THU    | QUYNH     | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 9.4    | 9.0  | 4.25       |            |                          |
| 111 | 0101111 | 022210001618 | ĐẶNG TUẤN         | SƠN       | 17/12/2010 | Nam Định   | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.0          | 9.6    | 9.25 | 1.0        |            |                          |
| 112 | 0101112 | 022210010251 | TRẦN NGUYỄN HUY   | SƠN       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.0          | 9.2    | 8.25 | 3.5        |            |                          |
| 113 | 0101113 | 022210005953 | LƯƠNG QUỐC        | THAI      | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hà Tu                                | Tiếng Anh | Toán               |                    | 5.25         | 8.2    | 5.75 | 0.25       |            |                          |
| 114 | 0101114 | 022210005991 | VƯƠNG GIA         | THÀNH     | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS thị trấn Quảng Hà                    | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.5          | 9.2    | 9.0  | 5.75       |            |                          |
| 115 | 0101115 | 022310000401 | NGÔ THỊ THU       | THẢO      | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 8.8    | 9.0  | 2.0        |            |                          |
| 116 | 0101116 | 022310011500 | NGUYỄN PHẠM TRANG | THẢO      | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.25         | 9.0    | 9.0  | 5.75       |            |                          |
| 117 | 0101117 | 022310003279 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO      | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 9.0          | 9.4    | 8.75 | 5.25       |            |                          |
| 118 | 0101118 | 022310003642 | NGUYỄN THANH      | THẢO      | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Hà Trung                       | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.5          | 8.6    | 8.25 | 1.0        |            |                          |
| 119 | 0101119 | 022210008757 | ĐÀO TIẾN          | THỊNH     | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 6.5          | 9.0    | 9.5  | 7.75       | 8.5        |                          |
| 120 | 0101120 | 022210003114 | NGUYỄN TRƯỜNG     | THỊNH     | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh | Toán               |                    | 5.25         | 8.6    | 9.0  | 1.5        |            |                          |
| 121 | 0101121 | 001310020542 | HOÀNG ANH         | THỨ       | 25/01/2010 | Hà Nội     | Nữ               | Tiếng Anh                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.25         | 9.0    | 8.5  | 5.75       |            |                          |
| 122 | 0101122 | 022310004253 | LÊ TRẦN ANH       | THỨ       | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.0          | 8.8    | 8.75 | 4.0        |            |                          |
| 123 | 0101123 | 022310010526 | MAI ANH           | THỨ       | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.5          | 9.0    | 8.75 | 4.5        |            |                          |
| 124 | 0101124 | 022310006560 | NGUYỄN ĐÀO ĐOÀN   | TRANG     | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.0          | 10.0   | 8.5  | 4.5        |            |                          |
| 125 | 0101125 | 022310004541 | TRẦN THANH        | TRÚC      | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 8.4    | 9.0  | 4.5        |            |                          |
| 126 | 0101126 | 022310000483 | NGUYỄN THỊ CẨM    | TÚ        | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh | Toán               |                    | 6.75         | 8.8    | 9.25 | 5.0        |            |                          |
| 127 | 0101127 | 034210002083 | ĐOÀN ANH          | TUẤN      | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.75         | 10.0   | 9.0  | 6.25       |            |                          |
| 128 | 0101128 | 022210001240 | TRẦN NGỌC         | TUẤN      | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.8    | 8.75 | 5.75       |            |                          |
| 129 | 0101129 | 022310005531 | NGUYỄN THANH      | TUỆ       | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.2    | 9.0  | 3.25       |            |                          |
| 130 | 0101130 | 030210007901 | LÊ HOÀNG          | TÙNG      | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 7.25         | 9.4    | 9.0  | 7.75       | 5.89       |                          |
| 131 | 0101131 | 031210003125 | PHẠM SƠN          | TÙNG      | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | Toán               |                    | 7.75         | 9.6    | 8.25 | 6.0        |            |                          |
| 132 | 0101132 | 022210008239 | ĐOÀN TIẾN         | VIỆT      | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 8.0          | 10.0   | 9.75 | 7.0        | 6.65       |                          |
| 133 | 0101133 | 022210010151 | BÙI ĐỨC           | VINH      | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Sông Khoai                           | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 8.0          | 8.0    | 9.25 | 4.5        |            | Môn chuyên NV2: Vắng thi |
| 134 | 0101134 | 022210009030 | NGUYỄN THẾ        | VINH      | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Toán               |                    | 8.25         | 9.0    | 9.0  | 3.75       |            |                          |
| 135 | 0101135 | 038310007192 | NGUYỄN THAO       | VY        | 29/08/2010 | Thanh Hóa  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Toán               | Tin                | 7.25         | 9.2    | 9.0  | 1.5        |            | Môn chuyên NV2: Vắng thi |
| 136 | 0102001 | 022310000412 | TRẦN QUYNH        | ANH       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Nguyễn Du                     | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.0          | 9.6    | 9.5  | 7.53       |            |                          |
| 137 | 0102002 | 022210005178 | ĐẶNG THAI         | BẢO       | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS An Sinh                              | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.0          | 9.2    | 7.75 | 7.04       |            |                          |
| 138 | 0102003 | 040210003845 | TRẦN GIA          | BẢO       | 08/03/2010 | Nghệ An    | Nam              | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Tin                | Tiếng Anh          | 6.25         | 9.4    | 8.25 | 6.54       |            | Môn chuyên NV2: Vắng thi |
| 139 | 0102004 | 022310001124 | HOÀNG BẢO         | CHÂU      | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Tin                | Ngữ Văn            | 8.5          | 9.8    | 7.5  | 6.91       | 4.75       |                          |
| 140 | 0102005 | 022210001707 | ĐỖ HOÀNG          | DỪNG      | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Tin                | Toán               | 9.0          | 9.6    | 8.0  | 7.4        | 2.5        |                          |
| 141 | 0102006 | 022210003086 | HÀ THẾ            | DỪNG      | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.25         | 9.8    | 8.75 | 8.88       |            |                          |
| 142 | 0102007 | 022210001453 | HOÀNG TRÍ         | DỪNG      | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 8.8    | 8.0  | 2.7        |            |                          |
| 143 | 0102008 | 034210013172 | NGUYỄN TIẾN       | DỪNG      | 17/02/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.75         | 8.4    | 8.75 | 3.15       |            |                          |
| 144 | 0102009 | 022210009824 | TRINH NHẬT        | DỪNG      | 31/12/2010 | Hà Nội     | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.0          | 9.2    | 8.0  | 3.0        |            |                          |
| 145 | 0102010 | 034210002418 | VŨ HÀ             | DỪNG      | 01/12/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.0          | 9.4    | 9.0  | 6.88       |            |                          |
| 146 | 0102011 | 022310007201 | TRẦN LINH         | ĐAN       | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.75         | 8.6    | 8.75 | 6.78       |            |                          |
| 147 | 0102012 | 022210000490 | LÊ ĐÌNH TIẾN      | ĐẠT       | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.0          | 9.6    | 8.75 | 3.19       |            |                          |
| 148 | 0102013 | 022210000355 | NGUYỄN ĐỨC        | ĐẠT       | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Đại Yên                              | Tiếng Anh | Tin                | Tiếng Anh          | 7.0          | 9.4    | 7.75 | 8.13       | 4.65       |                          |
| 149 | 0102014 | 022210001760 | ĐOÀN ĐĂNG MINH    | ĐỨC       | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.5          | 9.6    | 8.5  | 0.6        |            |                          |
| 150 | 0102015 | 022210000899 | PHÙNG VĂN         | ĐỨC       | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh | Tin                | Ngữ Văn            | 7.25         | 9.2    | 8.5  | 7.38       | 5.25       |                          |
| 151 | 0102016 | 022210000468 | LƯU NAM           | HẢI       | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS An Sinh                              | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 9.6    | 8.0  | 6.48       |            |                          |
| 152 | 0102017 | 035210003245 | NGÔ TRUNG         | HẢI       | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.25         | 7.2    | 7.25 | 5.51       |            |                          |
| 153 | 0102018 | 030210014114 | NGUYỄN PHÚC       | HẢI       | 25/11/2010 | Hải Dương  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.25         | 8.6    | 9.0  | 6.54       |            |                          |
| 154 | 0102019 | 022210000275 | NGUYỄN MINH       | HOÀNG     | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 9.6    | 8.25 | 7.41       |            |                          |
| 155 | 0102020 | 022210003314 | HOÀNG MINH        | HÙNG      | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 7.8    | 7.25 | 3.15       |            |                          |
| 156 | 0102021 | 022210004505 | TRẦN DUY          | HÙNG      | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.75         | 9.4    | 8.5  | 7.51       |            |                          |
| 157 | 0102022 | 022210009590 | TRẦN QUANG        | HÙNG      | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.5          | 7.8    | 8.0  | 6.64       |            |                          |
| 158 | 0102023 | 031210001942 | BÙI GIA           | KHANG     | 07/09/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 9.4    | 8.5  | 7.53       |            |                          |
| 159 | 0102024 | 034210010388 | VŨ KHẮC TUẤN      | KHANG     | 07/01/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.75         | 9.4    | 9.0  | 8.01       |            |                          |
| 160 | 0102025 | 022210002860 | NGUYỄN ANH        | KHÔI      | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Quang Hanh                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.0          | 9.0    | 8.5  | 6.65       |            |                          |
| 161 | 0102026 | 022210001757 | NGUYỄN MINH       | KHÔI      | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Mạo Khê II                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.5          | 9.0    | 9.0  | 6.4        |            |                          |
| 162 | 0102027 | 022210000312 | TẠ TRẦN           | KHÔI      | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Mạo Khê II                           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.0          | 9.4    | 8.75 | 8.13       |            |                          |



## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh      | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------|--------|------------|---------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                   |        |            |               |           |                  |                                   |           |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 163 | 0102028 | 022210003014 | NGUYỄN TÙNG       | LÂM    | 17/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cửa Ông                      | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.5          | 9.0    | 9.0  | 6.46       |            |         |
| 164 | 0102029 | 022210007215 | NGUYỄN XUÂN       | LÂM    | 26/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn               | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.5          | 9.8    | 8.5  | 7.38       |            |         |
| 165 | 0102030 | 022210009859 | PHẠM MẠNH         | LÂN    | 15/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                     | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.0          | 9.8    | 8.5  | 5.96       |            |         |
| 166 | 0102031 | 022210003334 | NGUYỄN THÀNH      | LONG   | 29/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Chu Văn An                   | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.5          | 10.0   | 9.0  | 7.53       |            |         |
| 167 | 0102032 | 022210006187 | ĐOÀN HIẾU         | MINH   | 20/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 8.6    | 9.0  | 7.53       |            |         |
| 168 | 0102033 | 022210008555 | NGUYỄN NGỌC       | MINH   | 05/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                  | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.25         | 8.4    | 8.5  | 6.28       |            |         |
| 169 | 0102034 | 001210061756 | NGUYỄN TUẤN       | MINH   | 02/06/2010 | Hà Nội        | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 8.0    | 8.0  | 3.0        |            |         |
| 170 | 0102035 | 022310011841 | PHẠM HẢI          | NHƯ    | 21/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Tin                | Ngữ Văn            | 8.0          | 8.8    | 8.5  | 8.25       | 5.5        |         |
| 171 | 0102036 | 022210010070 | NGUYỄN TUẤN       | PHONG  | 23/02/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Chu Văn An                   | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.75         | 10.0   | 9.0  | 8.13       |            |         |
| 172 | 0102037 | 022210002699 | VŨ THÁI           | PHONG  | 08/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thước             | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.75         | 8.2    | 7.5  | 6.49       |            |         |
| 173 | 0102038 | 284210000101 | ĐẶNG NGUYỄN       | QUANG  | 08/09/2010 | Adelaide - Úc | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Tin                | Tiếng Anh          | 7.5          | 9.8    | 8.75 | 8.13       | 7.15       |         |
| 174 | 0102039 | 022210011529 | NGUYỄN MINH       | QUANG  | 30/04/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                     | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.0          | 9.0    | 8.5  | 7.41       |            |         |
| 175 | 0102040 | 022210007499 | VŨ ĐỨC            | QUỶ    | 16/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Tử Long                  | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.0          | 9.4    | 8.5  | 6.51       |            |         |
| 176 | 0102041 | 022210011108 | ĐỖ TRUNG          | SƠN    | 20/04/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Chu Văn An                   | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.5          | 9.2    | 9.0  | 8.24       |            |         |
| 177 | 0102042 | 034210016115 | LÊ DUY            | THÁI   | 30/03/2010 | Thái Bình     | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn               | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.5          | 9.8    | 9.0  | 6.73       |            |         |
| 178 | 0102043 | 022210001594 | CHU HIẾU          | THIÊN  | 21/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long         | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.5          | 9.0    | 6.75 | 4.26       |            |         |
| 179 | 0102044 | 022210004683 | BÙI MINH          | TIẾN   | 01/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế                    | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.0          | 7.8    | 8.5  | 7.53       |            |         |
| 180 | 0102045 | 022210008578 | NGÔ BẢO           | TIẾN   | 04/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       | Tây              | THCS Thị trấn Bình Liêu           | Tiếng Anh | Tin                |                    | 7.0          | 8.8    | 7.0  | 0.5        |            |         |
| 181 | 0102046 | 022210012491 | PHẠM ĐỨC          | TRƯỜNG | 10/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bình Khê                     | Tiếng Anh | Tin                |                    | 8.0          | 9.2    | 9.0  | 6.32       |            |         |
| 182 | 0102047 | 022210003491 | TRƯƠNG MINH       | TUẤN   | 18/02/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Tin                | Tiếng Anh          | 6.0          | 9.2    | 7.25 | 4.89       | 5.4        |         |
| 183 | 0102048 | 022310005187 | LÃNG YẾN          | VY     | 20/06/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc                    | Tiếng Anh | Tin                |                    | 6.0          | 7.4    | 8.5  | 5.83       |            |         |
| 184 | 0103001 | 022210012293 | NGUYỄN TRƯỜNG     | AN     | 07/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.0          | 9.4    | 8.5  | 5.0        |            |         |
| 185 | 0103002 | 022210000936 | NGUYỄN TUẤN       | ANH    | 30/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.0          | 9.4    | 8.25 | 6.0        |            |         |
| 186 | 0103003 | 022210005193 | VŨ ĐỨC            | ANH    | 13/09/2010 | Hải Phòng     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.75         | 9.8    | 8.5  | 7.25       |            |         |
| 187 | 0103004 | 022210005951 | NGÔ GIA           | BẢO    | 09/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long           | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.0          | 8.6    | 6.75 | 3.0        |            |         |
| 188 | 0103005 | 022210008706 | NGUYỄN NAM        | CƯỜNG  | 13/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                     | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.5          | 9.4    | 8.75 | 5.0        |            |         |
| 189 | 0103006 | 022310003790 | VŨ NGỌC           | DIỆP   | 02/02/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.75         | 9.4    | 8.5  | 6.0        |            |         |
| 190 | 0103007 | 022210010289 | NGUYỄN ANH        | DŨNG   | 11/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                     | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.5          | 7.8    | 9.5  | 5.0        |            |         |
| 191 | 0103008 | 022210003936 | PHAN TIẾN         | ĐẠT    | 02/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.5          | 8.8    | 9.0  | 7.75       |            |         |
| 192 | 0103009 | 022210000530 | TRẦN HẢI          | ĐẶNG   | 02/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 5.75         | 9.2    | 9.0  | 7.75       |            |         |
| 193 | 0103010 | 022210005920 | ĐƯƠNG ANH         | ĐỨC    | 07/05/2010 | Ninh Bình     | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn            | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.75         | 9.6    | 8.75 | 8.0        |            |         |
| 194 | 0103011 | 022210011803 | ĐÀO NGỌC          | HẢI    | 08/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             | Ngữ Văn            | 9.0          | 9.8    | 8.75 | 5.0        | 5.0        |         |
| 195 | 0103012 | 022210012066 | ĐỖ QUANG          | HẢI    | 05/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.0          | 9.2    | 8.0  | 9.0        |            |         |
| 196 | 0103013 | 022210012345 | TẠ NGỌC           | HIẾU   | 24/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                     | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.5          | 9.0    | 8.5  | 5.0        |            |         |
| 197 | 0103014 | 031210002321 | NGUYỄN VŨ         | HÙNG   | 02/02/2010 | Bắc Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang  | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.25         | 9.6    | 9.0  | 6.25       |            |         |
| 198 | 0103015 | 022210001742 | LÊ QUANG          | HUY    | 10/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.25         | 10.0   | 9.0  | 8.25       |            |         |
| 199 | 0103016 | 022210006763 | TRẦN AN           | HÙNG   | 31/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.75         | 9.4    | 9.25 | 8.0        |            |         |
| 200 | 0103017 | 026210020216 | ĐỖ LÊ TUẤN        | KHANG  | 06/04/2010 | Hà Nội        | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.0          | 9.2    | 7.75 | 5.5        |            |         |
| 201 | 0103018 | 022210009072 | CHU DUY           | KHÁNH  | 09/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 9.0          | 10.0   | 8.25 | 9.25       |            |         |
| 202 | 0103019 | 022210011911 | NGUYỄN TRẦN       | KIẾN   | 12/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.75         | 8.6    | 8.5  | 2.75       |            |         |
| 203 | 0103020 | 022210006425 | VŨ ĐỨC            | KIẾN   | 12/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Chu Văn An                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.5          | 9.6    | 8.75 | 8.5        |            |         |
| 204 | 0103021 | 022210005376 | ĐOÀN VĂN ĐỨC      | LÂM    | 10/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Chu Văn An                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.25         | 9.2    | 7.75 | 6.5        |            |         |
| 205 | 0103022 | 022210000624 | ĐỖ TUẤN           | LÂM    | 14/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.25         | 10.0   | 8.5  | 9.5        |            |         |
| 206 | 0103023 | 022210000610 | ĐỖ TÙNG           | LÂM    | 14/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.75         | 10.0   | 9.0  | 9.5        |            |         |
| 207 | 0103024 | 022210006669 | VŨ TUẤN           | LÂM    | 07/08/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.0          | 9.0    | 8.25 | 4.0        |            |         |
| 208 | 0103025 | 022210006690 | NGUYỄN QUANG      | LONG   | 30/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                     | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.5          | 9.4    | 8.75 | 9.0        |            |         |
| 209 | 0103026 | 022210001546 | LÊ GIA            | MINH   | 10/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.0          | 8.8    | 7.0  | 4.5        |            |         |
| 210 | 0103027 | 022210004229 | NGUYỄN QUANG      | MINH   | 25/02/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.0          | 8.4    | 8.5  | 7.25       |            |         |
| 211 | 0103028 | 022210008463 | TRẦN NGUYỄN QUANG | MINH   | 05/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.25         | 8.6    | 9.0  | 7.0        |            |         |
| 212 | 0103029 | 022210006022 | NGUYỄN HUY        | NAM    | 30/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             | Tiếng Anh          | 6.75         | 10.0   | 9.25 | 7.75       | 5.5        |         |
| 213 | 0103030 | 030210014470 | PHẠM BẢO          | NAM    | 12/01/2010 | Hà Nội        | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.0          | 9.6    | 8.75 | 5.0        |            |         |
| 214 | 0103031 | 030310011781 | NGÔ TRẦN BẢO      | NGỌC   | 14/06/2010 | Hải Dương     | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                        | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.5          | 7.8    | 8.75 | 4.0        |            |         |
| 215 | 0103032 | 022310003996 | LÊ THẢO           | NGUYỄN | 30/06/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                   | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.5          | 9.4    | 9.0  | 8.5        |            |         |
| 216 | 0103033 | 022310011804 | TRẦN THẢO         | NGUYỄN | 08/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.75         | 7.8    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 217 | 0103034 | 022310010674 | TRẦN THỊ TỬ       | PHƯƠNG | 10/03/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phá         | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.5          | 8.8    | 8.5  | 6.75       |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                      |            |                 |           |                  |                               |           |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 218 | 0103035 | 022210002916 | NGUYỄN TRINH QUẢN    | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.0          | 6.6    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 219 | 0103036 | 022210007154 | PHẠM THẾ SƠN         | 22/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long     | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.0          | 7.4    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 220 | 0103037 | 022210000516 | HOÀNG THẾ TÂM        | 19/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | THCS Thị trấn Bình Liêu       | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.25         | 7.4    | 8.0  | 6.0        |            |         |
| 221 | 0103038 | 030210009771 | PHẠM DUY TÂN         | 14/07/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS Chu Văn An               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 5.5          | 9.8    | 9.0  | 7.25       |            |         |
| 222 | 0103039 | 022210006240 | ĐOÀN VŨ ANH THÁI     | 28/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn           | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.0          | 9.2    | 8.5  | 5.75       |            |         |
| 223 | 0103040 | 022310003960 | VŨ NGỌC PHƯƠNG       | 04/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.75         | 9.2    | 7.0  | 3.0        |            |         |
| 224 | 0103041 | 022210005656 | LÊ KHÁNH TOÀN        | 13/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 7.5          | 8.2    | 8.0  | 4.25       |            |         |
| 225 | 0103042 | 036210003824 | PHẠM NHẬT TRUNG      | 22/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 8.5          | 8.2    | 8.5  | 6.75       |            |         |
| 226 | 0103043 | 037210005176 | NGUYỄN MANH TRUÔNG   | 31/01/2010 | Ninh Bình       | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Vật lý             |                    | 6.25         | 8.8    | 7.75 | 7.5        |            |         |
| 227 | 0103044 | 022210004789 | BÙI SƠN TÙNG         | 20/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                | Tiếng Anh | Vật lý             | Toán               | 6.0          | 9.4    | 7.0  | 4.0        | 0.75       |         |
| 228 | 0103045 | 022210008650 | PHẠM MINH VŨ         | 24/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Vật lý             | Tiếng Anh          | 6.25         | 8.6    | 8.0  | 5.0        | 2.6        |         |
| 229 | 0104001 | 022210008356 | KHÚC BÌNH AN         | 14/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.4    | 6.75 | 3.6        |            |         |
| 230 | 0104002 | 022310002427 | ĐOÀN NGỌC MAI ANH    | 12/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                 | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.5          | 8.8    | 8.5  | 7.15       |            |         |
| 231 | 0104003 | 037210003033 | ĐỖ VIỆT ANH          | 25/06/2010 | Ninh Bình       | Nam       |                  | THCS Chu Văn An               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 9.2    | 8.0  | 6.4        |            |         |
| 232 | 0104004 | 022210001878 | HOÀNG ANH            | 18/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | THCS Thị trấn Bình Liêu       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.0          | 7.2    | 7.25 | 5.65       |            |         |
| 233 | 0104005 | 022210004920 | NGUYỄN HUY ANH       | 05/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du         | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.0          | 8.2    | 7.75 | 6.45       |            |         |
| 234 | 0104006 | 022210009733 | VŨ ĐÌNH ANH          | 10/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long     | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.5          | 9.0    | 9.0  | 5.55       |            |         |
| 235 | 0104007 | 022210005042 | VŨ ĐỨC ANH           | 24/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2         | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.0          | 7.0    | 8.75 | 4.3        |            |         |
| 236 | 0104008 | 022210004167 | VŨ HOÀNG ANH         | 24/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2         | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 7.8    | 8.75 | 4.15       |            |         |
| 237 | 0104009 | 022210007369 | LÊ TRƯỞNG BÁCH       | 23/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long     | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.2    | 8.75 | 3.25       |            |         |
| 238 | 0104010 | 022210008574 | NGUYỄN TÙNG BÁCH     | 06/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                 | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.0          | 8.4    | 8.5  | 4.6        |            |         |
| 239 | 0104011 | 022210006140 | ĐỖ GIA BẢO           | 26/02/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc                  | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 5.25         | 9.4    | 9.0  | 3.35       |            |         |
| 240 | 0104012 | 022310002032 | MAI TUỆ BÌNH         | 13/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.75         | 9.0    | 8.0  | 5.1        |            |         |
| 241 | 0104013 | 022310006130 | NGUYỄN BẢO CHÂU      | 08/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng              | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.75         | 9.2    | 8.5  | 6.75       |            |         |
| 242 | 0104014 | 022310007328 | HOÀNG KHÁNH CHI      | 08/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 9.4    | 8.0  | 5.45       |            |         |
| 243 | 0104015 | 022310010196 | NGUYỄN KHÁNH CHI     | 30/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 9.2    | 8.75 | 4.55       |            |         |
| 244 | 0104016 | 022310007484 | LÊ HẠNH DUNG         | 17/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trới                     | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.75         | 9.4    | 7.75 | 5.0        |            |         |
| 245 | 0104017 | 056210003152 | NGUYỄN TÂN DŨNG      | 26/01/2010 | Khánh Hòa       | Nam       |                  | THCS Hải Yên                  | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.2    | 8.5  | 6.35       |            |         |
| 246 | 0104018 | 022310008463 | ĐẬU HUƠNG DUYỀN      | 06/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc         | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.25         | 8.8    | 7.75 | 7.6        |            |         |
| 247 | 0104019 | 022310003708 | PHẠM HÀ ĐAN          | 10/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.25         | 9.2    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 248 | 0104020 | 022210000735 | NGUYỄN THÁNH ĐẠT     | 30/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hải Yên                  | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.25         | 7.8    | 9.0  | 6.1        |            |         |
| 249 | 0104021 | 022210005724 | PHẠM TIẾN ĐẠT        | 12/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long    | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 8.8    | 8.0  | 6.6        |            |         |
| 250 | 0104022 | 022210010621 | TRẦN TIẾN ĐẠT        | 07/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hải Yên                  | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.0          | 6.4    | 8.0  | 6.2        |            |         |
| 251 | 0104023 | 022210000596 | ĐỖ THIÊN MINH ĐĂNG   | 25/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.25         | 8.6    | 8.5  | 6.3        |            |         |
| 252 | 0104024 | 022210011410 | PHẠM HOÀNG HẢI ĐĂNG  | 27/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 5.75         | 6.6    | 8.0  | 3.8        |            |         |
| 253 | 0104025 | 022210004614 | NGUYỄN MINH ĐỨC      | 29/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 8.8    | 8.5  | 6.7        |            |         |
| 254 | 0104026 | 022310005594 | NGUYỄN NGÂN GIANG    | 07/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.5          | 9.0    | 8.5  | 5.0        |            |         |
| 255 | 0104027 | 022310006146 | ĐẶNG NHẬT HÀ         | 08/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 9.4    | 8.5  | 5.15       |            |         |
| 256 | 0104028 | 040210005634 | NGUYỄN HOÀNG HẢI     | 13/01/2010 | Nghệ An         | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.5          | 7.0    | 7.0  | 2.9        |            |         |
| 257 | 0104029 | 022210002546 | ĐỖ THANH HẢI         | 20/09/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.5          | 8.0    | 8.75 | 5.5        |            |         |
| 258 | 0104030 | 022210011267 | TRẦN MẠNH HẢI        | 27/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.75         | 9.4    | 8.0  | 5.55       |            |         |
| 259 | 0104031 | 022210007778 | NGUYỄN MANH HÙNG     | 19/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 5.5          | 8.8    | 7.75 | 2.25       |            |         |
| 260 | 0104032 | 037210007715 | ĐÌNH GIA HUY         | 30/04/2010 | Ninh Bình       | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                 | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.75         | 7.2    | 8.75 | 4.65       |            |         |
| 261 | 0104033 | 022210007728 | ĐOÀN GIA HUY         | 05/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 5.75         | 6.2    | 9.0  | 6.15       |            |         |
| 262 | 0104034 | 022310005777 | CHU THANH HUYỀN      | 24/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.0    | 8.25 | 5.9        |            |         |
| 263 | 0104035 | 022310010963 | LƯU THU HƯƠNG        | 07/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.75         | 9.4    | 8.25 | 5.65       |            |         |
| 264 | 0104036 | 022210000576 | LÊ NGUYỄN KHANG      | 02/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long     | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.0          | 10.0   | 8.25 | 6.45       |            |         |
| 265 | 0104037 | 022210003804 | TRẦN GIA KHANG       | 10/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thị trấn Bình Liêu       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.5          | 7.8    | 7.25 | 7.0        |            |         |
| 266 | 0104038 | 017210001549 | ĐÌNH LÊ ĐĂNG KHOA    | 28/10/2010 | Hòa Bình        | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 5.5          | 8.8    | 8.5  | 6.7        |            |         |
| 267 | 0104039 | 022210011829 | TRẦN ANH KHOA        | 17/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 9.2    | 9.0  | 6.5        |            |         |
| 268 | 0104040 | 022210007392 | LŨƠNG TUẤN KHÔI      | 04/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 8.6    | 8.5  | 5.5        |            |         |
| 269 | 0104041 | 022210007070 | PHẠM ĐÌNH DUY KHÔI   | 13/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trong Diễm               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.75         | 8.6    | 7.0  | 6.45       |            |         |
| 270 | 0104042 | 022210010452 | ĐƯƠNG HOÀNG LÂM      | 04/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An               | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.25         | 9.8    | 8.25 | 8.35       |            |         |
| 271 | 0104043 | 022210003513 | LÊ QUANG LIÊM        | 11/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                 | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.5          | 8.0    | 7.75 | 5.6        |            |         |
| 272 | 0104044 | 022310011561 | LŨƠNG NGUYỄN HÀ LINH | 25/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.25         | 9.0    | 8.5  | 5.4        |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                       |            |                 |           |                  |                                           |           |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 273 | 0104045 | 040310014843 | NGUYỄN HÀ LINH        | 05/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Tử Long                          | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.25         | 9.0    | 8.5  | 6.1        |            |         |
| 274 | 0104046 | 022310008330 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH    | 23/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                         | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 9.0          | 9.2    | 8.0  | 5.25       |            |         |
| 275 | 0104047 | 022310005714 | TỬ GIA LINH           | 18/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 8.8    | 8.25 | 5.7        |            |         |
| 276 | 0104048 | 022310001263 | HOÀNG THANH MAI       | 20/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                          | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 8.6    | 9.0  | 6.8        |            |         |
| 277 | 0104049 | 022210003082 | ĐOÀN TẮT MANH         | 23/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.4    | 8.5  | 5.1        |            |         |
| 278 | 0104050 | 027210000577 | ĐẶNG QUANG MINH       | 11/10/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 8.2    | 8.0  | 5.7        |            |         |
| 279 | 0104051 | 022210004736 | NGUYỄN HIẾU MINH      | 03/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.25         | 9.4    | 8.0  | 3.6        |            |         |
| 280 | 0104052 | 022210002259 | PHẠM QUANG MINH       | 24/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | Hóa                | Sinh               | 4.75         | 8.4    | 7.75 | 5.75       | 1.75       |         |
| 281 | 0104053 | 022210006452 | BÙI PHAN BẢO NAM      | 08/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.0          | 9.0    | 8.75 | 6.5        |            |         |
| 282 | 0104054 | 034210008404 | ĐÀO HẢI NAM           | 09/06/2010 | Thái Bình       | Nam       |                  | THCS Hà Tu                                | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.25         | 8.4    | 9.0  | 6.8        |            |         |
| 283 | 0104055 | 001210052188 | NGUYỄN BẢO NAM        | 30/06/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 9.2    | 8.75 | 6.75       |            |         |
| 284 | 0104056 | 022310010403 | NGUYỄN BẢO NGÂN       | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành                            | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.4    | 8.0  | 4.1        |            |         |
| 285 | 0104057 | 022210006033 | NGUYỄN MINH NGOC      | 04/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 9.4    | 8.5  | 6.25       |            |         |
| 286 | 0104058 | 022310002493 | NGUYỄN PHƯƠNG NGOC    | 11/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Móng Dương                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 9.2    | 8.0  | 5.55       |            |         |
| 287 | 0104059 | 022310010200 | TRẦN HOÀNG THẢO NHI   | 10/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.5          | 9.2    | 8.0  | 4.1        |            |         |
| 288 | 0104060 | 022210006769 | NGUYỄN ĐỨC PHONG      | 29/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 8.0    | 9.0  | 7.75       |            |         |
| 289 | 0104061 | 022210001191 | NGUYỄN TRẦN HỒNG PHÚC | 03/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 5.75         | 8.2    | 7.25 | 2.3        |            |         |
| 290 | 0104062 | 038210006494 | PHẠM MINH QUÂN        | 28/08/2010 | Thanh Hóa       | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 9.0    | 8.0  | 3.75       |            |         |
| 291 | 0104063 | 024310003095 | NGÔ HÀ DIỄM QUỲNH     | 24/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.75         | 8.0    | 8.75 | 2.9        |            |         |
| 292 | 0104064 | 022210001462 | GIANG THÁI SƠN        | 27/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế                            | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.0    | 8.0  | 6.45       |            |         |
| 293 | 0104065 | 022210004568 | LƯƠNG THẾ SƠN         | 21/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Hải Đông              | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 9.2    | 6.5  | 3.6        |            |         |
| 294 | 0104066 | 030310014163 | LÊ MINH TÂM           | 08/06/2010 | Hải Dương       | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.5          | 8.0    | 6.75 | 1.85       |            |         |
| 295 | 0104067 | 022210008243 | NGUYỄN MINH THÀNH     | 29/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 8.8    | 8.0  | 6.3        |            |         |
| 296 | 0104068 | 022310001954 | NGUYỄN HƯƠNG THAO     | 12/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.5          | 7.2    | 6.75 | 1.55       |            |         |
| 297 | 0104069 | 022310000978 | NGUYỄN VŨ THU THẢO    | 30/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 10.0   | 7.5  | 4.75       |            |         |
| 298 | 0104070 | 022210012566 | PHẠM TIẾN THỊNH       | 04/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng                    | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 9.0    | 8.5  | 6.15       |            |         |
| 299 | 0104071 | 022310002423 | HOÀNG THU THUY        | 16/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 5.5          | 8.8    | 7.25 | 5.65       |            |         |
| 300 | 0104072 | 022310011964 | NGUYỄN HẠNH THỨ       | 19/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.4    | 8.25 | 5.55       |            |         |
| 301 | 0104073 | 022210000471 | TRẦN KHÁNH TOÀN       | 18/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 7.2    | 8.0  | 5.05       |            |         |
| 302 | 0104074 | 022210010271 | PHẠM ANH TUÂN         | 16/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.0          | 9.2    | 9.25 | 6.9        |            |         |
| 303 | 0104075 | 022210012050 | NGUYỄN ANH TUÂN       | 14/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 7.75         | 9.6    | 9.0  | 3.35       |            |         |
| 304 | 0104076 | 022210003998 | PHẠM VŨ MINH TUÂN     | 15/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 7.4    | 8.5  | 3.15       |            |         |
| 305 | 0104077 | 022210002961 | BÙI ĐỨC TÙNG          | 18/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 7.4    | 7.0  | 4.65       |            |         |
| 306 | 0104078 | 022210009743 | MAI SƠN TÙNG          | 30/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.25         | 10.0   | 9.0  | 4.45       |            |         |
| 307 | 0104079 | 022210000721 | PHẠM HỮU VINH         | 02/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.0          | 8.6    | 8.25 | 3.85       |            |         |
| 308 | 0104080 | 022210006211 | TRẦN HOÀNG VŨ         | 19/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 8.25         | 9.2    | 9.0  | 7.7        |            |         |
| 309 | 0104081 | 022310011776 | LÊ TRẦN TƯỜNG VY      | 17/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tây              | THCS Thị trấn Bình Liêu                   | Tiếng Anh | Hóa                |                    | 6.75         | 9.2    | 8.25 | 6.3        |            |         |
| 310 | 0105001 | 022210011519 | HOÀNG VIỆT ANH        | 23/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.25         | 8.6    | 7.75 | 4.25       |            |         |
| 311 | 0105002 | 022310000490 | LÊ VŨ HẢI ANH         | 27/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 6.0          | 8.8    | 8.0  | 3.5        |            |         |
| 312 | 0105003 | 022310007706 | NGUYỄN CHÂU ANH       | 02/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.0          | 9.4    | 8.25 | 5.5        |            |         |
| 313 | 0105004 | 022310010677 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | 30/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.25         | 8.6    | 8.25 | 5.5        |            |         |
| 314 | 0105005 | 022310010560 | NGUYỄN TƯỜNG ANH      | 23/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               | Tiếng Anh          | 7.75         | 10.0   | 9.0  | 7.0        | 7.1        |         |
| 315 | 0105006 | 022310002645 | PHẠM HẢI NGỌC ANH     | 30/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Móng Dương                           | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.5          | 8.6    | 7.5  | 4.0        |            |         |
| 316 | 0105007 | 022310002706 | PHẠM NGUYỄN MINH CHÂU | 20/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 8.0          | 7.8    | 7.75 | 3.75       |            |         |
| 317 | 0105008 | 022310009435 | PHẠM QUỲNH CHI        | 16/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tây              | Trường THCS và THPT Tiên Yên              | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.0          | 6.4    | 7.75 | 3.25       |            |         |
| 318 | 0105009 | 022210012648 | ĐỖ HOÀNG CHIẾN        | 08/01/2010 | Nam Định        | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.25         | 9.2    | 8.0  | 6.25       |            |         |
| 319 | 0105010 | 022210001536 | ĐOÀN TIẾN ĐẠT         | 11/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.75         | 8.8    | 8.0  | 6.5        |            |         |
| 320 | 0105011 | 022210006083 | NGUYỄN ĐỨC ĐẠT        | 13/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                               | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.25         | 8.6    | 6.75 | 6.0        |            |         |
| 321 | 0105012 | 022210001052 | BÙI MINH ĐỨC          | 23/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Sinh               | Tiếng Anh          | 8.0          | 9.0    | 6.75 | 1.25       | 4.4        |         |
| 322 | 0105013 | 022310001107 | ĐỖ THANH HẢI          | 20/09/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               | Tiếng Anh          | 8.25         | 9.0    | 9.0  | 7.0        | 2.7        |         |
| 323 | 0105014 | 022310009143 | LƯƠNG MINH HẢI        | 17/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 8.25         | 8.8    | 8.75 | 5.75       |            |         |
| 324 | 0105015 | 022310000217 | NGUYỄN THANH HẢI      | 07/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.25         | 8.6    | 7.75 | 1.5        |            |         |
| 325 | 0105016 | 022310007732 | NGUYỄN THỊ NGỌC HẢI   | 06/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.5          | 5.4    | 7.5  | 2.0        |            |         |
| 326 | 0105017 | 022310006791 | NGUYỄN NGỌC HẠNH      | 19/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 6.75         | 5.4    | 5.0  | 1.0        |            |         |
| 327 | 0105018 | 022310007859 | TRẦN GIA HÂN          | 25/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Sinh               |                    | 7.25         | 8.8    | 8.5  | 3.75       |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ                    | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú                  |
|-----|---------|--------------|--------------------|-----------|------------|-------------|------------------|-------------------------------------------|------------------------------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|--------------------------|
|     |         |              |                    |           |            |             |                  |                                           |                              |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |                          |
| 328 | 0105019 | 022210001591 | CAO ĐỨC            | HUY       | 08/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.0          | 8.4   | 7.75 | 3.25       |            |                          |
| 329 | 0105020 | 022210005890 | PHAM QUANG         | HUY       | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trong Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 6.0          | 10.0  | 8.5  | 7.25       |            |                          |
| 330 | 0105021 | 022210001501 | NGUYỄN DUY         | HƯƠNG     | 10/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 8.2   | 7.5  | 3.5        |            |                          |
| 331 | 0105022 | 022310010273 | ĐÀO BẢO            | KHÁNH     | 13/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.25         | 9.6   | 8.5  | 6.25       |            |                          |
| 332 | 0105023 | 022210007931 | ĐẶNG GIA           | KHÁNH     | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 5.5          | 8.0   | 7.75 | 6.75       |            |                          |
| 333 | 0105024 | 022210009494 | LƯƠNG QUỐC         | KHÁNH     | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trong Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.0          | 9.6   | 9.0  | 7.0        |            |                          |
| 334 | 0105025 | 022310006802 | NGUYỄN NGỌC NGÂN   | KHÁNH     | 01/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trong Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.75         | 9.6   | 8.5  | 6.0        |            |                          |
| 335 | 0105026 | 022210004065 | PHẠM TRỌNG         | KHÁNH     | 29/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trong Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               | Tiếng Anh          | 7.5          | 9.8   | 8.25 | 4.25       |            | Môn chuyên NV2: Vắng thi |
| 336 | 0105027 | 022210011283 | NGUYỄN ĐỨC         | LÂM       | 05/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 5.75         | 5.6   | 7.25 | 3.5        |            |                          |
| 337 | 0105028 | 022210009218 | LÊ TÔN             | LÊ        | 08/03/2010 | Quảng Ninh. | Nam              | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 9.2   | 9.25 | 7.0        |            |                          |
| 338 | 0105029 | 022310001329 | BÙI VŨ THÙY        | LINH      | 11/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Minh Thành                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 6.75         | 6.2   | 8.0  | 4.25       |            |                          |
| 339 | 0105030 | 030310006581 | NGUYỄN HẢI         | LINH      | 08/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Phương Đông                          | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.0          | 9.2   | 8.75 | 6.5        |            |                          |
| 340 | 0105031 | 022310010239 | NGUYỄN THỊ KHÁNH   | LINH      | 03/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.25         | 8.0   | 7.75 | 3.5        |            |                          |
| 341 | 0105032 | 022310003650 | ĐƯƠNG ANH          | MAI       | 15/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trong Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 9.0   | 8.0  | 3.25       |            |                          |
| 342 | 0105033 | 022210000246 | HOÀNG              | MINH      | 08/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 8.4   | 6.5  | 2.25       |            |                          |
| 343 | 0105034 | 034210000152 | NGUYỄN NHẬT        | MINH      | 10/02/2010 | Thái Bình   | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.5          | 9.6   | 8.5  | 5.5        |            |                          |
| 344 | 0105035 | 022210004204 | NGUYỄN QUANG       | MINH      | 30/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 5.75         | 7.2   | 8.75 | 6.75       |            |                          |
| 345 | 0105036 | 022210008286 | NGUYỄN TUÂN        | MINH      | 18/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 5.75         | 8.2   | 8.25 | 3.25       |            |                          |
| 346 | 0105037 | 022210004868 | VŨ QUANG           | MINH      | 23/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh                    | Sinh               | Tiếng Anh          | 4.5          | 9.8   | 8.0  | 2.5        | 4.7        |                          |
| 347 | 0105038 | 022310003822 | ĐỖ THẢO            | MY        | 15/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cửa Ông                              | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 8.8   | 8.0  | 5.0        |            |                          |
| 348 | 0105039 | 022310006381 | LÊ HUYỀN           | MY        | 16/01/2010 | Hà Nội      | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.25         | 10.0  | 9.0  | 7.25       |            |                          |
| 349 | 0105040 | 022310000352 | VŨ HÀ              | MY        | 17/07/2010 | Hải Phòng   | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 7.2   | 7.0  | 3.5        |            |                          |
| 350 | 0105041 | 022210011506 | NGUYỄN HẢI         | NAM       | 20/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 6.5          | 7.4   | 7.0  | 3.0        |            |                          |
| 351 | 0105042 | 022310010024 | LƯƠNG KHÁNH        | NGOC      | 02/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS và THPT Tiên Yên              | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 4.5          | 8.6   | 7.0  | 5.75       |            |                          |
| 352 | 0105043 | 022310005873 | TRẦN BẢO           | NGOC      | 06/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.5          | 9.2   | 8.75 | 2.5        |            |                          |
| 353 | 0105044 | 022310001393 | CHU THẢO           | NGUYỄN    | 31/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.75         | 8.4   | 7.75 | 3.0        |            |                          |
| 354 | 0105045 | 022210000542 | PHẠM KHÁNH         | NGUYỄN    | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.75         | 9.2   | 8.0  | 4.75       |            |                          |
| 355 | 0105046 | 022310009950 | LÝ THỊ MINH        | NGUYỆT    | 12/11/2010 | Quảng ninh  | Nữ               | Sán Diu                                   | Trường THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh          | Sinh               | Ngữ Văn      | 7.25  | 9.2  | 8.5        | 4.5        | 6.0                      |
| 356 | 0105047 | 022310002620 | NGUYỄN NGỌC        | NHI       | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 6.5          | 6.4   | 4.5  | 1.5        |            |                          |
| 357 | 0105048 | 038310007316 | VŨ NGUYỄN NGỌC     | NHI       | 08/09/2010 | Thanh Hoá   | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.75         | 8.2   | 7.0  | 1.75       |            |                          |
| 358 | 0105049 | 022310011031 | PHÍ HỒNG           | NHUNG     | 05/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.25         | 8.4   | 7.5  | 3.25       |            |                          |
| 359 | 0105050 | 022310006077 | PHẠM NGỌC GIA      | NHƯ       | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 8.5          | 9.6   | 9.0  | 8.5        |            |                          |
| 360 | 0105051 | 040210005879 | NGUYỄN VĂN ĐẠI     | PHONG     | 17/01/2010 | Nghệ An     | Nam              | THCS Móng Dương                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.0          | 9.0   | 8.25 | 4.25       |            |                          |
| 361 | 0105052 | 022210000605 | NGUYỄN TÂN         | SANG      | 09/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 8.0   | 8.5  | 6.75       |            |                          |
| 362 | 0105053 | 022310006582 | NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG | THẢO      | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS Cao Xanh                      | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 5.25         | 6.0   | 6.75 | 3.25       |            |                          |
| 363 | 0105054 | 022310009004 | VŨ HOÀNG ANH       | THƯ       | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               | Ngữ Văn            | 7.75         | 9.6   | 7.75 | 6.25       | 3.75       |                          |
| 364 | 0105055 | 022310006779 | NGUYỄN TRẦN HUYỀN  | TRANG     | 19/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 7.4   | 6.5  | 1.75       |            |                          |
| 365 | 0105056 | 022310005877 | PHẠM THỊ KHÁNH     | TRANG     | 17/03/2010 | Thái Bình   | Nữ               | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Sinh               | Tiếng Anh          | 7.25         | 9.4   | 6.75 | 4.25       | 3.4        |                          |
| 366 | 0105057 | 022210008338 | NGUYỄN MINH        | TRÍ       | 17/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Minh Thành                           | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 5.5          | 6.2   | 7.5  | 5.0        |            |                          |
| 367 | 0105058 | 022210002977 | HÀ XUÂN            | TÙNG      | 21/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.5          | 9.2   | 9.0  | 6.0        |            |                          |
| 368 | 0105059 | 022210005977 | TRẦN PHONG         | VŨ        | 13/11/2010 | Hà Nội      | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh                    | Sinh               |                    | 7.0          | 8.8   | 7.75 | 4.5        |            |                          |
| 369 | 0106001 | 022310012627 | VŨ DIỆU            | AN        | 09/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 9.0   | 6.5  | 5.75       |            |                          |
| 370 | 0106002 | 022310005108 | CHU LÂM TÂY        | ANH       | 30/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 8.8   | 6.0  | 6.0        |            |                          |
| 371 | 0106003 | 022310011293 | ĐOÀN MAI           | ANH       | 23/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Minh Thành                           | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 6.25         | 8.2   | 6.75 | 6.0        |            |                          |
| 372 | 0106004 | 022310010748 | HOÀNG PHƯƠNG       | ANH       | 21/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 8.4   | 7.0  | 5.75       |            |                          |
| 373 | 0106005 | 022310010540 | LÊ NGỌC PHƯƠNG     | ANH       | 05/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 8.0   | 8.5  | 4.0        |            |                          |
| 374 | 0106006 | 022310001888 | LƯU HOÀNG BẢO      | ANH       | 10/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.6   | 8.75 | 5.25       |            |                          |
| 375 | 0106007 | 022310001015 | NGUYỄN BÙI MỸ      | ANH       | 08/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.0   | 6.75 | 6.5        |            |                          |
| 376 | 0106008 | 022310002004 | NGUYỄN HÀ          | ANH       | 13/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 9.8   | 8.0  | 4.75       |            |                          |
| 377 | 0106009 | 022310005769 | NGUYỄN HẢI         | ANH       | 11/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.2   | 7.25 | 5.0        |            |                          |
| 378 | 0106010 | 022310001057 | NGUYỄN NGỌC BẢO    | ANH       | 11/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.2   | 8.0  | 5.5        |            |                          |
| 379 | 0106011 | 022310010899 | NGUYỄN PHẠM QUỲNH  | ANH       | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 6.0   | 6.0  | 4.75       |            |                          |
| 380 | 0106012 | 027310000332 | NGUYỄN QUỲNH       | ANH       | 05/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Quang Hanh                           | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.0   | 6.5  | 6.5        |            |                          |
| 381 | 0106013 | 022310008185 | NGUYỄN THẢO HÀ     | ANH       | 07/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Diễm                           | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 8.4   | 6.75 | 1.25       |            |                          |
| 382 | 0106014 | 022310003929 | NGUYỄN THỊ QUỲNH   | ANH       | 24/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh                    | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 8.8   | 4.25 | 3.0        |            |                          |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                   |           |            |           |                  |                                                       |           |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 383 | 0106015 | 022310011607 | PHẠM MAI          | ANH       | 11/03/2010 | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                                        | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.6    | 7.5  | 5.5        |            |         |
| 384 | 0106016 | 022310002669 | PHẠM NGỌC         | ANH       | 26/03/2010 | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 9.0    | 7.5  | 5.25       |            |         |
| 385 | 0106017 | 034310001227 | PHẠM QUỲNH        | ANH       | 08/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 9.0          | 9.0    | 7.5  | 5.25       |            |         |
| 386 | 0106018 | 022310009971 | TRẦN PHƯƠNG       | ANH       | 17/02/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.2    | 7.5  | 5.5        |            |         |
| 387 | 0106019 | 022310011091 | VŨ TUỆ            | ANH       | 27/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 9.6    | 8.5  | 6.5        |            |         |
| 388 | 0106020 | 022310003272 | PHẠM THU          | BẢO       | 20/10/2010 | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.6    | 7.0  | 4.25       |            |         |
| 389 | 0106021 | 022310005989 | NGUYỄN KHÁNH      | BẮNG      | 29/11/2010 | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.75         | 9.0    | 8.0  | 5.75       |            |         |
| 390 | 0106022 | 022310011969 | ĐÌNH TRẦN NGỌC    | BÍCH      | 06/07/2010 | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.75         | 7.0    | 7.75 | 4.75       |            |         |
| 391 | 0106023 | 022310009140 | VŨ DƯƠNG TIỂU     | CẨM       | 16/03/2010 | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 8.8    | 7.75 | 4.25       |            |         |
| 392 | 0106024 | 036310011272 | ĐÌNH THỊ BẢO      | CHÂU      | 01/11/2010 | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.2    | 8.25 | 5.5        |            |         |
| 393 | 0106025 | 022310007537 | LÊ VŨ BẢO         | CHÂU      | 06/08/2010 | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            | Địa lý             | 7.0          | 8.0    | 6.5  | 6.0        | 4.25       |         |
| 394 | 0106026 | 022310003453 | PHẠM MINH         | CHÂU      | 08/07/2010 | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 8.4    | 7.5  | 6.5        |            |         |
| 395 | 0106027 | 022310011397 | VŨ BẢO            | CHÂU      | 07/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.8    | 8.0  | 6.75       |            |         |
| 396 | 0106028 | 022310008772 | ĐƯƠNG YẾN         | CHI       | 12/05/2010 | Nữ        | Sân Chay         | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            | Địa lý             | 7.25         | 8.2    | 8.75 | 5.5        | 2.75       |         |
| 397 | 0106029 | 022310000582 | LÊ NGUYỄN BẢO     | CHI       | 04/08/2010 | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 7.2    | 7.5  | 4.75       |            |         |
| 398 | 0106030 | 022310002993 | NGUYỄN KHÁNH      | CHI       | 23/07/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 9.8    | 8.0  | 7.5        |            |         |
| 399 | 0106031 | 022310001194 | NGUYỄN UYÊN       | CHI       | 29/04/2010 | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 6.2    | 6.0  | 7.0        |            |         |
| 400 | 0106032 | 022310004136 | PHẠM KHÁNH        | CHI       | 06/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 7.6    | 5.0  | 5.25       |            |         |
| 401 | 0106033 | 031310009856 | PHẠM THỊ KIM      | CHI       | 19/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 8.6    | 8.5  | 6.0        |            |         |
| 402 | 0106034 | 022310004545 | NÔNG THỊ YẾN      | DẦN       | 18/02/2010 | Nữ        | Tây              | THCS Thị trấn Bình Liêu                               | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.4    | 8.25 | 7.0        |            |         |
| 403 | 0106035 | 022310006661 | PHẠM NGỌC         | DIỆP      | 08/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.75         | 9.0    | 8.0  | 7.0        |            |         |
| 404 | 0106036 | 022310005624 | ĐẶNG THỊ HOÀNG    | DƯƠNG     | 29/03/2010 | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 7.6    | 7.75 | 4.5        |            |         |
| 405 | 0106037 | 022310006841 | LƯƠNG THỦY        | DƯƠNG     | 06/04/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.6    | 7.75 | 5.25       |            |         |
| 406 | 0106038 | 022310010078 | NGUYỄN MAI        | DƯƠNG     | 29/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            | Địa lý             | 8.0          | 9.8    | 8.5  | 5.25       | 7.25       |         |
| 407 | 0106039 | 022310008167 | PHẠM THỊ THÙY     | DƯƠNG     | 27/09/2010 | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.0    | 8.0  | 7.0        |            |         |
| 408 | 0106040 | 022310009717 | VŨ HOÀNG ANH      | DƯƠNG     | 28/07/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.2    | 8.5  | 7.25       |            |         |
| 409 | 0106041 | 036310017004 | VŨ PHƯƠNG         | ĐÀN       | 09/03/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 10.0   | 9.0  | 6.0        |            |         |
| 410 | 0106042 | 022310001582 | HÀ HƯƠNG          | GIANG     | 09/12/2010 | Nữ        | Hoa              | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 6.4    | 6.75 | 5.25       |            |         |
| 411 | 0106043 | 022310001462 | LÊ THỊ LINH       | GIANG     | 30/09/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.4    | 8.0  | 4.5        |            |         |
| 412 | 0106044 | 022310009529 | LƯƠNG HƯƠNG       | GIANG     | 06/04/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.75         | 9.4    | 7.75 | 5.75       |            |         |
| 413 | 0106045 | 022310010004 | NGUYỄN HƯƠNG      | GIANG     | 28/11/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.4    | 7.75 | 6.0        |            |         |
| 414 | 0106046 | 022310008705 | NGUYỄN HƯƠNG      | GIANG     | 15/11/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            | Địa lý             | 7.0          | 10.0   | 8.75 | 7.0        | 7.5        |         |
| 415 | 0106047 | 022310009022 | PHẠM HÀ           | GIANG     | 01/03/2010 | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 9.4    | 7.0  | 5.75       |            |         |
| 416 | 0106048 | 022310000411 | TRINH HÀ          | GIANG     | 23/11/2010 | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 9.0          | 9.4    | 9.0  | 5.5        |            |         |
| 417 | 0106049 | 022310006605 | LÊ HOÀNG          | HÀ        | 08/08/2010 | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                                      | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.4    | 8.25 | 6.25       |            |         |
| 418 | 0106050 | 022310010027 | PHẠM NGỌC         | HÀ        | 03/12/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.8    | 7.75 | 6.75       |            |         |
| 419 | 0106051 | 022310009730 | TRẦN MAI          | HÀ        | 24/06/2010 | Nữ        |                  | THCS Trới                                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 9.0    | 7.75 | 5.5        |            |         |
| 420 | 0106052 | 022310006421 | TRẦN TRÚC         | HÀ        | 05/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.2    | 8.5  | 6.25       |            |         |
| 421 | 0106053 | 022310004965 | ĐỖ THANH          | HĂNG      | 28/05/2010 | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                                      | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 9.0    | 6.25 | 5.25       |            |         |
| 422 | 0106054 | 022310001141 | LÊ GIA            | HÂN       | 16/07/2010 | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 9.2    | 8.25 | 5.75       |            |         |
| 423 | 0106055 | 022310004947 | LÊ GIA            | HÂN       | 07/12/2010 | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.6    | 7.25 | 6.0        |            |         |
| 424 | 0106056 | 022310005310 | LÊ NGỌC           | HÂN       | 26/01/2010 | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.75         | 8.8    | 8.0  | 6.0        |            |         |
| 425 | 0106057 | 022310009872 | NGUYỄN GIA        | HÂN       | 15/12/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.4    | 7.5  | 6.0        |            |         |
| 426 | 0106058 | 022310004898 | PHẠM GIA          | HÂN       | 20/08/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 9.2    | 8.5  | 6.75       |            |         |
| 427 | 0106059 | 022210008584 | TRẦN ĐÌNH         | HOÀN      | 04/06/2010 | Nam       |                  | THCS Hà Tu                                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.0    | 9.0  | 7.25       |            |         |
| 428 | 0106060 | 022210008138 | NGUYỄN GIA        | HUY       | 15/08/2010 | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 8.4    | 8.0  | 5.0        |            |         |
| 429 | 0106061 | 022310002505 | ĐƯƠNG KHÁNH       | HUYỀN     | 01/06/2010 | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.6    | 7.25 | 6.0        |            |         |
| 430 | 0106062 | 022210000126 | TRINH NGUYỄN TUẤN | HÙNG      | 19/12/2010 | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 8.2    | 5.25 | 5.0        |            |         |
| 431 | 0106063 | 022310000650 | LÊ THU            | HƯƠNG     | 03/07/2010 | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                                        | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 7.0    | 6.75 | 4.5        |            |         |
| 432 | 0106064 | 022310005054 | VŨ LINH           | HƯƠNG     | 11/10/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 9.0    | 7.0  | 5.5        |            |         |
| 433 | 0106065 | 022310004561 | NGUYỄN KIM        | KHÁNH     | 27/08/2010 | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.2    | 8.5  | 4.5        |            |         |
| 434 | 0106066 | 022310011134 | NGÔ MAI           | KHUÊ      | 20/07/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.75         | 9.6    | 9.0  | 7.75       |            |         |
| 435 | 0106067 | 022310007104 | LÊ THỊ GIANG      | LAM       | 19/03/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 7.6    | 7.0  | 4.5        |            |         |
| 436 | 0106068 | 022310005129 | NGUYỄN TƯỜNG      | LAM       | 08/08/2010 | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 7.4    | 8.0  | 5.25       |            |         |
| 437 | 0106069 | 022310009023 | MAI TUỆ           | LÂM       | 13/09/2010 | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 8.4    | 8.0  | 6.0        |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                   |           |            |            |                  |                                           |           |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 438 | 0106070 | 022310002474 | NGUYỄN MỸ TÙNG    | LÂM       | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.75         | 7.2   | 7.75 | 5.75       |            |         |
| 439 | 0106071 | 022210011866 | TRẦN NGỌC         | LÂM       | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 8.4   | 7.5  | 4.5        |            |         |
| 440 | 0106072 | 022310001863 | TRẦN THANH        | LÂM       | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 10.0  | 8.75 | 7.25       |            |         |
| 441 | 0106073 | 022310012059 | ĐẶNG HÀ LINH      | LINH      | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.2   | 7.75 | 7.25       |            |         |
| 442 | 0106074 | 022310008784 | ĐẶNG PHƯƠNG       | LINH      | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 8.6   | 7.75 | 6.25       |            |         |
| 443 | 0106075 | 022310005323 | ĐỖ ANH            | LINH      | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.2   | 7.0  | 5.25       |            |         |
| 444 | 0106076 | 022310007247 | LÊ HỒNG           | LINH      | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            | Địa lý             | 8.25         | 8.0   | 8.0  | 5.5        | 3.0        |         |
| 445 | 0106077 | 022310005719 | LÊ NGUYỄN MAI     | LINH      | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 8.2   | 7.75 | 7.0        |            |         |
| 446 | 0106078 | 022310006502 | LÊ YẾN            | LINH      | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.8   | 8.25 | 5.75       |            |         |
| 447 | 0106079 | 022310007688 | NGO NGUYỄN HÀ     | LINH      | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 7.2   | 8.0  | 5.25       |            |         |
| 448 | 0106080 | 022310011811 | NGUYỄN ĐIỀU       | LINH      | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                     | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 7.0   | 7.75 | 5.5        |            |         |
| 449 | 0106081 | 022310001679 | NGUYỄN ĐIỀU HOÀNG | LINH      | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 8.0   | 6.5  | 5.5        |            |         |
| 450 | 0106082 | 022310002085 | NGUYỄN PHƯƠNG     | LINH      | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.4   | 6.75 | 5.5        |            |         |
| 451 | 0106083 | 022310011875 | NGUYỄN THÁI       | LINH      | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.2   | 8.0  | 6.0        |            |         |
| 452 | 0106084 | 033310004335 | NGUYỄN TRANG      | LINH      | 29/06/2010 | Hưng Yên   | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 8.6   | 8.25 | 6.25       |            |         |
| 453 | 0106085 | 022310009631 | PHẠM KHÁNH        | LINH      | 11/01/2010 | Bình Dương | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 9.0   | 7.5  | 6.0        |            |         |
| 454 | 0106086 | 022310003112 | PHẠM TÙNG         | LINH      | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.75         | 6.6   | 6.25 | 4.5        |            |         |
| 455 | 0106087 | 022310002163 | PHÙNG TỬ          | LINH      | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông     | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 6.25         | 8.4   | 5.0  | 4.0        |            |         |
| 456 | 0106088 | 022310004353 | TRỊNH GIA         | LINH      | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 8.8   | 7.5  | 5.75       |            |         |
| 457 | 0106089 | 022310005855 | VŨ HOÀNG          | LINH      | 21/05/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 8.2   | 5.75 | 6.25       |            |         |
| 458 | 0106090 | 022310010464 | VŨ NGUYỄN PHƯƠNG  | LINH      | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 8.0   | 6.75 | 6.0        |            |         |
| 459 | 0106091 | 022310012618 | NGUYỄN TÂM        | LOAN      | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Đông Xá                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 7.8   | 6.5  | 6.0        |            |         |
| 460 | 0106092 | 022310002647 | ĐINH KHÁNH        | LY        | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sán Diu                                   | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.0   | 7.75 | 6.5        |            |         |
| 461 | 0106093 | 030310014360 | HÀ NGỌC           | MAI       | 12/07/2010 | Hải Dương  | Nữ               | TH&THCS Minh Khai                         | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 9.0          | 8.2   | 7.75 | 7.0        |            |         |
| 462 | 0106094 | 022310008439 | HOÀNG NGỌC PHƯƠNG | MAI       | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.6   | 7.5  | 7.0        |            |         |
| 463 | 0106095 | 022310007064 | LƯU QUỲNH         | MAI       | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Thịnh                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.8   | 8.5  | 6.25       |            |         |
| 464 | 0106096 | 022310008955 | BÙI NGỌC          | MINH      | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 8.6   | 8.25 | 6.25       |            |         |
| 465 | 0106097 | 022310007558 | BÙI NGỌC          | MINH      | 22/09/2010 | Hải Dương  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            | Địa lý             | 8.0          | 9.2   | 8.75 | 6.5        | 4.5        |         |
| 466 | 0106098 | 031310009666 | NGUYỄN NGỌC       | MINH      | 14/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.4   | 8.75 | 5.5        |            |         |
| 467 | 0106099 | 022310005578 | BÙI ĐIỂM          | MY        | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 8.4   | 8.0  | 5.5        |            |         |
| 468 | 0106100 | 022310008477 | NGUYỄN HAI        | MY        | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Thịnh                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.4   | 8.75 | 5.5        |            |         |
| 469 | 0106101 | 022310011725 | NGUYỄN HUYỀN      | MY        | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông     | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 6.2   | 5.75 | 4.5        |            |         |
| 470 | 0106102 | 022310001763 | NGUYỄN TRÁ        | MY        | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.4   | 8.25 | 3.75       |            |         |
| 471 | 0106103 | 022310007754 | ĐÀM KIM           | NGÂN      | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 5.5          | 7.4   | 4.5  | 3.75       |            |         |
| 472 | 0106104 | 022310003920 | ĐẶNG BẢO          | NGÂN      | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.4   | 7.75 | 5.5        |            |         |
| 473 | 0106105 | 001310002146 | BÙI THẢO          | NGOC      | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 9.4   | 6.25 | 5.5        |            |         |
| 474 | 0106106 | 022310004776 | NGUYỄN KHÁNH      | NGOC      | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 7.6   | 6.5  | 5.75       |            |         |
| 475 | 0106107 | 022310006300 | NGUYỄN THỊ BÍCH   | NGOC      | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 8.4   | 5.5  | 6.25       |            |         |
| 476 | 0106108 | 022310009920 | TẶNG BẢO          | NGOC      | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.0   | 8.25 | 6.75       |            |         |
| 477 | 0106109 | 022310003572 | VI BẢO            | NGOC      | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 8.0   | 7.0  | 6.0        |            |         |
| 478 | 0106110 | 022310009228 | NGUYỄN THỊ THẢO   | NGUYỄN    | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.2   | 8.5  | 6.0        |            |         |
| 479 | 0106111 | 022310003457 | ĐỖ YẾN            | NHI       | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 5.75         | 5.6   | 7.5  | 4.75       |            |         |
| 480 | 0106112 | 022310011035 | NGUYỄN NGUYỆT ĐAN | NHI       | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.2   | 8.25 | 6.25       |            |         |
| 481 | 0106113 | 022310004065 | TRẦN BẢO          | NHI       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 9.0   | 7.75 | 5.0        |            |         |
| 482 | 0106114 | 022310006759 | VŨ MAI            | NHUNG     | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            | Địa lý             | 8.0          | 7.6   | 7.0  | 5.25       | 3.0        |         |
| 483 | 0106115 | 022210004635 | NGUYỄN THÀNH      | PHONG     | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 7.6   | 8.25 | 5.5        |            |         |
| 484 | 0106116 | 022310000054 | NGUYỄN HOÀNG      | PHÚC      | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.4   | 7.5  | 6.25       |            |         |
| 485 | 0106117 | 022310003606 | NGUYỄN HÀ         | PHƯƠNG    | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 8.4   | 7.75 | 6.0        |            |         |
| 486 | 0106118 | 022310008738 | NGUYỄN MAI        | PHƯƠNG    | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 7.8   | 7.5  | 5.5        |            |         |
| 487 | 0106119 | 022310010958 | NGUYỄN THỊ MAI    | PHƯƠNG    | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 7.8   | 7.75 | 6.25       |            |         |
| 488 | 0106120 | 022310001714 | PHẠM MAI          | PHƯƠNG    | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 8.8   | 8.5  | 6.25       |            |         |
| 489 | 0106121 | 033310011182 | NGUYỄN THÚY       | QUỲNH     | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.8   | 8.0  | 6.25       |            |         |
| 490 | 0106122 | 022310006546 | NGUYỄN THANH      | TÂM       | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.75         | 9.0   | 8.5  | 6.5        |            |         |
| 491 | 0106123 | 022210011090 | LÊ VŨ HỒNG        | THÁI      | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.0   | 5.5  | 6.75       |            |         |
| 492 | 0106124 | 022310005089 | HOÀNG THU         | THẢO      | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Suối Khoáng                          | Tiếng Anh | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 8.4   | 7.0  | 6.5        |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ         | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |                          | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|--------------------------|---------|
|     |         |              |                   |           |            |            |                  |                                                       |                   |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2               |         |
| 493 | 0106125 | 022310009736 | LÊ PHƯƠNG         | THẢO      | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 7.0   | 7.5  | 5.75       |                          |         |
| 494 | 0106126 | 022310000220 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO      | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.4   | 8.5  | 7.75       |                          |         |
| 495 | 0106127 | 022310003580 | NGUYỄN THU        | THUY      | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 9.6   | 8.0  | 6.25       |                          |         |
| 496 | 0106128 | 022310007481 | VŨ TRẦN THANH     | THUY      | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 9.0   | 7.25 | 5.5        |                          |         |
| 497 | 0106129 | 022310009055 | DƯƠNG THANH       | THUY      | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.4   | 8.0  | 6.0        |                          |         |
| 498 | 0106130 | 022310003777 | HÀ THANH          | THUY      | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 6.0          | 6.6   | 6.0  | 4.75       |                          |         |
| 499 | 0106131 | 022310002251 | ĐÀO ANH           | THƯ       | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.2   | 7.5  | 6.25       |                          |         |
| 500 | 0106132 | 022310006996 | ĐỖ NGUYỄN ANH     | THƯ       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.8   | 8.5  | 7.0        |                          |         |
| 501 | 0106133 | 022310011358 | HOÀNG LÊ ANH      | THƯ       | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Đức Chính                                        | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 7.8   | 7.25 | 4.5        |                          |         |
| 502 | 0106134 | 022310000776 | LƯU ANH           | THƯ       | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Sơn                                          | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.2   | 7.25 | 6.25       |                          |         |
| 503 | 0106135 | 022310005931 | BÙI NGỌC THUY     | TIỀN      | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.5          | 8.0   | 7.25 | 5.75       |                          |         |
| 504 | 0106136 | 030310001502 | NGUYỄN ĐỖ THUY    | TIỀN      | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 8.2   | 5.75 | 4.25       |                          |         |
| 505 | 0106137 | 022310001276 | NGUYỄN THU        | TRÀ       | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 6.75         | 7.8   | 7.0  | 4.75       |                          |         |
| 506 | 0106138 | 022310006433 | PHẠM NGỌC SƠN     | TRÀ       | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 8.0   | 8.0  | 4.75       |                          |         |
| 507 | 0106139 | 022310006047 | NGUYỄN BẢO        | TRÂM      | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 8.8   | 7.25 | 5.5        |                          |         |
| 508 | 0106140 | 022310009470 | TƯỜNG NGỌC        | TRÂM      | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cửa Ông                                          | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.2   | 7.75 | 5.0        |                          |         |
| 509 | 0106141 | 022210000736 | ĐỖ ANH            | TUẤN      | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Quang Hanh                                       | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.0          | 9.2   | 8.25 | 5.75       |                          |         |
| 510 | 0106142 | 022310000109 | BÙI MINH          | TUYẾT     | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 9.2   | 7.0  | 7.0        |                          |         |
| 511 | 0106143 | 022310006163 | PHẠM THỊ ÁNH      | TUYẾT     | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 8.6   | 7.25 | 8.0        |                          |         |
| 512 | 0106144 | 022310000711 | NGUYỄN THU        | UYỀN      | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 6.5          | 8.4   | 8.5  | 6.25       |                          |         |
| 513 | 0106145 | 022310000174 | TRẦN THU          | UYỀN      | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.25         | 9.6   | 7.75 | 5.5        |                          |         |
| 514 | 0106146 | 022310001806 | TRẦN VŨ PHƯƠNG    | UYỀN      | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.25         | 8.8   | 7.5  | 6.75       |                          |         |
| 515 | 0106147 | 022310006189 | ĐỖ MINH           | VY        | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.0          | 7.2   | 7.0  | 5.5        |                          |         |
| 516 | 0106148 | 022310011623 | NGUYỄN KHÁNH      | VY        | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 9.0   | 8.0  | 6.0        |                          |         |
| 517 | 0106149 | 022310002374 | TRẦN NGỌC HÀ      | VY        | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 7.75         | 7.4   | 7.25 | 6.0        |                          |         |
| 518 | 0106150 | 022310008348 | PHẠM HOÀNG        | YẾN       | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh         | Ngữ Văn            |                    | 8.5          | 9.2   | 8.5  | 8.25       |                          |         |
| 519 | 0107001 | 022310000516 | ĐOÀN HAI          | AN        | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 7.0          | 8.6   | 7.25 | 7.25       |                          |         |
| 520 | 0107002 | 022310000102 | NGUYỄN PHẠM THUY  | AN        | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 8.25         | 9.2   | 8.25 | 5.25       |                          |         |
| 521 | 0107003 | 022310001901 | TRỊNH BẢO         | AN        | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 9.25         | 7.6   | 7.75 | 3.25       |                          |         |
| 522 | 0107004 | 022310011998 | ĐÀM THỊ QUỲNH     | ANH       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn                                | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 8.25         | 7.8   | 5.25 | 5.0        |                          |         |
| 523 | 0107005 | 022310008395 | LÊ THỊ QUỲNH      | ANH       | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn                                | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 8.0          | 6.6   | 6.75 | 5.0        |                          |         |
| 524 | 0107006 | 022310010267 | NGUYỄN BẢO        | ANH       | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 8.25         | 8.0   | 8.0  | 6.0        |                          |         |
| 525 | 0107007 | 022310002241 | NGUYỄN PHƯƠNG     | ANH       | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 5.0          | 7.4   | 7.5  | 3.5        |                          |         |
| 526 | 0107008 | 022310011556 | PHẠM THỊ MINH     | ANH       | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.5          | 8.8   | 8.5  | 3.75       |                          |         |
| 527 | 0107009 | 022310003788 | PHẠM HOÀNG        | ANH       | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.75         | 9.2   | 7.5  | 7.5        |                          |         |
| 528 | 0107010 | 022310004851 | TRẦN DIỆP         | ANH       | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            | Ngữ Văn            | 7.5          | 8.0   | 7.5  | 4.5        | Môn chuyên NV2: Vắng thi |         |
| 529 | 0107011 | 022310009137 | TRẦN VŨ HUỆ       | ANH       | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.75         | 7.0   | 6.5  | 7.75       |                          |         |
| 530 | 0107012 | 022310003461 | VŨ ĐẶNG CHÁU      | ANH       | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.5          | 8.2   | 7.25 | 3.25       |                          |         |
| 531 | 0107013 | 022210006376 | NGUYỄN GIA        | BÁCH      | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.5          | 8.8   | 6.25 | 5.0        |                          |         |
| 532 | 0107014 | 022210007419 | PHẠM CÔNG GIA     | BẢO       | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.5          | 7.4   | 7.25 | 4.25       |                          |         |
| 533 | 0107015 | 022210006297 | TIỂU GIA          | BÌNH      | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 7.0          | 7.8   | 9.0  | 8.0        |                          |         |
| 534 | 0107016 | 022310006951 | TẠ MINH           | CHÁU      | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sân Diu                                               | TH&THCS Minh Khai | Lịch sử            |                    | 7.25         | 8.0   | 8.0  | 7.25       |                          |         |
| 535 | 0107017 | 022310004703 | VŨ MINH           | CHÁU      | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh         | Lịch sử            | Ngữ Văn            | 7.0          | 8.8   | 7.5  | 2.5        | 4.75                     |         |
| 536 | 0107018 | 022310005637 | DƯƠNG MỸ          | CHI       | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Việt Hưng                                        | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 7.25         | 6.8   | 6.0  | 3.5        |                          |         |
| 537 | 0107019 | 022310011016 | HOÀNG HỒNG        | DƯƠNG     | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trà Cổ                                           | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 8.0          | 8.8   | 8.25 | 5.25       |                          |         |
| 538 | 0107020 | 022210008337 | TRẦN HOÀNG        | DƯƠNG     | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 8.25         | 9.8   | 8.5  | 6.5        |                          |         |
| 539 | 0107021 | 022310000193 | VŨ HOÀNG THUY     | DƯƠNG     | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 8.0          | 9.0   | 7.0  | 5.5        |                          |         |
| 540 | 0107022 | 022310009913 | NGUYỄN THỊ TÂM    | ĐAN       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trôi                                             | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.5          | 8.8   | 8.5  | 5.75       |                          |         |
| 541 | 0107023 | 022210003137 | ĐÀO ANH           | ĐỨC       | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 7.75         | 9.4   | 8.25 | 8.5        |                          |         |
| 542 | 0107024 | 022210011865 | ĐOÀN MINH         | ĐỨC       | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 5.25         | 9.0   | 6.0  | 4.25       |                          |         |
| 543 | 0107025 | 034210007261 | NGUYỄN QUANG      | ĐỨC       | 22/09/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 7.0          | 9.4   | 8.25 | 7.25       |                          |         |
| 544 | 0107026 | 022310001654 | NGUYỄN NGỌC HƯƠNG | GIANG     | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 7.75         | 8.8   | 7.5  | 4.0        |                          |         |
| 545 | 0107027 | 030310009343 | LÊ VIỆT           | HÀ        | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.75         | 9.4   | 8.25 | 5.75       |                          |         |
| 546 | 0107028 | 022310010671 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | HÀ        | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Thống Nhất                                 | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 7.5          | 9.0   | 8.75 | 6.0        |                          |         |
| 547 | 0107029 | 034310191462 | TRẦN THỊ THU      | HÀ        | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh         | Lịch sử            |                    | 6.5          | 8.0   | 6.25 | 6.0        |                          |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                             | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú |                          |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|---------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|---------|--------------------------|
|     |         |              |                   |           |            |            |                  |             |                                       |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |                          |
| 548 | 0107030 | 022210001134 | VŨ VĂN ĐÔNG       | HẢI       | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.75  | 9.0  | 6.75       | 8.25       |         |                          |
| 549 | 0107031 | 022310000312 | ĐẶNG GIA          | HẦN       | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | TH và THCS Yên Than                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.75  | 6.4  | 5.5        | 3.75       |         |                          |
| 550 | 0107032 | 022310001936 | PHẠM DIỆU         | HẦN       | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tày         | TH và THCS Yên Than                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.5   | 6.8  | 6.0        | 2.5        |         |                          |
| 551 | 0107033 | 022310012027 | PHẠM GIA          | HẦN       | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.75  | 9.6  | 7.5        | 5.0        |         |                          |
| 552 | 0107034 | 022310009370 | TÔ NGUYỄN         | HIẾU      | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.5   | 8.8  | 6.75       | 3.25       |         |                          |
| 553 | 0107035 | 022210001431 | NGUYỄN MINH       | HÙNG      | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 4.5   | 6.4  | 4.75       | 1.75       |         |                          |
| 554 | 0107036 | 022310001116 | NGÔ HƯƠNG         | HUYỀN     | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.75  | 5.4  | 6.5        | 3.5        |         |                          |
| 555 | 0107037 | 022310005618 | NGUYỄN KHÁNH      | HUYỀN     | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.0   | 8.6  | 7.5        | 3.75       |         |                          |
| 556 | 0107038 | 022210008450 | NGUYỄN GIA        | HÙNG      | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS thị trấn Quảng Hà                | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.5   | 8.6  | 6.75       | 3.5        |         |                          |
| 557 | 0107039 | 022310000198 | TRẦN QUỲNH        | HƯƠNG     | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.25  | 7.8  | 7.75       | 5.0        |         |                          |
| 558 | 0107040 | 022210001700 | PHẠM TRUNG        | KHÁI      | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.75  | 5.6  | 8.0        | 5.25       |         |                          |
| 559 | 0107041 | 022310009569 | ĐẶNG NGOC         | KHÁNH     | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.75  | 8.4  | 6.75       | 5.75       |         |                          |
| 560 | 0107042 | 022310009101 | HOÀNG DIỆP MỸ     | LAN       | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sán Diu     | TH và THCS Hải Hòa                    | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.75  | 5.8  | 7.5        | 6.0        |         |                          |
| 561 | 0107043 | 022310001995 | HOÀNG TÂM         | LAN       | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tày         | THCS Thị trấn Bình Liêu               | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.25  | 8.6  | 8.5        | 5.0        |         |                          |
| 562 | 0107044 | 022310005478 | NGUYỄN THỊ THỦY   | LÂM       | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 5.75  | 8.2  | 6.5        | 5.0        |         |                          |
| 563 | 0107045 | 022310006472 | NGUYỄN TRẦN THẢO  | LÂM       | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.5   | 8.2  | 6.5        | 3.25       |         |                          |
| 564 | 0107046 | 022310006651 | HÀ GIA            | LINH      | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            | Tiếng Anh    | 6.0   | 9.8  | 7.5        | 1.0        |         | Môn chuyên NV2: Vắng thi |
| 565 | 0107047 | 022310007920 | MẠC DIỆU          | LINH      | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.5   | 9.4  | 8.25       | 7.0        |         |                          |
| 566 | 0107048 | 022310005671 | PHẠM KHÁNH        | LINH      | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.75  | 7.8  | 7.75       | 3.5        |         |                          |
| 567 | 0107049 | 022310007826 | PHẠM NGUYỄN HÀ    | LINH      | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Cao Xanh                  | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.25  | 5.4  | 5.75       | 2.0        |         |                          |
| 568 | 0107050 | 022310003480 | PHÙNG KHÁNH       | LINH      | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.0   | 7.2  | 6.75       | 3.75       |         |                          |
| 569 | 0107051 | 034310014224 | TRẦN PHƯƠNG       | LINH      | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.25  | 8.8  | 7.25       | 5.0        |         |                          |
| 570 | 0107052 | 022310008608 | NGUYỄN NGOC       | MAI       | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Thị trấn Bình Liêu               | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.5   | 6.4  | 6.5        | 5.0        |         |                          |
| 571 | 0107053 | 022210007481 | BÙI BÌNH          | MINH      | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Chu Văn An                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 5.5   | 8.2  | 8.0        | 7.5        |         |                          |
| 572 | 0107054 | 022210010946 | NGUYỄN DUY        | MINH      | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.0   | 8.4  | 7.5        | 4.0        |         |                          |
| 573 | 0107055 | 022210000414 | NGUYỄN LÊ ANH     | MINH      | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 5.75  | 7.6  | 7.5        | 2.0        |         |                          |
| 574 | 0107056 | 022310009888 | NGUYỄN NGOC KHÁNH | MINH      | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.75  | 9.0  | 7.0        | 4.25       |         |                          |
| 575 | 0107057 | 022210003455 | TRẦN ANH          | MINH      | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 5.75  | 9.4  | 7.0        | 3.75       |         |                          |
| 576 | 0107058 | 022210006848 | VŨ QUANG          | MINH      | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.25  | 8.4  | 5.25       | 4.0        |         |                          |
| 577 | 0107059 | 022310001219 | PHẠM HÀ           | MY        | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.5   | 7.4  | 6.75       | 7.25       |         |                          |
| 578 | 0107060 | 022310008915 | NGUYỄN DIỆU       | NGÂN      | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.0   | 8.2  | 6.25       | 8.5        |         |                          |
| 579 | 0107061 | 022310001597 | LÊ ANH            | NGOC      | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.0   | 7.8  | 6.25       | 4.5        |         |                          |
| 580 | 0107062 | 022310010333 | TRẦN HẢ BẢO       | NGOC      | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Chu Văn An                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.5   | 8.2  | 7.0        | 3.5        |         |                          |
| 581 | 0107063 | 022310006624 | NGUYỄN TUỆ        | NHI       | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            | Ngữ Văn      | 8.75  | 9.2  | 7.75       | 7.5        | 3.5     |                          |
| 582 | 0107064 | 022310003786 | BÙI QUỲNH         | NHƯ       | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.0   | 7.8  | 7.25       | 6.0        |         |                          |
| 583 | 0107065 | 022310001977 | LÊ THỊ HÀ         | PHƯƠNG    | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH và THCS Bãi Cháy 2                 | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.0   | 7.0  | 6.5        | 6.75       |         |                          |
| 584 | 0107066 | 022310011340 | NGUYỄN LÊ BẢO     | QUYỀN     | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.5   | 6.6  | 7.5        | 3.0        |         |                          |
| 585 | 0107067 | 022210002968 | NGUYỄN HOÀNG      | SƠN       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.25  | 9.6  | 7.0        | 4.0        |         |                          |
| 586 | 0107068 | 022310005749 | HOÀNG DIỆP MỸ     | TÂM       | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sán Diu     | TH và THCS Hải Hòa                    | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.0   | 8.2  | 7.5        | 5.0        |         |                          |
| 587 | 0107069 | 022310005232 | NGUYỄN HÀ         | THỦY      | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.5   | 7.4  | 7.75       | 3.25       |         |                          |
| 588 | 0107070 | 022310003446 | ĐÀO TRINH ANH     | THƯ       | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.25  | 7.2  | 6.5        | 3.5        |         |                          |
| 589 | 0107071 | 022310003668 | ĐỖ ANH            | THƯ       | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                      | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.5   | 9.0  | 7.75       | 7.25       |         |                          |
| 590 | 0107072 | 022310003972 | NGUYỄN ANH        | THƯ       | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cửa Ông                          | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.25  | 8.8  | 8.25       | 3.25       |         |                          |
| 591 | 0107073 | 022310002010 | NGUYỄN NGOC HUYỀN | THƯ       | 18/05/2010 | Thái Bình  | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.25  | 9.2  | 7.75       | 6.5        |         |                          |
| 592 | 0107074 | 038310027907 | PHÙNG LÊ ANH      | THƯ       | 11/11/2010 | Thanh Hóa  | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.0   | 9.0  | 6.5        | 4.25       |         |                          |
| 593 | 0107075 | 022310008810 | NGUYỄN MINH       | TRANG     | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.25  | 6.6  | 6.5        | 2.25       |         |                          |
| 594 | 0107076 | 022210003985 | NGUYỄN SINH       | TÚNG      | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 7.0   | 7.4  | 7.5        | 6.0        |         |                          |
| 595 | 0107077 | 022310003969 | ĐINH VŨ HẢI       | VI        | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 6.0   | 8.8  | 6.75       | 2.75       |         |                          |
| 596 | 0107078 | 034310011501 | NGUYỄN THỊ THANH  | VŨ        | 07/12/2010 | Thái Bình  | Nữ               |             | THCS Mông Dương                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.0   | 8.6  | 8.25       | 6.5        |         |                          |
| 597 | 0107079 | 022310008450 | NGUYỄN PHƯƠNG     | VY        | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh          | Lịch sử            |              | 8.0   | 8.8  | 7.25       | 7.25       |         |                          |
| 598 | 0108001 | 001310048184 | GIANG CHÚC        | ANH       | 20/05/2010 | Hà Nội     | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Địa lý             |              | 6.25  | 6.8  | 7.25       | 5.25       |         |                          |
| 599 | 0108002 | 022310004753 | NGUYỄN THỊ TRÂM   | ANH       | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Địa lý             |              | 8.0   | 9.2  | 8.5        | 6.0        |         |                          |
| 600 | 0108003 | 022210000078 | TRẦN ĐỨC          | ANH       | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Địa lý             |              | 8.0   | 7.8  | 8.25       | 7.0        |         |                          |
| 601 | 0108004 | 022310008987 | TRẦN HÀ           | ANH       | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh          | Địa lý             | Ngữ Văn      | 7.75  | 8.0  | 7.0        | 6.25       | 5.5     |                          |
| 602 | 0108005 | 035310002055 | VŨ THỊ MINH       | ANH       | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Xuân                         | Tiếng Anh          | Địa lý             |              | 8.0   | 9.0  | 5.5        | 6.0        |         |                          |



## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ               | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                   |           |            |             |                  |                                                       |                         |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 603 | 0108006 | 022310010398 | NGUYỄN DƯƠNG NGOC | ÁNH       | 20/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS Nguyễn Du                                 | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 8.4    | 8.0  | 6.75       |            |         |
| 604 | 0108007 | 022310007406 | NGUYỄN THỊ HỒNG   | ÁNH       | 15/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.75         | 8.0    | 7.0  | 6.0        |            |         |
| 605 | 0108008 | 022310008794 | HOÀNG THÁI        | BẢO       | 27/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | TH và THCS Dương Huy                                  | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 7.0    | 6.0  | 6.25       |            |         |
| 606 | 0108009 | 034310011261 | HỒ PHẠM BĂNG      | BĂNG      | 20/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.75         | 8.8    | 6.75 | 6.0        |            |         |
| 607 | 0108010 | 022310008210 | NGUYỄN BẢO        | CHÂU      | 28/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.0          | 8.6    | 7.75 | 5.0        |            |         |
| 608 | 0108011 | 022310009434 | NGUYỄN MINH       | CHÂU      | 02/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.25         | 8.8    | 8.0  | 6.5        |            |         |
| 609 | 0108012 | 022210009703 | ĐÀO ĐỨC           | CƠ        | 29/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.5          | 5.2    | 6.0  | 5.25       |            |         |
| 610 | 0108013 | 022210011643 | ĐẶNG TIẾN         | CƯỜNG     | 19/02/2010 | Quảng Ninh. | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn                                | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.0          | 8.6    | 7.75 | 5.75       |            |         |
| 611 | 0108014 | 022310009802 | NGUYỄN VŨ THUY    | DƯƠNG     | 15/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 7.4    | 7.75 | 5.75       |            |         |
| 612 | 0108015 | 022210011890 | PHẠM THÁI         | DƯƠNG     | 06/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn                                | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.25         | 8.6    | 7.5  | 7.0        |            |         |
| 613 | 0108016 | 036210011530 | VŨ MINH           | ĐỨC       | 15/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.25         | 9.6    | 8.5  | 6.75       |            |         |
| 614 | 0108017 | 022310004691 | VŨ LÊ HƯƠNG       | GIANG     | 16/11/2010 | Hà Nội      | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.5          | 8.2    | 6.5  | 6.0        |            |         |
| 615 | 0108018 | 022310002712 | LƯƠNG BẢO         | HÀ        | 30/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 8.6    | 6.25 | 4.0        |            |         |
| 616 | 0108019 | 022310008055 | NGUYỄN THANH      | HÀ        | 15/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 8.6    | 9.0  | 6.25       |            |         |
| 617 | 0108020 | 022310000449 | PHAN KHÁNH        | HÀ        | 16/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.0          | 6.8    | 7.5  | 4.5        |            |         |
| 618 | 0108021 | 022310010241 | TRƯƠNG BUI BẢO    | HÀ        | 08/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 6.8    | 6.5  | 3.25       |            |         |
| 619 | 0108022 | 022210008480 | ĐOÀN MINH         | HIẾU      | 15/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 7.2    | 7.5  | 6.25       |            |         |
| 620 | 0108023 | 034310006638 | HÀ KHÁNH          | HUYỀN     | 27/01/2010 | Thái Bình   | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 7.8    | 6.5  | 6.5        |            |         |
| 621 | 0108024 | 022310007875 | PHẠM KHÁNH        | HUYỀN     | 25/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.75         | 7.4    | 6.25 | 4.0        |            |         |
| 622 | 0108025 | 022210011075 | PHẠM BẢO          | KHÁNH     | 29/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.0          | 6.0    | 7.5  | 5.0        |            |         |
| 623 | 0108026 | 022310008781 | NGUYỄN MINH       | KHUẾ      | 17/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn                                | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.0          | 8.8    | 7.5  | 4.75       |            |         |
| 624 | 0108027 | 022210009492 | NGUYỄN CHÍ        | KIÊN      | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.0          | 8.8    | 9.0  | 4.75       |            |         |
| 625 | 0108028 | 022210003090 | PHẠM CHÍ          | KIÊN      | 23/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 8.0    | 7.75 | 3.25       |            |         |
| 626 | 0108029 | 022210009435 | NGUYỄN QUANG      | LÂM       | 20/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.75         | 9.6    | 8.5  | 5.5        |            |         |
| 627 | 0108030 | 022310003562 | ĐÀO PHƯƠNG        | LINH      | 02/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 9.4    | 8.0  | 7.25       |            |         |
| 628 | 0108031 | 022310008249 | LÊ NGUYỄN THUY    | LINH      | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             | Ngữ Văn            | 8.5          | 9.4    | 7.75 | 5.75       | 5.25       |         |
| 629 | 0108032 | 022310010191 | LÊ PHƯƠNG         | LINH      | 31/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.0          | 7.6    | 6.25 | 5.75       |            |         |
| 630 | 0108033 | 030310003233 | MẠC LÊ NGỌC       | LINH      | 26/11/2010 | Hải Dương   | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.75         | 8.8    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 631 | 0108034 | 022310007833 | NGUYỄN HÀ         | LINH      | 30/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 9.8    | 7.5  | 7.25       |            |         |
| 632 | 0108035 | 022310005274 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH      | 27/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.25         | 8.2    | 8.0  | 5.75       |            |         |
| 633 | 0108036 | 022310004072 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH      | 04/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.25         | 6.8    | 8.0  | 3.75       |            |         |
| 634 | 0108037 | 022310000503 | NGUYỄN MAI        | LINH      | 16/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hồng Thái Đông                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.5          | 4.8    | 5.5  | 3.0        |            |         |
| 635 | 0108038 | 022310004784 | PHẠM MAI          | LINH      | 26/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 9.2    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 636 | 0108039 | 022310005664 | TRƯƠNG NGỌC       | LINH      | 08/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             | Ngữ Văn            | 7.0          | 7.2    | 7.5  | 5.0        | 3.25       |         |
| 637 | 0108040 | 022310011258 | VŨ HÀ             | LINH      | 16/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             | Tiếng Anh          | 8.5          | 9.2    | 8.75 | 5.25       | 1.75       |         |
| 638 | 0108041 | 022310009894 | VŨ THUY           | LINH      | 26/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.5          | 8.2    | 7.25 | 5.75       |            |         |
| 639 | 0108042 | 022310008650 | ĐÀO THỊ THANH     | LOAN      | 25/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hoàng Quế                                        | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.0          | 9.2    | 8.25 | 4.25       |            |         |
| 640 | 0108043 | 030210011032 | NGUYỄN ĐỨC        | MINH      | 09/10/2010 | Hải Dương   | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.0          | 7.8    | 8.0  | 7.25       |            |         |
| 641 | 0108044 | 022210000772 | NGUYỄN TUẤN       | MINH      | 25/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 5.25         | 8.8    | 7.75 | 5.75       |            |         |
| 642 | 0108045 | 022310000238 | NGUYỄN TUỆ        | MINH      | 06/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 9.4    | 7.25 | 8.25       |            |         |
| 643 | 0108046 | 022210011572 | VŨ BÌNH           | MINH      | 13/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.0          | 8.2    | 5.25 | 3.25       |            |         |
| 644 | 0108047 | 022210005908 | VŨ ĐỨC ANH        | MINH      | 11/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.5          | 8.4    | 7.5  | 1.5        |            |         |
| 645 | 0108048 | 022310006352 | VŨ THỊ TUỆ        | MINH      | 03/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 9.0    | 6.75 | 3.0        |            |         |
| 646 | 0108049 | 034210002635 | TRẦN HẢI          | NAM       | 09/11/2010 | Thái Bình   | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 8.0          | 8.0    | 8.5  | 6.5        |            |         |
| 647 | 0108050 | 031310015988 | HOÀNG YẾN         | NGOC      | 13/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.25         | 9.2    | 7.75 | 6.75       |            |         |
| 648 | 0108051 | 022310004496 | LA BẢO            | NGOC      | 26/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Tây                                                   | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh          | Địa lý             | 7.25         | 6.6    | 6.25 | 2.5        |            |         |
| 649 | 0108052 | 022310007780 | NGUYỄN VŨ KHÁNH   | NGOC      | 21/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 7.8    | 7.75 | 6.0        |            |         |
| 650 | 0108053 | 022310000692 | NGUYỄN THẢO       | NGUYỄN    | 28/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 6.75         | 9.0    | 8.0  | 7.0        |            |         |
| 651 | 0108054 | 022310003394 | NGUYỄN BẢO        | NHI       | 30/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 7.8    | 7.25 | 4.0        |            |         |
| 652 | 0108055 | 022310009625 | VŨ KIM            | OANH      | 21/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 8.6    | 7.75 | 7.5        |            |         |
| 653 | 0108056 | 022310006080 | ĐÀM THU           | PHƯƠNG    | 08/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.75         | 8.4    | 6.0  | 5.5        |            |         |
| 654 | 0108057 | 022310001156 | NGUYỄN LAM        | PHƯƠNG    | 09/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 6.2    | 8.75 | 5.25       |            |         |
| 655 | 0108058 | 022310004741 | NGUYỄN TUỆ        | PHƯƠNG    | 29/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 6.4    | 6.75 | 1.75       |            |         |
| 656 | 0108059 | 022310008229 | PHAN MINH         | PHƯƠNG    | 15/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Tây                                                   | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh          | Địa lý             | 6.75         | 7.8    | 8.25 | 5.75       |            |         |
| 657 | 0108060 | 022310009074 | LÃNH ĐỎ NGỌC      | QUYNH     | 03/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh               | Địa lý             |                    | 7.5          | 8.6    | 7.5  | 6.0        |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ       | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú |  |
|-----|---------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|---------|--|
|     |         |              |                  |           |            |            |                  |                                           |                 |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |  |
| 658 | 0108061 | 022210005086 | BÙI DUY          | SON       | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 7.0          | 8.4   | 7.75 | 7.0        |            |         |  |
| 659 | 0108062 | 022210002040 | LƯƠNG MINH       | SON       | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 7.75         | 9.2   | 8.75 | 7.0        |            |         |  |
| 660 | 0108063 | 022210004544 | NGUYỄN XUÂN      | SON       | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Địa lý             | Ngữ Văn            | 7.5          | 9.0   | 8.0  | 7.0        | 4.5        |         |  |
| 661 | 0108064 | 022310008778 | CAO TÂM          | THANH     | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 7.5          | 8.2   | 6.5  | 7.25       |            |         |  |
| 662 | 0108065 | 022210011414 | NGUYỄN TUẤN      | THÀNH     | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 9.0          | 9.2   | 7.75 | 8.0        |            |         |  |
| 663 | 0108066 | 022310001957 | NGUYỄN THANH     | THÚY      | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 5.5          | 6.0   | 7.5  | 4.5        |            |         |  |
| 664 | 0108067 | 022310004127 | HOÀNG MINH       | THỨ       | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Thịnh                            | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 7.75         | 7.2   | 6.75 | 6.25       |            |         |  |
| 665 | 0108068 | 022310003468 | VŨ MAI           | TRANG     | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 7.5          | 9.0   | 7.5  | 6.25       |            |         |  |
| 666 | 0108069 | 022310005169 | PHẠM BẢO         | TRÂM      | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 7.0          | 8.4   | 8.0  | 6.25       |            |         |  |
| 667 | 0108070 | 022210002624 | LƯƠNG THẾ        | VINH      | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 6.5          | 8.4   | 8.0  | 5.0        |            |         |  |
| 668 | 0108071 | 024210013091 | VY QUANG         | VINH      | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Tây                                       | THCS Trọng Điểm | Tiếng Anh          | Địa lý             |              | 6.75  | 9.4  | 8.75       | 7.75       |         |  |
| 669 | 0108072 | 022310000817 | NGUYỄN TƯỜNG     | VY        | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh       | Địa lý             | Ngữ Văn            | 7.25         | 9.8   | 7.5  | 7.0        | 4.75       |         |  |
| 670 | 0108073 | 022310002168 | VŨ THỊ HÀI       | YẾN       | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH&THCS Minh Khai                         | Tiếng Anh       | Địa lý             |                    | 8.08         | 9.2   | 8.25 | 5.5        |            |         |  |
| 671 | 0109001 | 022310010227 | ĐẶNG NGUYỄN TÂM  | AN        | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.2   | 7.75 | 7.0        |            |         |  |
| 672 | 0109002 | 022310003831 | ĐÌNH HOÀNG       | AN        | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.5          | 9.8   | 7.25 | 5.5        |            |         |  |
| 673 | 0109003 | 022310000361 | ĐỖ THỊ DIỆU      | AN        | 23/06/2010 | Nghệ An    | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 10.0  | 9.0  | 7.7        |            |         |  |
| 674 | 0109004 | 022310000395 | PHẠM BÌNH PHƯƠNG | AN        | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.8   | 7.25 | 4.4        |            |         |  |
| 675 | 0109005 | 022310002215 | PHẠM KIỀU        | AN        | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.2   | 6.25 | 4.3        |            |         |  |
| 676 | 0109006 | 022310002744 | TRẦN NGUYỄN MINH | AN        | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 9.0          | 10.0  | 8.25 | 6.65       |            |         |  |
| 677 | 0109007 | 022310010218 | BIỆN PHƯƠNG      | ANH       | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.8   | 8.75 | 7.3        |            |         |  |
| 678 | 0109008 | 022310001120 | BÙI LÊ YẾN       | ANH       | 07/03/2010 | Hải Phòng  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.4   | 7.5  | 2.8        |            |         |  |
| 679 | 0109009 | 022210008265 | BÙI QUỐC TUẤN    | ANH       | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trới                                 | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.8   | 9.0  | 4.4        |            |         |  |
| 680 | 0109010 | 022310009130 | BÙI QUỲNH        | ANH       | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 10.0  | 8.0  | 5.0        |            |         |  |
| 681 | 0109011 | 022310006168 | BÙI VŨ MINH      | ANH       | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.6   | 6.25 | 7.7        |            |         |  |
| 682 | 0109012 | 022310002891 | CỦ LAN           | ANH       | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.6   | 9.0  | 6.0        |            |         |  |
| 683 | 0109013 | 022210002007 | DƯƠNG QUANG      | ANH       | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.8   | 7.5  | 4.1        |            |         |  |
| 684 | 0109014 | 022210005364 | ĐÌNH TÙNG        | ANH       | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo                        | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.2   | 8.25 | 4.2        |            |         |  |
| 685 | 0109015 | 022310010758 | ĐỖ HÀ            | ANH       | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.4   | 8.5  | 3.8        |            |         |  |
| 686 | 0109016 | 022310001939 | HÀ TRẦN MAI      | ANH       | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.5          | 9.4   | 7.0  | 5.2        |            |         |  |
| 687 | 0109017 | 042210014081 | HOÀNG TRẦN VIỆT  | ANH       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.2   | 7.5  | 4.7        |            |         |  |
| 688 | 0109018 | 001210028251 | LÊ TRUNG         | ANH       | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 5.75         | 9.0   | 7.5  | 4.1        |            |         |  |
| 689 | 0109019 | 022310000613 | NGUYỄN HÀ        | ANH       | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 7.25 | 6.2        |            |         |  |
| 690 | 0109020 | 031309000869 | NGUYỄN HÀ TRÂM   | ANH       | 22/12/2009 | Hải Phòng  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.0   | 5.5  | 5.3        |            |         |  |
| 691 | 0109021 | 034310000260 | NGUYỄN MAI NGỌC  | ANH       | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0  | 7.0  | 5.5        |            |         |  |
| 692 | 0109022 | 022310004571 | NGUYỄN NGỌC      | ANH       | 29/01/2010 | Hà Nội     | Nữ               | Trường THCS Nguyễn Du                     | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.4   | 8.5  | 3.15       |            |         |  |
| 693 | 0109023 | 022310000616 | NGUYỄN NGỌC HỒNG | ANH       | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 5.0          | 8.6   | 6.75 | 2.8        |            |         |  |
| 694 | 0109024 | 022310008369 | NGUYỄN NHẬT MINH | ANH       | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.2   | 8.0  | 2.15       |            |         |  |
| 695 | 0109025 | 037310002235 | NGUYỄN THỊ TÚ    | ANH       | 12/02/2010 | Ninh Bình  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.8   | 8.75 | 6.7        |            |         |  |
| 696 | 0109026 | 022310004535 | NGUYỄN THỊ VÂN   | ANH       | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          | Tiếng Trung        | 7.5          | 9.2   | 8.75 | 2.6        | 7.0        |         |  |
| 697 | 0109027 | 022310005885 | NGUYỄN THỤC      | ANH       | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm         | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.4   | 7.0  | 3.7        |            |         |  |
| 698 | 0109028 | 022210006013 | NGUYỄN VIỆT      | ANH       | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trưng Vương                          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 5.0          | 8.0   | 5.75 | 2.8        |            |         |  |
| 699 | 0109029 | 022310003936 | PHẠM QUỲNH       | ANH       | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 10.0  | 8.0  | 7.8        |            |         |  |
| 700 | 0109030 | 022310008593 | PHAN QUỲNH       | ANH       | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.2   | 6.5  | 4.0        |            |         |  |
| 701 | 0109031 | 022310004489 | TRẦN MAI         | ANH       | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.2   | 7.75 | 2.5        |            |         |  |
| 702 | 0109032 | 022210009596 | TRƯƠNG ĐỨC       | ANH       | 28/08/2010 | Hà Nội     | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 6.33         | 9.8   | 8.75 | 6.3        |            |         |  |
| 703 | 0109033 | 079310025946 | VŨ DIỆU          | ANH       | 25/03/2010 | Bình Dương | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0  | 8.25 | 5.6        |            |         |  |
| 704 | 0109034 | 022310000914 | VŨ NGỌC          | ANH       | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 9.0          | 9.8   | 8.5  | 7.4        |            |         |  |
| 705 | 0109035 | 030310101312 | VŨ TUỆ           | ANH       | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0  | 9.0  | 5.05       |            |         |  |
| 706 | 0109036 | 022310004490 | HÀ VŨ NGỌC       | BẢO       | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 8.8   | 8.0  | 3.55       |            |         |  |
| 707 | 0109037 | 022210009673 | KIỀU GIA         | BẢO       | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.6   | 8.0  | 7.15       |            |         |  |
| 708 | 0109038 | 022210004518 | VŨ NGỎ GIA       | BẢO       | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.6   | 7.25 | 6.4        |            |         |  |
| 709 | 0109039 | 031310015538 | BÙI BẢO          | BÌNH      | 13/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.2   | 6.25 | 4.65       |            |         |  |
| 710 | 0109040 | 022210010000 | TRẦN LÊ THANH    | BÌNH      | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 4.75         | 8.8   | 8.0  | 2.6        |            |         |  |
| 711 | 0109041 | 022210001804 | NGUYỄN MINH      | CHÂU      | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0  | 7.75 | 7.6        |            |         |  |
| 712 | 0109042 | 022210006677 | PHẠM BẢO         | CHÂU      | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh       | Tiếng Anh          | Tin                | 7.0          | 9.8   | 9.0  | 6.5        | 5.93       |         |  |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ                        | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                  |           |            |            |                  |                                                       |                                  |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 713 | 0109043 | 022310006195 | ĐỖ LINH          | CHI       | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 10.0  | 8.25 | 6.5        |            |         |
| 714 | 0109044 | 022310001345 | MAI QUỲNH        | CHI       | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 8.4   | 6.75 | 2.8        |            |         |
| 715 | 0109045 | 022310005702 | PHẠM HANH        | CHI       | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.4   | 9.0  | 4.6        |            |         |
| 716 | 0109046 | 022310005533 | PHẠM THUY        | CHI       | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 9.0  | 7.1        |            |         |
| 717 | 0109047 | 022310005435 | VŨ MAI           | CHI       | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.8   | 8.5  | 7.3        |            |         |
| 718 | 0109048 | 022210002526 | NGUYỄN HỮU       | CHUÔNG    | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.8   | 8.5  | 6.2        |            |         |
| 719 | 0109049 | 022210000552 | HÀ VIỆT          | CỬƠNG     | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 8.5  | 7.8        |            |         |
| 720 | 0109050 | 022310009856 | LÊ PHƯƠNG        | DIỆU      | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.6   | 8.5  | 5.0        |            |         |
| 721 | 0109051 | 027310007880 | ĐỖ NGỌC          | DUNG      | 16/02/2010 | Bắc Ninh   | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.8   | 7.25 | 5.6        |            |         |
| 722 | 0109052 | 022310009233 | NGÔ MỸ           | DUNG      | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.8   | 8.5  | 4.2        |            |         |
| 723 | 0109053 | 022310001966 | VŨ NHẬT          | DUNG      | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.8   | 7.75 | 6.7        |            |         |
| 724 | 0109054 | 022210003457 | ĐÀO TUẤN         | DỪNG      | 12/04/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 5.75         | 9.4   | 9.0  | 4.7        |            |         |
| 725 | 0109055 | 001210007544 | LÊ TRÍ           | DỪNG      | 22/02/2010 | Hà Nội     | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.6   | 8.0  | 4.0        |            |         |
| 726 | 0109056 | 022210007638 | NGUYỄN ANH       | DUY       | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.4   | 8.5  | 4.8        |            |         |
| 727 | 0109057 | 022210006154 | HOÀNG HẢI        | DƯƠNG     | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 10.0  | 8.5  | 5.4        |            |         |
| 728 | 0109058 | 022310004043 | NGUYỄN THỊ THUY  | DƯƠNG     | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Móng Dương                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 10.0  | 8.25 | 6.7        |            |         |
| 729 | 0109059 | 022310007299 | NGUYỄN THỦY      | DƯƠNG     | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 5.75         | 10.0  | 6.5  | 5.5        |            |         |
| 730 | 0109060 | 022310002940 | PHẠM THUY        | DƯƠNG     | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          | Tiếng Trung        | 8.25         | 9.8   | 7.75 | 6.6        | 7.75       |         |
| 731 | 0109061 | 022310011440 | VŨ HÀ THUY       | DƯƠNG     | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 10.0  | 8.5  | 7.0        |            |         |
| 732 | 0109062 | 022210011900 | VŨ TÁT THÀNH     | ĐẠT       | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm                     | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.6   | 9.0  | 7.6        |            |         |
| 733 | 0109063 | 022210005430 | HOÀNG TRỌNG      | ĐỨC       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.8   | 8.75 | 8.0        |            |         |
| 734 | 0109064 | 022210007246 | VŨ MINH          | ĐỨC       | 16/10/2010 | Hà Nội     | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 8.2   | 5.5  | 5.0        |            |         |
| 735 | 0109065 | 022310009362 | NGUYỄN THỊ HUƠNG | GIANG     | 08/02/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0  | 7.75 | 7.7        |            |         |
| 736 | 0109066 | 022310007232 | NGUYỄN THỊ TRÀ   | GIANG     | 08/02/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 10.0  | 8.25 | 6.8        |            |         |
| 737 | 0109067 | 022210021067 | NGUYỄN TRƯỜNG    | GIANG     | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 4.25         | 9.2   | 8.0  | 3.6        |            |         |
| 738 | 0109068 | 034310000395 | NGUYỄN VŨ THIÊN  | GIANG     | 22/04/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.8   | 8.5  | 6.8        |            |         |
| 739 | 0109069 | 022310011845 | PHẠM HUƠNG       | GIANG     | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Việt Hưng                                        | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 10.0  | 8.0  | 7.6        |            |         |
| 740 | 0109070 | 022310007325 | NGUYỄN QUỲNH     | GIAO      | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                                      | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.8   | 8.25 | 5.9        |            |         |
| 741 | 0109071 | 031310008941 | CHUNG ĐIỂM NGOC  | HÀ        | 27/09/2010 | Hải Phòng  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          | Lịch sử            | 7.5          | 9.8   | 7.75 | 4.8        | 2.75       |         |
| 742 | 0109072 | 022310001487 | ĐINH THỊ MINH    | HÀ        | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 8.5  | 4.4        |            |         |
| 743 | 0109073 | 022210003389 | LÊ MINH          | HÀ        | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.8   | 6.75 | 3.3        |            |         |
| 744 | 0109074 | 022310006256 | NGUYỄN THANH     | HÀ        | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 4.25         | 9.0   | 5.25 | 2.7        |            |         |
| 745 | 0109075 | 022310006402 | VŨ NGUYỄN MAI    | HÀ        | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.8   | 8.5  | 4.7        |            |         |
| 746 | 0109076 | 022210006307 | PHAN ĐÀO MINH    | HẢI       | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 10.0  | 8.0  | 8.2        |            |         |
| 747 | 0109077 | 030210000567 | PHAN TIỀN        | HẢI       | 22/06/2010 | Hà Nội     | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.2   | 8.25 | 3.6        |            |         |
| 748 | 0109078 | 022310001992 | VƯƠNG MINH       | HÀNG      | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hưng Đạo                                         | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8   | 8.25 | 6.7        |            |         |
| 749 | 0109079 | 022310005739 | BÙI GIA          | HẦN       | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.6   | 7.5  | 3.0        |            |         |
| 750 | 0109080 | 022310010807 | ĐOÀN NGOC        | HẦN       | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tây                                                   | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh          | Tiếng Anh          | 7.25         | 9.4   | 7.5  | 5.4        |            |         |
| 751 | 0109081 | 022310003312 | LŨ TRẦN GIA      | HẦN       | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0  | 9.0  | 4.9        |            |         |
| 752 | 0109082 | 022310008689 | VŨ BAO           | HẦN       | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 8.8   | 7.25 | 6.1        |            |         |
| 753 | 0109083 | 022310005349 | BÙI MAI          | HIỀN      | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 10.0  | 8.5  | 6.2        |            |         |
| 754 | 0109084 | 022310007525 | NGUYỄN THANH     | HIỀN      | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 10.0  | 8.75 | 7.1        |            |         |
| 755 | 0109085 | 022310011085 | TRẦN MINH        | HIỀN      | 26/02/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Hà Tu                                            | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.6   | 8.75 | 6.3        |            |         |
| 756 | 0109086 | 022210010867 | ĐINH TRUNG       | HIẾU      | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Liên cấp Quốc tế Singapore                            | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.25         | 9.0   | 8.25 | 7.0        |            |         |
| 757 | 0109087 | 022210008788 | PHẠM NGOC        | HIẾU      | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8   | 8.25 | 6.5        |            |         |
| 758 | 0109088 | 022310000489 | VỊ ĐỖ HỒNG       | HOAN      | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          | Lịch sử            | 7.75         | 9.6   | 8.0  | 5.3        | 4.5        |         |
| 759 | 0109089 | 022210003889 | NGUYỄN HUY       | HOANG     | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.6   | 8.25 | 6.25       |            |         |
| 760 | 0109090 | 022210009622 | HOÀNG ĐỨC        | HUY       | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Hoa                                                   | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh          | Tiếng Anh          | 6.75         | 9.6   | 8.25 | 3.85       |            |         |
| 761 | 0109091 | 022210008074 | LŨƠNG GIA        | HUY       | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.2   | 8.0  | 8.0        |            |         |
| 762 | 0109092 | 022210008670 | LÝ GIA           | HUY       | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                            | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 5.0          | 9.4   | 8.5  | 5.3        |            |         |
| 763 | 0109093 | 022210010826 | NGUYỄN ĐỨC       | HUY       | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.0   | 8.5  | 3.4        |            |         |
| 764 | 0109094 | 022210013295 | NGUYỄN GIA       | HUY       | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.2   | 7.5  | 4.5        |            |         |
| 765 | 0109095 | 022210004952 | NGUYỄN GIA       | HUY       | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 4.75         | 8.8   | 6.75 | 3.0        |            |         |
| 766 | 0109096 | 022310007883 | LÂM NGOC         | HUYỀN     | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.2   | 8.5  | 2.4        |            |         |
| 767 | 0109097 | 022310000378 | NGUYỄN THAO      | HUYỀN     | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh                        | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8   | 8.0  | 2.45       |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|--------------------|-----------|------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                    |           |            |             |                  |                                                       |           |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 768 | 0109098 | 038310030110 | PHẠM THỊ KHÁNH     | HUYỀN     | 19/11/2010 | Thanh Hóa   | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.0   | 7.0  | 3.65       |            |         |
| 769 | 0109099 | 022210001084 | HOÀNG GIA          | HUNG      | 06/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.6   | 8.0  | 7.6        |            |         |
| 770 | 0109100 | 022210000830 | NGUYỄN DUY         | HUNG      | 18/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 8.4   | 8.25 | 2.7        |            |         |
| 771 | 0109101 | 022210009193 | PHẠM GIA           | HUNG      | 15/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.4   | 8.75 | 4.1        |            |         |
| 772 | 0109102 | 022210010065 | VŨ DUY             | HUNG      | 08/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.4   | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 773 | 0109103 | 022210005641 | BÙI DUY            | KHÁNH     | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.8   | 8.5  | 7.0        |            |         |
| 774 | 0109104 | 034310014046 | PHẠM VĂN           | KHÁNH     | 28/05/2010 | Thái Bình   | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.2   | 9.0  | 5.0        |            |         |
| 775 | 0109105 | 022310006519 | VŨ VĂN             | KHÁNH     | 06/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.8   | 8.5  | 7.55       |            |         |
| 776 | 0109106 | 022210012687 | TRẦN ĐỨC           | KHIÊM     | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.6   | 9.0  | 8.0        |            |         |
| 777 | 0109107 | 022210007829 | NGUYỄN ANH         | KHOA      | 02/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 5.5          | 9.8   | 6.75 | 7.1        |            |         |
| 778 | 0109108 | 022210011451 | NGUYỄN ĐỨC         | KHOA      | 05/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Tử Long                                      | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.75         | 10.0  | 8.75 | 7.2        |            |         |
| 779 | 0109109 | 022210002146 | NGUYỄN THẾ         | KIÊN      | 10/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 8.5  | 5.5        |            |         |
| 780 | 0109110 | 022210002718 | ĐẶNG BÀ            | LÂM       | 03/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.6   | 8.5  | 4.4        |            |         |
| 781 | 0109111 | 022210005769 | HOÀNG TÙNG         | LÂM       | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          | Lịch sử            | 4.5          | 9.6   | 6.75 | 5.6        | 3.5        |         |
| 782 | 0109112 | 022310002091 | NGUYỄN MAI         | LÂM       | 19/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hồng Thái Đông                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.8   | 7.5  | 5.3        |            |         |
| 783 | 0109113 | 022210008100 | PHẠM HỮU           | LÂM       | 10/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trới                                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.4   | 7.25 | 2.65       |            |         |
| 784 | 0109114 | 022310006754 | PHẠM TUỆ           | LÂM       | 15/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.4   | 7.75 | 5.05       |            |         |
| 785 | 0109115 | 022310012677 | DƯƠNG KHÁNH        | LINH      | 09/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.4   | 8.0  | 3.2        |            |         |
| 786 | 0109116 | 034310003130 | ĐẶNG HOÀNG         | LINH      | 15/11/2010 | Thái Bình   | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.8   | 7.75 | 2.5        |            |         |
| 787 | 0109117 | 022310001739 | ĐOÀN KHÁNH         | LINH      | 18/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.6   | 8.0  | 4.0        |            |         |
| 788 | 0109118 | 022310008139 | ĐOÀN PHƯƠNG        | LINH      | 13/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.25         | 9.6   | 6.75 | 4.0        |            |         |
| 789 | 0109119 | 022999999999 | LEE CHANG          | LINH      | 25/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | gười nước ngoLiên cấp Quốc tế Singapore               | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.2   | 8.75 | 6.0        |            |         |
| 790 | 0109120 | 022310009932 | LỤC TỎ             | LINH      | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Sán DiuTHCS Bãi Cháy                                  | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 9.25         | 9.6   | 7.5  | 2.8        |            |         |
| 791 | 0109121 | 022310004228 | LƯƠNG TUỆ          | LINH      | 27/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | TâyTHCS Trọng Điểm                                    | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 8.0  | 6.6        |            |         |
| 792 | 0109122 | 022310008172 | NGUYỄN BẢO         | LINH      | 21/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.5          | 10.0  | 8.5  | 7.15       |            |         |
| 793 | 0109123 | 022310010230 | NGUYỄN ĐẶNG THỦY   | LINH      | 12/12/2010 | Thái Nguyên | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 10.0  | 8.5  | 6.0        |            |         |
| 794 | 0109124 | 022310004766 | NGUYỄN LÊ GIA      | LINH      | 21/07/2010 | Hải Dương   | Nữ               | THCS Bình Dương                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 8.8   | 7.25 | 2.1        |            |         |
| 795 | 0109125 | 022310011125 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG | LINH      | 26/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xanh Tuệ Đức       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 8.4   | 7.0  | 3.2        |            |         |
| 796 | 0109126 | 022310006192 | NGUYỄN THẢO        | LINH      | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Thị trấn Bình Liêu                               | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0  | 7.0  | 5.7        |            |         |
| 797 | 0109127 | 034310001872 | TRẦN VŨ HÀ         | LINH      | 16/08/2010 | Thái Bình   | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.8   | 8.75 | 4.2        |            |         |
| 798 | 0109128 | 022310012020 | TRƯƠNG KHÁNH       | LINH      | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Ka Long                                          | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 8.25 | 7.2        |            |         |
| 799 | 0109129 | 031310013747 | VŨ CÁT             | LINH      | 21/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                            | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.8   | 7.25 | 3.2        |            |         |
| 800 | 0109130 | 022310005997 | VŨ NGỌC MAI        | LINH      | 02/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8   | 8.75 | 7.3        |            |         |
| 801 | 0109131 | 022210001427 | NGUYỄN ĐỨC         | LƯƠNG     | 07/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 5.5          | 9.2   | 8.5  | 1.85       |            |         |
| 802 | 0109132 | 022310001997 | NGUYỄN VŨ MAI      | LY        | 30/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.8   | 7.25 | 3.95       |            |         |
| 803 | 0109133 | 001310035394 | BÙI LÊ             | MAI       | 04/05/2010 | Hà Nội      | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 9.25         | 10.0  | 8.75 | 7.2        |            |         |
| 804 | 0109134 | 022310008685 | BÙI NGỌC           | MINH      | 28/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 10.0  | 8.5  | 5.45       |            |         |
| 805 | 0109135 | 022310007492 | BÙI THỊ XUÂN       | MINH      | 06/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Việt Hưng                                        | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 10.0  | 8.0  | 6.6        |            |         |
| 806 | 0109136 | 022210001095 | ĐƯƠNG TUẤN         | MINH      | 06/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.8   | 8.5  | 6.55       |            |         |
| 807 | 0109137 | 022210002820 | ĐINH VŨ KHÁ        | MINH      | 28/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 10.0  | 8.0  | 5.8        |            |         |
| 808 | 0109138 | 022210012207 | LÊ BẢO             | MINH      | 31/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.25         | 9.6   | 8.75 | 7.0        |            |         |
| 809 | 0109139 | 022210011663 | NGUYỄN HIẾU        | MINH      | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.8   | 8.0  | 5.85       |            |         |
| 810 | 0109140 | 022210004997 | NGUYỄN NHẬT        | MINH      | 17/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8   | 8.0  | 6.85       |            |         |
| 811 | 0109141 | 022210000424 | NGUYỄN QUANG       | MINH      | 02/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.8   | 9.0  | 8.0        |            |         |
| 812 | 0109142 | 022210009220 | NGUYỄN VĂN         | MINH      | 05/02/2010 | Hải Dương   | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.5          | 10.0  | 8.5  | 7.7        |            |         |
| 813 | 0109143 | 022210006106 | NGUYỄN VĂN ANH     | MINH      | 21/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.2   | 7.75 | 4.8        |            |         |
| 814 | 0109144 | 022210010871 | VŨ DUY             | MINH      | 14/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Mông Dương                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.6   | 8.0  | 5.1        |            |         |
| 815 | 0109145 | 022210000604 | VŨ TUẤN            | MINH      | 07/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.6   | 8.5  | 6.35       |            |         |
| 816 | 0109146 | 022310002496 | BÙI TRÀ            | MY        | 16/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0  | 8.75 | 7.35       |            |         |
| 817 | 0109147 | 022310007930 | CAO TRẦN HÀ        | MY        | 19/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.2   | 8.75 | 3.8        |            |         |
| 818 | 0109148 | 022310006752 | ĐOÀN HUYỀN         | MY        | 24/04/2010 | Hải Phòng   | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 10.0  | 8.5  | 6.8        |            |         |
| 819 | 0109149 | 022310001390 | NGUYỄN HÀ          | MY        | 12/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.2   | 8.0  | 3.5        |            |         |
| 820 | 0109150 | 022310011041 | NGUYỄN HÀ          | MY        | 01/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.4   | 8.25 | 4.2        |            |         |
| 821 | 0109151 | 022310000112 | NGUYỄN HUYỀN       | MY        | 10/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.6   | 8.0  | 7.0        |            |         |
| 822 | 0109152 | 022310006872 | NGUYỄN PHƯƠNG TRẢ  | MY        | 28/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.4   | 7.75 | 3.4        |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|--------------------|-----------|------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                    |           |            |             |                  |                                                       |           |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 823 | 0109153 | 022210011607 | HỒ TUỆ             | NAM       | 16/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.25         | 10.0   | 8.25 | 7.3        |            |         |
| 824 | 0109154 | 022210007585 | LÊ BẢO             | NAM       | 23/10/2010 | Hà Nội      | Nam              | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.25         | 9.4    | 7.75 | 5.4        |            |         |
| 825 | 0109155 | 030310000407 | NGUYỄN TRƯỜNG THẢO | NAM       | 21/04/2010 | Hà Nội      | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 9.0          | 10.0   | 9.0  | 7.3        |            |         |
| 826 | 0109156 | 022210001324 | PHẠM BẢO           | NAM       | 28/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.6    | 8.5  | 4.1        |            |         |
| 827 | 0109157 | 031210002815 | VŨ THÀNH           | NAM       | 09/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0   | 8.0  | 7.45       |            |         |
| 828 | 0109158 | 022310008989 | LÝ THỊ QUỲNH       | NGA       | 25/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Sán Diu                                               | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.6    | 7.5  | 5.1        |            |         |
| 829 | 0109159 | 034310000396 | PHẠM TỔ            | NGA       | 17/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Liên cấp Quốc tế Singapore                            | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 8.6    | 7.0  | 3.0        |            |         |
| 830 | 0109160 | 022310002302 | ĐINH THỊ BẢO       | NGOC      | 16/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.2    | 9.0  | 2.15       |            |         |
| 831 | 0109161 | 022310007749 | LÊ MINH            | NGOC      | 02/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Móng Dương                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.8    | 7.25 | 4.5        |            |         |
| 832 | 0109162 | 022310010107 | NGUYỄN KHÁNH       | NGOC      | 27/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.75         | 9.6    | 9.0  | 5.8        |            |         |
| 833 | 0109163 | 022310007686 | NGUYỄN LINH        | NGOC      | 30/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 10.0   | 8.75 | 8.15       |            |         |
| 834 | 0109164 | 022310008448 | NGUYỄN THỊ BẢO     | NGOC      | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          | Tiếng Trung        | 8.25         | 9.0    | 8.0  | 2.75       | 1.5        |         |
| 835 | 0109165 | 022310005018 | PHẠM KHÁNH         | NGOC      | 27/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          | Tiếng Trung        | 8.0          | 10.0   | 8.5  | 7.5        | 6.35       |         |
| 836 | 0109166 | 022310010778 | VŨ BÍCH            | NGOC      | 05/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.6    | 8.5  | 4.6        |            |         |
| 837 | 0109167 | 022210001643 | HOÀNG KHÔI         | NGUYỄN    | 02/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trôi                                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.6    | 7.75 | 7.45       |            |         |
| 838 | 0109168 | 022210005545 | NGUYỄN LÂM         | NGUYỄN    | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.8    | 8.5  | 6.4        |            |         |
| 839 | 0109169 | 022210009486 | ĐẶNG LONG          | NGUYỄN    | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm                     | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.4    | 8.0  | 4.35       |            |         |
| 840 | 0109170 | 022310001353 | BÙI LÊ UYÊN        | NHI       | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | TH&THCS Minh Khai                                     | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.6    | 7.75 | 7.4        |            |         |
| 841 | 0109171 | 022310007470 | NGÔ YẾN            | NHI       | 05/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          | Lịch sử            | 7.25         | 9.6    | 8.25 | 6.2        | 3.75       |         |
| 842 | 0109172 | 022210006166 | NGUYỄN PHÚC        | NINH      | 07/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Cao Thăng                                        | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8    | 8.0  | 3.7        |            |         |
| 843 | 0109173 | 022310006962 | NGUYỄN NGỌC KIỀU   | OANH      | 27/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.6    | 9.0  | 6.4        |            |         |
| 844 | 0109174 | 022310009796 | PHẠM KIỀU          | OANH      | 12/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.8    | 8.0  | 4.2        |            |         |
| 845 | 0109175 | 037210003118 | ĐỖ HẢI             | PHONG     | 02/11/2010 | Ninh Bình   | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0   | 9.0  | 6.7        |            |         |
| 846 | 0109176 | 022210010542 | NGUYỄN TUẤN        | PHONG     | 14/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 10.0   | 8.5  | 7.35       |            |         |
| 847 | 0109177 | 022210004186 | TRẦN NAM           | PHONG     | 25/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.4    | 7.0  | 5.2        |            |         |
| 848 | 0109178 | 022210001091 | TRẦN TRIỆU         | PHONG     | 06/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.8    | 8.5  | 5.6        |            |         |
| 849 | 0109179 | 022210000499 | VŨ HÀ DUY          | PHÚC      | 12/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.6    | 8.5  | 5.45       |            |         |
| 850 | 0109180 | 022310005663 | NGUYỄN MAI         | PHƯƠNG    | 29/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0   | 8.25 | 6.1        |            |         |
| 851 | 0109181 | 022310009503 | NGUYỄN THU         | PHƯƠNG    | 12/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.8    | 8.75 | 6.8        |            |         |
| 852 | 0109182 | 022310006290 | NGUYỄN TRIỆU       | PHƯƠNG    | 09/07/2010 | Điện Biên   | Nữ               | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8    | 7.75 | 4.25       |            |         |
| 853 | 0109183 | 022310005111 | PHẠM HỒNG          | PHUÔNG    | 22/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 10.0   | 8.25 | 7.5        |            |         |
| 854 | 0109184 | 022310012724 | VŨ HÀ              | PHƯƠNG    | 29/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 8.6    | 6.0  | 1.8        |            |         |
| 855 | 0109185 | 022210002348 | PHẠM ANH           | QUẦN      | 04/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hà Tu                                            | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 10.0   | 8.25 | 5.6        |            |         |
| 856 | 0109186 | 019210000250 | VŨ NGUYỄN HOÀNG    | QUẦN      | 24/11/2010 | Thái Nguyên | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông                 | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 10.0   | 8.0  | 6.1        |            |         |
| 857 | 0109187 | 022210001561 | NGUYỄN XUÂN        | QUỲ       | 21/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8    | 7.0  | 6.0        |            |         |
| 858 | 0109188 | 022310008993 | NGÔ THU            | QUỲNH     | 02/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.75         | 9.6    | 8.25 | 3.3        |            |         |
| 859 | 0109189 | 030310002951 | NGUYỄN LAM         | QUỲNH     | 10/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.5          | 9.6    | 8.75 | 5.85       |            |         |
| 860 | 0109190 | 022210007388 | BÙI QUANG BẢO      | SƠN       | 11/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 5.75         | 9.2    | 6.0  | 3.45       |            |         |
| 861 | 0109191 | 022210003817 | ĐƯƠNG THÁI         | SƠN       | 11/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.4    | 6.75 | 4.35       |            |         |
| 862 | 0109192 | 022210005835 | ĐÀO HẢI            | SƠN       | 19/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.6    | 8.5  | 5.1        |            |         |
| 863 | 0109193 | 022210004805 | ĐOÀN MINH          | SƠN       | 11/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.91         | 9.6    | 8.25 | 5.0        |            |         |
| 864 | 0109194 | 022210006044 | HÀ KHÁNH           | SƠN       | 05/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8    | 7.5  | 6.9        |            |         |
| 865 | 0109195 | 022210005204 | VŨ HOÀNG           | SƠN       | 20/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Yên Hải                                          | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 8.6    | 6.0  | 4.0        |            |         |
| 866 | 0109196 | 022210011620 | NGUYỄN ANH         | THÁI      | 21/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.8    | 9.0  | 1.7        |            |         |
| 867 | 0109197 | 022210009738 | NGUYỄN VIỆT        | THÁI      | 11/11/2010 | Nghệ An     | Nam              | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 8.8    | 8.25 | 3.1        |            |         |
| 868 | 0109198 | 022310010251 | TRẦN VŨ HUYỀN      | THANH     | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Mao Khê II                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.4    | 9.0  | 4.2        |            |         |
| 869 | 0109199 | 022210009062 | NGUYỄN NGỌC        | THÀNH     | 14/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.8    | 7.25 | 4.0        |            |         |
| 870 | 0109200 | 022310005701 | CHU PHƯƠNG         | THẢO      | 03/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.75         | 10.0   | 8.0  | 5.0        |            |         |
| 871 | 0109201 | 036310005969 | NGUYỄN PHƯƠNG      | THẢO      | 31/01/2010 | Nam Định    | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.5          | 9.4    | 8.5  | 4.8        |            |         |
| 872 | 0109202 | 022310011960 | HOÀNG HÀ           | THU       | 21/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trôi                                             | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.8    | 7.75 | 4.2        |            |         |
| 873 | 0109203 | 022310006547 | NGUYỄN MINH        | THU       | 09/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 8.25         | 9.6    | 8.0  | 3.85       |            |         |
| 874 | 0109204 | 022310003359 | NGUYỄN PHƯƠNG      | THU       | 28/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.8    | 9.0  | 5.2        |            |         |
| 875 | 0109205 | 022310010456 | PHẠM THANH         | THUY      | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.8    | 7.75 | 6.2        |            |         |
| 876 | 0109206 | 022310003229 | NGUYỄN THANH       | THƯ       | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.08         | 9.8    | 8.25 | 4.6        |            |         |
| 877 | 0109207 | 022310011381 | VŨ ANH             | THƯ       | 20/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hà Tu                                            | Tiếng Anh | Tiếng Anh          |                    | 6.33         | 9.8    | 8.0  | 5.6        |            |         |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính               | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ   | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            |            | Ghi chú                  |
|-----|---------|--------------|---------------------|-----------|------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|------------|--------------------------|
|     |         |              |                     |           |            |                         |                  |                                                       |             |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |                          |
| 878 | 0109208 | 022310001173 | NGUYỄN THUY         | TIẾN      | 12/10/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trong Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.8    | 8.0  | 3.2        |            |                          |
| 879 | 0109209 | 022210008776 | NGUYỄN MINH         | TIẾN      | 13/01/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.8    | 8.5  | 6.4        |            |                          |
| 880 | 0109210 | 033210002847 | PHẠM TIẾN           | TOÀN      | 25/08/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 6.25         | 9.2    | 8.0  | 4.8        |            |                          |
| 881 | 0109211 | 022310006416 | ĐỒNG BẢO            | TRANG     | 28/08/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trong Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.0    | 8.5  | 4.1        |            |                          |
| 882 | 0109212 | 022310007340 | LÊ PHƯƠNG           | TRANG     | 20/03/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.8    | 7.75 | 5.6        |            |                          |
| 883 | 0109213 | 022310006608 | NGUYỄN THUY         | TRANG     | 22/02/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                                      | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.8    | 8.5  | 4.4        |            |                          |
| 884 | 0109214 | 022310010458 | PHÙNG NGÂN          | TRANG     | 08/12/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.4    | 7.5  | 3.4        |            |                          |
| 885 | 0109215 | 022310011816 | VŨ BẢO              | TRẦN      | 27/09/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 9.2    | 7.25 | 6.5        |            |                          |
| 886 | 0109216 | 001210019487 | NGUYỄN CÔNG         | TRÍ       | 03/03/2010 | Hà Nội                  | Nam              | THCS Trong Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 10.0   | 9.0  | 5.2        |            |                          |
| 887 | 0109217 | 022210006759 | PHẠM HOÀNG          | TRUNG     | 19/06/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.6    | 7.75 | 5.8        |            |                          |
| 888 | 0109218 | 022210000497 | PHẠM THÀNH          | TRUNG     | 08/02/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Trong Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 6.0          | 9.8    | 8.5  | 7.55       |            |                          |
| 889 | 0109219 | 022210011845 | NGUYỄN TUÂN         | TÚ        | 01/02/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Trong Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.75         | 10.0   | 8.75 | 6.0        |            |                          |
| 890 | 0109220 | 022210011280 | HÀ ANH              | TUÂN      | 28/08/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.8    | 8.5  | 6.9        |            |                          |
| 891 | 0109221 | 022210010244 | PHẠM ANH            | TUÂN      | 16/03/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 6.5          | 9.6    | 8.0  | 3.4        |            |                          |
| 892 | 0109222 | 022210004365 | ĐOÀN MANH           | TÙNG      | 07/02/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 9.8    | 8.5  | 6.0        |            |                          |
| 893 | 0109223 | 022210009114 | NGUYỄN VŨ           | TÙNG      | 16/10/2010 | Quảng Ninh.             | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn                                | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 10.0   | 8.0  | 7.5        |            |                          |
| 894 | 0109224 | 022310003189 | VŨ MINH             | TUYẾT     | 10/05/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.5          | 9.6    | 6.75 | 3.0        |            |                          |
| 895 | 0109225 | 022310003533 | ĐỖ KHÁNH            | UYÊN      | 29/04/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.8    | 7.75 | 5.9        |            |                          |
| 896 | 0109226 | 022310011249 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG    | UYÊN      | 18/02/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.8    | 9.0  | 6.5        |            |                          |
| 897 | 0109227 | 022310002915 | VŨ KHÁNH            | VĂN       | 29/09/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.0          | 9.4    | 7.0  | 3.8        |            |                          |
| 898 | 0109228 | 022210011056 | LÊ THÀNH            | VINH      | 04/01/2010 | Hà Nội                  | Nam              | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 5.5          | 9.6    | 8.25 | 6.7        |            |                          |
| 899 | 0109229 | 022210012510 | NGUYỄN ĐỨC THÀNH    | VINH      | 07/04/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 6.75         | 10.0   | 8.75 | 7.4        |            |                          |
| 900 | 0109230 | 022210005397 | TRẦN HUY            | VŨ        | 16/11/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí                         | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 7.25         | 9.2    | 7.0  | 5.0        |            |                          |
| 901 | 0109231 | 022310008502 | LÊ NGUYỄN HÀ        | VY        | 05/01/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh   | Tiếng Anh          |                    | 8.0          | 9.2    | 7.75 | 3.8        |            |                          |
| 902 | 0110001 | 022310007467 | BÙI HÒA             | AN        | 31/07/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.25         | 9.6    | 8.5  | 5.9        |            |                          |
| 903 | 0110002 | 284310000022 | ĐẶNG TÂM            | AN        | 08/09/2010 | Adelaide - Ô-xtrây-li-a | Nữ               | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Tiếng Anh          | 8.0          | 9.6    | 8.75 | 7.85       | 4.5        |                          |
| 904 | 0110003 | 022310004518 | ĐINH KHÁNH          | AN        | 01/06/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Ngữ Văn            | 7.25         | 7.4    | 8.0  | 3.7        | 5.0        |                          |
| 905 | 0110004 | 022310009432 | LÊ TƯỜNG            | AN        | 14/01/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.75         | 9.4    | 8.0  | 6.05       |            |                          |
| 906 | 0110005 | 022210002001 | NGUYỄN THÁI         | AN        | 23/02/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.0          | 8.2    | 8.25 |            |            | Môn chuyên NV1: Vắng thi |
| 907 | 0110006 | 022210008250 | BÙI HỒNG            | ANH       | 07/05/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 8.2    | 7.5  | 4.1        |            |                          |
| 908 | 0110007 | 022310002037 | BÙI TRÂM            | ANH       | 27/09/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 9.4    | 8.25 | 8.0        |            |                          |
| 909 | 0110008 | 022310006940 | ĐINH XUÂN           | ANH       | 07/11/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.75         | 9.6    | 9.0  | 8.05       |            |                          |
| 910 | 0110009 | 022310006411 | LÊ BẢO              | ANH       | 16/05/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.5          | 9.0    | 8.25 | 7.45       |            |                          |
| 911 | 0110010 | 022310001019 | LÊ KIM              | ANH       | 21/11/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.25         | 9.2    | 7.0  | 6.3        |            |                          |
| 912 | 0110011 | 001310027757 | LƯU DIỆP            | ANH       | 09/11/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 8.2    | 6.5  | 5.4        |            |                          |
| 913 | 0110012 | 022310002827 | NGUYỄN HUYỀN        | ANH       | 11/11/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.75         | 9.2    | 6.75 | 5.45       |            |                          |
| 914 | 0110013 | 022310012691 | NGUYỄN PHƯƠNG       | ANH       | 03/04/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Tiếng Anh          | 7.25         | 9.8    | 9.0  | 8.4        |            | Môn chuyên NV2: Vắng thi |
| 915 | 0110014 | 022310003590 | NGUYỄN QUỲNH        | ANH       | 04/08/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.0          | 9.0    | 6.75 | 5.55       |            |                          |
| 916 | 0110015 | 022310006051 | TRẦN HÀ             | ANH       | 28/12/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.75         | 10.0   | 8.25 | 5.25       |            |                          |
| 917 | 0110016 | 022210010233 | NGÔ BẢO             | CHÁU      | 03/11/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Hòa Lạc                                          | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.75         | 9.9    | 8.5  | 8.4        |            |                          |
| 918 | 0110017 | 022310003905 | BÙI THỦY            | CHI       | 11/04/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 6.9    | 8.5  | 7.55       |            |                          |
| 919 | 0110018 | 022310003773 | NGUYỄN BẢO          | CHI       | 24/02/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 9.6    | 8.0  | 7.65       |            |                          |
| 920 | 0110019 | 022310005619 | NGUYỄN MAI          | CHI       | 19/05/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Ka Long                                          | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 9.6    | 7.75 | 8.25       |            |                          |
| 921 | 0110020 | 022210008420 | TRẦN VIỆT           | CƯỜNG     | 16/01/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 7.4    | 7.0  | 3.6        |            |                          |
| 922 | 0110021 | 022310002382 | NGUYỄN THUY         | DUNG      | 21/04/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 9.2    | 5.25 | 2.7        |            |                          |
| 923 | 0110022 | 022210021046 | NGUYỄN MANH         | DỪNG      | 22/06/2010 | Quảng Ninh              | Nam              | THCS Minh Thành                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.25         | 6.0    | 6.25 | 4.15       |            |                          |
| 924 | 0110023 | 030210004439 | VŨ TIẾN             | DỪNG      | 18/08/2010 | Hải Dương               | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Tiếng Anh          | 7.0          | 9.4    | 8.75 | 5.4        | 3.7        |                          |
| 925 | 0110024 | 022310009052 | NGUYỄN THỦY         | DƯƠNG     | 14/12/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 8.6    | 7.5  | 7.25       |            |                          |
| 926 | 0110025 | 022310004333 | VŨ THỦY             | DƯƠNG     | 19/02/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 8.6    | 8.0  | 6.6        |            |                          |
| 927 | 0110026 | 022310002813 | PHẠM HƯƠNG          | GIANG     | 02/02/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.25         | 6.9    | 5.5  | 5.1        |            |                          |
| 928 | 0110027 | 022310010413 | VŨ HƯƠNG            | GIANG     | 27/12/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trọng Diễm                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.75         | 8.8    | 6.75 | 7.8        |            |                          |
| 929 | 0110028 | 022310003295 | ĐOÀN LÊ NGOC        | HÀ        | 23/03/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 5.75         | 5.4    | 7.0  | 2.9        |            |                          |
| 930 | 0110029 | 022310004034 | LÊ HAI              | HÀ        | 09/09/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                            | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.75         | 8.6    | 7.0  | 7.3        |            |                          |
| 931 | 0110030 | 022310009338 | NGUYỄN MINH THANH   | HÀ        | 20/03/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | TH và THCS Tuần Châu                                  | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 9.2    | 7.0  | 7.6        |            |                          |
| 932 | 0110031 | 022310001304 | TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH | HÀ        | 30/09/2010 | Quảng Ninh              | Nữ               | THCS Chu Văn An                                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.75         | 8.8    | 8.25 | 7.75       |            |                          |

## Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01)

| STT | SBD     | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ   | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |       |      |            |            | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|--------------|-------|------|------------|------------|---------|
|     |         |              |                   |           |            |            |                  |                                           |             |                    |                    | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán | Chuyên NV1 | Chuyên NV2 |         |
| 933 | 0110032 | 022310000070 | BÙI THU           | HÀNG      | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 8.0   | 7.5  | 7.8        |            |         |
| 934 | 0110033 | 022310000372 | NGUYỄN GIA        | HÀN       | 24/12/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 8.3   | 7.25 | 4.6        |            |         |
| 935 | 0110034 | 022210004501 | LÊ VIỆT           | HOÀNG     | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hải Yên                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 6.0          | 9.0   | 8.0  | 6.75       |            |         |
| 936 | 0110035 | 022210003482 | ĐOÀN GIA          | HUY       | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Tiếng Anh          | 7.5          | 8.6   | 7.75 | 6.2        | 3.8        |         |
| 937 | 0110036 | 022310010936 | LŨNG NGỌC         | HUYỀN     | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông     | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 9.2   | 7.75 | 8.2        |            |         |
| 938 | 0110037 | 022210009524 | NGUYỄN HÀ         | LÂM       | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hải Yên                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 9.1   | 7.5  | 5.3        |            |         |
| 939 | 0110038 | 022310003114 | ĐOÀN KHÁNH        | LÊ        | 07/06/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                 | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 6.8   | 6.25 | 2.5        |            |         |
| 940 | 0110039 | 022310004829 | BÙI NGỌC          | LINH      | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.25         | 9.9   | 8.0  | 6.4        |            |         |
| 941 | 0110040 | 022310008616 | HOÀNG KHÁNH       | LINH      | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Tiếng Anh          | 7.25         | 8.6   | 7.5  | 5.05       | 1.8        |         |
| 942 | 0110041 | 022310001924 | NGUYỄN THỦY       | LINH      | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hà Tu                                | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Ngữ Văn            | 7.25         | 9.0   | 7.75 | 6.8        | 4.0        |         |
| 943 | 0110042 | 034310013944 | PHẠM VI           | LINH      | 02/04/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Ngữ Văn            | 5.75         | 7.2   | 7.25 | 5.2        | 4.5        |         |
| 944 | 0110043 | 030310010217 | VŨ HÀ             | LINH      | 22/09/2010 | Hải Dương  | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 8.0   | 6.5  | 4.5        |            |         |
| 945 | 0110044 | 022310010070 | VŨ MAI            | LINH      | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 6.9   | 8.5  | 7.4        |            |         |
| 946 | 0110045 | 022310006871 | NGUYỄN PHƯƠNG     | LY        | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH&THCS Minh Khai                         | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 8.0   | 6.75 | 6.05       |            |         |
| 947 | 0110046 | 022310004665 | CAO PHƯƠNG        | MAI       | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.75         | 6.8   | 5.5  | 2.3        |            |         |
| 948 | 0110047 | 022310011395 | BÙI NGỌC          | MY        | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.5          | 9.4   | 8.0  | 5.75       |            |         |
| 949 | 0110048 | 022310004249 | PHẠM THU          | NGA       | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 8.4   | 6.75 | 5.95       |            |         |
| 950 | 0110049 | 022310005481 | HÀN KIM BAO       | NGÂN      | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 9.6   | 7.0  | 7.85       |            |         |
| 951 | 0110050 | 022310002204 | NGUYỄN KHÁNH      | NGOC      | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 8.0   | 6.75 | 5.6        |            |         |
| 952 | 0110051 | 022310007173 | NGUYỄN PHÚC THIÊN | NGOC      | 27/01/2010 | Hà Nam     | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.5          | 8.6   | 7.75 | 6.35       |            |         |
| 953 | 0110052 | 022310012651 | NGUYỄN TIÊU       | NGOC      | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.5          | 9.1   | 8.5  | 5.65       |            |         |
| 954 | 0110053 | 022310005090 | PHẠM MINH         | NGOC      | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.25         | 3.3   | 6.0  | 2.45       |            |         |
| 955 | 0110054 | 022210000911 | HAO TÂN           | NGUYỄN    | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 5.5          | 9.3   | 7.25 | 7.0        |            |         |
| 956 | 0110055 | 022310012026 | NGUYỄN MINH       | NGUYỆT    | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hải Đông                             | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 5.0          | 9.2   | 7.25 | 6.35       |            |         |
| 957 | 0110056 | 022310008743 | NGUYỄN TRẦN THANH | NHÂN      | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 9.2   | 6.5  | 2.4        |            |         |
| 958 | 0110057 | 022310001262 | CHU BẢO           | NHI       | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 8.5          | 7.7   | 8.0  | 7.9        |            |         |
| 959 | 0110058 | 022310005815 | NGO YẾN           | NHI       | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 6.25         | 6.5   | 5.75 | 4.35       |            |         |
| 960 | 0110059 | 022310005816 | LÊ TÂM            | NHƯ       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Đại Yên                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 6.8   | 5.5  | 6.4        |            |         |
| 961 | 0110060 | 034210009679 | NGUYỄN HOÀNG HAI  | PHONG     | 05/07/2010 | Thái Bình  | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 9.0   | 8.5  | 6.85       |            |         |
| 962 | 0110061 | 022310002417 | TRẦN HÀ           | PHƯƠNG    | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        | Ngữ Văn            | 6.75         | 9.4   | 8.75 | 7.65       | 4.5        |         |
| 963 | 0110062 | 022310000148 | TRẦN NGUYỄN HÀ    | PHƯƠNG    | 19/04/2010 | Hà Tĩnh    | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.25         | 8.4   | 6.0  | 7.45       |            |         |
| 964 | 0110063 | 022210021061 | ĐẶNG HÙNG         | SƠN       | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hòa Lạc                              | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 9.6   | 8.0  | 6.1        |            |         |
| 965 | 0110064 | 022310000765 | ĐƯƠNG THỊ THANH   | THANH     | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 7.5   | 7.75 | 6.3        |            |         |
| 966 | 0110065 | 022210003259 | TRẦN ĐỨC          | THẮNG     | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 5.5          | 8.8   | 7.25 | 6.0        |            |         |
| 967 | 0110066 | 022310007622 | TRẦN KHÁNH        | THI       | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 8.8   | 8.0  | 6.5        |            |         |
| 968 | 0110067 | 022310008079 | ĐOÀN NGUYỄN ANH   | THƯ       | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.0          | 8.8   | 7.5  | 7.35       |            |         |
| 969 | 0110068 | 022310008942 | HOÀNG ĐIỀU BẢO    | THƯ       | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 8.0   | 7.75 | 5.75       |            |         |
| 970 | 0110069 | 022310007017 | NGUYỄN HOÀI       | THƯƠNG    | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Ninh Dương                           | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 7.0          | 9.0   | 7.0  | 6.6        |            |         |
| 971 | 0110070 | 022310006966 | PHẠM YẾN          | TRANG     | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Ninh Dương                           | Tiếng Trung | Tiếng Trung        |                    | 5.5          | 9.6   | 7.25 | 7.1        |            |         |
| 972 | 0110071 | 022210005171 | NGUYỄN ĐÌNH       | TUẤN      | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 7.0   | 5.25 | 4.5        |            |         |
| 973 | 0110072 | 031210000105 | PHẠM MINH         | TUẤN      | 18/05/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                       | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 5.75         | 7.6   | 6.25 | 5.65       |            |         |
| 974 | 0110073 | 022310000123 | HERI HỨA TÂM      | TUỆ       | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.5          | 8.4   | 6.5  | 5.0        |            |         |
| 975 | 0110074 | 022310011382 | CAO THANH         | VĂN       | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 5.75         | 8.6   | 7.75 | 6.55       |            |         |
| 976 | 0110075 | 034310012602 | HOÀNG MAI PHƯƠNG  | VY        | 15/10/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Cao Thắng                            | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 6.0          | 9.8   | 8.0  | 7.35       |            |         |
| 977 | 0110076 | 022310005527 | VŨ PHƯƠNG         | VY        | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 5.0          | 8.6   | 8.5  | 7.55       |            |         |
| 978 | 0110077 | 001310037787 | NGUYỄN LÊ HOÀNG   | YẾN       | 24/09/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Hồng Hải                             | Tiếng Anh   | Tiếng Trung        |                    | 8.25         | 8.6   | 8.0  | 5.2        |            |         |
| 979 | 0111001 | 037310001939 | NGÔ MAI           | ANH       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 7.0          | 7.6   | 5.0  | 5.5        |            |         |
| 980 | 0111002 | 022310001473 | NGUYỄN LAN        | ANH       | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 7.0          | 7.8   | 7.25 | 6.0        |            |         |
| 981 | 0111003 | 022210006641 | PHẠM GIA          | BẢO       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 7.0          | 7.6   | 8.25 | 6.6        |            |         |
| 982 | 0111004 | 022310011090 | PHÍ VŨ NGỌC       | BÍCH      | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 5.75         | 9.0   | 7.25 | 8.0        |            |         |
| 983 | 0111005 | 022310006950 | NGUYỄN THUY       | CHI       | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 6.5          | 6.8   | 5.75 | 5.0        |            |         |
| 984 | 0111006 | 022210011432 | NGUYỄN ĐÌNH       | DUƠNG     | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 6.0          | 8.4   | 6.25 | 5.8        |            |         |
| 985 | 0111007 | 022210012155 | LÊ THÀNH          | ĐẠT       | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 4.25         | 6.2   | 6.5  | 5.9        |            |         |
| 986 | 0111008 | 022210003055 | HOÀNG MINH        | ĐỨC       | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 4.5          | 8.0   | 7.25 | 6.0        |            |         |
| 987 | 0111009 | 022210002341 | PHÍ NGỌC          | ĐỨC       | 22/09/2010 | Hải Phòng  | Nam              | Trường THPT Hòn Gai                       | Tiếng Pháp  | Tiếng Pháp         |                    | 4.5          | 6.6   | 6.5  | 5.7        |            |         |

| Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hạ Long (22000F01) |         |              |                  |           |            |            |                  |                     |            |                    |                    |              |        |      |            |         |
|-----------------------------------------------|---------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|---------------------|------------|--------------------|--------------------|--------------|--------|------|------------|---------|
| STT                                           | SBD     | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ  | Môn thi chuyên NV1 | Môn thi chuyên NV2 | Điểm bài thi |        |      |            | Ghi chú |
|                                               |         |              |                  |           |            |            |                  |                     |            |                    |                    | Ngữ văn      | N. ngữ | Toán | Chuyên NV1 |         |
| 988                                           | 0111010 | 022310008620 | LÊ PHƯƠNG        | HÀ        | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 6.5          | 7.6    | 7.5  | 5.0        |         |
| 989                                           | 0111011 | 022210003494 | PHẠM TRÍ         | HẢI       | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 5.5          | 8.4    | 8.75 | 5.8        |         |
| 990                                           | 0111012 | 022310004873 | NGUYỄN THANH     | HẰNG      | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.25         | 7.8    | 6.75 | 6.2        |         |
| 991                                           | 0111013 | 022310004221 | ĐỖ KHÁNH         | HÒA       | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 6.0          | 8.4    | 5.25 | 7.2        |         |
| 992                                           | 0111014 | 022210006484 | NGUYỄN MINH      | HÙNG      | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.25         | 8.2    | 7.25 | 8.4        |         |
| 993                                           | 0111015 | 022210004964 | VŨ TIẾN          | HUNG      | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 8.0          | 6.8    | 8.75 | 6.3        |         |
| 994                                           | 0111016 | 022210006509 | TÔ HOÀNG HUY     | KHÁNH     | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 8.0          | 9.0    | 7.5  | 7.7        |         |
| 995                                           | 0111017 | 022310002781 | NGUYỄN HÀ        | LINH      | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.0          | 8.2    | 6.75 | 6.7        |         |
| 996                                           | 0111018 | 022310002039 | NGUYỄN LÊ THẢO   | LINH      | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 8.0          | 7.0    | 6.75 | 5.4        |         |
| 997                                           | 0111019 | 022310007824 | ĐÀO VŨ PHƯƠNG    | LY        | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 6.5          | 6.2    | 6.75 | 5.8        |         |
| 998                                           | 0111020 | 022310009997 | ĐẶNG XUÂN        | MAI       | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.5          | 8.2    | 6.25 | 8.0        |         |
| 999                                           | 0111021 | 035310002539 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | MAI       | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.5          | 6.0    | 6.0  | 3.0        |         |
| 1000                                          | 0111022 | 022310009371 | VŨ NGỌC          | MAI       | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 5.5          | 8.0    | 7.75 | 7.1        |         |
| 1001                                          | 0111023 | 030210003463 | ĐỖ NGỌC          | MINH      | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.5          | 8.4    | 7.75 | 6.6        |         |
| 1002                                          | 0111024 | 022310004245 | PHẠM HÀ          | MY        | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 5.25         | 7.4    | 5.75 | 4.0        |         |
| 1003                                          | 0111025 | 022310006586 | PHẠM BẢO         | NGOC      | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 8.0          | 7.8    | 7.5  | 6.8        |         |
| 1004                                          | 0111026 | 022310009300 | VŨ KHÁNH         | NGOC      | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 8.0          | 8.8    | 8.0  | 8.1        |         |
| 1005                                          | 0111027 | 022210009933 | HỒ SỸ KHÔI       | NGUYỄN    | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.5          | 8.4    | 8.25 | 6.7        |         |
| 1006                                          | 0111028 | 022310010149 | ĐỒNG QUỲNH       | NHU       | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 6.0          | 7.8    | 6.25 | 6.1        |         |
| 1007                                          | 0111029 | 022310006314 | ĐỒNG BẢO         | QUYÊN     | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.5          | 7.8    | 5.75 | 6.2        |         |
| 1008                                          | 0111030 | 022310001285 | NGUYỄN THÁI UYÊN | THƯ       | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 7.0          | 9.2    | 6.5  | 7.1        |         |
| 1009                                          | 0111031 | 022310005402 | NGÔ QUỲNH        | THY       | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 6.0          | 8.0    | 6.75 | 5.0        |         |
| 1010                                          | 0111032 | 022310007510 | PHẠM NGÂN        | VŨ        | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai | Tiếng Pháp | Tiếng Pháp         |                    | 6.25         | 7.2    | 8.0  | 5.4        |         |

(Danh sách này gồm có 1010 thí sinh)



SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |     | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-----|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |     |            |             |           |                  |                    |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 040001 | 022310005488 | BÙI TRINH THIÊN   | AN  | 13/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 7.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 2   | 040002 | 022310002227 | HOÀNG HÀ          | AN  | 22/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Anh   | 7.75         | 6.0   | 7.0  |          |
| 3   | 040003 | 008210009380 | NGÔ THÁI          | AN  | 15/11/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 6.25         | 6.4   | 7.5  |          |
| 4   | 040004 | 027310000281 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH | AN  | 15/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.4   | 5.25 |          |
| 5   | 040005 | 022310006757 | NGUYỄN THỊ LƯU    | AN  | 01/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Trung | 5.5          | 8.4   | 5.0  |          |
| 6   | 040006 | 022210002321 | PHẠM BÁ           | AN  | 22/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.5          | 3.8   | 6.5  |          |
| 7   | 040007 | 022210012444 | PHẠM BẢO          | AN  | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Trung | 2.0          | 2.2   | 3.0  |          |
| 8   | 040008 | 022310003460 | PHÙNG GIA         | AN  | 31/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.25         | 6.2   | 7.0  |          |
| 9   | 040009 | 022210009513 | TRẦN HẢI          | AN  | 08/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 5.5          | 5.6   | 6.75 |          |
| 10  | 040010 | 027310002958 | TRẦN KHÁNH        | AN  | 09/02/2010 | Bắc Ninh    | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.0   | 7.75 |          |
| 11  | 040011 | 022210000151 | VŨ HUY KHÁNH      | AN  | 01/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.0          | 9.2   | 7.75 |          |
| 12  | 040012 | 031310002785 | BÙI NGUYỆT        | ANH | 01/02/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Trung | 6.5          | 8.2   | 5.75 |          |
| 13  | 040013 | 022310001540 | BÙI QUỲNH         | ANH | 12/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.5          | 8.6   | 6.5  |          |
| 14  | 040014 | 022310012011 | BÙI THỊ PHƯƠNG    | ANH | 03/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Trung | 5.25         | 4.8   | 2.25 | Vắng thi |
| 15  | 040015 | 022310002494 | CAO HÀ            | ANH | 09/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Trung |              |       |      |          |
| 16  | 040016 | 022310012030 | CHU THỊ HOÀNG     | ANH | 28/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 8.0          | 9.6   | 6.5  |          |
| 17  | 040017 | 022210009873 | ĐINH DUY          | ANH | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.75         | 6.2   | 7.5  |          |
| 18  | 040018 | 022310007656 | ĐINH HÀ           | ANH | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 8.5          | 8.8   | 6.5  |          |
| 19  | 040019 | 022310009622 | ĐINH MINH         | ANH | 15/08/2010 | Tuyên Quang | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 7.0          | 7.1   | 5.25 |          |
| 20  | 040020 | 022210002219 | ĐOÀN BẢO VIỆT     | ANH | 30/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.5          | 9.2   | 7.75 |          |
| 21  | 040021 | 022210008923 | ĐỖ ĐỨC            | ANH | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.4   | 5.0  |          |
| 22  | 040022 | 031310005809 | ĐỖ PHẠM PHƯƠNG    | ANH | 04/07/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 8.0          | 9.0   | 9.0  |          |
| 23  | 040023 | 034310006966 | HÀ THỊ QUỲNH      | ANH | 15/10/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Trung | 5.25         | 8.1   | 4.5  |          |
| 24  | 040024 | 022210002268 | HOÀNG NGUYỄN      | ANH | 10/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 5.5          | 9.4   | 6.0  |          |
| 25  | 040025 | 022310009355 | HOÀNG THỊ MINH    | ANH | 31/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 3.75         | 5.4   | 4.5  |          |
| 26  | 040026 | 022310011911 | LÊ DIỆU           | ANH | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 6.5          | 5.7   | 4.5  |          |
| 27  | 040027 | 022210000622 | LÊ ĐỨC            | ANH | 15/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.5          | 7.0   | 8.5  |          |
| 28  | 040028 | 022310002451 | LÊ HÀ             | ANH | 22/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 4.25         | 8.0   | 5.25 |          |
| 29  | 040029 | 022310000377 | LÊ KIM            | ANH | 19/02/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 6.75         | 6.2   | 6.75 |          |
| 30  | 040030 | 022310006234 | LÊ MAI            | ANH | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 5.25         | 5.0   | 6.5  |          |
| 31  | 040031 | 022310009383 | LƯƠNG NHẬT        | ANH | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 7.75         | 9.6   | 7.5  |          |
| 32  | 040032 | 022310007899 | LƯƠNG TRẦN BẢO    | ANH | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.75         | 9.4   | 6.25 |          |
| 33  | 040033 | 022310010294 | LÝ THỊ THÙY       | ANH | 13/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Hải Sơn | Tiếng Anh   | 7.0          | 4.6   | 4.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS     | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                 |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 34  | 040034 | 022310010195 | MẠC VÂN ANH           | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Vĩnh Thực  | Tiếng Anh   | 5.0          | 5.0   | 2.75 |          |
| 35  | 040035 | 031210015901 | NGÔ DUY ANH           | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.2   | 7.5  |          |
| 36  | 040036 | 022210006534 | NGUYỄN DUY ANH        | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 37  | 040037 | 022210012626 | NGUYỄN ĐỨC ANH        | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 7.25         | 8.6   | 7.5  |          |
| 38  | 040038 | 030310009034 | NGUYỄN HÀ ANH         | 27/12/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 6.0          | 6.4   | 5.75 |          |
| 39  | 040039 | 022310009534 | NGUYỄN HẢI ANH        | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Trung | 6.5          | 1.7   | 3.25 |          |
| 40  | 040040 | 022310001316 | NGUYỄN HOÀNG THẢO ANH | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.0   | 8.5  |          |
| 41  | 040041 | 022310005351 | NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 5.0          | 6.8   | 7.25 |          |
| 42  | 040042 | 022310001950 | NGUYỄN MAI ANH        | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 43  | 040043 | 022310008834 | NGUYỄN MINH ANH       | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 7.5          | 7.6   | 7.0  |          |
| 44  | 040044 | 033310001488 | NGUYỄN NGỌC ANH       | 27/07/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Hải Yên    | Tiếng Trung | 6.25         | 8.8   | 7.25 |          |
| 45  | 040045 | 022310002928 | NGUYỄN NGỌC ANH       | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Trung | 5.0          | 5.2   | 5.75 |          |
| 46  | 040046 | 022310003135 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 7.5          | 8.6   | 7.75 |          |
| 47  | 040047 | 022310000135 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Trung | 5.0          | 5.1   | 3.75 |          |
| 48  | 040048 | 022210012245 | NGUYỄN THẾ ANH        | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Trung | 5.25         | 8.2   | 6.25 |          |
| 49  | 040049 | 022310010776 | NGUYỄN THỊ TRÂM ANH   | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Trung | 3.5          | 3.2   | 7.25 |          |
| 50  | 040050 | 022210001986 | NGUYỄN TUẤN ANH       | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên    | Tiếng Anh   | 1.75         | 7.6   | 3.25 |          |
| 51  | 040051 | 022210010962 | NGUYỄN VIỆT ANH       | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Anh   | 4.75         | 7.6   | 7.75 |          |
| 52  | 040052 | 022310011643 | PHẠM BẢO ANH          | 02/08/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 4.25         | 9.0   | 6.25 |          |
| 53  | 040053 | 022310006899 | PHẠM HỒNG ANH         | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 6.25         | 6.8   | 7.0  |          |
| 54  | 040054 | 022310010524 | PHẠM MAI ANH          | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 5.75         | 6.4   | 3.25 |          |
| 55  | 040055 | 022310011885 | PHẠM THỊ TRÂM ANH     | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân   | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.6   | 4.5  |          |
| 56  | 040056 | 022309000381 | PHẠM THỊ VÂN ANH      | 25/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Trung | 4.75         | 3.2   | 4.75 |          |
| 57  | 040057 | 036310010361 | PHÙNG THỊ NGỌC ANH    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Trung | 4.5          | 2.4   | 1.75 |          |
| 58  | 040058 | 022310000455 | TRẦN NGỌC HUYỀN ANH   | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.2   | 5.5  |          |
| 59  | 040059 | 022210003905 | TRẦN QUANG TIẾN ANH   | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Trung | 6.5          | 5.5   | 6.75 |          |
| 60  | 040060 | 022310002845 | TRẦN THỊ MINH ANH     | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Trung | 5.5          | 7.3   | 5.0  |          |
| 61  | 040061 | 034310007092 | TRẦN THỊ QUỲNH ANH    | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Trung | 6.75         | 7.4   | 7.5  |          |
| 62  | 040062 | 022310007177 | TRẦN VÂN ANH          | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Anh   | 5.25         | 6.8   | 4.75 |          |
| 63  | 040063 | 022310005176 | TRỊNH HÀ ANH          | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.0   | 6.75 |          |
| 64  | 040064 | 022310009271 | VŨ PHƯƠNG ANH         | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên    | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.6   | 8.75 |          |
| 65  | 040065 | 022310005822 | VY QUỲNH ANH          | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.0   | 6.0  |          |
| 66  | 040066 | 030310005320 | ĐOÀN THỊ NGỌC ÁNH     | 30/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.2   | 6.0  |          |
| 67  | 040067 | 033310000386 | HOÀNG NGỌC ÁNH        | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên    | Tiếng Anh   | 4.75         | 4.4   | 4.25 |          |
| 68  | 040068 | 022310003278 | LÊ NGỌC ÁNH           | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.6   | 7.25 |          |
| 69  | 040069 | 030310015497 | NGUYỄN THỊ ÁNH        | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Trung | 2.5          | 2.7   | 1.0  |          |
| 70  | 040070 | 030310002879 | PHẠM NGỌC ÁNH         | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 5.25         | 1.8   | 5.0  |          |

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             |       | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|-------|------------|----------------|-----------|------------------|--------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |       |            |                |           |                  |                    |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 71  | 040071 | 022210011546 | TÀNG ĐỨC           | BA    | 02/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Dao              | TH và THCS Bắc Sơn | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.8   | 4.25 |         |
| 72  | 040072 | 046210000518 | NGUYỄN ĐỨC TIẾN    | BÁCH  | 02/02/2010 | Thừa Thiên Huế | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.6   | 5.0  |         |
| 73  | 040073 | 022210010339 | NGUYỄN HOÀNG       | BÁCH  | 05/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 5.0          | 9.8   | 6.5  |         |
| 74  | 040074 | 033210004142 | ĐÀO QUANG GIA      | BẢO   | 06/06/2010 | Hưng Yên       | Nam       |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.2   | 2.0  |         |
| 75  | 040075 | 022210008777 | GIANG HOÀNG        | BẢO   | 28/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Trung | 4.25         | 2.4   | 2.25 |         |
| 76  | 040076 | 022210002840 | NGÔ GIA            | BẢO   | 28/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 6.75         | 8.8   | 5.0  |         |
| 77  | 040077 | 038210025471 | NGUYỄN ĐÌNH GIA    | BẢO   | 31/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.25         | 7.4   | 7.0  |         |
| 78  | 040078 | 022210000780 | NGUYỄN GIA         | BẢO   | 09/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 4.5          | 6.2   | 5.0  |         |
| 79  | 040079 | 022210004355 | NGUYỄN HOÀNG THIÊN | BẢO   | 03/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 4.0          | 7.4   | 5.75 |         |
| 80  | 040080 | 022210004074 | PHẠM GIA           | BẢO   | 09/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 4.95         | 7.6   | 8.0  |         |
| 81  | 040081 | 036210000359 | TỔNG XUÂN GIA      | BẢO   | 26/06/2010 | Nam Định       | Nam       |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 3.75         | 6.6   | 3.0  |         |
| 82  | 040082 | 022310000992 | BÙI SAO            | BĂNG  | 04/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Trung | 4.75         | 3.4   | 2.0  |         |
| 83  | 040083 | 022310003354 | HOÀNG HOÀI         | BĂNG  | 10/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 5.75         | 8.4   | 7.0  |         |
| 84  | 040084 | 022310008663 | LƯU TUYẾT          | BĂNG  | 02/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Hoa              | THCS Hải Hòa       | Tiếng Trung | 7.5          | 5.0   | 6.5  |         |
| 85  | 040085 | 022310006749 | NGUYỄN VŨ BĂNG     | BĂNG  | 07/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.5          | 7.2   | 6.0  |         |
| 86  | 040086 | 022310000690 | HOÀNG THỊ NGỌC     | BÍCH  | 20/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.75         | 5.0   | 4.75 |         |
| 87  | 040087 | 022310010031 | LƯƠNG THỊ NGỌC     | BÍCH  | 02/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | TH và THCS Bắc Sơn | Tiếng Anh   | 7.0          | 3.2   | 7.0  |         |
| 88  | 040088 | 022310012006 | NGUYỄN NGỌC        | BÍCH  | 18/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Trung | 4.5          | 3.4   | 2.25 |         |
| 89  | 040089 | 022310000040 | NGUYỄN NGỌC        | BÍCH  | 02/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 5.75         | 8.6   | 6.5  |         |
| 90  | 040090 | 022210001101 | HOÀNG HẢI          | BIÊN  | 25/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 4.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 91  | 040091 | 022310001904 | NGÔ THỊ            | BÌNH  | 04/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 7.75         | 8.7   | 6.5  |         |
| 92  | 040092 | 022210002496 | NGÔ VĂN            | BÌNH  | 24/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thực     | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.2   | 3.25 |         |
| 93  | 040093 | 022310009607 | NGUYỄN THANH       | BÌNH  | 15/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 5.75         | 8.2   | 5.5  |         |
| 94  | 040094 | HS1004843017 | TỬ DUY             | CẢNH  | 18/12/2009 | Trung Quốc     | Nam       | ười nước ng      | THCS Trà Cổ        | Tiếng Anh   | 5.5          | 7.2   | 7.25 |         |
| 95  | 040095 | 022210001813 | VŨ DUY             | CẢNH  | 21/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 5.92         | 6.6   | 8.0  |         |
| 96  | 040096 | 022310010714 | ĐẶNG THỊ BẢO       | CHÂM  | 03/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bắc Sơn | Tiếng Anh   | 4.75         | 4.2   | 2.5  |         |
| 97  | 040097 | 022310009729 | NGUYỄN THỊ MINH    | CHÂU  | 06/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 4.75         | 5.6   | 6.25 |         |
| 98  | 040098 | 022310000606 | BÙI THỊ LINH       | CHI   | 09/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.8   | 3.0  |         |
| 99  | 040099 | 022310008517 | NGUYỄN DIỆP        | CHI   | 02/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 6.5          | 10.0  | 6.5  |         |
| 100 | 040100 | 022310001471 | NGUYỄN LINH        | CHI   | 07/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Trung | 6.5          | 5.3   | 7.75 |         |
| 101 | 040101 | 022310000136 | PHẠM LINH          | CHI   | 08/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.0   | 6.0  |         |
| 102 | 040102 | 022310004821 | PHẠM MAI           | CHI   | 05/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.25         | 5.0   | 5.0  |         |
| 103 | 040103 | 022310004930 | TRẦN YẾN           | CHI   | 18/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.2   | 6.25 |         |
| 104 | 040104 | 022210000470 | ĐÌNH QUYẾT         | CHIẾN | 26/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 5.75         | 5.4   | 6.25 |         |
| 105 | 040105 | 022310001521 | VI VIỆT            | CHINH | 09/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Trung | 5.0          | 2.1   | 4.5  |         |
| 106 | 040106 | 022310008734 | CHU THANH          | CHÚC  | 24/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.0          | 7.2   | 5.75 |         |
| 107 | 040107 | 022310000875 | NGUYỄN THỊ THANH   | CHÚC  | 10/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 4.5          | 10.0  | 5.0  |         |

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                    |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 108 | 040108 | 022210009508 | ĐINH TIẾN CƯƠNG        | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Trung | 5.75         | 7.7   | 4.5  |         |
| 109 | 040109 | 022210010720 | VŨ TÂN CƯƠNG           | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.8   | 7.25 |         |
| 110 | 040110 | 022210013214 | NGUYỄN QUỐC CƯỜNG      | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 5.75         | 7.0   | 6.0  |         |
| 111 | 040111 | 022210001759 | NGUYỄN TIẾN MẠNH CƯỜNG | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 4.0          | 1.6   | 3.5  |         |
| 112 | 040112 | 022210000718 | PHẠM VIỆT CƯỜNG        | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 4.75         | 4.0   | 7.0  |         |
| 113 | 040113 | 038210020429 | TRẦN QUỐC CƯỜNG        | 11/10/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 7.0          | 4.4   | 7.25 |         |
| 114 | 040114 | 022210009620 | TRẦN THẾ DÂN           | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.6   | 6.25 |         |
| 115 | 040115 | 022310009721 | LÝ NGỌC DIỄM           | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 6.75         | 6.2   | 7.75 |         |
| 116 | 040116 | 022310000110 | VŨ HỒNG DIỄM           | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 7.0          | 2.7   | 4.75 |         |
| 117 | 040117 | 022310011877 | NGUYỄN CAO KỶ DIỆU     | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 5.5          | 2.7   | 1.25 |         |
| 118 | 040118 | 022210001424 | TRẦN ĐỨC DOANH         | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Trung | 2.5          | 2.0   | 1.0  |         |
| 119 | 040119 | 022310007832 | LÝ THỊ DUNG            | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Hải Sơn | Tiếng Anh   | 7.0          | 5.0   | 5.0  |         |
| 120 | 040120 | 022310000704 | VŨ THÙY DUNG           | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 7.0          | 4.2   | 5.0  |         |
| 121 | 040121 | 022210000156 | LÊ TÂN DỪNG            | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 5.75         | 4.8   | 6.5  |         |
| 122 | 040122 | 022210000132 | MẠC TUẤN DỪNG          | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Trung | 5.5          | 8.6   | 4.25 |         |
| 123 | 040123 | 022210002263 | NGUYỄN VÔ QUỐC DỪNG    | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 6.25         | 8.8   | 7.0  |         |
| 124 | 040124 | 026210000266 | PHẠM TIẾN DỪNG         | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.8   | 7.5  |         |
| 125 | 040125 | 022210008623 | PHÙN VĂN DỪNG          | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Hải Sơn | Tiếng Anh   | 6.75         | 2.8   | 2.5  |         |
| 126 | 040126 | 022210000277 | TRẦN TRUNG DỪNG        | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 4.5          | 6.4   | 7.5  |         |
| 127 | 040127 | 022210004934 | VŨ HOÀNG DỪNG          | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.6   | 3.5  |         |
| 128 | 040128 | 022210003635 | VŨ TIẾN DỪNG           | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 3.5          | 5.2   | 4.75 |         |
| 129 | 040129 | 022210006208 | VŨ VĂN DỪNG            | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 5.25         | 8.6   | 4.25 |         |
| 130 | 040130 | 022210000520 | ĐIỆP KHÁNH DUY         | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 3.5          | 3.1   | 1.25 |         |
| 131 | 040131 | 022210007151 | HỨA MINH DUY           | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.5          | 7.8   | 7.25 |         |
| 132 | 040132 | 022210008193 | LÊ DUY                 | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 8.0          | 9.4   | 7.75 |         |
| 133 | 040133 | 022210001540 | NGUYỄN MẠNH DUY        | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.25         | 7.8   | 6.75 |         |
| 134 | 040134 | 022210010599 | NGUYỄN THẾ DUY         | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 6.75         | 7.3   | 5.0  |         |
| 135 | 040135 | 031210017179 | PHẠM KHÁNH DUY         | 13/07/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Trung | 6.25         | 3.5   | 6.75 |         |
| 136 | 040136 | 022310011080 | ÔN BẾ NGỌC DUYÊN       | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 7.25         | 9.4   | 8.75 |         |
| 137 | 040137 | 022310000087 | BÙI PHAN THÙY DƯƠNG    | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.25         | 6.0   | 7.25 |         |
| 138 | 040138 | 024310006381 | ĐÀO THUỖ DƯƠNG         | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.75         | 9.4   | 6.75 |         |
| 139 | 040139 | 022310004532 | HOÀNG THÙY DƯƠNG       | 10/02/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 5.75         | 7.8   | 6.75 |         |
| 140 | 040140 | 022310008135 | MAI ÁNH DƯƠNG          | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 6.25         | 7.6   | 6.5  |         |
| 141 | 040141 | 022310000476 | NGUYỄN ÁNH DƯƠNG       | 02/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 5.25         | 7.9   | 7.75 |         |
| 142 | 040142 | 022210000357 | PHẠM LỤC ĐẠI DƯƠNG     | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.25         | 8.2   | 6.75 |         |
| 143 | 040143 | 022310011283 | PHẠM THÙY DƯƠNG        | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Trung | 5.75         | 6.5   | 3.5  |         |
| 144 | 040144 | 022310004740 | PHAN NGUYỄN THÙY DƯƠNG | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 7.25         | 5.0   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 145 | 040145 | 022210004313 | PHÙNG VĂN DƯƠNG      | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 4.75         | 2.0   | 2.5  |         |
| 146 | 040146 | 030210017897 | TRẦN HẢI DƯƠNG       | 20/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.0   | 2.5  |         |
| 147 | 040147 | 022210001919 | VY TIẾN ĐẠI          | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 3.0          | 2.7   | 1.75 |         |
| 148 | 040148 | 022210010938 | BÙI ĐỨC ĐẠT          | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.0          | 7.4   | 6.25 |         |
| 149 | 040149 | 022210002682 | BÙI QUỐC ĐẠT         | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.4   | 8.0  |         |
| 150 | 040150 | 022210005398 | DƯƠNG THÀNH ĐẠT      | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 7.25         | 4.8   | 7.0  |         |
| 151 | 040151 | 022210007897 | ĐINH THÀNH ĐẠT       | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.4   | 7.25 |         |
| 152 | 040152 | 022210009792 | HÀ TIẾN ĐẠT          | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 5.25         | 7.8   | 7.0  |         |
| 153 | 040153 | 022210012674 | HỨA THÀNH ĐẠT        | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.6   | 3.5  |         |
| 154 | 040154 | 033210012356 | NGUYỄN PHÚ TUẤN ĐẠT  | 02/03/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.0          | 7.0   | 7.25 |         |
| 155 | 040155 | 022210000370 | NGUYỄN THẾ ĐẠT       | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.0          | 6.0   | 5.5  |         |
| 156 | 040156 | 022210011086 | TỔNG QUỐC ĐẠT        | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 7.25         | 10.0  | 7.0  |         |
| 157 | 040157 | 022210008948 | TRẦN TIẾN ĐẠT        | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.0   | 8.75 |         |
| 158 | 040158 | 022210000769 | TRẦN TIẾN ĐẠT        | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 5.5          | 6.0   | 5.5  |         |
| 159 | 040159 | 022210001019 | TRẦN TIẾN ĐẠT        | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 3.25         | 1.5   | 3.0  |         |
| 160 | 040160 | 022210000889 | VŨ TIẾN ĐẠT          | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.0   | 7.5  |         |
| 161 | 040161 | 022210000733 | VƯƠNG HẢI ĐĂNG       | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.4   | 7.25 |         |
| 162 | 040162 | 022310008914 | HOÀNG THIÊN ĐỊNH     | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 7.25         | 8.2   | 9.0  |         |
| 163 | 040163 | 022310012009 | NGUYỄN THẢO ĐOAN     | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 6.0          | 5.4   | 4.5  |         |
| 164 | 040164 | 022210008850 | LÊ DUY ĐÔNG          | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 5.75         | 4.2   | 4.75 |         |
| 165 | 040165 | 022210000153 | LÊ ĐỨC HẢI ĐÔNG      | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.4   | 3.5  |         |
| 166 | 040166 | 022310004823 | NGUYỄN THÁI ĐÔNG     | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 4.75         | 6.4   | 8.0  |         |
| 167 | 040167 | 022210000556 | TRẦN BẢO ĐÔNG        | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.75         | 8.0   | 7.5  |         |
| 168 | 040168 | 022210000638 | DƯƠNG TRÍ ĐỨC        | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.0          | 8.6   | 7.0  |         |
| 169 | 040169 | 022210000302 | NGUYỄN ANH ĐỨC       | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.6   | 1.5  |         |
| 170 | 040170 | 022210000054 | NGUYỄN SĨ ĐỨC        | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 4.2   | 6.25 |         |
| 171 | 040171 | 022210011947 | PHẠM MINH ĐỨC        | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 4.0          | 7.4   | 4.75 |         |
| 172 | 040172 | 022210005289 | TẠ MINH ĐỨC          | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 3.75         | 4.4   | 0.5  |         |
| 173 | 040173 | 022210011128 | TRẦN TRUNG ĐỨC       | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 7.25         | 7.2   | 7.5  |         |
| 174 | 040174 | 022310005241 | HOÀNG THỊ GÁI        | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 6.0          | 5.4   | 5.5  |         |
| 175 | 040175 | 022310001623 | NGÔ XUÂN GIANG       | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 5.75         | 6.0   | 5.0  |         |
| 176 | 040176 | 022310010512 | NGUYỄN TRÀ GIANG     | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trà Cô           | Tiếng Anh   | 7.5          | 7.6   | 6.75 |         |
| 177 | 040177 | 022310003512 | PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.5          | 3.9   | 4.5  |         |
| 178 | 040178 | 022310002191 | TRẦN THỊ HÀ GIANG    | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 7.0          | 5.8   | 5.0  |         |
| 179 | 040179 | 022210003385 | BÙI HẢI HÀ           | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 5.25         | 6.8   | 2.0  |         |
| 180 | 040180 | 022310002624 | LÊ THỊ HẢI HÀ        | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 5.0          | 4.8   | 3.0  |         |
| 181 | 040181 | 022310008953 | MẠC NGỌC HÀ          | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 6.5          | 9.6   | 6.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |             |           |                  |                    |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 182 | 040182 | 030310000695 | NGUYỄN HẢI HÀ       | 05/09/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.75         | 7.6   | 6.75 |         |
| 183 | 040183 | 022310007362 | NGUYỄN NGỌC HÀ      | 05/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 5.25         | 7.0   | 8.0  |         |
| 184 | 040184 | 001310019226 | NGUYỄN NGỌC NGÂN HÀ | 20/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.2   | 6.75 |         |
| 185 | 040185 | 022310002059 | NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ  | 22/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ        | Tiếng Anh   | 7.25         | 6.0   | 5.75 |         |
| 186 | 040186 | 022210002255 | PHẠM HOÀNG HÀ       | 23/03/2010 | Hải Dương   | Nam       |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 6.25         | 8.8   | 7.5  |         |
| 187 | 040187 | 022310001305 | TRẦN NGỌC HÀ        | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 5.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 188 | 040188 | 034210009923 | ĐỖ TRUNG HẢI        | 01/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.2   | 2.25 |         |
| 189 | 040189 | 022210001957 | HÀ HOÀNG HẢI        | 21/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 190 | 040190 | 038210033255 | HOÀNG NAM HẢI       | 15/05/2010 | Thanh Hóa   | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 6.25         | 6.2   | 5.25 |         |
| 191 | 040191 | 022210000034 | LONG ĐÔNG HẢI       | 12/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 5.75         | 1.7   | 3.0  |         |
| 192 | 040192 | 022210012599 | NGUYỄN TRUNG HẢI    | 21/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 6.25         | 4.3   | 5.75 |         |
| 193 | 040193 | 022210000475 | PHẠM TRỌNG HẢI      | 23/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 6.75         | 3.9   | 8.25 |         |
| 194 | 040194 | 022310008314 | CHOÔNG THỊ HẠNH     | 16/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bắc Sơn | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.0   | 6.25 |         |
| 195 | 040195 | 034310014737 | NGUYỄN HỒNG HẠNH    | 27/12/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.4   | 2.75 |         |
| 196 | 040196 | 022210011633 | TRẦN MẠNH HẢO       | 07/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 7.25         | 8.2   | 8.75 |         |
| 197 | 040197 | 034310004979 | LÊ THANH HẰNG       | 11/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.0          | 5.4   | 8.0  |         |
| 198 | 040198 | 031310015539 | NGUYỄN THÚY HẰNG    | 07/11/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 7.75         | 7.8   | 7.25 |         |
| 199 | 040199 | 022310011432 | SẦN THỊ MINH HẰNG   | 09/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Hoa              | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 6.0          | 5.1   | 5.25 |         |
| 200 | 040200 | 022310003554 | TRẦN MỸ HẰNG        | 19/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Trung | 6.5          | 6.9   | 7.75 |         |
| 201 | 040201 | 022310001734 | TRẦN THỊ DIỄM HẰNG  | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 6.5          | 8.7   | 2.75 |         |
| 202 | 040202 | 022310003950 | CUNG NGỌC BẢO HÂN   | 21/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.0   | 2.0  |         |
| 203 | 040203 | 022310002887 | LÊ BẢO HÂN          | 22/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 3.25         | 4.0   | 2.75 |         |
| 204 | 040204 | 001309057766 | LÊ NGUYỄN GIA HÂN   | 09/06/2009 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 4.5          | 4.2   | 6.0  |         |
| 205 | 040205 | 022310010110 | NGUYỄN BẢO HÂN      | 06/11/2010 | Bắc Giang   | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.25         | 10.0  | 9.0  |         |
| 206 | 040206 | 022310009373 | NGUYỄN NGỌC HÂN     | 12/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 5.75         | 9.2   | 8.0  |         |
| 207 | 040207 | 022310010386 | TRẦN NGỌC HÂN       | 10/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc     | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.8   | 8.25 |         |
| 208 | 040208 | 022310007766 | VY NGỌC HÂN         | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.5          | 9.0   | 7.5  |         |
| 209 | 040209 | 022310011000 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Trung | 5.5          | 9.5   | 5.0  |         |
| 210 | 040210 | 024310009325 | NGUYỄN THU HIỀN     | 04/03/2010 | Bắc Giang   | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.2   | 2.0  |         |
| 211 | 040211 | 019210006541 | HOÀNG LONG HIẾU     | 08/12/2010 | Thái Nguyên | Nam       | Nùng             | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 5.25         | 3.9   | 5.0  |         |
| 212 | 040212 | 022210000784 | NGUYỄN AN HIẾU      | 22/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.6   | 5.25 |         |
| 213 | 040213 | 022210003752 | NGUYỄN DUY HIẾU     | 28/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 4.75         | 5.4   | 6.0  |         |
| 214 | 040214 | 027210002117 | NGUYỄN ĐĂNG HIẾU    | 29/05/2010 | Bắc Ninh    | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 8.0          | 7.2   | 7.75 |         |
| 215 | 040215 | 022210012337 | NGUYỄN THẾ HIẾU     | 18/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.0          | 5.6   | 6.25 |         |
| 216 | 040216 | 022210010421 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU   | 19/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 7.0          | 4.2   | 6.75 |         |
| 217 | 040217 | 022210003631 | NGUYỄN TRUNG HIẾU   | 31/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.75         | 9.0   | 8.75 |         |
| 218 | 040218 | 022210000526 | NGUYỄN XUÂN HIẾU    | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 4.0          | 4.2   | 4.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|----------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |       |            |                |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 219 | 040219 | 022210011627 | PHẠM HOÀNG      | HIẾU  | 03/01/2010 | Thừa Thiên Huế | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.75         | 9.6   | 8.75 |         |
| 220 | 040220 | 036210019308 | TRẦN ĐÌNH MINH  | HIẾU  | 11/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.0          | 8.8   | 8.0  |         |
| 221 | 040221 | 022310009204 | HOÀNG MAI       | HOA   | 13/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 5.0          | 2.9   | 2.0  |         |
| 222 | 040222 | 022310003712 | PHÙN THỊ        | HOA   | 10/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 3.0          | 4.0   | 2.25 |         |
| 223 | 040223 | 022210003419 | TRẦN TRUNG      | HÒA   | 28/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.75         | 5.0   | 7.5  |         |
| 224 | 040224 | 022310011402 | LƯƠNG THU       | HOÀI  | 29/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 5.5          | 5.2   | 3.25 |         |
| 225 | 040225 | 022310012568 | VŨ THỊ          | HOÀI  | 02/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.4   | 5.5  |         |
| 226 | 040226 | 022310001899 | VI THỊ          | HOÀN  | 27/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 6.0          | 7.6   | 3.5  |         |
| 227 | 040227 | 022210009004 | ĐỖ VIỆT         | HOÀNG | 02/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.5          | 8.2   | 7.25 |         |
| 228 | 040228 | 022210007798 | NGUYỄN BẢO      | HOÀNG | 01/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 3.25         | 7.5   | 6.75 |         |
| 229 | 040229 | 042210007820 | NGUYỄN VIỆT HUY | HOÀNG | 04/05/2010 | Hà Tĩnh        | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 5.25         | 8.4   | 5.75 |         |
| 230 | 040230 | 054210000445 | PHẠM VŨ         | HOÀNG | 06/01/2010 | Phú Yên        | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.0   | 2.0  |         |
| 231 | 040231 | 022210001282 | TẶNG VIỆT       | HOÀNG | 25/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.5          | 6.2   | 3.5  |         |
| 232 | 040232 | 036210002698 | TRẦN ĐÌNH MINH  | HOÀNG | 11/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 7.5          | 9.0   | 8.5  |         |
| 233 | 040233 | 022210007782 | ĐỖ NGỌC         | HUẤN  | 25/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 5.25         | 6.6   | 6.75 |         |
| 234 | 040234 | 022310006351 | BÙI KIM         | HUỆ   | 23/05/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ           | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.2   | 5.75 |         |
| 235 | 040235 | 022310005483 | VŨ THỊ KIM      | HUỆ   | 29/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ           | Tiếng Anh   | 6.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 236 | 040236 | 031210003484 | HOÀNG ĐỨC       | HÙNG  | 05/06/2010 | Hải Phòng      | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 237 | 040237 | 022210002591 | HOÀNG MẠNH      | HÙNG  | 30/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 3.25         | 8.5   | 7.75 |         |
| 238 | 040238 | 046210003853 | LÊ ĐÌNH KHÁNH   | HÙNG  | 30/04/2010 | Thừa Thiên Huế | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.6   | 5.75 |         |
| 239 | 040239 | 022210001802 | PHẠM HUY        | HÙNG  | 27/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 2.5          | 3.0   | 6.25 |         |
| 240 | 040240 | 022210006862 | PHẠM THẾ        | HÙNG  | 06/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.6   | 5.75 |         |
| 241 | 040241 | 022210000436 | BÙI GIA         | HUY   | 25/05/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 3.0          | 3.0   | 4.0  |         |
| 242 | 040242 | 034210000486 | DƯƠNG GIA       | HUY   | 26/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 7.25         | 8.8   | 9.0  |         |
| 243 | 040243 | 022210006374 | HOÀNG GIA       | HUY   | 16/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 3.75         | 4.5   | 5.0  |         |
| 244 | 040244 | 022210011821 | HỨA THẾ         | HUY   | 26/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 6.75         | 4.4   | 4.75 |         |
| 245 | 040245 | 022210006510 | LÊ GIA          | HUY   | 19/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 7.5          | 8.6   | 8.25 |         |
| 246 | 040246 | 091210008766 | LƯU VŨ GIA      | HUY   | 01/04/2010 | Kiên Giang     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.75         | 2.1   | 7.0  |         |
| 247 | 040247 | 022210003857 | NGUYỄN HỒNG     | HUY   | 06/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.8   | 6.25 |         |
| 248 | 040248 | 022210021065 | NGUYỄN TỪ GIA   | HUY   | 14/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.0          | 8.6   | 7.25 |         |
| 249 | 040249 | 022210003173 | PHẠM GIA        | HUY   | 09/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.0          | 5.6   | 6.75 |         |
| 250 | 040250 | 022210012151 | TRẦN QUỐC       | HUY   | 28/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 6.5          | 4.2   | 6.0  |         |
| 251 | 040251 | 034210001859 | VŨ ĐÌNH         | HUY   | 06/01/2010 | Thái Bình      | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 6.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 252 | 040252 | 022210009112 | VŨ TÙNG         | HUY   | 16/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.0          | 9.4   | 7.75 |         |
| 253 | 040253 | 022310001611 | HOÀNG THỊ THU   | HUYỀN | 15/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.2   | 4.0  |         |
| 254 | 040254 | 022310000403 | NGUYỄN ĐAN      | HUYỀN | 23/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.5          | 4.2   | 5.5  |         |
| 255 | 040255 | 022310000258 | NGUYỄN KHÁNH    | HUYỀN | 06/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 8.0          | 9.0   | 8.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 256 | 040256 | 022310001747 | NGUYỄN THANH     | HUYỀN | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 7.0          | 6.2   | 4.25 |         |
| 257 | 040257 | 022310004113 | PHẠM THANH       | HUYỀN | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 4.75         | 3.5   | 3.5  |         |
| 258 | 040258 | 022310009698 | QUANG THU        | HUYỀN | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.2   | 7.25 |         |
| 259 | 040259 | 022310008992 | VI THỊ THANH     | HUYỀN | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 7.25         | 4.8   | 7.25 |         |
| 260 | 040260 | 022210000386 | CAO DUY          | HÙNG  | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.8   | 7.5  |         |
| 261 | 040261 | 022210005081 | ĐOÀN DUY         | HÙNG  | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 3.0          | 4.0   | 6.0  |         |
| 262 | 040262 | 022210004256 | ĐOÀN VIỆT        | HÙNG  | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 5.0          | 5.4   | 5.5  |         |
| 263 | 040263 | 022210005154 | HOÀNG GIA        | HÙNG  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 5.5          | 8.2   | 7.0  |         |
| 264 | 040264 | 022210004654 | NGUYỄN DUY       | HÙNG  | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 4.75         | 4.8   | 7.25 |         |
| 265 | 040265 | 022210010647 | TRẦN VĨNH        | HÙNG  | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.25         | 8.8   | 7.25 |         |
| 266 | 040266 | 022310003565 | DƯƠNG THỊ QUỲNH  | HƯƠNG | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 6.5          | 2.8   | 5.0  |         |
| 267 | 040267 | 022310003637 | NGUYỄN THU       | HƯƠNG | 27/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 6.0          | 5.0   | 5.5  |         |
| 268 | 040268 | 022310011717 | TRẦN HOÀNG THIÊN | HƯƠNG | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.0   | 6.25 |         |
| 269 | 040269 | 022310007137 | ĐOÀN THU         | HƯỜNG | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 8.0          | 7.8   | 5.5  |         |
| 270 | 040270 | 022210001731 | ĐÀO THÀNH        | KHẢI  | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.4   | 6.0  |         |
| 271 | 040271 | 022210005383 | NGUYỄN ĐỨC       | KHANG | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.25         | 5.8   | 8.5  |         |
| 272 | 040272 | 022210000423 | NGUYỄN GIA       | KHANG | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 0.75         | 3.8   | 3.25 |         |
| 273 | 040273 | 022210001304 | NGUYỄN PHÚC      | KHANG | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 5.75         | 6.4   | 4.5  |         |
| 274 | 040274 | 022210000502 | TRẦN MẠNH        | KHANG | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 6.25         | 5.7   | 6.0  |         |
| 275 | 040275 | 022310001074 | HOÀNG MAI        | KHANH | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 7.5          | 9.0   | 8.25 |         |
| 276 | 040276 | 022209013319 | BÙI QUỐC         | KHÁNH | 22/11/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 3.0          | 1.9   | 0.5  |         |
| 277 | 040277 | 022310000472 | ĐÀO NGỌC         | KHÁNH | 07/09/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 2.75         | 3.8   | 4.5  |         |
| 278 | 040278 | 022210010015 | ĐOÀN NAM         | KHÁNH | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.75         | 10.0  | 6.5  |         |
| 279 | 040279 | 030210008843 | NGÔ QUỐC         | KHÁNH | 09/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 280 | 040280 | 033210007395 | NGUYỄN AN        | KHÁNH | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Sơn    | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.4   | 4.75 |         |
| 281 | 040281 | 038210039190 | NGUYỄN DUY       | KHÁNH | 04/12/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 5.5          | 3.9   | 6.0  |         |
| 282 | 040282 | 022210001285 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 9.2   | 7.75 |         |
| 283 | 040283 | 022210011721 | NGUYỄN QUỐC      | KHÁNH | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trà Cỏ           | Tiếng Anh   | 4.25         | 3.6   | 6.5  |         |
| 284 | 040284 | 022210006780 | PHẠM THIÊN       | KHÁNH | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 4.75         | 5.2   | 4.75 |         |
| 285 | 040285 | 022210005959 | TRẦN NAM         | KHÁNH | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 0.75         | 3.2   | 2.25 |         |
| 286 | 040286 | 031210002510 | VŨ DUY           | KHÁNH | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.0          | 4.9   | 5.0  |         |
| 287 | 040287 | 022210007653 | VŨ QUỐC          | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.0   | 7.25 |         |
| 288 | 040288 | 022210010776 | NGUYỄN MINH      | KHÔI  | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.75         | 9.8   | 9.0  |         |
| 289 | 040289 | 022210005192 | NGUYỄN VŨ DUY    | KHÔI  | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 5.25         | 7.5   | 5.0  |         |
| 290 | 040290 | 022210008280 | PHẠM ĐĂNG        | KHÔI  | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 8.0          | 9.0   | 5.75 |         |
| 291 | 040291 | 022210007127 | PHẠM HỮU MINH    | KHÔI  | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 2.5          | 4.2   | 1.25 |         |
| 292 | 040292 | 022310000471 | HOÀNG MINH       | KHUÊ  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.5          | 8.4   | 8.0  |         |



**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |      | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------|------------|-------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |      |            |             |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 293 | 040293 | 022310003207 | NGUYỄN THỊ MINH   | KHUÊ | 28/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.25         | 7.8   | 3.0  |         |
| 294 | 040294 | 022210003897 | LÊ VĂN            | KIÊN | 16/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thục        | Tiếng Anh   | 6.25         | 6.6   | 3.5  |         |
| 295 | 040295 | 022210008591 | NGUYỄN TRUNG      | KIÊN | 12/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.25         | 7.6   | 7.0  |         |
| 296 | 040296 | 030210004048 | ĐẶNG TUẤN         | KIỆT | 26/08/2010 | Hải Dương   | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.25         | 8.4   | 5.75 |         |
| 297 | 040297 | 022210010072 | NHÂM NĂNG         | KỶ   | 27/04/2010 | Hà Nội      | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.75         | 6.6   | 6.5  |         |
| 298 | 040298 | 075310004154 | TÔ NHÃ            | KỶ   | 10/07/2010 | Đồng Nai    | Nữ        | Sán Diu          | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 5.75         | 2.2   | 2.5  |         |
| 299 | 040299 | 034310014870 | ĐỨC THỊ           | LÀNH | 20/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 6.5          | 4.3   | 4.5  |         |
| 300 | 040300 | 022210004946 | ĐỖ TÙNG           | LÂM  | 13/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 6.0          | 4.6   | 5.25 |         |
| 301 | 040301 | 022210010121 | ĐỒNG TÙNG         | LÂM  | 14/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 7.25         | 3.9   | 3.25 |         |
| 302 | 040302 | 022210004107 | HOÀNG BẢO         | LÂM  | 26/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.75         | 6.8   | 6.5  |         |
| 303 | 040303 | 022310000431 | LÊ NGUYỄN TUỆ     | LÂM  | 10/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 6.75         | 6.2   | 6.75 |         |
| 304 | 040304 | 022210000229 | PHẠM HOÀNG        | LÂM  | 28/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.5          | 6.2   | 6.5  |         |
| 305 | 040305 | 022210005592 | TRẦN HẢI          | LÂM  | 01/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Hoa              | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.5          | 6.4   | 6.5  |         |
| 306 | 040306 | 022310000088 | TRỊNH TUỆ         | LÂM  | 03/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.75         | 8.0   | 5.25 |         |
| 307 | 040307 | 030310007530 | VŨ TUỆ            | LÂM  | 04/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.8   | 5.75 |         |
| 308 | 040308 | 022210010795 | VŨ TÙNG           | LÂM  | 29/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 6.25         | 5.6   | 6.0  |         |
| 309 | 040309 | 019310004739 | DƯƠNG PHƯƠNG      | LINH | 26/06/2010 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày              | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 8.25         | 6.8   | 6.75 |         |
| 310 | 040310 | 035310006813 | ĐẶNG THỊ GIA      | LINH | 29/07/2010 | Hà Nam      | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 2.0          | 3.2   | 3.5  |         |
| 311 | 040311 | 022310000134 | ĐỖ NGUYỄN ĐAN     | LINH | 10/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.25         | 9.2   | 7.25 |         |
| 312 | 040312 | 022310009407 | HOÀNG THÙY        | LINH | 16/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 7.5          | 4.3   | 2.75 |         |
| 313 | 040313 | 022310000562 | HOÀNG VŨ GIA      | LINH | 23/08/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 8.0          | 8.4   | 7.5  |         |
| 314 | 040314 | 022310004903 | LÊ KHÁNH          | LINH | 10/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.2   | 3.75 |         |
| 315 | 040315 | 022310000578 | LÊ TIỂU           | LINH | 24/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 7.75         | 7.0   | 8.0  |         |
| 316 | 040316 | 022310010814 | NGÔ TRÚC          | LINH | 28/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 9.2   | 7.0  |         |
| 317 | 040317 | 027310003771 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH | 15/12/2010 | Bắc Ninh    | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 7.0          | 6.0   | 8.0  |         |
| 318 | 040318 | 022310009119 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH | LINH | 15/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 4.25         | 7.0   | 7.25 |         |
| 319 | 040319 | 022310008164 | PHẠM HÀ           | LINH | 05/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 6.0          | 2.4   | 4.25 |         |
| 320 | 040320 | 022210000908 | PHẠM KHÁNH        | LINH | 12/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 3.75         | 2.0   | 4.25 |         |
| 321 | 040321 | 022310011423 | PHẠM THỊ THÙY     | LINH | 26/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 2.25         | 4.2   | 3.25 |         |
| 322 | 040322 | 022310004627 | PHƯƠNG HOÀNG      | LINH | 12/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Nùng             | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 6.5          | 4.8   | 3.5  |         |
| 323 | 040323 | 034310005858 | TRẦN DIỆU         | LINH | 31/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 4.25         | 8.3   | 4.0  |         |
| 324 | 040324 | 022310009092 | VŨ HÀ             | LINH | 11/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trà Cỏ           | Tiếng Anh   | 7.75         | 6.4   | 5.75 |         |
| 325 | 040325 | 022310002942 | VŨ THỊ NGỌC       | LINH | 06/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 6.25         | 3.2   | 2.25 |         |
| 326 | 040326 | 001310058648 | VŨ THỊ THÙY       | LINH | 03/08/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.8   | 5.0  |         |
| 327 | 040327 | 022310010393 | PHẠM THANH        | LOAN | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 4.75         | 4.0   | 4.25 |         |
| 328 | 040328 | 034210004053 | ĐỖ KHÁNH          | LONG | 11/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 2.5          | 4.4   | 4.25 |         |
| 329 | 040329 | 022210004460 | HOÀNG VŨ DUY      | LONG | 11/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.5          | 1.2   | 8.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 330 | 040330 | 022210005076 | LÊ THÀNH          | LONG  | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 2.25         | 3.0   | 1.75 |          |
| 331 | 040331 | 022210000725 | NGUYỄN BẢO        | LONG  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.4   | 5.5  |          |
| 332 | 040332 | 022210005541 | NGUYỄN HẢI        | LONG  | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.75         | 2.8   | 5.25 |          |
| 333 | 040333 | 022210006216 | NGUYỄN HOÀNG      | LONG  | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.6   | 2.0  |          |
| 334 | 040334 | 022210004040 | NGUYỄN HOÀNG      | LONG  | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 6.5          | 7.3   | 5.0  |          |
| 335 | 040335 | 022210010501 | NGUYỄN THÁI BẢO   | LONG  | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.4   | 2.75 |          |
| 336 | 040336 | 022210000048 | NGUYỄN VIỆT       | LONG  | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 3.0          | 2.2   | 2.5  |          |
| 337 | 040337 | 022210006006 | NGUYỄN VŨ THÀNH   | LONG  | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.75         | 8.8   | 6.25 |          |
| 338 | 040338 | 022210010329 | NGUYỄN BẢO        | LỘC   | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 4.25         | 6.2   | 4.25 |          |
| 339 | 040339 | 034210003921 | VŨ PHONG TRÍ      | LỰC   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.5          | 5.4   | 8.0  |          |
| 340 | 040340 | 051210012334 | BÙI DUY           | LƯƠNG | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 5.25         | 7.0   | 6.5  |          |
| 341 | 040341 | 022310009741 | ĐẶNG THÙY         | LƯƠNG | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 6.5          | 9.5   | 5.25 |          |
| 342 | 040342 | 022210011776 | TRẦN GIA          | LƯƠNG | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 3.5          | 3.4   | 4.0  |          |
| 343 | 040343 | 022210009569 | BÙI CHÍ           | LƯƠNG | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.8   | 3.5  |          |
| 344 | 040344 | 022310000977 | BÙI PHƯƠNG        | LY    | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung |              |       |      | Vắng thi |
| 345 | 040345 | 010310006768 | ĐỖ KHÁNH          | LY    | 09/09/2010 | Lào Cai    | Nữ        |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 4.5          | 2.8   | 2.75 |          |
| 346 | 040346 | 022310004460 | HOÀNG HẢI         | LY    | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.25         | 9.4   | 7.75 |          |
| 347 | 040347 | 022310006694 | HOÀNG THỊ MINH    | LY    | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ           | Tiếng Anh   | 4.25         | 2.6   | 1.75 |          |
| 348 | 040348 | 022310001208 | LÊ KHÁNH          | LY    | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 5.25         | 5.8   | 2.75 |          |
| 349 | 040349 | 022310007756 | LÝ PHƯƠNG         | LY    | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Hải Sơn    | Tiếng Anh   | 7.0          | 3.4   | 3.25 |          |
| 350 | 040350 | 022310004278 | NGÔ KHÁNH         | LY    | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 6.5          | 5.3   | 5.5  |          |
| 351 | 040351 | 034310010974 | NGUYỄN KHÁNH      | LY    | 16/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 6.5          | 8.1   | 6.75 |          |
| 352 | 040352 | 022310003978 | PHẠM KHÁNH        | LY    | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 7.25         | 5.8   | 6.75 |          |
| 353 | 040353 | 031310008803 | PHẠM KHÁNH        | LY    | 09/04/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.0          | 6.8   | 5.25 |          |
| 354 | 040354 | 022310005356 | TRẦN KHÁNH        | LY    | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 3.75         | 5.9   | 4.0  |          |
| 355 | 040355 | 022310007399 | NGUYỄN THANH      | MAI   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 7.0          | 6.9   | 5.5  |          |
| 356 | 040356 | 022310005007 | NGUYỄN THỊ        | MAI   | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 5.25         | 6.3   | 7.5  |          |
| 357 | 040357 | 022310005823 | NGUYỄN THÙY       | MAI   | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.0   | 7.5  |          |
| 358 | 040358 | 022310009820 | TRẦN THỊ HOÀNG    | MAI   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.6   | 6.75 |          |
| 359 | 040359 | 022210003064 | ĐƯƠNG THẾ         | MẠNH  | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 1.25         | 3.6   | 0.25 |          |
| 360 | 040360 | 022210010303 | ĐỖ XUÂN           | MẠNH  | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 3.25         | 3.0   | 2.5  |          |
| 361 | 040361 | 022208013607 | THÔI ĐỨC          | MẠNH  | 02/03/2008 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung |              |       |      | Vắng thi |
| 362 | 040362 | 022210007549 | VI HOÀNG          | MẠNH  | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 7.6   | 7.25 |          |
| 363 | 040363 | 022310008068 | NGUYỄN TRÀ        | MI    | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.2   | 6.0  |          |
| 364 | 040364 | 022210007329 | ĐẶNG NGUYỄN QUANG | MINH  | 22/06/2010 | Thái Bình  | Nam       | Hoa              | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 5.5          | 6.9   | 7.0  |          |
| 365 | 040365 | 022210011943 | ĐINH THẾ          | MINH  | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 3.75         | 6.0   | 5.5  |          |
| 366 | 040366 | 034210016288 | LÊ HOÀNG          | MINH  | 11/12/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 3.75         | 6.3   | 7.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|----------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |                |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 367 | 040367 | 022210008026 | NGUYỄN ĐỨC MINH      | 24/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.0          | 5.6   | 4.5  |         |
| 368 | 040368 | 022310003136 | NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH | 16/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 3.5          | 5.6   | 3.5  |         |
| 369 | 040369 | 012210002485 | PHẠM QUANG MINH      | 23/07/2010 | Lai Châu       | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 5.75         | 5.8   | 6.75 |         |
| 370 | 040370 | 046310002369 | PHẠM XUÂN ÁNH MINH   | 09/03/2010 | Thừa Thiên Huế | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.0   | 7.0  |         |
| 371 | 040371 | 022210002343 | TRẦN TẤN MINH        | 14/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.4   | 6.75 |         |
| 372 | 040372 | 022210000173 | TRƯƠNG NHẬT MINH     | 10/05/2010 | Hà Nội         | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 3.0          | 2.9   | 2.25 |         |
| 373 | 040373 | 022210003100 | VŨ ĐỨC MINH          | 01/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.2   | 8.0  |         |
| 374 | 040374 | 030210001040 | VŨ TIẾN MINH         | 19/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 6.5          | 4.4   | 6.5  |         |
| 375 | 040375 | 022210008014 | VƯƠNG VĂN MỪNG       | 14/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 5.0          | 2.6   | 2.25 |         |
| 376 | 040376 | 022310000444 | BÙI HOÀNG HÀ MY      | 31/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 7.8   | 6.5  |         |
| 377 | 040377 | 022310005824 | BÙI TRÀ MY           | 27/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 6.0          | 7.0   | 6.75 |         |
| 378 | 040378 | 031310017489 | NGUYỄN HÀ MY         | 11/12/2010 | Hải Phòng      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.5          | 7.2   | 7.5  |         |
| 379 | 040379 | 075310014697 | NGUYỄN HÀ BẢO MY     | 25/01/2010 | Bắc Ninh       | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 5.0          | 6.0   | 6.75 |         |
| 380 | 040380 | 022310001501 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY    | 14/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 2.75         | 3.4   | 1.25 |         |
| 381 | 040381 | 022310003264 | PHẠM HÀ KHUƠNG MY    | 08/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.25         | 7.6   | 5.5  |         |
| 382 | 040382 | 022310012700 | VŨ HÀ MY             | 08/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.5          | 9.1   | 7.75 |         |
| 383 | 040383 | 022310012008 | BÙI THUY MY          | 12/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 6.5          | 2.8   | 1.75 |         |
| 384 | 040384 | 022210000577 | ĐỖ THÀNH NAM         | 14/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.2   | 8.0  |         |
| 385 | 040385 | 022210005898 | HOÀNG ĐẶNG HẢI NAM   | 27/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Tày              | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 2.5          | 2.9   | 6.75 |         |
| 386 | 040386 | 035210005526 | HOÀNG THÀNH NAM      | 01/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.8   | 3.0  |         |
| 387 | 040387 | 031210001637 | LÊ BẢO NAM           | 01/06/2010 | Hải Dương      | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 2.75         | 2.2   | 0.5  |         |
| 388 | 040388 | 022210004867 | NGÔ GIANG NAM        | 17/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 6.25         | 6.7   | 6.25 |         |
| 389 | 040389 | 022210009589 | NGUYỄN BẢO NAM       | 21/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 4.5          | 6.0   | 5.75 |         |
| 390 | 040390 | 022210001991 | NGUYỄN TRẦN BẢO NAM  | 16/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 391 | 040391 | 022210009874 | PHẠM TRUNG NAM       | 03/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.0   | 8.5  |         |
| 392 | 040392 | 022210000084 | TỔNG TRUNG NAM       | 25/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.5          | 9.9   | 6.0  |         |
| 393 | 040393 | 031210005957 | TRỊNH ĐỨC NAM        | 04/02/2010 | Hải Phòng      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.25         | 8.8   | 7.5  |         |
| 394 | 040394 | 022310004367 | NGUYỄN HỒNG NGA      | 07/05/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 6.0          | 0.7   | 4.25 |         |
| 395 | 040395 | 022310002306 | TRẦN NHŨ TỎ NGÂN     | 06/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 3.75         | 4.2   | 6.0  |         |
| 396 | 040396 | 022308002593 | CHIỀU THỊ NGÂN       | 19/05/2008 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 4.75         | 4.2   | 1.5  |         |
| 397 | 040397 | 036310000508 | ĐỖ THỊ THANH NGÂN    | 24/02/2010 | Nam Định       | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.75         | 7.0   | 6.25 |         |
| 398 | 040398 | 022310006372 | ĐỖ THU NGÂN          | 08/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 7.25         | 5.6   | 7.25 |         |
| 399 | 040399 | 022310004441 | HOÀNG THỊ NGÂN       | 07/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Anh   | 3.25         | 3.2   | 3.5  |         |
| 400 | 040400 | 022310007487 | LÊ KHÁNH NGÂN        | 26/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.8   | 4.25 |         |
| 401 | 040401 | 022310000442 | MAI BẢO NGÂN         | 29/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.75         | 2.4   | 5.25 |         |
| 402 | 040402 | 022310006061 | NGUYỄN KIM NGÂN      | 13/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.25         | 5.0   | 6.75 |         |
| 403 | 040403 | 022310000336 | PHẠM DƯƠNG THU NGÂN  | 01/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.6   | 7.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 404 | 040404 | 022310000407 | PHÙNG THU        | NGÂN   | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.25         | 8.0   | 8.0  |         |
| 405 | 040405 | 022310008362 | TRẦN BẢO         | NGÂN   | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.8   | 8.25 |         |
| 406 | 040406 | 035310007102 | TRẦN THỊ HOÀNG   | NGÂN   | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ           | Tiếng Anh   | 6.0          | 7.0   | 3.5  |         |
| 407 | 040407 | 022210008836 | HOÀNG TRỌNG      | NGHĨA  | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.25         | 8.4   | 8.25 |         |
| 408 | 040408 | 022210009939 | MAI XUÂN         | NGHĨA  | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 4.0          | 2.1   | 3.25 |         |
| 409 | 040409 | 022310003323 | BÙI KIM          | NGỌC   | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 7.0          | 9.2   | 6.5  |         |
| 410 | 040410 | 022310000137 | CAO NHƯ          | NGỌC   | 20/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 9.2   | 8.5  |         |
| 411 | 040411 | 033310009213 | ĐÀO THỊ          | NGỌC   | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.0          | 6.6   | 3.25 |         |
| 412 | 040412 | 022310001830 | ĐINH BẢO         | NGỌC   | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.8   | 8.5  |         |
| 413 | 040413 | 033310009967 | ĐINH MINH        | NGỌC   | 07/04/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 5.0          | 4.4   | 6.5  |         |
| 414 | 040414 | 022310002411 | HOÀNG THANH      | NGỌC   | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.5          | 6.4   | 7.75 |         |
| 415 | 040415 | 022310003429 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC   | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 6.75         | 1.9   | 5.25 |         |
| 416 | 040416 | 022310011021 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC   | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 6.75         | 6.9   | 6.0  |         |
| 417 | 040417 | 022310001641 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC   | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.8   | 1.5  |         |
| 418 | 040418 | 022310005860 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC   | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 4.5          | 5.0   | 3.0  |         |
| 419 | 040419 | 030310006257 | NGUYỄN BÍCH      | NGỌC   | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 6.25         | 6.8   | 5.0  |         |
| 420 | 040420 | 022310004182 | PHẠM BÍCH        | NGỌC   | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 2.5          | 1.9   | 1.0  |         |
| 421 | 040421 | 022310007649 | TRẦN BẢO         | NGỌC   | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.25         | 7.6   | 6.25 |         |
| 422 | 040422 | 022310005509 | TY BÍCH          | NGỌC   | 09/08/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.5          | 4.0   | 6.75 |         |
| 423 | 040423 | 022310001130 | VI BẢO           | NGỌC   | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 3.75         | 1.7   | 3.0  |         |
| 424 | 040424 | 022310012021 | VƯƠNG BÍCH       | NGỌC   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 2.75         | 1.4   | 1.5  |         |
| 425 | 040425 | 022310002149 | LÊ THẢO          | NGUYỄN | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ           | Tiếng Anh   | 4.75         | 2.4   | 3.0  |         |
| 426 | 040426 | 022310009701 | LƯƠNG PHẠM HẠNH  | NGUYỄN | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.25         | 5.2   | 6.25 |         |
| 427 | 040427 | 022310008131 | TRẦN THẢO        | NGUYỄN | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.2   | 6.25 |         |
| 428 | 040428 | 022310009728 | LÊ THỊ MINH      | NGUYỆT | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vĩnh Thục        | Tiếng Anh   | 5.5          | 4.0   | 2.75 |         |
| 429 | 040429 | 022310004999 | MỄ ÁNH           | NGUYỆT | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 2.25         | 2.3   | 3.75 |         |
| 430 | 040430 | 022310009829 | LÊ THỊ THANH     | NHÀN   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.4   | 2.0  |         |
| 431 | 040431 | 022310005016 | BÙI GIA          | NHI    | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 5.25         | 9.1   | 6.0  |         |
| 432 | 040432 | 022310012018 | BÙI THỊ YẾN      | NHI    | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 4.5          | 3.0   | 2.0  |         |
| 433 | 040433 | 033310012343 | ĐẶNG YẾN         | NHI    | 12/07/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.25         | 5.0   | 8.0  |         |
| 434 | 040434 | 022310001291 | ĐINH GIA         | NHI    | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.75         | 7.2   | 7.0  |         |
| 435 | 040435 | 033310011001 | ĐINH THUY YẾN    | NHI    | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 7.75         | 3.6   | 7.5  |         |
| 436 | 040436 | 022310000791 | ĐỖ VŨ YẾN        | NHI    | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.75         | 2.0   | 4.5  |         |
| 437 | 040437 | 022310012003 | MẠC YẾN          | NHI    | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 6.25         | 5.4   | 4.75 |         |
| 438 | 040438 | 022310003495 | NGUYỄN NGỌC LINH | NHI    | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 3.0          | 4.2   | 5.75 |         |
| 439 | 040439 | 022310000797 | NGUYỄN NGỌC TUỆ  | NHI    | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 5.25         | 2.8   | 1.75 |         |
| 440 | 040440 | 022310006893 | NGUYỄN PHẠM YẾN  | NHI    | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 7.0          | 7.4   | 7.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |             |           |                  |                    |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 441 | 040441 | 030310003686 | NGUYỄN THỊ UYÊN  | NHI   | 18/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Trung | 8.0          | 6.7   | 5.25 |          |
| 442 | 040442 | 001310057649 | NGUYỄN TUYẾT     | NHI   | 11/12/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.2   | 6.25 |          |
| 443 | 040443 | 022310000409 | PHẠM BÙI YẾN     | NHI   | 29/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh      | Tiếng Trung | 5.0          | 2.8   | 3.75 |          |
| 444 | 040444 | 022310011685 | PHẠM THỊ YẾN     | NHI   | 20/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 1.75         | 7.1   | 4.5  |          |
| 445 | 040445 | 022310004332 | TẠ YẾN           | NHI   | 15/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 6.25         | 8.6   | 8.5  |          |
| 446 | 040446 | 022310009879 | TRẦN HOÀNG GIA   | NHI   | 23/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 447 | 040447 | 022310012054 | TRẦN NGỌC YẾN    | NHI   | 09/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 6.0          | 6.0   | 5.0  |          |
| 448 | 040448 | 022310006792 | VŨ HOÀNG VÂN     | NHI   | 02/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 7.75         | 8.8   | 8.5  |          |
| 449 | 040449 | 036310002379 | VŨ THỊ MAI       | NHI   | 25/07/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Trung | 6.0          | 3.2   | 5.25 |          |
| 450 | 040450 | 022310006625 | VƯƠNG NGỌC       | NHI   | 07/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Anh   | 7.25         | 6.8   | 6.25 |          |
| 451 | 040451 | 022210009788 | LÊ ĐÌNH          | NHUẬN | 17/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 4.5          | 4.0   | 5.75 |          |
| 452 | 040452 | 022310005960 | CHU THỊ HỒNG     | NHUNG | 17/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Hoa              | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 3.0          | 5.0   | 3.75 |          |
| 453 | 040453 | 022310009646 | PHẠM HỒNG        | NHUNG | 10/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Trung | 4.0          | 6.2   | 7.5  |          |
| 454 | 040454 | 019310006724 | PHẠM TRANG       | NHUNG | 23/07/2010 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày              | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 4.75         | 8.4   | 7.75 |          |
| 455 | 040455 | 022310006865 | TRẦN THỊ HỒNG    | NHUNG | 08/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Trung | 4.0          | 8.0   | 4.0  |          |
| 456 | 040456 | 022310011318 | TRẦN THỊ HỒNG    | NHUNG | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vĩnh Thục     | Tiếng Anh   | 7.0          | 5.6   | 6.25 |          |
| 457 | 040457 | 022310011190 | HỨA THỊ QUỲNH    | NHƯ   | 18/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vĩnh Thục     | Tiếng Anh   | 5.5          | 2.6   | 4.0  |          |
| 458 | 040458 | 022310006435 | LÊ NGUYỄN KIỀU   | NHƯ   | 13/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Trung | 5.5          | 5.5   | 3.75 |          |
| 459 | 040459 | 022310005292 | NGUYỄN HOÀNG TÂM | NHƯ   | 30/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 4.0          | 4.5   | 4.5  |          |
| 460 | 040460 | 022310009255 | NGUYỄN TÂM       | NHƯ   | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 8.0          | 4.2   | 6.0  |          |
| 461 | 040461 | 022310009627 | PHẠM THỊ QUỲNH   | NHƯ   | 25/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân      | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.0   | 6.25 |          |
| 462 | 040462 | 022310005171 | TRẦN THÙY        | NHƯ   | 15/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.0          | 7.0   | 7.25 |          |
| 463 | 040463 | 022310004186 | VŨ QUỲNH         | NHƯ   | 05/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 7.75         | 4.2   | 5.5  |          |
| 464 | 040464 | 022310010828 | NGUYỄN VŨ HẢI    | NINH  | 20/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 6.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 465 | 040465 | 031310013173 | PHẠM NGUYỄN HẢI  | NINH  | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa       | Tiếng Anh   | 5.5          | 6.0   | 4.25 |          |
| 466 | 040466 | 022310009206 | THÂN THỊ HẢI     | NINH  | 04/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 7.25         | 8.8   | 7.0  |          |
| 467 | 040467 | 022310000095 | LƯU DIỆP         | OANH  | 19/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương    | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.2   | 7.25 |          |
| 468 | 040468 | 022210021070 | NGUYỄN HOÀNG     | PHÁT  | 02/11/2010 | Hà Nội      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 5.5          | 9.6   | 7.75 |          |
| 469 | 040469 | 022210009892 | TRẦN QUANG       | PHÁT  | 26/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Trung | 6.0          | 7.7   | 5.75 |          |
| 470 | 040470 | 022210001993 | ĐÀO DUY          | PHONG | 02/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ka Long       | Tiếng Anh   | 2.75         | 8.0   | 3.75 |          |
| 471 | 040471 | 022210013218 | ĐÌNH CÔNG        | PHONG | 17/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hải Yên       | Tiếng Trung | 5.0          | 8.6   | 8.25 |          |
| 472 | 040472 | 022210005791 | NGUYỄN MINH      | PHONG | 24/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 5.75         | 9.0   | 6.5  |          |
| 473 | 040473 | 022210021003 | NGUYỄN TRẦN HẢI  | PHONG | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Trung | 4.75         | 4.5   | 4.5  |          |
| 474 | 040474 | 022210009535 | PHẠM ĐÌNH        | PHONG | 01/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trà Cổ        | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 475 | 040475 | 001210024706 | PHẠM KỶ          | PHONG | 15/07/2010 | Hà Nội      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 5.75         | 5.0   | 8.75 |          |
| 476 | 040476 | 034210013748 | PHAN THẾ         | PHONG | 28/06/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc       | Tiếng Anh   | 5.5          | 6.8   | 6.5  |          |
| 477 | 040477 | 022210007862 | PHÙN VĂN         | PHONG | 08/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bắc Sơn | Tiếng Anh   | 3.0          | 3.0   | 3.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |                 |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 478 | 040478 | 022210000909 | TÔ TIỀN PHONG         | 02/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 4.25         | 3.0   | 3.25 |          |
| 479 | 040479 | 022210013217 | TRẦN PHẠM GIA PHONG   | 13/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 0.25         | 2.2   | 1.25 |          |
| 480 | 040480 | 022210000545 | VŨ THÁI PHONG         | 18/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.25         | 6.6   | 7.75 |          |
| 481 | 040481 | 022210003801 | BÙI VŨ GIA PHÚ        | 18/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 482 | 040482 | 022210021071 | NGUYỄN HOÀNG PHÚ      | 02/11/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.4   | 8.0  |          |
| 483 | 040483 | 022210021027 | TRẦN THIÊN PHÚ        | 03/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.0          | 8.0   | 7.75 |          |
| 484 | 040484 | 022210007261 | NGUYỄN ĐÌNH PHÚC      | 12/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.0          | 7.4   | 7.25 |          |
| 485 | 040485 | 022210012598 | NGUYỄN QUANG PHÚC     | 04/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 486 | 040486 | 022210008375 | TRẦN HỮU PHÚC         | 22/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 3.5          | 6.8   | 5.0  |          |
| 487 | 040487 | 022210000500 | TRẦN LÂM PHÚC         | 21/06/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.0          | 8.8   | 7.25 |          |
| 488 | 040488 | 024310000931 | HỒNG GIA PHỤNG        | 21/09/2010 | Bắc Kạn         | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 5.0          | 4.6   | 4.25 |          |
| 489 | 040489 | 022210006833 | PHẠM MINH PHƯỚC       | 06/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 5.25         | 4.5   | 6.25 |          |
| 490 | 040490 | 034210004821 | BÙI MINH PHƯƠNG       | 07/03/2010 | Thái Bình       | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 7.5          | 5.6   | 7.5  |          |
| 491 | 040491 | 022210012591 | BÙI NAM PHƯƠNG        | 23/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Anh   | 7.5          | 4.0   | 5.0  |          |
| 492 | 040492 | 022310000596 | BÙI THÚY PHƯƠNG       | 05/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Anh   | 7.25         | 7.4   | 6.5  |          |
| 493 | 040493 | 022310000730 | NGÔ MINH PHƯƠNG       | 16/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 4.0          | 4.4   | 0.5  |          |
| 494 | 040494 | 022310002823 | NGUYỄN NGỌC HÀ PHƯƠNG | 29/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 7.0          | 3.2   | 2.5  |          |
| 495 | 040495 | 031310009347 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG     | 09/05/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 4.25         | 6.2   | 7.5  |          |
| 496 | 040496 | 022310004762 | NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG | 20/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 6.0          | 6.4   | 7.5  |          |
| 497 | 040497 | 022310004465 | NGUYỄN THU PHƯƠNG     | 20/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.2   | 2.25 |          |
| 498 | 040498 | 031310012631 | VŨ NGỌC PHƯƠNG        | 06/01/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 3.0          | 6.4   | 3.5  |          |
| 499 | 040499 | 022210012531 | BÊ MẠNH QUÂN          | 31/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 2.75         | 8.8   | 6.75 |          |
| 500 | 040500 | 022210006007 | BÙI MẠNH QUÂN         | 28/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.5          | 3.5   | 2.25 |          |
| 501 | 040501 | 034210009548 | NGUYỄN DUY QUÂN       | 18/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.5          | 4.6   | 5.75 |          |
| 502 | 040502 | 022210005597 | NGUYỄN ĐỨC QUÂN       | 15/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.5          | 9.6   | 5.5  |          |
| 503 | 040503 | 022210010615 | NGUYỄN NGỌC ANH QUÂN  | 25/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 8.0          | 8.8   | 7.0  |          |
| 504 | 040504 | 022210000742 | NGUYỄN TRIỀU QUÂN     | 05/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 3.25         | 7.0   | 8.25 |          |
| 505 | 040505 | 022210004203 | NGUYỄN QUANG QUÝ      | 24/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 4.5          | 7.6   | 5.5  |          |
| 506 | 040506 | 022310010493 | NGÔ NGỌC QUYÊN        | 15/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 6.0          | 6.8   | 4.0  |          |
| 507 | 040507 | 022310012694 | TẶNG BẢO QUYÊN        | 09/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 6.5          | 1.7   | 4.5  |          |
| 508 | 040508 | 022210003539 | VŨ MẠNH QUYÊN         | 09/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 4.5          | 6.9   | 2.5  |          |
| 509 | 040509 | 033310000133 | HOÀNG NHƯ QUỲNH       | 10/02/2010 | Hưng Yên        | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 5.5          | 4.4   | 7.0  |          |
| 510 | 040510 | 022310000580 | LÊ THỊ QUỲNH          | 06/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung |              |       |      | Vắng thi |
| 511 | 040511 | 022310000422 | VĂN THANH TÚ QUỲNH    | 08/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.0          | 4.6   | 7.25 |          |
| 512 | 040512 | 031310005558 | HOÀNG ĐỖ SAN SAN      | 25/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 5.75         | 9.6   | 6.75 |          |
| 513 | 040513 | 022210002312 | NGUYỄN TIỀN SANG      | 20/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 5.5          | 2.6   | 4.75 |          |
| 514 | 040514 | 022210004782 | BÙI NHẤT SƠN          | 11/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 4.5          | 6.7   | 4.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 515 | 040515 | 022210002515 | ĐỖ HỮU HẢI        | SON   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 5.25         | 8.4   | 8.5  |          |
| 516 | 040516 | 022210005140 | HOÀNG THÁI        | SƠN   | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Anh   | 4.0          | 3.2   | 1.0  |          |
| 517 | 040517 | 022210006464 | LÊ THÁI           | SƠN   | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.0          | 5.6   | 8.0  |          |
| 518 | 040518 | 022210007105 | LÊ UY BẢO         | SON   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.75         | 6.8   | 6.25 |          |
| 519 | 040519 | 022210000460 | NGUYỄN BẢO        | SON   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 6.0          | 9.3   | 7.25 |          |
| 520 | 040520 | 022210002123 | NGUYỄN CAO        | SƠN   | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.8   | 6.5  |          |
| 521 | 040521 | 022210007492 | NGUYỄN ĐÌNH       | SƠN   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 4.0          | 4.8   | 3.75 |          |
| 522 | 040522 | 030210000384 | NGUYỄN THÁI       | SON   | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.6   | 6.5  |          |
| 523 | 040523 | 022210006771 | NGUYỄN THÁI       | SON   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.25         | 3.2   | 6.5  |          |
| 524 | 040524 | 022210000524 | PHẠM HOÀNG        | SƠN   | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.5          | 7.6   | 6.5  |          |
| 525 | 040525 | 031210008345 | TẠ CAO            | SƠN   | 25/12/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 6.25         | 7.0   | 6.75 |          |
| 526 | 040526 | 022210006277 | VŨ HỒNG           | SON   | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.0   | 7.0  |          |
| 527 | 040527 | 022210004145 | HOÀNG HỮU         | TÀI   | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 2.0          | 2.2   | 2.5  |          |
| 528 | 040528 | 030210014943 | NGUYỄN HỮU        | TÀI   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 529 | 040529 | 036210008976 | NGUYỄN THÀNH      | TÂM   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 5.25         | 8.6   | 7.0  |          |
| 530 | 040530 | 022210003168 | TRẦN MINH         | TÂM   | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 5.25         | 6.4   | 4.25 |          |
| 531 | 040531 | 022310000473 | VŨ MINH           | TÂM   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 5.0          | 2.4   | 3.75 |          |
| 532 | 040532 | 022210012583 | PHẠM DUY          | TÂN   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 5.5          | 4.0   | 6.25 |          |
| 533 | 040533 | 022210011964 | LÊ MINH           | THÁI  | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 2.0          | 3.6   | 4.75 |          |
| 534 | 040534 | 022210000795 | BÙI TUẤN          | THANH | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Anh   | 3.75         | 3.6   | 1.5  |          |
| 535 | 040535 | 022210012673 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC | THANH | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.4   | 4.75 |          |
| 536 | 040536 | 022310000683 | NGUYỄN THỊ MAI    | THANH | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.5          | 8.1   | 6.0  |          |
| 537 | 040537 | 034310001996 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THANH | 12/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.5          | 9.3   | 7.5  |          |
| 538 | 040538 | 027210013819 | BÙI CHỈ           | THÀNH | 28/09/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 3.0          | 6.1   | 7.5  |          |
| 539 | 040539 | 022210000410 | NGUYỄN ĐỨC        | THÀNH | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 540 | 040540 | 022210000599 | NGUYỄN MINH       | THÀNH | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.5          | 10.0  | 8.0  |          |
| 541 | 040541 | 022210010456 | NGUYỄN NAM        | THÀNH | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 4.75         | 5.9   | 5.75 |          |
| 542 | 040542 | 022210004976 | NGUYỄN VĂN        | THÀNH | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.25         | 9.8   | 7.0  |          |
| 543 | 040543 | 001210017706 | NGUYỄN XUÂN       | THÀNH | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.5          | 9.0   | 7.25 |          |
| 544 | 040544 | 022210001976 | TRẦN TẤN          | THÀNH | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 4.75         | 5.4   | 7.25 |          |
| 545 | 040545 | 022310005006 | BÙI PHƯƠNG        | THẢO  | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.0   | 6.5  |          |
| 546 | 040546 | 022310005448 | BÙI THIÊN         | THẢO  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.5          | 7.8   | 6.25 |          |
| 547 | 040547 | 022310009445 | ĐẶNG THỊ THU      | THẢO  | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 3.75         | 3.0   | 2.0  |          |
| 548 | 040548 | 034310004574 | ĐÌNH PHƯƠNG       | THẢO  | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.5          | 9.1   | 6.75 |          |
| 549 | 040549 | 022310000388 | HOÀNG PHƯƠNG      | THẢO  | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.75         | 6.8   | 4.0  |          |
| 550 | 040550 | 022310011138 | HOÀNG THỊ HƯƠNG   | THẢO  | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 8.0          | 9.6   | 8.25 |          |
| 551 | 040551 | 022310010385 | LÊ THỊ BÍCH       | THẢO  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 7.5          | 5.2   | 4.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS             | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                         |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 552 | 040552 | 022310012569 | LÊ VY ANH        | THẢO  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ             | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 553 | 040553 | 022310000700 | NGÔ PHƯƠNG       | THẢO  | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc            | Tiếng Trung | 6.0          | 4.5   | 4.75 |         |
| 554 | 040554 | 022310009797 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THẢO  | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ             | Tiếng Anh   | 7.0          | 9.4   | 7.5  |         |
| 555 | 040555 | 030310015424 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THẢO  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long            | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.4   | 7.75 |         |
| 556 | 040556 | 022310001347 | NGUYỄN THANH     | THẢO  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa            | Tiếng Anh   | 7.5          | 5.8   | 5.0  |         |
| 557 | 040557 | 022310007746 | PHẠM THANH       | THẢO  | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên            | Tiếng Trung | 6.0          | 7.2   | 6.25 |         |
| 558 | 040558 | 022310000666 | TRẦN PHƯƠNG      | THẢO  | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên            | Tiếng Trung | 6.75         | 7.6   | 6.5  |         |
| 559 | 040559 | 022310005537 | TRẦN THỊ PHƯƠNG  | THẢO  | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Trung | 5.25         | 8.1   | 6.5  |         |
| 560 | 040560 | 022310007965 | TRỊNH PHƯƠNG     | THẢO  | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Trung | 6.75         | 6.7   | 7.5  |         |
| 561 | 040561 | 026310009808 | TRƯƠNG DIỆU      | THẢO  | 08/11/2010 | Vĩnh Phúc  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa            | Tiếng Anh   | 7.25         | 6.8   | 7.5  |         |
| 562 | 040562 | 022310007461 | VŨ HÀ PHƯƠNG     | THẢO  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương         | Tiếng Trung | 3.75         | 5.1   | 3.5  |         |
| 563 | 040563 | 022310003655 | VŨ PHƯƠNG        | THẢO  | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long            | Tiếng Trung | 6.0          | 5.8   | 6.25 |         |
| 564 | 040564 | 022310012068 | VƯƠNG MINH       | THẢO  | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Anh   | 7.5          | 7.0   | 8.25 |         |
| 565 | 040565 | 022210012517 | HOÀNG ĐỨC        | THẮNG | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vĩnh Thực          | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.6   | 3.5  |         |
| 566 | 040566 | 022210000799 | HOÀNG XUÂN       | THẮNG | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh           | Tiếng Anh   | 6.25         | 4.2   | 4.25 |         |
| 567 | 040567 | 033210009840 | NGUYỄN ĐỨC       | THẮNG | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương         | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.6   | 6.25 |         |
| 568 | 040568 | 022210000395 | PHẠM DUY         | THẮNG | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long            | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.4   | 6.0  |         |
| 569 | 040569 | 022210000466 | BÙI BÁ BẢO       | THIỆN | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc            | Tiếng Anh   | 5.5          | 6.6   | 7.0  |         |
| 570 | 040570 | 022210002387 | VŨ HOÀNG NGỌC    | THIỆN | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa            | Tiếng Trung | 4.75         | 1.4   | 6.5  |         |
| 571 | 040571 | 022210005624 | LÃNG QUANG       | THIỆU | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Anh   | 5.0          | 6.8   | 6.0  |         |
| 572 | 040572 | 022210008437 | PHÙNG NGUYỄN ĐỨC | THỊNH | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc            | Tiếng Anh   | 7.75         | 6.6   | 7.75 |         |
| 573 | 040573 | 022310002254 | HOÀNG KIM        | THOA  | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Trung | 5.75         | 4.9   | 7.0  |         |
| 574 | 040574 | 022310010732 | MẠC HOÀNG        | THU   | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Anh   | 7.5          | 5.2   | 7.25 |         |
| 575 | 040575 | 022310000211 | PHẠM KHÁNH       | THU   | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc            | Tiếng Anh   | 8.25         | 6.8   | 7.75 |         |
| 576 | 040576 | 022310001226 | PHẠM NGỌC        | THU   | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung   | Tiếng Anh   | 7.5          | 5.0   | 4.75 |         |
| 577 | 040577 | 022310002083 | NÌNH THỊ PHƯƠNG  | THÙY  | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay         | TH và THCS Bắc Sơn      | Tiếng Anh   | 4.0          | 4.0   | 4.0  |         |
| 578 | 040578 | 036310017281 | MAI PHƯƠNG       | THÚY  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa            | Tiếng Anh   | 4.5          | 4.2   | 5.75 |         |
| 579 | 040579 | 022310010802 | VŨ PHƯƠNG        | THÚY  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long | Tiếng Anh   | 7.25         | 7.4   | 7.0  |         |
| 580 | 040580 | 022310012678 | BÙI MINH         | THƯ   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh           | Tiếng Trung | 4.0          | 5.1   | 5.5  |         |
| 581 | 040581 | 022310010638 | ĐÀO ANH          | THƯ   | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương         | Tiếng Anh   | 7.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 582 | 040582 | 022310008902 | ĐÀO THỊ MINH     | THƯ   | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trà Cổ             | Tiếng Anh   | 5.0          | 4.6   | 4.0  |         |
| 583 | 040583 | 022310001650 | HOÀNG ANH        | THƯ   | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.8   | 4.25 |         |
| 584 | 040584 | 022310010133 | HOÀNG THỊ MINH   | THƯ   | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân           | Tiếng Trung | 5.5          | 5.0   | 6.5  |         |
| 585 | 040585 | 022310008787 | LÊ ANH           | THƯ   | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa            | Tiếng Trung | 7.0          | 7.9   | 7.0  |         |
| 586 | 040586 | 022310008924 | LIÊU PHẠM ANH    | THƯ   | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Hòa Lạc            | Tiếng Trung | 6.5          | 2.9   | 5.75 |         |
| 587 | 040587 | 022310006527 | LƯU HOÀNG ANH    | THƯ   | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương         | Tiếng Anh   | 7.5          | 8.8   | 8.75 |         |
| 588 | 040588 | 022310010919 | NGÔ MINH         | THƯ   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa            | Tiếng Trung | 7.0          | 2.2   | 6.25 |         |



**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|-------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                         |            |             |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 589 | 040589 | 031310013627 | NGUYỄN ANH THƯ          | 15/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 7.0          | 4.9   | 3.25 |         |
| 590 | 040590 | 022310011797 | NGUYỄN BÁ MINH THƯ      | 03/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 8.5          | 6.6   | 8.5  |         |
| 591 | 040591 | 022310002858 | NGUYỄN MINH THƯ         | 06/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.4   | 2.25 |         |
| 592 | 040592 | 022310005259 | NGUYỄN THỊ MINH THƯ     | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 4.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 593 | 040593 | 022310010993 | PHẠM ANH THƯ            | 16/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.25         | 4.4   | 4.0  |         |
| 594 | 040594 | 022310002535 | PHẠM OANH THƯ           | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 6.25         | 2.8   | 1.5  |         |
| 595 | 040595 | 022310011484 | PHẠM THIÊN THƯ          | 13/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.2   | 5.5  |         |
| 596 | 040596 | 022310007793 | NGUYỄN THỊ NGÂN THƯƠNG  | 23/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.5          | 5.0   | 6.25 |         |
| 597 | 040597 | 022310006309 | NGUYỄN QUỲNH THY        | 17/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 5.5          | 4.2   | 4.5  |         |
| 598 | 040598 | 022310009225 | HOÀNG HOA THUY TIỀN     | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.5          | 9.8   | 6.75 |         |
| 599 | 040599 | 031310005401 | NGUYỄN HẢI TIỀN         | 30/11/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 7.25         | 7.0   | 5.25 |         |
| 600 | 040600 | 022210006646 | KHÔNG MẠNH TIỀN         | 12/03/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 6.4   | 6.25 |         |
| 601 | 040601 | 022210011303 | LƯU VĨNH TIỀN           | 24/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 5.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 602 | 040602 | 022210000837 | NGUYỄN QUANG TIỀN       | 09/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 6.0          | 5.2   | 5.0  |         |
| 603 | 040603 | 022210012387 | ĐÀO DUY TOÀN            | 10/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.4   | 8.5  |         |
| 604 | 040604 | 022210009999 | VŨ ĐỨC TOÀN             | 28/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.0          | 6.2   | 8.0  |         |
| 605 | 040605 | 040210025613 | ĐẶNG QUỐC TOÀN          | 13/06/2010 | Nghệ An     | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 7.5          | 8.2   | 7.75 |         |
| 606 | 040606 | 022310004684 | TRẦN THANH TRẢ          | 05/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Chay (Sán)       | TH và THCS Hải Sơn    | Tiếng Anh   | 7.25         | 4.0   | 2.5  |         |
| 607 | 040607 | 022310000514 | ĐÀO HIỀN TRANG          | 15/01/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 8.0   | 7.5  |         |
| 608 | 040608 | 034310002329 | ĐOÀN PHƯƠNG TRANG       | 05/01/2010 | Bình Dương  | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.8   | 4.5  |         |
| 609 | 040609 | 022310010297 | ĐỖ HUYỀN TRANG          | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.8   | 3.0  |         |
| 610 | 040610 | 022310007627 | ĐỖ THUYỀN TRANG         | 05/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 5.0          | 8.1   | 3.25 |         |
| 611 | 040611 | 022310010453 | HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG   | 08/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 5.75         | 8.4   | 5.25 |         |
| 612 | 040612 | 022310001916 | HOÀNG THU TRANG         | 06/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 4.25         | 6.8   | 3.75 |         |
| 613 | 040613 | 022310005345 | LÊ NGUYỄN HUYỀN TRANG   | 23/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 8.25         | 4.8   | 5.75 |         |
| 614 | 040614 | 022310011600 | NGÔ MAI TRANG           | 21/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.4   | 8.5  |         |
| 615 | 040615 | 022310005162 | NGUYỄN LÊ HUYỀN TRANG   | 19/02/2010 | Thanh Hóa   | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 7.25         | 5.2   | 6.75 |         |
| 616 | 040616 | 035310004122 | NGUYỄN THỊ HOÀI TRANG   | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 4.25         | 7.3   | 3.25 |         |
| 617 | 040617 | 022310009691 | PHẠM NGỌC TRANG         | 27/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 5.0          | 5.8   | 5.0  |         |
| 618 | 040618 | 033310003773 | PHAN THU TRANG          | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 6.0          | 8.8   | 6.0  |         |
| 619 | 040619 | 019310000477 | TRẦN MAI TRANG          | 16/11/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.5          | 7.8   | 5.75 |         |
| 620 | 040620 | 022310000728 | TRẦN NGỌC YẾN TRANG     | 09/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.6   | 6.25 |         |
| 621 | 040621 | 030310005377 | TRẦN THỊ QUỲNH TRANG    | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 4.25         | 4.4   | 4.5  |         |
| 622 | 040622 | 022310004503 | TRƯƠNG THỊ THUYỀN TRANG | 05/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.8   | 3.75 |         |
| 623 | 040623 | 022310007545 | VŨ THỊ KIỀU TRANG       | 15/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Vĩnh Thực        | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.2   | 2.25 |         |
| 624 | 040624 | 040310016469 | LÊ THỊ BẢO TRÂM         | 25/07/2010 | Nghệ An     | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 5.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 625 | 040625 | 022310004827 | NGUYỄN THỊ TRÂM         | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bình Ngọc        | Tiếng Anh   | 4.75         | 7.4   | 5.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS     | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                 |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 626 | 040626 | 034310002354 | NGUYỄN THỊ THUỶ   | TRÂM   | 17/05/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 7.25         | 5.4   | 5.25 |          |
| 627 | 040627 | 034310006064 | TRỊNH NGỌC BẢO    | TRÂM   | 01/01/2010 | Bình Dương | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Anh   | 8.0          | 7.8   | 6.5  |          |
| 628 | 040628 | 022310000550 | VI NGỌC           | TRÂM   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh   | Tiếng Trung | 6.75         | 5.8   | 5.75 |          |
| 629 | 040629 | 030310011960 | VŨ THỊ NGỌC       | TRÂM   | 11/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên    | Tiếng Anh   | 6.25         | 3.8   | 7.0  |          |
| 630 | 040630 | 022210002902 | NGUYỄN MINH       | TRÍ    | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 5.75         | 5.6   | 5.5  |          |
| 631 | 040631 | 022210006832 | NGUYỄN PHƯƠNG     | TRÍ    | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.6   | 6.25 |          |
| 632 | 040632 | 022210012006 | PHẠM TUẤN         | TRIẾT  | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Trung |              |       |      | Vắng thi |
| 633 | 040633 | 022310008522 | LÊ KIỀU           | TRINH  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Anh   | 7.25         | 8.2   | 7.0  |          |
| 634 | 040634 | 022310000222 | VY VIỆT           | TRINH  | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 7.25         | 8.2   | 7.5  |          |
| 635 | 040635 | 022210004492 | LÊ NGUYỄN ĐỨC     | TRỌNG  | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Trung | 6.75         | 8.6   | 7.0  |          |
| 636 | 040636 | 027210000511 | NGUYỄN ĐỨC        | TRỌNG  | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 6.5          | 7.8   | 8.25 |          |
| 637 | 040637 | 022210002381 | NGUYỄN THÁI       | TRỌNG  | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 7.0          | 8.6   | 8.25 |          |
| 638 | 040638 | 022210001293 | HOÀNG VIỆT        | TRUNG  | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 7.25         | 9.2   | 7.0  |          |
| 639 | 040639 | 022210009941 | NGUYỄN VIỆT       | TRUNG  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 4.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 640 | 040640 | 022210001961 | PHẠM THANH        | TRUNG  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Xuân   | Tiếng Anh   | 6.25         | 4.2   | 6.0  |          |
| 641 | 040641 | 022210010080 | LIN LÂM THẾ       | TRƯỜNG | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Trung | 2.0          | 5.1   | 2.75 |          |
| 642 | 040642 | 022210001971 | PHẠM NGUYỄN TUẤN  | TÚ     | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên    | Tiếng Anh   | 4.25         | 4.8   | 1.5  |          |
| 643 | 040643 | 022310005195 | VŨ NGUYỄN CẨM     | TÚ     | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Trung | 6.75         | 7.4   | 6.5  |          |
| 644 | 040644 | 022210000648 | HÀ ANH            | TUẤN   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Vạn Ninh   | Tiếng Trung | 5.25         | 5.3   | 5.75 |          |
| 645 | 040645 | 022210000358 | LƯƠNG THIÊN       | TUẤN   | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 646 | 040646 | 022210001747 | NGUYỄN ANH        | TUẤN   | 05/03/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.8   | 7.75 |          |
| 647 | 040647 | 022210001807 | NGUYỄN ĐỨC        | TUẤN   | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Anh   | 5.25         | 6.4   | 5.75 |          |
| 648 | 040648 | 036210013755 | PHẠM MINH         | TUẤN   | 18/10/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 4.0          | 4.6   | 4.5  |          |
| 649 | 040649 | 034210010137 | PHẠM TRẦN ANH     | TUẤN   | 24/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Anh   | 4.25         | 4.6   | 4.5  |          |
| 650 | 040650 | 022210007449 | TRẦN ANH          | TUẤN   | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 5.25         | 5.6   | 4.5  |          |
| 651 | 040651 | 022210009957 | TRẦN ANH          | TUẤN   | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Trung | 4.0          | 6.0   | 4.5  |          |
| 652 | 040652 | 022210005373 | VŨ ANH            | TUẤN   | 13/08/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Trung | 4.5          | 6.6   | 1.75 |          |
| 653 | 040653 | 031210000395 | VŨ KIM            | TUẤN   | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Trung | 4.0          | 5.0   | 4.0  |          |
| 654 | 040654 | 022210021034 | ĐẶNG XUÂN         | TÙNG   | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 6.0          | 6.6   | 7.5  |          |
| 655 | 040655 | 022210002597 | LÊ SƠN            | TÙNG   | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Anh   | 5.25         | 5.6   | 6.25 |          |
| 656 | 040656 | 022210008888 | VŨ HOÀNG          | TÙNG   | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 6.0          | 7.8   | 7.0  |          |
| 657 | 040657 | 038310018050 | ĐỖ TRẦN ÁNH       | TUYẾT  | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.0   | 4.75 |          |
| 658 | 040658 | 036310000652 | NHŨ ÁNH           | TUYẾT  | 05/03/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa    | Tiếng Trung | 5.0          | 2.8   | 6.25 |          |
| 659 | 040659 | 033310011695 | ĐỖ TỐ             | UYÊN   | 10/05/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc    | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.4   | 6.75 |          |
| 660 | 040660 | 033310012922 | NGUYỄN BẢO        | UYÊN   | 19/06/2010 | Hưng yên   | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 7.25         | 9.0   | 8.0  |          |
| 661 | 040661 | 022310000337 | NGUYỄN PHƯƠNG     | UYÊN   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long    | Tiếng Anh   | 6.5          | 7.2   | 7.75 |          |
| 662 | 040662 | 022310005778 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | UYÊN   | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân   | Tiếng Trung | 6.0          | 3.0   | 3.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|-----------------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |                 |           |                  |                       |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 663 | 040663 | 034310006176 | PHẠM TỔ UYÊN         | 01/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Trung | 4.75         | 5.5   | 5.5  |          |
| 664 | 040664 | 022310004046 | ĐẶNG HỒNG VÂN        | 09/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 3.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 665 | 040665 | 022310011373 | LƯƠNG THỊ THANH VÂN  | 23/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 4.0          | 3.0   | 3.5  |          |
| 666 | 040666 | 022310008535 | NGÔ THANH VÂN        | 25/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 5.0          | 4.8   | 7.0  |          |
| 667 | 040667 | 037310001146 | NGUYỄN THẢO VÂN      | 30/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 5.5          | 3.6   | 6.0  |          |
| 668 | 040668 | 022310009504 | PHẠM THÚY VÂN        | 04/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 4.0          | 3.8   | 3.5  |          |
| 669 | 040669 | 022310003274 | TRẦN THẢO VÂN        | 09/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 6.75         | 2.8   | 6.75 |          |
| 670 | 040670 | 022310002555 | TẶNG THỊ HÀ VI       | 13/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Dao              | TH và THCS Hải Sơn    | Tiếng Anh   | 7.0          | 2.8   | 3.0  |          |
| 671 | 040671 | 022310002612 | VŨ HÀ VI             | 29/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Vĩnh Trung | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.8   | 3.5  |          |
| 672 | 040672 | 022210005457 | NGUYỄN KHÔI VĨ       | 19/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Trung | 4.0          | 4.7   | 4.0  |          |
| 673 | 040673 | 022210006276 | ĐỖ THẾ VINH          | 23/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Trung | 4.25         | 9.6   | 6.5  |          |
| 674 | 040674 | 022210009612 | HÀ THẾ VINH          | 24/02/2010 | Thái Bình       | Nam       |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.5          | 4.8   | 7.0  |          |
| 675 | 040675 | 022210006962 | HOÀNG ANH VŨ         | 19/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.25         | 7.0   | 6.25 |          |
| 676 | 040676 | 022210000428 | LƯƠNG QUANG HOÀNG VŨ | 18/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 3.25         | 8.6   | 7.75 |          |
| 677 | 040677 | 033210003793 | NGUYỄN ANH VŨ        | 03/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 6.25         | 6.8   | 8.0  |          |
| 678 | 040678 | 022210002316 | TRẦN HOÀNG VŨ        | 27/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Trung | 4.0          | 2.8   | 2.25 |          |
| 679 | 040679 | 019210000183 | TRẦN UY VŨ           | 23/12/2010 | Thái Nguyên     | Nam       | Nùng             | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.0   | 4.25 |          |
| 680 | 040680 | 022310011928 | TRẦN THỊ VUI         | 25/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân         | Tiếng Anh   | 6.25         | 2.8   | 5.0  |          |
| 681 | 040681 | 022210004935 | LÝ VĂN VƯỢNG         | 09/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Dao              | TH và THCS Hải Sơn    | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.2   | 5.5  |          |
| 682 | 040682 | 022310003557 | ĐÀM THẢO TƯỜNG VY    | 13/10/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.6   | 1.5  |          |
| 683 | 040683 | 022310011968 | HOÀNG VŨ LÂM VY      | 01/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tày              | THCS Trà Cổ           | Tiếng Anh   | 6.0          | 6.4   | 3.75 |          |
| 684 | 040684 | 022310000018 | HOÀNG YẾN VY         | 14/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.5          | 8.0   | 6.5  |          |
| 685 | 040685 | 022310010609 | LÊ ĐOÀN PHƯƠNG VY    | 14/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Trung | 4.75         | 7.2   | 2.0  |          |
| 686 | 040686 | 034310014612 | LÊ HÀ VY             | 22/04/2010 | Thái Bình       | Nữ        |                  | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 7.0          | 6.6   | 8.0  |          |
| 687 | 040687 | 022310010441 | LÊ TƯỜNG VY          | 06/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.4   | 5.0  |          |
| 688 | 040688 | 022310010996 | NGÔ TIÊU VY          | 14/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 5.5          | 8.0   | 7.25 |          |
| 689 | 040689 | 022310003202 | NGUYỄN HÀ VY         | 19/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa          | Tiếng Anh   | 6.5          | 3.8   | 4.25 |          |
| 690 | 040690 | 067310003891 | NGUYỄN HÀ KHÁNH VY   | 21/11/2010 | Đắk Nông        | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Trung | 5.75         | 8.9   | 5.75 |          |
| 691 | 040691 | 022310005031 | NGUYỄN THỊ THẢO VY   | 06/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.4   | 6.5  |          |
| 692 | 040692 | 022310008928 | PHẠM HOÀNG KHÁNH VY  | 25/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Yên          | Tiếng Anh   | 4.0          | 4.4   | 4.0  |          |
| 693 | 040693 | 022310011605 | PHẠM TƯỜNG VY        | 11/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.5          | 6.0   | 7.75 |          |
| 694 | 040694 | 022310000903 | PHẠM TƯỜNG VY        | 22/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 695 | 040695 | 022310010222 | THIỆN HÀ VY          | 02/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Ka Long          | Tiếng Anh   | 7.0          | 7.8   | 6.0  |          |
| 696 | 040696 | 022310004704 | TRẦN HOÀNG PHƯƠNG VY | 23/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc          | Tiếng Anh   | 6.0          | 8.2   | 7.25 |          |
| 697 | 040697 | 022310012016 | TRƯƠNG THỊ YẾN VY    | 23/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Vạn Ninh         | Tiếng Trung | 5.0          | 7.4   | 3.75 |          |
| 698 | 040698 | 022310002047 | NGUYỄN LÝ NHƯ Ý      | 16/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Ninh Dương       | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 699 | 040699 | 022310009481 | CHÌU THỊ YẾN         | 12/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bắc Sơn    | Tiếng Anh   | 3.5          | 3.0   | 1.5  |          |

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú (22000704)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS   | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |            |            |           |                  |               |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 700 | 040700 | 015310008766 | PHẠM THỊ BẢO YÊN | 04/10/2010 | Yên Bái    | Nữ        |                  | THCS Hải Yên  | Tiếng Anh   | 3.5          | 0.8   | 3.25 |         |
| 701 | 040701 | 034310014302 | ĐOÀN THỊ HẢI YÊN | 21/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên  | Tiếng Anh   | 4.25         | 4.8   | 1.75 |         |
| 702 | 040702 | 022310002171 | NGÔ TRẦN HẢI YÊN | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Xuân | Tiếng Trung | 6.25         | 5.2   | 5.5  |         |
| 703 | 040703 | 022310004322 | NGUYỄN HẢI YÊN   | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa  | Tiếng Trung | 5.75         | 4.0   | 4.25 |         |
| 704 | 040704 | 022310000938 | NINH THỊ HẢI YÊN | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc  | Tiếng Anh   | 6.25         | 7.8   | 6.25 |         |
| 705 | 040705 | 022310009831 | TẠ BẢO YÊN       | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa  | Tiếng Anh   | 6.75         | 7.2   | 7.5  |         |
| 706 | 040706 | 022310007561 | TRẦN BẢO YÊN     | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hòa Lạc  | Tiếng Anh   | 7.5          | 9.4   | 7.0  |         |
| 707 | 040707 | 022310009994 | TRẦN THỊ HẢI YÊN | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Hòa  | Tiếng Anh   | 5.5          | 7.0   | 6.0  |         |

(Danh sách này gồm có 707 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS      | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                  |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 050001 | 022310005413 | ĐẶNG CHÂU ANH         | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.0   | 1.75 |         |
| 2   | 050002 | 022310005999 | ĐỖ PHƯƠNG ANH         | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 7.75         | 8.0   | 8.0  |         |
| 3   | 050003 | 022210000876 | HỒ TUẤN ANH           | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.4   | 2.0  |         |
| 4   | 050004 | 022310003825 | LÂM THỊ NGỌC ANH      | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.25         | 0.6   | 2.25 |         |
| 5   | 050005 | 022310008918 | LÝ THỊ PHƯƠNG ANH     | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.4   | 3.5  |         |
| 6   | 050006 | 022310000093 | MẠC THỊ QUỲNH ANH     | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 4.5          | 4.6   | 3.25 |         |
| 7   | 050007 | 034310012904 | NGÔ NGỌC ANH          | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 6.5          | 2.8   | 5.75 |         |
| 8   | 050008 | 022310006705 | NGÔ THỊ NGỌC ANH      | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 3.5          | 3.7   | 1.5  |         |
| 9   | 050009 | 022310006034 | NGUYỄN NGỌC ANH       | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ka Long     | Tiếng Trung | 2.5          | 3.0   | 3.0  |         |
| 10  | 050010 | 033310010092 | NGUYỄN THỊ LAN ANH    | 30/12/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 2.0          | 3.2   | 2.0  |         |
| 11  | 050011 | 022310004621 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH    | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.0          | 2.8   | 1.25 |         |
| 12  | 050012 | 022210009978 | NGUYỄN TUẤN ANH       | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 3.75         | 2.3   | 6.5  |         |
| 13  | 050013 | 022209006160 | NGUYỄN TUẤN ANH       | 30/01/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 2.5          | 2.2   | 2.5  |         |
| 14  | 050014 | 022210010771 | NGUYỄN VĂN QUỐC ANH   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.0          | 3.0   | 3.5  |         |
| 15  | 050015 | 022210005997 | NGUYỄN VIỆT ANH       | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 3.25         | 1.8   | 2.75 |         |
| 16  | 050016 | 022310005347 | PHẠM LAN ANH          | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.4   | 7.75 |         |
| 17  | 050017 | 022310006683 | PHẠM LAN ANH          | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.0   | 5.5  |         |
| 18  | 050018 | 022310004791 | PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH   | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.0          | 3.0   | 5.25 |         |
| 19  | 050019 | 022210006960 | PHẠM TUẤN ANH         | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.0   | 3.5  |         |
| 20  | 050020 | 022310006650 | TRẦN PHƯƠNG ANH       | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 7.5          | 4.8   | 7.5  |         |
| 21  | 050021 | 022310003226 | VŨ QUỲNH ANH          | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.5          | 2.6   | 4.75 |         |
| 22  | 050022 | 030210001937 | VŨ VĂN QUYỀN ANH      | 25/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 4.25         | 2.0   | 2.75 |         |
| 23  | 050023 | 022310012069 | ĐÀO THỊ NGỌC ÁNH      | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 3.75         | 3.0   | 2.5  |         |
| 24  | 050024 | 022310007778 | HOÀNG THỊ ÁNH         | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.6   | 2.75 |         |
| 25  | 050025 | 022310002273 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH   | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 5.75         | 2.4   | 2.5  |         |
| 26  | 050026 | 034310001812 | NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.25         | 2.0   | 2.0  |         |
| 27  | 050027 | 022310006199 | TRƯƠNG NGỌC ÁNH       | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.25         | 2.8   | 4.75 |         |
| 28  | 050028 | 022310010140 | VŨ NGUYỆT ÁNH         | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.0   | 4.0  |         |
| 29  | 050029 | 022210003324 | LÊ ĐÌNH BẢO           | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 1.0          | 1.3   | 1.5  |         |
| 30  | 050030 | 022209003529 | NGUYỄN ĐẠI BẢO        | 03/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 1.0          | 2.6   | 0.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS      | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |            |            |           |                  |                  |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 31  | 050031 | 022210009189 | NGUYỄN ĐỨC BẢO     | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.25         | 2.2   | 0.75 |         |
| 32  | 050032 | 022210000732 | TRẦN GIA BẢO       | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 1.25         | 2.0   | 0.75 |         |
| 33  | 050033 | 022210013216 | VƯƠNG GIA BẢO      | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.8   | 2.75 |         |
| 34  | 050034 | 022310006739 | TRẦN THỊ NGỌC BÍCH | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 1.5          | 1.6   | 2.0  |         |
| 35  | 050035 | 022310006678 | LÊ DIU BÌNH        | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 4.0          | 1.5   | 2.25 |         |
| 36  | 050036 | 022310005334 | HOÀNG LINH CHI     | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.2   | 3.25 |         |
| 37  | 050037 | 022210002504 | PHẠM MINH CHIẾN    | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 1.75         | 3.6   | 0.25 |         |
| 38  | 050038 | 022210011313 | PHẠM ĐỨC CHÍNH     | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.4   | 5.0  |         |
| 39  | 050039 | 022210010413 | ĐỖ MẠNH CƯỜNG      | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 2.75         | 3.2   | 1.25 |         |
| 40  | 050040 | 022210008432 | ĐỖ VĂN CƯỜNG       | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 1.5          | 3.0   | 2.5  |         |
| 41  | 050041 | 022210007379 | ÔN DỤC CƯỜNG       | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Khác             | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 1.5          | 3.6   | 1.75 |         |
| 42  | 050042 | 022310007478 | HÀ THU DIỄM        | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Mường            | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 3.0          | 3.2   | 3.25 |         |
| 43  | 050043 | 022210006238 | NGUYỄN VĂN DŨNG    | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.75         | 2.4   | 3.0  |         |
| 44  | 050044 | 022208011620 | TRẦN MINH DŨNG     | 25/05/2008 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.75         | 2.8   | 1.25 |         |
| 45  | 050045 | 022210004196 | PHẠM XUÂN DUY      | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.2   | 3.25 |         |
| 46  | 050046 | 022310006671 | VI THỊ DUYỀN       | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.8   | 2.0  |         |
| 47  | 050047 | 022210001758 | MẠNH ĐẠI DƯƠNG     | 13/07/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.5          | 3.0   | 4.75 |         |
| 48  | 050048 | 022210011078 | NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG   | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 4.0          | 2.4   | 3.75 |         |
| 49  | 050049 | 022210010555 | NGUYỄN TIẾN DƯƠNG  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.5          | 4.6   | 3.75 |         |
| 50  | 050050 | 022310009601 | PHẠM ÁNH DƯƠNG     | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.2   | 3.0  |         |
| 51  | 050051 | 022310005358 | NGUYỄN LINH ĐAN    | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.75         | 4.6   | 6.0  |         |
| 52  | 050052 | 022210002168 | ĐỖ QUỐC ĐẠT        | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 2.75         | 2.6   | 1.5  |         |
| 53  | 050053 | 022210005220 | HOÀNG TIẾN ĐẠT     | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.0          | 2.8   | 5.0  |         |
| 54  | 050054 | 022210009160 | NGÔ TIẾN ĐẠT       | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Khác             | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 0.75         | 1.4   | 3.0  |         |
| 55  | 050055 | 022210002505 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT   | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 7.0          | 1.9   | 7.25 |         |
| 56  | 050056 | 022210000433 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT   | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.2   | 4.5  |         |
| 57  | 050057 | 022210008500 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT    | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.5          | 2.7   | 7.5  |         |
| 58  | 050058 | 022210011985 | PHẠM TUẤN ĐẠT      | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 1.75         | 2.8   | 2.25 |         |
| 59  | 050059 | 022210009444 | VI TIẾN ĐẠT        | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 1.75         | 2.8   | 1.0  |         |
| 60  | 050060 | 022209000914 | VŨ QUỐC ĐẠT        | 02/09/2009 | Lạng Sơn   | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 2.5          | 2.0   | 0.5  |         |
| 61  | 050061 | 022210002246 | PHẠM KHẢ HẢI ĐĂNG  | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.25         | 1.6   | 3.5  |         |
| 62  | 050062 | 030210008850 | ĐOÀN ĐÌNH ĐÔNG     | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 1.25         | 0.5   | 2.5  |         |
| 63  | 050063 | 022210003115 | PHẠM MINH ĐỨC      | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.0   | 2.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ        | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|-----|--------|--------------|-----------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
|     |        |              |                 |           |            |            |                  |             |                  | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 64  | 050064 | 022310007947 | VI THỊ          | HÀ        | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 3.5   | 3.4  | 4.5     |          |
| 65  | 050065 | 022210002428 | BÙI DUY         | HẢI       | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 2.0   | 1.4  | 1.25    |          |
| 66  | 050066 | 022210004896 | BÙI GIA         | HAO       | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 3.25  | 2.2  | 2.75    |          |
| 67  | 050067 | 022310006277 | ĐỖ BÍCH         | HÀNG      | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 4.0   | 4.2  | 2.75    |          |
| 68  | 050068 | 022310009870 | HÀ THU          | HÀNG      | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 4.0   | 2.4  | 1.75    |          |
| 69  | 050069 | 022310007407 | NGUYỄN MINH     | HÀNG      | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 5.0   | 2.6  | 4.25    |          |
| 70  | 050070 | 022310001537 | TRƯƠNG THỊ BÍCH | HÀNG      | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 6.75  | 2.8  | 6.5     |          |
| 71  | 050071 | 022310010172 | VŨ THỊ DIỄM     | HÀNG      | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung  | 5.5   | 2.7  | 4.5     |          |
| 72  | 050072 | 022310001902 | PHẠM THỊ        | HẬU       | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh    | 4.25  | 2.6  | 1.75    |          |
| 73  | 050073 | 022310004385 | HOÀNG THANH     | HIỀN      | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 6.5   | 2.6  | 5.0     |          |
| 74  | 050074 | 022210009374 | NGUYỄN MINH     | HIẾU      | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 6.75  | 7.4  | 7.25    |          |
| 75  | 050075 | 022210008834 | NGUYỄN TRUNG    | HIẾU      | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 76  | 050076 | 022310008324 | PHẠM DIỆU       | HOA       | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 5.0   | 5.4  | 5.75    |          |
| 77  | 050077 | 022310012025 | NGUYỄN HẢI      | HOÀN      | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Ka Long     | Tiếng Trung  | 4.75  | 6.5  | 3.75    |          |
| 78  | 050078 | 022210011061 | NGUYỄN DUY      | HOÀNG     | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung  | 3.75  | 1.1  | 4.0     |          |
| 79  | 050079 | 022310008379 | TÔ THỊ ANH      | HỒNG      | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tày         | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 1.5   | 2.8  | 1.0     |          |
| 80  | 050080 | 022210012356 | PHẠM XUÂN       | HUẾ       | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 4.0   | 3.2  | 5.0     |          |
| 81  | 050081 | 022310001175 | TRẦN HỒNG       | HUỆ       | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 4.25  | 3.0  | 2.75    |          |
| 82  | 050082 | 022210011864 | TRỊNH VIỆT      | HÙNG      | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung  | 3.25  | 0.4  | 3.0     |          |
| 83  | 050083 | 022210008396 | VŨ MẠNH         | HÙNG      | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Ka Long     | Tiếng Trung  | 3.0   | 2.9  | 3.25    |          |
| 84  | 050084 | 033210013794 | AN GIA          | HUY       | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh    | 7.5   | 3.8  | 4.75    |          |
| 85  | 050085 | 022210003337 | ĐỖ QUỐC         | HUY       | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 4.0   | 4.8  | 7.25    |          |
| 86  | 050086 | 022210010872 | HOÀNG VĂN       | HUY       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 2.75  | 2.2  | 3.5     |          |
| 87  | 050087 | 022210012249 | NGUYỄN VĂN      | HUY       | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 2.25  | 2.6  | 1.75    |          |
| 88  | 050088 | 022210010026 | PHẠM GIA        | HUY       | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung  | 4.25  | 3.2  | 5.25    |          |
| 89  | 050089 | 022210002497 | PHẦN QUỐC       | HUY       | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 4.25  | 2.4  | 3.0     |          |
| 90  | 050090 | 022210011332 | TẠ MINH         | HUY       | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 91  | 050091 | 022310005522 | BÙI KHÁNH       | HUYỀN     | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 5.5   | 6.0  | 5.5     |          |
| 92  | 050092 | 022310010472 | NGUYỄN KHÁNH    | HUYỀN     | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 5.5   | 3.8  | 3.0     |          |
| 93  | 050093 | 037310010333 | NGUYỄN THỊ      | HUYỀN     | 05/09/2010 | Ninh Bình  | Nữ               |             | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 4.75  | 5.8  | 4.25    |          |
| 94  | 050094 | 022310002359 | TRẦN THỊ KIM    | HUYỀN     | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh    | 3.0   | 3.0  | 0.5     |          |
| 95  | 050095 | 022310000703 | TRƯƠNG THU      | HUYỀN     | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh    | 6.5   | 3.8  | 5.0     |          |
| 96  | 050096 | 022210006448 | HOÀNG TUẤN      | HƯNG      | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh    | 2.25  | 1.8  | 1.5     |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS      | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                  |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 97  | 050097 | 022210008473 | NGUYỄN CÔNG     | HƯNG  | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.5          | 2.2   | 4.75 |         |
| 98  | 050098 | 022210002132 | NGUYỄN MẠC      | HƯNG  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.75         | 2.8   | 6.0  |         |
| 99  | 050099 | 022310002568 | ĐẶNG THU        | HƯƠNG | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 3.0          | 1.3   | 1.25 |         |
| 100 | 050100 | 022310008512 | NGUYỄN THỊ      | HƯƠNG | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 7.0          | 3.6   | 5.0  |         |
| 101 | 050101 | 022210011221 | NGÔ TUẤN        | KHANG | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.5          | 3.4   | 5.75 |         |
| 102 | 050102 | 022210004753 | NGUYỄN CHẤN     | KHANG | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.0          | 2.6   | 3.0  |         |
| 103 | 050103 | 022210006872 | NGUYỄN VĂN      | KHANH | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.75         | 2.8   | 3.75 |         |
| 104 | 050104 | 022210002725 | ĐỖ XUÂN         | KHÁNH | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.5          | 3.2   | 2.0  |         |
| 105 | 050105 | 022210001587 | HÀ QUỐC         | KHÁNH | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.75         | 3.4   | 4.25 |         |
| 106 | 050106 | 022210003436 | HOÀNG VĂN       | KHÁNH | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.25         | 3.0   | 5.0  |         |
| 107 | 050107 | 022210011917 | NGUYỄN QUỐC     | KHÁNH | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.5          | 2.6   | 1.0  |         |
| 108 | 050108 | 022210003947 | PHẠM LONG       | KHÁNH | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.0          | 3.0   | 6.5  |         |
| 109 | 050109 | 022210005700 | TÔ QUỐC         | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.25         | 2.2   | 1.75 |         |
| 110 | 050110 | 038210000547 | HỒNG KẾ         | KHOA  | 23/02/2010 | Thanh Hóa  | Nam       | Hoa              | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 6.75         | 3.5   | 5.25 |         |
| 111 | 050111 | 022210004723 | HOÀNG QUỐC      | KỶ    | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 6.75         | 4.2   | 8.25 |         |
| 112 | 050112 | 022210003267 | BÙI HỮU         | LÂM   | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.25         | 1.8   | 5.5  |         |
| 113 | 050113 | 022210005258 | NGUYỄN HOÀNG    | LÂM   | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 3.5          | 3.2   | 4.75 |         |
| 114 | 050114 | 022310007580 | ĐẶNG KHÁNH      | LINH  | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 6.5          | 3.0   | 5.25 |         |
| 115 | 050115 | 022310002835 | ĐOÀN PHẠM KHÁNH | LINH  | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.75         | 4.8   | 7.0  |         |
| 116 | 050116 | 022310003592 | LƯƠNG NHẬT      | LINH  | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.75         | 5.7   | 4.5  |         |
| 117 | 050117 | 022310004299 | NGUYỄN MAI      | LINH  | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 7.5          | 4.8   | 6.75 |         |
| 118 | 050118 | 022310001290 | NGUYỄN NGỌC     | LINH  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.4   | 5.0  |         |
| 119 | 050119 | 022310010289 | NGUYỄN THẢO     | LINH  | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.25         | 3.4   | 5.75 |         |
| 120 | 050120 | 022310005434 | NGUYỄN THẢO     | LINH  | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.5          | 4.3   | 2.5  |         |
| 121 | 050121 | 022310010217 | NGUYỄN THÙY     | LINH  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.0   | 6.25 |         |
| 122 | 050122 | 022310006784 | PHẠM KHÁNH      | LINH  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.25         | 4.5   | 4.75 |         |
| 123 | 050123 | 022310003244 | PHẠM KHÁNH      | LINH  | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.5          | 3.8   | 3.25 |         |
| 124 | 050124 | 022310010965 | PHAN TRÚC       | LINH  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.6   | 4.75 |         |
| 125 | 050125 | 022310012646 | VŨ PHƯƠNG       | LINH  | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.25         | 5.4   | 6.0  |         |
| 126 | 050126 | 030210009330 | LÊ HOÀNG        | LONG  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.0          | 4.6   | 2.5  |         |
| 127 | 050127 | 022210010821 | LÝ VĂN          | LONG  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.0          | 3.2   | 2.75 |         |
| 128 | 050128 | 022210005662 | NGUYỄN MINH     | LONG  | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.5          | 5.8   | 3.75 |         |
| 129 | 050129 | 022210009043 | NGUYỄN THÀNH    | LONG  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.75         | 3.8   | 5.25 |         |



**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS      | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|-------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |       |            |            |           |                  |                  |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 130 | 050130 | 022210008186 | NGUYỄN THÀNH   | LONG  | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.5          | 3.2   | 2.0  |          |
| 131 | 050131 | 030210006041 | NGUYỄN THÀNH   | LONG  | 31/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 1.5          | 2.0   | 1.25 |          |
| 132 | 050132 | 022210006845 | NGUYỄN TUẤN    | LONG  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.75         | 1.9   | 5.5  |          |
| 133 | 050133 | 022210005473 | VŨ THÀNH       | LONG  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 2.0          | 3.0   | 1.5  |          |
| 134 | 050134 | 022210001893 | VŨ THÀNH       | LUẬN  | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.75         | 3.2   | 4.0  |          |
| 135 | 050135 | 022210002161 | DƯƠNG TIẾN     | LỰC   | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Khác             | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.0          | 2.7   | 2.25 |          |
| 136 | 050136 | 022210002667 | NGUYỄN MẠNH    | LỰC   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.5          | 2.8   | 4.75 |          |
| 137 | 050137 | 022210008534 | NGUYỄN TIẾN    | LỰC   | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.25         | 2.0   | 3.25 |          |
| 138 | 050138 | 022210000819 | PHÓ ĐỨC        | LƯƠNG | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.2   | 4.25 |          |
| 139 | 050139 | 022310006065 | BÙI HƯƠNG      | LY    | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 6.25         | 8.2   | 5.0  |          |
| 140 | 050140 | 022310004555 | NGÔ KHÁNH      | LY    | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.75         | 2.6   | 1.5  |          |
| 141 | 050141 | 022310002256 | NGUYỄN CẨM     | LY    | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.2   | 4.25 |          |
| 142 | 050142 | 022310004785 | PHẠM KHÁNH     | LY    | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 7.25         | 4.4   | 6.25 |          |
| 143 | 050143 | 022310005895 | VŨ LƯU KHÁNH   | LY    | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.75         | 4.2   | 4.5  |          |
| 144 | 050144 | 022310008182 | ĐỖ NGỌC        | MAI   | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 7.5          | 3.2   | 5.75 |          |
| 145 | 050145 | 022310001133 | TRẦN THỊ       | MAI   | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 2.5          | 2.8   | 0.75 |          |
| 146 | 050146 | 022210011285 | ĐỖ TIẾN        | MẠNH  | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 3.75         | 3.4   | 2.5  |          |
| 147 | 050147 | 022210009116 | NGÔ VĂN        | MẠNH  | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.4   | 2.25 |          |
| 148 | 050148 | 022210000111 | NGUYỄN THẾ     | MẠNH  | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 3.25         | 1.8   | 3.5  |          |
| 149 | 050149 | 022210006139 | ĐỖ CAO         | MINH  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   |              |       |      | Vắng thi |
| 150 | 050150 | 022210010252 | MẠC BẢO        | MINH  | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.25         | 2.6   | 4.75 |          |
| 151 | 050151 | 022209006355 | TRẦN QUANG     | MINH  | 29/06/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.5          | 2.0   | 1.25 |          |
| 152 | 050152 | 022310002105 | KHÚC THỊ TRÀ   | MY    | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 3.0          | 2.2   | 0.5  |          |
| 153 | 050153 | 022310008896 | LÊ THỊ TRÀ     | MY    | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.5          | 3.6   | 4.75 |          |
| 154 | 050154 | 022310009595 | NGUYỄN HÀ      | MY    | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.0          | 1.6   | 4.25 |          |
| 155 | 050155 | 022310012057 | NGUYỄN HOÀNG   | MY    | 17/04/2010 | Trung Quốc | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 2.75         | 3.8   | 1.0  |          |
| 156 | 050156 | 022210009098 | NGUYỄN TIẾN    | NAM   | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.25         | 3.2   | 1.75 |          |
| 157 | 050157 | 038210019869 | TRẦN CAO BẢO   | NAM   | 14/09/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 4.5          | 2.8   | 4.0  |          |
| 158 | 050158 | 022310001325 | BÙI QUỲNH      | NGA   | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.0          | 2.2   | 4.0  |          |
| 159 | 050159 | 022310007367 | PHẠM THỊ HẰNG  | NGA   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.25         | 3.2   | 4.5  |          |
| 160 | 050160 | 022310004166 | NGUYỄN THỊ KIM | NGÂN  | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 5.25         | 3.0   | 2.75 |          |
| 161 | 050161 | 030310001362 | BÙI TRIỆU      | NGỌC  | 05/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 5.5          | 3.9   | 4.0  |          |
| 162 | 050162 | 022310011782 | NGUYỄN THỊ     | NGỌC  | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.5          | 2.8   | 0.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS      | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                  |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 163 | 050163 | 022310011177 | NGUYỄN THỊ THẢO  | NGỌC   | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 3.25         | 1.9   | 1.5  |         |
| 164 | 050164 | 022309005608 | PHẠM THỊ         | NGỌC   | 24/05/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.5          | 3.0   | 2.25 |         |
| 165 | 050165 | 022310011950 | TRẦN BẢO         | NGỌC   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.4   | 1.0  |         |
| 166 | 050166 | 022310000995 | TRẦN HOÀNG BẢO   | NGỌC   | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 2.5          | 3.8   | 1.75 |         |
| 167 | 050167 | 022310001337 | VŨ NHƯ           | NGỌC   | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.75         | 1.8   | 2.0  |         |
| 168 | 050168 | 022310002172 | NGUYỄN THẢO      | NGUYỄN | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 7.5          | 8.6   | 8.25 |         |
| 169 | 050169 | 022309004266 | LÃ THỊ ANH       | NGUYỆT | 19/11/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 0.75         | 3.5   | 1.75 |         |
| 170 | 050170 | 022310001361 | NGUYỄN ÁNH       | NGUYỆT | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.5          | 4.0   | 6.0  |         |
| 171 | 050171 | 022310001013 | NGUYỄN THỊ HUƠNG | NHÀI   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 4.25         | 7.1   | 3.25 |         |
| 172 | 050172 | 034310013323 | HOÀNG XUÂN       | NHI    | 29/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.5          | 2.0   | 7.75 |         |
| 173 | 050173 | 030310001122 | NGUYỄN BÌNH      | NHI    | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.6   | 2.25 |         |
| 174 | 050174 | 022310002569 | BÙI TUYẾT        | NHUNG  | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 3.25         | 1.6   | 2.0  |         |
| 175 | 050175 | 022210000535 | NGUYỄN ĐỨC       | NINH   | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 2.25         | 1.8   | 1.5  |         |
| 176 | 050176 | 022210012452 | NGUYỄN KHẮC      | NINH   | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 6.0          | 4.8   | 6.75 |         |
| 177 | 050177 | 022310006693 | VŨ HOÀI          | NINH   | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 5.25         | 2.0   | 2.5  |         |
| 178 | 050178 | 022210009576 | HÀ NAM           | PHONG  | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.0          | 5.6   | 3.25 |         |
| 179 | 050179 | 022210006404 | LŨƠNG THANH      | PHONG  | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.5          | 3.0   | 5.0  |         |
| 180 | 050180 | 022210001642 | NGUYỄN GIA       | PHONG  | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.25         | 7.2   | 6.5  |         |
| 181 | 050181 | 022210011224 | NGUYỄN TUẤN      | PHONG  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 5.0          | 6.4   | 5.0  |         |
| 182 | 050182 | 022210004170 | VŨ HOÀNG         | PHONG  | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.75         | 4.2   | 3.0  |         |
| 183 | 050183 | 022210008666 | VŨ QUANG         | PHÚ    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.25         | 8.4   | 8.75 |         |
| 184 | 050184 | 022210002044 | HOÀNG ĐỨC        | PHÚC   | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 2.75         | 1.2   | 3.5  |         |
| 185 | 050185 | 022210000750 | NGUYỄN XUÂN      | PHÚC   | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.6   | 2.75 |         |
| 186 | 050186 | 022310007240 | BÙI THỊ MAI      | PHƯƠNG | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 7.0          | 5.2   | 6.25 |         |
| 187 | 050187 | 022310005456 | LŨU THỊ HUYỀN    | PHƯƠNG | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 7.5          | 3.8   | 5.5  |         |
| 188 | 050188 | 022310005030 | TRẦN THỊ         | PHƯƠNG | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 6.25         | 4.2   | 4.75 |         |
| 189 | 050189 | 034210000488 | NGUYỄN VINH      | QUANG  | 05/04/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 5.75         | 3.0   | 1.25 |         |
| 190 | 050190 | 022210010995 | TRẦN ĐỨC         | QUANG  | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.75         | 2.8   | 3.75 |         |
| 191 | 050191 | 022210000403 | PHẠM ANH         | QUÂN   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 1.5          | 2.8   | 0.75 |         |
| 192 | 050192 | 022210005669 | PHẠM MINH        | QUÂN   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.5          | 2.2   | 2.75 |         |
| 193 | 050193 | 022208010197 | TẶNG CÔNG        | QUÂN   | 17/11/2008 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.5          | 2.0   | 0.75 |         |
| 194 | 050194 | 022210001781 | TRẦN MINH        | QUÂN   | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 6.25         | 2.1   | 6.5  |         |
| 195 | 050195 | 022210006614 | VŨ VĂN           | QUÝ    | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.0          | 4.6   | 5.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS      | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                |       |            |            |           |                  |                  |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 196 | 050196 | 022210010650 | LÝ QUANG       | QUYẾT | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.0          | 2.6   | 2.5  |         |
| 197 | 050197 | 022310004248 | ĐÀO THỊ        | QUỲNH | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.5          | 4.0   | 2.25 |         |
| 198 | 050198 | 022310001470 | QUÁCH NGỌC     | QUỲNH | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.5          | 5.2   | 4.5  |         |
| 199 | 050199 | 022310009959 | VƯƠNG THỊ NHƯ  | QUỲNH | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 3.0          | 4.3   | 1.75 |         |
| 200 | 050200 | 022210010537 | NGUYỄN THÁI    | SƠN   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.0          | 4.6   | 8.0  |         |
| 201 | 050201 | 022210007266 | DƯƠNG NHẬT     | TÂM   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 1.0          | 3.4   | 2.0  |         |
| 202 | 050202 | 022310008537 | TRẦN THỊ THANH | TÂM   | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.8   | 4.25 |         |
| 203 | 050203 | 027310010797 | VŨ THỊ THANH   | TÂM   | 17/03/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 6.5          | 3.2   | 4.0  |         |
| 204 | 050204 | 022310000077 | ĐỖ HOÀI        | THANH | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 7.5          | 5.8   | 4.5  |         |
| 205 | 050205 | 022310005688 | HẦU THỊ        | THANH | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Khác             | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.75         | 2.7   | 1.25 |         |
| 206 | 050206 | 022210005686 | PHẠM ĐẠI       | THÀNH | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.0   | 2.5  |         |
| 207 | 050207 | 022310009302 | ĐỖ THANH       | THẢO  | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 1.75         | 2.4   | 2.5  |         |
| 208 | 050208 | 022310007194 | LÊ THANH       | THẢO  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.5          | 2.8   | 3.75 |         |
| 209 | 050209 | 022310010920 | LƯƠNG PHƯƠNG   | THẢO  | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 5.5          | 3.6   | 4.5  |         |
| 210 | 050210 | 034310191546 | NGUYỄN PHƯƠNG  | THẢO  | 27/11/2010 | Nhật Bản   | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Anh   | 4.0          | 2.8   | 1.5  |         |
| 211 | 050211 | 022310002792 | PHẠM PHƯƠNG    | THẢO  | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 7.0          | 4.5   | 5.75 |         |
| 212 | 050212 | 022210001775 | NGUYỄN VĂN     | THẮNG | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 4.5          | 3.4   | 2.75 |         |
| 213 | 050213 | 022210003022 | NGUYỄN ĐỨC     | THIỆN | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 3.75         | 1.3   | 3.5  |         |
| 214 | 050214 | 022210011442 | PHẠM QUANG     | THỊNH | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.75         | 3.2   | 3.25 |         |
| 215 | 050215 | 022310007209 | CAO THỊ KIỀU   | THU   | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.25         | 2.6   | 3.5  |         |
| 216 | 050216 | 022310010106 | NGUYỄN THỊ     | THU   | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 4.0          | 3.2   | 4.0  |         |
| 217 | 050217 | 022310002119 | NGUYỄN THỊ     | THU   | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 2.5          | 3.3   | 5.0  |         |
| 218 | 050218 | 022210011782 | PHẠM ĐỨC       | THUẬN | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.25         | 3.2   | 4.0  |         |
| 219 | 050219 | 022310009842 | NGUYỄN PHƯƠNG  | THÙY  | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 8.5          | 4.2   | 5.5  |         |
| 220 | 050220 | 022310001633 | PHẠM THỊ THANH | THÙY  | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.25         | 3.4   | 4.5  |         |
| 221 | 050221 | 022310010987 | NGUYỄN THU     | THÚY  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.5          | 2.5   | 1.0  |         |
| 222 | 050222 | 022310002770 | BÙI THỊ KIM    | THƯ   | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.75         | 2.4   | 2.5  |         |
| 223 | 050223 | 022310006866 | NGUYỄN ANH     | THƯ   | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.0          | 3.0   | 4.75 |         |
| 224 | 050224 | 022210005323 | LÝ THÁI        | TỔ    | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 1.25         | 2.6   | 2.75 |         |
| 225 | 050225 | 022310009185 | LƯU THANH      | TRÀ   | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.6   | 3.5  |         |
| 226 | 050226 | 036310015253 | TRẦN HƯƠNG     | TRÀ   | 04/12/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 6.0          | 2.8   | 5.5  |         |
| 227 | 050227 | 022310006743 | LÃ THỊ QUỲNH   | TRANG | 25/08/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 3.25         | 6.8   | 3.0  |         |
| 228 | 050228 | 022310003621 | NGÔ THỊ QUỲNH  | TRANG | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.5          | 5.0   | 4.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS      | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                  |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 229 | 050229 | 022310003981 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | TRANG  | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 3.25         | 3.0   | 3.0  |         |
| 230 | 050230 | 022310006540 | PHẠM HUYỀN       | TRANG  | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.25         | 1.5   | 3.25 |         |
| 231 | 050231 | 022310008176 | PHẠM QUỲNH       | TRANG  | 07/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.0          | 4.0   | 1.0  |         |
| 232 | 050232 | 022310001132 | PHẠM THỊ         | TRANG  | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.8   | 2.75 |         |
| 233 | 050233 | 022310004615 | PHẠM THỊ HUYỀN   | TRANG  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.25         | 4.0   | 4.5  |         |
| 234 | 050234 | 022310004852 | HOÀNG THỊ        | TRÂM   | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.0          | 2.4   | 4.0  |         |
| 235 | 050235 | 022310007972 | LÊ NGỌC          | TRÂM   | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.4   | 5.0  |         |
| 236 | 050236 | 022310007416 | LÃ THỊ KIỀU      | TRINH  | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 2.5          | 3.5   | 3.0  |         |
| 237 | 050237 | 022210005776 | HOÀNG ĐỨC        | TRỌNG  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 5.25         | 6.4   | 8.0  |         |
| 238 | 050238 | 031210011626 | LƯƠNG ĐẮC        | TRỌNG  | 02/01/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.25         | 2.8   | 1.75 |         |
| 239 | 050239 | 022210004338 | NGUYỄN ĐỨC       | TRỌNG  | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 3.25         | 2.4   | 3.0  |         |
| 240 | 050240 | 022310001794 | LÃ THANH         | TRÚC   | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 5.0          | 3.4   | 2.0  |         |
| 241 | 050241 | 022210003654 | BÙI ĐỨC          | TRUNG  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.75         | 2.5   | 2.5  |         |
| 242 | 050242 | 022210007969 | BÙI QUANG        | TRƯỜNG | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 1.5          | 3.3   | 4.0  |         |
| 243 | 050243 | 022210010703 | CAO VĂN          | TRƯỜNG | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 3.25         | 2.2   | 2.25 |         |
| 244 | 050244 | 022210007637 | HOÀNG ANH        | TÚ     | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 1.0          | 2.8   | 4.0  |         |
| 245 | 050245 | 022210004833 | LÊ XUÂN          | TUẤN   | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.4   | 7.25 |         |
| 246 | 050246 | 025210010323 | NGUYỄN ANH       | TUẤN   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 2.5          | 3.2   | 1.25 |         |
| 247 | 050247 | 022210012281 | PHẠM MINH        | TUẤN   | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 2.25         | 2.2   | 1.0  |         |
| 248 | 050248 | 022210000107 | NGUYỄN MINH      | TÙNG   | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 4.25         | 2.1   | 7.25 |         |
| 249 | 050249 | 022210010134 | NGUYỄN VIỆT      | TÙNG   | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 2.0          | 1.1   | 4.25 |         |
| 250 | 050250 | 022310004164 | NÔNG THỊ ÁNH     | TUYẾT  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.25         | 2.8   | 5.25 |         |
| 251 | 050251 | 022310005346 | PHẠM THỊ ÁNH     | TUYẾT  | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 5.5          | 2.4   | 5.0  |         |
| 252 | 050252 | 022210008004 | VI CHÍ           | TUỜNG  | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 1.75         | 3.4   | 3.0  |         |
| 253 | 050253 | 022310008453 | MẠC PHƯƠNG       | UYÊN   | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 4.25         | 3.4   | 3.0  |         |
| 254 | 050254 | 022310005163 | NGUYỄN THU       | UYÊN   | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 6.0          | 3.2   | 3.5  |         |
| 255 | 050255 | 022310003638 | PHẠM PHƯƠNG      | UYÊN   | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Anh   | 6.0          | 4.4   | 5.75 |         |
| 256 | 050256 | 022310010216 | PHẠM THỊ THẢO    | UYÊN   | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 6.5          | 3.2   | 5.5  |         |
| 257 | 050257 | 022310007471 | NGÔ THỊ THẢO     | VÂN    | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.0          | 2.6   | 3.0  |         |
| 258 | 050258 | 022309005304 | PHẠM THỊ         | VÂN    | 29/07/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Nghĩa | Tiếng Anh   | 3.5          | 2.4   | 2.25 |         |
| 259 | 050259 | 022310003212 | ĐẶNG THỊ HÀ      | VI     | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông    | Tiếng Trung | 6.25         | 6.7   | 7.25 |         |
| 260 | 050260 | 022210005979 | ĐỖ VĂN           | VIỆT   | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Yên     | Tiếng Trung | 3.0          | 4.1   | 2.0  |         |
| 261 | 050261 | 037210004656 | PHẠM QUANG       | VINH   | 06/04/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Hải Tiến    | Tiếng Anh   | 3.5          | 1.8   | 2.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lý Thường Kiệt**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS   | Ngoại ngữ   | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------|-------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |            |            |           |                  |               |             | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 262 | 050262 | 022310011890 | BÙI ĐỖ TƯỜNG VY   | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến | Tiếng Anh   | 6.0          | 2.2   | 3.5  |         |
| 263 | 050263 | 022310005901 | ĐỖ HÀ VY          | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông | Tiếng Trung | 7.0          | 4.7   | 6.75 |         |
| 264 | 050264 | 022310000739 | NGUYỄN DIỆU VY    | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Yên  | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.6   | 2.5  |         |
| 265 | 050265 | 022310011672 | PHẠM THỊ KHÁNH VY | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến | Tiếng Anh   | 5.0          | 2.8   | 7.25 |         |
| 266 | 050266 | 022310001313 | PHẠM YẾN VY       | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến | Tiếng Anh   | 6.0          | 1.6   | 7.0  |         |
| 267 | 050267 | 022310000019 | NHỮ THỊ BẢO YẾN   | 28/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hải Tiến | Tiếng Anh   | 6.0          | 6.4   | 8.0  |         |
| 268 | 050268 | 022310007127 | PHẠM HẢI YẾN      | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Đông | Tiếng Trung | 7.0          | 7.7   | 6.5  |         |

*(Danh sách này gồm có 268 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 060001 | 022210008742 | BÙI THÀNH AN          | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 9.8   | 7.75 |          |
| 2   | 060002 | 022310009703 | BÙI THỊ HỒNG ANH      | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 3.25 |          |
| 3   | 060003 | 022310009769 | BÙI THỊ KIỀU ANH      | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.25 |          |
| 4   | 060004 | 022310012734 | CHU VŨ BẢO ANH        | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 5   | 060005 | 022209009913 | ĐINH CÔNG TUẤN ANH    | 29/10/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 6   | 060006 | 022310002367 | ĐINH THỊ NGỌC ANH     | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 5.25 |          |
| 7   | 060007 | 022210000611 | HOÀNG KIM HẢI ANH     | 23/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 5.0  |          |
| 8   | 060008 | 022310008951 | HOÀNG THỊ HỒNG ANH    | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.75 |          |
| 9   | 060009 | 022210007005 | LẠC ĐỨC ANH           | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 6.25 |          |
| 10  | 060010 | 022210005749 | LÊ ĐỨC ANH            | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 4.0  |          |
| 11  | 060011 | 022310005546 | LÊ THỊ HOÀI ANH       | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 12  | 060012 | 022210006337 | NGUYỄN BÀ HOÀNG ANH   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 1.5  |          |
| 13  | 060013 | 022310010221 | NGUYỄN NGỌC ANH       | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 5.5  |          |
| 14  | 060014 | 022310002297 | NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 6.75 |          |
| 15  | 060015 | 022310001967 | NGUYỄN THỊ MAI ANH    | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 6.25 |          |
| 16  | 060016 | 022310009081 | NGUYỄN THỊ MINH ANH   | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 6.5  |          |
| 17  | 060017 | 022310007259 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.25 |          |
| 18  | 060018 | 022310009882 | NGUYỄN THỊ TÚ ANH     | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 8.25 |          |
| 19  | 060019 | 022310001321 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH    | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 3.25 |          |
| 20  | 060020 | 022210000059 | NGUYỄN TUẤN ANH       | 01/06/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 6.5  |          |
| 21  | 060021 | 022310009617 | NÔNG HOÀI ANH         | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 3.75 |          |
| 22  | 060022 | 022310006023 | PHẠM NGUYỄN KIỀU ANH  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.75 |          |
| 23  | 060023 | 022310012738 | PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH   | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.0  |          |
| 24  | 060024 | 022310011625 | PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH   | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 4.75 |          |
| 25  | 060025 | 022310005605 | TRẦN KIỀU ANH         | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 9.0  |          |
| 26  | 060026 | 022210011460 | VŨ HOÀNG ANH          | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 4.75 |          |
| 27  | 060027 | 022210005762 | VŨ TUẤN ANH           | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 4.75 |          |
| 28  | 060028 | 022310003384 | ĐINH THỊ NGỌC ANH     | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 5.25 |          |
| 29  | 060029 | 022310002686 | NGUYỄN THÁI BẢO AN    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.0  |          |
| 30  | 060030 | 022210012178 | ĐINH GIA BẢO          | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 9.0  |          |
| 31  | 060031 | 022210007530 | LÊ DƯƠNG GIA BẢO      | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 32  | 060032 | 022210004382 | LÊ GIA BẢO            | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 5.5  |          |
| 33  | 060033 | 022210002229 | NGÔ GIA BẢO           | 17/11/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 5.75 |          |
| 34  | 060034 | 022210008547 | NGUYỄN VŨ DUY BẢO     | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh              | Tiếng Anh | 3.0          | 7.0   | 4.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|----------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |                |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 35  | 060035 | 022209009116 | PHẠM GIA         | BẢO   | 30/06/2009 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 2.25         | 6.0   | 3.0  |         |
| 36  | 060036 | 022210009474 | PHẠM GIA         | BẢO   | 30/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.75 |         |
| 37  | 060037 | 030210013714 | PHẠM VŨ GIA      | BẢO   | 24/12/2010 | Hải Dương      | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 6.25 |         |
| 38  | 060038 | 022210002619 | TRẦN THÁI        | BẢO   | 05/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 8.0  |         |
| 39  | 060039 | 022210007489 | NGUYỄN VĂN       | BẮC   | 19/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 3.0  |         |
| 40  | 060040 | 022310008805 | CAO BĂNG         | BĂNG  | 16/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 5.75 |         |
| 41  | 060041 | 022310005600 | CHÂU BĂNG        | BĂNG  | 20/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 3.0  |         |
| 42  | 060042 | 022310006428 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | BĂNG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 6.0  |         |
| 43  | 060043 | 022210006165 | ĐINH HỮU         | BĂNG  | 04/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 5.5  |         |
| 44  | 060044 | 022310008592 | NGUYỄN NGỌC      | BÍCH  | 03/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 3.75 |         |
| 45  | 060045 | 022310009513 | PHẠM NGUYỄN NGỌC | BÍCH  | 16/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 6.5  |         |
| 46  | 060046 | 022310005776 | PHẠM THỊ NGỌC    | BÍCH  | 26/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 4.0  |         |
| 47  | 060047 | 022310003744 | VOÔNG THỊ NGỌC   | BÍCH  | 01/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Hoa              | PT DTBT THCS Quảng Đức              | Tiếng Anh | 4.75         | 2.0   | 3.25 |         |
| 48  | 060048 | 022210008612 | ĐẶNG ĐỨC         | CÁNH  | 09/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 3.75 |         |
| 49  | 060049 | 022310006715 | HOÀNG NGỌC BẢO   | CHÂU  | 02/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 8.25         | 6.8   | 6.25 |         |
| 50  | 060050 | 022310000399 | NGUYỄN TRẦN BẢO  | CHÂU  | 01/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 8.5          | 9.4   | 7.75 |         |
| 51  | 060051 | 022310000999 | PHẠM THỊ BẢO     | CHÂU  | 06/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 6.5  |         |
| 52  | 060052 | 022310000555 | ĐÀM QUỲNH        | CHI   | 12/05/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | PT DTBT THCS Quảng Đức              | Tiếng Anh | 2.25         | 2.4   | 4.5  |         |
| 53  | 060053 | 022310007236 | ĐÀO LINH         | CHI   | 10/05/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 6.0  |         |
| 54  | 060054 | 022310006750 | ĐINH QUẾ         | CHI   | 02/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 5.25 |         |
| 55  | 060055 | 022310005408 | ĐỖ NGỌC          | CHI   | 05/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 7.25 |         |
| 56  | 060056 | 022310007588 | HOÀNG QUỲNH      | CHI   | 15/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 6.25 |         |
| 57  | 060057 | 022310008907 | HOÀNG THỊ THÙY   | CHI   | 15/05/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.25 |         |
| 58  | 060058 | 022310011917 | NGÔ KHÁNH        | CHI   | 31/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 7.0  |         |
| 59  | 060059 | 022310007827 | NGUYỄN THỊ KIM   | CHI   | 04/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 1.5  |         |
| 60  | 060060 | 022310011528 | NGUYỄN THỊ KIM   | CHI   | 05/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 4.5  |         |
| 61  | 060061 | 022310007787 | NGUYỄN THỊ MỸ    | CHI   | 02/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 6.25 |         |
| 62  | 060062 | 022310011462 | NGUYỄN THỊ THÙY  | CHI   | 20/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 4.0  |         |
| 63  | 060063 | 022310007896 | NGUYỄN THỊ TÚ    | CHI   | 01/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 4.75 |         |
| 64  | 060064 | 022310009486 | TRẦN THỊ MAI     | CHI   | 08/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.25 |         |
| 65  | 060065 | 022210001061 | TIÊU QUYẾT       | CHIẾN | 12/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.0  |         |
| 66  | 060066 | 022310002351 | VŨ THỊ HUYỀN     | CHINH | 21/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 1.25 |         |
| 67  | 060067 | 022310009026 | LÊ VŨ THÙY       | CHÚC  | 15/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 4.25 |         |
| 68  | 060068 | 022210008459 | TÀNG QUAY        | CÓ    | 02/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 2.75 |         |
| 69  | 060069 | 022210004566 | NGUYỄN ĐÌNH      | CƯỜNG | 16/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 6.75 |         |
| 70  | 060070 | 022210006977 | NGUYỄN KHÁC      | CƯỜNG | 10/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 7.0  |         |
| 71  | 060071 | 046210002847 | NGUYỄN CHÍ THÀNH | DANH  | 01/06/2010 | Thừa Thiên Huế | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 7.5  |         |
| 72  | 060072 | 022310001900 | VOÔNG HỒNG       | DIỄM  | 22/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Hoa              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 2.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 73  | 060073 | 022310005236 | LÊ HÀ HỒ        | DIỆP  | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.25 |          |
| 74  | 060074 | 034310002715 | ĐÀO THỊ HUYỀN   | DIỆU  | 30/07/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 5.5  |          |
| 75  | 060075 | 022310000970 | LƯƠNG ANH       | DUNG  | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.5          | 4.0   | 7.25 |          |
| 76  | 060076 | 022310011636 | PHẠM THÙY       | DUNG  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 4.5  |          |
| 77  | 060077 | 022210010965 | BÙI TÂN         | DỪNG  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 5.75 |          |
| 78  | 060078 | 022210001167 | BÙI TIẾN        | DỪNG  | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 7.25 |          |
| 79  | 060079 | 022210005103 | BÙI VĂN TUẤN    | DỪNG  | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 5.5  |          |
| 80  | 060080 | 022210003833 | HOÀNG VIỆT      | DỪNG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng             | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 7.5  |          |
| 81  | 060081 | 022210011237 | BÙI ĐỨC         | DUY   | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 6.25 |          |
| 82  | 060082 | 022210007913 | MÀ MẠNH         | DUY   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 5.5  |          |
| 83  | 060083 | 022210012662 | NGUYỄN ĐỨC      | DUY   | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 6.5  |          |
| 84  | 060084 | 022210008492 | PHẠM KHÁNH      | DUY   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 8.25 |          |
| 85  | 060085 | 022210001443 | PHẠM VĂN        | DUY   | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 6.75 |          |
| 86  | 060086 | 022210005723 | PHẦN MINH       | DUY   | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.25 |          |
| 87  | 060087 | 022210008344 | TRẦN ANH        | DUY   | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 4.5  |          |
| 88  | 060088 | 022210012154 | VÕ ANH          | DUY   | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 5.75 |          |
| 89  | 060089 | 022210010462 | CAO QUANG       | DƯƠNG | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.0  |          |
| 90  | 060090 | 022310007384 | NGUYỄN THỊ THÙY | DƯƠNG | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 3.0          | 5.0   | 2.5  |          |
| 91  | 060091 | 022310008872 | LẠI THANH       | ĐAN   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 92  | 060092 | 022210010269 | DƯƠNG HỮU       | ĐẠO   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 7.5  |          |
| 93  | 060093 | 022210021068 | HÀ TUẤN         | ĐẠT   | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 8.0  |          |
| 94  | 060094 | 022210005290 | HOÀNG TIẾN      | ĐẠT   | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.5  |          |
| 95  | 060095 | 022210000675 | KHỨC TUẤN       | ĐẠT   | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 96  | 060096 | 022210011682 | LÊ KHÁC         | ĐẠT   | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 4.25 |          |
| 97  | 060097 | 022210011136 | LÊ QUANG        | ĐẠT   | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 2.75         | 3.6   | 3.75 |          |
| 98  | 060098 | 046210005151 | NGUYỄN CHÍ      | ĐẠT   | 14/07/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.5  |          |
| 99  | 060099 | 022210005820 | NGUYỄN QUỐC     | ĐẠT   | 18/01/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.5  |          |
| 100 | 060100 | 022210008593 | NGUYỄN VĂN      | ĐẠT   | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 5.0  |          |
| 101 | 060101 | 022210011190 | PHẠM QUỐC       | ĐẠT   | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 5.5  |          |
| 102 | 060102 | 022210003298 | TÀNG QUYẾT      | ĐỊNH  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 103 | 060103 | 033210000057 | HOÀNG ANH       | ĐỨC   | 05/09/2010 | Hà Giang   | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 5.5  |          |
| 104 | 060104 | 022210004767 | LÊ HUỖNH        | ĐỨC   | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 5.25 |          |
| 105 | 060105 | 022210009214 | LƯU MINH        | ĐỨC   | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 5.0  |          |
| 106 | 060106 | 022210000657 | NGUYỄN TRUNG    | ĐỨC   | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 7.0  |          |
| 107 | 060107 | 022210001337 | PHẠM MINH       | ĐỨC   | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.5  |          |
| 108 | 060108 | 022210002417 | PHẠM MINH       | ĐỨC   | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 2.75         | 3.6   | 6.5  |          |
| 109 | 060109 | 022210012193 | TRẦN MINH       | ĐỨC   | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 3.25         | 2.2   | 4.25 |          |
| 110 | 060110 | 022210011476 | VŨ HOÀNG        | GIA   | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 4.5  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 111 | 060111 | 022310002697 | NINH KHÁNH      | GIANG | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 6.75 |          |
| 112 | 060112 | 022310010288 | PHẦN MAI        | GIANG | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 6.75 |          |
| 113 | 060113 | 022310005631 | BÙI THỊ THU     | HÀ    | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.5  |          |
| 114 | 060114 | 022310011145 | ĐẶNG THỊ XUÂN   | HÀ    | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 115 | 060115 | 022310006400 | ĐỖ CẨM          | HÀ    | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.75 |          |
| 116 | 060116 | 022310007333 | HOÀNG THỊ NGỌC  | HÀ    | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 117 | 060117 | 022310011163 | NGUYỄN THANH    | HÀ    | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 6.25 |          |
| 118 | 060118 | 022310007527 | NGUYỄN THU      | HÀ    | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | PT DTBT THCS Quảng Đức           | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 5.25 |          |
| 119 | 060119 | 022310002159 | CAO TRẦN NHƯ    | HẢI   | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 6.5  |          |
| 120 | 060120 | 022210002179 | HOÀNG ĐẠI       | HẢI   | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cái Chiên             | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 3.5  |          |
| 121 | 060121 | 022210006698 | PHẠM ĐỨC        | HẢI   | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.5  |          |
| 122 | 060122 | 022310009423 | TRƯỜNG THỊ THUÝ | HẠNH  | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTBT THCS Quảng Đức           | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 2.75 |          |
| 123 | 060123 | 022310008623 | BÙI THỊ THÚY    | HẰNG  | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 6.75 |          |
| 124 | 060124 | 022310008381 | MẠC THỊ         | HẰNG  | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 1.5  |          |
| 125 | 060125 | 022310009094 | NGUYỄN MINH     | HẰNG  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.25 |          |
| 126 | 060126 | 022310007533 | NGUYỄN THỊ THU  | HẰNG  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 3.0          | 6.2   | 5.75 |          |
| 127 | 060127 | 022310002395 | ĐÀO GIA         | HÂN   | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.5  |          |
| 128 | 060128 | 022310010002 | NGUYỄN NGỌC     | HÂN   | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.25 |          |
| 129 | 060129 | 022310006941 | TRẦN HIẾU       | HÂN   | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.75 |          |
| 130 | 060130 | 022310011679 | LÝ MAI          | HIỀN  | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 131 | 060131 | 022310003530 | ĐỖ THỊ THU      | HIỀN  | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 3.75 |          |
| 132 | 060132 | 022310002269 | HÀ THU          | HIỀN  | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 7.0  |          |
| 133 | 060133 | 022310004310 | LOAN THU        | HIỀN  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 2.0  |          |
| 134 | 060134 | 022310005459 | PHẠM THANH      | HIỀN  | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 5.5  |          |
| 135 | 060135 | 044310006904 | PHẠM THỊ THU    | HIỀN  | 12/07/2010 | Quảng Bình | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 6.75 |          |
| 136 | 060136 | 036210001460 | VŨ CHẤN         | HIỆP  | 11/08/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 3.5  |          |
| 137 | 060137 | 022210002384 | ĐÀO TRUNG       | HIẾU  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 3.5  |          |
| 138 | 060138 | 022210005338 | LÝ TRUNG        | HIẾU  | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 6.5  |          |
| 139 | 060139 | 022209011719 | NGUYỄN NHƯ MINH | HIẾU  | 06/01/2009 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 2.75 |          |
| 140 | 060140 | 022210013266 | NHỮ TRUNG       | HIẾU  | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.5  |          |
| 141 | 060141 | 022210003772 | PHẠM TRUNG      | HIẾU  | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.5  |          |
| 142 | 060142 | 022210021000 | PHẠM TRUNG      | HIẾU  | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 5.75 |          |
| 143 | 060143 | 022210008382 | TRẦN MINH       | HIẾU  | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 4.75 |          |
| 144 | 060144 | 022210006000 | BÙI VĂN         | HIỆU  | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 6.75 |          |
| 145 | 060145 | 022310007288 | ĐẶNG THU        | HOÀI  | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh              | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 4.75 |          |
| 146 | 060146 | 022310003699 | NGUYỄN THU      | HOÀI  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 6.75 |          |
| 147 | 060147 | 022310012669 | TRƯỜNG THỊ THU  | HOÀI  | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 148 | 060148 | 022210007970 | NGÔ VIỆT        | HOÀNG | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 8.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 149 | 060149 | 022210006560 | NGUYỄN HUY      | HOÀNG  | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 3.5          | 6.0   | 8.0  |          |
| 150 | 060150 | 022210001440 | PHẠM KHÁC       | HOÀNG  | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 2.75         | 4.8   | 5.25 |          |
| 151 | 060151 | 022310010825 | ĐẶNG ÁNH        | HỒNG   | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 6.25 |          |
| 152 | 060152 | 022310002511 | PHÀNG KIM       | HUÂN   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 3.25 |          |
| 153 | 060153 | 022310009936 | NGUYỄN THỊ MINH | HUỆ    | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 6.25 |          |
| 154 | 060154 | 034210002364 | PHẠM NGỌC       | HÙNG   | 01/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.25 |          |
| 155 | 060155 | 022210008592 | ĐẶNG NGỌC       | HUY    | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 6.5  |          |
| 156 | 060156 | 022210008279 | LÊ VĂN          | HUY    | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 5.5  |          |
| 157 | 060157 | 022210009751 | LƯỠNG GIA       | HUY    | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 5.0  |          |
| 158 | 060158 | 022210008009 | NGÔ QUANG       | HUY    | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 6.5  |          |
| 159 | 060159 | 022210003960 | NGUYỄN PHÚC     | HUY    | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 3.0  |          |
| 160 | 060160 | 022210003922 | VI NGỌC         | HUY    | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 5.25 |          |
| 161 | 060161 | 022310009715 | LÊ NGUYỄN KHÁNH | HUYỀN  | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 4.75 |          |
| 162 | 060162 | 022310002286 | NGUYỄN NGỌC     | HUYỀN  | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.25 |          |
| 163 | 060163 | 022310001251 | TRẦN KHÁNH      | HUYỀN  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.5  |          |
| 164 | 060164 | 022310005765 | TRẦN THỊ KHÁNH  | HUYỀN  | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.5          | 4.4   | 4.75 |          |
| 165 | 060165 | 022310009613 | VÕ KHÁNH        | HUYỀN  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 2.25         | 3.2   | 4.5  |          |
| 166 | 060166 | 022210002984 | NGUYỄN LÝ       | HUYỀNH | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 2.75 |          |
| 167 | 060167 | 022210003006 | ĐINH GIA        | HÙNG   | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 5.0          | 2.0   | 6.75 |          |
| 168 | 060168 | 022209000793 | KHÔNG THẾ       | HÙNG   | 26/07/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 2.5  |          |
| 169 | 060169 | 022210006948 | PHẠM GIA        | HÙNG   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |          |
| 170 | 060170 | 022210003463 | TÔN PHÚ         | HÙNG   | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 6.0  |          |
| 171 | 060171 | 022210008999 | VŨ TRỌNG        | HÙNG   | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 5.75 |          |
| 172 | 060172 | 022310002170 | ĐINH THỊ        | HƯƠNG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 5.5          | 2.0   | 5.5  |          |
| 173 | 060173 | 022310011219 | NGUYỄN THỊ      | HƯƠNG  | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.5  |          |
| 174 | 060174 | 022310003346 | TÀNG QUỲNH      | HƯƠNG  | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 175 | 060175 | 022310005470 | TRẦN THỊ MAI    | HƯƠNG  | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 5.25 |          |
| 176 | 060176 | 022310007395 | TÀNG THU        | HƯỜNG  | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.25 |          |
| 177 | 060177 | 022210000963 | NGUYỄN MẠNH     | HỮU    | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 4.25 |          |
| 178 | 060178 | 022210000083 | TRƯỜNG TRÍ      | HỮU    | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 179 | 060179 | 022210012177 | NGUYỄN HỮU      | KHẢI   | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 6.75 |          |
| 180 | 060180 | 022210003262 | NGUYỄN VĂN      | KHẢI   | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 7.5  |          |
| 181 | 060181 | 022210002467 | PHẠM QUANG      | KHẢI   | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 2.5  |          |
| 182 | 060182 | 022210001382 | HOÀNG ĐỨC       | KHANH  | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.0  |          |
| 183 | 060183 | 022210001254 | HÀ QUỐC         | KHÁNH  | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 9.0  |          |
| 184 | 060184 | 022210007779 | LÊ GIA          | KHÁNH  | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.75 |          |
| 185 | 060185 | 022210010320 | NGUYỄN DUY      | KHÁNH  | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 8.0  |          |
| 186 | 060186 | 022210004090 | NGUYỄN DUY      | KHÁNH  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 187 | 060187 | 022210012115 | NGUYỄN NAM        | KHÁNH | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.0  |          |
| 188 | 060188 | 022210010054 | ĐINH QUANG ĐĂNG   | KHOA  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 7.75 |          |
| 189 | 060189 | 022210001704 | LÊ MINH           | KHOA  | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 6.5  |          |
| 190 | 060190 | 022210004500 | PHẠM ĐĂNG         | KHOA  | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 191 | 060191 | 022210009326 | ĐOÀN MINH         | KHÔI  | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.25         | 2.0   | 3.25 |          |
| 192 | 060192 | 022210008188 | TÀNG PHẠM         | KHÔI  | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 7.0  |          |
| 193 | 060193 | 022310000577 | ĐINH THỊ NGỌC     | KHUÊ  | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.25 |          |
| 194 | 060194 | 022210005698 | NGUYỄN ĐÌNH TRUNG | KIÊN  | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 2.25         | 1.8   | 3.0  |          |
| 195 | 060195 | 022210001274 | PHẠM TRUNG        | KIÊN  | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 6.75 |          |
| 196 | 060196 | 022210011675 | VŨ TRUNG          | KIÊN  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 7.75 |          |
| 197 | 060197 | 031210005776 | ĐÀO TUẤN          | KIỆT  | 15/02/2010 | Hải phòng  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 8.0  |          |
| 198 | 060198 | 022310010131 | NGUYỄN THỊ MINH   | KIỀU  | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 4.25 |          |
| 199 | 060199 | 022310002937 | TRẦN THỊ KIM      | LAN   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 4.75 |          |
| 200 | 060200 | 022210010726 | MAI SƠN           | LÂM   | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.75 |          |
| 201 | 060201 | 022210000451 | NGUYỄN HOÀNG      | LÂM   | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.0  |          |
| 202 | 060202 | 022210007804 | NGUYỄN TUẤN       | LÂM   | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 6.25 |          |
| 203 | 060203 | 022210009752 | NGUYỄN TÙNG       | LÂM   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.75 |          |
| 204 | 060204 | 022310007964 | PHẠM THỊ NGỌC     | LỆ    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 3.25 |          |
| 205 | 060205 | 022310006156 | TÀNG KIỀU         | LIÊN  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTBT THCS Quảng Đức              | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 5.25 |          |
| 206 | 060206 | 022310007704 | TRẦN THỊ KIM      | LIÊN  | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.0          | 2.0   | 4.5  |          |
| 207 | 060207 | 022310011357 | BUI LÊ PHƯƠNG     | LINH  | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 5.25 |          |
| 208 | 060208 | 022310007032 | ĐẶNG THỊ          | LINH  | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 2.0  |          |
| 209 | 060209 | 022310008675 | ĐỖ BẢO            | LINH  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.25 |          |
| 210 | 060210 | 022310010379 | HOÀNG KHÁNH       | LINH  | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.0  |          |
| 211 | 060211 | 022310010207 | LÃO DIỆU          | LINH  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 6.5  |          |
| 212 | 060212 | 022310008876 | LÂM PHƯƠNG        | LINH  | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 6.5  |          |
| 213 | 060213 | 022310006240 | LÊ HIỂU           | LINH  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 8.25         | 7.2   | 7.0  |          |
| 214 | 060214 | 022310006541 | LÊ NGỌC           | LINH  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.5  |          |
| 215 | 060215 | 022310003287 | LÊ THỊ GIA        | LINH  | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 5.75 |          |
| 216 | 060216 | 022310004863 | LÝ THỊ            | LINH  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.0  |          |
| 217 | 060217 | 022310005290 | NGUYỄN HÀ         | LINH  | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 6.25 |          |
| 218 | 060218 | 022310000032 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH  | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 6.5  |          |
| 219 | 060219 | 022310003360 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.75 |          |
| 220 | 060220 | 022310000106 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH  | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 7.0          | 3.0   | 7.5  |          |
| 221 | 060221 | 022310008199 | NGUYỄN PHƯƠNG     | LINH  | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 7.5  |          |
| 222 | 060222 | 022310004654 | NGUYỄN THỊ THỦY   | LINH  | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.25         | 2.0   | 6.0  |          |
| 223 | 060223 | 022310007070 | NGUYỄN THỦY       | LINH  | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 7.0  |          |
| 224 | 060224 | 064310004725 | PHẠM HÀ           | LINH  | 13/03/2010 | Gia Lai    | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 5.5          | 2.4   | 7.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 225 | 060225 | 022310007940 | PHẠM HOÀI LINH         | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 5.5  |          |
| 226 | 060226 | 022310000585 | PHẠM HỒNG LINH         | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 3.25 |          |
| 227 | 060227 | 022310007110 | TRẦN THUY LINH         | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 1.5  |          |
| 228 | 060228 | 031310017625 | TRỊNH KHÁNH LINH       | 23/06/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 6.5          | 2.4   | 4.5  |          |
| 229 | 060229 | 022310010312 | TRƯỜNG NGỌC LINH       | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 4.75 |          |
| 230 | 060230 | 022310002222 | VƯƠNG THỊ HOÀI LINH    | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 4.75 |          |
| 231 | 060231 | 022310001446 | ĐINH THỊ LOAN          | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 4.0          | 2.0   | 5.25 |          |
| 232 | 060232 | 022210005091 | ĐÀO NGỌC LONG          | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 3.5          | 2.2   | 1.75 |          |
| 233 | 060233 | 022210003617 | NGUYỄN THÀNH LONG      | 21/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 3.25 |          |
| 234 | 060234 | 022210001103 | PHẠM HỒNG BẢO LONG     | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 4.0  |          |
| 235 | 060235 | 022210008192 | VI BẢO LONG            | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 4.0  |          |
| 236 | 060236 | 022210002911 | HOÀNG ĐỨC LỘC          | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 5.5  |          |
| 237 | 060237 | 022210001889 | NGUYỄN THÀNH LUÂN      | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 7.75 |          |
| 238 | 060238 | 022210006938 | VŨ TRỌNG LUÂN          | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 3.75 |          |
| 239 | 060239 | 022310008467 | VOÔNG THỊ LUYẾN        | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTBT THCS Quảng Đức              | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.0  |          |
| 240 | 060240 | 022210009005 | NGUYỄN ĐÌNH LỰC        | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 6.5  |          |
| 241 | 060241 | 022210011805 | NGUYỄN THÀNH LƯỢNG     | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 8.5  |          |
| 242 | 060242 | 022210011043 | NGUYỄN ĐỨC LƯỢNG       | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 2.25         | 3.8   | 3.0  |          |
| 243 | 060243 | 022310008856 | ĐẶNG KHÁNH LY          | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 6.0  |          |
| 244 | 060244 | 022310001927 | ĐINH THỊ DIỆU LY       | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 2.0  |          |
| 245 | 060245 | 022310008668 | CHÍU THỊ MAI           | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 2.75 |          |
| 246 | 060246 | 022310006863 | NGUYỄN THỊ THANH MAI   | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.5  |          |
| 247 | 060247 | 022310001938 | TRẦN THỊ TUYẾT MAI     | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 5.25 |          |
| 248 | 060248 | 022210011292 | NGUYỄN DUY MẠNH        | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 5.5  |          |
| 249 | 060249 | 022210010147 | TRẦN HỢP MẠNH          | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 6.5  |          |
| 250 | 060250 | 022310006857 | HOÀNG THỊ MÂY          | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 3.25         | 2.2   | 1.5  |          |
| 251 | 060251 | 034310191716 | BÙI DẠ UYÊN MINH       | 21/05/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.75 |          |
| 252 | 060252 | 022210011357 | ĐINH VIỆT MINH         | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 3.25         | 2.0   | 5.75 |          |
| 253 | 060253 | 022210009748 | NGUYỄN NGỌC MINH       | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 4.25 |          |
| 254 | 060254 | 022210009289 | NGUYỄN TRẦN QUANG MINH | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 4.0  |          |
| 255 | 060255 | 022210002390 | TRẦN ĐỨC MINH          | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 6.25 |          |
| 256 | 060256 | 022210003241 | TRƯƠNG TỔNG MINH       | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 3.0          | 1.4   | 3.5  |          |
| 257 | 060257 | 022310000048 | HOÀNG THỊ MƠ           | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 5.5  |          |
| 258 | 060258 | 022310001104 | HOÀNG BẢO MY           | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 2.75 |          |
| 259 | 060259 | 022310011952 | HỨA NGUYỄN THẢO MY     | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.0  |          |
| 260 | 060260 | 022310004723 | LÊ THỊ TRÀ MY          | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 5.25 |          |
| 261 | 060261 | 022310002071 | LÝ THỊ THẢO MY         | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 262 | 060262 | 022310000609 | NGÔ THỊ TRÀ MY         | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.75         | 5.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                        | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                                    |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 263 | 060263 | 022310000648 | NGUYỄN TẮNG HÀ  | MY     | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 4.0  |          |
| 264 | 060264 | 022310008200 | NGUYỄN THỊ      | MY     | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 5.5  |          |
| 265 | 060265 | 022310010605 | PHẠM THỊ QUỲNH  | MY     | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 5.25 |          |
| 266 | 060266 | 022310000351 | TRẦN BẢO        | MY     | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.0  |          |
| 267 | 060267 | 022210000978 | LÊ BẢO          | NAM    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 2.75 |          |
| 268 | 060268 | 022210007111 | NGUYỄN HOÀI     | NAM    | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                   | Tiếng Anh | 2.25         | 2.0   | 3.75 |          |
| 269 | 060269 | 022210006846 | NGUYỄN HOÀNG    | NAM    | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 6.25 |          |
| 270 | 060270 | 022210004127 | TRẦN HOÀI       | NAM    | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 6.25 |          |
| 271 | 060271 | 022310004411 | ĐINH BẢO        | NGÂN   | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.0  |          |
| 272 | 060272 | 022310005330 | ĐỖ MAI          | NGÂN   | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.5  |          |
| 273 | 060273 | 022310009165 | NGUYỄN THỊ KIM  | NGÂN   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 5.0  |          |
| 274 | 060274 | 031310008019 | PHẠM THỊ        | NGÂN   | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 4.5  |          |
| 275 | 060275 | 022310009955 | PHẠM THỊ HÀ     | NGÂN   | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 3.75 |          |
| 276 | 060276 | 022310011572 | PHẠM THỊ KIM    | NGÂN   | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 7.25 |          |
| 277 | 060277 | 022210001712 | LƯƠNG ĐẠI       | NGHĨA  | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 2.5  |          |
| 278 | 060278 | 022310002433 | BÙI THỊ HOÀI    | NGỌC   | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.5  |          |
| 279 | 060279 | 022310009568 | BÙI THỊ THÚY    | NGỌC   | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 280 | 060280 | 022310012632 | CHU ĐÌNH MỸ     | NGỌC   | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 6.0  |          |
| 281 | 060281 | 022310012742 | HOÀNG BẢO       | NGỌC   | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.0  |          |
| 282 | 060282 | 022310003176 | HOÀNG BÍCH      | NGỌC   | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.25 |          |
| 283 | 060283 | 022310011004 | NGUYỄN THÚY     | NGỌC   | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 3.0  |          |
| 284 | 060284 | 022310012729 | NGUYỄN TRẦN BẢO | NGỌC   | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 9.0  |          |
| 285 | 060285 | 022310009163 | PHẠM CHÂU       | NGỌC   | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cưng | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 1.25 |          |
| 286 | 060286 | 022310011913 | PHẠM HỒNG       | NGỌC   | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cái Chiên               | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 7.5  |          |
| 287 | 060287 | 022310004960 | PHAN THỊ BÍCH   | NGỌC   | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 4.0  |          |
| 288 | 060288 | 022210004221 | ĐOÀN MINH       | NGUYỄN | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cưng | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 3.5  |          |
| 289 | 060289 | 022310010710 | PHẠM THÙY       | NGUYỄN | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 5.75 |          |
| 290 | 060290 | 022310007608 | TÔNG BẢO        | NGUYỄN | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                   | Tiếng Anh | 6.75         | 3.2   | 6.5  |          |
| 291 | 060291 | 022310008973 | VŨ THẢO         | NGUYỄN | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                   | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.25 |          |
| 292 | 060292 | 022210004616 | PHẠM NHƯ        | NGUYỄN | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 8.5  |          |
| 293 | 060293 | 022310002527 | ĐỖ NHƯ          | NGUYỆT | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 6.5  |          |
| 294 | 060294 | 022310011433 | TẶNG THỊ        | NGUYỆT | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 6.75 |          |
| 295 | 060295 | 022310011403 | ĐỖ THỊ THANH    | NHÂN   | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 5.75 |          |
| 296 | 060296 | 022310004885 | LÊ THỊ THÚY     | NHÂN   | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 5.75 |          |
| 297 | 060297 | 022210001389 | TẶNG ĐỨC        | NHÂN   | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 298 | 060298 | 022310003111 | CAO THỊ YẾN     | NHI    | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                   | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 3.25 |          |
| 299 | 060299 | 022310012650 | NGUYỄN MAI      | NHI    | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 3.0  |          |
| 300 | 060300 | 022310004392 | NGUYỄN THỊ YẾN  | NHI    | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 7.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 301 | 060301 | 022310005210 | THIỆN YẾN       | NHI    | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 4.25 |          |
| 302 | 060302 | 022310002154 | ĐÌNH THỊ HỒNG   | NHUNG  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 5.25 |          |
| 303 | 060303 | 022310006575 | MÃ HỒNG         | NHUNG  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 6.0  |          |
| 304 | 060304 | 022310004389 | PHẠM QUỲNH      | NHƯ    | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 6.25         | 2.0   | 6.75 |          |
| 305 | 060305 | 022310000394 | BÙI THỊ LÂM     | OANH   | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 6.0  |          |
| 306 | 060306 | 022310005798 | NGUYỄN THỊ TÂM  | OANH   | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 6.75 |          |
| 307 | 060307 | 022310007264 | TRẦN KIỀU       | OANH   | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 6.0  |          |
| 308 | 060308 | 022210007418 | KHÚC ĐỨC        | PHÁT   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 8.0  |          |
| 309 | 060309 | 022210004160 | TRẦN QUANG      | PHÁT   | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 6.0  |          |
| 310 | 060310 | 022210002114 | VŨ NGUYỄN HOÀNG | PHÁT   | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 7.5  |          |
| 311 | 060311 | 022210001931 | TRƯƠNG ĐỨC      | PHIẾU  | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 7.0  |          |
| 312 | 060312 | 022210008471 | BÙI THANH       | PHONG  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 313 | 060313 | 026210012075 | ĐỖ HẢI          | PHONG  | 02/01/2010 | Vĩnh Phúc  | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.75         | 2.2   | 6.5  |          |
| 314 | 060314 | 022210006462 | LÃ VĂN DUY      | PHONG  | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 7.25 |          |
| 315 | 060315 | 022210007895 | TRẦN QUỐC       | PHONG  | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 316 | 060316 | 030210011216 | TRƯƠNG THANH    | PHONG  | 15/02/2010 | Gia Lộc    | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.5  |          |
| 317 | 060317 | 022210002641 | ĐỖ MINH         | PHÚC   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 4.75 |          |
| 318 | 060318 | 022210000040 | HÀ MINH         | PHƯỚC  | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.5  |          |
| 319 | 060319 | 022210005319 | TRẦN THIÊN      | PHƯỚC  | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 6.5  |          |
| 320 | 060320 | 022310010349 | CAO THỊ MINH    | PHƯƠNG | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 6.75         | 2.8   | 7.25 |          |
| 321 | 060321 | 022310002219 | HẦU PHƯƠNG      | PHƯƠNG | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.25 |          |
| 322 | 060322 | 022210007957 | NGUYỄN QUỐC     | PHƯƠNG | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 7.5  |          |
| 323 | 060323 | 022310002012 | NGUYỄN THỊ      | PHƯƠNG | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 4.75 |          |
| 324 | 060324 | 022310006328 | NGUYỄN THỊ MINH | PHƯƠNG | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.5          | 3.0   | 6.75 |          |
| 325 | 060325 | 022310009478 | VŨ THỊ MINH     | PHƯƠNG | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 6.25 |          |
| 326 | 060326 | 022210010699 | HOÀNG VĂN       | QUAN   | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 327 | 060327 | 022210009582 | LÊ MẠNH         | QUÂN   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 4.75 |          |
| 328 | 060328 | 022210008824 | VI HOÀNG ÁI     | QUỐC   | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 4.25 |          |
| 329 | 060329 | 022310007306 | HÀ THỊ LỆ       | QUYÊN  | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 330 | 060330 | 022310011958 | NGUYỄN THỊ LỆ   | QUYÊN  | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.0          | 3.4   | 6.25 |          |
| 331 | 060331 | 022310004131 | PHẠM THỊ        | QUYÊN  | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 4.5  |          |
| 332 | 060332 | 022210009164 | NGUYỄN ĐỨC      | QUYÊN  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 5.0  |          |
| 333 | 060333 | 022310005419 | HOÀNG THỊ NHƯ   | QUỲNH  | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 334 | 060334 | 022310005025 | NGUYỄN THỊ      | QUỲNH  | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh              | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 3.0  |          |
| 335 | 060335 | 022210004279 | ĐÌNH XUÂN       | SANG   | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.75         | 2.2   | 6.0  |          |
| 336 | 060336 | 022310001002 | TRƯƠNG TRIỆU    | SANG   | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 6.75 |          |
| 337 | 060337 | 022210001647 | NÔNG TRƯỜNG     | SƠN    | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 338 | 060338 | 022210009849 | PHẠM THANH      | SƠN    | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 339 | 060339 | 001210061886 | VŨ TRƯỜNG        | SƠN   | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.75         | 6.4   | 7.5  |          |
| 340 | 060340 | 022310004422 | HOÀNG THỊ        | TÂM   | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 6.0  |          |
| 341 | 060341 | 022210011218 | KIỀU ĐỨC         | TÂM   | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 6.25 |          |
| 342 | 060342 | 022310010691 | NGUYỄN THỊ       | TÂM   | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.0  |          |
| 343 | 060343 | 022310008495 | NGUYỄN THỊ MỸ    | TÂM   | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 6.25 |          |
| 344 | 060344 | 022310006205 | NGUYỄN THỊ THANH | TÂM   | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 6.75 |          |
| 345 | 060345 | 022210001678 | PHẠM MINH        | TÂM   | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.5  |          |
| 346 | 060346 | 022310006022 | NGUYỄN THỊ DIỆU  | TÂY   | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 9.5  |          |
| 347 | 060347 | 022210007827 | ĐINH NHƯ QUỐC    | THÁI  | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 7.0          | 2.2   | 7.25 |          |
| 348 | 060348 | 022210006659 | LÊ XUÂN          | THÁI  | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cái Chiên             | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.25 |          |
| 349 | 060349 | 022210005108 | LƯƠNG HỒNG       | THÁI  | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 5.5  |          |
| 350 | 060350 | 022310000880 | LƯƠNG THỊ        | THÁI  | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 4.5  |          |
| 351 | 060351 | 022210005771 | PHẠM ĐỨC         | THÁI  | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.5          | 8.0   | 8.5  |          |
| 352 | 060352 | 022210004249 | TRƯỜNG HỒNG      | THÁI  | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 353 | 060353 | 022210009174 | VŨ QUỐC          | THÁI  | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.75 |          |
| 354 | 060354 | 022210001394 | BÙI VĂN          | THANH | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh              | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 4.25 |          |
| 355 | 060355 | 022310009755 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | THANH | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.0  |          |
| 356 | 060356 | 022210012263 | TÔ TIẾN          | THANH | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 357 | 060357 | 022210001830 | BÙI NHẬT         | THÀNH | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 5.25 |          |
| 358 | 060358 | 022210000796 | NGUYỄN MẬU       | THÀNH | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 7.5  |          |
| 359 | 060359 | 022210005699 | NGUYỄN MINH      | THÀNH | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 7.25 |          |
| 360 | 060360 | 022310008719 | BÙI THỊ          | THẢO  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 6.25         | 2.2   | 6.5  |          |
| 361 | 060361 | 022310009816 | ĐẶNG THANH       | THẢO  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 3.75 |          |
| 362 | 060362 | 022310008438 | ĐOÀN THỊ THANH   | THẢO  | 30/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 5.25         | 1.6   | 3.75 |          |
| 363 | 060363 | 022310004286 | ĐỒNG PHƯƠNG      | THẢO  | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 9.0          | 7.2   | 6.5  |          |
| 364 | 060364 | 022310008452 | HOÀNG THỊ        | THẢO  | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 6.75 |          |
| 365 | 060365 | 031310011877 | HỒ LƯU           | THẢO  | 01/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.25 |          |
| 366 | 060366 | 036310000842 | LÊ PHƯƠNG        | THẢO  | 11/05/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.5  |          |
| 367 | 060367 | 022310011663 | LƯƠNG THỊ THANH  | THẢO  | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 368 | 060368 | 022310006564 | NGUYỄN THỊ THU   | THẢO  | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 3.75 |          |
| 369 | 060369 | 022310007553 | PHẠM PHƯƠNG      | THẢO  | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.75 |          |
| 370 | 060370 | 022310006403 | TÔ PHƯƠNG        | THẢO  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.25 |          |
| 371 | 060371 | 022310001816 | VŨ THỊ PHƯƠNG    | THẢO  | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 7.0  |          |
| 372 | 060372 | 022210002778 | LÊ VĂN ĐỨC       | THẮNG | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 6.0  |          |
| 373 | 060373 | 022310007322 | PHẠM THỊ KHÁNH   | THỊ   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 5.75 |          |
| 374 | 060374 | 022210008415 | VŨ VĂN           | THIỆN | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 6.16         | 3.4   | 5.75 |          |
| 375 | 060375 | 022310005506 | LÊ THỊ           | THỊNH | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 6.0          | 1.8   | 2.25 |          |
| 376 | 060376 | 022210006495 | MAC QUỐC         | THỊNH | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 3.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 377 | 060377 | 022210010800 | TRƯỜNG ĐỨC        | THỊNH  | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 4.25 |          |
| 378 | 060378 | 022310002435 | HÀ THỊ            | THOÀ   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 7.75 |          |
| 379 | 060379 | 022310003733 | VŨ THỊ ANH        | THƠ    | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 380 | 060380 | 022310007412 | ĐINH THỊ HOÀI     | THU    | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 6.0  |          |
| 381 | 060381 | 022310008525 | PHẠM NGỌC MINH    | THU    | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.5          | 3.0   | 6.25 |          |
| 382 | 060382 | 022210003942 | PHẠM HẢI          | THUẬN  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.5  |          |
| 383 | 060383 | 022210008439 | TRIỆU TRIỀU       | THUẬN  | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 3.75 |          |
| 384 | 060384 | 022310010607 | HOÀNG THỊ MINH    | THỦY   | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 6.25 |          |
| 385 | 060385 | 022310003815 | PHẠM THỊ          | THỦY   | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 4.75 |          |
| 386 | 060386 | 022310011445 | VŨ THU            | THỦY   | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 9.0  |          |
| 387 | 060387 | 022310006629 | BÙI THU           | THỦY   | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 5.5  |          |
| 388 | 060388 | 026310007686 | ĐÀO THU           | THỦY   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.25 |          |
| 389 | 060389 | 022310006470 | ĐẶNG THU          | THỦY   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.25 |          |
| 390 | 060390 | 022310007171 | NGUYỄN THU        | THỦY   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 7.25         | 3.0   | 4.0  |          |
| 391 | 060391 | 022210011129 | TRƯỜNG ĐẠI        | THỦY   | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 3.5  |          |
| 392 | 060392 | 022310004707 | TRƯỜNG THỊ PHƯƠNG | THỦY   | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTBT THCS Quảng Đức              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.25 |          |
| 393 | 060393 | 022310006388 | NGUYỄN THANH      | THÚY   | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 7.0  |          |
| 394 | 060394 | 022310011323 | BÙI THỊ ANH       | THỨ    | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 8.0  |          |
| 395 | 060395 | 022310009067 | ĐỖ ANH            | THỨ    | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 4.0  |          |
| 396 | 060396 | 022310003208 | ĐỖ ĐẶNG ANH       | THỨ    | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 6.75 |          |
| 397 | 060397 | 022310012730 | HOÀNG THỊ SONG    | THỨ    | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 8.0          | 4.6   | 7.25 |          |
| 398 | 060398 | 036310001343 | LƯU THỊ THANH     | THỨ    | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.5  |          |
| 399 | 060399 | 022310012707 | NGUYỄN HOÀNG ANH  | THỨ    | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà              | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 6.0  |          |
| 400 | 060400 | 022310001638 | NGUYỄN THỊ MINH   | THỨ    | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 7.25 |          |
| 401 | 060401 | 022310007457 | PHẠM ANH          | THỨ    | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                     | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.0  |          |
| 402 | 060402 | 022310008337 | TRƯỜNG THỊ MINH   | THỨ    | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 403 | 060403 | 022310011704 | PHẠM HOÀI         | THƯỜNG | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.25 |          |
| 404 | 060404 | 022310006456 | PHẠM HOÀNG ANH    | TIỀN   | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 5.25 |          |
| 405 | 060405 | 022210003312 | TRỊNH KIM         | TIỀN   | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.25         | 7.2   | 6.75 |          |
| 406 | 060406 | 022210008440 | ĐINH XUÂN         | TIỀN   | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 0.75         | 2.6   | 2.5  |          |
| 407 | 060407 | 033210001678 | ĐỖ MINH           | TIỆP   | 20/02/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 7.5  |          |
| 408 | 060408 | 022210007210 | HOÀNG VĂN         | TOÀN   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                    | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 4.5  |          |
| 409 | 060409 | 022310010314 | DANH VŨ MAI       | TRANG  | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 4.0  |          |
| 410 | 060410 | 022310009935 | ĐÀO LƯU THỦY      | TRANG  | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 6.5  |          |
| 411 | 060411 | 022310011456 | ĐẶNG THỊ KIỀU     | TRANG  | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 4.25 |          |
| 412 | 060412 | 022310002389 | HOÀNG THỊ THU     | TRANG  | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 5.75 |          |
| 413 | 060413 | 022310010179 | LÊ NGUYỄN QUỲNH   | TRANG  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                    | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 5.0  |          |
| 414 | 060414 | 022310003210 | LÊ THỊ THU        | TRANG  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quảng Phong                    | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 4.25 |          |



**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                        | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                    |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 415 | 060415 | 022310008023 | NGUYỄN QUỲNH     | TRANG  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 3.75 |          |
| 416 | 060416 | 031310017423 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | TRANG  | 02/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.0  |          |
| 417 | 060417 | 022310007792 | NGUYỄN THỊ MINH  | TRANG  | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.0  |          |
| 418 | 060418 | 022310003549 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | TRANG  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cưng | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 2.5  |          |
| 419 | 060419 | 022310006799 | NGUYỄN THỊ THU   | TRANG  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 2.5  |          |
| 420 | 060420 | 022310009944 | NGUYỄN THỊ THU   | TRANG  | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                   | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.75 |          |
| 421 | 060421 | 022310009254 | NGUYỄN THÙY      | TRANG  | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 9.25         | 9.0   | 7.75 |          |
| 422 | 060422 | 022310010960 | PHẠM QUỲNH       | TRANG  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 8.5  |          |
| 423 | 060423 | 022310003716 | PHẠM QUỲNH       | TRANG  | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cái Chiên               | Tiếng Anh | 7.75         | 3.4   | 4.75 |          |
| 424 | 060424 | 022310003120 | PHAN THỊ         | TRANG  | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 4.75 |          |
| 425 | 060425 | 022310005223 | VŨ THỊ           | TRANG  | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                   | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 6.0  |          |
| 426 | 060426 | 022310006783 | VŨ THỊ THU       | TRANG  | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 8.5          | 6.0   | 7.25 |          |
| 427 | 060427 | 022310005672 | CHỈU THỊ NGỌC    | TRÂM   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 428 | 060428 | 022310009406 | LẠC THỊ NGỌC     | TRÂM   | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 4.0  |          |
| 429 | 060429 | 022310003147 | LƯƠNG NGỌC BẢO   | TRÂM   | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 8.0  |          |
| 430 | 060430 | 022310007391 | PHẠM BẢO         | TRÂM   | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.75 |          |
| 431 | 060431 | 022210009480 | ĐỒNG XUÂN        | TRIỆU  | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Thành                   | Tiếng Anh | 1.0          | 2.4   | 2.75 |          |
| 432 | 060432 | 022210011862 | NGUYỄN NAM       | TRIỆU  | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.75 |          |
| 433 | 060433 | 022310003090 | NGUYỄN THỊ LAN   | TRINH  | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 2.75 |          |
| 434 | 060434 | 022310011916 | TÀNG THỊ         | TRINH  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTBT THCS Quảng Đức             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 3.75 |          |
| 435 | 060435 | 022310002234 | ĐINH HIỀN THANH  | TRÚC   | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 6.25 |          |
| 436 | 060436 | 022310004413 | HOÀNG THỊ THANH  | TRÚC   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 7.0          | 3.4   | 5.0  |          |
| 437 | 060437 | 022310006086 | NGUYỄN THANH     | TRÚC   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 4.75 |          |
| 438 | 060438 | 022310011801 | TÀNG THANH       | TRÚC   | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 439 | 060439 | 022210007453 | CHU THÀNH        | TRUNG  | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 4.75 |          |
| 440 | 060440 | 022210011547 | PHẠM THÀNH       | TRUNG  | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Phong                   | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 3.75 |          |
| 441 | 060441 | 022210008477 | VŨ CÔNG          | TRUNG  | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 5.5  |          |
| 442 | 060442 | 022210004458 | HOÀNG VẤN        | TRƯỜNG | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 5.5  |          |
| 443 | 060443 | 022210011853 | LẠC QUANG        | TRƯỜNG | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 6.75 |          |
| 444 | 060444 | 022210009075 | LÊ VĂN           | TRƯỜNG | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                   | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 6.5  |          |
| 445 | 060445 | 022210007916 | TÀNG HỮU         | TRƯỜNG | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                | Tiếng Anh | 1.0          | 1.2   | 2.75 |          |
| 446 | 060446 | 033210001075 | HOÀNG ANH        | TÚ     | 28/06/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Quảng Chính                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 8.0  |          |
| 447 | 060447 | 022210006198 | HOÀNG VĂN        | TUÂN   | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 6.25 |          |
| 448 | 060448 | 022210006003 | NGUYỄN VĂN       | TUÂN   | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 5.0  |          |
| 449 | 060449 | 022210010633 | LÊ ANH           | TUÂN   | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.0  |          |
| 450 | 060450 | 022210003136 | PHẠM ĐỨC         | TUÂN   | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà             | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 4.5  |          |
| 451 | 060451 | 022210003353 | BÙI QUANG        | TÙNG   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                    | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 6.0  |          |
| 452 | 060452 | 022210012294 | TRỊNH DUY        | TÙNG   | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II   | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 3.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 453 | 060453 | 022310006155 | BÙI MINH TUYẾT       | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 454 | 060454 | 022310002027 | CHỈU THỊ ÁNH TUYẾT   | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH&THCS Quảng Thịnh              | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 4.75 |          |
| 455 | 060455 | 022210006092 | ĐÀO NGỌC ANH TƯ      | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 6.0  |          |
| 456 | 060456 | 022310007369 | ĐINH HẠ UYÊN         | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 6.25 |          |
| 457 | 060457 | 022310001385 | HOÀNG LÊ UYÊN        | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 4.75 |          |
| 458 | 060458 | 022310010452 | NGUYỄN KHÁNH UYÊN    | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 3.75         | 2.2   | 4.5  |          |
| 459 | 060459 | 022310006712 | NGUYỄN THỊ UYÊN      | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.25 |          |
| 460 | 060460 | 022310011942 | TRIỆU PHƯƠNG UYÊN    | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 6.0  |          |
| 461 | 060461 | 022310000726 | DƯƠNG THỊ KHÁNH VÂN  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 6.25 |          |
| 462 | 060462 | 031310001538 | LU THANH VÂN         | 18/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 6.0  |          |
| 463 | 060463 | 022310006455 | NGUYỄN THẢO VÂN      | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 5.5  |          |
| 464 | 060464 | 022310007998 | NGUYỄN THỊ THANH VÂN | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 5.75 |          |
| 465 | 060465 | 022310009502 | NGUYỄN THỊ KIỀU VI   | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 6.0  |          |
| 466 | 060466 | 022310009934 | PHẠM KIỀU VI         | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 5.5  |          |
| 467 | 060467 | 022310009521 | TRẦN THỊ TƯỜNG VI    | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.75 |          |
| 468 | 060468 | 022210001660 | TRẦN VĂN VĨ          | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 3.75 |          |
| 469 | 060469 | 022210009249 | NGÔ QUỐC VIỆT        | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 7.25 |          |
| 470 | 060470 | 022210011300 | ĐỖ TRỌNG VINH        | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.25 |          |
| 471 | 060471 | 022210003341 | NGUYỄN QUANG VINH    | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 7.75 |          |
| 472 | 060472 | 022210004504 | TRẦN KHÁNH DUY VINH  | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 473 | 060473 | 022210005843 | BÙI ĐÌNH VŨ          | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 4.5  |          |
| 474 | 060474 | 022210007865 | PHẠM NGỌC VŨ         | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 7.25 |          |
| 475 | 060475 | 022310005072 | BÙI HÀ VY            | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 6.25 |          |
| 476 | 060476 | 022310002538 | BÙI TRƯỞNG HẠ VY     | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.0  |          |
| 477 | 060477 | 022310010545 | CAO YẾN VY           | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 7.25 |          |
| 478 | 060478 | 022310010621 | ĐINH KIỀU THẢO HÀ VY | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 2.75 |          |
| 479 | 060479 | 022310004395 | HOÀNG LÊ TƯỜNG VY    | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.25 |          |
| 480 | 060480 | 022310001191 | LÂM YẾN VY           | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.25 |          |
| 481 | 060481 | 022310004160 | LÊ AN VY             | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 5.5  |          |
| 482 | 060482 | 022310003760 | LÊ HÀ VY             | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 4.75 |          |
| 483 | 060483 | 022310001968 | LÊ THỊ YẾN VY        | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.25         | 2.2   | 5.25 |          |
| 484 | 060484 | 022310001761 | LÊ TƯỜNG VY          | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 7.75         | 3.6   | 6.5  |          |
| 485 | 060485 | 022310004479 | NGUYỄN HÀ VY         | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 2.25 |          |
| 486 | 060486 | 022310002543 | NỊNH HÀ VY           | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay         | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 6.5  |          |
| 487 | 060487 | 022310010051 | PHẠM HÀ VY           | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 4.5  |          |
| 488 | 060488 | 022310003588 | PHẠM THỊ KIỀU VY     | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 489 | 060489 | 022310001341 | PHẠM TƯỜNG VY        | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 4.5  |          |
| 490 | 060490 | 022310000062 | PHÙNG THỊ HÀ VY      | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 6.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Quảng Hà (22000705)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 491 | 060491 | 022310005288 | VŨ THẢO VY           | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 3.75 |          |
| 492 | 060492 | 022310007414 | VŨ THỊ HÀ VY         | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Chính                 | Tiếng Anh | 4.75         | 2.0   | 4.5  |          |
| 493 | 060493 | 022310011993 | VOÔNG THỊ THANH XUÂN | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Thành                 | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 1.5  |          |
| 494 | 060494 | 022310003227 | CHÌU THỊ XUYẾN       | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 495 | 060495 | 022310004104 | VŨ THỊ NHƯ Ý         | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Phong                 | Tiếng Anh | 6.75         | 2.8   | 6.0  |          |
| 496 | 060496 | 022310001082 | ĐOÀN THỊ HẢI YẾN     | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Quảng Hà           | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 2.0  |          |
| 497 | 060497 | 022310004815 | ĐỖ THỊ HẢI YẾN       | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 2.75 |          |
| 498 | 060498 | 031310008049 | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN   | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Minh                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 4.75 |          |

*(Danh sách này gồm có 498 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương (22000844)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 070001 | 086210009834 | ĐINH THÀNH AN        | 18/08/2010 | Vĩnh Long  | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 5.0  |         |
| 2   | 070002 | 022210002700 | NGUYỄN VĂN AN        | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.25 |         |
| 3   | 070003 | 022310011405 | BÙI NGỌC ANH         | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.25 |         |
| 4   | 070004 | 022310005318 | ĐINH LAN ANH         | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.5  |         |
| 5   | 070005 | 031310010624 | ĐINH THỊ LAN ANH     | 15/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 6.5          | 2.6   | 5.75 |         |
| 6   | 070006 | 022310008587 | ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.5  |         |
| 7   | 070007 | 022310010295 | LÊ TRIỆU THẢO ANH    | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 4.75 |         |
| 8   | 070008 | 022210001661 | NGUYỄN CÔNG TUẤN ANH | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 3.25 |         |
| 9   | 070009 | 022210007322 | NGUYỄN DUY ANH       | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.0  |         |
| 10  | 070010 | 031210008881 | NGUYỄN NHẬT ANH      | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 4.5  |         |
| 11  | 070011 | 022210003294 | NGUYỄN THẾ ANH       | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 2.75         | 3.6   | 3.0  |         |
| 12  | 070012 | 022310010573 | PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH  | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 3.0  |         |
| 13  | 070013 | 022210002121 | PHẠM VIỆT ANH        | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 2.25         | 4.4   | 3.25 |         |
| 14  | 070014 | 022210003982 | TÀNG TUẤN ANH        | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 3.0  |         |
| 15  | 070015 | 022310001803 | TRẦN PHƯƠNG ANH      | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.75 |         |
| 16  | 070016 | 022310011650 | HOÀNG NGỌC ÁNH       | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.25 |         |
| 17  | 070017 | 022310002680 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH  | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 4.0  |         |
| 18  | 070018 | 022210004765 | BÙI DUY BẢO          | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 5.0  |         |
| 19  | 070019 | 022210007220 | BÙI MINH BẢO         | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 2.5  |         |
| 20  | 070020 | 022210010828 | ĐINH GIA BẢO         | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 1.0          | 6.0   | 2.75 |         |
| 21  | 070021 | 022210012085 | ĐINH GIA BẢO         | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 2.75         | 6.4   | 5.75 |         |
| 22  | 070022 | 022210001898 | ĐINH GIA BẢO         | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.0          | 7.2   | 6.75 |         |
| 23  | 070023 | 022210006150 | LÊ XUÂN BẮC          | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 0.5          | 3.0   | 1.75 |         |
| 24  | 070024 | 022210003885 | NGUYỄN DUY BÌNH      | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 5.5  |         |
| 25  | 070025 | 022210006303 | NGUYỄN TUẤN CƯỜNG    | 07/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 5.5  |         |
| 26  | 070026 | 022310010451 | LÝ PHƯƠNG ĐIỂM       | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 2.75 |         |
| 27  | 070027 | 022310001284 | NGUYỄN THỊ DIJU      | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 1.5  |         |
| 28  | 070028 | 022210008750 | CAO THÀNH DOANH      | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 3.25 |         |
| 29  | 070029 | 022210006581 | HOÀNG ANH DŨNG       | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 5.5  |         |
| 30  | 070030 | 022210006421 | NGUYỄN ANH DŨNG      | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.75         | 7.2   | 5.5  |         |
| 31  | 070031 | 022210002234 | NGUYỄN TIẾN DŨNG     | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.75         | 6.4   | 5.0  |         |
| 32  | 070032 | 022210003256 | NGUYỄN TỰ DUY        | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 5.0  |         |
| 33  | 070033 | 022310011628 | PHẠM KIỀU DUYỀN      | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 6.0  |         |
| 34  | 070034 | 022210005540 | PHẦN ANH DƯƠNG       | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 5.0  |         |
| 35  | 070035 | 022210005318 | ĐINH KHÁC ĐÔNG       | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 2.0          | 6.0   | 5.5  |         |
| 36  | 070036 | 022310007233 | ĐÀO THU GIANG        | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.75 |         |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương (22000844)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 37  | 070037 | 022210002633 | LƯƠNG TRƯỜNG     | GIANG | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 6.5  |          |
| 38  | 070038 | 022310005237 | NGUYỄN THỊ THANH | HÀ    | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.25         | 6.4   | 5.0  |          |
| 39  | 070039 | 022310006325 | PHẠM THỊ THU     | HÀ    | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 4.75 |          |
| 40  | 070040 | 022310008986 | GIANG THỊ        | HẠNH  | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 6.0  |          |
| 41  | 070041 | 022310008458 | HOÀNG THỊ        | HÂN   | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 4.5  |          |
| 42  | 070042 | 022210008723 | LƯỜNG ĐỨC        | HÊNH  | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TRƯỜNG PTDTBT THCS QUẢNG SƠN        | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 3.75 |          |
| 43  | 070043 | 022310011324 | BÙI THỊ          | HIỀN  | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 6.5  |          |
| 44  | 070044 | 022210006093 | ĐINH CHÍNH       | HIẾU  | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 5.25 |          |
| 45  | 070045 | 022210003172 | ĐỖ TRUNG         | HIẾU  | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 46  | 070046 | 022210007432 | NGUYỄN VĂN       | HIẾU  | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 1.5          | 4.8   | 6.0  |          |
| 47  | 070047 | 022310002896 | NGUYỄN THỊ       | HOÀI  | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 1.5  |          |
| 48  | 070048 | 022310007018 | NGUYỄN THU       | HOÀI  | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 2.25 |          |
| 49  | 070049 | 022210012071 | ĐỖ LÊ HUY        | HOÀNG | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 3.25 |          |
| 50  | 070050 | 022210001428 | NGUYỄN HUY       | HOÀNG | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.0          | 6.0   | 3.25 |          |
| 51  | 070051 | 022310001982 | VŨ THỊ KIM       | HỒNG  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 7.5  |          |
| 52  | 070052 | 022310000291 | NGUYỄN THỊ THU   | HUẾ   | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 5.0  |          |
| 53  | 070053 | 022210004048 | NGUYỄN VIỆT      | HÙNG  | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 3.0  |          |
| 54  | 070054 | 002210006627 | TRIỆU PHI        | HÙNG  | 20/09/2010 | Hà Giang   | Nam       | Tày              | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 3.25 |          |
| 55  | 070055 | 022210003716 | ĐINH KHẮC        | HUY   | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 3.0  |          |
| 56  | 070056 | 022210010590 | MẠC GIA          | HUY   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TRƯỜNG PTDTBT THCS QUẢNG SƠN        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 3.0  |          |
| 57  | 070057 | 022210010238 | NGUYỄN TÙNG      | HUY   | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 6.0  |          |
| 58  | 070058 | 022210006557 | TÀNG QUỐC        | HUY   | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 59  | 070059 | 022310003464 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 2.25 |          |
| 60  | 070060 | 022210008642 | HOÀNG TUẤN       | HÙNG  | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 4.25 |          |
| 61  | 070061 | 022310008723 | PHẦN THỊ THU     | HƯƠNG | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 62  | 070062 | 022210003162 | ĐỖ QUANG         | KHẢI  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 4.75 |          |
| 63  | 070063 | 022310003475 | HOÀNG THỊ        | KHANG | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 2.5  |          |
| 64  | 070064 | 022310004100 | ĐOÀN THỊ         | KHÁNH | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 6.0  |          |
| 65  | 070065 | 022210011973 | LÊ QUỐC          | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 4.25 |          |
| 66  | 070066 | 022210005918 | ĐINH KHẮC        | KHIÊM | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 6.5  |          |
| 67  | 070067 | 022210008368 | NGUYỄN TRỌNG     | KHIÊM | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.5  |          |
| 68  | 070068 | 022210003305 | NGUYỄN ĐÌNH      | KIÊN  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 7.75 |          |
| 69  | 070069 | 022210005721 | ĐẶNG NGỌC        | LÂM   | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 5.5  |          |
| 70  | 070070 | 022210006749 | NGUYỄN HOÀNG     | LÂM   | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 5.25 |          |
| 71  | 070071 | 022210012236 | VOÔNG ANH        | LẬP   | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 72  | 070072 | 022310011166 | CHOÔNG THỊ       | LIÊN  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 5.25 |          |
| 73  | 070073 | 022310002579 | NGUYỄN THỊ       | LIM   | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 2.75 |          |
| 74  | 070074 | 022310003022 | ĐUỜNG THỊ        | LINH  | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 5.25 |          |
| 75  | 070075 | 022310008265 | LÊ KHÁNH         | LINH  | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 5.25 |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương (22000844)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 76  | 070076 | 022310001269 | LÊ THỊ THUỶ LINH      | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 2.25 |          |
| 77  | 070077 | 022210004068 | ĐÌNH KHẮC BAO LỘC     | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 7.5  |          |
| 78  | 070078 | 022310010074 | NGUYỄN THỊ LỘC        | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 2.0          | 3.8   | 3.25 |          |
| 79  | 070079 | 022310010642 | PHẠM THỊ KHÁNH LY     | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 3.25 |          |
| 80  | 070080 | 022310001311 | NGUYỄN THỊ MAI        | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 7.25 |          |
| 81  | 070081 | 022310004840 | HOÀNG THỊ MẾN         | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 5.5  |          |
| 82  | 070082 | 022210003323 | ĐOÀN VĂN MINH         | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 5.75 |          |
| 83  | 070083 | 022310008408 | BÙI THỊ TRÀ MY        | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 0.75 |          |
| 84  | 070084 | 022210005743 | PHÙNG MINH NGHĨA      | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 5.25 |          |
| 85  | 070085 | 022310001757 | PHẠM BÍCH NGOAN       | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 6.75 |          |
| 86  | 070086 | 022310010346 | MẠC HOÀNG NGỌC        | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 3.25 |          |
| 87  | 070087 | 022310008991 | NGUYỄN TÔ NHƯ         | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 6.75 |          |
| 88  | 070088 | 022210005001 | HOÀNG MINH NGUYỄN     | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 6.75 |          |
| 89  | 070089 | 022310001859 | ĐẶNG THỊ NHÂN         | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 3.5  |          |
| 90  | 070090 | 022210009789 | ĐÌNH KHẮC NHẬT        | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 6.0  |          |
| 91  | 070091 | 022310003261 | ĐÌNH YẾN NHI          | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.75 |          |
| 92  | 070092 | 022310003333 | HOA THỊ YẾN NHI       | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 3.5  |          |
| 93  | 070093 | 022310002685 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI    | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.0  |          |
| 94  | 070094 | 022310008276 | TRẦN QUỲNH NHI        | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.5          | 2.2   | 4.5  |          |
| 95  | 070095 | 022310007860 | PHẠM THỊ NHIÊN        | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 4.25 |          |
| 96  | 070096 | 022310007937 | ĐÌNH THỊ TÂM NHƯ      | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 7.5  |          |
| 97  | 070097 | 022310008198 | HOÀNG QUỲNH NHƯ       | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 7.0  |          |
| 98  | 070098 | 022310004036 | TẶNG THỊ DIỆU NHƯ     | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.0  |          |
| 99  | 070099 | 022210012212 | TRẦN ĐẠI PHÁT         | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.5  |          |
| 100 | 070100 | 022310000904 | NGUYỄN HỒNG PHÚC      | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.5          | 7.4   | 6.25 |          |
| 101 | 070101 | 022310002360 | HOÀNG LÊ THANH PHƯƠNG | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 6.25 |          |
| 102 | 070102 | 022310000390 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG     | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.75 |          |
| 103 | 070103 | 022310006273 | VŨ THỊ PHƯƠNG         | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.5  |          |
| 104 | 070104 | 022310003432 | CHỊU THỊ PHƯƠNG       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.5          | 2.0   | 4.5  |          |
| 105 | 070105 | 022310003612 | TẶNG DUY PHƯƠNG       | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 106 | 070106 | 022310010974 | TRẦN MINH PHƯƠNG      | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 6.5  |          |
| 107 | 070107 | 022210001641 | PHAN VĂN BẢO QUANG    | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 2.75         | 5.4   | 4.75 |          |
| 108 | 070108 | 022210003287 | ĐỖ MINH QUÂN          | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 6.5  |          |
| 109 | 070109 | 022210001543 | VŨ VĂN QUÂN           | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 1.75         | 5.2   | 3.0  |          |
| 110 | 070110 | 030310007628 | PHẠM LÊ QUYÊN         | 30/03/2010 | Hàn Quốc   | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.5  |          |
| 111 | 070111 | 022210003040 | LÊ XUÂN QUYÊN         | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 1.75 |          |
| 112 | 070112 | 022210011481 | ĐOÀN VĂN QUYẾT        | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.75         | 9.4   | 8.25 |          |
| 113 | 070113 | 022310012680 | PHÙNG THỊ SEN         | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.75 |          |
| 114 | 070114 | 022210009700 | CHỊU A TÀI            | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 5.5  |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương (22000844)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|-------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |             |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 115 | 070115 | 022210011644 | NGUYỄN MINH TÂN       | 25/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.5  |          |
| 116 | 070116 | 022210000018 | NGUYỄN DUY THÁI       | 09/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 1.75         | 1.8   | 2.5  |          |
| 117 | 070117 | 022210005357 | PHÙNG QUANG THANH     | 07/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TRƯỜNG PTDTBT THCS QUẢNG SƠN        | Tiếng Anh | 4.0          | 1.8   | 3.75 |          |
| 118 | 070118 | 022210005870 | ĐÌNH NGUYỄN HỮU THÀNH | 25/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 4.25 |          |
| 119 | 070119 | 022210005899 | LÊ KHẮC TIẾN THÀNH    | 18/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 4.75 |          |
| 120 | 070120 | 022310001268 | LÝ THỊ THẢO           | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 121 | 070121 | 022210005603 | ĐOÀN VĂN THIỆN        | 02/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.75 |          |
| 122 | 070122 | 030310014983 | NGUYỄN THU THIỆN      | 28/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TRƯỜNG PTDTBT THCS QUẢNG SƠN        | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 3.0  |          |
| 123 | 070123 | 022310002859 | NGUYỄN THANH THỦY     | 13/06/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 8.0  |          |
| 124 | 070124 | 022310011185 | BÙI VŨ ANH THÚ        | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 6.75 |          |
| 125 | 070125 | 022310009573 | NGUYỄN THỊ THÚ        | 18/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 1.0          | 4.2   | 3.0  |          |
| 126 | 070126 | 022310003933 | PHẠM ANH THÚ          | 17/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 4.25 |          |
| 127 | 070127 | 022310006085 | CHU THỊ THƯƠNG        | 12/11/2010 | Quảng Ninh. | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 4.5  |          |
| 128 | 070128 | 022310012667 | PHẠNG THU TÌNH        | 11/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 129 | 070129 | 034210002348 | PHẠM NGỌC TOÀN        | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 2.25         | 1.8   | 5.0  |          |
| 130 | 070130 | 022310001719 | BÙI HUỖN TRANG        | 13/12/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 3.5  |          |
| 131 | 070131 | 022310005950 | CAO PHƯƠNG TRANG      | 08/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS thị trấn Quảng Hà II    | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.0  |          |
| 132 | 070132 | 022310010120 | ĐÌNH THỊ NGỌC TRANG   | 09/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 5.25 |          |
| 133 | 070133 | 022310011017 | ĐÌNH THỊ QUỲNH TRANG  | 05/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 6.0  |          |
| 134 | 070134 | 022310002786 | ĐỖ THỦY TRANG         | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |          |
| 135 | 070135 | 022310002350 | PHẠM THỊ HUỖN TRANG   | 18/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 7.5  |          |
| 136 | 070136 | 022310005224 | PHÙNG THỊ TRANG       | 24/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 0.75         | 2.4   | 1.75 |          |
| 137 | 070137 | 022310009229 | VŨ THU TRANG          | 24/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 5.0  |          |
| 138 | 070138 | 022210021053 | NGUYỄN THÀNH TRỊNH    | 14/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 7.25 |          |
| 139 | 070139 | 022210001627 | TẶNG VĂN TRUNG        | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 140 | 070140 | 022210004320 | BÙI VĂN TRƯỜNG        | 02/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 5.75 |          |
| 141 | 070141 | 022210011198 | NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG    | 24/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 6.0  |          |
| 142 | 070142 | 022210001385 | TÔ XUÂN TRƯỜNG        | 14/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 4.75 |          |
| 143 | 070143 | 022210004732 | LÊ XUÂN ANH TÚ        | 21/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 6.25 |          |
| 144 | 070144 | 022210011681 | PHÙNG DỪNG TÚ         | 08/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | PT DTNT THCS Hải Hà                 | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.0  |          |
| 145 | 070145 | 020210004286 | LÃNG MINH TUẤN        | 27/12/2010 | Lạng Sơn    | Nam       | Nùng             | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 4.25 |          |
| 146 | 070146 | 022210011479 | LƯƠNG QUÝ TUẤN        | 02/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 1.25         | 4.8   | 2.5  |          |
| 147 | 070147 | 022210007872 | ĐỖ HUY TÙNG           | 13/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Mường            | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 6.0  |          |
| 148 | 070148 | 022310004180 | CHỊU THỊ LINH TUYỀN   | 06/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 2.25         | 3.6   | 4.5  |          |
| 149 | 070149 | 022310005656 | LÊ THỊ TÚ UYÊN        | 04/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 7.0  |          |
| 150 | 070150 | 022310011335 | ĐUỜNG THÚY VÂN        | 04/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.25 |          |
| 151 | 070151 | 022310005063 | ĐÌNH THỊ HUỖN VI      | 15/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 3.5          | 2.0   | 4.75 |          |
| 152 | 070152 | 022310006653 | HOÀNG KIỀU VI         | 09/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 5.75 |          |
| 153 | 070153 | 022310005138 | PHÙNG HÀ VI           | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tiến Tới                 | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 3.75 |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương (22000844)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |            |            |           |                  |                                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 154 | 070154 | 022210021002 | VŨ KHÔI VĨ         | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 6.75 |         |
| 155 | 070155 | 022310006425 | CHÍU THỊ VIÊN      | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.5  |         |
| 156 | 070156 | 022210002899 | BÙI QUỐC VIỆT      | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Quảng Thịnh                 | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 2.5  |         |
| 157 | 070157 | 022310001401 | ĐÌNH THỊ TƯỜNG VY  | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.25 |         |
| 158 | 070158 | 022310002413 | ĐÌNH THỊ BẢO YẾN   | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đường Hoa                      | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.5  |         |
| 159 | 070159 | 022310002990 | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.5  |         |

(Danh sách này gồm có 159 thí sinh)



SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Đàm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 080001 | 066310016359 | LÝ TIÊU Á            | 26/10/2010 | Đắk Lắk    | Nữ        | Dao                | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 4.0  |         |
| 2   | 080002 | 022310007642 | ĐẶNG QUỲNH AN        | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 5.5  |         |
| 3   | 080003 | 022210009248 | HOÀNG TRƯỜNG AN      | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 5.5  |         |
| 4   | 080004 | 030209012471 | BÙI THẾ ANH          | 31/12/2009 | Hải Dương  | Nam       |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 6.5  |         |
| 5   | 080005 | 022310003532 | CHÍU THỊ MINH ANH    | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 3.5  |         |
| 6   | 080006 | 022210002937 | ĐÀO THẾ ANH          | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 5.75 |         |
| 7   | 080007 | 022210010724 | HOÀNG KỶ ANH         | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 5.5  |         |
| 8   | 080008 | 022310004681 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 5.25 |         |
| 9   | 080009 | 022210009842 | HOÀNG TUẤN ANH       | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 4.5  |         |
| 10  | 080010 | 022210011602 | HOÀNG VIỆT ANH       | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 1.5  |         |
| 11  | 080011 | 022310007313 | HỨA HẢI ANH          | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.5          | 2.6   | 2.75 |         |
| 12  | 080012 | 022310011285 | LÊ CHU MINH ANH      | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 5.0  |         |
| 13  | 080013 | 022210009013 | LÊ QUỐC ANH          | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 2.25         | 2.2   | 5.0  |         |
| 14  | 080014 | 022210005571 | LÊ TUẤN ANH          | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 4.25 |         |
| 15  | 080015 | 027210011938 | NGUYỄN BÁ ANH        | 19/11/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 2.25 |         |
| 16  | 080016 | 022310007946 | NGUYỄN LAN ANH       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 6.25 |         |
| 17  | 080017 | 022310001067 | NGUYỄN THỊ MINH ANH  | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 3.5  |         |
| 18  | 080018 | 022310010276 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH  | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 2.25 |         |
| 19  | 080019 | 022210011834 | NGUYỄN VIỆT ANH      | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 4.5  |         |
| 20  | 080020 | 022310001061 | PHẠM NGỌC ANH        | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.25         | 2.2   | 3.0  |         |
| 21  | 080021 | 022310003181 | PHẠM THỊ LAN ANH     | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 5.25 |         |
| 22  | 080022 | 022310008064 | PHẠM THỊ VÂN ANH     | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 4.0  |         |
| 23  | 080023 | 038310030221 | TRẦN BÍCH TRÂM ANH   | 05/02/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 4.0  |         |
| 24  | 080024 | 022310003337 | TỪ THỊ HẢI ANH       | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 4.25 |         |
| 25  | 080025 | 022210001253 | VƯƠNG QUỐC ANH       | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.5  |         |
| 26  | 080026 | 022310000812 | NGUYỄN NGỌC ÁNH      | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 4.25 |         |
| 27  | 080027 | 022310007221 | NGUYỄN THỊ MINH ÁNH  | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 3.25 |         |
| 28  | 080028 | 022310006993 | PHAN NGỌC ÁNH        | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 3.0  |         |
| 29  | 080029 | 022310005503 | TRẦN THỊ NGỌC ÁNH    | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 2.5  |         |
| 30  | 080030 | 022210008043 | LƯƠNG XUÂN BÁ        | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 2.5  |         |
| 31  | 080031 | 022310005476 | ĐẶNG THỊ BẠCH        | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 3.0  |         |
| 32  | 080032 | 022210005374 | PHẠM QUỐC BẢO        | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 4.25 |         |
| 33  | 080033 | 022210004321 | TRẦN QUANG GIA BẢO   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 4.5  |         |
| 34  | 080034 | 022310000458 | CAO HOÀNG HẠ BĂNG    | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 7.75         | 6.6   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |       |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 35  | 080035 | 022310009493 | LÝ NHẬT KIM    | BẮNG  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 6.75 |          |
| 36  | 080036 | 022210011487 | HOÀNG TRỌNG    | BÌNH  | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.0  |          |
| 37  | 080037 | 022310005660 | NGUYỄN KIM     | BÌNH  | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 7.0  |          |
| 38  | 080038 | 022210004128 | PHẠM VĂN       | BÌNH  | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 3.75 |          |
| 39  | 080039 | 022310005686 | ĐINH THỊ NGỌC  | BÍNH  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 3.5  |          |
| 40  | 080040 | 022210011363 | HOÀNG VĂN      | CAO   | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 2.25         | 4.4   | 3.75 |          |
| 41  | 080041 | 022310005382 | LÊNH A         | CẨM   | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 4.75 |          |
| 42  | 080042 | 022310003547 | TRỊNH THANH    | CHĂM  | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 3.5  |          |
| 43  | 080043 | 022310008026 | NGUYỄN TÔ HOÀN | CHÂU  | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.0          | 4.0   | 3.25 |          |
| 44  | 080044 | 022310001077 | CAO THUY       | CHI   | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 4.5  |          |
| 45  | 080045 | 022310007350 | ĐẶNG THỊ KHÁNH | CHI   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 2.25 |          |
| 46  | 080046 | 022210009038 | CHÍU CHẶN      | CHIẾN | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 4.75 |          |
| 47  | 080047 | 022210005729 | NGUYỄN LƯƠNG   | CHIẾN | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.75 |          |
| 48  | 080048 | 022310010173 | LƯƠNG THANH    | CHỨC  | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 4.25 |          |
| 49  | 080049 | 022210002289 | VŨ TIỀN        | CHỨC  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 6.8   | 4.0  |          |
| 50  | 080050 | 022210007272 | ĐINH VĂN       | CƯỜNG | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 1.0          | 2.6   | 4.25 |          |
| 51  | 080051 | 022210005992 | NÔNG ĐỨC       | CƯỜNG | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 4.75 |          |
| 52  | 080052 | 022310005490 | PHẠM BÁCH      | DIỆP  | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.5  |          |
| 53  | 080053 | 022210008302 | LÊ VĂN         | DUẢN  | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 1.5          | 6.0   | 4.0  |          |
| 54  | 080054 | 022310007390 | DUỖNG THỊ THUY | DUNG  | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.75 |          |
| 55  | 080055 | 022310002987 | VŨ THỊ THUY    | DUNG  | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 2.5  |          |
| 56  | 080056 | 022210007106 | HÀ VIỆT        | DỪNG  | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 57  | 080057 | 022210011828 | HOÀNG MINH     | DỪNG  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 2.25         | 6.4   | 4.5  |          |
| 58  | 080058 | 022210004733 | VŨ VIỆT        | DỪNG  | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 2.0          | 6.0   | 4.25 |          |
| 59  | 080059 | 022210005413 | VŨ XUÂN        | DỪNG  | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 6.0  |          |
| 60  | 080060 | 022210002016 | LÊ HOÀNG       | DUY   | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 5.75 |          |
| 61  | 080061 | 022210002895 | TY HAI         | DUY   | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 5.0  |          |
| 62  | 080062 | 022310009857 | NGUYỄN CẨM     | DUYÊN | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 8.0   | 5.5  |          |
| 63  | 080063 | 022210002152 | LÝ THANH       | DỰ    | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.0          | 6.2   | 4.75 |          |
| 64  | 080064 | 022210003677 | HÀ ĐẠI         | DƯƠNG | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.75 |          |
| 65  | 080065 | 022210006178 | HOÀNG ĐỨC      | DƯƠNG | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 66  | 080066 | 022210004021 | TRẦN TÙNG      | DƯƠNG | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 5.0  |          |
| 67  | 080067 | 022210006245 | TY VIỆT        | DƯƠNG | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 5.25 |          |
| 68  | 080068 | 022210001114 | DƯƠNG TIỀN     | ĐẠT   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 7.25 |          |
| 69  | 080069 | 022210006724 | ĐINH TRỌNG     | ĐẠT   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.0          | 7.2   | 3.5  |          |
| 70  | 080070 | 022210006601 | ĐINH TUẤN      | ĐẠT   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 9.0  |          |
| 71  | 080071 | 022210010939 | NGUYỄN TIỀN    | ĐẠT   | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 4.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 72  | 080072 | 022210007328 | PHẠM LÊ ĐẠT           | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 7.5  |         |
| 73  | 080073 | 022210011709 | PHẠM KHÁNH ĐĂNG       | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.0  |         |
| 74  | 080074 | 022310006964 | VŨ THAO ĐOAN          | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 3.75 |         |
| 75  | 080075 | 022210002827 | ĐẶNG MINH ĐỨC         | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.75         | 3.6   | 7.5  |         |
| 76  | 080076 | 022210001571 | ĐẶNG XUÂN ĐỨC         | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.0          | 2.6   | 3.5  |         |
| 77  | 080077 | 022210010404 | LỖ A ĐỨC              | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 0.75 |         |
| 78  | 080078 | 022210011870 | NGUYỄN HỮU ĐỨC        | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.75 |         |
| 79  | 080079 | 022210011070 | NGUYỄN MINH ĐỨC       | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 7.0  |         |
| 80  | 080080 | 022210002239 | NGUYỄN TRUNG ĐỨC      | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 2.5  |         |
| 81  | 080081 | 022210005077 | TÔ MINH ĐỨC           | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 1.5  |         |
| 82  | 080082 | 022210008217 | VI MINH ĐỨC           | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 5.75 |         |
| 83  | 080083 | 022210008275 | HOÀNG VĂN ĐƯỢC        | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 2.5  |         |
| 84  | 080084 | 022310005930 | ĐOÀN HÀ GIANG         | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.75 |         |
| 85  | 080085 | 022310002617 | HOÀNG THỊ HUƠNG GIANG | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.25         | 3.2   | 3.0  |         |
| 86  | 080086 | 022310003884 | NGÔ THỊ HÀ GIANG      | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 5.25 |         |
| 87  | 080087 | 022310007782 | BÙI THANH HÀ          | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 4.25 |         |
| 88  | 080088 | 022310011681 | CHỈU THANH HÀ         | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 6.0  |         |
| 89  | 080089 | 022210009261 | ĐỖ THANH HÀ           | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.0          | 5.0   | 4.25 |         |
| 90  | 080090 | 022310009577 | HOÀNG NGỌC HÀ         | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 7.75 |         |
| 91  | 080091 | 022310010319 | HOÀNG THỊ NGÂN HÀ     | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 6.25 |         |
| 92  | 080092 | 022310006533 | LƯƠNG THỊ HÀ          | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 4.25 |         |
| 93  | 080093 | 022310008552 | LỖ MINH HÀ            | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 5.25 |         |
| 94  | 080094 | 022310002441 | LỖ THỊ KHÁNH HÀ       | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 5.5  |         |
| 95  | 080095 | 022310002842 | NGUYỄN NGỌC HÀ        | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 2.25 |         |
| 96  | 080096 | 022310003833 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ    | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 4.5  |         |
| 97  | 080097 | 022310011962 | NGUYỄN THỊ THU HÀ     | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 2.25 |         |
| 98  | 080098 | 022310006845 | CHỈU KIM HẢI          | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 6.0  |         |
| 99  | 080099 | 022210007441 | LÊ XUÂN HẢI           | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 4.0  |         |
| 100 | 080100 | 022210003757 | NGUYỄN HOÀNG HẢI      | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 4.2   | 3.75 |         |
| 101 | 080101 | 022210008496 | NGUYỄN MINH HẢI       | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 1.25         | 3.6   | 2.5  |         |
| 102 | 080102 | 022310008581 | PHÚN THỊ DIỄM HẠNH    | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 2.25         | 2.4   | 4.25 |         |
| 103 | 080103 | 022310010522 | SẺN THỊ THU HẠNH      | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 4.25 |         |
| 104 | 080104 | 042210001582 | LÊ HỮU ANH HẢO        | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 2.0  |         |
| 105 | 080105 | 022210006318 | NGUYỄN ANH HẠO        | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 1.0          | 2.8   | 4.5  |         |
| 106 | 080106 | 022310001298 | ĐẶNG THANH HẰNG       | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 1.5          | 4.6   | 3.25 |         |
| 107 | 080107 | 022310004360 | TÔ HÀ NGỌC HÂN        | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 4.0  |         |
| 108 | 080108 | 022310005961 | NGUYỄN THỊ HẬU        | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 5.75 |         |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 109 | 080109 | 022310006423 | VŨ THỊ HIỀN            | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.0  |          |
| 110 | 080110 | 022310007118 | TRẦN THANH HIỀN        | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 2.25         | 2.2   | 1.75 |          |
| 111 | 080111 | 022210003261 | HIỀN QUANG HIỆP        | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 1.5          | 4.8   | 4.75 |          |
| 112 | 080112 | 022210012203 | BÙI TRỌNG HIẾU         | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 4.0  |          |
| 113 | 080113 | 022210004989 | HOÀNG MINH HIẾU        | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 5.0  |          |
| 114 | 080114 | 022210003475 | HOÀNG VŨ TRUNG HIẾU    | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 7.75 |          |
| 115 | 080115 | 022209000566 | LÊ TRUNG HIẾU          | 06/09/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 116 | 080116 | 022210001630 | NGUYỄN MINH HIẾU       | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 2.75 |          |
| 117 | 080117 | 022210008317 | NGUYỄN MINH HIẾU       | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 118 | 080118 | 022210006056 | PHẠM ĐỨC HIẾU          | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.5  |          |
| 119 | 080119 | 022210009889 | PHẠM TRÍ HIẾU          | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 7.25 |          |
| 120 | 080120 | 022310001567 | VŨ THỊ HOA             | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.25         | 6.2   | 2.5  |          |
| 121 | 080121 | 022210009578 | HOÀNG VÂN HÒA          | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 3.5  |          |
| 122 | 080122 | 022310002229 | HOÀNG THỊ HOÀN         | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 3.75 |          |
| 123 | 080123 | 022210001409 | NGUYỄN VIỆT HOÀNG      | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.5  |          |
| 124 | 080124 | 022210002419 | TRỊNH VIỆT HOÀNG       | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.0  |          |
| 125 | 080125 | 022210008945 | TY VIỆT HOÀNG          | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.25 |          |
| 126 | 080126 | 022210013176 | VŨ VIỆT HOÀNG          | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 3.75 |          |
| 127 | 080127 | 022210003174 | LÝ THIÊN HỒ            | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 4.25 |          |
| 128 | 080128 | 020310006547 | TRẦN THỊ KIM HỒNG      | 07/01/2010 | Lạng Sơn   | Nữ        | Tày              | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 5.5  |          |
| 129 | 080129 | 022210001446 | TY THẾ HON             | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.75 |          |
| 130 | 080130 | 022210003255 | HOÀNG PHI HÙNG         | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.5          | 4.8   | 6.25 |          |
| 131 | 080131 | 022210007103 | CHỊU TIẾN HUY          | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 6.25 |          |
| 132 | 080132 | 022210007933 | CHỊU VĂN HUY           | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.25 |          |
| 133 | 080133 | 022210005489 | CHU QUANG HUY          | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 5.0  |          |
| 134 | 080134 | 022210000632 | ĐẶNG QUANG HUY         | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 7.0  |          |
| 135 | 080135 | 022210010971 | ĐỖ QUỐC HUY            | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.0          | 6.0   | 6.25 |          |
| 136 | 080136 | 022210002396 | HÀ GIA HUY             | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.75         | 6.6   | 5.75 |          |
| 137 | 080137 | 022210001882 | HOÀNG MẠNH HUY         | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 5.25 |          |
| 138 | 080138 | 022210002570 | LÀU GIA HUY            | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.75 |          |
| 139 | 080139 | 022210001296 | MAI XUÂN HUY           | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.5          | 6.0   | 3.75 |          |
| 140 | 080140 | 027210012523 | NGUYỄN LÊ GIA HUY      | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 7.0  |          |
| 141 | 080141 | 022210004234 | NGUYỄN NGỌC HUY        | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.25 |          |
| 142 | 080142 | 022210011641 | NGUYỄN QUANG HUY       | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 4.5  |          |
| 143 | 080143 | 022210001260 | NGUYỄN VŨ QUANG HUY    | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 8.75 |          |
| 144 | 080144 | 022310004435 | LÊ THANH HUYỀN         | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 3.75 |          |
| 145 | 080145 | 022310007570 | NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.5  |          |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                |        |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 146 | 080146 | 022310003550 | SẼN THU        | HUYỀN  | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.5  |         |
| 147 | 080147 | 022210002575 | ĐÌNH GIA       | HÙNG   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 6.0  |         |
| 148 | 080148 | 022210002415 | HÀ QUANG       | HÙNG   | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 8.75 |         |
| 149 | 080149 | 022210008851 | LẠI DUY        | HÙNG   | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.0  |         |
| 150 | 080150 | 022210003517 | LƯƠNG VIỆT     | HÙNG   | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.75 |         |
| 151 | 080151 | 022210001363 | NGUYỄN HOÀNG   | HÙNG   | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 0.25         | 3.8   | 5.0  |         |
| 152 | 080152 | 022210002985 | NGUYỄN THÀNH   | HÙNG   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 3.0  |         |
| 153 | 080153 | 022210000496 | PHẠM GIA       | HÙNG   | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 5.0  |         |
| 154 | 080154 | 022210001549 | TY VIỆT        | HÙNG   | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.5  |         |
| 155 | 080155 | 022210011001 | VŨ THÁI        | HÙNG   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.75 |         |
| 156 | 080156 | 022310008104 | ĐÌNH THỊ QUỲNH | HƯƠNG  | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 5.25 |         |
| 157 | 080157 | 022310009334 | NGUYỄN QUỲNH   | HƯƠNG  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 2.5  |         |
| 158 | 080158 | 022310001523 | PHAN THỊ ÁNH   | HƯƠNG  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 2.5          | 1.2   | 3.75 |         |
| 159 | 080159 | 022210002241 | BÙI DUY        | KHÁNH  | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 1.5          | 2.4   | 1.75 |         |
| 160 | 080160 | 022210012416 | HOÀNG ĐĂNG     | KHÁNH  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 5.25 |         |
| 161 | 080161 | 022310002226 | HOÀNG TUỆ      | KHÁNH  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 7.0  |         |
| 162 | 080162 | 022310011696 | LÀU NGỌC       | KHÁNH  | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu            | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.25 |         |
| 163 | 080163 | 022210003931 | TRIỆU GIA      | KHÁNH  | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.25 |         |
| 164 | 080164 | 022210008687 | VŨ QUỐC        | KHÁNH  | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 5.0  |         |
| 165 | 080165 | 022210000199 | PHẠM GIA       | KHIÊM  | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 6.0  |         |
| 166 | 080166 | 022210003016 | BÙI VĂN        | KHIÊN  | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 6.25 |         |
| 167 | 080167 | 022210002498 | PHẠM NĂNG      | KHIẾU  | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 5.0  |         |
| 168 | 080168 | 022210010653 | TRẦN ĐĂNG      | KHOA   | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.2   | 2.25 |         |
| 169 | 080169 | 022210004919 | ĐẶNG NGUYỄN    | KHÔI   | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 4.0  |         |
| 170 | 080170 | 022310005891 | CHU THỊ HÀ     | KHUYÊN | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 5.75 |         |
| 171 | 080171 | 022210001173 | ĐÀO TRUNG      | KIÊN   | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.25 |         |
| 172 | 080172 | 022210001911 | HOÀNG TRUNG    | KIÊN   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.0  |         |
| 173 | 080173 | 022210007014 | LƯƠNG TUẤN     | KIỆT   | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 5.25 |         |
| 174 | 080174 | 022310009635 | ĐÌNH THỊ VÂN   | KIẾU   | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 5.5  |         |
| 175 | 080175 | 030210013738 | HÀ DUY         | KIM    | 06/02/2010 | Hải Dương  | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 1.0          | 2.6   | 2.5  |         |
| 176 | 080176 | 022310006166 | ĐÌNH TÙNG      | LAM    | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 7.5  |         |
| 177 | 080177 | 022310006494 | LA HIỂU        | LAM    | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 7.5          | 4.4   | 6.25 |         |
| 178 | 080178 | 022310010402 | LA THỊ NGỌC    | LAN    | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 1.75 |         |
| 179 | 080179 | 070310005613 | NÔNG ĐẶNG HÀ   | LAN    | 01/01/2010 | Bình Phước | Nữ        | Tày                | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.5  |         |
| 180 | 080180 | 022210004914 | NGUYỄN HÀ      | LÂM    | 27/09/2010 | Hà Nội     | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 4.75 |         |
| 181 | 080181 | 022210010594 | TRIỆU HOÀNG    | LÂM    | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.5  |         |
| 182 | 080182 | 022310005510 | ĐẶNG THUY      | LINH   | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 2.25 |         |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 183 | 080183 | 022310005738 | ĐỒNG DIỆU LINH        | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 2.75 |         |
| 184 | 080184 | 022310011362 | HOÀNG NGỌC LINH       | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 4.25 |         |
| 185 | 080185 | 022310006957 | HOÀNG THẢO LINH       | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 7.0  |         |
| 186 | 080186 | 022310004419 | HOÀNG THỊ KIỀU LINH   | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 4.25 |         |
| 187 | 080187 | 022310010356 | HOÀNG THÙY LINH       | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 1.75 |         |
| 188 | 080188 | 022310010600 | LÊ THỊ LINH           | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 6.25 |         |
| 189 | 080189 | 022310005261 | LƯƠNG GIA LINH        | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 6.25 |         |
| 190 | 080190 | 022310008365 | LỖ NGỌC LINH          | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 5.25 |         |
| 191 | 080191 | 037310003815 | MAI NGỌC LINH         | 23/12/2010 | Ninh Bình  | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 6.0  |         |
| 192 | 080192 | 022310009538 | NGUYỄN HÀ SAO LINH    | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 3.25 |         |
| 193 | 080193 | 022310002399 | NGUYỄN KHÁNH LINH     | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 4.25 |         |
| 194 | 080194 | 022310003055 | NGUYỄN LÊ HÀ LINH     | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 4.0  |         |
| 195 | 080195 | 022310001893 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 1.25         | 2.0   | 1.5  |         |
| 196 | 080196 | 022310008223 | PHẠM DIỆU LINH        | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 3.75 |         |
| 197 | 080197 | 022310009685 | SỬU KHÁNH LINH        | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu            | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 3.5  |         |
| 198 | 080198 | 022210010980 | CHÌU VĂN LONG         | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.25 |         |
| 199 | 080199 | 022210002767 | ĐÌNH HOÀNG LONG       | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 2.25 |         |
| 200 | 080200 | 022210008504 | LIÊU VĂN LONG         | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.5          | 3.2   | 2.5  |         |
| 201 | 080201 | 022210012381 | ĐÌNH SƠN LỘC          | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 9.6   | 7.5  |         |
| 202 | 080202 | 022210012482 | NỀNH ĐƯỜNG LỘC        | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.25         | 6.8   | 4.25 |         |
| 203 | 080203 | 022210001436 | VI THANH LỢI          | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 3.75 |         |
| 204 | 080204 | 022210000510 | NGUYỄN DANH LUÂN      | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.75         | 5.2   | 5.0  |         |
| 205 | 080205 | 022310010079 | PHÚN THỊ LUYẾN        | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 3.5  |         |
| 206 | 080206 | 022310005947 | HOÀNG NGỌC LY         | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 6.25 |         |
| 207 | 080207 | 022310006322 | LỖ THỊ THẢO LY        | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.25 |         |
| 208 | 080208 | 037310003112 | NGUYỄN HƯƠNG THẢO LY  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 3.0  |         |
| 209 | 080209 | 022310001378 | TRẦN LÊ KHÁNH LY      | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 5.5  |         |
| 210 | 080210 | 022310008253 | TRẦN THỊ KHÁNH LY     | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 4.75 |         |
| 211 | 080211 | 022310004662 | LỖ HIỆU MAI           | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 4.5  |         |
| 212 | 080212 | 022310011158 | NÔNG TUYẾT MAI        | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 2.75 |         |
| 213 | 080213 | 022310004835 | PHẠM THỊ THANH MAI    | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 5.75 |         |
| 214 | 080214 | 022310011287 | SÊN THỊ XUÂN MAI      | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 4.25 |         |
| 215 | 080215 | 022210011927 | BÙI ĐỨC MẠNH          | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 3.75 |         |
| 216 | 080216 | 022210007943 | ĐẶNG DUY MẠNH         | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 4.75 |         |
| 217 | 080217 | 022210009429 | HOÀNG TIẾN MẠNH       | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 7.5  |         |
| 218 | 080218 | 022210007168 | LỖ ĐỨC MẠNH           | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 0.75         | 2.8   | 2.5  |         |
| 219 | 080219 | 022210004443 | TRIỆU TIẾN MẠNH       | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 0.75         | 3.4   | 4.5  |         |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 220 | 080220 | 022210009060 | ĐÀO ĐỨC MINH          | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.25         | 2.0   | 6.0  |          |
| 221 | 080221 | 022210005784 | HOÀNG ANH MINH        | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 7.0  |          |
| 222 | 080222 | 022210007523 | NGUYỄN ĐỨC MINH       | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 2.5  |          |
| 223 | 080223 | 022310001449 | NGUYỄN THỊ BÌNH MINH  | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 7.75         | 5.2   | 6.25 |          |
| 224 | 080224 | 022210012124 | NGUYỄN VĂN ANH MINH   | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 2.5          | 2.0   | 1.75 |          |
| 225 | 080225 | 022210010225 | TRỊNH BÌNH MINH       | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.25 |          |
| 226 | 080226 | 022210000438 | VŨ HẢI MINH           | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 4.25 |          |
| 227 | 080227 | 022310001867 | LÊ HÀ MY              | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 8.0  |          |
| 228 | 080228 | 022310009214 | VŨ TRÀ MY             | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 5.75 |          |
| 229 | 080229 | 022310004449 | ĐỒNG THỊ NGỌC MỸ      | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 4.5  |          |
| 230 | 080230 | 022210002841 | ĐẶNG HẢI NAM          | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.5  |          |
| 231 | 080231 | 022210013174 | ĐỖ HỒNG NAM           | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 4.75 |          |
| 232 | 080232 | 022210004895 | PHẠM THÀNH NAM        | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 5.75 |          |
| 233 | 080233 | 022210003760 | TY THÀNH NAM          | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 234 | 080234 | 022310005845 | ĐẶNG THỊ QUỲNH NGA    | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 6.5  |          |
| 235 | 080235 | 022310002945 | NINH THỊ THÚY NGA     | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 1.5          | 2.4   |      | Vắng thi |
| 236 | 080236 | 022310011722 | TÀNG THỊ NGA          | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 5.25 |          |
| 237 | 080237 | 022310010737 | ĐINH THÚY NGÀ         | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 7.25         | 3.2   | 4.25 |          |
| 238 | 080238 | 022310006140 | ĐẶNG THỊ THU NGÂN     | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 239 | 080239 | 022210008046 | HOÀNG VĂN NGHĨA       | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 2.75 |          |
| 240 | 080240 | 022210005424 | HOÀNG XUÂN NGHĨA      | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 1.25         | 3.0   | 3.25 |          |
| 241 | 080241 | 022210007116 | NGUYỄN TRUNG NGHĨA    | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 2.25         | 5.4   | 4.5  |          |
| 242 | 080242 | 022310005759 | ĐẶNG THIÊN NGỌC       | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 5.25         | 9.2   | 7.5  |          |
| 243 | 080243 | 022310006548 | HOÀNG ÁNH NGỌC        | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 3.75 |          |
| 244 | 080244 | 022310007410 | HOÀNG LƯƠNG BÍCH NGỌC | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 4.75 |          |
| 245 | 080245 | 022310006980 | HOÀNG THỊ NGỌC        | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 6.0  |          |
| 246 | 080246 | 022310007621 | LÊ ÁNH NGỌC           | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 5.75 |          |
| 247 | 080247 | 022310008006 | LÊ KHÁNH NGỌC         | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 7.25 |          |
| 248 | 080248 | 022310001799 | NGUYỄN HỒNG NGỌC      | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.25 |          |
| 249 | 080249 | 022310010050 | NGUYỄN THỊ NGỌC       | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.25 |          |
| 250 | 080250 | 022310005298 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC  | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 251 | 080251 | 022310011597 | PHẠM ÁNH NGỌC         | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.5          | 2.4   | 4.0  |          |
| 252 | 080252 | 022210005821 | PHAN THANH NGỌC       | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.0  |          |
| 253 | 080253 | 022310004112 | TRẦN BẢO NGỌC         | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa                | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.0  |          |
| 254 | 080254 | 022309012403 | HOÀNG THẢO NGUYỄN     | 20/04/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 5.0  |          |
| 255 | 080255 | 022310011660 | ĐẶNG THỊ NHƯ NGUYỆT   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 8.4   | 5.5  |          |
| 256 | 080256 | 022310000940 | ĐẶNG HIỆU NHẢ         | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 5.5  |          |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 257 | 080257 | 022310002242 | NGUYỄN THỊ THANH | NHÀN   | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 7.0  |          |
| 258 | 080258 | 022210000859 | HOÀNG LONG       | NHẬT   | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.5          | 2.2   | 2.75 |          |
| 259 | 080259 | 022310005385 | BÙI YẾN          | NHI    | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 4.75 |          |
| 260 | 080260 | 022310010569 | ĐINH THẢO        | NHI    | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 10.0  | 7.0  |          |
| 261 | 080261 | 022310007045 | ĐỒNG THỊ ĐÔNG    | NHI    | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 4.75 |          |
| 262 | 080262 | 022310000459 | NGÔ QUỲNH        | NHI    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 4.75 |          |
| 263 | 080263 | 022310007072 | PHẠM YẾN         | NHI    | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 4.0  |          |
| 264 | 080264 | 022310001233 | PHAN THỊ YẾN     | NHI    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 1.75         | 2.2   | 2.25 |          |
| 265 | 080265 | 022310010897 | CHU THỊ TÂM      | NHƯ    | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng               | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 6.0  |          |
| 266 | 080266 | 022310005304 | DUƠNG QUỲNH      | NHƯ    | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 6.0  |          |
| 267 | 080267 | 022310008150 | NÈNH THỊ QUỲNH   | NHƯ    | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 5.0  |          |
| 268 | 080268 | 022310008455 | LÊ NGỌC          | NƯỞNG  | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 3.0  |          |
| 269 | 080269 | 022310008290 | TRƯƠNG THỊ KIM   | OANH   | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 270 | 080270 | 022210011304 | LÊ TRƯỜNG        | PHONG  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 8.0  |          |
| 271 | 080271 | 022210005420 | NGUYỄN KIẾN      | PHONG  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 4.75 |          |
| 272 | 080272 | 022210003592 | PHẠM NAM         | PHONG  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 5.25 |          |
| 273 | 080273 | 022210004739 | ĐẶNG TIẾN        | PHÚ    | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.0          | 6.0   | 5.0  |          |
| 274 | 080274 | 022210001202 | ĐINH HOÀNG       | PHÚC   | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 6.5  |          |
| 275 | 080275 | 022310005215 | NGUYỄN THỊ       | PHÚC   | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 5.75 |          |
| 276 | 080276 | 022210000714 | TRẦN TRỌNG       | PHÚC   | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.25         | 2.4   | 7.0  |          |
| 277 | 080277 | 022210010719 | ĐINH HỮU         | PHƯỚC  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 7.25 |          |
| 278 | 080278 | 022310010499 | CHẠC THỊ         | PHƯƠNG | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 2.75 |          |
| 279 | 080279 | 022310007671 | LÊ MAI           | PHƯƠNG | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 7.75 |          |
| 280 | 080280 | 022210011277 | NGUYỄN NGỌC      | PHƯƠNG | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 5.25         | 1.8   | 6.0  |          |
| 281 | 080281 | 022310010648 | NGUYỄN PHẠM MINH | PHƯƠNG | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.75 |          |
| 282 | 080282 | 022310006850 | NGUYỄN THU       | PHƯƠNG | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.25         | 2.8   | 4.25 |          |
| 283 | 080283 | 022310004565 | TY HÀ            | PHƯƠNG | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.75 |          |
| 284 | 080284 | 022210000639 | VŨ KHÁNH         | PHƯƠNG | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 1.75         | 3.6   | 3.75 |          |
| 285 | 080285 | 022310011327 | ĐẶNG THỊ KIM     | PHƯƠNG | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 286 | 080286 | 022210003212 | PHẠM VĂN         | QUANG  | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 5.5  |          |
| 287 | 080287 | 022210008390 | CHU MINH         | QUÂN   | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng               | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.75         | 2.6   | 5.25 |          |
| 288 | 080288 | 022210006750 | LÊ ANH           | QUÂN   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 7.25 |          |
| 289 | 080289 | 022210009552 | NGUYỄN TRUNG     | QUÂN   | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 2.5  |          |
| 290 | 080290 | 022210003758 | TRẦN MINH        | QUÂN   | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 1.5          | 3.4   | 4.5  |          |
| 291 | 080291 | 022310008583 | LÀU LỆ           | QUYÊN  | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu            | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 4.5  |          |
| 292 | 080292 | 022210003464 | ĐINH HOÀNG       | QUYÊN  | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 1.5          | 2.0   | 3.0  |          |
| 293 | 080293 | 022210004996 | TRẠC MẠNH        | QUYẾT  | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.5          | 2.4   | 4.5  |          |



Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 294 | 080294 | 022310010323 | ĐINH NHƯ          | QUỖNH | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 5.0  |         |
| 295 | 080295 | 022310008498 | TÔ HƯƠNG          | QUỖNH | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng               | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 4.25 |         |
| 296 | 080296 | 022310008911 | TRẦN THỊ NHƯ      | QUỖNH | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.5  |         |
| 297 | 080297 | 022310007518 | TRỊNH THỊ NHƯ     | QUỖNH | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 4.0  |         |
| 298 | 080298 | 022310005100 | VŨ NHƯ            | QUỖNH | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 6.0  |         |
| 299 | 080299 | 022310010950 | HOÀNG THỊ SAN     | SAN   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 1.75         | 4.8   | 5.25 |         |
| 300 | 080300 | 022310011658 | LÊ THỊ            | SEN   | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.0  |         |
| 301 | 080301 | 022210006924 | DUƠNG VŨ THÁI     | SƠN   | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 2.0          | 5.0   | 4.5  |         |
| 302 | 080302 | 022210002329 | ĐINH NGUYỄN TÙNG  | SƠN   | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 4.75 |         |
| 303 | 080303 | 022210006035 | HOÀNG NGUYỄN      | SƠN   | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.75         | 4.8   | 4.0  |         |
| 304 | 080304 | 022210002636 | NGUYỄN NGỌC THANH | SƠN   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.25         | 4.6   | 3.25 |         |
| 305 | 080305 | 022210008073 | BÙI ANH           | TÀI   | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.25         | 4.2   | 4.0  |         |
| 306 | 080306 | 022210004360 | DỊP MINH          | TÂM   | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu            | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 3.5  |         |
| 307 | 080307 | 022310001896 | LUƠNG THỊ MỸ      | TÂM   | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.0          | 2.4   | 3.75 |         |
| 308 | 080308 | 022310008074 | SỬU NGÂN          | TÂM   | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.25 |         |
| 309 | 080309 | 022310004797 | TRẦN THỊ MỸ       | TÂM   | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 4.5  |         |
| 310 | 080310 | 022210002102 | VŨ TRỌNG          | TÂN   | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 4.5  |         |
| 311 | 080311 | 022210006742 | HOÀNG HỒNG        | THÁI  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 3.5  |         |
| 312 | 080312 | 022210005096 | LÊ DUY            | THÁI  | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 5.25 |         |
| 313 | 080313 | 022310009277 | HOÀNG YẾN         | THANH | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 4.0  |         |
| 314 | 080314 | 022310004647 | LỖ NGỌC           | THANH | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 4.5  |         |
| 315 | 080315 | 022210008256 | HÀ TRUNG          | THÀNH | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 7.5  |         |
| 316 | 080316 | 022210010111 | NINH XUÂN         | THÀNH | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 0.5          | 3.2   | 3.75 |         |
| 317 | 080317 | 022210004149 | PHẠM MINH         | THÀNH | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 5.75 |         |
| 318 | 080318 | 022210002194 | PHẠM TIẾN         | THÀNH | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.0  |         |
| 319 | 080319 | 022210004037 | TY QUANG          | THÀNH | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 2.25 |         |
| 320 | 080320 | 022310005898 | ĐẶNG THANH        | THẢO  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 4.25         | 5.8   | 4.25 |         |
| 321 | 080321 | 022310002388 | NGUYỄN HÀ PHƯƠNG  | THẢO  | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 6.0  |         |
| 322 | 080322 | 022310004178 | NGUYỄN NHƯ        | THẢO  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 8.0  |         |
| 323 | 080323 | 022310007497 | NGUYỄN THỊ        | THẢO  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.5          | 3.4   | 3.25 |         |
| 324 | 080324 | 022310005084 | PHẠM TRẦN PHƯƠNG  | THẢO  | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.25 |         |
| 325 | 080325 | 022310009583 | TÀNG THỊ          | THẢO  | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 3.5  |         |
| 326 | 080326 | 022210008387 | LÊ HỮU            | THẮNG | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 4.5  |         |
| 327 | 080327 | 022210010654 | NGUYỄN ĐỨC        | THỊNH | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 4.25 |         |
| 328 | 080328 | 022210001343 | LÊ HIỆU           | THỌ   | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.0  |         |
| 329 | 080329 | 022310001252 | BÙI ANH           | THƠ   | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.5          | 6.4   | 6.25 |         |
| 330 | 080330 | 022310006736 | TY THỊ ANH        | THƠ   | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 5.25 |         |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 331 | 080331 | 022310006984 | HOÀNG THỊ THOM       | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 4.5  |         |
| 332 | 080332 | 022310011049 | ĐÌNH HOÀI THU        | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 4.75 |         |
| 333 | 080333 | 022310008122 | LÊ THỊ THU           | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 2.75 |         |
| 334 | 080334 | 022310005674 | LỖY KIM THU          | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 1.5          | 5.0   | 4.25 |         |
| 335 | 080335 | 022310012571 | PHẠM THỊ THU         | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 3.75 |         |
| 336 | 080336 | 022310005371 | HOÀNG THỊ THUỶ       | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 4.75 |         |
| 337 | 080337 | 022310005109 | HOÀNG THANH THUỶ     | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 4.0  |         |
| 338 | 080338 | 022310004961 | PHẠM PHƯƠNG THUỶ     | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 4.0  |         |
| 339 | 080339 | 022310004992 | ĐẶNG MINH THỦY       | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 3.25 |         |
| 340 | 080340 | 022310007014 | NGUYỄN THU THỦY      | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 2.75 |         |
| 341 | 080341 | 022310001733 | CHẠC THỊ THỦY        | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.25         | 2.4   | 2.5  |         |
| 342 | 080342 | 022310005729 | CHÍU THỊ THU THỦY    | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 5.25 |         |
| 343 | 080343 | 022310005014 | CHÍU THU THỦY        | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 4.5          | 7.8   | 5.25 |         |
| 344 | 080344 | 022310009567 | NGUYỄN THỊ THU THỦY  | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 2.75 |         |
| 345 | 080345 | 022310005661 | NGUYỄN THU THỦY      | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 5.25 |         |
| 346 | 080346 | 022310003691 | TRẦN THỊ MAI THỦY    | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 5.0  |         |
| 347 | 080347 | 022310006852 | BÙI THỊ ANH THƯ      | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 4.0  |         |
| 348 | 080348 | 022310004179 | ĐÌNH THỊ ANH THƯ     | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.0          | 3.8   | 2.0  |         |
| 349 | 080349 | 022310006912 | ĐÌNH THỊ MINH THƯ    | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 4.0  |         |
| 350 | 080350 | 022310004925 | HÀ THỊ ANH THƯ       | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 3.25 |         |
| 351 | 080351 | 022310002562 | HOÀNG MINH THƯ       | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 5.25 |         |
| 352 | 080352 | 077310007387 | NGUYỄN ANH THƯ       | 17/07/2010 | Bình Dương | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 4.75 |         |
| 353 | 080353 | 022310003999 | NGUYỄN ĐẶNG MINH THƯ | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 3.25 |         |
| 354 | 080354 | 022310004394 | TRẦN ANH THƯ         | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 0.25         | 2.4   | 3.0  |         |
| 355 | 080355 | 022310003140 | CHÍU HOÀI THƯƠNG     | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 3.5  |         |
| 356 | 080356 | 022310003935 | HOÀNG YẾN THƯƠNG     | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 4.0  |         |
| 357 | 080357 | 022310004523 | VŨ THỊ THƯƠNG        | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 2.75 |         |
| 358 | 080358 | 022210006714 | LỤC VĂN TIỀN         | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 4.5  |         |
| 359 | 080359 | 022310001828 | NGUYỄN THỦY TIỀN     | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 5.25 |         |
| 360 | 080360 | 022310010761 | TÔ NGỌC TIỀN         | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 4.75 |         |
| 361 | 080361 | 022310009320 | NGUYỄN THANH TIỀN    | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.75         | 4.6   | 2.5  |         |
| 362 | 080362 | 022210009810 | PHAN VĂN TIỀN        | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 1.5          | 4.6   | 3.0  |         |
| 363 | 080363 | 022210005500 | ĐÌNH QUỐC TOẢN       | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 4.5  |         |
| 364 | 080364 | 022310001158 | ĐÌNH THỊ THU TRÀ     | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 4.75 |         |
| 365 | 080365 | 022310012573 | BÙI THỊ THỦY TRANG   | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 3.5  |         |
| 366 | 080366 | 022310008803 | CHÈ QUỲNH TRANG      | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 3.75 |         |
| 367 | 080367 | 022310011541 | HỨA HÀ TRANG         | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 6.75 |         |

Đơn vị: Trường THPT Đàm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 368 | 080368 | 022310007882 | NGUYỄN THỊ HÀ     | TRANG  | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 3.0  |          |
| 369 | 080369 | 022310007742 | NGUYỄN THÙY       | TRANG  | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 3.5  |          |
| 370 | 080370 | 031310005347 | PHẠM NGUYỄN HUYỀN | TRANG  | 18/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 3.0  |          |
| 371 | 080371 | 022310009901 | PHẠM THÙY         | TRANG  | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 3.25 |          |
| 372 | 080372 | 022310001643 | LỖ THỊ THÙY       | TRÂM   | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 5.5  |          |
| 373 | 080373 | 022310009264 | TRIỆU HUYỀN       | TRÂM   | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 8.0  |          |
| 374 | 080374 | 022310002779 | VŨ THỊ QUỲNH      | TRÂM   | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 3.75 |          |
| 375 | 080375 | 022310008826 | NGUYỄN THỊ BẢO    | TRẦN   | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 5.25 |          |
| 376 | 080376 | 022210005377 | NGÔ HẢI           | TRIỀU  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 6.5  |          |
| 377 | 080377 | 022210002151 | BÙI VĂN           | TRỌNG  | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 2.0          | 5.2   | 4.5  |          |
| 378 | 080378 | 022310010145 | HOÀNG THANH       | TRÚC   | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 1.5  |          |
| 379 | 080379 | 022310009652 | TRẦN MAI PHƯƠNG   | TRÚC   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 7.75         | 5.0   | 6.5  |          |
| 380 | 080380 | 022210008828 | LÊ BẢO            | TRUNG  | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 6.75 |          |
| 381 | 080381 | 022210009857 | NGÔ THÀNH         | TRUNG  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 3.75 |          |
| 382 | 080382 | 022210007891 | NGUYỄN NHƯ        | TRUNG  | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 2.0  |          |
| 383 | 080383 | 022210005931 | PHẠM VĂN LÝ THÀNH | TRUNG  | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 3.25 |          |
| 384 | 080384 | 022210012399 | VŨƠNG NHẬT        | TRUNG  | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 8.2   | 6.5  |          |
| 385 | 080385 | 022210008909 | CHỈU HUY          | TRƯỜNG | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 1.75 |          |
| 386 | 080386 | 022210009211 | NGUYỄN CÔNG HUY   | TRƯỜNG | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng An        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 387 | 080387 | 022210008489 | NGUYỄN XUÂN       | TRƯỜNG | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 5.25 |          |
| 388 | 080388 | 022210002784 | PHẠM ANH          | TÚ     | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 3.0  |          |
| 389 | 080389 | 022210008821 | PHẠM VĂN          | TÚ     | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 6.5  |          |
| 390 | 080390 | 022210011250 | VŨ MINH           | TÚ     | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.75         | 1.8   | 3.75 |          |
| 391 | 080391 | 022210011561 | NGUYỄN ANH        | TUẤN   | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 392 | 080392 | 022210003690 | VŨ MINH           | TUẤN   | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 5.75 |          |
| 393 | 080393 | 022210007182 | NGÔ THANH         | TÙNG   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 4.0  |          |
| 394 | 080394 | 022210010560 | PHẠM VĂN          | TUYỀN  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 2.75         | 1.6   | 1.5  |          |
| 395 | 080395 | 022310003875 | PHAN THỊ          | TUYẾT  | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 396 | 080396 | 022210008895 | NGUYỄN THẾ MINH   | TƯ     | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 3.25 |          |
| 397 | 080397 | 022310008988 | NGUYỄN HOA CÁT    | TƯỜNG  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.75 |          |
| 398 | 080398 | 022310006153 | ĐINH THỊ          | UYÊN   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 5.25 |          |
| 399 | 080399 | 022310004845 | NGUYỄN THỊ        | UYÊN   | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS xã Đàm Hà       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 2.75 |          |
| 400 | 080400 | 022310004669 | PHAN TỐ           | UYÊN   | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.0  |          |
| 401 | 080401 | 022310009911 | ĐINH THANH        | VÂN    | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 2.5  |          |
| 402 | 080402 | 022310008901 | CHÍU THẢO         | VI     | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Lâm       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 4.0  |          |
| 403 | 080403 | 022310005994 | LÊ THỊ TƯỜNG      | VI     | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 3.75 |          |
| 404 | 080404 | 022310009259 | NGUYỄN NHẬT       | VI     | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đàm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 6.6   | 5.0  |          |

Đơn vị: Trường THPT Đầm Hà (22000701)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 405 | 080405 | 022310001024 | PHAN TUỜNG VI      | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.75         | 3.8   | 4.25 |         |
| 406 | 080406 | 022310001737 | VOÔNG THỊ KHÁNH VI | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 4.75 |         |
| 407 | 080407 | 022210003746 | HOÀNG TRÍ VĨ       | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dục Yên   | Tiếng Anh | 1.25         | 3.2   | 2.0  |         |
| 408 | 080408 | 022210008182 | PHẠM HÙNG VĨ       | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 3.5  |         |
| 409 | 080409 | 022310006419 | BÙI SINH VIÊN      | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Lập         | Tiếng Anh | 2.0          | 3.0   | 3.75 |         |
| 410 | 080410 | 022210005648 | NGUYỄN ĐỨC VIỆT    | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 1.0          | 4.0   | 3.5  |         |
| 411 | 080411 | 022210010075 | ĐÀO QUANG VINH     | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 4.25 |         |
| 412 | 080412 | 022210012425 | HOÀNG ANH VŨ       | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 3.75 |         |
| 413 | 080413 | 022210002183 | HOÀNG TÂN VŨ       | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 5.0  |         |
| 414 | 080414 | 022310011655 | CHU HA VY          | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 6.25 |         |
| 415 | 080415 | 022310007755 | ĐINH THẢO VY       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 4.5  |         |
| 416 | 080416 | 022310005011 | HOÀNG THỊ KIỀU VY  | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 3.5  |         |
| 417 | 080417 | 022310008518 | LÊ HOÀNG TUỜNG VY  | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.0          | 1.8   | 3.0  |         |
| 418 | 080418 | 022310010272 | NGUYỄN THẢO VY     | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.0  |         |
| 419 | 080419 | 022310010324 | TRẦN THỊ HÀ VY     | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 3.0  |         |
| 420 | 080420 | 022310007571 | VŨ THỊ TIÊU VY     | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 3.0          | 6.4   | 4.75 |         |
| 421 | 080421 | 022210011426 | LƯƠNG CHÍ VỸ       | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 2.5          | 4.6   | 3.75 |         |
| 422 | 080422 | 022310002756 | PHẠM THỊ THÚY XUÂN | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đại Bình  | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 4.5  |         |
| 423 | 080423 | 022310007929 | VOÔNG NGỌC XUYẾN   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Quảng An        | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 4.25 |         |
| 424 | 080424 | 022310006312 | ĐỒNG THỊ HẢI YẾN   | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân Bình        | Tiếng Anh | 3.5          | 2.0   | 5.75 |         |
| 425 | 080425 | 022310004511 | HOÀNG KIM YẾN      | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 5.5  |         |
| 426 | 080426 | 022310006231 | HOÀNG THU YẾN      | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 2.75 |         |
| 427 | 080427 | 022210013175 | LÊ HOÀNG YẾN       | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS xã Đầm Hà       | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 3.25 |         |
| 428 | 080428 | 022310008059 | NGUYỄN THỊ KIM YẾN | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quảng Tân       | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 5.75 |         |
| 429 | 080429 | 022310007022 | VŨ HOÀNG YẾN       | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS thị trấn Đầm Hà | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 6.25 |         |

(Danh sách này gồm có 429 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Bình Liêu (22000703)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-------|------------|------------|-----------|--------------------|-------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |       |            |            |           |                    |                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 090001 | 034310001018 | PHẠM AN        | AN    | 26/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 5.5  |          |
| 2   | 090002 | 022310011719 | GIÁP TRẦN VÂN  | ANH   | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.75 |          |
| 3   | 090003 | 022210011024 | HOÀNG VIỆT     | ANH   | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 4.75 |          |
| 4   | 090004 | 022310002019 | NGUYỄN PHƯƠNG  | ANH   | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 6.25 |          |
| 5   | 090005 | 022310011233 | PHÙNG THỊ VÂN  | ANH   | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 2.25 |          |
| 6   | 090006 | 022310003267 | TÔ QUỲNH       | ANH   | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 2.25 |          |
| 7   | 090007 | 022310005153 | TRẦN LÂM       | ANH   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.0  |          |
| 8   | 090008 | 022310004559 | TRIỆU QUỲNH    | ANH   | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 9   | 090009 | 022310004677 | CHU HỒNG       | ÁNH   | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 7.0  |          |
| 10  | 090010 | 022310011716 | LOAN NGỌC      | ÁNH   | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 3.5  |          |
| 11  | 090011 | 022310008630 | NINH THỊ HỒNG  | ÁNH   | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 1.5          | 2.2   | 1.75 |          |
| 12  | 090012 | 022310008857 | VƯƠNG THỊ NGỌC | ÁNH   | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 3.75 |          |
| 13  | 090013 | 022210005862 | MA THÀNH       | BÁCH  | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 2.75 |          |
| 14  | 090014 | 022310007730 | HOÀNG KHÁNH    | BẮNG  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.75         | 5.8   | 7.5  |          |
| 15  | 090015 | 022210006936 | LÀI PHÚC       | BẮNG  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 2.75 |          |
| 16  | 090016 | 022310011657 | TRẦN THỊ THÚY  | BÌNH  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 4.5  |          |
| 17  | 090017 | 022309004766 | NINH THỊ       | CHẶN  | 10/06/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 18  | 090018 | 022210008794 | NGUYỄN MINH    | CHÍ   | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 5.75 |          |
| 19  | 090019 | 022210002875 | PHÒNG MINH     | CHIẾN | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 6.0  |          |
| 20  | 090020 | 033209011806 | NGUYỄN VĂN     | CƯƠNG | 18/01/2009 | Hưng Yên   | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 2.25 |          |
| 21  | 090021 | 022310012045 | HÀ MAI CHÚC    | DIỄM  | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.25 |          |
| 22  | 090022 | 022310009195 | ĐÌNH NGỌC      | DIỆP  | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.25         | 5.6   | 2.75 |          |
| 23  | 090023 | 022210005100 | LÝ NHÂN        | DOANH | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.75 |          |
| 24  | 090024 | 022310005529 | GIÁP THỊ THÙY  | DUNG  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.0  |          |
| 25  | 090025 | 022310003030 | LA THỊ         | DUNG  | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 3.0  |          |
| 26  | 090026 | 022210012492 | LÊ MINH        | DỪNG  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.0  |          |
| 27  | 090027 | 022210012099 | LÝ NHÂN TRÍ    | DỪNG  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 5.5  |          |
| 28  | 090028 | 022210010988 | LÝ TIẾN        | DỪNG  | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 7.5  |          |
| 29  | 090029 | 022210003352 | HÀ SỈU         | DUY   | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 5.0  |          |
| 30  | 090030 | 022310010908 | LỤC THỊ        | DUYÊN | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.0  |          |
| 31  | 090031 | 022210010167 | HOÀNG VIỆT     | DƯƠNG | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 5.0  |          |
| 32  | 090032 | 022310009974 | PHẠM ÁNH       | DƯƠNG | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 5.0  |          |
| 33  | 090033 | 022210009884 | ĐÌNH XUÂN      | ĐẠT   | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 4.5  |          |
| 34  | 090034 | 022210001856 | ĐOÀN TIẾN      | ĐẠT   | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.5  |          |
| 35  | 090035 | 022210010636 | HOÀNG DUY      | ĐẠT   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 36  | 090036 | 022210009177 | HOÀNG THÀNH    | ĐẠT   | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 5.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bình Liêu (22000703)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|-------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 37  | 090037 | 022209005662 | LA THÀNH ĐẠT          | 08/01/2009 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 1.25 |          |
| 38  | 090038 | 022210012078 | LỖ VĨNH ĐẠT           | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 3.0  |          |
| 39  | 090039 | 022210001243 | VI TIẾN ĐẠT           | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.0          | 2.0   | 1.25 |          |
| 40  | 090040 | 022310003206 | VY THỊ ĐOAN           | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 2.5  |          |
| 41  | 090041 | 022210007055 | LƯƠNG NGỌC ĐOÀN       | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.0          | 2.0   | 4.75 |          |
| 42  | 090042 | 022210009349 | TRẦN VĨNH ĐỖ          | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 5.25 |          |
| 43  | 090043 | 022210002471 | HOÀNG TRUNG ĐỘ        | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 44  | 090044 | 022210011912 | LỖ SINH ĐÔNG          | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 3.25 |          |
| 45  | 090045 | 022210007457 | LỖ XUÂN ĐỨC           | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.75 |          |
| 46  | 090046 | 022210001399 | LỖ NHÂN ĐỨC           | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 5.75 |          |
| 47  | 090047 | 022210008858 | TRẦN QUANG ĐỨC        | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 5.5  |          |
| 48  | 090048 | 022310008163 | LA THỊ THẢO GIANG     | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 49  | 090049 | 022310006102 | PHẠM LẠI TRƯỜNG GIANG | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.5  |          |
| 50  | 090050 | 022210007661 | VI TIẾN GIANG         | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 2.25         | 5.4   | 2.75 |          |
| 51  | 090051 | 022310002230 | ĐẶNG NGỌC NGÂN HÀ     | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 4.75 |          |
| 52  | 090052 | 022310011374 | LỖ NGÂN HÀ            | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 5.0  |          |
| 53  | 090053 | 022310009357 | MA NGUYỄN HÀ          | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 5.0  |          |
| 54  | 090054 | 022310012574 | NGUYỄN THU HÀ         | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.5  |          |
| 55  | 090055 | 022310004223 | TÀNG THU HÀ           | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 2.25 |          |
| 56  | 090056 | 022310005659 | TÔ NGUYỄN THANH HÀ    | 14/11/2010 | Hà Tĩnh    | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 57  | 090057 | 022310009898 | TRẦN THU HÀ           | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 4.25 |          |
| 58  | 090058 | 022310002791 | LỖ THU HẠ             | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 5.25 |          |
| 59  | 090059 | 022310007785 | NGÔ KHÁNH HẠ          | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.66         | 4.8   | 6.75 |          |
| 60  | 090060 | 022310002633 | SẢN THỊ HAI           | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.5  |          |
| 61  | 090061 | 022210003292 | CHỈU VI HẢI           | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 1.5          | 4.4   | 3.0  |          |
| 62  | 090062 | 022210001119 | BỂ ĐỨC HẢO            | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.66         | 3.2   | 3.5  |          |
| 63  | 090063 | 022310008569 | CHU THỊ MINH HẰNG     | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 6.0  |          |
| 64  | 090064 | 022310002009 | NGÔ MINH HẰNG         | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 5.25 |          |
| 65  | 090065 | 022310004229 | PHÙNG THỊ THÚY HẰNG   | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 7.75         | 5.2   | 6.5  |          |
| 66  | 090066 | 022310006105 | HÀ VƯƠNG THỊ HÂN      | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 5.5  |          |
| 67  | 090067 | 022310001949 | DUỠNG THỊ HIỀN        | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 68  | 090068 | 022310004129 | HOÀNG THU HIỀN        | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 4.25 |          |
| 69  | 090069 | 022308002303 | NINH THỊ HIỀN         | 13/10/2008 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 70  | 090070 | 022310009258 | SẢN THỊ HIỀN          | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 2.0  |          |
| 71  | 090071 | 022210012068 | TÔ XUÂN HIỀN          | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 2.25 |          |
| 72  | 090072 | 022210011421 | MA THANH HIỆP         | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 5.0  |          |
| 73  | 090073 | 022210002787 | HOÀNG MINH HIẾU       | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 2.75 |          |
| 74  | 090074 | 022210012049 | LỖ MINH HIẾU          | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 3.25 |          |
| 75  | 090075 | 022210004259 | NGUYỄN TRUNG HIẾU     | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 8.25         | 8.6   | 7.25 |          |
| 76  | 090076 | 022210002494 | TRẦN MINH HIẾU        | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.25         | 5.0   | 2.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Bình Liêu (22000703)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|--------------------|-------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                    |                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 77  | 090077 | 022210011055 | VI MINH          | HIẾU  | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 2.0  |          |
| 78  | 090078 | 022210003814 | VI MINH          | HIẾU  | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 3.25 |          |
| 79  | 090079 | 022210001934 | LƯƠNG QUỐC       | HIẾU  | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.25 |          |
| 80  | 090080 | 022310006555 | NGÔ VĂN          | HOA   | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 8.25         | 9.8   | 7.25 |          |
| 81  | 090081 | 022310011771 | CHU THỊ          | HOÀI  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.0          | 2.0   | 2.75 |          |
| 82  | 090082 | 022210002729 | TÀNG MẠNH        | HOÀNG | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 4.75 |          |
| 83  | 090083 | 022310001841 | MẠ THỊ           | HỒNG  | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 2.5  |          |
| 84  | 090084 | 022310009677 | TRÌNH NGỌC       | HỒNG  | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 6.5  |          |
| 85  | 090085 | 022310010971 | TRẦN THỊ         | HỢP   | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 3.25 |          |
| 86  | 090086 | 022210001026 | NGUYỄN MẠNH      | HÙNG  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 2.92         | 3.4   | 4.25 |          |
| 87  | 090087 | 022210007777 | TRẦN MẠNH        | HÙNG  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 2.0          | 2.4   | 1.75 |          |
| 88  | 090088 | 022210005619 | LÝ XUÂN          | HUY   | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 3.25 |          |
| 89  | 090089 | 022210008461 | NINH VĂN         | HUY   | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.5  |          |
| 90  | 090090 | 022310009834 | ĐINH THU         | HUYỀN | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 6.0  |          |
| 91  | 090091 | 022310007878 | HOÀNG THỊ THU    | HUYỀN | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 4.5  |          |
| 92  | 090092 | 022310002365 | LÝ THỊ MINH      | HUYỀN | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 4.5  |          |
| 93  | 090093 | 022310007848 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HUYỀN | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.5  |          |
| 94  | 090094 | 034210015598 | BÙI VĂN          | HÙNG  | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.25 |          |
| 95  | 090095 | 022210003626 | LOAN THANH       | HÙNG  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 4.25 |          |
| 96  | 090096 | 022210005966 | MẠ CHẤN          | HÙNG  | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 6.5  |          |
| 97  | 090097 | 022310001629 | LA THỊ THU       | HƯƠNG | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 4.75 |          |
| 98  | 090098 | 034310011970 | PHẠM THU         | HƯƠNG | 23/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 6.0  |          |
| 99  | 090099 | 022310003018 | TRẦN THỊ THU     | HƯƠNG | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 2.75 |          |
| 100 | 090100 | 022310007540 | HOÀNG THỊ HOA    | HƯƠNG | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.25 |          |
| 101 | 090101 | 022210007306 | LÀI THIÊM        | KHAI  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 2.5  |          |
| 102 | 090102 | 022210002157 | LA NGỌC          | KHANH | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 2.0          | 2.4   | 2.5  |          |
| 103 | 090103 | 022210002563 | HÀ ĐĂNG          | KHOA  | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 5.75 |          |
| 104 | 090104 | 022210010323 | HOÀNG VIỆT       | KHOA  | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 4.5  |          |
| 105 | 090105 | 022210011093 | TÀNG TIẾN        | KHOA  | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 4.25 |          |
| 106 | 090106 | 022210002095 | TRẦN VĨNH        | KHOA  | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 4.25 |          |
| 107 | 090107 | 022210011770 | HOÀNG ĐĂNG       | KHÔI  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 3.0  |          |
| 108 | 090108 | 022210007247 | BẾ TRUNG         | KIÊN  | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 5.5  |          |
| 109 | 090109 | 022210009252 | HOÀNG TRUNG      | KIÊN  | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 3.75 |          |
| 110 | 090110 | 022209009368 | LỤC TRUNG        | KIÊN  | 08/09/2009 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 1.25 |          |
| 111 | 090111 | 022208004406 | NINH TIẾN        | KIÊN  | 11/11/2008 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 112 | 090112 | 022210010435 | PHƯƠNG ANH       | KIỆT  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 113 | 090113 | 022310002918 | CHỈU THỊ         | KIM   | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 8.25         | 8.4   | 7.5  |          |
| 114 | 090114 | 022310003038 | CHỈU THÚY        | LAN   | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 3.25 |          |
| 115 | 090115 | 022310001561 | LƯƠNG HƯƠNG      | LAN   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 3.75 |          |
| 116 | 090116 | 022310010734 | PHẦN THANH       | LAN   | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 2.2   | 1.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bình Liêu (22000703)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|------------|-----------|--------------------|-------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |        |            |            |           |                    |                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 117 | 090117 | 022310010647 | TÀNG THÚY      | LAN    | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 4.0  |          |
| 118 | 090118 | 022310007428 | LA THỊ         | LÀY    | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 119 | 090119 | 022210007425 | HOÀNG XUÂN     | LÂM    | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 2.5  |          |
| 120 | 090120 | 022210005186 | PHAN VĂN HOÀNG | LÂM    | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 3.75 |          |
| 121 | 090121 | 022310001412 | SẦN THỊ        | LÂM    | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 2.5          | 3.6   | 3.75 |          |
| 122 | 090122 | 022310004094 | PHƯƠNG MỸ      | LỆ     | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng               | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 5.75 |          |
| 123 | 090123 | 022310009028 | LÝ THỊ HẠ      | LIỀN   | 13/08/2010 | Bình Liêu  | Nữ        | Dao                | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 1.75 |          |
| 124 | 090124 | 022310008398 | PHƯƠNG THỊ     | LINH   | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 7.0  |          |
| 125 | 090125 | 022310004260 | VƯƠNG DIỆU     | LINH   | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 4.75 |          |
| 126 | 090126 | 022210002340 | ĐẶNG VIỆT      | LONG   | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.5          | 7.8   | 5.5  |          |
| 127 | 090127 | 022210009079 | LA THÀNH       | LONG   | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 5.5  |          |
| 128 | 090128 | 022210005866 | LÔ ĐỨC         | MẠNH   | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 6.5  |          |
| 129 | 090129 | 022210001047 | BỀ CHÍ         | MINH   | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 5.25 |          |
| 130 | 090130 | 022210004804 | LA NGỌC        | MINH   | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 1.5  |          |
| 131 | 090131 | 022310001572 | LA THỊ         | MINH   | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 3.25 |          |
| 132 | 090132 | 022210004793 | LÝ ĐỨC         | MINH   | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 4.5  |          |
| 133 | 090133 | 022210012247 | LÝ VĂN         | MINH   | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.5          | 2.0   | 2.5  |          |
| 134 | 090134 | 022210004368 | MÁY QUANG      | MINH   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.5          | 6.0   | 5.25 |          |
| 135 | 090135 | 022310011508 | SẦN THỊ PHƯƠNG | MINH   | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 3.0  |          |
| 136 | 090136 | 022310008744 | HOÀNG TRÀ      | MY     | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 3.5  |          |
| 137 | 090137 | 022310010830 | NGUYỄN TRÀ     | MY     | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.25 |          |
| 138 | 090138 | 022210008207 | SẦN VĂN        | NAM    | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 1.25         | 2.8   | 1.25 |          |
| 139 | 090139 | 022210003550 | TRẦN TOÀN      | NAM    | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 3.0  |          |
| 140 | 090140 | 022310003718 | LÔ THỊ MINH    | NGA    | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.5  |          |
| 141 | 090141 | 022310006167 | PHAN THỊ       | NGA    | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 3.5  |          |
| 142 | 090142 | 022310002687 | MÁY THỊ        | NGÂN   | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 3.25 |          |
| 143 | 090143 | 022210010438 | TRẦN HỮU       | NGHĨA  | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường              | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.75 |          |
| 144 | 090144 | 022210003802 | TRẦN TRUNG     | NGHĨA  | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 4.5  |          |
| 145 | 090145 | 022210001225 | LA VĂN         | NGHIỆP | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 1.25         | 3.0   | 2.25 |          |
| 146 | 090146 | 022310008548 | HOÀNG BẢO      | NGỌC   | 01/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 6.75 |          |
| 147 | 090147 | 022310007054 | HOÀNG HỒNG     | NGỌC   | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 6.0  |          |
| 148 | 090148 | 022310010075 | HOÀNG THỊ BẢO  | NGỌC   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 149 | 090149 | 022310010832 | VI THÚY        | NGỌC   | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 5.8   | 3.75 |          |
| 150 | 090150 | 022210002844 | TRẦN ĐẠI       | NGUYỄN | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 151 | 090151 | 022310007258 | HOÀNG MINH     | NGUYỆT | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.75         | 2.2   | 3.25 |          |
| 152 | 090152 | 022310010927 | LƯƠNG NHƯ      | NGUYỆT | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.91         | 4.6   | 4.25 |          |
| 153 | 090153 | 022310001922 | LÝ THỊ         | NGUYỆT | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.5  |          |
| 154 | 090154 | 022210001388 | CHU MINH       | NHẬT   | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 2.5  |          |
| 155 | 090155 | 022210006676 | LA MINH        | NHẬT   | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 6.5  |          |
| 156 | 090156 | 022310009056 | GIÁP TUỆ       | NHI    | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 6.5  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Bình Liêu (22000703)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|--------------------|-------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                    |                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 157 | 090157 | 022310006805 | HÀ THỊ THÚY     | NHI    | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.5          | 3.6   | 1.5  |          |
| 158 | 090158 | 022310004172 | TRẦN THẢO       | NHI    | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 5.25 |          |
| 159 | 090159 | 022310010601 | HOÀNG TUYẾT     | NHUNG  | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.25 |          |
| 160 | 090160 | 022310004981 | VI THỊ HỒNG     | NHUNG  | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 5.75 |          |
| 161 | 090161 | 022310008666 | LA QUỲNH        | NHU    | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 5.0  |          |
| 162 | 090162 | 022310007689 | LA THỊ QUỲNH    | NHU    | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 2.5          | 4.0   | 5.0  |          |
| 163 | 090163 | 022310010751 | LOAN HUYỀN      | NHU    | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.75         | 2.4   | 4.75 |          |
| 164 | 090164 | 022310010644 | LỤC TÂM         | NHU    | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 4.0  |          |
| 165 | 090165 | 022310003616 | LÝ HUỲNH        | NHU    | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 3.75 |          |
| 166 | 090166 | 022310001693 | PHÙN THỊ        | NHU    | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 167 | 090167 | 022310010907 | TÔ TÂM          | NHU    | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.25 |          |
| 168 | 090168 | 022310008009 | TRẦN THỊ QUỲNH  | NHU    | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 2.0          | 2.6   | 1.75 |          |
| 169 | 090169 | 022310007102 | HÀ KIỀU         | OANH   | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 2.5  |          |
| 170 | 090170 | 022310009328 | LÃ KIỀU         | OANH   | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 3.5  |          |
| 171 | 090171 | 022210004430 | PHÙN CHẤN       | ÓN     | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 3.0  |          |
| 172 | 090172 | 022210004438 | CHU TIỀN        | PHONG  | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 1.75 |          |
| 173 | 090173 | 022210009647 | HOÀNG GIA       | PHONG  | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 7.75 |          |
| 174 | 090174 | 022210005098 | LỤC THIÊN       | PHONG  | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 2.25         | 2.4   | 1.5  |          |
| 175 | 090175 | 022210011708 | NGUYỄN NAM      | PHONG  | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 3.5  |          |
| 176 | 090176 | 022310007446 | HOÀNG MAI       | PHƯƠNG | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 177 | 090177 | 022310002703 | LỤC THỊ         | PHƯƠNG | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 4.0  |          |
| 178 | 090178 | 022310010358 | LỖ THỊ          | PHƯƠNG | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 6.25 |          |
| 179 | 090179 | 022310002846 | SÁI HOÀNG THU   | PHƯƠNG | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 4.75 |          |
| 180 | 090180 | 022310009016 | PHẠM MINH       | PHƯƠNG | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 7.25 |          |
| 181 | 090181 | 022310009981 | PHÙN THỊ KIM    | PHƯƠNG | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 182 | 090182 | 022310002920 | TRẦN THỊ        | PHƯƠNG | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 3.5  |          |
| 183 | 090183 | 022210004095 | HOÀNG THẾ       | QUẢN   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 6.75 |          |
| 184 | 090184 | 022210001107 | HOÀNG TIỀN      | QUẢN   | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 2.75 |          |
| 185 | 090185 | 022210010203 | HOÀNG VĂN       | QUỐC   | 23/06/2010 | Hà Nội     | Nam       | Tây                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 3.25 |          |
| 186 | 090186 | 022210008936 | VI NGỌC         | QUÝ    | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 3.75         | 2.4   | 2.75 |          |
| 187 | 090187 | 022310001555 | CHU HOÀNG       | QUYÊN  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 7.0  |          |
| 188 | 090188 | 022310005168 | TÀNG THỊ BẢO    | QUYÊN  | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 7.5          | 3.6   | 3.25 |          |
| 189 | 090189 | 022210002738 | LÀI PHÚC        | QUYÊN  | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.0          | 3.0   | 4.25 |          |
| 190 | 090190 | 022210010668 | LỖ NHÂN         | QUYÊN  | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 7.0          | 2.2   | 5.5  |          |
| 191 | 090191 | 022310007557 | LA THỊ          | SÁU    | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.75         | 2.0   | 2.75 |          |
| 192 | 090192 | 022310002653 | LỖ THỊ          | SEN    | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 2.25 |          |
| 193 | 090193 | 022310008076 | CHIỀU THỊ       | SINH   | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 194 | 090194 | 022310004010 | MÃY THỊ         | SINH   | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 2.25 |          |
| 195 | 090195 | 022210006188 | PHẠM LẠI TRƯỜNG | SƠN    | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 3.25 |          |
| 196 | 090196 | 022310006418 | LA THỊ THANH    | TÂM    | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 1.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bình Liêu (22000703)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|--------------------|-------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                    |                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 197 | 090197 | 022310007542 | LỖ THỊ TÂM          | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 2.75 |          |
| 198 | 090198 | 022210000594 | DUƠNG QUANG THÁI    | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 4.75 |          |
| 199 | 090199 | 022210009389 | SẢN VẦN THANH       | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 2.0  |          |
| 200 | 090200 | 022210011909 | VI TIẾN THANH       | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 4.75 |          |
| 201 | 090201 | 022210001570 | NÔNG PHÚC THÀNH     | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 4.5  |          |
| 202 | 090202 | 022210006021 | VI NGỌC THAO        | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 3.75 |          |
| 203 | 090203 | 022310002368 | BỂ THU THẢO         | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 5.75 |          |
| 204 | 090204 | 022310009611 | HOÀNG THANH THẢO    | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 2.5  |          |
| 205 | 090205 | 022310004412 | NÔNG THỊ THANH THẢO | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 6.25 |          |
| 206 | 090206 | 022310002593 | SẢN THỊ THẢO        | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 2.25 |          |
| 207 | 090207 | 022210004426 | CHU NGUYỄN THẠO     | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 208 | 090208 | 022210006305 | CHOÔNG MINH THẮNG   | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 209 | 090209 | 022210003775 | LỖ VĂN THẮNG        | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 1.5          | 2.8   | 2.75 |          |
| 210 | 090210 | 022310008561 | SẢN THỊ THÁU        | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 1.5          | 2.4   | 0.75 |          |
| 211 | 090211 | 022210001435 | HOÀNG CHÍ THIÊN     | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 2.0          | 4.8   | 3.75 |          |
| 212 | 090212 | 022210010158 | HOÀNG MINH THIÊN    | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 213 | 090213 | 022210009008 | LỖ ĐỨC THIÊN        | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 3.5  |          |
| 214 | 090214 | 022210001683 | LỖ ĐÌNH THIÊN       | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 3.0  |          |
| 215 | 090215 | 022210006402 | VI NHẤT THIÊN       | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 4.0  |          |
| 216 | 090216 | 022210001307 | CHU MINH THỌ        | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 6.25 |          |
| 217 | 090217 | 022310001609 | NINH THỊ BÍCH THU   | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 1.0  |          |
| 218 | 090218 | 022310008970 | TRẦN NGỌC THÙY      | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 6.0  |          |
| 219 | 090219 | 022310005703 | TRẦN PHƯƠNG THÙY    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 5.25 |          |
| 220 | 090220 | 022310003474 | TRẦN THỊ THANH THÙY | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 1.5          | 3.0   | 2.25 |          |
| 221 | 090221 | 022310005516 | LA THỊ THỦY         | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 222 | 090222 | 022310002107 | LỖ THỊ THỦY         | 07/11/2010 | Bình Liêu  | Nữ        | Dao                | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 4.75 |          |
| 223 | 090223 | 022210006745 | LOAN THANH THỤY     | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 5.25 |          |
| 224 | 090224 | 022310010063 | TÔ MINH THU         | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 3.75 |          |
| 225 | 090225 | 022310001216 | TRẦN HUYỀN THU      | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 4.0  |          |
| 226 | 090226 | 022310011602 | LÃ HOÀI THUƠNG      | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 8.5  |          |
| 227 | 090227 | 022310009054 | LỤC THỊ THUƠNG      | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.25 |          |
| 228 | 090228 | 022310006737 | LỖ THỊ THUƠNG       | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 3.75 |          |
| 229 | 090229 | 022310009925 | MẠ THỊ KIỀU THUƠNG  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 3.25 |          |
| 230 | 090230 | 022310002482 | NGUYỄN LAN THUƠNG   | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 6.75 |          |
| 231 | 090231 | 022210008245 | ĐẶNG VĂN TIẾN       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 2.0  |          |
| 232 | 090232 | 022210011247 | LỤC XUÂN TIẾN       | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 1.75 |          |
| 233 | 090233 | 022210007238 | PHÙNG DUY TIẾN      | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 234 | 090234 | 022210011317 | HOÀNG THANH TIỆP    | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 4.0  |          |
| 235 | 090235 | 022310007813 | HOÀNG THÚY TRÀ      | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 6.0  |          |
| 236 | 090236 | 022310002193 | VI NGỌC THANH TRÀ   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 2.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bình Liêu (22000703)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|------------|------------|-----------|--------------------|-------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |            |            |           |                    |                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 237 | 090237 | 022210011195 | CHOÔNG VĂN TRÌNH | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 238 | 090238 | 022310004810 | HOÀNG THANH TRÚC | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 2.75 |          |
| 239 | 090239 | 022210010010 | LỤC PHƯƠNG TRUNG | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 8.0  |          |
| 240 | 090240 | 022210002002 | SÂN QUỐC TRUNG   | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 4.0  |          |
| 241 | 090241 | 022210001784 | TRẦN VĂN TRUNG   | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 3.5  |          |
| 242 | 090242 | 022210002165 | HOÀNG LỘC TRUÔNG | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 4.5  |          |
| 243 | 090243 | 022210011137 | HOÀNG QUANG TỬ   | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 4.25 |          |
| 244 | 090244 | 022210002117 | ĐINH MẠNH TUẤN   | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 2.25 |          |
| 245 | 090245 | 022210005957 | HOÀNG MINH TUẤN  | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 7.2   | 5.25 |          |
| 246 | 090246 | 022210009601 | TRẦN QUỐC TUẤN   | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 3.0          | 5.0   | 4.0  |          |
| 247 | 090247 | 022210008325 | HOÀNG THANH TÙNG | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 4.25 |          |
| 248 | 090248 | 022210002792 | LA VĂN TÙNG      | 25/04/2010 | Bình Liêu  | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 1.5          | 1.6   | 0.5  |          |
| 249 | 090249 | 022210010099 | QUY THANH TÙNG   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 4.5  |          |
| 250 | 090250 | 022210011364 | LA THANH TUYẾN   | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 5.25 |          |
| 251 | 090251 | 022310002200 | TRƯỜNG THỊ TUYẾT | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 252 | 090252 | 022210001956 | ĐÀM MẠNH TƯỜNG   | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.5  |          |
| 253 | 090253 | 022210010686 | LÝ HẠO VĂN       | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 6.75 |          |
| 254 | 090254 | 022310010310 | DƯƠNG THỊ VĂN    | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 3.75 |          |
| 255 | 090255 | 022310001985 | HOÀNG DIỆU VĂN   | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 4.0  |          |
| 256 | 090256 | 022310008456 | HOÀNG HẢI VĂN    | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 6.25 |          |
| 257 | 090257 | 022310009602 | HOÀNG THỊ VĂN    | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 4.0  |          |
| 258 | 090258 | 022310011997 | LA HỒNG VĂN      | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 2.5  |          |
| 259 | 090259 | 022310007019 | NGUYỄN THẢO VĂN  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 7.5  |          |
| 260 | 090260 | 022210010500 | LỤC HỒNG VĂN     | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | THCS Húc Động           | Tiếng Anh | 4.75         | 1.8   | 4.5  |          |
| 261 | 090261 | 030210001809 | TRẦN XUÂN VIỆT   | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | PT DTNT Bình Liêu       | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 1.75 |          |
| 262 | 090262 | 022210002128 | TÔ XUÂN VINH     | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 1.75         | 2.6   | 2.75 |          |
| 263 | 090263 | 022210008609 | ĐÀM MẠNH VŨ      | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 5.25 |          |
| 264 | 090264 | 022310003704 | LÝ HÀ VY         | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 3.25 |          |
| 265 | 090265 | 022310003743 | MAC NGỒ VY       | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Bình Liêu | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 6.75 |          |
| 266 | 090266 | 022310007544 | TÔ KHÁNH VY      | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 5.0  |          |
| 267 | 090267 | 022310009181 | MẠ THANH XUÂN    | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 6.25 |          |
| 268 | 090268 | 022310003956 | PHÙN THỊ YẾN     | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Lục Hồn            | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 4.5  |          |
| 269 | 090269 | 022310003502 | PHÙN THỊ YẾN     | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Vô Ngại            | Tiếng Anh | 7.75         | 3.6   | 4.75 |          |

*(Danh sách này gồm có 269 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Hoàng Mô (22000843)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                  | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|--------------------|------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                    |                              |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 100001 | 022210003329 | HOÀNG XUÂN VIỆT | ANH   | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 2.25         | 3.2   | 2.25 |          |
| 2   | 100002 | 022310002774 | PHẠM QUỲNH      | ANH   | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.25 |          |
| 3   | 100003 | 022310009599 | NÔNG NGỌC       | ÁNH   | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh | 7.75         | 4.6   | 5.25 |          |
| 4   | 100004 | 022310006009 | VI THỊ          | ÁNH   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 6.0  |          |
| 5   | 100005 | 022210011745 | CHIU ĐỨC        | BẢO   | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 3.75 |          |
| 6   | 100006 | 022210002711 | CHIU VĂN        | BẢO   | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.75         | 5.2   | 4.0  |          |
| 7   | 100007 | 075210008396 | LÃNG GIA        | BẢO   | 05/01/2010 | Đồng Nai   | Nam       | Nùng               | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.25         | 4.4   | 2.5  |          |
| 8   | 100008 | 022210000652 | PHÙNG NGỌC      | BÍCH  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.0          | 2.6   | 2.5  |          |
| 9   | 100009 | 022210008126 | HOÀNG TIẾN      | BIÊN  | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.75         | 3.2   | 2.0  |          |
| 10  | 100010 | 022210003155 | MẠ LẬP          | BIÊN  | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 2.75 |          |
| 11  | 100011 | 022210007426 | CHỊU QUAY       | CHẮN  | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 4.75 |          |
| 12  | 100012 | 022310004196 | PHẠM QUỲNH      | CHI   | 01/02/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 13  | 100013 | 022310003131 | VOÔNG THỊ       | CHI   | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.5  |          |
| 14  | 100014 | 022210002147 | CHIU VĂN        | CUNG  | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 2.25 |          |
| 15  | 100015 | 022210009527 | HOÀNG A         | CƯỜNG | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.25         | 4.0   | 1.75 |          |
| 16  | 100016 | 022210012504 | TÀNG PHÚC       | CƯỜNG | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 17  | 100017 | 022310005826 | HOÀNG THỊ       | DÂN   | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.0  |          |
| 18  | 100018 | 022210008287 | PHẠM TIẾN       | DỪNG  | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 2.5  |          |
| 19  | 100019 | 022210008640 | CHIU VĂN        | DUY   | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.0          | 2.4   | 2.5  |          |
| 20  | 100020 | 022210004742 | LA HỮU          | DUY   | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.75         | 4.8   | 2.25 |          |
| 21  | 100021 | 022310006577 | CHIU THỊ MỸ     | DUYỀN | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 2.0  |          |
| 22  | 100022 | 022210001133 | GIÁP ĐẠI        | DƯƠNG | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 2.0          | 4.2   | 3.5  |          |
| 23  | 100023 | 022210001610 | NGÔ BẢO         | ĐẠT   | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 3.25 |          |
| 24  | 100024 | 022210011764 | NGÔ TIẾN        | ĐIỆP  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 2.75 |          |
| 25  | 100025 | 022210001638 | CHU VĨNH        | ĐỨC   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 2.0  |          |
| 26  | 100026 | 022310004124 | VI LƯƠNG NGÂN   | HÀ    | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.0          | 2.0   | 1.75 |          |
| 27  | 100027 | 022210005129 | TRẦN VĂN        | HẢI   | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chí) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 3.0  |          |
| 28  | 100028 | 022210003420 | CHIU VĂN        | HẢO   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.75         | 2.8   | 4.25 |          |
| 29  | 100029 | 022210012153 | VI TRUNG        | HẢO   | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.5  |          |
| 30  | 100030 | 022310008868 | HOÀNG BẢO       | HÂN   | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 1.25 |          |
| 31  | 100031 | 022310006269 | NGÔ THỊ BẢO     | HÂN   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 3.25 |          |
| 32  | 100032 | 022310003962 | TÀNG THỊ        | HIỀN  | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 1.0  |          |
| 33  | 100033 | 022210001507 | NGÔ BẢO         | HIỆP  | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.25         | 1.6   | 2.0  |          |
| 34  | 100034 | 022210012246 | CHIU VĂN        | HÌNH  | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 0.5          | 3.8   | 2.0  |          |
| 35  | 100035 | 022210003958 | CHIU TRIỆU      | HOÀ   | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 36  | 100036 | 022210006184 | DOÔNG KIM       | HOÀNG | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.25         | 4.0   | 0.75 |          |

## Đơn vị: Trường THCS và THPT Hoàng Mô (22000843)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                  | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|--------------------|------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                    |                              |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 37  | 100037 | 022310006594 | ĐƯƠNG THỊ       | HOÀNG | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 3.0  |          |
| 38  | 100038 | 022210009836 | ĐUỠNG PHÚC      | HOÀNG | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 3.0          | 2.0   | 2.0  |          |
| 39  | 100039 | 022310010610 | TRẦN THỊ        | HOÀNG | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.5  |          |
| 40  | 100040 | 022210000614 | LÝ ĐIỀN         | HÔNG  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 3.0  |          |
| 41  | 100041 | 022310008613 | VI THỊ          | HÔNG  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 42  | 100042 | 022210006910 | TRIỆU QUANG     | HỢP   | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 43  | 100043 | 022310011054 | ĐUỠNG THỊ       | HUỆ   | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 1.0  |          |
| 44  | 100044 | 022210001391 | NINH ANH        | HÙNG  | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 2.0  |          |
| 45  | 100045 | 001210008080 | PHÙNG VI XUÂN   | HÙNG  | 19/07/2010 | Hà Nội     | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 2.5  |          |
| 46  | 100046 | 022210006548 | CHỈU ĐỨC        | HUY   | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 3.25 |          |
| 47  | 100047 | 022210002553 | VI QUỐC         | HUY   | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 7.0  |          |
| 48  | 100048 | 022210006547 | VOÔNG VẪN       | HUY   | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.25 |          |
| 49  | 100049 | 022310002875 | HOÀNG KHÁNH     | HUYỀN | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 1.25         | 2.6   | 2.0  |          |
| 50  | 100050 | 022310001014 | LA NGỌC         | HUYỀN | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 2.5          | 1.8   | 2.0  |          |
| 51  | 100051 | 022210007462 | LƯƠNG TRỌNG     | HUYỀN | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 2.5  |          |
| 52  | 100052 | 022210009227 | ĐINH XUÂN       | HÙNG  | 10/08/2010 | Bình Liêu  | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.75         | 4.2   | 1.5  |          |
| 53  | 100053 | 022310010715 | NGÔ LAN         | HƯƠNG | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 3.75 |          |
| 54  | 100054 | 022310009742 | PHẦN THỊ        | HƯƠNG | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 2.25 |          |
| 55  | 100055 | 022210003927 | CHỈU VẪN        | HỠ    | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 1.0  |          |
| 56  | 100056 | 022210003749 | VI NGỌC         | KHÔI  | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 2.0  |          |
| 57  | 100057 | 022210004796 | CHỈU TRUNG      | KIÊN  | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 58  | 100058 | 022210008809 | CHỈU XUÂN       | KIÊN  | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 1.5  |          |
| 59  | 100059 | 022210007309 | HOÀNG MINH      | KIÊN  | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 2.25 |          |
| 60  | 100060 | 022210005320 | TẮNG DUY        | KIÊN  | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 1.75 |          |
| 61  | 100061 | 022310008207 | CHU THỊ         | LAN   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay           | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 1.5  |          |
| 62  | 100062 | 022310007091 | HOÀNG NHẬT      | LỆ    | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 3.0  |          |
| 63  | 100063 | 022310010515 | ĐOÀN PHƯƠNG     | LINH  | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 4.25 |          |
| 64  | 100064 | 022310004048 | HOÀNG MAI       | LINH  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 4.0  |          |
| 65  | 100065 | 022310005254 | HOÀNG THỊ THU   | LINH  | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.5          | 2.6   | 2.5  |          |
| 66  | 100066 | 022310007231 | TRẦN THỊ PHƯƠNG | LINH  | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 3.5  |          |
| 67  | 100067 | 022310003863 | VŨ PHƯƠNG       | LINH  | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.5          | 2.2   | 3.75 |          |
| 68  | 100068 | 031210014537 | VŨ VIỆT NHẬT    | LONG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 4.75 |          |
| 69  | 100069 | 022210012527 | LẠC A           | LỘC   | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 5.25 |          |
| 70  | 100070 | 022310009884 | TRẦN THỊ        | LƯỠNG | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay           | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 2.75 |          |
| 71  | 100071 | 022310007456 | ĐUỠNG THẢO      | LY    | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 1.75 |          |
| 72  | 100072 | 022310005433 | LƯƠNG THỊ THẢO  | LY    | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.25 |          |
| 73  | 100073 | 022210005958 | QUY PHÁT HOÀNG  | MẠNH  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 1.5          | 2.4   | 1.75 |          |
| 74  | 100074 | 022210009660 | VŨ TIẾN         | MẠNH  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.75 |          |
| 75  | 100075 | 022210008460 | CHỈU ĐỨC        | MINH  | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.0          | 2.4   | 2.75 |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Hoàng Mô (22000843)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                  | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|--------------------|------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                    |                              |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 76  | 100076 | 022210006497 | DUƠNG VĂN MINH      | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.25         | 3.6   | 0.75 |          |
| 77  | 100077 | 022310011077 | LÈO THỊ BÌNH MINH   | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 78  | 100078 | 022210004387 | CHÌU XUÂN MỐT       | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.0          | 4.8   | 2.0  |          |
| 79  | 100079 | 022310001608 | HOÀNG THỊ HUYỀN MY  | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 2.0  |          |
| 80  | 100080 | 022210009284 | NGUYỄN BẢO NAM      | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.25         | 2.0   | 2.0  |          |
| 81  | 100081 | 022210012134 | DUỜNG PHÚC NÀM      | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 82  | 100082 | 022310007093 | CHU THỊ NĂM         | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay           | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 3.75 |          |
| 83  | 100083 | 022310011105 | CHÌU THỊ NGÂN       | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 4.0  |          |
| 84  | 100084 | 022310004997 | HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 4.0  |          |
| 85  | 100085 | 022310011209 | VOÔNG THỊ NGỌC      | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 2.75 |          |
| 86  | 100086 | 022210010952 | NGÔ BẢO NGUYỄN      | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 3.5  |          |
| 87  | 100087 | 022310005547 | TÀNG THỊ THU NGUYỆT | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 2.75 |          |
| 88  | 100088 | 022310009676 | HOÀNG LÊ GIA NHƯ    | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 89  | 100089 | 022310008941 | LÈO THỊ YẾN NHƯ     | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 3.0  |          |
| 90  | 100090 | 022310010072 | LƯƠNG THỊ HÀ NHƯ    | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 7.25 |          |
| 91  | 100091 | 022310010039 | LÝ QUỲNH NHƯ        | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.0  |          |
| 92  | 100092 | 022310011700 | VI QUỲNH NHƯ        | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 6.5  |          |
| 93  | 100093 | 022210006700 | NÔNG THẾ OANH       | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.0          | 3.8   | 1.25 |          |
| 94  | 100094 | 022210011212 | VI THANH PHÁT       | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 3.25 |          |
| 95  | 100095 | 022210011962 | BÙI GIA PHONG       | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 0.5          | 1.4   | 1.5  |          |
| 96  | 100096 | 022210006564 | CHỈU QUAY PHONG     | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 0.75 |          |
| 97  | 100097 | 022210001144 | CHÌU SINH PHÚC      | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 1.5  |          |
| 98  | 100098 | 034310004510 | NGÔ MINH PHUƠNG     | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 99  | 100099 | 022210007501 | CHÌU QUỲ QUÂN       | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.5          | 1.6   | 0.75 |          |
| 100 | 100100 | 022210011459 | CHÌU TRIỆU QUÂN     | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 1.5  |          |
| 101 | 100101 | 022210001147 | DUƠNG VĂN QUÂN      | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.5          | 2.8   | 1.0  |          |
| 102 | 100102 | 022210008322 | TRẦN MẠNH QUÂN      | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chi) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 3.0  |          |
| 103 | 100103 | 022310004869 | DOÔNG THỊ QUỲ       | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 4.5  |          |
| 104 | 100104 | 022210002511 | DUỜNG KIM QUỲ       | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 1.5  |          |
| 105 | 100105 | 022310009249 | NGŨ LỆ QUYÊN        | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 3.25 |          |
| 106 | 100106 | 022310004748 | TRẦN THỊ LỆ QUYÊN   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 3.75 |          |
| 107 | 100107 | 022310011311 | CHU THÚY QUỲNH      | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 4.75 |          |
| 108 | 100108 | 022310004600 | CHU THỊ SÁU         | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 2.75 |          |
| 109 | 100109 | 022310010021 | NINH THỊ SIN        | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 1.25 |          |
| 110 | 100110 | 022209008752 | CHỈU PHÚC SINH      | 05/08/2009 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 2.25 |          |
| 111 | 100111 | 022210002249 | CHÌU VĂN SƠN        | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 2.25         | 2.2   | 2.25 |          |
| 112 | 100112 | 022210010519 | HÀ TIẾN TÀI         | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 5.0  |          |
| 113 | 100113 | 022310006414 | HOÀNG THỊ MINH TÂM  | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 5.5  |          |
| 114 | 100114 | 022310009426 | TRẦN THỊ THANH      | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chi) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 4.5  |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Hoàng Mô (22000843)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                  | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                    |                              |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 115 | 100115 | 022210003282 | CHIU SIU THANH       | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 3.25 |          |
| 116 | 100116 | 022310004001 | CHIU THI THAO        | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 117 | 100117 | 022310003130 | CHIU THI THAO        | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 5.25 |          |
| 118 | 100118 | 022210003867 | CHIU PHUC THANG      | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 119 | 100119 | 022210011446 | DUONG QUANG THANG    | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 1.5          | 2.4   | 2.5  |          |
| 120 | 100120 | 022310008368 | LAI THI THI          | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 6.75         | 2.4   | 3.75 |          |
| 121 | 100121 | 022210008321 | VI THANH THIEN       | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 4.0  |          |
| 122 | 100122 | 022210011513 | DO LA DUY THIEU      | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 4.5  |          |
| 123 | 100123 | 022310004626 | GIAP BAO THOA        | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 4.75 |          |
| 124 | 100124 | 022310001324 | NINH THI THONG       | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 1.25 |          |
| 125 | 100125 | 022310009542 | LA THI MINH THU      | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 7.0  |          |
| 126 | 100126 | 022310002943 | NINH THI THU         | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.5          | 2.6   | 3.75 |          |
| 127 | 100127 | 022310010592 | TRAN THI MINH THU    | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 2.25 |          |
| 128 | 100128 | 022310004266 | NINH THI BIEN THUY   | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh | 7.25         | 2.6   | 5.0  |          |
| 129 | 100129 | 022309010286 | CHIU THI THUY        | 16/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 4.25 |          |
| 130 | 100130 | 022310010863 | CHU THI MINH THU     | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 3.0  |          |
| 131 | 100131 | 022310006110 | HOANG THI THU        | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Lục Hồn                 | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 4.0  |          |
| 132 | 100132 | 022310005426 | LY THI THU           | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh | 8.75         | 8.0   | 6.25 |          |
| 133 | 100133 | 022310009367 | CHU THI HOAI THUONG  | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 3.0  |          |
| 134 | 100134 | 022310008798 | ĐANG HOAI THUONG     | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh | 8.25         | 5.6   | 6.0  |          |
| 135 | 100135 | 022210001205 | BE DUC THUONG        | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.0  |          |
| 136 | 100136 | 022310007363 | BUI THU TRA          | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.75 |          |
| 137 | 100137 | 022310001573 | TRAN THUY TRANG      | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.0          | 2.8   | 2.0  |          |
| 138 | 100138 | 022310005886 | LY BAO TRAM          | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 3.5  |          |
| 139 | 100139 | 022310001058 | HOANG THI THANH TRUC | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | TH và THCS Đồng Văn          | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 4.25 |          |
| 140 | 100140 | 022310007775 | NONG THANH TRUC      | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 1.25 |          |
| 141 | 100141 | 022210009026 | CHIU SON TRUNG       | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 3.75 |          |
| 142 | 100142 | 022210008575 | CHIU TIEN TRUNG      | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PT DTNT Bình Liêu            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 143 | 100143 | 022209004172 | TRAN THANH TRUNG     | 06/05/2009 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 2.0          | 2.4   | 2.0  |          |
| 144 | 100144 | 022210010476 | TRAN MINH TRUONG     | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 4.0  |          |
| 145 | 100145 | 022210007554 | VI QUANG TUYEN       | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 0.75         | 2.6   | 2.0  |          |
| 146 | 100146 | 022310010318 | DOONG THI TUYET      | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 2.25 |          |
| 147 | 100147 | 022310003617 | LY THI BACH TUYET    | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.5          | 2.0   | 4.75 |          |
| 148 | 100148 | 022310005083 | CHIU THI TUOI        | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 4.25 |          |
| 149 | 100149 | 022310010271 | NGO THI TUOI         | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hoàng Mô | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 2.5  |          |
| 150 | 100150 | 022310005622 | VI THAO UYEN         | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 2.75 |          |
| 151 | 100151 | 022310002863 | VI THI MY UYEN       | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.0  |          |
| 152 | 100152 | 022310011630 | VOONG THI UYEN       | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 3.75 |          |
| 153 | 100153 | 022210003068 | CHOONG VAN VI        | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 4.5  |          |

## Đơn vị: Trường THCS và THPT Hoành Mô (22000843)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                  | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |            |            |           |                  |                              |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 154 | 100154 | 022310004438 | PHÙNG THỊ VI       | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 3.5          | 2.2   | 3.25 |         |
| 155 | 100155 | 022310008155 | VOÔNG THỊ VI       | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.25 |         |
| 156 | 100156 | 022210002394 | ĐUÔNG QUANG VINH   | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Hoành Mô | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 4.75 |         |
| 157 | 100157 | 022310008720 | LÊ HOÀNG VY        | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Hoành Mô | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 158 | 100158 | 022310005799 | CHIU THỊ KIM XUYẾN | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Hoành Mô | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 4.0  |         |
| 159 | 100159 | 022310005154 | CHIU THỊ YẾN       | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Hoành Mô | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 3.5  |         |
| 160 | 100160 | 022310003492 | CHIU THU YẾN       | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Hoành Mô | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 4.5  |         |
| 161 | 100161 | 022310008126 | HÀ THỊ YẾN         | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Đồng Tâm                | Tiếng Anh | 2.0          | 2.4   | 3.0  |         |

(Danh sách này gồm có 161 thí sinh)



SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 110001 | 022210010486 | VI TRỌNG AN           | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 5.25 |          |
| 2   | 110002 | 022310008080 | BÀN HƯƠNG ANH         | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 3   | 110003 | 031210013082 | BÙI DUY ANH           | 07/12/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.75         | 7.6   | 5.5  |          |
| 4   | 110004 | 022310001882 | BÙI TRẦN NGỌC ANH     | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.5          | 6.2   | 2.75 |          |
| 5   | 110005 | 022210003978 | CHỊU QUỐC ANH         | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồn Đặc        | Tiếng Anh | 2.0          | 5.4   | 2.75 |          |
| 6   | 110006 | 022310000907 | CHƯƠNG HOÀNG ANH      | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay           | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 4.25 |          |
| 7   | 110007 | 022310003540 | CHƯƠNG THỊ VÂN ANH    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 3.5  |          |
| 8   | 110008 | 022310007741 | ĐOÀN QUỲNH ANH        | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 8.0          | 6.4   | 5.75 |          |
| 9   | 110009 | 022310002099 | HOÀNG THỊ DIỆP ANH    | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 10  | 110010 | 022310004254 | LÔ THỊ HẢ ANH         | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 4.5  |          |
| 11  | 110011 | 022210011868 | LƯƠNG TÙNG ANH        | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng               | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.75 |          |
| 12  | 110012 | 022310007555 | NGUYỄN TRIỆU MINH ANH | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 5.75 |          |
| 13  | 110013 | 022310004899 | TRẦN THỦY ANH         | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 4.75 |          |
| 14  | 110014 | 022310003069 | TRIỆU THỊ LAN ANH     | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 4.25 |          |
| 15  | 110015 | 022210003284 | NỊNH GIA BẢO          | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 6.5  |          |
| 16  | 110016 | 022210005260 | VI GIA BẢO            | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 5.0  |          |
| 17  | 110017 | 022210005495 | NGÔ VIỆT BẮC          | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 3.75 |          |
| 18  | 110018 | 022310008146 | ĐÀM THỊ BÌNH          | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Khác               | THCS Đập Thanh            | Tiếng Anh | 2.75         | 6.8   | 2.75 |          |
| 19  | 110019 | 022209007892 | VI XUÂN CẢNH          | 03/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 20  | 110020 | 022310003358 | ĐÀM XUYỀN CHI         | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.25 |          |
| 21  | 110021 | 022310002899 | TRẦN THỦY CHI         | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đập Thanh            | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 3.0  |          |
| 22  | 110022 | 022310008554 | NGUYỄN KIỀU CHINH     | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 3.5          | 5.6   | 4.75 |          |
| 23  | 110023 | 022210002658 | ĐẶNG HỒNG CƯƠNG       | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 4.75 |          |
| 24  | 110024 | 022210010722 | TRẦN VIỆT CƯỜNG       | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 25  | 110025 | 022310009234 | NGUYỄN NINH NGỌC DIỆP | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 6.75 |          |
| 26  | 110026 | 022210011957 | NỊNH ĐỨC DOANH        | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | THCS Đập Thanh            | Tiếng Anh | 1.75         | 6.8   | 1.75 |          |
| 27  | 110027 | 022210010816 | BÙI QUANG DŨNG        | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Lý Tự Trọng          | Tiếng Anh | 4.75         | 7.2   | 6.5  |          |
| 28  | 110028 | 022210012167 | ĐÀM VĂN DŨNG          | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 2.5  |          |
| 29  | 110029 | 022210011335 | HOÀNG VIỆT DŨNG       | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.75 |          |
| 30  | 110030 | 022210011662 | NGUYỄN ANH DŨNG       | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 4.0          | 6.8   | 6.75 |          |
| 31  | 110031 | 022210000958 | NGUYỄN ĐỨC DŨNG       | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 4.5  |          |
| 32  | 110032 | 022210001572 | HOÀNG TUẤN DUY        | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 6.25 |          |
| 33  | 110033 | 022210004498 | NGUYỄN HOÀNG DUY      | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 6.5  |          |
| 34  | 110034 | 022310010084 | PHÙN THỊ DUYỀN        | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 3.25 |          |
| 35  | 110035 | 022210008550 | HOÀNG ĐỨC DƯƠNG       | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 36  | 110036 | 022310007254 | HỒ THỊ YẾN DƯƠNG      | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 3.0  |          |
| 37  | 110037 | 022310010650 | BÙI DIỆU ĐAN          | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |

**Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ                 | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-----------|------------|-------------|------------------|--------------------|---------------------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |           |            |             |                  |                    |                           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 38  | 110038 | 022310004889 | ĐẶNG THỊ KHÁNH | ĐAN       | 18/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    |       |      | Vắng thi |
| 39  | 110039 | 022310003471 | HOÀNG LINH     | ĐAN       | 05/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 5.75  | 7.8  | 9.0      |
| 40  | 110040 | 022310007939 | NINH THỊ       | ĐÀO       | 28/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Sán Chay           | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    |       |      | Vắng thi |
| 41  | 110041 | 022210009092 | HOÀNG THÀNH    | ĐẠT       | 12/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    |       |      | Vắng thi |
| 42  | 110042 | 022210002643 | NGUYỄN THÀNH   | ĐẠT       | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Sán Chay           | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh    | 4.0   | 7.6  | 8.0      |
| 43  | 110043 | 022210006171 | VI TIỀN        | ĐẠT       | 30/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 5.0   | 7.0  | 6.25     |
| 44  | 110044 | 022210008080 | VŨ THÀNH       | ĐẠT       | 26/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 7.5   | 7.6  | 7.25     |
| 45  | 110045 | 022210006779 | BÙI HẢI        | ĐĂNG      | 02/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 4.25  | 5.2  | 4.75     |
| 46  | 110046 | 022210001370 | ĐẶNG HẢI       | ĐĂNG      | 23/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh    | 2.75  | 6.0  | 3.75     |
| 47  | 110047 | 022310004138 | LA NGỌC        | ĐIỆP      | 21/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Sán Chay           | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 6.25  | 6.8  | 5.75     |
| 48  | 110048 | 022310008599 | VOÔNG THANH    | ĐIỆP      | 13/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh    | 2.75  | 6.4  | 3.25     |
| 49  | 110049 | 022210004179 | ĐẶNG HẢI       | ĐỊNH      | 11/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Dao                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh    | 2.5   | 5.6  | 2.5      |
| 50  | 110050 | 022310003548 | MÃ THỊ         | ĐỊNH      | 24/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Tày                | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh    | 3.75  | 4.6  | 2.5      |
| 51  | 110051 | 022310011705 | NGUYỄN THU     | ĐÔNG      | 23/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |                    | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh    | 2.75  | 5.8  | 2.0      |
| 52  | 110052 | 022210009126 | NINH VĂN       | ĐỨC       | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Sán Chay (Sán Chi) | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh    | 2.5   | 5.4  | 2.5      |
| 53  | 110053 | 022310004342 | LÝ THỊ HƯƠNG   | GIANG     | 04/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    | 7.5   | 6.2  | 4.5      |
| 54  | 110054 | 022310009637 | NGUYỄN HƯƠNG   | GIANG     | 02/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 6.25  | 6.2  | 6.75     |
| 55  | 110055 | 022310003105 | DƯƠNG THU      | HÀ        | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh    | 3.0   | 6.4  | 3.5      |
| 56  | 110056 | 022310011375 | HOÀNG NGÂN     | HÀ        | 28/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.6  | 4.25     |
| 57  | 110057 | 022310008827 | LINH THU       | HÀ        | 20/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh    | 2.0   | 4.8  | 2.5      |
| 58  | 110058 | 022210005705 | TRIỆU QUANG    | HÀ        | 24/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.6  | 4.75     |
| 59  | 110059 | 022210002300 | ĐẶNG THANH     | HẢI       | 24/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    |       |      | Vắng thi |
| 60  | 110060 | 022210005614 | ĐẶNG VĂN       | HẢI       | 12/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh    | 3.0   | 5.2  | 4.75     |
| 61  | 110061 | 022210010280 | HOÀNG TRUNG    | HẢI       | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 3.25  | 6.6  | 7.5      |
| 62  | 110062 | 022210009319 | HOÀNG TRUNG    | HẢI       | 10/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    |       |      | Vắng thi |
| 63  | 110063 | 022210006439 | VŨ MẠNH        | HẢI       | 10/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh    | 3.5   | 6.8  | 3.75     |
| 64  | 110064 | 022310003033 | ĐẶNG YẾN       | HẠNH      | 13/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh    | 4.25  | 7.2  | 3.0      |
| 65  | 110065 | 022210006060 | LÝ KIẾN        | HẢO       | 28/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh    | 3.0   | 6.2  | 4.25     |
| 66  | 110066 | 022310004379 | LÝ THỊ THU     | HẢO       | 15/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    | 4.5   | 6.2  | 4.75     |
| 67  | 110067 | 022310001245 | BÀN THỊ        | HẰNG      | 23/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh    |       |      | Vắng thi |
| 68  | 110068 | 022310010948 | ĐẶNG THỊ THU   | HẰNG      | 14/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh    | 3.0   | 6.8  | 4.5      |
| 69  | 110069 | 022310007476 | PHẠM THANH     | HẰNG      | 07/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 8.25  | 6.2  | 7.5      |
| 70  | 110070 | 022310006101 | HÀ NGỌC        | HÂN       | 24/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 4.75  | 6.8  | 6.25     |
| 71  | 110071 | 022310007936 | HOÀNG BẢO      | HÂN       | 18/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |                    | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh    | 3.0   | 5.4  | 2.5      |
| 72  | 110072 | 022310011013 | NINH DIỆU      | HÂN       | 26/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh    | 2.5   | 6.4  | 3.0      |
| 73  | 110073 | 022310011493 | NINH THỊ KIỀU  | HÂN       | 09/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Sán Chay (Sán Chi) | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh    | 4.0   | 5.6  | 4.0      |
| 74  | 110074 | 022310003807 | TRIỆU THỊ ÁI   | HÂN       | 30/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh    | 4.0   | 5.8  | 3.0      |
| 75  | 110075 | 022310002437 | TRƯƠNG NGỌC    | HÂN       | 19/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh    | 5.25  | 5.6  | 3.5      |
| 76  | 110076 | 022210011382 | BÙI CÔNG       | HẬU       | 01/11/2010 | Quảng Ninh. | Nam              |                    | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh    | 4.25  | 6.6  | 2.75     |
| 77  | 110077 | 022210010917 | ĐẶNG VĂN       | HẬU       | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh    | 3.75  | 5.2  | 3.5      |

**Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|-------------|-----------|--------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |             |           |                    |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 78  | 110078 | 006210003095 | HÀ VĂN HẬU             | 20/03/2010 | Bắc Kạn     | Nam       | Nùng               | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 79  | 110079 | 022310007577 | NGÔ THANH HIỀN         | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 3.0  |          |
| 80  | 110080 | 022310005519 | NINH THỊ HIỀN          | 13/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 2.0  |          |
| 81  | 110081 | 022210010185 | CHIU MINH HIỆP         | 05/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 82  | 110082 | 022210005900 | LƯƠNG MINH HIẾU        | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 2.25 |          |
| 83  | 110083 | 022210001204 | NGÔ DUY HIẾU           | 17/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 8.25         | 5.6   | 3.0  |          |
| 84  | 110084 | 022309010436 | ĐÀM THỊ HOA            | 10/11/2009 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.75         | 5.2   | 3.25 |          |
| 85  | 110085 | 022310004210 | VI THỊ HOA             | 28/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.25         | 5.8   | 3.5  |          |
| 86  | 110086 | 022310005945 | CHIU THỊ THU HÒA       | 31/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 3.25         | 6.2   | 2.75 |          |
| 87  | 110087 | 022310005570 | DƯƠNG THỊ HÒA          | 06/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 2.25 |          |
| 88  | 110088 | 022310008232 | LOAN THỊ HOÀI          | 04/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 89  | 110089 | 022310002580 | TRẦN THỊ THU HOÀI      | 07/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.0  |          |
| 90  | 110090 | 022310011261 | CHIU THUY HOAN         | 31/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 2.75 |          |
| 91  | 110091 | 022210002042 | NINH QUỐC HOÀN         | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.75         | 6.0   | 2.75 |          |
| 92  | 110092 | 022210012373 | NINH VĂN HOÀNG         | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay           | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 2.5          | 5.4   | 2.5  |          |
| 93  | 110093 | 022310004362 | NÔNG THỊ KIM HỒNG      | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 4.0  |          |
| 94  | 110094 | 022210012168 | NGUYỄN THÀNH HUÂN      | 11/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 3.25         | 6.2   | 3.5  |          |
| 95  | 110095 | 022310006439 | BAN THỊ HUỆ            | 08/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 3.5  |          |
| 96  | 110096 | 022210008854 | TÔ MẠNH HÙNG           | 31/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 3.25 |          |
| 97  | 110097 | 022209003727 | TRƯƠNG ĐAN HÙNG        | 04/06/2009 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 4.0  |          |
| 98  | 110098 | 022210006522 | ĐÀM QUỐC HUY           | 18/06/2010 | Quảng Ninh. | Nam       | Sán Chay           | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 1.5  |          |
| 99  | 110099 | 026210010436 | HÀ GIA HUY             | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.25         | 6.8   | 4.5  |          |
| 100 | 110100 | 022210001151 | HOÀNG ANH GIA HUY      | 25/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 6.5  |          |
| 101 | 110101 | 022210006226 | LƯƠNG GIA HUY          | 05/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.5          | 7.0   | 3.5  |          |
| 102 | 110102 | 022210001077 | LÝ GIA HUY             | 05/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Hoa                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 3.5          | 6.0   | 4.25 |          |
| 103 | 110103 | 022210006221 | NGUYỄN VĂN HUY         | 05/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 1.75         | 6.4   | 1.75 |          |
| 104 | 110104 | 031210001305 | PHẠM GIA HUY           | 25/02/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                    | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.25         | 4.8   | 4.75 |          |
| 105 | 110105 | 022210007681 | PHÙNG VĂN HUY          | 01/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 2.5          | 5.6   | 1.75 |          |
| 106 | 110106 | 022210003281 | TRIỆU GIA HUY          | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 5.25 |          |
| 107 | 110107 | 022210001219 | TRIỆU QUỐC HUY         | 28/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | TH và THCS Lương Móng     | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 2.75 |          |
| 108 | 110108 | 022210011131 | TRIỆU VĂN HUY          | 13/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 109 | 110109 | 022210004139 | VI GIA HUY             | 25/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.25         | 6.4   | 3.5  |          |
| 110 | 110110 | 022310003154 | ĐÀM NHƯ HUYỀN          | 20/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 4.75 |          |
| 111 | 110111 | 022310004952 | ĐẶNG THU HUYỀN         | 18/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 2.25         | 4.8   | 4.0  |          |
| 112 | 110112 | 022210007657 | NGUYỄN VIỆT HÙNG       | 02/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 6.25 |          |
| 113 | 110113 | 022310010101 | TRIỆU THU HƯƠNG        | 13/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.25 |          |
| 114 | 110114 | 022310009226 | CHIU MINH HƯỜNG        | 26/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 115 | 110115 | 022210007362 | ĐẶNG VINH KHANG        | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 116 | 110116 | 022210011949 | HOÀNG CHẤN KHANG       | 02/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | TH và THCS Lương Móng     | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 3.25 |          |
| 117 | 110117 | 022310005397 | DƯƠNG THỊ NGUYỆT KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 2.0          | 3.6   | 2.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|-------------|-----------|--------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |             |           |                    |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 118 | 110118 | 022210005331 | ĐOÀN QUỐC       | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 2.75         | 6.6   | 3.5  |          |
| 119 | 110119 | 022210003235 | HOÀNG DUY       | KHÁNH | 05/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 4.5  |          |
| 120 | 110120 | 022210008195 | LƯƠNG QUỐC      | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 7.0  |          |
| 121 | 110121 | 022210011836 | LÝ QUANG        | KHÁNH | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 5.0  |          |
| 122 | 110122 | 022310002826 | LÝ THỊ MINH     | KHÁNH | 10/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 123 | 110123 | 022210005968 | NINH QUỐC       | KHÁNH | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 2.25         | 6.0   | 4.25 |          |
| 124 | 110124 | 022210011087 | TÔ NAM          | KHÁNH | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu            | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.25         | 5.6   | 4.75 |          |
| 125 | 110125 | 022210006540 | NGUYỄN DUY      | KHIÊM | 11/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.0          | 6.0   | 4.25 |          |
| 126 | 110126 | 022210002525 | TRIỆU VĂN       | KHOAN | 24/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 127 | 110127 | 022310009238 | LỤC THỊ NGỌC    | KHUÊ  | 03/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.75         | 6.2   | 4.5  |          |
| 128 | 110128 | 022210008699 | LÝ VĂN          | KIÊN  | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 129 | 110129 | 022210006929 | HOÀNG TUẤN      | KIỆT  | 30/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 130 | 110130 | 022310002301 | CHU THÚY        | KIỀU  | 17/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 4.5  |          |
| 131 | 110131 | 022310005926 | BÀN THỊ         | LAN   | 11/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 5.5  |          |
| 132 | 110132 | 022310006006 | HOÀNG MAI       | LAN   | 22/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.25 |          |
| 133 | 110133 | 022310008129 | HOÀNG THỊ NGỌC  | LAN   | 24/04/2010 | Quảng Ninh. | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 3.75 |          |
| 134 | 110134 | 022310011639 | NIỆM THỊ NGỌC   | LAN   | 19/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu            | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 5.25 |          |
| 135 | 110135 | 022310011567 | VI NGỌC         | LAN   | 04/11/2010 | Bắc Giang   | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 136 | 110136 | 022210001317 | VI TÙNG         | LÂM   | 17/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 4.0  |          |
| 137 | 110137 | 022310001282 | ĐÀM THỊ         | LỆ    | 02/12/2010 | Quảng Ninh. | Nữ        | Sán Chay           | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 138 | 110138 | 022310002640 | BÀN THỊ THÙY    | LINH  | 05/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Khác               | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 2.25         | 5.8   | 3.25 |          |
| 139 | 110139 | 022210008306 | BÀN TÀI         | LINH  | 22/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 2.75         | 6.0   | 2.5  |          |
| 140 | 110140 | 022310010689 | LỘC MAI         | LINH  | 14/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.25 |          |
| 141 | 110141 | 022310004696 | LÝ THỊ          | LINH  | 19/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 2.0          | 5.6   | 4.0  |          |
| 142 | 110142 | 022310001570 | NGUYỄN THỊ THÙY | LINH  | 01/12/2010 | Bắc Giang   | Nữ        | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 2.25 |          |
| 143 | 110143 | 022310004629 | PHẠM KHÁNH      | LINH  | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 9.0  |          |
| 144 | 110144 | 022310007117 | TRIỆU HÀ        | LINH  | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 3.25 |          |
| 145 | 110145 | 022310008308 | TRIỆU KHÁNH     | LINH  | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 1.5          | 5.4   | 1.0  |          |
| 146 | 110146 | 022310011064 | VI THỊ DIỆU     | LINH  | 08/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 1.75 |          |
| 147 | 110147 | 022210008664 | NINH GIA        | LONG  | 17/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 2.5          | 6.6   | 2.75 |          |
| 148 | 110148 | 022210002266 | TÔ ÍCH          | LỢI   | 10/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu            | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 3.5          | 7.2   | 4.5  |          |
| 149 | 110149 | 022310005564 | PHẠM THÚY       | LUÂN  | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 3.0  |          |
| 150 | 110150 | 022310010720 | NGUYỄN THỊ      | LUYẾN | 12/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 4.5  |          |
| 151 | 110151 | 022310004018 | TRIỆU NGỌC      | LUYẾN | 13/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 3.25 |          |
| 152 | 110152 | 022210001545 | TRIỆU ĐỨC       | LƯƠNG | 03/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 153 | 110153 | 022310002092 | BÀN THỊ KHÁNH   | LY    | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 2.5  |          |
| 154 | 110154 | 022210005853 | ĐẶNG HỒNG       | MẠNH  | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 3.75         | 6.4   | 3.0  |          |
| 155 | 110155 | 022210010685 | ĐINH ĐỨC        | MẠNH  | 27/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 4.5  |          |
| 156 | 110156 | 066210010030 | BÙI TRẦN NHẬT   | MINH  | 30/11/2010 | Đắc Lắc     | Nam       | Sán Chay           | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 8.25 |          |
| 157 | 110157 | 022210006232 | CHU BÌNH        | MINH  | 09/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 2.0          | 6.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|-------------|-----------|--------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |             |           |                    |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 158 | 110158 | 022210006892 | ĐÀM NHẬT         | MINH   | 15/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 5.5  |          |
| 159 | 110159 | 022310002634 | ĐÀM THỊ THÚY     | MINH   | 04/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 2.75 |          |
| 160 | 110160 | 022210005191 | HOÀNG GIA        | MINH   | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 2.75         | 6.8   | 3.0  |          |
| 161 | 110161 | 022210009009 | LA ĐỨC           | MINH   | 16/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay (Sán Chì) | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 2.0          | 6.4   | 3.75 |          |
| 162 | 110162 | 022210012098 | NGUYỄN PHÚC BẢO  | MINH   | 02/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.5          | 8.4   | 4.25 |          |
| 163 | 110163 | 022210008933 | NÔNG NHẬT        | MINH   | 23/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 4.75         | 8.6   | 5.75 |          |
| 164 | 110164 | 022210010179 | VI ĐỨC NHẬT      | MINH   | 19/04/2010 | Hải Dương   | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.25         | 9.4   | 7.75 |          |
| 165 | 110165 | 022310002106 | HOÀNG THỊ SI     | MY     | 27/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 3.0          | 5.8   | 3.0  |          |
| 166 | 110166 | 022310011738 | TRẦN LÊ          | NA     | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay           | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 3.0  |          |
| 167 | 110167 | 022210006362 | TÔ BẢO           | NAM    | 29/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 3.75 |          |
| 168 | 110168 | 022310001884 | ĐINH THÚY        | NGA    | 03/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 2.75         | 5.0   | 3.0  |          |
| 169 | 110169 | 022310006507 | TẶNG THỊ         | NGA    | 20/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 170 | 110170 | 022210001751 | TRIỆU CHIU       | NGÂN   | 19/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 1.25         | 4.8   | 3.25 |          |
| 171 | 110171 | 022310004806 | VY THỊ           | NGÂN   | 18/10/2010 | Quảng Ninh. | Nữ        | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.75         | 4.6   | 2.5  |          |
| 172 | 110172 | 022310003830 | LƯƠNG XUÂN       | NGHI   | 22/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 4.5  |          |
| 173 | 110173 | 022310004977 | VI HOÀNG BẢO     | NGHI   | 24/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 3.5  |          |
| 174 | 110174 | 022210003266 | ĐÀM QUANG        | NGHI   | 08/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 1.75         | 5.0   | 1.75 |          |
| 175 | 110175 | 022210011402 | CHIU QUANG       | NGHĨA  | 29/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 1.75         | 4.2   | 1.5  |          |
| 176 | 110176 | 022210006937 | ĐẶNG GIA         | NGHĨA  | 05/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 1.75 |          |
| 177 | 110177 | 022310006332 | CAO NGUYỄN THANH | NGỌC   | 22/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Bãi Cháy             | Tiếng Anh | 4.25         | 7.2   | 5.25 |          |
| 178 | 110178 | 012210001465 | NGUYỄN ĐÌNH      | NGUYỄN | 01/03/2010 | Bắc Ninh    | Nam       |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 3.5  |          |
| 179 | 110179 | 022210010849 | NGUYỄN TRẦN SƠN  | NGUYỄN | 27/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.25 |          |
| 180 | 110180 | 022210007683 | NÔNG HOÀNG       | NGUYỄN | 30/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 3.25         | 5.0   | 3.25 |          |
| 181 | 110181 | 022310010506 | ĐẶNG THỊ KIM     | NGUYỆT | 27/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 3.0  |          |
| 182 | 110182 | 022310000410 | ĐÀM THỊ YẾN      | NHI    | 09/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay           | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 3.75 |          |
| 183 | 110183 | 022310007905 | HOÀNG THỊ        | NHI    | 21/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 2.25 |          |
| 184 | 110184 | 022310001881 | LÊ YẾN           | NHI    | 02/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 5.0  |          |
| 185 | 110185 | 022310008472 | NGUYỄN THẢO      | NHI    | 02/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 3.0          | 5.4   | 5.5  |          |
| 186 | 110186 | 022310010728 | NỊNH THỊ         | NHI    | 20/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 3.25 |          |
| 187 | 110187 | 022310002318 | TRIỆU THỊ HOÀN   | NHI    | 17/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 3.75 |          |
| 188 | 110188 | 022310006373 | ĐẶNG THỊ HỒNG    | NHUNG  | 03/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 189 | 110189 | 022310005928 | TRIỆU TÂM        | NHƯ    | 30/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 8.25         | 5.8   | 5.5  |          |
| 190 | 110190 | 022210000888 | HOÀNG MẠNH       | NINH   | 02/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 3.25         | 7.2   | 3.5  |          |
| 191 | 110191 | 022310006142 | HOÀNG THỊ HẢI    | NINH   | 05/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 2.75 |          |
| 192 | 110192 | 022310011691 | TRIỆU THỊ        | NINH   | 04/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 4.25 |          |
| 193 | 110193 | 031210011715 | PHẠM THÀNH       | PHAN   | 02/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 5.25 |          |
| 194 | 110194 | 022210007735 | LÝ VĂN           | PHÚC   | 10/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.0          | 7.6   | 2.25 |          |
| 195 | 110195 | 022210009342 | DỊP ANH          | PHƯƠNG | 09/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu            | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 3.75 |          |
| 196 | 110196 | 022310002122 | NGUYỄN THU       | PHƯƠNG | 28/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 5.75 |          |
| 197 | 110197 | 022310010186 | NỊNH THỊ         | PHƯƠNG | 16/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 1.75         | 6.4   | 3.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|-------------|-----------|--------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |        |            |             |           |                    |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 198 | 110198 | 022310005523 | NINH THỊ THU   | PHƯƠNG | 06/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 4.25         | 7.8   | 6.0  |          |
| 199 | 110199 | 022310001469 | LOAN BÍCH      | PHƯƠNG | 24/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 5.75 |          |
| 200 | 110200 | 022210011701 | TRIỆU CHUNG    | QUANG  | 25/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 0.75         | 5.4   | 1.5  |          |
| 201 | 110201 | 022210002317 | TRẦN MẠNH      | QUÂN   | 15/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.25 |          |
| 202 | 110202 | 022210005631 | NINH XUÂN      | QUYỀN  | 09/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay           | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 203 | 110203 | 022210012259 | HOÀNG VĂN      | QUYẾT  | 12/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 3.25 |          |
| 204 | 110204 | 022310005028 | LA THÚY        | QUỲNH  | 23/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 3.75 |          |
| 205 | 110205 | 022310005372 | NINH NHƯ       | QUỲNH  | 06/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay           | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 8.1          | 6.2   | 6.0  |          |
| 206 | 110206 | 022210006090 | LÊ MINH        | SƠN    | 10/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 8.0  |          |
| 207 | 110207 | 020210006872 | TRIỆU VĂN      | TÀI    | 01/04/2010 | Lạng Sơn    | Nam       | Dao                | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 3.75 |          |
| 208 | 110208 | 022210002898 | TRẦN MẠNH      | TÂN    | 10/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 209 | 110209 | 022210006944 | CHỈU CHÂN      | THÁI   | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 2.0          | 5.4   | 3.75 |          |
| 210 | 110210 | 022209008215 | LA HÙNG        | THÁI   | 16/12/2009 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay           | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 4.25 |          |
| 211 | 110211 | 022209012663 | LỮU TIẾN       | THÀNH  | 10/12/2009 | Quảng Ninh  | Nam       | Hoa                | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 1.75         | 3.6   | 3.5  |          |
| 212 | 110212 | 022310009126 | NGÔ THANH      | THẢO   | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.25 |          |
| 213 | 110213 | 022310010265 | VI THỊ THANH   | THẢO   | 06/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 4.75 |          |
| 214 | 110214 | 022210008021 | MỄ TOÀN        | THẮNG  | 23/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.0          | 4.8   | 3.0  |          |
| 215 | 110215 | 022210003442 | TRIỆU QUANG    | THẾ    | 30/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 2.25         | 5.6   | 2.5  |          |
| 216 | 110216 | 022210005039 | TRIỆU NGỌC     | THỊ    | 09/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 2.5          | 5.0   | 2.5  |          |
| 217 | 110217 | 022210008775 | HOÀNG ĐỨC      | THIỆN  | 13/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 4.5  |          |
| 218 | 110218 | 022310008258 | NGUYỄN ÁNH     | THIỆN  | 12/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu            | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 6.0  |          |
| 219 | 110219 | 022210012366 | NGUYỄN THÀNH   | THIỆN  | 16/03/2010 | Hà Nội      | Nam       | Dao                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.75 |          |
| 220 | 110220 | 022210002154 | CHỈU XUÂN      | THỊNH  | 07/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 221 | 110221 | 022310002549 | DƯƠNG ANH      | THƠ    | 15/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.0          | 5.2   | 4.0  |          |
| 222 | 110222 | 022310010000 | LÃ KIM         | THƠ    | 23/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 3.5          | 6.4   | 4.0  |          |
| 223 | 110223 | 022210008158 | NGUYỄN MINH    | THUẤN  | 17/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 3.0          | 5.4   | 2.75 |          |
| 224 | 110224 | 022310003952 | DƯƠNG NGUYỆT   | THUY   | 12/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 3.0  |          |
| 225 | 110225 | 022310001897 | NINH THỊ KIM   | THÚY   | 19/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 4.0  |          |
| 226 | 110226 | 022310008261 | PHẦN THỊ       | THÚY   | 26/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 4.25 |          |
| 227 | 110227 | 022310003654 | HOÀNG THỊ MINH | THƯ    | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 5.0  |          |
| 228 | 110228 | 022310010033 | BAN THỊ KIM    | THƯƠNG | 07/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 4.0          | 7.2   | 2.75 |          |
| 229 | 110229 | 022310001222 | PHẠM HOÀI      | THƯƠNG | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 2.5  |          |
| 230 | 110230 | 022310006091 | HỒ THỊ THUY    | TIẾN   | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | THCS Đồn Đạc              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 2.5  |          |
| 231 | 110231 | 022210005796 | TÔ HUY         | TOÀN   | 30/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 2.75 |          |
| 232 | 110232 | 022310004675 | BAN THỊ        | TRANG  | 25/05/2010 | Quảng Ninh. | Nữ        | Sán Chay           | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 233 | 110233 | 022309010831 | BÀN THỊ        | TRANG  | 07/04/2009 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 3.5  |          |
| 234 | 110234 | 022310010287 | BÀN THU        | TRANG  | 02/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 4.5          | 6.8   | 3.0  |          |
| 235 | 110235 | 022310011349 | HOÀNG THU      | TRANG  | 24/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 236 | 110236 | 022310003004 | LINH THỊ       | TRANG  | 29/03/2010 | Đắk Lắk     | Nữ        | Dao                | TH và THCS Đồn Đạc        | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 3.25 |          |
| 237 | 110237 | 022310005096 | TRIỆU QUỲNH    | TRANG  | 11/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|--------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                    |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 238 | 110238 | 022310007092 | LÝ HUYỀN        | TRÂM   | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.5  |          |
| 239 | 110239 | 022310004867 | LÝ THỊ NGỌC     | TRÂM   | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 5.25 |          |
| 240 | 110240 | 022310008586 | TRẦN KHÁNH      | TRÂM   | 02/07/2010 | Đồng Nai   | Nữ        | Sán Chay           | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 3.0  |          |
| 241 | 110241 | 022210005690 | VI XUÂN         | TRIỆU  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 4.75 |          |
| 242 | 110242 | 022310003137 | TRẦN THỊ KIỀU   | TRINH  | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay           | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 243 | 110243 | 022210007015 | NINH QUỐC       | TRỌNG  | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chì) | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 2.0          | 5.6   | 3.75 |          |
| 244 | 110244 | 022310010437 | ĐÀM THỊ THANH   | TRÚC   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 2.25 |          |
| 245 | 110245 | 022210001677 | ĐÀO VĂN         | TRUNG  | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 2.5          | 7.0   | 3.0  |          |
| 246 | 110246 | 022210012044 | LỤC VĂN         | TRUYỀN | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Khác               | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 3.25         | 6.0   | 2.75 |          |
| 247 | 110247 | 022210001680 | CHỈU CẨM        | TRƯỜNG | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 1.5          | 7.0   | 2.75 |          |
| 248 | 110248 | 022210008957 | NINH QUANG      | TRƯỜNG | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 2.5          | 6.4   | 2.5  |          |
| 249 | 110249 | 022210006389 | NINH TUẤN       | TÚ     | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 2.0          | 4.8   | 2.25 |          |
| 250 | 110250 | 022210004521 | PHẠM HOÀNG TUẤN | TÚ     | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 2.75         | 7.0   | 5.0  |          |
| 251 | 110251 | 022210003105 | HOÀNG MINH      | TUẤN   | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 5.0  |          |
| 252 | 110252 | 022210005270 | ĐẶNG MẠNH       | TÙNG   | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 2.5          | 6.0   | 2.75 |          |
| 253 | 110253 | 022210001936 | HỒ THANH        | TÙNG   | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 3.0  |          |
| 254 | 110254 | 022210004232 | MÔNG VĂN        | TÙNG   | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay           | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 255 | 110255 | 022210011480 | MỄ HẢI          | TUYỀN  | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Khác               | THCS Đạp Thanh            | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 2.75 |          |
| 256 | 110256 | 024310015016 | NGUYỄN THỊ KIM  | TUYỀN  | 03/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 5.25 |          |
| 257 | 110257 | 022310002536 | MỄ THỊ          | TUYẾT  | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Khác               | TH và THCS Thanh Sơn      | Tiếng Anh | 1.75         | 5.6   | 4.0  |          |
| 258 | 110258 | 022310001680 | TRIỆU THỊ ÁNH   | TUYẾT  | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 3.75 |          |
| 259 | 110259 | 022310011647 | LÝ PHƯƠNG       | UYỀN   | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 5.5  |          |
| 260 | 110260 | 022310007387 | NINH THỊ TỎ     | UYỀN   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 8.5          | 6.0   | 4.5  |          |
| 261 | 110261 | 022310011316 | CHỈU KIM        | VĂN    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 5.75 |          |
| 262 | 110262 | 022310008676 | HÀ THỊ KIM      | VĂN    | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 3.25 |          |
| 263 | 110263 | 022310003555 | ĐẶNG THỊ KIỀU   | VI     | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 4.0  |          |
| 264 | 110264 | 022210000461 | HOÀNG THỂ       | VINH   | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 2.75         | 7.2   | 6.25 |          |
| 265 | 110265 | 022210001739 | HỒ QUANG        | VINH   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 4.0  |          |
| 266 | 110266 | 022210009124 | ĐẶNG DẦU DUY    | VŨ     | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 2.5          | 5.8   | 3.0  |          |
| 267 | 110267 | 022210003358 | ĐÌNH HOÀNG      | VŨ     | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 8.25 |          |
| 268 | 110268 | 022210003675 | NIỆM THIÊN      | VŨ     | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu            | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 5.75 |          |
| 269 | 110269 | 022310005745 | HOÀNG THỊ HÀ    | VY     | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Thị trấn Ba Chẽ      | Tiếng Anh | 3.5          | 7.0   | 3.75 |          |
| 270 | 110270 | 022310006449 | LÝ THỊ KIỀU     | VY     | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 4.0  |          |
| 271 | 110271 | 022310006612 | MỄ THUY         | VY     | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay           | TH và THCS Thanh Lâm      | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 2.5  |          |
| 272 | 110272 | 022310003067 | NGUYỄN TƯỜNG    | VY     | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 273 | 110273 | 022310003149 | TRIỆU TƯỜNG     | VY     | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đồn Đặc              | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 5.0  |          |
| 274 | 110274 | 022310007042 | KHÚC HÀ         | XINH   | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | TH và THCS Lương Mông     | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 6.25 |          |
| 275 | 110275 | 022210004130 | LÝ BÌNH         | YÊN    | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 6.25 |          |
| 276 | 110276 | 022310006768 | LÝ THỊ HOÀNG    | YÊN    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường TH và THCS Nam Sơn | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 5.25 |          |
| 277 | 110277 | 022310007788 | NINH BẢO        | YÊN    | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | PTDT Nội Trú Ba Chẽ       | Tiếng Anh | 3.25         | 6.2   | 5.25 |          |

| Đơn vị: Trường THPT Ba Chẽ (22000740) |        |              |          |     |            |            |           |                    |                      |           |              |       |      |         |
|---------------------------------------|--------|--------------|----------|-----|------------|------------|-----------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                   | SBD    | Số CCCD      | Họ tên   |     | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                       |        |              |          |     |            |            |           |                    |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 278                                   | 110278 | 022310004714 | NỊNH HẢI | YÊN | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Thị trấn Ba Chẽ | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 5.75 |         |
| 279                                   | 110279 | 022310003610 | PHẠM BẢO | YÊN | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Thị trấn Ba Chẽ | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 4.0  |         |

(Danh sách này gồm có 279 thí sinh)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



SỞ GDĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 120001 | 022210000073 | HOÀNG VŨ AN         | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 2.75 |          |
| 2   | 120002 | 022210003493 | LÝ ĐỨC AN           | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 3.0  |          |
| 3   | 120003 | 022310004031 | BẾ NGỌC ANH         | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 6.5  |          |
| 4   | 120004 | 022210000774 | ĐÀO NGUYỄN DUY ANH  | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 7.5  |          |
| 5   | 120005 | 022310008687 | HÀ THỊ KIM ANH      | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.75 |          |
| 6   | 120006 | 022210011159 | HỨA VŨ THIÊN ANH    | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 3.75 |          |
| 7   | 120007 | 022210007948 | LÊ HẢI ANH          | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.75         | 6.6   | 4.75 |          |
| 8   | 120008 | 022210006203 | LIÊU VIỆT ANH       | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 4.25 |          |
| 9   | 120009 | 022210010416 | NGUYỄN ĐỨC ANH      | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 6.25 |          |
| 10  | 120010 | 001309056174 | NGUYỄN KIỀU ANH     | 23/06/2009 | Hà Nội     | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 6.25 |          |
| 11  | 120011 | 022310002870 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 4.25 |          |
| 12  | 120012 | 022310003193 | NGUYỄN QUỲNH ANH    | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.0  |          |
| 13  | 120013 | 022310009587 | NGUYỄN THẢO ANH     | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 5.5  |          |
| 14  | 120014 | 022210010844 | NGUYỄN TUẤN ANH     | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 6.25 |          |
| 15  | 120015 | 022210004213 | PHẠM CHÍ ANH        | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 6.75 |          |
| 16  | 120016 | 022310009929 | PHẠM NGUYỄN BẢO ANH | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 17  | 120017 | 022310004022 | PHẠM THỊ QUỲNH ANH  | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 3.75 |          |
| 18  | 120018 | 022310010870 | TÀNG NGỌC ANH       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 6.5  |          |
| 19  | 120019 | 022210008846 | TRẦN ĐỨC ANH        | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 3.25 |          |
| 20  | 120020 | 022310009155 | VI HỒNG ANH         | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 4.5  |          |
| 21  | 120021 | 022210002765 | VŨ PHAN ANH         | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 5.25 |          |
| 22  | 120022 | 022310008187 | BÙI NGỌC ANH        | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 5.75 |          |
| 23  | 120023 | 022310002151 | TRƯƠNG NGỌC ANH     | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 24  | 120024 | 022210004363 | ĐÀO DUY BÁCH        | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 2.0          | 7.4   | 4.25 |          |
| 25  | 120025 | 033210005630 | CHU MINH GIA BẢO    | 15/02/2010 | Hung Yên   | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 1.25         | 8.0   | 6.5  |          |
| 26  | 120026 | 022210001066 | HÀ GIA BẢO          | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.25         | 7.6   | 4.75 |          |
| 27  | 120027 | 022210012436 | TRẦN GIA BẢO        | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.75         | 7.6   | 8.0  |          |
| 28  | 120028 | 022310011460 | BÀN THỊ NGỌC BÍCH   | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 6.25 |          |
| 29  | 120029 | 022310005662 | NGUYỄN NGỌC BÍCH    | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.5  |          |
| 30  | 120030 | 030310015508 | VŨ THỊ NGỌC BÍCH    | 27/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 31  | 120031 | 022310009186 | ĐẶNG THỊ ANH BÌNH   | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 32  | 120032 | 022210006983 | PHẠM THANH BÌNH     | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 5.75 |          |
| 33  | 120033 | 024210003135 | GIÁP VĂN BÌNH       | 13/12/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 8.5  |          |
| 34  | 120034 | 022310011112 | PHẠM THỊ CHÂM       | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.75 |          |
| 35  | 120035 | 022310004251 | ĐINH THỊ YẾN CHI    | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 2.5          | 5.0   | 3.5  |          |
| 36  | 120036 | 022310012584 | HOÀNG LAN CHI       | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 5.5  |          |

Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 37  | 120037 | 022310005062 | HOÀNG THỊ KIM    | CHI   | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Điền Xá                   | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 3.0  |          |
| 38  | 120038 | 022310001833 | HOÀNG YẾN        | CHI   | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.0  |          |
| 39  | 120039 | 022310007176 | LÊ NGỌC          | CHI   | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.5  |          |
| 40  | 120040 | 022310002689 | MÃ THỊ KIM       | CHI   | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 4.25 |          |
| 41  | 120041 | 022310001289 | NGUYỄN HOÀNG YẾN | CHI   | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 7.5  |          |
| 42  | 120042 | 022310011868 | NGUYỄN THÙY      | CHI   | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 3.0          | 5.8   | 4.25 |          |
| 43  | 120043 | 022310007059 | PHẠM THÙY        | CHI   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 3.0          | 6.4   | 4.0  |          |
| 44  | 120044 | 022310006531 | TÀNG NGỌC        | CHI   | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.5  |          |
| 45  | 120045 | 022210002943 | VŨ NGUYỄN THÀNH  | CÔNG  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.25         | 4.8   | 7.25 |          |
| 46  | 120046 | 022210001987 | NGUYỄN QUỐC      | CƯỜNG | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 6.5  |          |
| 47  | 120047 | 022210000053 | LÊ CHÍ           | CƯỜNG | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | n Chay (Sán C    | THCS Bãi Cháy                        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 6.75 |          |
| 48  | 120048 | 022310005043 | PHÙN LÝ          | DIỆM  | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 7.25 |          |
| 49  | 120049 | 022310008459 | PHẠM THỊ BÍCH    | DIỆP  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 1.0  |          |
| 50  | 120050 | 022310005251 | TRẦN HUYỀN       | DIỆU  | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 5.75 |          |
| 51  | 120051 | 022310009495 | CHOÓNG DỊU       | DỊU   | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 52  | 120052 | 022310003577 | HÀ MINH          | DUNG  | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 1.75         | 2.8   | 3.5  |          |
| 53  | 120053 | 022210006201 | HOÀNG MẠNH       | DỪNG  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | n Chay (Sán C    | TH và THCS Đại Dục 2                 | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 3.75 |          |
| 54  | 120054 | 022210009368 | HOÀNG TIẾN       | DỪNG  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 9.0  |          |
| 55  | 120055 | 022210011324 | HOÀNG TRUNG      | DỪNG  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 6.75 |          |
| 56  | 120056 | 022210003572 | LÝ NGỌC          | DỪNG  | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 6.5  |          |
| 57  | 120057 | 022210012540 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG  | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.25 |          |
| 58  | 120058 | 030210006374 | PHẠM ĐỨC         | DỪNG  | 27/05/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 6.0  |          |
| 59  | 120059 | 022210012187 | PHÙN QUAY        | DỪNG  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.5  |          |
| 60  | 120060 | 022210002088 | BẾ QUỐC          | DUY   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.75 |          |
| 61  | 120061 | 022210006871 | LÝ QUỐC          | DUY   | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 1.5  |          |
| 62  | 120062 | 022210004619 | NGUYỄN ĐÌNH      | DUY   | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 63  | 120063 | 022210003293 | NGUYỄN HOÀNG     | DUY   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 5.75 |          |
| 64  | 120064 | 022310002334 | NGUYỄN THỊ MỸ    | DUYỀN | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 3.25 |          |
| 65  | 120065 | 022210007946 | ĐẶNG VĂN         | ĐẠO   | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 4.0  |          |
| 66  | 120066 | 022210009818 | ĐỖ VĂN           | ĐẠT   | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 3.0  |          |
| 67  | 120067 | 022210011178 | HOÀNG MẠNH       | ĐẠT   | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 68  | 120068 | 022210008859 | NGUYỄN THÀNH     | ĐẠT   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.0  |          |
| 69  | 120069 | 022210006054 | VOÔNG VĂN        | ĐẠT   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 70  | 120070 | 022210006506 | DƯƠNG HAI        | ĐẮNG  | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 6.5  |          |
| 71  | 120071 | 022210011542 | HOÀNG MINH       | ĐẮNG  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 1.0  |          |
| 72  | 120072 | 022210009300 | VI HẢI           | ĐẮNG  | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 4.75 |          |
| 73  | 120073 | 022210012430 | PHOÔNG VIỆT      | ĐÓA   | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 74  | 120074 | 022210002371 | DƯƠNG TRƯỜNG     | GIANG | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 2.5  |          |
| 75  | 120075 | 022310004583 | LƯƠNG HÀ         | GIANG | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 7.5  |          |

Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 76  | 120076 | 022310003795 | NGUYỄN VŨ THUỶ  | GIANG | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 6.0  |          |
| 77  | 120077 | 022310006090 | TRẦN THỊ HƯƠNG  | GIANG | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 6.75         | 2.8   | 6.25 |          |
| 78  | 120078 | 022310003124 | ĐÀM NGỌC        | HÀ    | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.25 |          |
| 79  | 120079 | 022310004315 | ĐỖ TRẦN THIÊN   | HÀ    | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.75 |          |
| 80  | 120080 | 022310008141 | NGUYỄN BÍCH     | HÀ    | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 6.25 |          |
| 81  | 120081 | 022310010613 | NGUYỄN THÁI     | HÀ    | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.5  |          |
| 82  | 120082 | 022310004497 | NGUYỄN THÚY     | HÀ    | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 7.0  |          |
| 83  | 120083 | 022310002088 | NINH THỊ YÊN    | HÀ    | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | n Chay (Sán C    | TH và THCS Đại Dục 2                 | Tiếng Anh | 3.25         | 6.6   | 4.5  |          |
| 84  | 120084 | 022310000976 | PHẠM KHÁNH      | HÀ    | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.25 |          |
| 85  | 120085 | 022210002318 | DƯƠNG HOÀNG     | HẢI   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 5.0          | 2.0   | 3.75 |          |
| 86  | 120086 | 030210000637 | ĐỖ VĂN          | HẢI   | 15/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 6.5  |          |
| 87  | 120087 | 022210011574 | HOÀNG MINH      | HẢI   | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | n Chay (Sán C    | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 5.5  |          |
| 88  | 120088 | 022210005433 | LÂM NGỌC        | HẢI   | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 89  | 120089 | 022210001198 | NGUYỄN HOÀNG    | HẢI   | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 8.0  |          |
| 90  | 120090 | 022210003508 | NGUYỄN TẤN      | HẢI   | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 5.0  |          |
| 91  | 120091 | 022310011505 | NÔNG THỊ MỸ     | HẠNH  | 17/03/2010 | Lạng Sơn   | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 4.25 |          |
| 92  | 120092 | 022310006480 | CHÓONG THỊ MINH | HĂNG  | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 5.0  |          |
| 93  | 120093 | 022310007374 | ĐỖ THỦY         | HÂN   | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 94  | 120094 | 022310000982 | LÊ NGỌC         | HÂN   | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.5  |          |
| 95  | 120095 | 022310008031 | LÊ NGUYỄN BẢO   | HÂN   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 6.75 |          |
| 96  | 120096 | 022310002304 | LÊ THỊ BẢO      | HÂN   | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 4.25 |          |
| 97  | 120097 | 001310057962 | NGUYỄN GIA      | HÂN   | 18/02/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 5.25 |          |
| 98  | 120098 | 022310009496 | TRƯƠNG THỊ BẢO  | HÂN   | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 99  | 120099 | 022310003292 | HOÀNG BÍCH      | HẬU   | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 4.0  |          |
| 100 | 120100 | 022210006088 | NGUYỄN HUY      | HẬU   | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 6.25 |          |
| 101 | 120101 | 022310009903 | TRÌNH THỦY      | HIỀN  | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 1.75 |          |
| 102 | 120102 | 022210001564 | DIỆP TÚ         | HIỀN  | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 1.75         | 4.6   | 2.5  |          |
| 103 | 120103 | 022210006301 | NGUYỄN KHẮC     | HIỆP  | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 2.75 |          |
| 104 | 120104 | 022210002457 | HOÀNG TRUNG     | HIẾU  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 6.5  |          |
| 105 | 120105 | 022210008124 | LIÊU XUÂN       | HIẾU  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 106 | 120106 | 022210007932 | LÝ ĐĂNG         | HIẾU  | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 5.0  |          |
| 107 | 120107 | 022210012401 | PHOÒNG VĂN      | HIẾU  | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.5  |          |
| 108 | 120108 | 022310008391 | LÀNH MINH       | HOÀI  | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 5.25 |          |
| 109 | 120109 | 022310010041 | BÙI THU         | HOÀN  | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.75 |          |
| 110 | 120110 | 022310002148 | TRẦN THỊ NGỌC   | HOÀN  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 6.5  |          |
| 111 | 120111 | 022210004399 | HÀ XUÂN         | HOÀNG | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 112 | 120112 | 022210003056 | LÝ MANH         | HOÀNG | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 4.25 |          |
| 113 | 120113 | 022210011775 | LÝ CHUNG        | HUÂN  | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 5.75 |          |
| 114 | 120114 | 022210012031 | LÊ VĂN          | HUẤN  | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.25 |          |

Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 115 | 120115 | 022310007253 | TÀNG THỊ HUỆ          | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 116 | 120116 | 022210003829 | BÙI GIA HUY           | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 2.75 |          |
| 117 | 120117 | 022210007240 | ĐINH MẠNH HUY         | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 5.0  |          |
| 118 | 120118 | 022210012304 | LÊ KHÁNH HUY          | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 4.75 |          |
| 119 | 120119 | 022210002454 | LÊ KHÁNH HUY          | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 10.0  | 8.5  |          |
| 120 | 120120 | 022210010033 | NGUYỄN GIA HUY        | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 3.75 |          |
| 121 | 120121 | 022210004590 | PHOÒNG QUANG HUY      | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 8.0  |          |
| 122 | 120122 | 022210003609 | TRẦN GIA HUY          | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 5.5  |          |
| 123 | 120123 | 022310001440 | CHÍU THỊ THU HUYỀN    | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 4.0  |          |
| 124 | 120124 | 022310002201 | ĐỖ THANH HUYỀN        | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 6.0  |          |
| 125 | 120125 | 022310011217 | HÀ THU HUYỀN          | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 6.0  |          |
| 126 | 120126 | 022310006215 | PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN   | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.0  |          |
| 127 | 120127 | 022310001280 | VŨ THANH HUYỀN        | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 128 | 120128 | 022210007491 | HOÀNG TẤN HÙNG        | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.5  |          |
| 129 | 120129 | 022210005305 | LỤC MẠNH HÙNG         | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | n Chay (Sán C    | TH và THCS Đại Dực 2                 | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 4.25 |          |
| 130 | 120130 | 022210002774 | PHẠM CHÂN HÙNG        | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 4.75 |          |
| 131 | 120131 | 022210001777 | TÀNG PHÚC HÙNG        | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 132 | 120132 | 022210007045 | TÔ GIA HÙNG           | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 5.0  |          |
| 133 | 120133 | 022210003601 | TÔ TRUNG HÙNG         | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.75 |          |
| 134 | 120134 | 022310003945 | LÊ NGỌC HƯƠNG         | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 135 | 120135 | 022310002093 | NGÔ THU HƯƠNG         | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.75 |          |
| 136 | 120136 | 022310001169 | PHÙNG THỊ THANH HƯƠNG | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 6.5  |          |
| 137 | 120137 | 022210012541 | HOÀNG TRUNG HỮU       | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 1.75         | 3.6   | 2.0  |          |
| 138 | 120138 | 022210008429 | NGUYỄN VĂN KHẢ        | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 4.25 |          |
| 139 | 120139 | 031210011512 | ĐẶNG NGUYỄN KHẢI      | 19/06/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 5.25 |          |
| 140 | 120140 | 022210002660 | LƯU BẢO KHANG         | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 7.25 |          |
| 141 | 120141 | 022210011104 | CHỈU GIA KHÁNH        | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.75 |          |
| 142 | 120142 | 022210002116 | NGUYỄN VĂN KHÁNH      | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 4.0  |          |
| 143 | 120143 | 022210001721 | PHẠM NAM KHÁNH        | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.0  |          |
| 144 | 120144 | 022210006521 | ĐÀO ANH KHOA          | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.5  |          |
| 145 | 120145 | 022210005458 | CAO ĐĂNG KHÔI         | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 4.5  |          |
| 146 | 120146 | 022210002459 | HOÀNG GIA KIÊN        | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 6.0  |          |
| 147 | 120147 | 022210009723 | ĐÀO MINH KIẾT         | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 2.75         | 3.8   | 3.5  |          |
| 148 | 120148 | 030310016318 | VŨ HỒNG KIỀU          | 09/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 5.0  |          |
| 149 | 120149 | 022310009969 | TRƯƠNG THỊ GIA KIM    | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay         | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.0  |          |
| 150 | 120150 | 022310011470 | VŨ HỒNG KỶ            | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 6.0  |          |
| 151 | 120151 | 022310009382 | VOÔNG THỊ LÂM         | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | n Chay (Sán C    | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 4.75 |          |
| 152 | 120152 | 022210004064 | NGUYỄN SƠN LÂM        | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 8.6   | 6.5  |          |
| 153 | 120153 | 022310001819 | BÙI THỊ MAI LINH      | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 8.0          | 5.0   | 7.5  |          |

Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 154 | 120154 | 022310008831 | CHÍU HOÀNG GIA   | LINH  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 2.75 |          |
| 155 | 120155 | 022310006248 | LƯƠNG THỊ PHƯƠNG | LINH  | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 5.5  |          |
| 156 | 120156 | 022310009593 | NGUYỄN KIỀU      | LINH  | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 6.75 |          |
| 157 | 120157 | 022310001277 | PHẠM GIA         | LINH  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 7.5  |          |
| 158 | 120158 | 022310004979 | PHẠM PHƯƠNG      | LINH  | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 8.0  |          |
| 159 | 120159 | 022310008516 | TRẦN KHÁNH       | LINH  | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 4.0  |          |
| 160 | 120160 | 022310006890 | TRỊNH THỊ NGỌC   | LINH  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 5.0  |          |
| 161 | 120161 | 022310004339 | VŨ THÙY          | LINH  | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 3.0  |          |
| 162 | 120162 | 022210006194 | BÙI XUÂN         | LONG  | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 8.0  |          |
| 163 | 120163 | 022210007529 | CHU MINH         | LONG  | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 6.0  |          |
| 164 | 120164 | 022210001871 | LÝ TUẤN          | LONG  | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 165 | 120165 | 022210008106 | TRẦN VĂN THÀNH   | LONG  | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.5  |          |
| 166 | 120166 | 022210006413 | VŨ NHẬT          | LONG  | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 5.25 |          |
| 167 | 120167 | 022210006047 | HOÀNG THIỆU      | LUÂN  | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.75 |          |
| 168 | 120168 | 022210005326 | LÝ BÌNH          | LUÂN  | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 4.25 |          |
| 169 | 120169 | 022310005389 | BÙI THỊ KHÁNH    | LY    | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 3.25 |          |
| 170 | 120170 | 022310008028 | HOÀNG NGỌC       | MẦN   | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 3.75 |          |
| 171 | 120171 | 022310003677 | TRẦN THỊ         | MIỀN  | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 6.75         | 2.8   | 4.5  |          |
| 172 | 120172 | 022210009468 | ĐỖ TUẤN          | MINH  | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 2.75 |          |
| 173 | 120173 | 022210005187 | HOÀNG VĂN        | MINH  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 2.75 |          |
| 174 | 120174 | 022210004881 | PHÙNG NHẬT       | MINH  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 175 | 120175 | 022310008205 | HOÀNG HÀ         | MY    | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.25 |          |
| 176 | 120176 | 022310005611 | HOÀNG TRÀ        | MY    | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 4.75 |          |
| 177 | 120177 | 022310004653 | TÀNG LỆ          | MY    | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.25 |          |
| 178 | 120178 | 022310004737 | VŨ TRÀ           | MY    | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 5.0  |          |
| 179 | 120179 | 022210002009 | HOÀNG HẢI        | NAM   | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 180 | 120180 | 022210004648 | NGÔ KHÁNH        | NAM   | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 6.5  |          |
| 181 | 120181 | 022210001765 | NINH HẢI         | NAM   | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | n Chay (Sán C    | TH và THCS Đại Dục 2                 | Tiếng Anh | 1.75         | 3.0   | 5.0  |          |
| 182 | 120182 | 022210007973 | PHẠM BẢO         | NAM   | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 7.5  |          |
| 183 | 120183 | 022310003056 | PHÙNG THỊ        | NGA   | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 184 | 120184 | 022310005313 | VI THỊ HUYỀN     | NGA   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 5.25 |          |
| 185 | 120185 | 051310003459 | ĐẶNG THỊ         | NGÂN  | 10/10/2010 | Quảng Ngãi | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 4.5  |          |
| 186 | 120186 | 022310007056 | ĐINH VI          | NGÂN  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.5  |          |
| 187 | 120187 | 022310009442 | HOÀNG KIM        | NGÂN  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.0  |          |
| 188 | 120188 | 022310008015 | SÀM THU          | NGÂN  | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.25 |          |
| 189 | 120189 | 022210004227 | NÔNG ĐẠI         | NGHĨA | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 7.0  |          |
| 190 | 120190 | 022310007156 | BÙI BẢO          | NGỌC  | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 5.75 |          |
| 191 | 120191 | 022310007886 | ĐINH THỊ BẢO     | NGỌC  | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 3.5  |          |
| 192 | 120192 | 022310008925 | ĐINH THỊ BÍCH    | NGỌC  | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.25         | 5.6   | 6.25 |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 193 | 120193 | 022310002971 | LƯƠNG MINH      | NGỌC   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 7.0  |          |
| 194 | 120194 | 022310005441 | NGÔ BẢO         | NGỌC   | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 6.75 |          |
| 195 | 120195 | 022310003516 | NGUYỄN PHẠM BẢO | NGỌC   | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.75 |          |
| 196 | 120196 | 022310001351 | NINH THỊ BÍCH   | NGỌC   | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | n Chay (Sán C    | TH và THCS Đại Dực 2                 | Tiếng Anh | 1.25         | 4.8   | 2.75 |          |
| 197 | 120197 | 022310004486 | PHÙNG BẢO       | NGỌC   | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.25 |          |
| 198 | 120198 | 022310010336 | VŨ ÁNH          | NGỌC   | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 3.5  |          |
| 199 | 120199 | 022209002135 | BÙI VŨ          | NGUYỄN | 04/10/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 5.75 |          |
| 200 | 120200 | 022210008744 | NGUYỄN LÊ HẢI   | NGUYỄN | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 2.0          | 5.8   | 4.5  |          |
| 201 | 120201 | 022210005028 | TRẦN ĐÌNH       | NGUYỄN | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 202 | 120202 | 022310006824 | CAO HỒNG        | NGUYỆT | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 4.0  |          |
| 203 | 120203 | 022310001042 | TRẦN THỊ THU    | NGUYỆT | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 4.5  |          |
| 204 | 120204 | 022310001442 | ĐOÀN THỊ THANH  | NHÂN   | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 5.0  |          |
| 205 | 120205 | 022210001149 | NGUYỄN ĐỨC      | NHẬT   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.5  |          |
| 206 | 120206 | 022310011365 | HÀ THỊ YẾN      | NHI    | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 3.5  |          |
| 207 | 120207 | 022310004267 | KỶ NGỌC         | NHI    | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.5  |          |
| 208 | 120208 | 022310010890 | NGUYỄN YẾN      | NHI    | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 5.5  |          |
| 209 | 120209 | 022310001430 | VI THỦY         | NHI    | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 4.75 |          |
| 210 | 120210 | 022210011562 | TÔ HẠO          | NHIÊN  | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.25         | 5.4   | 5.25 |          |
| 211 | 120211 | 022310003489 | TÔ HOÀI         | NHIÊN  | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 6.25 |          |
| 212 | 120212 | 022310007989 | PHÙNG THỊ NGỌC  | NHUNG  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 213 | 120213 | 022310008204 | BÀN ĐIỂM        | NHƯ    | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 2.25 |          |
| 214 | 120214 | 022310007474 | HOÀNG TÂM       | NHƯ    | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 6.25 |          |
| 215 | 120215 | 022310005964 | LƯƠNG ÁNH       | NHƯ    | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 4.25 |          |
| 216 | 120216 | 022310005866 | LÝ TÂM          | NHƯ    | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 5.75 |          |
| 217 | 120217 | 022310010225 | NÔNG THỊ TÂM    | NHƯ    | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 4.0  |          |
| 218 | 120218 | 022210004209 | ĐẶNG MINH       | NIEU   | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 6.75 |          |
| 219 | 120219 | 022210005435 | BẾ GIA          | NINH   | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 9.8   | 8.5  |          |
| 220 | 120220 | 022210007753 | TÀNG TIỀN       | NINH   | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 221 | 120221 | 022310006724 | LỤC THỊ KIỀU    | OANH   | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | n Chay (Sán C    | TH và THCS Đại Dực 2                 | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 4.75 |          |
| 222 | 120222 | 022310010113 | TÀNG THỊ KIM    | OANH   | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.5  |          |
| 223 | 120223 | 020210001070 | ĐÌNH HỒNG       | PHONG  | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 4.75 |          |
| 224 | 120224 | 022210008667 | KHÔNG ĐÌNH      | PHONG  | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.5  |          |
| 225 | 120225 | 022210003291 | PHẠM QUỐC       | PHONG  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 4.25 |          |
| 226 | 120226 | 022210011493 | LÊ ĐẠI          | PHÚ    | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 6.75 |          |
| 227 | 120227 | 022210009362 | NGUYỄN HẢI      | PHÚC   | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 5.25 |          |
| 228 | 120228 | 022210003283 | TÀO VĨNH        | PHÚC   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 7.0  |          |
| 229 | 120229 | 022210010827 | LƯU NGỌC        | PHƯƠNG | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 5.5  |          |
| 230 | 120230 | 022310005802 | PHẠM THỊ HOÀI   | PHƯƠNG | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 2.75 |          |
| 231 | 120231 | 022310001538 | TRẦN THỊ MAI    | PHƯƠNG | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.75         | 1.8   | 3.5  |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|----------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |                |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 232 | 120232 | 022310002740 | VŨ MINH PHƯƠNG        | 17/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 3.25 |          |
| 233 | 120233 | 031210008102 | BÙI VINH QUANG        | 10/01/2010 | Hải Phòng      | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 4.25 |          |
| 234 | 120234 | 022210009359 | HOÀNG NHẬT QUANG      | 18/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.0  |          |
| 235 | 120235 | 022210006273 | NGUYỄN HỒNG QUANG     | 28/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 8.0  |          |
| 236 | 120236 | 022210012036 | PHẠM HỮU QUANG        | 15/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 3.5  |          |
| 237 | 120237 | 022210009314 | CHỈU VĂN QUÂN         | 04/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 238 | 120238 | 022210002096 | NGÔ HỒNG QUÂN         | 09/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.0  |          |
| 239 | 120239 | 022210009238 | LỤC DANH QUYẾT        | 07/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 7.25 |          |
| 240 | 120240 | 022310005332 | ĐINH THỊ NHƯ QUỲNH    | 20/02/2010 | Hải Phòng      | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 4.0  |          |
| 241 | 120241 | 046310008840 | NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH | 02/03/2010 | Thừa Thiên Huế | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.5  |          |
| 242 | 120242 | 022210007337 | HOÀNG KIM SANG        | 01/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 3.5  |          |
| 243 | 120243 | 022210003613 | TRẦN QUANG SÁNG       | 28/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 2.75 |          |
| 244 | 120244 | 022210011938 | TRẦN ĐỨC SINH         | 19/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 2.75 |          |
| 245 | 120245 | 022210010458 | ĐẶNG THÁI SƠN         | 09/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Sán Chay         | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 6.0  |          |
| 246 | 120246 | 022210008044 | HOÀNG MẠNH SƠN        | 18/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 5.5  |          |
| 247 | 120247 | 022210003707 | HOÀNG TÙNG SƠN        | 23/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Tày              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 5.5  |          |
| 248 | 120248 | 022210003536 | NGUYỄN THANH SƠN      | 21/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 3.5  |          |
| 249 | 120249 | 022210010397 | HOÀNG VĂN TÀI         | 21/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 5.25 |          |
| 250 | 120250 | 022210001270 | BÙI ĐAN THÀNH         | 09/05/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 5.25 |          |
| 251 | 120251 | 022210002834 | BÙI TIẾN THÀNH        | 17/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 5.25 |          |
| 252 | 120252 | 022210006032 | LỤC DANH THÀNH        | 26/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 5.0  |          |
| 253 | 120253 | 022310011104 | CHÍU THỊ THẢO         | 21/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 4.0  |          |
| 254 | 120254 | 022310004498 | ĐINH PHƯƠNG THẢO      | 25/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 3.0  |          |
| 255 | 120255 | 022310000707 | NGUYỄN THANH THẢO     | 30/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 8.25 |          |
| 256 | 120256 | 022310007560 | NÔNG THỊ THANH THẢO   | 01/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 4.5  |          |
| 257 | 120257 | 022310009135 | VŨ THANH THẢO         | 10/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 3.75 |          |
| 258 | 120258 | 022310001127 | VY THỊ THẢO           | 28/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 5.75 |          |
| 259 | 120259 | 022310002146 | LÝ THỊ THẨM           | 23/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.5  |          |
| 260 | 120260 | 022210005111 | LONG VĂN THẮNG        | 29/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 2.5  |          |
| 261 | 120261 | 022210006382 | NGUYỄN VĂN THẮNG      | 25/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 6.75 |          |
| 262 | 120262 | 022210003303 | TÔ QUYẾT THẮNG        | 04/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Tày              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 2.75         | 5.6   | 4.0  |          |
| 263 | 120263 | 022210010705 | CAM ĐỨC THẾ           | 01/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 5.25 |          |
| 264 | 120264 | 022210007553 | PHÙNG TÚ THIÊM        | 09/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.0  |          |
| 265 | 120265 | 022210002962 | ĐẶNG MINH THIÊN       | 30/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Dao              | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 3.5  |          |
| 266 | 120266 | 022210001305 | BÙI DUY THIỆN         | 11/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 2.5  |          |
| 267 | 120267 | 022210000768 | KIM NGỌC THỊNH        | 04/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.75 |          |
| 268 | 120268 | 022310006959 | LÝ THỊ NGỌC THOA      | 12/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 5.5  |          |
| 269 | 120269 | 022310002218 | CHU THỊ THƠM          | 06/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 3.25 |          |
| 270 | 120270 | 022310006583 | TRẦN THỊ QUỲNH THƠM   | 24/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              |        | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|--------|------------|-----------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |        |            |                 |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 271 | 120271 | 022310002316 | LƯƠNG NGUYỄN THANH  | THU    | 04/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 6.0  |          |
| 272 | 120272 | 022210007656 | TRẦN NGỌC           | THU    | 20/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 5.25 |          |
| 273 | 120273 | 022310008634 | CHÍU THANH          | THÚY   | 22/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 5.25 |          |
| 274 | 120274 | 022310010182 | CHIỀNG THỊ          | THÚY   | 04/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 275 | 120275 | 022310007528 | CAM ANH             | THƯ    | 26/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 276 | 120276 | 022310007182 | ĐẶNG ANH            | THƯ    | 29/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.0  |          |
| 277 | 120277 | 022310010321 | NGUYỄN ANH          | THƯ    | 06/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 278 | 120278 | 022310004761 | NGUYỄN HÀ           | THƯ    | 07/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 7.5  |          |
| 279 | 120279 | 022310007607 | NGUYỄN THỊ THANH    | THƯ    | 03/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tày              | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.75 |          |
| 280 | 120280 | 022310007489 | PHẠM ANH            | THƯ    | 05/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 5.75 |          |
| 281 | 120281 | 022310011726 | PHẠM THỊ ANH        | THƯ    | 25/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 3.0  |          |
| 282 | 120282 | 022310002065 | ĐỖ ANH              | THY    | 25/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 6.75 |          |
| 283 | 120283 | 022310011345 | NGUYỄN BẢO          | THY    | 12/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 6.75 |          |
| 284 | 120284 | 022310005015 | PHẠM KHÁNH          | THY    | 20/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 6.75 |          |
| 285 | 120285 | 022310001111 | LÀNH THỦY           | TIỀN   | 28/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 3.75 |          |
| 286 | 120286 | 022310003080 | SỀNH HẢI            | TIỀN   | 28/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 2.75 |          |
| 287 | 120287 | 022310008423 | TRỊNH THỦY          | TIỀN   | 06/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.25 |          |
| 288 | 120288 | 022210009452 | LÝ XUÂN             | TIỀN   | 13/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Dao              | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.25         | 2.4   | 5.75 |          |
| 289 | 120289 | 022210011132 | NGUYỄN VĂN          | TOÀN   | 25/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 8.5  |          |
| 290 | 120290 | 022310002831 | ĐẶNG THỊ            | TRANG  | 14/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 291 | 120291 | 022310007195 | HOÀNG THỦY          | TRANG  | 17/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 4.5  |          |
| 292 | 120292 | 022310006579 | KHÔNG THU           | TRANG  | 31/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 6.0  |          |
| 293 | 120293 | 022310008618 | NGUYỄN THỊ THU      | TRANG  | 27/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 2.5  |          |
| 294 | 120294 | 022310010003 | PHÍ QUỲNH           | TRANG  | 17/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 5.75 |          |
| 295 | 120295 | 022310004597 | SẦN THU             | TRANG  | 20/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Chay         | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.75 |          |
| 296 | 120296 | 022310003729 | TRẦN HUYỀN          | TRANG  | 13/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 4.25 |          |
| 297 | 120297 | 022310011912 | TRỊNH THUỖ          | TRANG  | 30/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Phong Dụ                        | Tiếng Anh | 5.0          | 7.6   | 4.75 |          |
| 298 | 120298 | 022310008133 | VOÔNG THỊ HUYỀN     | TRANG  | 30/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Dao              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 5.25 |          |
| 299 | 120299 | 022310003827 | VŨ QUỲNH            | TRANG  | 11/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 3.0  |          |
| 300 | 120300 | 022310007004 | BỂ NGỌC BẢO         | TRẦN   | 25/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tày              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 5.25 |          |
| 301 | 120301 | 022210006519 | PHÙN TIỀN           | TRƯỜNG | 15/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 302 | 120302 | 022210005626 | CHỈU XUÂN           | TRƯỜNG | 11/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 303 | 120303 | 022210005333 | LỘC XUÂN            | TRƯỜNG | 06/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 5.75 |          |
| 304 | 120304 | 022210009247 | LÝ NGỌC             | TRƯỜNG | 10/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 305 | 120305 | 022210005109 | ĐÀM QUANG           | TÚ     | 28/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 3.75 |          |
| 306 | 120306 | 094310002853 | HUỲNH PHƯƠNG VI CẨM | TÚ     | 29/04/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hà Lâu                    | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 3.75 |          |
| 307 | 120307 | 089310017786 | TRẦN THỊ CẨM        | TÚ     | 30/03/2010 | Bình Dương      | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 6.0  |          |
| 308 | 120308 | 022210003865 | BỂ MINH             | TUẤN   | 11/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 8.25 |          |
| 309 | 120309 | 022209012651 | NGÔ THÁI            | TUẤN   | 25/09/2009 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 8.0  |          |



Đơn vị: Trường THCS và THPT Tiên Yên (22000707)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 310 | 120310 | 022210008585 | CHIẾNG MINH     | TÙNG  | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 311 | 120311 | 022210007183 | ĐỖ THANH        | TÙNG  | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 5.75 |          |
| 312 | 120312 | 022210010249 | TÔ NGỌC         | TÙNG  | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.75 |          |
| 313 | 120313 | 022210006114 | BÀN CHÂU        | TUYỀN | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Hà Lâu                    | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 4.0  |          |
| 314 | 120314 | 022310002874 | ĐỖ THỊ THANH    | TUYỀN | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Yên Than                  | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.25 |          |
| 315 | 120315 | 022310006753 | TRẦN THANH      | TUYỀN | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.25 |          |
| 316 | 120316 | 022310009489 | TRẦN THANH      | TUYỀN | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 4.25 |          |
| 317 | 120317 | 022310000655 | HÀ MAI          | TUYẾT | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 318 | 120318 | 033310003050 | ĐẶNG THỊ TỐ     | UYÊN  | 26/10/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 319 | 120319 | 022310006042 | HOÀNG PHƯƠNG    | UYÊN  | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 6.25 |          |
| 320 | 120320 | 022310006901 | TRẦN TỐ         | UYÊN  | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.5  |          |
| 321 | 120321 | 022310005576 | LÝ THỊ          | VẦY   | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | n Chay (Sán C    | TH và THCS Đại Dục 2                 | Tiếng Anh | 1.5          | 3.2   | 1.75 |          |
| 322 | 120322 | 022310005452 | HOÀNG THỊ HẢI   | VÂN   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 4.25 |          |
| 323 | 120323 | 022310009272 | LẠI THỊ THÙY    | VÂN   | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hà Lâu                    | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 5.75 |          |
| 324 | 120324 | 022310011457 | LÝ NGÔ THANH    | VÂN   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 5.75 |          |
| 325 | 120325 | 022310009989 | NGUYỄN THẢO     | VI    | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 2.5  |          |
| 326 | 120326 | 022310009824 | TÔ NGỌC YẾN     | VI    | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.0  |          |
| 327 | 120327 | 022210001812 | CHIẾNG QUAY     | VĨ    | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 328 | 120328 | 022210011686 | HÀ DUY          | VIÊN  | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 5.25 |          |
| 329 | 120329 | 022310001045 | HÀ THỊ          | VIÊN  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 4.75 |          |
| 330 | 120330 | 022210010842 | SẢN ĐỨC         | VIỆT  | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 8.0  |          |
| 331 | 120331 | 022210008314 | KHÔNG ĐÌNH      | VINH  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên Lãng                       | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 332 | 120332 | 022210010473 | HOÀNG NGUYỄN    | VŨ    | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Diên Xá                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.25 |          |
| 333 | 120333 | 022210011145 | LÊ TRẦN UY      | VŨ    | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.5  |          |
| 334 | 120334 | 022310005801 | CHIẾNG KIỀU     | VY    | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 335 | 120335 | 022310006242 | DƯƠNG HÀ        | VY    | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 6.25 |          |
| 336 | 120336 | 022310012613 | HOÀNG MAI       | VY    | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 6.75 |          |
| 337 | 120337 | 022310007851 | LÊ TUỒNG        | VY    | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.75 |          |
| 338 | 120338 | 022310001845 | NGÔ KHÁNH       | VY    | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.0  |          |
| 339 | 120339 | 022310001367 | PHẠM THỊ PHƯƠNG | VY    | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 5.75 |          |
| 340 | 120340 | 022310007541 | PHẠM THÙY       | VY    | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 8.75 |          |
| 341 | 120341 | 022210010344 | ĐOÀN ĐỨC        | XUÂN  | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đồng Rui                  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 4.0  |          |
| 342 | 120342 | 022310011992 | TÀNG THỊ        | YÊN   | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 343 | 120343 | 022310004027 | HOÀNG HẢI       | YẾN   | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Tiên Yên         | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 7.25 |          |
| 344 | 120344 | 022310007120 | NGUYỄN HOÀNG    | YẾN   | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hải Lạng                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.75 |          |

(Danh sách này gồm có 344 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Hải Đông (22000818)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 130001 | 022310006178 | LÊ TRẦN BẢO ANH       | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 4.5  |          |
| 2   | 130002 | 022210004489 | LƯƠNG HOÀNG ANH       | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 4.5  |          |
| 3   | 130003 | 022310006782 | TRẦN NGỌC LAN ANH     | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 7.75 |          |
| 4   | 130004 | 022310003364 | VOÔNG THI LAN ANH     | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 5   | 130005 | 022310011003 | VŨ THỊ PHƯƠNG ANH     | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 4.25 |          |
| 6   | 130006 | 010210000285 | PHẠM GIA BẢO          | 05/01/2010 | Lào Cai    | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.75         | 8.0   | 7.25 |          |
| 7   | 130007 | 022210003382 | TÔ GIA BẢO            | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 8.0  |          |
| 8   | 130008 | 022310010797 | TRIỆU THIÊN NGỌC BÍCH | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 2.0  |          |
| 9   | 130009 | 022310007576 | LÝ CHÍU TƯƠNG BIÊN    | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.0  |          |
| 10  | 130010 | 022310010754 | HÀ VŨ MINH CHÂU       | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.5          | 1.6   | 4.75 |          |
| 11  | 130011 | 022310009332 | HÀ YẾN CHI            | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 3.25 |          |
| 12  | 130012 | 022210012645 | HÀ TIÊU CHUÂN         | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 3.75 |          |
| 13  | 130013 | 022310010255 | HOÀNG THỊ CÚC         | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 3.0  |          |
| 14  | 130014 | 022210009076 | PHẠM ĐỨC CƯỜNG        | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 8.25 |          |
| 15  | 130015 | 022210005534 | VŨ ĐỨC CƯỜNG          | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 5.0  |          |
| 16  | 130016 | 022310001059 | NGUYỄN HUYỀN DIỆU     | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.5          | 2.6   | 5.5  |          |
| 17  | 130017 | 022309003997 | TRẠC THỊ DIỆU         | 16/03/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 2.5          | 4.8   | 1.75 |          |
| 18  | 130018 | 022310002976 | TRẦN THỊ HUYỀN DIỆU   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 5.25 |          |
| 19  | 130019 | 022210004495 | HOÀNG VĂN DU          | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 2.75         | 4.8   | 2.0  |          |
| 20  | 130020 | 022210005134 | CHÍU MINH DUY         | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 2.0          | 4.6   | 2.5  |          |
| 21  | 130021 | 022210005047 | NGUYỄN ĐỨC DUY        | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 3.5  |          |
| 22  | 130022 | 022210004283 | SỸ PHẠM QUANG DUY     | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu            | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 1.5          | 4.0   | 3.75 |          |
| 23  | 130023 | 022210008370 | TRẠC VĂN DUY          | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 1.75         | 2.8   | 3.5  |          |
| 24  | 130024 | 022210005702 | TRỊNH HÀ MINH DUY     | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.0          | 7.6   | 5.0  |          |
| 25  | 130025 | 022310011520 | ĐÌNH THỊ DUYỀN        | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 2.5          | 1.8   | 2.25 |          |
| 26  | 130026 | 022210004144 | LÊ TIẾN ĐẠI           | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 1.75         | 3.2   | 1.75 |          |
| 27  | 130027 | 022210001921 | HOÀNG BÙI TIẾN ĐẠT    | 27/05/2010 | Đồng Nai   | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 2.75 |          |
| 28  | 130028 | 022210006117 | LẠC TIẾN ĐẠT          | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 0.25 |          |
| 29  | 130029 | 022210011139 | HÀ HẢI ĐĂNG           | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 7.75         | 1.8   | 5.75 |          |
| 30  | 130030 | 022210011954 | CHU MINH ĐỨC          | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 2.75 |          |
| 31  | 130031 | 022310006698 | NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG  | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 5.5  |          |
| 32  | 130032 | 022210001392 | CHU VIỆT HÀ           | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 5.5  |          |
| 33  | 130033 | 022310004993 | GIÁP THỊ NGÂN HÀ      | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.4   | 4.5  |          |
| 34  | 130034 | 022310002011 | LẠC HẢI HÀ            | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 6.5  |          |
| 35  | 130035 | 022210004861 | SỸ HOÀNG HÀ           | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu            | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 36  | 130036 | 022310010628 | LƯƠNG THU HĂNG        | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Hải Đông (22000818)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                    |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 37  | 130037 | 022310006593 | VŨ THÚY HĂNG         | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.5          | 1.0   | 1.5  |         |
| 38  | 130038 | 022310009196 | LƯƠNG THỊ NGỌC HÂN   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 3.5  |         |
| 39  | 130039 | 022310010669 | PHẠM NGỌC HÂN        | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 6.75 |         |
| 40  | 130040 | 022310010390 | TRẦN TÔ KHÁNH HẬU    | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 3.25 |         |
| 41  | 130041 | 022310009906 | LƯƠNG THỊ HIỀN       | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.75 |         |
| 42  | 130042 | 022310004057 | NINH THỊ THU HIỀN    | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.75 |         |
| 43  | 130043 | 022310007856 | PHẠM THỊ THU HIỀN    | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 4.75 |         |
| 44  | 130044 | 022310008333 | TÔ THỊ HIỀN          | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 8.0          | 4.4   | 6.75 |         |
| 45  | 130045 | 022310010909 | HOÀNG THỊ HOA        | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 7.5  |         |
| 46  | 130046 | 022310009738 | CHỊU THỊ TRANG HUỆ   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 4.0  |         |
| 47  | 130047 | 022210006628 | LỘC VĂN HÙNG         | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 3.25 |         |
| 48  | 130048 | 022210009278 | NGUYỄN XUÂN HÙNG     | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.0          | 2.2   | 1.75 |         |
| 49  | 130049 | 022210006507 | HOÀNG ANH HUY        | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 2.5          | 2.2   | 4.75 |         |
| 50  | 130050 | 022210001483 | LƯƠNG ĐỨC HUY        | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 5.5  |         |
| 51  | 130051 | 022210008739 | VŨ QUỐC HUY          | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 5.0  |         |
| 52  | 130052 | 022310008184 | HOÀNG THỊ THU HUYỀN  | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 4.25 |         |
| 53  | 130053 | 022210011677 | LÊ ANH HÙNG          | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 1.25 |         |
| 54  | 130054 | 022210002193 | TÔ TUẤN HÙNG         | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng               | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 7.0  |         |
| 55  | 130055 | 022310008295 | CHỊU THỊ LAN HƯƠNG   | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.0          | 2.4   | 5.75 |         |
| 56  | 130056 | 022310001862 | HÀ THỊ HƯƠNG         | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 4.5  |         |
| 57  | 130057 | 022310001129 | LÝ THỊ LAN HƯƠNG     | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 7.5          | 5.2   | 6.75 |         |
| 58  | 130058 | 022310002799 | NINH THỊ DIỄM HƯƠNG  | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Đại Dực 1                 | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 3.5  |         |
| 59  | 130059 | 022310002730 | TÀNG THỊ HƯƠNG       | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Đại Dực 1                 | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 3.0  |         |
| 60  | 130060 | 022210009127 | NGUYỄN DUY KHANH     | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 1.75         | 4.0   | 1.25 |         |
| 61  | 130061 | 022210002734 | BÙI NAM KHÁNH        | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 6.25 |         |
| 62  | 130062 | 022210001070 | NGUYỄN DUY KHÁNH     | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 1.25         | 1.6   | 1.0  |         |
| 63  | 130063 | 022210013213 | TRIỆU GIA KHÁNH      | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chì) | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.25 |         |
| 64  | 130064 | 022210005072 | VŨ XUÂN KHÁNH        | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.25         | 2.4   | 3.5  |         |
| 65  | 130065 | 022210009262 | LƯƠNG ĐĂNG KHOA      | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 6.25 |         |
| 66  | 130066 | 022310010577 | TÔ BÍCH LỆ           | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 5.0  |         |
| 67  | 130067 | 022310009840 | ĐÀO THỊ DIỆU LINH    | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.25         | 2.0   | 6.0  |         |
| 68  | 130068 | 022310001306 | HÀ DIỆU LINH         | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 2.0  |         |
| 69  | 130069 | 022310007090 | HOÀNG THỊ DIỆU LINH  | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 5.5  |         |
| 70  | 130070 | 022310004302 | LÊ PHƯƠNG LINH       | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 7.75 |         |
| 71  | 130071 | 022310010939 | NINH THỊ THỦY LINH   | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Đại Dực 1                 | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 5.25 |         |
| 72  | 130072 | 022310005884 | TÀNG THỊ PHƯƠNG LINH | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.0  |         |
| 73  | 130073 | 022210011433 | CHỊU THIÊN LONG      | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 4.75 |         |
| 74  | 130074 | 022210002358 | LƯƠNG HẢI LONG       | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 4.0  |         |
| 75  | 130075 | 022210011768 | PHẠM NHẬT LONG       | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 6.5  |         |
| 76  | 130076 | 022210005080 | TRẦN ĐỨC LONG        | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.25 |         |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Hải Đông (22000818)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 77  | 130077 | 022310006019 | HOÀNG THỊ LƯƠNG       | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.75 |          |
| 78  | 130078 | 022310003441 | ĐỖ KHÁNH LY           | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 3.75 |          |
| 79  | 130079 | 022310002760 | NINH VĂN LY           | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 5.0  |          |
| 80  | 130080 | 022310011881 | TÔ KHÁNH LY           | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 3.75 |          |
| 81  | 130081 | 022310007486 | TÔ KHÁNH LY           | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 6.75 |          |
| 82  | 130082 | 022310006048 | LÝ THỊ MAI            | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 83  | 130083 | 022310005355 | NGUYỄN THỊ MAI        | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 4.25 |          |
| 84  | 130084 | 022210005459 | LÊ VĂN MINH           | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 3.25 |          |
| 85  | 130085 | 022310009207 | ĐẶNG VŨ TRÀ MY        | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 86  | 130086 | 022310006989 | MẠC TRÀ MY            | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 4.25 |          |
| 87  | 130087 | 022310010080 | NINH THỊ PHƯƠNG NAM   | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | TH và THCS Đại Dục 1                 | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.75 |          |
| 88  | 130088 | 022210001326 | TÀNG VĂN NAM          | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 4.0  |          |
| 89  | 130089 | 022310002080 | TRẦN THÚY NGÀ         | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 90  | 130090 | 022310003028 | TÔ THỊ HỒNG NGÁT      | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.0  |          |
| 91  | 130091 | 022310005677 | HOÀNG THỊ KIM NGÂN    | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 5.25 |          |
| 92  | 130092 | 022310004591 | PHẠM THÚY NGÂN        | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 6.25 |          |
| 93  | 130093 | 022310012001 | HÀ THỊ NGÂN           | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 4.75 |          |
| 94  | 130094 | 022310002469 | HÀ NHẬT NGHĨA         | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.25         | 3.0   | 6.0  |          |
| 95  | 130095 | 022310010126 | BÙI ÁNH NGỌC          | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 4.75 |          |
| 96  | 130096 | 022310007977 | LÊ HÀ BẢO NGỌC        | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 2.75 |          |
| 97  | 130097 | 022310004943 | NGUYỄN BẢO NGỌC       | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 2.25 |          |
| 98  | 130098 | 022310008492 | HOÀNG THỊ THẢO NGUYỄN | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 7.0  |          |
| 99  | 130099 | 022210007506 | PHÙNG MINH NGUYỄN     | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 3.0  |          |
| 100 | 130100 | 022310010945 | CHỊU THỊ MINH NGUYỆT  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 4.25 |          |
| 101 | 130101 | 022310006062 | LÃ THỊ THANH NHÂN     | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 3.25 |          |
| 102 | 130102 | 022210004023 | NGUYỄN VĂN NHẬT       | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 5.75 |          |
| 103 | 130103 | 022310003351 | HÀ HƯƠNG NHI          | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 5.25 |          |
| 104 | 130104 | 022310004293 | NÔNG THỊ YÊN NHI      | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 6.25 |          |
| 105 | 130105 | 022310009282 | LÊ HỒNG NHUNG         | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 4.25 |          |
| 106 | 130106 | 022310007898 | NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ    | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 5.5  |          |
| 107 | 130107 | 022310011458 | NGÔ KIỀU OANH         | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 5.75 |          |
| 108 | 130108 | 022310006481 | TRẦN KIỀU OANH        | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 7.0  |          |
| 109 | 130109 | 022210001098 | NGUYỄN THÁI PHIÊN     | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.25         | 2.2   | 5.25 |          |
| 110 | 130110 | 022210012388 | HÀ ANH PHONG          | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 5.75 |          |
| 111 | 130111 | 022210007852 | VŨ THUƠNG PHONG       | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 6.0  |          |
| 112 | 130112 | 022210004182 | PHẠM THÀNH PHÚ        | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 4.75 |          |
| 113 | 130113 | 022210001621 | TRẦN MINH PHÚC        | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.75 |          |
| 114 | 130114 | 022310000783 | NINH THỊ PHƯƠNG       | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 5.0  |          |
| 115 | 130115 | 022210001311 | LÝ MẠNH QUANG         | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 116 | 130116 | 022210012537 | CHỊU XUÂN QUÝ         | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 5.25 |          |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Hải Đông (22000818)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|--------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                    |                                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 117 | 130117 | 022310008192 | NGUYỄN HỒNG QUỲEN     | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 5.5  |         |
| 118 | 130118 | 022310005378 | CHỊU NHƯ QUỲNH        | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 3.75 |         |
| 119 | 130119 | 022310006367 | ĐOÀN TÚ QUỲNH         | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 4.25 |         |
| 120 | 130120 | 022310007402 | LÊ THỊ HUƠNG QUỲNH    | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.5  |         |
| 121 | 130121 | 022310010955 | NỀNH THỊ QUỲNH        | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 5.5  |         |
| 122 | 130122 | 022310011108 | PHẠM NHƯ QUỲNH        | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 5.0  |         |
| 123 | 130123 | 022310005543 | TÔ NHƯ QUỲNH          | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 6.5  |         |
| 124 | 130124 | 022210005725 | ĐÌNH QUANG SƠN        | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 3.25 |         |
| 125 | 130125 | 022310009887 | CHỊU THỊ THANH        | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 3.75 |         |
| 126 | 130126 | 022210008677 | LƯƠNG LÊ THANH        | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 7.25 |         |
| 127 | 130127 | 022310009665 | SẦN MỘC THANH         | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 3.25 |         |
| 128 | 130128 | 022310008963 | TÔ THỊ PHƯƠNG THANH   | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.0          | 3.4   | 5.75 |         |
| 129 | 130129 | 022310002456 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 3.0  |         |
| 130 | 130130 | 022310009670 | TRẦN THỊ THẢO         | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 131 | 130131 | 022210003188 | PHẠM QUỐC THẮNG       | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 4.75 |         |
| 132 | 130132 | 022210006175 | VI ĐỨC THỊNH          | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 7.5  |         |
| 133 | 130133 | 022210006134 | LỤC VĂN THỌ           | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 6.75 |         |
| 134 | 130134 | 022310006478 | CHỊU THỊ MINH THU     | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 3.0  |         |
| 135 | 130135 | 022310006821 | NGUYỄN THỊ THU        | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 7.0  |         |
| 136 | 130136 | 022310007208 | LÊ THANH THỦY         | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 3.5  |         |
| 137 | 130137 | 022310000678 | ĐÌNH THỊ THU THỦY     | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 4.5  |         |
| 138 | 130138 | 022310002424 | LÝ THU THỦY           | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chỉ) | TH và THCS Đại Dục 1                 | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 5.0  |         |
| 139 | 130139 | 022310001683 | LÊ HÀ NGỌC THỦY       | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.0  |         |
| 140 | 130140 | 022310005268 | TÔ THỊ THANH THỦY     | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.5          | 3.0   | 5.25 |         |
| 141 | 130141 | 022310001670 | ĐẶNG DIỆP ANH THƯ     | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 5.75 |         |
| 142 | 130142 | 022310006581 | LÝ THỊ THUƠNG         | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.75 |         |
| 143 | 130143 | 022210002487 | HOÀNG XUÂN TIỀN       | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày                | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.0          | 6.2   | 4.5  |         |
| 144 | 130144 | 022310010100 | TÔ HỒNG TRÀ           | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 4.75 |         |
| 145 | 130145 | 022310007632 | HÀ THỊ HUYỀN TRANG    | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 3.25 |         |
| 146 | 130146 | 022310007816 | LƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.5  |         |
| 147 | 130147 | 022310002768 | PHẠM THỦY TRANG       | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 2.5  |         |
| 148 | 130148 | 022310010146 | TÔ THỦY TRANG         | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 2.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 149 | 130149 | 022310001051 | LÝ NGỌC TRÂM          | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao                | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 4.0  |         |
| 150 | 130150 | 022310002525 | TRẦN THỊ NGỌC TRÂM    | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu            | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 3.25 |         |
| 151 | 130151 | 022310009747 | HÀNG LÊ PHƯƠNG TRINH  | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông         | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.0  |         |
| 152 | 130152 | 022210001377 | NÌNH QUANG TRỌNG      | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Chay (Sán Chỉ) | Trường PT DTNT THCS và THPT Tiên Yên | Tiếng Anh | 4.5          | 2.0   | 4.0  |         |
| 153 | 130153 | 022210006138 | ĐÌNH THẾ TRUÔNG       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 6.25 |         |
| 154 | 130154 | 022210006486 | LƯƠNG THIÊN TRUÔNG    | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 4.25 |         |
| 155 | 130155 | 022310005106 | BÙI THỊ CẨM TÚ        | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 8.25 |         |
| 156 | 130156 | 022210005370 | LƯƠNG KHÁNH TUYỀN     | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                    | THCS Đông Ngũ                        | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 4.25 |         |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Hải Đông (22000818)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người   | Trường THCS                  | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|--------------------|------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                    |                              |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 157 | 130157 | 022310002672 | TÔ THANH TUYÊN      | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.25 |         |
| 158 | 130158 | 022310005099 | LƯƠNG CÁT TƯỜNG     | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông | Tiếng Anh | 5.25         | 8.8   | 6.75 |         |
| 159 | 130159 | 022310010750 | LOAN THỊ TÚ UYÊN    | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 4.75 |         |
| 160 | 130160 | 020310006910 | LỤC HOÀNG HƯƠNG VÂN | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày                | THCS Đông Ngũ                | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 6.75 |         |
| 161 | 130161 | 022210004516 | CHÍU MINH VIỆT      | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao                | THCS Đông Ngũ                | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 6.0  |         |
| 162 | 130162 | 038310002566 | ĐOÀN HOÀNG XUÂN     | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 2.5  |         |
| 163 | 130163 | 022310001092 | LỖ THỊ XUÂN         | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Đại Dực 1         | Tiếng Anh | 3.25         | 2.2   | 2.0  |         |
| 164 | 130164 | 022310001496 | LÊ NGỌC YẾN         | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông | Tiếng Anh | 2.75         | 2.0   | 0.75 |         |
| 165 | 130165 | 022310011521 | LỖ THỊ YẾN          | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay (Sán Chì) | TH và THCS Đại Dực 1         | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 5.25 |         |
| 166 | 130166 | 022310003444 | NGUYỄN THỊ BẢO YẾN  | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 4.75 |         |
| 167 | 130167 | 022310002223 | PHẠM THỊ HẢI YẾN    | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | Trường THCS và THPT Hải Đông | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 8.0  |         |
| 168 | 130168 | 022310010519 | TÔ HẢI YẾN          | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                    | THCS Đông Ngũ                | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 5.5  |         |

(Danh sách này gồm có 168 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 140001 | 001210012489 | CHU VĂN AN            | 21/05/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 9.0   | 7.5  |          |
| 2   | 140002 | 022210001595 | NGUYỄN VĂN AN         | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 2.75         | 5.4   | 3.75 |          |
| 3   | 140003 | 022310011492 | BÙI HÀ ANH            | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 6.75 |          |
| 4   | 140004 | 022310000705 | CHU ĐÀM CHÂU ANH      | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 7.0  |          |
| 5   | 140005 | 022209009027 | DƯƠNG QUỐC ANH        | 16/08/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 6   | 140006 | 022310004340 | ĐẶNG THỊ KIM ANH      | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 4.75 |          |
| 7   | 140007 | 022210004407 | ĐOÀN HẢI ANH          | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.0  |          |
| 8   | 140008 | 022310011761 | HÀ MINH ANH           | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 4.5  |          |
| 9   | 140009 | 022210001439 | HOÀNG VIỆT ANH        | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 6.0  |          |
| 10  | 140010 | 022210000846 | LÊ DUY ANH            | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.0          | 6.6   | 4.75 |          |
| 11  | 140011 | 022210003554 | LÊ ĐÌNH ANH           | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 7.0   | 5.75 |          |
| 12  | 140012 | 022310001622 | LÊ HÀ QUỲNH ANH       | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 6.5  |          |
| 13  | 140013 | 022310001548 | LÊ HỒNG ANH           | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 3.5  |          |
| 14  | 140014 | 022310009630 | LÊ MINH ANH           | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 5.25 |          |
| 15  | 140015 | 022310006412 | LÊ VŨ HÀ ANH          | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 16  | 140016 | 022210007960 | LƯƠNG NGỌC ANH        | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 6.0  |          |
| 17  | 140017 | 022210003357 | NGUYỄN BẢO ANH        | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 4.25 |          |
| 18  | 140018 | 022310006813 | NGUYỄN ĐÀO CHÂU ANH   | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 3.5  |          |
| 19  | 140019 | 022310006691 | NGUYỄN HỒNG CẨM ANH   | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.5  |          |
| 20  | 140020 | 022210008359 | NGUYỄN LÊ ĐỨC ANH     | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.5  |          |
| 21  | 140021 | 030310013893 | NGUYỄN NGỌC ANH       | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 5.5  |          |
| 22  | 140022 | 022210009035 | NGUYỄN THÁI HOÀNG ANH | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.75         | 5.2   | 2.5  |          |
| 23  | 140023 | 022310001119 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH  | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 1.25 |          |
| 24  | 140024 | 022310003424 | NGUYỄN THỊ HOÀI ANH   | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 5.75 |          |
| 25  | 140025 | 022310004037 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH   | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 2.0  |          |
| 26  | 140026 | 022310003669 | NÔNG NGỌC ANH         | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 27  | 140027 | 022210003157 | PHẠM HOÀNG TRUNG ANH  | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 2.75 |          |
| 28  | 140028 | 022310000731 | PHẠM THUỶ ANH         | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 5.75 |          |
| 29  | 140029 | 022210002269 | TÂY HOÀNG ANH         | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 5.75 |          |
| 30  | 140030 | 034310007537 | TRẦN LƯU HOÀNG ANH    | 07/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 6.8   | 3.0  |          |
| 31  | 140031 | 022210004121 | TÙ TUẤN ANH           | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 1.75         | 7.2   | 3.5  |          |
| 32  | 140032 | 022310011247 | VŨ CHÂU ANH           | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.75 |          |
| 33  | 140033 | 022310011361 | VŨ HOÀI ANH           | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 4.0  |          |
| 34  | 140034 | 022310006035 | VŨ PHƯƠNG ANH         | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 4.0  |          |
| 35  | 140035 | 022210009012 | VŨ TRẦN TUẤN ANH      | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 4.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 36  | 140036 | 022310003269 | BÙI THỊ ÁNH          | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 8.0          | 5.0   | 4.25 |          |
| 37  | 140037 | 022310009632 | LÊ NGỌC ÁNH          | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 6.5  |          |
| 38  | 140038 | 022310008445 | TÔ THỊ NGỌC ÁNH      | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 4.75 |          |
| 39  | 140039 | 022209002393 | ĐINH GIA BẢO         | 04/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 2.5          | 3.6   | 4.0  |          |
| 40  | 140040 | 022210004452 | ĐỖ BẢO BẢO           | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 4.5  |          |
| 41  | 140041 | 022210011219 | HOÀNG GIA BẢO        | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 6.0  |          |
| 42  | 140042 | 022210012213 | PHẠM GIA BẢO         | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 3.25 |          |
| 43  | 140043 | 022210011504 | PHẠM GIA BẢO         | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 3.25         | 5.6   | 4.25 |          |
| 44  | 140044 | 022210012451 | VŨ HÀ GIA BẢO        | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 5.5  |          |
| 45  | 140045 | 022210005483 | CHỊU XUÂN BẮC        | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 2.5          | 2.0   | 1.25 |          |
| 46  | 140046 | 022310001755 | NGUYỄN HẢI BĂNG      | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 3.5  |          |
| 47  | 140047 | 022310010800 | PHẠM HỒNG BÍCH       | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 5.75 |          |
| 48  | 140048 | 022310006931 | LÊ NGỌC BAO CHÂM     | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 7.25         | 3.4   | 4.25 |          |
| 49  | 140049 | 022310002361 | CHÂU QUỲNH CHI       | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.25         | 5.8   | 5.0  |          |
| 50  | 140050 | 022310001450 | CHU QUỲNH CHI        | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.25 |          |
| 51  | 140051 | 062310001807 | NGUYỄN THỊ BẢO CHI   | 26/11/2010 | Kon Tum    | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 4.75 |          |
| 52  | 140052 | 022310007199 | PHẠM THỊ DIỆU CHI    | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 2.5  |          |
| 53  | 140053 | 022310008624 | PHẠM THỊ KIM CHI     | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 6.75 |          |
| 54  | 140054 | 022310011239 | PHẠM THỊ MAI CHI     | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 7.25 |          |
| 55  | 140055 | 022310010480 | VŨ KHÁNH CHI         | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 6.75 |          |
| 56  | 140056 | 022210002552 | CHU BẢO CHUNG        | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.75         | 7.0   | 3.75 |          |
| 57  | 140057 | 030208013281 | LÊ VĂN CỐNG          | 02/07/2008 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 58  | 140058 | 022210011130 | NGUYỄN MẠNH CƯỜNG    | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 7.5  |          |
| 59  | 140059 | 022210004084 | TRẦN VĂN CƯỜNG       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bàn Sen        | Tiếng Anh | 1.75         | 2.8   | 1.5  |          |
| 60  | 140060 | 022310003888 | NGUYỄN BÍCH DIỆP     | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 2.25 |          |
| 61  | 140061 | 022310011908 | BÙI HUYỀN DIỆU       | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 1.5  |          |
| 62  | 140062 | 022310003062 | ĐINH HUYỀN DIỆU      | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 4.5  |          |
| 63  | 140063 | 022310011367 | NGUYỄN NGỌC DIỆU     | 09/08/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 64  | 140064 | 022310011899 | PHẠM HUYỀN DIỆU      | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 7.0  |          |
| 65  | 140065 | 022310008809 | BÙI THUỶ DINH        | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 2.0  |          |
| 66  | 140066 | 022210006546 | ĐOÀN TIẾN DŨNG       | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 3.75         | 6.6   | 6.75 |          |
| 67  | 140067 | 022210001632 | ĐỖ TIẾN DŨNG         | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 3.5          | 5.2   | 2.75 |          |
| 68  | 140068 | 022210002033 | LÊ KHẢ DŨNG          | 05/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 4.25 |          |
| 69  | 140069 | 022210004898 | LÊ QUANG DŨNG        | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | TH và THCS Bình Dân       | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 2.75 |          |
| 70  | 140070 | 022210003953 | NGUYỄN TIẾN DŨNG     | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 6.0  |          |
| 71  | 140071 | 030210019897 | TRẦN TIẾN DŨNG       | 21/05/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 7.5  |          |
| 72  | 140072 | 022210002135 | NGUYỄN ĐỨC DUY       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 5.25 |          |
| 73  | 140073 | 022310006895 | PHẠM NGUYỄN KỶ DUYỀN | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 1.75 |          |



**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|-----------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |                 |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 74  | 140074 | 022310003153 | BÙI THỊ HÀ        | DƯƠNG | 20/06/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 3.75 |         |
| 75  | 140075 | 022310005496 | HOÀNG MAI         | DƯƠNG | 11/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 9.0   | 5.5  |         |
| 76  | 140076 | 022310006076 | LƯU ĐÀO ÁNH       | DƯƠNG | 24/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.5  |         |
| 77  | 140077 | 022210005995 | NGUYỄN THÁI       | DƯƠNG | 11/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 5.5  |         |
| 78  | 140078 | 022210007892 | NGUYỄN VŨ MINH    | DƯƠNG | 20/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.5  |         |
| 79  | 140079 | 022310002961 | PHẠM MINH         | DƯƠNG | 29/08/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 4.5  |         |
| 80  | 140080 | 022210010887 | PHẠM VĨNH         | DƯƠNG | 09/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 7.0  |         |
| 81  | 140081 | 036310010696 | VŨ THỊ THÙY       | DƯƠNG | 04/07/2010 | Nam Định        | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.75 |         |
| 82  | 140082 | 030210018040 | VŨ VĂN            | DƯƠNG | 19/06/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 3.5          | 7.2   | 2.25 |         |
| 83  | 140083 | 022210008817 | NGUYỄN QUỐC       | ĐẠI   | 06/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 8.0  |         |
| 84  | 140084 | 022310006795 | ĐOÀN THỊ LINH     | ĐAN   | 22/11/2010 | Hải Dương       | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 1.25 |         |
| 85  | 140085 | 022210007271 | DƯƠNG THÀNH       | ĐẠT   | 09/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.0  |         |
| 86  | 140086 | 022210010491 | HOÀNG TIẾN        | ĐẠT   | 15/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 2.25         | 5.6   | 5.0  |         |
| 87  | 140087 | 022210003792 | LƯU TIẾN          | ĐẠT   | 17/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 2.25 |         |
| 88  | 140088 | 022210009306 | NGÔ THÀNH         | ĐẠT   | 25/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 5.5  |         |
| 89  | 140089 | 022210009477 | NGUYỄN TIẾN       | ĐẠT   | 22/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 3.5  |         |
| 90  | 140090 | 022210008162 | PHẠM QUỐC         | ĐẠT   | 05/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 1.25         | 5.2   | 3.25 |         |
| 91  | 140091 | 022210000509 | HOÀNG HẢI         | ĐĂNG  | 07/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 7.75 |         |
| 92  | 140092 | 022210012059 | BÙI HẢI           | ĐÔNG  | 12/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 7.75 |         |
| 93  | 140093 | 022210001586 | LÊ VĂN            | ĐÔNG  | 23/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 4.5  |         |
| 94  | 140094 | 022210004685 | ĐIỆP VĂN          | ĐỨC   | 14/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 3.0  |         |
| 95  | 140095 | 022210008762 | HÀ ANH            | ĐỨC   | 10/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 0.0          | 4.0   | 3.0  |         |
| 96  | 140096 | 022210003226 | LÊ MINH           | ĐỨC   | 24/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 4.5          | 6.8   | 8.0  |         |
| 97  | 140097 | 036210000488 | NGUYỄN ĐỨC        | ĐỨC   | 23/09/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 1.75         | 7.6   | 3.0  |         |
| 98  | 140098 | 022210004326 | NGUYỄN TRỊNH MINH | ĐỨC   | 06/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 8.5  |         |
| 99  | 140099 | 022210009561 | TRẦN HÒA          | ĐỨC   | 21/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 1.25         | 7.0   | 4.25 |         |
| 100 | 140100 | 022210009631 | VŨ TRUNG          | ĐỨC   | 25/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.0  |         |
| 101 | 140101 | 030310002753 | NGUYỄN TRÀ        | GIANG | 05/10/2010 | Hải Dương       | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 7.0  |         |
| 102 | 140102 | 022310007111 | PHẠM THỊ TRÀ      | GIANG | 20/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 4.75 |         |
| 103 | 140103 | 022310010478 | KHÔNG THỊ         | HÀ    | 27/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 2.75         | 6.8   | 2.0  |         |
| 104 | 140104 | 022310005554 | LÊ THU            | HÀ    | 18/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 6.25 |         |
| 105 | 140105 | 022310010990 | NGÔ PHAN THANH    | HÀ    | 08/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.25 |         |
| 106 | 140106 | 022210001411 | NGUYỄN HỮU        | HÀ    | 11/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 2.75 |         |
| 107 | 140107 | 286310000015 | NGUYỄN NGỌC       | HÀ    | 23/11/2010 | Odessa- Ucraina | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 3.5  |         |
| 108 | 140108 | 022310007609 | NGUYỄN THỊ HỒNG   | HÀ    | 05/08/2010 | Hải Dương       | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 2.0  |         |
| 109 | 140109 | 022210002127 | CHÂU VĂN          | HẢI   | 16/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 5.25         | 8.2   | 3.75 |         |
| 110 | 140110 | 022210002527 | ĐÀO ĐỨC XUÂN      | HẢI   | 31/03/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.0  |         |
| 111 | 140111 | 022210002378 | HOÀNG NGỌC        | HẢI   | 05/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.0          | 7.4   | 2.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 112 | 140112 | 022210010073 | LIÊU THANH HẢI    | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 8.25 |         |
| 113 | 140113 | 022310008053 | NGUYỄN THỊ HẢO    | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 5.25 |         |
| 114 | 140114 | 022210012111 | CHÂU GIA HẠO      | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 4.75 |         |
| 115 | 140115 | 022312012991 | NGUYỄN THU HẰNG   | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 2.25         | 3.2   | 4.0  |         |
| 116 | 140116 | 022310005706 | NGUYỄN THU HẰNG   | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 2.0  |         |
| 117 | 140117 | 022310008840 | PHẠM MINH HẰNG    | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 4.25 |         |
| 118 | 140118 | 022310000674 | BÙI PHẠM GIA HÂN  | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 2.5          | 7.0   | 4.5  |         |
| 119 | 140119 | 022310005396 | LÊ GIA HÂN        | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 6.0  |         |
| 120 | 140120 | 022310002034 | PHẠM BẢO HÂN      | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 5.5  |         |
| 121 | 140121 | 022310008985 | PHẠM LÊ NGỌC HÂN  | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 6.75 |         |
| 122 | 140122 | 022310006056 | LÊ THÚY HIỀN      | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 2.25         | 3.6   | 3.75 |         |
| 123 | 140123 | 022210011023 | LÊ QUANG HIỀN     | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 6.25 |         |
| 124 | 140124 | 022310003600 | LÝ THỊ HIỆN       | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 1.75         | 3.2   | 1.75 |         |
| 125 | 140125 | 022210008497 | PHẠM HOÀNG HIỆP   | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.25 |         |
| 126 | 140126 | 030210009083 | BÙI GIA HIẾU      | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh         | Tiếng Anh | 2.5          | 5.0   | 4.0  |         |
| 127 | 140127 | 022210010412 | HÀ MINH HIẾU      | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 1.75         | 5.2   | 3.75 |         |
| 128 | 140128 | 022210011748 | LÊ TẠ TRUNG HIẾU  | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.0  |         |
| 129 | 140129 | 022210007148 | LÊ TRUNG HIẾU     | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 7.0  |         |
| 130 | 140130 | 022210008189 | LƯU MINH HIẾU     | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 6.25 |         |
| 131 | 140131 | 022210004019 | NGUYỄN TRUNG HIẾU | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 2.0          | 2.4   | 3.0  |         |
| 132 | 140132 | 022210010389 | PHẠM TRUNG HIẾU   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 5.6   | 5.5  |         |
| 133 | 140133 | 022210004526 | TÔ ĐỨC HIẾU       | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 6.25 |         |
| 134 | 140134 | 022210002204 | TRẦN TRUNG HIẾU   | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 6.25 |         |
| 135 | 140135 | 022210011751 | TRƯƠNG MINH HIẾU  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 6.75 |         |
| 136 | 140136 | 022210010281 | TỬ GIA HIẾU       | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.5  |         |
| 137 | 140137 | 022210010677 | VŨ ĐỨC HIẾU       | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 4.5  |         |
| 138 | 140138 | 022210002639 | TRƯƠNG ĐỨC HÒA    | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.5  |         |
| 139 | 140139 | 022310000586 | TRƯƠNG THÁI HÒA   | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.0  |         |
| 140 | 140140 | 022310005955 | LƯU THỊ THU HOÀI  | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 5.75 |         |
| 141 | 140141 | 022310005369 | TÔ THU HOÀI       | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 3.75 |         |
| 142 | 140142 | 022310008112 | NGUYỄN KIM HOÀN   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 0.75         | 2.0   | 2.75 |         |
| 143 | 140143 | 022210003876 | BÙI THÁI HOÀNG    | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 6.0  |         |
| 144 | 140144 | 022210009393 | ĐỖ VIỆT HOÀNG     | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 1.0          | 3.0   | 2.75 |         |
| 145 | 140145 | 022210007555 | NGUYỄN HUY HOÀNG  | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 1.75         | 5.4   | 2.5  |         |
| 146 | 140146 | 022210001188 | PHẠM HUY HOÀNG    | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 5.0  |         |
| 147 | 140147 | 022310010036 | NGUYỄN THỊ HỒNG   | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 3.0  |         |
| 148 | 140148 | 022210009989 | TRƯƠNG ĐỨC HUÂN   | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 1.25         | 3.2   | 1.25 |         |
| 149 | 140149 | 022210004239 | CHÂU NGỌC HÙNG    | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 3.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 150 | 140150 | 022207009524 | ĐỖ ANH         | HÙNG  | 26/06/2007 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 151 | 140151 | 022210006681 | ĐỖ HUY         | HÙNG  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 3.5  |          |
| 152 | 140152 | 022210003578 | HÀ MẠNH        | HÙNG  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 4.75 |          |
| 153 | 140153 | 022210007006 | LI             | HÙNG  | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 2.75 |          |
| 154 | 140154 | 022210001724 | NGUYỄN TRÍ     | HÙNG  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 2.75 |          |
| 155 | 140155 | 022210007793 | TRẦN VĂN       | HÙNG  | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 3.25 |          |
| 156 | 140156 | 022210012089 | CHÂU GIA       | HUY   | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 5.5  |          |
| 157 | 140157 | 022210013206 | HOÀNG VŨ QUANG | HUY   | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bản Sen     | Tiếng Anh | 1.5          | 3.0   | 1.25 |          |
| 158 | 140158 | 022210006961 | NGUYỄN DƯƠNG   | HUY   | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 1.75         | 4.2   | 4.25 |          |
| 159 | 140159 | 022210003673 | NGUYỄN QUANG   | HUY   | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 7.75 |          |
| 160 | 140160 | 022210001708 | PHẠM GIA       | HUY   | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.75         | 6.6   | 5.5  |          |
| 161 | 140161 | 022210010625 | TẠ VĂN         | HUY   | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 1.5          | 3.2   | 1.75 |          |
| 162 | 140162 | 022210000965 | TỬ GIA         | HUY   | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 0.75         | 1.4   | 2.5  |          |
| 163 | 140163 | 022210001778 | VŨ ĐIỆP GIA    | HUY   | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 7.75 |          |
| 164 | 140164 | 022310009324 | BÙI THUY       | HUYỀN | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 3.75 |          |
| 165 | 140165 | 022310002343 | HOÀNG KHÁNH    | HUYỀN | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.25         | 7.0   | 4.75 |          |
| 166 | 140166 | 022310009937 | HOÀNG THANH    | HUYỀN | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 3.0          | 2.2   | 1.0  |          |
| 167 | 140167 | 022310007155 | LÊ NGỌC        | HUYỀN | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bản Sen     | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 1.5  |          |
| 168 | 140168 | 022310007218 | LƯU KHÁNH      | HUYỀN | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 1.0          | 4.0   | 2.5  |          |
| 169 | 140169 | 022310005197 | TẠ KHÁNH       | HUYỀN | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 2.0          | 5.2   | 4.0  |          |
| 170 | 140170 | 022310008289 | TÔ THỊ         | HUYỀN | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 5.0          | 2.0   | 3.75 |          |
| 171 | 140171 | 022310008841 | TRƯỜNG THU     | HUYỀN | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 172 | 140172 | 022210011011 | ĐOÀN CÔNG TUẤN | HÙNG  | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 5.0  |          |
| 173 | 140173 | 022210009894 | ĐỖ CHẤN        | HÙNG  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 6.25 |          |
| 174 | 140174 | 022210001711 | HOÀNG GIA      | HÙNG  | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 6.75 |          |
| 175 | 140175 | 022210002148 | NGUYỄN HOÀNG   | HÙNG  | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.5          | 8.0   | 7.0  |          |
| 176 | 140176 | 022210004925 | NGUYỄN VŨ VIỆT | HÙNG  | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 7.75 |          |
| 177 | 140177 | 022210010961 | PHẠM VIỆT      | HÙNG  | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 1.25 |          |
| 178 | 140178 | 022210004991 | TY DUY         | HÙNG  | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.25         | 7.2   | 8.5  |          |
| 179 | 140179 | 022310007029 | BÙI THỊ MINH   | HƯƠNG | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 3.75 |          |
| 180 | 140180 | 022310011162 | PHẠM THỊ LAN   | HƯƠNG | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.25         | 5.0   | 2.25 |          |
| 181 | 140181 | 022210011637 | CHÂU AN        | KHANG | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.5          | 9.0   | 7.0  |          |
| 182 | 140182 | 022210004184 | PHẠM TUẤN      | KHANG | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 3.75 |          |
| 183 | 140183 | 022210003094 | ĐỖ QUỐC        | KHÁNH | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 5.0  |          |
| 184 | 140184 | 022210011240 | LONG QUỐC      | KHÁNH | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 3.5  |          |
| 185 | 140185 | 022210002562 | NGÔ DUY        | KHÁNH | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bản Sen     | Tiếng Anh | 1.75         | 2.6   | 2.25 |          |
| 186 | 140186 | 022210010267 | NGUYỄN QUỐC    | KHÁNH | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.75         | 5.2   | 4.0  |          |
| 187 | 140187 | 022210006009 | PHẠM VĂN       | KHÁNH | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 5.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 188 | 140188 | 022210004388 | TÔ NAM            | KHÁNH  | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 2.5  |         |
| 189 | 140189 | 022210003584 | TRẦN NAM          | KHÁNH  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.0  |         |
| 190 | 140190 | 022210007647 | TRẦN QUỐC         | KHÁNH  | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 7.25 |         |
| 191 | 140191 | 022210009213 | VŨ NAM            | KHÁNH  | 27/05/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.5          | 8.2   | 7.5  |         |
| 192 | 140192 | 022210008380 | BÙI GIA           | KHIÊM  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 5.75 |         |
| 193 | 140193 | 022210002477 | PHẠM GIA          | KHIÊM  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.0  |         |
| 194 | 140194 | 022210008474 | NGUYỄN ĐĂNG       | KHOA   | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 1.75         | 3.0   | 4.75 |         |
| 195 | 140195 | 031210046916 | NGUYỄN ĐĂNG       | KHÔI   | 11/05/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 5.0  |         |
| 196 | 140196 | 022310009409 | TÔN THỊ HỒNG      | KHUYẾN | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.5  |         |
| 197 | 140197 | 025210006405 | HÀ DUY            | KIÊN   | 05/11/2010 | Phú Thọ    | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 2.0          | 3.0   | 5.25 |         |
| 198 | 140198 | 022210008556 | TRẦN TRÍ          | KIÊN   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 3.75 |         |
| 199 | 140199 | 022210012010 | TRÌNH TRUNG       | KIÊN   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 6.5  |         |
| 200 | 140200 | 022210004535 | BÙI TẤN           | KIỆT   | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 3.5  |         |
| 201 | 140201 | 030210006480 | CAO HUY CHÍ       | KIỆT   | 27/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 4.5  |         |
| 202 | 140202 | 022210000081 | ĐÀO CÔNG          | KIỆT   | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.75 |         |
| 203 | 140203 | 044210008613 | ĐINH NGUYỄN HOÀNG | KIỆT   | 16/08/2010 | Quảng Bình | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 3.0  |         |
| 204 | 140204 | 022310002991 | HÀ NGỌC           | LAN    | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 5.25 |         |
| 205 | 140205 | 022310005683 | HOÀNG BẢO         | LAN    | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 4.5  |         |
| 206 | 140206 | 031310000439 | NGUYỄN NGỌC       | LAN    | 04/05/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.5  |         |
| 207 | 140207 | 022310003508 | TRẦN THỊ          | LAN    | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 2.75 |         |
| 208 | 140208 | 022310001811 | ĐINH PHẠM MAI     | LÂM    | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.5          | 7.2   | 5.75 |         |
| 209 | 140209 | 022210008384 | NGÔ HOÀNG TÙNG    | LÂM    | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.5  |         |
| 210 | 140210 | 022210003047 | NGUYỄN SƠN        | LÂM    | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 5.25 |         |
| 211 | 140211 | 022210008027 | VŨ BẢO            | LÂM    | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 5.25 |         |
| 212 | 140212 | 022310002179 | NGUYỄN THỊ KIM    | LIÊN   | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.25 |         |
| 213 | 140213 | 022310004683 | CHÂU NGỌC KHÁNH   | LINH   | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 6.25 |         |
| 214 | 140214 | 022310001456 | ĐIỆP PHƯƠNG       | LINH   | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 2.5  |         |
| 215 | 140215 | 022310008339 | HÀ HUYỀN          | LINH   | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 6.25 |         |
| 216 | 140216 | 022310004592 | HÀ LINH           | LINH   | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.5  |         |
| 217 | 140217 | 038310018722 | HOÀNG PHẠM KHÁNH  | LINH   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 3.75 |         |
| 218 | 140218 | 022310002981 | HOÀNG THUY        | LINH   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 5.75 |         |
| 219 | 140219 | 022310004024 | LẠI THÁI HÀ       | LINH   | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 6.75 |         |
| 220 | 140220 | 022310009274 | LÊ NGỌC           | LINH   | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 4.5  |         |
| 221 | 140221 | 022310005747 | NGUYỄN DIỆP       | LINH   | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 5.5  |         |
| 222 | 140222 | 022310010185 | NGUYỄN HÀ         | LINH   | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.75         | 6.2   | 6.5  |         |
| 223 | 140223 | 022310011735 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH   | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.75 |         |
| 224 | 140224 | 022310001959 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH   | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 8.0  |         |
| 225 | 140225 | 022310009350 | NGUYỄN THUY       | LINH   | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.5          | 6.6   | 3.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 226 | 140226 | 022310001783 | PHẠM NGUYỄN BẢO LINH  | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 3.75 |         |
| 227 | 140227 | 022310004501 | TẠ KHÁNH LINH         | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 4.25 |         |
| 228 | 140228 | 022310006623 | TÔ KHÁNH LINH         | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 5.25 |         |
| 229 | 140229 | 022310001254 | TRẦN THỊ MỸ LINH      | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 1.5          | 6.4   | 2.75 |         |
| 230 | 140230 | 022310001588 | TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 4.5  |         |
| 231 | 140231 | 022310003569 | VŨ GIA LINH           | 19/09/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.5  |         |
| 232 | 140232 | 022310008912 | VŨ QUỲNH LINH         | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.0  |         |
| 233 | 140233 | 022310002746 | NGUYỄN TÂM LOAN       | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 3.25         | 7.2   | 3.5  |         |
| 234 | 140234 | 022210013190 | ĐỖ VŨ BẢO LONG        | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 5.75 |         |
| 235 | 140235 | 022210007069 | NGUYỄN HOÀNG LONG     | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 2.25         | 4.2   | 2.5  |         |
| 236 | 140236 | 022210001776 | NGUYỄN THÀNH LONG     | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 8.25         | 4.8   | 6.0  |         |
| 237 | 140237 | 022210008008 | NGUYỄN VŨ GIA LONG    | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 5.5  |         |
| 238 | 140238 | 022210004747 | PHẠM THÀNH LONG       | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 3.75         | 2.4   | 1.25 |         |
| 239 | 140239 | 022210007018 | TÔ TƯỜNG LONG         | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 3.25         | 5.4   | 3.5  |         |
| 240 | 140240 | 022210008669 | NGUYỄN THÀNH LỘC      | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 4.0  |         |
| 241 | 140241 | 022210009694 | ĐẶNG NHƯ LỢI          | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 3.25 |         |
| 242 | 140242 | 022210004883 | NÔNG NGỌC LƯƠNG       | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 2.75         | 4.6   | 1.5  |         |
| 243 | 140243 | 022310004426 | BÙI KHÁNH LY          | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.5  |         |
| 244 | 140244 | 022310009653 | ĐOÀN THỊ CẨM LY       | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 3.25 |         |
| 245 | 140245 | 022310002375 | HỨA KHÁNH LY          | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 6.25 |         |
| 246 | 140246 | 022310008073 | NGUYỄN KHÁNH LY       | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.5  |         |
| 247 | 140247 | 022310005411 | ĐẶNG QUỲNH MAI        | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.25 |         |
| 248 | 140248 | 022310004564 | ĐỖ XUÂN MAI           | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 4.5  |         |
| 249 | 140249 | 022310011336 | LÊ PHƯƠNG MAI         | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 6.5  |         |
| 250 | 140250 | 022310008162 | LÊ XUÂN MAI           | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.25 |         |
| 251 | 140251 | 022210004814 | BÙI DUY MẠNH          | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 4.25 |         |
| 252 | 140252 | 022210004401 | ĐỖ ĐỨC MẠNH           | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.0  |         |
| 253 | 140253 | 022210003743 | LÊ VĂN MẠNH           | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.25 |         |
| 254 | 140254 | 022210006594 | NGUYỄN VĂN MẠNH       | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 6.25 |         |
| 255 | 140255 | 022310002035 | CHU HẢI MINH          | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Bình Dân       | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 4.25 |         |
| 256 | 140256 | 022210008754 | ĐỖ NHẬT MINH          | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.0  |         |
| 257 | 140257 | 022210004639 | HÀ VĂN MINH           | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 4.5  |         |
| 258 | 140258 | 022210006442 | LIÊU ĐỨC MINH         | 23/12/2010 | Hung Yên   | Nam       | Sán Dìu          | TH và THCS Bình Dân       | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 2.25 |         |
| 259 | 140259 | 022210004515 | LÝ ĐỨC MINH           | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 3.0          | 2.4   | 1.25 |         |
| 260 | 140260 | 022210009877 | NGUYỄN ĐỨC MINH       | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.0  |         |
| 261 | 140261 | 025210000299 | NGUYỄN GIA MINH       | 23/06/2010 | Yên Bái    | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 8.25 |         |
| 262 | 140262 | 022210004612 | NGUYỄN HOÀNG ANH MINH | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 6.5  |         |
| 263 | 140263 | 022310001838 | NGUYỄN NGỌC MINH      | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 4.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |             |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 264 | 140264 | 022210004990 | PHẠM BÌNH MINH       | 27/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 4.25 |          |
| 265 | 140265 | 022210012450 | PHẠM HÀ MINH         | 19/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 4.25 |          |
| 266 | 140266 | 022310008397 | PHẠM THỊ MINH        | 26/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 5.25 |          |
| 267 | 140267 | 022210006999 | TRẦN HIẾU MINH       | 07/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 4.5  |          |
| 268 | 140268 | 022310006285 | TRẦN THỊ BÌNH MINH   | 15/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.25 |          |
| 269 | 140269 | 022310007811 | BÙI HÀ MY            | 17/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 5.75 |          |
| 270 | 140270 | 022310011399 | LẠI THỊ THẢO MY      | 21/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.0  |          |
| 271 | 140271 | 022310008269 | LÊ TRỊNH HÀ MY       | 18/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 5.0          | 7.6   | 6.5  |          |
| 272 | 140272 | 022310007895 | NGUYỄN HÀ MY         | 15/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 6.25 |          |
| 273 | 140273 | 022310012041 | NGUYỄN HÀ MY         | 24/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 3.0          | 6.4   | 3.75 |          |
| 274 | 140274 | 022310001508 | NGUYỄN KIỆU MY       | 22/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.5          | 6.8   | 3.25 |          |
| 275 | 140275 | 022310008871 | NGUYỄN NGỌC HÀ MY    | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 8.0  |          |
| 276 | 140276 | 022310009179 | NGUYỄN THẢO MY       | 28/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 4.25 |          |
| 277 | 140277 | 022310004020 | NGUYỄN THỊ TRẢ MY    | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 4.25 |          |
| 278 | 140278 | 022310008234 | PHẠM TRẢ MY          | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 4.75 |          |
| 279 | 140279 | 033310010998 | TRẦN THỊ TRẢ MY      | 27/10/2010 | Hưng Yên    | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 4.0  |          |
| 280 | 140280 | 022310011573 | LÊ HỒNG MỸ           | 23/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 281 | 140281 | 022210001625 | HOÀNG HẢI NAM        | 07/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 282 | 140282 | 022210011604 | TRƯƠNG HOÀI NAM      | 27/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 3.25         | 2.2   | 2.25 |          |
| 283 | 140283 | 022310011972 | CAO THỊ THUÝ NGÀ     | 14/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.0  |          |
| 284 | 140284 | 019310000123 | ĐÀO NGỌC NGÂN        | 28/03/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 8.0  |          |
| 285 | 140285 | 022310001675 | ĐOÀN VŨ NGÂN         | 24/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 4.75 |          |
| 286 | 140286 | 022310000846 | HOÀNG THU NGÂN       | 23/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 2.75         | 5.4   | 6.25 |          |
| 287 | 140287 | 022310011469 | NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN | 02/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 7.75 |          |
| 288 | 140288 | 022310008461 | TRỊNH PHẠM KIM NGÂN  | 28/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 2.5          | 5.2   | 3.5  |          |
| 289 | 140289 | 022310005380 | CHÂU BẢO NGỌC        | 25/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 3.5  |          |
| 290 | 140290 | 056310001138 | ĐẶNG HỒNG NGỌC       | 03/01/2010 | Khánh Hòa   | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 2.25         | 6.0   | 3.0  |          |
| 291 | 140291 | 022310000020 | LÊ BẢO NGỌC          | 03/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 3.0  |          |
| 292 | 140292 | 022310005350 | LÊ HỒNG NGỌC         | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 3.25 |          |
| 293 | 140293 | 022310002371 | LÝ HOÀNG BẢO NGỌC    | 15/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.25 |          |
| 294 | 140294 | 022310003785 | NGUYỄN THÚY NGỌC     | 22/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Bản Sen        | Tiếng Anh | 5.5          | 2.2   | 3.0  |          |
| 295 | 140295 | 022310004053 | NGUYỄN VŨ BẢO NGỌC   | 03/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 5.25 |          |
| 296 | 140296 | 022310009032 | PHẠM KHÁNH NGỌC      | 28/10/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 5.75 |          |
| 297 | 140297 | 031310019462 | TRẦN ÁNH NGỌC        | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 1.5  |          |
| 298 | 140298 | 022210005972 | TRẦN TUẤN NGỌC       | 05/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 6.0  |          |
| 299 | 140299 | 022310003098 | ĐỖ THẢO NGUYỄN       | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 5.25         | 2.4   | 1.5  |          |
| 300 | 140300 | 022210010001 | HÀ HẢI NGUYỄN        | 28/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 1.0          | 2.2   | 2.5  |          |
| 301 | 140301 | 022310007855 | HOÀNG THẢO NGUYỄN    | 23/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 302 | 140302 | 022310001281 | NGUYỄN THẢO NGUYỄN     | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.25 |         |
| 303 | 140303 | 022210006454 | PHẠM TRUNG NGUYỄN      | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 2.75 |         |
| 304 | 140304 | 022210008601 | BÀNG XUÂN NGUYỄN       | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 2.25 |         |
| 305 | 140305 | 022310003853 | NGUYỄN ĐÀO MINH NGUYỆT | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 5.5  |         |
| 306 | 140306 | 022310002885 | PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT    | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 3.5  |         |
| 307 | 140307 | 022310010537 | PHÙNG THỊ MINH NGUYỆT  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 3.5  |         |
| 308 | 140308 | 087210001685 | LÊ BẢO NHẤT            | 01/01/2010 | Đồng Tháp  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 7.5  |         |
| 309 | 140309 | 030210005410 | PHẠM TRUNG NHẤT        | 10/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 2.75 |         |
| 310 | 140310 | 022310009789 | LÝ UYÊN NHI            | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 3.5  |         |
| 311 | 140311 | 022310005308 | LÝ YẾN NHI             | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.5  |         |
| 312 | 140312 | 022310010531 | NGÔ HÀ NHI             | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 5.5  |         |
| 313 | 140313 | 022310009598 | NGUYỄN GIA NHI         | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 5.25 |         |
| 314 | 140314 | 022310001970 | NGUYỄN THẢO NHI        | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.25 |         |
| 315 | 140315 | 022310010485 | NGUYỄN THỊ UYÊN NHI    | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 7.25 |         |
| 316 | 140316 | 022310007823 | PHẠM NGỌC NHI          | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 7.0  |         |
| 317 | 140317 | 022310006446 | PHẠM YẾN NHI           | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 1.75         | 2.4   | 5.5  |         |
| 318 | 140318 | 022310010460 | TRƯƠNG THẢO NHI        | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.25 |         |
| 319 | 140319 | 022310006780 | BÙI THỊ HỒNG NHUNG     | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.5  |         |
| 320 | 140320 | 022310004970 | NGUYỄN THỊ NHUNG       | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 4.0  |         |
| 321 | 140321 | 022310001479 | BÙI THỊ QUỲNH NHƯ      | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.0  |         |
| 322 | 140322 | 022310007210 | NGÔ QUỲNH NHƯ          | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.75 |         |
| 323 | 140323 | 022310000544 | TẠ THỊ TÂM NHƯ         | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 4.25 |         |
| 324 | 140324 | 030210009167 | VŨ VĂN NINH            | 19/06/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 3.0  |         |
| 325 | 140325 | 022210004400 | NGUYỄN ANH PHI         | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 1.5  |         |
| 326 | 140326 | 022210006820 | BÙI ĐẠI PHONG          | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 7.0  |         |
| 327 | 140327 | 022210006622 | BÙI THIÊN PHONG        | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.5  |         |
| 328 | 140328 | 022210003619 | HOÀNG THANH PHONG      | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 6.75 |         |
| 329 | 140329 | 022210004978 | PHAN VĂN HÀ PHONG      | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 6.0  |         |
| 330 | 140330 | 022210008789 | TRẦN ĐÌNH PHONG        | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 7.25 |         |
| 331 | 140331 | 022210006418 | TRƯƠNG GIA NAM PHONG   | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 5.25 |         |
| 332 | 140332 | 036210020441 | NGUYỄN VĂN PHÚ         | 04/10/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 6.25 |         |
| 333 | 140333 | 022210008371 | BÙI ĐÌNH PHÚC          | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 6.5  |         |
| 334 | 140334 | 022210007478 | ĐÌNH HỒNG PHÚC         | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 3.75         | 5.8   | 4.25 |         |
| 335 | 140335 | 022210005227 | LÝ TRƯỜNG PHÚC         | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 7.25 |         |
| 336 | 140336 | 022210003712 | NGUYỄN HỒNG PHÚC       | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 4.75 |         |
| 337 | 140337 | 022210001222 | TRƯƠNG ĐỨC PHÚC        | 08/09/2010 | Vân Đồn    | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.5  |         |
| 338 | 140338 | 022210001037 | TỪ MINH PHÚC           | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Thị Trấn Cái Ròng | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 7.5  |         |
| 339 | 140339 | 022210011528 | LÝ HỒNG PHƯỚC          | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 2.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 340 | 140340 | 022309008274 | ĐINH THỊ HÀ       | PHƯƠNG | 17/01/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 341 | 140341 | 022310011178 | LÊ ĐAN            | PHƯƠNG | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 342 | 140342 | 034310000530 | NGUYỄN MAI        | PHƯƠNG | 23/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 6.5  |          |
| 343 | 140343 | 022310000681 | PHẠM THỊ THÙY     | PHƯƠNG | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 6.75 |          |
| 344 | 140344 | 022310009869 | NGUYỄN THỊ KIM    | PHƯƠNG | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 3.75 |          |
| 345 | 140345 | 027310007669 | TRƯỜNG THỊ MINH   | PHƯƠNG | 31/05/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 5.75 |          |
| 346 | 140346 | 022210003553 | PHẠM MẠNH         | QUANG  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 6.25 |          |
| 347 | 140347 | 022210009366 | PHẠM VĂN          | QUANG  | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 4.75 |          |
| 348 | 140348 | 022210005247 | DƯƠNG ANH         | QUÂN   | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 4.0  |          |
| 349 | 140349 | 022210002159 | HOÀNG             | QUÂN   | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 3.75 |          |
| 350 | 140350 | 022210002139 | LIÊU HỒNG         | QUÂN   | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 1.0          | 4.2   | 2.75 |          |
| 351 | 140351 | 022210008774 | NGUYỄN HOÀNG      | QUÂN   | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 3.5  |          |
| 352 | 140352 | 022210001404 | NGUYỄN HUY        | QUÂN   | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.5  |          |
| 353 | 140353 | 022310010199 | PHẠM THỰC         | QUYỀN  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 5.75 |          |
| 354 | 140354 | 022210005502 | CHU VĂN           | QUYỀN  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.0          | 8.2   | 7.0  |          |
| 355 | 140355 | 022310010035 | HOÀNG NHƯ         | QUỲNH  | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 6.25 |          |
| 356 | 140356 | 022310000328 | LIÊU NGUYỄN NGỌC  | QUỲNH  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.5  |          |
| 357 | 140357 | 022310010258 | NGUYỄN THU        | QUỲNH  | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 4.75 |          |
| 358 | 140358 | 034210012979 | PHẠM ĐÌNH MINH    | SANG   | 08/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 4.5  |          |
| 359 | 140359 | 022210012133 | NGUYỄN NGỌC       | SƠN    | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.75 |          |
| 360 | 140360 | 022310011592 | CHÂU THỊ MINH     | TÂM    | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 4.0  |          |
| 361 | 140361 | 022310005858 | ĐINH THỊ THANH    | TÂM    | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.0  |          |
| 362 | 140362 | 022310004188 | NGUYỄN HOÀNG MINH | TÂM    | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.75 |          |
| 363 | 140363 | 022210009507 | VŨ ĐỨC            | TÂM    | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 3.75         | 6.2   | 5.5  |          |
| 364 | 140364 | 022210004005 | PHẠM QUANG        | THÁCH  | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bàn Sen     | Tiếng Anh | 2.0          | 4.6   | 3.25 |          |
| 365 | 140365 | 022210008725 | LÊ HOÀNG          | THÁI   | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 3.5  |          |
| 366 | 140366 | 022210006074 | NÔNG TRƯỜNG       | THÁI   | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 5.0  |          |
| 367 | 140367 | 022310005081 | ĐỖ NGUYỆT         | THANH  | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 6.75 |          |
| 368 | 140368 | 022310009399 | NGUYỄN THỊ BẢO    | THANH  | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.25 |          |
| 369 | 140369 | 022210008312 | ĐIỆP MINH         | THÀNH  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 3.25 |          |
| 370 | 140370 | 022210005233 | ĐIỆP TÔ TIẾN      | THÀNH  | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 5.5  |          |
| 371 | 140371 | 022210000970 | LÊ NAM            | THÀNH  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 6.25 |          |
| 372 | 140372 | 022310003273 | BÙI THANH         | THẢO   | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 4.5  |          |
| 373 | 140373 | 022310006576 | HOÀNG PHƯƠNG      | THẢO   | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 5.5  |          |
| 374 | 140374 | 022310007831 | LIÊU PHƯƠNG       | THẢO   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Bình Dân    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 4.5  |          |
| 375 | 140375 | 022310006217 | LƯƠNG THANH       | THẢO   | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 5.75 |          |
| 376 | 140376 | 022310004025 | NGUYỄN HẢI        | THẢO   | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 6.5  |          |
| 377 | 140377 | 022310005623 | NGUYỄN THANH      | THẢO   | 30/12/2010 | Yên Bái    | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 2.0  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|-------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |             |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 378 | 140378 | 034310003352 | NGUYỄN THỊ        | THẢO  | 29/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.0  |         |
| 379 | 140379 | 022310000720 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THẢO  | 08/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 6.75 |         |
| 380 | 140380 | 022310011170 | TÔ PHƯƠNG         | THẢO  | 28/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 4.5  |         |
| 381 | 140381 | 022310005337 | TỬ PHƯƠNG         | THẢO  | 28/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 8.0  |         |
| 382 | 140382 | 022210006692 | ĐIỆP QUYẾT        | THẮNG | 25/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.75         | 8.0   | 6.75 |         |
| 383 | 140383 | 022210008156 | LIÊU QUYẾT        | THẮNG | 29/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.0          | 7.2   | 3.5  |         |
| 384 | 140384 | 022210000495 | TỬ NGHĨA          | THẾ   | 20/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 3.25 |         |
| 385 | 140385 | 022210000992 | NGUYỄN HOÀNG      | THIỆN | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 3.0  |         |
| 386 | 140386 | 022210012346 | PHẠM QUỐC         | THỊNH | 02/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 1.5  |         |
| 387 | 140387 | 022210001727 | TRƯƠNG PHÚ        | THỊNH | 16/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Dìu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 8.75 |         |
| 388 | 140388 | 019310002666 | DƯƠNG BẢO         | THOA  | 01/07/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.5  |         |
| 389 | 140389 | 022310007403 | ÂU ANH            | THƠ   | 25/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Nùng             | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.75 |         |
| 390 | 140390 | 022310005888 | VI ANH            | THƠ   | 19/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.0  |         |
| 391 | 140391 | 031310010872 | NGUYỄN MAI        | THU   | 07/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 2.0  |         |
| 392 | 140392 | 037309004554 | VŨ NHƯ            | THUẬN | 29/07/2009 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 3.0  |         |
| 393 | 140393 | 022310005727 | LÊ THỊ            | THUẬN | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 3.25 |         |
| 394 | 140394 | 022310002695 | HÀ MINH           | THÙY  | 27/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 4.25 |         |
| 395 | 140395 | 022310001026 | VŨ PHƯƠNG         | THÙY  | 13/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 3.5  |         |
| 396 | 140396 | 022310000694 | CHÂU ANH          | THƯ   | 11/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 3.75 |         |
| 397 | 140397 | 022310011698 | HÀ                | THƯ   | 24/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.25 |         |
| 398 | 140398 | 022310009752 | HOÀNG ANH         | THƯ   | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 2.0  |         |
| 399 | 140399 | 022310000481 | LÊ HÀ             | THƯ   | 13/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.0          | 6.2   | 6.25 |         |
| 400 | 140400 | 022310009819 | LUU THỊ MINH      | THƯ   | 20/07/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 2.75 |         |
| 401 | 140401 | 022310001409 | NGUYỄN HÀ         | THƯ   | 16/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 7.25 |         |
| 402 | 140402 | 022310003102 | NGUYỄN NGỌC       | THƯ   | 25/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 7.25 |         |
| 403 | 140403 | 022310011129 | PHẠM HUYỀN        | THƯ   | 01/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.75 |         |
| 404 | 140404 | 022310000990 | TẠ MINH           | THƯ   | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 3.5  |         |
| 405 | 140405 | 022310002468 | TÔ THỊ QUỲNH      | THƯ   | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 7.25 |         |
| 406 | 140406 | 022310006825 | TRẦN HÀ           | THƯ   | 02/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 4.25 |         |
| 407 | 140407 | 034210009682 | PHẠM TÁT          | TIỆP  | 19/09/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 3.75 |         |
| 408 | 140408 | 022210002160 | ĐỖ THẾ            | TOÀN  | 02/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 2.75 |         |
| 409 | 140409 | 022210001887 | HOÀNG MINH        | TOÀN  | 10/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 1.25         | 5.2   | 3.75 |         |
| 410 | 140410 | 022310011337 | ĐẶNG THỊ THANH    | TRÀ   | 04/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.25 |         |
| 411 | 140411 | 022310004110 | BÙI THỊ HUYỀN     | TRANG | 10/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 3.75 |         |
| 412 | 140412 | 022310007300 | CHIU NGỌC         | TRANG | 29/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 2.0          | 4.8   | 4.25 |         |
| 413 | 140413 | 022310001271 | ĐINH THỊ HUYỀN    | TRANG | 05/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.75 |         |
| 414 | 140414 | 022310003726 | ĐỖ THÙY           | TRANG | 06/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 7.0  |         |
| 415 | 140415 | 022310007053 | HOÀNG THỊ         | TRANG | 23/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 6.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 416 | 140416 | 022310006538 | HOÀNG THỊ THU    | TRANG  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bản Sen        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.25 |         |
| 417 | 140417 | 022310011253 | LƯU HUYỀN        | TRANG  | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 6.0  |         |
| 418 | 140418 | 022310002370 | LỮU THỊ HUYỀN    | TRANG  | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.0  |         |
| 419 | 140419 | 022310007517 | LÝ THỊ           | TRANG  | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 8.0          | 5.2   | 6.0  |         |
| 420 | 140420 | 022310001528 | NGUYỄN THỊ THÙY  | TRANG  | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 8.0  |         |
| 421 | 140421 | 022310011268 | NGUYỄN THU       | TRANG  | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 7.75 |         |
| 422 | 140422 | 022310009176 | TRẦN THỊ KIỀU    | TRANG  | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 5.25 |         |
| 423 | 140423 | 022310005566 | TRƯỜNG THỊ HUYỀN | TRANG  | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 4.75 |         |
| 424 | 140424 | 022310000505 | VŨ MINH          | TRANG  | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 5.5  |         |
| 425 | 140425 | 022310004663 | ĐẶNG THỊ QUỲNH   | TRÂM   | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 4.75 |         |
| 426 | 140426 | 022310010918 | NGUYỄN HẠNH BẢO  | TRÂM   | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.5          | 2.0   | 3.25 |         |
| 427 | 140427 | 022310003503 | NGUYỄN NGỌC      | TRÂM   | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 6.25 |         |
| 428 | 140428 | 020310003608 | NÔNG TRIỆU QUỲNH | TRÂM   | 26/05/2010 | Đồng Nai   | Nữ        | Nùng             | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 3.75 |         |
| 429 | 140429 | 022310006742 | TỬ BẢO           | TRÂM   | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 7.5  |         |
| 430 | 140430 | 022210002887 | ĐỖ ĐỨC           | TRÍ    | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.25 |         |
| 431 | 140431 | 022310000840 | NGUYỄN THANH     | TRÚC   | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.75 |         |
| 432 | 140432 | 022210001870 | HOÀNG VIỆT       | TRUNG  | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 4.0  |         |
| 433 | 140433 | 022210008981 | PHÙNG QUANG      | TRUNG  | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 5.25 |         |
| 434 | 140434 | 022210011006 | TẠ THÀNH         | TRUNG  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | TH và THCS Bình Dân       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 7.25 |         |
| 435 | 140435 | 022210010593 | NGUYỄN TRỌNG     | TRƯỜNG | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Vạn Yên | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 7.0  |         |
| 436 | 140436 | 022210002825 | TẠ XUÂN          | TRƯỜNG | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 5.5  |         |
| 437 | 140437 | 022310006523 | BÙI CẨM          | TÚ     | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 7.5  |         |
| 438 | 140438 | 022210008915 | HOÀNG TUẤN       | TÚ     | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 1.5          | 3.0   | 3.75 |         |
| 439 | 140439 | 022210003462 | LÊ NHẬT          | TÚ     | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 4.0  |         |
| 440 | 140440 | 022210007077 | NGUYỄN ANH       | TÚ     | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 1.25         | 5.0   | 6.5  |         |
| 441 | 140441 | 022210010399 | PHẠM TRƯƠNG ANH  | TÚ     | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 2.5          | 4.8   | 3.25 |         |
| 442 | 140442 | 022210006103 | HỒ               | TUẤN   | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 5.0  |         |
| 443 | 140443 | 022210003656 | CHU HIẾU         | TUẤN   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 4.25 |         |
| 444 | 140444 | 022210004424 | NGUYỄN ANH       | TUẤN   | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 6.75 |         |
| 445 | 140445 | 022210012490 | BÙI ĐÌNH         | TÙNG   | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng    | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 5.0  |         |
| 446 | 140446 | 022210011723 | ĐIỆP VŨ ANH      | TÙNG   | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | TH và THCS Đài Xuyên      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 5.5  |         |
| 447 | 140447 | 022210004923 | PHAN TRỌNG       | TUYỀN  | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 1.75 |         |
| 448 | 140448 | 022210007144 | ĐỖ CÔNG          | TUYỀN  | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 1.5  |         |
| 449 | 140449 | 022210010163 | PHAN TRỌNG       | TUYỀN  | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết             | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 2.25 |         |
| 450 | 140450 | 022210005808 | NGUYỄN KIM       | TƯỜNG  | 19/04/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 4.0  |         |
| 451 | 140451 | 022310004184 | ĐỖ BẢO           | UYỀN   | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.5  |         |
| 452 | 140452 | 022310010368 | LƯU THU          | UYỀN   | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 1.75         | 8.0   | 4.0  |         |
| 453 | 140453 | 022310002939 | BÙI HÀ           | VÂN    | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long       | Tiếng Anh | 3.0          | 6.4   | 4.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hải Đảo (22000738)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 454 | 140454 | 022310005556 | LÃ HOÀNG VÂN        | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 5.25 |          |
| 455 | 140455 | 022310007726 | NGHIÊM THỊ HÀ VÂN   | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 7.75 |          |
| 456 | 140456 | 022310010860 | NGUYỄN THANH VÂN    | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 1.5          | 4.0   | 3.25 |          |
| 457 | 140457 | 022310009822 | NGUYỄN THANH VÂN    | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.5          | 5.2   | 3.5  |          |
| 458 | 140458 | 022310008785 | PHẠM THỊ THẢO VÂN   | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.75 |          |
| 459 | 140459 | 022310006992 | TRẦN THẢO VÂN       | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 5.0  |          |
| 460 | 140460 | 022310012716 | VŨ KHÁNH VÂN        | 28/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 8.0  |          |
| 461 | 140461 | 022310009341 | NGUYỄN THỊ YẾN VI   | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 3.75 |          |
| 462 | 140462 | 022310010260 | NGUYỄN TIÊU VI      | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 7.5  |          |
| 463 | 140463 | 022210009448 | TRƯƠNG QUỐC VIỆT    | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.25         | 5.8   | 5.25 |          |
| 464 | 140464 | 022210007209 | TỬ ĐỨC VIỆT         | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 2.0          | 4.2   | 7.5  |          |
| 465 | 140465 | 022210004486 | NGUYỄN ĐÌNH VINH    | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 7.25 |          |
| 466 | 140466 | 022210003680 | CHÂU MINH VŨ        | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 3.5  |          |
| 467 | 140467 | 022210003497 | HÀ HUY VŨ           | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 3.25 |          |
| 468 | 140468 | 022210010138 | NGUYỄN TUẤN VŨ      | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 4.25 |          |
| 469 | 140469 | 022210005498 | TRẦN QUANG VŨ       | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 6.5  |          |
| 470 | 140470 | 022210004901 | NGUYỄN VĂN LÊ VƯỢNG | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Đài Xuyên   | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 1.0  |          |
| 471 | 140471 | 022210002228 | ĐẶNG VĂN VƯỢT       | 30/06/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 2.25 |          |
| 472 | 140472 | 022310006636 | BÙI HOÀNG THẢO VY   | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 4.75 |          |
| 473 | 140473 | 022310000482 | ĐINH KHÁNH VY       | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.25 |          |
| 474 | 140474 | 022310008378 | HŨA HÀ VY           | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 5.5  |          |
| 475 | 140475 | 022310009189 | LÀNH THỊ HẠ VY      | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.25 |          |
| 476 | 140476 | 022310009675 | LÊ YẾN VY           | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 3.5  |          |
| 477 | 140477 | 022310007055 | LŨƠNG YẾN VY        | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 2.5  |          |
| 478 | 140478 | 022310009778 | MẠC THẢO VY         | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 2.75 |          |
| 479 | 140479 | 022310002041 | NGUYỄN HÀ VY        | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 5.0  |          |
| 480 | 140480 | 022310004813 | NGUYỄN HÀ KHÁNH VY  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 2.75 |          |
| 481 | 140481 | 022310001023 | NGUYỄN HOÀI BĂNG VY | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.25 |          |
| 482 | 140482 | 022310009668 | PHẠM THỊ HỒNG VY    | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | Trường THCS Hạ Long    | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 4.5  |          |
| 483 | 140483 | 022310006063 | PHẠM YẾN VY         | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 484 | 140484 | 022310002837 | TRẦN DIỆU HÀ VY     | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 2.25 |          |
| 485 | 140485 | 022310007331 | CHU HẢI YẾN         | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đoàn Kết          | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 3.75 |          |
| 486 | 140486 | 022310011596 | NGUYỄN BẢO YẾN      | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thị Trấn Cái Rồng | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 3.25 |          |
| 487 | 140487 | 022310001397 | NGUYỄN HẢI YẾN      | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 5.5  |          |
| 488 | 140488 | 022309002794 | TRƯƠNG THỊ HẢI YẾN  | 17/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | Trường THCS Đông Xá    | Tiếng Anh | 3.25         | 6.4   | 4.75 |          |

*(Danh sách này gồm có 488 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 170001 | 022310006227 | ĐOÀN MINH AN           | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.0  |         |
| 2   | 170002 | 022310004659 | LÊ THÙY AN             | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 8.0  |         |
| 3   | 170003 | 022310003745 | NGUYỄN THỊ THUẬN AN    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 6.5  |         |
| 4   | 170004 | 030210002846 | BÙI VĂN TUẤN ANH       | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.25 |         |
| 5   | 170005 | 034310005972 | ĐOÀN TRÚC ANH          | 05/04/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 7.0  |         |
| 6   | 170006 | 022310003984 | ĐỒNG TÂM ANH           | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.25 |         |
| 7   | 170007 | 022210003146 | HÀ NAM ANH             | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.25 |         |
| 8   | 170008 | 030310015805 | HÀ QUỲNH ANH           | 02/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.75 |         |
| 9   | 170009 | 022310010097 | LÊ QUỲNH ANH           | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 3.0  |         |
| 10  | 170010 | 022310008213 | LIÊU HOÀI ANH          | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 7.75 |         |
| 11  | 170011 | 022210008812 | NGUYỄN ĐỨC ANH         | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 6.0  |         |
| 12  | 170012 | 022310008934 | NGUYỄN HẢI ANH         | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 3.0   | 5.5  |         |
| 13  | 170013 | 022310000836 | NGUYỄN HOÀNG ANH       | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.0  |         |
| 14  | 170014 | 022310009893 | NGUYỄN HOÀNG MAI ANH   | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 5.75 |         |
| 15  | 170015 | 022310010583 | NGUYỄN HOÀNG QUỲNH ANH | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 7.5  |         |
| 16  | 170016 | 022210010057 | NGUYỄN HỮU VIỆT ANH    | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.75 |         |
| 17  | 170017 | 022310001634 | NGUYỄN MINH ANH        | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.5  |         |
| 18  | 170018 | 030210016799 | NGUYỄN NHƯ TUẤN ANH    | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 7.25 |         |
| 19  | 170019 | 022310006148 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.75 |         |
| 20  | 170020 | 022310008248 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 5.0  |         |
| 21  | 170021 | 022310001717 | NGUYỄN TUỆ ANH         | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 9.0  |         |
| 22  | 170022 | 035310002273 | NGUYỄN VÂN ANH         | 08/12/2010 | Hà Nam     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 3.75 |         |
| 23  | 170023 | 034210000467 | PHẠM THẾ ANH           | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.0  |         |
| 24  | 170024 | 022310008990 | TẠ PHƯƠNG ANH          | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 1.0  |         |
| 25  | 170025 | 022310012652 | TRẦN VÂN ANH           | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 6.5  |         |
| 26  | 170026 | 022210021059 | TRÌNH TÙNG ANH         | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.25         | 7.0   | 7.0  |         |
| 27  | 170027 | 022310008481 | VŨ HÀ ANH              | 06/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.75 |         |
| 28  | 170028 | 022310009175 | VƯƠNG HÀ MINH ANH      | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 7.0  |         |
| 29  | 170029 | 022310003293 | NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH    | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 8.25 |         |
| 30  | 170030 | 030310012175 | TRẦN NGỌC ÁNH          | 16/04/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 5.5  |         |
| 31  | 170031 | 022310008237 | TRẦN THỊ NGỌC ÁNH      | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.0  |         |
| 32  | 170032 | 022210021055 | LÊ NGUYỄN DUY BẢO      | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 4.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 33  | 170033 | 022210002290 | NGUYỄN NGỌC BẢO     | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 6.5  |         |
| 34  | 170034 | 030210002988 | NGUYỄN TRẦN GIA BẢO | 15/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 7.5  |         |
| 35  | 170035 | 022210003260 | TRẦN MINH BẢO       | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 1.0          | 6.0   | 3.0  |         |
| 36  | 170036 | 025210006698 | CHU KHÁNH BÌNH      | 01/08/2010 | Phú Thọ    | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 7.0  |         |
| 37  | 170037 | 022310004326 | DUƠNG THANH BÌNH    | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 8.5  |         |
| 38  | 170038 | 022210003290 | ĐẶNG CẢNH BÌNH      | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.25 |         |
| 39  | 170039 | 022210011815 | NGUYỄN THÁI BÌNH    | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 6.25 |         |
| 40  | 170040 | 022310009537 | PHẠM THANH BÌNH     | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 7.0  |         |
| 41  | 170041 | 022310011438 | TRẦN MINH CHÂU      | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 4.5  |         |
| 42  | 170042 | 022310011626 | HOÀNG LINH CHI      | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.75         | 4.4   | 5.25 |         |
| 43  | 170043 | 022310008894 | LÊ QUỲNH CHI        | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 5.25 |         |
| 44  | 170044 | 022310011348 | NGÔ QUỲNH CHI       | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 6.5  |         |
| 45  | 170045 | 022310007648 | NGUYỄN QUỲNH CHI    | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.25 |         |
| 46  | 170046 | 022310005151 | VŨ HÀ CHI           | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.75 |         |
| 47  | 170047 | 036210002276 | BÙI MINH CHIẾN      | 01/07/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 7.25 |         |
| 48  | 170048 | 022210008458 | HOÀNG MẠNH CHIẾN    | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 8.0  |         |
| 49  | 170049 | 022210003981 | KHUẤT DUY CHIẾN     | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 6.75 |         |
| 50  | 170050 | 022210012656 | HOÀNG VŨ CUÔNG      | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.25 |         |
| 51  | 170051 | 022310010722 | PHẠM NGỌC DIỆP      | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 5.0  |         |
| 52  | 170052 | 022210003101 | TỔNG VẠN DÒNG       | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.0  |         |
| 53  | 170053 | 022210009938 | DIỆP HỮU DŨNG       | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 7.2   | 5.25 |         |
| 54  | 170054 | 034210005663 | ĐẶNG NGỌC DŨNG      | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 5.75 |         |
| 55  | 170055 | 040210007754 | NGUYỄN ANH DŨNG     | 03/09/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 6.5  |         |
| 56  | 170056 | 022210007921 | HOÀNG TRUNG DUY     | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 4.75 |         |
| 57  | 170057 | 022210011736 | NGUYỄN HỮU DUY      | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 3.5  |         |
| 58  | 170058 | 022310004808 | VŨ NGỌC DUYÊN       | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.5  |         |
| 59  | 170059 | 022310002459 | LỤC ÁNH DƯƠNG       | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 7.25 |         |
| 60  | 170060 | 022210007458 | NGUYỄN HOÀNG TÙNG   | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 4.5  |         |
| 61  | 170061 | 022210008867 | NGUYỄN THÁI DƯƠNG   | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.75 |         |
| 62  | 170062 | 022310006348 | NGUYỄN THẢO DƯƠNG   | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 5.75 |         |
| 63  | 170063 | 022310007864 | NGUYỄN THU DƯƠNG    | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 6.5  |         |
| 64  | 170064 | 033210006470 | PHẠM TÙNG DƯƠNG     | 06/02/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 3.25 |         |
| 65  | 170065 | 022210004293 | LÊ ANH ĐẠT          | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.75 |         |
| 66  | 170066 | 022210004606 | NGUYỄN NGỌC ĐÌNH    | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 8.0  |         |
| 67  | 170067 | 022210003732 | LÊ NGỌC ĐỨC         | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 7.25 |         |
| 68  | 170068 | 030210008498 | NGUYỄN ANH ĐỨC      | 24/06/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 4.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |             |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 69  | 170069 | 022210002683 | TỪ QUỐC ĐỨC         | 17/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 7.0   | 5.0  |          |
| 70  | 170070 | 022210004887 | LÊ TRƯỜNG GIANG     | 01/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 1.0          | 3.4   | 4.0  |          |
| 71  | 170071 | 022210010161 | TÔ ĐỨC GIANG        | 09/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 3.0  |          |
| 72  | 170072 | 022310006477 | HOÀNG NGỌC HÀ       | 24/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.25 |          |
| 73  | 170073 | 022310003306 | LỤC THANH HÀ        | 31/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 2.8   | 3.25 |          |
| 74  | 170074 | 022310001856 | NGÔ PHẠM NGÂN HÀ    | 07/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 8.0  |          |
| 75  | 170075 | 034310002661 | NGUYỄN PHẠM THÁI HÀ | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 9.0  |          |
| 76  | 170076 | 022310000973 | NGUYỄN SƠN HÀ       | 01/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 7.5  |          |
| 77  | 170077 | 034310000261 | NGUYỄN THU HÀ       | 15/07/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 5.25 |          |
| 78  | 170078 | 022310006127 | TRẦN HOÀNG THU HÀ   | 14/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 6.75 |          |
| 79  | 170079 | 040210030146 | HOÀNG TRUNG HẢI     | 18/07/2010 | Nam Định    | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 6.75 |          |
| 80  | 170080 | 022210000448 | VŨ TIẾN HẢI         | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 2.25         | 4.6   | 3.25 |          |
| 81  | 170081 | 037310010336 | NGUYỄN THỊ KIM HẠNH | 16/03/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 4.75 |          |
| 82  | 170082 | 022310006506 | TÔNG THỊ HỒNG HẠNH  | 09/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.75 |          |
| 83  | 170083 | 022310006853 | NGUYỄN MINH HẰNG    | 05/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 5.5  |          |
| 84  | 170084 | 022310006849 | PHAN MINH HẰNG      | 26/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 85  | 170085 | 022310006713 | ĐÀO NGỌC HÂN        | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 4.75 |          |
| 86  | 170086 | 022310004989 | LÊ NGỌC HÂN         | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 5.0  |          |
| 87  | 170087 | 022310004077 | LỤC GIA HÂN         | 25/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 7.0  |          |
| 88  | 170088 | 022310004355 | NGUYỄN GIA HÂN      | 01/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 4.5  |          |
| 89  | 170089 | 022310009318 | TÔ GIA HÂN          | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 6.75 |          |
| 90  | 170090 | 022309007504 | VŨ THÚY HIỀN        | 07/08/2009 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 4.25 |          |
| 91  | 170091 | 022210009675 | LÝ TRUNG HIẾU       | 18/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 9.0  |          |
| 92  | 170092 | 022210013187 | NGUYỄN ĐÌNH HIẾU    | 20/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 7.75 |          |
| 93  | 170093 | 027210000816 | NGUYỄN HUY HIẾU     | 08/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 8.0  |          |
| 94  | 170094 | 022210012103 | TÔ MINH HIẾU        | 16/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 8.0  |          |
| 95  | 170095 | 022209009423 | TRẦN ĐĂNG HIẾU      | 03/06/2009 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 96  | 170096 | 031210010976 | TRẦN TRUNG HIẾU     | 23/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 4.75 |          |
| 97  | 170097 | 022210002082 | VŨ MINH HIẾU        | 26/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 5.75 |          |
| 98  | 170098 | 022210006498 | NGUYỄN THÁI HÒA     | 01/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 9.4   | 8.25 |          |
| 99  | 170099 | 022310002668 | PHẠM THỊ THU HÒA    | 18/06/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 7.25 |          |
| 100 | 170100 | 030210016446 | VŨ VIỆT MINH HOÀN   | 23/11/2010 | Hải Dương   | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 8.0  |          |
| 101 | 170101 | 034210013672 | NGUYỄN HUY HOÀNG    | 21/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 6.0  |          |
| 102 | 170102 | 019210005080 | NGUYỄN SINH HÙNG    | 06/01/2010 | Thái Nguyên | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.5  |          |
| 103 | 170103 | 022210003051 | NGUYỄN SƠN HÙNG     | 03/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 5.2   | 4.75 |          |
| 104 | 170104 | 022210009433 | TẠ KHẢI HÙNG        | 21/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 5.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|--------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                    |       |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 105 | 170105 | 022210011181 | DIỆP TÚ GIA        | HUY   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.25 |          |
| 106 | 170106 | 022210012406 | ĐINH NGỌC          | HUY   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 9.6   | 9.0  |          |
| 107 | 170107 | 022210006049 | ĐOÀN GIA           | HUY   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 1.5  |          |
| 108 | 170108 | 022210008674 | LƯƠNG GIA          | HUY   | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.0          | 7.0   | 5.25 |          |
| 109 | 170109 | 022210007711 | NÔNG NHẤT          | HUY   | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 3.25 |          |
| 110 | 170110 | 022210010180 | PHẠM ĐỨC           | HUY   | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 6.5  |          |
| 111 | 170111 | 024210012438 | TRẦN ĐĂNG          | HUY   | 08/02/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.5  |          |
| 112 | 170112 | 022210021010 | TRỊNH QUANG        | HUY   | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 3.0  |          |
| 113 | 170113 | 022310003767 | LƯƠNG KHÁNH        | HUYỀN | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 114 | 170114 | 022310007488 | NGUYỄN THỊ NGỌC    | HUYỀN | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 4.5  |          |
| 115 | 170115 | 022310004224 | PHẠM KHÁNH         | HUYỀN | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 5.75 |          |
| 116 | 170116 | 022210005897 | BÙI GIA            | HÙNG  | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.5  |          |
| 117 | 170117 | 022210002748 | DƯƠNG MINH         | HÙNG  | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.0          | 6.8   | 3.0  |          |
| 118 | 170118 | 022210010934 | ĐỖ QUYỀN           | HÙNG  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.75 |          |
| 119 | 170119 | 024210015958 | NGUYỄN TIẾN        | HÙNG  | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 8.25         | 5.0   | 7.0  |          |
| 120 | 170120 | 022310007822 | HOÀNG THỊ QUỲNH    | HƯƠNG | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 121 | 170121 | 034310002481 | NGUYỄN THU         | HƯƠNG | 21/07/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 4.75 |          |
| 122 | 170122 | 022310000949 | PHẠM THANH         | HƯƠNG | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 7.0  |          |
| 123 | 170123 | 022310000060 | TRẦN THỊ THANH     | HƯƠNG | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.5  |          |
| 124 | 170124 | 022310009090 | VŨ MAI             | HƯƠNG | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.75 |          |
| 125 | 170125 | 022210010732 | ĐẶNG GIA           | KHÁNH | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.5  |          |
| 126 | 170126 | 022310003741 | NGUYỄN THỊ         | KHÁNH | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 3.5  |          |
| 127 | 170127 | 022210006988 | NGUYỄN ĐẶNG        | KHÔI  | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.25 |          |
| 128 | 170128 | 022210001797 | NGÔ BẢ             | KIỆT  | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.5  |          |
| 129 | 170129 | 022210001041 | ĐỖ QUANG           | LÂM   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.75 |          |
| 130 | 170130 | 022210005484 | HOÀNG              | LÂM   | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.25 |          |
| 131 | 170131 | 022210007874 | NGUYỄN ĐẶNG BẢO    | LÂM   | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 7.75 |          |
| 132 | 170132 | 022210012655 | TRƯƠNG THANH       | LÂM   | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.25 |          |
| 133 | 170133 | 022310011076 | ÂN GIA             | LINH  | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 6.25 |          |
| 134 | 170134 | 022310009909 | ĐỖ THỊ KHÁNH       | LINH  | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 6.75 |          |
| 135 | 170135 | 022310009908 | LA THÙY            | LINH  | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.5  |          |
| 136 | 170136 | 022310000740 | LÊ THÙY            | LINH  | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.5  |          |
| 137 | 170137 | 022310000170 | NGUYỄN DIỆU        | LINH  | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 2.5  |          |
| 138 | 170138 | 034310005301 | NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG | LINH  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.0  |          |
| 139 | 170139 | 022310000774 | NGUYỄN PHƯƠNG      | LINH  | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.25 |          |
| 140 | 170140 | 022310006122 | NGUYỄN THỊ MAI     | LINH  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 141 | 170141 | 022310000140 | NGUYỄN THỊ THÙY  | LINH  | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 3.25 |         |
| 142 | 170142 | 022310003648 | PHẠM NGỌC BẢO    | LINH  | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 6.0  |         |
| 143 | 170143 | 022310008093 | PHAN HÀ          | LINH  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 5.25 |         |
| 144 | 170144 | 022310008045 | TRẦN HÀ          | LINH  | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.5  |         |
| 145 | 170145 | 022310001666 | TRƯƠNG HÀ        | LINH  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 4.75 |         |
| 146 | 170146 | 022310002095 | VŨ KHÁNH         | LINH  | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 6.5  |         |
| 147 | 170147 | 022210008942 | NGUYỄN THÀNH     | LONG  | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.5  |         |
| 148 | 170148 | 022210007518 | NGUYỄN PHẠM TÙNG | LƯƠNG | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An            | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 6.0  |         |
| 149 | 170149 | 022210010120 | TRẦN ĐỨC         | LƯƠNG | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 8.0  |         |
| 150 | 170150 | 022310008464 | BUI KHÁNH        | LY    | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 8.25         | 9.2   | 8.25 |         |
| 151 | 170151 | 022310004167 | ĐẶNG TRẦN HẢI    | LY    | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 4.5  |         |
| 152 | 170152 | 022310005367 | HOÀNG KHÁNH      | LY    | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 6.25 |         |
| 153 | 170153 | 022310002684 | VŨ KHÁNH         | LY    | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 154 | 170154 | 022310010975 | MẠC THỊ PHƯƠNG   | MAI   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.5  |         |
| 155 | 170155 | 022310005068 | PHÙNG NHƯ        | MAI   | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.25 |         |
| 156 | 170156 | 022210003822 | LÊ ĐỨC           | MẠNH  | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.0  |         |
| 157 | 170157 | 022210006569 | TRẦN LINH        | MẠNH  | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.5  |         |
| 158 | 170158 | 001310026527 | TRẦN HOÀNG TRÚC  | MI    | 14/05/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 2.5  |         |
| 159 | 170159 | 022310003883 | ĐÀO NGUYỆT       | MINH  | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 7.0  |         |
| 160 | 170160 | 022210005310 | HOÀNG QUANG      | MINH  | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 5.75 |         |
| 161 | 170161 | 038210019365 | LÊ LƯƠNG         | MINH  | 09/06/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.25 |         |
| 162 | 170162 | 022210010132 | NGUYỄN QUANG     | MINH  | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 6.4   | 7.0  |         |
| 163 | 170163 | 022310006318 | NGUYỄN THỊ MINH  | MINH  | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.0  |         |
| 164 | 170164 | 022210005518 | PHẠM TUẤN        | MINH  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 4.25 |         |
| 165 | 170165 | 022210002383 | TRẦN BẢO         | MINH  | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 8.5  |         |
| 166 | 170166 | 022210013200 | TRẦN HOÀNG       | MINH  | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |         |
| 167 | 170167 | 004310004589 | HOÀNG KIỀU TRÀ   | MY    | 08/04/2010 | Cao Bằng   | Nữ        | Tày              | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.25 |         |
| 168 | 170168 | 027310006420 | NGUYỄN DIỆU      | MY    | 21/03/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 8.0  |         |
| 169 | 170169 | 022310004954 | NGUYỄN LÊ THẢO   | MY    | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.0  |         |
| 170 | 170170 | 022310003159 | NGUYỄN QUỲNH     | MY    | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 2.25 |         |
| 171 | 170171 | 030310014412 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | MY    | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.5  |         |
| 172 | 170172 | 036310016020 | PHẠM NGỌC GIÁNG  | MY    | 10/10/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 6.5  |         |
| 173 | 170173 | 034210000570 | ĐOÀN HẢI         | NAM   | 02/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.5  |         |
| 174 | 170174 | 001210021715 | ĐỖ BẢO           | NAM   | 12/01/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Chu Văn An            | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 6.5  |         |
| 175 | 170175 | 031210016513 | NGUYỄN ĐỨC       | NAM   | 09/11/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 9.0  |         |
| 176 | 170176 | 027210008014 | NGUYỄN ĐỨC BẢO   | NAM   | 26/03/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 9.8   | 9.0  |         |



**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 177 | 170177 | 022210012220 | NGUYỄN TIỀN THÀNH | NAM    | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 6.0  |          |
| 178 | 170178 | 022210008521 | TẠ BẢO            | NAM    | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Chu Văn An            | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.25 |          |
| 179 | 170179 | 022210004177 | VŨ AN             | NAM    | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 3.75 |          |
| 180 | 170180 | 022210012686 | VŨ BẢO            | NAM    | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 4.25 |          |
| 181 | 170181 | 022310004780 | TẠ QUỲNH          | NGA    | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 4.75 |          |
| 182 | 170182 | 022310011026 | CẦN ĐỖ KIM        | NGÂN   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.5  |          |
| 183 | 170183 | 022310007903 | ĐÀO NGỌC BẢO      | NGÂN   | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 5.5  |          |
| 184 | 170184 | 022310010614 | NGUYỄN KIM        | NGÂN   | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 8.0          | 9.8   | 8.5  |          |
| 185 | 170185 | 022310009364 | TRẦN HỒNG         | NGÂN   | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 6.75 |          |
| 186 | 170186 | 022210009992 | BUI ĐỨC           | NGHĨA  | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.25 |          |
| 187 | 170187 | 022210000183 | DƯƠNG TRỌNG       | NGHĨA  | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 5.75 |          |
| 188 | 170188 | 022310011506 | BUI BẢO           | NGỌC   | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.5  |          |
| 189 | 170189 | 022310010282 | ĐẶNG THỊ MINH     | NGỌC   | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 6.0  |          |
| 190 | 170190 | 022210006258 | NGÔ BẢO           | NGỌC   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 6.0  |          |
| 191 | 170191 | 022310011970 | NGUYỄN KHÁNH      | NGỌC   | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 6.25 |          |
| 192 | 170192 | 022310010296 | NGUYỄN MINH       | NGỌC   | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 7.75 |          |
| 193 | 170193 | 022310004846 | PHẠM BẢO          | NGỌC   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.0  |          |
| 194 | 170194 | 022310007454 | TRẦN PHẠM BẢO     | NGỌC   | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.25         | 4.6   | 5.0  |          |
| 195 | 170195 | 022210002746 | ĐOÀN MINH         | NGUYỄN | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 196 | 170196 | 022310005771 | KIỀU NGUYỄN THẢO  | NGUYỄN | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 5.0   | 8.0  |          |
| 197 | 170197 | 022310009169 | HOÀNG THỊ THANH   | NHÀN   | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 4.0  |          |
| 198 | 170198 | 034210006478 | TRẦN XUÂN         | NHẤT   | 10/05/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 6.5  |          |
| 199 | 170199 | 022310001520 | CAO ĐOÀN ĐÔNG     | NHI    | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 3.75 |          |
| 200 | 170200 | 022310006054 | DIỆP THỰC         | NHI    | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.25 |          |
| 201 | 170201 | 022310011878 | DIỆP YẾN          | NHI    | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 6.25 |          |
| 202 | 170202 | 022310002959 | DƯƠNG THẢO        | NHI    | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 2.25 |          |
| 203 | 170203 | 022310001835 | ĐINH NGỌC YẾN     | NHI    | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 204 | 170204 | 022310008240 | HOÀNG LÊ GIA      | NHI    | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.25 |          |
| 205 | 170205 | 022310001344 | HOÀNG LÊ PHƯƠNG   | NHI    | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 7.25 |          |
| 206 | 170206 | 030310011158 | NGUYỄN YẾN        | NHI    | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.25 |          |
| 207 | 170207 | 022310010248 | TRẦN GIA          | NHI    | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 8.0  |          |
| 208 | 170208 | 022310001343 | TRẦN THỊ YẾN      | NHI    | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 209 | 170209 | 022310004346 | VŨ YẾN            | NHI    | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.25 |          |
| 210 | 170210 | 030310001315 | BUI THỊ GIA       | NHƯ    | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 5.25 |          |
| 211 | 170211 | 022310002879 | HÀ QUỲNH          | NHƯ    | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.0  |          |
| 212 | 170212 | 022210007423 | ĐINH HOÀNG        | PHONG  | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 8.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 213 | 170213 | 022210006712 | HOÀNG GIA        | PHONG  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 5.0  |         |
| 214 | 170214 | 022210003710 | NGUYỄN BÁ HỒNG   | PHONG  | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 3.5          | 7.2   | 4.75 |         |
| 215 | 170215 | 022210010745 | NGUYỄN ĐẠI       | PHONG  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 5.5  |         |
| 216 | 170216 | 022210009398 | PHẠM NAM         | PHONG  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 3.5          | 6.4   | 6.5  |         |
| 217 | 170217 | 022210002846 | TÔ THÁI          | PHONG  | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 2.25 |         |
| 218 | 170218 | 030210000611 | VŨ ĐÌNH          | PHONG  | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 6.75 |         |
| 219 | 170219 | 022210002254 | NGUYỄN HOÀNG     | PHÚ    | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.75         | 10.0  | 8.0  |         |
| 220 | 170220 | 030210010496 | NGUYỄN MINH      | PHÚC   | 13/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 5.5  |         |
| 221 | 170221 | 022210000181 | ĐINH HỮU         | PHƯỚC  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.25 |         |
| 222 | 170222 | 022310000789 | BÙI PHƯƠNG       | PHƯƠNG | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 5.0  |         |
| 223 | 170223 | 022310007311 | BÙI THU          | PHƯƠNG | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 224 | 170224 | 022310005401 | LỤC MỸ           | PHƯƠNG | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 6.25 |         |
| 225 | 170225 | 022310011121 | LÝ HÀ            | PHƯƠNG | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 6.75 |         |
| 226 | 170226 | 022310000146 | VŨ BÍCH          | PHƯƠNG | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 5.75 |         |
| 227 | 170227 | 022310011870 | VŨ MAI           | PHƯƠNG | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.0  |         |
| 228 | 170228 | 042210007401 | NGUYỄN VĂN       | QUANG  | 18/09/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.0  |         |
| 229 | 170229 | 022210006269 | NGUYỄN VINH      | QUANG  | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.0  |         |
| 230 | 170230 | 022210013271 | PHAN VINH        | QUANG  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.25         | 8.4   | 7.75 |         |
| 231 | 170231 | 034210000276 | LÊ TRÍ           | QUẢNG  | 11/03/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.75 |         |
| 232 | 170232 | 034210015397 | ĐẶNG TẤT         | QUÂN   | 17/10/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 2.0          | 3.8   | 1.5  |         |
| 233 | 170233 | 022210001190 | TRỊNH HOÀNG      | QUÂN   | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 2.0  |         |
| 234 | 170234 | 022310003488 | TRƯƠNG NGỌC      | QUYÊN  | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.0  |         |
| 235 | 170235 | 012210007956 | HOÀNG VĂN        | QUYÊN  | 08/02/2010 | Lai Châu   | Nam       | Thái             | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 6.25 |         |
| 236 | 170236 | 022310009380 | NGUYỄN MAI       | QUỲNH  | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.75 |         |
| 237 | 170237 | 022210003125 | ĐẶNG THẾ         | SƠN    | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 6.5  |         |
| 238 | 170238 | 022210008174 | LÊ TRUNG         | SƠN    | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 239 | 170239 | 031210000709 | TRẦN THÁI        | SƠN    | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.75 |         |
| 240 | 170240 | 022210001110 | VŨ ĐỨC           | SƠN    | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.0  |         |
| 241 | 170241 | 022210005891 | VŨ MINH          | SƠN    | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.0  |         |
| 242 | 170242 | 022310005005 | TRẦN THUY        | TÂM    | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 4.0  |         |
| 243 | 170243 | 022210001782 | ĐÀO DUY          | THÁI   | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.0  |         |
| 244 | 170244 | 022210009036 | NGUYỄN PHẠM QUỐC | THÁI   | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 5.75 |         |
| 245 | 170245 | 022310001240 | PHẠM THỊ MAI     | THANH  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.0          | 6.0   | 6.0  |         |
| 246 | 170246 | 022310012587 | VŨ ĐAN           | THANH  | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 3.5  |         |
| 247 | 170247 | 022210008866 | LÊ MINH          | THÀNH  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 3.25 |         |
| 248 | 170248 | 022210008688 | NGUYỄN TRƯỜNG    | THÀNH  | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 3.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 249 | 170249 | 022210002037 | NGUYỄN XUÂN     | THÀNH  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 7.25 |          |
| 250 | 170250 | 022210003582 | NHÂM NHẬT       | THÀNH  | 21/09/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 7.5  |          |
| 251 | 170251 | 036210007840 | TRỊNH CHÍ       | THÀNH  | 25/03/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 6.0  |          |
| 252 | 170252 | 022310006376 | ĐOÀN PHƯƠNG     | THẢO   | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 7.0  |          |
| 253 | 170253 | 022310008168 | LÊ MAI PHƯƠNG   | THẢO   | 12/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 4.5  |          |
| 254 | 170254 | 030310009659 | PHẠM THỊ PHƯƠNG | THẢO   | 30/04/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 5.75 |          |
| 255 | 170255 | 022210003530 | NGUYỄN MINH     | THẮNG  | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 3.75 |          |
| 256 | 170256 | 022210001767 | PHẠM TOÀN       | THẮNG  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 8.5  |          |
| 257 | 170257 | 022210006923 | TRẦN MINH       | THẮNG  | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 1.75         | 5.8   | 2.25 |          |
| 258 | 170258 | 030210016671 | VŨ MINH         | THẮNG  | 24/05/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 8.75 |          |
| 259 | 170259 | 036210014282 | TRẦN CÔNG       | THẾ    | 15/09/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 3.0  |          |
| 260 | 170260 | 034310012404 | BÙI KHÁNH       | THI    | 29/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 6.5  |          |
| 261 | 170261 | 022210012654 | PHAN NGỌC       | THIỆN  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 6.5  |          |
| 262 | 170262 | 030210012965 | ĐỖ MINH         | THIỆU  | 14/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 263 | 170263 | 034210017825 | BÙI DUY         | THỊNH  | 17/05/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.0  |          |
| 264 | 170264 | 067210004050 | NGÔ GIA         | THUẬN  | 03/02/2010 | Đăk Nông   | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.75 |          |
| 265 | 170265 | 022310008384 | ĐINH HIỀN       | THỰC   | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 6.75 |          |
| 266 | 170266 | 022310000184 | MAI PHƯƠNG      | THỦY   | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.5  |          |
| 267 | 170267 | 022310007494 | NGUYỄN MINH     | THỦY   | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.75 |          |
| 268 | 170268 | 022310000952 | ĐẶNG HOÀNG ANH  | THƯ    | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.75 |          |
| 269 | 170269 | 022310011370 | ĐẶNG MINH       | THƯ    | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 5.25 |          |
| 270 | 170270 | 022310003639 | ĐINH THANH      | THƯ    | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 7.5  |          |
| 271 | 170271 | 022310005479 | NGUYỄN NGỌC ANH | THƯ    | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.75 |          |
| 272 | 170272 | 022310011102 | VŨ THỊ HỒNG     | THƯƠNG | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 273 | 170273 | 022210002806 | HOÀNG MINH      | TIẾN   | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 7.25 |          |
| 274 | 170274 | 022210006349 | TẠ MINH         | TIẾN   | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 5.5  |          |
| 275 | 170275 | 022210010359 | TRẦN TRỌNG      | TÍN    | 14/10/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.5  |          |
| 276 | 170276 | 022210021016 | VŨ ĐỨC          | TOÀN   | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 8.5  |          |
| 277 | 170277 | 022310004849 | ÂU THỦY         | TRANG  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 8.0  |          |
| 278 | 170278 | 022310010538 | LÊ QUỲNH        | TRANG  | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 5.25 |          |
| 279 | 170279 | 022310004900 | NGHIÊM THỦY     | TRANG  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 3.5          | 5.6   | 4.0  |          |
| 280 | 170280 | 022310008673 | NGUYỄN QUỲNH    | TRANG  | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.75 |          |
| 281 | 170281 | 022310010568 | PHẠM HÒ MAI     | TRANG  | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 282 | 170282 | 022310008661 | PHẠM THỦY       | TRANG  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 4.25 |          |
| 283 | 170283 | 022310000769 | TRẦN PHƯƠNG     | TRANG  | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 2.25 |          |
| 284 | 170284 | 001310041683 | TRẦN THỊ THU    | TRANG  | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 7.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 285 | 170285 | 022310012601 | TRƯƠNG QUỲNH     | TRANG  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 4.25 |          |
| 286 | 170286 | 022310011858 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | TRÂM   | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 5.25 |          |
| 287 | 170287 | 022310002546 | VŨ BẢO           | TRÂM   | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 3.5  |          |
| 288 | 170288 | 022210004892 | DƯƠNG ĐỨC        | TRƯỜNG | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 3.75 |          |
| 289 | 170289 | 036210014428 | MAI QUANG        | TRƯỜNG | 18/10/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 4.75 |          |
| 290 | 170290 | 022210006311 | NGUYỄN NGỌC      | TRƯỜNG | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 7.0  |          |
| 291 | 170291 | 022310000569 | ĐINH HOÀNG CẨM   | TÚ     | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 8.0  |          |
| 292 | 170292 | 022210010936 | TRẦN ANH         | TÚ     | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 4.75 |          |
| 293 | 170293 | 022310008539 | TRƯƠNG CẨM       | TÚ     | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 294 | 170294 | 022210010286 | VŨ TUẤN          | TÚ     | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 5.75 |          |
| 295 | 170295 | 022210003120 | LÃ HOÀNG MẠNH    | TUẤN   | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 7.75 |          |
| 296 | 170296 | 022210007364 | LÊ ANH           | TUẤN   | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.0  |          |
| 297 | 170297 | 022210007324 | NGUYỄN HÀ ANH    | TUẤN   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 7.75 |          |
| 298 | 170298 | 022210004553 | NGUYỄN HÀ ANH    | TUẤN   | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 4.5          | 2.4   | 3.25 |          |
| 299 | 170299 | 022210002295 | NGUYỄN MINH      | TUẤN   | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.5  |          |
| 300 | 170300 | 034210015563 | NGUYỄN THÁI      | TUẤN   | 14/05/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 2.25         | 3.2   | 2.75 |          |
| 301 | 170301 | 022210005691 | TRẦN DUY         | TUỆ    | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.5  |          |
| 302 | 170302 | 022210010021 | DƯƠNG HOÀNG      | TÙNG   | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.25         | 6.8   | 4.5  |          |
| 303 | 170303 | 022210000885 | TRIỆU BẢO        | TÙNG   | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 3.75 |          |
| 304 | 170304 | 034310006421 | TỰ MINH          | TUYẾT  | 27/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 3.75 |          |
| 305 | 170305 | 022210002763 | PHẠM VŨ THIÊN    | UY     | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.75 |          |
| 306 | 170306 | 027310005715 | ĐẶNG THỊ TỎ      | UYÊN   | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 7.25 |          |
| 307 | 170307 | 022310012586 | HOÀNG THANH      | VÂN    | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.0  |          |
| 308 | 170308 | 022210009064 | NGUYỄN PHONG     | VIỆT   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.25 |          |
| 309 | 170309 | 022210000938 | HỒ QUANG         | VINH   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 6.75 |          |
| 310 | 170310 | 022210003180 | BÙI LÂM          | VŨ     | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.0          | 9.4   | 8.25 |          |
| 311 | 170311 | 022210004432 | PHẠM MINH        | VƯƠNG  | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 7.5  |          |
| 312 | 170312 | 022210006545 | LÊ QUANG         | VƯƠNG  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 6.8   | 5.5  |          |
| 313 | 170313 | 022310007479 | LÊ TƯỜNG         | VY     | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 8.25 |          |
| 314 | 170314 | 022310004517 | LÝ HÀ            | VY     | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 7.75 |          |
| 315 | 170315 | 022310002597 | THÁI TƯỜNG       | VY     | 05/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 8.25 |          |
| 316 | 170316 | 022310009619 | TRẦN PHẠM TƯỜNG  | VY     | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.25 |          |
| 317 | 170317 | 025310011131 | VŨ THẢO          | VY     | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An            | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.5  |          |
| 318 | 170318 | 030310005276 | VŨ THỊ ÁNH       | VY     | 14/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.75 |          |
| 319 | 170319 | 030310002377 | VŨ THỊ HÀ        | VY     | 16/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.0  |          |
| 320 | 170320 | 022310012073 | ĐOÀN VŨ HẢI      | YÊN    | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.5  |          |

Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong (22000730)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên      |     | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------|-----|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |             |     |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 321 | 170321 | 022310002554 | ĐOÀN VŨ HẢI | YÊN | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 6.0  |         |
| 322 | 170322 | 022310007924 | LỤC BẢO     | YÊN | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.25 |         |
| 323 | 170323 | 022310009100 | NGUYỄN HẢI  | YÊN | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.25 |         |
| 324 | 170324 | 022310007312 | TẠ HẢI      | YÊN | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 6.5  |         |

(Danh sách này gồm có 324 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                    |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 180001 | 022310005101 | ĐÀO BÌNH AN           | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 5.75 |         |
| 2   | 180002 | 022210003313 | BÙI ĐỨC ANH           | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 5.0  |         |
| 3   | 180003 | 022210007883 | BÙI HOÀNG ANH         | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 2.25 |         |
| 4   | 180004 | 022310012599 | BÙI QUỲNH ANH         | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 3.5  |         |
| 5   | 180005 | 022310000716 | ĐINH THUỶ ANH         | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 5.75 |         |
| 6   | 180006 | 022310003388 | ĐỖ NGỌC MINH ANH      | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 5.75 |         |
| 7   | 180007 | 022310000622 | ĐỒNG HẢI ANH          | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.25 |         |
| 8   | 180008 | 022310007584 | HÀ THỊ PHƯƠNG ANH     | 14/09/2010 | Quảng ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 8.0  |         |
| 9   | 180009 | 022310004032 | HOÀNG VŨ QUỲNH ANH    | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.75 |         |
| 10  | 180010 | 022310003245 | HOÀNG VŨ TRÂM ANH     | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 6.25 |         |
| 11  | 180011 | 022310000661 | LÊ NHẬT ANH           | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 2.5  |         |
| 12  | 180012 | 022310004611 | LÊ QUỲNH ANH          | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.75 |         |
| 13  | 180013 | 024310009504 | LÊ THỊ TUYẾT ANH      | 02/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        | Sán Chay         | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 3.5  |         |
| 14  | 180014 | 022210005678 | LƯU ĐỨC ANH           | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.25 |         |
| 15  | 180015 | 022310012589 | LÝ QUỲNH ANH          | 11/08/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An    | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 7.5  |         |
| 16  | 180016 | 022310009242 | NGUYỄN BẢO ANH        | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.5          | 2.6   | 4.0  |         |
| 17  | 180017 | 022210007237 | NGUYỄN HOÀNG ANH      | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 1.5  |         |
| 18  | 180018 | 022310000826 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC ANH | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 2.0  |         |
| 19  | 180019 | 034310006012 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | 25/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 5.25 |         |
| 20  | 180020 | 022210006717 | NGUYỄN THẾ ANH        | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 8.0  |         |
| 21  | 180021 | 022310004990 | NGUYỄN THUỶ ANH       | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 2.5  |         |
| 22  | 180022 | 022210009055 | NGUYỄN TUẤN ANH       | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 7.75 |         |
| 23  | 180023 | 022210004429 | NGUYỄN VIỆT ANH       | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 5.25 |         |
| 24  | 180024 | 022310008670 | PHẠM BẢO ANH          | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.0  |         |
| 25  | 180025 | 022310000510 | PHẠM HỒNG ANH         | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 5.0  |         |
| 26  | 180026 | 034310010692 | PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH   | 15/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 1.0          | 4.6   | 1.25 |         |
| 27  | 180027 | 022310012689 | PHẠM THỊ QUỲNH ANH    | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 4.0  |         |
| 28  | 180028 | 022310008338 | PHAN HIỀN ANH         | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 7.0  |         |
| 29  | 180029 | 022310002135 | PHÙNG HỒNG ANH        | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 6.75 |         |
| 30  | 180030 | 022310009533 | TRẦN HẢI ANH          | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 3.75 |         |
| 31  | 180031 | 022310001909 | TRẦN MAI PHƯƠNG ANH   | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 2.0  |         |
| 32  | 180032 | 022310012701 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC ANH | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 2.25 |         |
| 33  | 180033 | 022210013234 | HOÀNG BÁCH ANH        | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 3.5          | 6.4   | 7.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 34  | 180034 | 022210011664 | LÊ GIA           | BẢO    | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 4.75 |          |
| 35  | 180035 | 022210006774 | NGUYỄN CÔNG GIA  | BẢO    | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.5  |          |
| 36  | 180036 | 036210011873 | PHẠM GIA         | BẢO    | 15/11/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 8.0  |          |
| 37  | 180037 | 022209001870 | PHẠM GIA         | BẢO    | 12/10/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 38  | 180038 | 022210004163 | TÔ ĐỨC           | BẢO    | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 6.25 |          |
| 39  | 180039 | 022310007011 | PHẠM THẢO        | BĂNG   | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 4.75 |          |
| 40  | 180040 | 037210005404 | NGUYỄN THANH     | BÌNH   | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 41  | 180041 | 022310004290 | PHẠM THANH       | BÌNH   | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 42  | 180042 | 022310009017 | ĐÀO QUỲNH        | CHI    | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 3.25 |          |
| 43  | 180043 | 022310007594 | HOÀNG NGUYỄN BẢO | CHI    | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 3.5  |          |
| 44  | 180044 | 022310003420 | LÊ PHẠM KHÁNH    | CHI    | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 1.25 |          |
| 45  | 180045 | 022310001091 | MAI YẾN          | CHI    | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.0  |          |
| 46  | 180046 | 022310000653 | NGUYỄN BẢO LINH  | CHI    | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 4.75 |          |
| 47  | 180047 | 022310005262 | NGUYỄN HÀ        | CHI    | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 6.5  |          |
| 48  | 180048 | 022310001672 | NGUYỄN HÀ        | CHI    | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 49  | 180049 | 034310191718 | NGUYỄN HÀ LINH   | CHI    | 28/09/2010 | Điện Biên  | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 6.25 |          |
| 50  | 180050 | 022310000568 | NGUYỄN THỦY      | CHI    | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.5  |          |
| 51  | 180051 | 025310013232 | VŨ THỊ QUỲNH     | CHI    | 16/09/2010 | Phú Thọ    | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.25 |          |
| 52  | 180052 | 022210005803 | PHÙNG NGUYỄN     | CHƯƠNG | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 6.0  |          |
| 53  | 180053 | 022210004087 | PHẠM THẾ         | CUÔNG  | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 2.5          | 7.0   | 2.75 |          |
| 54  | 180054 | 022310004679 | VŨ NGỌC THIÊN    | DI     | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 4.25 |          |
| 55  | 180055 | 022310010383 | LƯU THỊ THỦY     | DUNG   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 3.0  |          |
| 56  | 180056 | 037210004346 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG   | 09/10/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 7.25 |          |
| 57  | 180057 | 022210007655 | NGUYỄN UY        | DỪNG   | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 1.75 |          |
| 58  | 180058 | 022210001729 | NÔNG THẾ         | DUY    | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.0          | 1.6   | 2.75 |          |
| 59  | 180059 | 022310008242 | TRẦN PHƯƠNG      | DUYÊN  | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.0  |          |
| 60  | 180060 | 031310005239 | ĐẶNG THỊ THỦY    | DƯƠNG  | 23/06/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 3.0  |          |
| 61  | 180061 | 022210013204 | LÊ ĐỨC           | DƯƠNG  | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 2.5  |          |
| 62  | 180062 | 022310009790 | PHẠM THỦY        | DƯƠNG  | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 8.0          | 10.0  | 7.5  |          |
| 63  | 180063 | 022210007703 | BUI TUẤN         | ĐẠT    | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.25         | 8.8   | 4.75 |          |
| 64  | 180064 | 022210007217 | ĐÀU QUỐC         | ĐẠT    | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.25         | 7.8   | 3.75 |          |
| 65  | 180065 | 022210003406 | ĐINH TIẾN        | ĐẠT    | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 3.75         | 6.8   | 2.5  |          |
| 66  | 180066 | 022210006656 | HOÀNG THÀNH      | ĐẠT    | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 6.75 |          |
| 67  | 180067 | 022210001129 | LÊ VŨ ANH        | ĐẠT    | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 8.25 |          |
| 68  | 180068 | 030210015595 | LƯƠNG TIẾN       | ĐẠT    | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 5.0  |          |
| 69  | 180069 | 036210010423 | NGUYỄN TIẾN      | ĐẠT    | 01/01/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 7.0  |          |
| 70  | 180070 | 031210000433 | PHẠM HỮU         | ĐẠT    | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 5.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                    |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 71  | 180071 | 022210002409 | NGÔ TRẦN HẢI     | ĐĂNG  | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.75 |          |
| 72  | 180072 | 022210000787 | NGUYỄN HẢI       | ĐĂNG  | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 5.5  |          |
| 73  | 180073 | 022210003344 | VŨ HOÀNG         | ĐÔNG  | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.0  |          |
| 74  | 180074 | 022210009091 | ĐỖ NGUYỄN MINH   | ĐỨC   | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 5.25 |          |
| 75  | 180075 | 022210002077 | NGUYỄN HỮU       | ĐỨC   | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 7.6   | 6.25 |          |
| 76  | 180076 | 030210015614 | NGUYỄN VĂN       | ĐỨC   | 21/11/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 1.25 |          |
| 77  | 180077 | 022310005789 | KHÔNG HƯƠNG      | GIANG | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 3.5  |          |
| 78  | 180078 | 022210010915 | TRẦN TRƯỜNG      | GIANG | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 7.0  |          |
| 79  | 180079 | 022310007636 | NGUYỄN NGÂN      | HÀ    | 18/12/2010 | Quảng Nình | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 80  | 180080 | 022210004965 | TÔ PHONG         | HẢI   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 1.75         | 5.8   | 2.25 |          |
| 81  | 180081 | 031210007433 | TRẦN MẠNH        | HẢI   | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 4.25 |          |
| 82  | 180082 | 022310000663 | ĐINH GIA         | HÂN   | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 4.75 |          |
| 83  | 180083 | 022310012598 | TRẦN BẢO         | HÂN   | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.25 |          |
| 84  | 180084 | 022310000761 | VŨ THỊ THÀNH     | HẬU   | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 5.5  |          |
| 85  | 180085 | 022310008082 | DƯƠNG THÚY       | HIỀN  | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.5  |          |
| 86  | 180086 | 022210012549 | NGUYỄN TRỌNG     | HIỆP  | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 4.0  |          |
| 87  | 180087 | 022210009457 | BÙI ĐỨC          | HIẾU  | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 2.25         | 5.8   | 4.25 |          |
| 88  | 180088 | 033210014111 | NGUYỄN DUY       | HIẾU  | 28/12/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 9.0  |          |
| 89  | 180089 | 022210006105 | NGUYỄN ĐỨC       | HIẾU  | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 6.75 |          |
| 90  | 180090 | 022210012179 | NGUYỄN TUẤN MINH | HIẾU  | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 7.0  |          |
| 91  | 180091 | 034210011800 | NGUYỄN HUY       | HIỆU  | 25/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.0          | 7.6   | 7.25 |          |
| 92  | 180092 | 030310008628 | PHẠM NGỌC        | HOA   | 13/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 0.25 |          |
| 93  | 180093 | 022310012722 | PHAN THỊ         | HOA   | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.5  |          |
| 94  | 180094 | 022310008669 | TRẦN THỊ         | HOA   | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 4.0  |          |
| 95  | 180095 | 022210005115 | ĐOÀN HUY         | HOÀNG | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.5  |          |
| 96  | 180096 | 022210010592 | NGUYỄN PHAN      | HOÀNG | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 2.0          | 6.4   | 5.0  |          |
| 97  | 180097 | 022310001592 | NGUYỄN THANH     | HÔNG  | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 4.25         | 1.6   | 4.5  |          |
| 98  | 180098 | 022210004155 | HÀ HUY           | HÙNG  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 5.0  |          |
| 99  | 180099 | 022210003703 | VŨ TRỌNG         | HÙNG  | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 2.25 |          |
| 100 | 180100 | 022210005516 | NGUYỄN CÔNG      | HUY   | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 3.75         | 7.0   | 5.0  |          |
| 101 | 180101 | 022210010496 | NGUYỄN LÂM CHÍ   | HUY   | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.75 |          |
| 102 | 180102 | 022210011931 | NGUYỄN QUANG     | HUY   | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 5.0  |          |
| 103 | 180103 | 022210002035 | NGUYỄN VĂN       | HUY   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.5  |          |
| 104 | 180104 | 022210009497 | TRƯƠNG QUANG     | HUY   | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 3.75 |          |
| 105 | 180105 | 022310007183 | BÊ NGỌC KHÁNH    | HUYỀN | 10/09/2010 | Quảng ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.25 |          |
| 106 | 180106 | 022310004819 | TÀNG KHÁNH       | HUYỀN | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 7.5  |          |
| 107 | 180107 | 022210003782 | ĐÀO CÔNG         | HƯNG  | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 2.75         | 7.4   | 5.25 |          |



**Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 108 | 180108 | 022210004133 | LÊ SƠN          | HUỖNG | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 3.5  |          |
| 109 | 180109 | 022210000686 | NGHIÊM VĂN      | HUỖNG | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 8.75 |          |
| 110 | 180110 | 022210000723 | NGUYỄN DUY      | HUỖNG | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 6.25 |          |
| 111 | 180111 | 022210006687 | NGUYỄN GIA      | HUỖNG | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 4.5  |          |
| 112 | 180112 | 022210004827 | NGUYỄN GIA      | HUỖNG | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 6.75 |          |
| 113 | 180113 | 022210005236 | NGUYỄN VIỆT     | HUỖNG | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 114 | 180114 | 024210009504 | VŨ ĐÌNH VIỆT    | HUỖNG | 19/09/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 7.5  |          |
| 115 | 180115 | 022310005260 | LÊ THỊ THU      | HUỖNG | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.25 |          |
| 116 | 180116 | 022310009145 | PHẠM THU        | HUỖNG | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 5.75 |          |
| 117 | 180117 | 022310010558 | TẠ THỊ MAI      | KA    | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.25 |          |
| 118 | 180118 | 022210010945 | HOÀNG NHẬT MINH | KHÁI  | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 0.75         | 6.6   | 2.25 |          |
| 119 | 180119 | 022210003730 | ĐỖ ĐỨC          | KHANG | 11/03/2010 | Quảng ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 7.0  |          |
| 120 | 180120 | 022210003614 | TRẦN HÀ         | KHANG | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 5.5  |          |
| 121 | 180121 | 022210021051 | BÙI HUỖNG       | KHÁNH | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 3.25 |          |
| 122 | 180122 | 022210013189 | ĐẶNG HOÀNG      | KHÁNH | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 123 | 180123 | 022210000572 | TẠ KHÁI         | KHIÊM | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 1.0          | 3.0   | 4.0  |          |
| 124 | 180124 | 022210004088 | TRẦN ĐĂNG       | KHOA  | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 2.75 |          |
| 125 | 180125 | 022210009139 | VŨ ĐĂNG         | KHOA  | 20/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 8.75 |          |
| 126 | 180126 | 022210000779 | PHẠM ANH        | KHÔI  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 5.5  |          |
| 127 | 180127 | 022210003962 | HOÀNG TRUNG     | KIÊN  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 4.25 |          |
| 128 | 180128 | 022210000724 | PHAN TRUNG      | KIÊN  | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 6.0  |          |
| 129 | 180129 | 022210000019 | VŨ ĐỨC          | KIÊN  | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 3.0          | 5.8   | 2.75 |          |
| 130 | 180130 | 022210008200 | BÙI THANH       | LÂM   | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 5.0  |          |
| 131 | 180131 | 022210006816 | NGUYỄN BẢO      | LÂM   | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 2.6   | 6.25 |          |
| 132 | 180132 | 022310004648 | ĐẶNG THỦY       | LINH  | 16/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 7.25 |          |
| 133 | 180133 | 022310010656 | ĐOÀN PHƯƠNG     | LINH  | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 3.5  |          |
| 134 | 180134 | 022310001482 | ĐỖ NGỌC THỦY    | LINH  | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.0  |          |
| 135 | 180135 | 022310008152 | HÀ BẢO          | LINH  | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 3.25 |          |
| 136 | 180136 | 022310004716 | HOÀNG HÀ        | LINH  | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.25 |          |
| 137 | 180137 | 022310005512 | LÊ NGUYỄN GIA   | LINH  | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.08         | 8.4   | 6.5  |          |
| 138 | 180138 | 022310001109 | LƯU THỦY        | LINH  | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.5          | 9.0   | 7.25 |          |
| 139 | 180139 | 022310006910 | MAI THỦY        | LINH  | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 4.0  |          |
| 140 | 180140 | 022310009381 | NGÔ LÊ HÀ       | LINH  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 2.0  |          |
| 141 | 180141 | 022310001923 | NGUYỄN BẢO      | LINH  | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.25 |          |
| 142 | 180142 | 022310010015 | NGUYỄN HOÀNG    | LINH  | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 2.75 |          |
| 143 | 180143 | 033210002456 | NGUYỄN VĂN      | LINH  | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 6.0  |          |
| 144 | 180144 | 022310000511 | PHẠM KHÁNH      | LINH  | 04/11/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 2.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 145 | 180145 | 022310009515 | PHẠM PHƯƠNG     | LINH   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 6.0  |          |
| 146 | 180146 | 022310007973 | TÙ ĐIỆU         | LINH   | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 147 | 180147 | 022310002635 | VŨ KHÁNH        | LINH   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.0  |          |
| 148 | 180148 | 022210002373 | PHẠM NGÔ HOÀNG  | LONG   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 6.25 |          |
| 149 | 180149 | 022210002821 | HỒ HỮU          | LỢI    | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 7.5  |          |
| 150 | 180150 | 022310002520 | LÝ THỊ HÀ       | LY     | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.75 |          |
| 151 | 180151 | 022310003949 | PHẠM THỊ KHÁNH  | LY     | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Mường            | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 2.5  |          |
| 152 | 180152 | 022310002599 | TẠ THỊ KHÁNH    | LY     | 01/05/2010 | Quảng ninh | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 153 | 180153 | 022310007113 | DƯƠNG TỎ        | MAI    | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 6.5  |          |
| 154 | 180154 | 025310002753 | LÊ NGỌC         | MAI    | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.16         | 7.4   | 7.0  |          |
| 155 | 180155 | 034210011139 | NGUYỄN ĐỨC      | MẠNH   | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 7.0  |          |
| 156 | 180156 | 022210010198 | BÙI CÔNG        | MINH   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 8.0  |          |
| 157 | 180157 | 022210008738 | CHU NHẬT        | MINH   | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.0  |          |
| 158 | 180158 | 022210002882 | DƯƠNG NGỌC      | MINH   | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 6.0  |          |
| 159 | 180159 | 022210000645 | ĐẶNG NHẬT       | MINH   | 26/03/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 6.5          | 9.8   | 7.0  |          |
| 160 | 180160 | 022210003361 | LÀU DIỆP        | MINH   | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 6.25 |          |
| 161 | 180161 | 022210009490 | LÊ CÔNG         | MINH   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 8.5          | 8.8   | 7.0  |          |
| 162 | 180162 | 022210011311 | NGUYỄN TUẤN     | MINH   | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 3.25 |          |
| 163 | 180163 | 022210002988 | VŨ GIA          | MINH   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 4.75 |          |
| 164 | 180164 | 034310011841 | NGUYỄN THỊ TRÀ  | MY     | 26/10/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 7.0  |          |
| 165 | 180165 | 031310015300 | TRẦN HÀ         | MY     | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 4.75         | 7.0   | 7.25 |          |
| 166 | 180166 | 022310007670 | TRẦN HÀ         | MY     | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.25 |          |
| 167 | 180167 | 022210005876 | NGUYỄN VĂN      | NAM    | 12/06/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 6.0  |          |
| 168 | 180168 | 022210010296 | PHẠM BẢO        | NAM    | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.75 |          |
| 169 | 180169 | 022310005437 | LÊ LINH         | NGA    | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 3.0  |          |
| 170 | 180170 | 034310013055 | NGUYỄN TRẦN KIM | NGÂN   | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 3.5  |          |
| 171 | 180171 | 022210004344 | NIỀM MINH       | NGHĨA  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 6.25 |          |
| 172 | 180172 | 022310011806 | BÙI KHÁNH       | NGỌC   | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 4.25 |          |
| 173 | 180173 | 022310005484 | DƯƠNG BẢO       | NGỌC   | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 3.75 |          |
| 174 | 180174 | 022310012622 | ĐOÀN BẢO        | NGỌC   | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 7.0  |          |
| 175 | 180175 | 022310007491 | ĐỖ KHÁNH        | NGỌC   | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 1.25         | 6.4   | 2.0  |          |
| 176 | 180176 | 022310008725 | ĐỖ MINH         | NGỌC   | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 5.75 |          |
| 177 | 180177 | 022310003010 | LÊ BẢO          | NGỌC   | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 2.5          | 6.8   | 0.5  |          |
| 178 | 180178 | 022310004616 | NGUYỄN HỒNG     | NGỌC   | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 8.0  |          |
| 179 | 180179 | 022310012590 | PHẠM THỊ THAO   | NGUYỄN | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông               | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 8.25 |          |
| 180 | 180180 | 022310006371 | PHƯƠNG NHẬT     | NHẬT   | 17/08/2010 | Quảng ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hải Hòa         | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 5.25 |          |
| 181 | 180181 | 022310002533 | CHÂU YẾN        | NHI    | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 8.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |             |           |                  |                    |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 182 | 180182 | 022310006902 | DƯƠNG YẾN        | NHI    | 23/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 6.75 |          |
| 183 | 180183 | 022310009904 | ĐOÀN NGỌC        | NHI    | 08/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 2.5  |          |
| 184 | 180184 | 022310008299 | HOÀNG YẾN        | NHI    | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 185 | 180185 | 022310006238 | HOÀNG YẾN        | NHI    | 18/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 3.5  |          |
| 186 | 180186 | 022310004640 | LÊ YẾN           | NHI    | 03/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 4.0  |          |
| 187 | 180187 | 034310001366 | NGÔ YẾN          | NHI    | 04/02/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.75 |          |
| 188 | 180188 | 022310007523 | NGUYỄN NGỌC YẾN  | NHI    | 06/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.75         | 9.4   | 6.5  |          |
| 189 | 180189 | 022310004920 | TẠ YẾN           | NHI    | 15/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 5.75 |          |
| 190 | 180190 | 022310001735 | TRẦN YẾN         | NHI    | 09/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 3.75 |          |
| 191 | 180191 | 022310001211 | VƯƠNG THỊ PHƯƠNG | NHI    | 07/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Nùng             | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.0  |          |
| 192 | 180192 | 022310001813 | ĐÀM HUỆ          | NHIÊN  | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.75 |          |
| 193 | 180193 | 022310004279 | NGUYỄN HỒNG      | NHUNG  | 18/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 4.0  |          |
| 194 | 180194 | 022310006088 | NGUYỄN TÂM       | NHU    | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 4.25 |          |
| 195 | 180195 | 022310001661 | TRẦN BẢO         | NHU    | 08/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.0  |          |
| 196 | 180196 | 022310001723 | TỬ THỊ QUỲNH     | NHU    | 19/11/2010 | Quảng ninh  | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 3.0  |          |
| 197 | 180197 | 022310009471 | VŨ ĐẶNG THỦY     | NHU    | 20/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.25 |          |
| 198 | 180198 | 022210000746 | VŨ DANH          | PHÁT   | 21/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 0.75         | 5.0   | 4.75 |          |
| 199 | 180199 | 022210004876 | BÙI TUẤN         | PHONG  | 10/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 6.75 |          |
| 200 | 180200 | 022210013220 | HÀ ĐỨC           | PHONG  | 10/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 2.5          | 4.0   | 5.0  |          |
| 201 | 180201 | 022210011812 | HOÀNG NAM        | PHONG  | 30/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 1.5          | 2.0   | 1.75 |          |
| 202 | 180202 | 022210002651 | NGUYỄN DUY       | PHONG  | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.5  |          |
| 203 | 180203 | 022210013184 | NGUYỄN VŨ        | PHONG  | 06/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 204 | 180204 | 022210004539 | TẠ THANH         | PHONG  | 21/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An    | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 205 | 180205 | 022210004778 | TRƯƠNG THANH     | PHONG  | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 6.25 |          |
| 206 | 180206 | 022210011719 | TRỊNH NGỌC       | PHÚ    | 01/05/2010 | Quảng ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.75 |          |
| 207 | 180207 | 022210000685 | CHU DUY          | PHÚC   | 02/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 208 | 180208 | 022210000757 | ĐỖ GIA           | PHÚC   | 11/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.75         | 8.4   | 4.5  |          |
| 209 | 180209 | 022210003991 | NGUYỄN HỮU       | PHÚC   | 20/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 7.25 |          |
| 210 | 180210 | 022210002704 | TRẦN ĐẠI         | PHÚC   | 03/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.0  |          |
| 211 | 180211 | 022310009429 | HOÀNG THU        | PHƯƠNG | 25/04/2010 | Quảng Ninh. | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 5.5  |          |
| 212 | 180212 | 022210005926 | LÊ ANH           | PHƯƠNG | 12/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 1.25 |          |
| 213 | 180213 | 022310002317 | NGUYỄN BÍCH      | PHƯƠNG | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.25         | 7.4   | 7.75 |          |
| 214 | 180214 | 022310011314 | NGUYỄN THỊ BÍCH  | PHƯƠNG | 22/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 4.25 |          |
| 215 | 180215 | 030210018695 | NGUYỄN VĂN       | QUẢN   | 26/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 5.25 |          |
| 216 | 180216 | 022210004829 | NIỀM VINH        | QUANG  | 02/05/2010 | Quảng ninh  | Nam       | Hoa              | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 4.25 |          |
| 217 | 180217 | 022210008616 | ĐẶNG MINH        | QUẢN   | 27/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 8.0  |          |
| 218 | 180218 | 022210005395 | NGÔ ĐÌNH         | QUẢN   | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 6.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                    |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 219 | 180219 | 031210000452 | NGUYỄN HOÀNG      | QUÂN  | 15/09/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.0  |          |
| 220 | 180220 | 022210011743 | PHẠM MINH         | QUÂN  | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 5.75 |          |
| 221 | 180221 | 022310010972 | NGUYỄN THỰC       | QUYÊN | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 5.75 |          |
| 222 | 180222 | 022310008611 | DƯƠNG THU         | QUỲNH | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 1.25 |          |
| 223 | 180223 | 022310004568 | NGUYỄN NHƯ        | QUỲNH | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 4.5  |          |
| 224 | 180224 | 022310007243 | PHẠM THÚY         | QUỲNH | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 3.0          | 6.0   | 6.25 |          |
| 225 | 180225 | 022210011860 | BÙI NGỌC          | SƠN   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 5.5  |          |
| 226 | 180226 | 022210000680 | ĐỖ PHÚC           | SON   | 17/08/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 227 | 180227 | 022210005490 | NGUYỄN GIANG      | SON   | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 7.0  |          |
| 228 | 180228 | 022310009803 | HOÀNG THANH       | TÂM   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 3.75 |          |
| 229 | 180229 | 022210012351 | NGUYỄN HUY        | THÁI  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 1.25 |          |
| 230 | 180230 | 022210000571 | PHẠM HỒNG         | THÁI  | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 2.25 |          |
| 231 | 180231 | 022210009307 | CHU TẮT           | THÀNH | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 4.75 |          |
| 232 | 180232 | 022210002175 | NGUYỄN QUANG      | THÀNH | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.75 |          |
| 233 | 180233 | 022310005091 | HÀ THỊ THANH      | THẢO  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 6.75 |          |
| 234 | 180234 | 022310003602 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO  | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.5  |          |
| 235 | 180235 | 025310012076 | NGUYỄN THANH      | THẢO  | 03/02/2010 | Phú Thọ    | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 2.0          | 4.6   | 2.25 |          |
| 236 | 180236 | 022310012649 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THẢO  | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 7.0  |          |
| 237 | 180237 | 022310008022 | PHẠM HÀ ANH       | THẢO  | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 6.5  |          |
| 238 | 180238 | 030310002588 | PHẠM PHƯƠNG       | THẢO  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.0  |          |
| 239 | 180239 | 022310009958 | TRẦN PHƯƠNG       | THẢO  | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An    | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 7.5  |          |
| 240 | 180240 | 022310000830 | TRẦN PHƯƠNG       | THẢO  | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 241 | 180241 | 022210010762 | NGUYỄN QUANG      | THIỆN | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 2.5  |          |
| 242 | 180242 | 022210002301 | VŨ ĐỨC            | THIỆN | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 243 | 180243 | 022210001255 | NGUYỄN GIA        | THỊNH | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.5  |          |
| 244 | 180244 | 022310011699 | LÊ MINH           | THỦY  | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 6.5  |          |
| 245 | 180245 | 022310006644 | NGUYỄN NGỌC       | THỦY  | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.5  |          |
| 246 | 180246 | 022310008312 | NHŨ PHƯƠNG        | THỦY  | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 3.0  |          |
| 247 | 180247 | 022310010636 | PHẠM THỊ THANH    | THỦY  | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.25 |          |
| 248 | 180248 | 022310006877 | NGÔ PHƯƠNG        | THÚY  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.5  |          |
| 249 | 180249 | 022310003609 | HÀ ANH            | THƯ   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 3.5  |          |
| 250 | 180250 | 022310000665 | LÂM HÀ ANH        | THƯ   | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 7.75 |          |
| 251 | 180251 | 022310003817 | LÊ MINH           | THƯ   | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.25 |          |
| 252 | 180252 | 022310004765 | LÊ MINH           | THƯ   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An    | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.25 |          |
| 253 | 180253 | 022310002089 | NGUYỄN MINH       | THƯ   | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 2.75 |          |
| 254 | 180254 | 022310006986 | QUÁCH DIỆP ANH    | THƯ   | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 5.25 |          |
| 255 | 180255 | 022310001632 | TRẦN ANH          | THƯ   | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An    | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Cửa Ông (22000729)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS        | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|-------------------|-----------|------------------|--------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |                   |           |                  |                    |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 256 | 180256 | 022310008890 | VŨ ANH           | THỨ   | 26/07/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 5.5  |         |
| 257 | 180257 | 037310000400 | VŨ THỊ THUY      | TIỀN  | 19/03/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 7.25 |         |
| 258 | 180258 | 022210008358 | NGUYỄN ĐÌNH      | TIỀN  | 04/10/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.25 |         |
| 259 | 180259 | 022210006758 | VŨ VIỆT          | TIỀN  | 22/09/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 6.5  |         |
| 260 | 180260 | 022210002756 | BÙI NGUYỄN MINH  | TOÀN  | 03/02/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.25 |         |
| 261 | 180261 | 036310014527 | BÙI HUYỀN        | TRANG | 12/10/2010 | Nam Định          | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 5.75 |         |
| 262 | 180262 | 022310010986 | PHẠM THUỶ        | TRANG | 15/11/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.25 |         |
| 263 | 180263 | 022310006616 | TRẦN BẢO         | TRÂN  | 06/10/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.25 |         |
| 264 | 180264 | 022310007986 | ĐOÀN HÀ BẢO      | TRINH | 01/09/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.0  |         |
| 265 | 180265 | 022310009063 | LÂM HƯƠNG        | TRÚC  | 17/08/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.25 |         |
| 266 | 180266 | 022310004998 | LÊ THANH         | TRÚC  | 22/06/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 6.25 |         |
| 267 | 180267 | 022310012581 | NGUYỄN THANH     | TRÚC  | 22/10/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 5.75 |         |
| 268 | 180268 | 022210009587 | PHẠM THÀNH       | TRUNG | 08/12/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 3.75         | 6.4   | 2.5  |         |
| 269 | 180269 | 022210001876 | HÀ TUẤN          | TÚ    | 22/05/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 6.5  |         |
| 270 | 180270 | 022210003951 | NGUYỄN TUẤN      | TÚ    | 09/09/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.5  |         |
| 271 | 180271 | 022210012208 | NGUYỄN ANH       | TUẤN  | 04/01/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 6.0  |         |
| 272 | 180272 | 034210011631 | NGUYỄN HOÀNG ANH | TUẤN  | 02/02/2010 | Thái Bình         | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.25 |         |
| 273 | 180273 | 022210004960 | TRẦN ANH         | TUẤN  | 20/11/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 4.75 |         |
| 274 | 180274 | 022210007192 | HÀ MINH          | TÙNG  | 09/11/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 1.25 |         |
| 275 | 180275 | 022210011475 | NGUYỄN HOÀNG     | TÙNG  | 23/08/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 4.75 |         |
| 276 | 180276 | 022210009033 | VŨ VIỆT HOÀNG    | TÙNG  | 01/09/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 5.25 |         |
| 277 | 180277 | 022310000664 | NGUYỄN NGỌC      | TUYỀN | 18/12/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 4.25 |         |
| 278 | 180278 | 022210000182 | PHẠM LÊ HẢI      | TƯỜNG | 11/01/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | THCS Chu Văn An    | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 4.25 |         |
| 279 | 180279 | 024310006941 | VŨ HÀ            | UYÊN  | 27/05/2010 | Bắc Giang         | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 4.25 |         |
| 280 | 180280 | 022310001248 | NGÔ THẢO         | VI    | 12/09/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.5  |         |
| 281 | 180281 | 034210000435 | TRẦN XUÂN        | VIỆT  | 23/06/2010 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.75 |         |
| 282 | 180282 | 022210001494 | HOÀNG SƠN        | VINH  | 14/11/2010 | Quảng Ninh        | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 7.25 |         |
| 283 | 180283 | 001210030231 | ĐÌNH NGUYỄN      | VŨ    | 20/08/2010 | Hà Nội            | Nam       |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 9.2   | 6.0  |         |
| 284 | 180284 | 022310007945 | NGUYỄN PHƯƠNG    | VY    | 09/07/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 1.0  |         |
| 285 | 180285 | 022310000874 | NGUYỄN YẾN       | VY    | 27/11/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 6.25 |         |
| 286 | 180286 | 022310001167 | TRẦN BẢO         | VY    | 14/07/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.0  |         |
| 287 | 180287 | 022310000715 | VŨ YẾN           | VY    | 09/08/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.0  |         |
| 288 | 180288 | 022310010582 | ĐỒNG PHƯƠNG      | YẾN   | 01/04/2010 | Quảng Ninh        | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thịnh     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.5  |         |
| 289 | 180289 | 036310007714 | PHẠM THỊ HẢI     | YẾN   | 05/11/2010 | Nam Định          | Nữ        |                  | THCS Cửa Ông       | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 8.0  |         |

*(Danh sách này gồm có 289 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026  
ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 190001 | 022210002437 | NGUYỄN THÀNH AN     | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 5.75 |         |
| 2   | 190002 | 033210006966 | BÙI XUÂN ANH        | 11/05/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 5.5  |         |
| 3   | 190003 | 022310003798 | ĐƯƠNG BẢO ANH       | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.75         | 8.4   | 3.5  |         |
| 4   | 190004 | 022310008038 | HOÀNG NGỌC ANH      | 03/02/2010 | Quảng ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 4.0  |         |
| 5   | 190005 | 022210002663 | HOÀNG VIỆT ANH      | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 7.5  |         |
| 6   | 190006 | 022210009101 | LÊ ĐỨC ANH          | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 7.5  |         |
| 7   | 190007 | 022310009863 | LÊ THỊ VÂN ANH      | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.25         | 8.6   | 7.75 |         |
| 8   | 190008 | 022310002989 | LÝ THỊ QUỲNH ANH    | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 3.0  |         |
| 9   | 190009 | 040310000694 | MAI HOÀNG ANH       | 27/01/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 5.5  |         |
| 10  | 190010 | 022210001662 | NGUYỄN ĐỖ HOÀNG ANH | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 9.2   | 7.25 |         |
| 11  | 190011 | 022210002544 | NGUYỄN ĐỨC ANH      | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 4.5  |         |
| 12  | 190012 | 022210003274 | NGUYỄN LÊ DUY ANH   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.75 |         |
| 13  | 190013 | 022310011176 | NGUYỄN MAI ANH      | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 2.0  |         |
| 14  | 190014 | 022310008465 | NGUYỄN NGỌC ANH     | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 7.25 |         |
| 15  | 190015 | 022310003594 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 6.25 |         |
| 16  | 190016 | 022310006121 | NGUYỄN VÂN ANH      | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.0  |         |
| 17  | 190017 | 022310004764 | NGUYỄN VŨ NGỌC ANH  | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 5.0  |         |
| 18  | 190018 | 022210010357 | PHẠM TÙNG ANH       | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.5          | 7.0   | 5.75 |         |
| 19  | 190019 | 022310002762 | QUÁCH TUYỀN ANH     | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.5  |         |
| 20  | 190020 | 030310003043 | TRẦN DIỆP ANH       | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.75 |         |
| 21  | 190021 | 034210009911 | TRẦN ĐỨC ANH        | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 2.75         | 6.6   | 5.5  |         |
| 22  | 190022 | 030310011558 | TRẦN PHƯƠNG ANH     | 30/10/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 2.25 |         |
| 23  | 190023 | 022310000129 | TRỊNH MAI ANH       | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 7.0  |         |
| 24  | 190024 | 022210006969 | VÕ HOÀNG ANH        | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 9.2   | 7.25 |         |
| 25  | 190025 | 022310004880 | VŨ NGỌC ANH         | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 7.25 |         |
| 26  | 190026 | 022310007597 | ĐỖ MINH ÁNH         | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 8.0  |         |
| 27  | 190027 | 033310011422 | NGUYỄN NGUYỆT ÁNH   | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.5          | 5.2   | 5.0  |         |
| 28  | 190028 | 022210004115 | ĐỖ HOÀNG BÁCH       | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 7.5  |         |
| 29  | 190029 | 022210003727 | ĐỖ GIA BẢO          | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 6.25 |         |
| 30  | 190030 | 022210005150 | NGUYỄN GIA BẢO      | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 5.5  |         |
| 31  | 190031 | 022210002067 | PHẠM DUY BẢO        | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 7.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 32  | 190032 | 022210004601 | TRẦN CÔNG QUỐC BẢO   | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.75 |          |
| 33  | 190033 | 034210011355 | TRẦN GIA BẢO         | 26/06/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.75         | 6.6   | 4.25 |          |
| 34  | 190034 | 022210007648 | VƯƠNG THÀNH BẮC      | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.75 |          |
| 35  | 190035 | 030210000413 | ĐỖ THANH BÌNH        | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 8.4   | 4.75 |          |
| 36  | 190036 | 022310006529 | NGUYỄN THỊ BÌNH      | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 4.75 |          |
| 37  | 190037 | 022310011416 | NGÔ BẢO CHÂM         | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 6.75 |          |
| 38  | 190038 | 022310009497 | ĐINH NGUYỄN BẢO CHÂU | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.5          | 6.8   | 8.0  |          |
| 39  | 190039 | 022310000132 | ĐINH HÀ KHÁNH CHI    | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 1.8   | 3.5  |          |
| 40  | 190040 | 022310007751 | HÀ QUỲNH CHI         | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.0  |          |
| 41  | 190041 | 022310001256 | LÊ THUY CHI          | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 7.0  |          |
| 42  | 190042 | 022310009441 | NGUYỄN MAI CHINH     | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 7.5  |          |
| 43  | 190043 | 022210003414 | HOÀNG XUÂN CUÔNG     | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 9.8   | 7.75 |          |
| 44  | 190044 | 022310003574 | DIỆP NGỌC DIỆP       | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 7.5  |          |
| 45  | 190045 | 022210005426 | NGUYỄN BÁ DOANH      | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 1.5          | 6.2   | 3.5  |          |
| 46  | 190046 | 022310004365 | HOÀNG THỊ DUNG       | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 2.5  |          |
| 47  | 190047 | 022310003947 | VI THUY DUNG         | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 6.25 |          |
| 48  | 190048 | 022210012147 | BÙI TẮT DŨNG         | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 6.4   | 6.5  |          |
| 49  | 190049 | 022210001817 | TRẦN TIẾN DŨNG       | 10/01/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 5.75 |          |
| 50  | 190050 | 030210004900 | VŨ NGỌC DŨNG         | 02/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.5  |          |
| 51  | 190051 | 022210009971 | NGUYỄN LƯƠNG DUY     | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.0  |          |
| 52  | 190052 | 022210002181 | NGUYỄN TIẾN DUY      | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 3.25         | 4.6   | 5.25 |          |
| 53  | 190053 | 022210009280 | VŨ ANH DUY           | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 54  | 190054 | 034210003420 | BÙI ĐĂNG DƯƠNG       | 21/05/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 6.25 |          |
| 55  | 190055 | 024310001783 | ĐINH THỊ ÁNH DƯƠNG   | 19/09/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 7.0  |          |
| 56  | 190056 | 022210008388 | LÊ THÁI DƯƠNG        | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.25 |          |
| 57  | 190057 | 022210011731 | HÀ THÀNH ĐẠT         | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.75         | 2.2   | 1.5  |          |
| 58  | 190058 | 033210011972 | HOÀNG THÀNH ĐẠT      | 24/07/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 7.5  |          |
| 59  | 190059 | 022210006320 | HỒ TUẤN ĐẠT          | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.5  |          |
| 60  | 190060 | 022210010743 | KHÔNG TIẾN ĐẠT       | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 4.25 |          |
| 61  | 190061 | 022210002408 | LÊ QUỐC ĐẠT          | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 4.5  |          |
| 62  | 190062 | 022210005393 | NGUYỄN HỮU ĐẠT       | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 3.5  |          |
| 63  | 190063 | 022210001009 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT     | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 5.0  |          |
| 64  | 190064 | 022210007786 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT      | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 7.25 |          |
| 65  | 190065 | 022210009071 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT      | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.25         | 9.8   | 7.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 66  | 190066 | 022210008090 | VŨ TIẾN ĐẠT         | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.75         | 6.4   | 3.25 |          |
| 67  | 190067 | 022210001581 | NGUYỄN DUY ĐĂNG     | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 9.8   | 7.75 |          |
| 68  | 190068 | 022210002451 | LÂM XUÂN ĐỨC        | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 4.0  |          |
| 69  | 190069 | 022210004236 | NGUYỄN ANH ĐỨC      | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 7.25 |          |
| 70  | 190070 | 034210005090 | NGUYỄN MINH ĐỨC     | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 7.0  |          |
| 71  | 190071 | 022210002078 | NGUYỄN TIẾN ĐỨC     | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.0  |          |
| 72  | 190072 | 022210021050 | NGUYỄN TRUNG ĐỨC    | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.25         | 6.8   | 2.0  |          |
| 73  | 190073 | 022210001529 | PHẠM TRUNG ĐỨC      | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 2.5          | 4.0   | 5.0  |          |
| 74  | 190074 | 022310010921 | ĐỖ NGỌC HÀ          | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 6.25 |          |
| 75  | 190075 | 022310010132 | ĐỖ THỊ THU HÀ       | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 7.0  |          |
| 76  | 190076 | 030310005241 | ĐỖ THỊ THÚY HÀ      | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.0  |          |
| 77  | 190077 | 022310006108 | NGUYỄN THỊ HÀ       | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 4.25 |          |
| 78  | 190078 | 022310003270 | NGUYỄN THU HÀ       | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 4.75 |          |
| 79  | 190079 | 022210002974 | NGUYỄN XUÂN HẢI     | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 80  | 190080 | 037210006434 | TRẦN TRUNG HẢI      | 16/10/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 7.25 |          |
| 81  | 190081 | 022210010568 | TRẦN TRƯỜNG HẢI     | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.25         | 4.6   | 2.75 |          |
| 82  | 190082 | 022310011730 | ĐINH THU HẠNH       | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 7.25 |          |
| 83  | 190083 | 022210004033 | LÝ THÁI HẢO         | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 4.25 |          |
| 84  | 190084 | 027310004381 | TRỊNH THỊ THU HẰNG  | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.25 |          |
| 85  | 190085 | 022310010372 | NGÔ NGỌC HÂN        | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 1.5          | 2.8   | 2.0  |          |
| 86  | 190086 | 022310002824 | NGUYỄN NGỌC GIA HÂN | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 3.0  |          |
| 87  | 190087 | 022310000164 | LÊ BẢO HIỀN         | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 6.0  |          |
| 88  | 190088 | 022310004201 | PHẠM THU HIỀN       | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 7.25 |          |
| 89  | 190089 | 030210000462 | TRẦN DUY HIỆP       | 03/02/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.5  |          |
| 90  | 190090 | 022210006227 | ĐÀO MINH HIẾU       | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 4.75 |          |
| 91  | 190091 | 022210004928 | HÀ ĐỨC HIẾU         | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 8.0  |          |
| 92  | 190092 | 022210004219 | HOÀNG TRUNG HIẾU    | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 7.5  |          |
| 93  | 190093 | 022210006523 | LINH ĐỨC HIẾU       | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 4.5  |          |
| 94  | 190094 | 034210004663 | NGUYỄN ĐỨC HIẾU     | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.92         | 2.4   | 3.5  |          |
| 95  | 190095 | 022210004656 | NGUYỄN XUÂN HIẾU    | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 8.0  |          |
| 96  | 190096 | 022210007414 | TRẦN TRUNG HIẾU     | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 5.75 |          |
| 97  | 190097 | 022210009047 | VŨ MINH HIẾU        | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 4.75 |          |
| 98  | 190098 | 022210000212 | VŨ TRỌNG HIẾU       | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 8.5  |          |
| 99  | 190099 | 022310000971 | PHẠM THỊ THANH HOA  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.0  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |             |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 100 | 190100 | 022210007690 | ĐỖ VIỆT HOÀNG       | 12/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 1.5  |         |
| 101 | 190101 | 022210005574 | NGUYỄN DUY HOÀNG    | 12/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 3.5  |         |
| 102 | 190102 | 022210002886 | NGUYỄN VIỆT HOÀNG   | 28/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.75         | 7.6   | 6.25 |         |
| 103 | 190103 | 035210008734 | TRẦN HUY HOÀNG      | 08/11/2010 | Hà Nam      | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.25 |         |
| 104 | 190104 | 020210009983 | VŨ HUY HOÀNG        | 19/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 105 | 190105 | 022210008658 | HOÀNG PHI HỒNG      | 27/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày              | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 6.0  |         |
| 106 | 190106 | 022310005667 | LƯƠNG THỊ HỒNG      | 03/08/2010 | Quảng ninh  | Nữ        | Nùng             | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 3.0          | 1.6   | 1.0  |         |
| 107 | 190107 | 020310001763 | ĐẶNG THANH HUỆ      | 29/11/2010 | Lạng Sơn    | Nữ        | Dao              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 2.0  |         |
| 108 | 190108 | 037210001545 | CAO THẾ HÙNG        | 11/10/2010 | Ninh Bình   | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 7.5  |         |
| 109 | 190109 | 022210002073 | NGUYỄN ĐỨC HÙNG     | 13/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.5  |         |
| 110 | 190110 | 022210009303 | NGUYỄN VIỆT HÙNG    | 30/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.5          | 5.2   | 1.0  |         |
| 111 | 190111 | 030210002045 | PHẠM VIỆT HÙNG      | 23/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.5          | 7.4   | 4.0  |         |
| 112 | 190112 | 022210003427 | ĐẶNG VŨ GIA HUY     | 11/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 7.5  |         |
| 113 | 190113 | 022210011229 | HOÀNG GIA HUY       | 18/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 4.5  |         |
| 114 | 190114 | 022210004760 | HỒ GIA HUY          | 24/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 5.75 |         |
| 115 | 190115 | 022210006989 | NGUYỄN QUANG HUY    | 11/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 1.0          | 3.8   | 3.5  |         |
| 116 | 190116 | 022210008486 | TRƯƠNG THẾ HUY      | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 2.75         | 6.0   | 5.0  |         |
| 117 | 190117 | 022310005652 | BÊ THỊ KHÁNH HUYỀN  | 26/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 5.0  |         |
| 118 | 190118 | 022310009042 | TẠ KHÁNH HUYỀN      | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 3.5  |         |
| 119 | 190119 | 022310000438 | VI KHÁNH HUYỀN      | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 5.75 |         |
| 120 | 190120 | 022210011325 | ĐẶNG DUY HÙNG       | 26/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 4.0  |         |
| 121 | 190121 | 022210009861 | TRẦN VIỆT HÙNG      | 05/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 6.75 |         |
| 122 | 190122 | 022310000912 | TẠ QUỲNH HƯƠNG      | 09/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 6.25 |         |
| 123 | 190123 | 022310001917 | ĐÀO THỊ HUƠNG       | 14/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.75 |         |
| 124 | 190124 | 034310012375 | LÊ THỊ THÚY HUƠNG   | 10/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 7.75 |         |
| 125 | 190125 | 022210001065 | LÊ HUỲNH MINH KHANG | 04/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 7.4   | 5.5  |         |
| 126 | 190126 | 022210010017 | HÀ GIA KHÁNH        | 13/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 4.5  |         |
| 127 | 190127 | 030310000565 | LÊ THỊ MINH KHÁNH   | 04/03/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 8.25 |         |
| 128 | 190128 | 022210009044 | NGUYỄN DUY KHÁNH    | 13/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 6.75 |         |
| 129 | 190129 | 022310001626 | TRẦN NGỌC KHÁNH     | 20/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 2.5  |         |
| 130 | 190130 | 022210011578 | HẠC THỐNG ĐĂNG KHOA | 21/11/2010 | Thái Nguyên | Nam       | Tày              | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 5.0  |         |
| 131 | 190131 | 022210003872 | VŨ ĐĂNG KHOA        | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.5  |         |
| 132 | 190132 | 035210002752 | NGÔ TUẤN KHÔI       | 24/04/2010 | Hà Nam      | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 2.5  |         |
| 133 | 190133 | 022210010533 | BÀNG NIÊN KIỆT      | 30/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 2.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 134 | 190134 | 022310009084 | ĐIỆP THỊ HOÀNG LAN    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 3.25 |         |
| 135 | 190135 | 022210003906 | ĐOÀN TÙNG LÂM         | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 8.0   | 7.0  |         |
| 136 | 190136 | 022210011895 | ĐÀO NGỌC TÙNG LÂM     | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 6.8   | 5.0  |         |
| 137 | 190137 | 022210002029 | LÝ QUẾ LÂM            | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 2.0  |         |
| 138 | 190138 | 022210002900 | NGUYỄN LÊ LÂM         | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.5  |         |
| 139 | 190139 | 002310010987 | VÀNG THỊ LIÊN         | 22/06/2010 | Hà Giang   | Nữ        | HMông            | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 2.0  |         |
| 140 | 190140 | 022310000159 | ĐÀO NGỌC CẨM LINH     | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.0  |         |
| 141 | 190141 | 022310006320 | ĐỖ THỊ NGỌC LINH      | 28/04/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.75 |         |
| 142 | 190142 | 022310007220 | HOÀNG THỊ LINH        | 02/01/2010 | Quảng ninh | Nữ        | Tây              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 2.0  |         |
| 143 | 190143 | 022310011487 | LÊ THỊ KHÁNH LINH     | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.5  |         |
| 144 | 190144 | 022310010757 | NGUYỄN MAI LINH       | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 8.25 |         |
| 145 | 190145 | 022310005472 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 6.25 |         |
| 146 | 190146 | 022310006039 | TÔ NGỌC LINH          | 03/11/2010 | Quảng ninh | Nữ        | Tây              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 6.0  |         |
| 147 | 190147 | 022310008534 | TỔNG THUY LINH        | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 4.5  |         |
| 148 | 190148 | 030310005425 | VŨ HÀ LINH            | 29/04/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.5  |         |
| 149 | 190149 | 022210001087 | ĐOÀN HẢI LONG         | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.5  |         |
| 150 | 190150 | 022210009385 | ĐỒNG MINH LONG        | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 7.5  |         |
| 151 | 190151 | 022210011632 | LÊ HẢI LONG           | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 7.0  |         |
| 152 | 190152 | 033210013451 | NGUYỄN HOÀNG LONG     | 28/08/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 153 | 190153 | 022210006304 | NGUYỄN XUÂN LỘC       | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.5  |         |
| 154 | 190154 | 022210001669 | TRẦN BẢO LỘC          | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.25 |         |
| 155 | 190155 | 022210002611 | HOÀNG MINH LỢI        | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 1.0          | 3.8   | 1.75 |         |
| 156 | 190156 | 022310001039 | HÀ DIỆU LY            | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 5.75 |         |
| 157 | 190157 | 022310009110 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LY   | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 2.5          | 3.6   | 1.75 |         |
| 158 | 190158 | 022310008328 | VŨ THẢO LY            | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.75 |         |
| 159 | 190159 | 022310010867 | LÙNG TUYẾT MAI        | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 4.5  |         |
| 160 | 190160 | 022310000965 | PHÙNG THỊ THANH MAI   | 05/04/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.0  |         |
| 161 | 190161 | 040210001319 | ĐÀO VĂN MINH          | 12/07/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 1.75 |         |
| 162 | 190162 | 022210003320 | NÔNG QUANG MINH       | 21/10/2010 | Quảng ninh | Nam       | Tây              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 1.0          | 3.0   | 1.5  |         |
| 163 | 190163 | 022210001644 | TRẦN ANH MINH         | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.0          | 7.4   | 5.25 |         |
| 164 | 190164 | 033210002060 | ĐOÀN VĂN NAM          | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.5  |         |
| 165 | 190165 | 022210007717 | NGUYỄN DANH NAM       | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.25 |         |
| 166 | 190166 | 022210011553 | TRẦN HỮU NAM          | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.25 |         |
| 167 | 190167 | 022210001790 | VŨ ĐỖ THÀNH NAM       | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 4.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 168 | 190168 | 022310008303 | ĐIỆP QUỲNH       | NGA    | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 6.0  |          |
| 169 | 190169 | 022310010011 | NGUYỄN VŨ QUỲNH  | NGA    | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 4.25 |          |
| 170 | 190170 | 022310006188 | HÀ THỊ THANH     | NGÂN   | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 7.0  |          |
| 171 | 190171 | 042310010701 | TRỊNH THỊ KIM    | NGÂN   | 25/11/2010 | Hà Tĩnh    | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 8.25 |          |
| 172 | 190172 | 036210019007 | ĐÌNH QUANG       | NGHĨA  | 02/04/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.5  |          |
| 173 | 190173 | 022210012383 | HOÀNG GIA        | NGHĨA  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 3.5  |          |
| 174 | 190174 | 042210004964 | NGUYỄN HỮU       | NGHĨA  | 23/12/2010 | Hà Tĩnh    | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.5  |          |
| 175 | 190175 | 022210006997 | TẠ HẢI           | NGHĨA  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 1.5  |          |
| 176 | 190176 | 022310003720 | ĐOÀN NHƯ         | NGỌC   | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 3.25 |          |
| 177 | 190177 | 022310002912 | HOÀNG BÍCH       | NGỌC   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.0  |          |
| 178 | 190178 | 022310004842 | PHẠM THỊ KHÁNH   | NGỌC   | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 5.0  |          |
| 179 | 190179 | 022310001698 | VŨ BẢO           | NGỌC   | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.25         | 3.4   | 7.25 |          |
| 180 | 190180 | 022309012208 | VŨ HOÀNG BÍCH    | NGỌC   | 29/07/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 181 | 190181 | 022310010672 | VƯƠNG BẢO        | NGỌC   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |          |
| 182 | 190182 | 022310004193 | TÔ ÁNH           | NGUYỆT | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 3.25 |          |
| 183 | 190183 | 022310008092 | ĐỖ THANH         | NHÂN   | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 1.75 |          |
| 184 | 190184 | 034210004364 | ĐÌNH THIÊN       | NHÂN   | 15/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 6.5  |          |
| 185 | 190185 | 022210007401 | ĐỖ MINH          | NHẬT   | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 7.0  |          |
| 186 | 190186 | 022310009427 | BÀN HOÀNG        | NHI    | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.75 |          |
| 187 | 190187 | 022310007001 | HOÀNG THỊ YẾN    | NHI    | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.25 |          |
| 188 | 190188 | 022310002925 | NGUYỄN NGỌC BẢO  | NHI    | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 6.25 |          |
| 189 | 190189 | 022310009463 | PHẠM YẾN         | NHI    | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 5.25 |          |
| 190 | 190190 | 031310002312 | PHẠM PHƯƠNG      | NHUNG  | 23/07/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.75 |          |
| 191 | 190191 | 022310004978 | NGUYỄN TỔ        | NHƯ    | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 6.0  |          |
| 192 | 190192 | 022210010733 | PHẠM ANH         | PHI    | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 3.75 |          |
| 193 | 190193 | 022210008507 | HOÀNG ĐÌNH       | PHONG  | 23/04/2010 | Quảng ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 6.25 |          |
| 194 | 190194 | 030210001837 | VŨ KIM TIỂU      | PHONG  | 05/04/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 5.0  |          |
| 195 | 190195 | 022210005833 | TẠ VĂN           | PHÚ    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 1.75 |          |
| 196 | 190196 | 022210003343 | NGUYỄN QUANG     | PHÚC   | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 5.75 |          |
| 197 | 190197 | 022210001694 | VŨ THỂ           | PHÚC   | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.5  |          |
| 198 | 190198 | 022310000264 | HOÀNG MAI        | PHƯƠNG | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 199 | 190199 | 022210001568 | NGUYỄN ĐỨC       | PHƯƠNG | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 2.25         | 9.0   | 6.25 |          |
| 200 | 190200 | 022310005134 | NGUYỄN HOÀNG THU | PHƯƠNG | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 7.5  |          |
| 201 | 190201 | 022310005571 | PHẠM HÀ          | PHƯƠNG | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 8.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 202 | 190202 | 022310009157 | VŨ HÀ             | PHƯƠNG | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 2.75         | 7.4   | 6.25 |          |
| 203 | 190203 | 034310003898 | VŨ MINH           | PHƯƠNG | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 10.0  | 8.5  |          |
| 204 | 190204 | 030310010934 | KHÔNG TÚ          | PHƯƠNG | 26/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.0  |          |
| 205 | 190205 | 022210012009 | NGUYỄN CAO        | QUANG  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.25 |          |
| 206 | 190206 | 022210001792 | TẠ BẢO            | QUỐC   | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 5.0  |          |
| 207 | 190207 | 022310006498 | BAN THỊ NHƯ       | QUỲNH  | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay         | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.5  |          |
| 208 | 190208 | 022310011665 | HÀ THỊ NHƯ        | QUỲNH  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 5.75 |          |
| 209 | 190209 | 022310008257 | PHÙNG THỊ NHƯ     | QUỲNH  | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 210 | 190210 | 022310001874 | VŨ NHƯ            | QUỲNH  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.25 |          |
| 211 | 190211 | 035210006240 | CAO THÁI          | SƠN    | 16/10/2010 | Hà Nam     | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 5.25 |          |
| 212 | 190212 | 022210003360 | ĐẶNG THÁI         | SƠN    | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.75 |          |
| 213 | 190213 | 022210002434 | NGUYỄN XUÂN       | SƠN    | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 4.0  |          |
| 214 | 190214 | 022210009656 | VŨ HOÀNG HẢI      | SƠN    | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 5.75 |          |
| 215 | 190215 | 022210011330 | HOÀNG VĂN         | SỸ     | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 216 | 190216 | 037210006727 | NGUYỄN TIẾN       | TÀI    | 19/02/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 2.0          | 3.6   | 6.25 |          |
| 217 | 190217 | 022310005393 | BÙI THỊ THANH     | TÂM    | 14/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.25 |          |
| 218 | 190218 | 022210000418 | NGUYỄN MINH       | THÁI   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 7.25 |          |
| 219 | 190219 | 022210009523 | NGÔ HOÀNG CHÍ     | THANH  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 7.0  |          |
| 220 | 190220 | 022310006214 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THANH  | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 2.2   | 4.25 |          |
| 221 | 190221 | 022210004235 | BÙI LÊ            | THÀNH  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường            | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 3.75 |          |
| 222 | 190222 | 022210003046 | HOÀNG TIẾN        | THÀNH  | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 2.75 |          |
| 223 | 190223 | 022210005719 | NGUYỄN ĐỨC        | THÀNH  | 14/07/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 6.25 |          |
| 224 | 190224 | 022210006822 | NGUYỄN TRƯỜNG     | THÀNH  | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 5.75 |          |
| 225 | 190225 | 074310006105 | ĐINH THỊ PHƯƠNG   | THẢO   | 07/11/2010 | Bình Dương | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 5.25 |          |
| 226 | 190226 | 022310000916 | HUỲNH THỊ VY      | THẢO   | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 227 | 190227 | 027310010331 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THẢO   | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 6.5  |          |
| 228 | 190228 | 022210002656 | NGUYỄN VĂN        | THẢO   | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 229 | 190229 | 022210001034 | LƯU ĐỨC           | THẮNG  | 02/04/2010 | Quảng ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 4.75 |          |
| 230 | 190230 | 022310009706 | VŨ NGỌC           | THU    | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.5  |          |
| 231 | 190231 | 022310004157 | BÙI THỊ BÍCH      | THÙY   | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.5  |          |
| 232 | 190232 | 033310003363 | NGUYỄN THỊ THANH  | THÚY   | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.5  |          |
| 233 | 190233 | 022310007807 | TRẦN THỊ THANH    | THÚY   | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 5.5  |          |
| 234 | 190234 | 022310002492 | ĐIỆP THỊ MINH     | THƯ    | 03/04/2010 | Quảng ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 4.75 |          |
| 235 | 190235 | 022310000138 | ĐỖ THIÊN          | THƯ    | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 6.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 236 | 190236 | 022310004334 | NGUYỄN ANH THU       | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 5.25 |         |
| 237 | 190237 | 040310017703 | NGUYỄN LÊ ANH THU    | 02/09/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.25 |         |
| 238 | 190238 | 022310003047 | NGUYỄN MINH THU      | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 3.5  |         |
| 239 | 190239 | 022310005412 | PHẠM ANH THU         | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.5  |         |
| 240 | 190240 | 022310006265 | PHẠM SONG THU        | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 7.75 |         |
| 241 | 190241 | 022310006279 | VƯƠNG THỊ ANH THU    | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 5.0  |         |
| 242 | 190242 | 022310002975 | BÀN THÚY THUỶ        | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 2.5  |         |
| 243 | 190243 | 034310000580 | ĐẶNG HUYỀN TRANG     | 05/04/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.25 |         |
| 244 | 190244 | 022310007420 | LÙNG HÀ TRANG        | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 0.75         | 3.2   | 2.25 |         |
| 245 | 190245 | 022310009268 | NGUYỄN QUỲNH TRANG   | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 7.0  |         |
| 246 | 190246 | 022310004275 | PHAN THỊ QUỲNH TRANG | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.0  |         |
| 247 | 190247 | 022310006801 | TRẦN HUYỀN TRANG     | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 3.2   | 5.75 |         |
| 248 | 190248 | 022310002836 | TRƯƠNG ĐIỀU TRANG    | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 8.0  |         |
| 249 | 190249 | 022310011543 | VŨ MAI TRANG         | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 5.75 |         |
| 250 | 190250 | 022310010848 | HOÀNG NGỌC TRÂM      | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.25 |         |
| 251 | 190251 | 022210004086 | MAI ĐỨC TRUNG        | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.25         | 8.0   | 6.0  |         |
| 252 | 190252 | 030210010022 | PHẠM ĐỨC TRUNG       | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 1.25 |         |
| 253 | 190253 | 037210000003 | LÊ VĂN TRƯỜNG        | 04/07/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.75         | 9.4   | 7.75 |         |
| 254 | 190254 | 022210006392 | PHẠM HÙNG TRƯỜNG     | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 5.75 |         |
| 255 | 190255 | 022210011711 | NGUYỄN NGỌC TÚ       | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 7.25 |         |
| 256 | 190256 | 022210001939 | BÙI THANH TUẤN       | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 5.25 |         |
| 257 | 190257 | 038210031619 | DƯƠNG ANH TUẤN       | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.0  |         |
| 258 | 190258 | 022210011164 | DƯƠNG VĂN TUẤN       | 02/07/2010 | Quảng ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 5.25 |         |
| 259 | 190259 | 022210009783 | LÝ VĂN TUẤN          | 17/04/2010 | Quảng ninh | Nam       | Nùng             | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 2.0  |         |
| 260 | 190260 | 031210011832 | PHẠM MINH TUẤN       | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 4.75 |         |
| 261 | 190261 | 022210008784 | BÙI QUANG TÙNG       | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 6.0  |         |
| 262 | 190262 | 022210012012 | DƯƠNG VĂN TÙNG       | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 7.75 |         |
| 263 | 190263 | 020210002432 | HOÀNG VĂN TÙNG       | 11/11/2010 | Quảng ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Hải Hòa   | Tiếng Anh | 0.75         | 3.6   | 1.75 |         |
| 264 | 190264 | 022210001209 | VŨ NGỌC TÙNG         | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 7.5  |         |
| 265 | 190265 | 022310000496 | ĐÀO MINH UYÊN        | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.0  |         |
| 266 | 190266 | 022310007765 | LÊ THANH VÂN         | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 7.25 |         |
| 267 | 190267 | 033210010324 | NGUYỄN ĐỨC VIỆT      | 27/11/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 6.5  |         |
| 268 | 190268 | 022210005321 | NGUYỄN ĐỨC VIỆT      | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 7.5  |         |
| 269 | 190269 | 022210003540 | ĐÀM GIA VINH         | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 5.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Mông Dương (22000728)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 270 | 190270 | 022210007841 | NGUYỄN CÔNG VINH    | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.75 |         |
| 271 | 190271 | 034210000314 | THÁI MINH VŨ        | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 7.75 |         |
| 272 | 190272 | 034310010867 | NGÔ THỊ TƯỜNG VY    | 21/11/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 5.25 |         |
| 273 | 190273 | 030310004817 | NGUYỄN THỊ THẢO VY  | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 7.5  |         |
| 274 | 190274 | 030310012916 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY | 07/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 6.75 |         |
| 275 | 190275 | 022310004984 | NGUYỄN TƯỜNG VY     | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 6.0  |         |
| 276 | 190276 | 022310009177 | TẠ KIỀU VY          | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 5.25 |         |
| 277 | 190277 | 022310007516 | TRẦN ÁNH VY         | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.25 |         |
| 278 | 190278 | 022310003185 | PHẠM TRỊNH NHƯ Ý    | 08/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 3.0  |         |
| 279 | 190279 | 022210010229 | NGUYỄN LÊ ĐỨC YÊN   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 6.75         | 2.2   | 5.25 |         |
| 280 | 190280 | 022310004444 | TRIỆU THỊ HẢI YẾN   | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Dương Huy | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 6.5  |         |
| 281 | 190281 | 022310005861 | VŨ PHẠM HẢI YẾN     | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mông Dương      | Tiếng Anh | 4.5          | 8.8   | 8.5  |         |

*(Danh sách này gồm có 281 thí sinh)*

SỞ GDĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                     |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                     |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1                                      | 200001 | 022310003799 | CÔNG NGUYỄN HÒA AN  | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.75 |          |
| 2                                      | 200002 | 036210000116 | ĐÀO NGÔ THUẬN AN    | 21/09/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 2.5          | 8.6   | 1.5  |          |
| 3                                      | 200003 | 022310008724 | HOÀNG THUY LÂM AN   | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 6.25 |          |
| 4                                      | 200004 | 022310010608 | LÊ NGUYỄN SONG AN   | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 7.25 |          |
| 5                                      | 200005 | 022310004802 | MAI ĐOÀN VÂN AN     | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 4.75 |          |
| 6                                      | 200006 | 022310007464 | MAI THUY AN         | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 8.6   | 5.25 |          |
| 7                                      | 200007 | 022310012723 | NGHIÊM HẢI AN       | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 1.75 |          |
| 8                                      | 200008 | 022310007262 | NGUYỄN HOÀNG AN     | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 5.5  |          |
| 9                                      | 200009 | 022310007451 | NGUYỄN KHÁNH AN     | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.5  |          |
| 10                                     | 200010 | 022310003737 | PHẠM HOÀI AN        | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.5          | 8.2   | 7.75 |          |
| 11                                     | 200011 | 022210000429 | VŨ ĐỨC BÌNH AN      | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 12                                     | 200012 | 022210000189 | BÙI HẢI ANH         | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.25 |          |
| 13                                     | 200013 | 022310000156 | BÙI LÊ NGỌC ANH     | 02/10/2010 | Quảng ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 8.0  |          |
| 14                                     | 200014 | 022210010641 | BÙI MINH ANH        | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 4.5  |          |
| 15                                     | 200015 | 022310002016 | BÙI TÚ ANH          | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 16                                     | 200016 | 022210010465 | BÙI TUẤN ANH        | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.75 |          |
| 17                                     | 200017 | 022310007197 | ĐÀO PHẠM PHƯƠNG ANH | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.25 |          |
| 18                                     | 200018 | 030310000592 | ĐẶNG HẢI ANH        | 14/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 8.25 |          |
| 19                                     | 200019 | 022310010034 | ĐOÀN BẢO MINH ANH   | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 4.75 |          |
| 20                                     | 200020 | 022210000213 | ĐỖ DUY ANH          | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.5  |          |
| 21                                     | 200021 | 022310006302 | ĐỖ HỒNG ANH         | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 7.25 |          |
| 22                                     | 200022 | 022310000151 | ĐỖ MAI ANH          | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 5.25 |          |
| 23                                     | 200023 | 022310000150 | ĐỖ PHƯƠNG ANH       | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 4.5  |          |
| 24                                     | 200024 | 022310002586 | ĐỖ QUỲNH ANH        | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 5.5  |          |
| 25                                     | 200025 | 022210000200 | ĐỖ THỂ ANH          | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 5.0  |          |
| 26                                     | 200026 | 022310009308 | ĐỖ TRẦN QUỲNH ANH   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 5.75 |          |
| 27                                     | 200027 | 022210005062 | ĐỒNG XUÂN ANH       | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 3.0          | 6.4   | 5.75 |          |
| 28                                     | 200028 | 022210002448 | HÀ TUẤN ANH         | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.75 |          |
| 29                                     | 200029 | 022310006589 | HOÀNG CHÂU ANH      | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 4.75 |          |
| 30                                     | 200030 | 022310012725 | HOÀNG DIỆU ANH      | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.0          | 8.6   | 4.25 |          |
| 31                                     | 200031 | 022310002449 | HOÀNG MINH ANH      | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.25 |          |
| 32                                     | 200032 | 033210014815 | HOÀNG QUỐC ANH      | 21/03/2010 | Hung Yên   | Nam       | Sán Chay         | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 7.25 |          |
| 33                                     | 200033 | 022310006131 | HOÀNG VÂN ANH       | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 8.0  |          |
| 34                                     | 200034 | 022310008776 | LÃ BẢO ANH          | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 35                                     | 200035 | 022310001627 | LẠI PHƯƠNG ANH      | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 6.0  |          |
| 36                                     | 200036 | 019310006355 | LÊ QUỲNH ANH        | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 8.25         | 7.2   | 6.5  |          |
| 37                                     | 200037 | 022310008432 | LÊ THỊ VÂN ANH      | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.25         | 9.8   | 8.25 |          |
| 38                                     | 200038 | 022310005012 | LƯƠNG TRÂM ANH      | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 8.0  |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                   |     |            |                |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|-------------------|-----|------------|----------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |     | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                   |     |            |                |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 39                                     | 200039 | 022310007185 | LÝ MINH           | ANH | 17/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Sán Diu          | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.5  |         |
| 40                                     | 200040 | 022210000211 | NGÔ ĐỨC           | ANH | 18/10/2010 | Hải Dương      | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 6.75 |         |
| 41                                     | 200041 | 022210003830 | NGÔ HẢI           | ANH | 07/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 8.0  |         |
| 42                                     | 200042 | 022310010554 | NGUYỄN CAO QUỲNH  | ANH | 08/08/2010 | Thái Bình      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 8.0  |         |
| 43                                     | 200043 | 022310001832 | NGUYỄN ĐOÀN DIỆP  | ANH | 18/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.5  |         |
| 44                                     | 200044 | 022310001292 | NGUYỄN ĐỖ MINH    | ANH | 18/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.75 |         |
| 45                                     | 200045 | 022210008385 | NGUYỄN ĐỨC        | ANH | 27/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 8.0  |         |
| 46                                     | 200046 | 022210007448 | NGUYỄN ĐỨC        | ANH | 29/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 7.25 |         |
| 47                                     | 200047 | 022210010272 | NGUYỄN ĐỨC        | ANH | 24/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.25 |         |
| 48                                     | 200048 | 022210006741 | NGUYỄN GIA        | ANH | 21/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.0  |         |
| 49                                     | 200049 | 022310007100 | NGUYỄN HÀ         | ANH | 16/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 1.25 |         |
| 50                                     | 200050 | 001310053351 | NGUYỄN HÀ         | ANH | 26/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 51                                     | 200051 | 022310001722 | NGUYỄN HÀ         | ANH | 07/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 5.25 |         |
| 52                                     | 200052 | 033310004444 | NGUYỄN HOÀNG MAI  | ANH | 27/07/2010 | Hung Yên       | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.25         | 8.8   | 7.5  |         |
| 53                                     | 200053 | 022310001336 | NGUYỄN HUYỀN      | ANH | 17/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 6.75 |         |
| 54                                     | 200054 | 022310007917 | NGUYỄN KIỀU       | ANH | 05/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 5.25 |         |
| 55                                     | 200055 | 022310004919 | NGUYỄN MAI        | ANH | 29/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 7.25 |         |
| 56                                     | 200056 | 022310004932 | NGUYỄN MINH       | ANH | 22/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 8.5  |         |
| 57                                     | 200057 | 022310006692 | NGUYỄN NGỌC       | ANH | 31/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.8   | 8.25 |         |
| 58                                     | 200058 | 034310015164 | NGUYỄN NGỌC       | ANH | 27/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 7.75 |         |
| 59                                     | 200059 | 022210011210 | NGUYỄN PHONG      | ANH | 11/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 7.0  |         |
| 60                                     | 200060 | 022310009377 | NGUYỄN PHƯƠNG     | ANH | 04/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 6.75 |         |
| 61                                     | 200061 | 022210001622 | NGUYỄN THÀNH TUẤN | ANH | 29/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 6.0  |         |
| 62                                     | 200062 | 022310006755 | NGUYỄN THỊ DIỆP   | ANH | 08/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.5  |         |
| 63                                     | 200063 | 022310007188 | NGUYỄN THỊ MINH   | ANH | 12/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.25 |         |
| 64                                     | 200064 | 046310003210 | NGUYỄN TRẦN LAN   | ANH | 20/04/2010 | Thừa Thiên Huế | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.5  |         |
| 65                                     | 200065 | 022310008394 | PHẠM HÀ           | ANH | 01/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.5          | 8.2   | 7.5  |         |
| 66                                     | 200066 | 022210000215 | PHẠM HOÀNG DUY    | ANH | 14/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.0          | 8.4   | 5.5  |         |
| 67                                     | 200067 | 022310004349 | PHẠM MINH         | ANH | 02/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 68                                     | 200068 | 022210011392 | PHẠM PHÚC HOÀNG   | ANH | 06/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 3.5  |         |
| 69                                     | 200069 | 022310006602 | PHẠM THỊ CHÂU     | ANH | 16/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 70                                     | 200070 | 022310006808 | PHẠM THUY         | ANH | 02/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 7.0  |         |
| 71                                     | 200071 | 022210002286 | PHẠM VŨ ĐỨC       | ANH | 09/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 9.0  |         |
| 72                                     | 200072 | 022310007006 | TẠ MINH           | ANH | 03/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 9.8   | 8.0  |         |
| 73                                     | 200073 | 022210003955 | TẠ NHẬT           | ANH | 18/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 8.0  |         |
| 74                                     | 200074 | 022310003049 | THÁI ĐẶNG PHƯƠNG  | ANH | 03/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.0  |         |
| 75                                     | 200075 | 034210007120 | TÔ HỒNG           | ANH | 19/12/2010 | Thái Bình      | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 6.25 |         |
| 76                                     | 200076 | 033310006527 | TRẦN NGỌC         | ANH | 29/03/2010 | Hung Yên       | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 7.0  |         |
| 77                                     | 200077 | 022310000142 | TRẦN TRANG        | ANH | 23/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 4.5          | 7.2   | 5.0  |         |
| 78                                     | 200078 | 022310001790 | TRUNG NGUYỆT      | ANH | 18/01/2010 | Quảng ninh     | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.25 |         |
| 79                                     | 200079 | 022310003622 | VŨ DƯƠNG THUY     | ANH | 16/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.0  |         |



| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                 |           |            |            |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|-----------------|-----------|------------|------------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                 |           |            |            |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 80                                     | 200080 | 022310011507 | VŨ HÀ           | ANH       | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.25 |         |
| 81                                     | 200081 | 022310006021 | VŨ HOÀNG CHÂU   | ANH       | 12/07/2010 | Vĩnh Phúc  | Nữ               | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.6   | 8.25 |         |
| 82                                     | 200082 | 022310006002 | VŨ HOÀNG NGỌC   | ANH       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.0  |         |
| 83                                     | 200083 | 022210002320 | VŨ LÊ ĐUY       | ANH       | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.5  |         |
| 84                                     | 200084 | 034310013293 | VŨ QUỲNH        | ANH       | 07/08/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 7.5  |         |
| 85                                     | 200085 | 022210002749 | VŨ THỂ          | ANH       | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 2.0          | 6.6   | 2.75 |         |
| 86                                     | 200086 | 022310001746 | VŨ TRÂM         | ANH       | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 87                                     | 200087 | 038310004867 | LÊ NGỌC         | ÁNH       | 19/08/2010 | Thanh Hóa  | Nữ               | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.5  |         |
| 88                                     | 200088 | 022310004357 | NGUYỄN NGỌC     | ÁNH       | 15/07/2010 | Yên Bái    | Nữ               | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.0  |         |
| 89                                     | 200089 | 024310007362 | NGUYỄN THỊ NGỌC | ÁNH       | 07/10/2010 | Bắc Giang  | Nữ               | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.5  |         |
| 90                                     | 200090 | 022310008658 | PHẠM THỊ NGỌC   | ÁNH       | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 4.25 |         |
| 91                                     | 200091 | 022210009097 | GIÁP HOÀNG      | BÁCH      | 31/01/2010 | Bắc Giang  | Nam              | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.0  |         |
| 92                                     | 200092 | 022210010550 | NGUYỄN HẢI      | BÁCH      | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 6.5  |         |
| 93                                     | 200093 | 022210009118 | NGUYỄN HOÀNG    | BÁCH      | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 10.0  | 8.25 |         |
| 94                                     | 200094 | 022210006949 | NGUYỄN HUY      | BÁCH      | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.25 |         |
| 95                                     | 200095 | 030210019084 | ĐÀO MINH        | BẢO       | 07/11/2010 | Hải Dương  | Nam              | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.75         | 8.0   | 6.5  |         |
| 96                                     | 200096 | 022210010450 | ĐỖ GIA          | BẢO       | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 3.75         | 7.2   | 6.5  |         |
| 97                                     | 200097 | 022210011182 | ĐỒNG GIA        | BẢO       | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 4.25 |         |
| 98                                     | 200098 | 036210005251 | LÊ GIA          | BẢO       | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 8.25 |         |
| 99                                     | 200099 | 022210003245 | NGHIÊM GIA      | BẢO       | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 6.75 |         |
| 100                                    | 200100 | 022210009187 | NGUYỄN GIA      | BẢO       | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 5.75 |         |
| 101                                    | 200101 | 022210011233 | NGUYỄN GIA      | BẢO       | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.25 |         |
| 102                                    | 200102 | 022210001128 | NGUYỄN THÀNH    | BẢO       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.5  |         |
| 103                                    | 200103 | 022210012386 | PHẠM GIA        | BẢO       | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.5  |         |
| 104                                    | 200104 | 022210010843 | PHẠM GIA        | BẢO       | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.0  |         |
| 105                                    | 200105 | 022210008735 | PHẠM VŨ GIA     | BẢO       | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.25 |         |
| 106                                    | 200106 | 022210002006 | TRẦN GIA        | BẢO       | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 7.25 |         |
| 107                                    | 200107 | 022210012342 | TRƯƠNG GIA      | BẢO       | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 3.5          | 6.4   | 6.5  |         |
| 108                                    | 200108 | 022310007520 | NGUYỄN YẾN      | BĂNG      | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 2.5  |         |
| 109                                    | 200109 | 022210012360 | NGUYỄN THANH    | BÌNH      | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 7.5  |         |
| 110                                    | 200110 | 022310001686 | PHẠM THANH      | BÌNH      | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.25 |         |
| 111                                    | 200111 | 022210001868 | VŨ TRỌNG        | BÌNH      | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 6.25 |         |
| 112                                    | 200112 | 022210007632 | TRẦN ĐỨC        | CÀNH      | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 4.75 |         |
| 113                                    | 200113 | 022310001646 | LÊ THỊ NGỌC     | CHÂU      | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 114                                    | 200114 | 022310009719 | NGUYỄN HẢI      | CHÂU      | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 8.75 |         |
| 115                                    | 200115 | 022310001259 | TRẦN MINH       | CHÂU      | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 8.25 |         |
| 116                                    | 200116 | 022310004973 | BÙI KHÁNH       | CHI       | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 8.25         | 9.4   | 9.0  |         |
| 117                                    | 200117 | 022310001960 | ĐỖ QUỲNH        | CHI       | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.0  |         |
| 118                                    | 200118 | 022310009876 | LẠI QUỲNH       | CHI       | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |         |
| 119                                    | 200119 | 022310008218 | LƯƠNG QUỲNH     | CHI       | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 6.5  |         |
| 120                                    | 200120 | 022310000162 | LƯƠNG THỊ KIM   | CHI       | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 4.0  |         |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                   |       |            |                 |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|-------------------|-------|------------|-----------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                   |       |            |                 |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 121                                    | 200121 | 022310011859 | MAI PHƯƠNG        | CHI   | 30/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 3.25         | 7.0   | 3.5  |          |
| 122                                    | 200122 | 022310005055 | NGUYỄN KHÁNH      | CHI   | 21/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 123                                    | 200123 | 022310003435 | NGUYỄN KIM        | CHI   | 08/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.75 |          |
| 124                                    | 200124 | 022310001017 | NGUYỄN YẾN        | CHI   | 08/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.0  |          |
| 125                                    | 200125 | 022310007038 | PHẠM HÀ           | CHI   | 30/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.75         | 9.4   | 8.5  |          |
| 126                                    | 200126 | 022310004198 | PHẠM QUỲNH        | CHI   | 05/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 4.75 |          |
| 127                                    | 200127 | 022310008982 | PHẠM QUỲNH        | CHI   | 14/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 128                                    | 200128 | 030310008890 | PHẠM UYÊN         | CHI   | 17/11/2010 | Hải Dương       | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.0  |          |
| 129                                    | 200129 | 022310004502 | TRẦN BÙI LINH     | CHI   | 26/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 5.75 |          |
| 130                                    | 200130 | 022310011813 | VŨ QUỲNH          | CHI   | 25/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 7.0  |          |
| 131                                    | 200131 | 022310012685 | VŨ YẾN            | CHI   | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.0  |          |
| 132                                    | 200132 | 034210000279 | TRẦN QUANG        | CHÍNH | 02/12/2010 | Thái Bình       | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.0  |          |
| 133                                    | 200133 | 022210007742 | VŨ THÀNH          | CÔNG  | 30/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.25 |          |
| 134                                    | 200134 | 022208001050 | NGUYỄN ĐỨC        | CƯỜNG | 30/09/2008 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 135                                    | 200135 | 022210011841 | NGUYỄN HÙNG       | CƯỜNG | 20/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 6.5  |          |
| 136                                    | 200136 | 022210000103 | TRẦN QUỐC         | CƯỜNG | 24/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 8.25 |          |
| 137                                    | 200137 | 022210003369 | NGUYỄN THÀNH      | DANH  | 23/02/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.5  |          |
| 138                                    | 200138 | 036310015829 | CAO THỊ HỒNG      | DIỄM  | 13/11/2010 | Nam Định        | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.25 |          |
| 139                                    | 200139 | 022310011468 | CAO LỤC           | DIỆP  | 16/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 7.5  |          |
| 140                                    | 200140 | 022310005463 | PHẠM NGỌC         | DIỆP  | 16/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 3.75 |          |
| 141                                    | 200141 | 022310006426 | PHẠM THỊ HUYỀN    | DIỆU  | 22/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.0  |          |
| 142                                    | 200142 | 022310005258 | VŨ HUYỀN          | DIỆU  | 12/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 7.0  |          |
| 143                                    | 200143 | 022310012592 | LÊ CAO THỦY       | DUNG  | 03/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.25 |          |
| 144                                    | 200144 | 022310007985 | PHẠM THỦY         | DUNG  | 05/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 4.5  |          |
| 145                                    | 200145 | 022210004792 | BÙI ĐỨC           | DŨNG  | 19/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 8.0  |          |
| 146                                    | 200146 | 022210008704 | ĐÀO TUẤN          | DŨNG  | 02/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 5.0  |          |
| 147                                    | 200147 | 033210013568 | ĐẶNG TRÍ          | DŨNG  | 29/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.5  |          |
| 148                                    | 200148 | 022210013232 | ĐINH TIẾN         | DŨNG  | 10/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 6.75 |          |
| 149                                    | 200149 | 022210004062 | HOÀNG TUẤN        | DŨNG  | 16/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 3.5  |          |
| 150                                    | 200150 | 022210008352 | LÊ TIẾN           | DŨNG  | 23/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 151                                    | 200151 | 022210011703 | LƯU ĐỨC           | DŨNG  | 03/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 152                                    | 200152 | 022210012048 | NGUYỄN CÔNG       | DŨNG  | 13/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 153                                    | 200153 | 022210008541 | NGUYỄN ĐÌNH VIỆT  | DŨNG  | 28/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.75 |          |
| 154                                    | 200154 | 022210010445 | NGUYỄN HÀ TUẤN    | DŨNG  | 12/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.5  |          |
| 155                                    | 200155 | 022210009041 | NGUYỄN LÂM        | DŨNG  | 28/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 156                                    | 200156 | 022210001814 | NGUYỄN MẠNH       | DŨNG  | 01/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.75 |          |
| 157                                    | 200157 | 022210012556 | NGUYỄN TIẾN       | DŨNG  | 20/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 6.0  |          |
| 158                                    | 200158 | 022210008402 | NGUYỄN TRẦN HOÀNG | DŨNG  | 05/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 7.25 |          |
| 159                                    | 200159 | 022210008329 | ĐỖ ĐỨC KHÁNH      | DUY   | 15/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 7.25 |          |
| 160                                    | 200160 | 022210012312 | ĐỒNG QUANG        | DUY   | 26/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.0  |          |
| 161                                    | 200161 | 022210012481 | HOÀNG BẢO         | DUY   | 31/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 8.0  |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 162                                    | 200162 | 022210009603 | HOÀNG ĐỨC       | DUY   | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 7.0  |         |
| 163                                    | 200163 | 022210011601 | LÊ BẢO          | DUY   | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 8.2   | 8.0  |         |
| 164                                    | 200164 | 034210003889 | LƯU ĐÀO PHÚC    | DUY   | 09/05/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 6.5  |         |
| 165                                    | 200165 | 022210001076 | NGUYỄN THÀNH    | DUY   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 7.75 |         |
| 166                                    | 200166 | 022210008538 | NGUYỄN TUẤN     | DUY   | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.5  |         |
| 167                                    | 200167 | 022210009899 | PHẠM NGUYỄN ANH | DUY   | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 7.25 |         |
| 168                                    | 200168 | 038210002910 | VŨ LÊ           | DUY   | 05/05/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 6.25 |         |
| 169                                    | 200169 | 022310004550 | CAO THÙY        | DƯƠNG | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 4.0  |         |
| 170                                    | 200170 | 022310009861 | ĐẶNG THÙY       | DƯƠNG | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 7.0  |         |
| 171                                    | 200171 | 022210009904 | ĐINH ĐẠI        | DƯƠNG | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 6.5  |         |
| 172                                    | 200172 | 022210000231 | ĐINH QUANG      | DƯƠNG | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.25 |         |
| 173                                    | 200173 | 022310008247 | ĐỖ THÙY         | DƯƠNG | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.5  |         |
| 174                                    | 200174 | 022210004162 | LÊ HOÀNG        | DƯƠNG | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 8.75 |         |
| 175                                    | 200175 | 022310005581 | NGÔ KHÁNH       | DƯƠNG | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.0  |         |
| 176                                    | 200176 | 022310005978 | NGUYỄN THÙY     | DƯƠNG | 05/11/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 3.25 |         |
| 177                                    | 200177 | 022310004400 | PHẠM THỊ THÙY   | DƯƠNG | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 3.0  |         |
| 178                                    | 200178 | 022310001195 | PHAN THÙY       | DƯƠNG | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.5  |         |
| 179                                    | 200179 | 022310002833 | TRẦN THÙY       | DƯƠNG | 05/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 5.75 |         |
| 180                                    | 200180 | 034310002653 | BÙI HẢI         | ĐAN   | 22/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 5.5  |         |
| 181                                    | 200181 | 022210011661 | ĐÀO DUY         | ĐAN   | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.75         | 9.8   | 7.0  |         |
| 182                                    | 200182 | 022210011239 | ĐỖ THÀNH        | ĐẠT   | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 6.5  |         |
| 183                                    | 200183 | 022210011872 | HOÀNG XUÂN      | ĐẠT   | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.25 |         |
| 184                                    | 200184 | 022210007062 | KHÔNG TIẾN      | ĐẠT   | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.0  |         |
| 185                                    | 200185 | 022210003835 | NGUYỄN TIẾN     | ĐẠT   | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 7.0  |         |
| 186                                    | 200186 | 030210000867 | NGUYỄN TIẾN     | ĐẠT   | 28/07/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 6.75 |         |
| 187                                    | 200187 | 022210005735 | NGUYỄN TIẾN     | ĐẠT   | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 188                                    | 200188 | 022210010731 | PHẠM TIẾN       | ĐẠT   | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 10.0  | 8.5  |         |
| 189                                    | 200189 | 022210002679 | TẠ THÀNH        | ĐẠT   | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 8.0  |         |
| 190                                    | 200190 | 022210012363 | TRẦN HỮU        | ĐẠT   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.75 |         |
| 191                                    | 200191 | 022210009133 | NGUYỄN TRẦN HẢI | ĐĂNG  | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 7.0  |         |
| 192                                    | 200192 | 022210009475 | NGUYỄN VŨ HẢI   | ĐĂNG  | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 7.5  |         |
| 193                                    | 200193 | 030210012396 | PHẠM CAO HẢI    | ĐĂNG  | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 4.0  |         |
| 194                                    | 200194 | 022210010778 | BÙI MINH        | ĐỨC   | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.25         | 9.0   | 8.25 |         |
| 195                                    | 200195 | 022209010022 | HÒA MINH        | ĐỨC   | 31/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.75         | 9.2   | 9.0  |         |
| 196                                    | 200196 | 031210010309 | HOÀNG ANH       | ĐỨC   | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.0  |         |
| 197                                    | 200197 | 037210003116 | NGÔ MINH        | ĐỨC   | 04/09/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 7.25 |         |
| 198                                    | 200198 | 034210014371 | NGUYỄN ANH      | ĐỨC   | 05/02/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 4.75 |         |
| 199                                    | 200199 | 022210001575 | NGUYỄN MINH     | ĐỨC   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 4.0          | 7.2   | 7.0  |         |
| 200                                    | 200200 | 022210006115 | NGUYỄN THẾ      | ĐỨC   | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 9.4   | 9.0  |         |
| 201                                    | 200201 | 022210010613 | PHẠM ĐINH MINH  | ĐỨC   | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.75 |         |
| 202                                    | 200202 | 022210010311 | PHẠM MINH       | ĐỨC   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 9.0  |         |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                  |            |             |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|------------------|------------|-------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                  |            |             |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 203                                    | 200203 | 022210000188 | TRẦN MINH ĐỨC    | 23/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 9.25         | 9.6   | 8.75 |         |
| 204                                    | 200204 | 022310005879 | ĐINH NGỌC HÀ     | 16/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.0  |         |
| 205                                    | 200205 | 022310009606 | ĐOÀN HƯƠNG       | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 5.5  |         |
| 206                                    | 200206 | 022310008774 | ĐOÀN THỊ THU     | 29/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 5.5  |         |
| 207                                    | 200207 | 022310011490 | NGUYỄN HƯƠNG     | 27/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.25 |         |
| 208                                    | 200208 | 022310005398 | NGUYỄN HƯƠNG     | 14/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 8.5  |         |
| 209                                    | 200209 | 022310008967 | PHẠM HƯƠNG       | 21/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 5.25 |         |
| 210                                    | 200210 | 037210003673 | TỔNG             | 31/12/2010 | Ninh Bình   | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 9.0  |         |
| 211                                    | 200211 | 022310009566 | TRẦN HƯƠNG       | 22/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 7.0  |         |
| 212                                    | 200212 | 022310001475 | TRỊNH THỊ HƯƠNG  | 01/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 4.0  |         |
| 213                                    | 200213 | 031310016298 | BUI THỊ HẢI      | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 7.75 |         |
| 214                                    | 200214 | 027310008699 | ĐOÀN THU         | 06/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 7.0          | 10.0  | 8.5  |         |
| 215                                    | 200215 | 022210001470 | ĐỖ NGUYỄN        | 03/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.5          | 9.4   | 7.0  |         |
| 216                                    | 200216 | 022310010593 | ĐỖ PHẠM THANH    | 21/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 7.5  |         |
| 217                                    | 200217 | 022310011201 | HÀ THANH         | 23/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 7.75 |         |
| 218                                    | 200218 | 022310006296 | HOÀNG NGỌC       | 28/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.5  |         |
| 219                                    | 200219 | 022310003126 | LÊ THU           | 06/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.75 |         |
| 220                                    | 200220 | 036310013902 | MAI THỊ NGỌC     | 03/04/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.75 |         |
| 221                                    | 200221 | 022310004958 | NGÔ NGỌC         | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 7.0  |         |
| 222                                    | 200222 | 022310001340 | NGUYỄN HỒNG      | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.25 |         |
| 223                                    | 200223 | 022310011377 | NGUYỄN NGỌC      | 29/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.25 |         |
| 224                                    | 200224 | 022310003722 | NGUYỄN NGỌC      | 28/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 8.25 |         |
| 225                                    | 200225 | 022310009317 | NGUYỄN NGỌC      | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 7.5  |         |
| 226                                    | 200226 | 022310001478 | NGUYỄN NGỌC      | 03/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.25 |         |
| 227                                    | 200227 | 030310002431 | NGUYỄN THU       | 05/06/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.5  |         |
| 228                                    | 200228 | 034310006494 | NGUYỄN THU       | 25/01/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.5  |         |
| 229                                    | 200229 | 022310002884 | NGUYỄN TRẦN VIỆT | 01/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 8.75 |         |
| 230                                    | 200230 | 022310009008 | VŨ ĐĂNG NGỌC     | 28/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.25 |         |
| 231                                    | 200231 | 022210000082 | DƯƠNG ĐỨC        | 23/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |         |
| 232                                    | 200232 | 022310010117 | ĐINH PHẠM THU    | 27/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 7.5  |         |
| 233                                    | 200233 | 022210010678 | ĐỖ ĐĂNG          | 31/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 2.6   | 3.75 |         |
| 234                                    | 200234 | 022210021058 | HOÀNG TRUNG      | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.75 |         |
| 235                                    | 200235 | 022210001809 | LÊ HOÀNG         | 31/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 7.0  |         |
| 236                                    | 200236 | 022210005005 | NGUYỄN HOÀNG     | 06/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 8.75 |         |
| 237                                    | 200237 | 031210016620 | PHẠM NGỌC        | 16/06/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.5          | 9.4   | 9.0  |         |
| 238                                    | 200238 | 022210000067 | TRỊNH SƠN        | 16/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 7.5  |         |
| 239                                    | 200239 | 022310006566 | TRẦN HOÀNG MINH  | 22/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.5          | 9.2   | 8.0  |         |
| 240                                    | 200240 | 022310010878 | ĐOÀN BẢO         | 23/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 8.25 |         |
| 241                                    | 200241 | 019310001444 | NGUYỄN THANH     | 26/03/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 9.8   | 7.75 |         |
| 242                                    | 200242 | 022310001274 | NINH THANH       | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.5  |         |
| 243                                    | 200243 | 022310006104 | ĐỖ GIA           | 28/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.75 |         |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                       |            |             |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|-----------------------|------------|-------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                       |            |             |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 244                                    | 200244 | 022310010046 | LƯƠNG NGỌC HÂN        | 27/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 8.0  |          |
| 245                                    | 200245 | 022310002288 | NGUYỄN GIA HÂN        | 04/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 7.0  |          |
| 246                                    | 200246 | 022310011713 | NGUYỄN GIA HÂN        | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 8.0          | 9.8   | 4.75 |          |
| 247                                    | 200247 | 022310009514 | NGUYỄN NGỌC GIA HÂN   | 08/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 6.0  |          |
| 248                                    | 200248 | 022310005086 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN   | 21/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 5.25 |          |
| 249                                    | 200249 | 022310010852 | PHẠM BẢO HÂN          | 14/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.5  |          |
| 250                                    | 200250 | 022310002225 | TRẦN VŨ BẢO HÂN       | 17/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 6.75 |          |
| 251                                    | 200251 | 022310004325 | NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN  | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.75 |          |
| 252                                    | 200252 | 040310009226 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN | 22/10/2010 | Nghệ An     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 3.5  |          |
| 253                                    | 200253 | 022310006797 | NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN  | 19/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 254                                    | 200254 | 022310006916 | PHẠM THỊ THANH HIỀN   | 08/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.8   | 7.75 |          |
| 255                                    | 200255 | 034310004421 | PHẠM THỊ THÚY HIỀN    | 10/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.0  |          |
| 256                                    | 200256 | 022210006821 | BÙI CÔNG HIẾU         | 27/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.5  |          |
| 257                                    | 200257 | 022210008230 | CAO MINH HIẾU         | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 8.25 |          |
| 258                                    | 200258 | 022210021064 | DƯƠNG TRUNG HIẾU      | 18/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 8.0  |          |
| 259                                    | 200259 | 022210002214 | ĐỖ CÔNG HIẾU          | 08/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 260                                    | 200260 | 022210012199 | HOÀNG TRUNG HIẾU      | 09/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 8.0  |          |
| 261                                    | 200261 | 022210005203 | LÊ TRUNG HIẾU         | 11/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.25 |          |
| 262                                    | 200262 | 022210010614 | LÊ VĂN HIẾU           | 05/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.25 |          |
| 263                                    | 200263 | 022210007955 | NGUYỄN HÙNG HIẾU      | 20/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 7.5  |          |
| 264                                    | 200264 | 022210002609 | NGUYỄN LƯƠNG HIẾU     | 30/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.25 |          |
| 265                                    | 200265 | 022210002923 | NGUYỄN MINH HIẾU      | 06/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 266                                    | 200266 | 022210012683 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU     | 06/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 6.25 |          |
| 267                                    | 200267 | 022210009780 | PHẠM TRUNG HIẾU       | 30/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 268                                    | 200268 | 030209011723 | TRẦN TRUNG HIẾU       | 11/12/2009 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 0.5          | 3.4   |      | Vắng thi |
| 269                                    | 200269 | 022210004054 | VŨ TRUNG HIẾU         | 31/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 3.75         | 7.2   | 5.0  |          |
| 270                                    | 200270 | 030310011914 | NGUYỄN THỊ THANH HOA  | 15/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 3.25 |          |
| 271                                    | 200271 | 022310009859 | PHẠM THỊ THANH HOA    | 25/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 9.0  |          |
| 272                                    | 200272 | 022310000165 | TRẦN PHƯƠNG HOA       | 17/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 5.5  |          |
| 273                                    | 200273 | 019210005260 | NGUYỄN PHÚ HÒA        | 12/05/2010 | Thái Nguyên | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 6.25 |          |
| 274                                    | 200274 | 022310011879 | NGUYỄN THỊ MINH HÒA   | 24/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 7.75 |          |
| 275                                    | 200275 | 022310000200 | VŨ BÍCH HÒA           | 17/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 5.75 |          |
| 276                                    | 200276 | 022310012736 | NGUYỄN THU HOÀI       | 01/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 7.0  |          |
| 277                                    | 200277 | 022210009157 | NGUYỄN NAM HOÀN       | 27/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 7.75 |          |
| 278                                    | 200278 | 022209011204 | DƯƠNG MINH HOÀNG      | 05/02/2009 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 279                                    | 200279 | 022210008263 | NGÔ TRẦN HOÀNG        | 28/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 7.75 |          |
| 280                                    | 200280 | 034210006466 | NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG     | 17/10/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.0  |          |
| 281                                    | 200281 | 022210003642 | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG      | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.25 |          |
| 282                                    | 200282 | 022210012411 | NGUYỄN HUY HOÀNG      | 07/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 8.0  |          |
| 283                                    | 200283 | 022210006472 | NGUYỄN THIẾT HOÀNG    | 15/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 2.5  |          |
| 284                                    | 200284 | 022210009170 | PHẠM VIỆT HOÀNG       | 06/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.75         | 9.4   | 3.75 |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 285                                    | 200285 | 022210008324 | TRẦN HUY         | HOÀNG | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 3.25         | 6.4   | 2.5  |         |
| 286                                    | 200286 | 022210008685 | VŨ PHẠM HUY      | HOÀNG | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 7.25 |         |
| 287                                    | 200287 | 022210000184 | ĐÀO MẠNH         | HÙNG  | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 6.75 |         |
| 288                                    | 200288 | 022210009353 | ĐỖ ĐỨC           | HÙNG  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 2.5  |         |
| 289                                    | 200289 | 022210010545 | NGUYỄN TUẤN      | HÙNG  | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 8.75 |         |
| 290                                    | 200290 | 022210010419 | VŨ LÊ MẠNH       | HÙNG  | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 6.25 |         |
| 291                                    | 200291 | 036210001202 | ĐOÀN ĐỨC         | HUY   | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 4.0          | 9.0   | 7.5  |         |
| 292                                    | 200292 | 022210002791 | ĐỖ KHẮC          | HUY   | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 6.25 |         |
| 293                                    | 200293 | 022210002866 | NGÔ GIA          | HUY   | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 9.0   | 6.25 |         |
| 294                                    | 200294 | 022210005030 | NGUYỄN ĐỨC       | HUY   | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 5.0  |         |
| 295                                    | 200295 | 022210010322 | NGUYỄN GIA       | HUY   | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.0  |         |
| 296                                    | 200296 | 022210006598 | NGUYỄN GIA       | HUY   | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 6.5  |         |
| 297                                    | 200297 | 022210002424 | NGUYỄN NGỌC GIA  | HUY   | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 7.5  |         |
| 298                                    | 200298 | 022210011088 | NGUYỄN PHAN      | HUY   | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.0          | 8.6   | 4.5  |         |
| 299                                    | 200299 | 022210001481 | NGUYỄN QUANG     | HUY   | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 2.5          | 6.4   | 3.25 |         |
| 300                                    | 200300 | 031210008855 | PHẠM ANH         | HUY   | 10/05/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.75 |         |
| 301                                    | 200301 | 022210003449 | PHẠM GIA         | HUY   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 6.25 |         |
| 302                                    | 200302 | 022210021042 | PHẠM QUANG       | HUY   | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 3.0          | 6.0   | 2.0  |         |
| 303                                    | 200303 | 022210011035 | TRẦN GIA         | HUY   | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.0  |         |
| 304                                    | 200304 | 022210021031 | VI GIA           | HUY   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 6.25 |         |
| 305                                    | 200305 | 022310006970 | ĐOÀN DIỆU        | HUYỀN | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 6.5  |         |
| 306                                    | 200306 | 022310004673 | HÀ VŨ THU        | HUYỀN | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.75 |         |
| 307                                    | 200307 | 030310001721 | LÊ KHÁNH         | HUYỀN | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 308                                    | 200308 | 022310005690 | LŨU KHÁNH        | HUYỀN | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.25         | 7.0   | 6.75 |         |
| 309                                    | 200309 | 022310000742 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HUYỀN | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 6.25 |         |
| 310                                    | 200310 | 022310010187 | PHẠM BÁCH        | HUYỀN | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 5.5  |         |
| 311                                    | 200311 | 022310000777 | PHẠM KHÁNH       | HUYỀN | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 5.5  |         |
| 312                                    | 200312 | 022310003329 | PHẠM KHÁNH       | HUYỀN | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.25 |         |
| 313                                    | 200313 | 030310006563 | PHẠM KHÁNH       | HUYỀN | 07/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.5  |         |
| 314                                    | 200314 | 022310003514 | PHẠM KHÁNH       | HUYỀN | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.5  |         |
| 315                                    | 200315 | 034310004572 | PHẠM THỊ THU     | HUYỀN | 17/04/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 5.0  |         |
| 316                                    | 200316 | 022310007106 | TRẦN LÊ DIỆU     | HUYỀN | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 6.75 |         |
| 317                                    | 200317 | 022310012060 | TRẦN THANH       | HUYỀN | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 5.25 |         |
| 318                                    | 200318 | 024310006828 | TRẦN THU         | HUYỀN | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 4.75 |         |
| 319                                    | 200319 | 031310016416 | VŨ THANH         | HUYỀN | 13/08/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.5  |         |
| 320                                    | 200320 | 022210009202 | BÙI QUANG        | HÙNG  | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 5.75 |         |
| 321                                    | 200321 | 022210004707 | ĐỊP PHÚ          | HÙNG  | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 6.75 |         |
| 322                                    | 200322 | 022210002297 | ĐÀM QUANG        | HÙNG  | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 8.0  |         |
| 323                                    | 200323 | 022210001300 | ĐỖ THỂ           | HÙNG  | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 7.25 |         |
| 324                                    | 200324 | 022210007054 | NGUYỄN DUY       | HÙNG  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 6.25 |         |
| 325                                    | 200325 | 022210012251 | NGUYỄN DUY       | HÙNG  | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 6.5  |         |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 326                                    | 200326 | 022210006599 | NGUYỄN DUY       | HÙNG  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 4.75         | 8.4   | 6.5  |          |
| 327                                    | 200327 | 022210006603 | PHẠM QUANG       | HÙNG  | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 4.75 |          |
| 328                                    | 200328 | 022210007402 | PHẠM TRẦN TUẤN   | HÙNG  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 8.5  |          |
| 329                                    | 200329 | 022210005165 | TRẦN KHÁNH       | HÙNG  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.25 |          |
| 330                                    | 200330 | 022210011350 | TRINH CHẤN       | HÙNG  | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 7.5  |          |
| 331                                    | 200331 | 022210010999 | TRINH VIỆT       | HÙNG  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 3.75 |          |
| 332                                    | 200332 | 022210009223 | TRƯƠNG LÊ TIẾN   | HÙNG  | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 7.2   | 5.75 |          |
| 333                                    | 200333 | 022210010616 | VŨ TUẤN          | HÙNG  | 04/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 334                                    | 200334 | 022310006226 | NGUYỄN NGỌC      | HƯƠNG | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 7.75 |          |
| 335                                    | 200335 | 022310006859 | VŨ NGUYỄN QUỲNH  | HƯƠNG | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.25 |          |
| 336                                    | 200336 | 022210010503 | TRẦN ĐỨC         | KHẢI  | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 337                                    | 200337 | 022210008761 | LÊ TUẤN          | KHANH | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 4.5          | 9.0   | 6.25 |          |
| 338                                    | 200338 | 019310002497 | NGUYỄN MAI       | KHANH | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.5  |          |
| 339                                    | 200339 | 022310009923 | PHẠM THỊ BẢO     | KHANH | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 6.75 |          |
| 340                                    | 200340 | 022210002338 | BÙI GIA          | KHÁNH | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 341                                    | 200341 | 022310001422 | BÙI NGỌC         | KHÁNH | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 6.25 |          |
| 342                                    | 200342 | 022210011820 | HÀ DUY           | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 4.5  |          |
| 343                                    | 200343 | 022210001365 | HOÀNG MINH       | KHÁNH | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.25 |          |
| 344                                    | 200344 | 031210018929 | NGÔ CAO          | KHÁNH | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 8.0  |          |
| 345                                    | 200345 | 022310004933 | NGUYỄN ĐOÀN NGỌC | KHÁNH | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.5  |          |
| 346                                    | 200346 | 022310009910 | NGUYỄN MẠC VY    | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 5.0  |          |
| 347                                    | 200347 | 022210007725 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 6.5  |          |
| 348                                    | 200348 | 034210017957 | NGUYỄN NGỌC      | KHÁNH | 09/02/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 6.75 |          |
| 349                                    | 200349 | 022310010769 | NGUYỄN THỊ CẨM   | KHÁNH | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.0  |          |
| 350                                    | 200350 | 022210009302 | PHẠM HOÀNG       | KHÁNH | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 7.25 |          |
| 351                                    | 200351 | 022210021060 | PHẠM HUY         | KHÁNH | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 5.75 |          |
| 352                                    | 200352 | 022210002558 | PHAN TRẦN GIA    | KHÁNH | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 5.25 |          |
| 353                                    | 200353 | 022210010881 | TRẦN DUY         | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.25 |          |
| 354                                    | 200354 | 022210006289 | TRẦN ĐÌNH        | KHÁNH | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 7.5  |          |
| 355                                    | 200355 | 022210004698 | TRINH QUỐC       | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 7.0   | 5.25 |          |
| 356                                    | 200356 | 022310000180 | TRINH THỊ VÂN    | KHÁNH | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 8.5  |          |
| 357                                    | 200357 | 034210001161 | HÀ ANH           | KHOA  | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 6.75 |          |
| 358                                    | 200358 | 022210005225 | NGUYỄN VŨ ĐĂNG   | KHOA  | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.0  |          |
| 359                                    | 200359 | 022210012196 | NGUYỄN ĐĂNG      | KHÔI  | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.25 |          |
| 360                                    | 200360 | 030210017352 | PHẠM ANH         | KHÔI  | 24/11/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 8.75 |          |
| 361                                    | 200361 | 022210009181 | PHẠM HUY         | KHÔI  | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.25 |          |
| 362                                    | 200362 | 022210001774 | BÙI ĐỨC          | KIÊN  | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 7.25 |          |
| 363                                    | 200363 | 022210008133 | DIỆP TRUNG       | KIÊN  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.0  |          |
| 364                                    | 200364 | 022210003868 | NGUYỄN TRUNG     | KIÊN  | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.5  |          |
| 365                                    | 200365 | 033210010447 | VŨ TRUNG         | KIÊN  | 20/08/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 7.5  |          |
| 366                                    | 200366 | 022210012519 | NGUYỄN TUẤN      | KIỆT  | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 8.0  |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                 |      |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|-----------------|------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                 |      |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 367                                    | 200367 | 022210006984 | TRẦN TUẤN       | KIẾT | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 9.25 |         |
| 368                                    | 200368 | 022210006143 | TRẦN TUẤN       | KIẾT | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 1.25         | 5.0   | 1.5  |         |
| 369                                    | 200369 | 022210000055 | TRƯƠNG TUẤN     | KIẾT | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 7.25 |         |
| 370                                    | 200370 | 022310001768 | TẶNG THIÊN      | KIM  | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 7.75 |         |
| 371                                    | 200371 | 022310007272 | TRẦN THANH      | LAM  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 5.5  |         |
| 372                                    | 200372 | 022210008633 | BÙI HOÀNG       | LÂM  | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 6.25 |         |
| 373                                    | 200373 | 022210003467 | ĐÀO ĐỨC         | LÂM  | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.5  |         |
| 374                                    | 200374 | 022210001137 | ĐẶNG MINH       | LÂM  | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.75 |         |
| 375                                    | 200375 | 022210003788 | ĐỒNG THANH      | LÂM  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 7.5  |         |
| 376                                    | 200376 | 022210009913 | HOÀNG VŨ        | LÂM  | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.25 |         |
| 377                                    | 200377 | 022310004630 | NGUYỄN ĐÌNH TUỆ | LÂM  | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 4.25 |         |
| 378                                    | 200378 | 022210009806 | NGUYỄN ĐỨC      | LÂM  | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 8.5  |         |
| 379                                    | 200379 | 022210006637 | NGUYỄN ĐỨC      | LÂM  | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.0  |         |
| 380                                    | 200380 | 022210002535 | NGUYỄN HẢI      | LÂM  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 3.5  |         |
| 381                                    | 200381 | 022210006164 | NGUYỄN PHÚC     | LÂM  | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 6.0  |         |
| 382                                    | 200382 | 022310003968 | NGUYỄN THANH    | LÂM  | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.25 |         |
| 383                                    | 200383 | 022310001906 | NGUYỄN TUỆ      | LÂM  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 7.0  |         |
| 384                                    | 200384 | 022210008454 | NGUYỄN TÙNG     | LÂM  | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 385                                    | 200385 | 022210003910 | NGUYỄN TÙNG     | LÂM  | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.25 |         |
| 386                                    | 200386 | 022210007466 | NGUYỄN TÙNG     | LÂM  | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 4.75 |         |
| 387                                    | 200387 | 022310009813 | NGUYỄN VŨ THÙY  | LÂM  | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.0  |         |
| 388                                    | 200388 | 022210006193 | PHẠM HỮU        | LÂM  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 4.0  |         |
| 389                                    | 200389 | 022210011857 | PHẠM THỌ THÀNH  | LÂM  | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 5.0  |         |
| 390                                    | 200390 | 022310001266 | PHẠM THỦY       | LÂM  | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.0  |         |
| 391                                    | 200391 | 022210002933 | PHAN VĂN SƠN    | LÂM  | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.25         | 8.4   | 7.5  |         |
| 392                                    | 200392 | 022210009560 | TẶNG ĐỨC        | LÂM  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 7.25 |         |
| 393                                    | 200393 | 022210008253 | TRẦN HẢI        | LÂM  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 394                                    | 200394 | 022310006479 | TRẦN TUỆ        | LÂM  | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.0  |         |
| 395                                    | 200395 | 037210009392 | TRẦN TÙNG       | LÂM  | 07/10/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.5  |         |
| 396                                    | 200396 | 022310002015 | TRƯƠNG TUỆ      | LÂM  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.5  |         |
| 397                                    | 200397 | 022210008871 | VŨ HOÀNG        | LÂM  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 8.5  |         |
| 398                                    | 200398 | 022210012571 | VŨ HOÀNG THANH  | LÂM  | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.25 |         |
| 399                                    | 200399 | 022210010254 | VŨ THANH        | LÂM  | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 8.25 |         |
| 400                                    | 200400 | 022310010551 | VŨ HỒNG         | LIÊN | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 7.5  |         |
| 401                                    | 200401 | 022310001834 | BÙI PHƯƠNG      | LINH | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.8   | 8.0  |         |
| 402                                    | 200402 | 022310011825 | BÙI THẢO        | LINH | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.25 |         |
| 403                                    | 200403 | 022310005709 | CAO THỦY        | LINH | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.25 |         |
| 404                                    | 200404 | 022310003941 | DƯƠNG ĐIỀU      | LINH | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.0  |         |
| 405                                    | 200405 | 022310003641 | ĐÌNH PHẠM TRÚC  | LINH | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.5  |         |
| 406                                    | 200406 | 022310004613 | ĐOÀN HÀ         | LINH | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 4.5  |         |
| 407                                    | 200407 | 037310007201 | ĐOÀN THỊ HÀ     | LINH | 12/05/2010 | Ninh Bình  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.75 |         |



| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                         |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                         |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 408                                    | 200408 | 022310000770 | ĐỖ CẨM LINH             | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 6.0  |         |
| 409                                    | 200409 | 022310008576 | HOÀNG HÀ LINH           | 13/02/2010 | Hà Nam     | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 6.75 |         |
| 410                                    | 200410 | 022310007444 | HOÀNG NGỌC LINH         | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 6.5  |         |
| 411                                    | 200411 | 022310001249 | HỒ THÙY LINH            | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.8   | 8.0  |         |
| 412                                    | 200412 | 022210006939 | LÊ HỒNG LINH            | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây              | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.5  |         |
| 413                                    | 200413 | 022310007349 | LÊ THỊ PHƯƠNG LINH      | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 5.0  |         |
| 414                                    | 200414 | 022310012588 | LÊ THÙY LINH            | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.5  |         |
| 415                                    | 200415 | 022310007767 | NGUYỄN ĐỨC HÀ LINH      | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 6.0  |         |
| 416                                    | 200416 | 022310004345 | NGUYỄN HÀ LINH          | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.25 |         |
| 417                                    | 200417 | 022310010938 | NGUYỄN HÀ LINH          | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 5.25 |         |
| 418                                    | 200418 | 022310002761 | NGUYỄN HÀ LINH          | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.75 |         |
| 419                                    | 200419 | 022310010030 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH  | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 9.0  |         |
| 420                                    | 200420 | 022310007897 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH      | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 3.0  |         |
| 421                                    | 200421 | 022310010477 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH      | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.0  |         |
| 422                                    | 200422 | 022310000321 | NGUYỄN THỊ HÀ LINH      | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 7.0  |         |
| 423                                    | 200423 | 022310006354 | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG LINH | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 5.5  |         |
| 424                                    | 200424 | 022310012597 | NGUYỄN TRẦN TRÚC LINH   | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.5  |         |
| 425                                    | 200425 | 022310009530 | NGUYỄN VŨ TUỆ LINH      | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 7.5  |         |
| 426                                    | 200426 | 022310005400 | NHÂM NGỌC HUYỀN LINH    | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 3.25 |         |
| 427                                    | 200427 | 022310000475 | PHẠM BẢO LINH           | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 3.0          | 6.0   | 6.25 |         |
| 428                                    | 200428 | 022310010643 | PHẠM GIA LINH           | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.5  |         |
| 429                                    | 200429 | 022310011956 | PHẠM HUYỀN GIA LINH     | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 4.5  |         |
| 430                                    | 200430 | 022310012066 | PHẠM KHÁNH LINH         | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.5  |         |
| 431                                    | 200431 | 022310002855 | PHẠM PHƯƠNG LINH        | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.5  |         |
| 432                                    | 200432 | 022310006982 | QUÁCH THỊ KHÁNH LINH    | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 4.25 |         |
| 433                                    | 200433 | 001310046403 | TẠ THỊ HUYỀN LINH       | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.25 |         |
| 434                                    | 200434 | 030310015642 | TẶNG PHƯƠNG LINH        | 24/08/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.25 |         |
| 435                                    | 200435 | 022310001257 | TRẦN PHƯƠNG LINH        | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 5.0  |         |
| 436                                    | 200436 | 022310006125 | TRẦN THÙY LINH          | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 8.5  |         |
| 437                                    | 200437 | 038310011985 | TRỊNH KHÁNH LINH        | 26/03/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.75 |         |
| 438                                    | 200438 | 022310003343 | TRƯƠNG THÙY LINH        | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 6.75 |         |
| 439                                    | 200439 | 022310004875 | VOÔNG NGỌC LINH         | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.5  |         |
| 440                                    | 200440 | 022310001468 | VŨ PHƯƠNG LINH          | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 6.5  |         |
| 441                                    | 200441 | 034310001286 | VŨ THÁI THÙY LINH       | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 5.5  |         |
| 442                                    | 200442 | 022310008713 | NGUY PHƯƠNG LOAN        | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 4.25 |         |
| 443                                    | 200443 | 022210000024 | NGUYỄN BẢO LONG         | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.25         | 5.6   | 6.25 |         |
| 444                                    | 200444 | 022210005733 | NGUYỄN DUY LONG         | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 5.0  |         |
| 445                                    | 200445 | 022210006414 | NGUYỄN ĐỨC BẢO LONG     | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 3.25 |         |
| 446                                    | 200446 | 022210007469 | NGUYỄN THÀNH LONG       | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.0  |         |
| 447                                    | 200447 | 022210007428 | PHẠM HOÀNG LONG         | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 9.0  |         |
| 448                                    | 200448 | 022210000021 | PHẠM THÀNH LONG         | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 8.5  |         |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 449                                    | 200449 | 022210006465 | TRẦN PHÚC HẢI    | LONG  | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 2.0  |          |
| 450                                    | 200450 | 022210006481 | TRẦN PHÚC SON    | LONG  | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 1.5  |          |
| 451                                    | 200451 | 022210006396 | VŨ BẢO           | LONG  | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 452                                    | 200452 | 022210009525 | VŨ HẢI           | LONG  | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.5  |          |
| 453                                    | 200453 | 022210004202 | VŨ THÀNH         | LONG  | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.75 |          |
| 454                                    | 200454 | 022210004873 | ĐÀO ĐỨC          | LỘC   | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 5.75 |          |
| 455                                    | 200455 | 022210004621 | VŨ HỮU GIA       | LỘC   | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 8.0  |          |
| 456                                    | 200456 | 022210001819 | LÊ ĐỨC           | LƯƠNG | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 6.5  |          |
| 457                                    | 200457 | 022310011272 | LÊ THỊ           | LƯƠNG | 11/02/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.25 |          |
| 458                                    | 200458 | 022310007086 | NGÔ THỊ HOA      | LY    | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 3.5  |          |
| 459                                    | 200459 | 031310000228 | NGUYỄN KHÁNH     | LY    | 20/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.25 |          |
| 460                                    | 200460 | 036310009731 | PHẠM THỊ KHÁNH   | LY    | 23/03/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 461                                    | 200461 | 022310011164 | TRẦN NGỌC        | LY    | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 5.75 |          |
| 462                                    | 200462 | 022310007205 | VŨ KHÁNH         | LY    | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.5  |          |
| 463                                    | 200463 | 030310014987 | NGUYỄN THỊ NHẬT  | MAI   | 13/07/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 464                                    | 200464 | 022310011584 | NGUYỄN XUÂN      | MAI   | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.25 |          |
| 465                                    | 200465 | 024310000981 | PHÙNG THỊ THANH  | MAI   | 07/03/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.25 |          |
| 466                                    | 200466 | 022310003318 | TRẦN TRÚC        | MAI   | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 2.75         | 6.4   | 5.75 |          |
| 467                                    | 200467 | 022210001815 | NGÔ TIẾN         | MẠNH  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 4.75 |          |
| 468                                    | 200468 | 022310004620 | NGUYỄN THU       | MÂY   | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.25 |          |
| 469                                    | 200469 | 022310000955 | BÙI HÀ           | MINH  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.25 |          |
| 470                                    | 200470 | 022210011934 | ĐÀO CÔNG         | MINH  | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 471                                    | 200471 | 022210000041 | ĐOÀN TUẤN        | MINH  | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.0          | 7.6   | 3.25 |          |
| 472                                    | 200472 | 022210001693 | HOÀNG NHẬT       | MINH  | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 5.25 |          |
| 473                                    | 200473 | 022210005775 | LÊ QUANG         | MINH  | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 8.25 |          |
| 474                                    | 200474 | 034210004343 | LƯU NGUYỄN QUANG | MINH  | 06/09/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 475                                    | 200475 | 022210002967 | LÝ HOÀNG NHẬT    | MINH  | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.0          | 6.2   | 2.75 |          |
| 476                                    | 200476 | 027210000864 | NGHIÊM QUANG     | MINH  | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 7.25 |          |
| 477                                    | 200477 | 022210005912 | NGUYỄN ĐỨC       | MINH  | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 6.25 |          |
| 478                                    | 200478 | 022210000259 | NGUYỄN ĐỨC       | MINH  | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 479                                    | 200479 | 022210003159 | NGUYỄN HOÀNG     | MINH  | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 480                                    | 200480 | 022210008813 | NGUYỄN HUY       | MINH  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 7.25 |          |
| 481                                    | 200481 | 022310011437 | NGUYỄN KHAI      | MINH  | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 482                                    | 200482 | 022210008613 | NGUYỄN QUANG     | MINH  | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.8   | 8.0  |          |
| 483                                    | 200483 | 022210011411 | NGUYỄN TUẤN      | MINH  | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.8   | 8.25 |          |
| 484                                    | 200484 | 031210012280 | NGUYỄN TUẤN      | MINH  | 02/08/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.75 |          |
| 485                                    | 200485 | 022210011315 | NGUYỄN TUẤN      | MINH  | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.0  |          |
| 486                                    | 200486 | 022310005561 | NGUYỄN TUỆ       | MINH  | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 6.5  |          |
| 487                                    | 200487 | 020210009366 | TÔ HOÀNG         | MINH  | 09/06/2010 | Lạng Sơn   | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.75 |          |
| 488                                    | 200488 | 022210007680 | TRẦN ANH         | MINH  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 6.5  |          |
| 489                                    | 200489 | 037210005472 | TRẦN QUANG       | MINH  | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.75 |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                 |      |            |             |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|-----------------|------|------------|-------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |      | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                 |      |            |             |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 490                                    | 200490 | 022210005522 | TRẦN TUẤN       | MINH | 05/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 6.75 |          |
| 491                                    | 200491 | 030210007618 | TRẦN VŨ ĐỨC     | MINH | 18/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 7.5  |          |
| 492                                    | 200492 | 022210011461 | VŨ BẢO          | MINH | 13/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 493                                    | 200493 | 022210009166 | VŨ ĐỨC          | MINH | 20/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.75 |          |
| 494                                    | 200494 | 019310006636 | ĐỖ TRÀ          | MY   | 23/11/2010 | Thái Nguyên | Nữ        | Tây              | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 8.0  |          |
| 495                                    | 200495 | 022310005914 | HOÀNG BẢO       | MY   | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 3.75 |          |
| 496                                    | 200496 | 022310002720 | HOÀNG DIỆU      | MY   | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 4.75 |          |
| 497                                    | 200497 | 022310000147 | MAI TRÀ         | MY   | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.5  |          |
| 498                                    | 200498 | 022310010633 | NGUYỄN HÀ       | MY   | 30/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.0  |          |
| 499                                    | 200499 | 022310007526 | TRẦN TRÀ        | MY   | 17/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 6.5  |          |
| 500                                    | 200500 | 022310008306 | NGUYỄN THỊ NGỌC | MỸ   | 13/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |          |
| 501                                    | 200501 | 022210010417 | BÙI HẢI         | NAM  | 04/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 3.5  |          |
| 502                                    | 200502 | 022210010497 | BÙI HẢI         | NAM  | 08/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.5          | 9.0   | 8.75 |          |
| 503                                    | 200503 | 034210000022 | HÀ VĂN          | NAM  | 20/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 3.0  |          |
| 504                                    | 200504 | 022210005089 | HOÀNG BẢO       | NAM  | 01/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 505                                    | 200505 | 022210011017 | HOÀNG HẢI       | NAM  | 12/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.25         | 9.6   | 8.0  |          |
| 506                                    | 200506 | 022210006802 | LÊ HẢI          | NAM  | 26/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 507                                    | 200507 | 022210007384 | NGUYỄN ĐỨC      | NAM  | 05/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 8.0  |          |
| 508                                    | 200508 | 022210001165 | NGUYỄN HOÀNG    | NAM  | 25/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.75 |          |
| 509                                    | 200509 | 022210003827 | NGUYỄN HOÀNG    | NAM  | 08/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 6.75 |          |
| 510                                    | 200510 | 022210004555 | NGUYỄN HỮU HẢI  | NAM  | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 511                                    | 200511 | 022210008619 | NGUYỄN VŨ NHẬT  | NAM  | 08/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 4.25 |          |
| 512                                    | 200512 | 022210009042 | PHẠM HẢI        | NAM  | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.5  |          |
| 513                                    | 200513 | 022210008491 | TÔ HẢI          | NAM  | 15/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.0  |          |
| 514                                    | 200514 | 022210010840 | TRẦN BẢO        | NAM  | 20/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.25 |          |
| 515                                    | 200515 | 022210010024 | VŨ HOÀNG        | NAM  | 13/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 9.0  |          |
| 516                                    | 200516 | 022210006674 | VŨ PHẠM BẢO     | NAM  | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 4.0  |          |
| 517                                    | 200517 | 022210005798 | VŨ THÀNH        | NAM  | 25/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 5.5  |          |
| 518                                    | 200518 | 022310008318 | NGUYỄN THÚY     | NGA  | 04/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 519                                    | 200519 | 022310008800 | PHẠM LÊ PHƯƠNG  | NGA  | 30/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 6.75 |          |
| 520                                    | 200520 | 022310011502 | TRẦN PHƯƠNG     | NGA  | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.5  |          |
| 521                                    | 200521 | 022310010876 | VŨ THỊ QUỲNH    | NGA  | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.25 |          |
| 522                                    | 200522 | 022310006793 | ĐỖ KHÁNH        | NGÂN | 01/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 6.75 |          |
| 523                                    | 200523 | 022310003297 | HOÀNG PHƯƠNG    | NGÂN | 01/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 6.25 |          |
| 524                                    | 200524 | 022310011897 | NGUYỄN BẢO      | NGÂN | 18/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.75 |          |
| 525                                    | 200525 | 022310000267 | NGUYỄN HÀ       | NGÂN | 04/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.5  |          |
| 526                                    | 200526 | 022310007063 | NGUYỄN PHẠM THU | NGÂN | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 4.75 |          |
| 527                                    | 200527 | 031310010496 | PHẠM THANH      | NGÂN | 17/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 7.75 |          |
| 528                                    | 200528 | 022310009479 | TRẦN HẠNH       | NGÂN | 08/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 8.5  |          |
| 529                                    | 200529 | 022310011987 | TRẦN THANH      | NGÂN | 22/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.0  |          |
| 530                                    | 200530 | 022310002564 | VŨ HOÀNG BẢO    | NGÂN | 25/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 5.5  |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                   |           |            |                      |                  |             |                           |              |       |      |         |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|----------------------|------------------|-------------|---------------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính            | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                 | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|                                        |        |              |                   |           |            |                      |                  |             |                           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 531                                    | 200531 | 022310011692 | VŨ THU            | NGÂN      | 22/02/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.4  | 8.0     |          |
| 532                                    | 200532 | 022310009907 | BÙI BÍCH          | NGỌC      | 03/01/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 8.0   | 8.4  | 8.0     |          |
| 533                                    | 200533 | 022310007085 | ĐỖ ĐÀO BẢO        | NGỌC      | 01/10/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 7.5   | 7.8  | 5.0     |          |
| 534                                    | 200534 | 022310011072 | GIANG BẢO         | NGỌC      | 25/03/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 8.5   | 7.2  | 6.25    |          |
| 535                                    | 200535 | 022310002654 | HOÀNG BẢO         | NGỌC      | 09/07/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 8.25  | 8.0  | 5.25    |          |
| 536                                    | 200536 | 022210001017 | HOÀNG MINH        | NGỌC      | 03/03/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.0   | 7.6  | 4.25    |          |
| 537                                    | 200537 | 022310010616 | HỒ BẢO            | NGỌC      | 24/12/2010 | Hải Phòng            | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 8.0   | 8.8  | 8.0     |          |
| 538                                    | 200538 | 022310009460 | KIM BẢO           | NGỌC      | 10/01/2010 | Bệnh viện nước Yemen | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.4  | 5.25    |          |
| 539                                    | 200539 | 022310008239 | MAI HỒNG          | NGỌC      | 01/02/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 8.0   | 9.6  | 8.25    |          |
| 540                                    | 200540 | 022310005938 | NGUYỄN BẢO        | NGỌC      | 11/05/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 7.25  | 7.2  | 7.25    |          |
| 541                                    | 200541 | 022310004003 | NGUYỄN BẢO        | NGỌC      | 24/10/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 6.75  | 9.0  | 7.75    |          |
| 542                                    | 200542 | 022310009021 | NGUYỄN HỒNG       | NGỌC      | 21/01/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.4  | 6.5     |          |
| 543                                    | 200543 | 022310004205 | NGUYỄN KHÁNH      | NGỌC      | 04/08/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.5   | 8.2  | 7.5     |          |
| 544                                    | 200544 | 022310004513 | NGUYỄN NHƯ        | NGỌC      | 10/04/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 6.75  | 3.6  | 7.25    |          |
| 545                                    | 200545 | 022310000520 | NGUYỄN PHƯƠNG BẢO | NGỌC      | 05/05/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.5   | 5.0  | 5.75    |          |
| 546                                    | 200546 | 022310000780 | NGUYỄN THỊ BÍCH   | NGỌC      | 09/12/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 7.25  | 7.0  | 7.25    |          |
| 547                                    | 200547 | 022310008923 | NGUYỄN THỊ KHÁNH  | NGỌC      | 15/12/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.2  | 5.75    |          |
| 548                                    | 200548 | 022310001184 | PHẠM HỒNG         | NGỌC      | 04/12/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 3.75  | 5.2  | 2.0     |          |
| 549                                    | 200549 | 034310010583 | PHẠM THỊ BẢO      | NGỌC      | 07/08/2010 | Thái Bình            | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 8.25  | 8.6  | 8.5     |          |
| 550                                    | 200550 | 022310011709 | PHÙNG THANH       | NGỌC      | 27/06/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.4  | 6.5     |          |
| 551                                    | 200551 | 022310011827 | TRẦN KHÁNH        | NGỌC      | 08/08/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh    | 4.25  | 5.2  | 5.25    |          |
| 552                                    | 200552 | 022310000144 | VŨ ÁNH            | NGỌC      | 28/01/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh    | 8.25  | 9.2  | 9.0     |          |
| 553                                    | 200553 | 022310005958 | VŨ BÙI MINH       | NGỌC      | 16/02/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 8.25  | 6.8  | 8.5     |          |
| 554                                    | 200554 | 022310010334 | VŨ MINH           | NGỌC      | 29/05/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 7.5   | 7.6  | 7.25    |          |
| 555                                    | 200555 | 022210006928 | ĐINH ĐỨC          | NGUYỄN    | 16/11/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 5.0   | 6.0  | 5.25    |          |
| 556                                    | 200556 | 056210006602 | ĐOÀN KHÔI         | NGUYỄN    | 25/11/2010 | Khánh Hòa            | Nam              |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.4  | 9.0     |          |
| 557                                    | 200557 | 022210001235 | HOÀNG KHÔI        | NGUYỄN    | 29/12/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.4  | 8.5     |          |
| 558                                    | 200558 | 024210002830 | NGUYỄN ĐỨC        | NGUYỄN    | 20/03/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 6.5   | 8.2  | 8.5     |          |
| 559                                    | 200559 | 022210000299 | NGUYỄN ĐỨC        | NGUYỄN    | 29/01/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 4.75  | 5.8  | 8.0     |          |
| 560                                    | 200560 | 022210001316 | NGUYỄN KHÔI       | NGUYỄN    | 09/12/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 6.0   | 9.6  | 8.0     |          |
| 561                                    | 200561 | 034210005170 | PHẠM KHÔI         | NGUYỄN    | 08/11/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 6.0   | 9.0  | 8.25    |          |
| 562                                    | 200562 | 022310008008 | PHÍ THỊ THẢO      | NGUYỄN    | 05/12/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 7.25  | 9.0  | 5.5     |          |
| 563                                    | 200563 | 022210009511 | QUÁCH HOÀNG       | NGUYỄN    | 07/07/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 5.0   | 9.6  | 7.25    |          |
| 564                                    | 200564 | 022310002231 | HÀ MINH           | NGUYỆT    | 14/06/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 8.0   | 8.2  | 7.25    |          |
| 565                                    | 200565 | 022310003688 | ĐỖ XUÂN           | NHÂN      | 27/03/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 7.75  | 8.6  | 8.0     |          |
| 566                                    | 200566 | 022210012160 | NGUYỄN TRÍ        | NHÂN      | 21/02/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 7.0   | 8.8  | 7.75    |          |
| 567                                    | 200567 | 022210008943 | HOÀNG MINH        | NHẬT      | 28/01/2010 | Quảng Ninh           | Nam              |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 568                                    | 200568 | 022310002873 | BÙI GIA           | NHI       | 26/04/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.8  | 6.25    |          |
| 569                                    | 200569 | 031310009596 | ĐINH MINH TUỆ     | NHI       | 15/04/2010 | Hải Phòng            | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.75  | 7.2  | 3.25    |          |
| 570                                    | 200570 | 022310004792 | ĐOÀN NGỌC BAO     | NHI       | 09/05/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh    | 7.25  | 3.8  | 6.25    |          |
| 571                                    | 200571 | 022310000957 | HOÀNG YẾN         | NHI       | 29/08/2010 | Quảng Ninh           | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 6.5   | 5.2  | 5.75    |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 572                                    | 200572 | 022310011606 | LÊ ĐÔNG          | NHI   | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.75 |          |
| 573                                    | 200573 | 022310011853 | LÊ MAI PHƯƠNG    | NHI   | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 574                                    | 200574 | 022310001242 | LÊ THẢO          | NHI   | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.5  |          |
| 575                                    | 200575 | 038310011811 | LÊ THỊ NGỌC      | NHI   | 21/09/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 576                                    | 200576 | 022310002674 | LÊ TUYẾT         | NHI   | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 8.4   | 6.75 |          |
| 577                                    | 200577 | 022310009356 | LÊ YẾN           | NHI   | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 7.25 |          |
| 578                                    | 200578 | 027310009635 | MAI NGỌC         | NHI   | 27/07/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 7.0  |          |
| 579                                    | 200579 | 022310004937 | NGUYỄN GIA       | NHI   | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.5  |          |
| 580                                    | 200580 | 022310011252 | NGUYỄN THẢO      | NHI   | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.25 |          |
| 581                                    | 200581 | 022310004264 | NGUYỄN YẾN       | NHI   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.0  |          |
| 582                                    | 200582 | 022310010849 | NGUYỄN YẾN       | NHI   | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 6.6   | 6.0  |          |
| 583                                    | 200583 | 022310007605 | NGUYỄN YẾN       | NHI   | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 2.5  |          |
| 584                                    | 200584 | 031310003186 | PHẠM KHÁNH       | NHI   | 14/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 4.5  |          |
| 585                                    | 200585 | 022310009106 | PHẠM TUỆ         | NHI   | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.75 |          |
| 586                                    | 200586 | 022310012623 | PHẠM YẾN         | NHI   | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 6.5  |          |
| 587                                    | 200587 | 022310001815 | TRẦN HIỀN        | NHI   | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.25 |          |
| 588                                    | 200588 | 022310006745 | ĐẶNG THỊ TUYẾT   | NHUNG | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.25 |          |
| 589                                    | 200589 | 022310011959 | NGUYỄN THỊ       | NHUNG | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.25 |          |
| 590                                    | 200590 | 022310001283 | PHẠM TRANG       | NHUNG | 03/09/2010 | Sơn La     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 6.0   | 5.75 |          |
| 591                                    | 200591 | 022310003983 | TỔNG THỊ HỒNG    | NHUNG | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 6.25 |          |
| 592                                    | 200592 | 022310008246 | CAO GIA          | NHƯ   | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 5.25 |          |
| 593                                    | 200593 | 022310008157 | LÃ HIỀN          | NHƯ   | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 7.5  |          |
| 594                                    | 200594 | 022310008891 | NGUYỄN NGỌC GIA  | NHƯ   | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 1.5  |          |
| 595                                    | 200595 | 022310001391 | TRẦN NGỌC BẢO    | NHƯ   | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.25         | 8.0   | 7.75 |          |
| 596                                    | 200596 | 022310012740 | VŨ MAI PHƯƠNG    | NHƯ   | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 8.75         | 7.6   | 5.75 |          |
| 597                                    | 200597 | 030210007170 | NGUYỄN ĐỨC TUẤN  | NINH  | 11/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 598                                    | 200598 | 036310006648 | NGUYỄN KHÁNH     | NINH  | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 6.75 |          |
| 599                                    | 200599 | 022210010738 | PHẠM HẢI         | NINH  | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 7.25 |          |
| 600                                    | 200600 | 022310008639 | PHẠM THUY        | NINH  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 3.5  |          |
| 601                                    | 200601 | 022310010371 | ĐINH THỊ KIM     | OANH  | 10/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 7.5  |          |
| 602                                    | 200602 | 033210014248 | ĐỖ ĐÌNH          | PHÁT  | 10/01/2010 | Hung Yên   | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 7.0  |          |
| 603                                    | 200603 | 022210002374 | ĐÀO VŨ           | PHONG | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.25 |          |
| 604                                    | 200604 | 022210012067 | NGUYỄN DUY       | PHONG | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 8.25 |          |
| 605                                    | 200605 | 022210003246 | NGUYỄN ĐÌNH      | PHONG | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 8.25 |          |
| 606                                    | 200606 | 022210008173 | NGUYỄN NHƯ HOÀNG | PHONG | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.0  |          |
| 607                                    | 200607 | 022210010441 | PHÙNG THANH      | PHONG | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.5          | 8.2   | 6.0  |          |
| 608                                    | 200608 | 022210009137 | TRỊNH TÙNG       | PHONG | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 6.75 |          |
| 609                                    | 200609 | 024210000682 | VŨ BẢO           | PHONG | 20/06/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 610                                    | 200610 | 022210007775 | VŨ DUY           | PHONG | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.0  |          |
| 611                                    | 200611 | 022210003913 | VŨ HOÀNG         | PHONG | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 612                                    | 200612 | 022210005184 | ĐÀM VĨNH         | PHÚ   | 30/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.0  |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 613                                    | 200613 | 022210006008 | ĐINH QUANG       | PHÚ    | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 8.0  |         |
| 614                                    | 200614 | 022210001880 | ĐỖ NGUYỄN        | PHÚ    | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 2.5  |         |
| 615                                    | 200615 | 022210004891 | NGUYỄN TRẦN      | PHÚ    | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 4.75 |         |
| 616                                    | 200616 | 022310001388 | ĐINH THANH       | PHÚC   | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.25 |         |
| 617                                    | 200617 | 030210016236 | ĐỖ ĐỨC           | PHÚC   | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.25 |         |
| 618                                    | 200618 | 022210006597 | HÀ TRẦN          | PHÚC   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 9.8   | 8.0  |         |
| 619                                    | 200619 | 022210003164 | LƯƠNG NGỌC       | PHÚC   | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 4.5  |         |
| 620                                    | 200620 | 022210009239 | NGUYỄN HỮU       | PHÚC   | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 6.5  |         |
| 621                                    | 200621 | 022210006711 | NGUYỄN TRƯỜNG    | PHÚC   | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.0  |         |
| 622                                    | 200622 | 022210011850 | PHẠM THANH       | PHÚC   | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 7.5  |         |
| 623                                    | 200623 | 022210003976 | BÙI KHÁNH        | PHƯƠNG | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 3.75 |         |
| 624                                    | 200624 | 022310002205 | BÙI THU          | PHƯƠNG | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 7.5  |         |
| 625                                    | 200625 | 022310001352 | CAO MINH         | PHƯƠNG | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.5  |         |
| 626                                    | 200626 | 022310008201 | ĐÀO KHÁNH        | PHƯƠNG | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 7.25 |         |
| 627                                    | 200627 | 022310012074 | ĐẶNG THỊ MAI     | PHƯƠNG | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.0  |         |
| 628                                    | 200628 | 022310011173 | ĐINH HÀ          | PHƯƠNG | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 8.25 |         |
| 629                                    | 200629 | 034310010195 | ĐỖ MINH          | PHƯƠNG | 09/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 7.4   | 7.25 |         |
| 630                                    | 200630 | 022310008212 | NGUYỄN LÊ HÀ     | PHƯƠNG | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.25 |         |
| 631                                    | 200631 | 022310007988 | NGUYỄN MINH      | PHƯƠNG | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 6.5  |         |
| 632                                    | 200632 | 022310009227 | NGUYỄN THỦY      | PHƯƠNG | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.25 |         |
| 633                                    | 200633 | 022310005094 | NGUYỄN TIẾN MINH | PHƯƠNG | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 6.75 |         |
| 634                                    | 200634 | 022310000997 | NGUYỄN YẾN       | PHƯƠNG | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 5.75 |         |
| 635                                    | 200635 | 022310008852 | TRẦN MAI         | PHƯƠNG | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 4.0          | 7.0   | 6.0  |         |
| 636                                    | 200636 | 022210003543 | TRẦN THANH       | PHƯƠNG | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.5          | 9.0   | 8.0  |         |
| 637                                    | 200637 | 022210007325 | NGUYỄN CÔNG      | PHƯƠNG | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 6.0  |         |
| 638                                    | 200638 | 022210004153 | LƯƠNG THIÊN      | QUANG  | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.0          | 8.4   | 4.0  |         |
| 639                                    | 200639 | 022210002958 | NGUYỄN DUY       | QUANG  | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 6.75 |         |
| 640                                    | 200640 | 022210009176 | QUYỀN TUẤN       | QUANG  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.5  |         |
| 641                                    | 200641 | 022210008514 | TÔ NGUYỄN        | QUANG  | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.25 |         |
| 642                                    | 200642 | 022210006339 | TRẦN MINH        | QUANG  | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 4.0  |         |
| 643                                    | 200643 | 022210001542 | VƯƠNG TRÍ        | QUANG  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.0  |         |
| 644                                    | 200644 | 022210003012 | LƯƠNG HÀ         | QUÂN   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 6.25 |         |
| 645                                    | 200645 | 022210004657 | NGUYỄN HOÀNG     | QUÂN   | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.25 |         |
| 646                                    | 200646 | 022210004755 | NGUYỄN HOÀNG ANH | QUÂN   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 7.0  |         |
| 647                                    | 200647 | 022210006532 | PHẠM TÙNG        | QUÂN   | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 9.2   | 7.5  |         |
| 648                                    | 200648 | 022210003400 | TRẦN ĐỨC         | QUÂN   | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 4.25 |         |
| 649                                    | 200649 | 022310006907 | ĐỖ HỒNG          | QUYÊN  | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.75         | 9.8   | 8.0  |         |
| 650                                    | 200650 | 022310005900 | ĐẶNG THỊ DIỄM    | QUỲNH  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 5.0  |         |
| 651                                    | 200651 | 022310002862 | NGUYỄN HƯƠNG     | QUỲNH  | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.5          | 9.8   | 7.25 |         |
| 652                                    | 200652 | 022310003730 | NGUYỄN NHƯ       | QUỲNH  | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 6.5  |         |
| 653                                    | 200653 | 022310004078 | TRẦN SAN         | SAN    | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.5  |         |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                        |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 654                                    | 200654 | 034210003179 | NGÔ QUANG         | SÁNG  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 655                                    | 200655 | 034210012234 | NGUYỄN HỮU        | SÁNG  | 29/06/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.25 |          |
| 656                                    | 200656 | 036210012797 | VŨ VĂN            | SÁNG  | 11/01/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 8.5  |          |
| 657                                    | 200657 | 022210012198 | ĐÀO MINH          | SƠN   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 5.75 |          |
| 658                                    | 200658 | 022210006529 | ĐẶNG THÁI         | SƠN   | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 6.25 |          |
| 659                                    | 200659 | 022210009888 | ĐẶNG THÁI         | SƠN   | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 6.75 |          |
| 660                                    | 200660 | 022210011234 | NGUYỄN MINH       | SƠN   | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 5.75 |          |
| 661                                    | 200661 | 022210010059 | NGUYỄN TUẤN HOÀNG | SƠN   | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.25 |          |
| 662                                    | 200662 | 022210007700 | TRẦN THANH        | SƠN   | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 6.25 |          |
| 663                                    | 200663 | 022210006431 | TRẦN THANH        | SƠN   | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 9.0  |          |
| 664                                    | 200664 | 022310012610 | CAO THỊ           | TÂM   | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 6.25 |          |
| 665                                    | 200665 | 022310003836 | HÀ MINH           | TÂM   | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 666                                    | 200666 | 022210000235 | LÊ TRẦN           | TÂM   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.0  |          |
| 667                                    | 200667 | 038310025990 | NGUYỄN THỊ        | TÂM   | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.25 |          |
| 668                                    | 200668 | 022310008562 | NGUYỄN THỊ MINH   | TÂM   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 6.75 |          |
| 669                                    | 200669 | 022210004112 | ĐINH TRỌNG        | TẤN   | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.75 |          |
| 670                                    | 200670 | 022210013229 | NGUYỄN HỒNG       | THÁI  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |          |
| 671                                    | 200671 | 022310008402 | CHU ĐAN           | THANH | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 9.0  |          |
| 672                                    | 200672 | 034310000142 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THANH | 07/07/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.75 |          |
| 673                                    | 200673 | 022210009269 | TRƯƠNG HOÀNG      | THANH | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 4.75 |          |
| 674                                    | 200674 | 022210010297 | ĐẶNG ĐỨC LONG     | THÀNH | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 7.5  |          |
| 675                                    | 200675 | 022210003362 | KHÔNG TIẾN        | THÀNH | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 7.0   | 4.75 |          |
| 676                                    | 200676 | 022210002361 | LÊ TRÍ            | THÀNH | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 8.0  |          |
| 677                                    | 200677 | 022210006210 | NGUYỄN ĐẠT        | THÀNH | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 5.5  |          |
| 678                                    | 200678 | 022210003573 | NGUYỄN TIẾN       | THÀNH | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 2.75 |          |
| 679                                    | 200679 | 022210010169 | PHẠM TUẤN         | THÀNH | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 6.0  |          |
| 680                                    | 200680 | 022210005248 | VŨ VĂN            | THÀNH | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.75 |          |
| 681                                    | 200681 | 034310008708 | DƯƠNG THỊ PHƯƠNG  | THẢO  | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 682                                    | 200682 | 030310009924 | ĐẶNG THỊ          | THẢO  | 12/04/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.0  |          |
| 683                                    | 200683 | 034310014150 | ĐỖ PHƯƠNG         | THẢO  | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 3.5  |          |
| 684                                    | 200684 | 022310011464 | ĐỖ PHƯƠNG         | THẢO  | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.25 |          |
| 685                                    | 200685 | 022310009057 | LÊ THỊ PHƯƠNG     | THẢO  | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 6.75 |          |
| 686                                    | 200686 | 022310010001 | NGÔ PHƯƠNG        | THẢO  | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.25 |          |
| 687                                    | 200687 | 022310011641 | NGUYỄN DẠ         | THẢO  | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 7.5  |          |
| 688                                    | 200688 | 022310007631 | NGUYỄN HIỀN       | THẢO  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.75 |          |
| 689                                    | 200689 | 022310010804 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO  | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 690                                    | 200690 | 022310005227 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO  | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.25 |          |
| 691                                    | 200691 | 022310008793 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO  | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.75 |          |
| 692                                    | 200692 | 038310012791 | NGUYỄN THỊ        | THẢO  | 28/05/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 2.75 |          |
| 693                                    | 200693 | 022310010904 | NGUYỄN UYÊN       | THẢO  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 3.75 |          |
| 694                                    | 200694 | 036310016116 | PHẠM THỊ PHƯƠNG   | THẢO  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.0          | 8.0   | 6.5  |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 695                                    | 200695 | 022310011796 | TÔ PHƯƠNG       | THẢO  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 6.25 |         |
| 696                                    | 200696 | 022310001339 | TRẦN PHƯƠNG     | THẢO  | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 8.25 |         |
| 697                                    | 200697 | 022310008582 | TRẦN PHƯƠNG     | THẢO  | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 7.5  |         |
| 698                                    | 200698 | 022310006816 | TRẦN PHƯƠNG     | THẢO  | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.0  |         |
| 699                                    | 200699 | 022310006177 | VŨ THỊ          | THẢO  | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 8.0  |         |
| 700                                    | 200700 | 022310001354 | VŨ THỊ PHƯƠNG   | THẢO  | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.0  |         |
| 701                                    | 200701 | 022210005728 | NGUYỄN PHÚC     | THẮNG | 15/07/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.5  |         |
| 702                                    | 200702 | 022210005651 | PHAN ĐỨC        | THẮNG | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 8.0  |         |
| 703                                    | 200703 | 033310006581 | NGUYỄN KHÁNH    | THỊ   | 03/08/2010 | Hung Yên   | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.5  |         |
| 704                                    | 200704 | 022210005084 | NGUYỄN TRỌNG    | THIỆN | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.5          | 8.6   | 7.0  |         |
| 705                                    | 200705 | 022210002376 | NGUYỄN ĐỨC      | THIỆN | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 8.5  |         |
| 706                                    | 200706 | 022210004580 | TRẦN ĐỨC        | THIỆN | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 4.25 |         |
| 707                                    | 200707 | 022210006278 | NGUYỄN QUANG    | THỊNH | 15/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 5.75 |         |
| 708                                    | 200708 | 022210006350 | NGUYỄN DUY      | THÔNG | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.0  |         |
| 709                                    | 200709 | 022310010868 | ĐOÀN ANH        | THƠ   | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.25 |         |
| 710                                    | 200710 | 022310012594 | HÀ THỊ HOÀI     | THU   | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 4.25 |         |
| 711                                    | 200711 | 033310008804 | NGUYỄN THỊ HOÀI | THU   | 18/12/2010 | Hung Yên   | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 4.25 |         |
| 712                                    | 200712 | 036210013663 | NGUYỄN VĂN      | THUẬN | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 8.25 |         |
| 713                                    | 200713 | 022310011768 | CHU THỊ DIỄM    | THỦY  | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 7.25 |         |
| 714                                    | 200714 | 022310010253 | HOÀNG THU       | THỦY  | 19/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 5.5  |         |
| 715                                    | 200715 | 022310005544 | NGUYỄN MAI      | THỦY  | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 5.75 |         |
| 716                                    | 200716 | 022310002240 | BÙI THỊ PHƯƠNG  | THÚY  | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.75 |         |
| 717                                    | 200717 | 022310001197 | ĐỖ PHƯƠNG       | THÚY  | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 5.25 |         |
| 718                                    | 200718 | 022310001425 | ĐỖ ANH          | THỨ   | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 3.75 |         |
| 719                                    | 200719 | 022310011195 | HÀ MINH         | THỨ   | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 4.25 |         |
| 720                                    | 200720 | 022310001186 | HOÀNG ANH       | THỨ   | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.75 |         |
| 721                                    | 200721 | 022310011909 | LẠI VŨ ANH      | THỨ   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 7.25 |         |
| 722                                    | 200722 | 022310001727 | MAI ANH         | THỨ   | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 5.5          | 9.2   | 7.25 |         |
| 723                                    | 200723 | 022310002753 | NGUYỄN ANH      | THỨ   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 5.5  |         |
| 724                                    | 200724 | 022310000809 | NGUYỄN ANH      | THỨ   | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 4.25         | 7.8   | 7.0  |         |
| 725                                    | 200725 | 022310002977 | NGUYỄN MINH     | THỨ   | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 7.25 |         |
| 726                                    | 200726 | 022310000314 | NGUYỄN MINH     | THỨ   | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 7.5  |         |
| 727                                    | 200727 | 031310006294 | NGUYỄN MINH     | THỨ   | 17/04/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 8.8   | 6.75 |         |
| 728                                    | 200728 | 022310001975 | NGUYỄN PHẠM ANH | THỨ   | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 5.5  |         |
| 729                                    | 200729 | 022310003220 | NGUYỄN TRẦN ANH | THỨ   | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 8.0  |         |
| 730                                    | 200730 | 022310011203 | PHẠM MINH       | THỨ   | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.5  |         |
| 731                                    | 200731 | 022310009683 | TRẦN MAI        | THỨ   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.25 |         |
| 732                                    | 200732 | 022310006761 | TRẦN THỊ ANH    | THỨ   | 24/06/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 7.6   | 7.25 |         |
| 733                                    | 200733 | 022310000179 | TRỊNH VŨ ANH    | THỨ   | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 734                                    | 200734 | 022310000701 | VŨ MINH         | THỨ   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.25 |         |
| 735                                    | 200735 | 022310003347 | VŨ NGỌC MINH    | THỨ   | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 5.5  |         |



| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                   |           |            |            |                  |             |                           |              |       |      |         |          |
|----------------------------------------|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|---------------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                 | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|                                        |        |              |                   |           |            |            |                  |             |                           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 736                                    | 200736 | 030310002057 | LÊ THUY           | TIÊN      | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.2  | 8.0     |          |
| 737                                    | 200737 | 022310004617 | VŨ THUY           | TIÊN      | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 8.0   | 9.0  | 7.5     |          |
| 738                                    | 200738 | 022209013915 | LÊ MINH           | TIÊN      | 13/08/2009 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 739                                    | 200739 | 022210012569 | TRẦN VIỆT         | TIÊN      | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 5.5   | 9.6  | 8.5     |          |
| 740                                    | 200740 | 022310008454 | ĐỖ THANH          | TRÀ       | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 4.5   | 8.4  | 7.25    |          |
| 741                                    | 200741 | 022310009612 | CAO THUY          | TRANG     | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nam Hải              | Tiếng Anh    | 7.25  | 7.8  | 6.0     |          |
| 742                                    | 200742 | 038310013447 | LÊ PHƯƠNG         | TRANG     | 25/04/2010 | Thanh Hóa  | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 6.25  | 8.4  | 7.0     |          |
| 743                                    | 200743 | 022310010576 | NGUYỄN QUỲNH      | TRANG     | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.8  | 7.25    |          |
| 744                                    | 200744 | 022310003170 | NGUYỄN THỊ VÂN    | TRANG     | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 6.0   | 7.6  | 6.0     |          |
| 745                                    | 200745 | 030310015305 | NGUYỄN THU        | TRANG     | 19/01/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 7.25  | 6.4  | 7.5     |          |
| 746                                    | 200746 | 022310003302 | PHẠM THU          | TRANG     | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 6.25  | 7.6  | 7.5     |          |
| 747                                    | 200747 | 030310000264 | PHẠM THUY         | TRANG     | 16/08/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 6.5   | 9.2  | 7.25    |          |
| 748                                    | 200748 | 022310001491 | TRẦN LÊ QUỲNH     | TRANG     | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 5.25  | 8.4  | 8.0     |          |
| 749                                    | 200749 | 031310005511 | TRẦN NGUYỄN HUYỀN | TRANG     | 02/02/2010 | Hải Phòng  | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.75  | 7.6  | 8.0     |          |
| 750                                    | 200750 | 037310010339 | VŨ HUYỀN          | TRANG     | 21/03/2010 | Ninh Bình  | Nữ               |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.6  | 8.0     |          |
| 751                                    | 200751 | 022310008399 | VŨ HUYỀN          | TRANG     | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 6.0   | 7.2  | 6.75    |          |
| 752                                    | 200752 | 027310001838 | NGUYỄN BẢO        | TRÂM      | 21/12/2010 | Bắc Ninh   | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.6  | 8.0     |          |
| 753                                    | 200753 | 034310008744 | NGUYỄN BẢO        | TRÂM      | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 4.0   | 4.0  | 5.0     |          |
| 754                                    | 200754 | 022210005964 | LÊ HỮU            | TRÍ       | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 4.75  | 8.0  | 8.0     |          |
| 755                                    | 200755 | 022210004050 | NGUYỄN ĐỨC        | TRIỂN     | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 756                                    | 200756 | 034310011194 | PHẠM TRẦN KIỀU    | TRINH     | 11/02/2010 | Thái Bình  | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 6.25  | 7.2  | 7.5     |          |
| 757                                    | 200757 | 034310001443 | PHẠM TÚ           | TRINH     | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 7.0   | 9.0  | 8.5     |          |
| 758                                    | 200758 | 022310009391 | TÔ NGUYỆT         | TRINH     | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.8  | 8.0     |          |
| 759                                    | 200759 | 034310003007 | TRẦN THỊ KIỀU     | TRINH     | 08/07/2010 | Thái Bình  | Nữ               |             | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh    | 7.0   | 6.4  | 6.75    |          |
| 760                                    | 200760 | 033210011610 | PHAN PHÚ          | TRỌNG     | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Bình             | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.0  | 7.25    |          |
| 761                                    | 200761 | 022310002704 | NGUYỄN ĐÀO THANH  | TRÚC      | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.8  | 3.75    |          |
| 762                                    | 200762 | 022210011034 | BÙI MINH          | TRUNG     | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 7.0   | 4.4  | 7.0     |          |
| 763                                    | 200763 | 022210000187 | MẠC ĐÌNH          | TRUNG     | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.25  | 7.6  | 7.5     |          |
| 764                                    | 200764 | 022210013211 | NGUYỄN ĐỨC NHẬT   | TRUNG     | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.4  | 7.75    |          |
| 765                                    | 200765 | 022210003720 | NGUYỄN LÊ         | TRUNG     | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 4.0   | 7.6  | 6.0     |          |
| 766                                    | 200766 | 022210010263 | NGUYỄN MINH       | TRUNG     | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 6.5   | 8.8  | 8.5     |          |
| 767                                    | 200767 | 022210009339 | NGUYỄN THÀNH      | TRUNG     | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 5.5   | 6.8  | 8.0     |          |
| 768                                    | 200768 | 034210002861 | VŨ HOÀNG          | TRUNG     | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh    | 4.0   | 5.2  | 4.75    |          |
| 769                                    | 200769 | 027210006315 | NGUYỄN ĐỨC        | TRƯỜNG    | 01/06/2010 | Bắc Ninh   | Nam              |             | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.0  | 6.5     |          |
| 770                                    | 200770 | 022210008618 | VŨ MẠNH           | TRƯỜNG    | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh    | 6.0   | 8.8  | 7.75    |          |
| 771                                    | 200771 | 022310009455 | BÙI PHẠM CẨM      | TÚ        | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 6.75  | 7.4  | 6.75    |          |
| 772                                    | 200772 | 022210003610 | ĐÌNH NGỌC         | TÚ        | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 6.75  | 9.4  | 7.0     |          |
| 773                                    | 200773 | 022210007408 | ĐÌNH TUẤN         | TÚ        | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 6.25  | 8.8  | 8.5     |          |
| 774                                    | 200774 | 031310016084 | LÊ VŨ THANH       | TÚ        | 05/04/2010 | Hải Phòng  | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh    | 6.25  | 3.0  | 6.75    |          |
| 775                                    | 200775 | 022210006398 | NGUYỄN TUẤN       | TÚ        | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.0  | 6.75    |          |
| 776                                    | 200776 | 022210006162 | PHẠM THANH        | TÚ        | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh    | 7.25  | 9.0  | 8.0     |          |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                   |           |            |            |                  |             |                                           |              |       |      |         |  |
|----------------------------------------|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|-------------------------------------------|--------------|-------|------|---------|--|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                                 | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |  |
|                                        |        |              |                   |           |            |            |                  |             |                                           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |  |
| 777                                    | 200777 | 030310004237 | TẠ THỊ CẨM        | TÚ        | 23/09/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 7.25  | 9.4  | 7.75    |  |
| 778                                    | 200778 | 022310000152 | VŨ THỊ NGỌC       | TÚ        | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long                          | Tiếng Anh    | 7.5   | 9.2  | 8.25    |  |
| 779                                    | 200779 | 022210012014 | MAI ANH           | TUẤN      | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Thành                            | Tiếng Anh    | 7.0   | 7.0  | 3.75    |  |
| 780                                    | 200780 | 022210004984 | NGUYỄN MINH       | TUẤN      | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bái Tử Long                          | Tiếng Anh    | 6.5   | 8.0  | 6.75    |  |
| 781                                    | 200781 | 027210007769 | NGUYỄN QUỐC       | TUẤN      | 11/08/2010 | Bắc Ninh   | Nam              |             | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh    | 8.0   | 9.8  | 8.0     |  |
| 782                                    | 200782 | 022210004494 | NGUYỄN THANH      | TUẤN      | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Bình                             | Tiếng Anh    | 5.5   | 8.2  | 6.5     |  |
| 783                                    | 200783 | 022210009991 | PHẠM MINH         | TUẤN      | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh    | 5.5   | 6.6  | 6.25    |  |
| 784                                    | 200784 | 022210005482 | PHẠM THANH        | TUẤN      | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 5.75  | 5.0  | 4.75    |  |
| 785                                    | 200785 | 022210011977 | TRẦN QUỐC         | TUẤN      | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.4  | 5.25    |  |
| 786                                    | 200786 | 022210010082 | VŨƠNG MINH        | TUẤN      | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh    | 6.25  | 8.4  | 7.75    |  |
| 787                                    | 200787 | 022210006587 | LÊ MINH           | TUỆ       | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 5.5   | 8.2  | 7.75    |  |
| 788                                    | 200788 | 022210011095 | ĐỖ SƠN            | TÙNG      | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.6  | 6.75    |  |
| 789                                    | 200789 | 022210013182 | HỒ SỸ             | TÙNG      | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nam Hải                              | Tiếng Anh    | 7.0   | 7.8  | 8.0     |  |
| 790                                    | 200790 | 036210004673 | LÊ VĂN THANH      | TÙNG      | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nam Hải                              | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.4  | 5.0     |  |
| 791                                    | 200791 | 022210011290 | LƯU XUÂN          | TÙNG      | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Bình                             | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.8  | 6.75    |  |
| 792                                    | 200792 | 022210004641 | NGUYỄN HOÀNG      | TÙNG      | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.2  | 7.25    |  |
| 793                                    | 200793 | 022210001859 | PHẠM NGỌC         | TÙNG      | 03/02/2010 | Thái Bình  | Nam              |             | THCS Bái Tử Long                          | Tiếng Anh    | 6.75  | 9.6  | 7.0     |  |
| 794                                    | 200794 | 022210010524 | ĐOÀN QUANG        | TUYẾN     | 12/11/2010 | Nam Định   | Nam              |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.0  | 5.0     |  |
| 795                                    | 200795 | 022310011243 | VŨ NGỌC           | TUYẾN     | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 5.25  | 2.2  | 2.0     |  |
| 796                                    | 200796 | 022310005273 | VŨ ÁNH            | TUYẾT     | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành                            | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.6  | 4.5     |  |
| 797                                    | 200797 | 022210011702 | NGUYỄN HỒNG QUYÊN | UY        | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.4  | 7.5     |  |
| 798                                    | 200798 | 022310004631 | ĐINH PHƯƠNG       | UYÊN      | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nam Hải                              | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.6  | 6.5     |  |
| 799                                    | 200799 | 022310008335 | ĐỖ VŨ PHƯƠNG      | UYÊN      | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.4  | 6.5     |  |
| 800                                    | 200800 | 022310009968 | NGUYỄN HÀ         | UYÊN      | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh    | 7.5   | 7.4  | 8.0     |  |
| 801                                    | 200801 | 030310015790 | NGUYỄN THỊ NHÃ    | UYÊN      | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long                          | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.2  | 8.0     |  |
| 802                                    | 200802 | 022310000195 | NGUYỄN THỊ TỎ     | UYÊN      | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Chu Văn An                           | Tiếng Anh    | 6.5   | 5.6  | 4.75    |  |
| 803                                    | 200803 | 022310008964 | NGUYỄN THU        | UYÊN      | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 6.0   | 9.6  | 7.5     |  |
| 804                                    | 200804 | 031310007696 | PHẠM NHÃ          | UYÊN      | 10/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 6.5   | 9.2  | 8.5     |  |
| 805                                    | 200805 | 022310012671 | VŨ TÚ             | UYÊN      | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 6.0   | 5.6  | 4.5     |  |
| 806                                    | 200806 | 022210003149 | ĐẶNG ANH          | VĂN       | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bái Tử Long                          | Tiếng Anh    | 4.75  | 5.0  | 5.0     |  |
| 807                                    | 200807 | 022310012728 | ĐINH THỊ HẢI      | VĂN       | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Bình                             | Tiếng Anh    | 7.75  | 7.6  | 8.25    |  |
| 808                                    | 200808 | 022310012582 | NGUYỄN VŨ HÀ      | VĂN       | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành                            | Tiếng Anh    | 6.0   | 5.0  | 3.25    |  |
| 809                                    | 200809 | 022310002296 | VŨ HỒNG           | VĂN       | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Cẩm Thành                            | Tiếng Anh    | 7.75  | 5.0  | 5.5     |  |
| 810                                    | 200810 | 022310002919 | DƯƠNG YẾN         | VI        | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nam Hải                              | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.2  | 7.0     |  |
| 811                                    | 200811 | 022310005158 | ĐINH THỊ HÀ       | VI        | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bái Tử Long                          | Tiếng Anh    | 6.0   | 7.0  | 5.75    |  |
| 812                                    | 200812 | 034310006956 | LÊ THỊ TƯỜNG      | VI        | 31/10/2010 | Thái Bình  | Nữ               |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 7.5   | 6.4  | 7.25    |  |
| 813                                    | 200813 | 022210009384 | ĐÀO TIẾN          | VINH      | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Bình                             | Tiếng Anh    | 7.0   | 6.0  | 7.75    |  |
| 814                                    | 200814 | 022210006327 | HOÀNG CÔNG        | VINH      | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả                 | Tiếng Anh    | 5.75  | 8.6  | 8.0     |  |
| 815                                    | 200815 | 040210021348 | NGUYỄN ĐÌNH       | VINH      | 03/08/2010 | Nghệ An    | Nam              |             | THCS Bái Tử Long                          | Tiếng Anh    | 5.75  | 9.2  | 7.75    |  |
| 816                                    | 200816 | 022210010236 | NGUYỄN PHÚC TUẤN  | VINH      | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Cẩm Sơn                              | Tiếng Anh    | 6.25  | 7.4  | 7.5     |  |
| 817                                    | 200817 | 022210003270 | PHẠM LONG         | VŨ        | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh    | 5.0   | 4.6  | 3.75    |  |

| Đơn vị: Trường THPT Cẩm Phả (22000731) |        |              |                      |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |         |
|----------------------------------------|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                    | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                        |        |              |                      |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 818                                    | 200818 | 022210012564 | PHẠM NGUYỄN VŨ       | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 8.5  |         |
| 819                                    | 200819 | 034210016531 | TÔ MINH VŨ           | 30/03/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.5  |         |
| 820                                    | 200820 | 022210000086 | TRINH THIÊN VŨ       | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 6.5  |         |
| 821                                    | 200821 | 022210006292 | NGUYỄN ÍCH VƯƠNG     | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 8.8   | 8.5  |         |
| 822                                    | 200822 | 022310003687 | HOÀNG HÀ VY          | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 7.5  |         |
| 823                                    | 200823 | 022310010816 | HOÀNG YẾN VY         | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 7.25 |         |
| 824                                    | 200824 | 022310008196 | KHƯƠNG TUỜNG VY      | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Ngô Quyền - Cẩm Phả  | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 5.25 |         |
| 825                                    | 200825 | 022310011241 | LẠI KIỀU VY          | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 5.5  |         |
| 826                                    | 200826 | 022310005462 | NGUYỄN HÀ VY         | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 6.25 |         |
| 827                                    | 200827 | 022310003324 | NGUYỄN KHÁNH VY      | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 3.0  |         |
| 828                                    | 200828 | 022310010474 | NGUYỄN NGỌC HÀ VY    | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 6.0  |         |
| 829                                    | 200829 | 022310008018 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH VY | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 8.8   | 7.75 |         |
| 830                                    | 200830 | 022310001021 | PHẠM HÀ VY           | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.25 |         |
| 831                                    | 200831 | 034310012555 | PHẠM MINH VY         | 06/11/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.75 |         |
| 832                                    | 200832 | 022310009187 | TÔ VŨ PHƯƠNG VY      | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 7.25 |         |
| 833                                    | 200833 | 022310003958 | TỔNG KHÁNH VY        | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 3.75 |         |
| 834                                    | 200834 | 022310004544 | TRINH TUỜNG VY       | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.5  |         |
| 835                                    | 200835 | 022310004956 | ĐOÀN VŨ VI Ý         | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.5  |         |
| 836                                    | 200836 | 022310002794 | NGÔ HOÀI NHƯ Ý       | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 837                                    | 200837 | 022310004170 | NGUYỄN HẢI YẾN       | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Thành            | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.25 |         |
| 838                                    | 200838 | 027310001195 | NGUYỄN HẢI YẾN       | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.5  |         |
| 839                                    | 200839 | 022310011803 | PHẠM HOÀNG YẾN       | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 5.75 |         |
| 840                                    | 200840 | 034310008549 | TRẦN PHẠM HẢI YẾN    | 14/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.75         | 9.4   | 7.5  |         |

(Danh sách này gồm có 840 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 210001 | 022310011861 | ĐOÀN THÁI AN          | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 8.25         | 6.2   | 5.75 |         |
| 2   | 210002 | 022310011394 | ĐỖ THỊ MỸ AN          | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.75 |         |
| 3   | 210003 | 001310052371 | NGUYỄN THỊ NGỌC AN    | 30/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 6.5  |         |
| 4   | 210004 | 034310008478 | PHẠM KHÁNH AN         | 01/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.25 |         |
| 5   | 210005 | 022210011639 | PHÙNG THẾ AN          | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 5.8   | 3.0  |         |
| 6   | 210006 | 022310011937 | TỔNG BÌNH AN          | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 2.0  |         |
| 7   | 210007 | 031310002406 | VŨ THÚY AN            | 03/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.75 |         |
| 8   | 210008 | 022310004692 | BUI NGOC ANH          | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 7.5  |         |
| 9   | 210009 | 022210013236 | DƯƠNG QUANG ANH       | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.25 |         |
| 10  | 210010 | 022310001933 | ĐẶNG LÂM ANH          | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.75 |         |
| 11  | 210011 | 022210008963 | ĐINH NGUYỄN HOÀNG ANH | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 4.5  |         |
| 12  | 210012 | 033210013595 | ĐỖ NGUYỄN ĐỨC ANH     | 24/11/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 3.0  |         |
| 13  | 210013 | 034210007601 | HÀ QUỐC ANH           | 29/09/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 8.75 |         |
| 14  | 210014 | 022310006708 | HOÀNG NGOC ANH        | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 5.0  |         |
| 15  | 210015 | 034310000521 | HOÀNG PHƯƠNG ANH      | 15/04/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.5  |         |
| 16  | 210016 | 022310004951 | LÊ THỊ QUỲNH ANH      | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 4.5  |         |
| 17  | 210017 | 022210006064 | LỘ TUẤN ANH           | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 4.75 |         |
| 18  | 210018 | 022310008039 | MAC THỊ THẢO ANH      | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 3.75         | 7.6   | 3.5  |         |
| 19  | 210019 | 022310001978 | NGUYỄN HẰNG ANH       | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.25 |         |
| 20  | 210020 | 022310005591 | NGUYỄN HỒNG ANH       | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.5  |         |
| 21  | 210021 | 022210003606 | NGUYỄN KỶ ANH         | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 8.0  |         |
| 22  | 210022 | 034310001692 | NGUYỄN LÊ NGOC ANH    | 17/05/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.5  |         |
| 23  | 210023 | 022310006404 | NGUYỄN NGOC ANH       | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 1.5  |         |
| 24  | 210024 | 027310002218 | NGUYỄN NGOC ANH       | 04/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 4.25 |         |
| 25  | 210025 | 022310004578 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 5.25 |         |
| 26  | 210026 | 022310004733 | NGUYỄN TÀI ANH        | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 7.5  |         |
| 27  | 210027 | 022310003892 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH  | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.0  |         |
| 28  | 210028 | 022310007620 | NGUYỄN THÙY ANH       | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 4.5  |         |
| 29  | 210029 | 022210008428 | NGUYỄN VIỆT ANH       | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 1.75 |         |
| 30  | 210030 | 040210003782 | PHẠM ĐỨC HOÀNG ANH    | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 6.25 |         |
| 31  | 210031 | 036210001799 | PHẠM VIỆT ANH         | 25/09/2010 | Lào Cai    | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 5.25 |         |
| 32  | 210032 | 022310005710 | TA QUỲNH ANH          | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.0  |         |
| 33  | 210033 | 040310021041 | TRẦN THỊ VÂN ANH      | 18/09/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 7.0  |         |
| 34  | 210034 | 022210004428 | TRẦN TUẤN ANH         | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 5.75 |         |
| 35  | 210035 | 022310011110 | TRẦN VŨ HÀ ANH        | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn              | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 7.0  |         |
| 36  | 210036 | 022310006601 | VI THỊ PHƯƠNG ANH     | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 37  | 210037 | 022310006281 | VŨ HẢI ANH            | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.5  |         |
| 38  | 210038 | 022310008497 | VŨ NGOC ANH           | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 6.25 |         |
| 39  | 210039 | 022310005078 | VŨ TRẦN BẢO ANH       | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 2.5  |         |
| 40  | 210040 | 030310012037 | VƯƠNG THỊ LAN ANH     | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.0  |         |
| 41  | 210041 | 040310016052 | NGUYỄN MINH ÁNH       | 15/09/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 5.75 |         |
| 42  | 210042 | 022310003303 | NGUYỄN NGUYỆT ÁNH     | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.75 |         |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                                             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                                                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 43  | 210043 | 022310005039 | PHẠM NGỌC ÁNH         | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 5.5  |         |
| 44  | 210044 | 022310000945 | VŨ NGUYỄN THANH ÂN    | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 4.75 |         |
| 45  | 210045 | 022210005544 | ĐỒNG QUỐC BAO         | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy | Tiếng Anh | 2.0          | 5.8   | 3.5  |         |
| 46  | 210046 | 022210010788 | NGUYỄN GIA BAO        | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 3.5          | 9.2   | 4.25 |         |
| 47  | 210047 | 022310011068 | NGUYỄN PHƯƠNG BAO     | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.75 |         |
| 48  | 210048 | 022210006954 | HOÀNG LƯƠNG BÀNG      | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 7.5  |         |
| 49  | 210049 | 022210021062 | LÊ VĂN BÌNH           | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 7.0  |         |
| 50  | 210050 | 022310005301 | NGUYỄN THÁI BÌNH      | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 6.75 |         |
| 51  | 210051 | 022310002465 | NGUYỄN THANH BÌNH     | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.0  |         |
| 52  | 210052 | 034210015822 | VŨ AN BÌNH            | 28/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 4.75 |         |
| 53  | 210053 | 022310000413 | ĐÀO YẾN CHI           | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 6.75 |         |
| 54  | 210054 | 022310004133 | NGUYỄN KHÁNH CHI      | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 7.25 |         |
| 55  | 210055 | 022310006172 | NGUYỄN MINH CHI       | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An                                                         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 7.0  |         |
| 56  | 210056 | 033310011095 | NGUYỄN THỊ TÙNG CHI   | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 9.0  |         |
| 57  | 210057 | 022310006867 | PHẠM QUỲNH CHI        | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 3.75 |         |
| 58  | 210058 | 022310011175 | TRƯƠNG LINH CHI       | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 6.0  |         |
| 59  | 210059 | 034210001594 | ĐÀM MINH CHIẾN        | 04/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long                                                        | Tiếng Anh | 1.5          | 5.6   | 3.0  |         |
| 60  | 210060 | 022210009682 | NGUYỄN KIÊN CUÔNG     | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 5.75 |         |
| 61  | 210061 | 022210004888 | TRẦN HẢI CUÔNG        | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 3.75 |         |
| 62  | 210062 | 022310008327 | CHÂM HỒNG DIỆP        | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 7.5  |         |
| 63  | 210063 | 022310003979 | ĐỖ BÍCH DIỆP          | 05/02/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.25 |         |
| 64  | 210064 | 022310011181 | LÊ THỊ NGỌC DIỆP      | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 4.75 |         |
| 65  | 210065 | 030210020008 | TRẦN QUANG DIỆP       | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long                                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 8.25 |         |
| 66  | 210066 | 022310010511 | NGUYỄN HUYỀN DIỆU     | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 5.25 |         |
| 67  | 210067 | 034210015476 | VŨ HOÀNG DOANH        | 03/10/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.0  |         |
| 68  | 210068 | 022310000382 | TRẦN THUY DUNG        | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 8.0  |         |
| 69  | 210069 | 022210002055 | ĐẶNG TRUNG DỪNG       | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 6.75 |         |
| 70  | 210070 | 038210007379 | LƯU MẠNH DỪNG         | 19/09/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 8.0  |         |
| 71  | 210071 | 022210012081 | NGÔ TRÍ DỪNG          | 17/03/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.75 |         |
| 72  | 210072 | 022210000274 | NGUYỄN ĐÌNH HỮU DỪNG  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.25 |         |
| 73  | 210073 | 022210005274 | NGUYỄN HOÀNG DỪNG     | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 6.25 |         |
| 74  | 210074 | 022210006107 | NGUYỄN MẠNH DỪNG      | 31/03/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 5.5  |         |
| 75  | 210075 | 022210007594 | NGUYỄN TUẤN DỪNG      | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 5.5  |         |
| 76  | 210076 | 022210006890 | NGUYỄN VIỆT DỪNG      | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.5  |         |
| 77  | 210077 | 034210000491 | PHẠM TIẾN DỪNG        | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 2.25 |         |
| 78  | 210078 | 022210012441 | PHÙNG TIẾN DỪNG       | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 6.5  |         |
| 79  | 210079 | 022210002536 | TRIỆU QUANG DỪNG      | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 4.5          | 6.8   | 7.0  |         |
| 80  | 210080 | 022210008918 | NGUYỄN ĐỨC DUY        | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.75 |         |
| 81  | 210081 | 033310002805 | TRẦN THỊ LƯƠNG DUYỀN  | 26/01/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh                                                         | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 5.0  |         |
| 82  | 210082 | 022210008333 | BÙI THẾ DUYỆT         | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.75 |         |
| 83  | 210083 | 022310009921 | HOÀNG THUY DƯƠNG      | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 6.25 |         |
| 84  | 210084 | 031210003462 | NGUYỄN HẢI DƯƠNG      | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.5  |         |
| 85  | 210085 | 033210004232 | NGUYỄN PHẠM HẢI DƯƠNG | 08/09/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng                                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.5  |         |
| 86  | 210086 | 022310011211 | NGUYỄN THUY DƯƠNG     | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.75 |         |
| 87  | 210087 | 022310010202 | NGUYỄN THUY DƯƠNG     | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả                                               | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.25 |         |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD       | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|---------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |               |                  |       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 88  | 210088 | 031310005774  | NGUYỄN THÙY      | DƯƠNG | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 2.75         | 6.8   | 7.0  |         |
| 89  | 210089 | 022210010947  | TRẦN VIỆT ANH    | DƯƠNG | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 6.25 |         |
| 90  | 210090 | 022210007129  | ĐẶNG TIẾN        | ĐẠT   | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.5  |         |
| 91  | 210091 | 022210002709  | NGÔ TIẾN         | ĐẠT   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 2.0  |         |
| 92  | 210092 | 022210013278  | NGUYỄN THÀNH     | ĐẠT   | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 6.75 |         |
| 93  | 210093 | 017210010225  | NGUYỄN TIẾN      | ĐẠT   | 26/09/2010 | Hòa Bình   | Nam       | Mường            | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 6.5  |         |
| 94  | 210094 | 031210008087  | TRẦN TIẾN        | ĐẠT   | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.75 |         |
| 95  | 210095 | 036210017138  | TRẦN TUẤN        | ĐẠT   | 28/03/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 6.25 |         |
| 96  | 210096 | 022210005032  | NGUYỄN HẢI       | ĐĂNG  | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 2.5  |         |
| 97  | 210097 | 022210004194  | NGUYỄN HOÀNG HẢI | ĐĂNG  | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 1.75 |         |
| 98  | 210098 | 022210001611  | LÊ MINH          | ĐỨC   | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.0  |         |
| 99  | 210099 | 022210006853  | LƯU MINH         | ĐỨC   | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 7.25 |         |
| 100 | 210100 | 022210000165  | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 7.0  |         |
| 101 | 210101 | 022210008793  | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 8.5  |         |
| 102 | 210102 | 022210010852  | TRẦN CÔNG MINH   | ĐỨC   | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.5  |         |
| 103 | 210103 | 022310007125  | LÊ HƯƠNG         | GIANG | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 4.25 |         |
| 104 | 210104 | 022310005392  | NGUYỄN HƯƠNG     | GIANG | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 6.75 |         |
| 105 | 210105 | 022310006738  | NGUYỄN HƯƠNG     | GIANG | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.5  |         |
| 106 | 210106 | 022310002454  | NGUYỄN HƯƠNG     | GIANG | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.0  |         |
| 107 | 210107 | 022210010667  | NGUYỄN TRUÔNG    | GIANG | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.25 |         |
| 108 | 210108 | 034310002634  | ĐÀO THỊ NGỌC     | HÀ    | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.5  |         |
| 109 | 210109 | 030310101237  | HOÀNG NGỌC       | HÀ    | 09/12/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 5.75 |         |
| 110 | 210110 | 0383100012098 | HOÀNG THU        | HÀ    | 06/11/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 5.5  |         |
| 111 | 210111 | 019310007048  | LÊ BẮC THU       | HÀ    | 15/05/2010 | Phú Thọ    | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 2.75 |         |
| 112 | 210112 | 022310011424  | LÊ NGỌC          | HÀ    | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 3.75 |         |
| 113 | 210113 | 017310003165  | MẠC THU          | HÀ    | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.0          | 2.0   | 4.5  |         |
| 114 | 210114 | 022310003974  | NGUYỄN NGỌC      | HÀ    | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.5  |         |
| 115 | 210115 | 022310004758  | NGUYỄN NGỌC      | HÀ    | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.5  |         |
| 116 | 210116 | 022310010470  | NGUYỄN PHƯƠNG    | HÀ    | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 7.0  |         |
| 117 | 210117 | 022310011098  | PHẠM NGÂN        | HÀ    | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.5  |         |
| 118 | 210118 | 022310002014  | TRẦN MAI         | HÀ    | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 5.75 |         |
| 119 | 210119 | 025310014138  | TRẦN THU         | HÀ    | 05/01/2010 | Phú Thọ    | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 4.0  |         |
| 120 | 210120 | 022310000617  | VŨ MINH          | HÀ    | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.75 |         |
| 121 | 210121 | 030310009466  | VŨ NGỌC          | HÀ    | 24/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 2.25 |         |
| 122 | 210122 | 030310009608  | LÊ THỊ HỒNG      | HẢI   | 03/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.0  |         |
| 123 | 210123 | 022210000306  | NGÔ THANH        | HẢI   | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 6.5  |         |
| 124 | 210124 | 022210010298  | NGUYỄN MẠNH      | HẢI   | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 6.75 |         |
| 125 | 210125 | 030210018157  | PHÙNG ĐỨC        | HẠNH  | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.5  |         |
| 126 | 210126 | 022310008631  | HOÀNG MINH       | HĂNG  | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.25 |         |
| 127 | 210127 | 022310004589  | NGUYỄN THỊ BÍCH  | HĂNG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.5  |         |
| 128 | 210128 | 022310011566  | TRẦN MINH        | HĂNG  | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 4.25 |         |
| 129 | 210129 | 022310010337  | LÊ THỊ NGỌC      | HÂN   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 8.0  |         |
| 130 | 210130 | 022310010872  | PHẠM LÊ NGỌC     | HÂN   | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.75 |         |
| 131 | 210131 | 022310003768  | PHẠM NGỌC        | HÂN   | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 6.25 |         |
| 132 | 210132 | 022310007539  | TRẦN GIA         | HÂN   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.0  |         |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 133 | 210133 | 022210006386 | ĐỖ ĐỨC HIỀN           | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 3.25         | 7.0   | 1.25 |          |
| 134 | 210134 | 022310010212 | ĐỖ PHẠM THẢO HIỀN     | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 135 | 210135 | 022310011307 | NGUYỄN THỊ HIỀN       | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 5.0  |          |
| 136 | 210136 | 030310004795 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN | 03/06/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.5  |          |
| 137 | 210137 | 022209001567 | HOÀNG TRUNG HIẾU      | 30/03/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 138 | 210138 | 034210017826 | NGUYỄN DUY HIẾU       | 06/09/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 5.25 |          |
| 139 | 210139 | 022210009643 | NGUYỄN DƯƠNG GIA HIẾU | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 4.5  |          |
| 140 | 210140 | 022210002038 | NGUYỄN TRUNG HIẾU     | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 3.75 |          |
| 141 | 210141 | 022210009308 | TRẦN ĐỨC HIẾU         | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh | 2.75         | 3.6   | 1.25 |          |
| 142 | 210142 | 034210011310 | TRẦN TRUNG HIẾU       | 21/08/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.25 |          |
| 143 | 210143 | 022310001163 | ĐINH PHƯƠNG HOA       | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.75 |          |
| 144 | 210144 | 030310004033 | NGUYỄN ĐĂNG MINH HOA  | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 5.5  |          |
| 145 | 210145 | 022210001379 | NGUYỄN XUÂN HÒA       | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 146 | 210146 | 022210005580 | ĐÀM HUY HOÀNG         | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 2.0  |          |
| 147 | 210147 | 022210007736 | ĐẶNG HUY HOÀNG        | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 8.2   | 6.75 |          |
| 148 | 210148 | 022210005523 | NGUYỄN DUY HOÀNG      | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 3.75 |          |
| 149 | 210149 | 030210019952 | NGUYỄN HUY HOÀNG      | 17/02/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 4.25 |          |
| 150 | 210150 | 022210001312 | NGUYỄN HUY HOÀNG      | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 151 | 210151 | 022210005200 | NGUYỄN MINH HOÀNG     | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 6.75 |          |
| 152 | 210152 | 022210001763 | PHẠM HUY HOÀNG        | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 4.75 |          |
| 153 | 210153 | 034310004489 | LÊ THỊ MINH HỒNG      | 10/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 3.25 |          |
| 154 | 210154 | 022210010096 | ĐÀM TUẤN HÙNG         | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 5.75 |          |
| 155 | 210155 | 036210014245 | PHẠM ĐỨC HÙNG         | 25/09/2010 | Hà Nam     | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 8.0  |          |
| 156 | 210156 | 036210008622 | TRẦN THÁI HÙNG        | 11/03/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 2.0  |          |
| 157 | 210157 | 022210009052 | TRỊNH MẠNH HÙNG       | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 4.5  |          |
| 158 | 210158 | 031210009465 | LƯƠNG GIA HUY         | 21/09/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.25 |          |
| 159 | 210159 | 022210002407 | LÝ GIA HUY            | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.75 |          |
| 160 | 210160 | 022210005689 | LÝ GIA HUY            | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh | 2.75         | 2.2   | 0.75 |          |
| 161 | 210161 | 022210006248 | NGUYỄN BÁ HUY         | 04/09/2010 | Lào Cai    | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 2.5  |          |
| 162 | 210162 | 030210006360 | NGUYỄN CÔNG HUY       | 24/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 5.0  |          |
| 163 | 210163 | 022210011040 | NGUYỄN GIA HUY        | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 7.0  |          |
| 164 | 210164 | 022210003647 | NGUYỄN NGỌC HUY       | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.75         | 5.8   | 3.0  |          |
| 165 | 210165 | 022210004479 | PHẠM ĐOÀN GIA HUY     | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 5.5  |          |
| 166 | 210166 | 022210008524 | PHẠM GIA HUY          | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 1.75 |          |
| 167 | 210167 | 022210005732 | PHẠM QUANG HUY        | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.25 |          |
| 168 | 210168 | 030210016151 | PHẠM QUANG HUY        | 24/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 6.25 |          |
| 169 | 210169 | 034210008875 | PHẠM QUANG HUY        | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.0  |          |
| 170 | 210170 | 022210002998 | TRẦN GIA HUY          | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 3.0          | 8.6   | 3.25 |          |
| 171 | 210171 | 022210007929 | VŨ ĐỨC HUY            | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.75 |          |
| 172 | 210172 | 022210007417 | VŨ HOÀNG HUY          | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 3.5          | 8.8   | 5.0  |          |
| 173 | 210173 | 022310007002 | BÙI BẠCH HUYỀN        | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 7.5  |          |
| 174 | 210174 | 022310002752 | BÙI KHÁNH HUYỀN       | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.25 |          |
| 175 | 210175 | 022310001164 | ĐÀO THỊ THANH HUYỀN   | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 4.25 |          |
| 176 | 210176 | 022310010232 | NGUYỄN KHÁNH HUYỀN    | 02/11/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 4.75 |          |
| 177 | 210177 | 022310008714 | NGUYỄN LÊ KHÁNH HUYỀN | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.75         | 9.0   | 5.0  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 178 | 210178 | 022310001357 | TRẦN THU HUYỀN      | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.25 |          |
| 179 | 210179 | 022310011150 | TY KHÁNH HUYỀN      | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 6.25 |          |
| 180 | 210180 | 024310008606 | VŨ MỸ HUYỀN         | 13/02/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.5  |          |
| 181 | 210181 | 030310006017 | VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN  | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.5  |          |
| 182 | 210182 | 022210007208 | ĐOÀN TUẤN HÙNG      | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 8.0  |          |
| 183 | 210183 | 038210020947 | HOÀNG CHẤN HÙNG     | 15/02/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 8.5  |          |
| 184 | 210184 | 022210005170 | NGÔ GIA HÙNG        | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.75         | 8.4   | 6.75 |          |
| 185 | 210185 | 022210007676 | NGUYỄN DUY HÙNG     | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 186 | 210186 | 022210013260 | PHẠM PHÚ HÙNG       | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 6.5  |          |
| 187 | 210187 | 022210009832 | PHẠM THẾ KHANH      | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 188 | 210188 | 022210004310 | ĐỖ DUY KHÁNH        | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.0  |          |
| 189 | 210189 | 022210009345 | NGUYỄN DUY KHOA     | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.5  |          |
| 190 | 210190 | 022210005971 | NGUYỄN HỮU KHÔI     | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 3.5  |          |
| 191 | 210191 | 022210006817 | HÀ TRUNG KIÊN       | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 8.0  |          |
| 192 | 210192 | 022210004451 | BUI HOÀNG LÂM       | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.0  |          |
| 193 | 210193 | 022210007011 | HÀN CAO LÂM         | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.0  |          |
| 194 | 210194 | 026210010810 | NGUYỄN PHÚC LÂM     | 03/02/2010 | Vĩnh Phúc  | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 5.0  |          |
| 195 | 210195 | 022210012288 | NGUYỄN TÙNG LÂM     | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 5.0  |          |
| 196 | 210196 | 022210001393 | TÔNG PHI LÂM        | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.5  |          |
| 197 | 210197 | 038210010036 | TRẦN TÙNG LÂM       | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 6.75 |          |
| 198 | 210198 | 022310007556 | BUI TÚ LINH         | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 3.75 |          |
| 199 | 210199 | 022310011333 | HOÀNG GIA LINH      | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 10.0  | 5.75 |          |
| 200 | 210200 | 022310009851 | KIEU PHƯƠNG LINH    | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 3.5  |          |
| 201 | 210201 | 022310007351 | LÊ HÂN LINH         | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.5  |          |
| 202 | 210202 | 022310009314 | LÊ KHÁNH LINH       | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 6.5  |          |
| 203 | 210203 | 040310024476 | LÊ NGUYỄN THÙY LINH | 14/10/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.5  |          |
| 204 | 210204 | 022310006211 | NGUYỄN HÀ LINH      | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 5.75 |          |
| 205 | 210205 | 022310004514 | NGUYỄN KHÁNH LINH   | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 6.75 |          |
| 206 | 210206 | 022310005976 | NGUYỄN NHẬT LINH    | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 5.5  |          |
| 207 | 210207 | 022310003046 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH  | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 6.75 |          |
| 208 | 210208 | 022310010630 | NGUYỄN THỊ HÀ LINH  | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 6.25 |          |
| 209 | 210209 | 034310008134 | PHẠM KHÁNH LINH     | 23/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 2.25 |          |
| 210 | 210210 | 022310001771 | PHẠM NGỌC BẢO LINH  | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 6.5  |          |
| 211 | 210211 | 035310001881 | PHẠM THỦY LINH      | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 5.25 |          |
| 212 | 210212 | 022310005721 | PHAN HÀ LINH        | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.0  |          |
| 213 | 210213 | 022310005987 | TẠ THÙY LINH        | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 4.75 |          |
| 214 | 210214 | 022310003791 | TÔNG KHÁNH LINH     | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 6.25 |          |
| 215 | 210215 | 022310004966 | TRẦN CẨM LINH       | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.5  |          |
| 216 | 210216 | 022310005957 | TRẦN HỒNG LINH      | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 1.25         | 5.4   | 7.75 |          |
| 217 | 210217 | 022310010256 | TRẦN KHÁNH LINH     | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.5  |          |
| 218 | 210218 | 022310001183 | TRẦN KHÁNH LINH     | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 219 | 210219 | 022310007794 | TRẦN NGỌC LINH      | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 6.25 |          |
| 220 | 210220 | 030310000939 | TRỊNH KHÁNH LINH    | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 5.25 |          |
| 221 | 210221 | 022310001729 | VŨ KHÁNH LINH       | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 4.5  |          |
| 222 | 210222 | 022310007048 | VŨ KHÁNH LINH       | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 6.75 |          |



## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 223 | 210223 | 022310007902 | VŨ PHƯƠNG LINH      | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 5.75 |         |
| 224 | 210224 | 022210000205 | ĐÌNH NGOC LONG      | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.0  |         |
| 225 | 210225 | 022210006213 | LÊ HOÀNG NHẬT LONG  | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 2.5          | 6.2   | 5.0  |         |
| 226 | 210226 | 034210012570 | NGÔ HOÀNG PHI LONG  | 07/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 7.0  |         |
| 227 | 210227 | 022210012052 | PHẠM ĐỨC LONG       | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 6.0  |         |
| 228 | 210228 | 022210006904 | PHẠM GIA LONG       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.75 |         |
| 229 | 210229 | 022210002764 | PHẠM VĂN LONG       | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 7.0  |         |
| 230 | 210230 | 022210008965 | TRẦN BẢO LONG       | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.25 |         |
| 231 | 210231 | 022210003841 | VŨ NHÂN LONG        | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 6.5  |         |
| 232 | 210232 | 022310007107 | ĐÌNH THỊ KHÁNH LY   | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Mường            | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 3.5  |         |
| 233 | 210233 | 022310002117 | NGUYỄN KHÁNH LY     | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 5.75 |         |
| 234 | 210234 | 034310002915 | NGUYỄN PHƯƠNG LY    | 08/07/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 4.5  |         |
| 235 | 210235 | 030310010295 | VŨ THỊ CẨM LY       | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 2.5  |         |
| 236 | 210236 | 022310006960 | VŨ THỊ HƯƠNG LỖ     | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 237 | 210237 | 030310014838 | LÊ THỊ THANH MAI    | 04/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.0  |         |
| 238 | 210238 | 022310004220 | LÝ XUÂN MAI         | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 0.5  |         |
| 239 | 210239 | 038310011505 | TRƯƠNG TUYẾT MAI    | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 4.75 |         |
| 240 | 210240 | 034310012157 | VŨ NGỌC MAI         | 14/10/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 4.25 |         |
| 241 | 210241 | 036210015534 | NGÔ ĐÌNH MẠNH       | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 7.75 |         |
| 242 | 210242 | 030210003706 | NGUYỄN HỮU MẠNH     | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 6.25 |         |
| 243 | 210243 | 022210012464 | PHẠM ĐỨC MẠNH       | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 1.75         | 4.2   | 4.75 |         |
| 244 | 210244 | 034210005312 | ĐÀO QUANG MINH      | 20/10/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.25 |         |
| 245 | 210245 | 022210000575 | ĐOÀN VŨ NHẬT MINH   | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 246 | 210246 | 022310008913 | ĐỖ NGỌC MINH        | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.75 |         |
| 247 | 210247 | 030210015477 | NGUYỄN ANH MINH     | 28/02/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 4.25 |         |
| 248 | 210248 | 022210012465 | NGUYỄN THÀNH MINH   | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.25 |         |
| 249 | 210249 | 022210010368 | PHẠM ĐỨC MINH       | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 5.0  |         |
| 250 | 210250 | 022210001556 | PHẠM VŨ GIA MINH    | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 8.0  |         |
| 251 | 210251 | 022210010645 | PHAN TÂN MINH       | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.0  |         |
| 252 | 210252 | 022210002210 | TRẦN BÌNH MINH      | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 7.25 |         |
| 253 | 210253 | 022210011445 | VŨ HOÀNG TRỌNG MINH | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 6.25 |         |
| 254 | 210254 | 022210001646 | VŨ QUANG MINH       | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.0          | 7.6   | 5.25 |         |
| 255 | 210255 | 022310007263 | NGUYỄN GIẢNG MY     | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 8.25 |         |
| 256 | 210256 | 022310003985 | NGUYỄN TRẢ MY       | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 7.0  |         |
| 257 | 210257 | 022310006469 | PHẠM TRẢ MY         | 14/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.75         | 10.0  | 7.5  |         |
| 258 | 210258 | 034310006028 | TRẦN THẢO MY        | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 7.5  |         |
| 259 | 210259 | 022310000153 | VŨ HÀ MY            | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.5  |         |
| 260 | 210260 | 022210001841 | BUI ĐỨC NAM         | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.5          | 9.0   | 6.25 |         |
| 261 | 210261 | 022210004367 | ĐÌNH HẢI NAM        | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 2.5          | 8.6   | 5.25 |         |
| 262 | 210262 | 022210004578 | PHẠM PHƯƠNG NAM     | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 7.0  |         |
| 263 | 210263 | 022210000616 | PHAN THÀNH NAM      | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 7.25 |         |
| 264 | 210264 | 022210008069 | TRỊNH HOÀNG NAM     | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.5          | 7.4   | 3.5  |         |
| 265 | 210265 | 022310003913 | NGUYỄN THỊ THÙY NGÀ | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 4.75 |         |
| 266 | 210266 | 022310008944 | NGÔ KIM NGÂN        | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.5  |         |
| 267 | 210267 | 022310009588 | PHẠM HOÀNG NGÂN     | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 4.25 |         |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                |        |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 268 | 210268 | 022310003320 | PHẠM THỊ KIM   | NGÂN   | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 3.5  |         |
| 269 | 210269 | 022310003317 | VŨ PHÚC        | NGÂN   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 270 | 210270 | 036310002839 | ĐƯƠNG ÁNH      | NGỌC   | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 3.5  |         |
| 271 | 210271 | 022310006588 | ĐINH THỊ MINH  | NGỌC   | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 6.5  |         |
| 272 | 210272 | 022310007708 | ĐỖ BẢO         | NGỌC   | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 8.25 |         |
| 273 | 210273 | 022310011419 | LÊ BẢO         | NGỌC   | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 6.75 |         |
| 274 | 210274 | 022310004396 | LƯƠNG BẢO      | NGỌC   | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 7.25 |         |
| 275 | 210275 | 022310002134 | MAI HOÀNG BẢO  | NGỌC   | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 5.75 |         |
| 276 | 210276 | 022310005887 | NGUYỄN BẢO     | NGỌC   | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.25 |         |
| 277 | 210277 | 022310008388 | TRẦN HÀ MINH   | NGỌC   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.0  |         |
| 278 | 210278 | 034310002703 | VŨ HỒNG        | NGỌC   | 30/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 7.0  |         |
| 279 | 210279 | 022310007880 | VŨ THỊ KHÁNH   | NGỌC   | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 8.0  |         |
| 280 | 210280 | 022210001218 | BÙI QUÝ        | NGUYỄN | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 6.5  |         |
| 281 | 210281 | 022210003009 | NGUYỄN TRUNG   | NGUYỄN | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 7.5  |         |
| 282 | 210282 | 022310011392 | TRẦN MINH      | NGUYỆT | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 3.5  |         |
| 283 | 210283 | 022310000837 | ĐINH GIA       | NHI    | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 1.25 |         |
| 284 | 210284 | 022310006358 | ĐỖ BẢO         | NHI    | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 6.75 |         |
| 285 | 210285 | 022310010801 | NGUYỄN KHÁNH   | NHI    | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 2.0          | 6.4   | 5.0  |         |
| 286 | 210286 | 022310011117 | NGUYỄN THỊ YẾN | NHI    | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |         |
| 287 | 210287 | 022310000323 | PHẠM YẾN       | NHI    | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 5.5  |         |
| 288 | 210288 | 022310003138 | VŨ MINH        | NHI    | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.75 |         |
| 289 | 210289 | 034310014171 | VŨ YẾN         | NHI    | 23/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 6.5  |         |
| 290 | 210290 | 022310004732 | ĐÀO THỊ CẨM    | NHUNG  | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 7.25 |         |
| 291 | 210291 | 022310002790 | LẠI PHƯƠNG     | NHUNG  | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 4.75 |         |
| 292 | 210292 | 022310000329 | ĐỖ PHẠM TỎ     | NHƯ    | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 3.75 |         |
| 293 | 210293 | 068310003882 | NGÔ BẢO        | NINH   | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 6.0  |         |
| 294 | 210294 | 022210005945 | TÔNG DUY       | NINH   | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 1.25         | 3.2   | 5.25 |         |
| 295 | 210295 | 022210001166 | ĐỖ NAM         | PHONG  | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 1.75         | 5.6   | 5.75 |         |
| 296 | 210296 | 022210007302 | LÝ THÀNH       | PHONG  | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.25 |         |
| 297 | 210297 | 022210002695 | NGUYỄN ĐỨC     | PHONG  | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 7.75 |         |
| 298 | 210298 | 022210008025 | TRẦN GIA       | PHONG  | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 7.5  |         |
| 299 | 210299 | 022210009455 | VŨ THUẬN       | PHONG  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 8.0  |         |
| 300 | 210300 | 030210014044 | ĐÀM ĐÌNH       | PHÚ    | 13/07/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 4.75 |         |
| 301 | 210301 | 034210002948 | BÙI VŨ         | PHÚC   | 21/04/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 6.25 |         |
| 302 | 210302 | 022210010769 | CHŨ ĐỨC        | PHÚC   | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 5.25 |         |
| 303 | 210303 | 022210007351 | NGÔ ĐỨC        | PHÚC   | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.25 |         |
| 304 | 210304 | 030210010653 | PHÙNG ĐỨC      | PHÚC   | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 7.75 |         |
| 305 | 210305 | 022210005815 | TRẦN ĐỨC       | PHÚC   | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.25 |         |
| 306 | 210306 | 022210006784 | VŨ ĐỨC         | PHÚC   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 6.25 |         |
| 307 | 210307 | 022310002232 | ĐINH THU       | PHƯƠNG | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 6.75 |         |
| 308 | 210308 | 022310011758 | ĐOÀN LAN       | PHƯƠNG | 28/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 2.0  |         |
| 309 | 210309 | 022310004661 | ĐỖ BÍCH        | PHƯƠNG | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 6.25 |         |
| 310 | 210310 | 030310004707 | NGUYỄN NGỌC    | PHƯƠNG | 02/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.75 |         |
| 311 | 210311 | 022310010362 | NGUYỄN QUÝ     | PHƯƠNG | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 6.75 |         |
| 312 | 210312 | 030210000056 | PHẠM KHẢ DUY   | PHƯƠNG | 06/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 6.75 |         |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |        |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 313 | 210313 | 022310004506 | TRẦN LÊ MAI    | PHƯƠNG | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 6.5  |          |
| 314 | 210314 | 022310012737 | TRẦN THỊ THỦY  | PHƯƠNG | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 3.5  |          |
| 315 | 210315 | 022210000902 | ĐỖ MẠNH        | QUANG  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 2.5          | 8.4   | 8.0  |          |
| 316 | 210316 | 022210010453 | LÊ MINH        | QUANG  | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 317 | 210317 | 022210005634 | NGUYỄN VINH    | QUANG  | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 318 | 210318 | 034210009657 | DƯƠNG ĐỖ ANH   | QUÂN   | 26/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 7.0  |          |
| 319 | 210319 | 022210009997 | NGUYỄN HOÀNG   | QUÂN   | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 3.75         | 6.2   | 4.5  |          |
| 320 | 210320 | 045210000147 | NGUYỄN MẠNH    | QUÂN   | 08/01/2010 | Quảng Trị  | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.25 |          |
| 321 | 210321 | 022210011592 | PHẠM MINH      | QUÂN   | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 8.0  |          |
| 322 | 210322 | 030210009471 | ĐOÀN NGUYỄN    | QUỐC   | 24/04/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 2.5  |          |
| 323 | 210323 | 022310011799 | ĐỖ BÙI BẢO     | QUYỄN  | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 5.0  |          |
| 324 | 210324 | 022310003235 | ĐỖ THỊ NHƯ     | QUỲNH  | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh | 8.25         | 6.4   | 5.25 |          |
| 325 | 210325 | 022310008208 | LƯƠNG NGỌC     | QUỲNH  | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.25 |          |
| 326 | 210326 | 024310000067 | NGUYỄN NHƯ     | QUỲNH  | 06/01/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.5  |          |
| 327 | 210327 | 022310006040 | VŨ NHƯ         | QUỲNH  | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.75 |          |
| 328 | 210328 | 034310001246 | VŨ THÚY        | QUỲNH  | 11/02/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 4.0  |          |
| 329 | 210329 | 022210010563 | LÊ CAO         | SƠN    | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 9.0  |          |
| 330 | 210330 | 022210008607 | NGUYỄN ĐANH    | SƠN    | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.5  |          |
| 331 | 210331 | 022210012000 | NGUYỄN NGỌC    | SƠN    | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 6.5  |          |
| 332 | 210332 | 022210000256 | NGUYỄN THÁI    | SƠN    | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 6.75 |          |
| 333 | 210333 | 022210002934 | TRẦN NGỌC CÔNG | SƠN    | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 4.0  |          |
| 334 | 210334 | 022210005764 | PHÍ NGỌC       | TĂNG   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.25         | 7.4   | 6.0  |          |
| 335 | 210335 | 022310006826 | ĐINH THỊ MINH  | TÂM    | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 6.5  |          |
| 336 | 210336 | 022310001037 | HOÀNG THU      | TÂM    | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 2.5  |          |
| 337 | 210337 | 022310004686 | LÊ MINH        | TÂM    | 12/12/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 4.75 |          |
| 338 | 210338 | 030310000564 | VŨ THỊ THANH   | TÂM    | 03/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 8.25         | 7.8   | 6.25 |          |
| 339 | 210339 | 022210007856 | VŨ NGỌC        | TÂN    | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 8.75 |          |
| 340 | 210340 | 030210002131 | NGUYỄN NGỌC    | THÁI   | 22/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 5.5  |          |
| 341 | 210341 | 022310007168 | HUỲNH ĐAN      | THANH  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 7.25 |          |
| 342 | 210342 | 022310010246 | PHẠM PHƯƠNG    | THANH  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.75 |          |
| 343 | 210343 | 022210006604 | ĐINH XUÂN      | THÀNH  | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 6.25 |          |
| 344 | 210344 | 022210010160 | NGUYỄN ĐỨC     | THÀNH  | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 4.75 |          |
| 345 | 210345 | 022210012180 | VŨ CHÍ         | THÀNH  | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.75 |          |
| 346 | 210346 | 022310001697 | DIỆP THANH     | THẢO   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 4.25 |          |
| 347 | 210347 | 022310006012 | ĐINH VŨ PHƯƠNG | THẢO   | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.25         | 5.8   | 5.5  |          |
| 348 | 210348 | 022310001542 | HÀ PHƯƠNG      | THẢO   | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.75 |          |
| 349 | 210349 | 022310010565 | PHẠM THANH     | THẢO   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 5.5  |          |
| 350 | 210350 | 022310008828 | PHẠM THU       | THẢO   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 6.5  |          |
| 351 | 210351 | 022210005027 | ĐOÀN QUỐC      | THẮNG  | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 7.75 |          |
| 352 | 210352 | 034210006257 | TRẦN NGỌC      | THẮNG  | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.0          | 6.8   | 4.0  |          |
| 353 | 210353 | 022210010964 | VƯƠNG QUỐC     | THẮNG  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 6.75 |          |
| 354 | 210354 | 036210017219 | NGUYỄN PHÚC    | THỊNH  | 10/07/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 5.75 |          |
| 355 | 210355 | 022310000425 | ĐẶNG ANH       | THO    | 04/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 2.5  |          |
| 356 | 210356 | 022310002147 | ĐÀO LÂM BÍCH   | THỦY   | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 6.5  |          |
| 357 | 210357 | 030310003497 | NGUYỄN THANH   | THỦY   | 23/05/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 6.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|-------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |             |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 358 | 210358 | 034310012192 | HOÀNG NGỌC        | THÚY   | 26/01/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.0  |          |
| 359 | 210359 | 022310004403 | HOÀNG MINH        | THƯ    | 14/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.25 |          |
| 360 | 210360 | 022310001443 | PHẠM ANH          | THƯ    | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 361 | 210361 | 022310006790 | PHẠM GIA          | THƯ    | 17/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 362 | 210362 | 022310009852 | PHẠM SONG         | THƯ    | 17/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 9.0  |          |
| 363 | 210363 | 022310001424 | TRẦN ANH          | THƯ    | 01/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 8.0          | 5.8   | 7.0  |          |
| 364 | 210364 | 022310004123 | VŨ MINH           | THƯ    | 01/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.75 |          |
| 365 | 210365 | 031310015424 | PHẠM THỊ HOA THÙY | TIỀN   | 09/05/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 8.5          | 8.6   | 7.0  |          |
| 366 | 210366 | 022210002209 | PHẠM QUỐC         | TIỀN   | 27/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 6.0  |          |
| 367 | 210367 | 022310002416 | NGUYỄN THANH      | TRÀ    | 24/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 368 | 210368 | 022310001979 | VŨ THANH          | TRÀ    | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.25 |          |
| 369 | 210369 | 022310002489 | BÙI QUỲNH         | TRANG  | 21/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 4.25 |          |
| 370 | 210370 | 022310004035 | CAO THỊ KIỀU      | TRANG  | 16/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 371 | 210371 | 022310011280 | ĐÀO THU           | TRANG  | 14/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 7.25 |          |
| 372 | 210372 | 022310001775 | ĐINH THỊ QUỲNH    | TRANG  | 25/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 373 | 210373 | 019310005765 | ĐOÀN HUYỀN        | TRANG  | 07/05/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.25 |          |
| 374 | 210374 | 022310001369 | ĐỖ THỊ HIỀN       | TRANG  | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.25         | 2.4   | 5.0  |          |
| 375 | 210375 | 022310008903 | LÊ NGỌC HUYỀN     | TRANG  | 23/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 8.0  |          |
| 376 | 210376 | 022310003584 | LƯƠNG THU         | TRANG  | 29/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.5  |          |
| 377 | 210377 | 022310000523 | MẠC VŨ ÁNH        | TRANG  | 24/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 8.0  |          |
| 378 | 210378 | 022310005668 | NGÔ THỊ HUYỀN     | TRANG  | 07/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 4.25 |          |
| 379 | 210379 | 034310013864 | NGUYỄN HIỀN       | TRANG  | 17/03/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.75 |          |
| 380 | 210380 | 022310005880 | NGUYỄN QUỲNH      | TRANG  | 06/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.75 |          |
| 381 | 210381 | 022310004314 | NGUYỄN THỊ HUYỀN  | TRANG  | 20/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.5  |          |
| 382 | 210382 | 038310001917 | NGUYỄN THÙY       | TRANG  | 15/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.5  |          |
| 383 | 210383 | 022310009329 | PHẠM QUỲNH        | TRANG  | 08/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.0  |          |
| 384 | 210384 | 022310001631 | TÔ THANH THÙY     | TRANG  | 22/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.0  |          |
| 385 | 210385 | 022310008702 | TRẦN NGUYỄN BẢO   | TRANG  | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 6.25 |          |
| 386 | 210386 | 022310001373 | VŨ THỊ THU        | TRANG  | 15/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 7.5  |          |
| 387 | 210387 | 022310006049 | NGUYỄN NGỌC BẢO   | TRÂM   | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.25 |          |
| 388 | 210388 | 022310008233 | TRẦN BẢO          | TRÂM   | 12/06/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.75 |          |
| 389 | 210389 | 022310007462 | NGUYỄN NGỌC       | TRÂN   | 30/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 4.5  |          |
| 390 | 210390 | 022310009280 | VŨ KIỀU           | TRINH  | 29/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 4.0  |          |
| 391 | 210391 | 031210004460 | ĐỖ ĐỨC            | TRỌNG  | 06/05/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.75 |          |
| 392 | 210392 | 022310005394 | NGUYỄN THANH      | TRÚC   | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.75 |          |
| 393 | 210393 | 022310003128 | NGUYỄN THANH      | TRÚC   | 02/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 394 | 210394 | 022210002577 | ĐỖ THÀNH          | TRUNG  | 09/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 2.75 |          |
| 395 | 210395 | 022210000202 | NGUYỄN DƯƠNG QUỐC | TRUNG  | 05/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 4.25 |          |
| 396 | 210396 | 036210013798 | VŨ ĐỨC            | TRUNG  | 12/05/2010 | Nam Định    | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 2.5  |          |
| 397 | 210397 | 022210005113 | HÀ XUÂN           | TRƯỜNG | 03/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.25 |          |
| 398 | 210398 | 022210011885 | HOÀNG QUÝ         | TRƯỜNG | 11/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 6.5  |          |
| 399 | 210399 | 022210006572 | NGÔ QUANG         | TRƯỜNG | 24/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 7.0  |          |
| 400 | 210400 | 022210010671 | NGUYỄN QUANG      | TRƯỜNG | 12/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 8.25         | 8.0   | 6.25 |          |
| 401 | 210401 | 022210006946 | VŨ QUỐC           | TRƯỜNG | 21/02/2010 | Nam Định    | Nam       |                  | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 5.25 |          |
| 402 | 210402 | 022310007548 | NGÔ THỊ CẨM       | TÚ     | 23/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.5  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn (22000732)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ                 | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |  |
|-----|--------|--------------|----------------|-----------|------------|------------|------------------|---------------------------|---------------------------|--------------|-------|------|---------|--|
|     |        |              |                |           |            |            |                  |                           |                           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |  |
| 403 | 210403 | 022210009509 | VŨ TUẤN        | TÚ        | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 6.0          | 3.0   | 1.5  |         |  |
| 404 | 210404 | 031210047558 | LÊ QUỐC        | TUẤN      | 11/09/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 5.5          | 6.8   | 8.0  |         |  |
| 405 | 210405 | 022210010142 | NGUYỄN ĐÌNH    | TUẤN      | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh                 | 6.0          | 8.0   | 7.25 |         |  |
| 406 | 210406 | 034210013137 | TRẦN ANH       | TUẤN      | 09/10/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh                 | 5.25         | 6.4   | 5.25 |         |  |
| 407 | 210407 | 022210003013 | TRẦN TRỌNG     | TUẤN      | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh                 | 4.0          | 0.2   | 4.75 |         |  |
| 408 | 210408 | 042210003039 | HỒ THANH       | TÙNG      | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 6.75         | 8.4   | 7.75 |         |  |
| 409 | 210409 | 022210010904 | PHẠM NGỌC      | TUÔNG     | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Chu Văn An           | Tiếng Anh                 | 6.75         | 9.0   | 7.5  |         |  |
| 410 | 210410 | 022210004977 | BÙI GIA        | UY        | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 6.5          | 7.8   | 7.25 |         |  |
| 411 | 210411 | 030210002657 | VŨ ĐỨC         | UY        | 20/01/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 6.5          | 6.6   | 6.25 |         |  |
| 412 | 210412 | 022310010007 | PHẠM LƯU HÀ    | UYÊN      | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh                 | 7.5          | 7.2   | 7.25 |         |  |
| 413 | 210413 | 036310005379 | PHẠM THỊ TỐ    | UYÊN      | 05/08/2010 | Nam Định   | Nữ               | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 5.5          | 5.0   | 5.0  |         |  |
| 414 | 210414 | 022310002623 | BÙI HỒNG       | VĂN       | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh                 | 8.25         | 8.2   | 7.5  |         |  |
| 415 | 210415 | 022310011257 | NGUYỄN THANH   | VĂN       | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh                 | 6.0          | 5.4   | 4.0  |         |  |
| 416 | 210416 | 031310005835 | NGUYỄN THẢO    | VĂN       | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 4.0          | 4.0   | 2.25 |         |  |
| 417 | 210417 | 022310004139 | VŨ THANH       | VĂN       | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh                 | 3.0          | 3.0   | 2.25 |         |  |
| 418 | 210418 | 022310006515 | HÀ KHÁNH       | VI        | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 5.25         | 7.2   | 7.25 |         |  |
| 419 | 210419 | 022210002440 | ĐẶNG HOÀNG     | VIỆT      | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 7.0          | 7.0   | 7.25 |         |  |
| 420 | 210420 | 034210011241 | DƯƠNG UY       | VŨ        | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh                 | 6.5          | 8.0   | 8.5  |         |  |
| 421 | 210421 | 022210009451 | ĐỖ HUY         | VŨ        | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh                 | 6.75         | 8.0   | 7.75 |         |  |
| 422 | 210422 | 022210005052 | NGÔ LÂM        | VŨ        | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh                 | 3.25         | 3.8   | 3.25 |         |  |
| 423 | 210423 | 030210010919 | NGUYỄN MINH    | VŨ        | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Suối Khoáng          | Tiếng Anh                 | 5.75         | 6.4   | 4.75 |         |  |
| 424 | 210424 | 022310011386 | ĐỖ PHƯƠNG      | VY        | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh                 | 2.5          | 3.0   | 1.5  |         |  |
| 425 | 210425 | 022310008717 | ĐỖ THẢO        | VY        | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh                 | 6.0          | 7.6   | 6.5  |         |  |
| 426 | 210426 | 022310002908 | HOÀNG THẢO     | VY        | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh                 | 5.75         | 3.4   | 7.25 |         |  |
| 427 | 210427 | 024310015955 | LỤC YẾN        | VY        | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Khác                      | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 7.0   | 6.8  | 7.0     |  |
| 428 | 210428 | 022310004116 | PHẠM KHÁNH     | VY        | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |                           | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh    | 6.25  | 8.4  | 8.0     |  |
| 429 | 210429 | 022310009650 | TRẦN HÀ        | VY        | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |                           | TH và THCS Dương Huy      | Tiếng Anh    | 4.0   | 2.6  | 3.75    |  |
| 430 | 210430 | 022310006882 | VŨ PHƯƠNG      | VY        | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |                           | THCS Thống Nhất - Cẩm Phả | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.4  | 4.0     |  |
| 431 | 210431 | 022310006806 | BẠCH THỊ       | XUÂN      | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Mường                     | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.8  | 5.25    |  |
| 432 | 210432 | 022310003719 | LÝ NGỌC        | XUÂN      | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Hoa                       | THCS Bái Tử Long          | Tiếng Anh    | 3.75  | 7.6  | 5.25    |  |
| 433 | 210433 | 022310000605 | PHẠM THỊ THANH | XUÂN      | 27/08/2010 | Thái Bình  | Nữ               |                           | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh    | 6.25  | 9.0  | 6.0     |  |
| 434 | 210434 | 022310000944 | ĐINH ĐỖ BẢO    | YẾN       | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |                           | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.2  | 5.0     |  |
| 435 | 210435 | 022310008959 | ĐỖ BẢO         | YẾN       | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sán Diu                   | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh    | 7.75  | 8.6  | 5.75    |  |
| 436 | 210436 | 030310013455 | LÊ THỊ BẢO     | YẾN       | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |                           | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh    | 6.75  | 7.0  | 5.0     |  |
| 437 | 210437 | 036310001949 | TRẦN THỊ BẢO   | YẾN       | 30/11/2010 | Nam Định   | Nữ               |                           | THCS Quang Hanh           | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.6  | 5.25    |  |

(Danh sách này gồm có 437 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 220001 | 022210007561 | CHU BÙI AN          | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 4.5  |          |
| 2   | 220002 | 022310002379 | HOÀNG AN AN         | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 3.25 |          |
| 3   | 220003 | 022210011926 | LÊ HOÀNG KHAI AN    | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 4.75 |          |
| 4   | 220004 | 022210006247 | MAI PHÚC AN         | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.75         | 9.0   | 8.25 |          |
| 5   | 220005 | 030210017553 | NGUYỄN BÌNH AN      | 05/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.0  |          |
| 6   | 220006 | 022310000926 | NGUYỄN HOÀNG AN     | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 3.75 |          |
| 7   | 220007 | 022310000235 | NGUYỄN MINH HẢI AN  | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 6.5  |          |
| 8   | 220008 | 022210001576 | NGUYỄN THUẬN AN     | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.0  |          |
| 9   | 220009 | 022310011439 | TÔ NGỌC BẢO AN      | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 5.0  |          |
| 10  | 220010 | 022310008638 | BÙI DIỆP ANH        | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 4.0  |          |
| 11  | 220011 | 022210010218 | BÙI DUY ANH         | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 2.0  |          |
| 12  | 220012 | 022310007226 | BÙI LAN ANH         | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 2.0          | 4.2   | 2.0  |          |
| 13  | 220013 | 022310009211 | BÙI PHƯƠNG ANH      | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                    | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 2.5  |          |
| 14  | 220014 | 022310001826 | CAO TRẦN HẢI ANH    | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 1.5  |          |
| 15  | 220015 | 022310003256 | CAO VĂN ANH         | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 4.5  |          |
| 16  | 220016 | 022310003866 | DOÀN MINH ANH       | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 7.75         | 4.0   | 5.0  |          |
| 17  | 220017 | 033310008176 | DUÔNG QUỲNH ANH     | 26/07/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 4.75 |          |
| 18  | 220018 | 022310004574 | DUÔNG QUỲNH ANH     | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 6.25 |          |
| 19  | 220019 | 022310007857 | ĐẶNG PHƯƠNG ANH     | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 7.25 |          |
| 20  | 220020 | 022310002544 | ĐẶNG PHƯƠNG ANH     | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 2.0          | 2.6   | 1.0  |          |
| 21  | 220021 | 022310003826 | ĐINH PHƯƠNG ANH     | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.75         | 10.0  | 8.25 |          |
| 22  | 220022 | 022310006746 | ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.5  |          |
| 23  | 220023 | 022310011744 | ĐỖ HẢI ANH          | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.5  |          |
| 24  | 220024 | 022310005381 | ĐỖ HOÀNG BẢO ANH    | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 5.25 |          |
| 25  | 220025 | 022210000168 | ĐỖ NGUYỄN ĐỨC ANH   | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 5.5  |          |
| 26  | 220026 | 022310001043 | ĐỖ PHẠM TÂM ANH     | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.0  |          |
| 27  | 220027 | 022310004424 | ĐỖ PHƯƠNG ANH       | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.5  |          |
| 28  | 220028 | 022310000082 | ĐỖ QUỲNH ANH        | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 1.75 |          |
| 29  | 220029 | 022310000334 | ĐỖ QUỲNH ANH        | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.5  |          |
| 30  | 220030 | 031210010045 | ĐỒNG VŨ VIỆT ANH    | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 7.5  |          |
| 31  | 220031 | 022310006568 | HOÀNG MINH ANH      | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.5  |          |
| 32  | 220032 | 022210004211 | KHƯƠNG ĐỨC ANH      | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 2.25 |          |
| 33  | 220033 | 022310004397 | LÊ QUỲNH ANH        | 30/07/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 34  | 220034 | 022309001490 | LIÊU PHƯƠNG ANH     | 11/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.0  |          |
| 35  | 220035 | 022310011059 | NGÔ PHƯƠNG ANH      | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 2.5  |          |
| 36  | 220036 | 022310006346 | NGÔ THỊ MINH ANH    | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 7.25 |          |
| 37  | 220037 | 022310011192 | NGUYỄN DIỆP ANH     | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.75         | 6.0   | 3.25 |          |
| 38  | 220038 | 022310010619 | NGUYỄN DIỆP BẢO ANH | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.75         | 5.0   | 7.25 |          |
| 39  | 220039 | 022210003243 | NGUYỄN DUY ANH      | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 6.75 |          |
| 40  | 220040 | 022310002260 | NGUYỄN ĐỖ BẢO ANH   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 4.75 |          |
| 41  | 220041 | 022310006524 | NGUYỄN HẢI ANH      | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.25 |          |

| Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714) |        |              |                     |     |            |            |           |                  |                           |           |              |       |      |          |
|------------------------------------------|--------|--------------|---------------------|-----|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                      | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              |     | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                          |        |              |                     |     |            |            |           |                  |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 42                                       | 220042 | 022310002431 | NGUYỄN HÀ           | ANH | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 8.0  |          |
| 43                                       | 220043 | 022210012003 | NGUYỄN HOÀNG        | ANH | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 4.0  |          |
| 44                                       | 220044 | 022310009230 | NGUYỄN HỒNG         | ANH | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 5.75 |          |
| 45                                       | 220045 | 022310002780 | NGUYỄN HỒNG         | ANH | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 2.25 |          |
| 46                                       | 220046 | 022210005694 | NGUYỄN HUY HOÀNG    | ANH | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 6.25 |          |
| 47                                       | 220047 | 022310002067 | NGUYỄN MAI          | ANH | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 6.25 |          |
| 48                                       | 220048 | 022310000924 | NGUYỄN MINH         | ANH | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 49                                       | 220049 | 022310000216 | NGUYỄN NGỌC MỸ      | ANH | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 5.5  |          |
| 50                                       | 220050 | 031310004764 | NGUYỄN PHẠM TÔ      | ANH | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.0  |          |
| 51                                       | 220051 | 022310010510 | NGUYỄN PHƯƠNG       | ANH | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 2.25 |          |
| 52                                       | 220052 | 022310008999 | NGUYỄN QUỲNH        | ANH | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 6.25 |          |
| 53                                       | 220053 | 022310004105 | NGUYỄN THÙY         | ANH | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.5  |          |
| 54                                       | 220054 | 030310000331 | NGUYỄN THÙY         | ANH | 18/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 5.5  |          |
| 55                                       | 220055 | 022310011578 | NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG | ANH | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 5.25 |          |
| 56                                       | 220056 | 022310011765 | NGUYỄN TỬ           | ANH | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 6.25 |          |
| 57                                       | 220057 | 001210021905 | NGUYỄN TUẤN         | ANH | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 6.25 |          |
| 58                                       | 220058 | 036210015948 | NGUYỄN TUẤN         | ANH | 09/08/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 59                                       | 220059 | 024310013428 | NGUYỄN VŨ LAN       | ANH | 16/09/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 6.5  |          |
| 60                                       | 220060 | 022310002419 | NINH HOÀNG LÊ       | ANH | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.75 |          |
| 61                                       | 220061 | 022210005199 | PHẠM DUY            | ANH | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 3.25 |          |
| 62                                       | 220062 | 022310000065 | PHẠM ĐỒ DIỆU        | ANH | 17/10/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.5  |          |
| 63                                       | 220063 | 024310000632 | PHẠM HÀ             | ANH | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 6.0  |          |
| 64                                       | 220064 | 022210005978 | PHẠM HOÀNG          | ANH | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.0  |          |
| 65                                       | 220065 | 022310011944 | PHẠM KIM            | ANH | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 5.5  |          |
| 66                                       | 220066 | 022310008083 | PHẠM MINH           | ANH | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 5.5  |          |
| 67                                       | 220067 | 034310010716 | PHẠM NGỌC           | ANH | 18/09/2010 | Bình Thuận | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 6.75 |          |
| 68                                       | 220068 | 022310006173 | PHẠM PHƯƠNG         | ANH | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 1.75 |          |
| 69                                       | 220069 | 022310006246 | PHẠM THỊ LAN        | ANH | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh      | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 1.5  |          |
| 70                                       | 220070 | 022310000367 | PHAN DIỆP           | ANH | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 71                                       | 220071 | 022310001028 | PHAN PHƯƠNG         | ANH | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 3.25 |          |
| 72                                       | 220072 | 022210004201 | PHÙNG TUẤN          | ANH | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.5  |          |
| 73                                       | 220073 | 024210014833 | THÂN THỂ            | ANH | 24/10/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 7.75 |          |
| 74                                       | 220074 | 030210002129 | TRẦN HOÀNG          | ANH | 02/04/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 5.75 |          |
| 75                                       | 220075 | 022210012175 | TRẦN NGUYỄN ĐỨC     | ANH | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 76                                       | 220076 | 022210004421 | TRẦN PHÚC           | ANH | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 2.5          | 9.8   | 7.25 |          |
| 77                                       | 220077 | 022310005746 | TRẦN PHƯƠNG         | ANH | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 6.75 |          |
| 78                                       | 220078 | 022310008553 | TRỊNH KIỀU          | ANH | 07/04/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 4.75 |          |
| 79                                       | 220079 | 022310006207 | TRỊNH THỊ NGỌC      | ANH | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.25 |          |
| 80                                       | 220080 | 022310011075 | TỬ MAI              | ANH | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh      | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 1.5  |          |
| 81                                       | 220081 | 022310004843 | VĂN THỊ LAN         | ANH | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 82                                       | 220082 | 022310001868 | VŨ HOÀNG HẢI        | ANH | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 6.25 |          |
| 83                                       | 220083 | 022310011089 | VŨ HỒNG             | ANH | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 7.25 |          |
| 84                                       | 220084 | 024310006985 | VŨ KIM              | ANH | 22/12/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.0  |          |
| 85                                       | 220085 | 022310008329 | VŨ MAI              | ANH | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 4.5  |          |
| 86                                       | 220086 | 022310000583 | VŨ NGỌC PHƯƠNG      | ANH | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 7.0  |          |

| Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714) |        |              |                  |      |            |               |           |                  |                                       |           |              |       |      |          |
|------------------------------------------|--------|--------------|------------------|------|------------|---------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                      | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |      | Ngày sinh  | Nơi sinh      | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                          |        |              |                  |      |            |               |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 87                                       | 220087 | 024210015582 | VŨ QUỐC          | ANH  | 02/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 88                                       | 220088 | 022310003752 | ĐÀO NGỌC         | ẢNH  | 11/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 3.25 |          |
| 89                                       | 220089 | 033310005705 | ĐÀO NGỌC         | ẢNH  | 28/06/2010 | Hung Yên      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.25 |          |
| 90                                       | 220090 | 022310005788 | NGUYỄN NGỌC      | ẢNH  | 15/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 7.0  |          |
| 91                                       | 220091 | 022310007190 | NGUYỄN NGỌC      | ẢNH  | 02/06/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 6.25 |          |
| 92                                       | 220092 | 022310007750 | PHẠM NGỌC        | ẢNH  | 14/04/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 1.75 |          |
| 93                                       | 220093 | 036310005706 | PHẠM NGUYỆT      | ẢNH  | 26/11/2010 | Nam Định      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 7.75         | 4.6   | 5.0  |          |
| 94                                       | 220094 | 031310016245 | PHÙNG THỊ NGỌC   | ẢNH  | 21/11/2010 | Hải Phòng     | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 2.75 |          |
| 95                                       | 220095 | 036310000027 | VŨ NGỌC          | ẢNH  | 09/05/2010 | Nam Định      | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 5.75 |          |
| 96                                       | 220096 | 022210009456 | NGUYỄN HỮU       | BÁCH | 05/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.25 |          |
| 97                                       | 220097 | 022210011242 | NGUYỄN TRẦN GIA  | BÁCH | 22/04/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 1.75         | 6.2   | 4.75 |          |
| 98                                       | 220098 | 022210010270 | NGUYỄN VŨ        | BÁCH | 13/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân           | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 3.75 |          |
| 99                                       | 220099 | 022210002612 | PHẠM TRẦN GIA    | BÁCH | 22/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.25 |          |
| 100                                      | 220100 | 022210002706 | ĐỖ ĐỨC           | BẢO  | 13/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 8.0  |          |
| 101                                      | 220101 | 022210007822 | LÊ VŨ GIA        | BẢO  | 19/02/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                  | Tiếng Anh | 3.0          | 8.8   | 2.75 |          |
| 102                                      | 220102 | 022210003603 | LƯƠNG GIA        | BẢO  | 13/08/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân           | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 5.25 |          |
| 103                                      | 220103 | 022210001276 | LƯƠNG GIA        | BẢO  | 17/04/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 104                                      | 220104 | 022210006173 | LƯƠNG XUÂN QUỐC  | BẢO  | 29/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 3.25         | 7.6   | 8.25 |          |
| 105                                      | 220105 | 022210006204 | NGUYỄN CÔNG GIA  | BẢO  | 06/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 2.25 |          |
| 106                                      | 220106 | 022210009919 | NGUYỄN CÔNG TỔ   | BẢO  | 03/08/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 4.5  |          |
| 107                                      | 220107 | 036210004469 | NGUYỄN GIA       | BẢO  | 24/06/2010 | Nam Định      | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 4.5  |          |
| 108                                      | 220108 | 022210010692 | NGUYỄN GIA       | BẢO  | 17/02/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 1.0  |          |
| 109                                      | 220109 | 022210012076 | NGUYỄN HOÀNG GIA | BẢO  | 11/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 8.5  |          |
| 110                                      | 220110 | 031210005378 | PHẠM GIA         | BẢO  | 16/11/2010 | Hải Phòng     | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 8.25 |          |
| 111                                      | 220111 | 022210001306 | THẦN THIÊN       | BẢO  | 19/04/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 112                                      | 220112 | 022210002728 | TRẦN GIA         | BẢO  | 20/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 1.0          | 2.6   | 1.75 |          |
| 113                                      | 220113 | 036210006248 | TRẦN GIA         | BẢO  | 14/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 7.0  |          |
| 114                                      | 220114 | 022210007590 | TRẦN THÁI        | BẢO  | 18/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 4.75 |          |
| 115                                      | 220115 | 022210004932 | VŨ TRUNG         | BẢO  | 17/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 8.0  |          |
| 116                                      | 220116 | 022210000419 | ĐÀO HẢI          | BẮC  | 15/08/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 6.25 |          |
| 117                                      | 220117 | 022310006634 | ĐÀO NGỌC KHÁNH   | BẮNG | 14/02/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 7.75         | 6.6   | 6.0  |          |
| 118                                      | 220118 | 022310004982 | ĐÌNH NGỌC        | BÍCH | 24/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 7.75         | 6.4   | 6.5  |          |
| 119                                      | 220119 | 022310007614 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | BÍCH | 02/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 4.0  |          |
| 120                                      | 220120 | 022310006889 | PHẠM CAO NGỌC    | BÍCH | 06/06/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 4.0  |          |
| 121                                      | 220121 | 034310001513 | ĐỖ THANH         | BÌNH | 03/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.5  |          |
| 122                                      | 220122 | 022210000152 | NGUYỄN ĐỨC       | BÌNH | 27/02/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.75 |          |
| 123                                      | 220123 | 022310003627 | NGUYỄN THANH     | BÌNH | 28/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 3.0  |          |
| 124                                      | 220124 | 022210008886 | NGUYỄN TRỌNG     | BÌNH | 16/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.25 |          |
| 125                                      | 220125 | 231210000153 | TRƯƠNG GIA       | BÌNH | 15/05/2010 | Liên bang Nga | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 7.5  |          |
| 126                                      | 220126 | 022210001794 | DƯƠNG BẢO        | CHÂU | 29/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 6.0  |          |
| 127                                      | 220127 | 022310007713 | NGUYỄN BẢO       | CHÂU | 11/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.25 |          |
| 128                                      | 220128 | 022310001356 | TRẦN BẢO         | CHÂU | 10/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 5.5  |          |
| 129                                      | 220129 | 022310005321 | VŨ NGỌC MINH     | CHÂU | 15/02/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 3.75 |          |
| 130                                      | 220130 | 022310003904 | BUI DIỆP         | CHI  | 01/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                 | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 131                                      | 220131 | 033310002766 | ĐÀO TÙNG         | CHI  | 17/09/2010 | Hung Yên      | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                  | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 4.0  |          |



| Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714) |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                  |           |              |       |      |          |  |
|------------------------------------------|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|--|
| STT                                      | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |  |
|                                          |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |  |
| 132                                      | 220132 | 022310005535 | ĐẶNG MAI         | CHI    | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.83         | 6.2   | 8.0  |          |  |
| 133                                      | 220133 | 037310002971 | ĐOÀN HÀ          | CHI    | 19/08/2010 | Ninh Bình  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 6.83         | 7.6   | 8.0  |          |  |
| 134                                      | 220134 | 022310005963 | ĐỖ MAI           | CHI    | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 2.25 |          |  |
| 135                                      | 220135 | 022310000823 | ĐỖ MAI           | CHI    | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 4.5  |          |  |
| 136                                      | 220136 | 022310004463 | HÀ THỦY          | CHI    | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 7.5  |          |  |
| 137                                      | 220137 | 030310008981 | HOÀNG THI KHÁNH  | CHI    | 03/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 6.25         | 2.2   | 3.25 |          |  |
| 138                                      | 220138 | 022310005982 | LÊ THỦY          | CHI    | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 3.25 |          |  |
| 139                                      | 220139 | 022310003151 | NGÔ QUỲNH        | CHI    | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.75 |          |  |
| 140                                      | 220140 | 030310002104 | NGUYỄN HÀ        | CHI    | 24/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 7.5  |          |  |
| 141                                      | 220141 | 030310011589 | NGUYỄN MAI       | CHI    | 02/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 7.5  |          |  |
| 142                                      | 220142 | 022310006955 | NGUYỄN PHƯƠNG    | CHI    | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 5.75 |          |  |
| 143                                      | 220143 | 022310009462 | NGUYỄN QUỲNH     | CHI    | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 6.0  |          |  |
| 144                                      | 220144 | 022310009807 | NGUYỄN THỊ LAN   | CHI    | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 4.25 |          |  |
| 145                                      | 220145 | 031310019453 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | CHI    | 27/02/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 7.5  |          |  |
| 146                                      | 220146 | 030310005161 | NGUYỄN THỊ THỦY  | CHI    | 30/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.75 |          |  |
| 147                                      | 220147 | 022310004946 | NGUYỄN THÙY      | CHI    | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 5.0  |          |  |
| 148                                      | 220148 | 022310007204 | NGUYỄN THÙY      | CHI    | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 5.5  |          |  |
| 149                                      | 220149 | 030310101300 | NGUYỄN VŨ KHÁNH  | CHI    | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 6.0  |          |  |
| 150                                      | 220150 | 022310012043 | NGUYỄN YẾN       | CHI    | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 4.75 |          |  |
| 151                                      | 220151 | 022310004658 | NINH PHƯƠNG      | CHI    | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 6.5  |          |  |
| 152                                      | 220152 | 022310001547 | PHẠM VŨ KHÁNH    | CHI    | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 3.0  |          |  |
| 153                                      | 220153 | 022310011546 | TRẦN MAI         | CHI    | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 6.25 |          |  |
| 154                                      | 220154 | 022210001062 | NGUYỄN DUY       | CHÍNH  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 4.5  |          |  |
| 155                                      | 220155 | 022210007398 | NGUYỄN VĂN       | CHÍNH  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 8.25 |          |  |
| 156                                      | 220156 | 040210019187 | QUÁCH HỮU        | CHUNG  | 10/12/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 1.0          | 2.4   | 4.75 |          |  |
| 157                                      | 220157 | 022309010978 | ĐỖ THỊ           | CHUYỀN | 13/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.25 |          |  |
| 158                                      | 220158 | 284310000004 | TRẦN             | CLANCY | 20/03/2010 | Perth, Úc  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.25 |          |  |
| 159                                      | 220159 | 022210008448 | LÊ TRỊNH THÀNH   | CÔNG   | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 6.25 |          |  |
| 160                                      | 220160 | 022310011488 | ĐINH NGỌC        | DIỆP   | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.0  |          |  |
| 161                                      | 220161 | 034310007382 | HOÀNG NGỌC       | DIỆP   | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 4.5  |          |  |
| 162                                      | 220162 | 022310010606 | PHẠM NGỌC        | DIỆP   | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 4.75 |          |  |
| 163                                      | 220163 | 030310016524 | PHẠM THỊ PHƯƠNG  | DỪNG   | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 3.25 |          |  |
| 164                                      | 220164 | 030310016427 | TRẦN THỦY        | DỪNG   | 18/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 6.75 |          |  |
| 165                                      | 220165 | 022210007907 | ĐỖ MẠNH          | DỪNG   | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 5.75 |          |  |
| 166                                      | 220166 | 022210008644 | LÊ XUÂN          | DỪNG   | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |  |
| 167                                      | 220167 | 022210010189 | MẠC TRUNG        | DỪNG   | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 5.5          | 2.4   | 4.25 |          |  |
| 168                                      | 220168 | 030210000665 | NGUYỄN HÀ TRÍ    | DỪNG   | 02/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 5.0  |          |  |
| 169                                      | 220169 | 024210003741 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG   | 26/09/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 7.0  |          |  |
| 170                                      | 220170 | 036210017184 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG   | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 7.25         | 3.4   | 4.25 |          |  |
| 171                                      | 220171 | 037210008234 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG   | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.5  |          |  |
| 172                                      | 220172 | 022210010215 | PHẠM ĐỨC         | DỪNG   | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 7.5  |          |  |
| 173                                      | 220173 | 022209002630 | PHẠM TRÍ         | DỪNG   | 07/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |  |
| 174                                      | 220174 | 022210006445 | VŨ TRUNG         | DỪNG   | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 7.5  |          |  |
| 175                                      | 220175 | 022210000192 | BÙI ĐỨC          | DUY    | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.0          | 7.8   | 1.75 |          |  |
| 176                                      | 220176 | 022210004604 | NGUYỄN NHẬT      | DUY    | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 2.75         | 7.0   | 4.75 |          |  |

| Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714) |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                                       |           |              |       |      |          |
|------------------------------------------|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                      | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                          |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 177                                      | 220177 | 022210011246 | NGUYỄN PHƯƠNG    | DUY   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 178                                      | 220178 | 022210002109 | TÔ NGUYỄN TUÔNG  | DUY   | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 1.25 |          |
| 179                                      | 220179 | 022210006256 | TRẦN VŨ HẢI      | DUY   | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 5.5  |          |
| 180                                      | 220180 | 022310006124 | VŨ NGỌC          | DUYÊN | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.25 |          |
| 181                                      | 220181 | 022310012053 | BÙI THỦY         | DƯƠNG | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 5.0  |          |
| 182                                      | 220182 | 022310005295 | CAO ÁNH          | DƯƠNG | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 5.75 |          |
| 183                                      | 220183 | 022310009351 | ĐÀO BÍCH         | DƯƠNG | 04/10/2010 | Bình Phước | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 1.0  |          |
| 184                                      | 220184 | 001210054351 | ĐÀO CƯ THÀNH     | DƯƠNG | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.75 |          |
| 185                                      | 220185 | 022310002944 | ĐINH THỦY        | DƯƠNG | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 7.5  |          |
| 186                                      | 220186 | 030210000779 | HOÀNG ĐĂNG       | DƯƠNG | 10/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 3.25 |          |
| 187                                      | 220187 | 022310008227 | LÊ ÁNH           | DƯƠNG | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 4.25 |          |
| 188                                      | 220188 | 022310002996 | NGÔ MAI          | DƯƠNG | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 6.0  |          |
| 189                                      | 220189 | 022310011417 | NGÔ THỦY         | DƯƠNG | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 3.5  |          |
| 190                                      | 220190 | 022310005032 | NGUYỄN ÁNH       | DƯƠNG | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 5.75 |          |
| 191                                      | 220191 | 022210005088 | NGUYỄN HẢI       | DƯƠNG | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.5  |          |
| 192                                      | 220192 | 030310011302 | NGUYỄN THỦY      | DƯƠNG | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.83         | 3.2   | 1.25 |          |
| 193                                      | 220193 | 022210002755 | PHAN ĐÀO THÁI    | DƯƠNG | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 194                                      | 220194 | 022310000292 | TRẦN ÁNH         | DƯƠNG | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.75 |          |
| 195                                      | 220195 | 022310008393 | VŨ PHẠM THỦY     | DƯƠNG | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 5.0  |          |
| 196                                      | 220196 | 034210008761 | NGUYỄN VĂN       | ĐẠI   | 12/08/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.5  |          |
| 197                                      | 220197 | 022210001097 | VŨ ĐỨC           | ĐAM   | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 5.0  |          |
| 198                                      | 220198 | 022310009091 | DƯƠNG TRẦN TÂM   | ĐAN   | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 4.5  |          |
| 199                                      | 220199 | 022310008722 | ĐINH ĐAN         | ĐAN   | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.25 |          |
| 200                                      | 220200 | 030310009183 | ĐỖ LINH          | ĐAN   | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.42         | 7.6   | 4.0  |          |
| 201                                      | 220201 | 022310002812 | NGUYỄN NGỌC LINH | ĐAN   | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 5.0  |          |
| 202                                      | 220202 | 022310000210 | VŨ KHÁNH         | ĐAN   | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 3.5  |          |
| 203                                      | 220203 | 022210006426 | BÙI QUỐC         | ĐẠT   | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.75 |          |
| 204                                      | 220204 | 022210011842 | BÙI TIẾN         | ĐẠT   | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 8.25 |          |
| 205                                      | 220205 | 022210005622 | BÙI TIẾN         | ĐẠT   | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 2.75 |          |
| 206                                      | 220206 | 022210003087 | ĐỖ THÀNH         | ĐẠT   | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 1.5  |          |
| 207                                      | 220207 | 038210012731 | NGUYỄN ĐỨC TIẾN  | ĐẠT   | 13/04/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.0  |          |
| 208                                      | 220208 | 022210006850 | NGUYỄN TIẾN      | ĐẠT   | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 7.75 |          |
| 209                                      | 220209 | 022210010877 | NGUYỄN TUẤN      | ĐẠT   | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 210                                      | 220210 | 022210006638 | PHẠM TIẾN        | ĐẠT   | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 6.5  |          |
| 211                                      | 220211 | 022210003036 | TRẦN GIA THÀNH   | ĐẠT   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 6.25 |          |
| 212                                      | 220212 | 022210002971 | TRẦN QUỐC        | ĐẠT   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 8.0  |          |
| 213                                      | 220213 | 022210007840 | TRẦN TIẾN        | ĐẠT   | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.25         | 7.2   | 8.0  |          |
| 214                                      | 220214 | 022210011113 | TRƯƠNG ĐỨC THÀNH | ĐẠT   | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 6.25 |          |
| 215                                      | 220215 | 022210008377 | VŨ TUẤN          | ĐẠT   | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 5.0  |          |
| 216                                      | 220216 | 022210007463 | PHẠM HẢI         | ĐĂNG  | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 217                                      | 220217 | 022310006787 | MẠC NGỌC ĐÌNH    | ĐÌNH  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 2.75 |          |
| 218                                      | 220218 | 022210000166 | ĐINH TÂM         | ĐỨC   | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 5.25 |          |
| 219                                      | 220219 | 022210007634 | ĐỖ MINH          | ĐỨC   | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 7.75 |          |
| 220                                      | 220220 | 034210005908 | LÊ MINH          | ĐỨC   | 24/06/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 5.75 |          |
| 221                                      | 220221 | 022210010642 | LƯƠNG ĐOÀN MINH  | ĐỨC   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 4.75 |          |

| Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714) |        |              |                   |           |            |            |                  |                                                       |           |              |       |      |          |
|------------------------------------------|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                      | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                          |        |              |                   |           |            |            |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 222                                      | 220222 | 022210008916 | MAI ANH           | ĐỨC       | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 223                                      | 220223 | 022210002256 | NGUYỄN HỮU        | ĐỨC       | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.75 |          |
| 224                                      | 220224 | 022210011398 | NGUYỄN MINH       | ĐỨC       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 3.25 |          |
| 225                                      | 220225 | 022210009332 | NGUYỄN NGUYỄN     | ĐỨC       | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 7.0  |          |
| 226                                      | 220226 | 022210009632 | NGUYỄN TRỌNG      | ĐỨC       | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.5          | 8.4   | 7.25 |          |
| 227                                      | 220227 | 033210011419 | PHẠM VĂN          | ĐỨC       | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 2.0          | 1.6   | 0.5  |          |
| 228                                      | 220228 | 022210011494 | PHÍ THANH         | ĐỨC       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 0.5  |          |
| 229                                      | 220229 | 022210004584 | TRẦN MINH         | ĐỨC       | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 1.0  |          |
| 230                                      | 220230 | 022210005546 | TRẦN VĂN          | ĐỨC       | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 4.75 |          |
| 231                                      | 220231 | 022210005752 | PHẠM LƯƠNG VĨNH   | GIA       | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 1.25 |          |
| 232                                      | 220232 | 022310001063 | LÊ THỊ HÀ         | GIANG     | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 3.75 |          |
| 233                                      | 220233 | 022310000240 | NGUYỄN HƯƠNG      | GIANG     | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.75 |          |
| 234                                      | 220234 | 022310001988 | NGUYỄN TRÀ        | GIANG     | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 8.5          | 5.6   | 5.25 |          |
| 235                                      | 220235 | 022310012702 | NGUYỄN TRÀ        | GIANG     | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 5.25 |          |
| 236                                      | 220236 | 022310010128 | NGUYỄN VŨ NHẬT    | GIANG     | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.5  |          |
| 237                                      | 220237 | 022310002513 | PHẠM HƯƠNG        | GIANG     | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 7.0  |          |
| 238                                      | 220238 | 022310011517 | PHẠM THỊ HÀ       | GIANG     | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 6.75 |          |
| 239                                      | 220239 | 022310003052 | TRẦN NGUYỄN HƯƠNG | GIANG     | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 6.5  |          |
| 240                                      | 220240 | 022210000318 | VŨ ĐÌNH           | GIANG     | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 4.0  |          |
| 241                                      | 220241 | 022310008374 | VŨ TRÀ            | GIANG     | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 242                                      | 220242 | 022310008733 | ĐOÀN THỊ NGÂN     | HÀ        | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.5          | 9.0   | 5.25 |          |
| 243                                      | 220243 | 022310002905 | LẠI THU           | HÀ        | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 6.5  |          |
| 244                                      | 220244 | 022310006744 | LƯƠNG KHÁNH       | HÀ        | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 8.0  |          |
| 245                                      | 220245 | 022310002448 | NGUYỄN HỒNG       | HÀ        | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.0  |          |
| 246                                      | 220246 | 035310002486 | NGUYỄN KHÁNH      | HÀ        | 28/09/2010 | Hà Nam     | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 6.0  |          |
| 247                                      | 220247 | 022310004324 | NGUYỄN NGỌC       | HÀ        | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 6.5  |          |
| 248                                      | 220248 | 022310001031 | NGUYỄN THANH      | HÀ        | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 7.5  |          |
| 249                                      | 220249 | 022310003517 | PHÙNG KHÁNH       | HÀ        | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 6.25 |          |
| 250                                      | 220250 | 022310005730 | TRẦN THU          | HÀ        | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 6.0  |          |
| 251                                      | 220251 | 022310008559 | VŨ NGÂN           | HÀ        | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.25         | 8.6   | 2.5  |          |
| 252                                      | 220252 | 022310002637 | VŨ NGỌC           | HÀ        | 13/04/2010 | Quảng Bình | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.25 |          |
| 253                                      | 220253 | 022210004393 | VŨ QUANG          | HÀ        | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 1.0  |          |
| 254                                      | 220254 | 022310007893 | VŨ THỊ MINH       | HÀ        | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.75 |          |
| 255                                      | 220255 | 022210007022 | BÙI THANH         | HẢI       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 7.25 |          |
| 256                                      | 220256 | 022210001932 | BÙI VĂN           | HẢI       | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 0.25 |          |
| 257                                      | 220257 | 022210009436 | ĐỒNG TÙNG         | HẢI       | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 6.25 |          |
| 258                                      | 220258 | 022210011609 | NGUYỄN NGỌC       | HẢI       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 4.25 |          |
| 259                                      | 220259 | 022210012340 | PHẠM ĐÌNH         | HẢI       | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 3.25 |          |
| 260                                      | 220260 | 022210004109 | PHẠM ĐỎ NAM       | HẢI       | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 2.0  |          |
| 261                                      | 220261 | 022210001972 | TRẦN HỒNG         | HẢI       | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 2.25 |          |
| 262                                      | 220262 | 022210008208 | VŨ MẠC            | HẢI       | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 5.75 |          |
| 263                                      | 220263 | 022310004492 | HÀ THỊ HỒNG       | HẠNH      | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 4.75 |          |
| 264                                      | 220264 | 022310002348 | MAC MỸ            | HẠNH      | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 4.5  |          |
| 265                                      | 220265 | 022310005239 | NGUYỄN MINH       | HĂNG      | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 5.5  |          |
| 266                                      | 220266 | 022310002173 | NGUYỄN THUỶ       | HĂNG      | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 3.5          | 1.8   | 2.25 |          |

## Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                 | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                             |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 267 | 220267 | 034310011008 | ĐẶNG GIA        | HÂN   | 27/07/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 3.5  |          |
| 268 | 220268 | 022310000993 | LÊ GIA          | HÂN   | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 5.0  |          |
| 269 | 220269 | 022310009786 | LÝ TRẦN BẢO     | HÂN   | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 3.0  |          |
| 270 | 220270 | 022310010664 | NGUYỄN NGỌC GIA | HÂN   | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 5.5  |          |
| 271 | 220271 | 022310006452 | PHẠM BẢO        | HÂN   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 5.25 |          |
| 272 | 220272 | 022310004546 | PHẠM NGỌC       | HÂN   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 5.25 |          |
| 273 | 220273 | 031310011734 | TRẦN GIA        | HÂN   | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 6.0  |          |
| 274 | 220274 | 022310006334 | TRẦN VŨ NGỌC    | HÂN   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 275 | 220275 | 022310005033 | LÊ PHƯƠNG       | HIỀN  | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 1.75 |          |
| 276 | 220276 | 034310003785 | LÊ THỊ THẢO     | HIỀN  | 02/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 8.25         | 5.8   | 6.25 |          |
| 277 | 220277 | 036210016547 | NGUYỄN VŨ       | HIỆP  | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 5.25 |          |
| 278 | 220278 | 022210005665 | BUI ĐỨC         | HIẾU  | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 3.75 |          |
| 279 | 220279 | 030210008043 | BUI MINH        | HIẾU  | 19/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.25 |          |
| 280 | 220280 | 022210002724 | BUI MINH        | HIẾU  | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 281 | 220281 | 022210006096 | ĐẶNG MINH       | HIẾU  | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung         | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.75 |          |
| 282 | 220282 | 022210012079 | ĐOÀN MINH       | HIẾU  | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 5.75 |          |
| 283 | 220283 | 022210001602 | HOÀNG ĐỨC       | HIẾU  | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 3.25         | 2.4   | 3.0  |          |
| 284 | 220284 | 022210004322 | HỒ CÀNH         | HIẾU  | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 7.75 |          |
| 285 | 220285 | 022210001933 | HUỶNH TRUNG     | HIẾU  | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 286 | 220286 | 022210007723 | LÊ TRUNG        | HIẾU  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 5.25         | 9.6   | 7.0  |          |
| 287 | 220287 | 022210006877 | MAI TRUNG       | HIẾU  | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 3.25 |          |
| 288 | 220288 | 022210002631 | NGUYỄN ĐỖ TRUNG | HIẾU  | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.8   | 7.25 |          |
| 289 | 220289 | 022210001161 | NGUYỄN ĐỨC      | HIẾU  | 21/06/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 3.25         | 4.6   | 3.25 |          |
| 290 | 220290 | 022210008810 | PHẠM TRUNG      | HIẾU  | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 5.25 |          |
| 291 | 220291 | 022210002444 | THOÔNG XUÂN     | HIẾU  | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 292 | 220292 | 022210009805 | TÔNG TRUNG      | HIẾU  | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 293 | 220293 | 022210001990 | TRANG CÔNG      | HIẾU  | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải               | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 5.75 |          |
| 294 | 220294 | 022210005809 | TRẦN BÁ         | HIẾU  | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung         | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 5.25 |          |
| 295 | 220295 | 022210005604 | VŨ CÔNG         | HIẾU  | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.5  |          |
| 296 | 220296 | 022210009979 | VŨ ĐỨC          | HIẾU  | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 7.0  |          |
| 297 | 220297 | 022310008754 | ĐINH LÊ NGỌC    | HOA   | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 4.5  |          |
| 298 | 220298 | 022210011326 | NGUYỄN ĐẮC      | HOÀN  | 29/11/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.0  |          |
| 299 | 220299 | 022210011099 | TRẦN VĂN        | HOÀN  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 5.0          | 9.0   | 7.5  |          |
| 300 | 220300 | 022210006156 | ĐINH NAM        | HOÀNG | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 2.25         | 4.4   | 1.0  |          |
| 301 | 220301 | 022210004350 | NGUYỄN HUY      | HOÀNG | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 6.5  |          |
| 302 | 220302 | 022210002026 | PHẠM HUY        | HOÀNG | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 303 | 220303 | 022210003930 | PHẠM HUY        | HOÀNG | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.75 |          |
| 304 | 220304 | 022210002402 | PHẠM HUY        | HOÀNG | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 5.5  |          |
| 305 | 220305 | 022210008259 | TRẦN MINH       | HOÀNG | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 8.5  |          |
| 306 | 220306 | 022210006290 | VŨ HUY          | HOÀNG | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 5.0  |          |
| 307 | 220307 | 034210002403 | VŨ VIỆT         | HOÀNG | 13/08/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 8.25 |          |
| 308 | 220308 | 022210003967 | NGUYỄN TIẾN     | HỢP   | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 2.0  |          |
| 309 | 220309 | 030210000522 | ĐÀO PHẠM        | HÙNG  | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.75 |          |
| 310 | 220310 | 022210010889 | ĐINH TUẤN       | HÙNG  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 6.5  |          |
| 311 | 220311 | 022210010343 | LÊ NGỌC         | HÙNG  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 4.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|-------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |             |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 312 | 220312 | 022210002637 | LÊ VIỆT         | HÙNG  | 21/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 5.25 |          |
| 313 | 220313 | 022210021011 | NGUYỄN HỮU      | HÙNG  | 16/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Thống Nhất            | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 7.25 |          |
| 314 | 220314 | 022210008843 | NGUYỄN HỮU      | HÙNG  | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.75 |          |
| 315 | 220315 | 022210006482 | NGUYỄN MẠNH     | HÙNG  | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 316 | 220316 | 022209002491 | NGUYỄN MẠNH     | HÙNG  | 25/09/2009 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 317 | 220317 | 024210008203 | NGUYỄN TIẾN     | HÙNG  | 11/11/2010 | Bắc Giang   | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 6.0  |          |
| 318 | 220318 | 022210011605 | NGUYỄN TRÁC     | HÙNG  | 08/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 5.75 |          |
| 319 | 220319 | 022210005277 | NGUYỄN TUẤN     | HÙNG  | 19/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 3.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 320 | 220320 | 022210000191 | TRẦN PHI        | HÙNG  | 16/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.25         | 5.6   | 5.0  |          |
| 321 | 220321 | 022210011596 | BÀNG GIA        | HUY   | 05/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Chay         | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.5  |          |
| 322 | 220322 | 031210018418 | BÙI GIA         | HUY   | 13/05/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.75         | 6.8   | 8.25 |          |
| 323 | 220323 | 022210004771 | BÙI GIA         | HUY   | 29/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 4.75 |          |
| 324 | 220324 | 022210004199 | ĐẶNG GIA        | HUY   | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 6.25 |          |
| 325 | 220325 | 019210002187 | ĐẶNG QUANG      | HUY   | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 3.25 |          |
| 326 | 220326 | 022210008109 | ĐỖ QUANG        | HUY   | 30/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 327 | 220327 | 022210008294 | ĐỖ QUANG        | HUY   | 09/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 3.5  |          |
| 328 | 220328 | 022210003251 | ĐỖ VĂN          | HUY   | 03/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.0  |          |
| 329 | 220329 | 034210011373 | HÀ MINH         | HUY   | 13/07/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 5.5  |          |
| 330 | 220330 | 022210005666 | LÊ ĐOÀN GIA     | HUY   | 16/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.25 |          |
| 331 | 220331 | 022210010114 | LÊ GIA          | HUY   | 26/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 4.75 |          |
| 332 | 220332 | 035210007154 | LÊ QUANG        | HUY   | 16/10/2010 | Hà Nam      | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 3.25 |          |
| 333 | 220333 | 022210012559 | LÊ VĂN          | HUY   | 02/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 2.5  |          |
| 334 | 220334 | 022210009583 | LIÊU GIA        | HUY   | 10/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.75 |          |
| 335 | 220335 | 022210003881 | NGUYỄN ĐỨC      | HUY   | 19/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 8.5  |          |
| 336 | 220336 | 022210004655 | NGUYỄN QUANG    | HUY   | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 5.5          | 9.2   | 5.0  |          |
| 337 | 220337 | 022210009185 | PHẠM GIA        | HUY   | 11/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.0  |          |
| 338 | 220338 | 038210025879 | PHẠM GIA        | HUY   | 08/11/2010 | Thanh Hóa   | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 3.25 |          |
| 339 | 220339 | 022210004180 | TẠ GIA          | HUY   | 04/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 2.25 |          |
| 340 | 220340 | 037210000481 | TRƯƠNG GIA      | HUY   | 20/05/2010 | Ninh Bình   | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 0.25         | 7.8   | 1.25 |          |
| 341 | 220341 | 022310009890 | BÙI KHÁNH       | HUYỀN | 04/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.0  |          |
| 342 | 220342 | 033310009340 | BÙI THỊ KHÁNH   | HUYỀN | 23/05/2010 | Hưng Yên    | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 2.0  |          |
| 343 | 220343 | 022310001413 | ĐÌNH NGỌC       | HUYỀN | 13/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.5  |          |
| 344 | 220344 | 022310002820 | LÊ KHÁNH        | HUYỀN | 04/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 3.0  |          |
| 345 | 220345 | 022310008307 | LÊ THU          | HUYỀN | 23/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 7.0          | 1.6   | 5.5  |          |
| 346 | 220346 | 019310002336 | LƯU THỊ MINH    | HUYỀN | 01/12/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 3.25 |          |
| 347 | 220347 | 027310010737 | NGÔ THU         | HUYỀN | 02/11/2010 | Bắc Ninh    | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 7.75 |          |
| 348 | 220348 | 022310007676 | NGUYỄN KHÁNH    | HUYỀN | 04/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 6.5  |          |
| 349 | 220349 | 027310003584 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HUYỀN | 02/06/2010 | Bắc Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 5.5  |          |
| 350 | 220350 | 022310002217 | NGUYỄN THU      | HUYỀN | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 4.75 |          |
| 351 | 220351 | 022310002192 | PHẠM KHÁNH      | HUYỀN | 18/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 7.5  |          |
| 352 | 220352 | 022310011588 | QUẦN THU        | HUYỀN | 13/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 5.25 |          |
| 353 | 220353 | 022210002805 | ĐÀO LÊ THÁI     | HÙNG  | 28/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 4.0          | 6.8   | 5.75 |          |
| 354 | 220354 | 022210005654 | ĐẶNG QUỐC       | HÙNG  | 17/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toản              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.75 |          |
| 355 | 220355 | 022210007790 | ĐÌNH PHỤNG      | HÙNG  | 06/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 2.0  |          |
| 356 | 220356 | 022210000617 | ĐOÀN DUY        | HÙNG  | 04/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 357 | 220357 | 030210010962 | ĐOÀN QUỐC        | HÙNG   | 02/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 4.5  |          |
| 358 | 220358 | 022210008488 | LÊ KHÁNH         | HÙNG   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 7.0  |          |
| 359 | 220359 | 022210006286 | MAI DUY          | HÙNG   | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 4.5  |          |
| 360 | 220360 | 038210012568 | MAI XUÂN         | HÙNG   | 20/05/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.25 |          |
| 361 | 220361 | 015210003877 | NGUYỄN DUY       | HÙNG   | 23/11/2010 | Yên Bái    | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 5.25 |          |
| 362 | 220362 | 022210010571 | NGUYỄN GIA       | HÙNG   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 8.0  |          |
| 363 | 220363 | 022210007468 | NGUYỄN NGỌC      | HÙNG   | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 5.0  |          |
| 364 | 220364 | 022210009338 | NGUYỄN PHÚC      | HÙNG   | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 1.25 |          |
| 365 | 220365 | 022210001437 | NGUYỄN XUÂN      | HÙNG   | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.5  |          |
| 366 | 220366 | 022210009816 | PHẠM DUY         | HÙNG   | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 8.5  |          |
| 367 | 220367 | 022210002712 | PHẠM THÀNH       | HÙNG   | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.5  |          |
| 368 | 220368 | 022210008938 | PHẠM TUẤN        | HÙNG   | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 6.0  |          |
| 369 | 220369 | 036210016835 | PHẠM VIỆT        | HÙNG   | 08/01/2010 | Đắc Lắc    | Nam       |                  | TH và THCS Thống Nhất                                 | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 5.5  |          |
| 370 | 220370 | 025210009908 | TRẦN LÊ          | HÙNG   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.5  |          |
| 371 | 220371 | 022210006133 | TRẦN THÁI        | HÙNG   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 8.0  |          |
| 372 | 220372 | 022210012377 | VŨ NGUYỄN DUY    | HÙNG   | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 5.0  |          |
| 373 | 220373 | 034310015463 | NGUYỄN THỊ MINH  | HƯƠNG  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 6.0  |          |
| 374 | 220374 | 022310002502 | VŨ DIỆP          | HƯƠNG  | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 6.5  |          |
| 375 | 220375 | 031310019526 | VŨ THỊ LINH      | HƯƠNG  | 30/12/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 6.25 |          |
| 376 | 220376 | 022310005896 | TRẦN THU         | HƯƠNG  | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 5.0  |          |
| 377 | 220377 | 034210003428 | ĐỖ THẾ           | KHAI   | 08/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 2.6   | 5.5  |          |
| 378 | 220378 | 022210007282 | NGÔ THẾ          | KHAI   | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 2.75         | 9.2   | 6.75 |          |
| 379 | 220379 | 022210008140 | CAO MINH         | KHANG  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 8.5  |          |
| 380 | 220380 | 022210008684 | ĐƯƠNG TUẤN       | KHANG  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.75 |          |
| 381 | 220381 | 035210005339 | NGÔ PHẠM BẢO     | KHANH  | 13/08/2010 | Hà Nam     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 382 | 220382 | 022210010398 | ĐỖ QUÝ GIA       | KHÁNH  | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 7.0  |          |
| 383 | 220383 | 022210001526 | ĐỖ QUÝ MINH      | KHÁNH  | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 6.5  |          |
| 384 | 220384 | 022310006923 | HUỲNH THỊ KIM    | KHÁNH  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 6.25 |          |
| 385 | 220385 | 022210010540 | NGUYỄN DUY       | KHÁNH  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 3.0          | 7.4   | 4.25 |          |
| 386 | 220386 | 022210011469 | NGUYỄN ĐĂNG      | KHÁNH  | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 6.25 |          |
| 387 | 220387 | 022210010380 | NGUYỄN HUY       | KHÁNH  | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.75 |          |
| 388 | 220388 | 022310001716 | NGUYỄN NGỌC      | KHÁNH  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 7.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 389 | 220389 | 022310005474 | PHẠM BẢO         | KHÁNH  | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 4.25 |          |
| 390 | 220390 | 022310007425 | VŨ NGÂN          | KHÁNH  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 4.75 |          |
| 391 | 220391 | 022210011160 | ĐẶNG GIA         | KHIÊM  | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 6.25 |          |
| 392 | 220392 | 022210002346 | HOÀNG DOÀN ĐỨC   | KHIÊM  | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 6.0  |          |
| 393 | 220393 | 022210008629 | NGUYỄN ANH       | KHOA   | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 394 | 220394 | 024210008205 | NGUYỄN MAI BÁCH  | KHOA   | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.5  |          |
| 395 | 220395 | 022210000238 | KIỀU NGUYỄN MINH | KHÔI   | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 4.0  |          |
| 396 | 220396 | 022210011816 | NGUYỄN ANH       | KHÔI   | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 2.25 |          |
| 397 | 220397 | 022210000088 | PHẠM ANH         | KHÔI   | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.0  |          |
| 398 | 220398 | 022310000420 | PHẠM NGỌC        | KHUYẾN | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 6.5  |          |
| 399 | 220399 | 022210009853 | ĐỖ TRUNG         | KIẾN   | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.5  |          |
| 400 | 220400 | 022210007308 | LÊ TRUNG         | KIẾN   | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.0          | 9.2   | 6.75 |          |
| 401 | 220401 | 022210007262 | LÊ TRUNG         | KIẾN   | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 5.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |      |            |            |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 402 | 220402 | 022210004263 | NGUYỄN TRUNG      | KIÊN | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 6.5  |         |
| 403 | 220403 | 022210004134 | PHẠM TRUNG        | KIÊN | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.5  |         |
| 404 | 220404 | 022210008201 | ĐỖ TUẤN           | KIẾT | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 3.5  |         |
| 405 | 220405 | 022210008517 | NGUYỄN TUẤN       | KIẾT | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 3.75 |         |
| 406 | 220406 | 022210012400 | PHẠM QUANG        | KIẾT | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 407 | 220407 | 022210000812 | TRẦN TUẤN         | KIẾT | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.0  |         |
| 408 | 220408 | 022310002559 | TRẦN THU          | LAM  | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.0  |         |
| 409 | 220409 | 034210009777 | LÊ ĐỨC            | LÂM  | 11/05/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.75 |         |
| 410 | 220410 | 033310005276 | ĐẶNG THỊ MAI      | LÂN  | 21/09/2010 | Hung Yên   | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 5.5  |         |
| 411 | 220411 | 022210003793 | BÙI ĐỨC           | LÂM  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 5.0  |         |
| 412 | 220412 | 022310001334 | CAM THÙY          | LÂM  | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.0  |         |
| 413 | 220413 | 027210011490 | ĐÀO HỮU PHÚC      | LÂM  | 25/03/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.5  |         |
| 414 | 220414 | 022210001873 | ĐOÀN BẢO          | LÂM  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.75 |         |
| 415 | 220415 | 022210003059 | ĐOÀN KHÁNH        | LÂM  | 07/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 4.25 |         |
| 416 | 220416 | 022210007860 | LÊ BÁ HẢI         | LÂM  | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 7.25 |         |
| 417 | 220417 | 034210004342 | LƯƠNG MINH        | LÂM  | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 7.25 |         |
| 418 | 220418 | 022210007122 | NGUYỄN ĐỨC BẢO    | LÂM  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 5.75 |         |
| 419 | 220419 | 022210003193 | NGUYỄN HỮU        | LÂM  | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 7.25 |         |
| 420 | 220420 | 022210012143 | NGUYỄN TRỌNG TÙNG | LÂM  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 5.0  |         |
| 421 | 220421 | 022210003240 | NGUYỄN TÙNG       | LÂM  | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 3.25         | 6.0   | 5.75 |         |
| 422 | 220422 | 022210009502 | NGUYỄN TÙNG       | LÂM  | 28/12/2010 | Hà Nam     | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 7.25 |         |
| 423 | 220423 | 022210001894 | NGUYỄN TÙNG       | LÂM  | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 0.75 |         |
| 424 | 220424 | 022210001676 | NGUYỄN VŨ QUỐC    | LÂM  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 8.5  |         |
| 425 | 220425 | 022310004008 | PHẠM BẢO          | LÂM  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.0  |         |
| 426 | 220426 | 022210001031 | PHẠM TRƯỞNG       | LÂM  | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 4.75 |         |
| 427 | 220427 | 022210003571 | TÔNG TRỌNG        | LÂM  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 8.0  |         |
| 428 | 220428 | 022210001603 | TRẦN TÙNG         | LÂM  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 3.5  |         |
| 429 | 220429 | 022210003754 | TRIỆU TÙNG        | LÂM  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 2.0  |         |
| 430 | 220430 | 022210004008 | VŨ HOÀNG CHỈ      | LÂM  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 431 | 220431 | 022310004838 | VŨ THÙY           | LÂM  | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 6.0  |         |
| 432 | 220432 | 022210003708 | ĐỒNG HUY          | LÂN  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 4.5  |         |
| 433 | 220433 | 022210003288 | PHẠM QUỐC         | LÂN  | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 7.25 |         |
| 434 | 220434 | 022210006708 | TRẦN PHÚC         | LÂN  | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 8.5  |         |
| 435 | 220435 | 022310001410 | ĐINH HƯƠNG        | LIÊN | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 5.25         | 9.4   | 7.25 |         |
| 436 | 220436 | 022310011052 | BÙI GIA           | LINH | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 4.5  |         |
| 437 | 220437 | 022310003792 | BÙI HOÀNG TUỆ     | LINH | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 6.25 |         |
| 438 | 220438 | 022310009190 | CHU PHƯƠNG        | LINH | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.75         | 7.0   | 4.25 |         |
| 439 | 220439 | 022310004469 | DƯƠNG KHÁNH       | LINH | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 7.0  |         |
| 440 | 220440 | 022310007437 | DƯƠNG THÙY        | LINH | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 6.25 |         |
| 441 | 220441 | 022310010839 | ĐÀM NHẬT          | LINH | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 7.75         | 5.0   | 7.25 |         |
| 442 | 220442 | 022310000278 | ĐÀO HẢI           | LINH | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 8.25         | 5.0   | 7.5  |         |
| 443 | 220443 | 022310002829 | ĐẶNG PHƯƠNG       | LINH | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.0  |         |
| 444 | 220444 | 022310003709 | ĐINH HÀ           | LINH | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 4.5  |         |
| 445 | 220445 | 022310005225 | ĐOÀN KHÁNH        | LINH | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.0  |         |
| 446 | 220446 | 022310012002 | ĐOÀN THỦY         | LINH | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 8.0          | 4.8   | 5.25 |         |

## Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 447 | 220447 | 022310009275 | ĐỖ HÀ LINH             | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 6.25 |          |
| 448 | 220448 | 022310009674 | ĐỖ KIỀU PHƯƠNG LINH    | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 4.75 |          |
| 449 | 220449 | 036310009474 | HOÀNG THỊ HÀ LINH      | 08/02/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.25 |          |
| 450 | 220450 | 022310009772 | LÊ THỊ THUỶ LINH       | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.5  |          |
| 451 | 220451 | 022310007250 | MAC GIA LINH           | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 4.75         | 7.2   | 6.5  |          |
| 452 | 220452 | 031310009427 | MAC KHÁNH LINH         | 19/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 4.25 |          |
| 453 | 220453 | 022310001087 | MAI HÀ LINH            | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 2.25 |          |
| 454 | 220454 | 022310009174 | NGO THỊ THUY LINH      | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 5.0  |          |
| 455 | 220455 | 031310015429 | NGUYỄN BẢO LINH        | 24/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 6.0  |          |
| 456 | 220456 | 022310005027 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 3.75 |          |
| 457 | 220457 | 022310002373 | NGUYỄN NGỌC BẢO LINH   | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 5.25 |          |
| 458 | 220458 | 022310010738 | NGUYỄN NGỌC HÀ LINH    | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 4.5  |          |
| 459 | 220459 | 022310000073 | NGUYỄN PHẠM GIA LINH   | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 7.0  |          |
| 460 | 220460 | 022310010085 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH     | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.0  |          |
| 461 | 220461 | 022310001027 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH     | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 7.0  |          |
| 462 | 220462 | 024310009519 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH | 09/08/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 8.5          | 8.2   | 6.75 |          |
| 463 | 220463 | 022310008643 | PHẠM HÀ LINH           | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.0  |          |
| 464 | 220464 | 022310007504 | PHẠM KHÁNH LINH        | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.0  |          |
| 465 | 220465 | 022310000107 | PHẠM KHÁNH LINH        | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 7.5  |          |
| 466 | 220466 | 022310008476 | PHẠM KHÁNH LINH        | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 8.0  |          |
| 467 | 220467 | 022310007098 | PHẠM NGỌC LINH         | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.0          | 2.2   | 2.25 |          |
| 468 | 220468 | 019309010737 | PHAM THỊ BẢO LINH      | 23/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 3.5  |          |
| 469 | 220469 | 022310003746 | TẠ KHÁNH LINH          | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 470 | 220470 | 022310007246 | TRẦN KHÁNH LINH        | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.25 |          |
| 471 | 220471 | 030310009216 | TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH   | 21/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 3.25 |          |
| 472 | 220472 | 022310010700 | TRƯƠNG BẢO LINH        | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 5.25 |          |
| 473 | 220473 | 022310009902 | VŨ NGỌC KHÁNH LINH     | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 7.5  |          |
| 474 | 220474 | 022310011474 | VŨ PHƯƠNG LINH         | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 1.75 |          |
| 475 | 220475 | 022310001780 | VŨ PHƯƠNG LINH         | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 5.0  |          |
| 476 | 220476 | 022310001890 | LÊ NGỌC LOAN           | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 6.75 |          |
| 477 | 220477 | 022210002435 | DƯƠNG ĐỨC LONG         | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 6.75 |          |
| 478 | 220478 | 022210006205 | ĐỒNG HOÀNG LONG        | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 7.75 |          |
| 479 | 220479 | 033210005365 | LÊ ĐỨC LONG            | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.75 |          |
| 480 | 220480 | 038210014551 | LƯU THÀNH LONG         | 01/01/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 6.5  |          |
| 481 | 220481 | 022210004242 | NGUYỄN BẢO LONG        | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 6.5  |          |
| 482 | 220482 | 038210003577 | NGUYỄN ĐỨC KIM LONG    | 13/04/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 5.5  |          |
| 483 | 220483 | 015210000214 | NGUYỄN HOÀNG LONG      | 29/06/2010 | Lào Cai    | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 2.75         | 5.0   | 1.75 |          |
| 484 | 220484 | 022210000396 | NGUYỄN KIM BẢO LONG    | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 6.5  |          |
| 485 | 220485 | 022210006459 | PHẠM BẢO LONG          | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 1.75 |          |
| 486 | 220486 | 022210010758 | TRẦN THÀNH LONG        | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 6.0  |          |
| 487 | 220487 | 022210007584 | VŨ XUÂN LONG           | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 3.75 |          |
| 488 | 220488 | 040210004056 | VI THANH LỘC           | 27/10/2010 | Nghệ An    | Nam       | Thái             | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 4.75 |          |
| 489 | 220489 | 030310012907 | PHẠM THỊ HIỀN LƯƠNG    | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.5  |          |
| 490 | 220490 | 031310007147 | TRẦN NGỌC LƯƠNG        | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 6.25 |          |
| 491 | 220491 | 031310010256 | BUI NGOC LY            | 15/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.25 |          |



Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |                 |           |                  |                                  |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 492 | 220492 | 001310004434 | LẠI PHƯƠNG LY        | 25/11/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 7.75 |          |
| 493 | 220493 | 022310001676 | NGUYỄN KHÁNH LY      | 15/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 2.75 |          |
| 494 | 220494 | 030310013662 | NGUYỄN PHƯƠNG HÀ LY  | 23/12/2010 | Bắc Ninh        | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 5.4   | 5.0  |          |
| 495 | 220495 | 036310002204 | PHẠM DIỆU LY         | 21/06/2010 | Nam Định        | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 7.25         | 3.0   | 2.5  |          |
| 496 | 220496 | 022310009770 | VŨ THẢO LY           | 07/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 5.0  |          |
| 497 | 220497 | 031310002875 | VŨ THỊ HỒNG LY       | 24/07/2010 | Thái Nguyên     | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 2.25         | 3.6   | 1.75 |          |
| 498 | 220498 | 033310004678 | BÙI THANH MAI        | 27/06/2010 | Hưng Yên        | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 4.5  |          |
| 499 | 220499 | 022310012608 | BÙI THỊ THANH MAI    | 04/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh | 8.5          | 9.6   | 7.75 |          |
| 500 | 220500 | 022310002644 | ĐỖ THỊ QUỲNH MAI     | 19/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 3.75 |          |
| 501 | 220501 | 022310005289 | HÀ NGỌC MAI          | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.5          | 4.4   | 5.0  |          |
| 502 | 220502 | 022310007241 | HOÀNG MAI            | 30/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 5.25         | 8.6   | 7.0  |          |
| 503 | 220503 | 022310008166 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG MAI | 18/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 3.5  |          |
| 504 | 220504 | 022310008640 | NGUYỄN THỊ THANH MAI | 17/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.0  |          |
| 505 | 220505 | 025310003982 | NÔNG THỊ NGỌC MAI    | 28/06/2010 | Phủ Thọ         | Nữ        | Tây              | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.5  |          |
| 506 | 220506 | 022310008737 | PHẠM NGUYỄN NGỌC MAI | 17/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 8.0          | 4.0   | 4.75 |          |
| 507 | 220507 | 022310001590 | PHẠM NGUYỆT MAI      | 03/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 5.5  |          |
| 508 | 220508 | 022310000545 | PHÍ NGỌC MAI         | 21/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 5.25 |          |
| 509 | 220509 | 022310011537 | VŨ NGỌC MAI          | 24/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 1.25 |          |
| 510 | 220510 | 022310011533 | VŨ THỊ NGỌC MAI      | 09/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 5.5  |          |
| 511 | 220511 | 022310005717 | VŨ THỊ TUYẾT MAI     | 02/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.25 |          |
| 512 | 220512 | 022310002692 | VŨ TUYẾT MAI         | 31/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 4.0          | 7.8   | 5.0  |          |
| 513 | 220513 | 022210008913 | ĐỖ ĐỨC MẠNH          | 26/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 6.5  |          |
| 514 | 220514 | 022210004345 | NGUYỄN ĐỨC MẠNH      | 03/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 7.0  |          |
| 515 | 220515 | 022210005006 | TRẦN BẢO MẠNH        | 27/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 2.75 |          |
| 516 | 220516 | 022210006607 | VŨ HOÀNG MẠNH        | 10/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 5.5  |          |
| 517 | 220517 | 001310017512 | BÙI TRẦN HÀ MI       | 17/03/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 4.75 |          |
| 518 | 220518 | 022310000492 | LÊ HÀ MI             | 26/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 4.5  |          |
| 519 | 220519 | 022310005175 | BÙI HỒNG MINH        | 01/11/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.5  |          |
| 520 | 220520 | 022210005872 | BÙI HUY MINH         | 27/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 5.75 |          |
| 521 | 220521 | 022210007986 | BÙI NHẬT MINH        | 13/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 5.5  |          |
| 522 | 220522 | 022210009840 | BÙI NHẬT MINH        | 04/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 6.5  |          |
| 523 | 220523 | 022210000273 | ĐỖ NHẬT MINH         | 11/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 4.5  |          |
| 524 | 220524 | 031210005750 | ĐỖ NHẬT MINH         | 24/09/2010 | Hải Phòng       | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 4.75 |          |
| 525 | 220525 | 022210006634 | ĐỖ TUẤN MINH         | 11/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 526 | 220526 | 022210007343 | HÀ THÀNH MINH        | 13/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 8.5  |          |
| 527 | 220527 | 024210001120 | HOÀNG GIA MINH       | 22/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 528 | 220528 | 022210010259 | HOÀNG MẠNH NHẬT MINH | 23/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 3.75 |          |
| 529 | 220529 | 022210000717 | LÊ MINH              | 11/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cẩm Sơn                     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.75 |          |
| 530 | 220530 | 022210004970 | LÊ BÙI NHẬT MINH     | 26/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh             | Tiếng Anh | 3.75         | 2.0   | 1.75 |          |
| 531 | 220531 | 022210008111 | LÊ HOÀNG MINH        | 16/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 5.75 |          |
| 532 | 220532 | 022210004587 | LÊ QUANG MINH        | 14/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 6.0  |          |
| 533 | 220533 | 022210005739 | LÊ TUẤN MINH         | 12/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 7.75 |          |
| 534 | 220534 | 022210001160 | LƯU BÌNH MINH        | 28/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 4.75         | 6.4   | 7.5  |          |
| 535 | 220535 | 022210010749 | NGUYỄN BÌNH MINH     | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 2.5  |          |
| 536 | 220536 | 022210011523 | NGUYỄN HỮU BAO MINH  | 02/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc            | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.75 |          |

## Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |                 |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 537 | 220537 | 022210010906 | NGUYỄN NHẬT MINH     | 10/06/2010 | Bắc Ninh        | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Diễm - Hạ Long | Tiếng Anh | 2.25         | 9.8   | 4.5  |          |
| 538 | 220538 | 034210013603 | NGUYỄN QUANG MINH    | 20/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 8.0  |          |
| 539 | 220539 | 031210014242 | PHẠM HOÀNG MINH      | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.75 |          |
| 540 | 220540 | 034310003817 | PHẠM NHẬT MINH       | 02/09/2010 | Thái Bình       | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.75 |          |
| 541 | 220541 | 035310008198 | TRẦN BẢO MINH        | 12/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 6.25 |          |
| 542 | 220542 | 022210003468 | TRẦN ĐỨC MINH        | 26/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 5.75 |          |
| 543 | 220543 | 034210015507 | TRẦN ĐỨC MINH        | 29/04/2010 | Thái Bình       | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 7.75 |          |
| 544 | 220544 | 022210001852 | TRẦN NHẬT MINH       | 01/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 4.75 |          |
| 545 | 220545 | 031210013829 | TRIỆU ĐỨC TUẤN       | 18/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 6.25 |          |
| 546 | 220546 | 022210007464 | TRƯƠNG QUANG MINH    | 15/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.75         | 8.6   | 7.5  |          |
| 547 | 220547 | 022210000474 | VỊ HIẾU MINH         | 04/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 6.0  |          |
| 548 | 220548 | 022310004500 | BUI HUYỀN MY         | 19/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.25 |          |
| 549 | 220549 | 022310008468 | DƯƠNG TRẦN MY        | 19/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.25 |          |
| 550 | 220550 | 022310005306 | ĐOÀN TRẦN MY         | 02/05/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 1.25         | 2.4   | 2.0  |          |
| 551 | 220551 | 022310004231 | LÊ TRẦN MY           | 20/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 2.25 |          |
| 552 | 220552 | 022310011662 | NGUYỄN THỊ KHÁNH MY  | 10/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 7.0  |          |
| 553 | 220553 | 022310010724 | NGUYỄN THỊ TRẦN MY   | 17/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 1.25         | 4.0   | 5.25 |          |
| 554 | 220554 | 022310002298 | NGUYỄN TRẦN MY       | 03/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.0  |          |
| 555 | 220555 | 038310021351 | NGUYỄN VŨ THẢO MY    | 08/10/2010 | Thanh Hóa       | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.0          | 10.0  | 8.25 |          |
| 556 | 220556 | 022310005996 | PHẠM TRẦN MY         | 08/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 6.25 |          |
| 557 | 220557 | 001310000673 | TRẦN KIỀU MY         | 28/07/2010 | Thanh Hóa       | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 1.75         | 4.6   | 2.5  |          |
| 558 | 220558 | 022310004942 | TRẦN PHƯƠNG MY       | 31/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 3.75 |          |
| 559 | 220559 | 022310002565 | VŨ THỊ TRẦN MY       | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 3.75         | 2.4   | 5.0  |          |
| 560 | 220560 | 022310004235 | VŨ TRẦN MY           | 09/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 8.5  |          |
| 561 | 220561 | 038310012287 | QUÁCH THỊ LÊ NA      | 25/10/2010 | Thanh Hóa       | Nữ        | Mường            | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.25 |          |
| 562 | 220562 | 022210007367 | BUI HOÀNG NAM        | 30/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.75 |          |
| 563 | 220563 | 022210004356 | BUI VŨ QUANG NAM     | 07/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 1.25         | 2.8   | 0.0  |          |
| 564 | 220564 | 022210011343 | CHU THÀNH NAM        | 19/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 4.75 |          |
| 565 | 220565 | 022210001208 | ĐẶNG HẢI NAM         | 29/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 2.0  |          |
| 566 | 220566 | 022210007917 | ĐẶNG HẢO NAM         | 01/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 2.25 |          |
| 567 | 220567 | 022210000160 | ĐINH PHƯƠNG NAM      | 24/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 3.25 |          |
| 568 | 220568 | 022210009759 | ĐỖ LÊ DUY NAM        | 23/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 569 | 220569 | 022210001425 | HOÀNG HẢI NAM        | 16/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 0.0          | 1.2   | 1.75 |          |
| 570 | 220570 | 022210008114 | NGUYỄN BẢO NAM       | 26/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 7.0  |          |
| 571 | 220571 | 022210008894 | NGUYỄN BẢO NAM       | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.5          | 2.6   | 5.5  |          |
| 572 | 220572 | 038210005784 | NGUYỄN PHÚC NAM      | 29/07/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 2.4   | 6.0  |          |
| 573 | 220573 | 022210010591 | NGUYỄN THÀNH NAM     | 19/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 6.5  |          |
| 574 | 220574 | 033210000122 | NGUYỄN TRỌNG HẢI NAM | 20/06/2010 | Hưng Yên        | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.75         | 7.2   | 5.25 |          |
| 575 | 220575 | 022210002678 | PHẠM TRUNG NAM       | 17/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 0.75         | 6.0   | 4.5  |          |
| 576 | 220576 | 026210002528 | PHÙNG HẢI NAM        | 13/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 6.75 |          |
| 577 | 220577 | 022210007692 | TRẦN BẢO NAM         | 19/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 578 | 220578 | 022210001768 | TRẦN HOÀNG NAM       | 31/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 579 | 220579 | 022210001771 | VŨ BẢO NAM           | 29/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 1.25 |          |
| 580 | 220580 | 022210005765 | VŨ HẢI NAM           | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 3.25         | 4.2   | 3.5  |          |
| 581 | 220581 | 033309012079 | DƯƠNG NGỌC NGÀ       | 08/12/2009 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 0.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 582 | 220582 | 022310003431 | PHẠM HẠNH        | NGA       | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 1.0  |          |
| 583 | 220583 | 022310006287 | PHẠM PHƯƠNG      | NGA       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 7.25 |          |
| 584 | 220584 | 022310001495 | NGUYỄN PHƯƠNG    | NGÂN      | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 3.75         | 5.2   | 3.75 |          |
| 585 | 220585 | 022310002678 | TRẦN THÚY        | NGÂN      | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 7.25 |          |
| 586 | 220586 | 022210011881 | NGUYỄN DANH      | NGHĨA     | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 8.5  |          |
| 587 | 220587 | 022210006803 | NGUYỄN VĂN       | NGHĨA     | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 5.0          | 8.4   | 9.0  |          |
| 588 | 220588 | 022210006496 | PHẠM QUANG       | NGHĨA     | 24/01/2010 | Hà Nội     | Nam              | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 5.25 |          |
| 589 | 220589 | 022310000350 | BÙI NHƯ          | NGỌC      | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.5  |          |
| 590 | 220590 | 022310000197 | ĐẶNG BẢO         | NGỌC      | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 4.5  |          |
| 591 | 220591 | 026310002601 | ĐẶNG KHÁNH       | NGỌC      | 12/08/2010 | Vĩnh Phúc  | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 592 | 220592 | 022310005362 | ĐINH HOÀNG BẢO   | NGỌC      | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 6.75 |          |
| 593 | 220593 | 019210001382 | ĐỖ QUANG         | NGỌC      | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 4.75 |          |
| 594 | 220594 | 001310005098 | KIỀU MINH        | NGỌC      | 19/05/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.5  |          |
| 595 | 220595 | 022310001594 | LÊ HỒNG          | NGỌC      | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.0          | 8.0   | 6.0  |          |
| 596 | 220596 | 022310006052 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC      | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Thống Nhất                                 | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 6.75 |          |
| 597 | 220597 | 022310010503 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC      | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 5.0  |          |
| 598 | 220598 | 022310004697 | NGUYỄN MINH      | NGỌC      | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.75 |          |
| 599 | 220599 | 022310010749 | NGUYỄN MINH      | NGỌC      | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 7.25 |          |
| 600 | 220600 | 022309002943 | PHẠM MINH        | NGỌC      | 30/09/2009 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 2.5          | 3.6   | 1.5  |          |
| 601 | 220601 | 022310006368 | PHẠM TRẦN BẢO    | NGỌC      | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 1.5  |          |
| 602 | 220602 | 022310006295 | TRẦN KHÁNH       | NGỌC      | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 7.0  |          |
| 603 | 220603 | 022310005807 | VŨ BẢO           | NGỌC      | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.5  |          |
| 604 | 220604 | 022310001765 | VŨ BÍCH          | NGỌC      | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 4.75 |          |
| 605 | 220605 | 022310002445 | VŨ THANH         | NGỌC      | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 5.75 |          |
| 606 | 220606 | 022210006012 | BÙI VIỆT KHÔI    | NGUYỄN    | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.0          | 8.0   | 7.0  |          |
| 607 | 220607 | 022210005556 | ĐINH CÔNG LÂM    | NGUYỄN    | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.75 |          |
| 608 | 220608 | 022210000447 | NGUYỄN PHẠM KHÔI | NGUYỄN    | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 7.75 |          |
| 609 | 220609 | 022210001416 | TRẦN HOÀNG       | NGUYỄN    | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 7.5  |          |
| 610 | 220610 | 022210001671 | VŨ HOÀNG HẢI     | NGUYỄN    | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.75 |          |
| 611 | 220611 | 022310003094 | TRẦN MINH        | NGUYỆT    | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 2.5  |          |
| 612 | 220612 | 022310002281 | PHẠM THANH       | NHÂN      | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 5.5  |          |
| 613 | 220613 | 022210008130 | VŨ ĐỨC           | NHÂN      | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 5.0  |          |
| 614 | 220614 | 022210001920 | PHẠM MINH        | NHẬT      | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.5  |          |
| 615 | 220615 | 022310009248 | BÙI MAI          | NHI       | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 6.5  |          |
| 616 | 220616 | 033310011072 | HOÀNG THỊ YẾN    | NHI       | 10/01/2010 | Hưng Yên   | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 617 | 220617 | 022310009040 | NGUYỄN HOÀNG MAI | NHI       | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 2.5  |          |
| 618 | 220618 | 022310002264 | NGUYỄN LINH      | NHI       | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 4.75 |          |
| 619 | 220619 | 022310000125 | NGUYỄN NGỌC BẢO  | NHI       | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 6.75 |          |
| 620 | 220620 | 030310008049 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | NHI       | 12/08/2010 | Hải Dương  | Nữ               | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 4.25 |          |
| 621 | 220621 | 040310018227 | NGUYỄN THỊ YẾN   | NHI       | 18/02/2010 | Nghệ An    | Nữ               | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 2.0          | 6.6   | 2.75 |          |
| 622 | 220622 | 042310002762 | NGUYỄN TRẦN GIA  | NHI       | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 2.5  |          |
| 623 | 220623 | 031310017657 | NGUYỄN YẾN       | NHI       | 02/04/2010 | Hải Phòng  | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 5.0  |          |
| 624 | 220624 | 037309003044 | PHAN NGUYỄN YẾN  | NHI       | 20/02/2009 | Ninh Bình  | Nữ               | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 1.25 |          |
| 625 | 220625 | 022310008490 | TRẦN YẾN         | NHI       | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 3.0  |          |
| 626 | 220626 | 022310003860 | NGUYỄN AN        | NHIÊN     | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 2.5  |          |

Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                                             | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |        |            |                 |           |                  |                                                                         |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 627 | 220627 | 022310011579 | NGUYỄN VŨ AN    | NHIÊN  | 30/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.5  |         |
| 628 | 220628 | 022310003481 | ĐỖ THỊ YẾN      | NHUNG  | 19/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 3.0  |         |
| 629 | 220629 | 022310010694 | LÊ HUYỀN        | NHUNG  | 19/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 5.0   | 3.75 |         |
| 630 | 220630 | 022310009519 | LÊ TRANG        | NHUNG  | 11/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 5.75 |         |
| 631 | 220631 | 022310011097 | MAC CẨM         | NHUNG  | 18/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                                   | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 6.25 |         |
| 632 | 220632 | 035310003295 | NGUYỄN THỊ HỒNG | NHUNG  | 27/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                                    | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 6.25 |         |
| 633 | 220633 | 022310005231 | ĐỖ TÂM          | NHƯ    | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Thống Nhất                                                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 7.25 |         |
| 634 | 220634 | 036310007859 | NGÔ MAI         | NHƯ    | 28/01/2010 | Nam Định        | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                                    | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.75 |         |
| 635 | 220635 | 030310101282 | NGUYỄN QUỲNH    | NHƯ    | 05/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 3.75         | 6.2   | 4.25 |         |
| 636 | 220636 | 022210004906 | NGUYỄN HẢI      | NINH   | 29/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 7.0  |         |
| 637 | 220637 | 022210021014 | NGUYỄN PHAN HẢI | NINH   | 11/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông                                   | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 4.0  |         |
| 638 | 220638 | 022310006307 | BÙI MINH        | OANH   | 21/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 4.75 |         |
| 639 | 220639 | 022210007341 | ĐÀO TUẤN        | PHÁT   | 15/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                                   | Tiếng Anh | 7.75         | 6.4   | 6.5  |         |
| 640 | 220640 | 079210016497 | PHẠM CHÂU NHUẬN | PHÁT   | 04/02/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.0  |         |
| 641 | 220641 | 036210006708 | ĐỖ ĐỨC          | PHONG  | 01/07/2010 | Nam Định        | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.75 |         |
| 642 | 220642 | 022210000444 | HOÀNG NAM       | PHONG  | 15/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 5.25 |         |
| 643 | 220643 | 022210010431 | LÊ HẢI          | PHONG  | 01/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                                                     | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 6.25 |         |
| 644 | 220644 | 022210013198 | NGUYỄN HUY      | PHONG  | 09/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.5  |         |
| 645 | 220645 | 022210008771 | NGUYỄN HUY      | PHONG  | 12/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 5.5  |         |
| 646 | 220646 | 022210009814 | NGUYỄN NAM      | PHONG  | 20/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long                   | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 7.25 |         |
| 647 | 220647 | 022210011354 | NGUYỄN NHƯ      | PHONG  | 03/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 6.75 |         |
| 648 | 220648 | 022210002275 | NGUYỄN THẾ      | PHONG  | 01/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 7.25 |         |
| 649 | 220649 | 030210005284 | NGUYỄN VĂN      | PHONG  | 09/09/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                                   | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 3.25 |         |
| 650 | 220650 | 022210011191 | PHẠM GIA        | PHONG  | 12/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                                             | Tiếng Anh | 2.0          | 3.8   | 2.5  |         |
| 651 | 220651 | 022210001756 | PHẠM MẠNH       | PHONG  | 21/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                                   | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 6.75 |         |
| 652 | 220652 | 022210005668 | VŨ NAM          | PHONG  | 09/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 7.5  |         |
| 653 | 220653 | 022210003401 | BÙI BẢ          | PHÚ    | 18/01/2010 | Bắc Giang       | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                                   | Tiếng Anh | 4.0          | 8.2   | 7.75 |         |
| 654 | 220654 | 022210003393 | NGUYỄN HỮU      | PHÚ    | 26/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 8.5  |         |
| 655 | 220655 | 022310005797 | BÙI THIÊN       | PHÚC   | 03/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 3.0  |         |
| 656 | 220656 | 022210007792 | LÊ CÔNG HỒNG    | PHÚC   | 28/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 5.0  |         |
| 657 | 220657 | 022210004146 | NGÔ TIỀN        | PHÚC   | 28/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.0  |         |
| 658 | 220658 | 022210010221 | NGUYỄN ĐĂNG     | PHÚC   | 29/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                                   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 6.0  |         |
| 659 | 220659 | 022210004377 | NGUYỄN GIA      | PHÚC   | 01/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 2.75 |         |
| 660 | 220660 | 022210004790 | NGUYỄN XUÂN     | PHÚC   | 11/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 8.25 |         |
| 661 | 220661 | 022310004708 | BÙI NGỌC        | PHƯƠNG | 29/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 7.33         | 6.0   | 6.25 |         |
| 662 | 220662 | 022310002332 | ĐÀM THU         | PHƯƠNG | 19/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 5.75 |         |
| 663 | 220663 | 022310011480 | ĐÀO THỊ HÀ      | PHƯƠNG | 28/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 5.75 |         |
| 664 | 220664 | 022310001355 | ĐỖ NGUYỄN KHÁNH | PHƯƠNG | 08/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.5  |         |
| 665 | 220665 | 034310002639 | HOÀNG THỊ       | PHƯƠNG | 20/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 5.5  |         |
| 666 | 220666 | 022310001288 | HOÀNG THỊ HÀ    | PHƯƠNG | 30/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.75 |         |
| 667 | 220667 | 022310012655 | MAC THUY        | PHƯƠNG | 18/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh | 2.75         | 5.2   | 4.0  |         |
| 668 | 220668 | 037310000199 | NGUYỄN KHÁNH    | PHƯƠNG | 30/09/2010 | Ninh Bình       | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 4.75 |         |
| 669 | 220669 | 022310010980 | NGUYỄN MAI      | PHƯƠNG | 15/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                                   | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 4.75 |         |
| 670 | 220670 | 022309012445 | NGUYỄN THỊ HÀ   | PHƯƠNG | 25/12/2009 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 6.0  |         |
| 671 | 220671 | 022310008474 | NGUYỄN THU      | PHƯƠNG | 30/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 6.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 672 | 220672 | 022210006577 | NGUYỄN VIỆT      | PHƯƠNG | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.0  |          |
| 673 | 220673 | 022310000417 | TRẦN NGỌC        | PHƯƠNG | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 674 | 220674 | 022209005194 | BÙI LÊ BAO       | QUANG  | 24/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.5  |          |
| 675 | 220675 | 022209012878 | HOÀNG VIỆT       | QUANG  | 23/07/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 1.75         | 3.0   | 5.5  |          |
| 676 | 220676 | 022210004557 | NGUYỄN TRẦN MINH | QUANG  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 5.75 |          |
| 677 | 220677 | 022210013261 | ĐINH MINH        | QUẢN   | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 5.25 |          |
| 678 | 220678 | 022210008595 | LÊ TRÍ           | QUẢN   | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 6.58         | 2.0   | 5.25 |          |
| 679 | 220679 | 022210011583 | MAI ĐỨC          | QUẢN   | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 5.75 |          |
| 680 | 220680 | 030210007446 | NGUYỄN ANH       | QUẢN   | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.25 |          |
| 681 | 220681 | 022210003737 | NGUYỄN ĐÌNH      | QUẢN   | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 682 | 220682 | 022210003250 | NGUYỄN HẢI       | QUẢN   | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.75         | 9.2   | 7.75 |          |
| 683 | 220683 | 001210061027 | NGUYỄN MINH      | QUẢN   | 02/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 4.75 |          |
| 684 | 220684 | 022310002075 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | QUYÊN  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.5          | 4.0   | 4.25 |          |
| 685 | 220685 | 022310002354 | NGUYỄN THỤC      | QUYÊN  | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 6.25 |          |
| 686 | 220686 | 022210003896 | ĐẶNG DUY         | QUYÊN  | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 6.25 |          |
| 687 | 220687 | 022210003779 | HÀ VĂN           | QUYÊN  | 26/06/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 8.0  |          |
| 688 | 220688 | 022310011616 | ĐỖ NHƯ           | QUỲNH  | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 4.75 |          |
| 689 | 220689 | 037310006422 | HÀ PHẠM DIỄM     | QUỲNH  | 01/06/2010 | Ninh Bình  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 6.75 |          |
| 690 | 220690 | 022310008222 | NGUYỄN NGỌC      | QUỲNH  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 5.25 |          |
| 691 | 220691 | 022310011767 | NGUYỄN NHƯ       | QUỲNH  | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.67         | 6.0   | 6.75 |          |
| 692 | 220692 | 022310012645 | PHẠM NGỌC        | QUỲNH  | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 5.5  |          |
| 693 | 220693 | 014310000566 | TRẦN NHƯ         | QUỲNH  | 25/07/2010 | Sơn La     | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 5.25 |          |
| 694 | 220694 | 030310007957 | TRẦN THỊ HƯƠNG   | QUỲNH  | 18/06/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 5.75 |          |
| 695 | 220695 | 034310009390 | TRẦN THÚY        | QUỲNH  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.25 |          |
| 696 | 220696 | 022310011466 | VŨ TRẦN DIỄM     | QUỲNH  | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 3.75 |          |
| 697 | 220697 | 022310000908 | NGUYỄN BẢO       | SAN    | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 7.25 |          |
| 698 | 220698 | 022310011011 | PHẠM NGUYỄN SAN  | SAN    | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 2.5  |          |
| 699 | 220699 | 022310003146 | NGUYỄN THỊ HẢI   | SÂM    | 21/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 5.25 |          |
| 700 | 220700 | 034210000748 | CAO THÁI         | SƠN    | 27/02/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 6.5  |          |
| 701 | 220701 | 022210001405 | ĐỖ BAO           | SƠN    | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 6.75 |          |
| 702 | 220702 | 022210002105 | ĐỖ THÁI          | SƠN    | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.25         | 5.0   | 1.0  |          |
| 703 | 220703 | 022210009772 | LẠI TIẾN         | SƠN    | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 3.75 |          |
| 704 | 220704 | 022210009340 | LÊ TÙNG          | SƠN    | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 8.5  |          |
| 705 | 220705 | 022210007146 | MAI NAM          | SƠN    | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 9.0  |          |
| 706 | 220706 | 022210000498 | NGUYỄN ĐỨC GIANG | SƠN    | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 3.25 |          |
| 707 | 220707 | 022210006487 | NGUYỄN HOÀNG     | SƠN    | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.0  |          |
| 708 | 220708 | 022210004456 | NGUYỄN LÊ NAM    | SƠN    | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 4.75 |          |
| 709 | 220709 | 022210001578 | NGUYỄN MINH      | SƠN    | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 710 | 220710 | 022210001495 | NGUYỄN MINH      | SƠN    | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 8.5  |          |
| 711 | 220711 | 022210003640 | NGUYỄN PHẠM NAM  | SƠN    | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 2.75         | 5.8   | 2.75 |          |
| 712 | 220712 | 022210004191 | NGUYỄN THẾ       | SƠN    | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.25         | 7.4   | 6.5  |          |
| 713 | 220713 | 022210000252 | NGUYỄN THIÊN     | SƠN    | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 5.0  |          |
| 714 | 220714 | 022210011265 | NGUYỄN TIẾN      | SƠN    | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 7.25 |          |
| 715 | 220715 | 022210009287 | PHẠM THÁI        | SƠN    | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 7.5  |          |
| 716 | 220716 | 022210012316 | PHẠM TRƯỜNG      | SƠN    | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 1.5          | 5.2   | 5.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 717 | 220717 | 022210004261 | TRẦN THÁI SON          | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.25 |          |
| 718 | 220718 | 036210015175 | TRẦN THÁI SON          | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 4.25 |          |
| 719 | 220719 | 022210007595 | MINH ĐỨC TÀI           | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 720 | 220720 | 022210000293 | NGÔ HẢI TÀI            | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 7.0  |          |
| 721 | 220721 | 036210009084 | VŨ TUẤN TÀI            | 01/02/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 2.0  |          |
| 722 | 220722 | 022210006015 | DUƠNG MẠNH TÂM         | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 1.0  |          |
| 723 | 220723 | 022310008086 | ĐÌNH THUY TÂM          | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 1.5          | 5.6   | 5.5  |          |
| 724 | 220724 | 022210000844 | NGUYỄN HỮU NHẬT TÂM    | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 5.5  |          |
| 725 | 220725 | 022210008856 | NGUYỄN VŨ MINH TÂM     | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.2          | 8.4   | 3.75 |          |
| 726 | 220726 | 022210004275 | VŨ MINH TÂM            | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 5.0  |          |
| 727 | 220727 | 022210007516 | MAI HOÀNG THÁI         | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.25 |          |
| 728 | 220728 | 022210012573 | NGÔ HÀ THÁI            | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 8.8   | 7.5  |          |
| 729 | 220729 | 022210005851 | NGUYỄN ĐỨC THÁI        | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.25         | 5.0   | 4.25 |          |
| 730 | 220730 | 022310006158 | NGÔ ĐAN THANH          | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 1.75         | 5.0   | 1.5  |          |
| 731 | 220731 | 022309007896 | NGUYỄN PHƯƠNG THANH    | 01/04/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 732 | 220732 | 030210002191 | VŨ LÊ THANH            | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 3.25         | 9.0   | 6.5  |          |
| 733 | 220733 | 022210007255 | BÙI QUANG THÀNH        | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 8.5  |          |
| 734 | 220734 | 022210009893 | HUỲNH BÁ THÀNH         | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 7.5  |          |
| 735 | 220735 | 022210009392 | KHÔNG MINH THÀNH       | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 7.5  |          |
| 736 | 220736 | 022210001863 | NGUYỄN DUY THÀNH       | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 1.5          | 7.4   | 4.5  |          |
| 737 | 220737 | 022210012535 | NGUYỄN TUẤN THÀNH      | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 7.25 |          |
| 738 | 220738 | 022210005366 | PHẠM MINH THÀNH        | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 1.25         | 2.2   | 1.25 |          |
| 739 | 220739 | 022210011030 | TRẦN XUÂN THÀNH        | 02/04/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 8.25 |          |
| 740 | 220740 | 022210000390 | VŨ NGUYỄN TRÍ THÀNH    | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 1.5  |          |
| 741 | 220741 | 034310007668 | BÙI THANH THẢO         | 11/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | 4.15         | 4.2   | 6.25 |          |
| 742 | 220742 | 022310001066 | DIỆP THANH THẢO        | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 4.75 |          |
| 743 | 220743 | 022310007435 | ĐẶNG THU THẢO          | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.25 |          |
| 744 | 220744 | 022310010278 | ĐÌNH PHƯƠNG THẢO       | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 6.25 |          |
| 745 | 220745 | 031310008832 | HOÀNG THỊ THANH THẢO   | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 5.0  |          |
| 746 | 220746 | 022310006070 | LÊ PHƯƠNG THẢO         | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.75 |          |
| 747 | 220747 | 022309011219 | LIU PHƯƠNG THẢO        | 11/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 748 | 220748 | 022310010850 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.25 |          |
| 749 | 220749 | 022310009197 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 4.5  |          |
| 750 | 220750 | 022310007659 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.0  |          |
| 751 | 220751 | 022310005269 | TRẦN PHƯƠNG THẢO       | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 1.5  |          |
| 752 | 220752 | 022210011115 | NGUYỄN MINH THỂ        | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 2.5  |          |
| 753 | 220753 | 030210016777 | NGUYỄN VŨ BAO THIÊN    | 27/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.25 |          |
| 754 | 220754 | 022210004117 | ĐOÀN HƯNG THỊNH        | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.75 |          |
| 755 | 220755 | 022210000554 | NGÔ NGUYỄN TRỌNG THỊNH | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 2.75 |          |
| 756 | 220756 | 022210011992 | NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH    | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.5  |          |
| 757 | 220757 | 022210011906 | PHẠM DUY THỊNH         | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.75 |          |
| 758 | 220758 | 037310001336 | ĐỖ ANH THƠ             | 18/10/2010 | Ninh Bình  | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 2.5  |          |
| 759 | 220759 | 022310003298 | ĐÌNH NGỌC THU          | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 1.5          | 3.0   | 4.75 |          |
| 760 | 220760 | 022310004874 | PHẠM MINH THU          | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.75 |          |
| 761 | 220761 | 022210004700 | ĐÀM MINH THUẬN         | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 7.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |             |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 762 | 220762 | 030310005951 | NGUYỄN THỊ THUỶ     | 17/02/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 7.25 |          |
| 763 | 220763 | 022310009604 | NGÔ NGÂN THỦY       | 11/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.25 |          |
| 764 | 220764 | 022310002128 | NGUYỄN PHƯƠNG THỦY  | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 765 | 220765 | 022310003362 | NGUYỄN THANH THỦY   | 11/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 3.75 |          |
| 766 | 220766 | 022310004006 | BÙI ANH THƯ         | 21/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 5.5  |          |
| 767 | 220767 | 022310008158 | ĐÀO VŨ MINH THƯ     | 21/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 5.25 |          |
| 768 | 220768 | 118310000004 | HÀ NGỌC ANH THƯ     | 06/09/2010 | Ba Lan      | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 8.4   | 5.0  |          |
| 769 | 220769 | 036310014753 | HOÀNG THỊ MINH THƯ  | 13/05/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 3.5  |          |
| 770 | 220770 | 022310000810 | LÂM VŨ ANH THƯ      | 04/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.25 |          |
| 771 | 220771 | 022310000531 | NGUYỄN ANH THƯ      | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 7.0  |          |
| 772 | 220772 | 022310012638 | NGUYỄN ANH THƯ      | 27/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 5.25 |          |
| 773 | 220773 | 022310004782 | NGUYỄN ANH THƯ      | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 4.75 |          |
| 774 | 220774 | 022310009762 | NGUYỄN ANH THƯ      | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 7.75 |          |
| 775 | 220775 | 022310008340 | NGUYỄN ĐẶNG ANH THƯ | 23/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 4.75 |          |
| 776 | 220776 | 036310010602 | TRẦN ANH THƯ        | 16/09/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.0  |          |
| 777 | 220777 | 022310011393 | TRẦN PHẠM HÀ THƯ    | 31/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 5.75 |          |
| 778 | 220778 | 022310010144 | VŨ ANH THƯ          | 29/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.25 |          |
| 779 | 220779 | 022310003891 | NGÔ BÙI HOÀI THƯỞNG | 21/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.0  |          |
| 780 | 220780 | 022310010299 | NGUYỄN THỊ BẢO THY  | 28/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 5.25 |          |
| 781 | 220781 | 008310006985 | ĐẶNG THỊ THUỶ TIỀN  | 07/01/2010 | Tuyên Quang | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 6.0  |          |
| 782 | 220782 | 022310002830 | ĐỖ THỦY TIỀN        | 08/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 2.0  |          |
| 783 | 220783 | 022310011081 | KHÔNG HẢI TIỀN      | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 3.75 |          |
| 784 | 220784 | 022310007589 | VŨ THẢO THỦY TIỀN   | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.0  |          |
| 785 | 220785 | 022210007984 | ĐỖ VIỆT TIỀN        | 01/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 8.25 |          |
| 786 | 220786 | 022210010047 | LÊ THẾ TIỀN         | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 4.75 |          |
| 787 | 220787 | 022210021023 | NGUYỄN MẠNH TIỀN    | 08/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 1.75         | 3.2   | 1.0  |          |
| 788 | 220788 | 022210008838 | ĐOÀN TRUNG TOÀN     | 21/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 5.5  |          |
| 789 | 220789 | 035210003531 | KHƯƠNG BẢO TOÀN     | 10/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 8.25 |          |
| 790 | 220790 | 022210004675 | NGUYỄN BÁ TOÀN      | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 791 | 220791 | 022310006811 | BÙI PHƯƠNG TRANG    | 09/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 5.5  |          |
| 792 | 220792 | 022310007069 | BÙI THU TRANG       | 13/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 4.0  |          |
| 793 | 220793 | 022310001050 | BÙI THU TRANG       | 14/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 6.75 |          |
| 794 | 220794 | 022310001730 | CAO HÀ TRANG        | 07/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 4.0  |          |
| 795 | 220795 | 022308000308 | CHU THỊ MAI TRANG   | 02/05/2008 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 1.25 |          |
| 796 | 220796 | 036310003776 | CÔ THỊ MINH TRANG   | 24/06/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.75 |          |
| 797 | 220797 | 038310017820 | ĐÀO PHƯƠNG TRANG    | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.5  |          |
| 798 | 220798 | 022310000822 | ĐỖ MAI TRANG        | 07/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.0  |          |
| 799 | 220799 | 022310009010 | HÀ THỦY TRANG       | 11/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 5.25 |          |
| 800 | 220800 | 022310004771 | HOÀNG HUYỀN TRANG   | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.25 |          |
| 801 | 220801 | 022310001131 | LÊ THỊ BÌNH TRANG   | 21/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 0.75 |          |
| 802 | 220802 | 038310030639 | LÊ THU TRANG        | 24/05/2010 | Thanh Hóa   | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 8.0  |          |
| 803 | 220803 | 031310016730 | LƯU THIÊN TRANG     | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 7.5  |          |
| 804 | 220804 | 022310009099 | NGÔ THỊ QUỲNH TRANG | 12/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 5.0  |          |
| 805 | 220805 | 022310001612 | NGUYỄN ĐOÀN TRANG   | 29/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 6.25 |          |
| 806 | 220806 | 034310009881 | NGUYỄN HUYỀN TRANG  | 10/12/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 2.75 |          |

## Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 807 | 220807 | 022310011467 | NGUYỄN PHƯƠNG    | TRANG  | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 8.25         | 8.8   | 6.75 |          |
| 808 | 220808 | 022310001732 | NGUYỄN THỊ BẢO   | TRANG  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 3.5  |          |
| 809 | 220809 | 022310002888 | NGUYỄN THỊ MINH  | TRANG  | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.5  |          |
| 810 | 220810 | 022310004830 | NGUYỄN THU       | TRANG  | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.25 |          |
| 811 | 220811 | 022310002809 | PHẠM QUỲNH       | TRANG  | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                           | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 3.0  |          |
| 812 | 220812 | 015310009283 | PHẠM THỦY        | TRANG  | 28/08/2010 | Yên Bái    | Nữ        | Tày              | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.25         | 2.6   | 4.75 |          |
| 813 | 220813 | 022310008843 | TRỊNH HUYỀN      | TRANG  | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Thống Nhất                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 8.25 |          |
| 814 | 220814 | 022310012628 | VŨ BẢO           | TRANG  | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.25 |          |
| 815 | 220815 | 022310005428 | VŨ NGỌC          | TRANG  | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 816 | 220816 | 022310003804 | ĐINH HUYỀN       | TRÂM   | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 2.25 |          |
| 817 | 220817 | 022310004263 | NGUYỄN PHẠM BẢO  | TRÂM   | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 3.5          | 8.2   | 4.25 |          |
| 818 | 220818 | 022310001484 | VŨ THỦY          | TRÂM   | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.0  |          |
| 819 | 220819 | 022210005909 | NGUYỄN MẠNH      | TRÍ    | 21/07/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.75 |          |
| 820 | 220820 | 022310001122 | NGUYỄN NGỌC      | TRỊNH  | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.75 |          |
| 821 | 220821 | 022210010207 | ĐỖ ĐỨC           | TRỌNG  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 3.0  |          |
| 822 | 220822 | 022210008164 | HÀ ĐỨC           | TRỌNG  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                                   | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 9.0  |          |
| 823 | 220823 | 022210001909 | NGUYỄN QUÝ       | TRỌNG  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.0          | 6.6   | 4.25 |          |
| 824 | 220824 | 022310004779 | ĐOÀN THỊ LÂM     | TRÚC   | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 6.0  |          |
| 825 | 220825 | 022310006383 | PHẠM THANH       | TRÚC   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.0  |          |
| 826 | 220826 | 022210003332 | HOÀNG MINH       | TRUNG  | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.0  |          |
| 827 | 220827 | 022210008487 | NGUYỄN THÀNH     | TRUNG  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 3.0  |          |
| 828 | 220828 | 022210005066 | VŨ ĐỨC           | TRUNG  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 829 | 220829 | 022210010053 | VŨ QUỐC          | TRUNG  | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 5.0  |          |
| 830 | 220830 | 033210002387 | NGUYỄN ANH       | TRƯỜNG | 12/12/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 4.5  |          |
| 831 | 220831 | 022210005304 | VŨ SƠN           | TRƯỜNG | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.5  |          |
| 832 | 220832 | 022210001422 | NGUYỄN ANH       | TÚ     | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.75 |          |
| 833 | 220833 | 022210008470 | NGUYỄN ĐĂNG TUẤN | TÚ     | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 8.5  |          |
| 834 | 220834 | 022210005339 | NGUYỄN TUẤN      | TÚ     | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 1.75 |          |
| 835 | 220835 | 036210002760 | NGUYỄN TUẤN      | TÚ     | 17/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                                  | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 1.5  |          |
| 836 | 220836 | 022210010131 | TRẦN MINH        | TÚ     | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.0  |          |
| 837 | 220837 | 022210007531 | HÀ ANH           | TUẤN   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 3.0  |          |
| 838 | 220838 | 022210005405 | NGUYỄN ĐỨC       | TUẤN   | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 8.5  |          |
| 839 | 220839 | 022210011260 | NGUYỄN HUY       | TUẤN   | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 3.0  |          |
| 840 | 220840 | 022210007600 | TRẦN ANH         | TUẤN   | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 3.5  |          |
| 841 | 220841 | 022210006197 | VŨ MINH          | TUẤN   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.25 |          |
| 842 | 220842 | 022210010761 | VŨ TRỌNG         | TUẤN   | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 7.0  |          |
| 843 | 220843 | 022210012688 | HOÀNG ĐỨC        | TÙNG   | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 6.0  |          |
| 844 | 220844 | 022210000247 | NGUYỄN DUY       | TÙNG   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 8.2   | 6.75 |          |
| 845 | 220845 | 022210003170 | NGUYỄN MẠNH      | TÙNG   | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.5  |          |
| 846 | 220846 | 034210017870 | NGUYỄN THANH     | TÙNG   | 17/04/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 7.0  |          |
| 847 | 220847 | 022210010362 | NGUYỄN VŨ SƠN    | TÙNG   | 15/09/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 5.5  |          |
| 848 | 220848 | 022210011710 | PHẠM MINH        | TÙNG   | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.5  |          |
| 849 | 220849 | 024210012259 | THÂN THANH       | TÙNG   | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.25 |          |
| 850 | 220850 | 038210009687 | TRỊNH ĐÌNH       | TÙNG   | 27/12/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 5.0  |          |
| 851 | 220851 | 034210004084 | VŨ THANH         | TÙNG   | 13/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.75 |          |



## Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                 | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                             |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 852 | 220852 | 022310008115 | ĐẶNG THỊ ANH      | TUYẾT | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.0  |          |
| 853 | 220853 | 022310008602 | LÊ VI ANH         | TUYẾT | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 2.5  |          |
| 854 | 220854 | 022310012692 | PHẠM ANH          | TUYẾT | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 6.0  |          |
| 855 | 220855 | 022310000752 | ĐOÀN PHƯƠNG       | UYÊN  | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.25 |          |
| 856 | 220856 | 022310004906 | NGUYỄN PHƯƠNG     | UYÊN  | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.75 |          |
| 857 | 220857 | 022310000068 | NGUYỄN THU        | UYÊN  | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 3.5  |          |
| 858 | 220858 | 036310008394 | PHẠM THỊ TỎ       | UYÊN  | 04/01/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 4.5  |          |
| 859 | 220859 | 022310007129 | ĐOÀN THANH        | VĂN   | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 4.75 |          |
| 860 | 220860 | 022310003802 | NGUYỄN HOÀNG LÊ   | VĂN   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 6.5  |          |
| 861 | 220861 | 022310003342 | PHẠM HỒNG         | VĂN   | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 4.25 |          |
| 862 | 220862 | 022310004872 | CAO TƯỜNG         | VI    | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.75 |          |
| 863 | 220863 | 022310001987 | NGUYỄN THAO       | VI    | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 6.0  |          |
| 864 | 220864 | 022310009030 | NGUYỄN TƯỜNG      | VI    | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 5.75 |          |
| 865 | 220865 | 022210003097 | ĐOÀN QUANG        | VĨ    | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 6.25 |          |
| 866 | 220866 | 022210001210 | ĐOÀN HOÀNG        | VIỆT  | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 7.25 |          |
| 867 | 220867 | 022210011598 | ĐÀM QUỐC          | VIỆT  | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 3.75 |          |
| 868 | 220868 | 024210000923 | NGUYỄN HOÀNG KHẮC | VIỆT  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 3.75 |          |
| 869 | 220869 | 022210012431 | VŨ QUỐC           | VIỆT  | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 7.25 |          |
| 870 | 220870 | 022210011535 | LÊ ĐỨC            | VINH  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.25 |          |
| 871 | 220871 | 022210007250 | LÊ QUANG          | VINH  | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 1.5  |          |
| 872 | 220872 | 022210000590 | NGUYỄN QUANG      | VINH  | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 7.0  |          |
| 873 | 220873 | 022210004243 | HÀ KHANG          | VŨ    | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 7.5  |          |
| 874 | 220874 | 022210006084 | LÊ ANH            | VŨ    | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 5.0          | 7.4   | 6.5  |          |
| 875 | 220875 | 022210006880 | LÊ MINH           | VŨ    | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 876 | 220876 | 022210002568 | LÊ TUẤN           | VŨ    | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.75 |          |
| 877 | 220877 | 022210009754 | LÝ NGỌC ANH       | VŨ    | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung         | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 5.75 |          |
| 878 | 220878 | 022210002717 | TRẦN TUẤN         | VŨ    | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 5.0  |          |
| 879 | 220879 | 022210005055 | ĐOÀN THANH        | VƯƠNG | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 3.0  |          |
| 880 | 220880 | 022210001287 | HÀ DƯƠNG THỤY     | VƯƠNG | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 8.0  |          |
| 881 | 220881 | 022310007187 | BÙI HÀ            | VY    | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 5.25 |          |
| 882 | 220882 | 031308007431 | BÙI NGUYỄN TƯỜNG  | VY    | 01/05/2008 | Lâm Đồng   | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 6.0  |          |
| 883 | 220883 | 022310011093 | BÙI THẢO          | VY    | 21/08/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | Trường THCS Cao Xanh        | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 6.0  |          |
| 884 | 220884 | 022310002707 | ĐÀO TƯỜNG         | VY    | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 6.5  |          |
| 885 | 220885 | 022310005625 | ĐINH HÀ           | VY    | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 4.0          | 7.4   | 6.75 |          |
| 886 | 220886 | 036310006137 | ĐỖ VŨ THANH       | VY    | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 2.75 |          |
| 887 | 220887 | 022310009158 | LÊ HÀ             | VY    | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 3.0  |          |
| 888 | 220888 | 022310005653 | LÊ NGÂN KHÁNH     | VY    | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 2.0  |          |
| 889 | 220889 | 022310001678 | LÊ NGỌC TƯỜNG     | VY    | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng              | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 7.25 |          |
| 890 | 220890 | 022310006405 | NGUYỄN AN KHÁNH   | VY    | 24/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.5  |          |
| 891 | 220891 | 022310003897 | NGUYỄN HÀ         | VY    | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long   | Tiếng Anh | 8.5          | 9.2   | 6.5  |          |
| 892 | 220892 | 022310010153 | NGUYỄN PHƯƠNG     | VY    | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung         | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 5.25 |          |
| 893 | 220893 | 022310001774 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG  | VY    | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 2.25 |          |
| 894 | 220894 | 022310008142 | PHẠM BẢO          | VY    | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long     | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 3.0  |          |
| 895 | 220895 | 022309002864 | PHẠM HÀ           | VY    | 06/08/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 896 | 220896 | 022310003044 | PHẠM PHƯƠNG       | VY    | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm             | Tiếng Anh | 7.5          | 5.2   | 6.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Ngô Quyền (22000714)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc<br>ít người | Trường THCS               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------------|------------|-----------|---------------------|---------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |            |            |           |                     |                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 897 | 220897 | 022310003204 | PHẠM TRANG VY     | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | Trường THCS Cao Xanh      | Tiếng Anh | 2.0          | 4.8   | 3.5  |         |
| 898 | 220898 | 022310002315 | PHÙNG KHÁNH VY    | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | THCS Kim Đồng - Hạ Long   | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 5.75 |         |
| 899 | 220899 | 022310000261 | TÔ HÀ VY          | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 6.5  |         |
| 900 | 220900 | 022310007309 | TRẦN HÀ VY        | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 6.75 |         |
| 901 | 220901 | 022310010859 | VŨ THỊ HÀ VY      | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | TH và THCS Hà Trung       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 8.25 |         |
| 902 | 220902 | 022310002936 | ĐOÀN NHƯ Ý        | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | Trường THCS Cao Xanh      | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 3.5  |         |
| 903 | 220903 | 022310010408 | CHU HẢI YẾN       | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 7.25 |         |
| 904 | 220904 | 022310007388 | HOÀNG THỊ HẢI YẾN | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | THCS Nguyễn Văn Thuộc     | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 5.25 |         |
| 905 | 220905 | 022310010158 | NGUYỄN HẢI YẾN    | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 6.75 |         |
| 906 | 220906 | 022310007427 | NGUYỄN HẢI YẾN    | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                     | THCS Cao Thắng            | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 6.25 |         |

(Danh sách này gồm có 906 thí sinh)

Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                                       |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 230001 | 022310002457 | HỒ HOÀI AN             | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.8   | 8.5  |          |
| 2   | 230002 | 022210002090 | LÊ PHÚC BAO AN         | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 3   | 230003 | 022310010129 | LỤC NGUYỄN KHÁNH AN    | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.25         | 8.6   | 6.75 |          |
| 4   | 230004 | 022210005818 | NGÔ ĐỨC AN             | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 2.75         | 8.2   | 3.5  |          |
| 5   | 230005 | 022310006128 | NGUYỄN THU AN          | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.5          | 4.0   | 6.5  |          |
| 6   | 230006 | 022310001535 | PHẠM BẢO AN            | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.6   | 6.0  |          |
| 7   | 230007 | 022210009484 | PHẠM ĐỨC AN            | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.0          | 3.6   | 3.75 |          |
| 8   | 230008 | 022310004328 | TRẦN PHƯƠNG AN         | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 7.0          | 8.8   | 8.0  |          |
| 9   | 230009 | 022310000362 | TRINH BẢO AN           | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 10  | 230010 | 022210004264 | BÙI DUY ANH            | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.0          | 6.8   | 7.75 |          |
| 11  | 230011 | 037310006417 | BÙI PHƯƠNG ANH         | 10/01/2010 | Ninh Bình  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 6.6   | 8.0  |          |
| 12  | 230012 | 022210002650 | BÙI TÙNG ANH           | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.75         | 8.4   | 3.75 |          |
| 13  | 230013 | 022310000542 | CHU NGUYỄN HÀ ANH      | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.4   | 8.25 |          |
| 14  | 230014 | 022310009339 | ĐẶNG BẢO ANH           | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 6.8   | 8.25 |          |
| 15  | 230015 | 022310008945 | ĐINH NGỌC ANH          | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.0          | 5.2   | 5.0  |          |
| 16  | 230016 | 034310008194 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH      | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 7.5          | 5.6   | 6.5  |          |
| 17  | 230017 | 022310003493 | HOÀNG BẢO ANH          | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.6   | 6.5  |          |
| 18  | 230018 | 022210005036 | HOÀNG ĐỨC ANH          | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.4   | 8.0  |          |
| 19  | 230019 | 022310006170 | HOÀNG HẢI ANH          | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 8.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 20  | 230020 | 022310000234 | HOÀNG NGỌC ANH         | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.4   | 7.25 |          |
| 21  | 230021 | 024310005949 | HOÀNG QUỲNH ANH        | 26/10/2010 | Bắc Giang  | Nữ        | Nùng             | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.5          | 8.8   | 7.25 |          |
| 22  | 230022 | 024210009812 | LÊ DUY ANH             | 28/01/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.4   | 7.0  |          |
| 23  | 230023 | 022210007440 | LÊ ĐỨC ANH             | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 1.25         | 2.8   | 1.75 |          |
| 24  | 230024 | 022210012277 | LÊ ĐỨC ANH             | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.25         | 7.2   | 7.5  |          |
| 25  | 230025 | 022210001201 | LÊ ĐỨC ANH             | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 5.5          | 9.8   | 9.0  |          |
| 26  | 230026 | 022310000964 | LÊ HÀ ANH              | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.6   | 7.5  |          |
| 27  | 230027 | 022210012461 | LÊ HOÀNG ANH           | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 3.25         | 4.4   | 4.75 |          |
| 28  | 230028 | 031310008334 | LƯƠNG THỊ MAI ANH      | 03/05/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 8.0          | 7.4   | 7.0  |          |
| 29  | 230029 | 022210009077 | NGÔ TÙNG ANH           | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 5.0          | 6.4   | 6.75 |          |
| 30  | 230030 | 022210008233 | NGUYỄN DUY ANH         | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.6   | 6.75 |          |
| 31  | 230031 | 022310002438 | NGUYỄN HOÀI ANH        | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 32  | 230032 | 022310006044 | NGUYỄN MAI ANH         | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.6   | 8.75 |          |
| 33  | 230033 | 022310001234 | NGUYỄN MINH ANH        | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.2   | 8.5  |          |
| 34  | 230034 | 022310001677 | NGUYỄN MINH ANH        | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 5.0          | 6.4   | 5.75 |          |
| 35  | 230035 | 022310005494 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH  | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.8   | 6.75 |          |
| 36  | 230036 | 022310003341 | NGUYỄN PHẠM QUỲNH ANH  | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 37  | 230037 | 022310004087 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 38  | 230038 | 022310002847 | NGUYỄN QUỲNH ANH       | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 4.0          | 5.0   | 3.5  |          |
| 39  | 230039 | 026210005395 | NGUYỄN THẾ ANH         | 21/09/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 5.0          | 6.4   | 5.0  |          |
| 40  | 230040 | 022310006321 | NGUYỄN TRẦN TRANG ANH  | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.0          | 9.0   | 7.0  |          |
| 41  | 230041 | 022310007600 | NGUYỄN TRƯƠNG MINH ANH | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.25         | 7.0   | 4.75 |          |
| 42  | 230042 | 022210007292 | NGUYỄN TUẤN ANH        | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 43  | 230043 | 022210000415 | NGUYỄN TÙNG ANH        | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.2   | 9.0  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-----------|------------|------------|------------------|----------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |           |            |            |                  |                                  |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 44  | 230044 | 022310011981 | NGUYỄN VŨ QUỲNH | ANH       | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 3.75         | 6.8   | 4.25 |          |
| 45  | 230045 | 022310008097 | PHẠM BẢO        | ANH       | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.4   | 8.0  |          |
| 46  | 230046 | 022210010005 | PHẠM HOÀNG      | ANH       | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 5.75         | 6.4   | 5.5  |          |
| 47  | 230047 | 022210011695 | PHẠM HÙNG       | ANH       | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.6   | 6.25 |          |
| 48  | 230048 | 022210010619 | PHẠM MINH       | ANH       | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.6   | 9.0  |          |
| 49  | 230049 | 030310015433 | PHẠM NGỌC       | ANH       | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.8   | 7.25 |          |
| 50  | 230050 | 031210013789 | PHẠM THẾ        | ANH       | 08/03/2010 | Hải Phòng  | Nam              | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 5.25         | 6.0   | 7.25 |          |
| 51  | 230051 | 022310006681 | PHẠM THU        | ANH       | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 6.25         | 7.2   | 6.75 |          |
| 52  | 230052 | 022210002298 | PHẠM TUẤN       | ANH       | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.8   | 7.25 |          |
| 53  | 230053 | 022210009958 | PHÙNG TUẤN      | ANH       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.2   | 8.0  |          |
| 54  | 230054 | 022310007933 | THẦN HÀ NHẬT    | ANH       | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 5.5          | 7.6   | 4.75 |          |
| 55  | 230055 | 022310004901 | TRẦN DIỆP       | ANH       | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.0   | 8.5  |          |
| 56  | 230056 | 022210003473 | TRẦN DƯƠNG THÁI | ANH       | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.75         | 7.8   | 7.25 |          |
| 57  | 230057 | 034210002337 | TRẦN HOÀNG      | ANH       | 06/10/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.0   | 9.25 |          |
| 58  | 230058 | 022310000829 | TRẦN MINH       | ANH       | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.0          | 6.2   | 5.75 |          |
| 59  | 230059 | 022310000468 | TRẦN PHƯƠNG     | ANH       | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 6.25         | 9.2   | 4.25 |          |
| 60  | 230060 | 062310004404 | TRỊNH LAN       | ANH       | 09/03/2010 | Kon Tum    | Nữ               | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 61  | 230061 | 022310005647 | TRƯƠNG QUỲNH    | ANH       | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 6.75         | 6.2   | 7.75 |          |
| 62  | 230062 | 022310008607 | VŨ HAI          | ANH       | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 7.5  |          |
| 63  | 230063 | 022310000190 | VŨ NGỌC QUỲNH   | ANH       | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.75         | 9.0   | 7.5  |          |
| 64  | 230064 | 022310009594 | VŨ PHƯƠNG       | ANH       | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.2   | 8.5  |          |
| 65  | 230065 | 022310009943 | VŨ PHƯƠNG       | ANH       | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.8   | 8.0  |          |
| 66  | 230066 | 034310010552 | VŨ THỊ VÂN      | ANH       | 16/11/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 5.25         | 4.8   | 3.75 |          |
| 67  | 230067 | 022310007764 | VŨ TRÂM         | ANH       | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 68  | 230068 | 022210004548 | VŨ VIỆT         | ANH       | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 5.75         | 7.8   | 7.75 |          |
| 69  | 230069 | 022310010686 | NGUYỄN NGỌC     | ẢNH       | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 6.5          | 7.4   | 6.75 |          |
| 70  | 230070 | 022310005580 | NGUYỄN NGỌC     | ẢNH       | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 6.75         | 5.0   | 4.25 |          |
| 71  | 230071 | 022310008025 | LƯU HOÀNG BAO   | ẢNH       | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 72  | 230072 | 034210015161 | NGUYỄN THIÊN    | ẢNH       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.6   | 8.5  |          |
| 73  | 230073 | 022210012238 | NGUYỄN HẢI      | BÁCH      | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 3.75         | 5.8   | 5.5  |          |
| 74  | 230074 | 022210011784 | TẠ GIA          | BÁCH      | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.0   | 7.0  |          |
| 75  | 230075 | 022210001535 | ĐINH VĂN GIA    | BẢO       | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 8.0          | 7.4   | 8.75 |          |
| 76  | 230076 | 022210009943 | MAI GIA         | BẢO       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 5.75         | 8.0   | 7.5  |          |
| 77  | 230077 | 022210011101 | NGÔ GIA         | BẢO       | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.6   | 7.75 |          |
| 78  | 230078 | 022210011316 | NGÔ GIA         | BẢO       | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.8   | 9.0  |          |
| 79  | 230079 | 022210007965 | NGUYỄN GIA      | BẢO       | 02/09/2010 | Bãi Cháy   | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.0          | 5.6   | 8.0  |          |
| 80  | 230080 | 022210000361 | NGUYỄN GIA      | BẢO       | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 4.0          | 5.4   | 6.75 |          |
| 81  | 230081 | 022210000227 | NGUYỄN NGỌC     | BẢO       | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 3.5          | 5.6   | 5.75 |          |
| 82  | 230082 | 022210006076 | NGUYỄN QUỐC     | BẢO       | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.6   | 8.75 |          |
| 83  | 230083 | 022210011495 | NGUYỄN QUỐC     | BẢO       | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.4   | 8.5  |          |
| 84  | 230084 | 022210007169 | PHẠM GIA        | BẢO       | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.4   | 8.0  |          |
| 85  | 230085 | 022210012135 | TRẦN NGỌC       | BẢO       | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.0   | 4.25 |          |
| 86  | 230086 | 022210009715 | TRỊNH GIA       | BẢO       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 1.5          | 3.4   | 1.0  |          |
| 87  | 230087 | 022210006715 | VŨ GIA          | BẢO       | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.75         | 7.0   | 9.5  |          |
| 88  | 230088 | 022210005390 | VŨ GIA          | BẢO       | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.6   | 8.0  |          |
| 89  | 230089 | 022310011527 | BÙI BĂNG        | BĂNG      | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.8   | 7.0  |          |
| 90  | 230090 | 022310006162 | ĐỒNG KHIẾT      | BĂNG      | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 6.25         | 5.4   | 6.25 |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                                                             | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                                                                         |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 91  | 230091 | 022210003615 | NGUYỄN DUY BẢO   | CHÂU      | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 8.75 |          |
| 92  | 230092 | 022310003332 | BÙI KHÁNH        | CHI       | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.4   | 6.5  |          |
| 93  | 230093 | 022310007081 | ĐOÀN MAI         | CHI       | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 6.75         | 7.6   | 8.0  |          |
| 94  | 230094 | 022310009389 | LÊ HOÀNG         | CHI       | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh  | 5.0          | 7.6   | 8.25 |          |
| 95  | 230095 | 022310003224 | NGUYỄN DIỆP      | CHI       | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 4.0          | 4.4   | 4.0  |          |
| 96  | 230096 | 022310007366 | NGUYỄN HÀ        | CHI       | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.8   | 6.0  |          |
| 97  | 230097 | 022310011999 | NGUYỄN THÙY      | CHI       | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                                         | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.2   | 7.0  |          |
| 98  | 230098 | 022310010879 | PHẠM THÙY        | CHI       | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.8   | 8.5  |          |
| 99  | 230099 | 022310007814 | PHẠM YẾN         | CHI       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.4   | 6.75 |          |
| 100 | 230100 | 022310006094 | PHAN THỊ MAI     | CHI       | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.2   | 9.0  |          |
| 101 | 230101 | 022310000333 | TRẦN NGỌC MAI    | CHI       | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                                        | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.6   | 7.5  |          |
| 102 | 230102 | 022309008195 | TRẦN UYÊN        | CHI       | 19/04/2009 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 103 | 230103 | 022310004914 | VŨ TRẦN LAN      | CHI       | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                                        | Tiếng Anh  | 7.75         | 7.2   | 6.25 |          |
| 104 | 230104 | 022210001464 | NGUYỄN HỮU       | CHUNG     | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 105 | 230105 | 022210008262 | NGUYỄN THÀNH     | CHUNG     | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 3.0          | 5.4   | 1.5  |          |
| 106 | 230106 | 033210001739 | TRẦN VÕ          | CÔNG      | 05/11/2010 | Hải Dương  | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.8   | 7.5  |          |
| 107 | 230107 | 022210005730 | LÊ THẾ           | CƯỜNG     | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                                        | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.4   | 6.75 |          |
| 108 | 230108 | 022210010144 | TRẦN TIẾN        | CƯỜNG     | 02/04/2010 | Hà Nội     | Nam              | Trường THPT Hòn Gai                                                     | Tiếng Pháp | 2.5          | 6.2   | 4.75 |          |
| 109 | 230109 | 022210001854 | MẠC VŨ VIỆT      | CƯỜNG     | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                                         | Tiếng Anh  | 8.25         | 8.6   | 8.25 |          |
| 110 | 230110 | 022210009737 | PHẠM VIỆT        | CƯỜNG     | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 6.25         | 9.0   | 6.5  |          |
| 111 | 230111 | 022210011508 | NGUYỄN TIẾN      | DANH      | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cao Thắng                                                          | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.2   | 9.0  |          |
| 112 | 230112 | 022310006680 | ĐẶNG NGỌC        | DIỆP      | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                                                         | Tiếng Anh  | 7.0          | 10.0  | 7.25 |          |
| 113 | 230113 | 034310014329 | PHẠM MAI         | DIỆP      | 19/01/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.2   | 8.0  |          |
| 114 | 230114 | 022210001477 | PHAN ĐĂNG        | DOANH     | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 9.6   | 7.25 |          |
| 115 | 230115 | 022310004171 | CHU PHƯƠNG       | DUNG      | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.2   | 7.25 |          |
| 116 | 230116 | 022210011718 | KHÔNG MINH       | DỪNG      | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.2   | 8.0  |          |
| 117 | 230117 | 034210007405 | LƯƠNG TRUNG      | DỪNG      | 16/02/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.0   | 7.75 |          |
| 118 | 230118 | 022210011438 | NGUYỄN CÔNG      | DỪNG      | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 7.5          | 7.8   | 7.75 |          |
| 119 | 230119 | 022210002635 | NGUYỄN MINH      | DỪNG      | 22/03/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 6.5          | 7.0   | 9.0  |          |
| 120 | 230120 | 034210001222 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG      | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.6   | 8.25 |          |
| 121 | 230121 | 022209001920 | NGUYỄN TUẤN      | DỪNG      | 17/12/2009 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 7.5          | 7.8   | 7.5  |          |
| 122 | 230122 | 022210012501 | PHẠM ĐỨC         | DỪNG      | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 4.0          | 6.8   | 7.0  |          |
| 123 | 230123 | 022210005873 | PHẠM TIẾN        | DỪNG      | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 124 | 230124 | 030210013142 | TRẦN TUẤN        | DỪNG      | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.4   | 8.5  |          |
| 125 | 230125 | 022210011780 | BÙI HUY          | DUY       | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 126 | 230126 | 022210001978 | PHẠM             | DUY       | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh  | 4.0          | 7.6   | 5.5  |          |
| 127 | 230127 | 022210001408 | PHẠM TẤN         | DUY       | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 2.75         | 3.8   | 5.0  |          |
| 128 | 230128 | 031210014203 | BÙI PHẠM TÙNG    | DƯƠNG     | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                                        | Tiếng Anh  | 6.0          | 9.2   | 5.25 |          |
| 129 | 230129 | 022310000839 | BÙI VŨ THÙY      | DƯƠNG     | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy | Tiếng Anh  | 1.5          | 4.0   |      | Vắng thi |
| 130 | 230130 | 022310003254 | CHU TRIỀU        | DƯƠNG     | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                                               | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.0   | 5.25 |          |
| 131 | 230131 | 022210001294 | ĐỖ MAI HOÀNG     | DƯƠNG     | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 132 | 230132 | 022210012105 | HOÀNG ĐẠI        | DƯƠNG     | 17/06/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Kim Đồng - Hạ Long                                                 | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.8   | 7.25 |          |
| 133 | 230133 | 022210009437 | LÊ TÙNG          | DƯƠNG     | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                                        | Tiếng Anh  | 7.5          | 6.4   | 5.75 |          |
| 134 | 230134 | 022310004695 | NGUYỄN HẢI BẠCH  | DƯƠNG     | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.0   | 8.25 |          |
| 135 | 230135 | 022210008146 | NGUYỄN HOÀNG     | DƯƠNG     | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hồng Hải                                                           | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.8   | 8.5  |          |
| 136 | 230136 | 022310003119 | NGUYỄN PHẠM THÙY | DƯƠNG     | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.4   | 7.75 |          |
| 137 | 230137 | 022210002848 | NGUYỄN TÙNG      | DƯƠNG     | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn                                                     | Tiếng Anh  | 6.0          | 9.0   | 8.5  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 138 | 230138 | 022210005887 | PHẠM TÙNG        | DƯƠNG | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 8.0  |          |
| 139 | 230139 | 022210001115 | PHẠM TÙNG        | DƯƠNG | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 5.25 |          |
| 140 | 230140 | 022310005867 | ĐÌNH LINH        | ĐAN   | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 8.5  |          |
| 141 | 230141 | 022209009578 | ĐÀO CÔNG         | ĐẠT   | 10/05/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 142 | 230142 | 022210002836 | NGUYỄN HỮU       | ĐẠT   | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 2.75 |          |
| 143 | 230143 | 022210001033 | NGUYỄN THÀNH     | ĐẠT   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.25 |          |
| 144 | 230144 | 022210001327 | NGUYỄN THÀNH     | ĐẠT   | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 4.75         | 7.6   | 9.5  |          |
| 145 | 230145 | 022210010585 | NGUYỄN TIẾN      | ĐẠT   | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 5.75         | 9.2   | 7.25 |          |
| 146 | 230146 | 022210006781 | TRẦN THÀNH       | ĐẠT   | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 3.0          | 0.0   | 1.25 |          |
| 147 | 230147 | 022210007934 | TRẦN LƯU KHÁNH   | ĐĂNG  | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.5  |          |
| 148 | 230148 | 001210061776 | BÙI ANH          | ĐỨC   | 02/08/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 4.5          | 8.8   | 3.5  |          |
| 149 | 230149 | 022210008960 | CAO ANH          | ĐỨC   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Cao Xanh                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 8.25 |          |
| 150 | 230150 | 022210009633 | ĐOÀN QUANG       | ĐỨC   | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 5.5  |          |
| 151 | 230151 | 034210000479 | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 1.0  |          |
| 152 | 230152 | 022210006515 | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.25 |          |
| 153 | 230153 | 022210002885 | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 5.75 |          |
| 154 | 230154 | 024210010367 | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.75 |          |
| 155 | 230155 | 031210009423 | PHẠM ANH         | ĐỨC   | 23/10/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.0  |          |
| 156 | 230156 | 022210006809 | PHẠM NGUYỄN ANH  | ĐỨC   | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 7.0  |          |
| 157 | 230157 | 022210001486 | PHẠM NGUYỄN MINH | ĐỨC   | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 8.5  |          |
| 158 | 230158 | 036210007491 | TRẦN MINH        | ĐỨC   | 17/12/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 8.25         | 8.4   | 9.0  |          |
| 159 | 230159 | 022210003309 | VŨ MINH          | ĐỨC   | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.75 |          |
| 160 | 230160 | 022310010959 | ĐỖ THỊ VĨ        | GIANG | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 161 | 230161 | 022310001551 | NGÔ HƯƠNG        | GIANG | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |          |
| 162 | 230162 | 022310003222 | NGUYỄN HỒNG      | GIANG | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh | 8.25         | 8.8   | 5.75 |          |
| 163 | 230163 | 030310014113 | NGUYỄN HƯƠNG     | GIANG | 06/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 7.0  |          |
| 164 | 230164 | 022310002821 | NGUYỄN THUY      | GIANG | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 9.0  |          |
| 165 | 230165 | 022310004558 | PHẠM HƯƠNG       | GIANG | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.25 |          |
| 166 | 230166 | 022310008682 | PHẠM HƯƠNG       | GIANG | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.25 |          |
| 167 | 230167 | 022210010948 | TRẦN CUÔNG       | GIANG | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 2.75 |          |
| 168 | 230168 | 022310009954 | TRẦN HƯƠNG       | GIANG | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 5.75 |          |
| 169 | 230169 | 022310002755 | TRẦN HƯƠNG       | GIANG | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 7.0  |          |
| 170 | 230170 | 022310008742 | TRẦN HƯƠNG       | GIANG | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                       | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 7.75 |          |
| 171 | 230171 | 022310009118 | TRẦN THỊ HƯƠNG   | GIANG | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 6.75 |          |
| 172 | 230172 | 031310004361 | TRẦN THỊ QUỲNH   | GIANG | 21/08/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 173 | 230173 | 031310015145 | TRỊNH HƯƠNG      | GIANG | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.75 |          |
| 174 | 230174 | 030210002278 | BÙI VĂN          | GIÁP  | 22/07/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 5.75 |          |
| 175 | 230175 | 022310003620 | CẦN KHÁNH        | HÀ    | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 8.25         | 8.2   | 7.5  |          |
| 176 | 230176 | 022310008417 | DƯƠNG THANH      | HÀ    | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |          |
| 177 | 230177 | 022210000248 | ĐÀO MẠNH         | HÀ    | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.0  |          |
| 178 | 230178 | 022310001694 | HOÀNG DIỆP NGỌC  | HÀ    | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 6.75 |          |
| 179 | 230179 | 022310006714 | LÊ THỊ NGỌC      | HÀ    | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 8.5  |          |
| 180 | 230180 | 022310001872 | NGÔ THANH        | HÀ    | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 7.25 |          |
| 181 | 230181 | 022310008589 | NGUYỄN NGÂN      | HÀ    | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 8.0  |          |
| 182 | 230182 | 022310003029 | NGUYỄN NGỌC      | HÀ    | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long               | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.5  |          |
| 183 | 230183 | 022310008721 | NGUYỄN NGỌC VÂN  | HÀ    | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long             | Tiếng Anh | 8.0          | 9.8   | 7.25 |          |
| 184 | 230184 | 022310005615 | NGUYỄN THU       | HÀ    | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang      | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.75 |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                                                       |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 185 | 230185 | 022310010044 | NGUYỄN THU HÀ        | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.8   | 7.0  |          |
| 186 | 230186 | 022310008830 | PHẠM HẢI HÀ          | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.75         | 7.8   | 7.0  |          |
| 187 | 230187 | 030310013449 | PHẠM THỊ MINH HÀ     | 19/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.8   | 7.75 |          |
| 188 | 230188 | 022310000499 | VŨ NGÂN HÀ           | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.6   | 8.75 |          |
| 189 | 230189 | 022310001260 | VŨ THÁI HÀ           | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.4   | 3.5  |          |
| 190 | 230190 | 022210010694 | LÊ ĐĂNG HẢI          | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 191 | 230191 | 022210010264 | LƯƠNG MINH HẢI       | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.25         | 6.0   | 3.75 |          |
| 192 | 230192 | 022210004277 | NGUYỄN ĐỨC HẢI       | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 3.5          | 3.6   | 3.25 |          |
| 193 | 230193 | 022210001702 | NGUYỄN HOÀNG HẢI     | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 6.8   | 3.75 |          |
| 194 | 230194 | 022210000479 | NGUYỄN MINH HẢI      | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.5          | 6.0   | 6.0  |          |
| 195 | 230195 | 022210003903 | NGUYỄN VIỆT HẢI      | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.75         | 5.4   | 6.5  |          |
| 196 | 230196 | 022210009386 | PHẠM MINH HẢI        | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.2   | 7.5  |          |
| 197 | 230197 | 022210007623 | VŨ ĐỨC HẢI           | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.0          | 6.6   | 8.25 |          |
| 198 | 230198 | 022210005470 | TRẦN THỨC HÀO        | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.2   | 6.0  |          |
| 199 | 230199 | 022310001503 | BÙI GIA HÂN          | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.4   | 7.5  |          |
| 200 | 230200 | 022310000215 | CỦ HOÀNG GIA HÂN     | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 4.5          | 7.4   | 5.5  |          |
| 201 | 230201 | 022310000419 | HOÀNG BẢO HÂN        | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 7.0          | 5.2   | 7.25 |          |
| 202 | 230202 | 022310003928 | NGUYỄN BẢO GIA HÂN   | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 8.5          | 9.2   | 7.0  |          |
| 203 | 230203 | 022310008063 | TRẦN GIA HÂN         | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 8.0          | 7.4   | 9.0  |          |
| 204 | 230204 | 022310004386 | VŨ THỊ NGỌC HÂN      | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 205 | 230205 | 022310011737 | NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN | 07/10/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.4   | 9.0  |          |
| 206 | 230206 | 022310005046 | NGUYỄN THU HIỀN      | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 3.5          | 4.0   | 2.75 |          |
| 207 | 230207 | 022210021063 | HOÀNG TRUNG HIỂU     | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.0   | 7.5  |          |
| 208 | 230208 | 022210008063 | LÊ MINH HIỂU         | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 4.8   | 7.0  |          |
| 209 | 230209 | 022210000532 | PHẠM XUÂN HIỂU       | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.0          | 6.8   | 8.25 |          |
| 210 | 230210 | 022210005839 | QUÁCH ĐÌNH GIA HIỂU  | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.6   | 9.5  |          |
| 211 | 230211 | 022210001779 | VŨ ĐỨC HIỂU          | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.2   | 8.5  |          |
| 212 | 230212 | 022210002642 | VŨ TRỌNG HIỂU        | 12/10/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.0          | 8.4   | 7.25 |          |
| 213 | 230213 | 030210000338 | ĐÀO XUÂN HÒA         | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.6   | 8.75 |          |
| 214 | 230214 | 022210005071 | DƯƠNG VIỆT HOÀN      | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 5.0          | 8.4   | 6.75 |          |
| 215 | 230215 | 022210000253 | NGUYỄN HUY HOÀNG     | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.8   | 5.25 |          |
| 216 | 230216 | 030210018121 | NGUYỄN VÔ HUY HOÀNG  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.6   | 8.25 |          |
| 217 | 230217 | 030210013782 | TRẦN HUY HOÀNG       | 01/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 4.8   | 6.0  |          |
| 218 | 230218 | 022210005994 | TRẦN LÊ VIỆT HOÀNG   | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 219 | 230219 | 030209014929 | BÙI DUY HÙNG         | 17/09/2009 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 220 | 230220 | 022210004719 | NGÔ VIỆT HÙNG        | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.25         | 7.0   | 8.5  |          |
| 221 | 230221 | 022210003776 | NGUYỄN ĐẮC HÙNG      | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.4   | 9.0  |          |
| 222 | 230222 | 022210006653 | NGUYỄN MẠNH HÙNG     | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.0          | 6.6   | 8.5  |          |
| 223 | 230223 | 022210010288 | NGUYỄN QUANG HÙNG    | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.2   | 6.0  |          |
| 224 | 230224 | 034210014486 | DƯƠNG GIA HUY        | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.4   | 9.0  |          |
| 225 | 230225 | 022210011882 | DƯƠNG VĂN HUY        | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 10.0  | 9.0  |          |
| 226 | 230226 | 022210002802 | ĐỖ MINH HUY          | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.5          | 9.0   | 8.75 |          |
| 227 | 230227 | 022210001736 | HOÀNG GIA HUY        | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.4   | 8.75 |          |
| 228 | 230228 | 022210006098 | LÊ ĐỨC HUY           | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.6   | 8.5  |          |
| 229 | 230229 | 022210001883 | LÊ ĐỨC TUẤN HUY      | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.2   | 7.0  |          |
| 230 | 230230 | 022210011453 | NGÔ QUANG HUY        | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 5.75         | 9.4   | 6.25 |          |
| 231 | 230231 | 022210004546 | NGUYỄN AN HUY        | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                                       |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 232 | 230232 | 022210003952 | NGUYỄN QUANG HUY       | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.0          | 7.4   | 8.5  |          |
| 233 | 230233 | 022210006145 | NGUYỄN QUANG HUY       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.4   | 8.5  |          |
| 234 | 230234 | 022210002404 | NGUYỄN VŨ TÙNG         | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 235 | 230235 | 022210010386 | PHẠM KHÁNH HUY         | 19/02/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.0          | 4.2   | 6.25 |          |
| 236 | 230236 | 022210009465 | PHẠM NGUYỄN TÙNG       | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.5          | 9.0   | 7.25 |          |
| 237 | 230237 | 027210005565 | PHẠM TUẤN HUY          | 07/12/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 238 | 230238 | 022210008365 | PHÙNG GIA HUY          | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông                 | Tiếng Anh  | 4.5          | 8.8   | 5.75 |          |
| 239 | 230239 | 022210002224 | VŨ GIA HUY             | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 5.5          | 9.0   | 6.75 |          |
| 240 | 230240 | 022310006251 | ĐÀO THỊ THANH HUYỀN    | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 6.25         | 7.0   | 7.5  |          |
| 241 | 230241 | 022310011331 | LŨU KHÁNH HUYỀN        | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.4   | 8.0  |          |
| 242 | 230242 | 022310001394 | NGÔ LÊ KHÁNH HUYỀN     | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.25         | 6.8   | 7.5  |          |
| 243 | 230243 | 022310006018 | NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN    | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.5          | 8.8   | 8.25 |          |
| 244 | 230244 | 022310005665 | NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 7.5          | 7.6   | 5.5  |          |
| 245 | 230245 | 022310000364 | PHẠM KHÁNH HUYỀN       | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.6   | 7.75 |          |
| 246 | 230246 | 022310007115 | TRẦN NGỌC PHƯƠNG HUYỀN | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.6   | 7.0  |          |
| 247 | 230247 | 022310005066 | TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN   | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 7.8   | 7.25 |          |
| 248 | 230248 | 022210001544 | ĐÀO TIẾN HUỆNG         | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.2   | 8.0  |          |
| 249 | 230249 | 022210000677 | HOÀNG GIA HUỆNG        | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.6   | 8.0  |          |
| 250 | 230250 | 022210010098 | LÊ DUY HUỆNG           | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.4   | 8.0  |          |
| 251 | 230251 | 022210007511 | LÊ GIA HUỆNG           | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 5.0          | 6.4   | 5.0  |          |
| 252 | 230252 | 022210004510 | LÊ PHÚC HUỆNG          | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 5.5          | 8.4   | 7.5  |          |
| 253 | 230253 | 022210004647 | LÊ QUANG HUỆNG         | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 6.0          | 9.4   | 7.5  |          |
| 254 | 230254 | 022210004992 | LŨU CHẤN HUỆNG         | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 5.75         | 8.8   | 8.5  |          |
| 255 | 230255 | 022210008149 | NGUYỄN CHẤN HUỆNG      | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.0          | 7.6   | 8.5  |          |
| 256 | 230256 | 034209014248 | NGUYỄN DUY HUỆNG       | 16/09/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 257 | 230257 | 022210003855 | NGUYỄN TRỌNG DUY HUỆNG | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 6.2   | 7.75 |          |
| 258 | 230258 | 022210001597 | PHẠM NHẬT HUỆNG        | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.75         | 7.2   | 7.25 |          |
| 259 | 230259 | 022210005568 | TRẦN DUY HUỆNG         | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.2   | 8.5  |          |
| 260 | 230260 | 022210000875 | TRẦN ĐÌNH HUỆNG        | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 6.5          | 7.2   | 8.5  |          |
| 261 | 230261 | 034210007886 | TRẦN GIA HUỆNG         | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 5.75         | 8.6   | 9.0  |          |
| 262 | 230262 | 022310006751 | PHẠM LAN HUƠNG         | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 263 | 230263 | 022310002328 | PHẠM MINH HUƠNG        | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.6   | 8.5  |          |
| 264 | 230264 | 022310006107 | TRẦN QUỲNH HUƠNG       | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.0          | 6.2   | 7.75 |          |
| 265 | 230265 | 022210007352 | BÙI DUY KHÁNH          | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 5.25         | 7.8   | 5.5  |          |
| 266 | 230266 | 022210006352 | ĐỒNG NGUYỄN KHÁNH      | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.0          | 4.0   | 5.5  |          |
| 267 | 230267 | 022210004171 | NGUYỄN AN KHÁNH        | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.8   | 7.0  |          |
| 268 | 230268 | 022210012545 | NGUYỄN BẢO KHÁNH       | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.2   | 5.5  |          |
| 269 | 230269 | 022210003450 | NGUYỄN DUY GIA KHÁNH   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 3.0          | 4.6   | 7.5  |          |
| 270 | 230270 | 022310003813 | NGUYỄN KIM KHÁNH       | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.2   | 6.75 |          |
| 271 | 230271 | 001210015489 | NGUYỄN NAM KHÁNH       | 08/07/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.0   | 5.75 |          |
| 272 | 230272 | 022210001412 | NGUYỄN QUỐC KHÁNH      | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.2   | 9.0  |          |
| 273 | 230273 | 022210003495 | NGUYỄN QUỐC KHÁNH      | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.0   | 8.25 |          |
| 274 | 230274 | 022210004724 | NGUYỄN VIỆT KHÁNH      | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 275 | 230275 | 022210011916 | NGUYỄN VŨ ANH KHÁNH    | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 7.5          | 7.0   | 6.5  |          |
| 276 | 230276 | 022210009845 | PHẠM DUY KHÁNH         | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.8   | 8.0  |          |
| 277 | 230277 | 022210007941 | PHẠM DUY KHÁNH         | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.6   | 8.0  |          |
| 278 | 230278 | 022210011569 | PHẠM NAM KHÁNH         | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 9.0  |          |



## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                                  |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 279 | 230279 | 022310000927 | TRẦN LÊ GIA       | KHÁNH | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.4   | 6.5  |          |
| 280 | 230280 | 022210011176 | ĐẶNG HUY          | KHIÊM | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.8   | 8.5  |          |
| 281 | 230281 | 022210005529 | NGUYỄN BÌNH       | KHIÊM | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 6.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 282 | 230282 | 001210019981 | LÊ ĐÌNH MINH      | KHOA  | 21/11/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.4   | 9.0  |          |
| 283 | 230283 | 022210004885 | ĐÌNH TUẤN         | KHÔI  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 284 | 230284 | 022210010891 | PHẠM ANH          | KHÔI  | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.75         | 10.0  | 9.0  |          |
| 285 | 230285 | 022310009582 | PHẠM NGỌC         | KHUÊ  | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.2   | 9.0  |          |
| 286 | 230286 | 022210000767 | NGUYỄN MẠNH HOÀNG | KIÊN  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.2   | 9.0  |          |
| 287 | 230287 | 022210005403 | NGUYỄN QUÝ        | KIÊN  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.6   | 9.0  |          |
| 288 | 230288 | 022210005811 | NGUYỄN THÀNH      | KIÊN  | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 8.5          | 9.6   | 8.0  |          |
| 289 | 230289 | 022210002277 | PHẠM ĐỨC          | KIÊN  | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.2   | 7.75 |          |
| 290 | 230290 | 022210007307 | PHAN TRUNG        | KIÊN  | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 291 | 230291 | 022210004813 | LƯU TUẤN          | KIẾT  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.4   | 6.5  |          |
| 292 | 230292 | 022210007167 | NGUYỄN MINH TUẤN  | KIẾT  | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 7.75 |          |
| 293 | 230293 | 034210010795 | PHAN TUẤN         | KIẾT  | 18/06/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.75         | 6.6   | 7.25 |          |
| 294 | 230294 | 022210005127 | VÕ TUẤN           | KIẾT  | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.6   | 8.5  |          |
| 295 | 230295 | 022210004378 | VŨ GIA            | KIẾT  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.4   | 6.75 |          |
| 296 | 230296 | 022310003173 | LƯU NHÃ           | KỶ    | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 6.5          | 1.2   | 1.75 |          |
| 297 | 230297 | 022310004028 | NGUYỄN HOÀNG HIẾU | LAM   | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.2   | 8.5  |          |
| 298 | 230298 | 022310004383 | NGUYỄN TRẦN BẢO   | LAM   | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.0   | 8.0  |          |
| 299 | 230299 | 022310007735 | NGUYỄN PHƯƠNG     | LAN   | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.75         | 7.8   | 7.25 |          |
| 300 | 230300 | 022210012250 | ĐƯƠNG HÀ TÙNG     | LÂM   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.75         | 7.0   | 7.5  |          |
| 301 | 230301 | 022210009970 | ĐÀO TÙNG          | LÂM   | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 302 | 230302 | 040310007789 | ĐÌNH PHƯƠNG       | LÂM   | 27/10/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.8   | 7.75 |          |
| 303 | 230303 | 022210005494 | ĐỖ NGUYỄN TÙNG    | LÂM   | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 5.5          | 5.4   | 3.75 |          |
| 304 | 230304 | 031210008374 | HOÀNG ĐỨC         | LÂM   | 10/08/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.8   | 7.0  |          |
| 305 | 230305 | 022210011691 | KIỀU TÙNG         | LÂM   | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.75         | 7.2   | 7.75 |          |
| 306 | 230306 | 022210002982 | NGUYỄN HAI        | LÂM   | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.0   | 8.75 |          |
| 307 | 230307 | 022210000927 | NGUYỄN TÀI        | LÂM   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.6   | 8.0  |          |
| 308 | 230308 | 022310002582 | PHẠM NGUYỄN HẢI   | LÂM   | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 5.25         | 6.2   | 4.5  |          |
| 309 | 230309 | 022310005507 | PHẠM TUỆ          | LÂM   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.4   | 6.5  |          |
| 310 | 230310 | 036210018786 | PHẠM XUÂN         | LÂM   | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 311 | 230311 | 022210002814 | TẠ ĐỨC            | LÂM   | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 312 | 230312 | 022210001401 | TRẦN ĐÌNH HOÀNG   | LÂM   | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.0   | 7.75 |          |
| 313 | 230313 | 022210010483 | TRẦN THỂ          | LÂM   | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.25         | 7.6   | 7.0  |          |
| 314 | 230314 | 022210009462 | TRẦN THIÊN        | LÂM   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.6   | 7.25 |          |
| 315 | 230315 | 022310011225 | VŨ NHẬT           | LÂM   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.0   | 8.25 |          |
| 316 | 230316 | 022210010538 | VŨ THÀNH          | LÂM   | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 4.25         | 5.8   | 7.75 |          |
| 317 | 230317 | 022310010431 | BÙI NGUYỄN PHƯƠNG | LINH  | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 7.5          | 5.8   | 8.0  |          |
| 318 | 230318 | 022310011932 | BÙI PHƯƠNG        | LINH  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.6   | 8.5  |          |
| 319 | 230319 | 022310011334 | ĐÀO MAI           | LINH  | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.6   | 8.5  |          |
| 320 | 230320 | 022310001182 | ĐÌNH THÁI THUY    | LINH  | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.6   | 7.5  |          |
| 321 | 230321 | 022310008806 | ĐOÀN NGỌC         | LINH  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.25         | 8.8   | 7.75 |          |
| 322 | 230322 | 022310009058 | HOÀNG KHÁNH       | LINH  | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 4.0          | 5.8   | 5.25 |          |
| 323 | 230323 | 022310005720 | HOÀNG PHƯƠNG      | LINH  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.0   | 8.5  |          |
| 324 | 230324 | 022310001787 | HOÀNG PHƯƠNG      | LINH  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 4.0          | 7.2   | 8.0  |          |
| 325 | 230325 | 034310004992 | HOÀNG THỊ KHÁNH   | LINH  | 22/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.2   | 8.0  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|-------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                         |            |             |           |                  |                                                       |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 326 | 230326 | 022310006998 | LÊ PHƯƠNG LINH          | 23/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.4   | 5.75 |          |
| 327 | 230327 | 019310002043 | NGUYỄN DƯƠNG KHÁNH LINH | 22/12/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.0          | 7.4   | 7.0  |          |
| 328 | 230328 | 022310004306 | NGUYỄN ĐÀN LINH         | 03/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 6.8   | 7.75 |          |
| 329 | 230329 | 022310011411 | NGUYỄN HÀ LINH          | 23/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.4   | 8.5  |          |
| 330 | 230330 | 022310006699 | NGUYỄN HÀ LINH          | 14/11/2010 | hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.2   | 7.75 |          |
| 331 | 230331 | 022310010165 | NGUYỄN KHÁNH LINH       | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.0          | 10.0  | 8.25 |          |
| 332 | 230332 | 022310010322 | NGUYỄN KHÁNH LINH       | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.6   | 6.5  |          |
| 333 | 230333 | 022310007261 | NGUYỄN KHÁNH LINH       | 20/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.0   | 5.5  |          |
| 334 | 230334 | 001310020764 | NGUYỄN KHÁNH LINH       | 07/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.6   | 7.75 |          |
| 335 | 230335 | 022310011940 | NGUYỄN THỊ TÚ LINH      | 29/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.6   | 9.0  |          |
| 336 | 230336 | 022310007970 | NGUYỄN THUỶ LINH        | 14/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.4   | 8.0  |          |
| 337 | 230337 | 022310000598 | NGUYỄN THỦY LINH        | 15/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.4   | 8.75 |          |
| 338 | 230338 | 022310007681 | NGUYỄN THỦY LINH        | 04/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.5          | 7.8   | 8.5  |          |
| 339 | 230339 | 022310009597 | NGUYỄN THỦY LINH        | 27/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.8   | 7.25 |          |
| 340 | 230340 | 022310002581 | NGUYỄN TRẦN BẢO LINH    | 09/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.0          | 9.8   | 8.5  |          |
| 341 | 230341 | 030310001984 | NGUYỄN VŨ GIA LINH      | 27/02/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.0          | 4.8   | 1.5  |          |
| 342 | 230342 | 022310010352 | NGUYỄN VŨ GIA LINH      | 28/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.0          | 7.2   | 8.25 |          |
| 343 | 230343 | 030310015675 | NGUYỄN VŨ KHÁNH LINH    | 27/02/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.25         | 5.6   | 1.0  |          |
| 344 | 230344 | 036310016661 | PHẠM TRINH PHƯƠNG LINH  | 26/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.8   | 7.75 |          |
| 345 | 230345 | 022310007266 | PHẠM VŨ HÀ LINH         | 11/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.4   | 6.75 |          |
| 346 | 230346 | 022310006293 | PHÙNG BẢO LINH          | 15/09/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.2   | 5.75 |          |
| 347 | 230347 | 022310009439 | TRẦN HOÀNG HÀ LINH      | 05/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.75         | 6.8   | 8.75 |          |
| 348 | 230348 | 022310012636 | TRẦN TUỆ LINH           | 13/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.2   | 8.0  |          |
| 349 | 230349 | 022310007655 | TRẦN VŨ KHÁNH LINH      | 17/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.4   | 8.25 |          |
| 350 | 230350 | 022310005669 | VŨ KHÁNH LINH           | 09/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 5.75         | 9.4   | 6.25 |          |
| 351 | 230351 | 030310005460 | VŨ KHÁNH LINH           | 29/11/2010 | Hung Yên    | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.4   | 9.0  |          |
| 352 | 230352 | 022310003877 | VŨ PHƯƠNG LINH          | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 5.5          | 6.0   | 6.25 |          |
| 353 | 230353 | 022210007397 | NGUYỄN CAO HẢI LONG     | 05/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.25         | 4.2   | 4.75 |          |
| 354 | 230354 | 027210002111 | NGUYỄN ĐĂNG BẢO LONG    | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 355 | 230355 | 022210002325 | NGUYỄN THÀNH LONG       | 21/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.5          | 9.2   | 8.75 |          |
| 356 | 230356 | 022210000531 | PHẠM DUY LONG           | 12/09/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 6.5          | 7.2   | 5.75 |          |
| 357 | 230357 | 022210002999 | TRẦN ĐỨC LONG           | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.8   | 7.5  |          |
| 358 | 230358 | 022210009226 | LÊ ĐỨC LƯƠNG            | 18/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.0          | 6.6   | 6.75 |          |
| 359 | 230359 | 037310009143 | BUI MAI LY              | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 8.5          | 8.8   | 8.25 |          |
| 360 | 230360 | 001310028214 | CẦN LÊ KHÁNH LY         | 28/07/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.2   | 5.0  |          |
| 361 | 230361 | 022310002894 | ĐỖ KHÁNH LY             | 18/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 4.75         | 8.6   | 6.0  |          |
| 362 | 230362 | 022310011360 | HÀ THẢO LY              | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 5.0          | 8.6   | 7.0  |          |
| 363 | 230363 | 022310009804 | LÊ THỊ NGỌC MAI         | 08/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.25         | 4.8   | 7.0  |          |
| 364 | 230364 | 022310009108 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI     | 13/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 5.0          | 9.2   | 5.5  |          |
| 365 | 230365 | 030310015289 | NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI    | 20/05/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.4   | 6.0  |          |
| 366 | 230366 | 070310000200 | NGUYỄN THỊ XUÂN MAI     | 02/02/2010 | Bình Phước  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.75         | 8.2   | 2.75 |          |
| 367 | 230367 | 022310007987 | NGUYỄN XUÂN MAI         | 04/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 5.75         | 8.8   | 7.5  |          |
| 368 | 230368 | 022310007838 | NGUYỄN HÀ MI            | 04/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 369 | 230369 | 022310003191 | PHẠM HÀ MI              | 06/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.0          | 6.8   | 6.75 |          |
| 370 | 230370 | 034210007276 | BUI BÌNH MINH           | 24/09/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.4   | 8.75 |          |
| 371 | 230371 | 031210005967 | ĐÀO LÊ NHẬT MINH        | 13/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.0          | 10.0  | 7.75 |          |
| 372 | 230372 | 022210002990 | ĐINH NHẬT MINH          | 11/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.6   | 8.5  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                        | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|-----|--------|--------------|--------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|----------------------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
|     |        |              |                    |           |            |            |                  |             |                                  | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 373 | 230373 | 022210005369 | ĐỖ ANH             | MINH      | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Sán Diu     | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh    | 7.75  | 8.6  | 9.0     |          |
| 374 | 230374 | 030210018426 | ĐỖ QUANG           | MINH      | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.4  | 9.0     |          |
| 375 | 230375 | 033210014842 | ĐỖ TUẤN            | MINH      | 16/09/2010 | Hà Nội     | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 6.25  | 6.2  | 7.25    |          |
| 376 | 230376 | 030210000636 | HOÀNG GIA          | MINH      | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh    | 6.5   | 7.6  | 7.25    |          |
| 377 | 230377 | 022210005761 | LÊ VŨ NHẬT         | MINH      | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 3.75  | 8.4  | 5.25    |          |
| 378 | 230378 | 022310009273 | LƯU DIỆU           | MINH      | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 379 | 230379 | 031210003619 | MAI GIA            | MINH      | 12/04/2010 | Hải Phòng  | Nam              |             | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp   | 6.5   | 10.0 | 8.5     |          |
| 380 | 230380 | 022210010923 | NGUYỄN ĐỨC         | MINH      | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp   | 4.0   | 6.2  | 6.0     |          |
| 381 | 230381 | 034210001471 | NGUYỄN GIA         | MINH      | 31/08/2010 | Thái Bình  | Nam              |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 6.0   | 8.8  | 7.25    |          |
| 382 | 230382 | 022210008897 | NGUYỄN NGỌC QUANG  | MINH      | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 6.75  | 9.0  | 8.25    |          |
| 383 | 230383 | 022210006308 | NGUYỄN QUANG       | MINH      | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh    | 7.5   | 6.6  | 6.5     |          |
| 384 | 230384 | 022210004523 | NGUYỄN THÁI        | MINH      | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 3.25  | 2.8  | 4.5     |          |
| 385 | 230385 | 031210004333 | NGUYỄN TƯỜNG       | MINH      | 03/05/2010 | Hải Phòng  | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.6  | 7.5     |          |
| 386 | 230386 | 022310001500 | PHẠM MINH          | MINH      | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    | 5.75  | 7.4  | 6.75    |          |
| 387 | 230387 | 022210011655 | PHẠM NHẬT          | MINH      | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh    | 7.75  | 8.0  | 8.0     |          |
| 388 | 230388 | 022210003818 | TẠ QUANG           | MINH      | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh    | 6.75  | 6.0  | 7.0     |          |
| 389 | 230389 | 022210010394 | TRẦN ĐĂNG          | MINH      | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.4  | 8.5     |          |
| 390 | 230390 | 022210007886 | TRẦN ĐỨC           | MINH      | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 7.25  | 9.8  | 8.5     |          |
| 391 | 230391 | 022210006611 | VŨ NGUYỄN          | MINH      | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh    | 7.75  | 9.0  | 8.0     |          |
| 392 | 230392 | 022210010155 | VŨ TUẤN            | MINH      | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 7.0   | 9.4  | 9.0     |          |
| 393 | 230393 | 030210000632 | PHẠM HỮU           | MƯỜI      | 09/09/2010 | Hải Dương  | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 5.5   | 6.2  | 5.0     |          |
| 394 | 230394 | 022310011702 | HOÀNG HÀ TRÀ       | MY        | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 7.75  | 7.6  | 7.5     |          |
| 395 | 230395 | 022310005446 | NGUYỄN HUYỀN TRANG | MY        | 05/06/2010 | Hà Nội     | Nữ               |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 4.75  | 5.4  | 1.75    |          |
| 396 | 230396 | 022310004553 | NGUYỄN THANH HÀ    | MY        | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.2  | 7.5     |          |
| 397 | 230397 | 022310010514 | PHẠM HUYỀN TRANG   | MY        | 11/03/2010 | Hàn Quốc   | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.2  | 6.25    |          |
| 398 | 230398 | 022310009998 | VŨ HÀ              | MY        | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp   | 7.25  | 10.0 | 6.75    |          |
| 399 | 230399 | 022210008093 | HOÀNG BẢO          | NAM       | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    | 7.0   | 8.8  | 8.0     |          |
| 400 | 230400 | 033210007387 | HOÀNG BẢO          | NAM       | 09/04/2010 | Hà Nội     | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 7.0   | 7.4  | 8.25    |          |
| 401 | 230401 | 022210009250 | HOÀNG ĐÌNH         | NAM       | 03/02/2010 | Hà Nội     | Nam              |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 5.25  | 8.8  | 8.5     |          |
| 402 | 230402 | 022210010428 | NGÔ ĐẶNG HOÀNG     | NAM       | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh    | 7.0   | 6.0  | 6.75    |          |
| 403 | 230403 | 022210001266 | NGUYỄN AN          | NAM       | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.0  | 4.5     |          |
| 404 | 230404 | 034210001378 | NGUYỄN BẢO         | NAM       | 27/04/2010 | Thái Bình  | Nam              |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 6.0   | 7.6  | 8.0     |          |
| 405 | 230405 | 022210004563 | NGUYỄN THÀNH       | NAM       | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    | 7.0   | 6.8  | 8.5     |          |
| 406 | 230406 | 022210013241 | NGUYỄN THÀNH       | NAM       | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 6.5   | 8.8  | 7.75    |          |
| 407 | 230407 | 022210006876 | PHẠM HOÀNG         | NAM       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.0  | 6.0     |          |
| 408 | 230408 | 022210001955 | PHẠM HUY HOÀNG     | NAM       | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.6  | 6.75    |          |
| 409 | 230409 | 034210001133 | PHẠM PHƯƠNG        | NAM       | 21/10/2010 | Thái Bình  | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    | 5.25  | 9.2  | 8.0     |          |
| 410 | 230410 | 022210001577 | TRẦN AN            | NAM       | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 6.5   | 8.4  | 7.75    |          |
| 411 | 230411 | 022210005324 | TRẦN HOÀNG         | NAM       | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 5.25  | 7.4  | 8.0     |          |
| 412 | 230412 | 022210007494 | VŨ HẢI             | NAM       | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    | 7.0   | 9.0  | 9.0     |          |
| 413 | 230413 | 022310009970 | BÙI BẢO            | NGÂN      | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh    | 8.0   | 9.4  | 8.0     |          |
| 414 | 230414 | 022310000445 | ĐOÀN ĐƯỜNG BẢO     | NGÂN      | 17/06/2010 | Hà Nội     | Nữ               |             | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh    | 5.5   | 6.2  | 4.5     |          |
| 415 | 230415 | 022310007150 | LÊ HÀ              | NGÂN      | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh    | 6.0   | 5.6  | 4.25    |          |
| 416 | 230416 | 022310008635 | NGUYỄN BẢO         | NGÂN      | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh    | 7.25  | 9.4  | 8.25    |          |
| 417 | 230417 | 022310001914 | NGUYỄN HOÀNG KIM   | NGÂN      | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh    | 7.0   | 7.0  | 8.0     |          |
| 418 | 230418 | 033209009742 | ĐÀO QUANG          | NGHỊ      | 12/10/2009 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 419 | 230419 | 022210003391 | PHẠM TRỌNG         | NGHĨA     | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp   | 4.75  | 9.2  | 2.75    |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------------|------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                  |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 420 | 230420 | 022210005836 | THẠCH TRUNG      | NGHĨA  | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.2   | 8.25 |         |
| 421 | 230421 | 027310004858 | CUNG ÁNH         | NGỌC   | 23/09/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.6   | 7.25 |         |
| 422 | 230422 | 022310005839 | ĐÀO BẢO          | NGỌC   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 4.5          | 4.0   | 3.5  |         |
| 423 | 230423 | 022210011823 | ĐẶNG MINH        | NGỌC   | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 8.25 |         |
| 424 | 230424 | 022310004054 | ĐẶNG MINH        | NGỌC   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.8   | 8.75 |         |
| 425 | 230425 | 022310002326 | ĐỖ BAO           | NGỌC   | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.6   | 7.5  |         |
| 426 | 230426 | 022310009748 | HOÀNG BẢO        | NGỌC   | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 8.25         | 7.8   | 6.25 |         |
| 427 | 230427 | 034310013227 | HOÀNG THI KHÁNH  | NGỌC   | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.2   | 7.75 |         |
| 428 | 230428 | 022310006638 | LÊ MINH          | NGỌC   | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.4   | 9.0  |         |
| 429 | 230429 | 022310001569 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC   | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 6.75         | 6.0   | 5.75 |         |
| 430 | 230430 | 034310005420 | NGUYỄN BÍCH      | NGỌC   | 08/08/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.8   | 8.75 |         |
| 431 | 230431 | 022310002252 | NGUYỄN HOÀNG LÂM | NGỌC   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 5.5          | 9.8   | 7.0  |         |
| 432 | 230432 | 022310003425 | NGUYỄN KHÁNH     | NGỌC   | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.2   | 8.25 |         |
| 433 | 230433 | 022310010818 | NGUYỄN THẢO      | NGỌC   | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 6.0          | 9.2   | 8.25 |         |
| 434 | 230434 | 022310002364 | NGUYỄN THỊ MINH  | NGỌC   | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 7.75 |         |
| 435 | 230435 | 022310005216 | PHẠM KHÁNH       | NGỌC   | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.6   | 9.0  |         |
| 436 | 230436 | 022310004588 | TRỊNH KHÁNH      | NGỌC   | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.0          | 6.6   | 5.25 |         |
| 437 | 230437 | 022310011242 | ĐUỠNG HẠNH       | NGUYỄN | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.4   | 8.25 |         |
| 438 | 230438 | 022210005607 | ĐẶNG BẢO         | NGUYỄN | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.8   | 7.0  |         |
| 439 | 230439 | 022210004862 | NGUYỄN KHÔI      | NGUYỄN | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.0   | 6.5  |         |
| 440 | 230440 | 022310009684 | NGUYỄN PHÚC KHÔI | NGUYỄN | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.4   | 7.75 |         |
| 441 | 230441 | 022210003018 | PHẠM CAO         | NGUYỄN | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 7.25 |         |
| 442 | 230442 | 022310002676 | PHẠM MAI         | NGUYỄN | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 5.75         | 9.0   | 6.75 |         |
| 443 | 230443 | 022310003995 | PHẠM THẢO        | NGUYỄN | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.75         | 9.2   | 8.0  |         |
| 444 | 230444 | 022210007579 | TRẦN HOÀNG KHÔI  | NGUYỄN | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 445 | 230445 | 022310009830 | NGUYỄN MINH      | NGUYỆT | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.6   | 8.75 |         |
| 446 | 230446 | 022210008889 | NGUYỄN HOÀNG     | NHÂN   | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.75         | 7.2   | 8.0  |         |
| 447 | 230447 | 022210000327 | VŨ TRỌNG         | NHÂN   | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 8.5          | 8.8   | 8.0  |         |
| 448 | 230448 | 022310001301 | BÙI GIA          | NHI    | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.6   | 8.0  |         |
| 449 | 230449 | 022310003178 | ĐÌNH NGỌC        | NHI    | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.8   | 8.75 |         |
| 450 | 230450 | 022310009817 | ĐỖ TRỊNH PHƯƠNG  | NHI    | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.2   | 8.25 |         |
| 451 | 230451 | 022310008274 | NGUYỄN BẢO       | NHI    | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.0          | 6.2   | 5.5  |         |
| 452 | 230452 | 022310011220 | NGUYỄN HÀ PHƯƠNG | NHI    | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 6.5          | 7.2   | 6.0  |         |
| 453 | 230453 | 022310006656 | NGUYỄN PHƯƠNG    | NHI    | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.6   | 8.25 |         |
| 454 | 230454 | 022310009916 | PHẠM TUỆ         | NHI    | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 8.25         | 8.0   | 8.0  |         |
| 455 | 230455 | 022310010730 | TRẦN GIA         | NHI    | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.6   | 6.75 |         |
| 456 | 230456 | 022310007405 | VŨ PHƯƠNG        | NHI    | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.8   | 7.75 |         |
| 457 | 230457 | 022310005279 | NGUYỄN HỒNG      | NHUNG  | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.4   | 7.75 |         |
| 458 | 230458 | 022310011850 | NGUYỄN MINH      | NHƯ    | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.25         | 6.8   | 5.25 |         |
| 459 | 230459 | 022210007807 | VŨ HẢI           | NINH   | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 5.5          | 6.0   | 4.25 |         |
| 460 | 230460 | 022210009017 | ĐẶNG DƯƠNG GIA   | PHÁT   | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 4.25         | 5.0   | 4.0  |         |
| 461 | 230461 | 022210003143 | BÙI NAM          | PHONG  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.5          | 7.6   | 7.75 |         |
| 462 | 230462 | 022210007131 | ĐÀM GIA          | PHONG  | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 4.25         | 7.8   | 4.75 |         |
| 463 | 230463 | 022210000308 | ĐỖ HẢI           | PHONG  | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.0   | 8.25 |         |
| 464 | 230464 | 022210001574 | ĐỖ LÂM           | PHONG  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.0   | 7.75 |         |
| 465 | 230465 | 022210008020 | LÊ ĐÌNH          | PHONG  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.0          | 10.0  | 8.5  |         |
| 466 | 230466 | 022210010063 | NGÔ NAM          | PHONG  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.0   | 7.5  |         |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                                       |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 467 | 230467 | 022210001973 | NGUYỄN BẢO PHONG       | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.4   | 9.0  |          |
| 468 | 230468 | 008210000229 | PHẠM NGUYỄN MINH PHONG | 21/02/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 5.25         | 9.4   | 8.5  |          |
| 469 | 230469 | 022210000626 | TẠ XUÂN PHONG          | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.4   | 8.5  |          |
| 470 | 230470 | 022210011408 | HÀ ĐỒNG PHÚC           | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 8.0          | 7.4   | 6.75 |          |
| 471 | 230471 | 031210017201 | HOÀNG ĐỨC PHÚC         | 01/05/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 6.75         | 7.8   | 9.0  |          |
| 472 | 230472 | 022210021047 | NGÔ LÊ TẤN PHÚC        | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.8   | 7.5  |          |
| 473 | 230473 | 022210000852 | NGUYỄN HOÀNG PHÚC      | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.4   | 8.5  |          |
| 474 | 230474 | 022310004242 | NGUYỄN HỒNG PHÚC       | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 4.75         | 7.8   | 7.25 |          |
| 475 | 230475 | 022210009577 | NGUYỄN VĂN PHÚC        | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.0          | 8.0   | 7.5  |          |
| 476 | 230476 | 022210012384 | PHẠM ĐÌNH GIA PHÚC     | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.5          | 6.4   | 5.5  |          |
| 477 | 230477 | 022210005633 | PHÙNG VĂN PHÚC         | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.4   | 8.0  |          |
| 478 | 230478 | 022210008716 | VŨ LÊ GIA PHÚC         | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.2   | 8.5  |          |
| 479 | 230479 | 022210005434 | NGUYỄN NGỌC PHƯỚC      | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 8.75 |          |
| 480 | 230480 | 022210002400 | TRIỆU HỮU PHƯỚC        | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.25         | 7.4   | 7.25 |          |
| 481 | 230481 | 022310000554 | BUI MINH PHƯƠNG        | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.4   | 6.5  |          |
| 482 | 230482 | 022310011934 | LÊ LÂM PHƯƠNG          | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.8   | 8.25 |          |
| 483 | 230483 | 022310001699 | NGUYỄN HÀ PHƯƠNG       | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.6   | 6.75 |          |
| 484 | 230484 | 022310004877 | NGUYỄN HÀ PHƯƠNG       | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 4.0   | 3.5  |          |
| 485 | 230485 | 022310000270 | PHẠM MINH PHƯƠNG       | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.75         | 7.6   | 7.0  |          |
| 486 | 230486 | 022310000028 | PHẠM THU PHƯƠNG        | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 6.25         | 8.0   | 6.75 |          |
| 487 | 230487 | 022310000186 | ỨNG HÀ PHƯƠNG          | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.2   | 8.5  |          |
| 488 | 230488 | 033310000107 | VŨ PHƯƠNG PHƯƠNG       | 06/06/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.6   | 8.5  |          |
| 489 | 230489 | 022210002803 | BUI MINH QUANG         | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.75         | 9.2   | 9.0  |          |
| 490 | 230490 | 022210008345 | LÊ VINH QUANG          | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.25         | 7.4   | 8.75 |          |
| 491 | 230491 | 022210000551 | NGUYỄN ĐẮC QUANG       | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 5.4   | 5.0  |          |
| 492 | 230492 | 022210006209 | NGUYỄN MINH QUANG      | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 493 | 230493 | 022210008404 | NGUYỄN TUẤN QUANG      | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.0          | 9.8   | 8.0  |          |
| 494 | 230494 | 022210010463 | LÊ MINH QUẢN           | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 495 | 230495 | 015310000084 | NGUYỄN CHIỀU QUẢN      | 14/04/2010 | Yên Bái    | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.0   | 8.5  |          |
| 496 | 230496 | 022210003588 | NGUYỄN MINH QUẢN       | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.75         | 8.0   | 7.25 |          |
| 497 | 230497 | 022210012353 | PHAN BẢO QUẢN          | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 5.75         | 8.2   | 8.75 |          |
| 498 | 230498 | 022210004573 | VŨ ĐO MINH QUẢN        | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 7.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 499 | 230499 | 036210010892 | VŨ VĂN QUYỀN           | 02/01/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 1.75         | 2.2   | 2.0  |          |
| 500 | 230500 | 034310000262 | HÀ NHƯ QUỲNH           | 19/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.75         | 6.8   | 7.5  |          |
| 501 | 230501 | 033310007894 | VŨ TUỆ SAN             | 27/11/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Thuộc                                 | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.8   | 8.5  |          |
| 502 | 230502 | 022210002315 | VŨ QUANG SÁNG          | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 6.0   | 7.0  |          |
| 503 | 230503 | 022210006467 | NGUYỄN MINH SƠN        | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.6   | 7.75 |          |
| 504 | 230504 | 022210001050 | NGUYỄN THÁI SƠN        | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 505 | 230505 | 030210014291 | NGUYỄN TRƯỜNG SƠN      | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.5          | 7.4   | 7.0  |          |
| 506 | 230506 | 022210007375 | PHẠM HOÀNG SƠN         | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.5          | 8.4   | 8.5  |          |
| 507 | 230507 | 022210010532 | PHẠM LÊ SƠN            | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.0   | 8.25 |          |
| 508 | 230508 | 022210009000 | PHẠM THANH SƠN         | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.2   | 8.0  |          |
| 509 | 230509 | 022210006625 | TRỊNH THÁI SƠN         | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 510 | 230510 | 022210004290 | VŨ NAM SƠN             | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 6.6   | 5.75 |          |
| 511 | 230511 | 022210002727 | VŨ THẾ SƠN             | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.6   | 7.75 |          |
| 512 | 230512 | 022210001364 | TẠ VĂN TÀI             | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.4   | 8.25 |          |
| 513 | 230513 | 022310003250 | HOÀNG MINH TÂM         | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 6.5          | 6.0   | 4.0  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|------------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                         |            |            |           |                  |                                                       |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 514 | 230514 | 022310010623 | HOÀNG MINH TÂM          | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 5.25         | 6.8   | 4.5  |          |
| 515 | 230515 | 022310012609 | LƯU TỐ TÂM              | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 6.0          | 7.8   | 7.75 |          |
| 516 | 230516 | 033310003572 | PHẠM TỊNH TÂM           | 30/05/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.0   | 8.25 |          |
| 517 | 230517 | 022210002131 | TRẦN NGUYỄN MINH TÂM    | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.25         | 5.8   | 3.75 |          |
| 518 | 230518 | 022210012123 | BÙI QUÝ THÁI            | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 5.25         | 7.8   | 7.25 |          |
| 519 | 230519 | 022210008987 | LẠI BẢO THÁI            | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.8   | 9.0  |          |
| 520 | 230520 | 022310009400 | LÊ MẠNH THANH           | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.0   | 7.5  |          |
| 521 | 230521 | 031310007015 | TRẦN THỊ KIỀU THANH     | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cao Thắng                                        | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.0   | 8.75 |          |
| 522 | 230522 | 022310002397 | TRẦN THIÊN THANH        | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.0   | 6.5  |          |
| 523 | 230523 | 022210001537 | BÙI ĐỨC THÀNH           | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 0.25         | 8.0   | 2.0  |          |
| 524 | 230524 | 022208009993 | ĐINH PHÚC THÀNH         | 26/08/2008 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  |              |       |      | Vắng thi |
| 525 | 230525 | 022210006585 | ĐỒNG MINH THÀNH         | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.75         | 9.4   | 8.5  |          |
| 526 | 230526 | 022210001398 | HOÀNG ĐỨC THÀNH         | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 4.0          | 3.0   | 3.75 |          |
| 527 | 230527 | 022210001709 | NGUYỄN CHÍ THÀNH        | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 6.0  |          |
| 528 | 230528 | 022310001718 | ĐOÀN PHƯƠNG THẢO        | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 7.0          | 6.6   | 7.5  |          |
| 529 | 230529 | 022310002523 | NGUYỄN THANH THẢO       | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.0          | 5.2   | 4.5  |          |
| 530 | 230530 | 031310011953 | NGUYỄN THỊ DIỆU THẢO    | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 8.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 531 | 230531 | 022310006444 | PHẠM PHƯƠNG THẢO        | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai                                   | Tiếng Pháp | 6.5          | 6.8   | 4.5  |          |
| 532 | 230532 | 031310009543 | VŨ PHƯƠNG THẢO          | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 8.75         | 8.8   | 8.5  |          |
| 533 | 230533 | 022210000455 | TẠ TOÀN THẮNG           | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.8   | 7.25 |          |
| 534 | 230534 | 022210003646 | VŨ NGỌC THẮNG           | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 7.25         | 8.6   | 6.75 |          |
| 535 | 230535 | 001210062169 | BÙI TIẾN THỊNH          | 18/04/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.8   | 6.75 |          |
| 536 | 230536 | 022310005820 | NGUYỄN PHƯƠNG THỦY      | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 6.75         | 8.4   | 8.0  |          |
| 537 | 230537 | 022310006092 | NGUYỄN THỊ THỦY         | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 8.25         | 7.6   | 6.5  |          |
| 538 | 230538 | 022310003686 | BÙI THU THỦY            | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.2   | 8.25 |          |
| 539 | 230539 | 022310008538 | ĐÀM THU THỦY            | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.5          | 5.2   | 6.75 |          |
| 540 | 230540 | 022310011499 | VŨ THỊ THU THỦY         | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 9.0          | 9.2   | 9.0  |          |
| 541 | 230541 | 022310009964 | MAI PHƯƠNG THÚY         | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh  | 6.75         | 9.6   | 6.25 |          |
| 542 | 230542 | 022310008604 | ĐINH MINH THƯ           | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.0   | 7.75 |          |
| 543 | 230543 | 022310003710 | LÊ ANH THƯ              | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.25         | 7.6   | 6.0  |          |
| 544 | 230544 | 022310008496 | LÊ ANH THƯ              | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 545 | 230545 | 034310012674 | NGUYỄN ANH THƯ          | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                             | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.6   | 8.0  |          |
| 546 | 230546 | 022310003228 | NGUYỄN MINH THƯ         | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.4   | 8.0  |          |
| 547 | 230547 | 022310007585 | VŨ MINH THƯ             | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 6.25         | 9.6   | 7.75 |          |
| 548 | 230548 | 001310012925 | PHẠM KHÁNH THY          | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 8.0          | 7.0   | 7.75 |          |
| 549 | 230549 | 030210003891 | NGUYỄN HỮU MINH TIẾN    | 03/11/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 5.25         | 5.4   | 4.0  |          |
| 550 | 230550 | 022210003264 | NGUYỄN VĂN TIẾN         | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 8.0          | 9.6   | 8.5  |          |
| 551 | 230551 | 001310053862 | NGUYỄN PHƯƠNG TRẢ       | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.4   | 7.25 |          |
| 552 | 230552 | 034310008104 | BÙI THU TRANG           | 02/05/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                                   | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.8   | 8.0  |          |
| 553 | 230553 | 022310000247 | HÀ THU TRANG            | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 6.5          | 7.6   | 4.5  |          |
| 554 | 230554 | 022310003676 | NGUYỄN HÀ TRANG         | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.75         | 9.0   | 8.5  |          |
| 555 | 230555 | 022310006213 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 1.5          | 2.8   | 1.5  |          |
| 556 | 230556 | 022310011151 | NGUYỄN QUỲNH TRANG      | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang                      | Tiếng Anh  | 8.25         | 9.6   | 8.75 |          |
| 557 | 230557 | 022310007834 | PHẠM QUỲNH TRANG        | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                                         | Tiếng Anh  | 6.5          | 6.2   | 6.25 |          |
| 558 | 230558 | 022310010363 | PHẠM BẢO TRÂM           | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                               | Tiếng Anh  | 4.5          | 4.8   | 2.0  |          |
| 559 | 230559 | 022310005805 | TRẦN VŨ NGỌC TRÂM       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 7.5          | 5.6   | 7.0  |          |
| 560 | 230560 | 022210000265 | NGUYỄN ĐỨC TRÍ          | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh  | 5.5          | 9.0   | 9.0  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Hòn Gai (22000811)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                      | Ngoại ngữ  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|----------------------------------|------------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |                 |           |                  |                                  |            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 561 | 230561 | 022210007340 | NGUYỄN VĂN TRIỀU     | 19/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 6.25         | 7.2   | 6.75 |         |
| 562 | 230562 | 033210005299 | ĐẶNG QUỐC TRƯỞNG     | 12/02/2010 | Hưng Yên        | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.4   | 8.75 |         |
| 563 | 230563 | 022210001554 | ĐOÀN MINH TÚ         | 19/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 5.5          | 9.0   | 8.75 |         |
| 564 | 230564 | 022310003262 | NGUYỄN CẨM TÚ        | 15/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 6.5          | 7.6   | 5.75 |         |
| 565 | 230565 | 022210000164 | NGUYỄN HỮU TÚ        | 21/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 6.5          | 5.0   | 7.25 |         |
| 566 | 230566 | 022210011771 | ĐINH QUANG TUẤN      | 04/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.75         | 7.6   | 8.0  |         |
| 567 | 230567 | 022210000272 | HOÀNG ANH TUẤN       | 17/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 4.5          | 4.4   | 5.5  |         |
| 568 | 230568 | 022210007134 | NGUYỄN ANH TUẤN      | 17/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Cao Thắng                   | Tiếng Anh  | 5.5          | 8.8   | 8.25 |         |
| 569 | 230569 | 022210003884 | PHẠM TRUNG TUẤN      | 05/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.4   | 8.25 |         |
| 570 | 230570 | 022210003714 | NGUYỄN ĐĂNG TÙNG     | 21/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.0          | 7.2   | 7.25 |         |
| 571 | 230571 | 001210041199 | PHẠM HOÀNG TÙNG      | 13/12/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 5.5          | 3.8   | 3.75 |         |
| 572 | 230572 | 022210002831 | PHẠM THANH TÙNG      | 02/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.5          | 10.0  | 9.0  |         |
| 573 | 230573 | 001310031865 | NGUYỄN NGỌC BẢO UYÊN | 28/01/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.0   | 8.25 |         |
| 574 | 230574 | 022310000172 | TRƯƠNG THU UYÊN      | 02/02/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.6   | 7.75 |         |
| 575 | 230575 | 022210005139 | BÊ KIẾN VÂN          | 15/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tây              | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.6   | 8.25 |         |
| 576 | 230576 | 022310009939 | BUI HẠ VÂN           | 11/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 6.5          | 4.4   | 6.0  |         |
| 577 | 230577 | 022310004029 | ĐOÀN THANH VÂN       | 10/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.8   | 7.75 |         |
| 578 | 230578 | 022310004243 | ĐỖ HÀ VÂN            | 15/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 6.25         | 7.2   | 5.5  |         |
| 579 | 230579 | 022310002570 | LÊ HẢI VÂN           | 19/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 6.5          | 9.0   | 6.5  |         |
| 580 | 230580 | 022310005670 | PHẠM THU VÂN         | 01/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 5.0          | 9.0   | 6.0  |         |
| 581 | 230581 | 022210002262 | TRẦN QUỐC VIỆT       | 21/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 5.0          | 6.0   | 6.25 |         |
| 582 | 230582 | 022210013303 | NGUYỄN ĐỨC VINH      | 16/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.0          | 9.0   | 8.75 |         |
| 583 | 230583 | 022210003364 | NGUYỄN TRẦN VINH     | 15/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 5.75         | 9.2   | 7.5  |         |
| 584 | 230584 | 022210005094 | NÔNG QUANG VINH      | 09/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tây              | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 4.0          | 2.4   | 2.5  |         |
| 585 | 230585 | 022210003507 | PHẠM QUANG VINH      | 25/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.5          | 9.4   | 8.75 |         |
| 586 | 230586 | 022310003334 | PHÙNG XUÂN VŨ        | 02/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 6.5          | 8.6   | 6.5  |         |
| 587 | 230587 | 022210000644 | TRẦN ANH VŨ          | 05/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 5.0          | 7.0   | 7.5  |         |
| 588 | 230588 | 022210010422 | TRẦN MINH VŨ         | 03/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang | Tiếng Anh  | 7.0          | 6.4   | 7.0  |         |
| 589 | 230589 | 022210003171 | TRẦN UY VŨ           | 19/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                  | Tiếng Anh  | 7.25         | 9.2   | 7.75 |         |
| 590 | 230590 | 022310001614 | ĐỖ HÀ VY             | 01/02/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.8   | 6.75 |         |
| 591 | 230591 | 022310011450 | LÊ KHÁNH VY          | 07/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 6.5          | 5.8   | 7.0  |         |
| 592 | 230592 | 022310006928 | MAI PHƯƠNG VY        | 30/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.5          | 8.4   | 8.5  |         |
| 593 | 230593 | 079310005526 | NGUYỄN LÊ PHƯƠNG VY  | 11/07/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 5.75         | 6.4   | 7.25 |         |
| 594 | 230594 | 022310008691 | NGUYỄN NGỌC HẠ VY    | 08/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải                    | Tiếng Anh  | 3.5          | 4.0   | 2.25 |         |
| 595 | 230595 | 022310006244 | NGUYỄN TƯỜNG VY      | 12/02/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 7.75         | 8.8   | 8.5  |         |
| 596 | 230596 | 031310010216 | PHAN BẢO VY          | 21/01/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 4.25         | 4.2   | 5.0  |         |
| 597 | 230597 | 022310005182 | NGUYỄN THIÊN Ý       | 06/05/2010 | Trung Quốc      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 5.75         | 7.6   | 6.25 |         |
| 598 | 230598 | 022310003387 | PHẠM HOÀNG NHƯ Ý     | 23/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long          | Tiếng Anh  | 5.75         | 3.4   | 7.25 |         |
| 599 | 230599 | 022310011638 | VŨ NGỌC ĐẶNG NHƯ Ý   | 15/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 8.0          | 8.6   | 8.5  |         |
| 600 | 230600 | 033310001680 | ĐÀO HẢI YẾN          | 03/11/2010 | Hưng Yên        | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn              | Tiếng Anh  | 7.0          | 8.6   | 8.25 |         |
| 601 | 230601 | 022310000766 | NGUYỄN BẢO YẾN       | 23/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THPT Hòn Gai              | Tiếng Pháp | 4.25         | 5.6   | 3.0  |         |
| 602 | 230602 | 022310012634 | NGUYỄN HOÀNG YẾN     | 28/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long        | Tiếng Anh  | 6.5          | 3.4   | 3.25 |         |

(Danh sách này gồm có 602 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |                 |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 240001 | 022310008302 | ĐẶNG BẢO AN          | 19/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 3.0  |          |
| 2   | 240002 | 022310010045 | MAI THÁI AN          | 14/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 5.25 |          |
| 3   | 240003 | 022210005351 | NGUYỄN BÁ HOÀNG AN   | 15/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 3.5          | 6.0   | 7.25 |          |
| 4   | 240004 | 033210006560 | NGUYỄN TRƯỜNG AN     | 08/08/2010 | Hưng Yên        | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 5.0  |          |
| 5   | 240005 | 022310005632 | PHẠM TÂM AN          | 05/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.0  |          |
| 6   | 240006 | 022210005949 | PHẠM TRƯỜNG AN       | 20/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 6.25 |          |
| 7   | 240007 | 022310006025 | BÙI NGỌC ANH         | 05/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 8.25 |          |
| 8   | 240008 | 022310011895 | BÙI PHƯƠNG ANH       | 15/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 3.0  |          |
| 9   | 240009 | 022310004187 | BÙI TUỆ ANH          | 17/03/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.25 |          |
| 10  | 240010 | 022310006274 | BÙI TUỆ ANH          | 20/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 4.75 |          |
| 11  | 240011 | 022210011409 | ĐẶNG VIỆT ANH        | 11/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 1.75         | 2.4   | 1.25 |          |
| 12  | 240012 | 022210001241 | ĐOÀN NGUYỄN ANH      | 15/01/2010 | Hải Phòng       | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 4.5  |          |
| 13  | 240013 | 022210011077 | ĐỒNG DUY ANH         | 06/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 5.0  |          |
| 14  | 240014 | 022310011342 | HOÀNG MAI ANH        | 11/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 4.0  |          |
| 15  | 240015 | 030310005099 | HOÀNG THỊ MAI ANH    | 31/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 5.0  |          |
| 16  | 240016 | 022210008831 | HOÀNG TUẤN ANH       | 18/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 9.0  |          |
| 17  | 240017 | 022310005666 | LÊ HÀ ANH            | 31/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 6.0  |          |
| 18  | 240018 | 022310003885 | LÊ KIỀU ANH          | 01/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 8.0  |          |
| 19  | 240019 | 022210009745 | LÊ QUANG ANH         | 19/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 3.75 |          |
| 20  | 240020 | 022210011879 | LÊ VIỆT ANH          | 14/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 4.75         | 9.0   | 4.75 |          |
| 21  | 240021 | 022310006397 | LƯƠNG QUỲNH ANH      | 02/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 8.5  |          |
| 22  | 240022 | 022210011531 | NGÔ ĐỖ VIỆT ANH      | 11/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 23  | 240023 | 022210006764 | NGÔ QUANG ANH        | 19/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 3.0          | 5.0   | 2.75 |          |
| 24  | 240024 | 036210002561 | NGUYỄN CÔNG ANH      | 09/01/2010 | Nam Định        | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 3.5          | 6.8   | 4.75 |          |
| 25  | 240025 | 022210006410 | NGUYỄN DUY ANH       | 22/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 6.0  |          |
| 26  | 240026 | 022210007515 | NGUYỄN DUY ANH       | 31/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 7.0  |          |
| 27  | 240027 | 022310003948 | NGUYỄN ĐÀO HÀ ANH    | 27/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 6.5  |          |
| 28  | 240028 | 022210006673 | NGUYỄN HOÀNG ANH     | 09/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 4.5  |          |
| 29  | 240029 | 034210008605 | NGUYỄN HOÀNG ANH     | 28/10/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 6.25 |          |
| 30  | 240030 | 022310011461 | NGUYỄN MINH ANH      | 02/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.75         | 5.4   | 6.25 |          |
| 31  | 240031 | 022310006415 | NGUYỄN MINH ANH      | 16/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 2.5  |          |
| 32  | 240032 | 022310002113 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH    | 06/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 4.75 |          |
| 33  | 240033 | 022310003608 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH   | 07/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 2.5  |          |
| 34  | 240034 | 022210005380 | NGUYỄN TRỊNH DUY ANH | 10/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 6.0  |          |



Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |      |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 35  | 240035 | 022210001667 | NGUYỄN TUẤN      | ANH  | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 9.0          | 5.6   | 6.25 |          |
| 36  | 240036 | 022310005221 | NHỮ HẢI          | ANH  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.5  |          |
| 37  | 240037 | 022210009299 | PHẠM ĐỨC         | ANH  | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.0          | 5.4   | 4.75 |          |
| 38  | 240038 | 020210009985 | PHẠM HOÀNG       | ANH  | 03/10/2010 | Lạng Sơn   | Nam       | Tày              | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 4.75 |          |
| 39  | 240039 | 022310010147 | PHẠM LÊ NGỌC     | ANH  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 7.0  |          |
| 40  | 240040 | 022310001889 | PHẠM MINH        | ANH  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 7.5  |          |
| 41  | 240041 | 022310006942 | PHẠM NGUYỄN LINH | ANH  | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 2.5  |          |
| 42  | 240042 | 022210012561 | PHẠM THỂ         | ANH  | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 6.5  |          |
| 43  | 240043 | 022310000469 | PHẠM THỊ MAI     | ANH  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 3.75 |          |
| 44  | 240044 | 027310002061 | PHAN PHƯƠNG      | ANH  | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 2.25 |          |
| 45  | 240045 | 022310011907 | PHÙNG KIỀU       | ANH  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 6.25 |          |
| 46  | 240046 | 022310005326 | PHÙNG MINH       | ANH  | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.5  |          |
| 47  | 240047 | 022210010094 | TÔ TUẤN          | ANH  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.25 |          |
| 48  | 240048 | 022310005954 | TRẦN HOÀNG       | ANH  | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 6.0  |          |
| 49  | 240049 | 022310007020 | TRẦN QUỲNH       | ANH  | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 5.5  |          |
| 50  | 240050 | 022210003907 | VŨ DUY           | ANH  | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.25 |          |
| 51  | 240051 | 022210002450 | VŨ DUY           | ANH  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 7.75 |          |
| 52  | 240052 | 022310009858 | VŨ PHƯƠNG        | ANH  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 7.0  |          |
| 53  | 240053 | 031310009548 | LƯƠNG THỊ NGỌC   | ÁNH  | 14/06/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 6.5  |          |
| 54  | 240054 | 022310011310 | TRƯƠNG NGỌC      | ÁNH  | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.75         | 8.4   | 7.25 |          |
| 55  | 240055 | 022210005306 | NGUYỄN HOÀNG     | BÁCH | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 3.75 |          |
| 56  | 240056 | 022210011490 | TRẦN HẢI         | BÁCH | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 57  | 240057 | 022210000634 | ĐỒNG DUY         | BẢO  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.25         | 8.2   | 4.0  |          |
| 58  | 240058 | 022210002211 | HOÀNG GIA        | BẢO  | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.25 |          |
| 59  | 240059 | 022210009522 | LẠI NGỌC         | BẢO  | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.0  |          |
| 60  | 240060 | 022210010226 | MAI GIA          | BẢO  | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 5.75 |          |
| 61  | 240061 | 022210004875 | NGUYỄN ĐÌNH GIA  | BẢO  | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.75         | 3.2   | 6.5  |          |
| 62  | 240062 | 001210001189 | NGUYỄN HOÀNG GIA | BẢO  | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 63  | 240063 | 022210007751 | PHẠM GIA         | BẢO  | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.75 |          |
| 64  | 240064 | 001210012430 | VŨ GIA           | BẢO  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.75 |          |
| 65  | 240065 | 022210010905 | NGUYỄN LƯƠNG     | BẰNG | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 6.75 |          |
| 66  | 240066 | 022210003384 | LÊ THANH         | BÌNH | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 6.25 |          |
| 67  | 240067 | 030210006358 | VŨ QUANG         | BÌNH | 03/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 7.75 |          |
| 68  | 240068 | 022310004936 | LÊ NGỌC BẢO      | CHÂU | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 5.75 |          |
| 69  | 240069 | 022310007153 | NGÔ NGỌC MINH    | CHÂU | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 5.75 |          |
| 70  | 240070 | 022310011923 | VŨ PHẠM HÀ       | CHÂU | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 2.0  |          |
| 71  | 240071 | 022310011927 | ĐẶNG LINH        | CHI  | 22/10/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 72  | 240072 | 022310010266 | ĐỖ THỊ MAI       | CHI  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 4.0  |          |

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 73  | 240073 | 022310011429 | PHẠM HÀ          | CHI   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 3.25 |         |
| 74  | 240074 | 022310005023 | PHẠM NHƯ QUẾ     | CHI   | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 5.25 |         |
| 75  | 240075 | 022310009256 | PHẠM THỊ THÙY    | CHI   | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 7.25 |         |
| 76  | 240076 | 034310015225 | TRẦN NGUYỄN MAI  | CHI   | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 4.25 |         |
| 77  | 240077 | 022210012129 | TRƯƠNG HỒNG      | CHÍNH | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.25         | 7.2   | 8.25 |         |
| 78  | 240078 | 022210003668 | TRƯƠNG THUY MINH | CHÍNH | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.25 |         |
| 79  | 240079 | 022310009281 | QUY THỊ          | CÔNG  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 3.5  |         |
| 80  | 240080 | 022210002571 | VŨ THÀNH         | CÔNG  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 5.5  |         |
| 81  | 240081 | 022210004545 | PHẠM ĐỨC         | CỔ    | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 5.25 |         |
| 82  | 240082 | 022310009142 | NGUYỄN THU       | CÚC   | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 6.75 |         |
| 83  | 240083 | 036210017029 | TRỊNH KIM        | CƯỜNG | 23/05/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 8.25 |         |
| 84  | 240084 | 022210008968 | HOÀNG MẠNH       | CƯỜNG | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.75 |         |
| 85  | 240085 | 022210005591 | NGÔ VĂN          | DÀN   | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 6.0  |         |
| 86  | 240086 | 022310001653 | VŨ THỊ KIỀU      | DIỄM  | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.5          | 7.0   | 7.0  |         |
| 87  | 240087 | 022310006600 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | DIỆP  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.0  |         |
| 88  | 240088 | 022310009279 | VŨ NGỌC          | DIỆP  | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 1.0  |         |
| 89  | 240089 | 022210007894 | NGUYỄN NGỌC      | DOANH | 13/05/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 6.75 |         |
| 90  | 240090 | 022210000221 | VŨ HỮU           | DU    | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 6.5  |         |
| 91  | 240091 | 022310009744 | NGUYỄN PHƯƠNG    | DUNG  | 06/05/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 1.25 |         |
| 92  | 240092 | 022210001124 | BÙI TRUNG        | DỪNG  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 3.0          | 9.4   | 6.25 |         |
| 93  | 240093 | 022210012119 | LAM TIẾN         | DỪNG  | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 5.75 |         |
| 94  | 240094 | 022210007112 | MẠC VĂN          | DỪNG  | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 6.0  |         |
| 95  | 240095 | 038210024324 | MAI TIẾN         | DỪNG  | 11/11/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 5.5  |         |
| 96  | 240096 | 022210012307 | NGÔ TIẾN         | DỪNG  | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 4.75 |         |
| 97  | 240097 | 022210004559 | NGUYỄN QUANG     | DỪNG  | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.0  |         |
| 98  | 240098 | 022210005703 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG  | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 1.75         | 3.2   | 4.5  |         |
| 99  | 240099 | 022210001132 | NGUYỄN TIẾN      | DỪNG  | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.5  |         |
| 100 | 240100 | 030210017713 | PHẠM QUANG       | DỪNG  | 25/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 8.0  |         |
| 101 | 240101 | 001210051304 | PHẠM TIẾN        | DUY   | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.25 |         |
| 102 | 240102 | 022310010767 | VŨ THÁI THÙY     | DUYÊN | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.25 |         |
| 103 | 240103 | 022210003858 | BÀNG THÁI        | DƯƠNG | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.25 |         |
| 104 | 240104 | 022210005777 | ĐÌNH TÙNG        | DƯƠNG | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 6.25 |         |
| 105 | 240105 | 022210009279 | LÊ THÁI          | DƯƠNG | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 5.75 |         |
| 106 | 240106 | 022310001913 | PHẠM DƯƠNG       | DƯƠNG | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 2.25 |         |
| 107 | 240107 | 022210004269 | PHẠM THÀNH       | DƯƠNG | 16/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 6.0  |         |
| 108 | 240108 | 022310000396 | TRẦN ÁNH         | DƯƠNG | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 3.25 |         |
| 109 | 240109 | 017210007663 | TRẦN ĐỨC HẢI     | DƯƠNG | 07/04/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 2.75 |         |
| 110 | 240110 | 022310000024 | TRẦN THỦY        | DƯƠNG | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.75 |         |

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 111 | 240111 | 030310000409 | VŨ THÙY          | DƯƠNG | 26/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.5  |         |
| 112 | 240112 | 001210061745 | BÙI SĨ           | ĐẠI   | 17/09/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.0  |         |
| 113 | 240113 | 034210001257 | HÀ ĐỒNG          | ĐẠI   | 29/04/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 1.75 |         |
| 114 | 240114 | 022210001720 | BÙI TIẾN         | ĐẠT   | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 3.25         | 7.6   | 4.0  |         |
| 115 | 240115 | 022210010596 | CAO HAI          | ĐẠT   | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.5  |         |
| 116 | 240116 | 022210007859 | ĐINH MẠNH        | ĐẠT   | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 3.75 |         |
| 117 | 240117 | 034210000425 | NGUYỄN THÀNH     | ĐẠT   | 21/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 3.0  |         |
| 118 | 240118 | 022210004835 | NGUYỄN TUẤN      | ĐẠT   | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 2.75 |         |
| 119 | 240119 | 022210005988 | PHẠM THÀNH       | ĐẠT   | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.25         | 7.0   | 5.0  |         |
| 120 | 240120 | 022210004627 | PHẠM THÀNH       | ĐẠT   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 4.5  |         |
| 121 | 240121 | 022210002480 | PHẠM THÀNH       | ĐẠT   | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 5.75 |         |
| 122 | 240122 | 030210015836 | NGUYỄN DUY HAI   | ĐĂNG  | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 8.0  |         |
| 123 | 240123 | 038210033207 | NGUYỄN ĐÌNH      | ĐĂNG  | 22/11/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 8.0  |         |
| 124 | 240124 | 022210009175 | PHẠM HẢI         | ĐĂNG  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 8.25 |         |
| 125 | 240125 | 017210001625 | TRẦN ĐỨC HẢI     | ĐĂNG  | 07/04/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.0          | 1.8   | 1.25 |         |
| 126 | 240126 | 022210009517 | PHẠM THANH       | ĐÌNH  | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 3.0  |         |
| 127 | 240127 | 022210004706 | TRẦN VĂN         | ĐỖ    | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 8.75 |         |
| 128 | 240128 | 031210000386 | ĐẶNG QUÝ         | ĐÔN   | 17/02/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 6.5  |         |
| 129 | 240129 | 022210011379 | HOÀNG MINH       | ĐỨC   | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 6.75 |         |
| 130 | 240130 | 022210000025 | LÊ ANH           | ĐỨC   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 5.0  |         |
| 131 | 240131 | 022210009962 | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 1.75 |         |
| 132 | 240132 | 022210009145 | NGUYỄN MINH      | ĐỨC   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 5.5  |         |
| 133 | 240133 | 022210001308 | NGUYỄN PHÚ       | ĐỨC   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 3.25         | 4.2   | 3.75 |         |
| 134 | 240134 | 033210005742 | PHẠM ANH         | ĐỨC   | 03/09/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.5  |         |
| 135 | 240135 | 022210005004 | TRƯƠNG MINH      | ĐỨC   | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 7.0  |         |
| 136 | 240136 | 022210001269 | VŨ ANH           | ĐỨC   | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 3.5  |         |
| 137 | 240137 | 022310002490 | NGUYỄN HƯƠNG     | GIANG | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.75 |         |
| 138 | 240138 | 022310011842 | NGUYỄN THU       | GIANG | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.5  |         |
| 139 | 240139 | 022310008696 | VŨ HƯƠNG         | GIANG | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 5.5  |         |
| 140 | 240140 | 034310000386 | BÙI KHÁNH        | HÀ    | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 7.75 |         |
| 141 | 240141 | 022310004953 | CAO NGUYỄN KHÁNH | HÀ    | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.5  |         |
| 142 | 240142 | 022310008169 | ĐẶNG THỊ NGÂN    | HÀ    | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 6.75 |         |
| 143 | 240143 | 022310005983 | ĐẶNG THỊ NGỌC    | HÀ    | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 5.25 |         |
| 144 | 240144 | 022310003008 | NGÔ NGÂN         | HÀ    | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 2.5  |         |
| 145 | 240145 | 022310004504 | NGUYỄN NGÂN      | HÀ    | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 5.75 |         |
| 146 | 240146 | 022310000368 | NGUYỄN NGỌC      | HÀ    | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.25         | 6.2   | 5.0  |         |
| 147 | 240147 | 022310003096 | PHẠM HUYỀN       | HÀ    | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 6.0  |         |
| 148 | 240148 | 022310003117 | TRẦN PHƯƠNG      | HÀ    | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.5          | 8.4   | 7.0  |         |

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 149 | 240149 | 022310005585 | VŨ THANH         | HÀ    | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 6.75 |         |
| 150 | 240150 | 022210001121 | LÊ LONG          | HẢI   | 21/08/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 6.25 |         |
| 151 | 240151 | 022210021005 | LÊ TRUNG         | HẢI   | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.75 |         |
| 152 | 240152 | 030210015729 | NGUYỄN HOÀNG     | HẢI   | 29/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 6.0  |         |
| 153 | 240153 | 030210011094 | NGUYỄN THUỖNG    | HẢI   | 13/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 8.5  |         |
| 154 | 240154 | 022210002223 | TRẦN HOÀNG       | HẢI   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.5          | 9.0   | 3.5  |         |
| 155 | 240155 | 022210003882 | VŨ CHÍ           | HẢI   | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 3.0  |         |
| 156 | 240156 | 022309000002 | VŨ THỊ           | HẠNH  | 16/08/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 2.6   | 3.0  |         |
| 157 | 240157 | 022310010585 | LÊ THANH         | HẰNG  | 20/07/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hồng Hải       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 158 | 240158 | 017310002738 | NGUYỄN MINH      | HẰNG  | 23/08/2010 | Hòa Bình   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.5  |         |
| 159 | 240159 | 022310007662 | NGUYỄN THỊ MINH  | HẰNG  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 2.75 |         |
| 160 | 240160 | 022310000612 | TRIỆU THỊ        | HẰNG  | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 1.75 |         |
| 161 | 240161 | 022310008584 | HOÀNG NGỌC       | HÂN   | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 6.5  |         |
| 162 | 240162 | 038310000708 | LÊ NGỌC          | HÂN   | 12/09/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 4.75 |         |
| 163 | 240163 | 024210003860 | NGUYỄN VĂN       | HẬU   | 20/07/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 5.0  |         |
| 164 | 240164 | 022310003097 | CHU THÚY         | HIỀN  | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.25 |         |
| 165 | 240165 | 022210002122 | NGUYỄN VINH      | HIỀN  | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.75 |         |
| 166 | 240166 | 022210008254 | ĐOÀN VĂN         | HIẾU  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.5  |         |
| 167 | 240167 | 022210008746 | LÊ NGUYỄN MINH   | HIẾU  | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 5.5  |         |
| 168 | 240168 | 022210012024 | LÊ VĂN           | HIẾU  | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 7.75 |         |
| 169 | 240169 | 022210004651 | MAI TRUNG        | HIẾU  | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 8.4   | 6.5  |         |
| 170 | 240170 | 022210005875 | MAI TRUNG        | HIẾU  | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 7.25 |         |
| 171 | 240171 | 022210004540 | NGÔ MINH         | HIẾU  | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 5.75 |         |
| 172 | 240172 | 030210001760 | NGUYỄN ĐỨC       | HIẾU  | 29/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 5.5  |         |
| 173 | 240173 | 022210007796 | NGUYỄN KHÁC      | HIẾU  | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 8.25 |         |
| 174 | 240174 | 022210010588 | NGUYỄN NGỌC MINH | HIẾU  | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 3.75         | 6.2   | 5.5  |         |
| 175 | 240175 | 022210001022 | PHẠM MINH        | HIẾU  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 7.0  |         |
| 176 | 240176 | 022210008248 | TRƯƠNG MINH      | HIẾU  | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 4.25 |         |
| 177 | 240177 | 036210013038 | VŨ GIA           | HIẾU  | 17/07/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.75 |         |
| 178 | 240178 | 022210002099 | VŨ MINH          | HIẾU  | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 4.25 |         |
| 179 | 240179 | 022210001881 | VŨ TRUNG         | HIẾU  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.8   | 5.75 |         |
| 180 | 240180 | 022210005664 | LẠI HUY          | HOÀNG | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 4.0  |         |
| 181 | 240181 | 022210011287 | NGUYỄN SĨ        | HOÀNG | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 2.75 |         |
| 182 | 240182 | 022210005558 | TRẦN HUY         | HOÀNG | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.75 |         |
| 183 | 240183 | 022310000519 | PHẠM THU         | HUỆ   | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 5.25 |         |
| 184 | 240184 | 022210005527 | BÙI TUẤN         | HÙNG  | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 8.25 |         |
| 185 | 240185 | 022210005043 | NGUYỄN MẠNH      | HÙNG  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.75 |         |
| 186 | 240186 | 022210009749 | NGUYỄN MINH      | HÙNG  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 3.4   | 6.25 |         |

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 187 | 240187 | 027210003624 | VŨ THẾ            | HÙNG  | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 4.5  |         |
| 188 | 240188 | 022210008582 | BÙI ĐỨC GIA       | HUY   | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.0  |         |
| 189 | 240189 | 022210003347 | NGUYỄN ĐỨC        | HUY   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 8.25 |         |
| 190 | 240190 | 034210014143 | NGUYỄN GIA        | HUY   | 24/10/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 6.5  |         |
| 191 | 240191 | 030210000635 | NGUYỄN GIA        | HUY   | 07/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.75 |         |
| 192 | 240192 | 022210006027 | NGUYỄN QUANG      | HUY   | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 8.25 |         |
| 193 | 240193 | 034210011875 | NGUYỄN QUANG      | HUY   | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 5.75 |         |
| 194 | 240194 | 022210004731 | PHẠM GIA          | HUY   | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 3.5          | 6.2   | 4.0  |         |
| 195 | 240195 | 022210003777 | PHẠM TUẤN         | HUY   | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 2.25 |         |
| 196 | 240196 | 022210003052 | TRẦN GIA          | HUY   | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 3.25         | 5.4   | 6.25 |         |
| 197 | 240197 | 022210009229 | TRỊNH AN          | HUY   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.75 |         |
| 198 | 240198 | 022210009533 | VŨ GIA            | HUY   | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.0  |         |
| 199 | 240199 | 022310006939 | DƯƠNG THỊ THU     | HUYỀN | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 5.75 |         |
| 200 | 240200 | 022310000506 | ĐỖ KHÁNH          | HUYỀN | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 3.25 |         |
| 201 | 240201 | 022310003023 | LÊ THANH          | HUYỀN | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.75 |         |
| 202 | 240202 | 022310010427 | NGUYỄN KHÁNH      | HUYỀN | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 6.5  |         |
| 203 | 240203 | 022310003106 | NGUYỄN KHÁNH      | HUYỀN | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 7.0  |         |
| 204 | 240204 | 034310004391 | NGUYỄN NGỌC       | HUYỀN | 25/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.75 |         |
| 205 | 240205 | 022310010658 | NGUYỄN NGỌC       | HUYỀN | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 3.25         | 7.4   | 2.5  |         |
| 206 | 240206 | 022310009648 | NGUYỄN NHƯ        | HUYỀN | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 6.25 |         |
| 207 | 240207 | 022310003284 | PHAN THU          | HUYỀN | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.25 |         |
| 208 | 240208 | 022310007672 | TRẦN THỊ THU      | HUYỀN | 16/05/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.75         | 5.0   | 8.0  |         |
| 209 | 240209 | 022310008178 | VŨ HOÀNG THANH    | HUYỀN | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 6.5  |         |
| 210 | 240210 | 022210009028 | HỒ GIA            | HÙNG  | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 4.25 |         |
| 211 | 240211 | 033210002802 | NGUYỄN CHÁN       | HÙNG  | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 2.5  |         |
| 212 | 240212 | 034210005734 | NGUYỄN ĐÌNH       | HÙNG  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 6.5  |         |
| 213 | 240213 | 022210012621 | NGUYỄN TUẤN       | HÙNG  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.75 |         |
| 214 | 240214 | 022210008767 | PHẠM XUÂN         | HÙNG  | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.25 |         |
| 215 | 240215 | 022210003042 | VŨ TIẾN           | HÙNG  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 5.5  |         |
| 216 | 240216 | 001310008125 | NGUYỄN PHAN QUỲNH | HƯƠNG | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 8.0  |         |
| 217 | 240217 | 022310009553 | VŨ MINH           | HƯƠNG | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.75 |         |
| 218 | 240218 | 022310009557 | VŨ QUỲNH          | HƯƠNG | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 5.75 |         |
| 219 | 240219 | 022310007566 | VŨ THỊ LAN        | HƯƠNG | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 2.0  |         |
| 220 | 240220 | 022310011413 | VŨ THIÊN          | HƯƠNG | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.5  |         |
| 221 | 240221 | 022210005731 | ĐOÀN VĂN DUY      | HƯƠNG | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.0          | 3.2   | 7.0  |         |
| 222 | 240222 | 022210007013 | LÊ HỒNG           | KHÁI  | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 0.25         | 4.0   | 0.75 |         |
| 223 | 240223 | 022210005479 | PHẠM QUANG        | KHÁI  | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.25 |         |
| 224 | 240224 | 022310005598 | LÊ BẢO            | KHANH | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 2.25 |         |

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|-----------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |                 |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 225 | 240225 | 022210006544 | HÀ VŨ NAM         | KHÁNH | 19/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.5  |         |
| 226 | 240226 | 030210012841 | NGUYỄN GIA        | KHÁNH | 22/04/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.25 |         |
| 227 | 240227 | 022210000457 | NGUYỄN NAM        | KHÁNH | 07/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 9.0  |         |
| 228 | 240228 | 022210004100 | NGUYỄN QUỐC       | KHÁNH | 02/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 6.25 |         |
| 229 | 240229 | 022210011249 | PHẠM NAM          | KHÁNH | 23/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 6.0  |         |
| 230 | 240230 | 022210011967 | ĐỒNG ANH          | KHOA  | 09/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 2.5          | 5.4   | 3.75 |         |
| 231 | 240231 | 022210002992 | PHẠM TRẦN ĐĂNG    | KHOA  | 04/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 2.75 |         |
| 232 | 240232 | 022210001697 | VŨ ANH            | KHOA  | 19/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.5  |         |
| 233 | 240233 | 022210006463 | PHẠM TRẦN ĐĂNG    | KHÔI  | 04/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 3.5  |         |
| 234 | 240234 | 022210008655 | ĐÀO TRUNG         | KIÊN  | 27/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 1.75 |         |
| 235 | 240235 | 022210005232 | ĐẶNG TRUNG        | KIÊN  | 15/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 8.0  |         |
| 236 | 240236 | 022210006966 | ĐỒNG DUY          | KIÊN  | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 3.0  |         |
| 237 | 240237 | 022210007520 | PHẠM TUẤN         | KIỆT  | 15/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.0  |         |
| 238 | 240238 | 022210011665 | TRƯƠNG TUẤN       | KIỆT  | 21/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.25 |         |
| 239 | 240239 | 022310006820 | NGUYỄN NGỌC THIÊN | KIM   | 02/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.25         | 4.8   | 7.25 |         |
| 240 | 240240 | 022310006073 | ĐOÀN TRÚC         | LAM   | 18/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 4.0          | 8.2   | 6.25 |         |
| 241 | 240241 | 033310009011 | DƯƠNG PHƯƠNG      | LAN   | 18/09/2010 | Hưng Yên        | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.5  |         |
| 242 | 240242 | 022210006359 | ĐỖ TÙNG           | LÂM   | 19/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 5.25 |         |
| 243 | 240243 | 022210006886 | NGÔ SƠN           | LÂM   | 07/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 5.75 |         |
| 244 | 240244 | 022310000729 | NGUYỄN THỊ TRÚC   | LÂM   | 17/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 5.0  |         |
| 245 | 240245 | 022210011157 | TRẦN TUẤN         | LÂM   | 10/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 7.25 |         |
| 246 | 240246 | 038210014379 | BÙI DUY           | LÂN   | 26/08/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 2.5  |         |
| 247 | 240247 | 022310003820 | BÙI THÁI          | LINH  | 04/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 3.75 |         |
| 248 | 240248 | 022310003626 | ĐÀM TRẦN UYÊN     | LINH  | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 6.25 |         |
| 249 | 240249 | 022310001980 | ĐINH MAI          | LINH  | 13/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 250 | 240250 | 022310011525 | ĐOÀN KHÁNH        | LINH  | 01/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 8.0          | 2.4   | 0.25 |         |
| 251 | 240251 | 022310002732 | HOÀNG DIỆU        | LINH  | 15/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 5.75 |         |
| 252 | 240252 | 022310002017 | HOÀNG GIA         | LINH  | 07/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.0  |         |
| 253 | 240253 | 022310001887 | LAM NGỌC          | LINH  | 07/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 8.25         | 8.0   | 7.25 |         |
| 254 | 240254 | 022310006727 | LÊ KHÁNH          | LINH  | 23/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.75 |         |
| 255 | 240255 | 022310005464 | NGUYỄN ĐỖ KHÁNH   | LINH  | 01/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 3.75 |         |
| 256 | 240256 | 022310009154 | NGUYỄN HÀ         | LINH  | 02/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 6.75 |         |
| 257 | 240257 | 022310006267 | NGUYỄN HÀ         | LINH  | 20/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 5.5  |         |
| 258 | 240258 | 030310005847 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH  | 28/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 5.0  |         |
| 259 | 240259 | 022310006020 | NGUYỄN PHƯƠNG     | LINH  | 26/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.5  |         |
| 260 | 240260 | 024310010495 | NGUYỄN THỊ HÀ     | LINH  | 13/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 8.25 |         |
| 261 | 240261 | 022310001685 | NGUYỄN THỦY       | LINH  | 16/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.25 |         |
| 262 | 240262 | 022310005723 | PHẠM DIỆU         | LINH  | 30/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.75 |         |

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên        |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------|------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |               |      |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 263 | 240263 | 034310191682 | PHẠM PHƯƠNG   | LINH | 19/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.75 |         |
| 264 | 240264 | 022310011834 | PHẠM THUY     | LINH | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 5.75 |         |
| 265 | 240265 | 022310008061 | TRẦN NGỌC     | LINH | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 6.75 |         |
| 266 | 240266 | 022309004629 | TRẦN THỊ MAI  | LINH | 05/10/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 8.5  |         |
| 267 | 240267 | 015210000084 | TRẦN HỒNG     | LINH | 21/02/2010 | Yên Bái    | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 2.0  |         |
| 268 | 240268 | 022210009503 | BÙI VŨ HOÀNG  | LONG | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 9.0  |         |
| 269 | 240269 | 022210011116 | DƯƠNG QUANG   | LONG | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.25 |         |
| 270 | 240270 | 022210010921 | ĐÀO XUÂN      | LONG | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 4.75 |         |
| 271 | 240271 | 022210013289 | NGÔ BẢO       | LONG | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 8.0  |         |
| 272 | 240272 | 034210003060 | PHẠM ĐÀO PHÚC | LONG | 13/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 8.0  |         |
| 273 | 240273 | 022210007206 | PHẠM VĂN      | LONG | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 5.5  |         |
| 274 | 240274 | 022210007294 | TRẦN NGỌC     | LONG | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 6.0  |         |
| 275 | 240275 | 022210013262 | PHẠM TRẦN     | LỘC  | 11/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 7.25 |         |
| 276 | 240276 | 022210001340 | NGUYỄN THÀNH  | LUÂN | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.25         | 4.4   | 6.0  |         |
| 277 | 240277 | 033310011329 | ĐÀO CẨM       | LY   | 04/08/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 8.25 |         |
| 278 | 240278 | 022310002314 | LÊ THẢO       | LY   | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.5  |         |
| 279 | 240279 | 022310005103 | TRẦN BẢO      | LY   | 24/03/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 4.5  |         |
| 280 | 240280 | 022310009749 | NGUYỄN ĐIỀU   | MAI  | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.25 |         |
| 281 | 240281 | 022310006249 | NGUYỄN VŨ CẨM | MAI  | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.25 |         |
| 282 | 240282 | 022310011180 | NGUYỄN XUÂN   | MAI  | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 2.25 |         |
| 283 | 240283 | 022310003180 | TRẦN HOA      | MAI  | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.5          | 8.8   | 6.25 |         |
| 284 | 240284 | 092310004449 | TRIỆU QUỲNH   | MAI  | 24/03/2010 | Cần Thơ    | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 5.75 |         |
| 285 | 240285 | 022310006587 | TRƯƠNG XUÂN   | MAI  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 4.5  |         |
| 286 | 240286 | 022210006776 | HOÀNG ĐỨC     | MẠNH | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 7.75 |         |
| 287 | 240287 | 022210012057 | NGUYỄN ĐỨC    | MẠNH | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 6.0  |         |
| 288 | 240288 | 022210004613 | PHẠM DUY      | MẠNH | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.5  |         |
| 289 | 240289 | 022210002056 | PHẠM ĐỨC      | MẠNH | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 8.75 |         |
| 290 | 240290 | 022310002002 | PHẠM GIA      | MẮN  | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 6.5  |         |
| 291 | 240291 | 031210006984 | BÙI NHẬT      | MINH | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.75         | 8.0   | 5.75 |         |
| 292 | 240292 | 022210011333 | BÙI TIẾN      | MINH | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 8.5  |         |
| 293 | 240293 | 022210004408 | CHU NHẬT      | MINH | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 8.75 |         |
| 294 | 240294 | 022210013283 | ĐÀO GIA       | MINH | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 3.25         | 5.8   | 4.75 |         |
| 295 | 240295 | 034210015532 | HÀ NHẬT       | MINH | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 8.0  |         |
| 296 | 240296 | 022210009860 | HOÀNG ĐỨC     | MINH | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 3.25 |         |
| 297 | 240297 | 022210000108 | LẠI THÁI      | MINH | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.0  |         |
| 298 | 240298 | 022210003096 | LÊ TƯỜNG      | MINH | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 4.0  |         |
| 299 | 240299 | 022210001192 | NGUYỄN CÔNG   | MINH | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 7.0  |         |
| 300 | 240300 | 022210006582 | NGUYỄN ĐỨC    | MINH | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.0          | 7.2   | 5.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |      | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|------|------------|-------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |      |            |             |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 301 | 240301 | 022210004858 | NGUYỄN HẢI      | MINH | 19/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 8.75 |          |
| 302 | 240302 | 022210001217 | NGUYỄN HOÀNG    | MINH | 03/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 5.0  |          |
| 303 | 240303 | 022210012442 | NGUYỄN QUANG    | MINH | 23/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 7.5  |          |
| 304 | 240304 | 019210005386 | NGUYỄN TUẤN     | MINH | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 3.0  |          |
| 305 | 240305 | 022210003594 | PHẠM HẢI        | MINH | 30/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.5          | 7.8   | 5.25 |          |
| 306 | 240306 | 022210000117 | PHẠM QUANG      | MINH | 22/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 5.5  |          |
| 307 | 240307 | 022210005507 | TRẦN TUẤN       | MINH | 27/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.5  |          |
| 308 | 240308 | 022210001983 | TRỊNH VŨ        | MINH | 02/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 6.0  |          |
| 309 | 240309 | 031310017511 | VŨ BẢO          | MINH | 23/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 3.25 |          |
| 310 | 240310 | 022210011165 | VŨ BẢO          | MINH | 23/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 8.0  |          |
| 311 | 240311 | 022310008567 | VŨ THỦY         | MINH | 06/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.0  |          |
| 312 | 240312 | 022210003201 | VƯƠNG ĐỨC       | MINH | 06/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 313 | 240313 | 022310004425 | NGUYỄN NGỌC HÀ  | MY   | 26/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 7.25 |          |
| 314 | 240314 | 008310007061 | PHẠM THỊ TRÀ    | MY   | 02/12/2010 | Tuyên Quang | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 5.0  |          |
| 315 | 240315 | 034310004815 | PHẠM THỊ TRÀ    | MY   | 16/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.75         | 4.6   | 6.25 |          |
| 316 | 240316 | 034310007436 | TRẦN THỊ TRÀ    | MY   | 08/11/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 8.0          | 5.0   | 7.5  |          |
| 317 | 240317 | 022310001721 | VŨ NGỌC         | MY   | 22/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 7.0  |          |
| 318 | 240318 | 030310007411 | VŨ THỊ TRÀ      | MY   | 16/08/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 1.75 |          |
| 319 | 240319 | 022310001651 | VŨ TRÀ          | MY   | 17/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 5.25 |          |
| 320 | 240320 | 022210008391 | NGUYỄN GIA      | MỸ   | 02/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hồng Hải                         | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 6.75 |          |
| 321 | 240321 | 022209001732 | LỤC PHẠM BẢO    | NAM  | 07/02/2009 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 322 | 240322 | 022210011342 | MẠC KHÁNH       | NAM  | 17/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 7.75 |          |
| 323 | 240323 | 022210003812 | NGUYỄN BẢO      | NAM  | 14/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 7.75 |          |
| 324 | 240324 | 022210004373 | NGUYỄN ĐÌNH BẢO | NAM  | 16/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.5  |          |
| 325 | 240325 | 022210005283 | NGUYỄN HẢI      | NAM  | 26/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 5.75 |          |
| 326 | 240326 | 022210007321 | NGUYỄN VŨ       | NAM  | 30/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 2.75 |          |
| 327 | 240327 | 022210006887 | NHŨ HẢI         | NAM  | 17/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.75 |          |
| 328 | 240328 | 022210010217 | PHẠM NGỌC       | NAM  | 19/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 2.75 |          |
| 329 | 240329 | 022210007296 | TRẦN NHẬT       | NAM  | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.75 |          |
| 330 | 240330 | 022210006891 | TRẦN NHẬT       | NAM  | 27/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 8.25 |          |
| 331 | 240331 | 022210001922 | TRƯƠNG HIẾU     | NAM  | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 2.5  |          |
| 332 | 240332 | 022310011020 | NGUYỄN THỊ HẰNG | NGA  | 29/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.75 |          |
| 333 | 240333 | 022310006544 | TRẦN PHƯƠNG     | NGA  | 07/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.0  |          |
| 334 | 240334 | 022310011519 | LÊ HOÀNG BẢO    | NGÂN | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 8.0  |          |
| 335 | 240335 | 034310014405 | NGUYỄN THỊ      | NGÂN | 22/12/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 3.0  |          |
| 336 | 240336 | 022309003795 | PHẠM THU        | NGÂN | 25/07/2009 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 4.75 |          |
| 337 | 240337 | 022310008371 | VŨ TRÚC         | NGÂN | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 3.25 |          |
| 338 | 240338 | 022309002665 | DƯƠNG HÀ KHÁNH  | NGỌC | 14/11/2009 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 1.5  |          |



Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 339 | 240339 | 022310003305 | ĐÀO MINH         | NGỌC   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 7.5  |         |
| 340 | 240340 | 022310001238 | ĐÌNH THÙY        | NGỌC   | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 6.5  |         |
| 341 | 240341 | 022310008590 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.75 |         |
| 342 | 240342 | 022310004633 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC   | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 5.75 |         |
| 343 | 240343 | 022310006327 | NGUYỄN LÊ NHƯ    | NGỌC   | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.75         | 5.8   | 5.0  |         |
| 344 | 240344 | 022310000072 | NGUYỄN PHẠM BẢO  | NGỌC   | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 5.75 |         |
| 345 | 240345 | 022310001682 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | NGỌC   | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 3.25 |         |
| 346 | 240346 | 022310002708 | NGUYỄN YẾN       | NGỌC   | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 7.0  |         |
| 347 | 240347 | 022310009033 | TRẦN HOÀI        | NGỌC   | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 7.25 |         |
| 348 | 240348 | 022310007126 | TRẦN THU         | NGỌC   | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 1.5  |         |
| 349 | 240349 | 022210011253 | BÙI LÊ           | NGUYỄN | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 3.25 |         |
| 350 | 240350 | 036210008810 | ĐOÀN KIM         | NGUYỄN | 20/06/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.0  |         |
| 351 | 240351 | 022310001436 | TRẦN NGUYỄN THẢO | NGUYỄN | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 3.0  |         |
| 352 | 240352 | 022210005911 | TRẦN XUÂN        | NGUYỄN | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.25         | 8.4   | 7.5  |         |
| 353 | 240353 | 036210000484 | MAI NAM VIỆT     | NHẬT   | 12/05/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.25 |         |
| 354 | 240354 | 022310005143 | NGÔ NGỌC         | NHI    | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 5.0  |         |
| 355 | 240355 | 022310010193 | PHẠM KHÁNH       | NHI    | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.25         | 2.6   | 0.75 |         |
| 356 | 240356 | 022310010313 | PHẠM YẾN         | NHI    | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 5.25 |         |
| 357 | 240357 | 022310003156 | BÙI TRANG        | NHUNG  | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.25 |         |
| 358 | 240358 | 022210005231 | NGUYỄN ANH       | NINH   | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Hải       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 359 | 240359 | 022210002565 | NGUYỄN HẢI       | NINH   | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.75 |         |
| 360 | 240360 | 022210005235 | ĐẶNG BÁ          | PHONG  | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 5.5  |         |
| 361 | 240361 | 022210002092 | HOÀNG ĐÌNH       | PHONG  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 5.5  |         |
| 362 | 240362 | 022210009763 | LÊ GIA           | PHONG  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 2.25         | 4.2   | 1.75 |         |
| 363 | 240363 | 022210003987 | LÊ NAM           | PHONG  | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.75 |         |
| 364 | 240364 | 022210011208 | LƯU QUANG NAM    | PHONG  | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.5  |         |
| 365 | 240365 | 022210009469 | LƯU TRƯỜNG       | PHONG  | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 3.75 |         |
| 366 | 240366 | 022210008006 | NGUYỄN ĐỨC       | PHONG  | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.75         | 9.2   | 7.75 |         |
| 367 | 240367 | 022210000557 | NGUYỄN HOÀNG     | PHONG  | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 4.0  |         |
| 368 | 240368 | 036210009747 | PHẠM GIA         | PHONG  | 03/01/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 6.0  |         |
| 369 | 240369 | 022210006559 | PHẠM HẢI         | PHONG  | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.5          | 7.4   | 8.5  |         |
| 370 | 240370 | 022210002186 | BÙI MINH         | PHÚC   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 2.0  |         |
| 371 | 240371 | 033209011173 | ĐỖ ĐẠI           | PHÚC   | 30/10/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 3.25         | 1.8   | 0.5  |         |
| 372 | 240372 | 030210012754 | LÊ TRƯỜNG        | PHÚC   | 04/11/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 6.25 |         |
| 373 | 240373 | 022210011608 | MAI ĐỨC          | PHÚC   | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 4.0  |         |
| 374 | 240374 | 022210007155 | NGUYỄN ĐÌNH      | PHÚC   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 1.25 |         |
| 375 | 240375 | 022210013250 | NGUYỄN GIA       | PHÚC   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.5          | 0.2   | 6.75 |         |
| 376 | 240376 | 022210007650 | PHẠM HOÀNG       | PHÚC   | 30/09/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 7.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|-------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |             |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 377 | 240377 | 034210004419 | TRẦN ĐỨC         | PHÚC   | 18/10/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 1.25 |          |
| 378 | 240378 | 034310010482 | ĐỖ MAI           | PHƯƠNG | 18/06/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.25 |          |
| 379 | 240379 | 022310006550 | NGÔ LAM          | PHƯƠNG | 28/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 7.25 |          |
| 380 | 240380 | 022310011633 | NGUYỄN KHÁNH     | PHƯƠNG | 29/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 381 | 240381 | 033210006904 | NGUYỄN NHẬT      | PHƯƠNG | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 382 | 240382 | 022310008060 | NGUYỄN THỊ THU   | PHƯƠNG | 12/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.75         | 3.8   | 6.5  |          |
| 383 | 240383 | 022310004972 | TỔNG MAI         | PHƯƠNG | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.0          | 5.8   | 6.0  |          |
| 384 | 240384 | 034310000154 | TRẦN MAI         | PHƯƠNG | 19/12/2010 | Hải Phòng   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 6.25 |          |
| 385 | 240385 | 030310012453 | TRẦN THỊ HÀ      | PHƯƠNG | 28/01/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.5          | 7.4   | 6.75 |          |
| 386 | 240386 | 022310002723 | TRƯƠNG LÊ DIỆP   | PHƯƠNG | 28/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.75         | 10.0  | 6.25 |          |
| 387 | 240387 | 022210006381 | NGUYỄN ĐỨC       | QUANG  | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.75 |          |
| 388 | 240388 | 034210009464 | TRẦN BẢO         | QUANG  | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.75 |          |
| 389 | 240389 | 030210008801 | TRẦN TRUNG       | QUANG  | 03/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 5.0  |          |
| 390 | 240390 | 022210002926 | BÙI HOÀNG ANH    | QUÂN   | 04/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 6.0  |          |
| 391 | 240391 | 022210004014 | ĐÀO NINH         | QUÂN   | 07/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 5.25 |          |
| 392 | 240392 | 022210002745 | TẠ ANH           | QUÂN   | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 3.25 |          |
| 393 | 240393 | 022210006905 | VŨ XUÂN          | QUỶ    | 29/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 5.0  |          |
| 394 | 240394 | 022310004495 | ĐÀO THỊ TÚ       | QUYÊN  | 16/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 6.75 |          |
| 395 | 240395 | 022210005179 | HOÀNG DUY        | QUYẾT  | 20/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 5.5  |          |
| 396 | 240396 | 030310008596 | NGUYỄN NHƯ       | QUỶNH  | 31/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.75         | 4.4   | 7.0  |          |
| 397 | 240397 | 036310008122 | NGUYỄN THỊ DIỄM  | QUỶNH  | 04/11/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 5.5  |          |
| 398 | 240398 | 022310008869 | PHẠM NHƯ         | QUỶNH  | 09/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 399 | 240399 | 022310003631 | TRƯƠNG NHƯ       | QUỶNH  | 13/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 6.5  |          |
| 400 | 240400 | 022310009490 | TRƯƠNG TÚ        | QUỶNH  | 02/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 4.5  |          |
| 401 | 240401 | 022210004485 | CHU HẢI          | SƠN    | 08/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 5.0  |          |
| 402 | 240402 | 022210004582 | LÊ XUÂN THIÊN    | SƠN    | 25/09/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 5.75 |          |
| 403 | 240403 | 022210006591 | NGUYỄN ĐỨC       | SƠN    | 03/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.25 |          |
| 404 | 240404 | 022210002303 | NGUYỄN VIỆT HỒNG | SƠN    | 20/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 8.5  |          |
| 405 | 240405 | 022210012120 | PHẠM THÁI        | SƠN    | 22/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 4.75 |          |
| 406 | 240406 | 008210006468 | NGUYỄN ĐÌNH      | TÀI    | 19/06/2010 | Tuyên Quang | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 7.75 |          |
| 407 | 240407 | 022310002710 | NGUYỄN NGỌC GIAI | TÂM    | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 7.75 |          |
| 408 | 240408 | 030210015795 | NGUYỄN QUỐC      | THÁI   | 11/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 3.5  |          |
| 409 | 240409 | 022210009290 | BÙI NAM          | THANH  | 21/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.5  |          |
| 410 | 240410 | 022310008366 | LẠI THỊ PHƯƠNG   | THANH  | 26/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 6.75 |          |
| 411 | 240411 | 062210003314 | TRẦN BẢO         | THANH  | 05/11/2010 | Kon Tum     | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 412 | 240412 | 022310003039 | TRẦN THANH       | THANH  | 23/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 3.25 |          |
| 413 | 240413 | 022210012503 | BÙI HỮU          | THÀNH  | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.0  |          |
| 414 | 240414 | 030210008425 | LƯU VƯƠNG ĐỨC    | THÀNH  | 07/08/2010 | Hải Dương   | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 6.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|-----------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |                 |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 415 | 240415 | 030210008419 | NGUYỄN DUY TRUNG  | THÀNH | 21/02/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.0  |         |
| 416 | 240416 | 022210009313 | TRẦN VŨ           | THÀNH | 23/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 4.75 |         |
| 417 | 240417 | 022310004508 | BÙI HƯƠNG         | THẢO  | 13/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 7.5  |         |
| 418 | 240418 | 034310002830 | ĐÀM THỊ PHƯƠNG    | THẢO  | 17/09/2010 | Thái Bình       | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 7.0  |         |
| 419 | 240419 | 022310007338 | LÊ THANH          | THẢO  | 19/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 420 | 240420 | 022310004540 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO  | 14/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 7.0  |         |
| 421 | 240421 | 022310011888 | NGUYỄN THANH      | THẢO  | 21/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 2.75 |         |
| 422 | 240422 | 033310004426 | PHẠM PHƯƠNG       | THẢO  | 24/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 3.0  |         |
| 423 | 240423 | 022310007774 | PHẠM THỊ          | THẢO  | 15/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.25         | 3.6   | 5.25 |         |
| 424 | 240424 | 022310005907 | VŨ PHƯƠNG         | THẢO  | 08/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 4.75 |         |
| 425 | 240425 | 022210002027 | ĐỖ TOÀN           | THẮNG | 21/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 0.0   | 4.5  |         |
| 426 | 240426 | 079209042195 | ĐÀO HẢI           | THIỆN | 26/08/2009 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.75 |         |
| 427 | 240427 | 022210004440 | PHẠM HIỆU         | THIỆN | 28/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 1.5  |         |
| 428 | 240428 | 022210008551 | NGUYỄN CHÍ        | THIỆN | 08/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 3.25 |         |
| 429 | 240429 | 022210007607 | NGUYỄN HỮU        | THIỆN | 07/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 8.25 |         |
| 430 | 240430 | 033210005912 | NGUYỄN NGỌC       | THIỆN | 11/02/2010 | Hung Yên        | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 6.5  |         |
| 431 | 240431 | 022210001344 | NGUYỄN NGỌC       | THIỆN | 10/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 6.75 |         |
| 432 | 240432 | 022210006911 | PHẠM BÁ           | THÔNG | 24/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 6.5  |         |
| 433 | 240433 | 022310004021 | ĐỖ ANH            | THỐ   | 25/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 1.75 |         |
| 434 | 240434 | 022310011030 | ĐẶNG HOÀI         | THU   | 19/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.5  |         |
| 435 | 240435 | 022210010395 | NGUYỄN MINH       | THUẬN | 15/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 4.5  |         |
| 436 | 240436 | 022310002856 | NGUYỄN THU        | THỦY  | 20/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.75 |         |
| 437 | 240437 | 022310011023 | VŨ THANH          | THỦY  | 02/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 4.75 |         |
| 438 | 240438 | 034310014971 | ĐOÀN PHƯƠNG       | THÚY  | 18/07/2010 | Thái Bình       | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 6.0  |         |
| 439 | 240439 | 022310002508 | ĐỖ PHƯƠNG         | THÚY  | 17/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 3.25 |         |
| 440 | 240440 | 022310010985 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THÚY  | 11/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 7.5  |         |
| 441 | 240441 | 022310002834 | NGUYỄN ANH        | THƯ   | 19/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 6.25 |         |
| 442 | 240442 | 022310002046 | NGUYỄN ANH        | THƯ   | 01/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 8.5          | 5.2   | 2.75 |         |
| 443 | 240443 | 022310010242 | TÔ NGUYỄN MINH    | THƯ   | 22/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.25 |         |
| 444 | 240444 | 030310010159 | TRẦN ANH          | THƯ   | 28/06/2010 | Bình Dương      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 2.8   | 5.0  |         |
| 445 | 240445 | 022310000532 | VŨ NGỌC ANH       | THƯ   | 28/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.25 |         |
| 446 | 240446 | 048310001496 | NGUYỄN KA         | THY   | 12/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.25 |         |
| 447 | 240447 | 022310007450 | NGUYỄN HOÀNG THỦY | TIỀN  | 14/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 5.25 |         |
| 448 | 240448 | 022210000432 | NGUYỄN VIỆT       | TIỀN  | 05/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 7.25 |         |
| 449 | 240449 | 022210006102 | PHẠM QUANG        | TIỀN  | 20/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.5          | 7.2   | 7.0  |         |
| 450 | 240450 | 030210017780 | VŨ ANH            | TIỀN  | 05/09/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 6.5  |         |
| 451 | 240451 | 022210002414 | VŨ THẾ            | TOÀN  | 02/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.0  |         |
| 452 | 240452 | 022310007314 | BÙI BẢO           | TRANG | 29/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 6.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 453 | 240453 | 022310006908 | ĐÀO THÙY          | TRANG  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 4.75 |          |
| 454 | 240454 | 022310002378 | ĐỖ HUYỀN          | TRANG  | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 7.0          | 3.4   | 6.0  |          |
| 455 | 240455 | 022310000393 | LƯU THU           | TRANG  | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.0  |          |
| 456 | 240456 | 022310007105 | NGUYỄN MAI        | TRANG  | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 3.75 |          |
| 457 | 240457 | 022310001198 | NGUYỄN THỊ THU    | TRANG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.25         | 4.2   | 4.0  |          |
| 458 | 240458 | 022310010995 | NGUYỄN THU        | TRANG  | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 5.0  |          |
| 459 | 240459 | 022310000122 | NGUYỄN TRẦN HUYỀN | TRANG  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 5.0  |          |
| 460 | 240460 | 031309014161 | PHẠM HUYỀN        | TRANG  | 09/09/2009 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 461 | 240461 | 034310009630 | PHẠM THỊ THU      | TRANG  | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 6.5  |          |
| 462 | 240462 | 022310003944 | PHẠM THÙY         | TRANG  | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 6.5  |          |
| 463 | 240463 | 022310011988 | TRẦN THỊ          | TRANG  | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 5.5  |          |
| 464 | 240464 | 022310001033 | ỨNG THU           | TRANG  | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.0  |          |
| 465 | 240465 | 022310006036 | NGUYỄN ĐỖ BẢO     | TRẦN   | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 5.25 |          |
| 466 | 240466 | 033210007094 | NGUYỄN MINH       | TRIẾT  | 23/02/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 3.75 |          |
| 467 | 240467 | 031210000398 | TRẦN BÌNH         | TRỌNG  | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 9.0          | 7.2   | 4.5  |          |
| 468 | 240468 | 022310009221 | LÊ HẢI            | TRÚC   | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 6.5  |          |
| 469 | 240469 | 038210002003 | LÊ XUÂN           | TRUNG  | 07/12/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 4.0  |          |
| 470 | 240470 | 034210001677 | NGUYỄN VĂN        | TRƯỜNG | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 5.5  |          |
| 471 | 240471 | 040210028292 | NGUYỄN XUÂN       | TRƯỜNG | 24/01/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 7.5          | 2.4   | 7.25 |          |
| 472 | 240472 | 033210001130 | NGÔ TUẤN          | TÚ     | 12/02/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 5.75 |          |
| 473 | 240473 | 022210004042 | NGUYỄN TUẤN       | TÚ     | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 5.25 |          |
| 474 | 240474 | 022210001718 | NGUYỄN TUẤN       | TÚ     | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.0  |          |
| 475 | 240475 | 022210005223 | PHẠM TUẤN         | TÚ     | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 3.25 |          |
| 476 | 240476 | 030210015122 | ĐÀO VĂN           | TUẤN   | 02/04/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 477 | 240477 | 022210004670 | NGUYỄN ANH        | TUẤN   | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 4.25 |          |
| 478 | 240478 | 022210000553 | TRẦN ANH          | TUẤN   | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.0  |          |
| 479 | 240479 | 022210005795 | BÙI DUY           | TÙNG   | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 4.5  |          |
| 480 | 240480 | 030210000449 | ĐẶNG HOÀNG        | TÙNG   | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.75 |          |
| 481 | 240481 | 022210009808 | MAI THÊ           | TÙNG   | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 3.0  |          |
| 482 | 240482 | 022210000440 | NGUYỄN ĐỖ         | TÙNG   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 8.25 |          |
| 483 | 240483 | 022210000278 | NGUYỄN PHẠM SƠN   | TÙNG   | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.5  |          |
| 484 | 240484 | 022210011215 | PHẠM VIỆT         | TÙNG   | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 485 | 240485 | 022210004447 | PHÙNG QUANG       | TÙNG   | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.5  |          |
| 486 | 240486 | 022210001106 | TRẦN MẠNH         | TÙNG   | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 7.5  |          |
| 487 | 240487 | 022210003583 | TRẦN THANH        | TÙNG   | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.0  |          |
| 488 | 240488 | 022310011008 | NGÔ KHÁNH         | TUYỀN  | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai   | Tiếng Anh | 8.25         | 9.6   | 7.0  |          |
| 489 | 240489 | 022310003071 | NGUYỄN NGỌC BẢO   | UYÊN   | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 5.75 |          |
| 490 | 240490 | 036310013021 | PHẠM THẢO         | UYÊN   | 22/06/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Vũ Văn Hiếu (22000713)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 491 | 240491 | 022310002641 | VŨ THANH VÂN       | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 5.0  |         |
| 492 | 240492 | 022310002036 | NGUYỄN NGỌC TUỖNG  | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 3.5  |         |
| 493 | 240493 | 022210010683 | BÙI QUỐC VIỆT      | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.5  |         |
| 494 | 240494 | 022210001390 | VŨ ĐĂNG VIỆT       | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 2.5  |         |
| 495 | 240495 | 022210010315 | BÙI THẾ VINH       | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 7.0  |         |
| 496 | 240496 | 022210002011 | NGUYỄN QUANG VINH  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 2.0  |         |
| 497 | 240497 | 022210010376 | MAI XUÂN VŨ        | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 6.75 |         |
| 498 | 240498 | 022210010774 | VŨ HÙNG VƯƠNG      | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.25 |         |
| 499 | 240499 | 022310008254 | ĐÀO PHƯƠNG VY      | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 7.25 |         |
| 500 | 240500 | 022310007287 | NGUYỄN THỊ VY      | 07/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 3.5  |         |
| 501 | 240501 | 077310002679 | NGUYỄN THỊ TUỖNG   | 08/09/2010 | Vũng Tàu   | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 5.25 |         |
| 502 | 240502 | 022310000257 | NGUYỄN VŨ THẢO     | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 1.5  |         |
| 503 | 240503 | 022310010566 | PHẠM HÀ VY         | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 8.5          | 8.8   | 7.25 |         |
| 504 | 240504 | 022310010329 | TÔ HẠ VY           | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 5.0  |         |
| 505 | 240505 | 036310012399 | TỔNG DIỆP VY       | 28/10/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Hà Tu                            | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 6.25 |         |
| 506 | 240506 | 022310004689 | TRƯƠNG HÀ VY       | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 6.25 |         |
| 507 | 240507 | 022310011723 | VŨ LÊ TUỖNG        | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 6.5  |         |
| 508 | 240508 | 022310004378 | ĐÀO THỊ XUÂN       | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 5.0  |         |
| 509 | 240509 | 034310001374 | ĐỖ THỊ HẢI YẾN     | 08/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | TH và THCS Hà Trung                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 7.75 |         |
| 510 | 240510 | 022310004710 | MẠC THỊ KIM YẾN    | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH&THCS Minh Khai                     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 4.0  |         |
| 511 | 240511 | 022310008690 | NGUYỄN BÙI HẢI YẾN | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 5.0  |         |
| 512 | 240512 | 034310010270 | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN | 02/07/2010 | Đắk Nông   | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 3.0  |         |

(Danh sách này gồm có 512 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 250001 | 022310000656 | ĐẶNG HỮU AN         | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 7.0  |          |
| 2   | 250002 | 022210000886 | ĐẶNG VĂN AN         | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 7.0  |          |
| 3   | 250003 | 030310007517 | HỒ HOÀI AN          | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 4.75 |          |
| 4   | 250004 | 031310010849 | NGUYỄN HƯƠNG AN     | 18/12/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 2.25         | 4.6   | 3.5  |          |
| 5   | 250005 | 022210008434 | NGUYỄN HỮU BẢO AN   | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 6   | 250006 | 022310011778 | NGUYỄN NGỌC AN      | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 9.5          | 8.8   | 6.5  |          |
| 7   | 250007 | 022310008411 | NGUYỄN NGỌC AN      | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 6.75 |          |
| 8   | 250008 | 022310003162 | NGUYỄN NGỌC BÌNH AN | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 6.25 |          |
| 9   | 250009 | 034210004230 | NGUYỄN TRẦN BẢO AN  | 10/09/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 8.0  |          |
| 10  | 250010 | 022210000580 | NGUYỄN VIỆT AN      | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 5.5  |          |
| 11  | 250011 | 022210000420 | NGUYỄN VŨ KHÁNH AN  | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 6.0  |          |
| 12  | 250012 | 022310006224 | TÔ THÁI AN          | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 3.0  |          |
| 13  | 250013 | 022310010449 | TRẦN HOÀ AN         | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.0  |          |
| 14  | 250014 | 022310012684 | TRẦN MINH HÀ AN     | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 7.0  |          |
| 15  | 250015 | 022207008763 | BUI DUY ANH         | 28/01/2007 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 16  | 250016 | 022310007615 | BUI ĐÀO LAN ANH     | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 7.5  |          |
| 17  | 250017 | 022310012712 | BUI HOÀNG ANH       | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 5.0  |          |
| 18  | 250018 | 022310001940 | BUI PHƯƠNG ANH      | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 6.0  |          |
| 19  | 250019 | 022310011577 | BUI VĂN ANH         | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 7.5  |          |
| 20  | 250020 | 022310010889 | ĐÀM NGUYỄN HÀ ANH   | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 7.75 |          |
| 21  | 250021 | 022310006669 | ĐẶNG NGỌC KIỀU ANH  | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 4.25 |          |
| 22  | 250022 | 022310004968 | ĐINH PHƯƠNG ANH     | 03/06/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 3.75 |          |
| 23  | 250023 | 022210010257 | ĐINH VIỆT ANH       | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 10.0  | 7.5  |          |
| 24  | 250024 | 022310001606 | ĐINH VŨ PHƯƠNG ANH  | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 8.0  |          |
| 25  | 250025 | 022310002614 | ĐOÀN NGUYỄN HÀ ANH  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.5  |          |
| 26  | 250026 | 022210008018 | ĐOÀN TIẾN ANH       | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 8.0  |          |
| 27  | 250027 | 046210004178 | ĐỖ VĂN TUẤN ANH     | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 7.75 |          |
| 28  | 250028 | 022210006490 | HÀ ĐỨC ANH          | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.75 |          |
| 29  | 250029 | 022310001209 | HÀ HẢI ANH          | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 5.5  |          |
| 30  | 250030 | 022210000810 | HOÀNG HOÀI ANH      | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 1.25 |          |
| 31  | 250031 | 022310003855 | KHÔNG MAI ANH       | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 5.0  |          |
| 32  | 250032 | 022310005498 | LÊ HÀ NGỌC ANH      | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.5  |          |
| 33  | 250033 | 022310009689 | LÊ NGỌC ANH         | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 1.75 |          |
| 34  | 250034 | 022310012709 | LÊ NGỌC ANH         | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 3.5          | 5.6   | 6.5  |          |
| 35  | 250035 | 022210011968 | LÊ NGỌC QUANG ANH   | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 36  | 250036 | 038310004487 | LÊ PHƯƠNG ANH       | 29/11/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.5  |          |
| 37  | 250037 | 030210005925 | LÊ TUẤN ANH         | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 8.25 |          |
| 38  | 250038 | 017210000458 | MAI TRANG BẢO ANH   | 28/01/2010 | Hòa Bình   | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.25 |          |
| 39  | 250039 | 030210005596 | NGUYỄN ĐỨC ANH      | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 7.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh      | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|---------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |               |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 40  | 250040 | 022210005107 | NGUYỄN HOÀNG ANH       | 26/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 4.75 |         |
| 41  | 250041 | 022310004135 | NGUYỄN HUYỀN ANH       | 27/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 6.5  |         |
| 42  | 250042 | 022310007447 | NGUYỄN KIM ANH         | 07/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.5  |         |
| 43  | 250043 | 022310010574 | NGUYỄN LÊ THÚY ANH     | 19/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.25 |         |
| 44  | 250044 | 022310006384 | NGUYỄN MINH ANH        | 12/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 2.8   | 4.5  |         |
| 45  | 250045 | 022310005676 | NGUYỄN MỸ ANH          | 29/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 4.0  |         |
| 46  | 250046 | 031310005837 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH | 20/02/2010 | Hải Phòng     | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 6.75 |         |
| 47  | 250047 | 022310005102 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 23/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.25 |         |
| 48  | 250048 | 022310010683 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 16/08/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 7.25 |         |
| 49  | 250049 | 030310009929 | NGUYỄN THỊ BẢO ANH     | 23/05/2010 | Hải Dương     | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 7.25 |         |
| 50  | 250050 | 022309000007 | NGUYỄN THỊ KIM ANH     | 11/11/2009 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.75 |         |
| 51  | 250051 | 037310001878 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH    | 02/06/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 6.5  |         |
| 52  | 250052 | 033310008093 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH   | 16/11/2010 | Hưng Yên      | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 3.75 |         |
| 53  | 250053 | 022310009360 | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH | 07/03/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | 5.25         | 8.8   | 7.25 |         |
| 54  | 250054 | 022210009575 | NGUYỄN TÚ ANH          | 03/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.5  |         |
| 55  | 250055 | 030210000624 | NGUYỄN TUẤN ANH        | 23/01/2010 | Hải Dương     | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 2.5  |         |
| 56  | 250056 | 022210001703 | NGUYỄN TUẤN ANH        | 21/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 8.5  |         |
| 57  | 250057 | 022310011055 | NGUYỄN VĂN ANH         | 12/03/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 3.75 |         |
| 58  | 250058 | 034210001090 | PHẠM NGỌC ANH          | 20/12/2010 | Thái Bình     | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 4.5  |         |
| 59  | 250059 | 022210005173 | PHẠM NGỌC TUẤN ANH     | 15/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 8.0  |         |
| 60  | 250060 | 034210010091 | PHẠM NGUYỄN NAM ANH    | 03/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 4.75 |         |
| 61  | 250061 | 037310007090 | PHẠM NGUYỄN NHẬT ANH   | 14/03/2010 | Hưng Yên      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 7.0  |         |
| 62  | 250062 | 022310009581 | PHẠM QUỲNH ANH         | 30/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.75 |         |
| 63  | 250063 | 022310006304 | PHẠM THỊ MINH ANH      | 11/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.66         | 7.8   | 5.5  |         |
| 64  | 250064 | 022210001141 | PHÙNG ĐỨC ANH          | 01/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 8.5  |         |
| 65  | 250065 | 022210011647 | TẠ DUY ANH             | 22/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 5.8   | 5.25 |         |
| 66  | 250066 | 231210000072 | THÂN ĐỨC ANH           | 21/11/2010 | Liên Bang Nga | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.75         | 7.2   | 7.25 |         |
| 67  | 250067 | 038210028269 | THIỆU NHẬT ANH         | 10/05/2010 | Bắc Giang     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 9.0  |         |
| 68  | 250068 | 022210002072 | TRẦN ĐỨC ANH           | 08/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 8.5  |         |
| 69  | 250069 | 022310005333 | TRẦN HÀ ANH            | 19/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 3.25 |         |
| 70  | 250070 | 022210003898 | TRẦN HOÀNG ANH         | 23/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 3.25 |         |
| 71  | 250071 | 022310004599 | TRẦN KIỀU ANH          | 08/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 7.0  |         |
| 72  | 250072 | 035310001244 | TRẦN PHƯƠNG ANH        | 29/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 2.25 |         |
| 73  | 250073 | 022310007873 | TRẦN QUỲNH ANH         | 30/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.0  |         |
| 74  | 250074 | 022310002867 | TRẦN QUỲNH ANH         | 19/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 2.5          | 1.8   | 1.75 |         |
| 75  | 250075 | 036310011595 | TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH    | 19/08/2010 | Hải Dương     | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.25 |         |
| 76  | 250076 | 022310006369 | VŨ BÙI PHƯƠNG ANH      | 24/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 6.5  |         |
| 77  | 250077 | 022210002842 | VŨ DUY ANH             | 13/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.25 |         |
| 78  | 250078 | 022310004066 | VŨ HÀ ANH              | 02/08/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 6.5  |         |
| 79  | 250079 | 022310005630 | VŨ HÀ ANH              | 04/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 6.75 |         |
| 80  | 250080 | 022310010810 | VŨ MINH ANH            | 27/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.25 |         |
| 81  | 250081 | 022210001793 | VŨ VIỆT ANH            | 01/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 3.0  |         |
| 82  | 250082 | 022310011884 | TRẦN THỊ NGỌC ANH      | 17/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |                 |           |                  |                                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 83  | 250083 | 022210001261 | CAO VIỆT         | BÁCH  | 21/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 7.75 |          |
| 84  | 250084 | 022210005131 | NGUYỄN ĐỨC       | BÁCH  | 17/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 7.75 |          |
| 85  | 250085 | 031210017780 | ĐÌNH GIA         | BAO   | 01/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường Tiểu học, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 5.5  |          |
| 86  | 250086 | 022210004375 | HOÀNG GIA        | BẢO   | 13/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 7.0  |          |
| 87  | 250087 | 022210008586 | HOÀNG GIA        | BẢO   | 15/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 6.0  |          |
| 88  | 250088 | 022210011729 | LƯU GIA          | BẢO   | 17/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.5  |          |
| 89  | 250089 | 022209002011 | LƯU GIA          | BẢO   | 05/01/2009 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 90  | 250090 | 026210002302 | NGUYỄN GIA       | BẢO   | 14/07/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 8.25 |          |
| 91  | 250091 | 022210008143 | TẠ GIA           | BẢO   | 17/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 6.25 |          |
| 92  | 250092 | 022210002502 | TRẦN GIA         | BẢO   | 08/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 2.0  |          |
| 93  | 250093 | 022210010181 | VŨ GIA           | BẢO   | 07/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.25 |          |
| 94  | 250094 | 022210007207 | PHẠM HẢI         | BẮC   | 03/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 2.75 |          |
| 95  | 250095 | 022310011050 | ĐÌNH NGỌC        | BĂNG  | 25/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 7.25 |          |
| 96  | 250096 | 027210006389 | NGUYỄN YONG      | BENNY | 22/08/2010 | Bắc Ninh        | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 6.25 |          |
| 97  | 250097 | 022310004702 | ĐƯƠNG THỊ NGỌC   | BÍCH  | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 98  | 250098 | 022210006942 | LÊ THANH         | BÌNH  | 20/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.5  |          |
| 99  | 250099 | 022310010188 | LẠI THỊ NGỌC     | CHÂU  | 09/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                                        | Tiếng Anh | 8.5          | 8.6   | 7.5  |          |
| 100 | 250100 | 022310000071 | NGUYỄN NGỌC BẢO  | CHÂU  | 18/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 8.0  |          |
| 101 | 250101 | 030310002078 | NGUYỄN VŨ BẢO    | CHÂU  | 08/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 6.5  |          |
| 102 | 250102 | 022310010723 | PHẠM HOÀNG BẢO   | CHÂU  | 07/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 7.25 |          |
| 103 | 250103 | 022310006975 | VŨ MINH          | CHÂU  | 25/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.5  |          |
| 104 | 250104 | 02310001072  | ĐƯƠNG LAN        | CHI   | 13/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 7.25 |          |
| 105 | 250105 | 001310054432 | ĐƯƠNG NGỌC QUỲNH | CHI   | 17/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 106 | 250106 | 022310007237 | ĐOÀN YẾN         | CHI   | 21/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 3.0          | 6.0   | 5.75 |          |
| 107 | 250107 | 022310009931 | ĐỖ LINH          | CHI   | 17/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 2.25 |          |
| 108 | 250108 | 022310010020 | ĐỖ QUỲNH         | CHI   | 22/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 8.0  |          |
| 109 | 250109 | 022310000421 | HOÀNG LINH       | CHI   | 14/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 5.0  |          |
| 110 | 250110 | 022310011107 | LÊ NGUYỄN MAI    | CHI   | 29/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 7.25 |          |
| 111 | 250111 | 022310002033 | NGÔ LINH         | CHI   | 22/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.25 |          |
| 112 | 250112 | 022310007061 | NGÔ THỦY         | CHI   | 10/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 7.25 |          |
| 113 | 250113 | 022310003070 | NGUYỄN QUỲNH     | CHI   | 20/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.5  |          |
| 114 | 250114 | 037310001501 | NGUYỄN QUỲNH     | CHI   | 23/10/2010 | Ninh Bình       | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 6.5  |          |
| 115 | 250115 | 022310000342 | NGUYỄN THỦY      | CHI   | 11/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.25 |          |
| 116 | 250116 | 022310003766 | NGUYỄN TRẦN MAI  | CHI   | 23/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                                 | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 6.5  |          |
| 117 | 250117 | 022310009352 | PHẠM THỦY        | CHI   | 09/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                                       | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 118 | 250118 | 022210001959 | LÊ THÀNH         | CÔNG  | 08/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.5  |          |
| 119 | 250119 | 022210003773 | LÊ VŨ NHẬT       | CÔNG  | 19/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 4.5          | 8.4   | 4.0  |          |
| 120 | 250120 | 022210013256 | TRƯƠNG CHÍ       | CUÔNG | 29/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                                 | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 6.25 |          |
| 121 | 250121 | 022210002357 | NGUYỄN MẠNH      | CUÔNG | 24/09/2010 | Ninh Bình       | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 3.5  |          |
| 122 | 250122 | 022210001698 | NGUYỄN NAM       | CUÔNG | 20/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 3.75         | 7.0   | 7.75 |          |
| 123 | 250123 | 022210007819 | NGUYỄN NAM       | CUÔNG | 12/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 6.5  |          |
| 124 | 250124 | 022210013279 | NGUYỄN THÀNH     | DANH  | 09/04/2010 | Hàn Quốc        | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                                         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.75 |          |
| 125 | 250125 | 022310007398 | ĐÀO NGỌC         | DIỄM  | 02/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                                      | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 6.5  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|--------------------|-----------|------------|-------------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                    |           |            |             |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 126 | 250126 | 022310009657 | ĐÀO NGỌC           | DIỆP      | 11/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 3.75 |          |
| 127 | 250127 | 022310000320 | NGUYỄN NGỌC        | DIỆP      | 13/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 128 | 250128 | 008310002413 | TRẦN NGỌC          | DIỆP      | 15/02/2010 | Tuyên Quang | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 6.0  |          |
| 129 | 250129 | 022310007771 | VÕ NGỌC            | DIỆP      | 31/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 7.25 |          |
| 130 | 250130 | 034310001367 | TRẦN KHÁNH         | DU        | 04/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.25 |          |
| 131 | 250131 | 022310005365 | DƯƠNG THÙY         | DUNG      | 24/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 8.0  |          |
| 132 | 250132 | 022310004493 | NGÔ PHƯƠNG         | DUNG      | 17/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 7.5  |          |
| 133 | 250133 | 031310005322 | NGUYỄN THUỖ        | DUNG      | 21/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.75         | 2.2   | 1.25 |          |
| 134 | 250134 | 022210007749 | BÙI MẠNH           | DỪNG      | 26/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 9.0  |          |
| 135 | 250135 | 022210001383 | BÙI TUẤN           | DỪNG      | 23/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.25         | 6.4   | 4.5  |          |
| 136 | 250136 | 022210005464 | ĐÀM QUANG          | DỪNG      | 25/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 7.75 |          |
| 137 | 250137 | 022210000635 | ĐỖ MẠNH            | DỪNG      | 09/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.25 |          |
| 138 | 250138 | 031210002311 | LÊ ĐÌNH TRUNG      | DỪNG      | 28/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 8.0  |          |
| 139 | 250139 | 022210007274 | NGUYỄN TÂN         | DỪNG      | 17/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 7.2   | 7.25 |          |
| 140 | 250140 | 036210009108 | NGUYỄN TIẾN        | DỪNG      | 12/06/2010 | Nam Định    | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 6.0  |          |
| 141 | 250141 | 030210019898 | TÂN TIẾN           | DỪNG      | 28/10/2010 | Hải Dương   | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 4.5  |          |
| 142 | 250142 | 022210004459 | TỔNG ĐÌNH          | DỪNG      | 26/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 143 | 250143 | 022210006619 | TRẦN MINH          | DỪNG      | 16/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 3.5  |          |
| 144 | 250144 | 022210007536 | BÙI ĐỨC            | DUY       | 21/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.25         | 8.8   | 8.0  |          |
| 145 | 250145 | 022210008218 | ĐÌNH KHÁNH         | DUY       | 12/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 146 | 250146 | 022210005330 | ĐÌNH QUỐC          | DUY       | 14/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 5.5  |          |
| 147 | 250147 | 022210010972 | NGUYỄN ĐỨC         | DUY       | 05/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 148 | 250148 | 030210008953 | NGUYỄN PHÚC LÂM    | DUY       | 31/01/2010 | Hải Dương   | Nam              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.75 |          |
| 149 | 250149 | 022210000696 | PHAN HÀ            | DUY       | 13/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.75 |          |
| 150 | 250150 | 022210001960 | TRIỆU NGỌC         | DUY       | 26/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 151 | 250151 | 030210001588 | VŨ BÁ ĐỨC          | DUY       | 02/10/2010 | Hải Dương   | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 5.0  |          |
| 152 | 250152 | 022310006223 | NGUYỄN THỦY        | DƯƠNG     | 16/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 6.0  |          |
| 153 | 250153 | 033210002510 | TRẦN ĐẠI           | DƯƠNG     | 18/02/2010 | Hưng Yên    | Nam              | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 7.0  |          |
| 154 | 250154 | 022310010934 | VĂN THỊ THỦY       | DƯƠNG     | 27/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 6.75 |          |
| 155 | 250155 | 022310002719 | VŨ BÙI KHÁNH       | DƯƠNG     | 04/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 5.25 |          |
| 156 | 250156 | 022310000049 | NGUYỄN HOÀNG KHÁNH | ĐAN       | 25/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 7.25 |          |
| 157 | 250157 | 022210004841 | ĐỖ CẨM             | ĐÀO       | 27/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 7.25 |          |
| 158 | 250158 | 022209005323 | ĐẶNG TUẤN          | ĐẠT       | 19/03/2009 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 159 | 250159 | 038210011214 | LÊ HUY PHÁT        | ĐẠT       | 07/09/2010 | Thanh Hóa   | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 3.75 |          |
| 160 | 250160 | 022210007693 | LÊ HỮU             | ĐẠT       | 13/01/2010 | Bắc Ninh    | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 5.0  |          |
| 161 | 250161 | 035210009762 | LƯU PHAN TIẾN      | ĐẠT       | 09/09/2010 | Hà Nam      | Nam              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 7.5  |          |
| 162 | 250162 | 022210007629 | PHẠM TÁT           | ĐẠT       | 05/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.25 |          |
| 163 | 250163 | 022210006555 | HOÀNG HẢI          | ĐĂNG      | 17/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 7.75 |          |
| 164 | 250164 | 022210003093 | VŨ QUANG           | ĐÌNH      | 23/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 8.5  |          |
| 165 | 250165 | 038210024464 | BÙI VĂN            | ĐỨC       | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Đại Yên                              | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 9.0  |          |
| 166 | 250166 | 022210010823 | CAO THỌ MINH       | ĐỨC       | 21/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 8.5  |          |
| 167 | 250167 | 022210011698 | CHU QUYẾT          | ĐỨC       | 06/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.0  |          |
| 168 | 250168 | 022210001734 | LÊ MINH            | ĐỨC       | 17/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 5.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 169 | 250169 | 022210004069 | LÊ NHÂN HOÀNG    | ĐỨC       | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 8.0  |          |
| 170 | 250170 | 022210001901 | LÊ PHÚC          | ĐỨC       | 13/05/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.0  |          |
| 171 | 250171 | 022210002938 | NGUYỄN ANH       | ĐỨC       | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 1.0  |          |
| 172 | 250172 | 022210000130 | NGUYỄN HỮU       | ĐỨC       | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 5.25 |          |
| 173 | 250173 | 022210005217 | NGUYỄN MINH      | ĐỨC       | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 5.5  |          |
| 174 | 250174 | 022210002617 | NGUYỄN PHÚC      | ĐỨC       | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 7.25 |          |
| 175 | 250175 | 022210007293 | PHẠM MINH        | ĐỨC       | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 6.75 |          |
| 176 | 250176 | 022210009689 | TRẦN XUÂN        | ĐỨC       | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 7.0  |          |
| 177 | 250177 | 031210005987 | VŨ MINH          | ĐỨC       | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 7.25 |          |
| 178 | 250178 | 024310012201 | BÙI PHẠM TRÀ     | GIANG     | 01/08/2010 | Bắc Giang  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 7.0  |          |
| 179 | 250179 | 022310005001 | GIÁP HƯƠNG       | GIANG     | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.0  |          |
| 180 | 250180 | 022310005146 | HÀ QUỲNH         | GIANG     | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.5  |          |
| 181 | 250181 | 022310007303 | HOÀNG TRÀ        | GIANG     | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.5  |          |
| 182 | 250182 | 022310004268 | LÊ HƯƠNG         | GIANG     | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 7.0  |          |
| 183 | 250183 | 022210007450 | NGUYỄN ĐỨC       | GIANG     | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 6.25 |          |
| 184 | 250184 | 024310005432 | NGUYỄN THU       | GIANG     | 11/05/2010 | Bắc Giang  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 7.25 |          |
| 185 | 250185 | 022210002264 | NGÔ DOÃN         | GIỚI      | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.25 |          |
| 186 | 250186 | 022310005212 | BÙI CẨM          | HÀ        | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 8.75         | 9.6   | 8.0  |          |
| 187 | 250187 | 022310004068 | ĐẶNG NGỌC        | HÀ        | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 5.75 |          |
| 188 | 250188 | 030310013760 | ĐẶNG THỊ THU     | HÀ        | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 8.25 |          |
| 189 | 250189 | 022310006633 | ĐỖ THANH         | HÀ        | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.5  |          |
| 190 | 250190 | 022310007835 | LÊ NGỌC          | HÀ        | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 6.0  |          |
| 191 | 250191 | 022310004446 | LÊ THANH         | HÀ        | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.75 |          |
| 192 | 250192 | 031310002316 | LÊ THU NHẬT      | HÀ        | 02/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 7.25 |          |
| 193 | 250193 | 022310010824 | LƯƠNG THỊ PHƯƠNG | HÀ        | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.25 |          |
| 194 | 250194 | 022210001291 | NGHIÊM THÁI      | HÀ        | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 7.5  |          |
| 195 | 250195 | 022310004793 | NGUYỄN MINH      | HÀ        | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.0  |          |
| 196 | 250196 | 022210002028 | PHẠM             | HÀ        | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 7.25 |          |
| 197 | 250197 | 011310006559 | PHẠM THANH       | HÀ        | 20/01/2010 | Điện Biên  | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 4.5  |          |
| 198 | 250198 | 022310000359 | PHAN KHÁNH       | HÀ        | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 8.0  |          |
| 199 | 250199 | 022310002040 | PHAN THANH       | HÀ        | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.25         | 8.6   | 9.0  |          |
| 200 | 250200 | 022310003190 | VŨ NGÂN          | HÀ        | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.0  |          |
| 201 | 250201 | 022310002293 | VŨ NGUYỆT        | HÀ        | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 7.25 |          |
| 202 | 250202 | 024210004997 | DƯƠNG TUẤN       | HẢI       | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 9.0  |          |
| 203 | 250203 | 034210010050 | NGUYỄN MẠNH      | HẢI       | 14/02/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 5.5          | 9.2   | 7.5  |          |
| 204 | 250204 | 030210008552 | NGUYỄN THANH     | HẢI       | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 8.25 |          |
| 205 | 250205 | 022310004283 | TRẦN NGỌC        | HẢI       | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 7.5  |          |
| 206 | 250206 | 022210008297 | TRẦN THANH       | HẢI       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.25 |          |
| 207 | 250207 | 022310008815 | BÙI MINH         | HÀNG      | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 4.5  |          |
| 208 | 250208 | 022309008987 | NGUYỄN DUY MINH  | HÀNG      | 13/07/2009 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 209 | 250209 | 022310000149 | NGUYỄN MINH      | HÀNG      | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 7.5  |          |
| 210 | 250210 | 022310007000 | BÙI NGỌC         | HÂN       | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 6.0  |          |
| 211 | 250211 | 022310004734 | LÊ BẢO           | HÂN       | 25/11/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 6.5  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 212 | 250212 | 030310012108 | NGHIÊM NGỌC     | HÀN   | 07/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 4.75 |         |
| 213 | 250213 | 031310005025 | NGUYỄN BẢO      | HÀN   | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 7.25 |         |
| 214 | 250214 | 022310004871 | NGUYỄN GIA      | HÀN   | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 4.75 |         |
| 215 | 250215 | 027310008573 | NGUYỄN TRẦN GIA | HÀN   | 06/06/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.25 |         |
| 216 | 250216 | 022309006101 | TÔ BẢO          | HÀN   | 27/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 5.5  |         |
| 217 | 250217 | 030310007484 | ĐỖ THỊ THANH    | HIỀN  | 12/07/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.75 |         |
| 218 | 250218 | 022310004482 | TRỊNH THU       | HIỀN  | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 6.25 |         |
| 219 | 250219 | 036210008869 | NGUYỄN HOÀNG    | HIỆP  | 11/02/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 5.25 |         |
| 220 | 250220 | 022210007699 | ĐÀO TRUNG       | HIẾU  | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.25 |         |
| 221 | 250221 | 031210007957 | ĐOÀN MINH       | HIẾU  | 13/09/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 8.8   | 7.75 |         |
| 222 | 250222 | 022210001322 | ĐỖ MINH         | HIẾU  | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.75         | 7.0   | 7.25 |         |
| 223 | 250223 | 022210005910 | HÀ MINH         | HIẾU  | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 0.75         | 3.0   | 6.5  |         |
| 224 | 250224 | 022210009536 | HOÀNG ĐỨC       | HIẾU  | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 5.75 |         |
| 225 | 250225 | 022210008608 | NGUYỄN DUY      | HIẾU  | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 1.25 |         |
| 226 | 250226 | 022210010561 | NGUYỄN HOÀNG    | HIẾU  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 5.0  |         |
| 227 | 250227 | 034210004495 | NGUYỄN MINH     | HIẾU  | 10/08/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.5  |         |
| 228 | 250228 | 022210010553 | NGUYỄN TRUNG    | HIẾU  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 8.5  |         |
| 229 | 250229 | 022210002461 | NGUYỄN TRUNG    | HIẾU  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 5.0  |         |
| 230 | 250230 | 022210001156 | NHỮ XUÂN        | HIẾU  | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.75 |         |
| 231 | 250231 | 022210008570 | TRẦN VĂN        | HIẾU  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 6.75 |         |
| 232 | 250232 | 022210008554 | VƯƠNG MINH      | HIẾU  | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 4.25 |         |
| 233 | 250233 | 022210002640 | TỔNG XUÂN       | HIẾU  | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 8.5  |         |
| 234 | 250234 | 022310005875 | BÙI MAI         | HOA   | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.5  |         |
| 235 | 250235 | 022310010306 | ĐỒNG THỊ QUỲNH  | HOA   | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 4.5  |         |
| 236 | 250236 | 022310008084 | NHỮ MAI         | HOA   | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 7.25 |         |
| 237 | 250237 | 022310004387 | LƯƠNG THANH     | HOÀI  | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 7.25 |         |
| 238 | 250238 | 022210004542 | HOÀNG BÁ        | HOÀN  | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.25 |         |
| 239 | 250239 | 022210006011 | ĐỖ HUY          | HOÀNG | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.0  |         |
| 240 | 250240 | 025210016689 | LÊ MINH         | HOÀNG | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 8.0  |         |
| 241 | 250241 | 022210000456 | LÊ SƠN          | HOÀNG | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 7.5  |         |
| 242 | 250242 | 022210008179 | NGUYỄN MINH     | HOÀNG | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 7.0  |         |
| 243 | 250243 | 022210004941 | NGUYỄN MINH     | HOÀNG | 30/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.5  |         |
| 244 | 250244 | 001210023207 | NGUYỄN TRỌNG    | HOÀNG | 15/02/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 5.5  |         |
| 245 | 250245 | 022210010522 | PHẠM VIỆT       | HOÀNG | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.25 |         |
| 246 | 250246 | 022210001290 | TRẦN MINH       | HOÀNG | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 8.25 |         |
| 247 | 250247 | 022210009546 | VŨ HUY          | HOÀNG | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.25 |         |
| 248 | 250248 | 022310004151 | LÊ BÍCH         | HUỆ   | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 7.0  |         |
| 249 | 250249 | 022210007263 | BÙI MẠNH        | HÙNG  | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 7.2   | 7.0  |         |
| 250 | 250250 | 022210011550 | ĐỖ MINH         | HÙNG  | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 7.5  |         |
| 251 | 250251 | 022210011697 | ĐỖ PHI          | HÙNG  | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 252 | 250252 | 022210003072 | ĐỖ VIỆT         | HÙNG  | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 4.0  |         |
| 253 | 250253 | 022210008801 | NGUYỄN MẠNH     | HÙNG  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 4.75 |         |
| 254 | 250254 | 022210011435 | PHẠM HUY        | HÙNG  | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 255 | 250255 | 036210015665 | PHAN VIỆT HÙNG        | 30/04/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 4.5  |         |
| 256 | 250256 | 022210011154 | VŨ HUY HÙNG           | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.5  |         |
| 257 | 250257 | 034210001421 | VŨ MẠNH HÙNG          | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 6.5  |         |
| 258 | 250258 | 033210012821 | ĐÀO NAM HUY           | 28/07/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.0  |         |
| 259 | 250259 | 022210011110 | ĐẶNG QUANG HUY        | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 8.0          | 5.6   | 7.5  |         |
| 260 | 250260 | 022210008307 | ĐINH ĐỨC HUY          | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 5.0  |         |
| 261 | 250261 | 022210003133 | ĐOÀN QUANG HUY        | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 7.5  |         |
| 262 | 250262 | 038210022383 | ĐỖ SỸ GIA HUY         | 15/01/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.25 |         |
| 263 | 250263 | 022210007244 | HOÀNG GIA HUY         | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.75 |         |
| 264 | 250264 | 022210007628 | LÊ CÔNG ĐỨC HUY       | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 7.5  |         |
| 265 | 250265 | 022210009713 | LÊ GIA HUY            | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 3.75 |         |
| 266 | 250266 | 022210008928 | LÊ GIA HUY            | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 2.25         | 3.2   | 3.25 |         |
| 267 | 250267 | 022210000865 | LÊ QUANG HUY          | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 5.75 |         |
| 268 | 250268 | 022210012468 | LƯU GIA HUY           | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.0  |         |
| 269 | 250269 | 022210007216 | MAI NGUYỄN QUANG HUY  | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 7.0  |         |
| 270 | 250270 | 034210012484 | NGUYỄN ANH HUY        | 06/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 6.75 |         |
| 271 | 250271 | 022210006234 | NGUYỄN BÁ QUANG HUY   | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 7.25 |         |
| 272 | 250272 | 022210007659 | NGUYỄN GIA HUY        | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 5.5  |         |
| 273 | 250273 | 022210008045 | NGUYỄN HOÀNG HUY      | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 6.5  |         |
| 274 | 250274 | 022210004254 | NGUYỄN QUANG HUY      | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 8.75 |         |
| 275 | 250275 | 022210003297 | PHẠM QUANG HUY        | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.0  |         |
| 276 | 250276 | 022210009357 | TÔNG GIA HUY          | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 7.0  |         |
| 277 | 250277 | 030210013633 | VŨ GIA HUY            | 28/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.5  |         |
| 278 | 250278 | 022210001164 | VŨ GIA HUY            | 22/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 6.0  |         |
| 279 | 250279 | 022310004375 | ĐỖ THÁI HẢI HUYỀN     | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 4.75 |         |
| 280 | 250280 | 034310006961 | NGUYỄN KHÁNH HUYỀN    | 28/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 1.25         | 4.0   | 2.25 |         |
| 281 | 250281 | 022310011677 | NGUYỄN KHÁNH HUYỀN    | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 4.0  |         |
| 282 | 250282 | 022310002058 | NGUYỄN KHÁNH HUYỀN    | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 6.5  |         |
| 283 | 250283 | 022310009164 | NGUYỄN THANH HUYỀN    | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 6.5  |         |
| 284 | 250284 | 022310008697 | NGUYỄN THỊ HUYỀN      | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.0  |         |
| 285 | 250285 | 034310002508 | NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN | 26/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 7.0  |         |
| 286 | 250286 | 034310004251 | NÔNG KHÁNH HUYỀN      | 01/05/2010 | Thái Bình  | Nữ        | Tày              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.75         | 6.4   | 7.75 |         |
| 287 | 250287 | 022210002547 | CAO ĐOÀN HÙNG         | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.0  |         |
| 288 | 250288 | 030210002377 | NGÔ BÙI PHÚ HÙNG      | 21/07/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.5  |         |
| 289 | 250289 | 022210001420 | NGUYỄN DUY HÙNG       | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 7.25 |         |
| 290 | 250290 | 022210009920 | NGUYỄN DUY HÙNG       | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 6.5  |         |
| 291 | 250291 | 037210010094 | NGUYỄN DUY HÙNG       | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 2.5          | 6.2   | 3.5  |         |
| 292 | 250292 | 031210013055 | PHẠM KHÁNH HÙNG       | 10/11/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.5  |         |
| 293 | 250293 | 022210009162 | TẠ DUY HÙNG           | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 8.5  |         |
| 294 | 250294 | 022210001624 | TRẦN DUY HÙNG         | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 7.0  |         |
| 295 | 250295 | 022210013255 | TRẦN KHÁNH HÙNG       | 05/11/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 2.5  |         |
| 296 | 250296 | 022210005983 | TRẦN VĂN HÙNG         | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 5.25 |         |
| 297 | 250297 | 022210001100 | TRẦN XUÂN HÙNG        | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 5.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |                 |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 298 | 250298 | 022310002901 | LƯƠNG THANH      | HƯƠNG | 01/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 6.25 |          |
| 299 | 250299 | 022309004673 | LƯƠNG ĐÌNH CẨM   | HƯƠNG | 13/01/2009 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 300 | 250300 | 022310007040 | NGUYỄN THỊ LIÊN  | HƯƠNG | 30/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 6.0   | 7.0  |          |
| 301 | 250301 | 022310000370 | NGUYỄN THỊ THU   | HƯƠNG | 20/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 6.75 |          |
| 302 | 250302 | 022310001534 | PHÙNG LAN        | HƯƠNG | 28/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 7.25 |          |
| 303 | 250303 | 022310003698 | VŨ MINH          | HƯƠNG | 07/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 7.5  |          |
| 304 | 250304 | 022210011971 | NGÔ DOãn BẢO     | KHANG | 10/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 5.75 |          |
| 305 | 250305 | 031310010804 | BUI THỊ VÂN      | KHANH | 22/12/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 5.75 |          |
| 306 | 250306 | 022210002473 | BUI DUY          | KHÁNH | 01/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 7.75 |          |
| 307 | 250307 | 022210004285 | BUI ĐỨC          | KHÁNH | 29/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 7.2   | 6.75 |          |
| 308 | 250308 | 022210008766 | BUI NAM          | KHÁNH | 21/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.5  |          |
| 309 | 250309 | 022310002916 | HOÀNG AN         | KHÁNH | 05/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.25 |          |
| 310 | 250310 | 022210008331 | HOÀNG GIA        | KHÁNH | 10/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 311 | 250311 | 022210004031 | LÊ ĐÀO MINH      | KHÁNH | 15/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.75         | 6.0   | 7.0  |          |
| 312 | 250312 | 022210007544 | LÊ GIA           | KHÁNH | 31/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 5.5  |          |
| 313 | 250313 | 022210000472 | LÊ MINH          | KHÁNH | 06/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 4.25 |          |
| 314 | 250314 | 001210000271 | NGUYỄN ĐỖ NAM    | KHÁNH | 31/08/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Trung Hòa                            | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 6.75 |          |
| 315 | 250315 | 022210001525 | NGUYỄN MINH      | KHÁNH | 26/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 6.75 |          |
| 316 | 250316 | 001210061644 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH | 10/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 5.25 |          |
| 317 | 250317 | 037310003197 | NGUYỄN PHẠM KIM  | KHÁNH | 25/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.25         | 8.6   | 7.75 |          |
| 318 | 250318 | 022210003659 | PHẠM BẢO         | KHÁNH | 16/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.75 |          |
| 319 | 250319 | 022210002873 | PHẠM DUY         | KHÁNH | 10/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 3.25 |          |
| 320 | 250320 | 022210000853 | PHẠM GIA         | KHÁNH | 15/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.25 |          |
| 321 | 250321 | 022309008262 | PHẠM NGỌC        | KHÁNH | 30/08/2009 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 4.5  |          |
| 322 | 250322 | 022210008276 | PHÙNG NAM        | KHÁNH | 18/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | 4.0          | 9.4   | 8.0  |          |
| 323 | 250323 | 022310004062 | TRẦN NGỌC        | KHÁNH | 23/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 4.5  |          |
| 324 | 250324 | 022310005361 | TRẦN PHƯƠNG      | KHÁNH | 21/09/2010 | Thanh Hóa       | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 8.0  |          |
| 325 | 250325 | 022210003655 | TRẦN QUANG       | KHÁNH | 27/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.75 |          |
| 326 | 250326 | 022310001230 | VŨ KHỨC GIA      | KHÁNH | 09/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 6.75 |          |
| 327 | 250327 | 022310000166 | VŨ THỊ VÂN       | KHÁNH | 20/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.25         | 8.6   | 6.25 |          |
| 328 | 250328 | 031210012137 | NGUYỄN MẠNH      | KHIÊM | 09/09/2010 | Hải Phòng       | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 1.5          | 4.8   | 3.5  |          |
| 329 | 250329 | 022210006113 | BUI ANH          | KHOA  | 05/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 5.0  |          |
| 330 | 250330 | 022210010436 | ĐỖ MINH          | KHOA  | 08/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.25 |          |
| 331 | 250331 | 022210010321 | VŨ ĐỨC           | KHOA  | 12/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 6.5  |          |
| 332 | 250332 | 001210057985 | NGUYỄN ĐĂNG      | KHÔI  | 02/04/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.0  |          |
| 333 | 250333 | 022210005211 | NGUYỄN MINH      | KHÔI  | 13/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.75 |          |
| 334 | 250334 | 079310012710 | BUI MINH AN      | KHUÊ  | 10/10/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 335 | 250335 | 022210009283 | LÊ ĐỨC           | KIÊN  | 10/09/2010 | Thái Nguyên     | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 5.75 |          |
| 336 | 250336 | 022210009635 | NGUYỄN HỮU TRUNG | KIÊN  | 19/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.0          | 8.4   | 6.5  |          |
| 337 | 250337 | 022210010661 | NGUYỄN NGỌC      | KIÊN  | 19/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.0  |          |
| 338 | 250338 | 022210009529 | NGUYỄN VĂN       | KIÊN  | 01/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 2.25         | 5.2   | 2.75 |          |
| 339 | 250339 | 022210011838 | BUI TUẤN         | KIỆT  | 08/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 7.0  |          |
| 340 | 250340 | 022210003328 | NGUYỄN ANH       | KIỆT  | 24/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 7.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 341 | 250341 | 022210008426 | NGUYỄN TUẤN      | KIỆT      | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.0  |          |
| 342 | 250342 | 022210002108 | PHẠM TUẤN        | KIỆT      | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.75 |          |
| 343 | 250343 | 022210000770 | TRẦN ANH         | KIỆT      | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 6.25 |          |
| 344 | 250344 | 031210008248 | TRẦN ANH         | KỶ        | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.25 |          |
| 345 | 250345 | 022310007285 | BÙI HÀ           | LÂM       | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 6.5  |          |
| 346 | 250346 | 022210005672 | BÙI HÀ NGỌC      | LÂM       | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 2.0  |          |
| 347 | 250347 | 022210012146 | BÙI TUẤN         | LÂM       | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 348 | 250348 | 022210011948 | BÙI TUỆ          | LÂM       | 12/10/2010 | Hưng Yên   | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 349 | 250349 | 022210011175 | ĐỖ BẢO           | LÂM       | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 8.25 |          |
| 350 | 250350 | 022210012138 | HOÀNG NGỌC       | LÂM       | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.0          | 7.6   | 7.5  |          |
| 351 | 250351 | 022210003480 | LA QUỐC          | LÂM       | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 0.5          | 3.2   | 2.5  |          |
| 352 | 250352 | 037210000390 | NGÔ CHÍ          | LÂM       | 22/01/2010 | Ninh Bình  | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.25 |          |
| 353 | 250353 | 022210005447 | PHÍ TÙNG         | LÂM       | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 4.25 |          |
| 354 | 250354 | 022310003455 | TRIỆU THUY       | LÂM       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.5          | 8.0   | 8.75 |          |
| 355 | 250355 | 022210007396 | VI NGUYỄN TÙNG   | LÂM       | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 6.25 |          |
| 356 | 250356 | 022310011228 | VŨ NGỌC          | LÂM       | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 5.5  |          |
| 357 | 250357 | 022310003060 | ĐẶNG HUỆ         | LIÊN      | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 7.5  |          |
| 358 | 250358 | 022310004854 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | LIÊN      | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 7.25 |          |
| 359 | 250359 | 022310009854 | PHẠM NGỌC        | LIÊN      | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.5  |          |
| 360 | 250360 | 022310000567 | BÙI HOÀNG PHƯƠNG | LINH      | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 5.5  |          |
| 361 | 250361 | 022310011753 | BÙI KHÁNH        | LINH      | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 362 | 250362 | 022310005180 | BÙI PHAN THUY    | LINH      | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.5          | 8.0   | 6.0  |          |
| 363 | 250363 | 022310005923 | BÙI TRẦN KHÁNH   | LINH      | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 364 | 250364 | 022310009946 | ĐÀO PHƯƠNG       | LINH      | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 6.25 |          |
| 365 | 250365 | 001310054631 | ĐẶNG CAO DIỆU    | LINH      | 20/11/2010 | Hà Nội     | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 366 | 250366 | 022310005286 | ĐẶNG TRẦN KHÁNH  | LINH      | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 367 | 250367 | 022310007500 | ĐÌNH HOÀNG KHÁNH | LINH      | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.25 |          |
| 368 | 250368 | 022310010731 | ĐOÀN HÀ          | LINH      | 02/09/2010 | Hà Nội     | Nữ               | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 3.0  |          |
| 369 | 250369 | 022310001135 | ĐOÀN NGUYỄN HẢI  | LINH      | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 5.75 |          |
| 370 | 250370 | 001310054055 | ĐOÀN TRẦN PHƯƠNG | LINH      | 23/11/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 371 | 250371 | 022310007779 | ĐỖ HÀ            | LINH      | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.5  |          |
| 372 | 250372 | 030310006607 | HOÀNG GIA        | LINH      | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 5.75 |          |
| 373 | 250373 | 022310009138 | HOÀNG PHƯƠNG     | LINH      | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 6.75 |          |
| 374 | 250374 | 022310007271 | LÃ THUY          | LINH      | 09/02/2010 | Nam Định   | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 8.0  |          |
| 375 | 250375 | 034310015176 | LÊ BẢO           | LINH      | 04/09/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.25         | 8.8   | 7.75 |          |
| 376 | 250376 | 022310000307 | LÊ HOÀNG         | LINH      | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 3.75 |          |
| 377 | 250377 | 001310009111 | NGUYỄN DIỆU      | LINH      | 25/01/2010 | Hà Nội     | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.0  |          |
| 378 | 250378 | 022310009814 | NGUYỄN GIA       | LINH      | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 6.75 |          |
| 379 | 250379 | 022310009640 | NGUYỄN HÀ        | LINH      | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 2.0  |          |
| 380 | 250380 | 022310012647 | NGUYỄN HÀ        | LINH      | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.75 |          |
| 381 | 250381 | 034310191845 | NGUYỄN HÀ        | LINH      | 27/02/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 7.25 |          |
| 382 | 250382 | 031310007775 | NGUYỄN HÀ        | LINH      | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.75 |          |
| 383 | 250383 | 022310010243 | NGUYỄN HOÀNG     | LINH      | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 6.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 384 | 250384 | 022310004645 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.25         | 9.6   | 8.5  |         |
| 385 | 250385 | 017310009465 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Mường            | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 5.75 |         |
| 386 | 250386 | 022310009394 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 5.25 |         |
| 387 | 250387 | 022310009127 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 05/06/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 5.4   | 6.75 |         |
| 388 | 250388 | 030310015932 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.75         | 9.2   | 7.5  |         |
| 389 | 250389 | 033310009361 | NGUYỄN NGỌC LINH       | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 3.0  |         |
| 390 | 250390 | 022310008486 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH     | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.75 |         |
| 391 | 250391 | 022310012714 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 6.0  |         |
| 392 | 250392 | 022310001098 | NGUYỄN THỊ THỦY LINH   | 05/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 4.75 |         |
| 393 | 250393 | 024310012650 | NGUYỄN THỊ THỦY LINH   | 05/02/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 7.5  |         |
| 394 | 250394 | 033310001322 | NGUYỄN THỦY LINH       | 27/11/2010 | Hung Yên   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 6.25 |         |
| 395 | 250395 | 022310006846 | NGUYỄN THỦY LINH       | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 5.5  |         |
| 396 | 250396 | 022310009693 | NGUYỄN THỦY LINH       | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 6.5  |         |
| 397 | 250397 | 034310009648 | NGUYỄN TRẦN HÀ LINH    | 20/10/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.0  |         |
| 398 | 250398 | 022310001270 | PHẠM PHƯƠNG LINH       | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.25 |         |
| 399 | 250399 | 022310004548 | TÔ NGỌC LINH           | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 7.5  |         |
| 400 | 250400 | 022310006038 | TRẦN GIA LINH          | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.25         | 8.2   | 7.5  |         |
| 401 | 250401 | 022310000046 | TRẦN GIA LINH          | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |         |
| 402 | 250402 | 022310016789 | TRẦN VŨ HÀ LINH        | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.5          | 8.2   | 7.75 |         |
| 403 | 250403 | 022310002926 | TRẦN VŨ THỦY LINH      | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 8.0  |         |
| 404 | 250404 | 022310005707 | TRÌNH LINH LINH        | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 5.0  |         |
| 405 | 250405 | 022310006343 | TRÌNH PHƯƠNG LINH      | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 6.5  |         |
| 406 | 250406 | 022310008428 | TRƯƠNG PHẠM KHÁNH LINH | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 6.0  |         |
| 407 | 250407 | 030210011767 | VŨ BẢO LINH            | 10/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 7.5  |         |
| 408 | 250408 | 022310008804 | VŨ KHÁNH LINH          | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.75 |         |
| 409 | 250409 | 022310010725 | VŨ KHÁNH LINH          | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.0  |         |
| 410 | 250410 | 040310022405 | VŨ NGỌC BẢO LINH       | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.5  |         |
| 411 | 250411 | 022310000576 | VŨ NGỌC ĐAN LINH       | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.25         | 6.2   | 8.25 |         |
| 412 | 250412 | 022310010527 | VŨ THỊ KHÁNH LINH      | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 413 | 250413 | 022210009054 | HOÀNG HẢI LONG         | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 2.75         | 6.2   | 3.5  |         |
| 414 | 250414 | 030210008824 | NGUYỄN MINH LONG       | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 8.0  |         |
| 415 | 250415 | 001210014002 | NGUYỄN THÀNH LONG      | 22/03/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 416 | 250416 | 036210010065 | VŨ XUÂN LỘC            | 08/07/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 5.5  |         |
| 417 | 250417 | 022210006500 | VŨ VIỆT BẢO LỢI        | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 6.75 |         |
| 418 | 250418 | 034210011970 | TRÌNH ĐỨC LƯƠNG        | 18/12/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 7.25 |         |
| 419 | 250419 | 022310004754 | LÊ XUÂN KHÁNH LY       | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 8.75         | 9.6   | 6.75 |         |
| 420 | 250420 | 031310007305 | TẠ KHÁNH LY            | 12/12/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 7.25 |         |
| 421 | 250421 | 034310006782 | ĐẶNG HIỀN MAI          | 27/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.25         | 2.4   | 2.75 |         |
| 422 | 250422 | 034310014472 | HOÀNG NGỌC BẢO MAI     | 18/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 6.75 |         |
| 423 | 250423 | 038310013537 | LÊ THỊ TUYẾT MAI       | 30/11/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.5          | 7.6   | 6.0  |         |
| 424 | 250424 | 037310005523 | PHẠM THỊ NGỌC MAI      | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.75         | 9.8   | 8.0  |         |
| 425 | 250425 | 031310005992 | PHẠM THỊ NGỌC MAI      | 01/09/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 5.75 |         |
| 426 | 250426 | 022310005495 | VŨ QUỲNH MAI           | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 4.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |      | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------|------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |      |            |                 |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 427 | 250427 | 022210021052 | NGUYỄN LÂM        | MẠNH | 18/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 9.4   | 7.75 |         |
| 428 | 250428 | 022210011163 | PHẠM ĐỨC          | MẠNH | 21/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 8.5  |         |
| 429 | 250429 | 030210003680 | TRẦN DUY          | MẠNH | 01/01/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 8.0   | 2.75 |         |
| 430 | 250430 | 001310058115 | NGÔ HOÀI          | MI   | 22/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 5.25 |         |
| 431 | 250431 | 034210002625 | ĐÀM TUỆ           | MINH | 21/11/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 2.25         | 6.4   | 5.0  |         |
| 432 | 250432 | 022210006473 | ĐẶNG QUANG        | MINH | 19/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 8.0  |         |
| 433 | 250433 | 037210010973 | ĐÌNH NGỌC         | MINH | 10/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 6.5  |         |
| 434 | 250434 | 022210005365 | ĐỖ DUY            | MINH | 16/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.25 |         |
| 435 | 250435 | 022210006831 | HOÀNG ĐỨC         | MINH | 10/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.5  |         |
| 436 | 250436 | 022210011205 | HOÀNG HẢI         | MINH | 22/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.0  |         |
| 437 | 250437 | 022210007857 | HOÀNG NGỌC        | MINH | 28/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.75 |         |
| 438 | 250438 | 022210011381 | LÊ ĐỨC            | MINH | 02/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.5  |         |
| 439 | 250439 | 022310006457 | MAI THỦY          | MINH | 09/02/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 7.0  |         |
| 440 | 250440 | 022210001330 | NGUYỄN ĐẶNG QUANG | MINH | 12/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.75 |         |
| 441 | 250441 | 022210004433 | NGUYỄN ĐỨC        | MINH | 28/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.75 |         |
| 442 | 250442 | 022210010495 | NGUYỄN HOÀNG      | MINH | 05/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 6.5  |         |
| 443 | 250443 | 034210016110 | NGUYỄN LƯU NHẬT   | MINH | 17/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.25 |         |
| 444 | 250444 | 026210012093 | NGUYỄN QUANG      | MINH | 04/03/2010 | Vĩnh Phúc       | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 5.25 |         |
| 445 | 250445 | 022210006062 | NGUYỄN QUANG      | MINH | 04/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 9.0   | 7.5  |         |
| 446 | 250446 | 022310005271 | NGUYỄN THỰC       | MINH | 25/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.5  |         |
| 447 | 250447 | 022210005359 | NGUYỄN VŨ         | MINH | 29/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 7.25 |         |
| 448 | 250448 | 022210011799 | PHẠM GIA          | MINH | 20/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.5  |         |
| 449 | 250449 | 034210014273 | PHẠM HOÀNG        | MINH | 10/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 450 | 250450 | 022210006041 | PHẠM QUANG        | MINH | 29/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 6.25 |         |
| 451 | 250451 | 022310007935 | PHẠM THỊ HỒNG     | MINH | 01/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 7.25 |         |
| 452 | 250452 | 022210004226 | PHẠM TUẤN         | MINH | 16/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 1.6   | 5.5  |         |
| 453 | 250453 | 022210004124 | TRỊNH QUANG       | MINH | 22/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 5.0  |         |
| 454 | 250454 | 022210011199 | VŨ ĐỨC            | MINH | 30/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.5  |         |
| 455 | 250455 | 022210006224 | VŨ HOÀNG          | MINH | 21/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 5.0  |         |
| 456 | 250456 | 022310002111 | BÀNG TRẢ          | MY   | 08/06/2010 | Thái Nguyên     | Nữ        | Sán Diu          | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 5.0  |         |
| 457 | 250457 | 022310011088 | ĐỖ HÃ             | MY   | 25/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 6.5  |         |
| 458 | 250458 | 030310004709 | HOÀNG TRẢ         | MY   | 19/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.0  |         |
| 459 | 250459 | 036310018430 | NGUYỄN ĐẶNG THẢO  | MY   | 23/06/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 5.75 |         |
| 460 | 250460 | 022310004895 | NGUYỄN NGỌC HÀ    | MY   | 09/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 7.75 |         |
| 461 | 250461 | 030310007110 | NGUYỄN NGỌC TRẢ   | MY   | 17/09/2010 | Hải Dương       | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 7.2   | 7.0  |         |
| 462 | 250462 | 022310005196 | NGUYỄN TRÀ        | MY   | 03/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 5.75 |         |
| 463 | 250463 | 022310008356 | NGUYỄN TRÀ        | MY   | 04/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 7.75 |         |
| 464 | 250464 | 022310000828 | NGUYỄN TRANG      | MY   | 17/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 6.0  |         |
| 465 | 250465 | 022310002073 | PHẠM BẢO          | MY   | 18/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.5  |         |
| 466 | 250466 | 022310003835 | VŨ HÃ             | MY   | 11/03/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 5.0  |         |
| 467 | 250467 | 022310010543 | VŨ NGUYỄN HÀ      | MY   | 02/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 9.2   | 4.75 |         |
| 468 | 250468 | 022210004506 | CHU QUANG         | NAM  | 30/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.0          | 9.2   | 2.75 |         |
| 469 | 250469 | 022210011899 | ĐÀO HẢI           | NAM  | 19/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 8.75 |         |



**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 470 | 250470 | 022210007212 | LÊ BẢO           | NAM    | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 4.25         | 8.0   | 6.25 |          |
| 471 | 250471 | 022210004135 | LÊ TRẦN          | NAM    | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 6.25 |          |
| 472 | 250472 | 034210003256 | NGÔ PHƯƠNG       | NAM    | 08/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.5  |          |
| 473 | 250473 | 022210003561 | NGUYỄN TIẾN      | NAM    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.75 |          |
| 474 | 250474 | 022210001246 | PHẠM HẢI         | NAM    | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 9.8   | 8.5  |          |
| 475 | 250475 | 022210011714 | TRẦN DUY         | NAM    | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 4.25 |          |
| 476 | 250476 | 022210002360 | TRẦN HẢI         | NAM    | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 6.6   | 5.5  |          |
| 477 | 250477 | 022210009460 | TRƯƠNG HOÀNG     | NAM    | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 5.25 |          |
| 478 | 250478 | 022210001466 | VŨ BẢO           | NAM    | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.75 |          |
| 479 | 250479 | 022210002662 | VŨ LÊ BẢO        | NAM    | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 3.5  |          |
| 480 | 250480 | 022210006733 | VŨ VIỆT BẢO      | NAM    | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 5.5  |          |
| 481 | 250481 | 022310000604 | CAO KIM          | NGÂN   | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.0  |          |
| 482 | 250482 | 001310009151 | LÃ TRẦN THẢO     | NGÂN   | 11/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 483 | 250483 | 022310001546 | PHẠM KIM         | NGÂN   | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.8   | 7.25 |          |
| 484 | 250484 | 027310000435 | PHẠM THU         | NGÂN   | 28/12/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.25 |          |
| 485 | 250485 | 022210004410 | VŨ ĐỨC           | NGHĨA  | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 3.75 |          |
| 486 | 250486 | 022309006575 | BÙI MINH         | NGỌC   | 16/11/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 487 | 250487 | 022310004319 | BÙI NGUYỄN BẢO   | NGỌC   | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.0  |          |
| 488 | 250488 | 022310006935 | CHENG THU        | NGỌC   | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 6.0  |          |
| 489 | 250489 | 034310009764 | ĐÀO THỊ KHÁNH    | NGỌC   | 22/05/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 1.75 |          |
| 490 | 250490 | 022310001332 | ĐỒNG HẢI         | NGỌC   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.25 |          |
| 491 | 250491 | 174310000032 | HÀ HOÀNG BẢO     | NGỌC   | 23/03/2010 | Nước Ngoài | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 3.75 |          |
| 492 | 250492 | 022310010380 | HOÀNG BẢO        | NGỌC   | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.75 |          |
| 493 | 250493 | 022310004338 | HOÀNG CAO BẢO    | NGỌC   | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 6.5  |          |
| 494 | 250494 | 022310000649 | LÊ NGUYỄN BẢO    | NGỌC   | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.75 |          |
| 495 | 250495 | 022310005240 | NGUYỄN BÍCH      | NGỌC   | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 9.0          | 8.4   | 8.0  |          |
| 496 | 250496 | 022310005908 | NGUYỄN BÍCH      | NGỌC   | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 7.75 |          |
| 497 | 250497 | 022310010376 | PHẠM BẢO         | NGỌC   | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 5.75 |          |
| 498 | 250498 | 022310009821 | TRẦN KHÁNH       | NGỌC   | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 5.25 |          |
| 499 | 250499 | 022310006627 | TRỊNH ĐÀO BẢO    | NGỌC   | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 8.0  |          |
| 500 | 250500 | 022310008183 | VŨ NHƯ           | NGỌC   | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 6.5  |          |
| 501 | 250501 | 022310005339 | VŨ THỊ           | NGỌC   | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                              | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 7.25 |          |
| 502 | 250502 | 022310001036 | HOÀNG TƯỜNG      | NGUYỄN | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 503 | 250503 | 019210007269 | NGUYỄN HOÀNG     | NGUYỄN | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.75 |          |
| 504 | 250504 | 022210021054 | TRẦN KHÔI        | NGUYỄN | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 3.0  |          |
| 505 | 250505 | 022210007284 | VŨ ĐỨC KHÔI      | NGUYỄN | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 8.0  |          |
| 506 | 250506 | 022310010564 | VŨ NGỌC THẢO     | NGUYỄN | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.25 |          |
| 507 | 250507 | 022310007800 | TRẦN THỊ NGÂN    | NHÃ    | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.0  |          |
| 508 | 250508 | 022210000815 | NGUYỄN MINH      | NHẬT   | 21/11/2010 | Quang Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 7.0  |          |
| 509 | 250509 | 034310001936 | CAO YẾN          | NHI    | 11/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 3.75 |          |
| 510 | 250510 | 022310000357 | DƯƠNG NGUYỄN VĂN | NHI    | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 5.0   | 6.5  |          |
| 511 | 250511 | 022310006927 | ĐỖ HÂN           | NHI    | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 5.0  |          |
| 512 | 250512 | 022309004376 | ĐỖ LINH          | NHI    | 02/06/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Đồng - Hạ Long                   | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 1.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 513 | 250513 | 036310014640 | ĐỖ UYÊN           | NHI    | 18/11/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 514 | 250514 | 022310003182 | ĐỒNG UYÊN         | NHI    | 01/06/2010 | Lạng Sơn   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 515 | 250515 | 038310026247 | MAI THỊ YÊN       | NHI    | 21/08/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 516 | 250516 | 001310054480 | MAI YẾN           | NHI    | 03/09/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 4.75 |          |
| 517 | 250517 | 022310008700 | NGUYỄN DUNG       | NHI    | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 7.75         | 5.0   | 4.75 |          |
| 518 | 250518 | 022310006333 | NGUYỄN HOÀNG BẢO  | NHI    | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 5.75 |          |
| 519 | 250519 | 022310010008 | NGUYỄN LÊ UYÊN    | NHI    | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 4.5          | 8.6   | 5.25 |          |
| 520 | 250520 | 001310024554 | NGUYỄN NINH       | NHI    | 21/09/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.5  |          |
| 521 | 250521 | 022310010183 | NGUYỄN PHƯƠNG     | NHI    | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.5          | 8.2   | 8.5  |          |
| 522 | 250522 | 022310010143 | NGUYỄN THỊ HÀ     | NHI    | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 4.25 |          |
| 523 | 250523 | 022310001094 | NGUYỄN YẾN        | NHI    | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.5          | 2.8   | 4.25 |          |
| 524 | 250524 | 022310002767 | NGUYỄN YẾN        | NHI    | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.25         | 8.4   | 8.25 |          |
| 525 | 250525 | 001310011678 | PHẠM YẾN          | NHI    | 11/04/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 6.5  |          |
| 526 | 250526 | 022310009660 | PHẠM YẾN          | NHI    | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.0  |          |
| 527 | 250527 | 022310005140 | TRẦN AN           | NHI    | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 7.25 |          |
| 528 | 250528 | 022310006466 | VŨ BẢO            | NHI    | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 4.75 |          |
| 529 | 250529 | 022310002289 | LƯƠNG NGUYỄN AN   | NHIÊN  | 11/08/2010 | Hà Nội     | Nữ        | Tày              | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 2.75         | 3.6   | 2.75 |          |
| 530 | 250530 | 022310011686 | LÊ TRANG          | NHUNG  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.25         | 1.6   | 3.5  |          |
| 531 | 250531 | 022310005768 | NGÔ PHƯƠNG        | NHUNG  | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 4.25 |          |
| 532 | 250532 | 022310004189 | NGUYỄN MAI        | NHUNG  | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 6.5  |          |
| 533 | 250533 | 022310000465 | HOÀNG HÀ KIỀU     | NHƯ    | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.75 |          |
| 534 | 250534 | 034210003687 | BÙI HẢI           | PHONG  | 24/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 7.75 |          |
| 535 | 250535 | 034210012620 | HOÀNG TRẦN        | PHONG  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 8.0  |          |
| 536 | 250536 | 022210006263 | NGHIÊM THUƠNG     | PHONG  | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 7.25 |          |
| 537 | 250537 | 030210010615 | NGUYỄN ĐÌNH       | PHONG  | 16/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 1.25 |          |
| 538 | 250538 | 022210011629 | NGUYỄN MINH       | PHONG  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 8.5  |          |
| 539 | 250539 | 022210007471 | NGUYỄN NAM        | PHONG  | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 6.0   | 8.0  |          |
| 540 | 250540 | 022210008807 | NGUYỄN QUỐC       | PHONG  | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.75 |          |
| 541 | 250541 | 022210003634 | NGUYỄN TUẤN       | PHONG  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 6.0  |          |
| 542 | 250542 | 022210004570 | PHẠM NGUYỄN THANH | PHONG  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 7.0  |          |
| 543 | 250543 | 001209041790 | LÊ HỒNG           | PHÚ    | 01/05/2009 | Hà Nội     | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 1.5          | 6.2   | 3.0  |          |
| 544 | 250544 | 022210007251 | PHẠM TRẦN         | PHÚ    | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.5  |          |
| 545 | 250545 | 022210005234 | BÙI XUÂN ĐỨC      | PHÚC   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường            | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.0  |          |
| 546 | 250546 | 022210004645 | HOÀNG NGỌC        | PHÚC   | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 3.5  |          |
| 547 | 250547 | 022210005409 | HOÀNG NGUYỄN      | PHÚC   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.75 |          |
| 548 | 250548 | 031210010858 | NGUYỄN HOÀNG      | PHÚC   | 21/09/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 7.0  |          |
| 549 | 250549 | 022210009155 | NGUYỄN TRẦN BẢO   | PHÚC   | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.5  |          |
| 550 | 250550 | 022210010300 | TRẦN ĐỨC          | PHÚC   | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.0  |          |
| 551 | 250551 | 022210010606 | TRẦN VƯƠNG TRƯỞNG | PHÚC   | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 6.75 |          |
| 552 | 250552 | 022210002516 | LƯỠNG HỮU         | PHƯỚC  | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.25 |          |
| 553 | 250553 | 022310001372 | CHU MINH          | PHƯƠNG | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.5          | 6.6   | 6.25 |          |
| 554 | 250554 | 027310002199 | DƯƠNG HÀ          | PHƯƠNG | 18/07/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 5.75 |          |
| 555 | 250555 | 022310002877 | ĐẶNG LAN          | PHƯƠNG | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |        |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 556 | 250556 | 022310009734 | ĐỖ THỊ MAI     | PHƯƠNG | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 2.5          | 7.8   | 7.75 |          |
| 557 | 250557 | 022310004352 | LÊ NGỌC        | PHƯƠNG | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 7.5          | 5.2   | 5.0  |          |
| 558 | 250558 | 022310011034 | NGUYỄN HÀ      | PHƯƠNG | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 7.25 |          |
| 559 | 250559 | 040310007778 | NGUYỄN HOÀI    | PHƯƠNG | 11/04/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 2.75 |          |
| 560 | 250560 | 022310003926 | NGUYỄN LÊ NHÃ  | PHƯƠNG | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.25         | 9.2   | 7.25 |          |
| 561 | 250561 | 022310011430 | NGUYỄN MAI     | PHƯƠNG | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 6.25 |          |
| 562 | 250562 | 022310009576 | NGUYỄN MINH    | PHƯƠNG | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 2.75 |          |
| 563 | 250563 | 022310010174 | PHẠM HOÀI      | PHƯƠNG | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 564 | 250564 | 030310006271 | PHẠM MAI       | PHƯƠNG | 07/07/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.25         | 6.8   | 7.5  |          |
| 565 | 250565 | 022310001795 | PHẠM MINH      | PHƯƠNG | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.5  |          |
| 566 | 250566 | 022310011274 | PHẠM NHẬT      | PHƯƠNG | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 8.25         | 9.2   | 8.75 |          |
| 567 | 250567 | 022310003671 | TRẦN BÍCH      | PHƯƠNG | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 8.0  |          |
| 568 | 250568 | 022310004722 | TRẦN BÌNH      | PHƯƠNG | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.25 |          |
| 569 | 250569 | 022310002139 | TRẦN MAI       | PHƯƠNG | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 8.25 |          |
| 570 | 250570 | 022310003747 | TRẦN MAI       | PHƯƠNG | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.5  |          |
| 571 | 250571 | 022310008854 | TRẦN MINH      | PHƯƠNG | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 572 | 250572 | 001310050391 | TRƯƠNG KHÁNH   | PHƯƠNG | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 1.25         | 7.6   | 7.5  |          |
| 573 | 250573 | 022210006347 | PHẠM ĐÌNH      | QUANG  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 1.5  |          |
| 574 | 250574 | 022210005738 | PHẠM HUY       | QUANG  | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 575 | 250575 | 022210003795 | PHẠM MINH      | QUANG  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.0  |          |
| 576 | 250576 | 030210017216 | TRỊNH ĐĂNG     | QUANG  | 25/08/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.5  |          |
| 577 | 250577 | 022210003864 | ĐỖ NGUYỄN MINH | QUẦN   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 6.0  |          |
| 578 | 250578 | 022210007546 | HOÀNG ANH      | QUẦN   | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 579 | 250579 | 022210009532 | LÊ HOÀNG       | QUẦN   | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 6.0  |          |
| 580 | 250580 | 022210002453 | LÊ MẠNH        | QUẦN   | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.75 |          |
| 581 | 250581 | 022210004436 | NGÔ ANH        | QUẦN   | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.5  |          |
| 582 | 250582 | 022210001504 | NGUYỄN ANH     | QUẦN   | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 583 | 250583 | 030210000639 | NGUYỄN VĂN     | QUẦN   | 18/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 7.5  |          |
| 584 | 250584 | 022210000149 | PHẠM MINH      | QUẦN   | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 8.2   | 5.75 |          |
| 585 | 250585 | 022210010790 | NGUYỄN NHẬT    | QUÝ    | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 6.25 |          |
| 586 | 250586 | 036310013285 | BÙI TÚ         | QUYỀN  | 16/11/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 4.75 |          |
| 587 | 250587 | 022210001811 | NGUYỄN MINH    | QUYỀN  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.5  |          |
| 588 | 250588 | 022210000042 | BÙI MINH       | QUYẾT  | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 8.0  |          |
| 589 | 250589 | 022310010999 | NGUYỄN NHƯ     | QUỲNH  | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 5.8   | 5.5  |          |
| 590 | 250590 | 022210011786 | ĐOÀN TRƯỜNG    | SƠN    | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 5.2   | 7.75 |          |
| 591 | 250591 | 022210009504 | HOÀNG THÁI     | SƠN    | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.0  |          |
| 592 | 250592 | 022210002892 | LÊ MINH        | SƠN    | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 5.75 |          |
| 593 | 250593 | 022210006373 | NGUYỄN BẢO     | SƠN    | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 2.25 |          |
| 594 | 250594 | 022210001904 | NGUYỄN HOÀNG   | SƠN    | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.0  |          |
| 595 | 250595 | 022210004564 | NGUYỄN NAM     | SƠN    | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 5.5  |          |
| 596 | 250596 | 022210003098 | NGUYỄN THANH   | SƠN    | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.5  |          |
| 597 | 250597 | 022210011419 | NGUYỄN TRIỆU   | SƠN    | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.75 |          |
| 598 | 250598 | 022210005986 | PHẠM THÁI      | SƠN    | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 3.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 599 | 250599 | 022210002468 | ỨNG THÁI          | SON    | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 600 | 250600 | 022210004358 | NGÔ PHÚC          | TÂM    | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.75 |          |
| 601 | 250601 | 022310009283 | NGUYỄN HOÀNG HẢI  | TÂM    | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.0  |          |
| 602 | 250602 | 022210006010 | PHẠM CÔNG         | TÂM    | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.0  |          |
| 603 | 250603 | 022210011880 | LÊ MINH           | TÂN    | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 9.0  |          |
| 604 | 250604 | 022210006504 | TRƯƠNG TRỌNG      | TÂN    | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.75 |          |
| 605 | 250605 | 027310000464 | NGUYỄN THỊ MINH   | THANH  | 06/11/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 5.0   | 7.0  |          |
| 606 | 250606 | 022310006534 | TRẦN THIÊN        | THANH  | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 8.25 |          |
| 607 | 250607 | 022210000942 | NGUYỄN HỮU        | THÀNH  | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 7.0  |          |
| 608 | 250608 | 022210008154 | NGUYỄN TRUNG      | THÀNH  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 4.5  |          |
| 609 | 250609 | 022210006493 | VŨ CÔNG           | THÀNH  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 3.6   | 4.75 |          |
| 610 | 250610 | 022210005485 | VŨ XUÂN           | THÀNH  | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 5.0  |          |
| 611 | 250611 | 026310003997 | ĐÀO THỊ PHƯƠNG    | THẢO   | 12/11/2010 | Vĩnh Phúc  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 612 | 250612 | 022310007145 | ĐÌNH GIANG PHƯƠNG | THẢO   | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 6.75 |          |
| 613 | 250613 | 022310002295 | HOÀNG NHƯ         | THẢO   | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.25 |          |
| 614 | 250614 | 022310003365 | LÊ PHƯƠNG         | THẢO   | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 615 | 250615 | 022310011366 | PHẠM PHƯƠNG       | THẢO   | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 5.75 |          |
| 616 | 250616 | 022310001951 | PHẠM PHƯƠNG       | THẢO   | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.5          | 9.0   | 7.75 |          |
| 617 | 250617 | 022310002422 | PHẠM THỊ PHƯƠNG   | THẢO   | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.0  |          |
| 618 | 250618 | 022310006165 | PHẠM THU          | THẢO   | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 6.25 |          |
| 619 | 250619 | 001310051556 | PHÙNG THANH       | THẢO   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 7.75 |          |
| 620 | 250620 | 286310000030 | TRẦN PHƯƠNG       | THẢO   | 13/07/2010 | Ucraina    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 5.0  |          |
| 621 | 250621 | 022310007027 | VŨ PHƯƠNG         | THẢO   | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 4.5  |          |
| 622 | 250622 | 036310005615 | VŨ THỊ THANH      | THẢO   | 16/06/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 623 | 250623 | 031210000458 | NGUYỄN ĐÌNH       | THẮNG  | 27/08/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 5.75 |          |
| 624 | 250624 | 022210009963 | LƯU GIA           | THẾ    | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.25 |          |
| 625 | 250625 | 022210004197 | TRẦN HỮU          | THIÊN  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.25 |          |
| 626 | 250626 | 022310005673 | LÊ THỊ HỒNG       | THU    | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 2.5  |          |
| 627 | 250627 | 022310003221 | NGUYỄN HẠ         | THU    | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.75 |          |
| 628 | 250628 | 034310006525 | NGUYỄN HOÀI       | THU    | 07/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 6.75 |          |
| 629 | 250629 | 022310007421 | PHẠM MINH         | THU    | 28/09/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 630 | 250630 | 022310012720 | VŨ PHƯƠNG         | THỦY   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 2.0  |          |
| 631 | 250631 | 022310000803 | BÙI PHƯƠNG        | THỦY   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 4.25 |          |
| 632 | 250632 | 022210009602 | VŨ TƯỜNG          | THUY   | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 5.0  |          |
| 633 | 250633 | 022210003376 | VŨ MINH           | THUYẾT | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.5  |          |
| 634 | 250634 | 022310007685 | BÙI ANH           | THƯ    | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 6.0  |          |
| 635 | 250635 | 022310002868 | BÙI MINH          | THƯ    | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 6.5  |          |
| 636 | 250636 | 022310005348 | ĐOÀN THỊ MINH     | THƯ    | 14/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 5.25 |          |
| 637 | 250637 | 034310013691 | HOÀNG ANH         | THƯ    | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 7.25 |          |
| 638 | 250638 | 022310001731 | NGUYỄN ANH        | THƯ    | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.0  |          |
| 639 | 250639 | 022310011099 | NGUYỄN ANH        | THƯ    | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.0  |          |
| 640 | 250640 | 022310001052 | NGUYỄN ANH        | THƯ    | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 6.25 |          |
| 641 | 250641 | 022310007870 | NGUYỄN ANH        | THƯ    | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 1.25         | 4.0   | 2.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|--------|------------|-------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |        |            |             |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 642 | 250642 | 036310011940 | NGUYỄN ANH         | THỨ    | 30/01/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 8.25         | 7.8   | 7.5  |         |
| 643 | 250643 | 022310002727 | NGUYỄN ĐỖ MINH     | THỨ    | 15/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.5          | 8.8   | 8.25 |         |
| 644 | 250644 | 030310008235 | NGUYỄN MINH        | THỨ    | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 8.0  |         |
| 645 | 250645 | 022310002504 | PHẠM ANH           | THỨ    | 31/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Tuần Châu       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 4.0  |         |
| 646 | 250646 | 022310011304 | PHẠM ANH           | THỨ    | 11/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.75 |         |
| 647 | 250647 | 035310005239 | PHẠM ANH           | THỨ    | 19/01/2010 | Hà Nam      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 7.75 |         |
| 648 | 250648 | 019310012216 | NGUYỄN THANH       | THƯƠNG | 17/12/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2      | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 6.25 |         |
| 649 | 250649 | 022310003271 | NGUYỄN ĐÀI         | TIỀN   | 16/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.25 |         |
| 650 | 250650 | 022310001800 | NGUYỄN THUY        | TIỀN   | 28/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 4.25         | 7.4   | 5.0  |         |
| 651 | 250651 | 022310008952 | NGUYỄN THỦY        | TIỀN   | 13/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 4.25 |         |
| 652 | 250652 | 001310050576 | TRƯƠNG NGUYỄN THỦY | TIỀN   | 25/04/2010 | Hà Nội      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 8.25 |         |
| 653 | 250653 | 022210000523 | NGUYỄN VIỆT        | TIỀN   | 08/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.25 |         |
| 654 | 250654 | 022210003363 | TRẦN PHÚC          | TOÀN   | 29/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2      | Tiếng Anh | 2.25         | 5.4   | 7.25 |         |
| 655 | 250655 | 022310010770 | ĐÌNH HÀ            | TRANG  | 14/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 6.5  |         |
| 656 | 250656 | 035310005413 | ĐỖ HUỖN            | TRANG  | 12/01/2010 | Hà Nam      | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2      | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 6.5  |         |
| 657 | 250657 | 022310006675 | HÀ THU             | TRANG  | 22/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.25         | 6.4   | 6.25 |         |
| 658 | 250658 | 022310010743 | HOÀNG HUỖN         | TRANG  | 03/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 6.75 |         |
| 659 | 250659 | 022310007431 | HOÀNG QUỖNH        | TRANG  | 16/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng      | Tiếng Anh | 7.5          | 4.2   | 6.75 |         |
| 660 | 250660 | 022310009815 | HOÀNG THỦY         | TRANG  | 26/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 8.25 |         |
| 661 | 250661 | 022310002962 | NGUYỄN HẢI         | TRANG  | 04/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng      | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 4.25 |         |
| 662 | 250662 | 030310010497 | NGUYỄN HẢI         | TRANG  | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 663 | 250663 | 022310002116 | NGUYỄN KIỂU        | TRANG  | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng      | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.0  |         |
| 664 | 250664 | 022310002429 | NGUYỄN MINH        | TRANG  | 27/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.5  |         |
| 665 | 250665 | 022310011148 | NGUYỄN QUỖNH       | TRANG  | 03/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 666 | 250666 | 022310002167 | PHẠM BẢO           | TRANG  | 18/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2      | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 5.5  |         |
| 667 | 250667 | 022310006937 | PHẠM BẢO           | TRANG  | 18/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.75 |         |
| 668 | 250668 | 022310001585 | PHẠM THỊ HUỖN      | TRANG  | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2      | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 3.0  |         |
| 669 | 250669 | 022310003230 | PHẠM THỦY          | TRANG  | 28/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.0  |         |
| 670 | 250670 | 022310003656 | PHẠM YẾN           | TRANG  | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 5.75 |         |
| 671 | 250671 | 022310011661 | VŨ QUỖNH           | TRANG  | 15/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 6.75 |         |
| 672 | 250672 | 022310004363 | VŨ QUỖNH           | TRANG  | 29/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.0          | 6.4   | 7.25 |         |
| 673 | 250673 | 022310000811 | ĐỖ THỊ THỦY        | TRÂM   | 30/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 6.5  |         |
| 674 | 250674 | 046310007658 | HỒ THỊ BẢO         | TRÂM   | 20/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng      | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 8.25 |         |
| 675 | 250675 | 022210007490 | HOÀNG MINH         | TRÍ    | 10/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 4.25 |         |
| 676 | 250676 | 022210009173 | NGUYỄN MINH        | TRÍ    | 02/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.5  |         |
| 677 | 250677 | 031210013231 | NGUYỄN VĂN MINH    | TRÍ    | 19/01/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 4.5          | 7.4   | 4.5  |         |
| 678 | 250678 | 022210010429 | PHẠM MINH          | TRIẾT  | 10/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 7.0  |         |
| 679 | 250679 | 022210006080 | TRẦN HOÀNG PHÚ     | TRIỆU  | 20/07/2010 | Hải Phòng   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.5  |         |
| 680 | 250680 | 022210001652 | NGÔ QUỐC           | TRỌNG  | 12/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.25 |         |
| 681 | 250681 | 024310015341 | ĐẶNG THANH         | TRÚC   | 09/10/2010 | Bắc Giang   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 682 | 250682 | 022210003154 | NGUYỄN NGỌC        | TRUNG  | 08/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 3.25 |         |
| 683 | 250683 | 034210010318 | NGUYỄN QUANG       | TRUNG  | 24/04/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 8.0  |         |
| 684 | 250684 | 022210008900 | PHẠM MINH          | TRƯỜNG | 12/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2      | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 4.75 |         |

Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 685 | 250685 | 022310007442 | NGUYỄN LÊ ANH    | TÚ        | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Tuần Châu                      | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 4.5  |         |
| 686 | 250686 | 022210002003 | NGUYỄN TRỌNG     | TÚ        | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 7.0  |         |
| 687 | 250687 | 034210001636 | TRẦN TUẤN        | TÚ        | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 6.0  |         |
| 688 | 250688 | 022210006363 | NGÔ PHẠM ANH     | TUẤN      | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 6.5  |         |
| 689 | 250689 | 034210001659 | NGUYỄN ĐỨC       | TUẤN      | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 8.25         | 5.4   | 7.25 |         |
| 690 | 250690 | 022210000442 | NGUYỄN HUY       | TUẤN      | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.0  |         |
| 691 | 250691 | 034210005321 | PHẠM VIỆT        | TUẤN      | 23/07/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.75 |         |
| 692 | 250692 | 022210000570 | ĐOÀN QUANG       | TÙNG      | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.75 |         |
| 693 | 250693 | 022210001689 | NGÔ DANH         | TÙNG      | 29/04/2010 | Hà Nội     | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 6.0          | 9.4   | 8.5  |         |
| 694 | 250694 | 022210012466 | PHẠM DUY         | TÙNG      | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 7.25 |         |
| 695 | 250695 | 022210001999 | PHẠM QUANG       | TÙNG      | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Văn Lang          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 6.5  |         |
| 696 | 250696 | 022210011573 | TRẦN PHÚC        | TÙNG      | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 7.0  |         |
| 697 | 250697 | 022310003587 | HÀ THAO          | UYÊN      | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Hùng Thắng                     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 6.75 |         |
| 698 | 250698 | 022310002699 | TRẦN PHƯƠNG      | UYÊN      | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 5.25 |         |
| 699 | 250699 | 022310003816 | VŨ MAI PHƯƠNG    | UYÊN      | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Liên cấp Quốc tế Singapore                | Tiếng Anh | 3.75         | 6.6   | 5.5  |         |
| 700 | 250700 | 022310003027 | VŨ PHƯƠNG        | UYÊN      | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 5.25 |         |
| 701 | 250701 | 022310002155 | BÙI MỸ           | VÂN       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 6.0  |         |
| 702 | 250702 | 022310003107 | HOÀNG THU        | VÂN       | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 6.5  |         |
| 703 | 250703 | 022310007915 | LÊ THỊ KHÁNH     | VÂN       | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trọng Điểm                           | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 7.25 |         |
| 704 | 250704 | 022310009783 | NGUYỄN KHÁNH     | VÂN       | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 6.5  |         |
| 705 | 250705 | 022310008252 | NGUYỄN TƯỜNG     | VI        | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 7.0  |         |
| 706 | 250706 | 022210005183 | ĐOÀN QUỐC        | VIỆT      | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 8.6   | 7.25 |         |
| 707 | 250707 | 022210008540 | HOÀNG QUỐC       | VIỆT      | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 5.5  |         |
| 708 | 250708 | 022210002074 | NGUYỄN BẢO       | VIỆT      | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 8.0  |         |
| 709 | 250709 | 022210007118 | TRƯƠNG HOÀNG     | VIỆT      | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 5.25 |         |
| 710 | 250710 | 022210007132 | NGUYỄN QUANG     | VINH      | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.25         | 9.0   | 7.25 |         |
| 711 | 250711 | 022210011543 | NGUYỄN THÀNH     | VINH      | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 7.5  |         |
| 712 | 250712 | 030210010627 | PHẠM QUANG       | VINH      | 16/10/2010 | Hải Dương  | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 4.25 |         |
| 713 | 250713 | 022210000920 | PHẠM TRẦN QUANG  | VINH      | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 5.5  |         |
| 714 | 250714 | 022310005461 | VŨ KIM BẢO       | VINH      | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 7.25 |         |
| 715 | 250715 | 022210012060 | DƯƠNG THIÊN      | VŨ        | 02/07/2010 | Hà Nội     | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 4.0  |         |
| 716 | 250716 | 022210000929 | HÀ LÂM           | VŨ        | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 4.75         | 6.4   | 5.75 |         |
| 717 | 250717 | 022210006751 | NGÔ ANH          | VŨ        | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 8.25 |         |
| 718 | 250718 | 022210003811 | TRẦN GIA         | VŨ        | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 6.75 |         |
| 719 | 250719 | 022210002589 | HOÀNG THÁI       | VŨƠNG     | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.25 |         |
| 720 | 250720 | 022310000932 | LÊ NGUYỄN TRIỆU  | VY        | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 3.75 |         |
| 721 | 250721 | 022310000373 | NGUYỄN HÀ        | VY        | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 7.25 |         |
| 722 | 250722 | 001310035123 | NGUYỄN KHÁNH     | VY        | 23/05/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 5.5  |         |
| 723 | 250723 | 025310011825 | NGUYỄN TƯỜNG     | VY        | 17/09/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Bãi Cháy                             | Tiếng Anh | 6.75         | 2.2   | 4.0  |         |
| 724 | 250724 | 022310005003 | NGUYỄN VŨ THẢO   | VY        | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 5.5  |         |
| 725 | 250725 | 022310009346 | PHẠM HÀ          | VY        | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Bãi Cháy 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.0  |         |
| 726 | 250726 | 022310008654 | TRẦN KHÁNH       | VY        | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 6.5  |         |
| 727 | 250727 | 035310005967 | TRẦN NGỌC PHƯƠNG | VY        | 10/10/2010 | Nam Định   | Nữ               | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.0  |         |

Đơn vị: Trường THPT Bãi Cháy (22000712)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 728 | 250728 | 022310005244 | TRẦN PHƯƠNG VY   | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Bãi Cháy 2 | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.25 |         |
| 729 | 250729 | 022310008007 | VŨ THỦY VY       | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.5  |         |
| 730 | 250730 | 022310000533 | ĐÀO MAI XOAN     | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy         | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 6.5  |         |
| 731 | 250731 | 022310011565 | ĐỖ LÂM HOÀNG YẾN | 20/08/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy         | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 2.5  |         |
| 732 | 250732 | 022310002909 | LƯƠNG HẢI YẾN    | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy         | Tiếng Anh | 4.0          | 9.2   | 7.5  |         |
| 733 | 250733 | 022310011866 | NGUYỄN HOÀNG YẾN | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.5  |         |

(Danh sách này gồm có 733 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                                  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|--------------------------------------------|--------------|-------|------|---------|--|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |             |                                            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |  |
| 1   | 260001 | 022310000318 | BÙI TRẦN AN      | AN        | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.25  | 5.4  | 5.0     |  |
| 2   | 260002 | 022310005067 | CAO THỊ THỦY     | AN        | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.25  | 4.6  | 4.25    |  |
| 3   | 260003 | 022310011463 | ĐỖ HÀ            | AN        | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.5   | 8.4  | 7.25    |  |
| 4   | 260004 | 022310000804 | LƯƠNG THỦY       | AN        | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH và THCS Thống Nhất                      | Tiếng Anh    | 6.5   | 9.2  | 6.75    |  |
| 5   | 260005 | 022310009494 | LÝ AN            | AN        | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.25  | 6.8  | 6.0     |  |
| 6   | 260006 | 022310009963 | NGUYỄN BẢO       | AN        | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 9.6  | 6.5     |  |
| 7   | 260007 | 022310000204 | NGUYỄN LÊ THỤY   | AN        | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.6  | 7.5     |  |
| 8   | 260008 | 022210009684 | NGUYỄN THÀNH     | AN        | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.6  | 7.25    |  |
| 9   | 260009 | 030310000340 | NGUYỄN XUÂN      | AN        | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 2.75  | 1.8  | 5.25    |  |
| 10  | 260010 | 022210002605 | PHẠM ĐỨC         | AN        | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | TH và THCS Nguyễn Viết Xuân                | Tiếng Anh    | 2.5   | 3.2  | 2.75    |  |
| 11  | 260011 | 022310011404 | PHẠM QUỲNH       | AN        | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.75  | 7.4  | 7.25    |  |
| 12  | 260012 | 022310010759 | TRẦN NGUYỄN PHÚC | AN        | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bãi Cháy                              | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.0  | 5.25    |  |
| 13  | 260013 | 033210006525 | TRẦN VĨ          | AN        | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.2  | 5.25    |  |
| 14  | 260014 | 022310000091 | BẠCH CÔNG TRÂM   | ANH       | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Mường       | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.25  | 4.2  | 7.25    |  |
| 15  | 260015 | 022310004295 | BÀN THỊ HÀ       | ANH       | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh    | 5.5   | 3.2  | 2.5     |  |
| 16  | 260016 | 022310006682 | BÀN THỊ VÂN      | ANH       | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh    | 3.25  | 3.2  | 1.25    |  |
| 17  | 260017 | 022210012460 | BÙI DUY          | ANH       | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.0   | 5.8  | 7.5     |  |
| 18  | 260018 | 022210000673 | BÙI THÁI DUY     | ANH       | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | TH và THCS Thống Nhất                      | Tiếng Anh    | 6.5   | 4.8  | 5.0     |  |
| 19  | 260019 | 022310007224 | BÙI THỊ QUỲNH    | ANH       | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.4  | 2.5     |  |
| 20  | 260020 | 022210004664 | DƯƠNG THIÊN      | ANH       | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | TH và THCS Đồng Lâm 2                      | Tiếng Anh    | 4.0   | 4.2  | 2.75    |  |
| 21  | 260021 | 022310003442 | ĐẶNG LAN         | ANH       | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | TH và THCS Đồng Sơn                        | Tiếng Anh    | 5.5   | 2.0  | 2.75    |  |
| 22  | 260022 | 022310006447 | ĐẶNG MAI         | ANH       | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 2.0   | 3.4  | 0.75    |  |
| 23  | 260023 | 022210011526 | ĐOÀN ĐỨC         | ANH       | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.75  | 4.8  | 4.75    |  |
| 24  | 260024 | 022310000815 | ĐỖ KIỀU          | ANH       | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 4.0   | 3.8  | 1.0     |  |
| 25  | 260025 | 022310008410 | ĐỖ NGUYỄN BẢO    | ANH       | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.75  | 7.4  | 4.75    |  |
| 26  | 260026 | 022310010052 | ĐỒNG NGỌC        | ANH       | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.5   | 7.6  | 6.25    |  |
| 27  | 260027 | 030210016982 | ĐỒNG NHẬT        | ANH       | 30/10/2010 | Hải Dương  | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.5   | 2.6  | 1.75    |  |
| 28  | 260028 | 022310004929 | HÀ QUÊ           | ANH       | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.25  | 2.6  | 2.5     |  |
| 29  | 260029 | 022310003832 | HÀ VÂN           | ANH       | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.0  | 5.0     |  |
| 30  | 260030 | 030310015188 | HOÀNG QUỲNH      | ANH       | 16/11/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.6  | 8.5     |  |
| 31  | 260031 | 022310007644 | LÊ HOÀNG         | ANH       | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 7.25  | 4.8  | 7.0     |  |
| 32  | 260032 | 022210005325 | LÊ TUẤN          | ANH       | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.4  | 5.0     |  |
| 33  | 260033 | 038210025060 | LÊ VIỆT ĐỨC      | ANH       | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.0  | 5.0     |  |
| 34  | 260034 | 022310010777 | LÊ VŨ NGỌC       | ANH       | 01/03/2010 | Hải Phòng  | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.5   | 5.2  | 4.0     |  |
| 35  | 260035 | 022310011785 | LƯƠNG DIỆP       | ANH       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.2  | 7.75    |  |
| 36  | 260036 | 024310015476 | LƯU NGỌC MAI     | ANH       | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sán Diu     | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.4  | 7.75    |  |



Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |      | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|------|------------|-----------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |      |            |                 |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 37  | 260037 | 034210001390 | NGUYỄN BÁ TUẤN   | ANH  | 20/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 1.25 |         |
| 38  | 260038 | 022310006611 | NGUYỄN ĐỖ QUỲNH  | ANH  | 14/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 8.75         | 7.6   | 7.25 |         |
| 39  | 260039 | 022210002492 | NGUYỄN ĐỨC       | ANH  | 27/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 6.75 |         |
| 40  | 260040 | 030310008470 | NGUYỄN MAI       | ANH  | 01/03/2010 | Hải Dương       | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 7.75 |         |
| 41  | 260041 | 022310003406 | NGUYỄN MAI       | ANH  | 21/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 5.0  |         |
| 42  | 260042 | 022310006851 | NGUYỄN NGỌC      | ANH  | 16/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 4.25 |         |
| 43  | 260043 | 022310003196 | NGUYỄN NGỌC MAI  | ANH  | 17/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 4.5  |         |
| 44  | 260044 | 022210007444 | NGUYỄN NGỌC VIỆT | ANH  | 04/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 7.75 |         |
| 45  | 260045 | 083310010548 | NGUYỄN NGÔ HUỲNH | ANH  | 13/01/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 4.25 |         |
| 46  | 260046 | 038310004452 | NGUYỄN THỊ MAI   | ANH  | 06/07/2010 | Thanh Hóa       | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 7.0  |         |
| 47  | 260047 | 022310012683 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | ANH  | 13/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 5.75 |         |
| 48  | 260048 | 022310003491 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | ANH  | 21/10/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 6.25 |         |
| 49  | 260049 | 031210008104 | NGUYỄN TIẾN      | ANH  | 19/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.25 |         |
| 50  | 260050 | 022210009056 | NGUYỄN TUẤN      | ANH  | 07/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 6.25 |         |
| 51  | 260051 | 022210003969 | NGUYỄN TUẤN      | ANH  | 07/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Nùng             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 6.75 |         |
| 52  | 260052 | 022210001672 | NGUYỄN VIỆT      | ANH  | 01/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 2.5  |         |
| 53  | 260053 | 034310005894 | NGUYỄN VIỆT      | ANH  | 07/03/2010 | Thái Bình       | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.25 |         |
| 54  | 260054 | 022210012077 | NGUYỄN VIỆT      | ANH  | 25/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.5  |         |
| 55  | 260055 | 022310006868 | PHẠM HOÀNG QUỲNH | ANH  | 16/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 5.25 |         |
| 56  | 260056 | 025310009162 | PHẠM THỊ LAN     | ANH  | 08/11/2010 | Phú Thọ         | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 5.0  |         |
| 57  | 260057 | 022210003570 | PHẠM TÙNG        | ANH  | 19/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 2.25 |         |
| 58  | 260058 | 031210018279 | PHAN TUẤN        | ANH  | 29/05/2010 | Hải Phòng       | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.75         | 1.4   | 4.5  |         |
| 59  | 260059 | 022310005384 | PHÙNG THỊ HÀ     | ANH  | 11/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 5.0  |         |
| 60  | 260060 | 022310002542 | TẠ MINH          | ANH  | 01/11/2010 | Thái Bình       | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 1.25 |         |
| 61  | 260061 | 036310018549 | TẠ TRẦN HÀ       | ANH  | 21/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.5          | 0.4   | 4.25 |         |
| 62  | 260062 | 022310007244 | TÂY LAN          | ANH  | 07/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 3.0  |         |
| 63  | 260063 | 022310007503 | TÔ MINH          | ANH  | 12/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 5.75 |         |
| 64  | 260064 | 024310002425 | TRẦN VŨ PHƯƠNG   | ANH  | 07/02/2010 | Bắc Giang       | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.25 |         |
| 65  | 260065 | 022210004276 | VŨ HOÀNG         | ANH  | 11/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 66  | 260066 | 022310009461 | ĐỖ NGỌC          | ÁNH  | 11/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 6.25 |         |
| 67  | 260067 | 022310010784 | NGUYỄN MINH      | ÁNH  | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 2.0          | 3.0   | 1.5  |         |
| 68  | 260068 | 022310003233 | NGUYỄN NGỌC      | ÁNH  | 18/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 8.25 |         |
| 69  | 260069 | 022310002479 | NGUYỄN THỊ MINH  | ÁNH  | 11/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 3.0  |         |
| 70  | 260070 | 022310003781 | NGUYỄN VŨ DIỆU   | ÂN   | 28/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.5  |         |
| 71  | 260071 | 033210004094 | HOÀNG GIA        | BÁCH | 11/07/2010 | Hà Nội          | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 4.75 |         |
| 72  | 260072 | 022210001093 | ĐÀM QUANG        | BẢO  | 06/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 4.5  |         |
| 73  | 260073 | 036210013939 | ĐỖ GIA           | BẢO  | 29/05/2010 | Nam Định        | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 4.5  |         |
| 74  | 260074 | 022210005102 | LẠI GIA          | BẢO  | 28/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 3.75 |         |
| 75  | 260075 | 022210000378 | NGUYỄN THÁI      | BẢO  | 05/12/2010 | Hà Nam          | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 6.0  |         |
| 76  | 260076 | 038210007315 | NGUYỄN VĂN THÁI  | BẢO  | 08/12/2010 | Thanh Hóa       | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 6.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoành Bò (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 77  | 260077 | 022210004937 | NGUYỄN XUÂN BẢO       | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 7.5  |          |
| 78  | 260078 | 022210007257 | PHAN GIA BẢO          | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 6.75 |          |
| 79  | 260079 | 022210008053 | VŨ GIA BẢO            | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 4.0  |          |
| 80  | 260080 | 022310011265 | TRẦN ĐOÀN NGỌC BĂNG   | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần         | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 3.75 |          |
| 81  | 260081 | 034310004034 | VŨ KHÁNH BĂNG         | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 2.5  |          |
| 82  | 260082 | 022310001075 | TRẦN THỊ NGỌC BÍCH    | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần         | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 2.5  |          |
| 83  | 260083 | 022210000373 | LÊ THANH BÌNH         | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 1.25 |          |
| 84  | 260084 | 022310008286 | LÊ THỊ THANH BÌNH     | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 2.5  |          |
| 85  | 260085 | 022210002626 | NGUYỄN KIẾN BÌNH      | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 4.0  |          |
| 86  | 260086 | 034210013143 | NGUYỄN NGỌC BÌNH      | 25/12/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 7.5  |          |
| 87  | 260087 | 022310004642 | NGUYỄN THỊ BÌNH       | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.0  |          |
| 88  | 260088 | 022210009651 | NGUYỄN TỬ BÌNH        | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 89  | 260089 | 022310005008 | PHẠM THỊ THANH BÌNH   | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Thống Nhất      | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 6.25 |          |
| 90  | 260090 | 022210003258 | VÕ THANH BÌNH         | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 3.2   | 7.25 |          |
| 91  | 260091 | 022210008651 | NGUYỄN ĐỨC CẢNH       | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 2.0  |          |
| 92  | 260092 | 022210006502 | LƯU QUỐC CHẤN         | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 6.5  |          |
| 93  | 260093 | 040310000679 | LÊ BẢO CHÂU           | 15/06/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 6.5  |          |
| 94  | 260094 | 022310011471 | ĐỖ THỊ LINH CHI       | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 5.5  |          |
| 95  | 260095 | 022310000208 | HOÀNG KHÁNH CHI       | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 6.5          | 2.6   | 5.0  |          |
| 96  | 260096 | 022310000218 | HOÀNG LINH CHI        | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 97  | 260097 | 022310007530 | HOÀNG MAI CHI         | 25/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 7.25 |          |
| 98  | 260098 | 022310005069 | HOÀNG THỊ THỦY CHI    | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 99  | 260099 | 022310006103 | LÊ BẢO CHI            | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 1.0  |          |
| 100 | 260100 | 022310008466 | LÊ TRẦN KHÁNH CHI     | 22/04/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 5.0  |          |
| 101 | 260101 | 034310010911 | MAI KIM CHI           | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 3.5  |          |
| 102 | 260102 | 022310003997 | NGUYỄN KIM CHI        | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 6.0  |          |
| 103 | 260103 | 022310004505 | NGUYỄN THỊ HÀ CHI     | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Thống Nhất      | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 3.0  |          |
| 104 | 260104 | 022310002578 | NGUYỄN THỊ MINH CHI   | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 8.0          | 4.0   | 5.0  |          |
| 105 | 260105 | 022310008595 | TÂY DIỆP CHI          | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 106 | 260106 | 022310003775 | TRINH HUYỀN CHI       | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 6.0  |          |
| 107 | 260107 | 022310007329 | VŨ NGỌC CHI           | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 4.25 |          |
| 108 | 260108 | 022210004845 | LINH TÀI CHIẾN        | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Kỳ Thượng       | Tiếng Anh | 3.75         | 2.0   | 2.5  |          |
| 109 | 260109 | 030210004227 | NGUYỄN QUỐC CHUNG     | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 4.75 |          |
| 110 | 260110 | 022210006683 | ĐỖ THÀNH CÔNG         | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 6.5  |          |
| 111 | 260111 | 030210003783 | NGUYỄN DƯƠNG CÔNG     | 29/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 3.75 |          |
| 112 | 260112 | 022210011950 | LÊ MẠNH CƯỜNG         | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 5.75 |          |
| 113 | 260113 | 022210001592 | NGUYỄN THẾ CƯỜNG      | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 8.0  |          |
| 114 | 260114 | 022210005097 | TRẦN TRIỆU QUỐC CƯỜNG | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 5.25 |          |
| 115 | 260115 | 022210010170 | BÙI THÀNH DANH        | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.0          | 2.6   | 3.25 |          |
| 116 | 260116 | 022310005123 | ĐẶNG NGỌC DIỄM        | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 2      | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 1.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|----------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |                |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 117 | 260117 | 022310009117 | LÊ PHƯƠNG       | DIỄM  | 26/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 1.0  |          |
| 118 | 260118 | 022310005940 | ĐẶNG THỊ HỒNG   | DIỆP  | 11/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 1.75         | 2.8   | 1.25 |          |
| 119 | 260119 | 031310007381 | ĐOÀN NGỌC       | DIỆP  | 12/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 3.75 |          |
| 120 | 260120 | 022310001793 | ĐỒNG NGỌC       | DIỆP  | 02/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 7.0  |          |
| 121 | 260121 | 046310007480 | HOÀNG THỊ       | DIỆP  | 15/11/2010 | Thừa Thiên Huế | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 5.0  |          |
| 122 | 260122 | 022310003757 | TÔ NGỌC         | DIỆP  | 12/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.75 |          |
| 123 | 260123 | 034310011947 | NGUYỄN HUYỀN    | DIỆU  | 19/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.5  |          |
| 124 | 260124 | 022310005634 | TRẦN THỊ HUYỀN  | DIỆU  | 23/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 2.75 |          |
| 125 | 260125 | 022309001625 | ĐẶNG THỊ        | DINH  | 19/11/2009 | Quảng Ninh     | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 1                      | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 1.5  |          |
| 126 | 260126 | 022310006210 | NGUYỄN THỊ      | DOAN  | 05/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 1.75 |          |
| 127 | 260127 | 022310003327 | PHÙNG PHƯƠNG    | DUNG  | 10/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 4.75 |          |
| 128 | 260128 | 022210004761 | BÙI TIẾN        | DỪNG  | 03/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.75 |          |
| 129 | 260129 | 022210006029 | HÀ TIẾN         | DỪNG  | 30/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 6.5  |          |
| 130 | 260130 | 022210008116 | LÊ MẠNH         | DỪNG  | 14/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 5.0  |          |
| 131 | 260131 | 022210003644 | LÊ TRUNG        | DỪNG  | 07/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 132 | 260132 | 022210002955 | NGÔ TIẾN        | DỪNG  | 13/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 7.0  |          |
| 133 | 260133 | 022210013291 | NGUYỄN NGỌC     | DỪNG  | 23/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Tày              | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.25 |          |
| 134 | 260134 | 022210001837 | NGUYỄN TIẾN     | DỪNG  | 27/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.0  |          |
| 135 | 260135 | 030210004847 | NGUYỄN TRỌNG    | DỪNG  | 11/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 3.75 |          |
| 136 | 260136 | 022210008656 | NGUYỄN TUẤN     | DỪNG  | 29/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 3.0  |          |
| 137 | 260137 | 030210011225 | PHẠM VĂN        | DỪNG  | 04/09/2010 | Hải Dương      | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 2.75 |          |
| 138 | 260138 | 022210002550 | TRẦN TRUNG      | DỪNG  | 13/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 0.25 |          |
| 139 | 260139 | 022210010274 | TRẦN VINH       | DỪNG  | 28/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Sán Diu          | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 3.75 |          |
| 140 | 260140 | 022210001673 | ĐÀM THẾ         | DUY   | 26/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 3.0          | 8.6   | 7.25 |          |
| 141 | 260141 | 022210009288 | PHẠM VŨ         | DUY   | 18/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.5  |          |
| 142 | 260142 | 022210011538 | VŨ KHƯƠNG       | DUY   | 22/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.0          | 5.2   | 1.75 |          |
| 143 | 260143 | 022310011593 | NGÔ LÊ ÁNH      | DUYÊN | 31/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 8.75         | 9.6   | 8.5  |          |
| 144 | 260144 | 022210011796 | ĐẶNG THÁI       | DƯƠNG | 11/01/2010 | Hà Nội         | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.0  |          |
| 145 | 260145 | 022210010700 | HOÀNG TRẦN      | DƯƠNG | 23/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 4.0  |          |
| 146 | 260146 | 022310007375 | HOÀNG YẾN       | DƯƠNG | 01/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 6.0  |          |
| 147 | 260147 | 022210010188 | LÊ BÌNH         | DƯƠNG | 13/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 4.5  |          |
| 148 | 260148 | 022310000984 | LÊ NGỌC ÁNH     | DƯƠNG | 19/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 3.5  |          |
| 149 | 260149 | 022210008596 | NGUYỄN ĐĂNG     | DƯƠNG | 25/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 4.0  |          |
| 150 | 260150 | 034210015831 | NGUYỄN THÁI     | DƯƠNG | 19/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.75 |          |
| 151 | 260151 | 046310006163 | NGUYỄN THỊ THÙY | DƯƠNG | 27/04/2010 | Thừa Thiên Huế | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 7.0  |          |
| 152 | 260152 | 035310001087 | NGUYỄN THÙY     | DƯƠNG | 07/08/2010 | Hà Nam         | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 7.5  |          |
| 153 | 260153 | 022310000925 | TRẦN ÁNH        | DƯƠNG | 10/11/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 3.75 |          |
| 154 | 260154 | 022310001144 | TRẦN THỊ THÙY   | DƯƠNG | 31/03/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 4.5  |          |
| 155 | 260155 | 022310004969 | TRỊNH THÙY      | DƯƠNG | 02/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 2.0  |          |
| 156 | 260156 | 030210013660 | VŨ ĐẠI          | DƯƠNG | 23/05/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                                  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|-----|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|--------------------------------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
|     |        |              |                   |           |            |            |                  |             |                                            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 157 | 260157 | 022210012335 | VŨ HẢI            | DƯƠNG     | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.0  | 5.25    |          |
| 158 | 260158 | 022310010112 | ĐẶNG THỊ TÂM      | DY        | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 4.75  | 4.2  | 5.25    |          |
| 159 | 260159 | 022210008535 | LỤC GIA           | ĐẠI       | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Sán Diu     | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 4.5   | 4.6  | 2.25    |          |
| 160 | 260160 | 022210006720 | NGUYỄN GIA        | ĐẠI       | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.75  | 4.4  | 6.75    |          |
| 161 | 260161 | 022210008170 | NGUYỄN MINH       | ĐẠI       | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 7.0   | 4.8  | 5.5     |          |
| 162 | 260162 | 022310007862 | ĐẶNG THỊ NHÃ      | ĐAN       | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | TH và THCS Đồng Sơn                        | Tiếng Anh    | 4.75  | 2.2  | 0.75    |          |
| 163 | 260163 | 022310010779 | TRƯƠNG TRÚC       | ĐAN       | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 8.5   | 7.8  | 7.75    |          |
| 164 | 260164 | 022210004694 | BÙI VĂN           | ĐẠT       | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.2  | 3.0     |          |
| 165 | 260165 | 022210005078 | ĐỖ HỮU            | ĐẠT       | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.75  | 8.2  | 5.75    |          |
| 166 | 260166 | 030210002847 | ĐỖ TIẾN           | ĐẠT       | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.0   | 5.2  | 5.0     |          |
| 167 | 260167 | 038210028729 | LƯU XUÂN TẤN      | ĐẠT       | 10/04/2010 | Thanh Hóa  | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 5.0   | 2.4  | 1.5     |          |
| 168 | 260168 | 022210008868 | NGUYỄN HOÀNG      | ĐẠT       | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.0   | 5.0  | 5.25    |          |
| 169 | 260169 | 022210001487 | NGUYỄN TIẾN       | ĐẠT       | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 8.0   | 6.6  | 7.0     |          |
| 170 | 260170 | 022210001055 | PHẠM THÀNH        | ĐẠT       | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 4.75  | 2.6  | 5.0     |          |
| 171 | 260171 | 040210024043 | PHAN VŨ ĐÌNH      | ĐẠT       | 29/09/2010 | Nghệ An    | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.6  | 3.5     |          |
| 172 | 260172 | 022210005610 | TRẦN TIẾN         | ĐẠT       | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 6.2  | 6.75    |          |
| 173 | 260173 | 022210010831 | VŨ TIẾN           | ĐẠT       | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.0   | 2.0  | 6.75    |          |
| 174 | 260174 | 022210008887 | ĐỖ HẢI            | ĐĂNG      | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 5.25  | 2.0  | 4.25    |          |
| 175 | 260175 | 022210004096 | NGUYỄN HẢI        | ĐĂNG      | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 3.25  | 7.8  | 8.0     |          |
| 176 | 260176 | 034210016059 | PHAN HẢI          | ĐĂNG      | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.6  | 2.75    |          |
| 177 | 260177 | 022310003636 | LỘC THỊ THỤC      | ĐOAN      | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tày         | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.0  | 8.25    |          |
| 178 | 260178 | 022210000011 | BÀN HỮU           | ĐỨC       | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh    | 2.75  | 1.4  | 1.25    |          |
| 179 | 260179 | 022210007689 | DƯƠNG TIẾN        | ĐỨC       | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 4.5   | 4.6  | 2.25    |          |
| 180 | 260180 | 022210011327 | HOÀNG ANH         | ĐỨC       | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Văn Tám - Hạ Long                  | Tiếng Anh    | 6.5   | 8.0  | 6.5     |          |
| 181 | 260181 | 022210006142 | HOÀNG MINH        | ĐỨC       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.4  | 4.75    |          |
| 182 | 260182 | 022210006993 | LẠI MẠNH          | ĐỨC       | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.25  | 7.8  | 7.5     |          |
| 183 | 260183 | 022209005429 | NGUYỄN BÀ         | ĐỨC       | 21/07/2009 | Hà Nội     | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.5   | 7.8  | 7.0     |          |
| 184 | 260184 | 030210001702 | PHẠM NGỌC MINH    | ĐỨC       | 21/10/2010 | Hải Dương  | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.25  | 6.4  | 6.5     |          |
| 185 | 260185 | 022210005019 | TRẦN MINH         | ĐỨC       | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 1.5   | 2.2  | 1.25    |          |
| 186 | 260186 | 022210012485 | TRẦN VIỆT         | ĐỨC       | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.75  | 6.2  | 6.0     |          |
| 187 | 260187 | 022210008865 | TRẦN THANH        | GIẢN      | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 3.5   | 3.2  | 0.75    |          |
| 188 | 260188 | 022210007037 | BÀN VĂN           | GIANG     | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 189 | 260189 | 022210006147 | BÀN VĂN           | GIANG     | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 190 | 260190 | 022210006706 | ĐỖ TRƯỜNG         | GIANG     | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Sán Diu     | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.6  | 2.75    |          |
| 191 | 260191 | 022310010238 | LÝ HƯƠNG          | GIANG     | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 2.75  | 2.4  | 0.75    |          |
| 192 | 260192 | 022310005315 | NGUYỄN KIỀU       | GIANG     | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.75  | 7.0  | 5.0     |          |
| 193 | 260193 | 022210010920 | NGUYỄN TRƯỜNG     | GIANG     | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 5.0   | 7.0  | 0.75    |          |
| 194 | 260194 | 022210008475 | TRẦN TRƯỜNG       | GIANG     | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 6.5   | 3.4  | 4.0     |          |
| 195 | 260195 | 022310012733 | HOÀNG KHÁNH       | HÀ        | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.75  | 4.0  | 1.75    |          |
| 196 | 260196 | 022310010254 | HOÀNG NGUYỄN NGỌC | HÀ        | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 6.0   | 2.6  | 7.0     |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |      |            |            |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 197 | 260197 | 022310009753 | NGUYỄN NGỌC      | HÀ   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 7.25 |         |
| 198 | 260198 | 001310058350 | NGUYỄN NHẬT      | HÀ   | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 8.0  |         |
| 199 | 260199 | 022210009640 | PHẠM VĂN         | HÀ   | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 5.0  |         |
| 200 | 260200 | 022310001363 | TRẦN THU         | HÀ   | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Mường            | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 5.25 |         |
| 201 | 260201 | 022310010997 | TRIỆU THỊ THU    | HÀ   | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 1                      | Tiếng Anh | 5.5          | 2.0   | 1.5  |         |
| 202 | 260202 | 022310011540 | VŨ HẢI           | HÀ   | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.75 |         |
| 203 | 260203 | 022310006733 | VŨ THANH         | HÀ   | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 8.75         | 8.6   | 7.75 |         |
| 204 | 260204 | 022210009595 | ĐINH HOÀNG       | HẢI  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 1.25         | 3.0   | 0.75 |         |
| 205 | 260205 | 022210004032 | NGUYỄN ĐỨC       | HẢI  | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 5.0  |         |
| 206 | 260206 | 022210007075 | TÔN TRẦN         | HẢI  | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 1.25         | 6.4   | 4.25 |         |
| 207 | 260207 | 040210029081 | TRẦN VĂN HOÀNG   | HẢI  | 04/05/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 6.5  |         |
| 208 | 260208 | 022310001808 | LÃNG THỊ         | HẠNH | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 1.75 |         |
| 209 | 260209 | 022310004604 | PHẠM THỊ HỒNG    | HẠNH | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 2.5  |         |
| 210 | 260210 | 036310009813 | VŨ THỊ MINH      | HẠNH | 10/06/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 8.5          | 8.8   | 7.25 |         |
| 211 | 260211 | 022310005932 | BÙI THANH        | HẰNG | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 7.25 |         |
| 212 | 260212 | 022310003344 | NGUYỄN NHƯ       | HẰNG | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 5.25 |         |
| 213 | 260213 | 030310008259 | NGUYỄN THANH     | HẰNG | 02/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 4.25         | 5.6   | 4.25 |         |
| 214 | 260214 | 022310005303 | TRẦN THANH       | HẰNG | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 6.0  |         |
| 215 | 260215 | 022310001223 | VŨ THỊ THU       | HẰNG | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 4.75 |         |
| 216 | 260216 | 022310010388 | HOÀNG THỊ XUÂN   | HÂN  | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.0  |         |
| 217 | 260217 | 022310008596 | LÊ BẢO           | HÂN  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 0.5  |         |
| 218 | 260218 | 022310001250 | LÊ BẢO           | HÂN  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 7.5          | 3.6   | 4.75 |         |
| 219 | 260219 | 022310001168 | NGUYỄN HUY THỊ   | HÂN  | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 7.75 |         |
| 220 | 260220 | 022310006977 | TRIỆU THỊ NGỌC   | HÂN  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 1.25 |         |
| 221 | 260221 | 034310006897 | TRƯƠNG NGỌC      | HÂN  | 30/11/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 8.0          | 6.0   | 5.5  |         |
| 222 | 260222 | 022310011297 | TỪ THỊ NGỌC      | HÂN  | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 3.25 |         |
| 223 | 260223 | 022210000478 | HÀ THỦY          | HẬU  | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 3.5          | 7.0   | 7.0  |         |
| 224 | 260224 | 022310000575 | LÊ PHƯƠNG        | HẬU  | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.75 |         |
| 225 | 260225 | 022310007465 | NGUYỄN MINH      | HIỀN | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 6.5  |         |
| 226 | 260226 | 022309005437 | NGUYỄN THỊ       | HIỀN | 21/02/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 1.5  |         |
| 227 | 260227 | 033310000065 | NGUYỄN THỊ THANH | HIỀN | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 8.5          | 9.6   | 9.0  |         |
| 228 | 260228 | 022310007357 | NGUYỄN THỊ THANH | HIỀN | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.5  |         |
| 229 | 260229 | 022310003672 | NGUYỄN THÚY      | HIỀN | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 8.0  |         |
| 230 | 260230 | 022310003400 | PHẠM THANH       | HIỀN | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 6.75 |         |
| 231 | 260231 | 022310008507 | VŨ NGỌC          | HIỀN | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 1.5  |         |
| 232 | 260232 | 022310009699 | VŨ THANH         | HIỀN | 22/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.0  |         |
| 233 | 260233 | 022210012185 | BÙI TRUNG        | HIẾU | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.5  |         |
| 234 | 260234 | 022210002857 | ĐINH ĐỨC         | HIẾU | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 5.0  |         |
| 235 | 260235 | 022210005445 | ĐỖ BÁ TRUNG      | HIẾU | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 4.0  |         |
| 236 | 260236 | 022210010457 | HÀ TRUNG         | HIẾU | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.0  |         |

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 237 | 260237 | 022210011126 | LƯƠNG TRỌNG       | HIẾU  | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 5.0  |         |
| 238 | 260238 | 026210001079 | NGUYỄN DUY        | HIẾU  | 04/01/2010 | Vĩnh Phúc  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 0.5  |         |
| 239 | 260239 | 022210003880 | NGUYỄN ĐÌNH       | HIẾU  | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 6.25 |         |
| 240 | 260240 | 022210007763 | NGUYỄN MINH       | HIẾU  | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 6.0  |         |
| 241 | 260241 | 022210005744 | NGUYỄN NHẬT HOÀNG | HIẾU  | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 6.0  |         |
| 242 | 260242 | 022210003995 | NGUYỄN XUÂN       | HIẾU  | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 5.25 |         |
| 243 | 260243 | 022210000903 | PHẠM MINH         | HIẾU  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.5  |         |
| 244 | 260244 | 022210012023 | PHẠM NGUYỄN       | HIẾU  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 2.5  |         |
| 245 | 260245 | 022210004397 | PHAN CÔNG HOÀNG   | HIẾU  | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 3.5  |         |
| 246 | 260246 | 022210008643 | VŨ QUANG          | HIẾU  | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 6.75 |         |
| 247 | 260247 | 022310002208 | ĐÀM THỊ           | HÒA   | 09/10/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần         | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 2.0  |         |
| 248 | 260248 | 022310011851 | ĐỖ THU            | HÒA   | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.0  |         |
| 249 | 260249 | 022210005441 | PHẠM MINH         | HÒA   | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 6.5  |         |
| 250 | 260250 | 036210002631 | VŨ DUY            | HOÀN  | 16/01/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 7.0          | 2.0   | 5.25 |         |
| 251 | 260251 | 022210005412 | ĐÌNH TRẦN TRỌNG   | HOÀNG | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 8.0          | 9.8   | 9.0  |         |
| 252 | 260252 | 022210003537 | ĐÌNH VIỆT         | HOÀNG | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 4.0  |         |
| 253 | 260253 | 022210002520 | ĐỖ HUY            | HOÀNG | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.75 |         |
| 254 | 260254 | 022210004795 | NGUYỄN XUÂN MINH  | HOÀNG | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 6.75 |         |
| 255 | 260255 | 022210002212 | PHẠM CÔNG         | HOÀNG | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 5.75 |         |
| 256 | 260256 | 022210008105 | PHẠM VIỆT         | HOÀNG | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 7.75 |         |
| 257 | 260257 | 022210009272 | TRẦN CHÍ VŨ       | HOÀNG | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.25 |         |
| 258 | 260258 | 027210013840 | ĐÌNH BÁ           | HỌC   | 30/07/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 5.25 |         |
| 259 | 260259 | 031310011087 | VŨ THỊ            | HỒNG  | 18/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 7.0  |         |
| 260 | 260260 | 022310002822 | LINH THỊ          | HUỆ   | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Kỳ Thượng       | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 1.25 |         |
| 261 | 260261 | 022310002984 | NGUYỄN MINH       | HUỆ   | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 5.5  |         |
| 262 | 260262 | 022210008095 | ĐẶNG QUỐC         | HÙNG  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 2.75 |         |
| 263 | 260263 | 022210009639 | LÝ VĂN            | HÙNG  | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Kỳ Thượng       | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 2.75 |         |
| 264 | 260264 | 022210009931 | NGUYỄN THANH      | HÙNG  | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.5  |         |
| 265 | 260265 | 038210004185 | NGUYỄN VIỆT       | HÙNG  | 24/01/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.75 |         |
| 266 | 260266 | 022210007899 | PHẠM MẠNH         | HÙNG  | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.25 |         |
| 267 | 260267 | 022210010301 | PHẠM TIẾN         | HÙNG  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 3.25 |         |
| 268 | 260268 | 022210007173 | PHẠM TUẤN         | HÙNG  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 8.25         | 4.2   | 7.5  |         |
| 269 | 260269 | 022210005842 | TRINH HOÀNG       | HÙNG  | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 5.5  |         |
| 270 | 260270 | 030210005659 | VŨ MẠNH           | HÙNG  | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.75         | 2.0   | 6.75 |         |
| 271 | 260271 | 042210008326 | ĐOÀN DƯƠNG        | HUY   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 4.0  |         |
| 272 | 260272 | 022210002406 | ĐỖ VŨ GIA         | HUY   | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.0  |         |
| 273 | 260273 | 022210004954 | LÊ HOÀNG          | HUY   | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 3.25 |         |
| 274 | 260274 | 022210001557 | LƯU ANH           | HUY   | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 5.75 |         |
| 275 | 260275 | 036210010638 | NGUYỄN GIA        | HUY   | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 7.0  |         |
| 276 | 260276 | 022210004370 | NGUYỄN QUỐC       | HUY   | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 277 | 260277 | 022210010617 | PHẠM GIA HUY           | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 2.5  |          |
| 278 | 260278 | 022210002534 | PHẠM GIA HUY           | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 5.25 |          |
| 279 | 260279 | 030210008232 | TRẦN GIA HUY           | 12/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 2.0  |          |
| 280 | 260280 | 022210005715 | TRẦN GIA HUY           | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 7.25 |          |
| 281 | 260281 | 022210011477 | TRẦN QUANG HUY         | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 8.25 |          |
| 282 | 260282 | 022210011873 | TRẦN QUANG HUY         | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 5.0  |          |
| 283 | 260283 | 022209006097 | VŨ GIA HUY             | 31/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 5.0  |          |
| 284 | 260284 | 031210003265 | VŨ NGỌC HUY            | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 8.25 |          |
| 285 | 260285 | 022210000271 | VŨ QUANG HUY           | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 5.25 |          |
| 286 | 260286 | 031210004282 | VŨ QUANG HUY           | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 1.25 |          |
| 287 | 260287 | 022310011354 | ÂN THỊ ÁNH HUYỀN       | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 7.25         | 3.6   | 6.0  |          |
| 288 | 260288 | 022310006015 | BÙI KHÁNH HUYỀN        | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 4.5  |          |
| 289 | 260289 | 022310002278 | ĐÌNH THỊ THANH HUYỀN   | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.25 |          |
| 290 | 260290 | 022310008323 | HOÀNG THANH HUYỀN      | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 291 | 260291 | 036310012048 | LÊ KHÁNH HUYỀN         | 17/12/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.25 |          |
| 292 | 260292 | 022310008376 | NGUYỄN MỸ HUYỀN        | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 4.75 |          |
| 293 | 260293 | 022310000983 | NGUYỄN THU HUYỀN       | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 2.5  |          |
| 294 | 260294 | 022310003665 | NGUYỄN THU HUYỀN       | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 4.25 |          |
| 295 | 260295 | 030310014954 | TRẦN KHÁNH HUYỀN       | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.0  |          |
| 296 | 260296 | 022310010105 | TRIỆU THỊ THU HUYỀN    | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 1      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 297 | 260297 | 022310008284 | TRỊNH KHÁNH HUYỀN      | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.25 |          |
| 298 | 260298 | 022210006536 | ĐẶNG PHÚ HÙNG          | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.5  |          |
| 299 | 260299 | 022210008007 | ĐÌNH QUANG HÙNG        | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.0          | 7.6   | 7.5  |          |
| 300 | 260300 | 022210012657 | ĐOÀN VŨ DUY HÙNG       | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 2.25 |          |
| 301 | 260301 | 022210003993 | ĐỖ DUY HÙNG            | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 7.5  |          |
| 302 | 260302 | 022210004306 | LẠI DUY HÙNG           | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 5.25 |          |
| 303 | 260303 | 022210005048 | NGÔ DUY HÙNG           | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 6.75 |          |
| 304 | 260304 | 038210012940 | NGUYỄN MẠNH HÙNG       | 10/08/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 6.0  |          |
| 305 | 260305 | 034210005398 | NGUYỄN PHÚC HÙNG       | 23/06/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 8.0  |          |
| 306 | 260306 | 022210007017 | NGUYỄN QUANG HÙNG      | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 7.5  |          |
| 307 | 260307 | 034210003894 | NGUYỄN VIỆT HÙNG       | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.0  |          |
| 308 | 260308 | 022210005407 | TẠ VŨ GIA HÙNG         | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng      | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.75 |          |
| 309 | 260309 | 022210010162 | VŨ GIA HÙNG            | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 7.25 |          |
| 310 | 260310 | 024310004402 | NGUYỄN MAI HƯƠNG       | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 5.25 |          |
| 311 | 260311 | 022310008460 | NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 3.25 |          |
| 312 | 260312 | 022310003563 | NGUYỄN THU HƯƠNG       | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 4.25 |          |
| 313 | 260313 | 022310008159 | NGUYỄN THU HƯƠNG       | 17/12/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.25         | 3.0   | 6.25 |          |
| 314 | 260314 | 022310000477 | NGUYỄN THU HƯƠNG       | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 2.75 |          |
| 315 | 260315 | 022310005409 | TỪ THỊ LAN HƯƠNG       | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 8.5          | 7.2   | 7.5  |          |
| 316 | 260316 | 022309006539 | NGUYỄN THU HƯỜNG       | 13/07/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 2.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                                  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|--------------------------------------------|--------------|-------|------|---------|--|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |             |                                            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |  |
| 317 | 260317 | 022210003813 | LÝ DUY           | KHAI      | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 0.5   | 1.6  | 0.5     |  |
| 318 | 260318 | 022210001690 | ĐẶNG THÁI        | KHANG     | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Sán Diu     | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 8.0   | 6.0  | 4.5     |  |
| 319 | 260319 | 022210011621 | NGUYỄN ĐÌNH BẢO  | KHANG     | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 5.0   | 2.8  | 5.0     |  |
| 320 | 260320 | 022210012163 | PHẠM MINH        | KHANG     | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 4.5   | 4.0  | 6.0     |  |
| 321 | 260321 | 022210002307 | VŨ BÁ            | KHANG     | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 3.0   | 2.8  | 3.0     |  |
| 322 | 260322 | 022210010410 | VŨ TIẾN          | KHANG     | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.2  | 6.0     |  |
| 323 | 260323 | 022210012261 | ĐẶNG NAM         | KHÁNH     | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.4  | 6.25    |  |
| 324 | 260324 | 022210001520 | ĐÌNH NAM         | KHÁNH     | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.8  | 5.5     |  |
| 325 | 260325 | 022210003478 | ĐỖ VĂN           | KHÁNH     | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Sán Diu     | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 3.5   | 2.0  | 1.5     |  |
| 326 | 260326 | 022210011470 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH     | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.2  | 8.0     |  |
| 327 | 260327 | 022310000177 | PHẠM NGỌC        | KHÁNH     | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.75  | 8.0  | 7.25    |  |
| 328 | 260328 | 030210019966 | VŨ ĐỨC NAM       | KHÁNH     | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.6  | 6.75    |  |
| 329 | 260329 | 022210002801 | VŨ XUÂN          | KHOA      | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 6.75  | 4.0  | 6.5     |  |
| 330 | 260330 | 022210000136 | ĐỖ TRUNG         | KIẾN      | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.5   | 2.8  | 3.0     |  |
| 331 | 260331 | 022210003778 | NGUYỄN TRUNG     | KIẾN      | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.0  | 7.25    |  |
| 332 | 260332 | 022210002883 | PHẠM HOÀNG TRUNG | KIẾN      | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.4  | 6.0     |  |
| 333 | 260333 | 022210012283 | ĐẶNG XUÂN        | KIỀU      | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.5   | 4.8  | 6.5     |  |
| 334 | 260334 | 022310000743 | ĐẶNG NGỌC        | LAN       | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sán Diu     | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.8  | 6.5     |  |
| 335 | 260335 | 022310011838 | BÀN THỊ MAI      | LÂM       | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 6.75  | 3.4  | 1.0     |  |
| 336 | 260336 | 022210003669 | BÙI HOÀNG        | LÂM       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.25  | 8.6  | 6.5     |  |
| 337 | 260337 | 022310003199 | ĐẶNG THÙY        | LÂM       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 5.4  | 7.0     |  |
| 338 | 260338 | 022210001755 | ĐÌNH LONG        | LÂM       | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 6.5   | 4.4  | 8.5     |  |
| 339 | 260339 | 022210004556 | ĐOÀN GIA         | LÂM       | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.0   | 9.2  | 7.75    |  |
| 340 | 260340 | 022210004565 | LÊ THANH         | LÂM       | 22/04/2010 | Hải Phòng  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.75  | 5.0  | 5.25    |  |
| 341 | 260341 | 022210001028 | LÊ THANH         | LÂM       | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.0   | 3.4  | 3.75    |  |
| 342 | 260342 | 001210036325 | NGHIÊM TÙNG      | LÂM       | 17/04/2010 | Hà Nội     | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.25  | 2.6  | 5.0     |  |
| 343 | 260343 | 022210012349 | NGÔ HOÀNG        | LÂM       | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 5.75  | 3.8  | 5.75    |  |
| 344 | 260344 | 022210012269 | NGUYỄN HOÀNG     | LÂM       | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 8.0   | 8.8  | 4.25    |  |
| 345 | 260345 | 022210008780 | NGUYỄN THANH     | LÂM       | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 6.25  | 6.0  | 7.25    |  |
| 346 | 260346 | 022210008590 | NGUYỄN THANH     | LÂM       | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 5.5   | 6.6  | 7.5     |  |
| 347 | 260347 | 022310008364 | NGUYỄN THANH TỔ  | LÂM       | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.25  | 4.0  | 5.0     |  |
| 348 | 260348 | 022310007501 | PHẠM THÙY        | LÂM       | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.25  | 5.6  | 4.75    |  |
| 349 | 260349 | 022210003839 | VŨ TÙNG          | LÂM       | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.5   | 7.8  | 5.75    |  |
| 350 | 260350 | 022310002497 | ĐƯƠNG THÚY       | LIÊN      | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.25  | 3.8  | 4.0     |  |
| 351 | 260351 | 022310009877 | BÙI DIỆU         | LINH      | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 5.25  | 5.8  | 4.5     |  |
| 352 | 260352 | 022310002480 | BÙI THỊ HOÀI     | LINH      | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.5   | 4.2  | 2.5     |  |
| 353 | 260353 | 022210011832 | ĐƯƠNG VĂN        | LINH      | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 3.75  | 3.6  | 3.25    |  |
| 354 | 260354 | 022310002907 | ĐẶNG PHƯƠNG      | LINH      | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 6.25  | 4.2  | 4.5     |  |
| 355 | 260355 | 022310008149 | ĐOÀN DIỆU        | LINH      | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 5.5   | 5.6  | 4.0     |  |
| 356 | 260356 | 022310001991 | ĐỖ THÙY          | LINH      | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 7.25  | 6.4  | 5.0     |  |



**Đơn vị: Trường THPT Hoành Bồ (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                               | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                           |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 357 | 260357 | 022310009864 | ĐÔNG KHÁNH LINH        | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 8.25         | 8.2   | 9.0  |         |
| 358 | 260358 | 022310009761 | HÀ THỊ DIỆU LINH       | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 1.25 |         |
| 359 | 260359 | 022310007049 | HOÀNG PHƯƠNG LINH      | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 8.5          | 9.2   | 7.0  |         |
| 360 | 260360 | 027310011288 | LÊ THỊ BẢO LINH        | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                               | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 3.5  |         |
| 361 | 260361 | 022310002498 | LÊ THUY LINH           | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 3.25 |         |
| 362 | 260362 | 030310013163 | LÊ THUY LINH           | 28/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 4.75 |         |
| 363 | 260363 | 022310003014 | LÊ TRẦN THUY LINH      | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.25 |         |
| 364 | 260364 | 022310011971 | LƯƠNG THỊ KIỀU LINH    | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương                            | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 5.25 |         |
| 365 | 260365 | 022310008820 | LƯƠNG THUY LINH        | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.75 |         |
| 366 | 260366 | 022310011498 | LƯƠNG TRÚC LINH        | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 5.25 |         |
| 367 | 260367 | 022310011712 | NGÔ HOÀNG LINH         | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 368 | 260368 | 034310011608 | NGÔ NỮ NHẬT LINH       | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 4.25 |         |
| 369 | 260369 | 022310011953 | NGUYỄN GIA LINH        | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 4.25 |         |
| 370 | 260370 | 022310005406 | NGUYỄN HÀ LINH         | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 5.0  |         |
| 371 | 260371 | 026310011454 | NGUYỄN LÊ DIỆU LINH    | 08/10/2010 | Vĩnh Phúc  | Nữ        |                  | Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 6.5  |         |
| 372 | 260372 | 022310002522 | NGUYỄN THỊ HOA LINH    | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 5.25 |         |
| 373 | 260373 | 022310010486 | NGUYỄN THỊ MỸ LINH     | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 8.5          | 6.8   | 7.5  |         |
| 374 | 260374 | 022310008206 | NGUYỄN THỊ NGỌC LINH   | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 2.75 |         |
| 375 | 260375 | 022310002890 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 5.0  |         |
| 376 | 260376 | 022310007378 | NGUYỄN THUY LINH       | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.0  |         |
| 377 | 260377 | 034310011108 | NGUYỄN THUY LINH       | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.25 |         |
| 378 | 260378 | 022310000207 | PHẠM THẢO LINH         | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Đồng Lâm 2                     | Tiếng Anh | 4.5          | 2.4   | 4.75 |         |
| 379 | 260379 | 022310001825 | PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH   | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 3.25 |         |
| 380 | 260380 | 026310003349 | PHẠM THỊ THUY LINH     | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 3.0  |         |
| 381 | 260381 | 022310006604 | TRẦN KHÁNH LINH        | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.5  |         |
| 382 | 260382 | 022310011435 | TRẦN KHÁNH LINH        | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 2.5  |         |
| 383 | 260383 | 022310007122 | TRẦN NGỌC PHƯƠNG LINH  | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.5  |         |
| 384 | 260384 | 022310001455 | TRẦN NHẬT LINH         | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 3.0  |         |
| 385 | 260385 | 022310000972 | VŨ HOÀNG LINH          | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                               | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 4.0  |         |
| 386 | 260386 | 022310003152 | VŨ PHƯƠNG LINH         | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 8.0  |         |
| 387 | 260387 | 022310007808 | VŨ THUY LINH           | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 3.75 |         |
| 388 | 260388 | 022310012675 | PHẠM HỒNG LĨNH         | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương                            | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.75 |         |
| 389 | 260389 | 022310003300 | HÀ THỊ LOAN            | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 4.25 |         |
| 390 | 260390 | 022310010392 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 7.25 |         |
| 391 | 260391 | 033210007393 | ĐẶNG ĐÌNH LONG         | 02/08/2010 | Hung Yên   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.25 |         |
| 392 | 260392 | 033210001562 | NGUYỄN ĐẶNG LONG       | 29/04/2010 | Hung Yên   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.75 |         |
| 393 | 260393 | 022210003664 | NGUYỄN HẢI LONG        | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.0  |         |
| 394 | 260394 | 022210006236 | VI THÀNH LONG          | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Sơn Dương                            | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 7.0  |         |
| 395 | 260395 | 030310001703 | LƯƠNG XUÂN LỘC         | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                 | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.0  |         |
| 396 | 260396 | 022310011368 | ĐẶNG MAI LUÂN          | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 1                     | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 2.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                                  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|-----|--------|--------------|-----------------|-----------|------------|-------------|------------------|-------------|--------------------------------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
|     |        |              |                 |           |            |             |                  |             |                                            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 397 | 260397 | 022210001737 | NGÔ QUÂN        | LUƠNG     | 22/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.0  | 7.0     |          |
| 398 | 260398 | 022210008758 | VŨ CÔNG         | LUƠNG     | 25/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.2  | 8.0     |          |
| 399 | 260399 | 022310001452 | BÙI KHÁNH       | LY        | 08/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.0   | 6.4  | 4.0     |          |
| 400 | 260400 | 022310011551 | LƯƠNG DIỆU      | LY        | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.5   | 6.0  | 7.75    |          |
| 401 | 260401 | 030310004965 | NGUYỄN THỊ THU  | LY        | 30/08/2010 | Hải Dương   | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 2.8  | 2.0     |          |
| 402 | 260402 | 020310003205 | PHAN THỊ KHÁNH  | LY        | 02/12/2010 | Thái Nguyên | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 3.8  | 4.25    |          |
| 403 | 260403 | 022310000800 | TRẦN NGỌC       | LY        | 30/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 6.75  | 4.2  | 6.75    |          |
| 404 | 260404 | 022310008555 | VŨ MAI          | LY        | 10/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | TH và THCS Thống Nhất                      | Tiếng Anh    | 4.75  | 4.2  | 3.0     |          |
| 405 | 260405 | 022310007575 | ĐỖ NGỌC         | MAI       | 05/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.75  | 6.4  | 6.25    |          |
| 406 | 260406 | 022310002728 | LÊ THANH        | MAI       | 26/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 8.8  | 7.25    |          |
| 407 | 260407 | 022310005991 | NGUYỄN NGỌC     | MAI       | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 2.0  | 2.5     |          |
| 408 | 260408 | 022310011184 | VŨ ÁNH          | MAI       | 29/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 5.0   | 5.4  | 4.25    |          |
| 409 | 260409 | 036310000797 | VŨ QUỲNH        | MAI       | 03/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 8.0   | 5.0  | 5.75    |          |
| 410 | 260410 | 022210000064 | LÊ HỮU          | MẠNH      | 21/11/2010 | Vũng Tàu    | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.5   | 3.6  | 5.75    |          |
| 411 | 260411 | 022210011423 | NGUYỄN TIẾN     | MẠNH      | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.5   | 4.4  | 5.5     |          |
| 412 | 260412 | 022210013293 | TRẦN DUY        | MẠNH      | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.5   | 6.8  | 4.75    |          |
| 413 | 260413 | 022310009905 | TRIỆU THỊ       | MẦY       | 18/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 4.0   | 4.2  | 4.5     |          |
| 414 | 260414 | 030210002363 | BÙI GIA         | MINH      | 21/01/2010 | Thái Bình   | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 3.0   | 5.4  | 4.5     |          |
| 415 | 260415 | 022210005284 | BÙI NHẬT        | MINH      | 01/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.5   | 10.0 | 7.75    |          |
| 416 | 260416 | 022210007748 | BÙI TIẾN        | MINH      | 26/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 7.0   | 3.2  | 4.75    |          |
| 417 | 260417 | 022210002330 | CHU GIA         | MINH      | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 3.0   | 3.4  | 4.5     |          |
| 418 | 260418 | 022210002145 | ĐÀO QUANG       | MINH      | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 5.0   | 6.2  | 6.25    |          |
| 419 | 260419 | 022210004817 | ĐẶNG HỒNG       | MINH      | 30/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.4  | 3.75    |          |
| 420 | 260420 | 022210006869 | ĐINH QUANG      | MINH      | 04/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.0   | 7.4  | 6.75    |          |
| 421 | 260421 | 022210002215 | HOÀNG QUANG     | MINH      | 20/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Tày         | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 422 | 260422 | 022210011031 | LÊ DUY          | MINH      | 30/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 7.0   | 3.8  | 5.5     |          |
| 423 | 260423 | 022210003317 | LÊ ĐỨC          | MINH      | 07/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.75  | 7.4  | 6.75    |          |
| 424 | 260424 | 030210005880 | LÊ ĐỨC QUANG    | MINH      | 24/03/2010 | Hải Dương   | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.5   | 7.8  | 8.25    |          |
| 425 | 260425 | 022210002296 | NGUYỄN ĐỨC      | MINH      | 13/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.75  | 5.0  | 3.5     |          |
| 426 | 260426 | 022210009930 | NGUYỄN LÊ       | MINH      | 10/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.75  | 6.6  | 7.5     |          |
| 427 | 260427 | 022210008376 | NGUYỄN LÊ DUY   | MINH      | 10/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 2.75  | 3.0  | 3.0     |          |
| 428 | 260428 | 022310004945 | NGUYỄN THỊ HỒNG | MINH      | 30/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 3.75  | 2.4  | 4.0     |          |
| 429 | 260429 | 022210001506 | PHẠM TUẤN       | MINH      | 05/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.0   | 4.6  | 3.5     |          |
| 430 | 260430 | 022210007521 | TRẦN CHÍ        | MINH      | 28/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.0  | 5.0     |          |
| 431 | 260431 | 024210003315 | TRẦN QUANG      | MINH      | 13/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.75  | 5.0  | 8.5     |          |
| 432 | 260432 | 030210008961 | VŨ CHÍ          | MINH      | 27/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 5.5   | 2.6  | 6.0     |          |
| 433 | 260433 | 022210000333 | VŨ QUANG        | MINH      | 30/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.2  | 5.5     |          |
| 434 | 260434 | 022310006862 | NGUYỄN HÀ       | MY        | 09/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.75  | 9.0  | 8.25    |          |
| 435 | 260435 | 022310006050 | NGUYỄN HÀ       | MY        | 27/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.0   | 3.0  | 4.75    |          |
| 436 | 260436 | 022310009885 | NGUYỄN THỊ TRÀ  | MY        | 27/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.0  | 3.75    |          |

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |      | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|------|------------|-------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |      |            |             |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 437 | 260437 | 022310010283 | TRIỆU THỊ THẢO  | MY   | 01/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Kỳ Thượng       | Tiếng Anh | 6.75         | 2.4   | 3.75 |         |
| 438 | 260438 | 027310004883 | TRƯƠNG TRÀ      | MY   | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 3.0  |         |
| 439 | 260439 | 022210011052 | BÙI HOÀI        | NAM  | 21/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 440 | 260440 | 022210007400 | LÊ HẢI          | NAM  | 13/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.0          | 1.8   | 3.5  |         |
| 441 | 260441 | 022210012084 | LƯƠNG NGỌC HẢI  | NAM  | 02/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.0  |         |
| 442 | 260442 | 022210006128 | NGÔ THÀNH       | NAM  | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 1.25         | 2.2   | 1.75 |         |
| 443 | 260443 | 022210012038 | NGUYỄN HẢI      | NAM  | 12/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 7.25 |         |
| 444 | 260444 | 022210010444 | NGUYỄN HẢI      | NAM  | 10/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 6.25 |         |
| 445 | 260445 | 022210011704 | NGUYỄN NGỌC BẢO | NAM  | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.75 |         |
| 446 | 260446 | 022210002432 | PHAN THÀNH      | NAM  | 12/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 5.25 |         |
| 447 | 260447 | 022210007964 | TRẦN HẢI        | NAM  | 17/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 1.25 |         |
| 448 | 260448 | 022210010894 | VŨ ĐỨC          | NAM  | 17/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 3.5          | 7.6   | 5.25 |         |
| 449 | 260449 | 022310008483 | ĐOÀN THỊ HẰNG   | NGA  | 29/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 5.75 |         |
| 450 | 260450 | 022310000819 | NGUYỄN BUI HẰNG | NGA  | 17/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy              | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 3.25 |         |
| 451 | 260451 | 022310000209 | NGUYỄN QUỲNH    | NGA  | 13/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 5.5  |         |
| 452 | 260452 | 022310011092 | VŨ THỊ THANH    | NGA  | 30/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 2.0  |         |
| 453 | 260453 | 030310012459 | ĐÀO THỊ HỒNG    | NGÁT | 21/04/2010 | Hải Dương   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 1.5  |         |
| 454 | 260454 | 022310006856 | BÙI KIM         | NGÂN | 25/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 5.5  |         |
| 455 | 260455 | 022310002068 | ĐÀO HỒNG        | NGÂN | 19/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 4.25 |         |
| 456 | 260456 | 022310001206 | ĐỒNG KIM        | NGÂN | 11/02/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 6.75 |         |
| 457 | 260457 | 022310006495 | LÊ THỊ HOÀNG    | NGÂN | 23/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.75 |         |
| 458 | 260458 | 022310010898 | LÊ THUY         | NGÂN | 04/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 2.0  |         |
| 459 | 260459 | 022310002848 | LÝ THỊ HOÀNG    | NGÂN | 27/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 4.5  |         |
| 460 | 260460 | 022210010572 | NGUYỄN HOÀNG    | NGÂN | 16/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 1.25 |         |
| 461 | 260461 | 022310012668 | TẠ THU          | NGÂN | 24/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 7.5  |         |
| 462 | 260462 | 022310009218 | BÙI THỊ THANH   | NGỌC | 13/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 6.5  |         |
| 463 | 260463 | 022310007867 | DƯƠNG THU       | NGỌC | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 2      | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 3.0  |         |
| 464 | 260464 | 022310009886 | ĐẶNG THỊ        | NGỌC | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 1      | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 1.75 |         |
| 465 | 260465 | 034310010384 | LẠI THANH       | NGỌC | 15/09/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.0  |         |
| 466 | 260466 | 022310011144 | LÂM BẢO         | NGỌC | 18/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 6.75 |         |
| 467 | 260467 | 022310000831 | LÊ MINH         | NGỌC | 28/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 5.25 |         |
| 468 | 260468 | 022310009306 | LƯƠNG BẢO       | NGỌC | 03/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 4.0  |         |
| 469 | 260469 | 034310000287 | NGUYỄN BẢO      | NGỌC | 19/10/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.5  |         |
| 470 | 260470 | 022310011431 | NGUYỄN BẢO      | NGỌC | 04/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.0  |         |
| 471 | 260471 | 022310011786 | NGUYỄN BẢO      | NGỌC | 03/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 5.25 |         |
| 472 | 260472 | 022310003525 | NGUYỄN BẢO      | NGỌC | 30/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 3.0  |         |
| 473 | 260473 | 022310011598 | NGUYỄN HỒNG     | NGỌC | 30/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 5.0  |         |
| 474 | 260474 | 022310000902 | NGUYỄN KHÁNH    | NGỌC | 05/09/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 2.0  |         |
| 475 | 260475 | 022210002929 | TÔ BẢO          | NGỌC | 12/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Hoa              | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.75 |         |
| 476 | 260476 | 022310008961 | TRẦN BÍCH       | NGỌC | 22/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 5.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                                  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|--------------------------------------------|--------------|-------|------|---------|--|
|     |        |              |                   |           |            |            |                  |             |                                            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |  |
| 477 | 260477 | 022310006453 | BÙI THỊ THẢO      | NGUYỄN    | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 1.25  | 4.0  | 1.5     |  |
| 478 | 260478 | 022310011935 | LÝ THỊ            | NGUYỄN    | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | TH và THCS Đồng Sơn                        | Tiếng Anh    | 2.5   | 2.4  | 1.5     |  |
| 479 | 260479 | 022210005585 | PHẠM KHÔI         | NGUYỄN    | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.5   | 7.0  | 7.75    |  |
| 480 | 260480 | 022210002782 | PHẠM NGỌC KHÔI    | NGUYỄN    | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.5   | 7.4  | 5.25    |  |
| 481 | 260481 | 022310011420 | VŨ THẢO           | NGUYỄN    | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.6  | 7.25    |  |
| 482 | 260482 | 022310003015 | BÙI NGUYỄN YẾN    | NHI       | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.8  | 5.25    |  |
| 483 | 260483 | 022310006233 | CHU YẾN           | NHI       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 5.25  | 3.8  | 2.75    |  |
| 484 | 260484 | 037310000614 | HOÀNG VŨ TUYẾT    | NHI       | 17/09/2010 | Ninh Bình  | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 2.25  | 3.2  | 2.0     |  |
| 485 | 260485 | 022310002802 | NGUYỄN THỊ YẾN    | NHI       | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.2  | 4.75    |  |
| 486 | 260486 | 022310004796 | TẠ UYÊN           | NHI       | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.5   | 4.2  | 5.25    |  |
| 487 | 260487 | 022310005993 | TRẦN YẾN          | NHI       | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 5.5   | 7.8  | 5.0     |  |
| 488 | 260488 | 022310009897 | TRẦN YẾN          | NHI       | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 6.25  | 2.8  | 4.75    |  |
| 489 | 260489 | 022310006969 | VŨ TUYẾT          | NHI       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 7.5   | 8.4  | 6.0     |  |
| 490 | 260490 | 022310003674 | BÀN THỊ           | NHIÊN     | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 3.75  | 2.2  | 3.25    |  |
| 491 | 260491 | 022310005772 | LÊ THỊ HỒNG       | NHUNG     | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 5.5   | 3.8  | 5.5     |  |
| 492 | 260492 | 022310001000 | PHẠM ĐOÀN TRANG   | NHUNG     | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.0   | 3.2  | 2.0     |  |
| 493 | 260493 | 022310004354 | PHẠM HUYỀN TRANG  | NHUNG     | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 4.25  | 3.2  | 6.0     |  |
| 494 | 260494 | 022310004158 | VŨ TRANG          | NHUNG     | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 4.5   | 3.6  | 2.0     |  |
| 495 | 260495 | 022310009809 | NGUYỄN QUỲNH      | NHƯ       | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 6.2  | 5.5     |  |
| 496 | 260496 | 082310009461 | TRẦN THỊ QUỲNH    | NHƯ       | 20/06/2010 | Thanh Hóa  | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.75  | 4.4  | 4.5     |  |
| 497 | 260497 | 022310005927 | BÀN THỊ KIỀU      | OANH      | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh    | 4.25  | 3.2  | 4.0     |  |
| 498 | 260498 | 022210008509 | NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG | PHÁT      | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 3.5   | 4.0  | 2.0     |  |
| 499 | 260499 | 022210004533 | LÊ HỒNG           | PHONG     | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 4.0   | 5.2  | 6.5     |  |
| 500 | 260500 | 022210008238 | LÊ THÁI           | PHONG     | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.0   | 3.6  | 4.25    |  |
| 501 | 260501 | 034210003987 | NGUYỄN ĐĂNG NAM   | PHONG     | 23/12/2010 | Thái Bình  | Nam              |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh    | 6.0   | 7.0  | 5.0     |  |
| 502 | 260502 | 022210001338 | NGUYỄN NAM        | PHONG     | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.5   | 2.8  | 1.25    |  |
| 503 | 260503 | 022210002816 | TRIỆU QUÝ         | PHONG     | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 4.75  | 3.4  | 2.5     |  |
| 504 | 260504 | 022210001153 | VŨ NHẬT           | PHONG     | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 4.75  | 2.4  | 5.25    |  |
| 505 | 260505 | 031210011210 | CAO NGUYỄN MINH   | PHÚC      | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.0  | 6.0     |  |
| 506 | 260506 | 022210003265 | LÊ HỒNG           | PHÚC      | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 4.75  | 5.6  | 7.75    |  |
| 507 | 260507 | 022210004104 | TẠ CẢNH           | PHÚC      | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Sán Diu     | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 7.5   | 5.6  | 7.5     |  |
| 508 | 260508 | 020210009133 | TÔ TẤN            | PHÚC      | 05/03/2010 | Lạng Sơn   | Nam              | Nùng        | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh    | 6.75  | 7.8  | 7.5     |  |
| 509 | 260509 | 022310007319 | ĐẶNG ĐOÀN MINH    | PHƯƠNG    | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 4.75  | 4.0  | 2.25    |  |
| 510 | 260510 | 022310003874 | ĐẶNG NGUYỄN MINH  | PHƯƠNG    | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 7.75  | 7.6  | 5.75    |  |
| 511 | 260511 | 022310003914 | ĐIỆP THỊ MINH     | PHƯƠNG    | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Sán Diu     | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.8  | 3.75    |  |
| 512 | 260512 | 020310004906 | LƯU HÀ            | PHƯƠNG    | 30/12/2010 | Lạng Sơn   | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.2  | 3.25    |  |
| 513 | 260513 | 022310011067 | NGUYỄN HÀ         | PHƯƠNG    | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 8.0   | 7.8  | 4.5     |  |
| 514 | 260514 | 022310000834 | NGUYỄN HÀ         | PHƯƠNG    | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh    | 3.0   | 5.6  | 4.0     |  |
| 515 | 260515 | 022310011389 | NGUYỄN THỊ THU    | PHƯƠNG    | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                                  | Tiếng Anh    | 6.5   | 5.2  | 5.25    |  |
| 516 | 260516 | 022310003780 | PHẠM THỊ HẢI      | PHƯƠNG    | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.0  | 3.25    |  |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 517 | 260517 | 022310009962 | PHẠM THỊ MAI      | PHƯƠNG | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 6.75 |          |
| 518 | 260518 | 022310003057 | PHẠM THỊ MINH     | PHƯƠNG | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 5.25 |          |
| 519 | 260519 | 022310003591 | PHẠM THU          | PHƯƠNG | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.0  |          |
| 520 | 260520 | 022310010281 | TRẦN KHÁNH        | PHƯƠNG | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.25 |          |
| 521 | 260521 | 022210002737 | BÙI MINH          | QUANG  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 4.5  |          |
| 522 | 260522 | 022310005482 | ĐẶNG BÍCH         | QUÂN   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Sơn        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 2.75 |          |
| 523 | 260523 | 036210009661 | ĐẶNG MINH         | QUÂN   | 30/01/2010 | Lâm Đồng   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.75 |          |
| 524 | 260524 | 022210000663 | HOÀNG MINH        | QUÂN   | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 2.75 |          |
| 525 | 260525 | 022210011685 | HOÀNG MINH        | QUÂN   | 22/10/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 5.5  |          |
| 526 | 260526 | 022210001332 | LÊ NGUYỄN MINH    | QUÂN   | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.75 |          |
| 527 | 260527 | 022210007028 | TRẦN ĐÌNH         | QUÂN   | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.25 |          |
| 528 | 260528 | 022210001032 | TRIỆU MẠNH        | QUÂN   | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Đồng Lâm 1      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 529 | 260529 | 022210001770 | NGUYỄN HỮU        | QUYỀN  | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 5.5  |          |
| 530 | 260530 | 022310004291 | ĐOÀN NHƯ          | QUỲNH  | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 5.0  |          |
| 531 | 260531 | 022310006643 | HOÀNG THỊ NHƯ     | QUỲNH  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.75         | 2.2   | 5.25 |          |
| 532 | 260532 | 022310008780 | LINH THỊ          | QUỲNH  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Sơn        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 1.5  |          |
| 533 | 260533 | 022310001668 | MAI DIỄM          | QUỲNH  | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.75 |          |
| 534 | 260534 | 022310007818 | NGÔ NHƯ           | QUỲNH  | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.5  |          |
| 535 | 260535 | 027310007749 | NGUYỄN NGỌC HƯƠNG | QUỲNH  | 08/09/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.25 |          |
| 536 | 260536 | 034310009894 | NGUYỄN THỊ DIỄM   | QUỲNH  | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 5.25 |          |
| 537 | 260537 | 022310009103 | PHẠM NHƯ          | QUỲNH  | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 4.5  |          |
| 538 | 260538 | 022210009869 | ĐẬU GIANG         | SƠN    | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.75         | 2.8   | 6.0  |          |
| 539 | 260539 | 022210007976 | ĐỖ BÁ TRƯỜNG      | SƠN    | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.75 |          |
| 540 | 260540 | 022210002710 | LÂM LÝ            | SƠN    | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 3.75 |          |
| 541 | 260541 | 022210012279 | NGUYỄN HẢI        | SƠN    | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 2.75 |          |
| 542 | 260542 | 022210003118 | PHẠM THÁI         | SƠN    | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 5.5  |          |
| 543 | 260543 | 022210009130 | PHẠM THÁI         | SƠN    | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 5.5  |          |
| 544 | 260544 | 022210005513 | VŨ MINH           | SƠN    | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 6.5  |          |
| 545 | 260545 | 022210011700 | HOÀNG THANH       | TÂM    | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 7.0  |          |
| 546 | 260546 | 022310011027 | LÊ THANH          | TÂM    | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 3.25 |          |
| 547 | 260547 | 040310008972 | NGUYỄN THỊ THANH  | TÂM    | 20/01/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 1.75 |          |
| 548 | 260548 | 022310002517 | VŨ MINH           | TÂM    | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 5.25 |          |
| 549 | 260549 | 035210006075 | TẠ QUỐC           | TÂN    | 24/08/2010 | Hà Nam     | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.0  |          |
| 550 | 260550 | 022210000764 | VŨ NGỌC           | TÂN    | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 6.0  |          |
| 551 | 260551 | 022210002762 | NGUYỄN HOÀNG      | THÁI   | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 2.25         | 3.6   | 2.0  |          |
| 552 | 260552 | 022210001772 | NGUYỄN QUỐC       | THÁI   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 1.25 |          |
| 553 | 260553 | 022210008730 | PHÙNG QUANG       | THANH  | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 3.5          | 7.6   | 5.5  |          |
| 554 | 260554 | 022210009975 | ĐƯƠNG THIÊN       | THÀNH  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 7.5  |          |
| 555 | 260555 | 033210001582 | ĐÀO LÊ TIẾN       | THÀNH  | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 5.0  |          |
| 556 | 260556 | 022210005946 | ĐOÀN ĐỨC          | THÀNH  | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 2.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|----------------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |             |                            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 557 | 260557 | 022210021012 | ĐỖ HUY           | THÀNH     | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh    | 1.25  | 2.2  | 2.0     |          |
| 558 | 260558 | 022210005481 | LINH TÀI         | THÀNH     | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | TH và THCS Kỳ Thượng       | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 559 | 260559 | 022210011166 | NGUYỄN ĐOÀN XUÂN | THÀNH     | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 7.75  | 9.6  | 7.5     |          |
| 560 | 260560 | 022210010577 | NGUYỄN TIẾN      | THÀNH     | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trọng Điểm            | Tiếng Anh    | 5.75  | 8.8  | 6.75    |          |
| 561 | 260561 | 022210011162 | PHAN VINH        | THÀNH     | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Sán Diu     | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.0  | 5.75    |          |
| 562 | 260562 | 022210013275 | TRẦN ĐẠI         | THÀNH     | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 8.25  | 9.6  | 8.0     |          |
| 563 | 260563 | 022310009223 | BÀN THỊ          | THẢO      | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | TH và THCS Đồng Sơn        | Tiếng Anh    | 3.0   | 2.6  | 2.0     |          |
| 564 | 260564 | 022310000219 | ĐỒNG VŨ THANH    | THẢO      | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 7.8  | 6.75    |          |
| 565 | 260565 | 022310001189 | HOÀNG PHƯƠNG     | THẢO      | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tày         | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh    | 6.75  | 6.8  | 8.0     |          |
| 566 | 260566 | 022310010077 | NGÔ THANH        | THẢO      | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 8.25  | 6.6  | 6.5     |          |
| 567 | 260567 | 022309008386 | NGUYỄN HỒNG      | THẢO      | 21/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh    | 7.5   | 5.8  | 3.0     |          |
| 568 | 260568 | 022310001681 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THẢO      | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh    | 8.25  | 6.8  | 5.0     |          |
| 569 | 260569 | 022310008937 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THẢO      | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH và THCS Núi Mần         | Tiếng Anh    | 5.25  | 6.0  | 3.0     |          |
| 570 | 260570 | 022310002043 | NGUYỄN THU       | THẢO      | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 6.0   | 7.6  | 5.0     |          |
| 571 | 260571 | 022310007737 | NGUYỄN TRẦN YẾN  | THẢO      | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 7.75  | 7.0  | 6.25    |          |
| 572 | 260572 | 022310008598 | PHẠM PHƯƠNG      | THẢO      | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 4.5   | 6.2  | 4.25    |          |
| 573 | 260573 | 022310005948 | PHẠM THỊ THANH   | THẢO      | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh    | 6.5   | 2.2  | 6.25    |          |
| 574 | 260574 | 024310006790 | PHAN THỊ PHƯƠNG  | THẢO      | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.6  | 4.75    |          |
| 575 | 260575 | 022310008440 | TRẦN LÊ PHƯƠNG   | THẢO      | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh    | 6.5   | 3.4  | 5.75    |          |
| 576 | 260576 | 022310011682 | TRIỆU THỊ THANH  | THẢO      | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh    | 1.25  | 1.8  | 1.25    |          |
| 577 | 260577 | 022310011152 | VŨ THỊ NGỌC      | THẢO      | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh    | 4.75  | 3.8  | 6.5     |          |
| 578 | 260578 | 022210000568 | TRẦN QUANG       | THẮNG     | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh    | 4.0   | 6.2  | 6.0     |          |
| 579 | 260579 | 022210011359 | BÙI LUÂN         | THIỆN     | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lê Lợi                | Tiếng Anh    | 5.5   | 8.8  | 7.75    |          |
| 580 | 260580 | 022210006014 | PHẠM HỮU         | THIỆN     | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 7.75  | 6.2  | 8.25    |          |
| 581 | 260581 | 022210008906 | TẠ KHÁNH         | THIỆN     | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.2  | 1.25    |          |
| 582 | 260582 | 022210010183 | LƯU QUỐC         | THỊNH     | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.2  | 4.75    |          |
| 583 | 260583 | 066310014886 | HỒ ANH           | THƠ       | 16/01/2010 | Đắk Lắk    | Nữ               |             | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh    | 6.25  | 4.4  | 4.0     |          |
| 584 | 260584 | 022310004215 | LÂM NGUYỆT       | THU       | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh    | 7.5   | 5.4  | 5.75    |          |
| 585 | 260585 | 022310004200 | NGUYỄN THỊ ANH   | THU       | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH và THCS Núi Mần         | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.6  | 2.25    |          |
| 586 | 260586 | 022310010716 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THỦY      | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh    | 6.75  | 2.2  | 3.0     |          |
| 587 | 260587 | 022310008573 | ĐẶNG THU         | THỦY      | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh    | 5.5   | 3.8  | 4.0     |          |
| 588 | 260588 | 022310005784 | PHẠM THANH       | THỦY      | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh    | 7.5   | 4.6  | 7.5     |          |
| 589 | 260589 | 022310009292 | VI NGỌC          | THỦY      | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tày         | THCS Sơn Dương             | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.8  | 6.25    |          |
| 590 | 260590 | 022310005186 | BÙI MINH         | THƯ       | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.8  | 7.75    |          |
| 591 | 260591 | 022310009800 | CHU ANH          | THƯ       | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh    | 6.0   | 2.6  | 6.0     |          |
| 592 | 260592 | 022310006326 | ĐÌNH ANH         | THƯ       | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Mường       | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.4  | 5.25    |          |
| 593 | 260593 | 022310006216 | ĐỖ ANH           | THƯ       | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh    | 6.0   | 5.6  | 5.5     |          |
| 594 | 260594 | 022310002329 | ĐỖ ANH           | THƯ       | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh    | 7.75  | 7.0  | 6.0     |          |
| 595 | 260595 | 022309001447 | ĐỖ ANH           | THƯ       | 02/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trới                  | Tiếng Anh    | 5.5   | 7.6  | 2.75    |          |
| 596 | 260596 | 001310038059 | HOÀNG ANH        | THƯ       | 05/07/2010 | Hà Nội     | Nữ               |             | THCS Việt Hưng             | Tiếng Anh    | 6.25  | 6.0  | 6.0     |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |             |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 597 | 260597 | 022310000918 | LÊ ANH           | THƯ    | 08/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 4.25 |         |
| 598 | 260598 | 022310001891 | LỤC ANH          | THƯ    | 12/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Thống Nhất                      | Tiếng Anh | 8.0          | 4.0   | 5.25 |         |
| 599 | 260599 | 022310000680 | NGUYỄN ANH       | THƯ    | 15/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.5  |         |
| 600 | 260600 | 022310011442 | NGUYỄN MINH      | THƯ    | 20/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 3.0  |         |
| 601 | 260601 | 022310001964 | PHẠM THỊ ANH     | THƯ    | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.0          | 3.8   | 0.75 |         |
| 602 | 260602 | 022310010098 | TRẦN ANH         | THƯ    | 22/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần                         | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 5.0  |         |
| 603 | 260603 | 022310007301 | TRẦN LÊ ANH      | THƯ    | 06/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.0  |         |
| 604 | 260604 | 022310010768 | ĐOÀN MÃ HOÀI     | THƯƠNG | 23/01/2010 | Tuyên Quang | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 5.25         | 2.0   | 3.5  |         |
| 605 | 260605 | 030310000992 | HOÀNG THỊ HOÀI   | THƯƠNG | 28/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.75 |         |
| 606 | 260606 | 038310016563 | NGUYỄN NGỌC THỦY | TIỀN   | 24/11/2010 | Thanh Hóa   | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 6.75 |         |
| 607 | 260607 | 022210007912 | ĐỖ DUY           | TIỀN   | 15/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 1.25         | 1.4   | 1.25 |         |
| 608 | 260608 | 022210002339 | BÙI HỮU          | TIỀN   | 27/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 2.75         | 3.8   | 2.5  |         |
| 609 | 260609 | 022210011888 | BÙI NHẬT         | TIỀN   | 10/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 5.75 |         |
| 610 | 260610 | 022210000254 | VI THÀNH         | TIỀN   | 03/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 3.75 |         |
| 611 | 260611 | 022210011936 | BÀN HỮU          | TÌNH   | 06/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 0.75 |         |
| 612 | 260612 | 035310000481 | TRƯƠNG THỊ       | TÌNH   | 30/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 4.5  |         |
| 613 | 260613 | 022210008536 | ĐỖ ĐỨC           | TOÀN   | 12/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 5.75 |         |
| 614 | 260614 | 040210004060 | HOÀNG KHÁNH      | TOÀN   | 27/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 3.0  |         |
| 615 | 260615 | 022210004413 | NGUYỄN THẮNG     | TOÀN   | 04/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 2.0          | 1.6   | 2.5  |         |
| 616 | 260616 | 022310003088 | BÀN THỊ THANH    | TRÀ    | 08/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.25         | 5.2   | 4.25 |         |
| 617 | 260617 | 027310010183 | ĐÀO THỊ          | TRANG  | 05/04/2010 | Bắc Ninh    | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 7.5  |         |
| 618 | 260618 | 022310010501 | ĐOÀN THU         | TRANG  | 06/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.0          | 9.2   | 4.0  |         |
| 619 | 260619 | 022310006046 | HÀ THU           | TRANG  | 07/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Thống Nhất                      | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 6.5  |         |
| 620 | 260620 | 022310006686 | HỒ HUYỀN         | TRANG  | 06/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Hoa              | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 5.0          | 8.2   | 6.25 |         |
| 621 | 260621 | 022310001103 | LÀNH NGỌC KIỀU   | TRANG  | 06/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 3.0          | 2.4   | 1.75 |         |
| 622 | 260622 | 022310011714 | LÊ HẠNH          | TRANG  | 30/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 3.25 |         |
| 623 | 260623 | 022310005586 | LÊ VŨ NGỌC       | TRANG  | 27/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.5  |         |
| 624 | 260624 | 022310008117 | LINH THỊ         | TRANG  | 28/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Đồng Sơn                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 1.5  |         |
| 625 | 260625 | 038310021626 | NGHIÊM THỊ MINH  | TRANG  | 26/10/2010 | Thanh Hóa   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 6.5  |         |
| 626 | 260626 | 022310006460 | NGÔ MAI          | TRANG  | 23/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.5  |         |
| 627 | 260627 | 022310004211 | NGUYỄN HUYỀN     | TRANG  | 08/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 7.0  |         |
| 628 | 260628 | 022310009199 | NGUYỄN HƯƠNG     | TRANG  | 20/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 629 | 260629 | 022310000543 | NGUYỄN KIỀU      | TRANG  | 06/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 5.5  |         |
| 630 | 260630 | 022310007961 | NGUYỄN MINH      | TRANG  | 15/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.5  |         |
| 631 | 260631 | 022310012572 | PHẠM HÀ          | TRANG  | 02/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 1.75 |         |
| 632 | 260632 | 022310001384 | PHẠM HUYỀN       | TRANG  | 27/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 5.75 |         |
| 633 | 260633 | 022310011571 | PHẠM THỦY        | TRANG  | 07/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.0  |         |
| 634 | 260634 | 022310001807 | TRẦN HUYỀN       | TRANG  | 11/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 1.25 |         |
| 635 | 260635 | 022310004143 | VŨ HUYỀN         | TRANG  | 04/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 1.25 |         |
| 636 | 260636 | 022310011275 | VŨ THỦY          | TRANG  | 13/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 637 | 260637 | 022310011350 | NGUYỄN ĐĂNG BẢO  | TRÂM   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 7.5  |          |
| 638 | 260638 | 022210012398 | NGUYỄN MINH      | TRIẾT  | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 6.0  |          |
| 639 | 260639 | 022310000801 | ÂN THUỶ          | TRINH  | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.25         | 1.8   | 1.25 |          |
| 640 | 260640 | 022210000465 | NGUYỄN ĐỨC       | TRỌNG  | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 1.0  |          |
| 641 | 260641 | 022210002594 | TRẦN PHÚ         | TRỌNG  | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.0  |          |
| 642 | 260642 | 022310002112 | LÊ NGUYỄN THANH  | TRÚC   | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 6.75 |          |
| 643 | 260643 | 022210012354 | BÙI ĐỨC          | TRUNG  | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 644 | 260644 | 022210010884 | HUỶNH ĐỨC        | TRUNG  | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 3.5  |          |
| 645 | 260645 | 022210012327 | LẠI THẾ          | TRƯỜNG | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 6.0  |          |
| 646 | 260646 | 022210000679 | NGUYỄN XUÂN      | TRƯỜNG | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.5  |          |
| 647 | 260647 | 022210002878 | ĐÀO QUỐC         | TRƯỜNG | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.25         | 2.0   | 5.0  |          |
| 648 | 260648 | 022310003764 | BÙI CẨM          | TÚ     | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 4.75 |          |
| 649 | 260649 | 022310007152 | NGUYỄN NGỌC CẨM  | TÚ     | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bãi Cháy                              | Tiếng Anh | 7.25         | 2.6   | 5.75 |          |
| 650 | 260650 | 022210004773 | PHẠM ANH         | TÚ     | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 2.25 |          |
| 651 | 260651 | 022210010830 | VŨ TUẤN          | TÚ     | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 3.0  |          |
| 652 | 260652 | 022210000766 | VŨ VĂN           | TÚ     | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 6.0  |          |
| 653 | 260653 | 022210004768 | ĐẶNG PHÚC        | TUẤN   | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 2.0  |          |
| 654 | 260654 | 022210009644 | HÀ ANH           | TUẤN   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.75 |          |
| 655 | 260655 | 022210010832 | NGUYỄN HOÀNG ANH | TUẤN   | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 4.75 |          |
| 656 | 260656 | 022210002365 | NGUYỄN MẠNH      | TUẤN   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 8.0  |          |
| 657 | 260657 | 022210000566 | PHẠM VŨ THANH    | TUẤN   | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 8.5  |          |
| 658 | 260658 | 022310011266 | LINH THỊ         | TUỆ    | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 2.25 |          |
| 659 | 260659 | 022210006737 | ĐÀO BÙI DUY      | TÙNG   | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 5.75 |          |
| 660 | 260660 | 027210007780 | TRẦN KHÁNH       | TÙNG   | 29/04/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 0.75 |          |
| 661 | 260661 | 037210001130 | BÙI NGUYỄN HÀ    | TUYÊN  | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường            | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 662 | 260662 | 022310008494 | ĐẶNG THỊ THANH   | TUYÊN  | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 1.25         | 1.8   | 3.0  |          |
| 663 | 260663 | 022310005322 | LÝ THỊ MINH      | TUYÊN  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 2.0  |          |
| 664 | 260664 | 022310011267 | LINH THỊ         | TUYẾT  | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 2.25 |          |
| 665 | 260665 | 022310004529 | VŨ ÁNH           | TUYẾT  | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Thống Nhất                      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.75 |          |
| 666 | 260666 | 034310001446 | ĐÀO THỊ PHƯƠNG   | UYÊN   | 17/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 4.5  |          |
| 667 | 260667 | 022310002152 | LÊ PHƯƠNG        | UYÊN   | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 6.5  |          |
| 668 | 260668 | 022310008281 | NGUYỄN CẨM TỎ    | UYÊN   | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.75 |          |
| 669 | 260669 | 030310001670 | NGUYỄN VŨ UYÊN   | UYÊN   | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 6.5  |          |
| 670 | 260670 | 022310012612 | VÔ THỊ TÚ        | UYÊN   | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 6.75 |          |
| 671 | 260671 | 017310004270 | BÙI THỊ          | VÂN    | 13/07/2010 | Hòa Bình   | Nữ        | Mường            | TH và THCS Kỳ Thượng                       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 672 | 260672 | 001310036840 | CHU KIỀU         | VÂN    | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 1.5  |          |
| 673 | 260673 | 022310003653 | ĐẶNG THANH       | VÂN    | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 674 | 260674 | 022310001081 | HOÀNG THANH      | VÂN    | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 6.5  |          |
| 675 | 260675 | 022310008761 | HOÀNG THỊ THÚY   | VÂN    | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.0  |          |
| 676 | 260676 | 022310005139 | LÊ HẢI           | VÂN    | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 5.5  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bô (22000702)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |             |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 677 | 260677 | 022310005655 | TRIỆU HỒNG VÂN         | 06/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 1.25 |          |
| 678 | 260678 | 022310011271 | BÙI YẾN VI             | 01/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng                      | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 2.0  |          |
| 679 | 260679 | 019310005790 | LIÊU THI TRIỆU VI      | 15/12/2010 | Thái Nguyên | Nữ        | Nùng             | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 5.25 |          |
| 680 | 260680 | 022310002778 | LÝ KIỀU VI             | 04/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 3.75 |          |
| 681 | 260681 | 022310009560 | TẠ KHÁNH VI            | 03/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 7.75         | 4.0   | 4.25 |          |
| 682 | 260682 | 022210005316 | HÀ THIÊN VĨ            | 24/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 683 | 260683 | 022210012350 | HOÀNG ĐẠI VIỆT         | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 6.25 |          |
| 684 | 260684 | 022210002872 | HOÀNG KHÁNH VIỆT       | 16/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 8.0  |          |
| 685 | 260685 | 022210000289 | NGUYỄN QUỐC VIỆT       | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lê Lợi                                | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 7.5  |          |
| 686 | 260686 | 025210008191 | NGUYỄN TIẾN VIỆT       | 30/08/2010 | Hải Dương   | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 3.25         | 5.0   | 3.75 |          |
| 687 | 260687 | 022210008994 | TRIỆU QUÝ VIỆT         | 10/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.25         | 2.0   | 1.25 |          |
| 688 | 260688 | 022210001467 | VŨ VĂN VIỆT            | 26/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 8.0  |          |
| 689 | 260689 | 022210001228 | DƯƠNG LAM VINH         | 29/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.25 |          |
| 690 | 260690 | 038210021120 | NGUYỄN ĐÌNH THÀNH VINH | 06/06/2010 | Thanh Hóa   | Nam       |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 1.75 |          |
| 691 | 260691 | 022210004688 | NGUYỄN QUANG VINH      | 23/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 3.25 |          |
| 692 | 260692 | 022210004851 | NGUYỄN TRỌNG VINH      | 30/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 3.75 |          |
| 693 | 260693 | 022210011306 | BÙI MINH TRẦN VŨ       | 26/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 5.0  |          |
| 694 | 260694 | 022310010307 | BÙI HOÀNG BẢO VY       | 31/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.5  |          |
| 695 | 260695 | 025310006310 | BÙI PHƯƠNG VY          | 04/12/2010 | Phú Thọ     | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.5          | 3.4   | 5.0  |          |
| 696 | 260696 | 022310002426 | ĐỖ HÀ VY               | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 1.0  |          |
| 697 | 260697 | 022310003793 | ĐỖ NGUYỄN BẢO VY       | 08/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 3.5  |          |
| 698 | 260698 | 022310010197 | HÀ THẢO VY             | 28/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 7.5  |          |
| 699 | 260699 | 038310022543 | HOÀNG HÀ VY            | 24/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.0  |          |
| 700 | 260700 | 022310004539 | LÊ CẨM VY              | 08/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.75 |          |
| 701 | 260701 | 022310009948 | LÝ THỊ THẢO VY         | 25/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 702 | 260702 | 022310011624 | NGÔ KHÁNH VY           | 23/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 4.5  |          |
| 703 | 260703 | 022310012615 | NGUYỄN HÀ VY           | 09/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 3.0  |          |
| 704 | 260704 | 022310006145 | NGUYỄN HÀ VY           | 02/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 705 | 260705 | 022310000168 | NGUYỄN HẠ VY           | 06/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 1.75 |          |
| 706 | 260706 | 038310015515 | NGUYỄN TƯỜNG VY        | 05/05/2010 | Thanh Hóa   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 6.5  |          |
| 707 | 260707 | 022310004474 | NGUYỄN VŨ TƯỜNG VY     | 27/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.25 |          |
| 708 | 260708 | 022310007871 | PHẠM PHƯƠNG VY         | 18/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Núi Mần                         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 4.5  |          |
| 709 | 260709 | 022310004261 | PHẠM THÚY VY           | 13/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 6.75 |          |
| 710 | 260710 | 022310007876 | QUÁCH BẢO VY           | 18/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 4.5  |          |
| 711 | 260711 | 022310009484 | TÂY NGUYỄN QUỲNH VY    | 28/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 6.75 |          |
| 712 | 260712 | 022310006420 | TRẦN HÀ VY             | 16/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 4.75 |          |
| 713 | 260713 | 022310005020 | TRẦN PHƯƠNG VY         | 14/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long                 | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 1.0  |          |
| 714 | 260714 | 022310001062 | TRƯƠNG HOÀNG HÀ VY     | 13/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Việt Hưng                             | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 5.75 |          |
| 715 | 260715 | 022310007877 | TỪ THỊ TƯỜNG VY        | 24/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 2.5  |          |
| 716 | 260716 | 022310008090 | NGUYỄN NHƯ Ý           | 12/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng                           | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 3.5  |          |

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Bồ (22000702)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |               |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 717 | 260717 | 022310001437 | TẠ THANH YÊN  | 08/02/2010 | Hà Nam     | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 6.25 |         |
| 718 | 260718 | 022310002795 | LUYỆN THỊ HẢI | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng           | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.25 |         |
| 719 | 260719 | 030310002561 | NGUYỄN HẢI    | 26/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 4.75 |         |
| 720 | 260720 | 022310007058 | NGUYỄN HẢI    | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trới                  | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 5.75 |         |

(Danh sách này gồm có 720 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THCS và THPT Quảng La (22000819)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |             |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 270001 | 022210010128 | LÝ THỂ ANH           | 11/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 0.75 |         |
| 2   | 270002 | 022310003868 | NGUYỄN QUỲNH ANH     | 28/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 6.25 |         |
| 3   | 270003 | 022210011485 | NGUYỄN THỂ ANH       | 05/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 2.0          | 4.4   | 1.75 |         |
| 4   | 270004 | 022310011317 | TRIỆU HÀ ANH         | 26/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 4.75 |         |
| 5   | 270005 | 022310008527 | TRƯƠNG HOÀI ANH      | 28/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 2.0  |         |
| 6   | 270006 | 022210003396 | TRƯƠNG QUỐC ANH      | 14/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 0.75 |         |
| 7   | 270007 | 022310008628 | CHU THỊ NGỌC ÁNH     | 14/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 3.75 |         |
| 8   | 270008 | 019210012678 | LINH THÁI BẢO        | 22/03/2010 | Thái Nguyên | Nam       | Nùng             | Trường PTDTBT THCS Dương Hưu               | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 8.75 |         |
| 9   | 270009 | 022210004374 | LÝ QUỐC BẢO          | 13/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.75         | 1.6   | 3.75 |         |
| 10  | 270010 | 022210012204 | PHẠM XUÂN CẢNH       | 03/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 1.25 |         |
| 11  | 270011 | 022210001551 | TRƯƠNG ĐẠI CÁT       | 07/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 6.25 |         |
| 12  | 270012 | 022310007342 | TRẦN THỊ HỒNG CẨM    | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.0          | 2.4   | 1.5  |         |
| 13  | 270013 | 022310001575 | HOÀNG LÝ HUỖN CHÂM   | 06/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.0          | 3.6   | 2.25 |         |
| 14  | 270014 | 022310002575 | TRIỆU THỦY CHÂM      | 16/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.25 |         |
| 15  | 270015 | 022310005844 | LINH THỊ CHI         | 25/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 3.0  |         |
| 16  | 270016 | 022310006956 | LƯƠNG HÀ CHI         | 28/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 3.5  |         |
| 17  | 270017 | 022310006389 | LƯƠNG PHƯƠNG CHI     | 22/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 1.75 |         |
| 18  | 270018 | 022310011033 | NGỌC ÁNH CHI         | 10/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.75         | 2.0   | 3.0  |         |
| 19  | 270019 | 022310003087 | VŨ YẾN CHI           | 09/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 3.5  |         |
| 20  | 270020 | 022210011114 | ĐỖ MINH CHIẾN        | 02/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 2.75 |         |
| 21  | 270021 | 022310010426 | LÝ THANH CHÚC        | 13/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 1.75 |         |
| 22  | 270022 | 022310006972 | TRIỆU THANH CHÚC     | 28/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.25         | 3.2   | 1.25 |         |
| 23  | 270023 | 022210002393 | ĐẶNG THÀNH CÔNG      | 10/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 2.25 |         |
| 24  | 270024 | 022210006108 | DƯƠNG PHÚC CƯỜNG     | 29/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 1.25 |         |
| 25  | 270025 | 022210002141 | LIÊU NHẬT CƯỜNG      | 02/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Sán Dìu          | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 3.75 |         |
| 26  | 270026 | 022210012172 | NGUYỄN THỂ CƯỜNG     | 11/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.0          | 1.8   | 3.25 |         |
| 27  | 270027 | 022310009516 | LỘC THỊ HỒNG DIỆN    | 10/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 1.75         | 3.0   | 3.25 |         |
| 28  | 270028 | 033210010398 | NGUYỄN QUỐC DŨNG     | 10/05/2010 | Hưng Yên    | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.0  |         |
| 29  | 270029 | 022210011478 | PHẠM ĐỨC DŨNG        | 25/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.25         | 4.0   | 3.5  |         |
| 30  | 270030 | 022210004324 | BÀN NGỌC DUY         | 06/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 0.25         | 2.2   | 2.0  |         |
| 31  | 270031 | 022210013297 | NGUYỄN ĐỨC DUY       | 04/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 1.25         | 2.4   | 4.25 |         |
| 32  | 270032 | 022310005052 | TRIỆU THẢO DUYỀN     | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 1.0          | 3.6   | 1.75 |         |
| 33  | 270033 | 022210003048 | ĐẶNG THÁI DƯƠNG      | 29/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.25         | 2.4   | 1.75 |         |
| 34  | 270034 | 022210012333 | LÝ VĂN DƯƠNG         | 26/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 1.25         | 2.6   | 1.0  |         |
| 35  | 270035 | 022310010930 | TRẦN TRIỆU ÁNH DƯƠNG | 04/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 0.5  |         |
| 36  | 270036 | 022310008510 | TRIỆU ÁNH DƯƠNG      | 07/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 5.25 |         |
| 37  | 270037 | 022310011191 | TRIỆU BÍCH DƯƠNG     | 08/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 2.5  |         |
| 38  | 270038 | 022310011332 | CHU LINH ĐAN         | 20/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 3.75 |         |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Quảng La (22000819)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 39  | 270039 | 022310007669 | LÝ BẢO ĐÀN          | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 2.5  |         |
| 40  | 270040 | 022210006293 | LÝ VĂN ĐÀN          | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 1.0  |         |
| 41  | 270041 | 022210011511 | TRỊNH TIỀN ĐOÀN     | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 2.0  |         |
| 42  | 270042 | 022210003738 | BÀN TRUNG ĐÔNG      | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 1.75         | 3.0   | 1.0  |         |
| 43  | 270043 | 022210011225 | TRẦN MINH ĐỨC       | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 3.0  |         |
| 44  | 270044 | 022210002832 | TRIỆU ĐỨC ĐUÔNG     | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 2.0  |         |
| 45  | 270045 | 022310002220 | TRẦN YẾN GIANG      | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 5.25 |         |
| 46  | 270046 | 022310011769 | TRƯƠNG THỊ HÀ GIANG | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 2.0  |         |
| 47  | 270047 | 022310003640 | TRIỆU THANH HÀ      | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 1.75 |         |
| 48  | 270048 | 022210003950 | GIÁP ĐẠI HẢI        | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 1.25 |         |
| 49  | 270049 | 022210010664 | HOÀNG TRUNG HẢI     | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Trới                                  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 2.75 |         |
| 50  | 270050 | 022210001710 | TRƯƠNG VĂN HẢI      | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 2.25 |         |
| 51  | 270051 | 022310002677 | LÝ THỊ HẰNG         | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 2.75 |         |
| 52  | 270052 | 022310002064 | NGUYỄN THỊ THU HẰNG | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.5          | 2.2   | 2.75 |         |
| 53  | 270053 | 022310008034 | HOÀNG GIA HÂN       | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 5.0  |         |
| 54  | 270054 | 022310004393 | TRIỆU NGỌC HÂN      | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 5.5  |         |
| 55  | 270055 | 022310010290 | TRƯƠNG NGỌC HÂN     | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 4.5  |         |
| 56  | 270056 | 022209008702 | LÝ THẾ HIỆU         | 16/06/2009 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 2.0  |         |
| 57  | 270057 | 022210011273 | TỬ MINH HIỆU        | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 3.0  |         |
| 58  | 270058 | 022210002839 | BÀN VĂN HOÀNG       | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 2.25         | 3.6   | 1.75 |         |
| 59  | 270059 | 022210004951 | NGUYỄN VIỆT HOÀNG   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 1.75         | 3.2   | 1.25 |         |
| 60  | 270060 | 022309001814 | LÝ THỊ MAI HỒNG     | 02/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 0.25         | 2.2   | 1.0  |         |
| 61  | 270061 | 022310005984 | BÀN THỊ HUẾ         | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 1.5  |         |
| 62  | 270062 | 022210008215 | TRẦN MẠNH HÙNG      | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 2.5  |         |
| 63  | 270063 | 022210005632 | ĐẶNG ĐỨC HUY        | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 0.75         | 2.4   | 0.5  |         |
| 64  | 270064 | 022310009680 | PHẠM NGỌC HUYỀN     | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.5  |         |
| 65  | 270065 | 022210009131 | NGUYỄN TUẤN HÙNG    | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 5.0  |         |
| 66  | 270066 | 022310001742 | LÝ THỊ THU HƯỞNG    | 28/10/2010 | Bắc Giang  | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 2.25 |         |
| 67  | 270067 | 022210003547 | HOÀNG AN KHÁNH      | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 0.5          | 2.6   | 1.0  |         |
| 68  | 270068 | 022210000114 | VŨ DUY KHOA         | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 3.0  |         |
| 69  | 270069 | 022310010154 | TRIỆU THỊ KHUÔNG    | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 1.75 |         |
| 70  | 270070 | 022210004394 | LÝ ANH KIẾT         | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.0          | 2.2   | 0.75 |         |
| 71  | 270071 | 022309002099 | LÝ HẢI LAM          | 27/09/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.0          | 2.8   | 1.75 |         |
| 72  | 270072 | 022310010483 | ĐẶNG THỊ MY LAN     | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 2.75 |         |
| 73  | 270073 | 022210004680 | TRIỆU QUÝ LÂM       | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 1.75 |         |
| 74  | 270074 | 022310010447 | TRIỆU THỊ LÊ        | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 1.0          | 3.4   | 1.75 |         |
| 75  | 270075 | 022310010947 | BÀN THỊ HÀ LINH     | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 2.5  |         |
| 76  | 270076 | 022310006386 | DƯƠNG HÀ LINH       | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 4.5  |         |
| 77  | 270077 | 022310009444 | ĐẶNG THỊ THÚY LINH  | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 3.0  |         |
| 78  | 270078 | 022310011991 | MÊ THỊ DIỆP LINH    | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 1.5          | 3.0   | 1.75 |         |
| 79  | 270079 | 022310001040 | TRƯƠNG KHÁNH LINH   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Hùng Thắng                      | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 1.75 |         |
| 80  | 270080 | 022310001485 | VŨ HOÀNG LINH       | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 4.75 |         |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Quảng La (22000819)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 81  | 270081 | 022210005573 | LÝ THẾ LONG           | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.75 |          |
| 82  | 270082 | 022210010341 | NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 3.0          | 2.0   | 3.0  |          |
| 83  | 270083 | 022210009871 | VI VĂN LỢI            | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 3.0  |          |
| 84  | 270084 | 022310011441 | TRIỆU THỊ LUYỆN       | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 3.5  |          |
| 85  | 270085 | 022310004905 | TRẦN THỊ KIỀU LY      | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 7.5          | 3.4   | 6.25 |          |
| 86  | 270086 | 022310006925 | LƯƠNG THỊ NGỌC MAI    | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 5.0  |          |
| 87  | 270087 | 022210002897 | CÁI HOÀNG MẠNH        | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 1.5          | 4.4   | 2.75 |          |
| 88  | 270088 | 022210006313 | TRẦN VĂN MẠNH         | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.0          | 2.4   | 1.75 |          |
| 89  | 270089 | 022310005803 | ĐỖ HỒNG MINH          | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 3.75         | 1.8   | 1.75 |          |
| 90  | 270090 | 022310000079 | NGUYỄN HÀ MY          | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 8.5          | 7.8   | 7.75 |          |
| 91  | 270091 | 022310003496 | TRỊNH KIỀU MY         | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 5.0  |          |
| 92  | 270092 | 022210010991 | ĐINH HẢI NAM          | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 3.0  |          |
| 93  | 270093 | 022210002993 | ĐINH VĂN NAM          | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 5.25 |          |
| 94  | 270094 | 022210004258 | PHAN THẾ NAM          | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 4.25         | 1.2   | 3.75 |          |
| 95  | 270095 | 022310008994 | BÙI NGUYỆT NGÀ        | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 7.25         | 3.6   | 3.5  |          |
| 96  | 270096 | 022210003069 | LINH DU NGÂN          | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 97  | 270097 | 022310010562 | ĐOÀN THANH NGOAN      | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 1.0  |          |
| 98  | 270098 | 022310003110 | BÙI BÍCH NGỌC         | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 5.5          | 2.6   | 3.0  |          |
| 99  | 270099 | 022310010557 | CHU THỊ BÍCH NGỌC     | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 6.5          | 2.4   | 6.5  |          |
| 100 | 270100 | 022310011086 | LƯƠNG THỊ ANH NGỌC    | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 101 | 270101 | 022310002932 | LÝ THỊ NGỌC           | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 1.25 |          |
| 102 | 270102 | 022310010884 | NGUYỄN HỒNG NGỌC      | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 3.75 |          |
| 103 | 270103 | 022310000084 | TRẦN THỊ BÍCH NGỌC    | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 7.0  |          |
| 104 | 270104 | 022210008531 | DƯƠNG HOÀNG NGUYỄN    | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 3.75         | 2.4   | 2.0  |          |
| 105 | 270105 | 064210010208 | LINH TÀI NGUYỄN       | 13/07/2010 | Gia Lai    | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 0.75         | 2.6   | 1.5  |          |
| 106 | 270106 | 022210010736 | LÝ TRỌNG NGUYỄN       | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.25         | 3.0   | 0.75 |          |
| 107 | 270107 | 022210002862 | TRIỆU MINH NGUYỄN     | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 1.25         | 1.8   | 1.75 |          |
| 108 | 270108 | 022310001740 | BÀN THỊ NGUYỆT        | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 2.25 |          |
| 109 | 270109 | 022210008405 | LINH TÀI NHÂN         | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 1.25         | 2.2   | 1.0  |          |
| 110 | 270110 | 022210005526 | TRIỆU QUÝ NHÂN        | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 1.25 |          |
| 111 | 270111 | 022210004118 | TRIỆU TÀI LONG NHẬT   | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.0          | 3.4   | 1.0  |          |
| 112 | 270112 | 022310011559 | ĐẶNG THỊ YẾN NHI      | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 7.0  |          |
| 113 | 270113 | 022310009294 | NGUYỄN TRIỆU YẾN NHI  | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 2.0  |          |
| 114 | 270114 | 022310011985 | TẠ YẾN NHI            | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 3.75 |          |
| 115 | 270115 | 022310003051 | TRIỆU THỊ YẾN NHI     | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 1.5  |          |
| 116 | 270116 | 022310002210 | TRẦN THỊ NHUNG        | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 0.0          | 2.6   | 1.5  |          |
| 117 | 270117 | 022310002596 | LÝ GIA NHƯ            | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 1.75 |          |
| 118 | 270118 | 040210009784 | NGUYỄN ÍCH AN NINH    | 28/10/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.25         | 1.6   | 1.75 |          |
| 119 | 270119 | 022210009311 | TRIỆU QUÝ PHI         | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 1.5  |          |
| 120 | 270120 | 022210003909 | LÊ LÂM PHONG          | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 1.25 |          |
| 121 | 270121 | 022210001046 | TRƯƠNG ĐẠI PHÚ        | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 2.75 |          |
| 122 | 270122 | 022210000115 | VŨ TUẤN PHÚC          | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Quảng La (22000819)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|-------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |        |            |             |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 123 | 270123 | 022310003659 | BÙI THU         | PHƯƠNG | 20/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Mường            | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 3.75 |         |
| 124 | 270124 | 022210005772 | HOÀNG VĂN       | QUANG  | 30/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.0          | 1.8   | 0.75 |         |
| 125 | 270125 | 022210006335 | TRIỆU QUÝ       | QUỐC   | 02/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 4.0  |         |
| 126 | 270126 | 022310005010 | VI THỤC         | QUYÊN  | 06/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 4.25 |         |
| 127 | 270127 | 022210006355 | LÃ VĂN          | SANG   | 27/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 3.75         | 1.4   | 2.5  |         |
| 128 | 270128 | 022310000083 | CHU THANH       | TÂM    | 20/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 2.5  |         |
| 129 | 270129 | 022210012206 | ĐẶNG VĂN        | TÂM    | 13/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 2.25         | 1.6   | 3.0  |         |
| 130 | 270130 | 022210003387 | ĐÀM QUANG       | THANH  | 23/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.5          | 2.2   | 5.25 |         |
| 131 | 270131 | 022210009863 | LÝ TUẤN         | THÀNH  | 01/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.75         | 1.8   | 0.5  |         |
| 132 | 270132 | 022210010942 | TRIỆU KIM       | THÀNH  | 14/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 2.0          | 1.8   | 0.5  |         |
| 133 | 270133 | 022310009779 | LÝ THỊ          | THAO   | 19/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 4.0  |         |
| 134 | 270134 | 022310009095 | DƯƠNG THỊ       | THẢO   | 28/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 1.75 |         |
| 135 | 270135 | 022310003091 | HOÀNG THANH     | THẢO   | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 1.0  |         |
| 136 | 270136 | 022310009726 | NGUYỄN PHƯƠNG   | THẢO   | 07/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 2.5  |         |
| 137 | 270137 | 022210007635 | HÀ ĐỨC          | THẮNG  | 03/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.5          | 2.0   | 1.25 |         |
| 138 | 270138 | 022210005431 | DƯƠNG ĐỨC       | THỊNH  | 14/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 2.75         | 4.2   | 1.5  |         |
| 139 | 270139 | 022310007983 | VŨ HOÀI         | THU    | 07/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 2.75         | 2.0   | 1.25 |         |
| 140 | 270140 | 022310007927 | DƯƠNG ANH       | THƯ    | 14/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 1.0  |         |
| 141 | 270141 | 022310003448 | BÀNG THỊ NGỌC   | THƯỜNG | 30/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 3.0  |         |
| 142 | 270142 | 022310010150 | TRỊNH KHÁNH     | THY    | 06/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 5.5  |         |
| 143 | 270143 | 022310008575 | BÀN THÚY        | TIỀN   | 23/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 2.5  |         |
| 144 | 270144 | 022310005035 | TRƯƠNG THÚY     | TIỀN   | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 3.25 |         |
| 145 | 270145 | 022210004575 | ĐẶNG HẢI        | TIỀN   | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.5          | 2.0   | 1.25 |         |
| 146 | 270146 | 022209005700 | TRIỆU ĐỨC       | TIỀN   | 15/07/2009 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 1.75         | 2.2   | 1.25 |         |
| 147 | 270147 | 024210010135 | NÔNG VĂN        | TIẾP   | 16/06/2010 | Bắc Giang   | Nam       |                  | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 3.5  |         |
| 148 | 270148 | 008310005306 | PHƯƠNG HUYỀN    | TRANG  | 01/09/2010 | Tuyên Quang | Nữ        | Tày              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 2.5  |         |
| 149 | 270149 | 022310003998 | MÈ THỊ HUYỀN    | TRINH  | 23/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Tày              | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 1.5  |         |
| 150 | 270150 | 022310001931 | TRƯƠNG KIỀU     | TRINH  | 27/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 1.0  |         |
| 151 | 270151 | 022310002372 | ĐẶNG THANH      | TRÚC   | 07/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 3.75 |         |
| 152 | 270152 | 022210003203 | HOÀNG ĐÌNH      | TRUNG  | 07/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 2.25 |         |
| 153 | 270153 | 022210004576 | ĐOÀN XUÂN       | TRƯỜNG | 11/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 2.0          | 1.6   | 1.0  |         |
| 154 | 270154 | 022210002517 | TRỊNH XUÂN      | TRƯỜNG | 27/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.25         | 4.8   | 5.5  |         |
| 155 | 270155 | 022210009432 | TRỊNH TUẤN      | TÚ     | 14/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Tân Dân                         | Tiếng Anh | 2.25         | 2.8   | 2.25 |         |
| 156 | 270156 | 022210003103 | LÝ ANH          | TUẤN   | 11/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 2.0  |         |
| 157 | 270157 | 022210009778 | LÝ TRUNG        | TUYỀN  | 06/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.75         | 2.4   | 1.0  |         |
| 158 | 270158 | 022310002789 | ĐẶNG THỊ MINH   | TUYẾT  | 13/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 1.75 |         |
| 159 | 270159 | 022310007919 | LƯƠNG ĐOÀN ÁNH  | TUYẾT  | 15/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 3.0  |         |
| 160 | 270160 | 022210004193 | LINH ĐỨC        | TUỞNG  | 01/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 2.75 |         |
| 161 | 270161 | 022310003900 | TRƯƠNG NGỌC     | VĂN    | 27/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 4.25 |         |
| 162 | 270162 | 022310011795 | TRƯƠNG THỊ KIỀU | VI     | 29/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 1.5  |         |
| 163 | 270163 | 022210005014 | BÀN XUÂN        | VĨ     | 24/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.0          | 2.6   | 1.75 |         |
| 164 | 270164 | 022211004145 | HOÀNG QUỐC      | VIỆT   | 07/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 5.25 |         |

**Đơn vị: Trường THCS và THPT Quảng La (22000819)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------------|------------|-----------|------------------|--------------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |            |            |           |                  |                                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 165 | 270165 | 022310009596 | BÙI HIỆU VŨ       | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 3.5  |         |
| 166 | 270166 | 022210006432 | ĐẶNG MINH VŨ      | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.5          | 1.6   | 1.75 |         |
| 167 | 270167 | 022210001200 | TRƯƠNG LONG VŨ    | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | Trường THCS và THPT Quảng La               | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 3.75 |         |
| 168 | 270168 | 022310002992 | NGUYỄN THỊ BẢO VY | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sơn Dương                             | Tiếng Anh | 2.75         | 1.4   | 1.5  |         |
| 169 | 270169 | 022309005675 | TRẦN THỊ VY       | 12/04/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 1.0          | 2.0   | 1.0  |         |
| 170 | 270170 | 022310004140 | TRIỆU THUY VY     | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 2.25 |         |
| 171 | 270171 | 022310000182 | HOÀNG HẢI XUÂN    | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Dân Chủ - Quảng La              | Tiếng Anh | 6.75         | 2.6   | 4.75 |         |
| 172 | 270172 | 022310008230 | ĐẶNG HẢI YẾN      | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | TH và THCS Bằng Cả                         | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 1.0  |         |

(Danh sách này gồm có 172 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 280001 | 022310002392 | NGUYỄN THỊ THÚY AN   | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.25         | 9.6   | 8.5  |          |
| 2   | 280002 | 031210011724 | PHẠM THÀNH AN        | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 1.75 |          |
| 3   | 280003 | 030210001312 | PHẠM VĂN AN          | 23/05/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 4.0  |          |
| 4   | 280004 | 022309009608 | TRỊNH AN AN          | 04/11/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 5   | 280005 | 022210001988 | BÙI LÊ VIỆT ANH      | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 3.5  |          |
| 6   | 280006 | 022310006413 | ĐÀM THỊ MAI ANH      | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 5.0  |          |
| 7   | 280007 | 022310010580 | ĐINH HOÀNG NGỌC ANH  | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.25 |          |
| 8   | 280008 | 022310004331 | ĐINH VŨ PHƯƠNG ANH   | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 3.5  |          |
| 9   | 280009 | 022310009704 | ĐỖ NGỌC ANH          | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 6.0  |          |
| 10  | 280010 | 022310004033 | ĐỖ VĂN ANH           | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.0  |          |
| 11  | 280011 | 022310009552 | HOÀNG PHƯƠNG ANH     | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 7.75 |          |
| 12  | 280012 | 022310005331 | LÊ HAI ANH           | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 6.25 |          |
| 13  | 280013 | 022310001558 | LÊ NGỌC ANH          | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 3.0  |          |
| 14  | 280014 | 022310005131 | LÊ NGỌC ANH          | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 1.5  |          |
| 15  | 280015 | 022310001150 | LÊ THỊ NGỌC ANH      | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 4.0  |          |
| 16  | 280016 | 022310010871 | LÊ THỊ PHƯƠNG ANH    | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 4.5  |          |
| 17  | 280017 | 038310004721 | MAI THỊ NGUYỆT ANH   | 21/07/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        | Mường            | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 5.75 |          |
| 18  | 280018 | 022310001489 | NGUYỄN BẢO ANH       | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 6.75 |          |
| 19  | 280019 | 022310002828 | NGUYỄN DOÃN DIỆP ANH | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 5.0  |          |
| 20  | 280020 | 022210013248 | NGUYỄN DUY ANH       | 22/04/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 7.25 |          |
| 21  | 280021 | 022210000389 | NGUYỄN HOÀNG ANH     | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.0  |          |
| 22  | 280022 | 022310011302 | NGUYỄN HUYỀN ANH     | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 4.75 |          |
| 23  | 280023 | 022310003703 | NGUYỄN NGỌC ANH      | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 2.75         | 4.6   | 1.5  |          |
| 24  | 280024 | 001310041545 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH    | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.25 |          |
| 25  | 280025 | 022310003811 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH    | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 3.0  |          |
| 26  | 280026 | 022310006717 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH    | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 7.75 |          |
| 27  | 280027 | 022310001294 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH  | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 7.5  |          |
| 28  | 280028 | 022310011938 | NGUYỄN THỊ VĂN ANH   | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 2.75 |          |
| 29  | 280029 | 022310003134 | NGUYỄN VI NGỌC ANH   | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 3.5  |          |
| 30  | 280030 | 022310005423 | PHẠM HẢI ANH         | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 5.75 |          |
| 31  | 280031 | 022210007048 | TRẦN THỂ ANH         | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 7.75 |          |
| 32  | 280032 | 022310010169 | VŨ THỊ MAI ANH       | 26/09/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.5  |          |
| 33  | 280033 | 022310010053 | VŨ THỊ MINH ANH      | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 6.0  |          |
| 34  | 280034 | 036310007207 | ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH      | 08/06/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 5.5  |          |
| 35  | 280035 | 022310005105 | HOÀNG NGỌC ÁNH       | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 3.75 |          |
| 36  | 280036 | 022310004670 | LÊ THỊ NGUYỆT ÁNH    | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 4.25 |          |
| 37  | 280037 | 034310010050 | PHẠM NGUYỆT ÁNH      | 27/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 7.5  |          |



## Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 38  | 280038 | 022310002587 | PHẠM THỊ NGỌC     | ÁNH   | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 4.75 |         |
| 39  | 280039 | 022210001533 | TRƯƠNG HOÀNG      | BÁCH  | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 2.0          | 2.0   | 2.0  |         |
| 40  | 280040 | 022210010954 | ĐOÀN QUỐC         | BẢO   | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 7.25 |         |
| 41  | 280041 | 034210000474 | ĐỖ GIA            | BẢO   | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 5.5  |         |
| 42  | 280042 | 022210006704 | ĐỖ GIA            | BẢO   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 8.25         | 6.2   | 6.5  |         |
| 43  | 280043 | 022210004843 | HÀ GIA            | BẢO   | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.5  |         |
| 44  | 280044 | 022210008632 | NGÔ MINH          | BẢO   | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 5.75 |         |
| 45  | 280045 | 022210000343 | VỊ GIA            | BẢO   | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 2.75         | 4.2   | 1.25 |         |
| 46  | 280046 | 022210000785 | LẠI TIẾN          | BÌNH  | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 7.5  |         |
| 47  | 280047 | 022310007647 | LÊ MINH           | CHÂU  | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 2.25 |         |
| 48  | 280048 | 022310001543 | LÊ PHẠM THANH     | CHÂU  | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 9.0  |         |
| 49  | 280049 | 022310004259 | BÙI LAN           | CHI   | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 3.75 |         |
| 50  | 280050 | 022310004594 | ĐÀO MAI           | CHI   | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.5  |         |
| 51  | 280051 | 022310009430 | NGÔ THỊ KHÁNH     | CHI   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 2.0  |         |
| 52  | 280052 | 022310007337 | NGUYỄN QUỲNH      | CHI   | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.0  |         |
| 53  | 280053 | 022310002531 | NGUYỄN THỊ THÙY   | CHI   | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 7.25         | 3.0   | 7.75 |         |
| 54  | 280054 | 022310011819 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH | CHI   | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 5.0  |         |
| 55  | 280055 | 022210003605 | NGUYỄN ĐỨC        | CHÍ   | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.0  |         |
| 56  | 280056 | 022210001448 | PHẠM NGUYỄN THÀNH | CÔNG  | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 5.5  |         |
| 57  | 280057 | 022210012274 | VŨ THÀNH          | CÔNG  | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 5.25 |         |
| 58  | 280058 | 022310001112 | ĐỖ THỊ THU        | CÚC   | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 6.25 |         |
| 59  | 280059 | 022210012328 | ĐINH VĂN          | CUÔNG | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.0  |         |
| 60  | 280060 | 022210007023 | NGUYỄN CHÍ        | CUÔNG | 27/09/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 9.0  |         |
| 61  | 280061 | 022210008558 | NGUYỄN MẠNH       | CUÔNG | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 2.75 |         |
| 62  | 280062 | 022210010715 | NGUYỄN QUỐC       | CUÔNG | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.75 |         |
| 63  | 280063 | 022210008573 | TẠ HÙNG           | CUÔNG | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 4.25 |         |
| 64  | 280064 | 022310005209 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC | DIỆP  | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 3.0  |         |
| 65  | 280065 | 022310004767 | NGUYỄN NGỌC       | DIỆP  | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 2.75 |         |
| 66  | 280066 | 022210009797 | ĐẶNG XUÂN         | DŨNG  | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 6.75 |         |
| 67  | 280067 | 022210009796 | ĐỖ BÙI MẠNH       | DŨNG  | 28/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 5.0  |         |
| 68  | 280068 | 022210010477 | ĐỖ HOÀNG          | DŨNG  | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 1.5          | 6.2   | 3.75 |         |
| 69  | 280069 | 022210008557 | LỘC THANH TIẾN    | DŨNG  | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 2.5  |         |
| 70  | 280070 | 022210011772 | MÃ TIẾN           | DŨNG  | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 3.25         | 7.0   | 4.0  |         |
| 71  | 280071 | 022210009270 | NGUYỄN TIẾN       | DŨNG  | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.0  |         |
| 72  | 280072 | 022210002853 | VŨ MẠNH           | DŨNG  | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 8.25 |         |
| 73  | 280073 | 022210009953 | KHÚC QUỐC         | DUY   | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 1.25         | 2.2   | 1.0  |         |
| 74  | 280074 | 022210001451 | NGHIÊM ĐÌNH KHÁNH | DUY   | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 3.75 |         |
| 75  | 280075 | 022210009231 | NGUYỄN CÔNG NGỌC  | DUY   | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 7.25 |         |
| 76  | 280076 | 022210008072 | NGUYỄN QUANG      | DUY   | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 6.5  |         |
| 77  | 280077 | 022310001143 | ĐẶNG ÁNH          | DƯƠNG | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 5.25 |         |
| 78  | 280078 | 022310004452 | ĐINH THỊ ÁNH      | DƯƠNG | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 6.25 |         |

## Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 79  | 280079 | 022310001428 | ĐỖ THỊ THÙY      | DƯƠNG     | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.0  |         |
| 80  | 280080 | 022310011933 | HOÀNG THÙY       | DƯƠNG     | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.25 |         |
| 81  | 280081 | 022310003575 | KHỨC THÙY        | DƯƠNG     | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 7.25 |         |
| 82  | 280082 | 022310001854 | NGUYỄN THỊ YẾN   | DƯƠNG     | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 2.75 |         |
| 83  | 280083 | 022310001702 | NGUYỄN THÙY      | DƯƠNG     | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.5          | 8.8   | 6.25 |         |
| 84  | 280084 | 022310005097 | PHẠM VŨ ÁNH      | DƯƠNG     | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 4.5  |         |
| 85  | 280085 | 022310007057 | VŨ THỊ THÙY      | DƯƠNG     | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 4.25 |         |
| 86  | 280086 | 022210011706 | NGUYỄN ĐỨC       | ĐẠI       | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 3.75         | 6.8   | 7.0  |         |
| 87  | 280087 | 022310003422 | ĐINH MINH        | ĐAN       | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 2.25 |         |
| 88  | 280088 | 022210008335 | ĐOÀN TIỀN        | ĐẠT       | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 5.25 |         |
| 89  | 280089 | 033210008870 | ĐỖ TIỀN          | ĐẠT       | 07/03/2010 | Hà Nội     | Nam              | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 8.0  |         |
| 90  | 280090 | 022210002687 | LÊ THÀNH         | ĐẠT       | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 8.0  |         |
| 91  | 280091 | 022210009138 | LÝ THÁI          | ĐẠT       | 22/02/2010 | Hải Phòng  | Nam              | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.5  |         |
| 92  | 280092 | 022210011258 | NGUYỄN HUY       | ĐẠT       | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 9.0  |         |
| 93  | 280093 | 022210011466 | PHẠM THÀNH       | ĐẠT       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.25 |         |
| 94  | 280094 | 022210002947 | TRƯỜNG TIỀN      | ĐẠT       | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 8.25 |         |
| 95  | 280095 | 022210003285 | VŨ TIỀN          | ĐẠT       | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.75 |         |
| 96  | 280096 | 022210004537 | NGÔ CHÁN         | ĐÔNG      | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 6.75 |         |
| 97  | 280097 | 022210012095 | BÙI HUY          | ĐỨC       | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 2.75 |         |
| 98  | 280098 | 022210003581 | BÙI TUẤN         | ĐỨC       | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.5          | 2.4   | 3.25 |         |
| 99  | 280099 | 022210003277 | DƯƠNG HOÀNG MINH | ĐỨC       | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 6.5  |         |
| 100 | 280100 | 022210010752 | LÊ MINH          | ĐỨC       | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 8.25 |         |
| 101 | 280101 | 022210009222 | NGÔ HOÀNG MINH   | ĐỨC       | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 4.0  |         |
| 102 | 280102 | 022210005871 | TRẦN HIẾU        | ĐỨC       | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 2.75         | 5.8   | 2.25 |         |
| 103 | 280103 | 022210005034 | TRẦN TRUNG       | ĐỨC       | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 3.75 |         |
| 104 | 280104 | 022310006147 | NGUYỄN THỊ CHÂU  | GIANG     | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.25 |         |
| 105 | 280105 | 022310000574 | PHẠM HƯƠNG       | GIANG     | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 4.25 |         |
| 106 | 280106 | 022310010599 | PHÙNG TÂM        | GIANG     | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 5.75 |         |
| 107 | 280107 | 022210002501 | TRẦN NGUYỄN      | GIÁP      | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.5  |         |
| 108 | 280108 | 022210012073 | VŨ VĂN           | GIÁP      | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 8.0  |         |
| 109 | 280109 | 022310004088 | ĐOÀN THỊ THU     | HÀ        | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 1.5  |         |
| 110 | 280110 | 022310001010 | NGUYỄN THỊ THU   | HÀ        | 04/02/2010 | Thái Bình  | Nữ               | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.25 |         |
| 111 | 280111 | 034310014413 | VŨ PHẠM NGỌC     | HÀ        | 05/09/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.0  |         |
| 112 | 280112 | 022310008739 | VŨ THỊ THU       | HÀ        | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 3.75 |         |
| 113 | 280113 | 022210002720 | BÙI HOÀNG        | HẢI       | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 6.5  |         |
| 114 | 280114 | 022310003849 | NGUYỄN THỊ DIỄM  | HÀNG      | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 2.5  |         |
| 115 | 280115 | 022310003160 | BÙI NGỌC         | HÂN       | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.5  |         |
| 116 | 280116 | 022310002947 | ĐINH THỊ NGỌC    | HÂN       | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 2.25 |         |
| 117 | 280117 | 022310008748 | TRẦN THỊ         | HẬU       | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 2.75 |         |
| 118 | 280118 | 022310011230 | BÙI THANH        | HIỀN      | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 7.25 |         |
| 119 | 280119 | 022310010944 | NGUYỄN THẢO      | HIỀN      | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 9.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|-------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |             |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 120 | 280120 | 022210003507 | NGUYỄN THU       | HIỀN  | 03/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 3.75 |          |
| 121 | 280121 | 022210008304 | VŨ THU           | HIỀN  | 17/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 7.0  |          |
| 122 | 280122 | 022210003941 | VŨ VĂN           | HIỆP  | 04/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 3.5  |          |
| 123 | 280123 | 022210000753 | BŨI VĂN          | HIẾU  | 25/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 4.75 |          |
| 124 | 280124 | 022210004785 | LÊ MINH          | HIẾU  | 15/09/2010 | Hải Dương   | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 5.0  |          |
| 125 | 280125 | 022210007497 | NGUYỄN TRUNG     | HIẾU  | 04/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.5  |          |
| 126 | 280126 | 022210006185 | TRẦN NGUYỄN MINH | HIẾU  | 02/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 127 | 280127 | 022210002750 | NGUYỄN VĂN       | HIẾU  | 03/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa                     | Tiếng Anh | 3.5          | 6.6   | 4.0  |          |
| 128 | 280128 | 022310010981 | ĐÀO MAI          | HOA   | 06/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 3.75 |          |
| 129 | 280129 | 022310002998 | VŨ THỊ THANH     | HOA   | 26/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 2.0  |          |
| 130 | 280130 | 022210003853 | NGÔ PHƯỚC        | HÒA   | 10/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 4.0  |          |
| 131 | 280131 | 022210007140 | TRẦN KHÁNH       | HÒA   | 07/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 4.75 |          |
| 132 | 280132 | 022310009219 | PHẠM THỊ         | HOÀI  | 26/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 4.0  |          |
| 133 | 280133 | 022210013292 | DŨ MINH          | HOÀNG | 08/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 4.25 |          |
| 134 | 280134 | 022210003979 | ĐỖ VĂN           | HOÀNG | 10/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 2.0  |          |
| 135 | 280135 | 022210003190 | LÊ HUY           | HOÀNG | 29/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 6.5  |          |
| 136 | 280136 | 022210006291 | NGUYỄN MINH      | HOÀNG | 21/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 5.75 |          |
| 137 | 280137 | 022210008313 | TRẦN THÁI        | HỌC   | 24/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 7.75 |          |
| 138 | 280138 | 022310007954 | ĐOÀN THỊ THU     | HỒNG  | 03/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.25 |          |
| 139 | 280139 | 022310004656 | HOÀNG ANH        | HỒNG  | 06/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 4.5  |          |
| 140 | 280140 | 022310003896 | VŨ KIM           | HUỆ   | 17/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 2.25 |          |
| 141 | 280141 | 022210001325 | BŨI MẠNH         | HÙNG  | 24/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 4.75 |          |
| 142 | 280142 | 022210011436 | ĐÀO NGUYỄN MẠNH  | HÙNG  | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 5.75 |          |
| 143 | 280143 | 022210001480 | ĐINH QUỐC        | HÙNG  | 13/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 2.75 |          |
| 144 | 280144 | 022210007503 | TRẦN TUẤN        | HÙNG  | 22/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.5  |          |
| 145 | 280145 | 008210005496 | TRỊNH MẠNH       | HÙNG  | 21/01/2010 | Tuyên Quang | Nam       | Tày              | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 6.0  |          |
| 146 | 280146 | 022210007165 | VŨ HUY           | HÙNG  | 24/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.75 |          |
| 147 | 280147 | 022210004053 | VŨ TUẤN          | HÙNG  | 30/05/2010 | Tiền Giang  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 6.5  |          |
| 148 | 280148 | 022210004022 | ĐOÀN QUỐC        | HUY   | 29/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.0          | 3.4   | 6.25 |          |
| 149 | 280149 | 022210005939 | LÊ NHẬT          | HUY   | 21/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 7.75 |          |
| 150 | 280150 | 022210008206 | NGÔ ĐỨC          | HUY   | 08/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 7.0  |          |
| 151 | 280151 | 022210000483 | NGUYỄN ĐÀM GIA   | HUY   | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.5  |          |
| 152 | 280152 | 022210000512 | NGUYỄN GIA       | HUY   | 01/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.0  |          |
| 153 | 280153 | 022210004993 | NGUYỄN QUANG     | HUY   | 26/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 6.5  |          |
| 154 | 280154 | 022210003789 | NGUYỄN VĂN       | HUY   | 22/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 5.5  |          |
| 155 | 280155 | 022210004756 | TRẦN PHẠM        | HUY   | 09/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 7.25 |          |
| 156 | 280156 | 022310002660 | LÊ THỊ KHÁNH     | HUYỀN | 08/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.25 |          |
| 157 | 280157 | 034310008346 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN | 08/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 158 | 280158 | 022310008939 | VŨ THỊ KHÁNH     | HUYỀN | 22/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 4.75 |          |
| 159 | 280159 | 022210009704 | BŨI DUY          | HÙNG  | 24/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 160 | 280160 | 022210011646 | ĐÀM QUANG        | HÙNG  | 29/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 161 | 280161 | 022210009500 | HOÀNG THANH HÙNG       | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng             | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 7.0  |         |
| 162 | 280162 | 022210008354 | PHẠM ĐĂNG HÙNG         | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 5.0  |         |
| 163 | 280163 | 022210009954 | VŨ HỮU HÙNG            | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.25 |         |
| 164 | 280164 | 022210004780 | VƯƠNG MẠNH HÙNG        | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 0.75 |         |
| 165 | 280165 | 022310002866 | BUI THI MAI HUONG      | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 4.0  |         |
| 166 | 280166 | 022310011509 | NGUYỄN THỊ LAN HUONG   | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 7.0  |         |
| 167 | 280167 | 022310002929 | NGUYỄN THU HUONG       | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 4.25 |         |
| 168 | 280168 | 022310001069 | NGUYỄN THU HUONG       | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 6.75 |         |
| 169 | 280169 | 022210003197 | ĐINH VĂN KHÁ           | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 3.5  |         |
| 170 | 280170 | 022310010998 | LÊ THỊ NGỌC KHÁNH      | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 4.0  |         |
| 171 | 280171 | 022210012091 | NGUYỄN DUY KHÁNH       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 7.25 |         |
| 172 | 280172 | 022210012552 | NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH      | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 7.5  |         |
| 173 | 280173 | 022310011018 | NGUYỄN PHÚC NGÂN KHÁNH | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 7.4   | 7.0  |         |
| 174 | 280174 | 022210008194 | LAI CHÍ KIẾN           | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 175 | 280175 | 035210003533 | TRƯƠNG ĐỨC KIẾN        | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 5.0  |         |
| 176 | 280176 | 022210004216 | ĐINH ANH KIẾT          | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.25 |         |
| 177 | 280177 | 022210007654 | LƯU TUẤN KIẾT          | 13/04/2010 | Hà Giang   | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 4.75 |         |
| 178 | 280178 | 022210001628 | NGUYỄN TUẤN KIẾT       | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 8.75 |         |
| 179 | 280179 | 022210007582 | VŨ ANH KIẾT            | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 4.0  |         |
| 180 | 280180 | 022310001145 | BUI THI VĂN KIỀU       | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 7.0  |         |
| 181 | 280181 | 022310004485 | ĐINH THỊ LAM           | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.75 |         |
| 182 | 280182 | 022310005836 | NGUYỄN HÀ THANH LAM    | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 5.25 |         |
| 183 | 280183 | 022210002227 | ĐINH XUÂN LÂM          | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 8.25 |         |
| 184 | 280184 | 022310011303 | NGUYỄN NGỌC LAN        | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 1.0  |         |
| 185 | 280185 | 022310009395 | NGUYỄN THỊ NGỌC LAN    | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 3.5  |         |
| 186 | 280186 | 022310004049 | TRẦN NGỌC LAN          | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 9.0  |         |
| 187 | 280187 | 022210011767 | ĐÀO TÙNG LÂM           | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 8.0          | 5.6   | 8.0  |         |
| 188 | 280188 | 022210005159 | ĐỖ TÙNG LÂM            | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 2.25 |         |
| 189 | 280189 | 022310001125 | LÊ TUỆ LÂM             | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 4.75 |         |
| 190 | 280190 | 022310004256 | NGUYỄN THUỶ LÂM        | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |         |
| 191 | 280191 | 022210002953 | NGUYỄN TÙNG LÂM        | 13/03/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.0  |         |
| 192 | 280192 | 022210007843 | NGUYỄN TÙNG LÂM        | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 5.75 |         |
| 193 | 280193 | 022210002905 | TRẦN NGUYỄN BẢO LÂM    | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.5  |         |
| 194 | 280194 | 022310004787 | VŨ THỊ THÚY LIỄU       | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 2.75 |         |
| 195 | 280195 | 022310001589 | ĐÀO MAI LINH           | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 3.75 |         |
| 196 | 280196 | 022310002444 | ĐINH NHẤT LINH         | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 7.25 |         |
| 197 | 280197 | 022310002180 | ĐINH THỦY LINH         | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 1.5  |         |
| 198 | 280198 | 030310005801 | ĐINH TỔ LINH           | 13/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 2.0  |         |
| 199 | 280199 | 022310008501 | ĐỖ PHƯƠNG LINH         | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 8.0  |         |
| 200 | 280200 | 022310007587 | LÊ KHÁNH LINH          | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 2.25         | 4.8   | 2.5  |         |
| 201 | 280201 | 022310004833 | NGUYỄN DIỆU LINH       | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|----------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |                |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 202 | 280202 | 022310008145 | NGUYỄN HÀ LINH         | 19/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 3.0  |         |
| 203 | 280203 | 022310005794 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH | 18/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 6.75 |         |
| 204 | 280204 | 022310006347 | NGUYỄN THUỖ LINH       | 14/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 2.75 |         |
| 205 | 280205 | 022310010625 | ÔN DIỆU LINH           | 03/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 5.25 |         |
| 206 | 280206 | 022310009336 | PHẠM THỊ THỦY LINH     | 15/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 3.75 |         |
| 207 | 280207 | 022310010014 | TRẦN PHƯƠNG LINH       | 25/02/2010 | Thừa Thiên Huế | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 2.25 |         |
| 208 | 280208 | 022310009440 | VŨ KHÁNH LINH          | 01/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 4.5  |         |
| 209 | 280209 | 022310006591 | VŨ NGUYỄN NHẬT LINH    | 19/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 8.0  |         |
| 210 | 280210 | 022310006526 | VŨ THỦY LINH           | 01/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 3.75 |         |
| 211 | 280211 | 022310004374 | VŨ THỦY LINH           | 16/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 5.75 |         |
| 212 | 280212 | 022310009933 | VŨ THỦY LINH           | 20/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 3.5  |         |
| 213 | 280213 | 022310011826 | NGUYỄN TRẦN KIM LOAN   | 09/12/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 5.25 |         |
| 214 | 280214 | 022210002008 | LẠI THÀNH LONG         | 03/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 8.0  |         |
| 215 | 280215 | 022210011029 | LÊ VŨ THÀNH LONG       | 27/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 6.75 |         |
| 216 | 280216 | 001210053630 | NGUYỄN HUY LONG        | 16/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 8.25 |         |
| 217 | 280217 | 022210008853 | NGUYỄN THÀNH LONG      | 13/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 8.0  |         |
| 218 | 280218 | 022210002559 | VŨ HOÀNG LONG          | 16/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 4.5  |         |
| 219 | 280219 | 022210010216 | VŨ THANH LONG          | 18/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 8.0  |         |
| 220 | 280220 | 022210001651 | VŨ TẤN LỘC             | 16/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 7.25 |         |
| 221 | 280221 | 022210007811 | VŨ THÀNH LỘC           | 24/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 5.75 |         |
| 222 | 280222 | 022310010591 | LÊ KHÁNH LY            | 22/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.25 |         |
| 223 | 280223 | 022310003779 | VŨ HOÀI LY             | 16/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 7.5  |         |
| 224 | 280224 | 022310004272 | VŨ NGỌC KHÁNH LY       | 07/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 3.25 |         |
| 225 | 280225 | 022310000384 | BUI THANH MAI          | 16/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 5.5  |         |
| 226 | 280226 | 034310000372 | NGUYỄN QUỲNH MAI       | 23/10/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 7.25 |         |
| 227 | 280227 | 022310005076 | PHẠM HOÀNG MAI         | 14/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 4.0  |         |
| 228 | 280228 | 022210008745 | ĐÀM PHẠM QUANG MẠNH    | 28/05/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 7.25 |         |
| 229 | 280229 | 022310005447 | ĐƯƠNG TUỆ MẦN          | 31/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 4.5  |         |
| 230 | 280230 | 022210005810 | ĐỖ ĐỨC MINH            | 26/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.75 |         |
| 231 | 280231 | 022210001063 | LÊ QUANG MINH          | 29/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 8.0  |         |
| 232 | 280232 | 022210003083 | NGÔ QUANG MINH         | 03/02/2010 | Quảng Yên      | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.75 |         |
| 233 | 280233 | 022210004210 | NGÔ QUANG MINH         | 29/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.75         | 1.6   | 7.75 |         |
| 234 | 280234 | 022210007671 | NGUYỄN BÌNH MINH       | 27/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 4.75 |         |
| 235 | 280235 | 022210011825 | NGUYỄN HOÀNG MINH      | 23/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 4.0  |         |
| 236 | 280236 | 022210009531 | PHẠM NHẬT MINH         | 05/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 9.25 |         |
| 237 | 280237 | 022210009712 | TRẦN QUANG MINH        | 20/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 5.75 |         |
| 238 | 280238 | 022210010506 | VŨ HỒNG MINH           | 08/04/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 6.75         | 3.2   | 5.5  |         |
| 239 | 280239 | 022210003438 | VŨ NGỌC MINH           | 08/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 4.0  |         |
| 240 | 280240 | 022210002043 | VŨ NGUYỄN MINH         | 09/09/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 7.5  |         |
| 241 | 280241 | 022310007591 | ĐINH THỊ MỖ            | 12/02/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 8.0  |         |
| 242 | 280242 | 022310011229 | BUI THỊ TRÀ MY         | 20/07/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 4.0  |         |

## Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 243 | 280243 | 022310005974 | NGUYỄN TRÀ MY          | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.0  |          |
| 244 | 280244 | 022210002294 | PHẠM BẢO NAM           | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 7.0  |          |
| 245 | 280245 | 022310009743 | TRẦN THỊ HỒNG          | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 4.5  |          |
| 246 | 280246 | 022310002556 | TRẦN THỊ THÚY          | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 3.5          | 5.6   | 1.25 |          |
| 247 | 280247 | 022310000546 | BÙI THUỶ NGÂN          | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.0  |          |
| 248 | 280248 | 022310008298 | ĐỖ THỊ KIM             | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.0  |          |
| 249 | 280249 | 022310011848 | ĐỒNG NGỌC THIÊN        | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.25         | 9.6   | 8.0  |          |
| 250 | 280250 | 022210002362 | HOÀNG TUẤN NGHĨA       | 27/10/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 8.5  |          |
| 251 | 280251 | 022210005385 | NGÔ VĂN NGHĨA          | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.0  |          |
| 252 | 280252 | 022210002257 | NGUYỄN TUẤN NGHĨA      | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 7.5          | 5.2   | 6.25 |          |
| 253 | 280253 | 022310009836 | DƯƠNG BÍCH NGỌC        | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 7.25 |          |
| 254 | 280254 | 022210012164 | ĐẶNG TÙNG NGỌC         | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 8.0  |          |
| 255 | 280255 | 022310003649 | ĐOÀN VŨ BẢO NGỌC       | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 256 | 280256 | 022310005967 | ĐỖ KHÁNH NGỌC          | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 2.0  |          |
| 257 | 280257 | 022310005828 | ĐỖ MINH NGỌC           | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 6.0  |          |
| 258 | 280258 | 022310001944 | HOÀNG BẢO NGỌC         | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 1.75 |          |
| 259 | 280259 | 022310006847 | NGUYỄN BẢO NGỌC        | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 7.75 |          |
| 260 | 280260 | 022310001691 | NGUYỄN HỒNG NGỌC       | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 5.5  |          |
| 261 | 280261 | 022310009236 | NGUYỄN KIM NGỌC        | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 7.0  |          |
| 262 | 280262 | 022310010409 | NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC     | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 9.0  |          |
| 263 | 280263 | 022310008948 | NGUYỄN NHẬT BẢO NGỌC   | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.75 |          |
| 264 | 280264 | 022310010148 | PHẠM THỊ NGUYỄN NGỌC   | 03/08/2010 | Quảng Yên  | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 6.5  |          |
| 265 | 280265 | 022310005114 | TRẦN ANH NGỌC          | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 1.25         | 5.6   | 1.5  |          |
| 266 | 280266 | 022310002994 | VŨ BẢO NGỌC            | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.0  |          |
| 267 | 280267 | 022309011161 | BÙI THỊ THẢO NGUYỄN    | 21/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 2.75 |          |
| 268 | 280268 | 022210007726 | ĐOÀN TRỊNH NHẬT NGUYỄN | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 5.0  |          |
| 269 | 280269 | 022310008551 | ĐOÀN NHẬT NGUYỄN       | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 4.5  |          |
| 270 | 280270 | 022310003814 | NGUYỄN THỊ THU NGUYỄN  | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 4.75 |          |
| 271 | 280271 | 034210016440 | ĐỖ THIÊN NHÂN          | 20/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.2   | 2.0  |          |
| 272 | 280272 | 022310011426 | LÊ THỊ NHÂN NHÂN       | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 6.0  |          |
| 273 | 280273 | 022310008273 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI     | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 2.25         | 3.8   | 2.25 |          |
| 274 | 280274 | 022310005297 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI     | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 4.75 |          |
| 275 | 280275 | 022310007955 | ĐẶNG HỒNG NHUNG        | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 5.25 |          |
| 276 | 280276 | 022310004096 | LẠI THỊ HỒNG NHUNG     | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 4.5  |          |
| 277 | 280277 | 022310001174 | NGUYỄN HỒNG NHUNG      | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 2.5  |          |
| 278 | 280278 | 022310011526 | VŨ HÀ NHƯ              | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 5.75 |          |
| 279 | 280279 | 022310009433 | ĐÀO NGỌC NINH          | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.5  |          |
| 280 | 280280 | 022210003997 | NGUYỄN PHẠM QUYỀN NINH | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 2.75 |          |
| 281 | 280281 | 022210006589 | BÙI HỒNG NƯỚC          | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.5  |          |
| 282 | 280282 | 022310001417 | BÙI THỊ KIỀU OANH      | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 1.25 |          |
| 283 | 280283 | 022310011653 | ĐỖ TRỊNH TÚ OANH       | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 6.25 |          |

## Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 284 | 280284 | 022310010523 | NGUYỄN THỊ KIM    | OANH   | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.5  |         |
| 285 | 280285 | 022310008520 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | OANH   | 08/11/2010 | Quảng Yên  | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.75 |         |
| 286 | 280286 | 022210010562 | NGUYỄN VĂN        | PHÁT   | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 3.0          | 2.4   | 3.25 |         |
| 287 | 280287 | 022210001288 | ĐÌNH TUẤN         | PHONG  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 5.75 |         |
| 288 | 280288 | 030210008081 | ĐỒNG GIA          | PHONG  | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.75 |         |
| 289 | 280289 | 022210001350 | NGÔ TRÍ           | PHONG  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.0  |         |
| 290 | 280290 | 022210003694 | NGUYỄN NAM        | PHONG  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 4.75 |         |
| 291 | 280291 | 030210009134 | VŨ PHẠM TUẤN      | PHONG  | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 5.0  |         |
| 292 | 280292 | 022210004973 | NGÔ BẢO           | PHÚC   | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 6.5  |         |
| 293 | 280293 | 022210011440 | NGUYỄN NHƯ        | PHÚC   | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 7.25 |         |
| 294 | 280294 | 027210012977 | NGUYỄN VĂN        | PHÚC   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 5.5  |         |
| 295 | 280295 | 022210007893 | PHẠM ĐẠI          | PHÚC   | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.25 |         |
| 296 | 280296 | 030210017566 | PHẠM GIA          | PHÚC   | 04/10/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê   | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 4.0  |         |
| 297 | 280297 | 022310006390 | ĐỖ MAI            | PHƯƠNG | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 2.75 |         |
| 298 | 280298 | 022310004309 | LÊ BUI MAI        | PHƯƠNG | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 4.75 |         |
| 299 | 280299 | 022310006915 | NGUYỄN THU        | PHƯƠNG | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 3.5  |         |
| 300 | 280300 | 022310009005 | PHẠM BÍCH         | PHƯƠNG | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 7.5          | 2.2   | 1.5  |         |
| 301 | 280301 | 022310001869 | PHẠM NGUYỄN HÀ    | PHƯƠNG | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên         | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 1.75 |         |
| 302 | 280302 | 022310006221 | PHẠM THẢO         | PHƯƠNG | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.0          | 3.4   | 4.75 |         |
| 303 | 280303 | 022310002104 | PHẠM THỊ LAN      | PHƯƠNG | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 8.5          | 8.2   | 5.5  |         |
| 304 | 280304 | 022210005148 | TRẦN MINH         | QUANG  | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 7.25 |         |
| 305 | 280305 | 022210002218 | PHẠM VĂN          | QUẢNG  | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 3.25 |         |
| 306 | 280306 | 022310005740 | BUI MAI           | QUYÊN  | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 6.0  |         |
| 307 | 280307 | 022310004388 | ĐẶNG THỊ          | QUYÊN  | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 5.0  |         |
| 308 | 280308 | 022310003797 | VŨ NGỌC           | QUYÊN  | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.0          | 2.4   | 5.25 |         |
| 309 | 280309 | 022310005610 | LÊ THỊ            | QUỲNH  | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 4.5  |         |
| 310 | 280310 | 034310001643 | NGUYỄN NHƯ        | QUỲNH  | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 8.0  |         |
| 311 | 280311 | 022310011754 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | QUỲNH  | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 5.75 |         |
| 312 | 280312 | 022310007203 | NGUYỄN THỊ THÚY   | QUỲNH  | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 4.0  |         |
| 313 | 280313 | 022310003771 | VŨ NGUYỄN THỊ NHƯ | QUỲNH  | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 3.75 |         |
| 314 | 280314 | 022210008910 | PHẠM QUANG        | SÁNG   | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 1.25 |         |
| 315 | 280315 | 022210000694 | BUI CÔNG          | SƠN    | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 6.0  |         |
| 316 | 280316 | 022210000777 | HOÀNG ĐỨC         | SƠN    | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 317 | 280317 | 022310008042 | ĐỖ THỊ THANH      | TÂM    | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 5.75 |         |
| 318 | 280318 | 022210004930 | NGUYỄN MINH       | TÂM    | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 5.5  |         |
| 319 | 280319 | 022310001910 | NGUYỄN THỊ THANH  | TÂM    | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 5.25 |         |
| 320 | 280320 | 022310009539 | NGUYỄN THỊ THANH  | TÂM    | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 4.25 |         |
| 321 | 280321 | 022210000619 | VŨ TRỌNG          | TÂN    | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 4.75 |         |
| 322 | 280322 | 022210001447 | ĐÌNH CÔNG         | THÁI   | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 3.5  |         |
| 323 | 280323 | 022210008705 | NGUYỄN HỒNG       | THÁI   | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.5  |         |
| 324 | 280324 | 022210009478 | VŨ LƯU ANH        | THÁI   | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 2.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 325 | 280325 | 022310000036 | ĐẶNG THỊ THANH   | THANH  | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 0.75 |          |
| 326 | 280326 | 022210009421 | HOÀNG NGỌC       | THANH  | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 327 | 280327 | 022310007524 | VŨ THỊ HOÀNG     | THANH  | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 4.5  |          |
| 328 | 280328 | 022210010112 | ĐINH NHẬT        | THÀNH  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 7.5  |          |
| 329 | 280329 | 022210003663 | HOÀNG NGỌC       | THÀNH  | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 4.75 |          |
| 330 | 280330 | 022210011344 | LÊ TUẤN          | THÀNH  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 8.25 |          |
| 331 | 280331 | 022210008341 | MẠC TRUNG        | THÀNH  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 6.75 |          |
| 332 | 280332 | 022210009061 | NGUYỄN HUY       | THÀNH  | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 9.0  |          |
| 333 | 280333 | 022210003574 | NGUYỄN TIẾN      | THÀNH  | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 5.0  |          |
| 334 | 280334 | 022210008068 | TRẦN TRỌNG       | THÀNH  | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 4.75 |          |
| 335 | 280335 | 022310001784 | BUI PHƯƠNG       | THẢO   | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 2.25 |          |
| 336 | 280336 | 022310006974 | NGÔ PHƯƠNG       | THẢO   | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 4.5  |          |
| 337 | 280337 | 022310002557 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THẢO   | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 3.5  |          |
| 338 | 280338 | 022310001419 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THẢO   | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 6.5  |          |
| 339 | 280339 | 022310011277 | PHẠM THANH       | THẢO   | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.5  |          |
| 340 | 280340 | 022310004825 | VŨ THANH         | THẢO   | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.0  |          |
| 341 | 280341 | 022310004456 | VŨ THỊ PHƯƠNG    | THẢO   | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 5.0  |          |
| 342 | 280342 | 022310002592 | VŨ THỊ PHƯƠNG    | THẢO   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 6.75 |          |
| 343 | 280343 | 022210002766 | HÀ ĐỨC           | THỊNH  | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.5  |          |
| 344 | 280344 | 022208002355 | VŨ ĐỨC           | THỊNH  | 13/12/2008 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 345 | 280345 | 022310009875 | NGUYỄN PHẠM ANH  | THƠ    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 8.75 |          |
| 346 | 280346 | 022310007361 | ĐƯƠNG THỊ HÀ     | THU    | 09/01/2010 | Quảng Yên  | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 4.25 |          |
| 347 | 280347 | 022310004219 | LÊ NHẬT          | THU    | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 4.0  |          |
| 348 | 280348 | 022310008980 | NGUYỄN THỊ       | THU    | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 5.0  |          |
| 349 | 280349 | 022210009886 | LÀ ĐỨC           | THUẬN  | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 6.25 |          |
| 350 | 280350 | 022210006160 | PHẠM TÂN         | THUY   | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 4.75 |          |
| 351 | 280351 | 030310006703 | TRƯỜNG THANH     | THỦY   | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 5.0  |          |
| 352 | 280352 | 022310008735 | BUI THU          | THỦY   | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 7.0  |          |
| 353 | 280353 | 022310009038 | VŨ THU           | THỦY   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.5          | 4.0   | 6.0  |          |
| 354 | 280354 | 022310004909 | NGUYỄN PHƯƠNG    | THÚY   | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 6.5  |          |
| 355 | 280355 | 022310009795 | ĐẶNG NGUYỄN MINH | THỨ    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.25 |          |
| 356 | 280356 | 034310014665 | LÊ ANH           | THỨ    | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.75 |          |
| 357 | 280357 | 022310006212 | NGUYỄN ANH       | THỨ    | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 2.75 |          |
| 358 | 280358 | 022310008441 | VŨ THỊ ANH       | THỨ    | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 359 | 280359 | 022310008144 | BUI VŨ KHÁNH     | THƯƠNG | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 5.75 |          |
| 360 | 280360 | 022310004149 | ĐINH NGUYỄN HOÀI | THƯƠNG | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 5.0  |          |
| 361 | 280361 | 022310001071 | HÀ THỊ           | THƯƠNG | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 1.5  |          |
| 362 | 280362 | 022310002772 | BUI THỊ KIỀU     | TRANG  | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.25 |          |
| 363 | 280363 | 022310005458 | ĐINH THỊ HUYỀN   | TRANG  | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 4.5  |          |
| 364 | 280364 | 022310009045 | HOÀNG HÀ         | TRANG  | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.75 |          |
| 365 | 280365 | 022310003299 | HOÀNG LÊ MINH    | TRANG  | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 5.75 |          |



## Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|--------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                    |        |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 366 | 280366 | 022310006539 | NGUYỄN HUYỀN       | TRANG  | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 6.25 |          |
| 367 | 280367 | 022310004892 | NGUYỄN MAI         | TRANG  | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 3.25 |          |
| 368 | 280368 | 022310009217 | NGUYỄN MAI         | TRANG  | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 4.0  |          |
| 369 | 280369 | 022310010923 | NGUYỄN THỊ HUYỀN   | TRANG  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 8.0          | 5.6   | 5.5  |          |
| 370 | 280370 | 022310011074 | PHẠM THỊ THỦY      | TRANG  | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 5.25 |          |
| 371 | 280371 | 022310011781 | TRẦN THỊ HÀ        | TRANG  | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 6.5  |          |
| 372 | 280372 | 022310001032 | TRẦN THU           | TRANG  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 6.5  |          |
| 373 | 280373 | 022210001799 | VŨ MẠNH            | TRẮNG  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.0  |          |
| 374 | 280374 | 022310001724 | PHẠM NGỌC          | TRÂM   | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 7.0  |          |
| 375 | 280375 | 031210005570 | VŨ MINH            | TRÍ    | 18/10/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.75 |          |
| 376 | 280376 | 022210007221 | VŨ MINH            | TRIẾT  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 7.25 |          |
| 377 | 280377 | 022310011823 | VŨ THỊ VIỆT        | TRINH  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 4.75 |          |
| 378 | 280378 | 022210005411 | NGUYỄN NHƯ         | TRỌNG  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 3.25 |          |
| 379 | 280379 | 022210005381 | VŨ ĐỨC             | TRỌNG  | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 7.0  |          |
| 380 | 280380 | 022310005071 | ĐỖ THANH           | TRÚC   | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 5.25 |          |
| 381 | 280381 | 022310012040 | LÊ QUỲNH           | TRÚC   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 5.25 |          |
| 382 | 280382 | 022310007036 | LƯƠNG THANH        | TRÚC   | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 5.75 |          |
| 383 | 280383 | 022310007077 | NGUYỄN PHƯƠNG      | TRÚC   | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 5.75 |          |
| 384 | 280384 | 022210001795 | LÊ QUANG           | TRUNG  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.0  |          |
| 385 | 280385 | 022210009297 | NGUYỄN THÀNH       | TRUNG  | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 3.75 |          |
| 386 | 280386 | 022210011678 | TRẦN QUANG         | TRUNG  | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 2.25 |          |
| 387 | 280387 | 022210010612 | NGUYỄN HOÀNG       | TRƯỜNG | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 4.75 |          |
| 388 | 280388 | 026310005098 | TRẦN CẨM           | TÚ     | 09/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |          |
| 389 | 280389 | 022210008484 | ĐOÀN VĂN           | TUẤN   | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 2.0  |          |
| 390 | 280390 | 022210003628 | NGUYỄN MINH        | TUẤN   | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 8.0  |          |
| 391 | 280391 | 022210006617 | TRẦN ANH           | TUẤN   | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.25 |          |
| 392 | 280392 | 022210005510 | LÊ HOÀNG           | TÙNG   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.75 |          |
| 393 | 280393 | 022210002809 | NGUYỄN XUÂN        | TÙNG   | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 7.0  |          |
| 394 | 280394 | 022310004847 | BÙI THỊ CẨM        | VĂN    | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 4.75 |          |
| 395 | 280395 | 022310009358 | TRẦN THỊ THẢO      | VĂN    | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 396 | 280396 | 022310003286 | BÙI THỊ TIÊU       | VI     | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 4.5  |          |
| 397 | 280397 | 022210000030 | ĐÌNH QUANG         | VIỆT   | 30/10/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 8.25 |          |
| 398 | 280398 | 022210012192 | PHẠM HẢI           | VIỆT   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.75 |          |
| 399 | 280399 | 022210010292 | HOÀNG ĐỨC          | VINH   | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Minh Thành                   | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.75 |          |
| 400 | 280400 | 022210009467 | NGUYỄN QUANG THÀNH | VINH   | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 401 | 280401 | 022310007005 | BÙI THỊ KHÁNH      | VY     | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai                   | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 7.5  |          |
| 402 | 280402 | 022310008667 | ĐỖ TRẦN DIỆU       | VY     | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 7.25 |          |
| 403 | 280403 | 022310005502 | LÊ PHẠM THẢO       | VY     | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai              | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 4.25 |          |
| 404 | 280404 | 022310003218 | LÊ THẢO            | VY     | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 5.0  |          |
| 405 | 280405 | 022310007943 | MAI HÀ PHƯƠNG      | VY     | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đại Yên                      | Tiếng Anh | 3.25         | 5.6   | 3.5  |          |
| 406 | 280406 | 022310005093 | NGUYỄN THẢO        | VY     | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa                     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Thành (22000736)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 407 | 280407 | 022310007586 | NGUYỄN TRÀ VY      | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 5.25 |         |
| 408 | 280408 | 022310005641 | VŨ THỊ BẢO VY      | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 2.25 |         |
| 409 | 280409 | 022310009585 | VŨ THỊ THẢO VY     | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.25 |         |
| 410 | 280410 | 022210003842 | TRẦN MẠNH XUÂN     | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 4.5  |         |
| 411 | 280411 | 022310009678 | ĐINH THỊ HẢI YẾN   | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.5  |         |
| 412 | 280412 | 022310007401 | ĐINH THỊ HẢI YẾN   | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 3.25 |         |
| 413 | 280413 | 022310002074 | ĐINH THỊ HOÀNG YẾN | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Sông Khoai      | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 5.5  |         |
| 414 | 280414 | 022310010812 | TRẦN THỊ HẢI YẾN   | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Đông Mai | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 6.5  |         |
| 415 | 280415 | 022310011929 | VŨ HẢI YẾN         | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Minh Thành      | Tiếng Anh | 2.0          | 5.0   | 5.5  |         |
| 416 | 280416 | 022310002410 | VŨ THỊ HẢI YẾN     | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.0  |         |

*(Danh sách này gồm có 416 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

| Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735) |        |              |                  |     |            |             |           |                  |                        |           |              |       |      |         |
|------------------------------------------|--------|--------------|------------------|-----|------------|-------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                      | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |     | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                          |        |              |                  |     |            |             |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1                                        | 290001 | 022210007314 | NGUYỄN DUY       | ANH | 28/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.0  |         |
| 2                                        | 290002 | 022310004391 | BÙI QUỲNH        | ANH | 08/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.0  |         |
| 3                                        | 290003 | 022210005092 | BÙI TUẤN         | ANH | 10/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.5          | 2.4   | 4.25 |         |
| 4                                        | 290004 | 034210000988 | ĐƯƠNG THẾ        | ANH | 03/01/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 9.0  |         |
| 5                                        | 290005 | 022310000418 | ĐÀM THỊ KIM      | ANH | 04/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 4.25 |         |
| 6                                        | 290006 | 022310011036 | ĐINH THỊ DIỆU    | ANH | 31/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 8.0          | 4.2   | 3.75 |         |
| 7                                        | 290007 | 022310007468 | ĐOÀN DIỆP        | ANH | 05/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 6.0  |         |
| 8                                        | 290008 | 022310001166 | HÀ TRẦN DIỆU     | ANH | 04/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 7.5  |         |
| 9                                        | 290009 | 022210005118 | HOÀNG THẾ        | ANH | 15/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 4.75 |         |
| 10                                       | 290010 | 022210002292 | HOÀNG VĂN BẢO    | ANH | 28/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 6.25 |         |
| 11                                       | 290011 | 031210018200 | LÊ DUY           | ANH | 27/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 2.75         | 3.6   | 5.0  |         |
| 12                                       | 290012 | 022310001505 | LÊ PHƯƠNG        | ANH | 24/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 6.75 |         |
| 13                                       | 290013 | 022210000847 | LÊ SỸ HÙNG       | ANH | 07/10/2010 | Thái Nguyên | Nam       |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.75 |         |
| 14                                       | 290014 | 022310008579 | LÊ THỊ NGỌC      | ANH | 26/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 3.75 |         |
| 15                                       | 290015 | 022310010789 | LƯƠNG THỊ KIỀU   | ANH | 11/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 0.75 |         |
| 16                                       | 290016 | 022310008367 | NGỌC CHÂU THỰC   | ANH | 04/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 5.25 |         |
| 17                                       | 290017 | 022310000513 | NGUYỄN BẢO       | ANH | 06/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.25 |         |
| 18                                       | 290018 | 022210009543 | NGUYỄN DUY       | ANH | 19/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.75 |         |
| 19                                       | 290019 | 022210003228 | NGUYỄN ĐỨC       | ANH | 26/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 6.0  |         |
| 20                                       | 290020 | 022310008372 | NGUYỄN HỒNG      | ANH | 12/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 2.0  |         |
| 21                                       | 290021 | 022210005280 | NGUYỄN HỒNG      | ANH | 20/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 7.5  |         |
| 22                                       | 290022 | 019310008301 | NGUYỄN KIỀU      | ANH | 29/09/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 4.75 |         |
| 23                                       | 290023 | 022310005311 | NGUYỄN PHƯƠNG    | ANH | 23/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 5.5  |         |
| 24                                       | 290024 | 022310000640 | NGUYỄN PHƯƠNG    | ANH | 24/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.0  |         |
| 25                                       | 290025 | 022310001639 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | ANH | 01/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 4.25 |         |
| 26                                       | 290026 | 022310000727 | NGUYỄN THỊ VÂN   | ANH | 13/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.5          | 5.2   | 5.5  |         |
| 27                                       | 290027 | 022310005835 | NGUYỄN VĂN       | ANH | 29/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 3.5  |         |
| 28                                       | 290028 | 022210008542 | NGUYỄN VIỆT      | ANH | 19/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 6.0  |         |
| 29                                       | 290029 | 022210001126 | NGUYỄN VŨ ĐỨC    | ANH | 15/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 6.0  |         |
| 30                                       | 290030 | 022210002655 | PHẠM DUY         | ANH | 26/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 6.75 |         |
| 31                                       | 290031 | 022310000835 | PHẠM THỊ TÂM     | ANH | 05/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 3.25 |         |
| 32                                       | 290032 | 022210000778 | PHÙNG ĐÀO ĐỨC    | ANH | 07/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 6.25 |         |
| 33                                       | 290033 | 022310003701 | PHÙNG HƯƠNG      | ANH | 24/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 2.25 |         |
| 34                                       | 290034 | 022310009561 | PHÙNG NGỌC QUỲNH | ANH | 08/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.25 |         |
| 35                                       | 290035 | 022310006337 | TÔNG NGỌC        | ANH | 17/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.25 |         |
| 36                                       | 290036 | 022310001749 | TRẦN THỊ PHƯƠNG  | ANH | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 2.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính   | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-----------|------------|-------------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |           |            |             |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 37  | 290037 | 022310000512 | VŨ HÀ          | ANH       | 14/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 6.5  |          |
| 38  | 290038 | 022210000578 | VŨ HẢI         | ANH       | 15/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.0  |          |
| 39  | 290039 | 022310010827 | VŨ PHƯƠNG      | ANH       | 28/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 6.25 |          |
| 40  | 290040 | 022310008469 | VŨ THỊ LAN     | ANH       | 22/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 6.0  |          |
| 41  | 290041 | 022310005870 | VŨ THỊ MAI     | ANH       | 05/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.25 |          |
| 42  | 290042 | 022310000699 | VŨ THỊ PHƯƠNG  | ANH       | 01/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 4.25 |          |
| 43  | 290043 | 022210008291 | VŨ TUẤN        | ANH       | 06/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 5.25 |          |
| 44  | 290044 | 022310000571 | ĐOÀN THỊ MINH  | ẢNH       | 28/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 8.25         | 4.4   | 6.25 |          |
| 45  | 290045 | 022310007820 | HOÀNG NGỌC     | ẢNH       | 23/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 5.25 |          |
| 46  | 290046 | 022310003248 | LÊ THỊ NGỌC    | ẢNH       | 27/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 6.75 |          |
| 47  | 290047 | 022310006615 | NGUYỄN NGỌC    | ẢNH       | 24/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 6.5  |          |
| 48  | 290048 | 022310000744 | NGUYỄN NHẬT    | ẢNH       | 26/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 2.6   | 5.5  |          |
| 49  | 290049 | 022310010275 | TRIỆU NGỌC     | ẢNH       | 15/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 6.25 |          |
| 50  | 290050 | 022210003911 | HOÀNG GIA      | BẢO       | 14/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.25 |          |
| 51  | 290051 | 022210001547 | LÊ ĐOÀN GIA    | BẢO       | 26/11/2010 | Hà Tĩnh     | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 6.5  |          |
| 52  | 290052 | 022210003085 | NGUYỄN GIA     | BẢO       | 05/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.25 |          |
| 53  | 290053 | 001210061751 | NGUYỄN THIẾU   | BẢO       | 06/01/2010 | Tuyên Quang | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 5.5  |          |
| 54  | 290054 | 022209002931 | VŨ GIA         | BẢO       | 12/09/2009 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 55  | 290055 | 022310009167 | NGUYỄN LÂM     | BĂNG      | 24/11/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 5.0  |          |
| 56  | 290056 | 022210004630 | BÙI HUY        | BIỂU      | 01/02/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 4.0  |          |
| 57  | 290057 | 022310006117 | BÙI THANH      | BÌNH      | 02/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 6.25 |          |
| 58  | 290058 | 022210003081 | VŨ GIA         | BÌNH      | 12/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 5.0  |          |
| 59  | 290059 | 022310004384 | VŨ THANH       | BÌNH      | 21/09/2010 | Thái Bình   | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 6.5  |          |
| 60  | 290060 | 022310008632 | VŨ THỊ THANH   | BÌNH      | 26/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 2.75 |          |
| 61  | 290061 | 022310009696 | NGÔ ĐIỂM BẢO   | CHÂU      | 01/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 2.5  |          |
| 62  | 290062 | 022310001309 | NGUYỄN DIỆU    | CHÂU      | 26/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.0  |          |
| 63  | 290063 | 022310001766 | TRẦN NGỌC BAO  | CHÂU      | 28/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 64  | 290064 | 022310010099 | BÙI DIỆP       | CHI       | 30/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 2.25 |          |
| 65  | 290065 | 022310000713 | LÊ HÀ          | CHI       | 31/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.5  |          |
| 66  | 290066 | 022310000488 | LÊ LINH        | CHI       | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 6.25 |          |
| 67  | 290067 | 022310003291 | LÊ THÙY        | CHI       | 31/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 4.75 |          |
| 68  | 290068 | 022310007452 | NGÔ QUỲNH      | CHI       | 02/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.75 |          |
| 69  | 290069 | 022310006185 | NGUYỄN QUỲNH   | CHI       | 13/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 70  | 290070 | 022310007147 | NGUYỄN VIỆT    | CHI       | 14/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 6.25 |          |
| 71  | 290071 | 022310007304 | PHẠM QUỲNH     | CHI       | 14/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 6.0  |          |
| 72  | 290072 | 022310011978 | VŨ THÙY        | CHI       | 06/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 6.5  |          |
| 73  | 290073 | 022210007524 | ĐÌNH QUANG     | CHIẾN     | 20/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 8.75 |          |
| 74  | 290074 | 030210012291 | QUYẾT ĐỨC      | CHUNG     | 21/07/2010 | Hải Dương   | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 5.25 |          |
| 75  | 290075 | 022210011886 | PHẠM VĂN       | CHỨC      | 11/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 6.5  |          |
| 76  | 290076 | 022310002495 | PHẠM THỊ THANH | CÚC       | 08/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ               | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 5.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-----------|------------|------------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |           |            |            |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 77  | 290077 | 022310001121 | BÙI THANH       | DÂN       | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 3.75         | 5.2   | 3.25 |          |
| 78  | 290078 | 022310006342 | BÙI NGỌC        | DIỄM      | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.75 |          |
| 79  | 290079 | 022310004755 | BÙI THI         | DIỄM      | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 4.5  |          |
| 80  | 290080 | 022309000957 | NGUYỄN NGỌC     | DIỆP      | 13/04/2009 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 7.5  |          |
| 81  | 290081 | 022310003756 | PHẠM THỊ NGỌC   | DIỆP      | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.5  |          |
| 82  | 290082 | 022310009458 | PHẠM THỊ HUYỀN  | DIỆU      | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.0  |          |
| 83  | 290083 | 022310000557 | ĐỒNG THỊ THÙY   | DUNG      | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 8.0  |          |
| 84  | 290084 | 034310007736 | NGUYỄN THỊ      | DUNG      | 06/12/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 6.0  |          |
| 85  | 290085 | 022210003602 | BÙI VĂN         | DỪNG      | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.5  |          |
| 86  | 290086 | 022210012364 | ĐINH TIẾN       | DỪNG      | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.0  |          |
| 87  | 290087 | 022210004769 | LÊ QUỐC         | DỪNG      | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 9.0  |          |
| 88  | 290088 | 022210010674 | NGÔ VIỆT        | DỪNG      | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.75 |          |
| 89  | 290089 | 022210008603 | NGUYỄN QUANG    | DỪNG      | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 5.25 |          |
| 90  | 290090 | 022210002182 | NGUYỄN VIỆT     | DỪNG      | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.25 |          |
| 91  | 290091 | 030210000661 | NGUYỄN VIỆT     | DỪNG      | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 7.5  |          |
| 92  | 290092 | 022210009037 | TẠ TUẤN         | DỪNG      | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 8.0  |          |
| 93  | 290093 | 022210001362 | TRẦN MẠNH       | DỪNG      | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 9.25 |          |
| 94  | 290094 | 022210001102 | VŨ HOÀNG        | DỪNG      | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 6.75 |          |
| 95  | 290095 | 022209006747 | TRẦN VĂN KHÁNH  | DUY       | 20/01/2009 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Tân An            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 96  | 290096 | 022310004284 | PHẠM THỊ KỶ     | DUYỀN     | 31/07/2010 | Bình Phước | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 3.25 |          |
| 97  | 290097 | 022210002479 | BÙI TÂM         | DƯƠNG     | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.0  |          |
| 98  | 290098 | 022310010082 | ĐINH THỊ ÁNH    | DƯƠNG     | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.5  |          |
| 99  | 290099 | 022310007404 | LÊ THỊ THÙY     | DƯƠNG     | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 4.0  |          |
| 100 | 290100 | 022210009693 | LÊ TÙNG         | DƯƠNG     | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 7.5  |          |
| 101 | 290101 | 022210007145 | NGUYỄN HUY      | DƯƠNG     | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 3.75 |          |
| 102 | 290102 | 022210000739 | NGUYỄN QUỐC     | DƯƠNG     | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.0  |          |
| 103 | 290103 | 022310004351 | NGUYỄN THÙY     | DƯƠNG     | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.75         | 2.6   | 6.25 |          |
| 104 | 290104 | 022310010419 | NGUYỄN THÙY     | DƯƠNG     | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 4.0  |          |
| 105 | 290105 | 022210003860 | NGUYỄN TIẾN     | DƯƠNG     | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 8.25 |          |
| 106 | 290106 | 022310012616 | VŨ THUỶ         | DƯƠNG     | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 6.0  |          |
| 107 | 290107 | 022210007816 | VŨ TÙNG         | DƯƠNG     | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 6.25 |          |
| 108 | 290108 | 022210011483 | NGUYỄN ĐỨC      | ĐAM       | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 6.25 |          |
| 109 | 290109 | 022310010065 | ĐINH THỊ        | ĐÀO       | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 7.25 |          |
| 110 | 290110 | 022310007549 | VŨ THỊ HOA ANH  | ĐÀO       | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.0  |          |
| 111 | 290111 | 022210005188 | BÙI THÀNH       | ĐẠT       | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.75         | 2.6   | 6.25 |          |
| 112 | 290112 | 022210000493 | BÙI TIẾN        | ĐẠT       | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 7.0  |          |
| 113 | 290113 | 022210012126 | ĐINH TIẾN       | ĐẠT       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.75 |          |
| 114 | 290114 | 022210008624 | HOÀNG ĐÌNH MINH | ĐẠT       | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 7.25 |          |
| 115 | 290115 | 022210012219 | NGUYỄN NAM      | ĐẠT       | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 2.0          | 6.2   | 2.0  |          |
| 116 | 290116 | 022210010876 | NGUYỄN THÀNH    | ĐẠT       | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 8.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 117 | 290117 | 022210010209 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT       | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 6.25 |          |
| 118 | 290118 | 022210001178 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT        | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 7.5  |          |
| 119 | 290119 | 022210007254 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT        | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 6.0  |          |
| 120 | 290120 | 022210002672 | NGUYỄN VĂN ĐẠT         | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 121 | 290121 | 022210011264 | PHẠM GIA ĐẠT           | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 5.25 |          |
| 122 | 290122 | 022210001938 | PHẠM VŨ THÀNH ĐẠT      | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 5.25 |          |
| 123 | 290123 | 037210000384 | PHÙNG TIẾN ĐẠT         | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 6.25 |          |
| 124 | 290124 | 022210004596 | TRẦN QUỐC ĐẠT          | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 2.75 |          |
| 125 | 290125 | 022210001866 | VŨ MẠNH ĐẠT            | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 5.75 |          |
| 126 | 290126 | 022210007665 | VŨ THÀNH ĐẠT           | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.75 |          |
| 127 | 290127 | 022310002814 | NGUYỄN THỊ TIỂU ĐIỆP   | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.25 |          |
| 128 | 290128 | 022310011126 | BÙI ĐÌNH ĐÌNH          | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 8.0  |          |
| 129 | 290129 | 036310016519 | NGUYỄN THỊ TÂM ĐOAN    | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.5  |          |
| 130 | 290130 | 022210003933 | ĐINH ĐỨC ĐOÀN          | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 131 | 290131 | 024210002865 | VĂN HỮU BẢO ĐÔNG       | 13/05/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 132 | 290132 | 022210003672 | PHẠM NGỌC ĐÔNG         | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 6.5  |          |
| 133 | 290133 | 022210008410 | BÙI MINH ĐỨC           | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.5          | 7.8   | 8.25 |          |
| 134 | 290134 | 022310003215 | ĐẶNG THỊ ANH ĐỨC       | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 5.25 |          |
| 135 | 290135 | 022210009069 | NGUYỄN ANH ĐỨC         | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 7.75 |          |
| 136 | 290136 | 022210010854 | NGUYỄN ĐÌNH GIA ĐỨC    | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.25 |          |
| 137 | 290137 | 022210004477 | NGUYỄN MINH ĐỨC        | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 6.0  |          |
| 138 | 290138 | 022209012667 | NGUYỄN THÀNH ĐỨC       | 30/06/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 139 | 290139 | 022210004025 | PHẠM VIỆT ĐỨC          | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |          |
| 140 | 290140 | 022210010032 | PHAN MINH ĐỨC          | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 6.0  |          |
| 141 | 290141 | 022210009245 | VŨ MẠNH ĐỨC            | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.0  |          |
| 142 | 290142 | 022310007052 | ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG   | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 4.75 |          |
| 143 | 290143 | 022310008547 | ĐINH THỊ MINH GIANG    | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 2.75 |          |
| 144 | 290144 | 022310010500 | ĐINH THỰC HƯƠNG GIANG  | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.0   | 4.75 |          |
| 145 | 290145 | 022310010847 | LÊ BĂNG GIANG          | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.5  |          |
| 146 | 290146 | 022310010542 | NGUYỄN THỊ THANH GIANG | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 6.5  |          |
| 147 | 290147 | 022310002878 | NGUYỄN THỊ THỦY GIANG  | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.25         | 6.8   | 7.75 |          |
| 148 | 290148 | 022310009526 | BÙI PHƯƠNG HÀ          | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 7.25 |          |
| 149 | 290149 | 022310004451 | ĐỖ NGỌC HÀ             | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 3.25         | 4.8   | 3.5  |          |
| 150 | 290150 | 022310002650 | LÊ THÁI HÀ             | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 3.75 |          |
| 151 | 290151 | 022210000731 | NGUYỄN HOÀNG HÀ        | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 6.75 |          |
| 152 | 290152 | 001310019155 | NGUYỄN KHÁNH HÀ        | 29/05/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 8.5          | 8.8   | 7.0  |          |
| 153 | 290153 | 022310011482 | NGUYỄN KHÁNH HÀ        | 24/10/2010 | Hà Giang   | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 4.5  |          |
| 154 | 290154 | 022310009508 | NGUYỄN NGÂN HÀ         | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 155 | 290155 | 022310008271 | NGUYỄN THU HÀ          | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.25 |          |
| 156 | 290156 | 022310010350 | PHẠM LÊ THIÊN HÀ       | 01/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 1.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính         | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|-------------------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |                   |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 157 | 290157 | 022310011250 | TÔ NGÂN          | HÀ        | 02/11/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 7.75 |          |
| 158 | 290158 | 022310006525 | VŨ NGỌC          | HÀ        | 07/03/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 5.0  |          |
| 159 | 290159 | 022310001001 | ĐINH NHẬT        | HÀ        | 08/08/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.75 |          |
| 160 | 290160 | 022210011819 | NGUYỄN VĂN       | HẢI       | 12/02/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 5.5  |          |
| 161 | 290161 | 022310009104 | ĐINH HẢI         | HẠNH      | 12/03/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.75 |          |
| 162 | 290162 | 022310000463 | BÙI THUÝ         | HẰNG      | 03/11/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 3.5          | 5.6   | 2.5  |          |
| 163 | 290163 | 022310004330 | ĐỖ THU           | HẰNG      | 04/12/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.75 |          |
| 164 | 290164 | 022310005390 | NGUYỄN MAI       | HẰNG      | 23/07/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 5.75 |          |
| 165 | 290165 | 022310009600 | NGUYỄN THỊ       | HẰNG      | 05/02/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 8.0          | 2.0   | 6.75 |          |
| 166 | 290166 | 022310001850 | PHẠM PHƯƠNG      | HẰNG      | 29/01/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.75 |          |
| 167 | 290167 | 022310000706 | VŨ THỊ THANH     | HẰNG      | 03/07/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.25         | 4.6   | 4.5  |          |
| 168 | 290168 | 022310011608 | ĐÀM GIA          | HÂN       | 14/09/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.75 |          |
| 169 | 290169 | 022310001212 | ĐINH NGUYỄN BẢO  | HÂN       | 10/08/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.75         | 3.6   | 3.5  |          |
| 170 | 290170 | 022310003266 | BÙI THU          | HIỀN      | 23/05/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 5.75 |          |
| 171 | 290171 | 022310008572 | NGUYỄN THỊ THANH | HIỀN      | 12/01/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.5  |          |
| 172 | 290172 | 022310011262 | NGUYỄN THU       | HIỀN      | 26/08/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 1.75 |          |
| 173 | 290173 | 022310004269 | PHẠM THU         | HIỀN      | 08/06/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 5.75 |          |
| 174 | 290174 | 022310012661 | PHAN PHƯƠNG      | HIỀN      | 28/01/2010 | Quảng Bình        | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 8.0  |          |
| 175 | 290175 | 022210011216 | ĐOÀN VĂN         | HIỆP      | 10/08/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.5  |          |
| 176 | 290176 | 022210003523 | ĐINH ĐỨC         | HIẾU      | 12/11/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 4.0  |          |
| 177 | 290177 | 022210005804 | NGUYỄN MINH      | HIẾU      | 23/08/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 5.75 |          |
| 178 | 290178 | 036210000520 | PHẠM LÊ          | HIẾU      | 28/07/2010 | Hà Nội            | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 8.0  |          |
| 179 | 290179 | 022210011750 | VŨ MẠNH          | HIẾU      | 10/06/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.0  |          |
| 180 | 290180 | 022310003175 | BÙI THỊ          | HOA       | 05/01/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 1.25 |          |
| 181 | 290181 | 022310003355 | ĐINH THỊ HỒNG    | HOA       | 13/09/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 182 | 290182 | 031310011134 | ĐOÀN NGỌC NHƯ    | HOA       | 16/08/2010 | Hải Phòng         | Nữ               | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.5  |          |
| 183 | 290183 | 022310003732 | NGUYỄN THỊ THANH | HOA       | 10/11/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 5.25 |          |
| 184 | 290184 | 022310006922 | VŨ THANH         | HOA       | 17/11/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 7.0  |          |
| 185 | 290185 | 022310012727 | VŨ THỊ LAN       | HOA       | 22/02/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 2.75 |          |
| 186 | 290186 | 022310000391 | LÊ KHÁNH         | HOÀ       | 27/05/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 6.25 |          |
| 187 | 290187 | 022310001805 | ĐÀO NGUYỄN KHÁNH | HÒA       | 25/06/2010 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ               | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 5.0  |          |
| 188 | 290188 | 022310007810 | NGUYỄN THU       | HOÀI      | 30/04/2010 | Quảng Ninh        | Nữ               | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 2.0   | 7.0  |          |
| 189 | 290189 | 022210000581 | ĐINH HUY         | HOÀNG     | 02/06/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 190 | 290190 | 022210003304 | ĐOÀN ANH MINH    | HOÀNG     | 16/08/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.5  |          |
| 191 | 290191 | 022210010746 | HỒ VIỆT          | HOÀNG     | 27/12/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.25 |          |
| 192 | 290192 | 022210003349 | NGUYỄN BÁ        | HOÀNG     | 07/07/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 9.0  |          |
| 193 | 290193 | 022210010513 | NGUYỄN HUY       | HOÀNG     | 09/09/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 4.25 |          |
| 194 | 290194 | 022210005423 | NGUYỄN LÊ ĐỨC    | HOÀNG     | 10/06/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.0  |          |
| 195 | 290195 | 022210009351 | NGUYỄN VIỆT      | HOÀNG     | 08/11/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.0  |          |
| 196 | 290196 | 022210010055 | VŨ VIỆT          | HOÀNG     | 19/01/2010 | Quảng Ninh        | Nam              | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 197 | 290197 | 022310007568 | PHẠM THỊ HỢP           | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 5.0  |          |
| 198 | 290198 | 022310004928 | BÙI THỊ BÍCH           | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 4.75 |          |
| 199 | 290199 | 022310005265 | ĐINH THỊ HOA           | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 8.5          | 5.0   | 5.25 |          |
| 200 | 290200 | 022310003707 | ĐINH THỊ MINH          | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 6.5  |          |
| 201 | 290201 | 022310003413 | ĐOÀN THỊ HUỆ           | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 5.5  |          |
| 202 | 290202 | 022310008326 | NGUYỄN THỊ HUỆ         | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.25 |          |
| 203 | 290203 | 022210008205 | BÙI MẠNH HÙNG          | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 5.25 |          |
| 204 | 290204 | 022210006468 | BÙI MẠNH HÙNG          | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 1.25 |          |
| 205 | 290205 | 022210006466 | NGUYỄN ĐỨC HÙNG        | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 5.25 |          |
| 206 | 290206 | 022210007374 | NGUYỄN ĐỨC HÙNG        | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 7.0  |          |
| 207 | 290207 | 022210009188 | ĐINH GIA HUY           | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.0  |          |
| 208 | 290208 | 022210009742 | NGUYỄN HOÀNG QUANG HUY | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 4.75 |          |
| 209 | 290209 | 022210001843 | NGUYỄN LÊ ĐỨC HUY      | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 6.0  |          |
| 210 | 290210 | 022210009281 | NGUYỄN QUANG HUY       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 211 | 290211 | 022210006206 | PHẠM ANH HUY           | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 3.25 |          |
| 212 | 290212 | 022210007583 | PHẠM GIA HUY           | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 7.25 |          |
| 213 | 290213 | 022210011616 | VŨ QUANG HUY           | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 2.75         | 4.8   | 5.25 |          |
| 214 | 290214 | 022210011840 | VŨ TRÍ GIA HUY         | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 6.5  |          |
| 215 | 290215 | 022310011931 | VŨ THỊ HUYỀN           | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.0  |          |
| 216 | 290216 | 022310008114 | BÙI KHÁNH HUYỀN        | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.75 |          |
| 217 | 290217 | 022310008259 | BÙI THỊ PHƯƠNG HUYỀN   | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 3.75 |          |
| 218 | 290218 | 022308002264 | ĐOÀN THỊ HUYỀN         | 17/11/2008 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 219 | 290219 | 022310006789 | NGÔ THỊ THANH HUYỀN    | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 6.5  |          |
| 220 | 290220 | 022310002892 | NGUYỄN HÀ KHÁNH HUYỀN  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 4.5  |          |
| 221 | 290221 | 022310011775 | NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 222 | 290222 | 022310001659 | VŨ THANH HUYỀN         | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.5          | 9.0   | 7.5  |          |
| 223 | 290223 | 022210012457 | NGUYỄN DUY HUNG        | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.25         | 6.8   | 7.75 |          |
| 224 | 290224 | 022310008154 | BÙI THỊ THANH HƯƠNG    | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 6.5  |          |
| 225 | 290225 | 022310005366 | ĐINH THỊ THU HƯƠNG     | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 5.5  |          |
| 226 | 290226 | 022310011299 | ĐINH THỊ THU HƯƠNG     | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 3.75 |          |
| 227 | 290227 | 022310003543 | PHẠM THỊ MAI HƯƠNG     | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 7.5  |          |
| 228 | 290228 | 034310012909 | TRẦN THANH HƯƠNG       | 12/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 8.25 |          |
| 229 | 290229 | 022210004624 | PHAN NGUYỄN NGỌC HỮU   | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 7.0  |          |
| 230 | 290230 | 022210011822 | LÊ HOÀNG KHẢI          | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 3.25         | 4.6   | 5.5  |          |
| 231 | 290231 | 022210009310 | ĐÀM QUANG TUẤN KHANG   | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 7.0  |          |
| 232 | 290232 | 022210001122 | PHẠM DUY KHANG         | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 8.0  |          |
| 233 | 290233 | 022310009718 | BÙI GIA KHÁNH          | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.25 |          |
| 234 | 290234 | 022310004089 | BÙI NGỌC KHÁNH         | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.75 |          |
| 235 | 290235 | 022210011310 | DƯƠNG NHẬT KHÁNH       | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 3.25 |          |
| 236 | 290236 | 022210009758 | NGUYỄN KHÁNH           | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.75 |          |



**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 237 | 290237 | 022209002815 | NGUYỄN GIA       | KHÁNH | 03/05/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 238 | 290238 | 022210005824 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 8.0  |          |
| 239 | 290239 | 022310005065 | NGUYỄN NGỌC AN   | KHÁNH | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 8.0  |          |
| 240 | 290240 | 022310011542 | NGUYỄN VĂN       | KHÁNH | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 6.0  |          |
| 241 | 290241 | 031310019529 | VĂN AN           | KHÁNH | 30/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.5  |          |
| 242 | 290242 | 022310002688 | VŨ VĂN           | KHÁNH | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.75 |          |
| 243 | 290243 | 022210001740 | NGUYỄN ĐĂNG      | KHOA  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 244 | 290244 | 022210005530 | VŨ ĐĂNG          | KHOA  | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.5  |          |
| 245 | 290245 | 022210005927 | VŨ ĐĂNG          | KHÔI  | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 6.75 |          |
| 246 | 290246 | 022210008240 | TRẦN TRUNG       | KIÊN  | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.75 |          |
| 247 | 290247 | 022210000089 | TRẦN TRUNG       | KIÊN  | 24/04/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 6.25 |          |
| 248 | 290248 | 022210001488 | VŨ CHỈ           | KIÊN  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 7.75 |          |
| 249 | 290249 | 022210007836 | VŨ ĐÌNH          | KIÊN  | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 5.5  |          |
| 250 | 290250 | 022210000741 | BÙI TRỊNH NHÂN   | KIỆT  | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 5.5  |          |
| 251 | 290251 | 022210005579 | NGUYỄN HỮU       | KIỆT  | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.75 |          |
| 252 | 290252 | 022310005806 | PHÙNG NHÃ        | KỶ    | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.5  |          |
| 253 | 290253 | 022310004944 | NGÔ THỊ DIỄM     | LA    | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 3.5  |          |
| 254 | 290254 | 022310008032 | NGUYỄN MAI       | LAN   | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.75 |          |
| 255 | 290255 | 022310009374 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | LAN   | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.75 |          |
| 256 | 290256 | 022210004300 | HOÀNG THANH      | LÂM   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 8.5  |          |
| 257 | 290257 | 022210003126 | LÊ THÁI TÙNG     | LÂM   | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 8.0  |          |
| 258 | 290258 | 034210015788 | NGUYỄN HỮU HOÀNG | LÂM   | 20/09/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 7.0  |          |
| 259 | 290259 | 022210010950 | PHẠM SƠN         | LÂM   | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 7.75 |          |
| 260 | 290260 | 022210001902 | VŨ ĐẠI           | LÂM   | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 261 | 290261 | 022210001515 | VŨ ĐỨC           | LÂM   | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 6.0  |          |
| 262 | 290262 | 022310001517 | ĐÌNH THỊ MINH    | LIÊN  | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 2.6   | 4.5  |          |
| 263 | 290263 | 022310010704 | BÙI TẠ DIỆU      | LINH  | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 8.0  |          |
| 264 | 290264 | 034310010959 | BÙI THỊ KHÁNH    | LINH  | 18/07/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 7.0  |          |
| 265 | 290265 | 022310002825 | ĐÀM THỊ KHÁNH    | LINH  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.5  |          |
| 266 | 290266 | 022310002591 | ĐÌNH KHÁNH       | LINH  | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 267 | 290267 | 022310005853 | ĐÌNH THỊ KHÁNH   | LINH  | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.0  |          |
| 268 | 290268 | 022210009292 | ĐÌNH VĂN         | LINH  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.75 |          |
| 269 | 290269 | 022310001617 | ĐỖ LÊ KHÁNH      | LINH  | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.0  |          |
| 270 | 290270 | 022310009740 | LÊ THẢO          | LINH  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 7.25 |          |
| 271 | 290271 | 022310001958 | NGUYỄN DIỆU      | LINH  | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.25 |          |
| 272 | 290272 | 022310010102 | NGUYỄN GIA       | LINH  | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 5.0  |          |
| 273 | 290273 | 022310011831 | NGUYỄN GIA       | LINH  | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 7.5  |          |
| 274 | 290274 | 022310000487 | NGUYỄN KHÁNH     | LINH  | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 6.5  |          |
| 275 | 290275 | 001310038421 | NGUYỄN PHƯƠNG    | LINH  | 18/02/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 7.0  |          |
| 276 | 290276 | 022310007099 | NGUYỄN THUY      | LINH  | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 4.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 277 | 290277 | 022310006569 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH | LINH  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 278 | 290278 | 022310009237 | PHẠM KHÁNH        | LINH  | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 8.25 |         |
| 279 | 290279 | 022210009165 | VŨ DUY            | LINH  | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.75 |         |
| 280 | 290280 | 022310009549 | VŨ GIA            | LINH  | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.0          | 6.8   | 6.25 |         |
| 281 | 290281 | 022310005790 | VŨ HOÀNG THÙY     | LINH  | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 5.5  |         |
| 282 | 290282 | 022310002934 | VŨ THỊ THÙY       | LINH  | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 9.0  |         |
| 283 | 290283 | 022310006500 | VŨ THÙY           | LINH  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.75 |         |
| 284 | 290284 | 022310011832 | NGUYỄN THỊ TỎ     | LOAN  | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 3.25         | 5.0   | 4.25 |         |
| 285 | 290285 | 022210001948 | NGUYỄN HẢI        | LONG  | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 5.0  |         |
| 286 | 290286 | 022210000029 | NGUYỄN TƯ BAO     | LONG  | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.0  |         |
| 287 | 290287 | 022210007866 | VŨ HỮU HOÀNG      | LONG  | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 4.5  |         |
| 288 | 290288 | 022210010406 | ĐINH XUÂN         | LỘC   | 31/05/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.25 |         |
| 289 | 290289 | 022210010028 | VŨ VĂN            | LỢI   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 4.75 |         |
| 290 | 290290 | 022210011230 | ĐINH THẾ          | LỰC   | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.75 |         |
| 291 | 290291 | 022210009908 | LÊ XUÂN           | LỰC   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.5  |         |
| 292 | 290292 | 022310007453 | ĐINH THỊ HIỀN     | LƯƠNG | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 3.5  |         |
| 293 | 290293 | 034310009405 | ĐÀO KHÁNH         | LY    | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hùng Thắng  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 5.0  |         |
| 294 | 290294 | 022310008860 | NGUYỄN KHÁNH      | LY    | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.5  |         |
| 295 | 290295 | 022310008938 | NGUYỄN NGỌC       | LY    | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 4.75 |         |
| 296 | 290296 | 022310011695 | PHẠM KHÁNH        | LY    | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 5.25 |         |
| 297 | 290297 | 022310000462 | PHẠM THỊ          | LY    | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 7.0  |         |
| 298 | 290298 | 022310001624 | BÙI THỊ PHƯƠNG    | MAI   | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 7.25 |         |
| 299 | 290299 | 022310012719 | BÙI THỊ QUỲNH     | MAI   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 4.0  |         |
| 300 | 290300 | 022310007448 | BÙI XUÂN          | MAI   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 5.25 |         |
| 301 | 290301 | 022310000682 | ĐINH THỊ XUÂN     | MAI   | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.5  |         |
| 302 | 290302 | 022310003850 | ĐOÀN THỊ BAN      | MAI   | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.25         | 9.6   | 9.0  |         |
| 303 | 290303 | 022310004701 | NGUYỄN NGỌC       | MAI   | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.75 |         |
| 304 | 290304 | 022310004237 | NGUYỄN THỊ THANH  | MAI   | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.0  |         |
| 305 | 290305 | 022310011227 | VŨ THỊ THANH      | MAI   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.75 |         |
| 306 | 290306 | 022210005007 | BÙI ĐỨC           | MẠNH  | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 7.5  |         |
| 307 | 290307 | 022210012040 | HOÀNG DUY         | MẠNH  | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 8.75 |         |
| 308 | 290308 | 022210008800 | VŨ ĐÌNH           | MẠNH  | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 6.5  |         |
| 309 | 290309 | 022210008445 | BÙI CÔNG          | MINH  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 6.25 |         |
| 310 | 290310 | 022210006528 | BÙI NHẬT          | MINH  | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 9.0  |         |
| 311 | 290311 | 022210000434 | BÙI TUỒNG         | MINH  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 7.0  |         |
| 312 | 290312 | 022210011184 | ĐINH DƯƠNG        | MINH  | 02/07/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 6.0  |         |
| 313 | 290313 | 022210011255 | ĐOÀN VŨ BÌNH      | MINH  | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.75 |         |
| 314 | 290314 | 022210002513 | HOÀNG GIA         | MINH  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 3.0  |         |
| 315 | 290315 | 022210009361 | NGUYỄN ĐỨC        | MINH  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.25         | 9.0   | 7.0  |         |
| 316 | 290316 | 022210010817 | NGUYỄN QUANG      | MINH  | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 8.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 317 | 290317 | 022210002456 | NGUYỄN THÀNH     | MINH  | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 7.75 |         |
| 318 | 290318 | 022210007056 | NGUYỄN TUẤN      | MINH  | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 3.0          | 6.6   | 6.0  |         |
| 319 | 290319 | 024210014990 | TRẦN VĂN         | MINH  | 07/11/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 8.0  |         |
| 320 | 290320 | 022310000947 | TRẦN VŨ TUỆ      | MINH  | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 8.0  |         |
| 321 | 290321 | 022310000521 | BÙI HÀ           | MY    | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 7.75 |         |
| 322 | 290322 | 022310008519 | BÙI THỊ THẢO     | MY    | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 7.25 |         |
| 323 | 290323 | 022310007368 | BÙI TRÀ          | MY    | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 6.0  |         |
| 324 | 290324 | 022310009781 | ĐỖ THẢO          | MY    | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 5.25 |         |
| 325 | 290325 | 022310004439 | ĐỖ THỊ HÀ        | MY    | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 6.25 |         |
| 326 | 290326 | 022310003581 | NGUYỄN TRÀ       | MY    | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 7.5  |         |
| 327 | 290327 | 022310000657 | NGUYỄN TRÀ       | MY    | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 3.75 |         |
| 328 | 290328 | 022310003932 | PHẠM HÀ          | MY    | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 7.0  |         |
| 329 | 290329 | 022310002691 | TRẦN THỊ TRÀ     | MY    | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.0  |         |
| 330 | 290330 | 022310009731 | TRẦN THỊ TRÀ     | MY    | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 4.0  |         |
| 331 | 290331 | 022310010587 | VŨ TRÀ           | MY    | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 4.25 |         |
| 332 | 290332 | 022210002540 | NGUYỄN HOÀNG     | NAM   | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê     | Tiếng Anh | 2.75         | 7.4   | 7.5  |         |
| 333 | 290333 | 001210039539 | NGUYỄN THÁI      | NAM   | 24/01/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.25         | 9.6   | 7.0  |         |
| 334 | 290334 | 022210010600 | PHẠM NHẬT        | NAM   | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 7.25 |         |
| 335 | 290335 | 022210005789 | PHẠM THÀNH       | NAM   | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 5.75 |         |
| 336 | 290336 | 022210008712 | PHẠM VĂN         | NAM   | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 4.0  |         |
| 337 | 290337 | 022210012424 | VŨ ĐỨC           | NAM   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 4.5  |         |
| 338 | 290338 | 022210005360 | VŨ PHƯƠNG        | NAM   | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 4.0  |         |
| 339 | 290339 | 022310001318 | BÙI THỊ THANH    | NGA   | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 4.5  |         |
| 340 | 290340 | 022310007051 | LÊ THỊ PHƯƠNG    | NGA   | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 5.25 |         |
| 341 | 290341 | 035310002089 | NGÔ THANH        | NGA   | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.75 |         |
| 342 | 290342 | 030310004728 | NGUYỄN ĐẶNG THU  | NGÂN  | 19/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 6.75 |         |
| 343 | 290343 | 022310001056 | NGUYỄN THU       | NGÂN  | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 6.25 |         |
| 344 | 290344 | 022310003976 | PHẠM THỊ THÚY    | NGÂN  | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 7.25 |         |
| 345 | 290345 | 022310001008 | VŨ KHÁNH         | NGÂN  | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.25 |         |
| 346 | 290346 | 022310002500 | VŨ THỊ KIM       | NGÂN  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 5.5  |         |
| 347 | 290347 | 022310006963 | VŨ THỊ THÙY      | NGÂN  | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 7.25 |         |
| 348 | 290348 | 022210010655 | NGUYỄN HỮU TRUNG | NGHĨA | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 8.25         | 9.4   | 7.25 |         |
| 349 | 290349 | 022210000513 | VŨ TRỌNG         | NGHĨA | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.25         | 8.0   | 6.25 |         |
| 350 | 290350 | 022310003758 | BÙI KHÁNH        | NGỌC  | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 4.0  |         |
| 351 | 290351 | 022310010069 | HOÀNG ÁNH        | NGỌC  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 8.0  |         |
| 352 | 290352 | 022310009001 | LÊ BÍCH          | NGỌC  | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.0  |         |
| 353 | 290353 | 001310055726 | LÊ MINH          | NGỌC  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 6.0  |         |
| 354 | 290354 | 022310006810 | LÊ MINH          | NGỌC  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 8.0  |         |
| 355 | 290355 | 022310009793 | LƯƠNG THỊ YẾN    | NGỌC  | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 6.5  |         |
| 356 | 290356 | 022310001525 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC  | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 5.25 |         |

| Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735) |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                        |           |              |       |      |          |
|------------------------------------------|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
| STT                                      | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|                                          |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 357                                      | 290357 | 022310001578 | NGUYỄN ĐOÀN BẢO  | NGỌC   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 8.75         | 6.2   | 7.0  |          |
| 358                                      | 290358 | 022310005283 | PHẠM THỊ THU     | NGỌC   | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 2.0  |          |
| 359                                      | 290359 | 022310001200 | TRẦN BẢO         | NGỌC   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 5.5  |          |
| 360                                      | 290360 | 022210000484 | TRẦN VĂN         | NGỌC   | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.25         | 2.4   | 3.25 |          |
| 361                                      | 290361 | 022310008660 | ĐÌNH THẢO        | NGUYỄN | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 6.0  |          |
| 362                                      | 290362 | 022310001080 | NGUYỄN MINH      | NGUYỆT | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 4.0  |          |
| 363                                      | 290363 | 022310009080 | VŨ THỊ XUÂN      | NHÂN   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 8.0  |          |
| 364                                      | 290364 | 022210006719 | NGUYỄN THIÊN     | NHÂN   | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 2.5  |          |
| 365                                      | 290365 | 022310008050 | ĐÌNH THỊ TUYẾT   | NHI    | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 5.0  |          |
| 366                                      | 290366 | 022310001139 | HOÀNG YẾN        | NHI    | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.5  |          |
| 367                                      | 290367 | 022310006154 | LÊ PHƯƠNG        | NHI    | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.25 |          |
| 368                                      | 290368 | 022310007238 | NGUYỄN TRỊNH YẾN | NHI    | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.0  |          |
| 369                                      | 290369 | 022310001205 | ĐÌNH THỊ KIM     | NHUNG  | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 5.25 |          |
| 370                                      | 290370 | 022310000611 | BÙI HOÀNG TÂM    | NHƯ    | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.0  |          |
| 371                                      | 290371 | 022310003989 | TRẦN BẢO         | NHƯ    | 14/03/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 6.0  |          |
| 372                                      | 290372 | 022210000798 | NGUYỄN VĂN       | NINH   | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 7.25 |          |
| 373                                      | 290373 | 022210007709 | TRẦN HOÀNG       | NINH   | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 6.75 |          |
| 374                                      | 290374 | 022310003772 | PHẠM NGỌC        | OANH   | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 5.75 |          |
| 375                                      | 290375 | 022310007477 | PHẠM THU         | OANH   | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 3.75 |          |
| 376                                      | 290376 | 022210002610 | BÙI MINH         | PHÁT   | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.5          | 9.2   | 8.0  |          |
| 377                                      | 290377 | 022310003510 | NGUYỄN THỊ LAN   | PHI    | 16/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.0  |          |
| 378                                      | 290378 | 022210010307 | BÙI NAM          | PHONG  | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.5  |          |
| 379                                      | 290379 | 022210004830 | BÙI TRỊNH        | PHONG  | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.75 |          |
| 380                                      | 290380 | 022210003210 | LÊ ĐỖ LÂM        | PHONG  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 381                                      | 290381 | 022210001313 | NGÔ ĐÌNH         | PHONG  | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.25 |          |
| 382                                      | 290382 | 022210010851 | NGUYỄN ĐÌNH      | PHONG  | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 7.5  |          |
| 383                                      | 290383 | 022210011622 | NGUYỄN HAI       | PHONG  | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 0.5          | 3.0   | 2.25 |          |
| 384                                      | 290384 | 022210006693 | NGUYỄN HUY       | PHONG  | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.75 |          |
| 385                                      | 290385 | 022210009365 | NGUYỄN THANH     | PHONG  | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 2.75         | 5.4   | 7.5  |          |
| 386                                      | 290386 | 022210004072 | PHẠM HẢI         | PHONG  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.5  |          |
| 387                                      | 290387 | 022210002859 | TRẦN KIẾN        | PHONG  | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.5  |          |
| 388                                      | 290388 | 022210001801 | TRẦN NAM         | PHONG  | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 5.75 |          |
| 389                                      | 290389 | 022208008312 | HOÀNG MINH       | PHÚC   | 09/10/2008 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 390                                      | 290390 | 022210007174 | LÊ THÀNH         | PHÚC   | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.0  |          |
| 391                                      | 290391 | 022210004488 | NGUYỄN HỒNG      | PHÚC   | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.0  |          |
| 392                                      | 290392 | 022210010449 | TRỊNH THIÊN      | PHÚC   | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 7.5  |          |
| 393                                      | 290393 | 022310001365 | BÙI MAI          | PHƯƠNG | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Mường            | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 6.5  |          |
| 394                                      | 290394 | 022310001435 | ĐÌNH NGỌC        | PHƯƠNG | 09/09/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 3.6   | 5.0  |          |
| 395                                      | 290395 | 022310001154 | LÊ MINH          | PHƯƠNG | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.0  |          |
| 396                                      | 290396 | 022310006133 | NGUYỄN HUYỀN     | PHƯƠNG | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 4.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 397 | 290397 | 030310002330 | NGUYỄN MAI      | PHƯƠNG | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 5.25 |          |
| 398 | 290398 | 022310005579 | TRẦN THỊ MAI    | PHƯƠNG | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 7.25 |          |
| 399 | 290399 | 022310007502 | VŨ LAN          | PHƯƠNG | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 6.5  |          |
| 400 | 290400 | 022310002670 | VŨ PHƯƠNG       | PHƯƠNG | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.25 |          |
| 401 | 290401 | 022310002097 | VŨ THỊ MINH     | PHƯƠNG | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.5  |          |
| 402 | 290402 | 022310002550 | VŨ THỊ HỒNG     | PHƯƠNG | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 8.5          | 6.0   | 7.0  |          |
| 403 | 290403 | 022210001127 | BÙI ĐỨC         | QUANG  | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 5.75 |          |
| 404 | 290404 | 022210008301 | BÙI MINH        | QUÂN   | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 6.25 |          |
| 405 | 290405 | 022210002684 | TRẦN HOÀNG      | QUÂN   | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 6.75 |          |
| 406 | 290406 | 022210012339 | ĐINH KIẾN       | QUỐC   | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 6.5  |          |
| 407 | 290407 | 022210010913 | BÙI HUY         | QUYẾT  | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 3.75 |          |
| 408 | 290408 | 022210006857 | VŨ MẠNH         | QUYẾT  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 409 | 290409 | 022310008311 | CAO THỊ NHƯ     | QUỲNH  | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 6.5  |          |
| 410 | 290410 | 022310009451 | NGUYỄN NHƯ      | QUỲNH  | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.25 |          |
| 411 | 290411 | 022310004622 | TRẦN NHƯ        | QUỲNH  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 6.0  |          |
| 412 | 290412 | 022210003586 | NGUYỄN HOÀNG    | SANG   | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 4.5  |          |
| 413 | 290413 | 022210000747 | TRẦN DUY        | SÁNG   | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 8.0  |          |
| 414 | 290414 | 022210008816 | BÙI HẢI         | SƠN    | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 6.75 |          |
| 415 | 290415 | 022210002521 | BÙI THANH       | SƠN    | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 5.75 |          |
| 416 | 290416 | 022210000521 | KHẮC NGỌC       | SƠN    | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 3.25 |          |
| 417 | 290417 | 022210000085 | NGUYỄN THANH    | SƠN    | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.5  |          |
| 418 | 290418 | 022210005463 | VŨ HOÀNG        | SƠN    | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 6.75 |          |
| 419 | 290419 | 022210005269 | VŨ VĂN          | SỸ     | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 4.5  |          |
| 420 | 290420 | 022210012253 | PHÙNG ĐỨC       | TÀI    | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 2.25 |          |
| 421 | 290421 | 022210011050 | HOÀNG DUY       | TÂM    | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.25 |          |
| 422 | 290422 | 022310005119 | MAI THANH       | TÂM    | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.5          | 3.4   | 6.25 |          |
| 423 | 290423 | 022310003241 | VŨ LAN          | TÂY    | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 5.0  |          |
| 424 | 290424 | 022210005907 | NGÔ HOÀNG       | THẠCH  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 5.25 |          |
| 425 | 290425 | 022310005755 | NGUYỄN THỊ THU  | THANH  | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 7.5  |          |
| 426 | 290426 | 022310007616 | VŨ THỊ          | THANH  | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 7.25 |          |
| 427 | 290427 | 022210006884 | BÙI HẢI         | THÀNH  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 428 | 290428 | 022210001081 | BÙI HUY         | THÀNH  | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 5.5  |          |
| 429 | 290429 | 022210008714 | NGUYỄN CÔNG     | THÀNH  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 2.5  |          |
| 430 | 290430 | 022210000439 | VŨ QUANG        | THÀNH  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 4.75 |          |
| 431 | 290431 | 022310008848 | BÙI PHƯƠNG      | THẢO   | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 8.0  |          |
| 432 | 290432 | 022310008603 | BÙI THỊ         | THẢO   | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 6.5  |          |
| 433 | 290433 | 022310002322 | ĐINH PHƯƠNG     | THẢO   | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 8.75         | 8.2   | 8.75 |          |
| 434 | 290434 | 022310010280 | ĐINH THỊ PHƯƠNG | THẢO   | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 1.75         | 4.0   | 3.25 |          |
| 435 | 290435 | 022310002696 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG   | THẢO   | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.0  |          |
| 436 | 290436 | 022310011532 | LÊ PHƯƠNG       | THẢO   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 437 | 290437 | 022310007239 | NGÔ THỊ THẢO           | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.0  |          |
| 438 | 290438 | 022310006836 | NGUYỄN BÙI PHƯƠNG THẢO | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.0  |          |
| 439 | 290439 | 022310007289 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.75 |          |
| 440 | 290440 | 022310007900 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.75 |          |
| 441 | 290441 | 022310007572 | NGUYỄN THỊ THANH THẢO  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.25         | 7.2   | 6.0  |          |
| 442 | 290442 | 022310000479 | PHẠM PHƯƠNG THẢO       | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 1.25 |          |
| 443 | 290443 | 022310005082 | PHẠM PHƯƠNG THẢO       | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.75         | 4.0   | 8.0  |          |
| 444 | 290444 | 022310012663 | PHẠM THU THẢO          | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.0  |          |
| 445 | 290445 | 022310009812 | TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO   | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 3.5  |          |
| 446 | 290446 | 022310003597 | BÙI THỊ HÒA THẨM       | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 6.0  |          |
| 447 | 290447 | 022210012308 | ĐÀM HIẾU THẮNG         | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 3.75 |          |
| 448 | 290448 | 022210000374 | NGUYỄN ĐỨC THẮNG       | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 7.75 |          |
| 449 | 290449 | 022210012266 | NGUYỄN MẠNH THẮNG      | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 5.75 |          |
| 450 | 290450 | 022210002622 | NGUYỄN VIỆT THẮNG      | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 8.25 |          |
| 451 | 290451 | 022210000569 | HỒ VĂN THIÊN           | 02/08/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.5  |          |
| 452 | 290452 | 022310010442 | ĐOÀN THỊ KIM THOA      | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.0          | 4.8   | 6.25 |          |
| 453 | 290453 | 022310000524 | PHẠM ANH THƠ           | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 6.5  |          |
| 454 | 290454 | 022310007269 | BÙI HÀ THU             | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.25 |          |
| 455 | 290455 | 022310006596 | BÙI MINH THU           | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 5.75 |          |
| 456 | 290456 | 022310007673 | VŨ THỊ ÁNH THU         | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 6.5  |          |
| 457 | 290457 | 022310007938 | ĐOÀN THỊ NGỌC THUÝ     | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.5  |          |
| 458 | 290458 | 022310005733 | NGUYỄN VŨ THU THỦY     | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 4.5  |          |
| 459 | 290459 | 022310003165 | ĐINH THỊ THANH THÚY    | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 460 | 290460 | 022310010676 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 6.75 |          |
| 461 | 290461 | 022310003761 | BÙI KHÁNH THƯ          | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.5  |          |
| 462 | 290462 | 022310001934 | DƯƠNG THỊ ANH THƯ      | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 4.5  |          |
| 463 | 290463 | 022310002788 | NGÔ ANH THƯ            | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 4.25 |          |
| 464 | 290464 | 022310003125 | NGUYỄN THỊ ANH THƯ     | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.25 |          |
| 465 | 290465 | 022310009544 | PHÙNG THỊ ANH THƯ      | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.5  |          |
| 466 | 290466 | 022310003282 | VŨ MINH THƯ            | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 8.25         | 5.8   | 6.0  |          |
| 467 | 290467 | 022310000614 | VŨ MINH THƯ            | 20/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 468 | 290468 | 022310002483 | DƯƠNG THỊ THƯƠNG       | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 7.25 |          |
| 469 | 290469 | 022310005973 | NGÔ THỊ THƯƠNG         | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 5.75 |          |
| 470 | 290470 | 022310010189 | VŨ THƯƠNG THƯƠNG       | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 4.25 |          |
| 471 | 290471 | 022210003863 | BÙI BÁ TIỆP            | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 4.5          | 7.0   | 5.75 |          |
| 472 | 290472 | 000360543475 | LIÊU THANH TIỆP        | 15/03/2010 | Đài Loan   | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 3.0  |          |
| 473 | 290473 | 022210001223 | VŨ MINH TỐI            | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 5.0  |          |
| 474 | 290474 | 022310003946 | BÙI THỊ HUYỀN TRANG    | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 6.0  |          |
| 475 | 290475 | 022310003083 | BÙI THỊ HUYỀN TRANG    | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.0  |          |
| 476 | 290476 | 022310011862 | ĐÀM THỊ THU TRANG      | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 6.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 477 | 290477 | 022310001796 | ĐINH THỊ TRANG       | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.0  |          |
| 478 | 290478 | 022310011476 | ĐINH THỊ KIỀU TRANG  | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 479 | 290479 | 022310001562 | ĐINH THU TRANG       | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 6.0  |          |
| 480 | 290480 | 022310001408 | HÀ THỊ ĐOÀN TRANG    | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 6.0  |          |
| 481 | 290481 | 022310008814 | HOÀNG MAI TRANG      | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.0          | 4.6   | 3.0  |          |
| 482 | 290482 | 022310009548 | LÊ THỊ HUYỀN TRANG   | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.5          | 6.4   | 4.75 |          |
| 483 | 290483 | 022310003908 | NGUYỄN HUYỀN TRANG   | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 9.0  |          |
| 484 | 290484 | 022310003310 | NGUYỄN QUỲNH TRANG   | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 4.75 |          |
| 485 | 290485 | 022310006817 | NGUYỄN THỊ BẢO TRANG | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 7.0  |          |
| 486 | 290486 | 022310006175 | NGUYỄN THU TRANG     | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 3.0  |          |
| 487 | 290487 | 022310009041 | PHẠM HUYỀN TRANG     | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.25 |          |
| 488 | 290488 | 022310001346 | PHẠM QUỲNH TRANG     | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 3.8   | 6.0  |          |
| 489 | 290489 | 022310006794 | PHẠM QUỲNH TRANG     | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.0  |          |
| 490 | 290490 | 022310008325 | TRẦN QUỲNH TRANG     | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 4.75 |          |
| 491 | 290491 | 022310009469 | VŨ HUYỀN TRANG       | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 8.5  |          |
| 492 | 290492 | 022310006775 | VŨ THỊ THU TRANG     | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 1.75 |          |
| 493 | 290493 | 022310000691 | BÙI BẢO TRÂM         | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tân An            | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 6.5  |          |
| 494 | 290494 | 022310006465 | ĐINH THỊ TRÂM        | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.5          | 7.4   | 7.0  |          |
| 495 | 290495 | 022310005403 | ĐINH THỊ NGỌC TRÂM   | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 8.25 |          |
| 496 | 290496 | 022310004341 | HOÀNG BẢO TRÂM       | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 6.5  |          |
| 497 | 290497 | 022310002964 | NGUYỄN BẢO TRÂM      | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.25 |          |
| 498 | 290498 | 022310006896 | NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.25 |          |
| 499 | 290499 | 022210002665 | ĐÀM QUANG ĐỨC TRÍ    | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 8.0  |          |
| 500 | 290500 | 022210011231 | NGUYỄN MINH TRÍ      | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 8.5  |          |
| 501 | 290501 | 022210007320 | BÙI MINH TRIẾT       | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 5.5  |          |
| 502 | 290502 | 022210009929 | TRẦN ĐỨC TRỌNG       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 503 | 290503 | 022210008136 | BÙI HOÀNG TRUNG      | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.5          | 8.0   | 5.25 |          |
| 504 | 290504 | 022210008955 | VŨ NGUYỄN TIẾN TRUNG | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 7.5  |          |
| 505 | 290505 | 022310003859 | ĐỖ CẨM TÚ            | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 5.75 |          |
| 506 | 290506 | 022210008112 | VŨ MINH TÚ           | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 4.75 |          |
| 507 | 290507 | 022210012255 | ĐINH ANH TUẤN        | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 5.25 |          |
| 508 | 290508 | 022210007908 | ĐINH ĐỨC ANH TUẤN    | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 2.5  |          |
| 509 | 290509 | 022210003139 | LŨƠNG NGỌC TUẤN      | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 6.75 |          |
| 510 | 290510 | 022210002172 | NGUYỄN ANH TUẤN      | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tiên An           | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 7.0  |          |
| 511 | 290511 | 022210009698 | NGUYỄN ANH TUẤN      | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.25         | 8.6   | 5.25 |          |
| 512 | 290512 | 022210006520 | ĐINH HOÀNG TÙNG      | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 5.0  |          |
| 513 | 290513 | 022210000482 | LŨƠNG MINH TÙNG      | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 8.25         | 9.2   | 9.0  |          |
| 514 | 290514 | 022210000839 | NGUYỄN THÁI BẢO TÙNG | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 7.75 |          |
| 515 | 290515 | 022210007766 | VŨ HOÀNG TÙNG        | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.75 |          |
| 516 | 290516 | 022310002665 | ĐINH THỊ KIM TUYẾN   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |

**Đơn vị: Trường THPT Bạch Đằng (22000735)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 517 | 290517 | 022310009517 | BÙI THỊ ÁNH      | TUYẾT | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.0  |         |
| 518 | 290518 | 022310001192 | VŨ ÁNH           | TUYẾT | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 6.5  |         |
| 519 | 290519 | 022310003168 | VŨ THỊ ÁNH       | TUYẾT | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 7.0  |         |
| 520 | 290520 | 022210010306 | VŨ NGUYỄN BÁ     | TƯỜNG | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.25 |         |
| 521 | 290521 | 022310002810 | ĐẶNG THỊ TÚ      | UYÊN  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 6.25 |         |
| 522 | 290522 | 022310003315 | ĐẶNG KHÁNH       | VÂN   | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.5  |         |
| 523 | 290523 | 022310009388 | NGUYỄN HỒNG      | VÂN   | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 5.5          | 2.2   | 6.5  |         |
| 524 | 290524 | 022310002803 | NGUYỄN THỊ THANH | VÂN   | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 8.5  |         |
| 525 | 290525 | 022310005144 | NGUYỄN THỊ THANH | VÂN   | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 5.25 |         |
| 526 | 290526 | 022310010300 | VŨ THỊ BÍCH      | VÂN   | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 8.5  |         |
| 527 | 290527 | 022310003524 | VŨ THÚY          | VÂN   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 6.4   | 4.5  |         |
| 528 | 290528 | 022310004680 | NGÔ YÊN          | VI    | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 6.4   | 6.75 |         |
| 529 | 290529 | 022310006979 | NGUYỄN NGỌC      | VI    | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 5.5  |         |
| 530 | 290530 | 022310004896 | TRẦN YẾN         | VI    | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.75 |         |
| 531 | 290531 | 022210002282 | PHẠM XUÂN        | VIÊN  | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 8.0  |         |
| 532 | 290532 | 022210011430 | HOÀNG NGỌC       | VIỆT  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 5.75 |         |
| 533 | 290533 | 022210004852 | NGUYỄN PHÚ       | VINH  | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.75         | 9.4   | 8.5  |         |
| 534 | 290534 | 022210012020 | NGUYỄN THÀNH     | VINH  | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 7.0  |         |
| 535 | 290535 | 022210000913 | PHẠM NHỮ QUANG   | VINH  | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hoàng Tân   | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 4.25 |         |
| 536 | 290536 | 022210007504 | NGUYỄN TUẤN      | VŨ    | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 4.75         | 6.4   | 4.0  |         |
| 537 | 290537 | 022210003516 | ĐỖ MINH          | VƯƠNG | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 7.25 |         |
| 538 | 290538 | 022310000027 | BÙI THỊ HÀ       | VY    | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.5  |         |
| 539 | 290539 | 022310006994 | LÊ KIM HẠ        | VY    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.5  |         |
| 540 | 290540 | 022310000626 | LÊ VŨ PHƯƠNG     | VY    | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Sông Khoai  | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 5.5  |         |
| 541 | 290541 | 022310003927 | NGÔ THỊ THUỶ     | VY    | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.25         | 8.0   | 6.25 |         |
| 542 | 290542 | 022310006690 | NGUYỄN VŨ HÀ     | VY    | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn | Tiếng Anh | 5.25         | 8.0   | 8.5  |         |
| 543 | 290543 | 022310000645 | ĐINH THỊ THANH   | XUÂN  | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.5  |         |
| 544 | 290544 | 022310008836 | BÙI THỊ          | XUYỀN | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hiệp Hòa          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 4.0  |         |
| 545 | 290545 | 022310005838 | ĐÀO THỊ KIM      | YÊN   | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hà An             | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 5.75 |         |
| 546 | 290546 | 036310010078 | PHẠM HẢI         | YÊN   | 15/01/2010 | Hà Nam     | Nữ        |                  | THCS Trần Hưng Đạo     | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.0  |         |

*(Danh sách này gồm có 546 thí sinh)*



SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 300001 | 022210006416 | BÙI TRƯỜNG AN        | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 5.0  |         |
| 2   | 300002 | 022210011003 | HOÀNG KIỀU AN        | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 1.0  |         |
| 3   | 300003 | 022310005368 | BÙI QUỲNH ANH        | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 6.75 |         |
| 4   | 300004 | 022310010109 | BÙI QUỲNH ANH        | 31/03/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 4.5  |         |
| 5   | 300005 | 022310010229 | BÙI THỊ MAI ANH      | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 4.75 |         |
| 6   | 300006 | 022310011497 | BÙI THỊ THẢO ANH     | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.25 |         |
| 7   | 300007 | 022310008444 | BÙI THỊ TRÂM ANH     | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 4.0  |         |
| 8   | 300008 | 022310004300 | BÙI VĂN ANH          | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.5  |         |
| 9   | 300009 | 022310009115 | CAO MAI ANH          | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.25 |         |
| 10  | 300010 | 022310011029 | DƯƠNG THỊ THẢO ANH   | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 5.5  |         |
| 11  | 300011 | 022210005054 | ĐÀO VIỆT ANH         | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 4.0  |         |
| 12  | 300012 | 022310002206 | ĐẶNG HOÀI ANH        | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 7.75 |         |
| 13  | 300013 | 022310006809 | ĐẶNG NGỌC HÀ ANH     | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 6.0  |         |
| 14  | 300014 | 022210004214 | ĐỖ HẢI ANH           | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 6.0  |         |
| 15  | 300015 | 022210012413 | HOÀNG HẢI ANH        | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 3.0          | 6.8   | 4.25 |         |
| 16  | 300016 | 022310002069 | HOÀNG THỊ NGỌC ANH   | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 5.75 |         |
| 17  | 300017 | 022210010998 | HOÀNG TUẤN ANH       | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.75 |         |
| 18  | 300018 | 022210000534 | LÊ ĐỨC ANH           | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.5  |         |
| 19  | 300019 | 022310011109 | LÊ QUỲNH ANH         | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 7.25 |         |
| 20  | 300020 | 022310005092 | LÊ THỊ BẢO ANH       | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 6.0  |         |
| 21  | 300021 | 022310004440 | LÊ THỊ MỸ ANH        | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 3.5  |         |
| 22  | 300022 | 022310000281 | LÊ THỊ NGỌC ANH      | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.5  |         |
| 23  | 300023 | 011310000161 | LÊ THỊ NGỌC ANH      | 16/07/2010 | Điện Biên  | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 4.5  |         |
| 24  | 300024 | 022310000802 | LÊ THỊ TUYẾT ANH     | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 2.0  |         |
| 25  | 300025 | 022310006431 | LÊ THU HOÀN ANH      | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 4.5  |         |
| 26  | 300026 | 022210010351 | NGÔ HOÀNG ANH        | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 1.25 |         |
| 27  | 300027 | 022310002955 | NGÔ THỊ LAN ANH      | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 5.25 |         |
| 28  | 300028 | 022210011378 | NGUYỄN DƯƠNG HẢI ANH | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Hùng Thắng                 | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 3.0  |         |
| 29  | 300029 | 022210021038 | NGUYỄN ĐỨC ANH       | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 5.75 |         |
| 30  | 300030 | 022310000685 | NGUYỄN HÀ ANH        | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.5  |         |
| 31  | 300031 | 022310000634 | NGUYỄN HOÀNG ANH     | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 6.0  |         |
| 32  | 300032 | 022210000567 | NGUYỄN HOÀNG DUY ANH | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 1.25 |         |
| 33  | 300033 | 022310011739 | NGUYỄN LAN ANH       | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 4.75 |         |
| 34  | 300034 | 022310001660 | NGUYỄN MAI ANH       | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 5.25 |         |
| 35  | 300035 | 022310009296 | NGUYỄN NGỌC ANH      | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 5.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 36  | 300036 | 022310011873 | NGUYỄN NGỌC      | ANH   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 7.5  |         |
| 37  | 300037 | 022310008759 | NGUYỄN THỊ DIỆP  | ANH   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 6.0  |         |
| 38  | 300038 | 022310004927 | NGUYỄN THỊ MAI   | ANH   | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 39  | 300039 | 022310001865 | NGUYỄN THỊ MAI   | ANH   | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 5.25 |         |
| 40  | 300040 | 022310007815 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | ANH   | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 6.0  |         |
| 41  | 300041 | 022310002588 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | ANH   | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 5.75 |         |
| 42  | 300042 | 022210003453 | NGUYỄN VĂN VIỆT  | ANH   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 5.0  |         |
| 43  | 300043 | 022310001196 | PHẠM PHƯƠNG      | ANH   | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 6.0  |         |
| 44  | 300044 | 022210008682 | PHẠM THẾ         | ANH   | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 3.75         | 1.8   | 2.0  |         |
| 45  | 300045 | 022310010429 | TRINH VŨ NHƯ     | ANH   | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 5.25 |         |
| 46  | 300046 | 022310001671 | VŨ PHƯƠNG        | ANH   | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 6.5  |         |
| 47  | 300047 | 022310007679 | VŨ PHƯƠNG        | ANH   | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 3.75 |         |
| 48  | 300048 | 022310008946 | VŨ THỊ HÀ        | ANH   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.0  |         |
| 49  | 300049 | 022310011255 | VŨ THỊ HOÀNG     | ANH   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 4.25 |         |
| 50  | 300050 | 022310011910 | VŨ THỊ PHƯƠNG    | ANH   | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 2.5  |         |
| 51  | 300051 | 022310006463 | VŨ THỊ VIỆT      | ANH   | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 8.0  |         |
| 52  | 300052 | 022310001396 | VŨ TRÂM          | ANH   | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 6.25 |         |
| 53  | 300053 | 022210004567 | VŨ TUẤN          | ANH   | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 6.75 |         |
| 54  | 300054 | 022210003070 | VŨ VIỆT          | ANH   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 6.5  |         |
| 55  | 300055 | 022210000621 | VŨ VIỆT          | ANH   | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 1.5  |         |
| 56  | 300056 | 022310003389 | NGUYỄN THỊ HẢI   | ẢNH   | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.75 |         |
| 57  | 300057 | 022210011014 | VŨ VIỆT TÙNG     | BÁCH  | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 8.5  |         |
| 58  | 300058 | 026210019995 | NGUYỄN HỮU       | BÌNH  | 01/05/2010 | Vĩnh Phúc  | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 8.0  |         |
| 59  | 300059 | 022210012640 | HOÀNG TÙNG       | BƯU   | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 6.25 |         |
| 60  | 300060 | 022210012629 | ĐỖ MINH          | CHÂU  | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.0  |         |
| 61  | 300061 | 022310008245 | DƯƠNG THỊ HÀ     | CHI   | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 4.25 |         |
| 62  | 300062 | 022310007583 | HOÀNG THỊ MAI    | CHI   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 3.0  |         |
| 63  | 300063 | 022310002124 | NGÔ THỦY         | CHI   | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 8.5          | 8.2   | 7.0  |         |
| 64  | 300064 | 022310004240 | NGUYỄN NGỌC TÙNG | CHI   | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 6.75 |         |
| 65  | 300065 | 022310004636 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | CHI   | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 5.75 |         |
| 66  | 300066 | 022310000405 | TRẦN YẾN         | CHI   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 4.25 |         |
| 67  | 300067 | 022310011670 | VŨ HOÀNG YẾN     | CHI   | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.75 |         |
| 68  | 300068 | 022310003141 | VŨ THỊ THẢO      | CHI   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 8.0  |         |
| 69  | 300069 | 022310006445 | VŨ THỊ YẾN       | CHI   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 3.75 |         |
| 70  | 300070 | 022210001472 | NGUYỄN MINH      | CHỈ   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.0  |         |
| 71  | 300071 | 022210006469 | VŨ HỮU           | CHIẾN | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 2.25         | 4.2   | 3.5  |         |
| 72  | 300072 | 022210011525 | TRẦN VIỆT        | CHUNG | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 6.25 |         |
| 73  | 300073 | 022210004586 | VŨ THÀNH         | CHUNG | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 6.0  |         |
| 74  | 300074 | 022210004589 | VŨ ĐỨC           | CÔNG  | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 5.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 75  | 300075 | 022310009188 | BÙI THỊ CÚC           | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 7.5  |         |
| 76  | 300076 | 022210012634 | CAO MẠNH CUÔNG        | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 7.75 |         |
| 77  | 300077 | 022210005474 | DƯƠNG MẠNH CUÔNG      | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 1.5  |         |
| 78  | 300078 | 022310000735 | ĐÀO NGỌC DIỄM         | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 7.5  |         |
| 79  | 300079 | 022310003977 | VŨ THỊ DỊU            | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 2.25 |         |
| 80  | 300080 | 022210013180 | ĐỖ THÀNH DOANH        | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiên Phong          | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 4.75 |         |
| 81  | 300081 | 022310001552 | NGÔ THỦY DUNG         | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 2.75 |         |
| 82  | 300082 | 022310011994 | VŨ THỊ DUNG           | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.75 |         |
| 83  | 300083 | 022310005320 | VŨ THỦY DUNG          | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 5.25 |         |
| 84  | 300084 | 022310003479 | VŨ THỦY DUNG          | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 5.5  |         |
| 85  | 300085 | 022210001850 | NGÔ MẠNH DŨNG         | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 4.75 |         |
| 86  | 300086 | 022210001395 | NGÔ QUANG DŨNG        | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 4.0  |         |
| 87  | 300087 | 022210010427 | NGUYỄN QUANG DŨNG     | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 7.0  |         |
| 88  | 300088 | 022210008676 | NGUYỄN TẤN DŨNG       | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 3.75 |         |
| 89  | 300089 | 022210005453 | NGUYỄN TUẤN DŨNG      | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 2.75 |         |
| 90  | 300090 | 022210010040 | BÙI VĂN VŨ DUY        | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 5.5  |         |
| 91  | 300091 | 022209013359 | HOÀNG MẠNH DUY        | 17/06/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 3.5          | 2.2   | 2.5  |         |
| 92  | 300092 | 022210001997 | LÊ MẠNH DUY           | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.75 |         |
| 93  | 300093 | 022310000104 | NGUYỄN THỊ HẢI DUYỀN  | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.0  |         |
| 94  | 300094 | 022210012664 | ĐỖ TIẾN DƯƠNG         | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 5.25 |         |
| 95  | 300095 | 022210008249 | LÊ VIỆT DƯƠNG         | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.75 |         |
| 96  | 300096 | 022310009673 | NGÔ THỊ THỦY DƯƠNG    | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 5.25 |         |
| 97  | 300097 | 022310004499 | NGUYỄN ÁNH DƯƠNG      | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 7.0  |         |
| 98  | 300098 | 022310009375 | NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG  | 27/12/2010 | Đồng Nai   | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.0  |         |
| 99  | 300099 | 022310005588 | NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 5.0  |         |
| 100 | 300100 | 022310008905 | NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 4.0  |         |
| 101 | 300101 | 022310004610 | NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 3.75 |         |
| 102 | 300102 | 022210009360 | NGUYỄN TÙNG DƯƠNG     | 27/01/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 6.0  |         |
| 103 | 300103 | 022210009753 | VŨ TÙNG DƯƠNG         | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 3.25         | 2.4   | 1.25 |         |
| 104 | 300104 | 022210004669 | VŨ ĐÌNH ĐẠI           | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 6.0  |         |
| 105 | 300105 | 022210007547 | BÙI THÀNH ĐẠT         | 15/06/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 4.0  |         |
| 106 | 300106 | 022210007429 | DƯƠNG TIẾN ĐẠT        | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 1.25         | 4.0   | 1.5  |         |
| 107 | 300107 | 022210007474 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT      | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.25 |         |
| 108 | 300108 | 022210012476 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT       | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 6.75 |         |
| 109 | 300109 | 022210001018 | PHẠM NHỮ TIẾN ĐẠT     | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 2.25 |         |
| 110 | 300110 | 022210001829 | TRẦN THÀNH ĐẠT        | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 2.0  |         |
| 111 | 300111 | 022210011169 | TRẦN VĂN ĐẠT          | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 6.25 |         |
| 112 | 300112 | 022210001493 | VŨ ĐẮC ĐẠT            | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 7.75 |         |
| 113 | 300113 | 022210011339 | VŨ TIẾN ĐẠT           | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 114 | 300114 | 022210010146 | VŨ VĂN ĐẠT           | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 5.75 |         |
| 115 | 300115 | 022210002238 | NGUYỄN HUY ĐIỀN      | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 7.25 |         |
| 116 | 300116 | 022210012581 | CAO BẢ ĐIỆP          | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.0  |         |
| 117 | 300117 | 022210002829 | LÊ QUANG ĐIỀU        | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.75 |         |
| 118 | 300118 | 022210002385 | BÙI HUY ĐỨC          | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 8.75 |         |
| 119 | 300119 | 022210004220 | BÙI TRUNG ĐỨC        | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.75 |         |
| 120 | 300120 | 022210001458 | ĐƯƠNG CAO ANH ĐỨC    | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.0  |         |
| 121 | 300121 | 001210037060 | LƯƠNG MINH ĐỨC       | 20/11/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 8.25 |         |
| 122 | 300122 | 022210009867 | PHẠM MINH ĐỨC        | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 6.25 |         |
| 123 | 300123 | 022210006104 | VŨ ĐỨC               | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.75 |         |
| 124 | 300124 | 022210011281 | VŨ NGUYỄN ĐỨC        | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 3.5  |         |
| 125 | 300125 | 022310011524 | HOÀNG THỊ NGỌC GIANG | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.5  |         |
| 126 | 300126 | 022310008679 | LÊ DƯƠNG LINH GIANG  | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 4.25 |         |
| 127 | 300127 | 022310010017 | LÊ HƯƠNG GIANG       | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 5.0  |         |
| 128 | 300128 | 022310007802 | NGÔ HƯƠNG GIANG      | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 5.75 |         |
| 129 | 300129 | 022310001895 | NGUYỄN HÀ GIANG      | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 3.25 |         |
| 130 | 300130 | 022210010718 | NGUYỄN TRƯỜNG GIANG  | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 7.25 |         |
| 131 | 300131 | 022210005659 | NGUYỄN VĂN GIANG     | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 3.25 |         |
| 132 | 300132 | 022210013226 | LÊ VĂN GIỚI          | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 5.5  |         |
| 133 | 300133 | 022210005399 | VŨ VĂN GIỚI          | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 2.6   | 4.75 |         |
| 134 | 300134 | 022310012034 | LÊ THỊ HÀ            | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 5.0  |         |
| 135 | 300135 | 022310010905 | LÊ THỊ HÀ            | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 5.25 |         |
| 136 | 300136 | 022310006725 | NGÔ THỊ HÀ           | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 4.5  |         |
| 137 | 300137 | 022310007825 | NGUYỄN NGÂN HÀ       | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 6.25 |         |
| 138 | 300138 | 022310011762 | NGUYỄN NGỌC HÀ       | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 3.75         | 6.8   | 5.0  |         |
| 139 | 300139 | 022210008849 | NGÔ QUANG HẢI        | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 4.75 |         |
| 140 | 300140 | 022210007355 | VŨ LONG HẢI          | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.25 |         |
| 141 | 300141 | 022310011839 | NGUYỄN THỊ HẠNH      | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.25 |         |
| 142 | 300142 | 022310002285 | VŨ THỊ HỒNG HẠNH     | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.5  |         |
| 143 | 300143 | 022310007358 | LÊ PHƯƠNG HẰNG       | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.75 |         |
| 144 | 300144 | 022310011044 | LÊ THỊ DIỄM HẰNG     | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.0  |         |
| 145 | 300145 | 022310012699 | NGUYỄN BÍCH HẰNG     | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 3.5  |         |
| 146 | 300146 | 022310001300 | NGUYỄN THANH HẰNG    | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 5.25 |         |
| 147 | 300147 | 022310005057 | NGUYỄN THỊ MINH HẰNG | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 3.0  |         |
| 148 | 300148 | 022309009174 | VŨ THỊ THÚY HẰNG     | 27/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.75         | 2.2   | 3.25 |         |
| 149 | 300149 | 022310009354 | ĐỖ NGỌC HÂN          | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 4.75 |         |
| 150 | 300150 | 022310000624 | HOÀNG LÊ NGỌC HÂN    | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 2.25 |         |
| 151 | 300151 | 022310005582 | LÊ THỊ HẬU           | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 4.25 |         |
| 152 | 300152 | 022310006958 | VŨ THỊ HIỀN          | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 4.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 153 | 300153 | 022310010861 | ĐỖ THU           | HIỀN  | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 7.5          | 4.0   | 4.25 |         |
| 154 | 300154 | 022310002902 | NGUYỄN PHƯƠNG    | HIỀN  | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.0  |         |
| 155 | 300155 | 022310002055 | TRẦN THU         | HIỀN  | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 4.0  |         |
| 156 | 300156 | 022310010404 | VŨ THU           | HIỀN  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 6.75 |         |
| 157 | 300157 | 022210010036 | VŨ TRUNG         | HIỀN  | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.25 |         |
| 158 | 300158 | 022210007456 | NGUYỄN HUY       | HIỆP  | 19/08/2010 | Vĩnh Phúc  | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 2.0  |         |
| 159 | 300159 | 022210003946 | BÙI TRUNG        | HIẾU  | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 6.75 |         |
| 160 | 300160 | 022210007727 | HOÀNG TRUNG      | HIẾU  | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 6.75 |         |
| 161 | 300161 | 022210003977 | LÊ CÔNG          | HIẾU  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 4.5  |         |
| 162 | 300162 | 022210007658 | NGUYỄN HOÀNG     | HIẾU  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 1.75 |         |
| 163 | 300163 | 022210007769 | NGUYỄN TRUNG     | HIẾU  | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 0.5  |         |
| 164 | 300164 | 022310012024 | ĐỖ NGỌC          | HOA   | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 165 | 300165 | 022310004607 | LÊ THỊ           | HOA   | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 6.25         | 2.6   | 3.25 |         |
| 166 | 300166 | 022310005238 | NGUYỄN THỊ       | HOA   | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.0  |         |
| 167 | 300167 | 022310008429 | NGUYỄN THỊ       | HOA   | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 7.5  |         |
| 168 | 300168 | 022310009311 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | HOA   | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 3.25 |         |
| 169 | 300169 | 022310009621 | VŨ QUỲNH         | HOA   | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.75         | 2.4   | 4.25 |         |
| 170 | 300170 | 022310006007 | VŨ THỊ           | HOA   | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 4.5  |         |
| 171 | 300171 | 022310005849 | VŨ THỊ NGỌC      | HOA   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 4.5  |         |
| 172 | 300172 | 022210012628 | NGUYỄN ĐỨC       | HÒA   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 4.75 |         |
| 173 | 300173 | 022210010627 | VŨ TRỌNG         | HÒA   | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 5.25 |         |
| 174 | 300174 | 022310009651 | BÙI THỊ THU      | HOÀI  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 6.25 |         |
| 175 | 300175 | 022310002872 | ĐỖ THỊ           | HOÀI  | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 5.25 |         |
| 176 | 300176 | 022210007194 | VŨ ĐỨC           | HOÀN  | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 4.5  |         |
| 177 | 300177 | 022210006811 | ĐẶNG VIỆT        | HOÀNG | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.5  |         |
| 178 | 300178 | 022210013179 | PHẠM HUY         | HOÀNG | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 5.75 |         |
| 179 | 300179 | 022210009324 | VŨ DUY           | HOÀNG | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 6.25 |         |
| 180 | 300180 | 022210007890 | BÙI QUÂN         | HUẤN  | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 2.0  |         |
| 181 | 300181 | 022210012197 | VŨ VĂN QUANG     | HUẤN  | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 6.0  |         |
| 182 | 300182 | 022310000961 | LÊ THỊ           | HUỆ   | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 6.25 |         |
| 183 | 300183 | 022310009658 | NGUYỄN THỊ       | HUỆ   | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 2.5  |         |
| 184 | 300184 | 022310005575 | PHẠM KIM         | HUỆ   | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 6.0  |         |
| 185 | 300185 | 022210000833 | ĐÀO ĐỨC          | HÙNG  | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.0  |         |
| 186 | 300186 | 022210001145 | LƯU VĂN          | HÙNG  | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 2.75 |         |
| 187 | 300187 | 022210006982 | NGÔ ĐỨC          | HÙNG  | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.25         | 2.6   | 5.5  |         |
| 188 | 300188 | 022210007924 | TÔ MẠNH          | HÙNG  | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.75         | 4.2   | 6.5  |         |
| 189 | 300189 | 022210005747 | TRẦN ĐỨC         | HÙNG  | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 5.5  |         |
| 190 | 300190 | 022210008902 | VŨ ĐẮC           | HÙNG  | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 1.6   | 4.5  |         |
| 191 | 300191 | 022210002024 | ĐƯƠNG KIẾN       | HUY   | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 4.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 192 | 300192 | 022210010092 | ĐẶNG QUANG       | HUY   | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.5  |         |
| 193 | 300193 | 022210012635 | LÊ CAO GIA       | HUY   | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 3.5  |         |
| 194 | 300194 | 022210000087 | NGUYỄN HỮU       | HUY   | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 3.5  |         |
| 195 | 300195 | 022210004799 | PHẠM GIA         | HUY   | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 1.75 |         |
| 196 | 300196 | 022210004716 | VŨ PHAN NHẬT     | HUY   | 30/10/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 3.5          | 7.0   | 8.25 |         |
| 197 | 300197 | 022210004957 | VŨ VĂN           | HUY   | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 5.25 |         |
| 198 | 300198 | 022310005417 | BÙI KHÁNH        | HUYỀN | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 5.25 |         |
| 199 | 300199 | 022310012062 | ĐỖ THỊ NHƯ       | HUYỀN | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.25 |         |
| 200 | 300200 | 022308009522 | LÊ THỊ           | HUYỀN | 02/07/2008 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 6.5          | 2.0   | 3.75 |         |
| 201 | 300201 | 022310007216 | LƯU THỊ KHÁNH    | HUYỀN | 23/04/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 7.75         | 4.4   | 5.75 |         |
| 202 | 300202 | 022310009171 | NGÔ KHÁNH        | HUYỀN | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 6.75 |         |
| 203 | 300203 | 022310006198 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 5.5  |         |
| 204 | 300204 | 022310004724 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 6.75 |         |
| 205 | 300205 | 022310005811 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HUYỀN | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 8.0  |         |
| 206 | 300206 | 022310007438 | PHẠM THỊ KHÁNH   | HUYỀN | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.25 |         |
| 207 | 300207 | 022310003309 | VŨ VŨ KHÁNH      | HUYỀN | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.25 |         |
| 208 | 300208 | 022210012546 | BÙI DUY          | HƯNG  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 1.5  |         |
| 209 | 300209 | 022210001148 | VŨ TIẾN          | HƯNG  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 6.75 |         |
| 210 | 300210 | 022310001996 | ĐỖ THỊ           | HƯƠNG | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 7.0  |         |
| 211 | 300211 | 022310012606 | ĐỖ THỊ CÚC       | HƯƠNG | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 4.75 |         |
| 212 | 300212 | 022310007916 | LÊ THỊ           | HƯƠNG | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 4.25 |         |
| 213 | 300213 | 022310008188 | LÊ THỊ MAI       | HƯƠNG | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 6.75 |         |
| 214 | 300214 | 022310004398 | NGUYỄN MAI       | HƯƠNG | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.25 |         |
| 215 | 300215 | 022310001383 | NGUYỄN THỊ       | HƯƠNG | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 6.75 |         |
| 216 | 300216 | 022310011601 | NGUYỄN THỊ       | HƯƠNG | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 6.25 |         |
| 217 | 300217 | 022310006028 | VŨ THỊ MAI       | HƯƠNG | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 6.75 |         |
| 218 | 300218 | 022310010094 | DƯƠNG THỊ        | HƯƠNG | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 4.0  |         |
| 219 | 300219 | 022210010365 | PHẠM THỂ         | HỠ    | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 5.75 |         |
| 220 | 300220 | 022209013369 | ĐẶNG BẢO         | KHÁNH | 30/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 0.25 |         |
| 221 | 300221 | 022210005472 | NGÔ DUY          | KHÁNH | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 5.75 |         |
| 222 | 300222 | 022210000857 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 4.5  |         |
| 223 | 300223 | 022210003150 | NGUYỄN VĂN       | KHÁNH | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 6.0  |         |
| 224 | 300224 | 022210002644 | PHẠM ĐỨC         | KHÁNH | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 3.75         | 2.0   | 5.5  |         |
| 225 | 300225 | 022210011415 | VŨ NAM           | KHÁNH | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 3.5  |         |
| 226 | 300226 | 022210000698 | NGUYỄN ĐĂNG      | KHOA  | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.5  |         |
| 227 | 300227 | 022210008701 | LÊ PHẠM ĐĂNG     | KHÔI  | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 7.5  |         |
| 228 | 300228 | 022210007867 | NGUYỄN VĂN       | KHÔI  | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 6.5  |         |
| 229 | 300229 | 022210009969 | LÊ TRUNG         | KIÊN  | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 4.0  |         |
| 230 | 300230 | 022210001623 | NGUYỄN TRUNG     | KIÊN  | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 4.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|--------------------|------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                    |      |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 231 | 300231 | 022210003650 | PHẠM TRUNG         | KIÊN | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 4.0  |          |
| 232 | 300232 | 022210000004 | ĐỖ TUẤN            | KIỆT | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 6.0  |          |
| 233 | 300233 | 022210005528 | NGUYỄN TÂN         | KIỆT | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 6.25 |          |
| 234 | 300234 | 022210004625 | NGUYỄN TRƯỞNG QUỐC | KIỆT | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 5.25 |          |
| 235 | 300235 | 022210002039 | NGUYỄN VŨ TUẤN     | KIỆT | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo                    | Tiếng Anh | 1.75         | 3.8   | 5.0  |          |
| 236 | 300236 | 022310007257 | CAO THỊ DIỄM       | KIỀU | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 4.5  |          |
| 237 | 300237 | 022310006422 | ĐỖ THỊ NGỌC        | LAN  | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 4.75 |          |
| 238 | 300238 | 022310001760 | LÊ THỊ MAI         | LAN  | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 5.5  |          |
| 239 | 300239 | 022310002747 | VŨ THỊ HƯƠNG       | LAN  | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 4.25 |          |
| 240 | 300240 | 022310007660 | VŨ THỊ PHƯƠNG      | LAN  | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 5.5  |          |
| 241 | 300241 | 022210000954 | CAO THANH          | LÂM  | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 4.5  |          |
| 242 | 300242 | 022210003916 | HOÀNG TÙNG         | LÂM  | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 5.5  |          |
| 243 | 300243 | 022210000786 | NGUYỄN THẾ         | LÂM  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 5.25 |          |
| 244 | 300244 | 022210009449 | TRẦN XUÂN          | LÂM  | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.5  |          |
| 245 | 300245 | 022310001616 | LÊ THỊ LOONG       | LENG | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 4.75 |          |
| 246 | 300246 | 022310012031 | LÊ THỊ             | LỆ   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 6.75 |          |
| 247 | 300247 | 022310000736 | PHẠM THỊ MỸ        | LIÊN | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.5  |          |
| 248 | 300248 | 022310009488 | DƯƠNG THỊ THÙY     | LINH | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 4.25 |          |
| 249 | 300249 | 022310000689 | DƯƠNG THỦY         | LINH | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 4.75 |          |
| 250 | 300250 | 022310001565 | ĐÀO PHƯƠNG         | LINH | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 7.25 |          |
| 251 | 300251 | 022310008644 | ĐOÀN MAI           | LINH | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.75 |          |
| 252 | 300252 | 022310012063 | ĐỖ KHÁNH           | LINH | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.0  |          |
| 253 | 300253 | 022310000625 | ĐỖ THỊ HÀ          | LINH | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 3.0  |          |
| 254 | 300254 | 031310017045 | HOÀNG THỦY         | LINH | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 6.25 |          |
| 255 | 300255 | 022310009113 | LÂM THỊ THÙY       | LINH | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 5.25 |          |
| 256 | 300256 | 022310006237 | NGÔ KHÁNH          | LINH | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 7.25 |          |
| 257 | 300257 | 022310007798 | NGUYỄN KHÁNH       | LINH | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 258 | 300258 | 022310007320 | NGUYỄN NGỌC        | LINH | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 3.0  |          |
| 259 | 300259 | 022210008634 | NGUYỄN VĂN         | LINH | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 260 | 300260 | 022310008883 | PHẠM KHÁNH         | LINH | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 6.75 |          |
| 261 | 300261 | 022310001602 | PHẠM THỊ THÙY      | LINH | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 4.25 |          |
| 262 | 300262 | 022310007712 | VŨ KHÁNH           | LINH | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.25 |          |
| 263 | 300263 | 022310000623 | VŨ LÊ HẢI          | LINH | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 3.25 |          |
| 264 | 300264 | 022310003930 | LÊ NGỌC            | LOAN | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 4.0  |          |
| 265 | 300265 | 022210004138 | NGUYỄN HOÀNG       | LONG | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 7.75 |          |
| 266 | 300266 | 022210001221 | NGUYỄN HUY         | LONG | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 6.25 |          |
| 267 | 300267 | 022210003514 | NGUYỄN THÀNH       | LONG | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 4.0  |          |
| 268 | 300268 | 022210012633 | NGUYỄN THẾ         | LONG | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 2.75 |          |
| 269 | 300269 | 022210001172 | VŨ BẢO             | LONG | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 270 | 300270 | 022310000096 | LÊ THỊ LUYẾN        | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 7.25 |         |
| 271 | 300271 | 022210001248 | TRẦN ĐỨC LƯƠNG      | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.75 |         |
| 272 | 300272 | 022310005379 | BUI THỊ KHÁNH LY    | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 6.5  |         |
| 273 | 300273 | 022310009077 | BUI THỊ THẢO LY     | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 2.5  |         |
| 274 | 300274 | 022310008069 | PHẠM THỊ CẨM LY     | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 6.0  |         |
| 275 | 300275 | 022310011586 | VŨ THỊ LY           | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 2.0  |         |
| 276 | 300276 | 022310005075 | ĐẶNG THỊ PHƯƠNG MAI | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 2.4   | 3.0  |         |
| 277 | 300277 | 022310000277 | LÊ THỊ THANH MAI    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.25         | 2.2   | 2.75 |         |
| 278 | 300278 | 022310003925 | NGUYỄN THỊ MAI      | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 8.0  |         |
| 279 | 300279 | 022310002766 | TÔ NGỌC MAI         | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 6.5  |         |
| 280 | 300280 | 022210002891 | LÊ ĐỨC MẠNH         | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 4.5  |         |
| 281 | 300281 | 022210006501 | LÊ SỸ MẠNH          | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 282 | 300282 | 022210011941 | PHẠM HỮU MẠNH       | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 5.25 |         |
| 283 | 300283 | 022210004296 | DƯƠNG QUANG MINH    | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 5.25 |         |
| 284 | 300284 | 022210005174 | NGUYỄN HỮU MINH     | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.5  |         |
| 285 | 300285 | 022210011571 | NGUYỄN QUANG MINH   | 22/01/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 6.25 |         |
| 286 | 300286 | 022210004933 | TÔ QUANG MINH       | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 3.25 |         |
| 287 | 300287 | 022210011600 | VŨ QUANG MINH       | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 8.0  |         |
| 288 | 300288 | 022210000765 | VŨ TRỌNG MINH       | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 2.75 |         |
| 289 | 300289 | 022310005767 | BUI THỊ THẢO MY     | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 6.0  |         |
| 290 | 300290 | 022310004879 | BUI THỊ TRÀ MY      | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.25 |         |
| 291 | 300291 | 022310002082 | LÊ THỊ HUYỀN MY     | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiên Phong          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 4.75 |         |
| 292 | 300292 | 022310009633 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY   | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.5  |         |
| 293 | 300293 | 022310004596 | NGUYỄN TRÀ MY       | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 6.0  |         |
| 294 | 300294 | 022310000732 | TRẦN THỊ TRÀ MY     | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 4.75 |         |
| 295 | 300295 | 022210013242 | ĐỖ HOÀNG NAM        | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 5.25 |         |
| 296 | 300296 | 022210006383 | PHÙNG ĐỨC BẢO NAM   | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 8.0  |         |
| 297 | 300297 | 022210009906 | VŨ ĐỨC BẢO NAM      | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Hưng Đạo                    | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 6.5  |         |
| 298 | 300298 | 022310009403 | BUI THỊ NGÀ         | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 2.5          | 4.4   | 2.25 |         |
| 299 | 300299 | 022310002652 | BUI THỊ MAI NGÀ     | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.5  |         |
| 300 | 300300 | 022310008757 | HOÀNG THỊ TUYẾT NGÀ | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 1.75 |         |
| 301 | 300301 | 022310003721 | NGÔ THANH NGÀ       | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 4.25 |         |
| 302 | 300302 | 022310005000 | DƯƠNG BÍCH NGÂN     | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 6.25 |         |
| 303 | 300303 | 022310002853 | LÊ THỊ KIM NGÂN     | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 4.5  |         |
| 304 | 300304 | 022310000101 | NGUYỄN THỊ NGÂN     | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 3.75 |         |
| 305 | 300305 | 022210004998 | TÔ DUY NGHĨA        | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 5.5  |         |
| 306 | 300306 | 022310009669 | BUI THỊ HUỆ NGỌC    | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 3.0  |         |
| 307 | 300307 | 022310006282 | DƯƠNG THỊ ÁNH NGỌC  | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 4.25 |         |
| 308 | 300308 | 022310006484 | DƯƠNG VŨ KHÁNH NGỌC | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 8.5          | 9.0   | 6.5  |         |



**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính     | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                             | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|---------------|------------------|-------------|---------------------------------------|--------------|-------|------|---------|--|
|     |        |              |                  |           |            |               |                  |             |                                       | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |  |
| 309 | 300309 | 022310008740 | ĐÀO THỊ ÁNH      | NGỌC      | 23/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh    | 6.75  | 4.0  | 7.0     |  |
| 310 | 300310 | 022310000313 | ĐỖ THỊ YẾN       | NGỌC      | 13/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.0  | 7.75    |  |
| 311 | 300311 | 022310007160 | LƯU THỊ BÍCH     | NGỌC      | 11/08/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh    | 5.0   | 2.6  | 1.0     |  |
| 312 | 300312 | 022310011330 | NGUYỄN ÁNH       | NGỌC      | 28/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh    | 4.5   | 3.8  | 2.75    |  |
| 313 | 300313 | 022309007742 | NGUYỄN THỊ BẢO   | NGỌC      | 15/06/2009 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh    | 5.5   | 3.8  | 4.75    |  |
| 314 | 300314 | 022310001099 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | NGỌC      | 13/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 5.25  | 4.2  | 7.0     |  |
| 315 | 300315 | 231309000021 | NGUYỄN VŨ BẢO    | NGỌC      | 11/02/2009 | Liên bang Nga | Nữ               |             | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.6  | 1.5     |  |
| 316 | 300316 | 022310008977 | VŨ ÁNH           | NGỌC      | 04/10/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh    | 4.5   | 6.2  | 5.0     |  |
| 317 | 300317 | 022310003851 | VŨ THỊ BẢO       | NGỌC      | 07/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh    | 6.75  | 2.0  | 5.25    |  |
| 318 | 300318 | 022310004922 | VŨ THỊ BÍCH      | NGỌC      | 26/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh    | 4.0   | 2.4  | 4.0     |  |
| 319 | 300319 | 022210004692 | HOÀNG ĐÔNG       | NGUYỄN    | 07/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh    | 3.5   | 4.0  | 0.75    |  |
| 320 | 300320 | 022310009098 | VŨ THẢO          | NGUYỄN    | 01/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh    | 8.25  | 7.6  | 7.75    |  |
| 321 | 300321 | 022210008038 | LÊ PHÚC          | NHÂN      | 25/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh    | 6.5   | 4.0  | 7.0     |  |
| 322 | 300322 | 022210004994 | VŨ ĐÌNH          | NHẬT      | 29/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh    | 5.5   | 5.6  | 6.0     |  |
| 323 | 300323 | 022210009557 | HÀ QUANG         | NHẬT      | 28/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh    | 5.0   | 5.2  | 9.0     |  |
| 324 | 300324 | 022210010186 | LÊ VĂN BẢO       | NHẬT      | 27/11/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 4.5   | 5.0  | 6.75    |  |
| 325 | 300325 | 022210007909 | VŨ ĐÌNH LONG     | NHẬT      | 29/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh    | 2.75  | 3.6  | 3.5     |  |
| 326 | 300326 | 022310010042 | BÙI THỊ PHƯƠNG   | NHI       | 25/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 3.5   | 2.8  | 6.0     |  |
| 327 | 300327 | 022310010654 | BÙI THỊ YẾN      | NHI       | 15/10/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 5.0   | 4.6  | 5.0     |  |
| 328 | 300328 | 022310006532 | BÙI YẾN          | NHI       | 23/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.4  | 5.5     |  |
| 329 | 300329 | 022310009975 | DƯƠNG GIA        | NHI       | 23/03/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh    | 4.25  | 4.0  | 3.0     |  |
| 330 | 300330 | 022310004069 | ĐỖ THỊ UYÊN      | NHI       | 01/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh    | 7.75  | 4.4  | 7.0     |  |
| 331 | 300331 | 022310008835 | NGÔ NGUYỄN LINH  | NHI       | 10/10/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh    | 7.75  | 5.8  | 7.0     |  |
| 332 | 300332 | 022310007784 | NGÔ THỊ          | NHI       | 07/03/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.0  | 6.5     |  |
| 333 | 300333 | 022310003787 | NGÔ THỊ YẾN      | NHI       | 08/08/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.6  | 4.75    |  |
| 334 | 300334 | 022310007658 | NGUYỄN TRẦN YẾN  | NHI       | 30/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 7.75  | 9.0  | 9.0     |  |
| 335 | 300335 | 022310001275 | PHẠM THỊ YẾN     | NHI       | 22/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 6.0   | 7.8  | 5.5     |  |
| 336 | 300336 | 031310017647 | PHÙNG LAN        | NHI       | 16/10/2010 | Hải Phòng     | Nữ               |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 5.5   | 3.6  | 6.0     |  |
| 337 | 300337 | 022310000756 | ĐÀO THỊ QUỲNH    | NHUNG     | 19/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh    | 6.5   | 4.6  | 5.25    |  |
| 338 | 300338 | 022310000933 | ĐỖ THỊ           | NHUNG     | 03/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 4.25  | 3.4  | 2.75    |  |
| 339 | 300339 | 022310012049 | ĐỖ THỊ HẢI       | NHƯ       | 10/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.4  | 4.0     |  |
| 340 | 300340 | 022310010233 | VŨ THỊ DIỆU      | NINH      | 01/02/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 8.0   | 7.4  | 8.0     |  |
| 341 | 300341 | 022310012690 | HOÀNG NGỌC       | OANH      | 15/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 7.25  | 3.4  | 4.5     |  |
| 342 | 300342 | 022310012624 | LÊ THỊ KIM       | OANH      | 24/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 6.25  | 2.6  | 7.5     |  |
| 343 | 300343 | 022310001870 | NGUYỄN MAI       | OANH      | 10/10/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh    | 6.75  | 5.0  | 4.25    |  |
| 344 | 300344 | 022310002186 | VŨ THỊ KIM       | OANH      | 17/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ               |             | THCS Tiền An                          | Tiếng Anh    | 3.75  | 2.6  | 1.5     |  |
| 345 | 300345 | 022210011288 | LÊ THÀNH         | PHÁT      | 10/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.8  | 7.25    |  |
| 346 | 300346 | 022210004709 | VŨ TÀI           | PHÁT      | 01/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 5.75  | 6.2  | 8.5     |  |
| 347 | 300347 | 022210007043 | BÙI CÔNG         | PHONG     | 04/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam              |             | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh    | 1.5   | 2.8  | 2.75    |  |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |        |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 348 | 300348 | 022210005429 | BÙI VĂN        | PHONG  | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 8.0  |          |
| 349 | 300349 | 022210005206 | DƯƠNG VĂN      | PHONG  | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 4.75 |          |
| 350 | 300350 | 022210007091 | NGUYỄN GIA     | PHONG  | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 4.0  |          |
| 351 | 300351 | 022210007767 | NGUYỄN HOÀNG   | PHONG  | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.0  |          |
| 352 | 300352 | 022210002584 | NGUYỄN THANH   | PHONG  | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 6.0  |          |
| 353 | 300353 | 022210007614 | NGUYỄN VĂN     | PHONG  | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 5.25 |          |
| 354 | 300354 | 022210021044 | PHẠM MẠNH      | PHÚ    | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 4.5  |          |
| 355 | 300355 | 022210011536 | ĐẶNG HOÀNG     | PHÚC   | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 7.75 |          |
| 356 | 300356 | 022210006288 | NGÔ BÁ ĐỨC     | PHÚC   | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 7.0  |          |
| 357 | 300357 | 022210004721 | NGUYỄN BẢO     | PHÚC   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 7.5  |          |
| 358 | 300358 | 022210009661 | NGUYỄN HỒNG    | PHÚC   | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.5  |          |
| 359 | 300359 | 022310000652 | ĐỖ THỊ THẢO    | PHƯƠNG | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.75 |          |
| 360 | 300360 | 022310005756 | LÊ THU         | PHƯƠNG | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 8.5  |          |
| 361 | 300361 | 022310002355 | NGÔ MAI        | PHƯƠNG | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 8.0  |          |
| 362 | 300362 | 022310002589 | NGUYỄN KHÁNH   | PHƯƠNG | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.75 |          |
| 363 | 300363 | 022310009775 | NGUYỄN THỊ MAI | PHƯƠNG | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiên Phong          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 364 | 300364 | 022310009128 | VŨ THỊ MINH    | PHƯƠNG | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 2.25         | 5.4   | 3.5  |          |
| 365 | 300365 | 022310006701 | VŨ THU         | PHƯƠNG | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 2.0  |          |
| 366 | 300366 | 022310009953 | LÊ THỊ         | PHƯƠNG | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 4.5  |          |
| 367 | 300367 | 022210012202 | BÙI VINH       | QUANG  | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 1.75         | 2.8   | 1.5  |          |
| 368 | 300368 | 022210000826 | ĐÀO HÀO        | QUANG  | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.75 |          |
| 369 | 300369 | 022210005012 | NGÔ ĐĂNG       | QUANG  | 12/11/2010 | Thụy Điển  | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 4.0  |          |
| 370 | 300370 | 022210012614 | NGUYỄN NGỌC    | QUANG  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 5.5  |          |
| 371 | 300371 | 022210000806 | NGUYỄN VINH    | QUANG  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 8.5  |          |
| 372 | 300372 | 022210001349 | LÊ ANH         | QUÂN   | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 7.0  |          |
| 373 | 300373 | 022210011471 | LÊ ANH         | QUÂN   | 19/09/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 8.0  |          |
| 374 | 300374 | 022210002149 | NGUYỄN ANH     | QUÂN   | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 375 | 300375 | 022210011958 | NGUYỄN HUY     | QUÂN   | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 7.0  |          |
| 376 | 300376 | 022210007781 | NGUYỄN MẠNH    | QUÂN   | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 8.5  |          |
| 377 | 300377 | 022210001656 | NGUYỄN ĐÌNH    | QUỲ    | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 5.25 |          |
| 378 | 300378 | 022310010967 | LÊ THỊ         | QUYÊN  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 3.75 |          |
| 379 | 300379 | 022310006786 | LÊ THỊ THẢO    | QUYÊN  | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 4.75 |          |
| 380 | 300380 | 022310005276 | NGUYỄN HÀ      | QUYÊN  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 8.0  |          |
| 381 | 300381 | 022310007101 | VŨ THỊ TỎ      | QUYÊN  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 1.5  |          |
| 382 | 300382 | 022210008076 | NGUYỄN MINH    | QUYÊN  | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 1.5  |          |
| 383 | 300383 | 022210010983 | LÊ MẠNH        | QUỲNH  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 384 | 300384 | 022310000408 | LÊ THỊ         | QUỲNH  | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 4.5  |          |
| 385 | 300385 | 022310001645 | LÊ THỊ DIỄM    | QUỲNH  | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 5.0  |          |
| 386 | 300386 | 022310005202 | NGUYỄN HƯƠNG   | QUỲNH  | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 387 | 300387 | 022310005943 | NGUYỄN THỊ BÍCH  | QUỲNH | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 2.0  |          |
| 388 | 300388 | 022310005156 | VŨ THỊ           | QUỲNH | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.5  |          |
| 389 | 300389 | 022310005517 | ĐỖ THỊ KIỀU      | SAN   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.5  |          |
| 390 | 300390 | 022210007702 | LÊ VĂN           | SANG  | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.0  |          |
| 391 | 300391 | 022210000148 | PHẠM PHƯỚC       | SANG  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 5.0  |          |
| 392 | 300392 | 022210000751 | NGUYỄN ĐĂNG VIỆT | SINH  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 4.75 |          |
| 393 | 300393 | 022210005045 | HOÀNG VĂN        | SÔNG  | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 0.25 |          |
| 394 | 300394 | 022210008825 | BÙI NGỌC         | SƠN   | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.25         | 5.6   | 6.0  |          |
| 395 | 300395 | 022210010925 | ĐẶNG THÁI        | SƠN   | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 5.75 |          |
| 396 | 300396 | 022310000105 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | SƠN   | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 2.75 |          |
| 397 | 300397 | 022210004748 | PHẠM VĂN         | SƠN   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 4.25         | 1.6   | 3.25 |          |
| 398 | 300398 | 022210006433 | VŨ ĐÌNH          | SƠN   | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 399 | 300399 | 022210007108 | NGÔ THẾ          | TÀI   | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 5.75 |          |
| 400 | 300400 | 022210007668 | NGUYỄN ĐỨC       | TÀI   | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.25 |          |
| 401 | 300401 | 022210021007 | ĐÀO MINH         | TÂM   | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 6.75 |          |
| 402 | 300402 | 022310008818 | NGÔ THỊ          | TÂM   | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 5.0  |          |
| 403 | 300403 | 022310008751 | VỊ NGỌC          | TÂM   | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.25 |          |
| 404 | 300404 | 022210013227 | LÊ VĂN           | TẾT   | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 7.5  |          |
| 405 | 300405 | 022210006264 | LÊ ĐỨC           | THÁI  | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 4.75 |          |
| 406 | 300406 | 022210012276 | NGUYỄN TIẾN      | THÁI  | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 5.0  |          |
| 407 | 300407 | 022210006828 | NGUYỄN VĂN       | THÁI  | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 7.25 |          |
| 408 | 300408 | 022310004472 | ĐỖ THỊ LỆ        | THÀNH | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 4.0  |          |
| 409 | 300409 | 022210003071 | NGUYỄN HOÀNG     | THÀNH | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.75 |          |
| 410 | 300410 | 022210002556 | VŨ NHẬT TUẤN     | THÀNH | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 3.0  |          |
| 411 | 300411 | 022310005201 | BÙI THANH        | THẢO  | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 3.75 |          |
| 412 | 300412 | 022310005177 | DƯƠNG THANH      | THẢO  | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Cẩm Sơn                          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 2.0  |          |
| 413 | 300413 | 022310007562 | LÊ THỊ THU       | THẢO  | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 5.75 |          |
| 414 | 300414 | 022310000426 | NGÔ THANH        | THẢO  | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.5  |          |
| 415 | 300415 | 031310000458 | NGUYỄN THỊ THU   | THẢO  | 17/02/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 416 | 300416 | 022310012044 | PHẠM THỊ         | THẢO  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 4.5  |          |
| 417 | 300417 | 017310007491 | TRỊNH PHƯƠNG     | THẢO  | 31/10/2010 | Hoà Bình   | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 418 | 300418 | 022310011007 | VŨ THỊ PHƯƠNG    | THẢO  | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 7.75 |          |
| 419 | 300419 | 022310007128 | VŨ THỊ PHƯƠNG    | THẢO  | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 8.0  |          |
| 420 | 300420 | 022310002347 | VŨ THỊ THANH     | THẢO  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 1.0          | 3.6   | 4.25 |          |
| 421 | 300421 | 022310012670 | LÊ THỊ HỒNG      | THẨM  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.5  |          |
| 422 | 300422 | 022210012594 | HOÀNG QUỐC       | THẮNG | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 2.5  |          |
| 423 | 300423 | 022210021020 | NGUYỄN VĂN       | THẮNG | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 4.75 |          |
| 424 | 300424 | 022310011465 | ĐÀM BẢO          | THỊ   | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 3.25 |          |
| 425 | 300425 | 022310007192 | ĐỖ BẢO           | THỊ   | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 5.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 426 | 300426 | 022210002271 | NGUYỄN XUÂN     | THIỆN  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 4.5  |         |
| 427 | 300427 | 022210009855 | NGUYỄN TIẾN     | THÔNG  | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 5.0  |         |
| 428 | 300428 | 022310006499 | NGUYỄN THỊ      | THƠM   | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 3.75 |         |
| 429 | 300429 | 022310002485 | LÊ HÃ           | THU    | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 4.5  |         |
| 430 | 300430 | 036210002819 | LÊ ANH          | THỦY   | 13/11/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 5.5  |         |
| 431 | 300431 | 022310000630 | LÊ THỊ BÍCH     | THỦY   | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiên Phong          | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 6.0  |         |
| 432 | 300432 | 022310000751 | PHẠM THỊ BÍCH   | THỦY   | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vĩ                          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 7.25 |         |
| 433 | 300433 | 022310009031 | BÙI ANH         | THỨ    | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 6.25 |         |
| 434 | 300434 | 022310002532 | NGUYỄN THỊ ANH  | THỨ    | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 7.5  |         |
| 435 | 300435 | 022310009618 | PHẠM ANH        | THỨ    | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.0  |         |
| 436 | 300436 | 022310000553 | PHẠM NGUYỄN ANH | THỨ    | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 3.25 |         |
| 437 | 300437 | 022310006924 | PHẠM THỊ ANH    | THỨ    | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.75         | 2.2   | 6.0  |         |
| 438 | 300438 | 022310000592 | TRẦN MINH       | THỨ    | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 8.5  |         |
| 439 | 300439 | 022310005735 | TRỊNH ANH       | THỨ    | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 4.5  |         |
| 440 | 300440 | 022310006995 | VŨ ANH          | THỨ    | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 2.0  |         |
| 441 | 300441 | 022310005370 | VŨ THỊ VÂN      | THỨ    | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.5  |         |
| 442 | 300442 | 022210012643 | VŨ DUY          | THỨC   | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 6.0  |         |
| 443 | 300443 | 022310003898 | HOÀNG THỊ ANH   | THƯỜNG | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 6.0  |         |
| 444 | 300444 | 022310007475 | TRẦN THỊ VIỆT   | THƯỜNG | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 4.25 |         |
| 445 | 300445 | 022310006232 | VŨ KHÁNH        | THƯỜNG | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 3.25 |         |
| 446 | 300446 | 022210011380 | NGUYỄN HỮU      | TIỀN   | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiên Phong          | Tiếng Anh | 4.0          | 1.8   | 3.5  |         |
| 447 | 300447 | 022310012640 | PHẠM KIM        | TIỀN   | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiên Phong          | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 5.75 |         |
| 448 | 300448 | 022210001444 | NGUYỄN MINH     | TIỀN   | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 6.0  |         |
| 449 | 300449 | 022310007613 | PHẠM THỊ XUÂN   | TÌNH   | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 6.0  |         |
| 450 | 300450 | 022210008635 | VŨ VĂN KHÁNH    | TOÀN   | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 7.25 |         |
| 451 | 300451 | 022310007134 | BÙI THỊ         | TRANG  | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 452 | 300452 | 022309003260 | BÙI THỊ HUYỀN   | TRANG  | 15/09/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 4.25 |         |
| 453 | 300453 | 022310010792 | BÙI THỊ HUYỀN   | TRANG  | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 7.25         | 3.4   | 7.0  |         |
| 454 | 300454 | 022310003923 | DƯƠNG THỊ THU   | TRANG  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 4.25 |         |
| 455 | 300455 | 022310000722 | DƯƠNG THỊ THÙY  | TRANG  | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 2.5  |         |
| 456 | 300456 | 022310005753 | ĐẶNG THỊ KIỀU   | TRANG  | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 4.0  |         |
| 457 | 300457 | 030310101333 | ĐẶNG THỦY       | TRANG  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 3.75 |         |
| 458 | 300458 | 034310003473 | HÀ THU          | TRANG  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 7.25 |         |
| 459 | 300459 | 022310001247 | LÊ THỊ QUỲNH    | TRANG  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 1.5  |         |
| 460 | 300460 | 022310010844 | LÊ THỊ QUỲNH    | TRANG  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 4.25 |         |
| 461 | 300461 | 022310003072 | NGÔ THỊ HUYỀN   | TRANG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 5.75 |         |
| 462 | 300462 | 022310008313 | NGÔ THỊ MAI     | TRANG  | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 6.0  |         |
| 463 | 300463 | 022310010316 | NGUYỄN THỊ HÀ   | TRANG  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.25 |         |
| 464 | 300464 | 022310007521 | NGUYỄN THỊ THU  | TRANG  | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 6.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 465 | 300465 | 022310006139 | NGUYỄN THỊ YẾN    | TRANG  | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 3.75 |         |
| 466 | 300466 | 022310007297 | PHẠM HUYỀN        | TRANG  | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 5.0  |         |
| 467 | 300467 | 022310010054 | PHẠM MAI          | TRANG  | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.0  |         |
| 468 | 300468 | 027310000470 | TRẦN THỊ THÙY     | TRANG  | 22/02/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 5.5  |         |
| 469 | 300469 | 022310007016 | VŨ THỊ MAI        | TRANG  | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 3.0          | 2.0   | 1.75 |         |
| 470 | 300470 | 022310001439 | VŨ THU            | TRANG  | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Tiếng Anh | 8.0          | 6.2   | 7.25 |         |
| 471 | 300471 | 022310004904 | ĐƯƠNG PHƯƠNG THÙY | TRÂM   | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 5.0  |         |
| 472 | 300472 | 022310004288 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | TRÂM   | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.25         | 3.4   | 4.5  |         |
| 473 | 300473 | 022210006661 | HOÀNG KIM         | TRIỀU  | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 3.25         | 4.4   | 3.25 |         |
| 474 | 300474 | 022310012048 | HOÀNG THỊ HUYỀN   | TRÚC   | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 5.75 |         |
| 475 | 300475 | 022310008866 | NGUYỄN THANH      | TRÚC   | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 6.0  |         |
| 476 | 300476 | 022310007382 | VŨ THANH          | TRÚC   | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.75 |         |
| 477 | 300477 | 022210010549 | NGUYỄN ĐỨC        | TRUNG  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Cộng Hòa                         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 6.0  |         |
| 478 | 300478 | 022210005177 | NGUYỄN QUÝ        | TRUNG  | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 6.5  |         |
| 479 | 300479 | 022210004942 | NGUYỄN TIẾN       | TRUNG  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 5.25 |         |
| 480 | 300480 | 022210010959 | ĐỖ LAM            | TRƯỜNG | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 6.5  |         |
| 481 | 300481 | 022210008755 | NGÔ XUÂN          | TRƯỜNG | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 7.0  |         |
| 482 | 300482 | 022210000790 | TRẦN XUÂN         | TRƯỜNG | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.75         | 4.2   | 7.75 |         |
| 483 | 300483 | 022310003322 | LÊ MINH CẨM       | TÚ     | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 5.75 |         |
| 484 | 300484 | 022210008661 | LÊ TUẤN           | TÚ     | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 6.5  |         |
| 485 | 300485 | 022210000773 | NGUYỄN ANH        | TÚ     | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 7.25 |         |
| 486 | 300486 | 022210009407 | NGUYỄN HOÀNG      | TÚ     | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 7.5  |         |
| 487 | 300487 | 022210012235 | TRẦN VĂN          | TÚ     | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 6.5  |         |
| 488 | 300488 | 022210002781 | BÙI TỔNG          | TUẤN   | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 4.5  |         |
| 489 | 300489 | 022210002306 | ĐỖ QUỐC           | TUẤN   | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 8.5  |         |
| 490 | 300490 | 022210007904 | ĐỖ VĂN            | TUẤN   | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 6.0  |         |
| 491 | 300491 | 022210021033 | NGUYỄN NGỌC       | TUẤN   | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 5.0  |         |
| 492 | 300492 | 022210001658 | NGUYỄN TƯ         | TUẤN   | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 3.75 |         |
| 493 | 300493 | 022210007642 | PHẠM VĂN          | TUẤN   | 23/07/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 1.5          | 3.6   | 1.75 |         |
| 494 | 300494 | 022210000748 | PHẠM GIA          | TUỆ    | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 6.75 |         |
| 495 | 300495 | 022210009010 | LÊ XUÂN           | TUYẾN  | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 5.5  |         |
| 496 | 300496 | 022310005795 | BÙI THỊ THANH     | TUYẾN  | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 5.0  |         |
| 497 | 300497 | 022210012597 | CAO NGỌC          | TUYẾN  | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 5.5  |         |
| 498 | 300498 | 022310004427 | ĐỖ THỊ            | TUYẾN  | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.25 |         |
| 499 | 300499 | 022310012713 | HOÀNG LỆ          | TUYẾT  | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 2.75 |         |
| 500 | 300500 | 022310005147 | NGUYỄN LÊ ÁNH     | TUYẾT  | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.75 |         |
| 501 | 300501 | 022310010532 | NGUYỄN THỊ        | TƯƠI   | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 7.25 |         |
| 502 | 300502 | 022210010314 | VŨ TRÍ            | TƯỜNG  | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 7.0  |         |
| 503 | 300503 | 022310007211 | ĐƯƠNG THỊ TỔ      | UYÊN   | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Minh Hà (22000734)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------|-----------|------------|------------|------------------|---------------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                |           |            |            |                  |                                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 504 | 300504 | 022310007612 | ĐẶNG THỊ THU   | UYÊN      | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 7.5  |         |
| 505 | 300505 | 022310003253 | TRẦN KHÁNH     | UYÊN      | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |         |
| 506 | 300506 | 022310005107 | LÊ THỊ NGỌC    | UYÊN      | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.0   | 5.0  |         |
| 507 | 300507 | 022310012038 | ĐỖ THỊ         | VĂN       | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 6.75         | 2.0   | 6.0  |         |
| 508 | 300508 | 022310002630 | NGUYỄN THỊ CẨM | VĂN       | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.25 |         |
| 509 | 300509 | 022310003692 | DƯƠNG THỊ HÀ   | VI        | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường TH và THCS Tiền Phong          | Tiếng Anh | 4.5          | 1.8   | 4.25 |         |
| 510 | 300510 | 022310008511 | ĐẶNG ÁNH       | VI        | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.0          | 2.6   | 1.75 |         |
| 511 | 300511 | 022310008241 | ĐẶNG THỊ THẢO  | VI        | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phong Hải                        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 6.0  |         |
| 512 | 300512 | 022310008789 | ĐỖ THỊ         | VI        | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.25 |         |
| 513 | 300513 | 022310010665 | LÊ THỊ TƯỜNG   | VI        | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 6.5  |         |
| 514 | 300514 | 022210003446 | DƯƠNG VĂN      | VĨ        | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.5  |         |
| 515 | 300515 | 022210007928 | DƯƠNG ĐỨC      | VIỆT      | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 2.0  |         |
| 516 | 300516 | 022210009784 | HOÀNG QUỐC     | VIỆT      | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 3.75 |         |
| 517 | 300517 | 022210000867 | LÊ BÁ          | VIỆT      | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 5.75 |         |
| 518 | 300518 | 022210007110 | NGUYỄN VĂN     | VIỆT      | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 4.25 |         |
| 519 | 300519 | 022210011579 | NGUYỄN QUANG   | VINH      | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.25 |         |
| 520 | 300520 | 022210002907 | TRẦN THẾ       | VINH      | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.25 |         |
| 521 | 300521 | 022210002499 | BÙI DUY        | VŨ        | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 1.75 |         |
| 522 | 300522 | 022210003718 | ĐÀO MINH       | VŨ        | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 4.75 |         |
| 523 | 300523 | 022310007343 | BÙI THỊ MỸ     | VY        | 16/11/2010 | Khánh Hòa  | Nữ               | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 4.25 |         |
| 524 | 300524 | 022310000055 | BÙI YẾN        | VY        | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 5.5  |         |
| 525 | 300525 | 022310007294 | DƯƠNG THỊ HÀ   | VY        | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 6.5  |         |
| 526 | 300526 | 022310009540 | HOÀNG TƯỜNG    | VY        | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Liên Hòa                         | Tiếng Anh | 8.25         | 4.6   | 7.5  |         |
| 527 | 300527 | 022310003405 | HOÀNG YẾN      | VY        | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 5.0  |         |
| 528 | 300528 | 022310008277 | NGUYỄN PHƯƠNG  | VY        | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.5  |         |
| 529 | 300529 | 022310009808 | NGUYỄN TƯỜNG   | VY        | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 4.25 |         |
| 530 | 300530 | 022310010292 | VŨ THỊ HÀ      | VY        | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Cẩm La                     | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 4.75 |         |
| 531 | 300531 | 022310008629 | VŨ THÚY MINH   | VY        | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.25 |         |
| 532 | 300532 | 022210000871 | NGUYỄN THIÊN   | VỸ        | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.5  |         |
| 533 | 300533 | 022310006222 | LÊ THỊ NHƯ     | Ý         | 30/08/2010 | Hải Dương  | Nữ               | THCS Nam Hòa                          | Tiếng Anh | 5.0          | 9.0   | 6.5  |         |
| 534 | 300534 | 022310012578 | ĐỖ HẢI         | YẾN       | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 3.75 |         |
| 535 | 300535 | 022310004660 | HOÀNG THỊ HẢI  | YẾN       | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.25 |         |
| 536 | 300536 | 022310011898 | LÊ THỊ         | YẾN       | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Liên Vị                          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.25 |         |
| 537 | 300537 | 022310004856 | NGÔ HẢI        | YẾN       | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Cốc | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.25 |         |
| 538 | 300538 | 022310001151 | NGUYỄN THỊ HẢI | YẾN       | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 1.75 |         |
| 539 | 300539 | 022310002213 | VŨ NGỌC        | YẾN       | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Yên Hải                          | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 4.0  |         |

*(Danh sách này gồm có 539 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|-----------|------------|------------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |           |            |            |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 310001 | 022310003966 | DƯƠNG THỊ HÒA       | AN        | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 7.0  |          |
| 2   | 310002 | 022310000867 | ĐỖ BẢO              | AN        | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 7.75 |          |
| 3   | 310003 | 022210008939 | NGÔ ĐỨC BẢO         | AN        | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 4.25 |          |
| 4   | 310004 | 022310000540 | NGÔ HẢI             | AN        | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 8.0  |          |
| 5   | 310005 | 022210011431 | NGUYỄN HOÀNG        | AN        | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 7.5  |          |
| 6   | 310006 | 022210002177 | NGUYỄN KHÁNH        | AN        | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 6.0  |          |
| 7   | 310007 | 022310009392 | NGUYỄN THÁI HOÀI    | AN        | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.25 |          |
| 8   | 310008 | 022310002736 | NGUYỄN THU          | AN        | 22/12/2010 | Hà Nội     | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 8.25         | 7.0   | 7.25 |          |
| 9   | 310009 | 022210003220 | NINH BẢO            | AN        | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 5.75 |          |
| 10  | 310010 | 022310008926 | PHẠM AN             | AN        | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.25 |          |
| 11  | 310011 | 036209012421 | PHẠM THÁI           | AN        | 25/12/2009 | Nam Định   | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 5.75 |          |
| 12  | 310012 | 022210003816 | QUÁCH NGUYỄN TRƯỜNG | AN        | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 7.25 |          |
| 13  | 310013 | 022310004118 | BÙI MAI             | ANH       | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 1.5  |          |
| 14  | 310014 | 022310011587 | BÙI MAI             | ANH       | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 5.5  |          |
| 15  | 310015 | 022210006955 | BÙI NGỌC VIỆT       | ANH       | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 7.5  |          |
| 16  | 310016 | 022310002751 | DƯƠNG HỒNG          | ANH       | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 8.25 |          |
| 17  | 310017 | 022310001472 | DƯƠNG TRẦN PHƯƠNG   | ANH       | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.25 |          |
| 18  | 310018 | 022310001648 | ĐÀM MINH            | ANH       | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 19  | 310019 | 022210010002 | ĐÀM TUẤN            | ANH       | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 6.0  |          |
| 20  | 310020 | 022310011215 | ĐÀO THỊ TRÂM        | ANH       | 08/12/2010 | Hưng Yên   | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 21  | 310021 | 022210006618 | ĐẶNG HOÀNG          | ANH       | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 7.0  |          |
| 22  | 310022 | 022210006294 | ĐẶNG HOÀNG          | ANH       | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 6.25 |          |
| 23  | 310023 | 001310054619 | ĐINH HOÀNG NGỌC     | ANH       | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 5.0  |          |
| 24  | 310024 | 022310011585 | ĐINH NGỌC TÂM       | ANH       | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 5.0  |          |
| 25  | 310025 | 022210012223 | ĐOÀN DUY            | ANH       | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 26  | 310026 | 022310010611 | ĐOÀN TRÂM           | ANH       | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 8.0  |          |
| 27  | 310027 | 022210012131 | ĐỖ HÀ               | ANH       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 5.75 |          |
| 28  | 310028 | 022310011829 | ĐỖ HẢI              | ANH       | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.5  |          |
| 29  | 310029 | 022310003953 | ĐỖ HOÀI             | ANH       | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 5.0  |          |
| 30  | 310030 | 022310005420 | ĐỖ MAI              | ANH       | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.75 |          |
| 31  | 310031 | 022310001407 | HÀ KIỀU             | ANH       | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 4.0  |          |
| 32  | 310032 | 022310000591 | HÀ MAI              | ANH       | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |          |
| 33  | 310033 | 022310001983 | HOÀNG KIỀU          | ANH       | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 6.0  |          |
| 34  | 310034 | 022310010541 | HOÀNG MAI           | ANH       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 9.0          | 9.4   | 9.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 35  | 310035 | 027210008026 | HOÀNG SỸ ANH           | 11/03/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.75 |         |
| 36  | 310036 | 034210016188 | HOÀNG TUẤN ANH         | 11/08/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 37  | 310037 | 022210001040 | HOÀNG VIỆT ANH         | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 8.0  |         |
| 38  | 310038 | 022210008202 | LÊ HOÀNG ANH           | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 7.75 |         |
| 39  | 310039 | 022310002605 | LÊ NGỌC ANH            | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 6.5  |         |
| 40  | 310040 | 022310001411 | LÊ PHƯƠNG ANH          | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.25 |         |
| 41  | 310041 | 022310007354 | LÊ THỊ PHƯƠNG ANH      | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 3.5  |         |
| 42  | 310042 | 022310011554 | LÊ TRẦN TUỆ ANH        | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 7.5  |         |
| 43  | 310043 | 019310012255 | MÀU MINH ANH           | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.0          | 9.6   | 6.25 |         |
| 44  | 310044 | 022310000537 | NGÔ HUYỀN ANH          | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.75         | 9.4   | 7.25 |         |
| 45  | 310045 | 022310004081 | NGÔ QUỲNH ANH          | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 4.75 |         |
| 46  | 310046 | 040210010675 | NGUYỄN ĐÌNH NHẬT ANH   | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.0  |         |
| 47  | 310047 | 022210005888 | NGUYỄN ĐỨC ANH         | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 8.5  |         |
| 48  | 310048 | 022310003521 | NGUYỄN HÀ ANH          | 09/12/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 6.0  |         |
| 49  | 310049 | 022310000642 | NGUYỄN HÀ ANH          | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.5  |         |
| 50  | 310050 | 034310010318 | NGUYỄN HÀ ANH          | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.0  |         |
| 51  | 310051 | 022310005933 | NGUYỄN LAN ANH         | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 6.25 |         |
| 52  | 310052 | 022310010341 | NGUYỄN LAN ANH         | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.83         | 4.2   | 2.5  |         |
| 53  | 310053 | 030310003175 | NGUYỄN LÊ DIỆU ANH     | 05/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 7.0  |         |
| 54  | 310054 | 022310000637 | NGUYỄN MAI ANH         | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.75 |         |
| 55  | 310055 | 022310007906 | NGUYỄN NGỌC ANH        | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 8.25 |         |
| 56  | 310056 | 022310003439 | NGUYỄN NGỌC ANH        | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.5  |         |
| 57  | 310057 | 022310000641 | NGUYỄN NGỌC ANH        | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.0  |         |
| 58  | 310058 | 022310001366 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH  | 11/05/2010 | Ninh Bình  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 9.4   | 6.5  |         |
| 59  | 310059 | 022310004406 | NGUYỄN PHẠM HÀ ANH     | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.75 |         |
| 60  | 310060 | 022310006642 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 61  | 310061 | 022310000672 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 9.0  |         |
| 62  | 310062 | 022310008309 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |         |
| 63  | 310063 | 022310010820 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.25 |         |
| 64  | 310064 | 022310007910 | NGUYỄN QUỲNH ANH       | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 7.25 |         |
| 65  | 310065 | 022310001308 | NGUYỄN THẢO PHƯƠNG ANH | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 2.75         | 5.8   | 2.25 |         |
| 66  | 310066 | 027310000409 | NGUYỄN THỊ HẢI ANH     | 18/05/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | TH và THCS Điện Công              | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 6.25 |         |
| 67  | 310067 | 024310009844 | NGUYỄN THỊ MAI ANH     | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 9.8   | 8.75 |         |
| 68  | 310068 | 022310007667 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH  | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 69  | 310069 | 022310003890 | NGUYỄN THÙY ANH        | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.75 |         |
| 70  | 310070 | 022310007968 | NGUYỄN TUỆ ANH         | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.0  |         |
| 71  | 310071 | 030210014036 | NGUYỄN TÙNG ANH        | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 2.75 |         |
| 72  | 310072 | 022310011721 | NGUYỄN VĂN ANH         | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 8.75 |         |



**Đơn vị: Trường THPT Ưông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |      |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 73  | 310073 | 022210012200 | NGUYỄN VIỆT ĐỨC | ANH  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 7.5  |          |
| 74  | 310074 | 022310009724 | NGUYỄN VŨ MINH  | ANH  | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.75 |          |
| 75  | 310075 | 022310000980 | PHẠM CHÂU       | ANH  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 5.0  |          |
| 76  | 310076 | 022310008881 | PHẠM HOÀI       | ANH  | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 6.25 |          |
| 77  | 310077 | 022310007695 | PHẠM KIỀU       | ANH  | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 8.25 |          |
| 78  | 310078 | 022310010305 | PHẠM MINH       | ANH  | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.25 |          |
| 79  | 310079 | 022310008151 | PHẠM NỮ HOÀNG   | ANH  | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 4.75 |          |
| 80  | 310080 | 022310005088 | PHẠM PHƯƠNG     | ANH  | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 5.5  |          |
| 81  | 310081 | 022210005706 | PHẠM THỂ        | ANH  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 5.0  |          |
| 82  | 310082 | 034210014636 | PHẠM VIỆT       | ANH  | 03/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.0  |          |
| 83  | 310083 | 022310004327 | PHAN HUỆ        | ANH  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 5.5  |          |
| 84  | 310084 | 001310038719 | PHÙNG NGỌC      | ANH  | 13/04/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 85  | 310085 | 022210012243 | TẠ HOÀNG        | ANH  | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 7.25 |          |
| 86  | 310086 | 022310007666 | TRẦN LINH       | ANH  | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 5.25 |          |
| 87  | 310087 | 022310002341 | TRƯƠNG KIỀU     | ANH  | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 8.0  |          |
| 88  | 310088 | 022210004453 | TRƯƠNG QUỐC     | ANH  | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 7.0  |          |
| 89  | 310089 | 031310004918 | TRƯƠNG QUỲNH    | ANH  | 11/03/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 6.5  |          |
| 90  | 310090 | 034310011951 | VŨ ĐẶNG VÂN     | ANH  | 28/10/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 7.5  |          |
| 91  | 310091 | 038310000706 | VŨ LÊ THẢO      | ANH  | 03/11/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 7.25 |          |
| 92  | 310092 | 022310010387 | VŨ PHƯƠNG       | ANH  | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 6.75 |          |
| 93  | 310093 | 022310000440 | VŨ THỊ HÀ       | ANH  | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 1.75 |          |
| 94  | 310094 | 022310002775 | VŨ THỊ HOÀI     | ANH  | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 3.5          | 6.2   | 7.75 |          |
| 95  | 310095 | 031310007732 | VŨ THỊ THÚY     | ANH  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 7.75 |          |
| 96  | 310096 | 036310000491 | ĐỖ THỊ NGỌC     | ÁNH  | 25/12/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 3.0  |          |
| 97  | 310097 | 022310010874 | NGUYỄN HẢI      | ÁNH  | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 7.0  |          |
| 98  | 310098 | 022310010808 | NGUYỄN MINH     | ÁNH  | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 2.75 |          |
| 99  | 310099 | 022310009398 | NGUYỄN NGỌC     | ÁNH  | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.25 |          |
| 100 | 310100 | 022310006702 | NGUYỄN NGÔ MINH | ÁNH  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 5.75 |          |
| 101 | 310101 | 022310005130 | NGUYỄN THỊ MINH | ÁNH  | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 7.25 |          |
| 102 | 310102 | 022310010249 | NGUYỄN THỊ NGỌC | ÁNH  | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.5  |          |
| 103 | 310103 | 022310000534 | NGUYỄN THỊ NGỌC | ÁNH  | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 8.75         | 10.0  | 9.0  |          |
| 104 | 310104 | 022310005918 | PHAN NGỌC       | ÁNH  | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 8.0  |          |
| 105 | 310105 | 022310002861 | TRẦN THỊ NGỌC   | ÁNH  | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 5.5  |          |
| 106 | 310106 | 022310010815 | TRƯƠNG NGỌC     | ÁNH  | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 7.5  |          |
| 107 | 310107 | 022310005167 | VŨ THỊ NGỌC     | ÁNH  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 4.25 |          |
| 108 | 310108 | 022210010814 | BÙI MINH        | BÁCH | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 3.25         | 6.4   | 4.0  |          |
| 109 | 310109 | 022210010810 | ĐẶNG TUẤN       | BÁCH | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.75         | 8.0   | 9.0  |          |
| 110 | 310110 | 022210006358 | NGUYỄN XUÂN     | BÁCH | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 2.25 |          |

Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 111 | 310111 | 022210008060 | ĐINH GIA BẢO           | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 4.25 |         |
| 112 | 310112 | 022210007548 | PHẠM HẢI BẢO           | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 6.75 |         |
| 113 | 310113 | 034210011306 | TRẦN QUỐC BẢO          | 13/05/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 3.6   | 8.25 |         |
| 114 | 310114 | 022210005422 | TRƯỜNG GIA BẢO         | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.5  |         |
| 115 | 310115 | 022210003248 | VŨ QUỐC BẢO            | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 8.0  |         |
| 116 | 310116 | 022310005386 | ĐẶNG BĂNG BĂNG         | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 2.75 |         |
| 117 | 310117 | 031310014322 | NGUYỄN PHẠM KHÁNH BĂNG | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.5  |         |
| 118 | 310118 | 022310007157 | NGUYỄN NGỌC BÍCH       | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.0  |         |
| 119 | 310119 | 022310008359 | NGUYỄN VŨ NGỌC BÍCH    | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 5.5  |         |
| 120 | 310120 | 024310004689 | VŨ THỊ NGỌC BÍCH       | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.25 |         |
| 121 | 310121 | 022310009027 | BÙI THANH BÌNH         | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.5          | 9.0   | 7.75 |         |
| 122 | 310122 | 022210000503 | HÀ THÁI BÌNH           | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 8.0  |         |
| 123 | 310123 | 033310004733 | HOÀNG AN BÌNH          | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 5.25 |         |
| 124 | 310124 | 038310001535 | LÊ THỊ THANH BÌNH      | 25/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        | Thổ              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 5.5  |         |
| 125 | 310125 | 022210003253 | NGUYỄN THANH BÌNH      | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.5  |         |
| 126 | 310126 | 022210011226 | PHẠM THANH BÌNH        | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 7.25 |         |
| 127 | 310127 | 022310003381 | ĐÀO NGỌC CHÂU          | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.25 |         |
| 128 | 310128 | 022310003519 | HOÀNG BẢO CHÂU         | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.5  |         |
| 129 | 310129 | 022310005388 | NGUYỄN BẢO CHÂU        | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 6.75 |         |
| 130 | 310130 | 022310000590 | NGUYỄN BẢO CHÂU        | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 8.5  |         |
| 131 | 310131 | 022310004175 | VŨ NGỌC MINH CHÂU      | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 8.5  |         |
| 132 | 310132 | 022310009365 | CAO KHÁNH CHI          | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 7.0  |         |
| 133 | 310133 | 022310002530 | ĐÀM KIM CHI            | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 8.0  |         |
| 134 | 310134 | 034310006175 | ĐÀO THỊ THÙY CHI       | 29/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 1.75 |         |
| 135 | 310135 | 022310005850 | ĐOÀN KHÁNH CHI         | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 5.0  |         |
| 136 | 310136 | 022310008594 | NGUYỄN HOÀNG HẠNH CHI  | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 137 | 310137 | 030310004175 | NGUYỄN KHÁNH CHI       | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.8   | 7.75 |         |
| 138 | 310138 | 022310002769 | NGUYỄN KHÁNH CHI       | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 7.25 |         |
| 139 | 310139 | 022310010353 | NGUYỄN QUỲNH CHI       | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.5  |         |
| 140 | 310140 | 022310006375 | NGUYỄN THẢO CHI        | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 3.25         | 3.8   | 6.25 |         |
| 141 | 310141 | 022310002982 | NGUYỄN VŨ LINH CHI     | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 7.75 |         |
| 142 | 310142 | 022310011113 | PHẠM KHÁNH CHI         | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.5  |         |
| 143 | 310143 | 022310008708 | PHẠM THỊ HUYỀN CHI     | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 5.5  |         |
| 144 | 310144 | 022310010171 | PHẠM YẾN CHI           | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 8.25 |         |
| 145 | 310145 | 022310006640 | PHÙNG THỊ QUỲNH CHI    | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 5.0  |         |
| 146 | 310146 | 022310011580 | TẠ QUỲNH CHI           | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.75 |         |
| 147 | 310147 | 022310004307 | TRẦN THỊ VÂN CHI       | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 1.5  |         |
| 148 | 310148 | 022310004923 | TRẦN VŨ MAI CHI        | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 4.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên       |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|--------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |              |       |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 149 | 310149 | 022309007229 | VI THẢO      | CHI   | 08/10/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 150 | 310150 | 022210007724 | NGUYỄN ĐỨC   | CHÍNH | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 4.5  |          |
| 151 | 310151 | 022208002580 | NGUYỄN THÀNH | CÔNG  | 05/05/2008 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 152 | 310152 | 033210008476 | NGUYỄN PHI   | CƠ    | 04/08/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.75 |          |
| 153 | 310153 | 022210008579 | NGÔ ĐỨC      | CƯỜNG | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.75         | 6.0   | 5.75 |          |
| 154 | 310154 | 022210011952 | NGÔ VIỆT     | CƯỜNG | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 7.0  |          |
| 155 | 310155 | 022210009040 | NGUYỄN CÔNG  | CƯỜNG | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 2.25         | 5.6   | 3.75 |          |
| 156 | 310156 | 022210001242 | NGUYỄN KIÊN  | CƯỜNG | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 6.0  |          |
| 157 | 310157 | 022210000147 | NGUYỄN MẠNH  | CƯỜNG | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 8.5  |          |
| 158 | 310158 | 034210004033 | NGUYỄN QUỐC  | CƯỜNG | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 8.5  |          |
| 159 | 310159 | 022210000550 | VŨ MẠNH      | CƯỜNG | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 7.25 |          |
| 160 | 310160 | 022310011591 | BÙI NGỌC     | DIỆP  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.75         | 6.0   | 8.0  |          |
| 161 | 310161 | 022310004134 | LÊ NGỌC      | DIỆP  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.75 |          |
| 162 | 310162 | 022310006152 | LƯU THỊ BÍCH | DIỆP  | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 8.5  |          |
| 163 | 310163 | 022310008173 | NGUYỄN NGỌC  | DIỆP  | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.25 |          |
| 164 | 310164 | 022310008100 | LÊ THỊ HIỀN  | DIJU  | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 4.25 |          |
| 165 | 310165 | 024310002348 | ĐỖ THỊ THÙY  | DUNG  | 12/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 0.75 |          |
| 166 | 310166 | 022310007852 | PHẠM THÙY    | DUNG  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 4.0  |          |
| 167 | 310167 | 022210007094 | BÙI TIẾN     | DỪNG  | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.0  |          |
| 168 | 310168 | 022210000529 | ĐOÀN TIẾN    | DỪNG  | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.75 |          |
| 169 | 310169 | 022210009925 | ĐỖ TRUNG     | DỪNG  | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 5.5  |          |
| 170 | 310170 | 022210007253 | LÊ QUỐC      | DỪNG  | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 8.25 |          |
| 171 | 310171 | 022210006360 | MAI ANH      | DỪNG  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.75         | 6.4   | 7.25 |          |
| 172 | 310172 | 022210001522 | MAI TUẤN     | DỪNG  | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.75 |          |
| 173 | 310173 | 022210002178 | NGUYỄN HOÀNG | DỪNG  | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.25         | 9.2   | 6.75 |          |
| 174 | 310174 | 022210005010 | NGUYỄN MẠNH  | DỪNG  | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 6.75 |          |
| 175 | 310175 | 022210002046 | NGUYỄN TIẾN  | DỪNG  | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 6.25 |          |
| 176 | 310176 | 022210001029 | NGUYỄN TIẾN  | DỪNG  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 6.5  |          |
| 177 | 310177 | 022210010792 | NGUYỄN TRỌNG | DỪNG  | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.33         | 5.6   | 6.75 |          |
| 178 | 310178 | 022210009364 | PHẠM ĐỨC     | DỪNG  | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 7.25 |          |
| 179 | 310179 | 022210010892 | PHẠM MINH    | DỪNG  | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 6.25 |          |
| 180 | 310180 | 034210015313 | TẠ TÂN       | DỪNG  | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 5.5  |          |
| 181 | 310181 | 022210006228 | TÀNG MẠNH    | DỪNG  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.5  |          |
| 182 | 310182 | 022210000504 | TRIỆU MẠNH   | DỪNG  | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 183 | 310183 | 022210005334 | GIÁP THANH   | DUY   | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 1.25         | 4.2   | 6.0  |          |
| 184 | 310184 | 038210024716 | LÊ VĂN ĐỨC   | DUY   | 13/06/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 8.0          | 5.6   | 7.5  |          |
| 185 | 310185 | 022210010669 | NGUYỄN CÔNG  | DUY   | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 6.75 |          |
| 186 | 310186 | 022210006835 | NGUYỄN ĐỨC   | DUY   | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 7.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 187 | 310187 | 022210006161 | NGUYỄN ĐỨC DUY        | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.25 |         |
| 188 | 310188 | 022210008139 | NGUYỄN NGỌC DUY       | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 7.25 |         |
| 189 | 310189 | 022210009120 | NGUYỄN PHƯƠNG DUY     | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.25 |         |
| 190 | 310190 | 038210014374 | TRẦN VĂN BẢO DUY      | 16/01/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 3.0  |         |
| 191 | 310191 | 022209000590 | TRỊNH THÀNH DUY       | 14/10/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.0  |         |
| 192 | 310192 | 022310001418 | TRẦN THỊ DUYÊN        | 03/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        | Sán Diu          | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.25 |         |
| 193 | 310193 | 022310006614 | BÙI HẠNH DƯƠNG        | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.0  |         |
| 194 | 310194 | 022210005559 | CAO ĐỨC DƯƠNG         | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 8.75 |         |
| 195 | 310195 | 022310007480 | CAO THUY DƯƠNG        | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.0  |         |
| 196 | 310196 | 022310001610 | LÊ THUY DƯƠNG         | 25/09/2010 | Lạng Sơn   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 2.75 |         |
| 197 | 310197 | 001310050392 | MAI ANH DƯƠNG         | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 4.0  |         |
| 198 | 310198 | 022210008120 | NGÔ NGUYỄN THÁI DƯƠNG | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.5  |         |
| 199 | 310199 | 022210008107 | NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG      | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.5  |         |
| 200 | 310200 | 022210011779 | NGUYỄN HẢI DƯƠNG      | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 8.25 |         |
| 201 | 310201 | 022210001366 | NGUYỄN HỮU THÁI DƯƠNG | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.5  |         |
| 202 | 310202 | 022310007931 | NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.25 |         |
| 203 | 310203 | 030310006194 | NGUYỄN THỦY DƯƠNG     | 26/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.5  |         |
| 204 | 310204 | 022310005684 | NGUYỄN THỦY DƯƠNG     | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.0  |         |
| 205 | 310205 | 022310011355 | PHẠM THỦY DƯƠNG       | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.75         | 9.4   | 7.75 |         |
| 206 | 310206 | 022210009296 | TRẦN DUY DƯƠNG        | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 8.0  |         |
| 207 | 310207 | 022310002137 | TRẦN NAM DƯƠNG        | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 3.75 |         |
| 208 | 310208 | 022310006247 | TRẦN QUỲNH DƯƠNG      | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.25 |         |
| 209 | 310209 | 022310001177 | TRẦN YẾN DƯƠNG        | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 8.5  |         |
| 210 | 310210 | 030210008420 | TRƯƠNG TUẤN DƯƠNG     | 27/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.25         | 7.2   | 9.0  |         |
| 211 | 310211 | 022310011966 | VŨ NGỌC BẠCH DƯƠNG    | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.0  |         |
| 212 | 310212 | 022210002770 | LÝ NGỌC ĐÀI           | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 2.5  |         |
| 213 | 310213 | 022210008718 | VŨ TRỌNG ĐÀI          | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 3.25         | 1.6   | 2.75 |         |
| 214 | 310214 | 022210001952 | ĐINH HOÀNG ĐAN        | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.25 |         |
| 215 | 310215 | 022210006732 | VŨ ĐỨC ĐAN            | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.0  |         |
| 216 | 310216 | 022210002648 | ĐẶNG THÀNH ĐẠT        | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 1.5  |         |
| 217 | 310217 | 022210002242 | ĐẶNG TIẾN ĐẠT         | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 3.5          | 6.2   | 7.5  |         |
| 218 | 310218 | 022210010145 | ĐINH TIẾN ĐẠT         | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 8.0  |         |
| 219 | 310219 | 022210004959 | ĐỖ QUỐC ĐẠT           | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 6.5  |         |
| 220 | 310220 | 022210011959 | KIỀU QUANG ĐẠT        | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 8.25 |         |
| 221 | 310221 | 022210002688 | LÊ NGUYỄN MINH ĐẠT    | 03/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 7.6   | 6.75 |         |
| 222 | 310222 | 022210000683 | LÊ TIẾN ĐẠT           | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.75         | 7.0   | 5.75 |         |
| 223 | 310223 | 022210007875 | NGUYỄN DUY ĐẠT        | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 6.75 |         |
| 224 | 310224 | 022210003325 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT      | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.0          | 6.0   | 5.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 225 | 310225 | 022210008203 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT       | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |          |
| 226 | 310226 | 022210010729 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT       | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 7.25 |          |
| 227 | 310227 | 022210005750 | PHẠM TIẾN THÀNH ĐẠT   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 228 | 310228 | 022210012329 | TRẦN ĐẠT              | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 3.0          | 6.4   | 2.75 |          |
| 229 | 310229 | 022210009650 | NGUYỄN HẢI ĐĂNG       | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 5.25 |          |
| 230 | 310230 | 022210004195 | ĐOÀN VIÊN ĐÔNG        | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.5          | 8.8   | 5.25 |          |
| 231 | 310231 | 022210011254 | BÙI HỮU ĐỨC           | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 0.5          | 3.6   | 4.25 |          |
| 232 | 310232 | 022210000709 | BÙI MẠNH ĐỨC          | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.25         | 8.8   | 7.0  |          |
| 233 | 310233 | 022210004049 | BÙI MINH ĐỨC          | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 8.0  |          |
| 234 | 310234 | 022210005794 | BÙI MINH ĐỨC          | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 3.25 |          |
| 235 | 310235 | 022208004923 | NGUYỄN ANH ĐỨC        | 22/12/2008 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 236 | 310236 | 022210005060 | NGUYỄN ANH ĐỨC        | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 8.75 |          |
| 237 | 310237 | 022210006556 | NGUYỄN NGỌC TRUNG ĐỨC | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 4.75 |          |
| 238 | 310238 | 022210013257 | NGUYỄN PHẠM GIA ĐỨC   | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 6.0  |          |
| 239 | 310239 | 022210011876 | NGUYỄN VĂN ĐỨC        | 10/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 6.5  |          |
| 240 | 310240 | 022210006727 | NGUYỄN VŨ MINH ĐỨC    | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 2.75 |          |
| 241 | 310241 | 034210000518 | PHẠM MINH ĐỨC         | 05/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 8.0  |          |
| 242 | 310242 | 022210000585 | TRẦN ANH ĐỨC          | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 243 | 310243 | 022210010260 | VŨ ANH ĐỨC            | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 9.25 |          |
| 244 | 310244 | 022210007303 | LƯU PHÚ GIA           | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 8.0  |          |
| 245 | 310245 | 022210008946 | PHẠM PHÚ GIA          | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.0  |          |
| 246 | 310246 | 030210005377 | BÙI LÊ TRƯỜNG GIANG   | 31/05/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 8.5  |          |
| 247 | 310247 | 022310010603 | BÙI VŨ MINH GIANG     | 25/11/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 8.25 |          |
| 248 | 310248 | 022210000689 | ĐOÀN ĐỨC GIANG        | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 6.25 |          |
| 249 | 310249 | 022310003879 | HOÀNG HƯƠNG GIANG     | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 250 | 310250 | 022210009951 | NGUYỄN ĐỨC GIANG      | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 6.0  |          |
| 251 | 310251 | 022310001228 | NGUYỄN HÀ GIANG       | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 5.5  |          |
| 252 | 310252 | 022310001235 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG    | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 3.5  |          |
| 253 | 310253 | 022310000843 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG    | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 4.75 |          |
| 254 | 310254 | 022210007231 | NGUYỄN TRƯỜNG GIANG   | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 8.5  |          |
| 255 | 310255 | 022310004239 | PHẠM THANH GIANG      | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.75 |          |
| 256 | 310256 | 022310000446 | TÔNG HƯƠNG GIANG      | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.0  |          |
| 257 | 310257 | 022310002636 | TRẦN HƯƠNG GIANG      | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.75 |          |
| 258 | 310258 | 022310000615 | TRẦN HƯƠNG GIANG      | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 8.75 |          |
| 259 | 310259 | 022310000467 | TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG  | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 7.0  |          |
| 260 | 310260 | 022310010263 | BÙI NGỌC HÀ           | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 8.75 |          |
| 261 | 310261 | 022310000621 | DƯƠNG MINH HÀ         | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.25 |          |
| 262 | 310262 | 022310008564 | ĐÀO NGỌC HÀ           | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 5.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Ưông Bí (22000708)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 263 | 310263 | 022310002709 | ĐINH THỊ NGỌC    | HÀ        | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 8.5  |          |
| 264 | 310264 | 022310001591 | LÊ ĐỒNG          | HÀ        | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 8.25 |          |
| 265 | 310265 | 022310007762 | LÊ THU           | HÀ        | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 8.5  |          |
| 266 | 310266 | 022310009029 | LƯƠNG THANH      | HÀ        | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 7.75 |          |
| 267 | 310267 | 022310008189 | NGUYỄN NGÂN      | HÀ        | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.5  |          |
| 268 | 310268 | 022310005133 | NGUYỄN NGỌC THÁI | HÀ        | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.25 |          |
| 269 | 310269 | 022310004521 | NGUYỄN THÁI KHAI | HÀ        | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 8.75 |          |
| 270 | 310270 | 022310010773 | NGUYỄN THỊ THU   | HÀ        | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.0  |          |
| 271 | 310271 | 022310008633 | NGUYỄN THU       | HÀ        | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.25         | 4.6   | 7.5  |          |
| 272 | 310272 | 022310006554 | PHẠM HẢI         | HÀ        | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 8.5  |          |
| 273 | 310273 | 022310002324 | PHẠM THU         | HÀ        | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.0  |          |
| 274 | 310274 | 022310000709 | PHẠM THU         | HÀ        | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 8.25         | 7.0   | 8.0  |          |
| 275 | 310275 | 036310007559 | TRẦN THỊ THANH   | HÀ        | 14/04/2010 | Nam Định   | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 7.25 |          |
| 276 | 310276 | 022310003363 | TRẦN THU         | HÀ        | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.0  |          |
| 277 | 310277 | 022310006905 | TRƯƠNG NHẬT      | HÀ        | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.75         | 9.6   | 7.75 |          |
| 278 | 310278 | 022310007360 | VŨ MAI NGÂN      | HÀ        | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 4.75 |          |
| 279 | 310279 | 022310002667 | VŨ NGUYỄN MINH   | HÀ        | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 4.75 |          |
| 280 | 310280 | 022310009926 | VŨ THỊ BÍCH      | HÀ        | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 6.5  |          |
| 281 | 310281 | 022310000631 | VŨ THU           | HÀ        | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |          |
| 282 | 310282 | 030310013188 | VƯƠNG THU        | HÀ        | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 6.5  |          |
| 283 | 310283 | 022210004159 | BÙI MẠNH         | HẢI       | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.75 |          |
| 284 | 310284 | 022310004868 | ĐỖ THỊ NGỌC      | HẢI       | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 5.0  |          |
| 285 | 310285 | 022210008362 | HOÀNG TRUNG      | HẢI       | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 3.25 |          |
| 286 | 310286 | 022208006134 | NGUYỄN DUY       | HẢI       | 10/09/2008 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 287 | 310287 | 022210002089 | NGUYỄN HOÀNG     | HẢI       | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 5.5  |          |
| 288 | 310288 | 022210012013 | NGUYỄN MẠNH      | HẢI       | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 6.75 |          |
| 289 | 310289 | 022210011027 | NGUYỄN MINH      | HẢI       | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 8.5  |          |
| 290 | 310290 | 022210000758 | NGUYỄN MINH      | HẢI       | 14/02/2010 | Nam Định   | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 4.75 |          |
| 291 | 310291 | 022210010944 | TRẦN HOÀNG       | HẢI       | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 7.25 |          |
| 292 | 310292 | 022210005914 | VŨ QUANG         | HẢI       | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.25         | 9.4   | 8.75 |          |
| 293 | 310293 | 022210000697 | VŨ QUANG         | HẢI       | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.25 |          |
| 294 | 310294 | 022310003865 | ĐOÀN THỊ BÍCH    | HẠNH      | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 6.5  |          |
| 295 | 310295 | 022310009037 | VŨ HOÀNG MINH    | HẠNH      | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 2.0  |          |
| 296 | 310296 | 036210006781 | NINH NGỌC LÂM    | HÀO       | 28/09/2010 | Nam Định   | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.5  |          |
| 297 | 310297 | 022310008563 | ĐOÀN THỊ LÂM     | HẰNG      | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 4.75 |          |
| 298 | 310298 | 022310009213 | HỒ THANH         | HẰNG      | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 0.75 |          |
| 299 | 310299 | 022310006734 | PHẠM MINH        | HẰNG      | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.0  |          |
| 300 | 310300 | 022310007640 | PHẠM THUY        | HẰNG      | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 6.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                         |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 301 | 310301 | 022310005263 | TẠ VIỆT HẰNG            | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.75 |          |
| 302 | 310302 | 022310004051 | TRỊNH MINH HẰNG         | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 2.25 |          |
| 303 | 310303 | 022310011276 | ĐẶNG THÁI HÂN           | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.0  |          |
| 304 | 310304 | 022310002765 | MAI NGỌC HÂN            | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 2.0  |          |
| 305 | 310305 | 022310004005 | NGUYỄN BẢO HÂN          | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 7.25 |          |
| 306 | 310306 | 022310008574 | NGUYỄN NGỌC HÂN         | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 7.5  |          |
| 307 | 310307 | 022310003731 | NGUYỄN VŨ GIA HÂN       | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 6.5  |          |
| 308 | 310308 | 022210007430 | TRƯỜNG CẢNH HÂN         | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.75 |          |
| 309 | 310309 | 022310001751 | BUI THANH HIỀN          | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 6.75 |          |
| 310 | 310310 | 022310001564 | ĐÀO THU HIỀN            | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 311 | 310311 | 022310000610 | NGUYỄN DUYÊN HIỀN       | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 312 | 310312 | 022310011538 | NGUYỄN PHƯƠNG HIỀN      | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 7.5  |          |
| 313 | 310313 | 022310011905 | NGUYỄN THANH HIỀN       | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 2.75 |          |
| 314 | 310314 | 022310002649 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN     | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.5  |          |
| 315 | 310315 | 022310010291 | VÕ THẢO HIỀN            | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 8.0  |          |
| 316 | 310316 | 022310008811 | VŨ THU HIỀN             | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |          |
| 317 | 310317 | 022210005550 | LƯƠNG MINH HIỀN         | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 7.0  |          |
| 318 | 310318 | 022210004907 | ĐẶNG NGỌC HIỆP          | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.5  |          |
| 319 | 310319 | 022210006280 | ĐỖ HUY HIỆP             | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 6.75 |          |
| 320 | 310320 | 033210009757 | LÊ HOÀNG HIỆP           | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 6.5  |          |
| 321 | 310321 | 022310001476 | PHẠM HỒNG HIỆP          | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 7.25 |          |
| 322 | 310322 | 030210017315 | CAO TRUNG HIẾU          | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 6.25 |          |
| 323 | 310323 | 022210011067 | ĐẶNG TRUNG HIẾU         | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.75         | 9.2   | 9.0  |          |
| 324 | 310324 | 022210006644 | ĐỖ MINH HIẾU            | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.75 |          |
| 325 | 310325 | 022210004741 | ĐỖ QUANG HIẾU           | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 7.75 |          |
| 326 | 310326 | 022210009902 | HOÀNG ĐỨC HIẾU          | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 8.0  |          |
| 327 | 310327 | 022210009729 | HOÀNG MINH HIẾU         | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.25         | 9.2   | 8.5  |          |
| 328 | 310328 | 022210002438 | NGUYỄN HÀ HIẾU          | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.25 |          |
| 329 | 310329 | 022210011366 | NGUYỄN HOÀNG TRUNG HIẾU | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.75 |          |
| 330 | 310330 | 022210008875 | NGUYỄN MINH HIẾU        | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 9.25 |          |
| 331 | 310331 | 022210008070 | NGUYỄN MINH HIẾU        | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 7.5  |          |
| 332 | 310332 | 022210006643 | NGUYỄN TRUNG HIẾU       | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 3.0  |          |
| 333 | 310333 | 022210000584 | NGUYỄN TRUNG HIẾU       | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 9.0  |          |
| 334 | 310334 | 022310009034 | NGUYỄN NGỌC HOA         | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 7.25 |          |
| 335 | 310335 | 022310001134 | PHẠM NGỌC PHƯƠNG HOA    | 21/08/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 7.75 |          |
| 336 | 310336 | 022310011963 | PHAN THỊ QUỲNH HOA      | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 7.5  |          |
| 337 | 310337 | 022210010710 | DƯƠNG HẢI HÒA           | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 8.58         | 7.8   | 7.75 |          |
| 338 | 310338 | 030210006649 | NGUYỄN MINH HÒA         | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Ưông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |           |            |            |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 339 | 310339 | 022210003935 | PHẠM NGỌC      | HÒA       | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 3.25 |          |
| 340 | 310340 | 022210008645 | VŨ QUỐC        | HÒA       | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 5.25 |          |
| 341 | 310341 | 022210003445 | VŨ VĂN         | HÒA       | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.5  |          |
| 342 | 310342 | 022310006037 | PHẠM THU       | HOÀI      | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.75 |          |
| 343 | 310343 | 022210004123 | NGUYỄN ĐỨC     | HOÀN      | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 5.5  |          |
| 344 | 310344 | 022210000463 | ĐẶNG MINH      | HOÀNG     | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 8.0  |          |
| 345 | 310345 | 022210008466 | ĐẶNG VIỆT      | HOÀNG     | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.5  |          |
| 346 | 310346 | 022210004689 | NGUYỄN HUY     | HOÀNG     | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 8.0  |          |
| 347 | 310347 | 022210005143 | NGUYỄN KHÁC    | HOÀNG     | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 9.0  |          |
| 348 | 310348 | 030210001996 | NGUYỄN MINH    | HOÀNG     | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 5.75 |          |
| 349 | 310349 | 022210001946 | NGUYỄN TUẤN    | HOÀNG     | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.75 |          |
| 350 | 310350 | 022210004788 | PHẠM HUY       | HOÀNG     | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 6.5  |          |
| 351 | 310351 | 022210009539 | PHẠM MINH      | HOÀNG     | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 1.75 |          |
| 352 | 310352 | 022210003861 | PHẠM VĂN       | HOÀNG     | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 353 | 310353 | 022210002676 | TRẦN HUY       | HOÀNG     | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 6.5  |          |
| 354 | 310354 | 022210002666 | TRỊNH HUY      | HOÀNG     | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 2.0  |          |
| 355 | 310355 | 022310009716 | NGÔ BÙI NGỌC   | HỒNG      | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 7.5  |          |
| 356 | 310356 | 022310003633 | PHÙNG THỊ ÁNH  | HỒNG      | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 6.25 |          |
| 357 | 310357 | 022210005396 | ĐINH VĂN       | HUÂN      | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 5.75 |          |
| 358 | 310358 | 022210007830 | VŨ VĂN         | HUÂN      | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 8.5  |          |
| 359 | 310359 | 022310009349 | PHẠM THỊ KIM   | HUYỆ      | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.0  |          |
| 360 | 310360 | 022210010890 | DƯƠNG VIỆT     | HÙNG      | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 6.5  |          |
| 361 | 310361 | 022210004164 | ĐỖ ANH         | HÙNG      | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.5  |          |
| 362 | 310362 | 022210004663 | LÊ MẠNH        | HÙNG      | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 3.75 |          |
| 363 | 310363 | 022210005219 | NGÔ ĐỨC        | HÙNG      | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.5          | 8.6   | 7.25 |          |
| 364 | 310364 | 022210005152 | NGÔ MẠNH       | HÙNG      | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 8.75 |          |
| 365 | 310365 | 022210012428 | NGUYỄN CAO THỂ | HÙNG      | 26/09/2010 | Hà Nam     | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Ưông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.75 |          |
| 366 | 310366 | 022210012487 | NGUYỄN NGỌC    | HÙNG      | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 9.0  |          |
| 367 | 310367 | 022210001695 | NGUYỄN VIỆT    | HÙNG      | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 9.4   | 7.25 |          |
| 368 | 310368 | 022210000170 | NGUYỄN VŨ ĐỨC  | HÙNG      | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.0  |          |
| 369 | 310369 | 022210011441 | VŨ TUẤN        | HÙNG      | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 5.5  |          |
| 370 | 310370 | 022210008278 | BÙI ĐỨC        | HUY       | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.08         | 7.0   | 6.5  |          |
| 371 | 310371 | 022210007190 | BÙI QUANG      | HUY       | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Điện Công          | Tiếng Anh | 4.8          | 6.0   | 6.5  |          |
| 372 | 310372 | 034210011074 | BÙI QUANG      | HUY       | 27/04/2010 | Thái Bình  | Nam              | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 8.25 |          |
| 373 | 310373 | 022210000583 | ĐỖ GIA         | HUY       | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 2.5  |          |
| 374 | 310374 | 022210010492 | HÀU DƯƠNG      | HUY       | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.0  |          |
| 375 | 310375 | 022210007170 | HOÀNG THANH    | HUY       | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 9.0  |          |
| 376 | 310376 | 022210011631 | LƯƠNG VŨ       | HUY       | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 6.75 |          |



**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 377 | 310377 | 022210009526 | MẠC TRẦN KHÁNH HUY   | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 5.5  |          |
| 378 | 310378 | 022210011623 | NGÔ ĐỨC HUY          | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 7.25 |          |
| 379 | 310379 | 022210001688 | NGUYỄN GIA HUY       | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 8.0  |          |
| 380 | 310380 | 031210010776 | NGUYỄN QUANG HUY     | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.75         | 5.2   | 3.75 |          |
| 381 | 310381 | 022210006615 | PHẠM ĐỨC ANH HUY     | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 3.75 |          |
| 382 | 310382 | 022210005265 | PHAN HOÀNG HUY       | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 4.0  |          |
| 383 | 310383 | 022210006124 | THÂN ĐỨC HUY         | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |          |
| 384 | 310384 | 022210005653 | TRẦN NGỌC HUY        | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 1.5          | 2.6   | 1.75 |          |
| 385 | 310385 | 022210000705 | VŨ ĐĂNG HUY          | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 4.75 |          |
| 386 | 310386 | 022210000668 | VŨ GIA HUY           | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 6.0  |          |
| 387 | 310387 | 022210006199 | VŨ GIA HUY           | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 5.75 |          |
| 388 | 310388 | 022310002160 | BÙI THỊ THU HUYỀN    | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 7.25         | 3.4   | 6.25 |          |
| 389 | 310389 | 022310009043 | ĐÀO KHÁNH HUYỀN      | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 8.0  |          |
| 390 | 310390 | 022310005872 | ĐỖ KHÁNH HUYỀN       | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.25         | 2.0   | 3.75 |          |
| 391 | 310391 | 022310006365 | HOÀNG VŨ NGỌC HUYỀN  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.5  |          |
| 392 | 310392 | 022310008927 | LIÊU THU HUYỀN       | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.0  |          |
| 393 | 310393 | 022310003847 | MAI NGỌC HUYỀN       | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 4.0  |          |
| 394 | 310394 | 022310008385 | NGUYỄN KHÁNH HUYỀN   | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 2.75 |          |
| 395 | 310395 | 022310005127 | NGUYỄN NGỌC HUYỀN    | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 5.5  |          |
| 396 | 310396 | 022310007078 | NGUYỄN THANH HUYỀN   | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.5  |          |
| 397 | 310397 | 022310001438 | PHẠM NGỌC HUYỀN      | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 3.5  |          |
| 398 | 310398 | 022310008216 | PHẠM PHƯƠNG HUYỀN    | 19/11/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 7.0  |          |
| 399 | 310399 | 022310005467 | TẠ THU HUYỀN         | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.5  |          |
| 400 | 310400 | 038310024804 | TRẦN KHÁNH HUYỀN     | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 6.25 |          |
| 401 | 310401 | 038310028530 | TRẦN THỊ ÁNH HUYỀN   | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.41         | 7.2   | 8.0  |          |
| 402 | 310402 | 022310001539 | VŨ NGỌC HUYỀN        | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 7.0  |          |
| 403 | 310403 | 022210000453 | ĐOÀN BÁ VIỆT HÙNG    | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 6.75 |          |
| 404 | 310404 | 022210005253 | ĐOÀN ĐỖ MẠNH HÙNG    | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 405 | 310405 | 022210007225 | ĐỖ DUY HÙNG          | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 8.0  |          |
| 406 | 310406 | 022210005506 | ĐỖ VŨ DUY HÙNG       | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 8.75 |          |
| 407 | 310407 | 022210011120 | ĐỖ XUÂN HÙNG         | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 9.0  |          |
| 408 | 310408 | 022210006768 | HOÀNG TUẤN HÙNG      | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 4.75 |          |
| 409 | 310409 | 022210006298 | MẠC CHẤN HÙNG        | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 410 | 310410 | 022210011914 | NGUYỄN ĐOÀN DUY HÙNG | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 8.75 |          |
| 411 | 310411 | 022210007454 | NGUYỄN ĐỨC HÙNG      | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 6.25 |          |
| 412 | 310412 | 022210000703 | NGUYỄN LÊ HÙNG       | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 8.0   | 5.75 |          |
| 413 | 310413 | 022210006302 | NGUYỄN QUANG HÙNG    | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.75 |          |
| 414 | 310414 | 022210008749 | NGUYỄN TRẦN DUY HÙNG | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 8.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 415 | 310415 | 022210012524 | TRẦN QUANG HƯNG        | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.5  |         |
| 416 | 310416 | 022210002281 | TRẦN THÁI HƯNG         | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 8.0  |         |
| 417 | 310417 | 022210001896 | VŨ GIA HƯNG            | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.75 |         |
| 418 | 310418 | 031210003044 | VŨ GIA HƯNG            | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.0  |         |
| 419 | 310419 | 022210005737 | VŨ VIỆT HƯNG           | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 9.0  |         |
| 420 | 310420 | 022310009709 | ĐẶNG THỊ LAN HƯƠNG     | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.75 |         |
| 421 | 310421 | 022310001389 | NGÔ THU HƯƠNG          | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.75 |         |
| 422 | 310422 | 022310001034 | PHÍ NGỌC QUỲNH HƯƠNG   | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 7.5  |         |
| 423 | 310423 | 022310001203 | TRẦN LAN HƯƠNG         | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.5  |         |
| 424 | 310424 | 034310014895 | TRẦN VŨ THANH HƯƠNG    | 27/02/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.75 |         |
| 425 | 310425 | 022210005644 | BÙI VƯƠNG KHANG        | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 3.5  |         |
| 426 | 310426 | 022210008883 | NGÔ TUẤN KHANG         | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.25 |         |
| 427 | 310427 | 022210011541 | NGUYỄN ĐỨC KHANG       | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 4.0  |         |
| 428 | 310428 | 022210000775 | NGUYỄN TRÁC MINH KHANG | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 5.0  |         |
| 429 | 310429 | 022210012189 | TẠ TUẤN KHANG          | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 6.25 |         |
| 430 | 310430 | 022310002452 | BÙI NGỌC KHÁNH         | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 5.0  |         |
| 431 | 310431 | 037210003568 | ĐINH NAM KHÁNH         | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 9.25 |         |
| 432 | 310432 | 022210012550 | HOÀNG NHẬT KHÁNH       | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 6.75 |         |
| 433 | 310433 | 022210001764 | LÊ BẢO KHÁNH           | 06/02/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 9.8   | 8.25 |         |
| 434 | 310434 | 001310039101 | NGÔ BẢO KHÁNH          | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh | 8.08         | 9.0   | 8.0  |         |
| 435 | 310435 | 022210000824 | NGUYỄN DUY KHÁNH       | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 8.5  |         |
| 436 | 310436 | 022310002439 | NGUYỄN LÊ VĂN KHÁNH    | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 7.25 |         |
| 437 | 310437 | 022210007998 | NGUYỄN MINH KHÁNH      | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 4.75 |         |
| 438 | 310438 | 022310009203 | NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH  | 17/09/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.5  |         |
| 439 | 310439 | 022310008044 | NGUYỄN THỊ VĂN KHÁNH   | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 440 | 310440 | 022310010293 | NGUYỄN THUY KHÁNH      | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 6.0  |         |
| 441 | 310441 | 033210001149 | PHẠM NGỌC KHÁNH        | 09/10/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.25         | 5.8   | 7.5  |         |
| 442 | 310442 | 022310002970 | PHẠM THỊ BẢO KHÁNH     | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.5  |         |
| 443 | 310443 | 022210000872 | TRẦN MINH KHÁNH        | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 5.75 |         |
| 444 | 310444 | 022310011583 | VŨ THỊ NGỌC KHÁNH      | 02/09/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 5.75 |         |
| 445 | 310445 | 034210006829 | NGUYỄN TUẤN KHIÊM      | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 7.75 |         |
| 446 | 310446 | 022210006516 | PHẠM GIA KHIÊM         | 19/11/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 7.75 |         |
| 447 | 310447 | 022210009831 | MAI ĐĂNG KHOA          | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 7.75 |         |
| 448 | 310448 | 022210000776 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA       | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 9.0  |         |
| 449 | 310449 | 022210007242 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA       | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 3.5  |         |
| 450 | 310450 | 022210000863 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA       | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 8.0  |         |
| 451 | 310451 | 022210010027 | VŨ ĐĂNG KHOA           | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.75 |         |
| 452 | 310452 | 022210008078 | NGUYỄN ĐĂNG KHÔI       | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 2.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-----------|------------|------------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |           |            |            |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 453 | 310453 | 022210001891 | VŨ ĐỨC SON      | KHUÊ      | 28/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 6.75 |          |
| 454 | 310454 | 022310007025 | VŨ MINH         | KHUÊ      | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.25 |          |
| 455 | 310455 | 022210004297 | DƯƠNG TRỌNG     | KIÊN      | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.25 |          |
| 456 | 310456 | 022210003665 | NGUYỄN TRUNG    | KIÊN      | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.0          | 6.8   | 2.75 |          |
| 457 | 310457 | 022210002079 | PHẠM TRUNG      | KIÊN      | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.25         | 8.6   | 6.75 |          |
| 458 | 310458 | 022210010101 | PHẠM TRUNG      | KIÊN      | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 1.75         | 6.2   | 7.5  |          |
| 459 | 310459 | 022210005352 | ĐINH TUẤN       | KIỆT      | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 8.0  |          |
| 460 | 310460 | 022210006412 | ĐỖ TUẤN         | KIỆT      | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.16         | 5.6   | 6.25 |          |
| 461 | 310461 | 022210000527 | LÊ ĐỨC TUẤN     | KIỆT      | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.33         | 7.4   | 9.0  |          |
| 462 | 310462 | 022210008748 | LÊ TUẤN         | KIỆT      | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 5.08         | 8.2   | 5.25 |          |
| 463 | 310463 | 034210011657 | NGUYỄN HOÀNG    | KIỆT      | 15/06/2010 | Thái Bình  | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 464 | 310464 | 022210004131 | NGUYỄN VĂN TUẤN | KIỆT      | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 9.0  |          |
| 465 | 310465 | 022210002500 | TA TUẤN         | KIỆT      | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.75 |          |
| 466 | 310466 | 019310000436 | ĐẶNG THƯ        | KỶ        | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 5.0  |          |
| 467 | 310467 | 022310000436 | ĐINH NHÃ        | KỶ        | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 7.25 |          |
| 468 | 310468 | 022210007578 | TRẦN CAO        | KỶ        | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 469 | 310469 | 031310004920 | BUI HOÀNG       | LAN       | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.5  |          |
| 470 | 310470 | 022310003578 | NGUYỄN HOÀNG    | LAN       | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.75         | 3.4   | 1.5  |          |
| 471 | 310471 | 022310006297 | NGUYỄN MAI      | LAN       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 5.5  |          |
| 472 | 310472 | 022310011943 | PHẠM NGỌC       | LAN       | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 3.5  |          |
| 473 | 310473 | 022310000548 | PHÙNG THỊ NGỌC  | LAN       | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 7.75 |          |
| 474 | 310474 | 022310009845 | TRẦN THỊ NGỌC   | LAN       | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 5.5  |          |
| 475 | 310475 | 022210006743 | BUI BẢO         | LÂM       | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 9.0  |          |
| 476 | 310476 | 022210006020 | DƯƠNG NGỌC      | LÂM       | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 8.25 |          |
| 477 | 310477 | 022210002530 | LẠI THẾ         | LÂM       | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 3.25 |          |
| 478 | 310478 | 022310000721 | LÊ THUY         | LÂM       | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 7.0  |          |
| 479 | 310479 | 022210000489 | NGUYỄN BẢO      | LÂM       | 20/08/2010 | Hải Phòng  | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 1.5  |          |
| 480 | 310480 | 022210002084 | NGUYỄN ĐỨC      | LÂM       | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.0  |          |
| 481 | 310481 | 022210003027 | NGUYỄN HOÀNG    | LÂM       | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 2.5  |          |
| 482 | 310482 | 022210012125 | NGUYỄN QUANG    | LÂM       | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 5.75 |          |
| 483 | 310483 | 022210006443 | NGUYỄN TUẤN     | LÂM       | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 8.25 |          |
| 484 | 310484 | 022210000522 | NGUYỄN TÙNG     | LÂM       | 20/01/2010 | Bắc Ninh   | Nam              | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.5  |          |
| 485 | 310485 | 022210011187 | NGUYỄN TÙNG     | LÂM       | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 9.0  |          |
| 486 | 310486 | 022210002976 | PHẠM CHÍ        | LÂM       | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.0  |          |
| 487 | 310487 | 022210000592 | PHẠM DUY        | LÂM       | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 8.25 |          |
| 488 | 310488 | 022210006063 | PHẠM TÙNG       | LÂM       | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 4.75 |          |
| 489 | 310489 | 022310007654 | PHÙNG VI        | LÂM       | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 4.5  |          |
| 490 | 310490 | 022210002162 | TRỊNH NGUYỄN    | LÂM       | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 6.8   | 3.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |             |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 491 | 310491 | 022210000874 | VŨ ĐỨC LÂM           | 28/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.5  |         |
| 492 | 310492 | 022210009994 | VŨ HÀ TÙNG           | 27/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.25         | 7.8   | 7.75 |         |
| 493 | 310493 | 033210006777 | VŨ HOÀNG LÂM         | 24/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 8.75 |         |
| 494 | 310494 | 022210000783 | VŨ TÙNG LÂM          | 14/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 8.0  |         |
| 495 | 310495 | 022310011697 | NGUYỄN PHA LÊ        | 06/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 4.25 |         |
| 496 | 310496 | 022310010552 | HÀU NHẬT LÊ          | 24/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 5.5  |         |
| 497 | 310497 | 036310000453 | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN  | 13/08/2010 | Nam Định    | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 7.25 |         |
| 498 | 310498 | 022310007039 | BÙI GIA LINH         | 16/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 5.75 |         |
| 499 | 310499 | 022310010525 | BÙI KHÁNH LINH       | 07/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.0  |         |
| 500 | 310500 | 034310003088 | BÙI THẢO LINH        | 07/09/2010 | Thái Bình   | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.25 |         |
| 501 | 310501 | 001310048402 | CÁN TRANG LINH       | 01/11/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 6.25 |         |
| 502 | 310502 | 022310002235 | ĐƯƠNG NGỌC LINH      | 26/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.75 |         |
| 503 | 310503 | 022310011122 | ĐÀM BẢO LINH         | 17/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 3.0  |         |
| 504 | 310504 | 022310005692 | ĐINH THỊ KHÁNH LINH  | 06/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 3.5  |         |
| 505 | 310505 | 019310009479 | HÀ TUỆ LINH          | 10/05/2010 | Thái Nguyên | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 6.25 |         |
| 506 | 310506 | 022310010588 | HOÀNG HÀ LINH        | 21/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.25 |         |
| 507 | 310507 | 022310003370 | HOÀNG PHƯƠNG LINH    | 19/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 3.25 |         |
| 508 | 310508 | 022310004476 | HOÀNG THỊ KHÁNH LINH | 12/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 3.25         | 4.6   | 6.5  |         |
| 509 | 310509 | 022310006946 | LẠI THUY LINH        | 05/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.25 |         |
| 510 | 310510 | 022310000638 | LÊ BẢO LINH          | 15/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.75 |         |
| 511 | 310511 | 022310005469 | LÊ HẢI LINH          | 08/01/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 8.5          | 6.8   | 7.5  |         |
| 512 | 310512 | 022310010261 | LÊ PHƯƠNG LINH       | 01/07/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 7.5  |         |
| 513 | 310513 | 022310001544 | LÊ PHƯƠNG LINH       | 12/04/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 6.75 |         |
| 514 | 310514 | 022310004566 | LÊ THÁI LINH         | 29/09/2010 | Hà Nội      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 7.5  |         |
| 515 | 310515 | 022310007292 | LƯU GIA LINH         | 22/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.75 |         |
| 516 | 310516 | 022310007942 | NGUYỄN DIỆU LINH     | 31/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 5.5  |         |
| 517 | 310517 | 022310010536 | NGUYỄN DIỆU LINH     | 22/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 6.25 |         |
| 518 | 310518 | 022310003882 | NGUYỄN KHÁNH LINH    | 21/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.25 |         |
| 519 | 310519 | 022310011069 | NGUYỄN KHÁNH LINH    | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.25 |         |
| 520 | 310520 | 022310000454 | NGUYỄN KHÁNH LINH    | 12/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 521 | 310521 | 022310008420 | NGUYỄN KHÁNH LINH    | 01/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.25         | 9.2   | 8.0  |         |
| 522 | 310522 | 022310007958 | NGUYỄN NGỌC LINH     | 08/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 4.5  |         |
| 523 | 310523 | 038310027019 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH   | 12/08/2010 | Thanh Hóa   | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.25 |         |
| 524 | 310524 | 022310010799 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH   | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 7.5  |         |
| 525 | 310525 | 022310003237 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH   | 25/08/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 8.25 |         |
| 526 | 310526 | 022310002390 | NGUYỄN THỊ DIỆU LINH | 17/02/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.0  |         |
| 527 | 310527 | 022310001852 | NGUYỄN THUY LINH     | 05/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 8.0          | 4.8   | 7.5  |         |
| 528 | 310528 | 022310004818 | NGUYỄN THUY LINH     | 13/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 529 | 310529 | 022310000688 | PHẠM HÀ LINH          | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 6.5  |         |
| 530 | 310530 | 024310001423 | PHẠM KHÁNH LINH       | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 3.25 |         |
| 531 | 310531 | 022310011214 | PHẠM KHÁNH LINH       | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.75 |         |
| 532 | 310532 | 022310002061 | PHẠM KHÁNH LINH       | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 7.75 |         |
| 533 | 310533 | 022310006377 | PHẠM NGỌC KHÁNH LINH  | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 1.0  |         |
| 534 | 310534 | 022310000601 | PHẠM PHƯƠNG LINH      | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.75 |         |
| 535 | 310535 | 022310002717 | PHẠM THUY LINH        | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 7.25 |         |
| 536 | 310536 | 022310000587 | PHẠM THUY LINH        | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 7.0  |         |
| 537 | 310537 | 022310001880 | PHẠM TRẦN THUY LINH   | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 5.25 |         |
| 538 | 310538 | 022310008001 | PHÙNG KHÁNH LINH      | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 3.75 |         |
| 539 | 310539 | 022310000064 | TRẦN BAO LINH         | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.75         | 9.4   | 8.5  |         |
| 540 | 310540 | 022310006486 | TRẦN HÀ LINH          | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.5          | 9.2   | 9.0  |         |
| 541 | 310541 | 022310002237 | TRẦN HÀ LINH          | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 4.75 |         |
| 542 | 310542 | 022310004013 | TRẦN PHƯƠNG LINH      | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 4.0  |         |
| 543 | 310543 | 022310008505 | VŨ HẢI LINH           | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 8.0  |         |
| 544 | 310544 | 022210006841 | HOÀNG ĐỨC LONG        | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.0  |         |
| 545 | 310545 | 024210018110 | LÊ HOÀNG LONG         | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.5  |         |
| 546 | 310546 | 022210000579 | NGUYỄN CÔNG BẢO LONG  | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 6.0  |         |
| 547 | 310547 | 022210006913 | NGUYỄN ĐÌNH HÙNG LONG | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.25         | 7.6   | 6.0  |         |
| 548 | 310548 | 022210010030 | NGUYỄN ĐỨC LONG       | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.25 |         |
| 549 | 310549 | 022210004461 | NGUYỄN VŨ LONG        | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.25 |         |
| 550 | 310550 | 022210008991 | PHẠM HẢI LONG         | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.25 |         |
| 551 | 310551 | 022210006474 | PHẠM NHƯ HẢI LONG     | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 5.75 |         |
| 552 | 310552 | 037210009231 | PHẠM XUÂN LONG        | 09/01/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.25 |         |
| 553 | 310553 | 022210008476 | VŨ HOÀNG LONG         | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 4.5  |         |
| 554 | 310554 | 022210008235 | VŨ DUY LONG           | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.75         | 4.6   | 3.25 |         |
| 555 | 310555 | 022210000759 | VŨ ĐÌNH HOÀNG LONG    | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.0  |         |
| 556 | 310556 | 022210006995 | NGUYỄN ĐÌNH LỘC       | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.5          | 5.6   | 5.0  |         |
| 557 | 310557 | 022210006838 | TRẦN THIÊN LỘC        | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 3.5  |         |
| 558 | 310558 | 024210004263 | VŨ DUY LỢI            | 04/12/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.25 |         |
| 559 | 310559 | 022210006839 | NGUYỄN THANH LƯƠNG    | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 8.5  |         |
| 560 | 310560 | 022210008113 | NGUYỄN VĂN LƯƠNG      | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 2.75         | 5.4   | 3.0  |         |
| 561 | 310561 | 022210011102 | PHẠM NGỌC LƯƠNG       | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 8.0  |         |
| 562 | 310562 | 022310007498 | BÙI KHÁNH LY          | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 7.0  |         |
| 563 | 310563 | 022310008788 | BÙI NGUYỄN KHÁNH LY   | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 6.25 |         |
| 564 | 310564 | 022310011380 | NGUYỄN KHÁNH LY       | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.25         | 6.0   | 6.5  |         |
| 565 | 310565 | 024310013818 | NGUYỄN NGỌC LINH LY   | 03/06/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 6.5  |         |
| 566 | 310566 | 022310002258 | TRỊNH THỊ KHÁNH LY    | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 7.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 567 | 310567 | 022310008838 | BUI THANH MAI       | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 4.5  |          |
| 568 | 310568 | 022310003443 | ĐẶNG PHƯƠNG MAI     | 21/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 569 | 310569 | 022310000979 | ĐỖ HOÀNG NGỌC MAI   | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.75 |          |
| 570 | 310570 | 022309002219 | ĐỖ QUỲNH MAI        | 26/05/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 571 | 310571 | 022310007200 | LAI TUYẾT MAI       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 6.25 |          |
| 572 | 310572 | 022310006659 | LIU THI NGOC MAI    | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 3.5  |          |
| 573 | 310573 | 022310008694 | NGUYỄN HOÀNG MAI    | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 1.5  |          |
| 574 | 310574 | 022310002648 | NGUYỄN TUYẾT MAI    | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh | 7.75         | 5.8   | 7.25 |          |
| 575 | 310575 | 022310004940 | NGUYỄN TUYẾT MAI    | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 7.5  |          |
| 576 | 310576 | 022210009264 | DƯƠNG CÔNG MẠNH     | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 4.75 |          |
| 577 | 310577 | 022210002326 | ĐOÀN ĐỨC MẠNH       | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 7.5  |          |
| 578 | 310578 | 022210004136 | NGUYỄN GIA MẠNH     | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 4.75 |          |
| 579 | 310579 | 022210001045 | PHẠM ĐỨC MẠNH       | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.5  |          |
| 580 | 310580 | 022210002252 | PHẠM TIẾN MẠNH      | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.25 |          |
| 581 | 310581 | 022210000895 | TRẦN ĐỨC MẠNH       | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 1.25         | 3.4   | 1.75 |          |
| 582 | 310582 | 022210004085 | VŨ ĐỨC MẠNH         | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 2.5  |          |
| 583 | 310583 | 022310008016 | BUI DUONG HA MI     | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 6.75 |          |
| 584 | 310584 | 022310001106 | PHẠM NGHI MIỀN      | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 4.5  |          |
| 585 | 310585 | 022210006246 | DIP QUANG MINH      | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 6.75 |          |
| 586 | 310586 | 022210010725 | DƯƠNG ĐỨC MINH      | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 5.0  |          |
| 587 | 310587 | 022210004936 | DƯƠNG GIA MINH      | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.25 |          |
| 588 | 310588 | 022210010008 | ĐẶNG TUẤN MINH      | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 6.0  |          |
| 589 | 310589 | 022210007265 | ĐINH NHẬT MINH      | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 6.5  |          |
| 590 | 310590 | 022210000012 | ĐỖ HOÀNG MINH       | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 2.0  |          |
| 591 | 310591 | 022310000779 | HOÀNG HIẾU MINH     | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 8.25 |          |
| 592 | 310592 | 022210011932 | HOÀNG NHẬT MINH     | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 8.25 |          |
| 593 | 310593 | 022210007631 | HOÀNG TUẤN MINH     | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 9.0  |          |
| 594 | 310594 | 022210001723 | LÊ BẢO MINH         | 29/04/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 7.5  |          |
| 595 | 310595 | 038210020340 | LÊ KIM HAI MINH     | 24/08/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 3.5  |          |
| 596 | 310596 | 022210008697 | MAN ĐỨC BẢO MINH    | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.75 |          |
| 597 | 310597 | 022210001054 | NGÔ TỬ MINH         | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.5          | 7.8   | 7.5  |          |
| 598 | 310598 | 022210003299 | NGUYỄN ANH MINH     | 16/01/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 7.25 |          |
| 599 | 310599 | 022210003269 | NGUYỄN BÌNH MINH    | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 7.75 |          |
| 600 | 310600 | 022210005486 | NGUYỄN ĐỨC MINH     | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 6.25 |          |
| 601 | 310601 | 022210005748 | NGUYỄN GIA MINH     | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |          |
| 602 | 310602 | 022210002621 | NGUYỄN NHẬT MINH    | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.25 |          |
| 603 | 310603 | 022210003004 | NGUYỄN THÁI MINH    | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 6.5  |          |
| 604 | 310604 | 022310008528 | NGUYỄN VŨ NGỌC MINH | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 8.5          | 8.6   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |                 |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 605 | 310605 | 022210010290 | PHẠM BÌNH MINH       | 19/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.0  |         |
| 606 | 310606 | 022210002098 | PHẠM HẢI MINH        | 01/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 1.5  |         |
| 607 | 310607 | 022210003091 | PHẠM HOÀNG MINH      | 29/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.25         | 8.2   | 7.5  |         |
| 608 | 310608 | 022210006897 | PHẠM HÙNG MINH       | 18/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 3.75 |         |
| 609 | 310609 | 022210007980 | PHẠM HỮU MINH        | 26/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 2.25 |         |
| 610 | 310610 | 022210001899 | PHẠM NGUYỄN ĐỨC MINH | 06/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.75 |         |
| 611 | 310611 | 022210006148 | PHẠM NHẬT MINH       | 18/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.0  |         |
| 612 | 310612 | 022310008110 | PHẠM PHƯƠNG MINH     | 14/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 7.75 |         |
| 613 | 310613 | 022310005113 | TẠ MINH              | 04/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 6.75 |         |
| 614 | 310614 | 022210010927 | TRẦN NHẬT MINH       | 01/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.25 |         |
| 615 | 310615 | 031210000570 | TRẦN QUỐC MINH       | 03/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.5  |         |
| 616 | 310616 | 034210016519 | TRẦN TUẤN MINH       | 09/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.75 |         |
| 617 | 310617 | 022310001201 | VĂN NGỌC MINH        | 06/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 8.5  |         |
| 618 | 310618 | 022210012173 | VŨ ĐỨC QUANG MINH    | 30/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 9.0  |         |
| 619 | 310619 | 022310000530 | DƯƠNG TRÀ MY         | 24/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 4.0  |         |
| 620 | 310620 | 022310006245 | ĐÀO NGUYỄN THẢO MY   | 27/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 6.0  |         |
| 621 | 310621 | 022310007890 | ĐỖ CẨM MY            | 28/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.75 |         |
| 622 | 310622 | 022310003409 | ĐỖ HOÀNG MY          | 29/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.75 |         |
| 623 | 310623 | 024310010007 | HÀ THỊ TRÀ MY        | 22/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 2.0  |         |
| 624 | 310624 | 022310007186 | NGÔ THẢO MY          | 05/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 6.75 |         |
| 625 | 310625 | 001310019557 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY    | 08/12/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 3.25 |         |
| 626 | 310626 | 022310006930 | NGUYỄN TRÀ MY        | 20/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 2.0  |         |
| 627 | 310627 | 022310006029 | NGUYỄN TRÀ MY        | 17/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 4.5  |         |
| 628 | 310628 | 022309003653 | PHẠM TRÀ MY          | 05/09/2009 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 2.4   | 2.75 |         |
| 629 | 310629 | 001310054867 | TRẦN HOÀNG AN NA     | 05/01/2010 | Thái Bình       | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.25 |         |
| 630 | 310630 | 022210002830 | ĐẶNG HẢI NAM         | 20/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 8.5  |         |
| 631 | 310631 | 022210006338 | ĐẶNG TRƯỜNG NAM      | 27/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.25         | 7.8   | 5.25 |         |
| 632 | 310632 | 022210003990 | ĐINH HOÀNG THÀNH NAM | 27/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 6.5  |         |
| 633 | 310633 | 022210010079 | ĐỖ HẢI NAM           | 05/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê                | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 8.75 |         |
| 634 | 310634 | 022210000574 | LÊ ĐỨC NAM           | 13/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.5          | 5.0   | 3.75 |         |
| 635 | 310635 | 022210011537 | LÊ THÀNH NAM         | 13/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 9.0  |         |
| 636 | 310636 | 031210010286 | NGUYỄN HOÀNG NAM     | 11/04/2010 | Hà Nam          | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 7.5  |         |
| 637 | 310637 | 022210012555 | NGUYỄN NHẬT NAM      | 24/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.25         | 5.0   | 5.0  |         |
| 638 | 310638 | 022210003629 | NGUYỄN THẾ NAM       | 30/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 8.0  |         |
| 639 | 310639 | 022210003826 | PHẠM HOÀNG NAM       | 24/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 9.0  |         |
| 640 | 310640 | 022210001170 | PHẠM KHÁNH NAM       | 18/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 5.0  |         |
| 641 | 310641 | 072210001823 | PHẠM XUÂN KỶ NAM     | 12/10/2010 | Tp. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 3.25 |         |
| 642 | 310642 | 002210004429 | TRẦN BAO NAM         | 05/04/2010 | Hà Giang        | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 5.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 643 | 310643 | 022210004415 | TRẦN NGUYỄN NHẬT | NAM       | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 5.75 |         |
| 644 | 310644 | 022310001137 | BUI THỊ THANH    | NGA       | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 1.0          | 3.4   | 3.25 |         |
| 645 | 310645 | 022310009580 | LÊ THÚY          | NGA       | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 5.0  |         |
| 646 | 310646 | 022310009837 | NGUYỄN DƯƠNG VĂN | NGA       | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 4.75 |         |
| 647 | 310647 | 022310005751 | NGUYỄN THANH     | NGA       | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.91         | 9.8   | 8.5  |         |
| 648 | 310648 | 022310007582 | PHẠM THANH       | NGA       | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.25 |         |
| 649 | 310649 | 022310007359 | VŨ HẰNG          | NGA       | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 3.5          | 2.2   | 3.75 |         |
| 650 | 310650 | 022310002079 | HOÀNG THÚY       | NGÂN      | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 8.5  |         |
| 651 | 310651 | 022310010729 | NGÔ THỊ KIM      | NGÂN      | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.75 |         |
| 652 | 310652 | 022310005438 | NGUYỄN BẢO       | NGÂN      | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 7.0  |         |
| 653 | 310653 | 022310008140 | NGUYỄN NGỌC BẢO  | NGÂN      | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.25 |         |
| 654 | 310654 | 022310002150 | PHẠM BẢO         | NGÂN      | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.0  |         |
| 655 | 310655 | 022310006573 | PHẠM HUYỀN       | NGÂN      | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 656 | 310656 | 022310010389 | PHẠM THU         | NGÂN      | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 4.5  |         |
| 657 | 310657 | 022310008619 | VŨ THÚY          | NGÂN      | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 6.5  |         |
| 658 | 310658 | 022210005960 | HOÀNG ĐỨC        | NGHĨA     | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 8.25 |         |
| 659 | 310659 | 022210000620 | LƯU CHỈ          | NGHĨA     | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 6.25 |         |
| 660 | 310660 | 022210008599 | TÀNG THIÊN       | NGHĨA     | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 7.2   | 4.75 |         |
| 661 | 310661 | 022210009625 | TÔ TIẾN          | NGHĨA     | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 9.4   | 7.25 |         |
| 662 | 310662 | 022210006121 | VŨ TRỌNG         | NGHĨA     | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 8.25 |         |
| 663 | 310663 | 022310004202 | BUI ÁNH          | NGỌC      | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.25 |         |
| 664 | 310664 | 022310003725 | BUI THỊ MINH     | NGỌC      | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 4.25 |         |
| 665 | 310665 | 022310005204 | CHU MINH         | NGỌC      | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 4.75 |         |
| 666 | 310666 | 022310008256 | CHU THANH        | NGỌC      | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 6.25 |         |
| 667 | 310667 | 022310002414 | ĐÀM TRẦN BẢO     | NGỌC      | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.5  |         |
| 668 | 310668 | 022310000673 | ĐÀO ÁNH          | NGỌC      | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 2.75 |         |
| 669 | 310669 | 022310003209 | ĐẶNG LÊ BẢO      | NGỌC      | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 5.5  |         |
| 670 | 310670 | 022310002537 | ĐỖ BÍCH          | NGỌC      | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.25 |         |
| 671 | 310671 | 022310000526 | ĐỖ MINH          | NGỌC      | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 4.0  |         |
| 672 | 310672 | 022310003918 | ĐỖ THỊ MINH      | NGỌC      | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.5  |         |
| 673 | 310673 | 022310000975 | HOÀNG ÁNH        | NGỌC      | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao Trường THCS Yên Thanh     | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 6.75 |         |
| 674 | 310674 | 022310000607 | LÊ HỒNG          | NGỌC      | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.75 |         |
| 675 | 310675 | 022310003390 | NGÔ KHÁNH        | NGỌC      | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 4.25 |         |
| 676 | 310676 | 022310008136 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC      | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 7.0  |         |
| 677 | 310677 | 022310004050 | NGUYỄN BẢO       | NGỌC      | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.25         | 7.6   | 5.5  |         |
| 678 | 310678 | 022310000448 | NGUYỄN ĐOÀN BẢO  | NGỌC      | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 3.25 |         |
| 679 | 310679 | 022310010215 | PHẠM BẢO         | NGỌC      | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 2.75 |         |
| 680 | 310680 | 022310007650 | PHẠM HỒNG        | NGỌC      | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 7.25 |         |



**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                         |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 681 | 310681 | 022310001204 | PHẠM MINH NGỌC          | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.5  |         |
| 682 | 310682 | 022310004576 | PHẠM MINH NGỌC          | 18/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.75 |         |
| 683 | 310683 | 022310001577 | PHẠM PHAN BÍCH NGỌC     | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.25 |         |
| 684 | 310684 | 022310011306 | PHẠM THỊ BÍCH NGỌC      | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 5.5  |         |
| 685 | 310685 | 022310007148 | PHAN BẢO NGỌC           | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.5  |         |
| 686 | 310686 | 022310001656 | PHAN THỊ KHÁNH NGỌC     | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 687 | 310687 | 022310004148 | TRẦN ÁNH NGỌC           | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 3.0  |         |
| 688 | 310688 | 022310001178 | TRẦN BẢO NGỌC           | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 3.75         | 7.2   | 3.25 |         |
| 689 | 310689 | 022310005179 | TRẦN BẢO NGỌC           | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 3.5  |         |
| 690 | 310690 | 022310004570 | TRẦN BẢO NGỌC           | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 4.75         | 7.2   | 7.0  |         |
| 691 | 310691 | 022310000589 | TRỊNH BẢO NGỌC          | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.25 |         |
| 692 | 310692 | 022310000966 | VŨ KHÁNH NGỌC           | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 6.0  |         |
| 693 | 310693 | 022310005284 | VŨ NINH BẢO NGỌC        | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 3.25         | 5.4   | 4.75 |         |
| 694 | 310694 | 022310003470 | VŨ THẢO NGỌC            | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.0  |         |
| 695 | 310695 | 022210000762 | ĐỖ ĐOÀN CHÍ NGUYỄN      | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 6.25 |         |
| 696 | 310696 | 022310006349 | NGUYỄN NGỌC THAO NGUYỄN | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 8.0  |         |
| 697 | 310697 | 022310004125 | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN  | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 4.75 |         |
| 698 | 310698 | 022210002048 | TRẦN TRUNG NGUYỄN       | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 1.5  |         |
| 699 | 310699 | 022310011708 | NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT   | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.66         | 7.4   | 7.75 |         |
| 700 | 310700 | 022310003349 | TRƯƠNG THU NGUYỆT       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 6.75 |         |
| 701 | 310701 | 022310005199 | ĐỖ THỊ NHÂN             | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.25 |         |
| 702 | 310702 | 038210024481 | LÊ THIÊN NHÂN           | 15/01/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.5  |         |
| 703 | 310703 | 022210004846 | LÝ TRÍ NHÂN             | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.25         | 2.2   | 3.75 |         |
| 704 | 310704 | 022210003342 | NGUYỄN THIÊN NHÂN       | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.0          | 2.4   | 4.75 |         |
| 705 | 310705 | 022210007685 | ĐOÀN LONG NHẬT          | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 5.75 |         |
| 706 | 310706 | 022210007935 | LƯƠNG MINH NHẬT         | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 7.25 |         |
| 707 | 310707 | 022210012374 | MAI MINH NHẬT           | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.25         | 5.8   | 6.5  |         |
| 708 | 310708 | 022210011227 | NGUYỄN MINH NHẬT        | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 4.5  |         |
| 709 | 310709 | 022210004908 | NGUYỄN MINH NHẬT        | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 6.5  |         |
| 710 | 310710 | 024210008547 | NGUYỄN MINH NHẬT        | 15/06/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 1.0          | 4.0   | 3.75 |         |
| 711 | 310711 | 022210007901 | VŨ MINH NHẬT            | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.5  |         |
| 712 | 310712 | 022310001777 | BÙI ĐAN NHI             | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 9.0  |         |
| 713 | 310713 | 022310009853 | BÙI MAI TUỆ NHI         | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 5.75 |         |
| 714 | 310714 | 022310003893 | BÙI UYÊN NHI            | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.0  |         |
| 715 | 310715 | 022310011836 | BÙI UYÊN NHI            | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 7.25 |         |
| 716 | 310716 | 022310012635 | ĐINH GIA NHI            | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |         |
| 717 | 310717 | 022310004770 | HOÀNG YÊN NHI           | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 6.75 |         |
| 718 | 310718 | 022310004070 | LƯƠNG YÊN NHI           | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính       | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|-----------------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |           |            |                 |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 719 | 310719 | 022310012050 | LÝ DUYỀN          | NHI       | 13/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.75         | 6.4   | 6.25 |         |
| 720 | 310720 | 022310001060 | NGÔ NGỌC YẾN      | NHI       | 30/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.0  |         |
| 721 | 310721 | 022310010655 | NGUYỄN HÀ THỊ YẾN | NHI       | 31/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 8.5  |         |
| 722 | 310722 | 022310010317 | NGUYỄN THỊ YẾN    | NHI       | 27/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.75         | 7.6   | 7.0  |         |
| 723 | 310723 | 022310009559 | NGUYỄN THÚY       | NHI       | 14/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 7.0  |         |
| 724 | 310724 | 022310009609 | NGUYỄN YẾN        | NHI       | 05/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.75 |         |
| 725 | 310725 | 022310004751 | PHẠM ANH          | NHI       | 30/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 6.75 |         |
| 726 | 310726 | 036310014934 | VŨ PHƯƠNG         | NHI       | 27/09/2010 | Nam Định        | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 7.5  |         |
| 727 | 310727 | 022310005425 | NGUYỄN MỸ AN      | NHIÊN     | 18/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.75 |         |
| 728 | 310728 | 022310005609 | NGUYỄN TUỆ        | NHIÊN     | 17/09/2010 | Hà Nội          | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.58         | 9.2   | 6.5  |         |
| 729 | 310729 | 022310010594 | ĐOÀN HUYỀN        | NHUNG     | 05/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 7.5  |         |
| 730 | 310730 | 022310001255 | NGUYỄN HỒNG       | NHUNG     | 19/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.5  |         |
| 731 | 310731 | 022310001202 | VŨ HỒNG           | NHUNG     | 15/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 732 | 310732 | 022310001818 | VŨ THỊ TRANG      | NHUNG     | 12/11/2010 | Bắc Giang       | Nữ               | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 2.75 |         |
| 733 | 310733 | 022310000527 | LÊ NGỌC TÂM       | NHƯ       | 19/02/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.5  |         |
| 734 | 310734 | 022310000564 | NGUYỄN NGỌC BẢO   | NHƯ       | 02/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.75 |         |
| 735 | 310735 | 022310005053 | ĐOÀN PHƯƠNG       | NINH      | 18/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.75 |         |
| 736 | 310736 | 027210002097 | NGUYỄN VĂN        | NINH      | 12/01/2010 | Bắc Ninh        | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.75 |         |
| 737 | 310737 | 022310004902 | VŨ THỊ YẾN        | OANH      | 18/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.5  |         |
| 738 | 310738 | 022210011000 | NGUYỄN VIỆT       | PHÁP      | 26/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 6.25 |         |
| 739 | 310739 | 022210000528 | HOÀNG TÂN         | PHÁT      | 07/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.25 |         |
| 740 | 310740 | 022210000561 | NGUYỄN HỮU BẢO    | PHÁT      | 02/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.5  |         |
| 741 | 310741 | 036210002963 | NGUYỄN TÂN        | PHÁT      | 04/12/2010 | Nam Định        | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 8.75 |         |
| 742 | 310742 | 033210011817 | QUÁCH XUÂN        | PHÁT      | 20/12/2010 | Hưng Yên        | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 8.0  |         |
| 743 | 310743 | 022210010031 | ĐÀO TÂN           | PHONG     | 30/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.25         | 5.4   | 3.25 |         |
| 744 | 310744 | 022210005303 | ĐẶNG THÈ          | PHONG     | 14/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 1.75 |         |
| 745 | 310745 | 022210003140 | ĐINH HẢI          | PHONG     | 13/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 2.75 |         |
| 746 | 310746 | 022210003451 | LÊ ĐỨC            | PHONG     | 11/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 747 | 310747 | 022210000586 | NGUYỄN HẢI        | PHONG     | 18/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.0  |         |
| 748 | 310748 | 022210011338 | PHẠM TIẾN         | PHONG     | 09/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 4.5  |         |
| 749 | 310749 | 022210000655 | PHẠM TRƯỜNG       | PHONG     | 16/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 6.0  |         |
| 750 | 310750 | 022210005002 | PHẠM VĂN          | PHONG     | 24/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.75 |         |
| 751 | 310751 | 022210007150 | TRẦN HOÀNG        | PHONG     | 01/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 3.25         | 7.8   | 7.25 |         |
| 752 | 310752 | 096210008442 | VŨ HUY            | PHONG     | 01/04/2010 | Tp. Hồ Chí Minh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 753 | 310753 | 022210011891 | VŨ XUÂN           | PHONG     | 02/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.25 |         |
| 754 | 310754 | 022210003370 | NGUYỄN HOÀNG      | PHÓ       | 25/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 2.5  |         |
| 755 | 310755 | 022210007049 | PHÙNG THÀNH       | PHÓ       | 09/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 8.0  |         |
| 756 | 310756 | 022210002018 | NGUYỄN VĂN        | PHÚ       | 15/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 5.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 757 | 310757 | 022210005536 | PHẠM VĂN PHÚ         | 12/09/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 9.0  |          |
| 758 | 310758 | 022210003215 | VŨ XUÂN PHÚ          | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.5  |          |
| 759 | 310759 | 022210002355 | ĐẶNG HỒNG PHÚC       | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.75         | 8.2   | 2.25 |          |
| 760 | 310760 | 022210003526 | ĐỒNG ĐỨC PHÚC        | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 761 | 310761 | 022210011450 | NGUYỄN ANH PHÚC      | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 7.0  |          |
| 762 | 310762 | 022210010789 | NGUYỄN ĐÌNH PHÚC     | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 6.75 |          |
| 763 | 310763 | 030210000662 | NGUYỄN QUANG PHÚC    | 16/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 4.75 |          |
| 764 | 310764 | 022210004330 | NGUYỄN XUÂN PHÚC     | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 8.25 |          |
| 765 | 310765 | 034210000436 | PHẠM BẢO PHÚC        | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 8.0   | 8.75 |          |
| 766 | 310766 | 022210012275 | PHẠM ĐỨC PHÚC        | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 7.75 |          |
| 767 | 310767 | 022210008252 | VŨ ĐỨC PHÚC          | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 5.5  |          |
| 768 | 310768 | 022210010011 | CHU BÁ HỮU PHƯỚC     | 25/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 2.25 |          |
| 769 | 310769 | 022310012000 | DƯƠNG HOÀI PHƯƠNG    | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.75         | 5.8   | 5.25 |          |
| 770 | 310770 | 034310001615 | ĐẶNG THẢO PHƯƠNG     | 07/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 7.75 |          |
| 771 | 310771 | 022310007849 | ĐOÀN MINH PHƯƠNG     | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 8.25 |          |
| 772 | 310772 | 022310011510 | ĐỖ THU PHƯƠNG        | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 6.25 |          |
| 773 | 310773 | 022310005560 | MẠC MINH PHƯƠNG      | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 5.0  |          |
| 774 | 310774 | 022310009690 | NGUYỄN BẢO PHƯƠNG    | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 6.0  |          |
| 775 | 310775 | 022310011157 | NGUYỄN BẢO PHƯƠNG    | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.25 |          |
| 776 | 310776 | 022310006800 | NGUYỄN LAN PHƯƠNG    | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 8.25 |          |
| 777 | 310777 | 022210002649 | NGUYỄN MINH PHƯƠNG   | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 7.75 |          |
| 778 | 310778 | 022310008451 | NGUYỄN THANH PHƯƠNG  | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.25 |          |
| 779 | 310779 | 067310000128 | NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG   | 02/08/2010 | Đắk Lắk    | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.25         | 2.0   | 4.75 |          |
| 780 | 310780 | 030310001733 | PHẠM HÀ THU PHƯƠNG   | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.0  |          |
| 781 | 310781 | 022310000515 | PHẠM HIỀN PHƯƠNG     | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 8.75         | 9.0   | 9.0  |          |
| 782 | 310782 | 022310007809 | PHẠM NAM PHƯƠNG      | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 9.0          | 7.8   | 7.5  |          |
| 783 | 310783 | 022310000397 | PHẠM THỊ THU PHƯƠNG  | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 5.0  |          |
| 784 | 310784 | 022310007710 | TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 4.0  |          |
| 785 | 310785 | 022310007874 | VŨ HÀ PHƯƠNG         | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 6.75 |          |
| 786 | 310786 | 034310005777 | VŨ HÀ PHƯƠNG         | 03/07/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 6.0  |          |
| 787 | 310787 | 022310003803 | VŨ THU PHƯƠNG        | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 7.75 |          |
| 788 | 310788 | 022210005294 | HÀ MINH QUANG        | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.25 |          |
| 789 | 310789 | 022210000598 | NGUYỄN ĐĂNG QUANG    | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 2.25 |          |
| 790 | 310790 | 022210009409 | NGUYỄN MINH QUANG    | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 6.25 |          |
| 791 | 310791 | 022210004418 | BÙI LÊ ANH QUÂN      | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 5.25 |          |
| 792 | 310792 | 022210010133 | ĐỖ QUỐC QUÂN         | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 2.0          | 4.0   | 4.25 |          |
| 793 | 310793 | 022210008071 | LƯU LÊ MINH QUÂN     | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 6.75 |          |
| 794 | 310794 | 022210012324 | NGUYỄN ANH QUÂN      | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 4.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                         |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 795 | 310795 | 022210002837 | NGUYỄN DUY QUÂN         | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.0  |         |
| 796 | 310796 | 022210005790 | NGUYỄN HOÀNG QUÂN       | 04/10/2010 | Yên Bái    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 6.0  |         |
| 797 | 310797 | 022210006626 | PHẠM MẠNH QUÂN          | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.0          | 2.4   | 5.0  |         |
| 798 | 310798 | 030210006380 | TRỊNH MINH QUÂN         | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.5  |         |
| 799 | 310799 | 022310012658 | ĐỖ TÚ QUYÊN             | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 2.6   | 4.0  |         |
| 800 | 310800 | 022310005528 | LÂM BẢO QUYÊN           | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 1.75 |         |
| 801 | 310801 | 022210001048 | PHÙNG NGUYỄN QUYÊN      | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 8.0  |         |
| 802 | 310802 | 022210011220 | NGUYỄN DUY QUYẾT        | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 7.5  |         |
| 803 | 310803 | 022310000697 | ĐẶNG DIỄM QUỲNH         | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 4.75         | 8.8   | 7.25 |         |
| 804 | 310804 | 022310005360 | HÀ NHƯ QUỲNH            | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 6.0  |         |
| 805 | 310805 | 022310003048 | LẠI NHƯ QUỲNH           | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.75 |         |
| 806 | 310806 | 091310004071 | TRẦN NGỌC NHƯ QUỲNH     | 02/03/2010 | Kiên Giang | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.0  |         |
| 807 | 310807 | 022310009771 | TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH     | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 4.0  |         |
| 808 | 310808 | 022210005313 | ĐINH HỒNG SƠN           | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 7.25 |         |
| 809 | 310809 | 022210011079 | ĐINH NGỌC SƠN           | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 6.75 |         |
| 810 | 310810 | 022210000593 | LÊ VIỆT THÁI SƠN        | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 811 | 310811 | 022210010970 | MẠC THANH SƠN           | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 7.0  |         |
| 812 | 310812 | 022210009275 | TRẦN THÁI SƠN           | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.0  |         |
| 813 | 310813 | 022210007066 | VŨ NGUYỄN HẢI SƠN       | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.5  |         |
| 814 | 310814 | 022310010491 | VŨ HOÀNG SƯƠNG          | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.75 |         |
| 815 | 310815 | 034210016967 | NGUYỄN QUÝ TÀI          | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 6.75 |         |
| 816 | 310816 | 022310003526 | ĐINH TỎ TÂM             | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 4.75 |         |
| 817 | 310817 | 034310014805 | MAI MINH TÂM            | 25/06/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 6.25 |         |
| 818 | 310818 | 034310006010 | TRẦN THANH TÂM          | 19/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.0  |         |
| 819 | 310819 | 022210002206 | VŨ PHẠM THÀNH TÂM       | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 6.25 |         |
| 820 | 310820 | 022210006078 | HÀ VĂN TẤN              | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 9.0  |         |
| 821 | 310821 | 027210014652 | ĐÀO GIA PHÚ THÁI        | 13/10/2010 | Bắc Ninh   | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 7.25 |         |
| 822 | 310822 | 022210011257 | ĐINH QUỐC THÁI          | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 3.25 |         |
| 823 | 310823 | 022210003331 | ĐỖ DUY THÁI             | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 4.0  |         |
| 824 | 310824 | 022310004287 | BUI HỒNG THANH          | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 6.25 |         |
| 825 | 310825 | 022210011937 | ĐẶNG VIỆT THANH         | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 8.5  |         |
| 826 | 310826 | 022210004473 | ĐỖ TẤN THANH            | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 7.75 |         |
| 827 | 310827 | 022310004690 | NGUYỄN NGỌC THIÊN THANH | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.5  |         |
| 828 | 310828 | 022310006112 | PHÙNG MAI THANH         | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.25 |         |
| 829 | 310829 | 022310003643 | VŨ PHƯƠNG THANH         | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.0  |         |
| 830 | 310830 | 022210001375 | CAO ĐỨC THÀNH           | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.5  |         |
| 831 | 310831 | 022210006380 | ĐINH HOÀNG THÀNH        | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.5  |         |
| 832 | 310832 | 022210007609 | ĐỖ MINH THÀNH           | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 8.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 833 | 310833 | 022210005262 | NGUYỄN VĂN THÀNH       | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 3.0  |          |
| 834 | 310834 | 022210003761 | NGUYỄN XUÂN THÀNH      | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.5  |          |
| 835 | 310835 | 033210009011 | PHẠM HOÀNG THÀNH       | 19/10/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 8.4   | 5.5  |          |
| 836 | 310836 | 022210012567 | PHẠM TIẾN THÀNH        | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.75         | 5.4   | 5.5  |          |
| 837 | 310837 | 022210007994 | PHÙNG ĐỨC THÀNH        | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 6.25 |          |
| 838 | 310838 | 022210008495 | TÔ ANH TUẤN THÀNH      | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 839 | 310839 | 022210004524 | VŨ TRƯỜNG THÀNH        | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 7.25 |          |
| 840 | 310840 | 022210009619 | VŨ VĂN THÀNH           | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trưng Vương              | Tiếng Anh | 8.75         | 5.8   | 7.0  |          |
| 841 | 310841 | 022310007411 | BÙI DIỆU THẢO          | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 2.5  |          |
| 842 | 310842 | 022310001295 | BÙI PHƯƠNG THẢO        | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.25         | 8.8   | 7.5  |          |
| 843 | 310843 | 022310000871 | BÙI PHƯƠNG THẢO        | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.5          | 2.6   | 4.0  |          |
| 844 | 310844 | 022310007717 | BÙI THU THẢO           | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 845 | 310845 | 022310000579 | DƯƠNG THANH THẢO       | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 1.25 |          |
| 846 | 310846 | 022310009624 | ĐẶNG THỊ HÀ THẢO       | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 3.0  |          |
| 847 | 310847 | 022310009801 | ĐINH THỊ HIẾU THẢO     | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 5.6   | 6.5  |          |
| 848 | 310848 | 022310002516 | ĐỖ PHƯƠNG THẢO         | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.75 |          |
| 849 | 310849 | 022310006949 | ĐỖ THANH THẢO          | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 3.0  |          |
| 850 | 310850 | 022310008101 | HOÀNG PHƯƠNG THẢO      | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.25 |          |
| 851 | 310851 | 036310002115 | LẠI PHƯƠNG THẢO        | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.75 |          |
| 852 | 310852 | 022310003899 | LÊ PHƯƠNG THẢO         | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 8.0  |          |
| 853 | 310853 | 022310000636 | LÊ THỊ BÍCH THẢO       | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 3.25 |          |
| 854 | 310854 | 022310001293 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.5  |          |
| 855 | 310855 | 022310000498 | NGUYỄN THỊ THANH THẢO  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.0          | 9.4   | 7.25 |          |
| 856 | 310856 | 022310008058 | NGUYỄN THU THẢO        | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 5.25 |          |
| 857 | 310857 | 022310005633 | NGUYỄN TRẦN THANH THẢO | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 5.25         | 8.2   | 6.25 |          |
| 858 | 310858 | 022310010641 | PHẠM PHƯƠNG THẢO       | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 1.25 |          |
| 859 | 310859 | 022310010121 | PHẠM PHƯƠNG THẢO       | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 8.25         | 6.8   | 7.25 |          |
| 860 | 310860 | 022310002461 | PHẠM PHƯƠNG THẢO       | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 4.75 |          |
| 861 | 310861 | 022310004442 | TRẦN PHƯƠNG THẢO       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 2.75 |          |
| 862 | 310862 | 022310011701 | TRẦN THU THẢO          | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 6.0  |          |
| 863 | 310863 | 022310004429 | VŨ PHƯƠNG THẢO         | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trưng Vương              | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 9.0  |          |
| 864 | 310864 | 022310002233 | VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO     | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 6.25 |          |
| 865 | 310865 | 022310006610 | VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO     | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Điện Công          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.5  |          |
| 866 | 310866 | 022210010325 | PHẠM QUANG THẮNG       | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 8.5  |          |
| 867 | 310867 | 022210002582 | VŨ ĐỨC THẮNG           | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 9.25 |          |
| 868 | 310868 | 022210012405 | NGUYỄN DANH THẾ        | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 4.75 |          |
| 869 | 310869 | 022210008703 | NGÔ PHẠM GIA PHÚ THỊNH | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.25         | 7.8   | 6.75 |          |
| 870 | 310870 | 022210004764 | NGUYỄN VŨ NGỌC THỊNH   | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |

**Đơn vị: Trường THPT Ưông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |       |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 871 | 310871 | 022310001376 | ĐÀM ANH         | THƠ   | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 5.25 |          |
| 872 | 310872 | 022310011137 | LƯƠNG ANH       | THƠ   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh         | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 7.25 |          |
| 873 | 310873 | 022310006083 | PHẠM ANH        | THƠ   | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 6.5  |          |
| 874 | 310874 | 022310005941 | NGUYỄN HÀ       | THU   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 1.75 |          |
| 875 | 310875 | 034310002601 | TẠ MINH         | THU   | 23/04/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.5  |          |
| 876 | 310876 | 022210005657 | DƯƠNG ĐỨC       | THỤ   | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 8.8   | 7.75 |          |
| 877 | 310877 | 022210012157 | LÊ QUANG        | THUẬN | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.25 |          |
| 878 | 310878 | 022210009669 | PHẠM NGỌC DƯƠNG | THUẬN | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 5.5          | 7.6   | 8.0  |          |
| 879 | 310879 | 022310002207 | BÙI THU         | THỦY  | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.0  |          |
| 880 | 310880 | 022310011990 | NGUYỄN THỊ MINH | THỦY  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 5.5  |          |
| 881 | 310881 | 022310006303 | DƯƠNG THANH     | THỦY  | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 6.75 |          |
| 882 | 310882 | 030310001208 | ĐÀO THANH       | THỦY  | 22/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.75 |          |
| 883 | 310883 | 022310011128 | LÊ PHAN BÍCH    | THỦY  | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |          |
| 884 | 310884 | 036310014809 | NGUYỄN THỊ THU  | THỦY  | 11/12/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 5.5  |          |
| 885 | 310885 | 022310001402 | NGUYỄN THỊ THU  | THỦY  | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.5  |          |
| 886 | 310886 | 022310004039 | NGUYỄN THU      | THỦY  | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 4.75 |          |
| 887 | 310887 | 022309002618 | TRỊNH THỊ THANH | THỦY  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 888 | 310888 | 022310000669 | VŨ KIM          | THỦY  | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.0  |          |
| 889 | 310889 | 022310002022 | NGUYỄN THỊ      | THỦY  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 7.0  |          |
| 890 | 310890 | 022310010667 | NGUYỄN THỊ BÍCH | THỦY  | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam               | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 3.25 |          |
| 891 | 310891 | 022310004417 | PHẠM THANH      | THỦY  | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 5.0  |          |
| 892 | 310892 | 022210007300 | NGUYỄN TRỌNG    | THỤY  | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 5.0  |          |
| 893 | 310893 | 022210005180 | PHẠM MINH       | THỤY  | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 7.5  |          |
| 894 | 310894 | 022210006824 | PHẠM VĂN        | THỤY  | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 895 | 310895 | 022310007206 | BÙI ANH         | THƯ   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.75 |          |
| 896 | 310896 | 022310011954 | BÙI ANH         | THƯ   | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 7.5  |          |
| 897 | 310897 | 022310008193 | ĐÀO ANH         | THƯ   | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.0  |          |
| 898 | 310898 | 022310000620 | ĐOÀN VŨ ANH     | THƯ   | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Điện Công          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.0  |          |
| 899 | 310899 | 022310000466 | HOÀNG MINH      | THƯ   | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.5          | 7.4   | 6.5  |          |
| 900 | 310900 | 022310000771 | LÊ MINH         | THƯ   | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 4.0  |          |
| 901 | 310901 | 022310000493 | NGỤY ĐAN        | THƯ   | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi              | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 6.5  |          |
| 902 | 310902 | 022310003445 | NGUYỄN ANH      | THƯ   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Nam Khê            | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 8.75 |          |
| 903 | 310903 | 022310000698 | NGUYỄN ANH      | THƯ   | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 0.5  |          |
| 904 | 310904 | 022310000335 | NGUYỄN MINH     | THƯ   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 5.75 |          |
| 905 | 310905 | 022310010264 | NGUYỄN SONG     | THƯ   | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 4.5  |          |
| 906 | 310906 | 022308009434 | NGUYỄN THANH    | THƯ   | 04/08/2008 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 907 | 310907 | 022310004777 | NHÂM ANH        | THƯ   | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông              | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 4.75 |          |
| 908 | 310908 | 022310005920 | PHẠM ANH        | THƯ   | 01/02/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Trung Vương              | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|-----------|------------|------------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |           |            |            |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 909 | 310909 | 034310004740 | PHẠM ANH           | THƯ       | 23/08/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 4.5  |         |
| 910 | 310910 | 022310005125 | VŨ ANH             | THƯ       | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 8.0          | 5.4   | 7.0  |         |
| 911 | 310911 | 022310011530 | VŨ BẢO             | THƯ       | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 7.0  |         |
| 912 | 310912 | 022310008138 | VŨ THỊ ANH         | THƯ       | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 5.5  |         |
| 913 | 310913 | 022310010602 | BÙI NGỌC           | THƯƠNG    | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 5.5  |         |
| 914 | 310914 | 022310004763 | ĐÀO HÀ             | THƯƠNG    | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 3.75 |         |
| 915 | 310915 | 022310007861 | NGUYỄN THỊ HUYỀN   | THƯƠNG    | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 5.75 |         |
| 916 | 310916 | 022310006359 | NGUYỄN ĐOÀN BẢO    | THY       | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 917 | 310917 | 030210016311 | PHẠM GIA           | TIẾN      | 07/01/2010 | Hải Dương  | Nam              | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.5  |         |
| 918 | 310918 | 022210001402 | PHẠM PHÚC          | TIẾN      | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 6.25 |         |
| 919 | 310919 | 022210011301 | PHÍ QUANG          | TIỆP      | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 8.0  |         |
| 920 | 310920 | 031210002356 | VŨ TRỌNG           | TÍN       | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 7.0  |         |
| 921 | 310921 | 022210000606 | NGUYỄN MINH        | TOÀN      | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 7.25 |         |
| 922 | 310922 | 022310003630 | BÙI LÊ NGÂN        | TRÀ       | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 8.25 |         |
| 923 | 310923 | 022310004141 | ĐINH THU           | TRÀ       | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 6.2   | 7.75 |         |
| 924 | 310924 | 022210002049 | ĐỖ SANG            | TRÁI      | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 8.5  |         |
| 925 | 310925 | 022310003216 | BÙI HUYỀN          | TRANG     | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Điện Công              | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 5.5  |         |
| 926 | 310926 | 036310005004 | BÙI TRẦN QUỲNH     | TRANG     | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 927 | 310927 | 022310005214 | ĐỖ MAI             | TRANG     | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 6.0  |         |
| 928 | 310928 | 022310005508 | ĐỖ THỊ MINH        | TRANG     | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 5.5  |         |
| 929 | 310929 | 022310010969 | KHÔNG UYÊN         | TRANG     | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 6.75 |         |
| 930 | 310930 | 022310012674 | LÊ THỊ HỒNG        | TRANG     | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 8.5  |         |
| 931 | 310931 | 022310007455 | NGUYỄN HÀ PHƯƠNG   | TRANG     | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.0  |         |
| 932 | 310932 | 022310008072 | NGUYỄN HOÀNG THANH | TRANG     | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 7.5  |         |
| 933 | 310933 | 022310005424 | NGUYỄN THỊ KIỀU    | TRANG     | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 8.75 |         |
| 934 | 310934 | 022310011849 | NGUYỄN THỦY        | TRANG     | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 935 | 310935 | 022310001273 | NGUYỄN THỦY        | TRANG     | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 5.0  |         |
| 936 | 310936 | 022310004195 | PHẠM HUYỀN         | TRANG     | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.8   | 6.5  |         |
| 937 | 310937 | 034310007840 | PHẠM QUỲNH         | TRANG     | 07/05/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 4.0  |         |
| 938 | 310938 | 022310001097 | PHẠM QUỲNH         | TRANG     | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 0.75 |         |
| 939 | 310939 | 034310003143 | PHẠM THỦY          | TRANG     | 13/10/2010 | Thái Bình  | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.58         | 7.0   | 8.0  |         |
| 940 | 310940 | 022310005444 | TRẦN THỊ HUYỀN     | TRANG     | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.75 |         |
| 941 | 310941 | 022310001759 | VŨ NGỌC BẢO        | TRÂM      | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.5  |         |
| 942 | 310942 | 022310002844 | ĐINH BẢO           | TRẦN      | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 6.25 |         |
| 943 | 310943 | 022210011626 | TRẦN CAO           | TRÍ       | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.25         | 6.2   | 6.0  |         |
| 944 | 310944 | 022210002052 | NGUYỄN KHÁNH       | TRÌNH     | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 8.0  |         |
| 945 | 310945 | 022210011314 | HOÀNG CÔNG         | TRỌNG     | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.75 |         |
| 946 | 310946 | 022210001421 | NGUYỄN DUY         | TRỌNG     | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 9.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|-------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                         |            |             |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 947 | 310947 | 022210010822 | PHẠM ĐỨC TRỌNG          | 23/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.0          | 9.6   | 8.75 |          |
| 948 | 310948 | 022310005627 | BÙI THỊ LÂM TRÚC        | 03/05/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 5.5  |          |
| 949 | 310949 | 022310003466 | BÙI THỊ THANH TRÚC      | 25/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 6.75 |          |
| 950 | 310950 | 022310005833 | NGUYỄN HOÀNG THANH TRÚC | 13/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 6.75 |          |
| 951 | 310951 | 022310008085 | PHẠM NGỌC THANH TRÚC    | 15/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.25 |          |
| 952 | 310952 | 022310006331 | PHẠM THỊ THANH TRÚC     | 16/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 8.4   | 7.25 |          |
| 953 | 310953 | 022310008480 | VŨ THỊ THANH TRÚC       | 21/10/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 6.25 |          |
| 954 | 310954 | 022210001051 | LÊ QUỐC TRUNG           | 05/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 8.0  |          |
| 955 | 310955 | 022210005025 | NGÔ HOÀNG TRUNG         | 15/11/2010 | Tuyên Quang | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.5  |          |
| 956 | 310956 | 022210004181 | NGUYỄN BAO TRUNG        | 21/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.5  |          |
| 957 | 310957 | 022210003185 | NGUYỄN ĐỖ QUỐC TRUNG    | 19/04/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.25 |          |
| 958 | 310958 | 022210007036 | NGUYỄN THÀNH TRUNG      | 13/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 9.0  |          |
| 959 | 310959 | 022210005595 | NGUYỄN THÀNH TRUNG      | 10/08/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 7.25 |          |
| 960 | 310960 | 030210004468 | NGUYỄN XUÂN TRUNG       | 03/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.0  |          |
| 961 | 310961 | 022210005554 | LÊ QUANG TRƯỜNG         | 16/12/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.5  |          |
| 962 | 310962 | 030210000602 | NGÔ MINH TRƯỜNG         | 05/10/2010 | Hải Dương   | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 8.5  |          |
| 963 | 310963 | 022210000582 | NGÔ XUÂN TRƯỜNG         | 19/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 3.25 |          |
| 964 | 310964 | 022210012470 | NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG     | 22/11/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 3.0  |          |
| 965 | 310965 | 022210011319 | PHÙNG ĐỨC TRƯỜNG        | 18/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 1.0          | 3.6   | 2.25 |          |
| 966 | 310966 | 022310006641 | ĐINH NGỌC THANH TÚ      | 30/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 7.25 |          |
| 967 | 310967 | 034210014577 | HÀ TUẤN TÚ              | 13/01/2010 | Thái Bình   | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 8.0  |          |
| 968 | 310968 | 022310008446 | LÊ NGUYỄN THANH TÚ      | 21/03/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 5.5  |          |
| 969 | 310969 | 022210005759 | NGUYỄN BÙI MINH TÚ      | 21/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.42         | 9.2   | 9.0  |          |
| 970 | 310970 | 022310007846 | NGUYỄN CẨM TÚ           | 14/09/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 5.0  |          |
| 971 | 310971 | 022210009728 | PHẠM ANH TÚ             | 28/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.75 |          |
| 972 | 310972 | 022210006633 | PHẠM VĂN TIẾN TÚ        | 25/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.0          | 6.0   | 3.5  |          |
| 973 | 310973 | 022210000761 | PHAN ANH TÚ             | 04/03/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 8.0  |          |
| 974 | 310974 | 022210004478 | PHAN TUẤN TÚ            | 19/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 7.25 |          |
| 975 | 310975 | 022310002384 | TRẦN THANH TÚ           | 08/06/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.0  |          |
| 976 | 310976 | 022310000923 | VŨ CẨM TÚ               | 16/12/2010 | Quảng Ninh  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 977 | 310977 | 022210000704 | BÙI ANH TUẤN            | 12/10/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 3.0  |          |
| 978 | 310978 | 022210002136 | CAO VŨ ANH TUẤN         | 25/07/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 7.75 |          |
| 979 | 310979 | 022210011902 | ĐỖ ANH TUẤN             | 16/05/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.25         | 9.8   | 8.75 |          |
| 980 | 310980 | 001210059368 | HÀ MẠNH TUẤN            | 04/06/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 8.25 |          |
| 981 | 310981 | 022210007477 | HOÀNG TUẤN              | 23/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.75         | 9.4   | 7.5  |          |
| 982 | 310982 | 022210000706 | LÊ MINH TUẤN            | 29/09/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 4.75 |          |
| 983 | 310983 | 022210007882 | NGUYỄN ANH TUẤN         | 01/10/2010 | Hà Nam      | Nam       |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 8.25 |          |
| 984 | 310984 | 022210008681 | NGUYỄN THÁI TUẤN        | 14/01/2010 | Quảng Ninh  | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.0  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT  | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|------|--------|--------------|-----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|      |        |              |                       |            |                 |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 985  | 310985 | 022210001207 | NGUYỄN THÁI TUẤN      | 18/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 8.0  |         |
| 986  | 310986 | 022210005845 | PHAN VŨ QUỐC TUẤN     | 18/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 5.75 |         |
| 987  | 310987 | 022210010279 | VŨ HÀ TUẤN            | 23/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trưng Vương                  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 8.75 |         |
| 988  | 310988 | 022210001459 | BUI VĂN TÙNG          | 11/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.5  |         |
| 989  | 310989 | 022210008982 | NGUYỄN HOÀNG TÙNG     | 06/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                      | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.0  |         |
| 990  | 310990 | 022210006786 | PHẠM SƠN TÙNG         | 26/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.0  |         |
| 991  | 310991 | 022210007593 | TRẦN MINH TÙNG        | 08/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 8.5  |         |
| 992  | 310992 | 022310002948 | BUI THỊ HỒNG TUYẾT    | 02/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.25         | 7.8   | 5.5  |         |
| 993  | 310993 | 022310000787 | VƯƠNG NHƯ TUYẾT       | 01/07/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        |                  | THCS Trưng Vương                  | Tiếng Anh | 8.0          | 7.0   | 8.0  |         |
| 994  | 310994 | 046310009072 | NGUYỄN NHƯ CÁT TUỜNG  | 17/10/2010 | Thừa Thiên Huế  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 6.0  |         |
| 995  | 310995 | 022210002620 | VŨ ĐÌNH UY            | 09/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 3.0  |         |
| 996  | 310996 | 031310010369 | BUI PHƯƠNG UYÊN       | 12/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.58         | 7.2   | 6.25 |         |
| 997  | 310997 | 022310000539 | ĐÀU THỊ PHƯƠNG UYÊN   | 02/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.0  |         |
| 998  | 310998 | 022310007010 | LÊ HẠNH UYÊN          | 20/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Sán Diu          | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 7.0  |         |
| 999  | 310999 | 001310053239 | NGUYỄN KIM BẢO UYÊN   | 11/12/2010 | Hà Nội          | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 1000 | 311000 | 022310006000 | HOÀNG THẢO VÂN        | 31/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 7.75 |         |
| 1001 | 311001 | 022310006111 | NGUYỄN THANH VÂN      | 28/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 5.25 |         |
| 1002 | 311002 | 022310009089 | NGUYỄN THÙY VÂN       | 17/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 3.25         | 9.6   | 7.0  |         |
| 1003 | 311003 | 022310002199 | VŨ THẢO VÂN           | 16/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.0  |         |
| 1004 | 311004 | 022310009528 | NGUYỄN LÂM VI         | 05/08/2010 | Hải Phòng       | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 5.25 |         |
| 1005 | 311005 | 031310000344 | PHẠM HOÀNG THẢO VI    | 06/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.0  |         |
| 1006 | 311006 | 022210010338 | NGUYỄN CÔNG VĨ        | 04/03/2010 | Hải Phòng       | Nam       |                  | THCS Trưng Vương                  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.75 |         |
| 1007 | 311007 | 022210005751 | NGUYỄN HOÀNG VIỆT     | 23/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.0  |         |
| 1008 | 311008 | 022210006754 | PHẠM QUỐC VIỆT        | 08/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 5.5  |         |
| 1009 | 311009 | 022210007038 | TRẦN QUỐC VIỆT        | 01/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 8.5  |         |
| 1010 | 311010 | 022210010426 | BUI QUANG VINH        | 18/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.5  |         |
| 1011 | 311011 | 022210005161 | ĐỖ THÀNH VINH         | 26/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.0          | 4.4   | 4.25 |         |
| 1012 | 311012 | 022210006073 | NGUYỄN NGỌC VINH      | 10/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 2.0  |         |
| 1013 | 311013 | 022210003970 | NGUYỄN QUỐC ĐĂNG VINH | 20/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 7.0  |         |
| 1014 | 311014 | 022310007079 | TRẦN NGUYỄN HỒNG VINH | 16/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 8.5          | 8.4   | 8.75 |         |
| 1015 | 311015 | 022210007301 | TRỊNH QUANG VINH      | 03/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 2.5          | 7.0   | 5.25 |         |
| 1016 | 311016 | 022210003130 | TẠ UY VŨ              | 05/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.5  |         |
| 1017 | 311017 | 022210008589 | ĐẶNG HÙNG QUỐC VƯƠNG  | 17/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 5.5  |         |
| 1018 | 311018 | 022210010443 | NGUYỄN HẢI VƯƠNG      | 22/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.75 |         |
| 1019 | 311019 | 022310010125 | ĐÀO PHƯƠNG VY         | 23/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.5  |         |
| 1020 | 311020 | 022310003225 | ĐẶNG HÀ VY            | 02/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 2.5  |         |
| 1021 | 311021 | 022310006301 | ĐOÀN THỊ THÚY VY      | 29/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 5.5  |         |
| 1022 | 311022 | 022310010435 | ĐỖ TƯỜNG VY           | 07/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.0          | 5.4   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Uông Bí (22000708)**

| STT  | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                       | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|------|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|      |        |              |                      |            |            |           |                  |                                   |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1023 | 311023 | 022310011130 | LƯƠNG HÀ VY          | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 2.25         | 6.4   | 3.5  |         |
| 1024 | 311024 | 022310011865 | LƯU TUỜNG VY         | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 8.0  |         |
| 1025 | 311025 | 022310008263 | MAI PHƯƠNG VY        | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 3.25 |         |
| 1026 | 311026 | 022310010455 | NGUYỄN HÀ VY         | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 7.5  |         |
| 1027 | 311027 | 022310000497 | NGUYỄN HÀ VY         | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 4.25 |         |
| 1028 | 311028 | 022310005936 | NGUYỄN HÀ VY         | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 5.75 |         |
| 1029 | 311029 | 022310009245 | NGUYỄN KHÁNH VY      | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.5  |         |
| 1030 | 311030 | 022310010302 | NGUYỄN KHÁNH VY      | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 2.25 |         |
| 1031 | 311031 | 022310010206 | NGUYỄN NGỌC VY       | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.25         | 8.0   | 8.5  |         |
| 1032 | 311032 | 022310000627 | NGUYỄN NGỌC HÀ VY    | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 7.25 |         |
| 1033 | 311033 | 022310006618 | NGUYỄN THỊ HÀ VY     | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 3.75 |         |
| 1034 | 311034 | 022310006516 | NGUYỄN THỊ HÀ VY     | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.0  |         |
| 1035 | 311035 | 022310005157 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY  | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 5.5  |         |
| 1036 | 311036 | 022310004368 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY  | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 1.5  |         |
| 1037 | 311037 | 022310001618 | NGUYỄN TRẦN HẢI VY   | 06/04/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 6.5  |         |
| 1038 | 311038 | 022310004527 | NGUYỄN TRẦN TƯỜNG VY | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 5.75 |         |
| 1039 | 311039 | 022310010726 | NGUYỄN YẾN VY        | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.75 |         |
| 1040 | 311040 | 022310006834 | PHÍ NGỌC HÀ VY       | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.5  |         |
| 1041 | 311041 | 022310005291 | PHÙNG TƯỜNG VY       | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.75 |         |
| 1042 | 311042 | 022310000563 | VŨ HÀ VY             | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 8.25 |         |
| 1043 | 311043 | 022310008867 | VŨ NGỌC TƯỜNG VY     | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 6.25 |         |
| 1044 | 311044 | 031310014051 | VŨ PHƯƠNG VY         | 04/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS Yên Thanh             | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 2.75 |         |
| 1045 | 311045 | 022310001596 | HOÀNG THỊ KHÁNH XUÂN | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Phương Nam                   | Tiếng Anh | 7.5          | 3.6   | 3.0  |         |
| 1046 | 311046 | 091310003736 | TRẦN NGỌC NHƯ Ý      | 02/03/2010 | Kiên Giang | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.0  |         |
| 1047 | 311047 | 022310005715 | BÙI HOÀNG YẾN        | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 8.5  |         |
| 1048 | 311048 | 022310011156 | ĐỖ HẢI YẾN           | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 3.25 |         |
| 1049 | 311049 | 034310000445 | HOÀNG THỊ THANH YẾN  | 13/01/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Phương Đông                  | Tiếng Anh | 7.0          | 2.6   | 1.75 |         |
| 1050 | 311050 | 022310006031 | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN   | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 7.0          | 2.6   | 4.25 |         |
| 1051 | 311051 | 022310000535 | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN   | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí     | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 8.0  |         |
| 1052 | 311052 | 022310010422 | PHẠM HOÀI YẾN        | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương                  | Tiếng Anh | 8.75         | 6.4   | 8.5  |         |
| 1053 | 311053 | 022310012715 | VŨ THỊ HẢI YẾN       | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi                  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |         |

*(Danh sách này gồm có 1053 thí sinh)*

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ                  | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|----------------------------|--------------|-------|------|---------|--|
|     |        |              |                   |           |            |            |                  |             |                            | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |  |
| 1   | 320001 | 022210007701 | TRẦN HÒA          | AN        | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 6.75  | 6.4  | 7.5     |  |
| 2   | 320002 | 022310000981 | BÙI MINH          | ANH       | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 4.5   | 6.6  | 6.0     |  |
| 3   | 320003 | 022310003157 | BÙI NGUYỄN PHƯƠNG | ANH       | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh    | 7.0   | 4.8  | 5.0     |  |
| 4   | 320004 | 033310012306 | BÙI THỊ HỒNG      | ANH       | 20/08/2010 | Hưng Yên   | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.25  | 7.6  | 3.0     |  |
| 5   | 320005 | 022210008726 | ĐÀO NGỌC VIỆT     | ANH       | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 4.0   | 4.6  | 3.0     |  |
| 6   | 320006 | 022310000994 | ĐẶNG TRÂM         | ANH       | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.0   | 5.8  | 4.5     |  |
| 7   | 320007 | 022210007975 | ĐẶNG TUẤN         | ANH       | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 2.25  | 6.2  | 3.0     |  |
| 8   | 320008 | 022210010100 | HOÀNG KỶ          | ANH       | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 2.25  | 5.4  | 2.0     |  |
| 9   | 320009 | 015310005308 | LÃ THỊ LAN        | ANH       | 15/05/2010 | Yên Bái    | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 5.25  | 7.4  | 5.0     |  |
| 10  | 320010 | 022310009754 | LÊ PHƯƠNG         | ANH       | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.8  | 6.5     |  |
| 11  | 320011 | 030310000348 | LÊ THỊ LAN        | ANH       | 13/07/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 4.5   | 3.6  | 2.5     |  |
| 12  | 320012 | 022310003886 | LƯƠNG THỊ VÂN     | ANH       | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 5.75  | 7.0  | 6.5     |  |
| 13  | 320013 | 022310002742 | LÝ HÀ             | ANH       | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 4.5   | 4.4  | 1.75    |  |
| 14  | 320014 | 022310003068 | MAI PHƯƠNG        | ANH       | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trưng Vương           | Tiếng Anh    | 6.0   | 2.8  | 5.75    |  |
| 15  | 320015 | 022310005064 | NGUYỄN BẢO        | ANH       | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.6  | 5.5     |  |
| 16  | 320016 | 022210011901 | NGUYỄN ĐĂNG       | ANH       | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 2.75  | 4.8  | 7.25    |  |
| 17  | 320017 | 022210001171 | NGUYỄN ĐỨC        | ANH       | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.5   | 7.4  | 7.25    |  |
| 18  | 320018 | 022210005106 | NGUYỄN ĐỨC        | ANH       | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 8.0   | 7.8  | 7.0     |  |
| 19  | 320019 | 022210000842 | NGUYỄN LÊ DUY     | ANH       | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.6  | 6.75    |  |
| 20  | 320020 | 022210006025 | NGUYỄN MAI QUỐC   | ANH       | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh    | 5.33  | 5.2  | 5.0     |  |
| 21  | 320021 | 022310002123 | NGUYỄN NGỌC MAI   | ANH       | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 8.0   | 4.8  | 5.75    |  |
| 22  | 320022 | 030310007849 | NGUYỄN THỊ HỒNG   | ANH       | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 3.25  | 4.6  | 4.5     |  |
| 23  | 320023 | 022310000094 | TRẦN NGUYỄN DIỆP  | ANH       | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 4.25  | 5.8  | 4.5     |  |
| 24  | 320024 | 022210011340 | TRẦN VIỆT         | ANH       | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.25  | 6.2  | 7.5     |  |
| 25  | 320025 | 022310005995 | TRIỆU THỊ PHƯƠNG  | ANH       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Dao         | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 6.25  | 3.4  | 3.0     |  |
| 26  | 320026 | 022310001635 | VŨ BẢO            | ANH       | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Trãi           | Tiếng Anh    | 5.0   | 2.8  | 4.0     |  |
| 27  | 320027 | 022310009922 | VŨ ĐỨC TRÂM       | ANH       | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.5   | 7.8  | 7.5     |  |
| 28  | 320028 | 034310002747 | VŨ NGUYỄN PHƯƠNG  | ANH       | 08/10/2010 | Thái Bình  | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.75  | 7.0  | 8.0     |  |
| 29  | 320029 | 030310002945 | VŨ THỊ LAN        | ANH       | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.2  | 4.25    |  |
| 30  | 320030 | 030210001126 | VŨ VIỆT           | ANH       | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 5.75  | 8.2  | 4.75    |  |
| 31  | 320031 | 022210002125 | DƯƠNG THIÊN       | BẢO       | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 3.5   | 9.0  | 7.75    |  |
| 32  | 320032 | 022210010402 | ĐOÀN GIA          | BẢO       | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh    | 2.5   | 8.2  | 6.0     |  |
| 33  | 320033 | 022210001839 | PHAN GIA          | BẢO       | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 6.25  | 9.0  | 8.0     |  |
| 34  | 320034 | 022210005279 | TRẦN GIA          | BẢO       | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh    | 3.0   | 7.2  | 5.0     |  |
| 35  | 320035 | 022210003483 | TRƯƠNG QUÂN       | BẢO       | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Dao         | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 4.0   | 8.8  | 2.5     |  |
| 36  | 320036 | 022310004348 | PHẠM BĂNG         | BĂNG      | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh    | 7.75  | 8.8  | 2.75    |  |

## Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                     |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 37  | 320037 | 022310011454 | HÀ THÚY BÌNH        | 28/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 7.8   | 5.25 |         |
| 38  | 320038 | 022210003195 | TÔ ANH BÌNH         | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 3.25 |         |
| 39  | 320039 | 022310009289 | LÊ NGỌC BẢO CHÁU    | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 5.75 |         |
| 40  | 320040 | 022310007418 | LIÊU THỊ YẾN CHI    | 01/06/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 6.75 |         |
| 41  | 320041 | 022310008413 | NGUYỄN HÀ LINH CHI  | 19/06/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 4.75 |         |
| 42  | 320042 | 022310008123 | NGUYỄN THỊ CHI      | 22/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 3.5  |         |
| 43  | 320043 | 022310009322 | TẠ THỊ THỦY CHI     | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 4.5  |         |
| 44  | 320044 | 030210011246 | NGUYỄN QUANG CHIẾN  | 17/07/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 3.75 |         |
| 45  | 320045 | 022210012471 | TRƯƠNG QUỐC CHUNG   | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 3.0  |         |
| 46  | 320046 | 022210008246 | NGUYỄN MẠNH CƯỜNG   | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.25         | 3.8   | 3.5  |         |
| 47  | 320047 | 022210010318 | TRẦN MẠNH CƯỜNG     | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 8.0   | 3.5  |         |
| 48  | 320048 | 022210008418 | TRỊNH ĐÌNH CƯỜNG    | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 4.5  |         |
| 49  | 320049 | 022310005754 | LÊ NHƯ ANH DIỄM     | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 6.5  |         |
| 50  | 320050 | 038310020853 | NGUYỄN NGỌC DIỄM    | 16/02/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 7.5  |         |
| 51  | 320051 | 022310007691 | NGUYỄN NGỌC DIỆP    | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 7.5  |         |
| 52  | 320052 | 022310001236 | TRƯƠNG NGỌC DIỆP    | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.5          | 4.0   | 3.75 |         |
| 53  | 320053 | 022310010006 | NGUYỄN DOANH DOANH  | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.0  |         |
| 54  | 320054 | 022310005851 | ĐẶNG THÙY DUNG      | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 5.5  |         |
| 55  | 320055 | 022310009543 | VŨ THÙY DUNG        | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 8.0  |         |
| 56  | 320056 | 022210009986 | BÙI TIẾN DŨNG       | 01/01/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 6.5  |         |
| 57  | 320057 | 022210004174 | ĐÌNH KHẮC DŨNG      | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 7.0   | 3.5  |         |
| 58  | 320058 | 022210005611 | LIÊU QUANG DŨNG     | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 7.8   | 4.0  |         |
| 59  | 320059 | 022210003735 | TRƯƠNG QUỐC DŨNG    | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.75         | 5.6   | 2.75 |         |
| 60  | 320060 | 022210008399 | CHU KHÁNH DUY       | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 2.75 |         |
| 61  | 320061 | 022210010609 | ĐOÀN KHUÔNG DUY     | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.75 |         |
| 62  | 320062 | 037210005168 | THỊNH LÊ ANH DUY    | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 4.0  |         |
| 63  | 320063 | 022210005238 | TRIỆU VĂN DUY       | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.0          | 7.2   | 2.75 |         |
| 64  | 320064 | 022210008047 | TRƯƠNG KHÁNH DUY    | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.5          | 6.6   | 1.75 |         |
| 65  | 320065 | 022310008707 | NGUYỄN KHÁNH DUYỄN  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 6.5  |         |
| 66  | 320066 | 022210008947 | BÙI ĐỨC DƯƠNG       | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 8.0  |         |
| 67  | 320067 | 022310011199 | ĐÌNH THỊ ÁNH DƯƠNG  | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 4.5  |         |
| 68  | 320068 | 022310010476 | ĐỖ ĐOÀN THANH DƯƠNG | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 6.0  |         |
| 69  | 320069 | 022210003747 | HOÀNG TÙNG DƯƠNG    | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.75 |         |
| 70  | 320070 | 022310004746 | LÝ THỊ THÙY DƯƠNG   | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 1.5  |         |
| 71  | 320071 | 022310005818 | NGUYỄN ÁNH DƯƠNG    | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Trãi           | Tiếng Anh | 3.0          | 5.2   | 2.75 |         |
| 72  | 320072 | 022310007286 | NGUYỄN THÙY DƯƠNG   | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 4.25 |         |
| 73  | 320073 | 034210013534 | NGUYỄN TIẾN DƯƠNG   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 6.75 |         |
| 74  | 320074 | 022210010116 | NGUYỄN TÙNG DƯƠNG   | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 4.25 |         |
| 75  | 320075 | 022310011957 | TRẦN THỊ ÁNH DƯƠNG  | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.25 |         |
| 76  | 320076 | 022210000547 | VŨ ĐẠI DƯƠNG        | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 5.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 77  | 320077 | 022210004267 | NGUYỄN KHẮC ĐÀI       | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 78  | 320078 | 022210007277 | PHẠM MINH ĐẠO         | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 1.75 |          |
| 79  | 320079 | 022210006331 | BÀN TIẾN ĐẠT          | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 3.0  |          |
| 80  | 320080 | 022210003698 | ĐỖ THẾ ĐẠT            | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.25         | 6.6   | 3.75 |          |
| 81  | 320081 | 022210004268 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT      | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.5          | 6.0   | 3.75 |          |
| 82  | 320082 | 022210007620 | NGUYỄN TRÍ ĐẠT        | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 1.25         | 4.8   | 3.75 |          |
| 83  | 320083 | 022210012311 | PHẠM THÀNH ĐẠT        | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 6.6   | 5.25 |          |
| 84  | 320084 | 022210010525 | TRẦN MINH ĐẠT         | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 8.0   | 8.5  |          |
| 85  | 320085 | 022210001648 | TRẦN THÀNH ĐẠT        | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 9.6   | 5.5  |          |
| 86  | 320086 | 022210003484 | VŨ MINH ĐẠT           | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 4.5  |          |
| 87  | 320087 | 022210003533 | NGUYỄN HẢI ĐĂNG       | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 6.75 |          |
| 88  | 320088 | 022210004844 | PHẠM HẢI ĐĂNG         | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.75         | 5.8   | 5.5  |          |
| 89  | 320089 | 022210007572 | HOÀNG HUYỀN ĐỆ        | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 0.75         | 4.8   | 3.5  |          |
| 90  | 320090 | 022210007357 | NGUYỄN THÀNH ĐÔNG     | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.5          | 10.0  | 8.25 |          |
| 91  | 320091 | 022210001780 | NGUYỄN PHẠM MINH ĐỨC  | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 6.0  |          |
| 92  | 320092 | 022210011582 | NGUYỄN TRÍ ĐỨC        | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 7.0  |          |
| 93  | 320093 | 022210004314 | TRƯƠNG VIỆT ĐỨC       | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 1.75         | 7.4   | 3.75 |          |
| 94  | 320094 | 022310010774 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG    | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 10.0  | 8.0  |          |
| 95  | 320095 | 022310000280 | NGUYỄN THỊ KIỀU GIANG | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 5.25 |          |
| 96  | 320096 | 022310003150 | TRƯƠNG LINH GIANG     | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 2.5          | 3.8   | 4.0  |          |
| 97  | 320097 | 022210004255 | TRIỆU NGUYỄN GIÁP     | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 5.75 |          |
| 98  | 320098 | 022210004776 | ĐÀO MẠNH HẢ           | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 2.75         | 6.6   | 3.25 |          |
| 99  | 320099 | 022310009547 | ĐOÀN THỊ THU HẢ       | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 5.5  |          |
| 100 | 320100 | 022310007278 | NGUYỄN THỊ HẢ         | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 101 | 320101 | 022310009487 | TRẦN THU HẢ           | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 3.5  |          |
| 102 | 320102 | 022310000118 | TRIỆU THỊ NGỌC HẢ     | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 1.5          | 4.4   | 5.0  |          |
| 103 | 320103 | 022310001055 | VŨ THU HẢ             | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 1.25         | 5.8   | 4.0  |          |
| 104 | 320104 | 022310011844 | TRƯƠNG THỊ NĂNG HẠ    | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 105 | 320105 | 022210000449 | HÀ THANH HẢI          | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 7.25 |          |
| 106 | 320106 | 022210003506 | NGUYỄN ĐẶNG ĐỨC HẢI   | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 5.25 |          |
| 107 | 320107 | 022210006079 | PHẠM HỒNG HẢI         | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 5.0  |          |
| 108 | 320108 | 022210006675 | VŨ LONG HẢI           | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 5.25 |          |
| 109 | 320109 | 022310011196 | MẠC HỒNG HẠNH         | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương           | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 2.5  |          |
| 110 | 320110 | 022310006078 | NGUYỄN NGỌC HẠNH      | 07/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 8.5          | 9.2   | 8.0  |          |
| 111 | 320111 | 022310011936 | PHẠM THỊ HẠNH         | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.75         | 3.8   | 3.25 |          |
| 112 | 320112 | 022310004706 | ĐẶNG NGUYỄN NGỌC HÂN  | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 8.5  |          |
| 113 | 320113 | 022310005487 | HOÀNG THẢO HÂN        | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trung Vương           | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 6.0  |          |
| 114 | 320114 | 022210005292 | LÝ DUY HÂN            | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 6.75 |          |
| 115 | 320115 | 022210008499 | BÙI VĂN HẬU           | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 3.0  |          |
| 116 | 320116 | 034310001147 | HOÀNG THỊ THANH HIỀN  | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 7.5          | 4.2   | 5.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 117 | 320117 | 022210010531 | LÀI PHÚC         | HIẾU  | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 5.2   | 2.5  |         |
| 118 | 320118 | 022210007382 | NGÔ MINH         | HIẾU  | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.25         | 9.8   | 9.0  |         |
| 119 | 320119 | 022210011806 | TRƯƠNG QUỐC      | HIẾU  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 5.5  |         |
| 120 | 320120 | 022210011560 | TRẦN ĐOÀN NGỌC   | HÒA   | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 5.0  |         |
| 121 | 320121 | 034210000977 | LÊ HUY           | HOÀNG | 01/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 2.5  |         |
| 122 | 320122 | 022210009266 | NGUYỄN GIA       | HOÀNG | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 3.0  |         |
| 123 | 320123 | 022210008756 | PHẠM QUANG       | HOÀNG | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 124 | 320124 | 022210000075 | TRỊNH MINH       | HOÀNG | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 7.25 |         |
| 125 | 320125 | 022210002925 | VŨ HUY           | HOÀNG | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 7.5  |         |
| 126 | 320126 | 022210010784 | TRƯƠNG THẾ       | HUÂN  | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.25         | 8.0   | 3.75 |         |
| 127 | 320127 | 022310000117 | ĐỖ BÍCH          | HUỆ   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.25 |         |
| 128 | 320128 | 022210007810 | ĐẶNG QUANG       | HÙNG  | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 6.75 |         |
| 129 | 320129 | 022210007141 | HOÀNG VĂN        | HÙNG  | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 3.0   | 4.0  |         |
| 130 | 320130 | 022210005667 | LÊ MẠNH          | HÙNG  | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 6.5  |         |
| 131 | 320131 | 034210015402 | BÙI QUANG        | HUY   | 21/08/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 9.6   | 6.75 |         |
| 132 | 320132 | 022210008357 | LÊ DƯƠNG         | HUY   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.25         | 7.2   | 3.0  |         |
| 133 | 320133 | 022210000413 | NGUYỄN THÁI      | HUY   | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.0          | 6.8   | 1.25 |         |
| 134 | 320134 | 022210008029 | TRẦN QUỐC        | HUY   | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 8.6   | 3.0  |         |
| 135 | 320135 | 022310000053 | ĐÀO THU          | HUYỀN | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 9.2   | 3.5  |         |
| 136 | 320136 | 022310010301 | ĐẶNG THỊ         | HUYỀN | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 0.75 |         |
| 137 | 320137 | 022310011218 | HOÀNG LÊ KHÁNH   | HUYỀN | 14/02/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        | Tày              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 1.5  |         |
| 138 | 320138 | 022310008863 | LÊ THU           | HUYỀN | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 2.25 |         |
| 139 | 320139 | 022310001102 | NGUYỄN THỊ THANH | HUYỀN | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 1.25 |         |
| 140 | 320140 | 031310000128 | TRẦN THU         | HUYỀN | 11/07/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 4.5  |         |
| 141 | 320141 | 036310000144 | VŨ THỊ KHÁNH     | HUYỀN | 17/11/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 5.0  |         |
| 142 | 320142 | 022210008814 | NGUYỄN PHÚ       | HÙNG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 1.75 |         |
| 143 | 320143 | 022210000608 | NGUYỄN TUẤN      | HÙNG  | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 3.75 |         |
| 144 | 320144 | 022210008852 | PHẠM HỮU         | HÙNG  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 1.5  |         |
| 145 | 320145 | 022210012159 | VŨ DUY           | HÙNG  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 0.5  |         |
| 146 | 320146 | 022210008290 | VŨ NGỌC          | HÙNG  | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.25 |         |
| 147 | 320147 | 022310011494 | NGUYỄN MAI       | HƯƠNG | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 3.0  |         |
| 148 | 320148 | 022310009011 | PHẠM THU         | HƯƠNG | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 8.25         | 9.4   | 9.0  |         |
| 149 | 320149 | 022210007615 | TRƯƠNG HUY       | KHA   | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.0          | 5.8   | 3.25 |         |
| 150 | 320150 | 022210005478 | DƯƠNG TUẤN       | KHANG | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.0          | 5.4   | 2.75 |         |
| 151 | 320151 | 022210005615 | TRƯƠNG TUẤN      | KHANG | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 5.2   | 3.0  |         |
| 152 | 320152 | 024310014334 | NGUYỄN PHƯƠNG    | KHANH | 12/12/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 6.8   | 4.25 |         |
| 153 | 320153 | 022210005577 | PHẠM HUY         | KHÁNH | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.0          | 5.4   | 1.75 |         |
| 154 | 320154 | 022210009088 | TRẦN MINH        | KHÁNH | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 9.6   | 6.0  |         |
| 155 | 320155 | 022210001726 | NGUYỄN MINH      | KHOA  | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 6.75 |         |
| 156 | 320156 | 022210001418 | TRẦN ĐĂNG        | KHOA  | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 3.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 157 | 320157 | 022210006994 | LÊ NHÂN          | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 9.4   | 8.5  |         |
| 158 | 320158 | 022210003831 | PHẠM TUẤN        | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 8.2   | 6.25 |         |
| 159 | 320159 | 022310010946 | TRƯƠNG MINH      | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 4.75 |         |
| 160 | 320160 | 022310001855 | TRƯƠNG NGỌC      | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 3.5  |         |
| 161 | 320161 | 022210006935 | HOÀNG THÀNH      | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 4.0  |         |
| 162 | 320162 | 022210004969 | LÊ HOÀNG         | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 9.0  |         |
| 163 | 320163 | 022210004007 | LÊ TÙNG          | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 3.0  |         |
| 164 | 320164 | 022310008431 | BÙI NGỌC         | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 5.75 |         |
| 165 | 320165 | 022310000124 | ĐỖ THUY          | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 8.0  |         |
| 166 | 320166 | 022310001096 | HOÀNG DIỆU       | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.5          | 7.0   | 3.25 |         |
| 167 | 320167 | 022310001162 | HOÀNG NGỌC       | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 6.5  |         |
| 168 | 320168 | 022310009464 | HOÀNG THỊ DIỆU   | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Chay         | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 6.5  |         |
| 169 | 320169 | 022310009247 | LỤC PHƯƠNG       | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 4.25 |         |
| 170 | 320170 | 022310008231 | LÝ PHƯƠNG        | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 1.75 |         |
| 171 | 320171 | 022310005524 | NGÔ THỊ ÁI       | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 1.5  |         |
| 172 | 320172 | 022310002966 | NGUYỄN THUY      | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 4.75 |         |
| 173 | 320173 | 022310002986 | PHAN HÀ          | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 5.0  |         |
| 174 | 320174 | 022310008568 | TRẦN THỊ PHƯƠNG  | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.0          | 6.6   | 5.25 |         |
| 175 | 320175 | 022310004218 | VŨ THỊ TRÚC      | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 6.25 |         |
| 176 | 320176 | 022210000300 | BÙI THIÊN        | 15/12/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 7.25 |         |
| 177 | 320177 | 022210001328 | ĐẶNG DUY         | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 0.75         | 3.2   | 2.5  |         |
| 178 | 320178 | 022210002835 | HOÀNG PHI        | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.25         | 5.4   | 3.5  |         |
| 179 | 320179 | 022210005552 | TRƯƠNG BẢO       | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 0.5          | 5.6   | 2.75 |         |
| 180 | 320180 | 022210001492 | TRƯƠNG KIM       | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 2.5  |         |
| 181 | 320181 | 022210006217 | TRƯƠNG THÀNH     | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.25         | 5.8   | 3.0  |         |
| 182 | 320182 | 022210003683 | TRƯƠNG KIẾT      | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.75         | 6.0   | 5.25 |         |
| 183 | 320183 | 022210009769 | CÙ ĐỨC           | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 4.0  |         |
| 184 | 320184 | 022310005037 | NGUYỄN THỊ       | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.75 |         |
| 185 | 320185 | 022310011779 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.5  |         |
| 186 | 320186 | 033310002896 | ĐÀO NGỌC         | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.25 |         |
| 187 | 320187 | 022310006988 | LÊ XUÂN          | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 3.25 |         |
| 188 | 320188 | 022210006705 | BÙI CÔNG         | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 1.75 |         |
| 189 | 320189 | 022210004574 | NGUYỄN ĐỨC       | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.75         | 7.8   | 6.25 |         |
| 190 | 320190 | 022210006958 | VƯƠNG DUY        | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 8.0  |         |
| 191 | 320191 | 022210006388 | BÙI PHÚC         | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.5  |         |
| 192 | 320192 | 022210008580 | ĐẶNG GIA         | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 3.0  |         |
| 193 | 320193 | 022210001230 | ĐÌNH ANH         | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 6.0  |         |
| 194 | 320194 | 022210004595 | LÊ QUANG         | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 3.25 |         |
| 195 | 320195 | 022310001214 | NGUYỄN KHÁNH     | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 8.25 |         |
| 196 | 320196 | 022210008037 | PHẠM HOÀNG       | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 197 | 320197 | 022210008010 | VŨ TIẾN MINH         | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trưng Vương           | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 5.5  |         |
| 198 | 320198 | 022310007316 | LÊ HUYỀN MY          | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 6.0  |         |
| 199 | 320199 | 022310008882 | NGUYỄN ĐOÀN TRẢ MY   | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 2.0   | 4.0  |         |
| 200 | 320200 | 022310003878 | VŨ NGỌC TRÀ MY       | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 1.25         | 1.6   | 3.25 |         |
| 201 | 320201 | 022210000943 | NGUYỄN NHẬT NAM      | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 5.25 |         |
| 202 | 320202 | 022210005717 | PHAN HẢI NAM         | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 1.0          | 2.4   | 4.0  |         |
| 203 | 320203 | 001210000372 | TRẦN QUỐC NAM        | 05/11/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.25 |         |
| 204 | 320204 | 022310007463 | NGUYỄN THU NGA       | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 8.4   | 7.25 |         |
| 205 | 320205 | 022310003583 | NGUYỄN THỊ NGÁT      | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 5.25 |         |
| 206 | 320206 | 022310003374 | CAO THANH NGÂN       | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 2.8   | 4.5  |         |
| 207 | 320207 | 022310002407 | TRIỆU THỊ THANH NGÂN | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 3.25 |         |
| 208 | 320208 | 022310009843 | TRƯƠNG BẢO NGÂN      | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 7.25         | 3.6   | 4.0  |         |
| 209 | 320209 | 022310003012 | VŨ HOÀNG NGÂN        | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.25 |         |
| 210 | 320210 | 022310011612 | VŨ KIM NGÂN          | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.0  |         |
| 211 | 320211 | 022210000400 | VI XUÂN NGHĨA        | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng             | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.75 |         |
| 212 | 320212 | 022210008175 | ĐỖ ĐÌNH NGHIỆP       | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.0          | 5.0   | 4.5  |         |
| 213 | 320213 | 022310008197 | BÙI HUYỀN BẢO NGỌC   | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.0  |         |
| 214 | 320214 | 022310001030 | ĐOÀN THỊ MINH NGỌC   | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 2.75 |         |
| 215 | 320215 | 022310003290 | HOÀNG MINH NGỌC      | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 2.25 |         |
| 216 | 320216 | 079310025477 | NGŨ BAO NGỌC         | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 3.5  |         |
| 217 | 320217 | 022310007944 | NGUYỄN KHÁNH NGỌC    | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 8.0  |         |
| 218 | 320218 | 022310008641 | PHẠM LÊ HỒNG NGỌC    | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 2.75 |         |
| 219 | 320219 | 022310004786 | TẠ HOÀNG NGỌC        | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 4.0  |         |
| 220 | 320220 | 022310006777 | TRẦN BẢO NGỌC        | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 3.25 |         |
| 221 | 320221 | 022310001358 | TRƯƠNG KHÁNH NGỌC    | 12/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 4.75 |         |
| 222 | 320222 | 022210005709 | BÙI KHÔI NGUYỄN      | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 5.0  |         |
| 223 | 320223 | 022210008884 | TRIỆU HẢI NGUYỄN     | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.5          | 5.0   | 3.0  |         |
| 224 | 320224 | 022310003537 | ĐẶNG THỊ NHƯ NGUYỆT  | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 4.25 |         |
| 225 | 320225 | 022310009983 | NGUYỄN THANH NHÂN    | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 6.5  |         |
| 226 | 320226 | 022210006576 | TRƯƠNG VĂN NHÂN      | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.75         | 4.2   | 3.25 |         |
| 227 | 320227 | 022210008563 | ĐẶNG QUANG NHẬT      | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.25         | 4.6   | 3.25 |         |
| 228 | 320228 | 022310002817 | ĐÀO YẾN NHI          | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 4.25 |         |
| 229 | 320229 | 022310001529 | ĐÌNH THỊ ANH NHI     | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 0.75         | 3.2   | 4.0  |         |
| 230 | 320230 | 022310009267 | NGUYỄN MAI NHI       | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 6.75 |         |
| 231 | 320231 | 022310001338 | NGUYỄN NGỌC YẾN NHI  | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.5  |         |
| 232 | 320232 | 022310011667 | NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 2.25 |         |
| 233 | 320233 | 022310009511 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI   | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 5.5  |         |
| 234 | 320234 | 022310001110 | NGUYỄN YẾN NHI       | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 3.25 |         |
| 235 | 320235 | 022310012620 | TRẦN GIA NHI         | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 2.75 |         |
| 236 | 320236 | 022310000181 | TRẦN YẾN NHI         | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 8.0  |         |



**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|--------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                    |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 237 | 320237 | 022310010937 | TRƯƠNG THỊ LINH    | NHI    | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 2.5  |          |
| 238 | 320238 | 022310011880 | VŨ THỊ NGỌC        | NHI    | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 2.75 |          |
| 239 | 320239 | 022310005270 | TRƯƠNG THỊ THÙY    | NHIÊN  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 4.25 |          |
| 240 | 320240 | 022310005327 | LÊ THỊ HỒNG        | NHUNG  | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 6.0  |          |
| 241 | 320241 | 034310007723 | NGUYỄN LÊ HỒNG     | NHUNG  | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 7.0  |          |
| 242 | 320242 | 022310008403 | BÀN THỊ UYÊN       | NHU'   | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 2.25 |          |
| 243 | 320243 | 022210009045 | TRƯƠNG HẢI         | NINH   | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.25         | 5.0   | 1.75 |          |
| 244 | 320244 | 022210009395 | BÙI HẢI            | PHONG  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 3.75 |          |
| 245 | 320245 | 022210011619 | BÙI VIỆT           | PHONG  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.75         | 5.2   | 5.0  |          |
| 246 | 320246 | 022210001613 | HOÀNG TRUNG        | PHONG  | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.5          | 7.4   | 7.0  |          |
| 247 | 320247 | 074210008378 | NGUYỄN NHẬT        | PHONG  | 25/01/2010 | Bình Dương | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 9.4   | 7.25 |          |
| 248 | 320248 | 022210006434 | BÙI DUY            | PHÚC   | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.25         | 5.0   | 6.25 |          |
| 249 | 320249 | 022210000090 | ĐOÀN MINH          | PHÚC   | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 1.75 |          |
| 250 | 320250 | 033210013041 | NGUYỄN MINH        | PHÚC   | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 3.75 |          |
| 251 | 320251 | 022210008374 | TRỊNH AN BẢO       | PHÚC   | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 5.0  |          |
| 252 | 320252 | 022210010206 | VŨ ĐỨC             | PHÚC   | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 3.5  |          |
| 253 | 320253 | 022310003065 | LÊ BÙI THẢO        | PHƯƠNG | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.25 |          |
| 254 | 320254 | 022210002276 | PHẠM NGỌC          | PHƯƠNG | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 3.0  |          |
| 255 | 320255 | 022210000517 | LÊ KIM             | QUANG  | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.5          | 5.2   | 2.0  |          |
| 256 | 320256 | 022210004147 | HOÀNG ĐỨC          | QUYÊN  | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 6.5  |          |
| 257 | 320257 | 022210008840 | LÝ ĐỨC             | QUYÊN  | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 258 | 320258 | 022210003893 | PHẠM NGỌC          | QUYÊN  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 8.5  |          |
| 259 | 320259 | 022310010012 | LÝ NHƯ'            | QUỲNH  | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.75         | 5.2   | 0.5  |          |
| 260 | 320260 | 022310011171 | NGÔ THÚY           | QUỲNH  | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.25 |          |
| 261 | 320261 | 022310004639 | TRẦN PHẠM NHƯ'     | QUỲNH  | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 6.75 |          |
| 262 | 320262 | 022310008704 | VŨ NHƯ'            | QUỲNH  | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 5.6   | 3.0  |          |
| 263 | 320263 | 022210005033 | LÊ PHẠM HẢI        | SƠN    | 31/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 1.75         | 3.2   | 5.25 |          |
| 264 | 320264 | 022210011634 | NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG | SƠN    | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 7.0  |          |
| 265 | 320265 | 022210005509 | TRẦN TRỌNG         | TAM    | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 1.5          | 3.4   | 3.75 |          |
| 266 | 320266 | 022210001278 | LÝ TRIỆU           | TÂM    | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 0.75         | 3.4   | 3.25 |          |
| 267 | 320267 | 022210007716 | VŨ MINH            | TÂN    | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 4.25 |          |
| 268 | 320268 | 022310008332 | TRIỆU THỊ KIỀU     | THANH  | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 5.25 |          |
| 269 | 320269 | 022210008079 | ĐÀM ĐỨC            | THÀNH  | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.5  |          |
| 270 | 320270 | 022210008284 | NGUYỄN CÔNG        | THÀNH  | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 1.5          | 3.0   | 3.25 |          |
| 271 | 320271 | 022210001039 | PHẠM CÔNG          | THÀNH  | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 5.0  |          |
| 272 | 320272 | 022310006562 | ĐINH THỊ PHƯƠNG    | THẢO   | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 5.0  |          |
| 273 | 320273 | 022310007769 | LÊ LINH THANH      | THẢO   | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.25         | 7.0   | 4.25 |          |
| 274 | 320274 | 022310000119 | NGUYỄN PHƯƠNG      | THẢO   | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.25 |          |
| 275 | 320275 | 022310006115 | NGUYỄN THỊ THANH   | THẢO   | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 4.5  |          |
| 276 | 320276 | 022310002661 | NGUYỄN THU         | THẢO   | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 5.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                   | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                               |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 277 | 320277 | 022310002442 | TRƯƠNG THU       | THẢO   | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 4.75 |         |
| 278 | 320278 | 022210009721 | HÀ VŨ MINH       | THĂNG  | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 3.25 |         |
| 279 | 320279 | 034210000411 | NGUYỄN DOÃN      | THĂNG  | 02/03/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 5.0  |         |
| 280 | 320280 | 022210010794 | PHẠM MẠNH        | THĂNG  | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.25         | 5.0   | 5.0  |         |
| 281 | 320281 | 022210009623 | ĐÀO QUANG        | THIỆN  | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 3.25         | 5.8   | 5.75 |         |
| 282 | 320282 | 022310002734 | ĐẶNG NGỌC        | THU    | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 5.5  |         |
| 283 | 320283 | 022310006182 | NGUYỄN HOÀI      | THU    | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.25         | 7.0   | 6.75 |         |
| 284 | 320284 | 022310002553 | NGUYỄN THỊ HÀ    | THU    | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Nùng             | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 2.75 |         |
| 285 | 320285 | 022310004109 | TRƯƠNG HOÀI      | THU    | 07/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 6.25 |         |
| 286 | 320286 | 022210009341 | LƯU ĐỖ           | THUẬN  | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 4.75 |         |
| 287 | 320287 | 022310010374 | ĐẶNG THỊ         | THỦY   | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 5.75 |         |
| 288 | 320288 | 034310002555 | LÊ THANH         | THỦY   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 6.5  |         |
| 289 | 320289 | 022310002279 | NGUYỄN MINH      | THÚY   | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.0   | 6.25 |         |
| 290 | 320290 | 022310006340 | PHẠM THANH       | THÚY   | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 5.0  |         |
| 291 | 320291 | 022310003903 | BÙI ANH          | THƯ    | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 3.75 |         |
| 292 | 320292 | 022310003857 | HÀ ANH           | THƯ    | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 4.0          | 6.4   | 3.0  |         |
| 293 | 320293 | 022309005170 | TRIỆU HOÀI       | THƯ    | 25/12/2009 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 0.75         | 4.6   | 1.75 |         |
| 294 | 320294 | 022310001490 | TRƯƠNG THỊ       | THƯ    | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 2.75 |         |
| 295 | 320295 | 022310010479 | TRƯƠNG THỊ HUYỀN | THƯƠNG | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 4.75 |         |
| 296 | 320296 | 022210007031 | TRƯƠNG MẠNH      | TIẾN   | 17/11/2010 | Hà Nội     | Nam       | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 1.0          | 2.2   | 4.5  |         |
| 297 | 320297 | 022210010119 | ĐÀO HỮU          | TIẾP   | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 1.5          | 3.6   | 2.5  |         |
| 298 | 320298 | 022210005720 | HOÀNG VIỆT       | TIẾP   | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường            | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 3.5  |         |
| 299 | 320299 | 022210002743 | BÙI KHÁNH        | TOÀN   | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.0          | 8.0   | 5.75 |         |
| 300 | 320300 | 022210004205 | NGUYỄN TIẾN      | TOÀN   | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 7.0  |         |
| 301 | 320301 | 017310002611 | BÙI THỊ BÍCH     | TRÀ    | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Mường            | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 4.0  |         |
| 302 | 320302 | 022310003294 | BÙI THỊ HUYỀN    | TRANG  | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 8.5          | 8.0   | 8.0  |         |
| 303 | 320303 | 022310009262 | ĐẶNG THỊ MINH    | TRANG  | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 5.75         | 1.4   | 4.25 |         |
| 304 | 320304 | 022310004380 | HOÀNG THU        | TRANG  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 3.5  |         |
| 305 | 320305 | 022310005329 | LÊ HUYỀN         | TRANG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.0  |         |
| 306 | 320306 | 022310009475 | LÊ THỦY          | TRANG  | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.0  |         |
| 307 | 320307 | 022310004459 | LƯƠNG QUỲNH      | TRANG  | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn                  | Tiếng Anh | 2.75         | 4.2   | 3.5  |         |
| 308 | 320308 | 022310009565 | NGUYỄN NGỌC      | TRANG  | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 3.25 |         |
| 309 | 320309 | 022310007579 | NGUYỄN THỊ MAI   | TRANG  | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 7.5          | 9.8   | 8.75 |         |
| 310 | 320310 | 022310011356 | TRIỆU THỊ MAI    | TRANG  | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 3.25         | 4.2   | 2.25 |         |
| 311 | 320311 | 022310002798 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | TRÂM   | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 4.75 |         |
| 312 | 320312 | 022310009421 | TRƯƠNG THỊ QUỲNH | TRÂM   | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 3.0  |         |
| 313 | 320313 | 022310004820 | VŨ THỊ BẢO       | TRẦN   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 4.0  |         |
| 314 | 320314 | 022210007824 | VŨ ĐÌNH          | TRỌNG  | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 2.5          | 2.8   | 1.25 |         |
| 315 | 320315 | 022310007436 | LÊ THỊ THANH     | TRÚC   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ            | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 7.0  |         |
| 316 | 320316 | 022210008879 | TRỊNH THÀNH      | TRUNG  | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí    | Tiếng Anh | 1.0          | 5.6   | 4.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ (22000739)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS                | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |        |            |            |           |                  |                            |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 317 | 320317 | 022210011897 | ĐINH NGỌC      | TRỰC   | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 0.75         | 2.2   | 1.25 |          |
| 318 | 320318 | 022210004004 | LEO DUƠNG ĐỨC  | TRƯỜNG | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.25         | 4.8   | 5.25 |          |
| 319 | 320319 | 022210012438 | TRƯỜNG TUẤN    | TRƯỜNG | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.25         | 3.8   | 2.75 |          |
| 320 | 320320 | 022210005205 | CAO ANH        | TÚ     | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 0.5          | 3.8   | 0.75 |          |
| 321 | 320321 | 022210007275 | LÊ MINH        | TÚ     | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 3.0  |          |
| 322 | 320322 | 022310006769 | LÝ THỊ         | TÚ     | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 3.75 |          |
| 323 | 320323 | 022210000158 | NGUYỄN ANH     | TÚ     | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 1.5          | 3.8   | 2.75 |          |
| 324 | 320324 | 001210058973 | TẠ ANH         | TÚ     | 01/02/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 4.0  |          |
| 325 | 320325 | 022210004396 | TRẦN LÊ TUẤN   | TÚ     | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 4.75 |          |
| 326 | 320326 | 031210005296 | PHẠM           | TUẤN   | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 4.75 |          |
| 327 | 320327 | 022210010384 | ĐINH QUỐC      | TUẤN   | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.5  |          |
| 328 | 320328 | 022210008289 | LÊ HẢI MINH    | TUẤN   | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 7.2   | 5.75 |          |
| 329 | 320329 | 022210001079 | NGUYỄN NGỌC    | TUẤN   | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 2.25 |          |
| 330 | 320330 | 022210006823 | NGUYỄN XUÂN    | TUẤN   | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 4.0  |          |
| 331 | 320331 | 022210007502 | PHAN NHẬT      | TUẤN   | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 3.5  |          |
| 332 | 320332 | 022210008326 | BÀN XUÂN       | TÙNG   | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 2.25         | 4.2   | 1.5  |          |
| 333 | 320333 | 022210009106 | NGUYỄN THANH   | TÙNG   | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 334 | 320334 | 022310006005 | HOÀNG ÁNH      | TUYẾT  | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 3.0  |          |
| 335 | 320335 | 022310011595 | NGUYỄN THỊ THU | UYÊN   | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 4.5  |          |
| 336 | 320336 | 022310010086 | ĐINH THỊ HỒNG  | VÂN    | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 2.0          | 3.8   | 3.5  |          |
| 337 | 320337 | 022310002349 | ĐINH THỊ THANH | VÂN    | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 6.25 |          |
| 338 | 320338 | 022210003764 | NGUYỄN HOÀNG   | VIỆT   | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 3.75         | 4.2   | 7.0  |          |
| 339 | 320339 | 022210000104 | LƯƠNG HIỀN     | VINH   | 02/08/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 3.25         | 4.2   | 3.25 |          |
| 340 | 320340 | 022208006667 | LÝ VĂN         | VŨ     | 20/07/2008 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 0.25         | 1.8   | 1.0  |          |
| 341 | 320341 | 022210005156 | TRẦN TUẤN      | VŨ     | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Dao              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 6.5  |          |
| 342 | 320342 | 017310004634 | BÙI YẾN        | VY     | 20/01/2010 | Hòa Bình   | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 1.5          | 3.0   | 5.75 |          |
| 343 | 320343 | 030310009141 | NGUYỄN PHƯƠNG  | VY     | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 6.0  |          |
| 344 | 320344 | 034310009325 | NGUYỄN PHƯƠNG  | VY     | 25/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Bắc Sơn               | Tiếng Anh | 7.75         | 4.6   | 6.25 |          |
| 345 | 320345 | 034310004776 | TẠ THỊ TƯỜNG   | VY     | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.0  |          |
| 346 | 320346 | 034310007004 | BÙI ĐÀO NHƯ    | Ý      | 28/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 4.0  |          |
| 347 | 320347 | 022310010364 | HÀ HẢI         | YẾN    | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Lý Tự Trọng - Uông Bí | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 4.75 |          |
| 348 | 320348 | 022310011015 | HOÀNG THỊ      | YẾN    | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 3.0  |          |
| 349 | 320349 | 022310005761 | KIỀU HẢI       | YẾN    | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 4.75 |          |
| 350 | 320350 | 022310009590 | NGUYỄN THỊ     | YẾN    | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 5.25 |          |
| 351 | 320351 | 022310001170 | PHẠM HẢI       | YẾN    | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 5.0  |          |
| 352 | 320352 | 008310006587 | TRƯƠNG HẢI     | YẾN    | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Văn Cừ         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 2.75 |          |

*(Danh sách này gồm có 352 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ             | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|-----|--------|--------------|----------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|-----------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
|     |        |              |                |           |            |            |                  |             |                       | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 1   | 330001 | 022210007605 | ĐỖ ĐỨC GIA     | AN        | 14/01/2010 | Hải Phòng  | Nam              |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.4  | 8.5     |          |
| 2   | 330002 | 022210009940 | HOÀNG          | AN        | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 5.5   | 7.8  | 7.5     |          |
| 3   | 330003 | 022310010067 | HOÀNG THANH    | AN        | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.0  | 8.0     |          |
| 4   | 330004 | 022310000266 | NGUYỄN HÀ      | AN        | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 6.75  | 7.4  | 6.75    |          |
| 5   | 330005 | 022310006427 | NGUYỄN HÀ      | AN        | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 7.5   | 9.4  | 6.5     |          |
| 6   | 330006 | 022310010894 | NGUYỄN THỦY    | AN        | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh    | 8.5   | 9.6  | 8.5     |          |
| 7   | 330007 | 022310005882 | VŨ THỊ KHÁNH   | AN        | 12/09/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 8.25  | 6.8  | 7.75    |          |
| 8   | 330008 | 022310004618 | BÊ THỊ MAI     | ANH       | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Tày         | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh    | 4.75  | 3.0  | 4.5     |          |
| 9   | 330009 | 022310011058 | BÙI QUỲNH      | ANH       | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 4.75  | 2.0  | 3.5     |          |
| 10  | 330010 | 022310011674 | BÙI VŨ HUYỀN   | ANH       | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 7.5   | 9.2  | 9.0     |          |
| 11  | 330011 | 022210002398 | ĐINH HOÀNG     | ANH       | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 5.25  | 3.8  | 4.75    |          |
| 12  | 330012 | 022310009524 | ĐINH THỊ NGỌC  | ANH       | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 7.0   | 6.6  | 5.5     |          |
| 13  | 330013 | 022310011555 | ĐOÀN KIỀU      | ANH       | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 7.75  | 9.2  | 8.25    |          |
| 14  | 330014 | 022310008817 | ĐOÀN MAI       | ANH       | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 6.25  | 8.8  | 7.25    |          |
| 15  | 330015 | 022210009391 | ĐỖ DUY         | ANH       | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 7.25  | 8.8  | 7.75    |          |
| 16  | 330016 | 022310005865 | ĐỖ MINH        | ANH       | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.8  | 6.25    |          |
| 17  | 330017 | 022310002501 | ĐỖ NGỌC        | ANH       | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh    | 6.5   | 9.4  | 7.0     |          |
| 18  | 330018 | 022310002358 | ĐỖ THỊ HOÀI    | ANH       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 19  | 330019 | 022310004401 | ĐỒNG PHƯƠNG    | ANH       | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 6.25  | 8.2  | 8.5     |          |
| 20  | 330020 | 022310001046 | HOÀNG NGỌC     | ANH       | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh    | 5.75  | 4.2  | 5.25    |          |
| 21  | 330021 | 022210006377 | HOÀNG TUẤN     | ANH       | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 5.75  | 8.2  | 7.0     |          |
| 22  | 330022 | 068310000583 | HUYỀN TIẾN VÂN | ANH       | 01/03/2010 | Nam Định   | Nữ               |             | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh    | 7.75  | 6.6  | 6.0     |          |
| 23  | 330023 | 022310005899 | LÊ HÀ QUỲNH    | ANH       | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 6.0   | 8.6  | 7.75    |          |
| 24  | 330024 | 022310004177 | LÊ HOÀI        | ANH       | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 6.0   | 8.8  | 6.25    |          |
| 25  | 330025 | 022310001241 | LƯƠNG LAN      | ANH       | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 7.25  | 9.4  | 6.25    |          |
| 26  | 330026 | 031310000185 | LÝ HIỆU        | ANH       | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh    | 5.5   | 4.0  | 3.5     |          |
| 27  | 330027 | 022310003818 | MẠC HIỆU       | ANH       | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 7.75  | 8.8  | 8.0     |          |
| 28  | 330028 | 022210000230 | NGÔ TUẤN       | ANH       | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 6.0   | 4.8  | 5.5     |          |
| 29  | 330029 | 022210012409 | NGUYỄN DUY     | ANH       | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 7.0   | 7.2  | 8.0     |          |
| 30  | 330030 | 030310010910 | NGUYỄN HÀ      | ANH       | 23/08/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh    | 6.5   | 5.0  | 7.0     |          |
| 31  | 330031 | 022210006028 | NGUYỄN HỒNG    | ANH       | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh    | 6.5   | 7.0  | 7.25    |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 32  | 330032 | 022310004329 | NGUYỄN HUYỀN ANH     | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.5  |         |
| 33  | 330033 | 022310011339 | NGUYỄN LAN ANH       | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.0  |         |
| 34  | 330034 | 022310000319 | NGUYỄN NGỌC ANH      | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.5  |         |
| 35  | 330035 | 022310010857 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH    | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 9.6   | 8.0  |         |
| 36  | 330036 | 022310000358 | NGUYỄN NHẬT ANH      | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.0  |         |
| 37  | 330037 | 022310001791 | NGUYỄN PHẠM QUỲNH    | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 2.75 |         |
| 38  | 330038 | 022310010399 | NGUYỄN QUỲNH ANH     | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.0  |         |
| 39  | 330039 | 022310002481 | NGUYỄN TRÂM ANH      | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 40  | 330040 | 031310000229 | NGUYỄN VŨ HOÀI ANH   | 29/03/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 6.75 |         |
| 41  | 330041 | 022310010701 | NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH | 11/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 7.6   | 8.0  |         |
| 42  | 330042 | 022310007413 | NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH  | 26/12/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 8.0  |         |
| 43  | 330043 | 022310007885 | PHẠM PHƯƠNG ANH      | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 8.0  |         |
| 44  | 330044 | 034310191633 | PHẠM PHƯƠNG ANH      | 27/08/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 7.5  |         |
| 45  | 330045 | 030310014588 | PHẠM VÂN ANH         | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 7.5  |         |
| 46  | 330046 | 022210021001 | PHẠM VIỆT ANH        | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 7.75 |         |
| 47  | 330047 | 022310009252 | PHÙNG PHƯƠNG ANH     | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 7.5  |         |
| 48  | 330048 | 022310010530 | PHÙNG TỔ QUỲNH ANH   | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.5  |         |
| 49  | 330049 | 022310003169 | TRẦN MỸ ANH          | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.5          | 6.2   | 3.75 |         |
| 50  | 330050 | 022210005930 | TRẦN QUỐC ANH        | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.5          | 7.6   | 4.75 |         |
| 51  | 330051 | 022210007447 | TRẦN TUẤN ANH        | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.0  |         |
| 52  | 330052 | 022210003759 | TRỊNH ĐỨC ANH        | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 8.75 |         |
| 53  | 330053 | 022310005830 | VỊ NGUYỄN NGỌC ANH   | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 9.0  |         |
| 54  | 330054 | 022210004903 | VŨ HẢI ANH           | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 7.25 |         |
| 55  | 330055 | 022310002400 | VŨ NGỌC ANH          | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 7.75 |         |
| 56  | 330056 | 022310000282 | VŨ NHƯ QUỲNH ANH     | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 7.75 |         |
| 57  | 330057 | 022310006976 | NGUYỄN ĐOÀN THU ANH  | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 3.5  |         |
| 58  | 330058 | 022310008879 | NGUYỄN NGỌC ANH      | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 3.75 |         |
| 59  | 330059 | 022310001138 | PHẠM THỊ NGỌC ANH    | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.0  |         |
| 60  | 330060 | 036210007215 | PHẠM DUY BÁCH        | 26/11/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 9.0  |         |
| 61  | 330061 | 022210006287 | LÝ THIÊN BẢO         | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 7.0  |         |
| 62  | 330062 | 001210060399 | NGUYỄN ĐỨC GIA BẢO   | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.5          | 7.8   | 8.25 |         |
| 63  | 330063 | 022210004522 | NGUYỄN ĐỨC GIA BẢO   | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 5.25 |         |
| 64  | 330064 | 022210008827 | NGUYỄN GIA BẢO       | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 8.0  |         |
| 65  | 330065 | 022210012396 | PHẠM GIA BẢO         | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 5.0  |         |
| 66  | 330066 | 022210008467 | PHẠM PHÙNG GIA BẢO   | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 6.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh      | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|---------------------|------------|---------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                     |            |               |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 67  | 330067 | 022210001186 | TRẦN NGỌC BẢO       | 02/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 4.25 |          |
| 68  | 330068 | 022210009006 | VŨ ĐÌNH BẢO         | 30/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.25         | 8.4   | 6.75 |          |
| 69  | 330069 | 022310006807 | NGUYỄN NGỌC BÍCH    | 20/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 6.75 |          |
| 70  | 330070 | 022210007939 | NGUYỄN PHÚC CẨM     | 14/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.25 |          |
| 71  | 330071 | 022310007817 | LÊ NGỌC BẢO CHÂM    | 13/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 4.0  |          |
| 72  | 330072 | 022310010964 | ĐỖ MINH CHÁU        | 31/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.0  |          |
| 73  | 330073 | 022310009554 | NGUYỄN TRẦN HÀ CHÁU | 17/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 6.75 |          |
| 74  | 330074 | 030210000329 | VŨ NGÔ BẢO CHÁU     | 08/11/2010 | Hải Dương     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 8.0  |          |
| 75  | 330075 | 022310011947 | NGUYỄN BẢO CHI      | 19/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.25 |          |
| 76  | 330076 | 022310008898 | NGUYỄN VŨ QUỲNH CHI | 12/02/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.25 |          |
| 77  | 330077 | 022310000464 | PHẠM QUỲNH CHI      | 23/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 8.75 |          |
| 78  | 330078 | 022310006011 | PHẠM THỊ BẢO CHI    | 04/02/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 3.0  |          |
| 79  | 330079 | 022310010032 | PHẠM THUY CHI       | 17/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 5.5  |          |
| 80  | 330080 | 022310003957 | PHẠM YẾN CHI        | 17/01/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.75 |          |
| 81  | 330081 | 022310001598 | VŨ BẢO CHI          | 04/08/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 5.75 |          |
| 82  | 330082 | 022310004004 | VŨ HÀ CHI           | 13/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 9.0  |          |
| 83  | 330083 | 022310011629 | VŨ MAI CHI          | 24/09/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 9.8   | 9.0  |          |
| 84  | 330084 | 022310007270 | NGUYỄN THANH CHÚC   | 14/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.5  |          |
| 85  | 330085 | 022210002075 | BỂ VĂN CHUNG        | 18/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       | Tày              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 4.25 |          |
| 86  | 330086 | 022210000485 | BÙI ĐỨC CỖ          | 07/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.75 |          |
| 87  | 330087 | 022210007732 | LÊ VŨ KIM CƯƠNG     | 29/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 7.0  |          |
| 88  | 330088 | 022310000243 | LƯU NGỌC DIỆP       | 14/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 7.0  |          |
| 89  | 330089 | 025310000100 | TRỊNH PHƯƠNG DUNG   | 23/04/2010 | Ý Yên,Tĩnh Na | Nữ        | Dao              | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 6.25 |          |
| 90  | 330090 | 022210008099 | BÙI TIẾN DŨNG       | 07/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 8.5  |          |
| 91  | 330091 | 022210002936 | CAO VIỆT DŨNG       | 19/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 8.25 |          |
| 92  | 330092 | 022210004222 | ĐOÀN TIẾN DŨNG      | 09/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.25 |          |
| 93  | 330093 | 030210014856 | LÊ TIẾN DŨNG        | 09/03/2010 | Hải Dương     | Nam       |                  | THCS Minh Tân         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.0  |          |
| 94  | 330094 | 022210006141 | NGUYỄN CHÍ DŨNG     | 13/03/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 7.25 |          |
| 95  | 330095 | 022210001318 | NGUYỄN MẠNH DŨNG    | 21/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 5.75 |          |
| 96  | 330096 | 022210008172 | NGUYỄN MẬU DŨNG     | 17/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.5  |          |
| 97  | 330097 | 030210013547 | NGUYỄN PHƯƠNG DŨNG  | 04/11/2010 | Hải Dương     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 7.5  |          |
| 98  | 330098 | 022210001941 | NGUYỄN QUANG DŨNG   | 20/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.25 |          |
| 99  | 330099 | 022210003415 | NGUYỄN TRUNG DŨNG   | 20/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 100 | 330100 | 022210012169 | NGUYỄN TUẤN DŨNG    | 30/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 6.75 |          |
| 101 | 330101 | 022210002062 | NGUYỄN VĂN DŨNG     | 24/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|----------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |                |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 102 | 330102 | 022210011185 | VŨ CHÍ DŨNG            | 20/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 6.25 |          |
| 103 | 330103 | 022210008935 | ĐƯƠNG VŨ DUY           | 03/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.6   | 9.0  |          |
| 104 | 330104 | 022210006746 | NGUYỄN KHUÔNG DUY      | 31/05/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.0          | 8.4   | 6.25 |          |
| 105 | 330105 | 033210003882 | NGUYỄN TRỌNG KHÁNH DUY | 26/07/2010 | Hà Nội         | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 10.0  | 9.0  |          |
| 106 | 330106 | 022310000594 | VŨ KIỀU DUYÊN          | 31/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Tây Mô    | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 8.75 |          |
| 107 | 330107 | 022210008648 | BÙI HUY DƯƠNG          | 22/04/2010 | tỉnh Hải Dương | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 108 | 330108 | 022310002849 | ĐẶNG ÁNH DƯƠNG         | 03/04/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.75 |          |
| 109 | 330109 | 022210001519 | ĐẶNG NGỌC DƯƠNG        | 31/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 3.5  |          |
| 110 | 330110 | 022210007442 | LÊ TÙNG DƯƠNG          | 17/06/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.5  |          |
| 111 | 330111 | 022210000368 | MẠC ĐỨC DƯƠNG          | 14/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 2.0          | 3.6   | 2.5  |          |
| 112 | 330112 | 022310003115 | NGUYỄN ÁNH DƯƠNG       | 13/06/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 8.0  |          |
| 113 | 330113 | 022210010153 | NGUYỄN HẢI DƯƠNG       | 25/01/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 8.25         | 9.6   | 8.75 |          |
| 114 | 330114 | 022210000366 | NGUYỄN NGỌC TÙNG DƯƠNG | 18/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 6.75 |          |
| 115 | 330115 | 022210009912 | NGUYỄN THÀNH DƯƠNG     | 23/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 2.5  |          |
| 116 | 330116 | 022310000127 | NGUYỄN THÙY DƯƠNG      | 24/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 8.0  |          |
| 117 | 330117 | 022210008482 | PHẠM ĐĂNG DƯƠNG        | 10/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 9.0  |          |
| 118 | 330118 | 022210003862 | PHẠM ĐĂNG DƯƠNG        | 21/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 7.5  |          |
| 119 | 330119 | 022210002261 | PHAN TÙNG DƯƠNG        | 19/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.0  |          |
| 120 | 330120 | 022310000450 | TÔ THỊ ÁNH DƯƠNG       | 30/08/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 6.25 |          |
| 121 | 330121 | 022310000414 | TRẦN ÁNH DƯƠNG         | 25/01/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 6.75 |          |
| 122 | 330122 | 022310003113 | TRỊNH ÁNH DƯƠNG        | 26/09/2010 | Quảng Ninh     | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.0  |          |
| 123 | 330123 | 026210004474 | VŨ TIẾN DƯƠNG          | 27/05/2010 | Trung Ương     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.0  |          |
| 124 | 330124 | 022210008873 | VŨ TUẤN ĐẠI            | 16/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 7.5  |          |
| 125 | 330125 | 022210000175 | LÊ TIẾN ĐẠT            | 20/05/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.75         | 8.6   | 6.75 |          |
| 126 | 330126 | 022210006563 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT       | 08/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.0  |          |
| 127 | 330127 | 022210002760 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT       | 17/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 7.0  |          |
| 128 | 330128 | 022210007649 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT        | 15/12/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 4.75 |          |
| 129 | 330129 | 022210011434 | PHẠM MINH ĐẠT          | 29/05/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 5.75 |          |
| 130 | 330130 | 022210003805 | VŨ QUANG ĐĂNG          | 10/10/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.6   | 7.25 |          |
| 131 | 330131 | 022210008023 | BÙI MINH ĐỨC           | 18/11/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Yên Đức          | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 7.0  |          |
| 132 | 330132 | 022210004416 | LƯU ANH ĐỨC            | 09/07/2010 | Quảng Ninh     | Nam       | Tây              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 5.25 |          |
| 133 | 330133 | 022210008912 | NGUYỄN MINH ĐỨC        | 31/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 9.0  |          |
| 134 | 330134 | 022210011444 | NGUYỄN MINH ĐỨC        | 05/08/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.0  |          |
| 135 | 330135 | 022210007178 | NGUYỄN TUẤN ĐỨC        | 22/02/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 4.5  |          |
| 136 | 330136 | 022210010164 | PHAN MẠNH ĐỨC          | 31/03/2010 | Quảng Ninh     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 3.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 137 | 330137 | 022210000162 | PHAN MINH ĐỨC        | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.25 |          |
| 138 | 330138 | 022210009406 | VŨ NGỌC ĐỨC          | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 6.5  |          |
| 139 | 330139 | 022310011548 | ĐOÀN HOÀNG GIANG     | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 6.5  |          |
| 140 | 330140 | 022310011326 | NGUYỄN THU GIANG     | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 6.75 |          |
| 141 | 330141 | 022210007153 | BÙI QUANG HÀ         | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 8.75 |          |
| 142 | 330142 | 022310000161 | DƯƠNG NGỌC HÀ        | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.75 |          |
| 143 | 330143 | 022210000505 | LÊ THANH HÀ          | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 4.0  |          |
| 144 | 330144 | 022310000273 | NGÔ THỊ NGÂN HÀ      | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.0  |          |
| 145 | 330145 | 022310008462 | NGUYỄN THU HÀ        | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.25 |          |
| 146 | 330146 | 022310009745 | NGUYỄN THU HÀ        | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 147 | 330147 | 022310005785 | NGUYỄN THU HÀ        | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.5  |          |
| 148 | 330148 | 022210004926 | ĐỖ HOÀNG HẢI         | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.25 |          |
| 149 | 330149 | 022210008269 | HOÀNG TRẦN MINH HẢI  | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế        | Tiếng Anh | 8.0          | 9.6   | 8.75 |          |
| 150 | 330150 | 022210009804 | NGUYỄN HOÀNG HẢI     | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 8.25 |          |
| 151 | 330151 | 022210000167 | PHẠM DUY HẢI         | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 7.75 |          |
| 152 | 330152 | 022210012054 | TRẦN KHOA HẢI        | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 7.5  |          |
| 153 | 330153 | 022210006447 | TRẦN NGỌC HẢI        | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 154 | 330154 | 022310001849 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.75 |          |
| 155 | 330155 | 022310003391 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH | 03/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.5  |          |
| 156 | 330156 | 022210006789 | HOÀNG GIA HẢO        | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 1.5          | 4.2   | 2.0  |          |
| 157 | 330157 | 022210004802 | VŨ MẠNH HẢO          | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 7.25 |          |
| 158 | 330158 | 022310004303 | BÙI NGUYỆT HẰNG      | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 7.0  |          |
| 159 | 330159 | 022310000183 | PHẠM THỊ HẰNG        | 15/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 7.75 |          |
| 160 | 330160 | 022310009131 | VŨ MINH HẰNG         | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 6.75 |          |
| 161 | 330161 | 022310008799 | VŨ THU HẰNG          | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 8.25 |          |
| 162 | 330162 | 022310008746 | BÙI PHƯƠNG BẢO HÂN   | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 7.75 |          |
| 163 | 330163 | 022310004912 | ĐỖ NGỌC HÂN          | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 3.6   | 4.25 |          |
| 164 | 330164 | 022310009672 | LƯU BẢO HÂN          | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 7.25 |          |
| 165 | 330165 | 022310002738 | NGUYỄN GIA HÂN       | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế        | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.0  |          |
| 166 | 330166 | 022310000133 | NGUYỄN NGỌC HÂN      | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 7.5  |          |
| 167 | 330167 | 030310101250 | PHẠM BẢO HÂN         | 04/07/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.25         | 9.4   | 8.0  |          |
| 168 | 330168 | 022310005915 | PHAN THẢO HÂN        | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.5  |          |
| 169 | 330169 | 022310001070 | TRẦN BẢO HÂN         | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 8.0  |          |
| 170 | 330170 | 022310012686 | NGUYỄN THU HIỀN      | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 6.25 |          |
| 171 | 330171 | 022310006559 | VŨ MINH HIỀN         | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 6.5  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 172 | 330172 | 022210013273 | NGUYỄN HOÀNG     | HIỆP  | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.25         | 8.2   | 8.5  |         |
| 173 | 330173 | 022210008081 | ĐÀM ĐỨC          | HIẾU  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 7.75 |         |
| 174 | 330174 | 022210012511 | LÊ XUÂN          | HIẾU  | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.25 |         |
| 175 | 330175 | 022210000315 | NGUYỄN TRUNG     | HIẾU  | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 8.75 |         |
| 176 | 330176 | 034210001083 | PHẠM MINH        | HIẾU  | 17/03/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 9.0  |         |
| 177 | 330177 | 031210000380 | PHẠM TRẦN TRUNG  | HIẾU  | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.25 |         |
| 178 | 330178 | 022210008778 | TRẦN ĐỨC         | HIẾU  | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.5          | 9.6   | 8.75 |         |
| 179 | 330179 | 022210000163 | TRẦN XUÂN        | HIẾU  | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 6.25 |         |
| 180 | 330180 | 022210010987 | VŨ TRUNG         | HIẾU  | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 7.5  |         |
| 181 | 330181 | 022310011800 | CAM THỊ QUỲNH    | HOA   | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 4.25 |         |
| 182 | 330182 | 022310004208 | TRỊNH MINH       | HOA   | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 8.0  |         |
| 183 | 330183 | 022310011920 | ĐOÀN HIỀN        | HÒA   | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 8.5  |         |
| 184 | 330184 | 022210007981 | PHẠM XUÂN        | HÒA   | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.75 |         |
| 185 | 330185 | 024210017918 | TRẦN ĐỨC         | HOÀN  | 08/05/2010 | Văng thi   | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.75         | 7.2   | 7.5  |         |
| 186 | 330186 | 022210008985 | CAO MINH         | HOÀNG | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 3.75 |         |
| 187 | 330187 | 022210006744 | LƯƠNG MINH       | HOÀNG | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.25 |         |
| 188 | 330188 | 022210000161 | TRẦN HUY         | HOÀNG | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 8.5  |         |
| 189 | 330189 | 022210010748 | VŨ NGỌC MINH     | HOÀNG | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 8.5  |         |
| 190 | 330190 | 022310001879 | TRỊNH THỊ PHƯƠNG | HUỆ   | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.75 |         |
| 191 | 330191 | 022210006334 | CAO MẠNH         | HÙNG  | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 192 | 330192 | 022210000625 | ĐỒNG THẾ         | HÙNG  | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.4   | 8.25 |         |
| 193 | 330193 | 022210000131 | LÊ MẠNH          | HÙNG  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.75         | 8.8   | 7.5  |         |
| 194 | 330194 | 022210001419 | LÊ MINH          | HÙNG  | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 2.75 |         |
| 195 | 330195 | 022210002851 | TRẦN TUẤN        | HÙNG  | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 5.75 |         |
| 196 | 330196 | 022210004987 | BÙI NGỌC GIA     | HUY   | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 8.0  |         |
| 197 | 330197 | 030210012074 | BÙI TIỀN         | HUY   | 20/08/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 7.25 |         |
| 198 | 330198 | 022210004173 | DƯƠNG KHẮC       | HUY   | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 199 | 330199 | 022210011742 | ĐÀO ĐỨC          | HUY   | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 2.75         | 6.2   | 3.0  |         |
| 200 | 330200 | 022210000159 | ĐÀO QUỐC         | HUY   | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.5  |         |
| 201 | 330201 | 022210010478 | LÊ QUANG         | HUY   | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 202 | 330202 | 022210004474 | NGÔ GIA          | HUY   | 18/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 7.25 |         |
| 203 | 330203 | 022210012244 | NGUYỄN GIA       | HUY   | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 7.25 |         |
| 204 | 330204 | 022210005259 | NGUYỄN HỮU KHANG | HUY   | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.5          | 6.4   | 7.0  |         |
| 205 | 330205 | 022210002176 | NGUYỄN QUỐC      | HUY   | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.75 |         |
| 206 | 330206 | 022210007026 | VŨ ĐÌNH KHANG    | HUY   | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 8.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 207 | 330207 | 022210006957 | VŨ NGỌC HUY            | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 4.75 |         |
| 208 | 330208 | 030310002405 | BÙI KHÁNH HUYỀN        | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.25 |         |
| 209 | 330209 | 022310010138 | BÙI THỊ THU HUYỀN      | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.75 |         |
| 210 | 330210 | 022310002783 | HOÀNG THỊ THẢO HUYỀN   | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 7.5  |         |
| 211 | 330211 | 038310003569 | LÊ THỊ THU HUYỀN       | 23/09/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.25 |         |
| 212 | 330212 | 022310001146 | NGUYỄN THANH HUYỀN     | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.25 |         |
| 213 | 330213 | 022310009466 | NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 7.4   | 5.75 |         |
| 214 | 330214 | 022310006387 | NGUYỄN THU HUYỀN       | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.75 |         |
| 215 | 330215 | 022310008310 | VI TRẦN THANH HUYỀN    | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 4.75 |         |
| 216 | 330216 | 022310000256 | VŨ THANH HUYỀN         | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 7.0  |         |
| 217 | 330217 | 034210010227 | ĐẶNG THÁI HƯNG         | 17/07/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 9.0  |         |
| 218 | 330218 | 022210009254 | ĐOÀN PHÚ HƯNG          | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.25 |         |
| 219 | 330219 | 022210000157 | LÊ ĐÌNH HƯNG           | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.0  |         |
| 220 | 330220 | 022210005208 | NGÔ TUẤN HƯNG          | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 7.5  |         |
| 221 | 330221 | 022210008539 | NGUYỄN ANH HƯNG        | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 5.75 |         |
| 222 | 330222 | 022210000326 | NGUYỄN DUY HƯNG        | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.75         | 6.4   | 7.5  |         |
| 223 | 330223 | 022210003589 | NGUYỄN GIA HƯNG        | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 8.5  |         |
| 224 | 330224 | 022210000600 | TẠ KHÁI DUY HƯNG       | 05/02/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 5.0  |         |
| 225 | 330225 | 036310011062 | ĐÌNH THỊ THU HƯƠNG     | 01/11/2010 | Nam Định   | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 6.5  |         |
| 226 | 330226 | 022310009735 | LÃ LIÊN HƯƠNG          | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.0  |         |
| 227 | 330227 | 022310009556 | NGUYỄN THU HƯƠNG       | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.75 |         |
| 228 | 330228 | 030310000519 | VŨ MAI HƯƠNG           | 12/07/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 6.75 |         |
| 229 | 330229 | 022310007716 | BÊ THỊ THÚY HƯƠNG      | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 7.5  |         |
| 230 | 330230 | 022310002642 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG   | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 6.0  |         |
| 231 | 330231 | 022210010721 | VŨ ĐỨC KHẢI            | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.25 |         |
| 232 | 330232 | 022210002733 | ĐỖ ĐỨC GIA KHANG       | 14/01/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.5  |         |
| 233 | 330233 | 022210003608 | NGUYỄN DƯƠNG KHANG     | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.25         | 8.2   | 8.5  |         |
| 234 | 330234 | 022210010712 | NGUYỄN TRẦN CÔNG KHANH | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.75 |         |
| 235 | 330235 | 030210009027 | BÙI GIA KHÁNH          | 13/11/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 7.0  |         |
| 236 | 330236 | 022210002531 | DƯƠNG KHẮC NAM KHÁNH   | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 8.5  |         |
| 237 | 330237 | 022210010129 | ĐÌNH BAO KHÁNH         | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.0          | 8.2   | 8.0  |         |
| 238 | 330238 | 022210001374 | ĐỖ NGUYỄN NAM KHÁNH    | 14/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 9.0  |         |
| 239 | 330239 | 022210004695 | HOÀNG DUY KHÁNH        | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.75 |         |
| 240 | 330240 | 033210009601 | NGUYỄN QUỐC KHÁNH      | 01/09/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.5          | 8.4   | 8.0  |         |
| 241 | 330241 | 022210010900 | PHẠM PHÚ KHÁNH         | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 242 | 330242 | 022210005167 | TRẦN MINH KHÁNH       | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.25 |         |
| 243 | 330243 | 022210005599 | TRẦN NAM KHÁNH        | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 2.0  |         |
| 244 | 330244 | 022310000385 | TRẦN VÂN KHÁNH        | 23/09/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 8.75 |         |
| 245 | 330245 | 022210002302 | BÙI ĐỨC KHIÊM         | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 9.2   | 6.75 |         |
| 246 | 330246 | 001210010382 | NGUYỄN ĐỨC ANH KHOA   | 22/01/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 9.4   | 8.75 |         |
| 247 | 330247 | 022310009810 | NGUYỄN MAI KHUÊ       | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.0  |         |
| 248 | 330248 | 030310000453 | NGUYỄN MINH KHUÊ      | 30/08/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 6.5  |         |
| 249 | 330249 | 022210007104 | VŨ TRUNG KIÊN         | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.5  |         |
| 250 | 330250 | 022210004231 | ĐINH TUẤN KIẾT        | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 8.0  |         |
| 251 | 330251 | 022210010652 | ĐỖ TUẤN KIẾT          | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 8.5  |         |
| 252 | 330252 | 022310008979 | LƯU ĐÀO NHẬT LAM      | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 7.5  |         |
| 253 | 330253 | 022310008712 | NGUYỄN NGỌC THANH LAM | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế        | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 7.75 |         |
| 254 | 330254 | 022310005597 | NGUYỄN THỊ MAI LAN    | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 7.25 |         |
| 255 | 330255 | 022210011112 | DƯƠNG HOÀNG LÂM       | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.25 |         |
| 256 | 330256 | 022210000172 | PHẠM TÙNG LÂM         | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 6.5  |         |
| 257 | 330257 | 022210000101 | VŨ HOÀNG LÂM          | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.75 |         |
| 258 | 330258 | 022310008111 | VŨ TÙNG LÂM           | 31/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.0  |         |
| 259 | 330259 | 022310006350 | TẶNG MỸ LỆ            | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 8.25         | 8.4   | 7.5  |         |
| 260 | 330260 | 001310023430 | BÙI HÀ LINH           | 30/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.6   | 6.5  |         |
| 261 | 330261 | 022310012648 | ĐẶNG KHÁNH LINH       | 10/05/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.75 |         |
| 262 | 330262 | 022310011453 | HOÀNG DIỆU LINH       | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 263 | 330263 | 022310011032 | HOÀNG THÙY LINH       | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.5  |         |
| 264 | 330264 | 022310002805 | LÊ HOÀNG GIA LINH     | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.0  |         |
| 265 | 330265 | 022310002132 | LÊ KHÁNH LINH         | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.25 |         |
| 266 | 330266 | 030310011432 | NGUYỄN HOÀNG LINH     | 01/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.75 |         |
| 267 | 330267 | 022310009168 | NGUYỄN VŨ MAI LINH    | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.0  |         |
| 268 | 330268 | 022310001377 | PHẠM KHÁNH LINH       | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.75 |         |
| 269 | 330269 | 022310008819 | PHẠM PHƯƠNG LINH      | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 9.2   | 8.25 |         |
| 270 | 330270 | 022310004694 | PHẠM THỊ LINH         | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 6.5  |         |
| 271 | 330271 | 022310011903 | PHẠM THÙY LINH        | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 9.4   | 8.0  |         |
| 272 | 330272 | 022310004285 | PHẠM VŨ TÚ LINH       | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.25 |         |
| 273 | 330273 | 022310012739 | PHAN THỊ KHÁNH LINH   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 9.0  |         |
| 274 | 330274 | 022310011369 | TRẦN BẢO LINH         | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.25 |         |
| 275 | 330275 | 022310007974 | TRẦN NGỌC LINH        | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 7.5  |         |
| 276 | 330276 | 022310001441 | TRẦN NGỌC LINH        | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 7.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh      | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|---------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |               |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 277 | 330277 | 022310002563 | TRỊNH HÀ LINH          | 04/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 7.25 |         |
| 278 | 330278 | 022310002618 | TRƯƠNG HẢI LINH        | 16/10/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 7.4   | 6.75 |         |
| 279 | 330279 | 022310011984 | VŨ ĐÀO YẾN LINH        | 10/06/2010 | Hà Nội        | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 7.25 |         |
| 280 | 330280 | 022310002797 | VŨ HOÀNG TÚ LINH       | 19/08/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.0  |         |
| 281 | 330281 | 022310005545 | VŨ NGUYỄN HẢI LINH     | 30/05/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 5.75 |         |
| 282 | 330282 | 022310000305 | VŨ THỦY LINH           | 23/03/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 5.75 |         |
| 283 | 330283 | 025210004372 | ĐINH QUANG LONG        | 20/04/2010 | Ý Yên,Tĩnh Na | Nam       | Mường            | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.25 |         |
| 284 | 330284 | 022210007451 | HOÀNG ĐỨC LONG         | 11/10/2010 | Hà Nội        | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.25 |         |
| 285 | 330285 | 022210004247 | HOÀNG HẢI LONG         | 05/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 8.0  |         |
| 286 | 330286 | 022210003348 | NGÔ NGỌC LONG          | 16/10/2010 | Hải Dương     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 4.25 |         |
| 287 | 330287 | 022210008799 | NGUYỄN BẢO LONG        | 16/01/2010 | Hà Nội        | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 6.75 |         |
| 288 | 330288 | 022210001906 | NGUYỄN HOÀNG LONG      | 06/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.0  |         |
| 289 | 330289 | 022210007507 | THẦN MINH LONG         | 23/06/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 7.5  |         |
| 290 | 330290 | 022210011563 | TRỊNH HOÀNG LONG       | 14/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 291 | 330291 | 022210000328 | NGUYỄN VŨ DOANH LƯƠNG  | 04/10/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 8.0  |         |
| 292 | 330292 | 022310005453 | MAI KHÁNH LY           | 29/07/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 7.0  |         |
| 293 | 330293 | 022310010303 | NGUYỄN HẢI LY          | 10/12/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.5  |         |
| 294 | 330294 | 022310001101 | NGUYỄN KHÁNH LY        | 23/11/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 8.0  |         |
| 295 | 330295 | 022310005211 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH LY   | 02/06/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 6.75 |         |
| 296 | 330296 | 022310004556 | NGUYỄN THẢO LY         | 12/04/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.25         | 5.2   | 4.75 |         |
| 297 | 330297 | 001310043520 | VĂN THỊ THIÊN LÝ       | 24/01/2010 | Hà Nội        | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 2.0  |         |
| 298 | 330298 | 022310004404 | NGÔ XUÂN MAI           | 15/02/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.75 |         |
| 299 | 330299 | 030310004265 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI    | 20/06/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.5  |         |
| 300 | 330300 | 030310014912 | TỰ QUỲNH MAI           | 17/06/2010 | Hà Nội        | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 9.0  |         |
| 301 | 330301 | 022310008839 | VŨ THỊ TUYẾT MAI       | 10/04/2010 | Quảng Ninh    | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 6.0  |         |
| 302 | 330302 | 022210000014 | NGUYỄN DUY MẠNH        | 12/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 3.25 |         |
| 303 | 330303 | 022210010348 | NGUYỄN ĐỨC MẠNH        | 07/09/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.25 |         |
| 304 | 330304 | 022210001665 | NGUYỄN ĐỨC MẠNH        | 30/07/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 5.0  |         |
| 305 | 330305 | 022210008841 | BÙI ĐỨC MINH           | 06/02/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 9.0   | 8.0  |         |
| 306 | 330306 | 022210007431 | CAO TIẾN MINH          | 04/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 7.25 |         |
| 307 | 330307 | 022210000364 | ĐÀO QUANG MINH         | 22/08/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.75         | 7.0   | 7.0  |         |
| 308 | 330308 | 022210002615 | ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG MINH | 02/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 5.0  |         |
| 309 | 330309 | 022210002184 | HOÀNG LÊ NHẬT MINH     | 18/05/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.5          | 9.4   | 7.5  |         |
| 310 | 330310 | 022210006461 | HOÀNG TUẤN MINH        | 03/01/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 5.0  |         |
| 311 | 330311 | 022210004811 | HỒ ANH MINH            | 07/12/2010 | Quảng Ninh    | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 9.6   | 6.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |      |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 312 | 330312 | 022210000394 | LÊ ANH           | MINH | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.25 |         |
| 313 | 330313 | 030210000354 | MẠC THIÊN        | MINH | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 9.6   | 7.25 |         |
| 314 | 330314 | 022210001238 | MAI HOÀNG        | MINH | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 9.0  |         |
| 315 | 330315 | 022210012479 | NGÔ QUANG        | MINH | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 5.5          | 9.0   | 7.5  |         |
| 316 | 330316 | 022210004791 | NGUYỄN ĐĂNG TUẤN | MINH | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 10.0  | 8.5  |         |
| 317 | 330317 | 022210007788 | NGUYỄN HÀ QUANG  | MINH | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 8.0  |         |
| 318 | 330318 | 022210004441 | NGUYỄN HOÀNG     | MINH | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 7.75 |         |
| 319 | 330319 | 022310006695 | NGUYỄN NGỌC      | MINH | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 7.5  |         |
| 320 | 330320 | 022210002593 | NGUYỄN NHẬT      | MINH | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 7.25 |         |
| 321 | 330321 | 022210010963 | NGUYỄN TRẦN TUẤN | MINH | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 5.5  |         |
| 322 | 330322 | 022210007229 | NGUYỄN TUẤN      | MINH | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 7.75 |         |
| 323 | 330323 | 030210015092 | PHẠM ĐĂNG        | MINH | 29/08/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 6.5  |         |
| 324 | 330324 | 022210010512 | TRẦN BÁ          | MINH | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 6.25 |         |
| 325 | 330325 | 022210004940 | VŨ QUANG         | MINH | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.0          | 7.0   | 6.0  |         |
| 326 | 330326 | 022310005126 | LÊ HÀ            | MY   | 14/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.5  |         |
| 327 | 330327 | 022310003909 | NGUYỄN GIẢNG     | MY   | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 2.0  |         |
| 328 | 330328 | 015310010982 | NGUYỄN NGỌC      | MY   | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 7.25 |         |
| 329 | 330329 | 022310006514 | PHẠM NGỌC        | MY   | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 4.75 |         |
| 330 | 330330 | 022310000338 | PHẠM NGUYỄN TRÀ  | MY   | 30/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.5  |         |
| 331 | 330331 | 022310003482 | PHẠM TRÀ         | MY   | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 6.75 |         |
| 332 | 330332 | 022310002436 | TRẦN THỊ HUYỀN   | MY   | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 7.4   | 8.25 |         |
| 333 | 330333 | 022310010887 | VŨ TRÀ           | MY   | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.75 |         |
| 334 | 330334 | 022210004806 | ĐẶNG SƠN         | NAM  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 8.8   | 7.25 |         |
| 335 | 330335 | 022210006332 | NGUYỄN HUY       | NAM  | 20/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 8.25 |         |
| 336 | 330336 | 022210010377 | PHẠM HẢI         | NAM  | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 7.5  |         |
| 337 | 330337 | 022210002807 | PHẠM THIÊN       | NAM  | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |         |
| 338 | 330338 | 022310007941 | TRẦN THỊ HẢI     | NAM  | 29/08/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 8.5  |         |
| 339 | 330339 | 022210002906 | TRỊNH HOÀNG      | NAM  | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 5.0  |         |
| 340 | 330340 | 022310010462 | NGUYỄN QUỲNH     | NGA  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.25 |         |
| 341 | 330341 | 031310010601 | PHẠM NGÂN        | NGA  | 28/05/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 7.0  |         |
| 342 | 330342 | 022310009992 | VŨ THIÊN         | NGA  | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 8.0  |         |
| 343 | 330343 | 022310001265 | CAM THỊ THANH    | NGÂN | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 3.5  |         |
| 344 | 330344 | 022310011833 | ĐÀO KIM          | NGÂN | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 8.75 |         |
| 345 | 330345 | 022310010391 | ĐINH THỊ KIM     | NGÂN | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 7.0  |         |
| 346 | 330346 | 022310012580 | GIANG KIỀU       | NGÂN | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 4.6   | 6.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 347 | 330347 | 022310004974 | HOÀNG KIM NGÂN        | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 7.25 |         |
| 348 | 330348 | 022310011315 | NGUYỄN HÀ NGÂN        | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |         |
| 349 | 330349 | 022310000076 | NGUYỄN HOÀNG THU NGÂN | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 8.0  |         |
| 350 | 330350 | 022310006361 | NGUYỄN THẢO NGÂN      | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 7.0  |         |
| 351 | 330351 | 022310000128 | VŨ HOÀNG KIM NGÂN     | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |         |
| 352 | 330352 | 022210004334 | LÊ TRUNG NGHĨA        | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 7.0  |         |
| 353 | 330353 | 022210006790 | NGUYỄN HIẾU NGHĨA     | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 8.25 |         |
| 354 | 330354 | 001310005189 | ĐOÀN MINH NGỌC        | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.5  |         |
| 355 | 330355 | 022310009978 | LÊ BẢO NGỌC           | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 8.0  |         |
| 356 | 330356 | 022310009776 | NGUYỄN NHƯ MINH NGỌC  | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 6.75 |         |
| 357 | 330357 | 022310001851 | NGUYỄN THỊ HÀ NGỌC    | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.5  |         |
| 358 | 330358 | 022310012676 | PHẠM KHÁNH NGỌC       | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 7.2   | 6.25 |         |
| 359 | 330359 | 022310011160 | PHẠM NGUYỄN MINH NGỌC | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 7.25 |         |
| 360 | 330360 | 022310010331 | VIÊN BẢO NGỌC         | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 7.25 |         |
| 361 | 330361 | 022310002420 | VŨ BẢO NGỌC           | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.0  |         |
| 362 | 330362 | 022310003164 | VŨ THỊ BẢO NGỌC       | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.75 |         |
| 363 | 330363 | 022210010767 | TRỊNH KHÔI NGUYỄN     | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 9.0  |         |
| 364 | 330364 | 022310005657 | VŨ HƯƠNG THẢO NGUYỄN  | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 8.5          | 9.8   | 7.5  |         |
| 365 | 330365 | 022210000560 | NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN     | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 7.5  |         |
| 366 | 330366 | 022310006270 | MAI THANH NHÂN        | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 8.5  |         |
| 367 | 330367 | 022210011966 | TRẦN DOANH NHÂN       | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.0          | 8.0   | 7.5  |         |
| 368 | 330368 | 022310010840 | BÙI LINH NHI          | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 7.5  |         |
| 369 | 330369 | 022310009575 | NGUYỄN BẢO NHI        | 11/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 8.25 |         |
| 370 | 330370 | 030310000503 | NGUYỄN YẾN NHI        | 17/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 8.0          | 6.6   | 7.5  |         |
| 371 | 330371 | 022310009266 | NGUYỄN YẾN NHI        | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.5  |         |
| 372 | 330372 | 022310007202 | PHẠM HẢI YẾN NHI      | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 6.25 |         |
| 373 | 330373 | 022310003259 | VŨ NGUYỄN MINH NHI    | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 6.0  |         |
| 374 | 330374 | 022310005485 | VŨ THỊ YẾN NHI        | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |         |
| 375 | 330375 | 022310002121 | ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG   | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.25         | 7.2   | 7.0  |         |
| 376 | 330376 | 022310000339 | LÊ THỊ CẨM NHUNG      | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.0  |         |
| 377 | 330377 | 022310002044 | NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG   | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 8.5          | 9.4   | 8.75 |         |
| 378 | 330378 | 022310007434 | NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG   | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 8.8   | 7.5  |         |
| 379 | 330379 | 022310000404 | PHẠM TRANG NHUNG      | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.0  |         |
| 380 | 330380 | 022310009147 | NGUYỄN THỊ KIM OANH   | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.5  |         |
| 381 | 330381 | 036310013027 | PHẠM THỊ KIỀU OANH    | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 382 | 330382 | 022210004880 | ĐINH THẾ PHONG         | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 2.0  |         |
| 383 | 330383 | 022210009995 | ĐỖ GIA PHONG           | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 9.0  |         |
| 384 | 330384 | 022210008941 | ĐỖ HẢI PHONG           | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 6.0  |         |
| 385 | 330385 | 033210009503 | NGUYỄN HOÀNG PHONG     | 07/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 2.4   | 6.75 |         |
| 386 | 330386 | 022210001861 | TRỊNH BẢO PHONG        | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 5.5  |         |
| 387 | 330387 | 022210002413 | TRỊNH TUẤN PHONG       | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 7.0  |         |
| 388 | 330388 | 022210004192 | VŨ QUỐC PHONG          | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.0  |         |
| 389 | 330389 | 034210000294 | ĐỖ BẢO PHÚC            | 23/12/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 7.0  |         |
| 390 | 330390 | 022210004106 | ĐỖ HOÀNG PHÚC          | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 6.75 |         |
| 391 | 330391 | 030210000658 | ĐỖ HOÀNG MINH PHÚC     | 12/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 2.5          | 7.0   | 3.5  |         |
| 392 | 330392 | 022210000860 | NGUYỄN MINH PHÚC       | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 8.0  |         |
| 393 | 330393 | 022210000898 | PHÓ ĐỨC PHÚC           | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 1.75         | 8.4   | 3.5  |         |
| 394 | 330394 | 022310005040 | BÙI BẢO PHƯƠNG         | 24/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 8.5  |         |
| 395 | 330395 | 022310010615 | DƯƠNG THU PHƯƠNG       | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 4.25 |         |
| 396 | 330396 | 030310008873 | ĐỒNG THỊ HÀ PHƯƠNG     | 20/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 8.25 |         |
| 397 | 330397 | 022310011159 | NGUYỄN HUYỀN PHƯƠNG    | 07/07/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 8.5  |         |
| 398 | 330398 | 022310005842 | NGUYỄN LAN PHƯƠNG      | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.0  |         |
| 399 | 330399 | 022310005465 | NGUYỄN MAI PHƯƠNG      | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 6.25 |         |
| 400 | 330400 | 022310009720 | NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG   | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 9.6   | 7.25 |         |
| 401 | 330401 | 022210011684 | TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG       | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.0          | 8.8   | 7.5  |         |
| 402 | 330402 | 022310004790 | VŨ HỒNG PHƯƠNG         | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.75         | 9.6   | 8.75 |         |
| 403 | 330403 | 030210000524 | NGUYỄN ĐỨC QUANG       | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 7.5  |         |
| 404 | 330404 | 022210003359 | NGUYỄN MINH QUANG      | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 7.25 |         |
| 405 | 330405 | 022210007445 | ỨNG DUY QUANG          | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 6.25 |         |
| 406 | 330406 | 022210010747 | LÊ ANH QUÂN            | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 6.25 |         |
| 407 | 330407 | 022210007950 | TRẦN ANH QUÂN          | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.0  |         |
| 408 | 330408 | 022210009829 | TRẦN VIỆT QUÂN         | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.6   | 7.5  |         |
| 409 | 330409 | 022210010676 | NGUYỄN NGỌC MINH QUYỀN | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 8.75 |         |
| 410 | 330410 | 022310005864 | ĐẶNG NHƯ QUỲNH         | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 6.5  |         |
| 411 | 330411 | 034310014484 | ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH     | 16/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.8   | 8.5  |         |
| 412 | 330412 | 022310008170 | NGUYỄN NHƯ QUỲNH       | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 8.5  |         |
| 413 | 330413 | 022310006278 | NGUYỄN GIÁNG SON       | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 6.0  |         |
| 414 | 330414 | 022210011654 | LÊ PHẠM MINH SƠN       | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.0          | 5.8   | 5.25 |         |
| 415 | 330415 | 022210008323 | NGUYỄN TÙNG SƠN        | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 6.0  |         |
| 416 | 330416 | 022310008709 | LÊ MINH TÂM            | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 417 | 330417 | 030210000634 | NGUYỄN MINH TÂM        | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 4.5  |         |
| 418 | 330418 | 022210009242 | PHẠM MINH TÂM          | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.8   | 5.5  |         |
| 419 | 330419 | 022310009847 | PHẠM THỊ MINH TÂM      | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.25 |         |
| 420 | 330420 | 022310006639 | PHAN TÚ TÂM            | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.8   | 7.5  |         |
| 421 | 330421 | 022310002486 | TRẦN BẢO TÂM           | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.25 |         |
| 422 | 330422 | 022210005713 | TRẦN CHÍ TÂM           | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.5  |         |
| 423 | 330423 | 022210004223 | TRẦN VIỆT THANH        | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.75         | 5.2   | 7.25 |         |
| 424 | 330424 | 022310004562 | VŨ PHƯƠNG THANH        | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 6.75 |         |
| 425 | 330425 | 022210001189 | CHU DUY THÀNH          | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 2.5          | 3.0   | 7.5  |         |
| 426 | 330426 | 030210012869 | ĐỖ NGUYỄN HỮU THÀNH    | 01/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 6.0  |         |
| 427 | 330427 | 036210012221 | PHẠM VĂN THÀNH         | 03/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 7.8   | 8.5  |         |
| 428 | 330428 | 022210006476 | VŨ TIỀN THÀNH          | 09/03/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.0          | 7.2   | 6.25 |         |
| 429 | 330429 | 022310006887 | ĐẶNG TRẦN PHƯƠNG THẢO  | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.0  |         |
| 430 | 330430 | 034310010341 | HOÀNG THỊ MAI THẢO     | 05/01/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.5  |         |
| 431 | 330431 | 022310012621 | MẠC THANH THẢO         | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 9.0  |         |
| 432 | 330432 | 022310010209 | NGUYỄN MINH THẢO       | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 8.5  |         |
| 433 | 330433 | 022310002265 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.5  |         |
| 434 | 330434 | 022310001963 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 5.25 |         |
| 435 | 330435 | 030310000521 | PHẠM THANH THẢO        | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.5  |         |
| 436 | 330436 | 022310004073 | PHẠM UYÊN THẢO         | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 5.25 |         |
| 437 | 330437 | 022310008116 | TRẦN PHƯƠNG THẢO       | 07/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.0  |         |
| 438 | 330438 | 022310010005 | VŨ THU THẢO            | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 5.0  |         |
| 439 | 330439 | 030210000527 | VŨ MINH THẮNG          | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 8.5  |         |
| 440 | 330440 | 022210010967 | VŨ VIỆT THẮNG          | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.5  |         |
| 441 | 330441 | 022210008722 | PHAN BÁ THIỆN          | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 9.0  |         |
| 442 | 330442 | 022210000371 | HOÀNG MINH THỊNH       | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.25         | 8.6   | 5.75 |         |
| 443 | 330443 | 022310008851 | LÊ THỊ KIM THOA        | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.75         | 9.8   | 7.25 |         |
| 444 | 330444 | 022310011024 | NGUYỄN THỊ THU         | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 4.5  |         |
| 445 | 330445 | 022310009518 | BÙI THANH THỦY         | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.5          | 5.8   | 4.0  |         |
| 446 | 330446 | 022310004651 | NGUYỄN THU THỦY        | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.75 |         |
| 447 | 330447 | 022310009507 | NGUYỄN THANH THỦY      | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.75 |         |
| 448 | 330448 | 022310000126 | LÊ ANH THƯ             | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 8.5  |         |
| 449 | 330449 | 022310009642 | LƯU HOÀNG ANH THƯ      | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.75 |         |
| 450 | 330450 | 022310006798 | NGUYỄN BẢO THƯ         | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.25 |         |
| 451 | 330451 | 022310003942 | PHẠM NGỌC ANH THƯ      | 13/11/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 4.75 |         |



**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 452 | 330452 | 022310000178 | VŨ ANH          | THƯ    | 19/09/2010 | Văng thi   | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.25 |          |
| 453 | 330453 | 033310004813 | VŨ ANH          | THƯ    | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 7.5  |          |
| 454 | 330454 | 022310002023 | VŨ ANH          | THƯ    | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.75 |          |
| 455 | 330455 | 022310009417 | PHẠM KHÁNH      | THY    | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.75         | 8.2   | 6.5  |          |
| 456 | 330456 | 022210002664 | HOÀNG KHÁNH     | TOÀN   | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 7.5  |          |
| 457 | 330457 | 022210002596 | LƯU ĐỨC         | TOÀN   | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 7.8   | 5.5  |          |
| 458 | 330458 | 022210005517 | NGUYỄN THẾ      | TOÀN   | 04/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.25 |          |
| 459 | 330459 | 022310002165 | BÙI THU         | TRANG  | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 6.25 |          |
| 460 | 330460 | 022310000013 | LÊ NGỌC MINH    | TRANG  | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.5  |          |
| 461 | 330461 | 022310000187 | LƯƠNG NGUYỄN HÀ | TRANG  | 02/04/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 6.25 |          |
| 462 | 330462 | 022310008392 | NGÔ HUYỀN       | TRANG  | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.25         | 5.2   | 3.25 |          |
| 463 | 330463 | 042310004678 | NGUYỄN HUYỀN    | TRANG  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.25 |          |
| 464 | 330464 | 022310004601 | TRẦN THẢO       | TRANG  | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 5.5  |          |
| 465 | 330465 | 022310011996 | TRỊNH MAI       | TRANG  | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.25 |          |
| 466 | 330466 | 022310010692 | VŨ KIỀU         | TRANG  | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.25 |          |
| 467 | 330467 | 022310002202 | VŨ THỊ THU      | TRANG  | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 8.5  |          |
| 468 | 330468 | 022310002514 | HOÀNG THÙY      | TRÂM   | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 7.25 |          |
| 469 | 330469 | 022310003504 | NGUYỄN NGỌC BẢO | TRÂM   | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.75 |          |
| 470 | 330470 | 022310000507 | PHẠM HUYỀN      | TRÂM   | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.4   | 9.0  |          |
| 471 | 330471 | 022310008052 | PHẠM NGỌC BẢO   | TRÂM   | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.75         | 5.8   | 6.75 |          |
| 472 | 330472 | 022210007759 | TÔ ĐỨC          | TRÍ    | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.75 |          |
| 473 | 330473 | 022310004373 | NGUYỄN LÂM      | TRÚC   | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.25 |          |
| 474 | 330474 | 022310003700 | TRẦN THỊ THANH  | TRÚC   | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 6.25 |          |
| 475 | 330475 | 022210005194 | NGUYỄN TIẾN     | TRƯỜNG | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 9.4   | 8.5  |          |
| 476 | 330476 | 022210006794 | VŨ ĐỨC XUÂN     | TRƯỜNG | 07/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.25 |          |
| 477 | 330477 | 022210007393 | HÀ ĐỨC          | TÚ     | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.25 |          |
| 478 | 330478 | 022210010960 | LÊ TUẤN         | TÚ     | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 8.0  |          |
| 479 | 330479 | 022210003755 | LƯU ANH         | TÚ     | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 5.5  |          |
| 480 | 330480 | 022210008187 | TẶNG VĂN        | TÚ     | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 7.5  |          |
| 481 | 330481 | 022210006605 | VŨ ANH          | TÚ     | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 8.0  |          |
| 482 | 330482 | 022210000681 | ĐỖ MINH         | TUẤN   | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.25 |          |
| 483 | 330483 | 022210001654 | TRẦN HUY        | TUẤN   | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 8.5  |          |
| 484 | 330484 | 022210006118 | ĐỖ THANH        | TÙNG   | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.25 |          |
| 485 | 330485 | 022210009866 | NGUYỄN QUYẾT    | TÙNG   | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh |              |       |      | Văng thi |
| 486 | 330486 | 022210007156 | PHẠM KHÁNH      | TÙNG   | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.8   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Quốc Việt (22000723)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 487 | 330487 | 024310008835 | NGUYỄN ÁNH TUYẾT       | 08/04/2010 | Văng thi   | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 5.5  |         |
| 488 | 330488 | 022210010975 | NGÔ THẾ TỰ             | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 9.0  |         |
| 489 | 330489 | 038310022716 | LÊ DƯƠNG PHƯƠNG UYÊN   | 03/05/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.6   | 6.0  |         |
| 490 | 330490 | 022210010751 | NGUYỄN KIẾN VĂN        | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 9.0  |         |
| 491 | 330491 | 022310010783 | NGUYỄN THỊ CẨM VÂN     | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 9.0  |         |
| 492 | 330492 | 022310008014 | ĐÀO KHÁNH VI           | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 6.25 |         |
| 493 | 330493 | 022210009464 | ĐINH QUANG VIỆT        | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 7.5  |         |
| 494 | 330494 | 022210003336 | HỒ ĐỨC VIỆT            | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 8.75 |         |
| 495 | 330495 | 022210007802 | LẠI XUÂN VIỆT          | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 5.5  |         |
| 496 | 330496 | 022210010903 | NGUYỄN ĐÌNH VIỆT       | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 8.0  |         |
| 497 | 330497 | 022210004262 | NGUYỄN XUÂN VIỆT       | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.8   | 8.5  |         |
| 498 | 330498 | 022210004525 | TRẦN TUẤN VIỆT         | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 4.0  |         |
| 499 | 330499 | 022210003424 | NGUYỄN THẾ VINH        | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 4.25 |         |
| 500 | 330500 | 022210008061 | VŨ QUANG VINH          | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.5  |         |
| 501 | 330501 | 022210001414 | VŨ TIẾN VINH           | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 6.5  |         |
| 502 | 330502 | 022310005859 | NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG VŨ | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.2   | 6.25 |         |
| 503 | 330503 | 022210005837 | NGUYỄN UY VŨ           | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 2.75         | 5.2   | 3.25 |         |
| 504 | 330504 | 022310000387 | ĐỖ VŨ HẠ VY            | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.5  |         |
| 505 | 330505 | 022310009132 | LÊ VY VY               | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 8.0  |         |
| 506 | 330506 | 022310008916 | MẠC TUỜNG VY           | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 8.5  |         |
| 507 | 330507 | 022310009492 | NGUYỄN THẢO VY         | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 2.75 |         |
| 508 | 330508 | 022310012660 | NGUYỄN THỊ HÀ VY       | 01/12/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.75 |         |
| 509 | 330509 | 022310002239 | NGUYỄN TƯỜNG VY        | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 6.75 |         |
| 510 | 330510 | 034310000380 | PHẠM THỊ TƯỜNG VY      | 24/09/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.6   | 9.5  |         |
| 511 | 330511 | 022310004042 | VŨ HÀ VY               | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.75         | 8.8   | 6.75 |         |
| 512 | 330512 | 022310011770 | VŨ TƯỜNG VY            | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 5.75 |         |
| 513 | 330513 | 022310004959 | ĐỖ THỊ HẢI YẾN         | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II       | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 8.0  |         |
| 514 | 330514 | 022310005810 | NGUYỄN NGỌC YẾN        | 26/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 7.25 |         |
| 515 | 330515 | 030310004726 | NGUYỄN TRANG HOÀNG YẾN | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 7.75 |         |
| 516 | 330516 | 022310009500 | VŨ THỊ HẢI YẾN         | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 7.25 |         |

*(Danh sách này gồm có 516 thí sinh)*

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1   | 340001 | 022210002512 | HOÀNG BẢO AN          | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 6.5  |         |
| 2   | 340002 | 022210012001 | HOÀNG TÂM AN          | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 3.25 |         |
| 3   | 340003 | 022310009862 | HOÀNG THÚY AN         | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.0  |         |
| 4   | 340004 | 022310000253 | NGUYỄN HẠ AN          | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.25 |         |
| 5   | 340005 | 040310022943 | TRẦN THỊ THỦY AN      | 11/05/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 8.0          | 4.4   | 7.75 |         |
| 6   | 340006 | 022310008125 | BÙI PHƯƠNG ANH        | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 4.0  |         |
| 7   | 340007 | 022310000303 | BÙI VŨ NGỌC ANH       | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 1.5  |         |
| 8   | 340008 | 022310009811 | ĐÀO LAN ANH           | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 8.0          | 6.4   | 6.5  |         |
| 9   | 340009 | 022310000344 | ĐOÀN BẢO ANH          | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 6.5  |         |
| 10  | 340010 | 022310001861 | ĐOÀN VĂN ANH          | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.5  |         |
| 11  | 340011 | 022210006514 | ĐỖ ĐỨC ANH            | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.25 |         |
| 12  | 340012 | 022310002335 | HÀ NGỌC ANH           | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 5.5  |         |
| 13  | 340013 | 022210008995 | HOÀNG ĐỨC ANH         | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 4.25 |         |
| 14  | 340014 | 022310000250 | HOÀNG NGUYỄN DIỆP ANH | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.0  |         |
| 15  | 340015 | 022310000248 | HOÀNG NGUYỄN NGỌC ANH | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 6.0  |         |
| 16  | 340016 | 022310004007 | HOÀNG PHẠM KIM ANH    | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.0  |         |
| 17  | 340017 | 022310000175 | HOÀNG QUỲNH ANH       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 6.25 |         |
| 18  | 340018 | 022310001892 | LÊ HỒNG ANH           | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 19  | 340019 | 022310010421 | LÊ QUỲNH ANH          | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 6.25 |         |
| 20  | 340020 | 022309000852 | LÊ THỊ VĂN ANH        | 06/09/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 7.5  |         |
| 21  | 340021 | 022210005684 | LƯU TUẤN ANH          | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 5.0          | 7.0   | 7.0  |         |
| 22  | 340022 | 022210002972 | NGÔ HOÀNG ANH         | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 7.0  |         |
| 23  | 340023 | 022310004084 | NGUYỄN HOÀNG DIỆP ANH | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mao Khê II     | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 3.0  |         |
| 24  | 340024 | 022310010563 | NGUYỄN HOÀNG HÀ ANH   | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 5.75 |         |
| 25  | 340025 | 022310011892 | NGUYỄN MAI ANH        | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.0          | 9.0   | 6.0  |         |
| 26  | 340026 | 022210005834 | NGUYỄN MINH ANH       | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 5.0          | 8.8   | 5.25 |         |
| 27  | 340027 | 022310001973 | NGUYỄN NHẬT ANH       | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 3.0          | 5.4   | 4.25 |         |
| 28  | 340028 | 022310005779 | NGUYỄN NHẬT ANH       | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 4.75 |         |
| 29  | 340029 | 022210006356 | NGUYỄN PHAN ANH       | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 5.0  |         |
| 30  | 340030 | 022210001962 | NGUYỄN QUỐC ANH       | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 2.5          | 5.8   | 3.0  |         |
| 31  | 340031 | 022210007399 | NGUYỄN TÁT ANH        | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 7.25 |         |
| 32  | 340032 | 022210009158 | NGUYỄN TUẤN ANH       | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 5.25         | 7.6   | 7.0  |         |
| 33  | 340033 | 031210008188 | PHẠM ĐỨC ANH          | 24/06/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 4.0  |         |
| 34  | 340034 | 022310000268 | PHẠM HẢI ANH          | 20/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 4.75 |         |
| 35  | 340035 | 022210011266 | PHẠM HOÀNG ANH        | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 6.25 |         |
| 36  | 340036 | 022310003864 | PHẠM QUỲNH ANH        | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 6.75 |         |
| 37  | 340037 | 022210002528 | PHẠM THÊ ANH          | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.25         | 9.0   | 8.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 38  | 340038 | 022210010796 | PHẠM TÙNG ANH        | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 2.5  |         |
| 39  | 340039 | 022310002547 | TRẦN ĐĂNG PHƯƠNG ANH | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 2.25         | 3.8   | 4.0  |         |
| 40  | 340040 | 022310001114 | TRẦN HỒNG ANH        | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 6.25 |         |
| 41  | 340041 | 022310005783 | TRẦN LAN ANH         | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 4.75 |         |
| 42  | 340042 | 030210016580 | TRƯƠNG THẾ ANH       | 25/06/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 7.0  |         |
| 43  | 340043 | 022210013191 | VŨ CÔNG ANH          | 04/01/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.25 |         |
| 44  | 340044 | 022310012639 | VŨ HOÀNG KIM ANH     | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 0.5  |         |
| 45  | 340045 | 022310009918 | VŨ THỊ QUỲNH ANH     | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 1.25         | 1.6   | 1.25 |         |
| 46  | 340046 | 022310002102 | NGUYỄN ĐỖ NGỌC ANH   | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 8.5          | 7.2   | 8.0  |         |
| 47  | 340047 | 022210003010 | ĐỖ GIA BẢO           | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 2.75 |         |
| 48  | 340048 | 022210003138 | LA THẾ BẢO           | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 3.0          | 3.6   | 1.25 |         |
| 49  | 340049 | 022210009516 | PHẠM GIA BẢO         | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.5  |         |
| 50  | 340050 | 022210012305 | VŨ HỮU GIA BẢO       | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 6.75 |         |
| 51  | 340051 | 022310005736 | VŨ THỊ NGỌC BÍCH     | 05/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.0  |         |
| 52  | 340052 | 022310009702 | VŨ THỊ NGỌC BÍCH     | 12/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.75         | 2.6   | 3.75 |         |
| 53  | 340053 | 022310005862 | BÙI THỊ BÌNH         | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 4.5  |         |
| 54  | 340054 | 022310010646 | NGUYỄN THANH BÌNH    | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.0  |         |
| 55  | 340055 | 022310010933 | PHAN BẢO BÌNH        | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 5.75 |         |
| 56  | 340056 | 022310010841 | VŨ THANH BÌNH        | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.75 |         |
| 57  | 340057 | 022210012114 | VŨ THANH BÌNH        | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 6.25 |         |
| 58  | 340058 | 022310010497 | NGUYỄN THỊ THU CHANG | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.25         | 4.4   | 7.0  |         |
| 59  | 340059 | 022310006764 | NGÔ ĐIỀU CHÂU        | 21/03/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.5          | 5.4   | 4.75 |         |
| 60  | 340060 | 022310006257 | ĐẶNG QUỲNH CHI       | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 5.25 |         |
| 61  | 340061 | 022310003854 | NGUYỄN PHƯƠNG CHI    | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 5.25 |         |
| 62  | 340062 | 022310007966 | TRẦN THỊ KHÁNH CHI   | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 4.0  |         |
| 63  | 340063 | 022310004572 | TRẦN THỊ MAI CHI     | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Khác             | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.0   | 6.25 |         |
| 64  | 340064 | 022310005550 | VŨ HÀ CHI            | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.5          | 3.6   | 3.0  |         |
| 65  | 340065 | 022310011479 | VŨ THỦY CHI          | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 7.75 |         |
| 66  | 340066 | 022310001239 | YÊN NGỌC CHI         | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 5.5  |         |
| 67  | 340067 | 022310008515 | NGÔ VIỆT CHINH       | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 5.75 |         |
| 68  | 340068 | 022310001713 | NGUYỄN THANH CHÚC    | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 4.25 |         |
| 69  | 340069 | 022210000628 | NGUYỄN THÀNH CÔNG    | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 6.25 |         |
| 70  | 340070 | 022210011555 | ĐẶNG VIỆT CUỒNG      | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.0  |         |
| 71  | 340071 | 022210003433 | ĐINH NAM CUỒNG       | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II      | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 6.25 |         |
| 72  | 340072 | 022210006865 | NGUYỄN ANH CUỒNG     | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.25         | 2.2   | 1.25 |         |
| 73  | 340073 | 022310004059 | LÊ NGỌC DIỄM         | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 4.5  |         |
| 74  | 340074 | 022310006829 | NGUYỄN HUYỀN DIỆU    | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 3.0          | 5.6   | 6.25 |         |
| 75  | 340075 | 022310011671 | NGUYỄN NGỌC DIỆU     | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.0  |         |
| 76  | 340076 | 022210000539 | NGUYỄN THÀNH DOANH   | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.5          | 5.2   | 7.0  |         |
| 77  | 340077 | 022310007967 | NGUYỄN THỊ THỦY DUNG | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 7.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên         | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------|-----------|------------|------------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                |           |            |            |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 78  | 340078 | 022210011533 | ĐẶNG ANH       | DỪNG      | 24/03/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Mao Khê II      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 6.75 |          |
| 79  | 340079 | 022210003966 | HOÀNG MẠNH     | DỪNG      | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Khác             | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.25         | 7.0   | 8.0  |          |
| 80  | 340080 | 022210005476 | HOÀNG MẠNH     | DỪNG      | 06/09/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.5          | 2.4   | 3.25 |          |
| 81  | 340081 | 022210000314 | MẠC MINH       | DỪNG      | 29/08/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Mao Khê II      | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 5.25 |          |
| 82  | 340082 | 022210002630 | NGUYỄN TRUNG   | DỪNG      | 18/11/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.5          | 4.2   | 6.25 |          |
| 83  | 340083 | 022210012368 | TRẦN QUỐC      | DỪNG      | 30/03/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 2.5  |          |
| 84  | 340084 | 252210000081 | ĐỖ PHÚC        | DUY       | 17/04/2010 | CH Séc     |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 85  | 340085 | 022210007666 | NGUYỄN KHÁNH   | DUY       | 16/09/2010 | Hải Dương  |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 4.5  |          |
| 86  | 340086 | 022210008691 | NGUYỄN KIÊN    | DUY       | 26/09/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.5  |          |
| 87  | 340087 | 022210012100 | TRẦN KHÁNH     | DUY       | 19/12/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 6.75 |          |
| 88  | 340088 | 022210006357 | VŨ THÀNH       | DUY       | 14/11/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 4.75 |          |
| 89  | 340089 | 022310005774 | BÙI THỦY       | DƯƠNG     | 02/01/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.0  |          |
| 90  | 340090 | 022310006033 | HOÀNG THỊ ANH  | DƯƠNG     | 13/09/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 7.75 |          |
| 91  | 340091 | 022310005871 | LƯU NGUYỄN ANH | DƯƠNG     | 12/08/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 6.25 |          |
| 92  | 340092 | 022310009826 | NGUYỄN THUỶ    | DƯƠNG     | 19/02/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.0  |          |
| 93  | 340093 | 022210012512 | NGUYỄN TIẾN    | DƯƠNG     | 12/06/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.25 |          |
| 94  | 340094 | 022310000245 | TRẦN THỊ ANH   | DƯƠNG     | 13/09/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 4.75 |          |
| 95  | 340095 | 022310003296 | TRẦN THỊ THỦY  | DƯƠNG     | 13/10/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 4.75 |          |
| 96  | 340096 | 022210010989 | TRẦN VĂN       | ĐẠI       | 21/11/2010 | Bắc Giang  |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 7.0  |          |
| 97  | 340097 | 022210007945 | BÙI THÀNH      | ĐẠT       | 29/06/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 6.25 |          |
| 98  | 340098 | 022210007470 | ĐINH TIẾN      | ĐẠT       | 20/01/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 6.0  |          |
| 99  | 340099 | 022210009258 | GIANG TIẾN     | ĐẠT       | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Hoa              | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.25 |          |
| 100 | 340100 | 022210000329 | HOÀNG TIẾN     | ĐẠT       | 20/05/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 2.5          | 4.2   | 5.75 |          |
| 101 | 340101 | 022210007452 | NGÔ TIẾN       | ĐẠT       | 10/03/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.4   | 5.5  |          |
| 102 | 340102 | 022210007966 | PHẠM CÔNG      | ĐẠT       | 13/09/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 6.0  |          |
| 103 | 340103 | 022210011532 | PHẠM TIẾN      | ĐẠT       | 22/07/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 3.75 |          |
| 104 | 340104 | 022210003948 | VŨ TRỌNG       | ĐẠT       | 30/07/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 5.25 |          |
| 105 | 340105 | 022210002111 | NGUYỄN PHÚC    | ĐĂNG      | 14/11/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 4.25 |          |
| 106 | 340106 | 022210003984 | HOÀNG ANH      | ĐỨC       | 06/04/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 7.0  |          |
| 107 | 340107 | 022210004351 | LÊ MINH        | ĐỨC       | 10/10/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 6.75 |          |
| 108 | 340108 | 022210010918 | NGÔ NHÂN       | ĐỨC       | 23/08/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.25         | 6.4   | 6.75 |          |
| 109 | 340109 | 022210000324 | TRẦN ANH       | ĐỨC       | 19/06/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 110 | 340110 | 030210000518 | VŨ MINH        | ĐỨC       | 04/02/2010 | Hải Dương  |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 7.5  |          |
| 111 | 340111 | 022210004577 | NGUYỄN PHÚC    | ĐƯỢC      | 23/12/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 3.75 |          |
| 112 | 340112 | 022310002626 | PHẠM HƯƠNG     | GIANG     | 16/08/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 7.0  |          |
| 113 | 340113 | 022310006740 | HOÀNG NGỌC     | HÀ        | 06/08/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 5.75 |          |
| 114 | 340114 | 022310002161 | HOÀNG THANH    | HÀ        | 20/11/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 5.75 |          |
| 115 | 340115 | 022310009506 | HOÀNG THỊ NGỌC | HÀ        | 11/11/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.5  |          |
| 116 | 340116 | 022310005781 | NGÔ THÁI       | HÀ        | 22/06/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.75         | 7.0   | 5.5  |          |
| 117 | 340117 | 022310001416 | NGUYỄN KHÁNH   | HÀ        | 22/01/2010 | Quảng Ninh |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 5.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 118 | 340118 | 022310007386 | NGUYỄN NGỌC HÀ        | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 5.0  |         |
| 119 | 340119 | 022310002534 | NGUYỄN NGỌC HÀ        | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 5.75 |         |
| 120 | 340120 | 022310001593 | NGUYỄN THU HÀ         | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 6.25 |         |
| 121 | 340121 | 022310007768 | PHẠM NGỌC HÀ          | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.75 |         |
| 122 | 340122 | 022310007829 | TRƯƠNG KHÁNH HẠ       | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 5.25 |         |
| 123 | 340123 | 030210009388 | ĐOÀN DUY HẢI          | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 5.25 |         |
| 124 | 340124 | 022210005244 | PHẠM TIẾN NAM HẢI     | 05/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.0  |         |
| 125 | 340125 | 034210001374 | TRẦN HOÀNG HẢI        | 13/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.75 |         |
| 126 | 340126 | 022210002742 | TRẦN THANH HẢI        | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 6.5  |         |
| 127 | 340127 | 022310006687 | BÙI DIỄM HẰNG         | 11/06/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 4.75 |         |
| 128 | 340128 | 022310002063 | NGUYỄN MINH HẰNG      | 15/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 8.25         | 8.2   | 6.5  |         |
| 129 | 340129 | 022310007273 | NGUYỄN THU HẰNG       | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 5.25         | 2.2   | 2.5  |         |
| 130 | 340130 | 022310000284 | PHÙNG MINH HẰNG       | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 8.75 |         |
| 131 | 340131 | 022310004055 | NGUYỄN GIA HÂN        | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 4.75 |         |
| 132 | 340132 | 022310000603 | NGUYỄN GIA HÂN        | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II     | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 3.5  |         |
| 133 | 340133 | 022310005473 | NGUYỄN NGỌC HÂN       | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 5.0  |         |
| 134 | 340134 | 022310000283 | PHẠM NGỌC HÂN         | 18/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 4.75 |         |
| 135 | 340135 | 022310008509 | LÊ THẢO HIỀN          | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 6.25         | 9.4   | 7.75 |         |
| 136 | 340136 | 022310001261 | TRẦN THỊ THU HIỀN     | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 7.5  |         |
| 137 | 340137 | 022210009058 | CHIỀU MINH HIẾU       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 3.0  |         |
| 138 | 340138 | 038210000991 | LÊ NGỌC HIẾU          | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 2.5  |         |
| 139 | 340139 | 022210001601 | NGUYỄN ĐỨC HIẾU       | 27/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.25 |         |
| 140 | 340140 | 022210000127 | NGUYỄN ĐỨC HIẾU       | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.5  |         |
| 141 | 340141 | 022210009207 | NGUYỄN MINH HIẾU      | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 6.25 |         |
| 142 | 340142 | 022210002539 | NGUYỄN THANH HIẾU     | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 4.5  |         |
| 143 | 340143 | 022210008169 | TRẦN TRUNG HIẾU       | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.25         | 2.6   | 4.75 |         |
| 144 | 340144 | 022210006813 | VŨ MINH HIẾU          | 23/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.5  |         |
| 145 | 340145 | 022310006954 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 7.0  |         |
| 146 | 340146 | 022310006731 | NGUYỄN THỊ HÒA        | 21/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.5  |         |
| 147 | 340147 | 022310010040 | ĐẶNG THU HOÀI         | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 5.5  |         |
| 148 | 340148 | 022310002840 | TRẦN NGỌC HOÀN        | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 7.0          | 2.8   | 5.25 |         |
| 149 | 340149 | 022210002915 | BÊ ĐỨC HOÀNG          | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây              | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 2.75 |         |
| 150 | 340150 | 022210000304 | BÙI MINH HOÀNG        | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.5  |         |
| 151 | 340151 | 022210003877 | ĐÀO HUY HOÀNG         | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 5.5  |         |
| 152 | 340152 | 022210007000 | LÊ VIỆT HOÀNG         | 20/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 5.75 |         |
| 153 | 340153 | 022210011167 | MẠC HUY HOÀNG         | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 4.5  |         |
| 154 | 340154 | 022210008424 | NGUYỄN DUY HOÀNG      | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.25         | 2.4   | 4.0  |         |
| 155 | 340155 | 022210000688 | TRẦN HUY HOÀNG        | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 4.25         | 2.2   | 2.25 |         |
| 156 | 340156 | 022310006272 | HOÀNG THU HỒNG        | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.5  |         |
| 157 | 340157 | 022310002622 | NGUYỄN THỊ HỒNG       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 5.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 158 | 340158 | 022310000188 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | HÔNG  | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 5.25 |          |
| 159 | 340159 | 022210006575 | LƯU VIỆT          | HÙNG  | 31/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.5  |          |
| 160 | 340160 | 022210009976 | NGUYỄN MINH       | HÙNG  | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 7.0  |          |
| 161 | 340161 | 022210010969 | ĐÀO PHƯƠNG        | HUY   | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.25         | 3.4   | 3.5  |          |
| 162 | 340162 | 022210011386 | ĐẶNG TRẦN GIA     | HUY   | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 5.25 |          |
| 163 | 340163 | 022210009833 | TRẦN GIA          | HUY   | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 3.25         | 6.8   | 5.0  |          |
| 164 | 340164 | 022310008767 | BÙI THỊ THANH     | HUYỀN | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 6.5  |          |
| 165 | 340165 | 022310007234 | ĐỖ LÊ MỸ          | HUYỀN | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 5.25 |          |
| 166 | 340166 | 022310008255 | NGÔ KHÁNH         | HUYỀN | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.75         | 6.4   | 5.5  |          |
| 167 | 340167 | 022310003497 | NGUYỄN KHÁNH      | HUYỀN | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 1.5  |          |
| 168 | 340168 | 022310012056 | NGUYỄN KHÁNH      | HUYỀN | 07/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.75         | 3.6   | 4.75 |          |
| 169 | 340169 | 022310011902 | NGUYỄN THỊ THANH  | HUYỀN | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 5.25 |          |
| 170 | 340170 | 022310001299 | NGUYỄN THU        | HUYỀN | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.25 |          |
| 171 | 340171 | 022310000911 | NGUYỄN THU        | HUYỀN | 10/10/2010 | Bình Dương | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.75 |          |
| 172 | 340172 | 022310005501 | PHẠM NGỌC         | HUYỀN | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 4.5  |          |
| 173 | 340173 | 001310001719 | TRẦN THỊ THANH    | HUYỀN | 15/03/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.0  |          |
| 174 | 340174 | 022210000297 | BÙI VŨ PHÚC       | HÙNG  | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 6.5  |          |
| 175 | 340175 | 022210012338 | NGUYỄN HOÀNG GIA  | HÙNG  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 2.25 |          |
| 176 | 340176 | 022310009039 | TRẦN QUỲNH        | HƯƠNG | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 5.5  |          |
| 177 | 340177 | 022310008756 | VŨ THỊ MAI        | HƯƠNG | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 5.0  |          |
| 178 | 340178 | 022210012372 | TRẦN QUANG        | KHÁI  | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 179 | 340179 | 022210007411 | BÙI DUY           | KHANH | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 5.0  |          |
| 180 | 340180 | 022210009914 | PHẠM TRẦN         | KHANH | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.5  |          |
| 181 | 340181 | 022210012602 | ĐÀM NGỌC          | KHÁNH | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 6.25 |          |
| 182 | 340182 | 022210003932 | HOÀNG DUY         | KHÁNH | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 183 | 340183 | 022210006863 | LƯU NAM           | KHÁNH | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 7.25 |          |
| 184 | 340184 | 022210005388 | NGUYỄN NAM        | KHÁNH | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.75 |          |
| 185 | 340185 | 022210002170 | PHẠM HẢI NAM      | KHÁNH | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 7.5  |          |
| 186 | 340186 | 022310000950 | PHẠM HOÀNG        | KHÁNH | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 4.5  |          |
| 187 | 340187 | 022210000426 | PHẠM VĂN          | KHÁNH | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.4   | 6.5  |          |
| 188 | 340188 | 022210000313 | TRẦN DUY          | KHÁNH | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.0          | 2.6   | 5.25 |          |
| 189 | 340189 | 022210006685 | VŨ GIA            | KHÁNH | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.8   | 6.5  |          |
| 190 | 340190 | 022210004797 | VŨ NAM            | KHÁNH | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 5.0  |          |
| 191 | 340191 | 022210004985 | MẠC TỰ            | KHOA  | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.0          | 5.4   | 5.0  |          |
| 192 | 340192 | 022210007566 | BÙI ĐỨC           | KIÊN  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 7.5  |          |
| 193 | 340193 | 022210007465 | NGUYỄN TRUNG      | KIÊN  | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 9.0   | 8.5  |          |
| 194 | 340194 | 022210008462 | NGUYỄN TRUNG      | KIÊN  | 28/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.5  |          |
| 195 | 340195 | 022210009256 | ĐÌNH TUẤN         | KIỆT  | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 3.25         | 3.4   | 3.0  |          |
| 196 | 340196 | 022210000194 | HOÀNG TUẤN        | KIỆT  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.5  |          |
| 197 | 340197 | 022210004874 | NGUYỄN TUẤN       | KIỆT  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |      |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 198 | 340198 | 022210003569 | TRẦN ANH          | KIỆT | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 3.25         | 4.6   | 3.5  |         |
| 199 | 340199 | 022210007903 | ĐÀM THÁI          | LAI  | 14/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 4.5  |         |
| 200 | 340200 | 033310011776 | LƯU TRƯỞNG MAI    | LAN  | 09/03/2010 | Hưng Yên   | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 201 | 340201 | 022210007280 | LỤC SƠN           | LÂM  | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng             | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.5          | 9.6   | 6.5  |         |
| 202 | 340202 | 022210004900 | NGÔ THÀNH         | LÂM  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.25 |         |
| 203 | 340203 | 022210007737 | NGUYỄN ĐỨC BẢO    | LÂM  | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 5.0          | 6.8   | 7.25 |         |
| 204 | 340204 | 022210009847 | NGUYỄN THANH      | LÂM  | 30/12/2010 | Hải Phòng  | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.0          | 7.8   | 7.75 |         |
| 205 | 340205 | 022210007358 | TRẦN HOÀNG        | LÂM  | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 5.5  |         |
| 206 | 340206 | 022310000340 | NGUYỄN THỊ HỒNG   | LIÊN | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 2.5  |         |
| 207 | 340207 | 022310009899 | BÙI DIỆU          | LINH | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.5          | 5.8   | 5.5  |         |
| 208 | 340208 | 022310012705 | BÙI NGUYỄN PHƯƠNG | LINH | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 3.5  |         |
| 209 | 340209 | 022310009172 | CHU KHÁNH         | LINH | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 2.25 |         |
| 210 | 340210 | 022310006017 | ĐƯƠNG THỊ HÀ      | LINH | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 5.75 |         |
| 211 | 340211 | 022310001943 | ĐÀO THÁI          | LINH | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 5.25 |         |
| 212 | 340212 | 022310003539 | ĐÀO THỦY          | LINH | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 4.25 |         |
| 213 | 340213 | 022310004421 | ĐOÀN NGUYỄN KHÁNH | LINH | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.5  |         |
| 214 | 340214 | 022310001519 | ĐOÀN THỦY         | LINH | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.0  |         |
| 215 | 340215 | 022310004026 | HOÀNG DIỆU        | LINH | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 7.0  |         |
| 216 | 340216 | 022310005505 | LÊ KHÁNH          | LINH | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 7.75 |         |
| 217 | 340217 | 022310002631 | LÊ PHƯƠNG         | LINH | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 4.0  |         |
| 218 | 340218 | 022310003778 | LÊ THỊ HÀ         | LINH | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.5          | 7.2   | 8.0  |         |
| 219 | 340219 | 022310007563 | LÊ THỦY           | LINH | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.25 |         |
| 220 | 340220 | 022310006263 | NGÔ THỦY          | LINH | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II      | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.75 |         |
| 221 | 340221 | 022310004795 | NGUYỄN HÀ         | LINH | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 7.75 |         |
| 222 | 340222 | 022310001457 | NGUYỄN HOÀNG BẢO  | LINH | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II      | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 6.75 |         |
| 223 | 340223 | 022310001415 | NGUYỄN HUYỀN      | LINH | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.5          | 9.2   | 7.25 |         |
| 224 | 340224 | 022310009009 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 5.0  |         |
| 225 | 340225 | 022310008475 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 4.25 |         |
| 226 | 340226 | 022310008113 | NGUYỄN KHÁNH      | LINH | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Mạo Khê II      | Tiếng Anh | 4.75         | 5.4   | 5.75 |         |
| 227 | 340227 | 022310003967 | NGUYỄN THỦY       | LINH | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 5.75 |         |
| 228 | 340228 | 022210000320 | PHẠM HUY          | LINH | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 6.5  |         |
| 229 | 340229 | 022310000299 | TRẦN HÀ TÀI       | LINH | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.5          | 8.0   | 5.25 |         |
| 230 | 340230 | 022310003454 | TRẦN KHÁNH        | LINH | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.25         | 7.0   | 8.0  |         |
| 231 | 340231 | 022310003353 | TRẦN MAI          | LINH | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.5          | 3.6   | 4.75 |         |
| 232 | 340232 | 022310008124 | TRẦN THỦY         | LINH | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.5  |         |
| 233 | 340233 | 022310007690 | TRƯƠNG HÀ         | LINH | 04/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 3.25         | 1.6   | 0.5  |         |
| 234 | 340234 | 022310008647 | VŨ THUỶ           | LINH | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 7.25 |         |
| 235 | 340235 | 022310004312 | VŨ THỦY           | LINH | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 6.75 |         |
| 236 | 340236 | 022310003931 | VŨ THỊ MAI        | LOAN | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.25 |         |
| 237 | 340237 | 022210011158 | ĐOÀN THÀNH        | LONG | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.5  |         |



**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 238 | 340238 | 022210011595 | LÊ THANH LONG         | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 6.25 |         |
| 239 | 340239 | 022210006649 | NGUYỄN ĐỨC LONG       | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.4   | 7.25 |         |
| 240 | 340240 | 022210006565 | NGUYỄN HOÀNG ĐỨC LONG | 15/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 9.0  |         |
| 241 | 340241 | 022210006941 | NGUYỄN THÀNH LONG     | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 6.5  |         |
| 242 | 340242 | 022210011670 | NGUYỄN VŨ HOÀNG LONG  | 20/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 9.0  |         |
| 243 | 340243 | 022210008532 | NGÔ XUÂN TÙNG LỘC     | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 6.0  |         |
| 244 | 340244 | 022310010829 | ĐÀO THỊ KHÁNH LY      | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 2.5  |         |
| 245 | 340245 | 022310006315 | NGÔ KHÁNH LY          | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.25 |         |
| 246 | 340246 | 022310006254 | NGUYỄN CẨM LY         | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 3.25         | 6.0   | 6.25 |         |
| 247 | 340247 | 022310000501 | NGUYỄN KHÁNH LY       | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.5          | 3.0   | 6.0  |         |
| 248 | 340248 | 025310001801 | NGUYỄN KHÁNH LY       | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 3.75 |         |
| 249 | 340249 | 022310011924 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LY   | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.0  |         |
| 250 | 340250 | 022310006580 | NGUYỄN HOÀNG MAI      | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.5  |         |
| 251 | 340251 | 022310002244 | NGUYỄN NGỌC MAI       | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 5.75 |         |
| 252 | 340252 | 022310002028 | NGUYỄN XUÂN MAI       | 25/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.5          | 2.0   | 3.25 |         |
| 253 | 340253 | 022310003990 | PHẠM HOÀNG MAI        | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 7.5  |         |
| 254 | 340254 | 022310007169 | VŨ THỊ NGỌC MAI       | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 4.0  |         |
| 255 | 340255 | 022210009453 | NGUYỄN ĐỨC MẠNH       | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.0          | 2.2   | 6.0  |         |
| 256 | 340256 | 022210002203 | TRỊNH XUÂN MẠNH       | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.5          | 5.2   | 5.5  |         |
| 257 | 340257 | 022310004907 | LÊ THỊ HÀ MI          | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 4.75 |         |
| 258 | 340258 | 022210003657 | CAO NHẬT MINH         | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.0          | 3.8   | 2.75 |         |
| 259 | 340259 | 022210007007 | ĐỖ TUỆ MINH           | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.0          | 7.8   | 4.5  |         |
| 260 | 340260 | 022210003825 | HÀ NHẬT MINH          | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 4.0  |         |
| 261 | 340261 | 002210000656 | NGUYỄN BÌNH MINH      | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.0  |         |
| 262 | 340262 | 022210009022 | NGUYỄN ĐỨC MINH       | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.75 |         |
| 263 | 340263 | 022210008501 | NGUYỄN NHẬT MINH      | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 2.25 |         |
| 264 | 340264 | 022210008129 | NGUYỄN TRẦN NGỌC MINH | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 6.25 |         |
| 265 | 340265 | 030210020075 | PHẠM NGỌC MINH        | 07/02/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 7.0  |         |
| 266 | 340266 | 022210011580 | PHẠM QUANG MINH       | 09/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 7.25 |         |
| 267 | 340267 | 022210006621 | PHẠM VĂN QUỐC MINH    | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 5.0  |         |
| 268 | 340268 | 022310000237 | THẦN ĐỖ THUỶ MINH     | 01/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 5.25 |         |
| 269 | 340269 | 022210004472 | TRẦN DUY MINH         | 05/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 8.0  |         |
| 270 | 340270 | 022210009801 | TRẦN QUANG MINH       | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 3.0          | 4.6   | 7.75 |         |
| 271 | 340271 | 022310005061 | TRẦN THỊ MINH         | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.5  |         |
| 272 | 340272 | 077210005935 | VŨ ĐỨC MINH           | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.0  |         |
| 273 | 340273 | 022210010682 | VŨ HẢI MINH           | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 6.25 |         |
| 274 | 340274 | 022210009671 | VŨ NHẬT MINH          | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 6.0  |         |
| 275 | 340275 | 022310001327 | ĐƯƠNG HÀ MY           | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.75         | 4.4   | 4.75 |         |
| 276 | 340276 | 022310008283 | ĐỖ TRÀ MY             | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.0          | 3.4   | 4.0  |         |
| 277 | 340277 | 022310000304 | NGUYỄN VŨ TRÀ MY      | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.0          | 3.0   | 2.5  |         |

## Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên             |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|--------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                    |        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 278 | 340278 | 034310005541 | PHẠM NGUYỄN HÀ     | MY     | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 5.0  |         |
| 279 | 340279 | 051310000769 | THIỆU VÕ HÀ        | MY     | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 7.25 |         |
| 280 | 340280 | 022310003551 | TRẦN THỊ HÀ        | MY     | 06/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 4.0  |         |
| 281 | 340281 | 022310002584 | VƯƠNG THỊ TRÀ      | MY     | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 3.25         | 5.4   | 3.0  |         |
| 282 | 340282 | 022210005944 | DƯƠNG ĐỨC          | NAM    | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 3.25 |         |
| 283 | 340283 | 022210008958 | ĐẶNG THÊ HẢI       | NAM    | 26/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 1.5          | 3.4   | 4.25 |         |
| 284 | 340284 | 022210004137 | ĐỖ THÀNH           | NAM    | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 6.5  |         |
| 285 | 340285 | 022210003599 | HOÀNG HẢI          | NAM    | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.25         | 3.6   | 6.0  |         |
| 286 | 340286 | 022210008759 | NGUYỄN HẢI         | NAM    | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 8.0  |         |
| 287 | 340287 | 022210013238 | NGUYỄN HẢI         | NAM    | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 5.75 |         |
| 288 | 340288 | 022210000325 | PHẠM TIẾN          | NAM    | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 8.0  |         |
| 289 | 340289 | 022210005212 | VŨ KHÁNH HẢI       | NAM    | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 7.0  |         |
| 290 | 340290 | 022210002970 | VŨ VIỆT            | NAM    | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 3.25 |         |
| 291 | 340291 | 022310000308 | BÙI THU            | NGA    | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 4.75 |         |
| 292 | 340292 | 022310007507 | HÀ THÚY            | NGA    | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 7.75         | 9.0   | 6.75 |         |
| 293 | 340293 | 022310004794 | NGUYỄN PHƯƠNG      | NGA    | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.5          | 5.2   | 5.75 |         |
| 294 | 340294 | 030310000491 | ĐỖ KIM             | NGÂN   | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.8   | 9.0  |         |
| 295 | 340295 | 022310004522 | NGÔ THANH          | NGÂN   | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 5.0  |         |
| 296 | 340296 | 022310004891 | NGUYỄN HOÀNG       | NGÂN   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 4.75 |         |
| 297 | 340297 | 022310003954 | NGUYỄN HOÀNG KHÁNH | NGÂN   | 22/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.25 |         |
| 298 | 340298 | 022310003006 | NGUYỄN KIM         | NGÂN   | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.75 |         |
| 299 | 340299 | 022310009193 | PHẠM BÌNH          | NGÂN   | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 8.25         | 7.6   | 7.75 |         |
| 300 | 340300 | 022310007370 | PHẠM KIỀU          | NGÂN   | 27/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 1.5  |         |
| 301 | 340301 | 022310007096 | TÔ THỊ KIM         | NGÂN   | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.25 |         |
| 302 | 340302 | 022210006842 | ĐỖ TRỌNG           | NGHĨA  | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 3.25 |         |
| 303 | 340303 | 024210000057 | NGUYỄN TRỌNG       | NGHĨA  | 29/07/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 5.5  |         |
| 304 | 340304 | 022210002870 | TRẦN TRỌNG         | NGHĨA  | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.5  |         |
| 305 | 340305 | 022310000255 | BÙI MINH           | NGỌC   | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.75         | 7.4   | 5.0  |         |
| 306 | 340306 | 022310012696 | BÙI THỊ KHÁNH      | NGỌC   | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 2.5  |         |
| 307 | 340307 | 022310005809 | ĐÀO NHƯ            | NGỌC   | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 3.5  |         |
| 308 | 340308 | 022310001371 | ĐOÀN BẢO           | NGỌC   | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.25 |         |
| 309 | 340309 | 022310005287 | NGÔ BẢO            | NGỌC   | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.75 |         |
| 310 | 340310 | 022310012629 | NGÔ THIỆU BẢO      | NGỌC   | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 8.25 |         |
| 311 | 340311 | 022310006700 | NGUYỄN BẢO         | NGỌC   | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 2.25 |         |
| 312 | 340312 | 022310000295 | NGUYỄN THU         | NGỌC   | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 2.25 |         |
| 313 | 340313 | 022210004735 | NGUYỄN TUẤN        | NGỌC   | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 7.75 |         |
| 314 | 340314 | 022310008217 | VŨ BÍCH            | NGỌC   | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.25 |         |
| 315 | 340315 | 022210007817 | BẠCH TRUNG         | NGUYỄN | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường            | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 7.75 |         |
| 316 | 340316 | 030210018421 | VŨ THANH           | NGUYỄN | 08/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Mạo Khê II      | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 5.75 |         |
| 317 | 340317 | 022310007415 | NGUYỄN HÀ THANH    | NGUYỆT | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 5.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 318 | 340318 | 022310006781 | NGUYỄN THỊ ÁNH   | NGUYỆT | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 7.0  |         |
| 319 | 340319 | 022310004519 | TRẦN THỊ MINH    | NGUYỆT | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 4.25 |         |
| 320 | 340320 | 022310010846 | TRỊNH MINH       | NGUYỆT | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 5.5  |         |
| 321 | 340321 | 022310007087 | NGUYỄN THANH     | NHÂN   | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 5.0  |         |
| 322 | 340322 | 022210010255 | ĐÀO ĐỨC          | NHÂN   | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.25         | 8.2   | 8.5  |         |
| 323 | 340323 | 022210003799 | BÙI LONG         | NHẬT   | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 6.0  |         |
| 324 | 340324 | 022310010673 | ĐỒNG THẢO        | NHI    | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.2   | 6.0  |         |
| 325 | 340325 | 022310000297 | LƯU TUYẾT        | NHI    | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 7.25 |         |
| 326 | 340326 | 022310001935 | NGUYỄN NGỌC      | NHI    | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 5.0  |         |
| 327 | 340327 | 022310002611 | NGUYỄN TUYẾT     | NHI    | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 3.75         | 6.0   | 5.0  |         |
| 328 | 340328 | 022310011136 | NGUYỄN YẾN       | NHI    | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 4.75 |         |
| 329 | 340329 | 022310010157 | NGUYỄN YẾN       | NHI    | 09/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 1.75 |         |
| 330 | 340330 | 022310009697 | PHẠM YẾN         | NHI    | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 2.25 |         |
| 331 | 340331 | 034310004782 | PHẠM YẾN         | NHI    | 24/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 6.5  |         |
| 332 | 340332 | 022310000644 | LÊ THỊ TUYẾT     | NHUNG  | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 7.25 |         |
| 333 | 340333 | 022310008191 | BÙI DIỄM         | NHƯ    | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 6.5  |         |
| 334 | 340334 | 022310009713 | LƯƠNG TỔ         | NHƯ    | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 5.75 |         |
| 335 | 340335 | 022210008348 | NGUYỄN ĐỨC       | NINH   | 31/03/2010 | Hà Nam     | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 4.5  |         |
| 336 | 340336 | 022310001695 | HOÀNG KIM        | OANH   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 5.5  |         |
| 337 | 340337 | 022310006843 | LÊ THỊ KIỀU      | OANH   | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 4.0  |         |
| 338 | 340338 | 022210000398 | BÙI GIA          | OÁNH   | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.5          | 2.4   | 4.0  |         |
| 339 | 340339 | 022210000079 | NGUYỄN ĐỨC       | PHÁT   | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 8.0  |         |
| 340 | 340340 | 022210012421 | NGUYỄN THÀNH     | PHÁT   | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 6.25 |         |
| 341 | 340341 | 022210005801 | ĐÀO DUY          | PHONG  | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 7.25 |         |
| 342 | 340342 | 022210007181 | LƯU HOÀNG        | PHONG  | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.0   | 7.5  |         |
| 343 | 340343 | 022210012088 | NGÔ NGUYỄN       | PHONG  | 02/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 6.25 |         |
| 344 | 340344 | 022210009719 | LÊ ĐẠT           | PHÚ    | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 6.0  |         |
| 345 | 340345 | 022210006602 | NGÔ ĐÌNH         | PHÚC   | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.5          | 7.8   | 7.25 |         |
| 346 | 340346 | 022210007878 | NGUYỄN HOÀNG     | PHÚC   | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 1.25         | 2.0   | 2.0  |         |
| 347 | 340347 | 022210000354 | NGUYỄN TIẾN      | PHÚC   | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 2.75         | 7.2   | 3.75 |         |
| 348 | 340348 | 022310004146 | PHẠM THỊ         | PHÚC   | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 2.0  |         |
| 349 | 340349 | 022310011079 | HOÀNG MAI        | PHƯƠNG | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 8.5  |         |
| 350 | 340350 | 022310007356 | LÊ THỊ THU       | PHƯƠNG | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.25 |         |
| 351 | 340351 | 022310004232 | NGÔ THỊ THU      | PHƯƠNG | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 5.75 |         |
| 352 | 340352 | 022310000232 | NGUYỄN KỶ        | PHƯƠNG | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.0  |         |
| 353 | 340353 | 022310008652 | NGUYỄN NGỌC MINH | PHƯƠNG | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 5.25 |         |
| 354 | 340354 | 022310001786 | NGUYỄN THANH     | PHƯƠNG | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.2   | 2.25 |         |
| 355 | 340355 | 022310007159 | NGUYỄN THỊ MAI   | PHƯƠNG | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 8.25 |         |
| 356 | 340356 | 022310010762 | NGUYỄN THỊ MINH  | PHƯƠNG | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 8.25         | 8.0   | 7.5  |         |
| 357 | 340357 | 022310007736 | PHẠM MAI         | PHƯƠNG | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 5.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 358 | 340358 | 022310003844 | TRẦN HẠNH PHƯƠNG       | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.25 |         |
| 359 | 340359 | 022310007336 | VŨ THỊ HÀ PHƯƠNG       | 17/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 4.0  |         |
| 360 | 340360 | 022310000629 | VŨ THỊ QUỲNH           | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 3.5  |         |
| 361 | 340361 | 022210004188 | LÊ ANH QUYỀN           | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 2.5  |         |
| 362 | 340362 | 022310004836 | DƯƠNG NHƯ QUỲNH        | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 6.25 |         |
| 363 | 340363 | 022310002759 | HÀ ĐOÀN NHƯ QUỲNH      | 07/01/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 2.25 |         |
| 364 | 340364 | 022310006003 | NGÔ HƯƠNG QUỲNH        | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 8.5  |         |
| 365 | 340365 | 022310006689 | NGUYỄN HƯƠNG QUỲNH     | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 0.5  |         |
| 366 | 340366 | 022310000269 | NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH  | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 7.0          | 3.2   | 5.75 |         |
| 367 | 340367 | 022310006417 | NGUYỄN TRẦN NHƯ QUỲNH  | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 8.25         | 9.0   | 8.5  |         |
| 368 | 340368 | 022310001386 | VŨ NHƯ QUỲNH           | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 6.0  |         |
| 369 | 340369 | 022310001404 | NGUYỄN LINH SAN        | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.25 |         |
| 370 | 340370 | 022210011046 | NGUYỄN VĂN SANH        | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 3.25 |         |
| 371 | 340371 | 022210006281 | ĐINH HỮU THANH SƠN     | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 6.0  |         |
| 372 | 340372 | 022210008274 | HOÀNG VIỆT SƠN         | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 4.75 |         |
| 373 | 340373 | 022210000651 | LÊ TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN   | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 3.5          | 2.4   | 2.5  |         |
| 374 | 340374 | 022210010610 | LÊ TUẤN SƠN            | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 2.25         | 2.4   | 2.75 |         |
| 375 | 340375 | 022210005805 | PHẠM ĐÌNH TÀI          | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.5          | 9.2   | 8.25 |         |
| 376 | 340376 | 022210010400 | VŨ DUY TÂN             | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 3.0          | 3.8   | 2.5  |         |
| 377 | 340377 | 022310000143 | CAO NGỌC THÁI          | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 6.5  |         |
| 378 | 340378 | 022310000121 | NGÔ PHƯƠNG THANH       | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 6.75 |         |
| 379 | 340379 | 022310005834 | NGUYỄN DƯƠNG THANH     | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.0  |         |
| 380 | 340380 | 022210007164 | NGUYỄN TUẤN THÀNH      | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 4.25 |         |
| 381 | 340381 | 022210004009 | PHẠM CÔNG THÀNH        | 24/11/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 2.75 |         |
| 382 | 340382 | 022210001816 | PHẠM TIẾN THÀNH        | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.75         | 5.6   | 5.0  |         |
| 383 | 340383 | 022210012210 | PHẠM TUẤN THÀNH        | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.25         | 5.8   | 2.25 |         |
| 384 | 340384 | 022210000330 | TRẦN ANH THAO          | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 2.5          | 7.0   | 6.0  |         |
| 385 | 340385 | 022310011043 | BÙI PHƯƠNG THẢO        | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.6   | 6.75 |         |
| 386 | 340386 | 022310005363 | ĐOÀN PHƯƠNG THẢO       | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 3.0  |         |
| 387 | 340387 | 022310004614 | LÊ PHƯƠNG THẢO         | 12/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 5.5  |         |
| 388 | 340388 | 022310002174 | MẠC PHƯƠNG THẢO        | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.0  |         |
| 389 | 340389 | 022310007790 | NGUYỄN LƯU PHƯƠNG THẢO | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 7.5          | 3.8   | 3.25 |         |
| 390 | 340390 | 022310008049 | PHẠM LƯU PHƯƠNG THẢO   | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 3.75 |         |
| 391 | 340391 | 034310014817 | PHẠM THANH THẢO        | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 7.0  |         |
| 392 | 340392 | 022210006002 | NGÔ QUANG THẮNG        | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 7.75 |         |
| 393 | 340393 | 022210007713 | NGUYỄN ĐĂNG THỊNH      | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 5.5  |         |
| 394 | 340394 | 022210003005 | PHẠM ĐỨC THỊNH         | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 4.75 |         |
| 395 | 340395 | 022210012306 | VŨ VĂN THỊNH           | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 2.25         | 3.4   | 4.5  |         |
| 396 | 340396 | 022310000518 | NGUYỄN LÂM MINH THU    | 19/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.5          | 3.4   | 4.25 |         |
| 397 | 340397 | 022310007617 | NGUYỄN MAI THU         | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 3.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 398 | 340398 | 022210004714 | NGÔ HUY THUẬN          | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 7.25 |         |
| 399 | 340399 | 022310004115 | NGUYỄN THỊ THANH THỦY  | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 6.75 |         |
| 400 | 340400 | 022310006081 | TRẦN THANH THỦY        | 19/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 4.5  |         |
| 401 | 340401 | 030310008559 | TRẦN VŨ THU THỦY       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 4.75 |         |
| 402 | 340402 | 022310010406 | BÙI THANH THÚY         | 05/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 6.75 |         |
| 403 | 340403 | 022310004308 | ĐOÀN ANH THƯ           | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 5.0  |         |
| 404 | 340404 | 022310001086 | LÊ THỊ ANH THƯ         | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 8.0          | 4.6   | 4.25 |         |
| 405 | 340405 | 022310011179 | MẠC MINH THƯ           | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 3.75 |         |
| 406 | 340406 | 022310000241 | NGUYỄN ANH THƯ         | 09/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.75         | 8.8   | 8.0  |         |
| 407 | 340407 | 022310011840 | NGUYỄN MINH THƯ        | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 8.0  |         |
| 408 | 340408 | 022310007228 | NGUYỄN MINH THƯ        | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.75         | 7.2   | 7.5  |         |
| 409 | 340409 | 022310008046 | NGUYỄN THỊ ANH THƯ     | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 8.5  |         |
| 410 | 340410 | 022310008347 | NGUYỄN THỊ ANH THƯ     | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 5.75 |         |
| 411 | 340411 | 022310012036 | PHẠM ANH THƯ           | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.25 |         |
| 412 | 340412 | 022310001115 | PHẠM MINH THƯ          | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 6.25 |         |
| 413 | 340413 | 022310004475 | PHẠM NGUYỄN ANH THƯ    | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 2.0          | 7.6   | 3.5  |         |
| 414 | 340414 | 022310005573 | TRẦN THỊ ANH THƯ       | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 5.5  |         |
| 415 | 340415 | 022310011486 | VŨ ANH THƯ             | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.75         | 7.2   | 5.5  |         |
| 416 | 340416 | 022310012673 | NGÔ THỊ THỦY TIẾN      | 31/12/2010 | Bình Dương | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 5.75 |         |
| 417 | 340417 | 022210009426 | TRẦN MẠNH TIẾN         | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 1.5  |         |
| 418 | 340418 | 022210004497 | TRẦN MẠNH TIẾN         | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 4.75         | 5.2   | 4.75 |         |
| 419 | 340419 | 022210012446 | VŨ HOÀNG TIẾN          | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.25         | 8.6   | 7.25 |         |
| 420 | 340420 | 040210006534 | NGUYỄN HỮU TOÀN        | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 2.75 |         |
| 421 | 340421 | 022310006770 | DƯƠNG THANH TRẢ        | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 8.0          | 8.0   | 7.5  |         |
| 422 | 340422 | 022310010760 | ĐOÀN HUYỀN TRANG       | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 7.5  |         |
| 423 | 340423 | 022310007604 | HOÀNG PHẠM HUYỀN TRANG | 27/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 7.25         | 3.2   | 5.5  |         |
| 424 | 340424 | 022310001405 | LÊ THỊ MAI TRANG       | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 3.25         | 5.8   | 4.0  |         |
| 425 | 340425 | 022310008779 | NGÔ MINH TRANG         | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 6.5  |         |
| 426 | 340426 | 022310010163 | NGÔ THỊ THU TRANG      | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 2.0  |         |
| 427 | 340427 | 022310004778 | NGUYỄN HÀ KIỀU TRANG   | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 7.0  |         |
| 428 | 340428 | 022310004730 | NGUYỄN HUYỀN TRANG     | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.0  |         |
| 429 | 340429 | 022310002175 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 3.5          | 2.8   | 3.0  |         |
| 430 | 340430 | 022310004145 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 6.0  |         |
| 431 | 340431 | 022310009006 | NGUYỄN THUỖ TRANG      | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 6.25 |         |
| 432 | 340432 | 022310000189 | PHẠM THỊ THU TRANG     | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 5.25 |         |
| 433 | 340433 | 022310001969 | PHẠM YẾN TRANG         | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 3.5  |         |
| 434 | 340434 | 022310003881 | VŨ CHU HUYỀN TRANG     | 26/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 3.75 |         |
| 435 | 340435 | 027310002260 | VŨ KIỀU TRANG          | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế      | Tiếng Anh | 6.5          | 6.0   | 5.75 |         |
| 436 | 340436 | 022310006150 | VŨ QUỲNH TRANG         | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ        | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 6.0  |         |
| 437 | 340437 | 022310000233 | ĐỖ THỦY TRÂM           | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức        | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám (22000724)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS          | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                      |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 438 | 340438 | 022310012654 | TRẦN NGỌC TRÂM         | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 4.5  |         |
| 439 | 340439 | 022210002086 | CAO ĐỨC TRÍ            | 27/05/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.5  |         |
| 440 | 340440 | 022210008261 | CAO ĐỨC TRÍ            | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.5  |         |
| 441 | 340441 | 022210004013 | NGUYỄN QUỐC TRIỆU      | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 7.0  |         |
| 442 | 340442 | 022210005497 | NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG      | 10/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 8.0  |         |
| 443 | 340443 | 022310010796 | TRẦN NHẬT THANH TRÚC   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 5.75 |         |
| 444 | 340444 | 022210010193 | NGUYỄN ĐỨC TRUNG       | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.5          | 8.0   | 7.5  |         |
| 445 | 340445 | 022210001686 | TRẦN THÀNH TRUNG       | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 4.0  |         |
| 446 | 340446 | 022210003624 | NGÔ TUẤN TRƯỜNG        | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 7.25 |         |
| 447 | 340447 | 022210001491 | VŨ TUẤN TÚ             | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 4.0   | 3.75 |         |
| 448 | 340448 | 022210003832 | ĐÀO QUANG TUẤN         | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 8.0  |         |
| 449 | 340449 | 022210000331 | TRẦN ANH TUẤN          | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 6.25 |         |
| 450 | 340450 | 022210002927 | VŨ ANH TUẤN            | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.0  |         |
| 451 | 340451 | 022210005895 | HOÀNG THANH TÙNG       | 05/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.75         | 2.4   | 5.25 |         |
| 452 | 340452 | 022310007347 | ĐÀO ÁNH TUYẾT          | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 7.0  |         |
| 453 | 340453 | 022310004577 | NGUYỄN THANH TUYẾT     | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 7.25         | 8.2   | 7.5  |         |
| 454 | 340454 | 022310000502 | NGÔ THU UYÊN           | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.4   | 3.0  |         |
| 455 | 340455 | 022310001079 | MẠC THANH VÂN          | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 5.25 |         |
| 456 | 340456 | 022310010170 | TRỊNH THỊ THANH VÂN    | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 6.75 |         |
| 457 | 340457 | 022310012602 | NGUYỄN BẢO VI          | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 8.0          | 9.2   | 8.5  |         |
| 458 | 340458 | 022210011726 | YÊN CHẤN VĨ            | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 5.75 |         |
| 459 | 340459 | 022210009732 | ĐẶNG ĐẠI VIỆT          | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 3.5  |         |
| 460 | 340460 | 022210002076 | NGUYỄN THÀNH VINH      | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.25 |         |
| 461 | 340461 | 022210001635 | TRẦN HỮU VINH          | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 4.75 |         |
| 462 | 340462 | 022210004770 | VI QUANG VINH          | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 4.5  |         |
| 463 | 340463 | 022210000630 | BÙI HỮU VŨ             | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 2.75 |         |
| 464 | 340464 | 022209004001 | BÙI MINH VŨ            | 26/12/2009 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 4.0          | 5.0   | 1.5  |         |
| 465 | 340465 | 022210001888 | PHẠM NGUYỄN ANH VŨ     | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 5.75 |         |
| 466 | 340466 | 022310010414 | HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG VY | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Tây   | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 2.5  |         |
| 467 | 340467 | 022310009049 | NGUYỄN TƯỜNG VY        | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 7.25 |         |
| 468 | 340468 | 022310011871 | TRƯƠNG NHẬT VY         | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 5.75 |         |
| 469 | 340469 | 024310000244 | VŨ NGỌC THẢO VY        | 12/01/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 8.5          | 9.2   | 8.5  |         |
| 470 | 340470 | 022310003939 | VƯƠNG KHÁNH VY         | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 3.5  |         |
| 471 | 340471 | 022310005451 | PHẠM ÁNH XUÂN          | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 6.75 |         |
| 472 | 340472 | 031310017216 | ĐỖ NGUYỄN NHƯ Ý        | 06/04/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Yên Đức         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 3.5  |         |
| 473 | 340473 | 022310009849 | HOÀNG BẢO YẾN          | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Yên Thọ         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 4.75 |         |
| 474 | 340474 | 022310008321 | LÊ HẢI YẾN             | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hồng Thái Đông  | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 4.25 |         |
| 475 | 340475 | 022310000798 | VĂN THỊ HẢI YẾN        | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hoàng Quế       | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.25 |         |

*(Danh sách này gồm có 475 thí sinh)*

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

| Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721) |        |              |                      |            |            |           |                  |                        |           |              |       |      |         |
|-------------------------------------------|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
| STT                                       | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|                                           |        |              |                      |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 1                                         | 350001 | 022210012216 | BÙI NGUYỄN HẢI AN    | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.6   | 8.25 |         |
| 2                                         | 350002 | 022310001140 | HOÀNG HẢI AN         | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 4.75 |         |
| 3                                         | 350003 | 022310001165 | NGÔ THUỖ AN          | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.5          | 7.0   | 6.0  |         |
| 4                                         | 350004 | 022210006810 | NGUYỄN CHÍ AN        | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.0  |         |
| 5                                         | 350005 | 068310001962 | NGUYỄN LÊ THỦY AN    | 21/05/2010 | Lâm Đồng   | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.5  |         |
| 6                                         | 350006 | 022310000246 | NGUYỄN NGUYỄN AN     | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.5  |         |
| 7                                         | 350007 | 022310006496 | NGUYỄN PHƯƠNG AN     | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 5.75 |         |
| 8                                         | 350008 | 022210010708 | PHẠM QUỐC AN         | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 4.5  |         |
| 9                                         | 350009 | 022210006460 | PHẠM THẾ AN          | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 8.25         | 6.8   | 7.5  |         |
| 10                                        | 350010 | 022310011854 | TRẦN THÚY AN         | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 7.25 |         |
| 11                                        | 350011 | 022210000359 | DƯƠNG ANH            | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 4.5          | 5.6   | 5.5  |         |
| 12                                        | 350012 | 022310002552 | DƯƠNG HỒNG ANH       | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Dìu          | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 2.5  |         |
| 13                                        | 350013 | 022210000225 | ĐÀM HOÀNG ANH        | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 5.5  |         |
| 14                                        | 350014 | 022210006411 | ĐÌNH HỒNG ANH        | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.5          | 7.4   | 7.0  |         |
| 15                                        | 350015 | 022310007074 | ĐÌNH NGUYỄN THẢO ANH | 06/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.0  |         |
| 16                                        | 350016 | 066210012442 | ĐÌNH TUẤN ANH        | 20/02/2010 | Đắk Lắk    | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 2.0          | 2.2   | 0.75 |         |
| 17                                        | 350017 | 037210009716 | ĐÌNH VIỆT ANH        | 24/02/2010 | Ninh Bình  | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 6.75 |         |
| 18                                        | 350018 | 022310003635 | HÀ KIỀU ANH          | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 6.25 |         |
| 19                                        | 350019 | 022310001972 | HỒ TRÂM ANH          | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.8   | 6.75 |         |
| 20                                        | 350020 | 022210000244 | LÊ ĐỨC ANH           | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 4.75         | 6.2   | 3.75 |         |
| 21                                        | 350021 | 030310003573 | LÊ HẢI ANH           | 21/03/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 6.25 |         |
| 22                                        | 350022 | 022310004161 | LÊ THỊ HẢI ANH       | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.0  |         |
| 23                                        | 350023 | 022310007023 | LÊ YẾN NGỌC ANH      | 10/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 3.25 |         |
| 24                                        | 350024 | 022310001703 | NGÔ THUỖ ANH         | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 6.0  |         |
| 25                                        | 350025 | 022310010772 | NGUYỄN MAI ANH       | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 7.75 |         |
| 26                                        | 350026 | 022310000176 | NGUYỄN NGỌC ANH      | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 6.0  |         |
| 27                                        | 350027 | 022310005277 | NGUYỄN NGỌC ANH      | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 7.2   | 7.75 |         |
| 28                                        | 350028 | 022310003171 | NGUYỄN PHẠM VĂN ANH  | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.5  |         |
| 29                                        | 350029 | 034310011334 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH    | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 5.0  |         |
| 30                                        | 350030 | 022310000288 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH    | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 7.25 |         |
| 31                                        | 350031 | 022310000354 | NGUYỄN THỊ KIỀU ANH  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 8.5  |         |
| 32                                        | 350032 | 022310000353 | NGUYỄN THỊ MAI ANH   | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 8.25 |         |
| 33                                        | 350033 | 022310008558 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |      | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |      |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 34  | 350034 | 022310010885 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | ANH  | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.5  |         |
| 35  | 350035 | 022310007119 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | ANH  | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.75 |         |
| 36  | 350036 | 022310006441 | NGUYỄN TRÂM       | ANH  | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 6.0  |         |
| 37  | 350037 | 022310004996 | NGUYỄN TRẦN HOÀNG | ANH  | 08/05/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 5.75 |         |
| 38  | 350038 | 022210009968 | NGUYỄN TUẤN       | ANH  | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 6.5  |         |
| 39  | 350039 | 022210001705 | NGUYỄN TUẤN       | ANH  | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 7.25 |         |
| 40  | 350040 | 022210003039 | NGUYỄN TUẤN       | ANH  | 29/01/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 6.75 |         |
| 41  | 350041 | 022210005061 | NGUYỄN TÙNG       | ANH  | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 4.5          | 6.2   | 7.25 |         |
| 42  | 350042 | 022210010227 | NGUYỄN VIỆT       | ANH  | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.0  |         |
| 43  | 350043 | 022210007390 | PHẠM TUẤN         | ANH  | 24/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 5.25 |         |
| 44  | 350044 | 022210012516 | TRẦN NGỌC         | ANH  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 6.5  |         |
| 45  | 350045 | 022310009465 | TRẦN THỊ KIỀU     | ANH  | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.25 |         |
| 46  | 350046 | 022310009671 | TRẦN THỊ NGỌC     | ANH  | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 6.0          | 7.0   | 7.0  |         |
| 47  | 350047 | 022310004358 | VŨ ĐẶNG NGỌC      | ANH  | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.25         | 8.6   | 8.25 |         |
| 48  | 350048 | 022310007296 | VŨ QUỲNH          | ANH  | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 8.0  |         |
| 49  | 350049 | 030310009147 | VŨ THỊ MAI        | ANH  | 06/02/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 2.0  |         |
| 50  | 350050 | 022210005524 | VŨ VIỆT           | ANH  | 18/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 3.0  |         |
| 51  | 350051 | 022310005782 | VƯƠNG THỊ MAI     | ANH  | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 5.0  |         |
| 52  | 350052 | 022310000286 | LÊ MINH           | ÁNH  | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 7.75 |         |
| 53  | 350053 | 022310011974 | NGUYỄN DIỆP       | ÁNH  | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 6.25 |         |
| 54  | 350054 | 022310009767 | NGUYỄN MINH       | ÁNH  | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 8.0  |         |
| 55  | 350055 | 022310003201 | VŨ THỊ NGỌC       | ÁNH  | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 5.25 |         |
| 56  | 350056 | 022210010106 | ĐOÀN TÙNG         | BÁCH | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 6.75 |         |
| 57  | 350057 | 022210010313 | BÙI TỔ GIA        | BẢO  | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Tràng An         | Tiếng Anh | 3.5          | 7.4   | 5.5  |         |
| 58  | 350058 | 022210000294 | ĐẶNG GIA          | BẢO  | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.25         | 8.0   | 7.5  |         |
| 59  | 350059 | 022210010929 | TRỊNH GIA         | BẢO  | 10/08/2010 | Thanh Hóa  | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 3.0  |         |
| 60  | 350060 | 022210003925 | VŨ LÊ GIA         | BẢO  | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 7.0  |         |
| 61  | 350061 | 022310007759 | LÊ NGỌC           | BÍCH | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Tràng An         | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 7.0  |         |
| 62  | 350062 | 022310008659 | BÙI AN            | BÌNH | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 8.25 |         |
| 63  | 350063 | 022210008411 | NGUYỄN ĐỨC        | BÌNH | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 7.75 |         |
| 64  | 350064 | 022310007440 | NGUYỄN NGÂN       | BÌNH | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.25 |         |
| 65  | 350065 | 022310010496 | TRẦN NGỌC BẢO     | CHÂU | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.75         | 8.4   | 7.25 |         |
| 66  | 350066 | 022310000202 | ĐỖ NGUYỄN KHÁNH   | CHI  | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 67  | 350067 | 022310001296 | NGUYỄN THẢO       | CHI  | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 68  | 350068 | 022310000239 | PHAN PHƯƠNG       | CHI  | 02/04/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 7.5  |         |
| 69  | 350069 | 022310004935 | TRƯƠNG KHÁNH      | CHI  | 30/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diù          | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 4.75 |         |
| 70  | 350070 | 022310001246 | VŨ THỦY           | CHI  | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.0  |         |



**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 71  | 350071 | 022210011020 | NGÔ MINH CHÍ         | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 2.5          | 2.0   | 0.75 |         |
| 72  | 350072 | 030210000575 | ĐỖ MINH CHIẾN        | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 3.5          | 3.2   | 2.5  |         |
| 73  | 350073 | 022210003587 | NGUYỄN XUÂN CHIẾN    | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.8   | 6.75 |         |
| 74  | 350074 | 022210001696 | PHẠM MINH CHIẾN      | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 6.75 |         |
| 75  | 350075 | 022210007768 | DƯƠNG BẢO CHÍNH      | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 5.75         | 7.6   | 7.0  |         |
| 76  | 350076 | 022210001666 | NGUYỄN VĂN CHUYỂN    | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.8   | 7.5  |         |
| 77  | 350077 | 022210009624 | NGUYỄN NAM CƯỜNG     | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 2.75         | 4.0   | 4.25 |         |
| 78  | 350078 | 022210010780 | LÊ THÀNH DANH        | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 3.5  |         |
| 79  | 350079 | 022310010687 | NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 4.75         | 2.2   | 5.0  |         |
| 80  | 350080 | 022310007990 | PHẠM PHƯƠNG DIỆP     | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.2   | 7.75 |         |
| 81  | 350081 | 022310011809 | PHÙNG BÍCH DIỆP      | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 6.5  |         |
| 82  | 350082 | 030310004813 | VŨ NGỌC DIỆP         | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.25         | 7.6   | 6.25 |         |
| 83  | 350083 | 022310002600 | NGUYỄN HUYỀN DIỆU    | 16/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 3.5  |         |
| 84  | 350084 | 022310008078 | NGUYỄN THỊ THÙY DUNG | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.5  |         |
| 85  | 350085 | 022210008422 | ĐỒNG TIẾN DŨNG       | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.0  |         |
| 86  | 350086 | 022210003653 | NGUYỄN TIẾN DŨNG     | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 8.0  |         |
| 87  | 350087 | 022210000263 | NGUYỄN TIẾN DŨNG     | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 4.75         | 8.2   | 6.0  |         |
| 88  | 350088 | 022210011179 | NGUYỄN TRÍ DŨNG      | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 4.75 |         |
| 89  | 350089 | 022210000239 | NGUYỄN VĂN DŨNG      | 01/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 5.5          | 9.0   | 8.75 |         |
| 90  | 350090 | 022210003199 | TÔ CHÍ DŨNG          | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 6.5  |         |
| 91  | 350091 | 022210011028 | NGUYỄN ĐỨC DUY       | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 0.75         | 3.6   | 3.25 |         |
| 92  | 350092 | 022210009761 | NGUYỄN HÀ DUY        | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 1.5  |         |
| 93  | 350093 | 022210000255 | PHẠM ĐỨC DUY         | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 7.25 |         |
| 94  | 350094 | 022310006286 | HOÀNG THÙY DUYÊN     | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 4.75 |         |
| 95  | 350095 | 022210011202 | PHẠM THẾ DUYỆT       | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 2.75         | 2.0   | 5.5  |         |
| 96  | 350096 | 022310005985 | BÙI ÁNH DƯƠNG        | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 6.0  |         |
| 97  | 350097 | 022310001873 | LÊ THÙY DƯƠNG        | 07/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.5  |         |
| 98  | 350098 | 022210004245 | NGUYỄN NAM DƯƠNG     | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.5          | 7.2   | 8.0  |         |
| 99  | 350099 | 022310004799 | NGUYỄN THÙY DƯƠNG    | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.75 |         |
| 100 | 350100 | 022310002406 | NGUYỄN THÙY DƯƠNG    | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 9.0  |         |
| 101 | 350101 | 022210010346 | NGUYỄN TÙNG DƯƠNG    | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 5.5  |         |
| 102 | 350102 | 022310001432 | NGUYỄN VŨ THÙY DƯƠNG | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 5.25 |         |
| 103 | 350103 | 022210011074 | PHẠM TIẾN DƯƠNG      | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 3.75         | 5.0   | 5.25 |         |
| 104 | 350104 | 022210011443 | NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG   | 24/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 4.5          | 4.0   | 4.0  |         |
| 105 | 350105 | 022310006391 | NGUYỄN NGỌC LINH ĐAN | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 8.0  |         |
| 106 | 350106 | 022210003731 | BÙI KIM ĐẠT          | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 4.0  |         |
| 107 | 350107 | 022210002645 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT      | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.8   | 5.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                         |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 108 | 350108 | 022210002486 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT         | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 8.25 |         |
| 109 | 350109 | 022210010411 | NGUYỄN VŨ THÀNH ĐẠT     | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.8   | 7.25 |         |
| 110 | 350110 | 022210009565 | NGUYỄN HẢI ĐĂNG         | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 4.25 |         |
| 111 | 350111 | 022210012011 | NGUYỄN HẢI ĐĂNG         | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 4.25 |         |
| 112 | 350112 | 022210007780 | BÙI MINH ĐỨC            | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 8.0  |         |
| 113 | 350113 | 022210001573 | LÊ MINH ĐỨC             | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 7.0  |         |
| 114 | 350114 | 022210005358 | LÊ VĂN ĐỨC              | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 6.75 |         |
| 115 | 350115 | 022210011424 | NGUYỄN MẠNH ĐỨC         | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.25 |         |
| 116 | 350116 | 022210006972 | NGUYỄN MINH ĐỨC         | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 5.75 |         |
| 117 | 350117 | 022210006525 | NGUYỄN MINH ĐỨC         | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.25 |         |
| 118 | 350118 | 022210004922 | PHẠM TRÍ ĐỨC            | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.6   | 9.0  |         |
| 119 | 350119 | 022210005816 | PHẠM TRUNG ĐỨC          | 25/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 3.0          | 2.8   | 4.75 |         |
| 120 | 350120 | 022210006182 | VŨ MẠNH ĐỨC             | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 3.5          | 4.0   | 3.5  |         |
| 121 | 350121 | 022210001508 | VƯƠNG MINH ĐỨC          | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 6.0  |         |
| 122 | 350122 | 022310000199 | NGÔ HƯƠNG GIANG         | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.0   | 5.25 |         |
| 123 | 350123 | 022310002042 | NGUYỄN CAO HƯƠNG GIANG  | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.25 |         |
| 124 | 350124 | 022310000212 | NGUYỄN HẢI GIANG        | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 5.25 |         |
| 125 | 350125 | 022210001502 | NGUYỄN NGỌC GIANG       | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 1.5          | 2.4   | 0.75 |         |
| 126 | 350126 | 022210009854 | NGUYỄN THANH GIANG      | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 7.25 |         |
| 127 | 350127 | 022310011562 | NGUYỄN TRẦN HƯƠNG GIANG | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 7.75 |         |
| 128 | 350128 | 030310015918 | PHẠM TRÀ GIANG          | 22/12/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.75         | 3.2   | 6.5  |         |
| 129 | 350129 | 022310011135 | PHAN HƯƠNG GIANG        | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 5.75 |         |
| 130 | 350130 | 022310007950 | TRẦN THỊ GIANG          | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.25 |         |
| 131 | 350131 | 022310011646 | ĐỖ NGÂN HÀ              | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 6.25 |         |
| 132 | 350132 | 022310000251 | HOÀNG NGỌC HÀ           | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 4.5  |         |
| 133 | 350133 | 022310008051 | LÊ THU HÀ               | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 3.5          | 4.4   | 4.5  |         |
| 134 | 350134 | 001310047795 | NGUYỄN NGỌC HÀ          | 19/07/2010 | Vĩnh Phúc  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 4.5  |         |
| 135 | 350135 | 022310008557 | NGUYỄN NGUYỆT HÀ        | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 6.0  |         |
| 136 | 350136 | 022310007684 | PHẠM THU HÀ             | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.8   | 7.5  |         |
| 137 | 350137 | 022310004807 | TRẦN VŨ THÁI HÀ         | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.0          | 7.4   | 7.5  |         |
| 138 | 350138 | 022310004040 | TRINH THỊ BẢO HÀ        | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 3.0          | 6.2   | 6.5  |         |
| 139 | 350139 | 022310010009 | VƯƠNG NGỌC HÀ           | 12/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 8.75         | 8.6   | 6.75 |         |
| 140 | 350140 | 022210012130 | HÀ TRUNG HẢI            | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường            | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 4.75 |         |
| 141 | 350141 | 022210007509 | HOÀNG TRUNG HẢI         | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tày              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 1.75         | 1.8   | 1.0  |         |
| 142 | 350142 | 022210000922 | NGUYỄN ĐỨC HẢI          | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 8.0  |         |
| 143 | 350143 | 022310000196 | PHẠM KIM HẢI            | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 8.0  |         |
| 144 | 350144 | 022210008242 | PHẠM MINH HẢI           | 17/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 6.5  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 145 | 350145 | 022310000913 | TRẦN THỊ HỒNG    | HẠNH  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 7.5  |          |
| 146 | 350146 | 022310008981 | VŨ THỊ           | HẠNH  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 3.0  |          |
| 147 | 350147 | 022210010319 | TRẦN HUY         | HẢO   | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.5  |          |
| 148 | 350148 | 022310009896 | LÊ MINH          | HĂNG  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.4   | 6.75 |          |
| 149 | 350149 | 022310011289 | NGUYỄN HÀ BÍCH   | HĂNG  | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 6.5  |          |
| 150 | 350150 | 022310010640 | TRẦN MINH        | HĂNG  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.25         | 5.2   | 6.75 |          |
| 151 | 350151 | 022310010929 | TRỊNH THỊ THU    | HĂNG  | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.0   | 4.75 |          |
| 152 | 350152 | 022310000244 | VƯƠNG THỊ MINH   | HĂNG  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 6.75 |          |
| 153 | 350153 | 022210021040 | LÊ TRUNG         | HẬU   | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 6.75 |          |
| 154 | 350154 | 022310002666 | LÃ NGUYỄN THẢO   | HIỀN  | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 7.25 |          |
| 155 | 350155 | 022310012664 | NGUYỄN DIỆU      | HIỀN  | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 8.25 |          |
| 156 | 350156 | 022310008127 | NGUYỄN THỊ THU   | HIỀN  | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.8   | 7.0  |          |
| 157 | 350157 | 022310010177 | NGUYỄN THỊ THU   | HIỀN  | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 6.25 |          |
| 158 | 350158 | 022210001657 | ĐỖ ĐỨC           | HIỀN  | 19/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 8.0  |          |
| 159 | 350159 | 022210004859 | BÙI TRUNG        | HIẾU  | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 4.5  |          |
| 160 | 350160 | 022210009473 | ĐIỆP TRẦN        | HIẾU  | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 2.25 |          |
| 161 | 350161 | 022310004858 | LÊ THỊ PHƯƠNG    | HIẾU  | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 5.75         | 6.2   | 7.5  |          |
| 162 | 350162 | 022210000065 | LÊ TRUNG         | HIẾU  | 27/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.75 |          |
| 163 | 350163 | 022210005237 | NGUYỄN DUY       | HIẾU  | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.6   | 2.5  |          |
| 164 | 350164 | 022210004482 | NGUYỄN MINH      | HIẾU  | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 8.0          | 9.6   | 7.25 |          |
| 165 | 350165 | 022210000311 | TẶNG BÁ          | HIẾU  | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 166 | 350166 | 022210001929 | TRẦN TRUNG       | HIẾU  | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 6.25 |          |
| 167 | 350167 | 022210006777 | VŨ MINH          | HIẾU  | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Đức Cảnh   | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 2.25 |          |
| 168 | 350168 | 022210006372 | VŨ XUÂN          | HIẾU  | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.0  |          |
| 169 | 350169 | 022310011896 | ĐỖ QUỲNH         | HOA   | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.75         | 3.4   | 6.75 |          |
| 170 | 350170 | 022310001224 | NGUYỄN THỊ THANH | HOA   | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 7.0  |          |
| 171 | 350171 | 022310009139 | PHẠM THỊ THANH   | HOA   | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 7.5  |          |
| 172 | 350172 | 031310008519 | NGÔ THU          | HOÀI  | 06/02/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 4.5  |          |
| 173 | 350173 | 036210001797 | TRẦN HUY         | HOÀN  | 05/12/2010 | Nam Định   | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 6.0  |          |
| 174 | 350174 | 022310000428 | TRẦN THỊ NGỌC    | HOÀN  | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 6.0  |          |
| 175 | 350175 | 022210008811 | ĐÀO VIỆT         | HOÀNG | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 5.5  |          |
| 176 | 350176 | 022210003921 | ĐÌNH HUY         | HOÀNG | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 3.25         | 7.0   | 6.25 |          |
| 177 | 350177 | 022210005563 | HOÀNG NGUYỄN     | HOÀNG | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 3.75 |          |
| 178 | 350178 | 022210011961 | NGUYỄN VIỆT      | HOÀNG | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 9.0  |          |
| 179 | 350179 | 022210001583 | NGUYỄN VŨ MINH   | HOÀNG | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 9.0  |          |
| 180 | 350180 | 022210007936 | VƯƠNG VĂN        | HOÀNG | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 6.25 |          |
| 181 | 350181 | 022310010906 | BÙI THỊ BÍCH     | HỒNG  | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 6.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 182 | 350182 | 022310008370 | NGUYỄN ÁNH HỒNG       | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 183 | 350183 | 022210003403 | NGUYỄN VĂN HỒNG       | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.75         | 6.8   | 6.5  |         |
| 184 | 350184 | 022210000217 | ĐỖ MẠNH HÙNG          | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 2.75 |         |
| 185 | 350185 | 022210011833 | NGUYỄN HUY HÙNG       | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 7.25 |         |
| 186 | 350186 | 022210006189 | NGUYỄN VIỆT HÙNG      | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 3.75         | 6.6   | 2.5  |         |
| 187 | 350187 | 022210012015 | BÙI QUANG HUY         | 13/08/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 8.5  |         |
| 188 | 350188 | 022210011457 | CAO PHƯƠNG HUY        | 20/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 1.0          | 3.4   | 3.25 |         |
| 189 | 350189 | 022210001600 | ĐẶNG QUANG HUY        | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 5.75 |         |
| 190 | 350190 | 022210000281 | ĐỖ GIA HUY            | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 1.25         | 3.4   | 5.25 |         |
| 191 | 350191 | 022210009909 | ĐỖ THIÊN HUY          | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 9.0  |         |
| 192 | 350192 | 022210011071 | HOÀNG QUANG HUY       | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 4.0          | 5.4   | 3.0  |         |
| 193 | 350193 | 022210007825 | NGUYỄN BẢO HUY        | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 3.75         | 4.6   | 3.75 |         |
| 194 | 350194 | 022210011516 | NGUYỄN GIA HUY        | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 6.0  |         |
| 195 | 350195 | 022210011109 | NGUYỄN MINH HUY       | 20/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 4.25         | 4.2   | 6.25 |         |
| 196 | 350196 | 022210010750 | TẠ LÊ ĐỨC HUY         | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 6.5  |         |
| 197 | 350197 | 022310005080 | NGUYỄN THỊ THU HUYỀN  | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 4.5  |         |
| 198 | 350198 | 027310007509 | NGUYỄN THU HUYỀN      | 09/01/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 5.0  |         |
| 199 | 350199 | 022310004203 | PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN  | 07/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 6.0  |         |
| 200 | 350200 | 022210004615 | ĐẶNG GIA HƯNG         | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.5  |         |
| 201 | 350201 | 022210000193 | HOÀNG NGỌC HƯNG       | 31/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 7.75 |         |
| 202 | 350202 | 022210000210 | NGUYỄN DUY HƯNG       | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 6.5  |         |
| 203 | 350203 | 022210001489 | NGUYỄN NGỌC HƯNG      | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.5  |         |
| 204 | 350204 | 022210005241 | NGUYỄN TUẤN HƯNG      | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 5.75 |         |
| 205 | 350205 | 022210012538 | PHẠM DUY HƯNG         | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.75         | 6.0   | 7.25 |         |
| 206 | 350206 | 019310000237 | NGUYỄN MINH HƯỞNG     | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 8.25 |         |
| 207 | 350207 | 022310009297 | NGUYỄN MINH HƯỞNG     | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 7.6   | 7.5  |         |
| 208 | 350208 | 022310010111 | NGUYỄN THỊ HỒNG HƯỞNG | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.5  |         |
| 209 | 350209 | 022310000194 | NGUYỄN THỊ THU HƯỞNG  | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 7.5  |         |
| 210 | 350210 | 022310000365 | TRẦN QUỲNH HƯỞNG      | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 8.25         | 9.4   | 8.5  |         |
| 211 | 350211 | 022310001152 | NGUYỄN THỊ HƯỞNG      | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.75         | 5.0   | 7.0  |         |
| 212 | 350212 | 022310007894 | PHAN THANH HƯỞNG      | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 8.0          | 4.8   | 6.5  |         |
| 213 | 350213 | 022210010576 | PHẠM TUẤN KHANG       | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.5          | 4.0   | 8.0  |         |
| 214 | 350214 | 022210001996 | TRẦN TRỌNG KHANG      | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 7.6   | 6.5  |         |
| 215 | 350215 | 022210012478 | TRỊNH ĐÌNH KHANG      | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.0          | 6.0   | 4.5  |         |
| 216 | 350216 | 020210000203 | VƯƠNG LÂM KHANG       | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Nùng             | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 8.25 |         |
| 217 | 350217 | 022210004176 | NGUYỄN TUẤN KHANH     | 26/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 1.75 |         |
| 218 | 350218 | 022210000441 | ĐỖ DUY KHÁNH          | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 5.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 219 | 350219 | 022210009697 | ĐỖ MINH           | KHÁNH | 03/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.0          | 7.6   | 8.0  |         |
| 220 | 350220 | 022210005642 | HOÀNG NHẬT        | KHÁNH | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.2   | 8.5  |         |
| 221 | 350221 | 022210002533 | LƯƠNG DUY         | KHÁNH | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.5          | 7.0   | 7.25 |         |
| 222 | 350222 | 022310007302 | NGUYỄN HIẾU       | KHÁNH | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 8.25 |         |
| 223 | 350223 | 022210000218 | NGUYỄN NAM        | KHÁNH | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 2.75 |         |
| 224 | 350224 | 022210004143 | NGUYỄN NAM        | KHÁNH | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 4.0  |         |
| 225 | 350225 | 022310002577 | NGUYỄN NGÂN       | KHÁNH | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 1.75 |         |
| 226 | 350226 | 022210006762 | NGUYỄN NGỌC       | KHÁNH | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 5.25 |         |
| 227 | 350227 | 022210007731 | NGUYỄN QUỐC       | KHÁNH | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.75         | 6.6   | 8.5  |         |
| 228 | 350228 | 022210005858 | NGUYỄN ĐỨC ANH    | KHÔI  | 23/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt   | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 6.75 |         |
| 229 | 350229 | 022210002244 | NGUYỄN HOÀNG      | KIÊN  | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 6.0  |         |
| 230 | 350230 | 022210005778 | TRẦN TRUNG        | KIÊN  | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 6.0          | 8.2   | 6.5  |         |
| 231 | 350231 | 022210009179 | TRẦN TRUNG        | KIÊN  | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 5.75 |         |
| 232 | 350232 | 022310011073 | NGUYỄN DƯƠNG NGỌC | KIỀU  | 04/08/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 2.5  |         |
| 233 | 350233 | 022210004346 | NGUYỄN CAO        | KỶ    | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 7.0  |         |
| 234 | 350234 | 022310005208 | KHÔNG THỊ MAI     | LAN   | 16/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 1.5          | 5.0   | 2.5  |         |
| 235 | 350235 | 022210009652 | ĐẶNG GIA          | LÂM   | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 7.0  |         |
| 236 | 350236 | 022210010334 | LÊ NGUYỄN         | LÂM   | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 7.0  |         |
| 237 | 350237 | 022210002708 | LÊ TÙNG           | LÂM   | 24/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 7.0  |         |
| 238 | 350238 | 022210008142 | NGUYỄN HUY        | LÂM   | 29/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 8.5  |         |
| 239 | 350239 | 022210004671 | NGUYỄN QUANG      | LÂM   | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 6.5  |         |
| 240 | 350240 | 022210011765 | NGUYỄN TÙNG       | LÂM   | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 5.5  |         |
| 241 | 350241 | 022310011444 | NGUYỄN TÙNG       | LÂM   | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 4.75 |         |
| 242 | 350242 | 022210003176 | TRẦN TÙNG         | LÂM   | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.25         | 6.2   | 8.75 |         |
| 243 | 350243 | 022210006899 | TRỊNH HOÀNG       | LÂM   | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 6.25 |         |
| 244 | 350244 | 022210000282 | VŨ QUANG          | LÂM   | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 6.75         | 7.8   | 5.5  |         |
| 245 | 350245 | 022310007853 | DƯƠNG PHƯƠNG      | LINH  | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 7.25 |         |
| 246 | 350246 | 034310005689 | ĐÀO THÁI          | LINH  | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 7.5  |         |
| 247 | 350247 | 022310007026 | ĐẶNG KHÁNH        | LINH  | 28/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.25 |         |
| 248 | 350248 | 038310000534 | ĐÌNH TRẦN DIỆU    | LINH  | 21/10/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 7.5  |         |
| 249 | 350249 | 022310008845 | HOÀNG NGỌC        | LINH  | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 8.5          | 9.4   | 7.0  |         |
| 250 | 350250 | 022310000230 | HOÀNG THÙY        | LINH  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 7.75         | 4.8   | 6.75 |         |
| 251 | 350251 | 022310000708 | HỒ THỊ HOÀNG      | LINH  | 01/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 6.5  |         |
| 252 | 350252 | 022310000296 | LÊ HÀ             | LINH  | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 8.0          | 9.0   | 7.5  |         |
| 253 | 350253 | 024310015850 | LÊ THÙY           | LINH  | 21/12/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 6.2   | 6.5  |         |
| 254 | 350254 | 022310001758 | NGÔ BẢO           | LINH  | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 3.75 |         |
| 255 | 350255 | 022310010395 | NGUYỄN BẢO        | LINH  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 9.0   | 7.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                         |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 256 | 350256 | 022310010122 | NGUYỄN DIỆU LINH        | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 4.5          | 7.4   | 4.75 |         |
| 257 | 350257 | 022310012075 | NGUYỄN DƯƠNG KHÁNH LINH | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 6.25 |         |
| 258 | 350258 | 022310011477 | NGUYỄN HÀ LINH          | 06/10/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 7.0  |         |
| 259 | 350259 | 022310003894 | NGUYỄN HÀ LINH          | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.25         | 7.2   | 7.5  |         |
| 260 | 350260 | 022310002643 | NGUYỄN HÀ LINH          | 20/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 8.0          | 9.4   | 8.25 |         |
| 261 | 350261 | 022310011410 | NGUYỄN HÀ LINH          | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.75 |         |
| 262 | 350262 | 022310000349 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC LINH  | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.25 |         |
| 263 | 350263 | 022310004410 | NGUYỄN KHÁNH LINH       | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 6.5  |         |
| 264 | 350264 | 040310010077 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH      | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.5  |         |
| 265 | 350265 | 022310002558 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH      | 13/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.5          | 5.0   | 7.0  |         |
| 266 | 350266 | 022310005282 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH      | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 4.75 |         |
| 267 | 350267 | 022310006114 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH      | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 6.75 |         |
| 268 | 350268 | 022310010481 | NGUYỄN THỊ HÀ LINH      | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 5.75 |         |
| 269 | 350269 | 022310002886 | NGUYỄN THỊ MAI LINH     | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 7.25 |         |
| 270 | 350270 | 022310011425 | NGUYỄN THỊ MỸ LINH      | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 6.5  |         |
| 271 | 350271 | 036310000296 | PHẠM HÀ LINH            | 20/06/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.0          | 9.0   | 7.0  |         |
| 272 | 350272 | 022310001527 | TÔ HẢI LINH             | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.5          | 5.6   | 7.5  |         |
| 273 | 350273 | 022310002003 | TRẦN BÙI KHÁNH LINH     | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 8.0          | 7.2   | 7.75 |         |
| 274 | 350274 | 022310003081 | TRẦN HẢI LINH           | 12/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.25 |         |
| 275 | 350275 | 022310002749 | TRẦN HẢI LINH           | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.5          | 8.6   | 7.25 |         |
| 276 | 350276 | 022310003789 | TRẦN LÊ KHÁNH LINH      | 20/06/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 4.25         | 5.2   | 3.5  |         |
| 277 | 350277 | 022310001684 | VŨ HUYỀN LINH           | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 8.75         | 9.2   | 8.25 |         |
| 278 | 350278 | 022310007158 | VŨ THÙY LINH            | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.0          | 5.8   | 2.75 |         |
| 279 | 350279 | 022310002931 | VƯƠNG KHÁNH LINH        | 14/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.0  |         |
| 280 | 350280 | 022210009554 | TRẦN ĐỨC LĨNH           | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 7.25 |         |
| 281 | 350281 | 022310006201 | ĐẶNG THỊ MAI LOAN       | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 5.75 |         |
| 282 | 350282 | 022210004490 | NGÔ THÀNH LONG          | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 2.75         | 3.8   | 3.75 |         |
| 283 | 350283 | 022210011824 | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG LONG   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 4.25         | 6.2   | 7.25 |         |
| 284 | 350284 | 022210010575 | NGUYỄN THẮNG LONG       | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 3.75         | 6.4   | 6.25 |         |
| 285 | 350285 | 022210006586 | TRẦN BẢO LONG           | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 2.75 |         |
| 286 | 350286 | 022210011963 | TRẦN NGỌC LONG          | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 9.0  |         |
| 287 | 350287 | 022210011122 | VŨ ĐỨC LONG             | 13/09/2010 | Hung Yên   | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 4.75 |         |
| 288 | 350288 | 022210006684 | LIÊU LINH LỢI           | 03/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 1.25         | 2.4   | 1.25 |         |
| 289 | 350289 | 022310000276 | BÙI HÀ BẢO LY           | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 6.5  |         |
| 290 | 350290 | 022310009592 | LÊ NGỌC LY              | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.75         | 5.8   | 6.25 |         |
| 291 | 350291 | 022310011169 | NGUYỄN DIỆU LY          | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.75 |         |
| 292 | 350292 | 022310010047 | DƯƠNG MINH LÝ           | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 5.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|----------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                      |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 293 | 350293 | 031310001225 | NGÔ HOÀNG MAI        | 19/10/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.75 |          |
| 294 | 350294 | 022310003961 | NGUYỄN SAO MAI       | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.2   | 7.75 |          |
| 295 | 350295 | 022310003205 | NGUYỄN THỊ MAI       | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 5.0  |          |
| 296 | 350296 | 022310011103 | NGUYỄN THỊ HOÀNG MAI | 01/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.5          | 5.4   | 5.75 |          |
| 297 | 350297 | 022310003075 | PHẠM QUỲNH MAI       | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.2   | 7.25 |          |
| 298 | 350298 | 022310011312 | PHẠM QUỲNH MAI       | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 7.75 |          |
| 299 | 350299 | 022310001264 | PHẠM THANH MAI       | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 300 | 350300 | 024310010149 | PHẠM XUÂN MAI        | 08/01/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 7.25 |          |
| 301 | 350301 | 022310000287 | PHAN DIỆU MAI        | 23/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 7.25 |          |
| 302 | 350302 | 001210030387 | ĐẶNG ĐỨC MẠNH        | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 0.5          | 3.6   | 3.75 |          |
| 303 | 350303 | 022210006843 | ĐỖ CAO ĐỨC MẠNH      | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 7.25 |          |
| 304 | 350304 | 022210007762 | PHAN ĐỨC MẠNH        | 24/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 4.25         | 5.6   | 7.0  |          |
| 305 | 350305 | 022310006432 | NGUYỄN THỊ HỒNG MẠNH | 04/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 6.25 |          |
| 306 | 350306 | 022210004594 | LÊ HỒNG MINH         | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 5.25 |          |
| 307 | 350307 | 022210004703 | NGUYỄN CÔNG MINH     | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.4   | 7.0  |          |
| 308 | 350308 | 022210008339 | NGUYỄN QUANG MINH    | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Sán Dìu          | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 6.75 |          |
| 309 | 350309 | 022210020999 | NGUYỄN QUANG MINH    | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 7.75 |          |
| 310 | 350310 | 022210012483 | NGUYỄN TUỆ MINH      | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.75         | 7.4   | 8.25 |          |
| 311 | 350311 | 022210005782 | PHẠM ĐỨC MINH        | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 8.5          | 7.8   | 7.5  |          |
| 312 | 350312 | 022310003082 | LÊ THỊ TRÀ MY        | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 6.25 |          |
| 313 | 350313 | 022310008002 | NGÔ DIỆU MY          | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 4.5  |          |
| 314 | 350314 | 022210007437 | NGUYỄN THỂ MỸ        | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 9.0  |          |
| 315 | 350315 | 022210008743 | BÙI ĐÌNH NAM         | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 4.5  |          |
| 316 | 350316 | 022210003380 | ĐÀO BẢO NAM          | 04/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 9.0  |          |
| 317 | 350317 | 022210009105 | NGUYỄN HẢI NAM       | 10/11/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 6.5  |          |
| 318 | 350318 | 022210001808 | NGUYỄN HOÀNG NAM     | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.75         | 7.0   | 8.0  |          |
| 319 | 350319 | 022210012348 | NGUYỄN HOÀNG NAM     | 13/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.0   | 7.25 |          |
| 320 | 350320 | 022210007347 | NGUYỄN THÀNH NAM     | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.5  |          |
| 321 | 350321 | 034210009685 | PHẠM HOÀI NAM        | 04/06/2010 | Đồng Nai   | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 4.5          | 6.6   | 8.0  |          |
| 322 | 350322 | 022310006886 | ĐẶNG QUỲNH NGA       | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 5.0  |          |
| 323 | 350323 | 022310002811 | HỒ QUỲNH NGA         | 29/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 5.5  |          |
| 324 | 350324 | 022310003416 | PHAN QUỲNH NGA       | 30/01/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 7.0  |          |
| 325 | 350325 | 022310002619 | TRẦN THỊ KIỀU NGA    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.5          | 8.4   | 6.25 |          |
| 326 | 350326 | 022310012679 | HOÀNG THỊ DIỆU NGÂN  | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 7.75 |          |
| 327 | 350327 | 022310012042 | LÀI THỊ KIM NGÂN     | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 5.0  |          |
| 328 | 350328 | 022310006143 | LÊ BẢO NGÂN          | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 7.25 |          |
| 329 | 350329 | 022310011495 | LƯƠNG HOÀNG NGÂN     | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 4.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 330 | 350330 | 022310003544 | NGUYỄN KIM NGÂN        | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 7.5  |          |
| 331 | 350331 | 022310000225 | NGUYỄN KIM NGÂN        | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.0   | 6.75 |          |
| 332 | 350332 | 022310006275 | NGUYỄN THẢO NGÂN       | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 6.5  |          |
| 333 | 350333 | 022310001621 | NGUYỄN THỊ KHÁNH NGÂN  | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.25 |          |
| 334 | 350334 | 022310005705 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN    | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.2   | 6.25 |          |
| 335 | 350335 | 034310006959 | PHẠM KIM NGÂN          | 22/03/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 4.5  |          |
| 336 | 350336 | 022310007108 | TRẦN PHƯƠNG NGÂN       | 25/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.5          | 6.6   | 5.0  |          |
| 337 | 350337 | 022310010922 | VŨ QUỲNH NGÂN          | 26/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.2   | 3.25 |          |
| 338 | 350338 | 022310006464 | VƯƠNG NGỌC KIM NGÂN    | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 6.5  |          |
| 339 | 350339 | 022210001359 | ĐỒNG THANH NGHĨA       | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 5.0  |          |
| 340 | 350340 | 022210005781 | PHẠM VĂN NGHĨA         | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.8   | 7.0  |          |
| 341 | 350341 | 022310002946 | BÙI BẢO NGỌC           | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 8.0          | 9.8   | 9.0  |          |
| 342 | 350342 | 022310003016 | ĐINH HỒNG NGỌC         | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 2.5  |          |
| 343 | 350343 | 022310004744 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC   | 23/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 344 | 350344 | 022310001172 | NGUYỄN THỊ KIM NGỌC    | 11/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.0          | 5.2   | 6.5  |          |
| 345 | 350345 | 030310001263 | NGUYỄN THIÊN NGỌC      | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 6.0  |          |
| 346 | 350346 | 022210010045 | PHẠM TUẤN NGỌC         | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.4   | 7.5  |          |
| 347 | 350347 | 022310005689 | TRƯƠNG KHÁNH NGỌC      | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 8.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 348 | 350348 | 022310000906 | PHẠM MAI NGUYỄN        | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 7.5  |          |
| 349 | 350349 | 022310008421 | NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.0  |          |
| 350 | 350350 | 022310003845 | PHẠM THỊ TÂM NHÂN      | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 6.25 |          |
| 351 | 350351 | 022210000207 | ĐẶNG MINH NHẬT         | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 7.75 |          |
| 352 | 350352 | 022210006596 | NGUYỄN LONG NHẬT       | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.5  |          |
| 353 | 350353 | 022210012156 | PHẠM TIẾN NHẬT         | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.75         | 8.4   | 6.75 |          |
| 354 | 350354 | 022310002651 | NGUYỄN CẨM NHI         | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 8.0  |          |
| 355 | 350355 | 034310007916 | NGUYỄN TRANG NHUNG     | 04/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 5.75 |          |
| 356 | 350356 | 022310011485 | LÊ THỊ PHƯƠNG NHƯ      | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 7.25 |          |
| 357 | 350357 | 022310008345 | PHẠM QUỲNH NHƯ         | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 6.5  |          |
| 358 | 350358 | 022210011121 | PHẠM DUY NINH          | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 1.25         | 2.8   | 3.25 |          |
| 359 | 350359 | 022310009900 | NGUYỄN THỊ OANH        | 15/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 3.25         | 4.8   | 6.5  |          |
| 360 | 350360 | 022210010510 | TẶNG TIẾN PHÁT         | 24/12/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.25         | 8.0   | 8.75 |          |
| 361 | 350361 | 022210001177 | NHŨ ĐẶNG NAM PHONG     | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.25         | 2.8   | 6.5  |          |
| 362 | 350362 | 022210007366 | PHẠM HOÀNG PHONG       | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 6.75 |          |
| 363 | 350363 | 022210006341 | VŨ NGUYỄN HỒNG PHONG   | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 3.0  |          |
| 364 | 350364 | 022210005565 | LÊ MINH PHÚ            | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 4.0  |          |
| 365 | 350365 | 022210011209 | NGUYỄN VIỆT PHÚ        | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 4.0          | 2.0   | 1.25 |          |
| 366 | 350366 | 022210000332 | ĐOÀN MINH PHÚC         | 17/12/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.25         | 8.4   | 7.75 |          |



**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                 |        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 367 | 350367 | 022210000224 | NGUYỄN HỮU      | PHÚC   | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.8   | 6.25 |         |
| 368 | 350368 | 022210003520 | TRẦN MINH       | PHÚC   | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 6.75 |         |
| 369 | 350369 | 022310005440 | ĐÀM KHÁNH       | PHƯƠNG | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.25 |         |
| 370 | 350370 | 022310005359 | ĐÀM THU         | PHƯƠNG | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 7.0          | 6.6   | 7.25 |         |
| 371 | 350371 | 022310005305 | HOÀNG THỊ THANH | PHƯƠNG | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 8.0          | 3.6   | 5.25 |         |
| 372 | 350372 | 022310005897 | LÊ THẢO         | PHƯƠNG | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.75 |         |
| 373 | 350373 | 022310003325 | NGUYỄN HÀ       | PHƯƠNG | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.75 |         |
| 374 | 350374 | 022310012662 | TRẦN MAI        | PHƯƠNG | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 1.25         | 3.0   | 2.0  |         |
| 375 | 350375 | 022310010970 | VŨ THU          | PHƯƠNG | 03/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 4.5          | 2.8   | 6.5  |         |
| 376 | 350376 | 022210005894 | PHẠM NHẬT THANH | QUANG  | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 7.75 |         |
| 377 | 350377 | 022210011863 | ĐẶNG MINH       | QUÂN   | 28/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 6.25 |         |
| 378 | 350378 | 022210004878 | ĐỖ MINH         | QUÂN   | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 8.25 |         |
| 379 | 350379 | 022210001323 | NGUYỄN MINH     | QUÂN   | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.25         | 7.4   | 5.0  |         |
| 380 | 350380 | 022210009948 | NGUYỄN PHẠM ANH | QUÂN   | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 9.0  |         |
| 381 | 350381 | 022210001220 | NGUYỄN TRUNG    | QUÂN   | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 8.5  |         |
| 382 | 350382 | 022210012302 | TRINH MẠNH      | QUÂN   | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.0          | 6.6   | 8.0  |         |
| 383 | 350383 | 022210007823 | VŨ HOÀI MINH    | QUÝ    | 02/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 7.5  |         |
| 384 | 350384 | 022210001908 | ĐỖ MẠNH         | QUYẾT  | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 5.75 |         |
| 385 | 350385 | 022310009679 | NGUYỄN HƯƠNG    | QUỲNH  | 30/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 6.75 |         |
| 386 | 350386 | 022310010459 | NGUYỄN THỊ TÚ   | QUỲNH  | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 6.75 |         |
| 387 | 350387 | 022310008627 | VŨ NHƯ          | QUỲNH  | 12/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.0          | 5.2   | 6.25 |         |
| 388 | 350388 | 022210011263 | LÊ HỒNG         | SƠN    | 28/05/2010 | Phú Thọ    | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 4.75 |         |
| 389 | 350389 | 022210010859 | NGUYỄN THÁI     | SƠN    | 08/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 4.75 |         |
| 390 | 350390 | 022210012183 | PHẠM HOÀNG      | SƠN    | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 2.5          | 6.0   | 5.5  |         |
| 391 | 350391 | 022210002188 | PHẠM TRƯỜNG     | SƠN    | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.5  |         |
| 392 | 350392 | 022210010078 | TRẦN ĐỨC        | SƠN    | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 7.75 |         |
| 393 | 350393 | 022210003875 | VŨ ĐỨC          | SƠN    | 18/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 3.25         | 5.8   | 7.25 |         |
| 394 | 350394 | 022210001858 | NGUYỄN ĐỨC      | TÂM    | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 5.5          | 9.4   | 7.75 |         |
| 395 | 350395 | 022210000345 | NGUYỄN MINH     | TÂM    | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.75         | 9.2   | 7.75 |         |
| 396 | 350396 | 022310000231 | NGUYỄN THANH    | TÂM    | 12/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.75         | 9.2   | 6.75 |         |
| 397 | 350397 | 022310007984 | TÔ THANH        | TÂM    | 18/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 4.75         | 6.6   | 6.25 |         |
| 398 | 350398 | 022210009907 | TRẦN NGUYỄN     | TÂM    | 24/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 8.5  |         |
| 399 | 350399 | 022210003117 | HÀ VĂN          | THÁI   | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 3.75 |         |
| 400 | 350400 | 022210010369 | LÊ HOÀNG ĐỨC    | THÁI   | 14/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 6.5  |         |
| 401 | 350401 | 022210010580 | NGUYỄN NGỌC     | THÁI   | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 1.25         | 3.0   | 2.5  |         |
| 402 | 350402 | 022310003846 | ĐẶNG THỊ THANH  | THANH  | 28/12/2010 | Quảng ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 7.0  |         |
| 403 | 350403 | 024310000636 | NGUYỄN PHƯƠNG   | THANH  | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 3.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 404 | 350404 | 033310000069 | NGUYỄN THỊ THANH       | 13/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 5.75 |         |
| 405 | 350405 | 022310009437 | PHẠM HOÀI THANH        | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 6.25 |         |
| 406 | 350406 | 030210014725 | BÙI KIẾN THÀNH         | 02/09/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 7.25 |         |
| 407 | 350407 | 022210006441 | HOÀNG TRUNG THÀNH      | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Tây              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 5.0          | 5.6   | 3.5  |         |
| 408 | 350408 | 022210011274 | PHẠM CÔNG THÀNH        | 24/01/2010 | Lạng Sơn   | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 3.25         | 2.4   | 3.25 |         |
| 409 | 350409 | 022310004488 | ĐƯƠNG PHƯƠNG THẢO      | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 5.75 |         |
| 410 | 350410 | 022310000227 | ĐINH PHƯƠNG THẢO       | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.4   | 5.25 |         |
| 411 | 350411 | 022310007593 | ĐỖ PHƯƠNG THẢO         | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 412 | 350412 | 022310000214 | LÊ HÀ THẢO             | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 6.5  |         |
| 413 | 350413 | 022310004276 | LÊ PHƯƠNG THẢO         | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 4.25 |         |
| 414 | 350414 | 022310000008 | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO     | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.75 |         |
| 415 | 350415 | 022310002930 | NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO    | 11/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.4   | 6.5  |         |
| 416 | 350416 | 022310004709 | NGUYỄN HƯƠNG THẢO      | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 6.0  |         |
| 417 | 350417 | 022310010504 | NGUYỄN THANH THẢO      | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 5.75 |         |
| 418 | 350418 | 030310005781 | NGUYỄN THU THẢO        | 07/07/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.4   | 6.75 |         |
| 419 | 350419 | 025310001244 | PHẠM PHƯƠNG THẢO       | 03/07/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 6.5  |         |
| 420 | 350420 | 022310011977 | TRẦN PHƯƠNG THẢO       | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 6.0  |         |
| 421 | 350421 | 022310008763 | TRẦN THANH THẢO        | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.8   | 8.25 |         |
| 422 | 350422 | 022210008403 | ĐẶNG VIỆT THẮNG        | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 3.75 |         |
| 423 | 350423 | 022210012325 | NGUYỄN CAO THẮNG       | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 6.25 |         |
| 424 | 350424 | 022210010885 | NGUYỄN CHIẾN THẮNG     | 24/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 7.25 |         |
| 425 | 350425 | 022310007305 | KHÔNG MINH THI         | 21/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.25 |         |
| 426 | 350426 | 022210002137 | TRỊNH ĐÌNH THỊNH       | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.25         | 4.4   | 7.75 |         |
| 427 | 350427 | 022210002598 | NGUYỄN ĐÌNH THỌ        | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.2   | 7.75 |         |
| 428 | 350428 | 022310005542 | LÊ ANH THƠ             | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 6.25 |         |
| 429 | 350429 | 022310007310 | ĐỖ HOÀI THU            | 28/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.5  |         |
| 430 | 350430 | 022210005929 | LÊ MINH THỤ            | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 7.75 |         |
| 431 | 350431 | 022310011860 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 4.75         | 5.0   | 6.25 |         |
| 432 | 350432 | 022310010412 | VƯƠNG ÁNH THÙY         | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 6.0  |         |
| 433 | 350433 | 022310005601 | HÀ LÊ THU THÚY         | 11/11/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 7.75 |         |
| 434 | 350434 | 022310011378 | HOÀNG MINH THƯ         | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 4.5  |         |
| 435 | 350435 | 022310008812 | HOÀNG THỊ NGỌC THƯ     | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 7.5  |         |
| 436 | 350436 | 022310007536 | HOÀNG THIÊN THƯ        | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tây              | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 7.25 |         |
| 437 | 350437 | 022310002209 | NGUYỄN ANH THƯ         | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.75         | 8.0   | 7.0  |         |
| 438 | 350438 | 022310011359 | NGUYỄN ANH THƯ         | 23/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.75         | 7.4   | 6.5  |         |
| 439 | 350439 | 022310002967 | NGUYỄN MINH THƯ        | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.75 |         |
| 440 | 350440 | 022310002401 | NGUYỄN MINH THƯ        | 01/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 6.0  |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 441 | 350441 | 022310005953 | NGUYỄN THANH THỨ      | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 6.0  |         |
| 442 | 350442 | 022310005626 | NGUYỄN THỊ ANH THỨ    | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 7.25 |         |
| 443 | 350443 | 022310005603 | PHẠM THANH THỨ        | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 7.25 |         |
| 444 | 350444 | 026310003022 | LÊ NGUYỄN HOÀI THUỜNG | 17/09/2010 | Vĩnh Phúc  | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 7.5  |         |
| 445 | 350445 | 022310011147 | NGUYỄN THỊ THUỜNG     | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.5  |         |
| 446 | 350446 | 022210011138 | ĐÀO VINH TIẾN         | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 5.0          | 7.6   | 7.75 |         |
| 447 | 350447 | 022210010140 | LÊ MINH TIẾN          | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 3.0          | 5.6   | 4.5  |         |
| 448 | 350448 | 022210000276 | LÊ THANH TIẾN         | 08/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.75         | 7.8   | 8.0  |         |
| 449 | 350449 | 022210005941 | NGUYỄN MẠNH TIẾN      | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 1.0          | 6.6   | 3.25 |         |
| 450 | 350450 | 022210007204 | NGUYỄN MINH TIẾN      | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 4.5          | 7.4   | 4.25 |         |
| 451 | 350451 | 022210002126 | ĐƯƠNG CÔNG TOÀN       | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 2.0          | 6.6   | 3.25 |         |
| 452 | 350452 | 022210000288 | PHẠM MINH TOÀN        | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.5  |         |
| 453 | 350453 | 022310007879 | KHÔNG THỊ HƯƠNG TRÀ   | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 5.75 |         |
| 454 | 350454 | 022310009243 | LÊ THU TRÀ            | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 6.75 |         |
| 455 | 350455 | 022310010567 | TRẦN THU TRÀ          | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.0          | 7.6   | 8.0  |         |
| 456 | 350456 | 022310002057 | ĐOÀN MINH TRANG       | 27/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 3.75 |         |
| 457 | 350457 | 022310011226 | ĐỖ THỊ THANH TRANG    | 02/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 6.0  |         |
| 458 | 350458 | 022310003714 | LÊ THỊ HỒNG TRANG     | 04/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 7.5  |         |
| 459 | 350459 | 001310007321 | LÊ THỊ QUỲNH TRANG    | 09/07/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 6.75 |         |
| 460 | 350460 | 022310006141 | NGÔ MINH TRANG        | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.5          | 6.2   | 6.25 |         |
| 461 | 350461 | 022310005616 | NGUYỄN BẢO TRANG      | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 7.0   | 5.25 |         |
| 462 | 350462 | 022310002257 | NGUYỄN THỊ HÀ TRANG   | 16/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 5.75 |         |
| 463 | 350463 | 024310006470 | NGUYỄN THỊ THÙY TRANG | 13/10/2010 | Bắc Giang  | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.0          | 8.6   | 6.25 |         |
| 464 | 350464 | 022310008672 | PHẠM HUYỀN TRANG      | 22/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 7.25 |         |
| 465 | 350465 | 022310005718 | PHẠM THỊ THÙY TRANG   | 17/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 8.5  |         |
| 466 | 350466 | 022310005219 | PHẠM THÙY TRANG       | 16/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 7.25         | 9.0   | 7.5  |         |
| 467 | 350467 | 022310008745 | TRẦN MINH TRANG       | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 4.75         | 4.4   | 5.25 |         |
| 468 | 350468 | 022310003955 | VƯƠNG THỊ HÀ TRANG    | 05/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 8.0  |         |
| 469 | 350469 | 022310011941 | ĐỖ NGUYỄN THÙY TRÂM   | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 7.0  |         |
| 470 | 350470 | 022310000206 | NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM  | 20/01/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 7.25 |         |
| 471 | 350471 | 022210000292 | NGUYỄN QUỐC TRIỆU     | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 3.5  |         |
| 472 | 350472 | 022210010649 | NGUYỄN THẾ TRỌNG      | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 1.5  |         |
| 473 | 350473 | 022310009278 | ĐỖ THỊ THANH TRÚC     | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 8.0  |         |
| 474 | 350474 | 022310009330 | NGUYỄN LÊ THANH TRÚC  | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 8.0          | 6.4   | 8.5  |         |
| 475 | 350475 | 022310002126 | PHAN THANH TRÚC       | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.25         | 4.0   | 7.0  |         |
| 476 | 350476 | 022210012521 | ĐỖ NGUYỄN TRUNG       | 06/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 7.25 |         |
| 477 | 350477 | 022210002403 | LÊ NHẤT TRUNG         | 19/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 478 | 350478 | 022210002324 | NGUYỄN QUANG      | TRUNG | 06/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 7.25 |         |
| 479 | 350479 | 022310005004 | VŨ MINH           | TÚ    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.6   | 7.25 |         |
| 480 | 350480 | 022210008631 | BÙI ĐÌNH ANH      | TUẤN  | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 7.0          | 4.8   | 6.75 |         |
| 481 | 350481 | 022210008628 | HÀ THÁI           | TUẤN  | 11/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 1.25 |         |
| 482 | 350482 | 022210000209 | LÊ MINH           | TUẤN  | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.5  |         |
| 483 | 350483 | 022210000264 | NGUYỄN ĐỨC        | TUẤN  | 10/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 7.25 |         |
| 484 | 350484 | 022210009515 | NGUYỄN MINH       | TUẤN  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 5.5          | 8.8   | 7.5  |         |
| 485 | 350485 | 022210000267 | PHẠM ANH          | TUẤN  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 7.0          | 4.2   | 6.0  |         |
| 486 | 350486 | 022210007461 | PHẠM QUỐC         | TUẤN  | 18/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.75         | 3.2   | 6.75 |         |
| 487 | 350487 | 022210004818 | PHẠM GIA          | TUỆ   | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 6.5          | 8.6   | 6.5  |         |
| 488 | 350488 | 022210002783 | ĐẶNG NGUYỄN       | TÙNG  | 22/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 1.5  |         |
| 489 | 350489 | 022210007333 | HOÀNG THANH       | TÙNG  | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 3.5  |         |
| 490 | 350490 | 022210002124 | NGÔ XUÂN          | TÙNG  | 11/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 4.75 |         |
| 491 | 350491 | 022210003721 | NGUYỄN THANH      | TÙNG  | 20/12/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | Trường THCS Mạo Khê I  | Tiếng Anh | 5.25         | 8.0   | 3.5  |         |
| 492 | 350492 | 022210021026 | TRỊNH HOÀNG       | TÙNG  | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 7.0  |         |
| 493 | 350493 | 022210009609 | VŨ QUỐC           | TÙNG  | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 7.0  |         |
| 494 | 350494 | 022210003211 | NGUYỄN MẠNH       | TUYỀN | 15/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.0  |         |
| 495 | 350495 | 022310008320 | PHẠM THỊ ÁNH      | TUYẾT | 27/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 2.0  |         |
| 496 | 350496 | 022210010474 | PHÙNG AN          | TUÔNG | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 5.5  |         |
| 497 | 350497 | 022310009048 | ĐỖ THU            | UYÊN  | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 7.0          | 5.6   | 6.25 |         |
| 498 | 350498 | 022310011216 | NGUYỄN THỊ        | UYÊN  | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 4.25 |         |
| 499 | 350499 | 022310006283 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | UYÊN  | 17/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.8   | 7.5  |         |
| 500 | 350500 | 022310007668 | TRẦN THU          | UYÊN  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 2.75         | 4.4   | 5.25 |         |
| 501 | 350501 | 022310001857 | HOÀNG THANH       | VĂN   | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 6.5  |         |
| 502 | 350502 | 034310002077 | NGÔ THANH         | VĂN   | 28/10/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 3.5  |         |
| 503 | 350503 | 022310007957 | BÙI PHƯƠNG        | VI    | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.5          | 4.2   | 5.5  |         |
| 504 | 350504 | 022310007326 | LÊ HẠ             | VI    | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 7.25         | 6.4   | 8.0  |         |
| 505 | 350505 | 022210001347 | NGUYỄN QUANG      | VINH  | 08/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.25 |         |
| 506 | 350506 | 022210002942 | TRỊNH NGỌC GIA    | VINH  | 21/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Đức Chính         | Tiếng Anh | 6.5          | 8.8   | 6.75 |         |
| 507 | 350507 | 022210002879 | VƯƠNG QUANG       | VINH  | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 0.5          | 3.4   | 2.5  |         |
| 508 | 350508 | 022210002208 | HOÀNG PHONG       | VŨ    | 19/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Kim Sơn           | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 6.0  |         |
| 509 | 350509 | 022310012708 | BÙI HẠ            | VY    | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du  | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 7.25 |         |
| 510 | 350510 | 022310009938 | DƯƠNG KHẢI        | VY    | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An          | Tiếng Anh | 8.0          | 8.4   | 7.5  |         |
| 511 | 350511 | 022310000293 | NGUYỄN YẾN        | VY    | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.0   | 7.0  |         |
| 512 | 350512 | 022310008011 | PHẠM HÀ           | VY    | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn          | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 7.0  |         |
| 513 | 350513 | 022310008577 | PHẠM TUÔNG        | VY    | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.0  |         |
| 514 | 350514 | 022310004857 | TRỊNH TUÔNG       | VY    | 10/08/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 2.0  |         |

Đơn vị: Trường THPT Đông Triều (22000721)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 515 | 350515 | 030310006233 | LÊ ÁNH XUÂN           | 11/10/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 5.5          | 2.6   | 4.5  |         |
| 516 | 350516 | 022310003872 | NGUYỄN THỊ NGỌC XUÂN  | 25/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Hưng Đạo         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 7.5  |         |
| 517 | 350517 | 022310001065 | NGUYỄN THỊ THANH XUÂN | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 7.5          | 4.8   | 7.5  |         |
| 518 | 350518 | 022310005645 | ĐOÀN THỊ HẢI YẾN      | 09/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Xuân Sơn         | Tiếng Anh | 6.0          | 4.4   | 7.25 |         |
| 519 | 350519 | 022310004447 | HOÀNG KIM YẾN         | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 7.75         | 5.2   | 7.25 |         |
| 520 | 350520 | 022310004371 | LÊ THỊ HẢI YẾN        | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.0   | 5.25 |         |
| 521 | 350521 | 022310011095 | TRẦN THỊ HẢI YẾN      | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Kim Sơn          | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 4.5  |         |

(Danh sách này gồm có 521 thí sinh)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 1   | 360001 | 022210004299 | BÙI VĂN AN             | 30/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.75 |          |
| 2   | 360002 | 022310009288 | CAO THÁI AN            | 29/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 5.0  |          |
| 3   | 360003 | 022210009885 | DƯƠNG TRỌNG AN         | 19/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 7.0  |          |
| 4   | 360004 | 022310005178 | NGUYỄN BÌNH AN         | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 3.0  |          |
| 5   | 360005 | 022210007559 | NGUYỄN BÌNH AN         | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.0   | 6.75 |          |
| 6   | 360006 | 022210000236 | NGUYỄN TRIỀU AN        | 10/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.75 |          |
| 7   | 360007 | 022310010570 | PHẠM THỊ AN            | 30/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 2.5  |          |
| 8   | 360008 | 030310003876 | PHÙNG THẢO AN          | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 7.75         | 5.4   | 7.5  |          |
| 9   | 360009 | 022210009201 | VŨ ĐỨC AN              | 19/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 4.5  |          |
| 10  | 360010 | 022210006730 | BÙI ĐỨC ANH            | 18/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 5.0  |          |
| 11  | 360011 | 022310002394 | BÙI NGỌC ANH           | 22/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 5.5  |          |
| 12  | 360012 | 022310001566 | BÙI NGUYỄN NGỌC ANH    | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 6.75         | 6.8   | 7.0  |          |
| 13  | 360013 | 030310001211 | ĐÀO HẢI ANH            | 21/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.25 |          |
| 14  | 360014 | 022310010073 | ĐẶNG PHƯƠNG ANH        | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 3.75 |          |
| 15  | 360015 | 030210011282 | ĐỖ ĐỨC ANH             | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 4.0          | 4.6   | 3.75 |          |
| 16  | 360016 | 038310000547 | ĐỖ HÀ MAI ANH          | 16/02/2010 | Thanh Hóa  | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 5.25 |          |
| 17  | 360017 | 022310005697 | HOÀNG NGỌC ANH         | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Trảng An         | Tiếng Anh | 8.5          | 5.2   | 6.75 |          |
| 18  | 360018 | 022210004512 | LÊ HỒNG ANH            | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 4.75         | 7.4   | 7.25 |          |
| 19  | 360019 | 022310003433 | LÊ QUỲNH ANH           | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 5.5          | 3.8   | 4.25 |          |
| 20  | 360020 | 022310005904 | LÊ THỊ HỒNG ANH        | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.0  |          |
| 21  | 360021 | 022310006762 | LÊ THỊ VÂN ANH         | 11/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 7.75 |          |
| 22  | 360022 | 030310011144 | MẠC MAI ANH            | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 7.5  |          |
| 23  | 360023 | 022210011373 | NGUYỄN DUY ANH         | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.25         | 6.6   | 7.0  |          |
| 24  | 360024 | 022310000285 | NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG ANH | 05/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 4.25 |          |
| 25  | 360025 | 022210010232 | NGUYỄN ĐỨC ANH         | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 2.0          | 2.8   | 1.25 |          |
| 26  | 360026 | 022210005288 | NGUYỄN ĐỨC ANH         | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 4.25 |          |
| 27  | 360027 | 022210001687 | NGUYỄN HÀ ANH          | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.2   | 6.75 |          |
| 28  | 360028 | 030310015474 | NGUYỄN HÀ ANH          | 29/05/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 1.25         | 2.4   | 1.25 |          |
| 29  | 360029 | 022310003174 | NGUYỄN HÀ ANH          | 09/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 30  | 360030 | 022210011856 | NGUYỄN MINH ANH        | 13/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 6.25 |          |
| 31  | 360031 | 022310009097 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 6.25         | 3.8   | 6.5  |          |
| 32  | 360032 | 022310008070 | NGUYỄN QUỲNH ANH       | 21/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.4   | 7.25 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 33  | 360033 | 022310001619 | NGUYỄN THỊ DIỆU  | ANH       | 18/01/2010 | Hải Dương  | Nữ               | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 4.75 |         |
| 34  | 360034 | 022310008043 | NGUYỄN THỊ LAN   | ANH       | 05/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 7.0          | 8.4   | 8.5  |         |
| 35  | 360035 | 022310004735 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | ANH       | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 2.5  |         |
| 36  | 360036 | 022310005513 | NGUYỄN TRẦN HOÀI | ANH       | 03/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 3.0  |         |
| 37  | 360037 | 022210001499 | NGUYỄN TRUNG     | ANH       | 29/06/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 2.75         | 2.4   | 2.75 |         |
| 38  | 360038 | 022210003033 | NGUYỄN TUẤN      | ANH       | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 4.25 |         |
| 39  | 360039 | 022210005327 | NGUYỄN VIỆT      | ANH       | 23/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 1.75         | 3.0   | 0.5  |         |
| 40  | 360040 | 022310007252 | NGUYỄN VIỆT      | ANH       | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Tân Việt   | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 5.25 |         |
| 41  | 360041 | 022310000430 | NGUYỄN VŨ HOÀNG  | ANH       | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.75         | 6.4   | 8.0  |         |
| 42  | 360042 | 036310004192 | NGUYỄN VŨ MINH   | ANH       | 10/01/2010 | Nam Định   | Nữ               | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 7.0          | 3.8   | 5.75 |         |
| 43  | 360043 | 022310002308 | PHẠM THỊ KIM     | ANH       | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.75         | 2.0   | 4.0  |         |
| 44  | 360044 | 022310007901 | PHẠM THỊ THÙY    | ANH       | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.0          | 3.6   | 1.75 |         |
| 45  | 360045 | 022310002393 | PHẠM THỊ TRANG   | ANH       | 14/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 7.25         | 7.6   | 4.5  |         |
| 46  | 360046 | 001310054391 | QUÁCH THỊ PHƯƠNG | ANH       | 04/12/2010 | Hà Nội     | Nữ               | Trường THCS Đại Cường | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 2.75 |         |
| 47  | 360047 | 022310003467 | TRẦN THỊ VÂN     | ANH       | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.5  |         |
| 48  | 360048 | 022210002944 | TRẦN TUẤN        | ANH       | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.0          | 2.8   | 4.25 |         |
| 49  | 360049 | 022310008649 | TRƯƠNG NGỌC      | ANH       | 15/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 7.0  |         |
| 50  | 360050 | 022310005414 | VŨ NGUYỄN NGỌC   | ANH       | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 4.25 |         |
| 51  | 360051 | 022310000864 | VŨ PHƯƠNG        | ANH       | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 5.25 |         |
| 52  | 360052 | 022310007907 | VƯƠNG ĐOÀN KIỀU  | ANH       | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 8.0          | 8.2   | 8.5  |         |
| 53  | 360053 | 022310002539 | ĐỖ NGỌC          | ÁNH       | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 7.0  |         |
| 54  | 360054 | 038310014440 | NGUYỄN NGỌC      | ÁNH       | 23/02/2010 | Thanh Hóa  | Nữ               | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 4.0  |         |
| 55  | 360055 | 022310010463 | NGUYỄN NGỌC      | ÁNH       | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 6.25 |         |
| 56  | 360056 | 022310003490 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | ÁNH       | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 8.0  |         |
| 57  | 360057 | 022310001464 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | ÁNH       | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 3.5          | 5.2   | 5.5  |         |
| 58  | 360058 | 022309011685 | PHẠM NGỌC        | ÁNH       | 22/05/2009 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 1.5  |         |
| 59  | 360059 | 044310008974 | TRƯƠNG NGỌC      | ÁNH       | 18/08/2010 | Quảng Bình | Nữ               | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 6.25 |         |
| 60  | 360060 | 022210010087 | ĐẶNG ĐÌNH GIA    | BẢO       | 20/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 7.0  |         |
| 61  | 360061 | 022210005543 | ĐOÀN GIA         | BẢO       | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 6.0          | 3.2   | 5.25 |         |
| 62  | 360062 | 022210004734 | LÊ ĐÌNH          | BẢO       | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 4.5  |         |
| 63  | 360063 | 022210000234 | NGUYỄN GIA       | BẢO       | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 6.25         | 3.6   | 7.75 |         |
| 64  | 360064 | 022210000480 | NGUYỄN QUỐC      | BẢO       | 29/08/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.6   | 4.75 |         |
| 65  | 360065 | 022210000707 | TRẦN QUỐC GIA    | BẢO       | 23/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 3.25         | 2.6   | 5.25 |         |
| 66  | 360066 | 030210012989 | VŨ DUY           | BẢO       | 15/09/2010 | Hải Dương  | Nam              | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 6.75 |         |
| 67  | 360067 | 022310001820 | NGUYỄN THỊ HẢI   | BĂNG      | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 6.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính       | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-----------|------------|-----------------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |           |            |                 |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 68  | 360068 | 001310010946 | NGUYỄN THỊ HẢI    | BẮNG      | 26/10/2010 | Hà Nội          | Nữ               | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 3.75         | 4.8   | 6.5  |          |
| 69  | 360069 | 030310009190 | PHẠM KHÁNH        | BẮNG      | 21/03/2010 | Hải Dương       | Nữ               | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 7.75 |          |
| 70  | 360070 | 022310008236 | LÊ THỊ NGỌC       | BÍCH      | 31/05/2010 | Thái Bình       | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.75         | 4.0   | 6.75 |          |
| 71  | 360071 | 022310009250 | ĐỖ KIM            | BÌNH      | 16/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 8.25         | 6.2   | 7.25 |          |
| 72  | 360072 | 031310019474 | TRẦN THỊ NHƯ      | BÌNH      | 11/07/2010 | Hải Phòng       | Nữ               | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.5  |          |
| 73  | 360073 | 022310003828 | NGUYỄN VI         | CÀM       | 05/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 7.0  |          |
| 74  | 360074 | 026310000368 | NGUYỄN QUỲNH      | CHÂM      | 07/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 8.0  |          |
| 75  | 360075 | 022310009340 | NGUYỄN NGỌC MINH  | CHÂU      | 29/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 7.5          | 9.6   | 8.25 |          |
| 76  | 360076 | 022310003601 | NGUYỄN THỊ MINH   | CHÂU      | 29/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 7.0          | 4.4   | 7.25 |          |
| 77  | 360077 | 022310011140 | ĐÌNH BẢO QUỲNH    | CHI       | 20/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.25         | 6.2   | 6.5  |          |
| 78  | 360078 | 022310011611 | LÂM QUỲNH         | CHI       | 06/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 5.0  |          |
| 79  | 360079 | 022310012630 | LÊ NGỌC LINH      | CHI       | 30/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 5.5  |          |
| 80  | 360080 | 022310003438 | NGUYỄN LAN        | CHI       | 08/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.5  |          |
| 81  | 360081 | 022310000275 | NGUYỄN THỊ QUỲNH  | CHI       | 08/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.75         | 2.8   | 5.0  |          |
| 82  | 360082 | 022310006074 | PHẠM THỊ ĐIỆP     | CHI       | 09/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.75         | 3.0   | 5.25 |          |
| 83  | 360083 | 022310005780 | TRẦN THỊ QUỲNH    | CHI       | 14/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 6.5  |          |
| 84  | 360084 | 022310011291 | TRƯƠNG KHÁNH      | CHI       | 10/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 7.25         | 6.8   | 7.5  |          |
| 85  | 360085 | 022210000430 | BÙI QUANG         | CHIẾN     | 12/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 6.0  |          |
| 86  | 360086 | 030210007123 | PHÙNG ĐỨC         | CHÍNH     | 25/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 6.5  |          |
| 87  | 360087 | 022310009449 | NGUYỄN THỊ THANH  | CHỨC      | 21/03/2010 | Hải Phòng       | Nữ               | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 2.75         | 4.8   | 5.25 |          |
| 88  | 360088 | 022210007610 | NGUYỄN VĂN        | CHUYÊN    | 28/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 2.75         | 5.2   | 7.5  |          |
| 89  | 360089 | 022210003381 | TRƯƠNG HOÀNG      | CÔNG      | 25/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 90  | 360090 | 008210009244 | NGUYỄN NGỌC       | CƯỜNG     | 08/08/2010 | Tuyên Quang     | Nam              | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 2.0          | 1.2   | 3.0  |          |
| 91  | 360091 | 022210002185 | VŨ MẠNH           | CUÔNG     | 16/06/2010 | Hải Dương       | Nam              | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 2.75         | 5.6   | 3.75 |          |
| 92  | 360092 | 022210009736 | VŨ QUỐC           | CUÔNG     | 30/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 6.0          | 6.2   | 5.5  |          |
| 93  | 360093 | 022310001688 | TRẦN THỊ HÂN      | DI        | 03/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 7.5          | 9.2   | 6.75 |          |
| 94  | 360094 | 022310007680 | LÊ NGỌC           | DIỄM      | 19/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 7.0          | 7.4   | 6.0  |          |
| 95  | 360095 | 022310012061 | NGUYỄN NGỌC       | DIỆP      | 15/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.25 |          |
| 96  | 360096 | 022310009949 | VŨ NGỌC           | DIỆP      | 30/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 7.0          | 7.8   | 7.25 |          |
| 97  | 360097 | 022310004515 | VŨ HOÀNG          | DIỆU      | 18/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ               | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 2.25         | 3.6   | 0.75 |          |
| 98  | 360098 | 022210001336 | LÊ NAM            | DOANH     | 22/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 7.25 |          |
| 99  | 360099 | 022310009732 | NGUYỄN NGỌC HOÀNG | DUNG      | 23/06/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ               | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 6.0  |          |
| 100 | 360100 | 022210005681 | BÙI ĐÌNH          | DỪNG      | 01/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.2   | 5.75 |          |
| 101 | 360101 | 022210005074 | LÊ HÙNG           | DỪNG      | 10/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | TH và THCS Trảng Lươg | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 1.0  |          |
| 102 | 360102 | 030210002754 | NGUYỄN TẤN        | DỪNG      | 08/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam              | TH và THCS Tân Việt   | Tiếng Anh | 2.5          | 4.6   | 4.5  |          |



**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |                 |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 103 | 360103 | 022210006066 | NGUYỄN TIẾN DŨNG      | 01/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 4.75 |          |
| 104 | 360104 | 022210010858 | NGUYỄN TUẤN DŨNG      | 28/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 6.5  |          |
| 105 | 360105 | 022210007350 | HOÀNG ĐỨC DUY         | 17/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 1.25 |          |
| 106 | 360106 | 022210008568 | PHẠM KHÁNH DUY        | 24/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 6.5  |          |
| 107 | 360107 | 022210009876 | NGUYỄN GIA DUYÊN      | 10/12/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 7.0  |          |
| 108 | 360108 | 082310000293 | LÊ NGUYỄN HỒNG DƯƠNG  | 21/12/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 6.5          | 8.4   | 6.75 |          |
| 109 | 360109 | 022310001083 | MẠC THUỶ DƯƠNG        | 06/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 5.25 |          |
| 110 | 360110 | 022310004344 | MÈ THỊ THUY DƯƠNG     | 08/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 7.25         | 3.8   | 6.5  |          |
| 111 | 360111 | 022310002764 | NGÔ ÁNH DƯƠNG         | 21/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 6.25 |          |
| 112 | 360112 | 030210011938 | NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG     | 16/10/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 3.0  |          |
| 113 | 360113 | 022310001770 | NGUYỄN THỊ THUY DƯƠNG | 20/07/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 5.25 |          |
| 114 | 360114 | 022310003571 | NGUYỄN THUY DƯƠNG     | 11/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 2.75 |          |
| 115 | 360115 | 022210009817 | NGUYỄN TÙNG DƯƠNG     | 16/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 2.5  |          |
| 116 | 360116 | 022310006160 | TRƯƠNG THỊ ÁNH DƯƠNG  | 27/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 4.75 |          |
| 117 | 360117 | 022210003651 | HỒ QUANG ĐẠI          | 09/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.8   | 5.5  |          |
| 118 | 360118 | 022310002185 | NGUYỄN LINH ĐAN       | 28/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 7.25         | 3.6   | 7.5  |          |
| 119 | 360119 | 022210010690 | NGUYỄN CÔNG ĐẠT       | 21/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 120 | 360120 | 030210012351 | HOÀNG NHẬT ĐĂNG       | 13/04/2010 | Hải Dương       | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.25         | 2.8   | 5.0  |          |
| 121 | 360121 | 022210007910 | LƯU HẢI ĐĂNG          | 27/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 7.0  |          |
| 122 | 360122 | 022210011522 | TRIỆU HẢI ĐĂNG        | 13/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Dao              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 2.25 |          |
| 123 | 360123 | 022210005596 | VŨ HẢI ĐĂNG           | 07/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 7.0          | 8.6   | 8.5  |          |
| 124 | 360124 | 022210001653 | LINH CÔNG ĐỊNH        | 29/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Sán Diu          | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 4.75 |          |
| 125 | 360125 | 022210001303 | PHẠM TRUNG ĐOÀN       | 01/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 7.75 |          |
| 126 | 360126 | 022210005708 | ĐỖ VĂN ĐÔNG           | 06/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 4.75         | 2.8   | 6.0  |          |
| 127 | 360127 | 022210001372 | NGUYỄN SƠN ĐÔNG       | 13/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 4.5          | 7.6   | 4.0  |          |
| 128 | 360128 | 030210011367 | TRẦN XUÂN ĐÔNG        | 15/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 4.75         | 5.6   | 1.0  |          |
| 129 | 360129 | 022210012227 | CHU ANH ĐỨC           | 22/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.0          | 8.0   | 6.25 |          |
| 130 | 360130 | 022210005575 | ĐÀO TRỌNG ĐỨC         | 07/01/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 5.25         | 6.8   | 6.25 |          |
| 131 | 360131 | 022210001833 | NGÔ ĐÌNH ĐỨC          | 23/01/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 2.25         | 5.0   | 2.25 |          |
| 132 | 360132 | 022210012658 | NGUYỄN ĐẶNG MINH ĐỨC  | 23/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 4.75 |          |
| 133 | 360133 | 022210007381 | NGUYỄN MINH ĐỨC       | 09/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 8.0  |          |
| 134 | 360134 | 022210010782 | NGUYỄN TÀI ĐỨC        | 24/06/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 6.0  |          |
| 135 | 360135 | 022210011558 | NGUYỄN TRẦN KIM ĐỨC   | 15/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.5          | 3.6   | 3.75 |          |
| 136 | 360136 | 022210005917 | TRẦN HÙNG ĐỨC         | 21/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 5.5          | 5.2   | 3.75 |          |
| 137 | 360137 | 022210012310 | TRẦN QUANG ĐỨC        | 18/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.6   | 6.0  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-----------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                       |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 138 | 360138 | 022310000480 | LÊ HỒNG GẮM           | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.5          | 8.6   | 6.25 |          |
| 139 | 360139 | 022310001918 | HÀ THANH GIANG        | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 3.5          | 4.6   | 4.75 |          |
| 140 | 360140 | 022210006130 | NGÔ ĐỨC GIANG         | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 3.75         | 5.2   | 5.0  |          |
| 141 | 360141 | 022310010081 | NGUYỄN THỊ THU GIANG  | 02/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.75         | 8.0   | 7.0  |          |
| 142 | 360142 | 022210011739 | NGUYỄN TRƯỜNG GIANG   | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.4   | 5.75 |          |
| 143 | 360143 | 022210001505 | NGUYỄN VĂN GIANG      | 05/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.4   | 6.75 |          |
| 144 | 360144 | 022310002883 | TRỊNH HƯƠNG GIANG     | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 5.25         | 5.6   | 5.5  |          |
| 145 | 360145 | 022210010126 | ĐƯƠNG HẢI GIAO        | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.25         | 3.2   | 6.25 |          |
| 146 | 360146 | 040310021329 | ĐẶNG THU HÀ           | 01/07/2010 | Nghệ An    | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 8.0          | 5.8   | 6.25 |          |
| 147 | 360147 | 022310007909 | ĐOÀN THỊ VIỆT HÀ      | 30/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.8   | 5.25 |          |
| 148 | 360148 | 022310001193 | ĐỖ HOÀNG HÀ           | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 6.75         | 8.6   | 6.0  |          |
| 149 | 360149 | 075310017185 | NHỮ THỊ THU HÀ        | 25/02/2010 | Trà Vinh   | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.25 |          |
| 150 | 360150 | 022210002991 | PHẠM HOÀNG HÀ         | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.0  |          |
| 151 | 360151 | 022310002897 | VŨ THANH HÀ           | 28/03/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 7.25         | 6.6   | 6.75 |          |
| 152 | 360152 | 022210002350 | HỒ HAI                | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.5          | 4.4   | 4.75 |          |
| 153 | 360153 | 022210008342 | HOÀNG NGỌC HẢI        | 13/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 154 | 360154 | 022210011713 | NGUYỄN ĐỨC HẢI        | 06/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 5.5  |          |
| 155 | 360155 | 022210008469 | NGUYỄN HOÀNG HẢI      | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 3.25         | 3.6   | 4.0  |          |
| 156 | 360156 | 022310007417 | NGUYỄN THỊ HẢI        | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 4.75         | 3.4   | 5.75 |          |
| 157 | 360157 | 022210003175 | NGUYỄN VĂN HẢI        | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.6   | 3.5  |          |
| 158 | 360158 | 022210009922 | PHẠM QUANG HẢI        | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 3.25 |          |
| 159 | 360159 | 030210014380 | TRẦN ĐỨC HẢI          | 06/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 5.75 |          |
| 160 | 360160 | 022310012570 | ĐƯƠNG THỊ THÚY HẰNG   | 25/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 7.5          | 3.6   | 6.75 |          |
| 161 | 360161 | 030310011441 | ĐINH THỊ MINH HẰNG    | 04/12/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 3.5  |          |
| 162 | 360162 | 022310008322 | ĐỖ MINH HẰNG          | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 5.25         | 6.0   | 6.5  |          |
| 163 | 360163 | 022310008550 | HOÀNG THỊ MINH HẰNG   | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 3.0          | 3.0   | 4.75 |          |
| 164 | 360164 | 022310005165 | LÊ THU HẰNG           | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 5.5          | 2.6   | 5.0  |          |
| 165 | 360165 | 022310003693 | NGUYỄN THỊ THU HẰNG   | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 3.25         | 2.2   | 5.0  |          |
| 166 | 360166 | 022310003410 | PHẠM THANH HẰNG       | 24/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 7.5  |          |
| 167 | 360167 | 022310003476 | TRẦN NGUYỄN MINH HẰNG | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Việt | Tiếng Anh | 7.5          | 4.6   | 5.5  |          |
| 168 | 360168 | 022310010817 | ĐƯƠNG NGỌC HÂN        | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 7.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 169 | 360169 | 022310011788 | LÊ NGỌC HÂN           | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 5.0  |          |
| 170 | 360170 | 022310004721 | NGUYỄN NGỌC HÂN       | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.8   | 5.75 |          |
| 171 | 360171 | 022310001516 | NGUYỄN NGỌC HÂN       | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 3.75         | 2.8   | 4.25 |          |
| 172 | 360172 | 022310005635 | NGUYỄN THANH HIỀN     | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 1.5          | 2.2   | 3.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |       |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 173 | 360173 | 022210011375 | VÕ ĐẠI            | HIỀN  | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 6.75 |          |
| 174 | 360174 | 040210000095 | NGUYỄN ĐỨC        | HIỆP  | 03/01/2010 | Nghệ An    | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 4.75 |          |
| 175 | 360175 | 022210006324 | DUƠNG DOÃN        | HIẾU  | 27/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 3.5  |          |
| 176 | 360176 | 022210009025 | ĐỖ TRUNG          | HIẾU  | 22/02/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.75 |          |
| 177 | 360177 | 022210009019 | NGUYỄN ĐỨC        | HIẾU  | 31/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 1.75         | 4.0   | 5.5  |          |
| 178 | 360178 | 022210001555 | NGUYỄN TRUNG      | HIẾU  | 30/04/2010 | Đồng Nai   | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 5.5  |          |
| 179 | 360179 | 022210004055 | NGUYỄN TRUNG      | HIẾU  | 08/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 5.75 |          |
| 180 | 360180 | 022210006144 | NGUYỄN VIỆT       | HIẾU  | 29/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 3.75 |          |
| 181 | 360181 | 022210012021 | TRẦN TRUNG        | HIẾU  | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt   | Tiếng Anh | 5.5          | 5.6   | 7.0  |          |
| 182 | 360182 | 022310009290 | HOÀNG MỘC         | HOA   | 22/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Trảng Lươg | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 4.25 |          |
| 183 | 360183 | 022310009828 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | HOA   | 13/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 8.0  |          |
| 184 | 360184 | 022310000300 | NGUYỄN TUỆ        | HOA   | 29/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 5.75         | 3.2   | 3.25 |          |
| 185 | 360185 | 022210011933 | HỒ TRUNG          | HÒA   | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 6.0  |          |
| 186 | 360186 | 022310007408 | VŨ DIỆU           | HÒA   | 04/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 4.25         | 3.6   | 5.0  |          |
| 187 | 360187 | 022310009368 | ĐẶNG THU          | HOÀI  | 25/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 7.5          | 6.0   | 5.75 |          |
| 188 | 360188 | 022310000322 | ĐINH THỊ NHƯ      | HOÀI  | 20/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 3.0          | 4.4   | 3.25 |          |
| 189 | 360189 | 022310010416 | NGUYỄN THỊ KIM    | HOÀN  | 19/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 5.25 |          |
| 190 | 360190 | 022210002112 | NGUYỄN LÊ         | HOÀNG | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 5.75 |          |
| 191 | 360191 | 022210000346 | VŨ VIỆT           | HOÀNG | 18/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.4   | 6.0  |          |
| 192 | 360192 | 022210007176 | VŨ XUÂN           | HOÀNG | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.75         | 3.8   | 6.25 |          |
| 193 | 360193 | 022310006144 | BÙI THANH         | HÔNG  | 08/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Trảng Lươg | Tiếng Anh | 2.75         | 2.8   | 2.75 |          |
| 194 | 360194 | 022210006902 | MẠC PHI           | HÙNG  | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 6.25 |          |
| 195 | 360195 | 022210012022 | NGUYỄN MẠNH       | HÙNG  | 22/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 3.0          | 4.0   | 2.5  |          |
| 196 | 360196 | 030210000660 | VŨ MẠNH           | HÙNG  | 14/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 197 | 360197 | 022210000477 | ĐOÀN ANH          | HUY   | 08/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 6.25 |          |
| 198 | 360198 | 022210008845 | ĐOÀN QUANG        | HUY   | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 7.5  |          |
| 199 | 360199 | 022210002332 | HOÀNG VĂN         | HUY   | 14/10/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 1.75         | 3.0   | 2.5  |          |
| 200 | 360200 | 022210007640 | LÊ GIA            | HUY   | 17/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 6.25         | 6.0   | 7.5  |          |
| 201 | 360201 | 022210008652 | NGUYỄN GIA        | HUY   | 11/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt   | Tiếng Anh | 4.75         | 7.8   | 8.0  |          |
| 202 | 360202 | 022210011913 | NGUYỄN GIA        | HUY   | 31/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Trảng Lươg | Tiếng Anh | 1.25         | 4.2   | 2.75 |          |
| 203 | 360203 | 022210012358 | NGUYỄN HOÀNG      | HUY   | 04/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 6.25         | 4.2   | 4.75 |          |
| 204 | 360204 | 022210006985 | NGUYỄN MINH       | HUY   | 24/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 5.5  |          |
| 205 | 360205 | 022210001355 | NGUYỄN NHẬT       | HUY   | 01/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.6   | 5.75 |          |
| 206 | 360206 | 022210000665 | NGUYỄN VĂN        | HUY   | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 4.25         | 6.6   | 6.25 |          |
| 207 | 360207 | 030210008785 | PHẠM GIA          | HUY   | 02/03/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 6.25         | 6.4   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 208 | 360208 | 022310002913 | BÙI THỊ NGÂN     | HUYỀN  | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.6   | 2.0  |          |
| 209 | 360209 | 022310003034 | NGUYỄN THỊ THANH | HUYỀN  | 16/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.5  |          |
| 210 | 360210 | 022310008889 | VƯƠNG THU        | HUYỀN  | 16/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 2.5          | 3.4   | 3.25 |          |
| 211 | 360211 | 022210005505 | NGUYỄN KHÁNH     | HƯNG   | 01/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.75         | 4.0   | 6.5  |          |
| 212 | 360212 | 022210000340 | NGUYỄN PHÚ       | HƯNG   | 10/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.0          | 3.4   | 7.5  |          |
| 213 | 360213 | 022210010899 | NGUYỄN VIỆT      | HƯNG   | 08/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.0          | 3.6   | 6.75 |          |
| 214 | 360214 | 022210012682 | PHẠM HẢI         | HƯNG   | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.25         | 7.2   | 7.5  |          |
| 215 | 360215 | 022210008219 | PHẠM VĂN         | HƯNG   | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.75         | 6.0   | 6.25 |          |
| 216 | 360216 | 022210007186 | TRƯƠNG HẢI       | HƯNG   | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 6.25 |          |
| 217 | 360217 | 022310007904 | DUƠNG THỊ        | HƯƠNG  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.4   | 4.5  |          |
| 218 | 360218 | 022310007601 | HOÀNG THỊ        | HƯƠNG  | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Hoa              | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.25 |          |
| 219 | 360219 | 001310030703 | LÊ THIÊN         | HƯƠNG  | 28/10/2010 | Hà Nội     | Nữ        |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 2.5          | 4.0   | 4.0  |          |
| 220 | 360220 | 022310002203 | NGUYỄN THỊ       | HƯƠNG  | 03/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.5          | 6.4   | 7.0  |          |
| 221 | 360221 | 022310008808 | NGUYỄN THỊ MAI   | HƯƠNG  | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.75         | 5.2   | 6.25 |          |
| 222 | 360222 | 022310009531 | NGUYỄN THỊ THU   | HƯƠNG  | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 223 | 360223 | 022210002260 | NGUYỄN THIÊN     | KHANG  | 20/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.25 |          |
| 224 | 360224 | 022210004854 | VŨ NGUYỄN MINH   | KHANG  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.0   | 6.5  |          |
| 225 | 360225 | 022310010139 | BÙI PHƯƠNG       | KHANH  | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 4.0  |          |
| 226 | 360226 | 022310008960 | ĐOÀN MAI         | KHANH  | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.5          | 5.0   | 6.0  |          |
| 227 | 360227 | 022210010908 | ĐẶNG DUY         | KHÁNH  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 3.75         | 4.4   | 3.5  |          |
| 228 | 360228 | 022210000558 | LÊ QUỐC          | KHÁNH  | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 3.0          | 5.0   | 3.25 |          |
| 229 | 360229 | 026210002697 | NGUYỄN DUY       | KHÁNH  | 18/06/2010 | Vĩnh Phúc  | Nam       |                  | Trường THCS Nguyễn Du | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 4.25 |          |
| 230 | 360230 | 022210009740 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH  | 11/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 4.75         | 2.6   | 4.0  |          |
| 231 | 360231 | 022210002653 | NGUYỄN NAM       | KHÁNH  | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 7.25         | 5.0   | 5.5  |          |
| 232 | 360232 | 022210003562 | PHẠM GIA         | KHÁNH  | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 4.0  |          |
| 233 | 360233 | 022210004073 | PHẠM GIA         | KHÁNH  | 03/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 4.25         | 2.6   | 7.0  |          |
| 234 | 360234 | 022210012689 | VŨ DUY           | KHÁNH  | 27/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.0          | 6.4   | 5.0  |          |
| 235 | 360235 | 022210002427 | VŨ XUÂN          | KHÁNH  | 09/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 8.25         | 6.2   | 7.75 |          |
| 236 | 360236 | 022210007032 | MẠC ĐĂNG         | KHOA   | 17/06/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt   | Tiếng Anh | 6.0          | 5.6   | 5.0  |          |
| 237 | 360237 | 022210005884 | PHẠM ĐĂNG        | KHOA   | 10/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 4.5          | 5.4   | 2.25 |          |
| 238 | 360238 | 019210000170 | PHẠM VŨ          | KHOA   | 20/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 5.0  |          |
| 239 | 360239 | 022210006752 | NGUYỄN TIẾN      | KHÔI   | 09/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 7.5  |          |
| 240 | 360240 | 022210006512 | TRẦN VĂN         | KHUYẾN | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 6.0          | 6.6   | 7.5  |          |
| 241 | 360241 | 022210000347 | BÙI ĐỨC          | KIÊN   | 25/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 4.25         | 2.4   | 6.5  |          |
| 242 | 360242 | 022210011418 | HÀ ĐÌNH          | KIÊN   | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Mường            | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.8   | 4.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 243 | 360243 | 022210009881 | NGUYỄN ĐỨC KIÊN        | 05/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.0          | 6.2   | 6.5  |         |
| 244 | 360244 | 022210006233 | NGUYỄN ANH KIỆT        | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.8   | 4.75 |         |
| 245 | 360245 | 030210017284 | NGUYỄN ANH KIỆT        | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 7.0          | 6.2   | 7.25 |         |
| 246 | 360246 | 022210008747 | NGUYỄN KIM KIỆT        | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 2.0          | 6.2   | 4.75 |         |
| 247 | 360247 | 022210000946 | PHẠM VĂN KIỆT          | 03/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.5          | 8.2   | 6.75 |         |
| 248 | 360248 | 022310004336 | NGUYỄN NGỌC LAN        | 02/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 7.25 |         |
| 249 | 360249 | 022310009369 | PHẠM NGỌC LAN          | 27/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 8.0          | 7.6   | 5.25 |         |
| 250 | 360250 | 022310003916 | PHẠM TRẦN HOÀNG LAN    | 03/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.75         | 5.4   | 5.5  |         |
| 251 | 360251 | 022210006914 | PHẠM TÙNG LÂM          | 17/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 6.25         | 9.2   | 8.25 |         |
| 252 | 360252 | 022310005200 | BÙI THỊ KHÁNH LINH     | 22/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 3.75         | 5.8   | 2.75 |         |
| 253 | 360253 | 022310009792 | BÙI THỊ TRÀ LINH       | 22/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 5.25 |         |
| 254 | 360254 | 022310008268 | ĐẶNG THUY LINH         | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.0   | 5.0  |         |
| 255 | 360255 | 022310007353 | HOÀNG KHÁNH LINH       | 23/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 4.0  |         |
| 256 | 360256 | 022210008860 | LÊ HẢI LINH            | 17/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 3.75         | 3.0   | 5.75 |         |
| 257 | 360257 | 022310003646 | LÊ KHÁNH LINH          | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.5          | 5.8   | 4.25 |         |
| 258 | 360258 | 022310005439 | NGUYỄN BÙI PHƯƠNG LINH | 17/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 1.75 |         |
| 259 | 360259 | 022310011221 | NGUYỄN ĐẶNG BẢO LINH   | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 5.75 |         |
| 260 | 360260 | 064310004742 | NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG LINH | 16/07/2010 | Gia Lai    | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 6.75         | 4.8   | 7.5  |         |
| 261 | 360261 | 022310008716 | NGUYỄN HÀ LINH         | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 5.5          | 5.8   | 4.75 |         |
| 262 | 360262 | 022310008858 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 29/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 7.0          | 6.0   | 6.75 |         |
| 263 | 360263 | 022310008360 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH     | 22/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.8   | 6.75 |         |
| 264 | 360264 | 030310010796 | NGUYỄN THỊ DIỆU LINH   | 02/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 6.0          | 8.4   | 7.5  |         |
| 265 | 360265 | 022310000192 | NGUYỄN THỊ HÀ LINH     | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 7.75 |         |
| 266 | 360266 | 033310004072 | NGUYỄN THUY LINH       | 29/03/2010 | Hung Yên   | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 3.75         | 3.4   | 5.75 |         |
| 267 | 360267 | 030310007084 | NGUYỄN THUY LINH       | 31/07/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 6.5  |         |
| 268 | 360268 | 022210000904 | NGUYỄN VĂN LINH        | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 4.25 |         |
| 269 | 360269 | 022310007483 | PHẠM KHÁNH LINH        | 14/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 4.0  |         |
| 270 | 360270 | 022310009405 | THÂN PHẠM MAI LINH     | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.4   | 7.5  |         |
| 271 | 360271 | 022310005890 | TRẦN THUY LINH         | 01/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 6.25         | 7.0   | 8.5  |         |
| 272 | 360272 | 022310004181 | VŨ DIỆU LINH           | 12/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 6.5  |         |
| 273 | 360273 | 022310005988 | VŨ HOÀNG KHÁNH LINH    | 06/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.4   | 4.0  |         |
| 274 | 360274 | 022310004756 | LÊ THANH LOAN          | 09/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 5.0          | 4.2   | 5.75 |         |
| 275 | 360275 | 022210005315 | NGUYỄN ĐỨC LONG        | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 5.75 |         |
| 276 | 360276 | 022210005885 | NGUYỄN NHẬT LONG       | 23/06/2010 | Hà Nội     | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 5.25         | 2.6   | 5.0  |         |
| 277 | 360277 | 022210004581 | NGUYỄN NHẬT LONG       | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 4.75         | 3.6   | 6.25 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|-------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |       |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 278 | 360278 | 022210012228 | NGUYỄN THÀNH     | LONG  | 27/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 5.75         | 2.6   | 4.75 |          |
| 279 | 360279 | 022210003648 | TẠ PHƯƠNG        | LONG  | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       | Hoa              | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.4   | 4.75 |          |
| 280 | 360280 | 022210005361 | NGUYỄN TRẦN DUY  | LỢI   | 07/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 5.5  |          |
| 281 | 360281 | 022310010365 | TRẦN MAI         | LUYÊN | 21/09/2010 | Bắc Ninh   | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.25         | 2.4   | 4.5  |          |
| 282 | 360282 | 022310006938 | NGÔ THỊ MỸ       | LƯƠNG | 15/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 2.5  |          |
| 283 | 360283 | 022210008576 | TRẦN QUỐC        | LƯƠNG | 27/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 6.0          | 5.8   | 6.5  |          |
| 284 | 360284 | 022310011965 | ĐÀO KHÁNH        | LY    | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.4   | 5.0  |          |
| 285 | 360285 | 022310010108 | ĐÀO THỊ          | LY    | 18/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 4.5          | 3.0   | 1.25 |          |
| 286 | 360286 | 022310011475 | NGUYỄN KHÁNH     | LY    | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 3.0          | 1.4   | 2.0  |          |
| 287 | 360287 | 030310012200 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | LY    | 07/05/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 5.0  |          |
| 288 | 360288 | 022310002735 | NGUYỄN THỊ THẢO  | LY    | 16/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 5.25 |          |
| 289 | 360289 | 022310007701 | TRẦN LAN         | LY    | 02/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 8.0          | 2.8   | 5.5  |          |
| 290 | 360290 | 022310000262 | NGUYỄN THỊ XUÂN  | MAI   | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 8.0          | 6.8   | 7.0  |          |
| 291 | 360291 | 022310011891 | PHẠM THU         | MAI   | 15/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 292 | 360292 | 024210010315 | HÀ ĐỨC           | MẠNH  | 24/03/2010 | Bắc Giang  | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.0          | 8.6   | 9.0  |          |
| 293 | 360293 | 022210009936 | NGUYỄN DUY       | MẠNH  | 16/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 4.75         | 3.2   | 7.0  |          |
| 294 | 360294 | 022210004609 | TRẦN THẾ         | MẠNH  | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 5.0          | 5.4   | 7.25 |          |
| 295 | 360295 | 022310006392 | PHẠM NGỌC        | MẾN   | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 5.5          | 5.4   | 6.25 |          |
| 296 | 360296 | 022210011049 | DUƠNG ĐỨC        | MINH  | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 3.25         | 4.0   | 5.25 |          |
| 297 | 360297 | 022210002752 | KHÚC ĐỖ          | MINH  | 02/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 5.5          | 4.2   | 7.5  |          |
| 298 | 360298 | 022310010912 | LÂM NGỌC         | MINH  | 14/09/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.5          | 5.8   | 7.25 |          |
| 299 | 360299 | 022210008022 | LÊ               | MINH  | 05/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 5.5          | 6.0   | 7.25 |          |
| 300 | 360300 | 022210008917 | LÊ ANH           | MINH  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.6   | 5.5  |          |
| 301 | 360301 | 031210020040 | LÊ NHẬT          | MINH  | 19/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 4.5          | 6.0   | 3.75 |          |
| 302 | 360302 | 034210009677 | LÊ NHẬT          | MINH  | 16/01/2010 | Thái Bình  | Nam       |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 1.5          | 5.6   | 5.5  |          |
| 303 | 360303 | 022210012553 | NGUYỄN DUY       | MINH  | 09/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 4.0          | 2.8   | 4.5  |          |
| 304 | 360304 | 022210004034 | NGUYỄN ĐỖ ĐỨC    | MINH  | 06/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 6.75         | 4.6   | 7.25 |          |
| 305 | 360305 | 022210010734 | NGUYỄN HIỂU      | MINH  | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 4.75         | 4.2   | 6.25 |          |
| 306 | 360306 | 022210001384 | NGUYỄN KIM GIA   | MINH  | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 3.5          | 5.0   | 4.0  |          |
| 307 | 360307 | 022210003435 | NGUYỄN NGỌC      | MINH  | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 7.5          | 7.4   | 7.5  |          |
| 308 | 360308 | 022310008651 | NGUYỄN THỊ THU   | MINH  | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 8.5  |          |
| 309 | 360309 | 022310005737 | NGUYỄN HOÀNG TRÀ | MY    | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 7.25 |          |
| 310 | 360310 | 022309008452 | NGUYỄN THỊ HÀ    | MY    | 27/06/2009 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 4.5  |          |
| 311 | 360311 | 022310008003 | NGUYỄN TRÀ       | MY    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.25         | 5.6   | 6.5  |          |
| 312 | 360312 | 022310011869 | PHẠM THỊ TRÀ     | MY    | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 6.0          | 6.8   | 6.75 |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS           | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                       |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 313 | 360313 | 022210010622 | NGUYỄN BÁ NAM          | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 3.5          | 2.6   | 5.75 |         |
| 314 | 360314 | 022210002789 | NGUYỄN CHỈ NAM         | 30/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.0  |         |
| 315 | 360315 | 030210001056 | NGUYỄN DUY NAM         | 01/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 6.0  |         |
| 316 | 360316 | 022210008305 | NGUYỄN HẢI NAM         | 17/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 5.25         | 3.8   | 8.0  |         |
| 317 | 360317 | 022210003620 | NGUYỄN HOÀI NAM        | 18/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 8.0          | 4.0   | 6.5  |         |
| 318 | 360318 | 025210017452 | NGUYỄN HOÀNG NAM       | 16/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 3.75         | 3.8   | 4.25 |         |
| 319 | 360319 | 022210002291 | PHẠM HUY HẢI NAM       | 09/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 4.75         | 4.8   | 5.5  |         |
| 320 | 360320 | 022210000380 | TRẦN ĐÌNH NAM          | 11/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 4.5  |         |
| 321 | 360321 | 022210004265 | VŨ XUÂN NAM            | 02/03/2010 | Hưng Yên   | Nam       |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 7.0          | 5.0   | 8.0  |         |
| 322 | 360322 | 022310011603 | NGUYỄN THUÝ NGA        | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 8.25         | 3.8   | 5.75 |         |
| 323 | 360323 | 022310000290 | DIỆP THỊ KIM NGÂN      | 11/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 3.75         | 5.4   | 7.5  |         |
| 324 | 360324 | 022310000302 | LÊ THỊ NGÂN            | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 7.5          | 4.4   | 7.25 |         |
| 325 | 360325 | 022310010436 | NGUYỄN KIM NGÂN        | 21/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.75         | 5.6   | 3.5  |         |
| 326 | 360326 | 022310002664 | NGUYỄN THỊ HOÀNG NGÂN  | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 3.0          | 3.2   | 4.0  |         |
| 327 | 360327 | 022310007635 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 7.25         | 5.8   | 7.75 |         |
| 328 | 360328 | 022310009878 | TÔ THỊ KIM NGÂN        | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Trảng Lươg | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 5.25 |         |
| 329 | 360329 | 022310005812 | TRẦN LÊ BẢO NGÂN       | 15/09/2010 | Hải Phòng  | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 5.25         | 4.8   | 5.25 |         |
| 330 | 360330 | 022310006716 | VŨ KIM HOÀNG NGÂN      | 08/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 6.25         | 4.6   | 4.5  |         |
| 331 | 360331 | 022310010935 | DIỆP VŨ NGHĨA          | 14/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Sán Diu          | TH và THCS Trảng Lươg | Tiếng Anh | 3.0          | 3.4   | 2.75 |         |
| 332 | 360332 | 022310006512 | HÀ HOÀI NGỌC           | 06/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 5.0  |         |
| 333 | 360333 | 022310004238 | LÊ THANH NGỌC          | 13/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân   | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 5.75 |         |
| 334 | 360334 | 022310000249 | LƯƠNG ÁNH NGỌC         | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 3.25         | 4.2   | 4.5  |         |
| 335 | 360335 | 022310010252 | NGUYỄN BẢO NGỌC        | 08/12/2010 | Thái Bình  | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong    | Tiếng Anh | 7.5          | 4.0   | 6.0  |         |
| 336 | 360336 | 022310009124 | NGUYỄN HƯƠNG NGỌC      | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.5          | 3.8   | 5.75 |         |
| 337 | 360337 | 022310004634 | NGUYỄN KHÁNH NGỌC      | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 2.75 |         |
| 338 | 360338 | 022310000522 | PHẠM BẢO NGỌC          | 16/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 2.5  |         |
| 339 | 360339 | 022310000429 | PHẠM THỊ HỒNG NGỌC     | 29/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.4   | 2.5  |         |
| 340 | 360340 | 022310001108 | PHẠM THỊ HỒNG NGỌC     | 14/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ       | Tiếng Anh | 4.5          | 3.2   | 2.75 |         |
| 341 | 360341 | 022310006149 | TẶNG THỊ NGỌC          | 24/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê         | Tiếng Anh | 6.5          | 3.6   | 5.25 |         |
| 342 | 360342 | 022310001514 | VŨ NHƯ NGỌC            | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.8   | 1.5  |         |
| 343 | 360343 | 022310008873 | VŨ THỊ KHÁNH NGỌC      | 03/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.4   | 4.5  |         |
| 344 | 360344 | 022310007381 | VŨ THUY NGỌC           | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương       | Tiếng Anh | 6.0          | 3.4   | 3.25 |         |
| 345 | 360345 | 022210013230 | NGUYỄN BẢO NGUYỄN      | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt   | Tiếng Anh | 6.5          | 8.2   | 7.5  |         |
| 346 | 360346 | 022310006362 | NGUYỄN HẠNH NGUYỄN     | 17/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An          | Tiếng Anh | 7.0          | 8.8   | 7.25 |         |
| 347 | 360347 | 022310011718 | NGUYỄN KHÁNH NGUYỄN    | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh          | Tiếng Anh | 3.5          | 3.6   | 0.75 |         |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|---------|
|     |        |              |                        |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |
| 348 | 360348 | 022210009416 | NGUYỄN LÂM NGUYỄN      | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 5.25         | 3.0   | 4.25 |         |
| 349 | 360349 | 022210012548 | NGUYỄN TRƯỜNG NGUYỄN   | 03/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 2.5          | 2.2   | 3.25 |         |
| 350 | 360350 | 022310000213 | LƯƠNG ÁNH NGUYỆT       | 05/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 4.5          | 2.2   | 5.25 |         |
| 351 | 360351 | 022210012341 | TRƯỜNG LONG NHẬT       | 03/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 3.0          | 4.2   | 1.75 |         |
| 352 | 360352 | 022310002965 | DƯƠNG YẾN NHI          | 01/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 7.5          | 4.2   | 7.0  |         |
| 353 | 360353 | 022310003277 | DƯƠNG YẾN NHI          | 17/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 6.0          | 7.4   | 6.5  |         |
| 354 | 360354 | 022310001515 | NGÔ HIỀN NHI           | 25/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 3.5          | 4.8   | 3.0  |         |
| 355 | 360355 | 022310006174 | TRƯỜNG UYÊN NHI        | 10/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 7.25         | 6.0   | 7.0  |         |
| 356 | 360356 | 022310010357 | VŨ THỊ THẢO NHI        | 09/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 5.75         | 3.4   | 4.25 |         |
| 357 | 360357 | 022310005511 | VŨ THỊ YẾN NHI         | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 8.25         | 5.6   | 6.75 |         |
| 358 | 360358 | 022310003393 | BÙI THỊ NHIÊN          | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 4.5          | 4.8   | 3.25 |         |
| 359 | 360359 | 022310002008 | NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 8.0          | 4.0   | 7.25 |         |
| 360 | 360360 | 022310000415 | PHẠM THỊ HỒNG NHUNG    | 10/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 4.25 |         |
| 361 | 360361 | 022310003321 | ĐÀO QUỲNH NHƯ          | 18/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 7.75         | 5.6   | 8.0  |         |
| 362 | 360362 | 022210003843 | NGUYỄN ĐỨC NINH        | 07/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 2.75         | 3.0   | 4.75 |         |
| 363 | 360363 | 022210006795 | NGUYỄN HẢI NINH        | 19/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 6.25 |         |
| 364 | 360364 | 037210007388 | TRẦN THÁI NINH         | 09/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 5.0          | 3.4   | 5.0  |         |
| 365 | 360365 | 025310000149 | LÃ THỊ KIM OANH        | 05/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 5.0  |         |
| 366 | 360366 | 022210013300 | LÊ QUANG PHÁT          | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 6.5  |         |
| 367 | 360367 | 022210001584 | NGUYỄN THÀNH PHÁT      | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 5.75 |         |
| 368 | 360368 | 022210000237 | BÙI ĐẠI PHONG          | 26/03/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 4.75         | 9.0   | 7.5  |         |
| 369 | 360369 | 022210011244 | ĐẶNG VĂN PHONG         | 21/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.8   | 6.25 |         |
| 370 | 360370 | 022210011063 | LƯU THẾ PHONG          | 02/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.2   | 6.25 |         |
| 371 | 360371 | 022210006038 | NGUYỄN MINH PHONG      | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 5.75         | 3.8   | 4.75 |         |
| 372 | 360372 | 022210011630 | LÊ VŨ PHÁT PHÓNG       | 13/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt | Tiếng Anh | 2.75         | 2.6   | 1.75 |         |
| 373 | 360373 | 030210005717 | LÊ ĐÌNH PHÚ            | 02/01/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 5.25         | 4.0   | 8.0  |         |
| 374 | 360374 | 022210005285 | VŨ DUY PHÚ             | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 1.75 |         |
| 375 | 360375 | 022210008740 | ĐỖ HOÀNG PHÚC          | 04/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 1.5  |         |
| 376 | 360376 | 022310001225 | MẠC THỊ HỒNG PHÚC      | 26/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 5.5          | 6.6   | 6.5  |         |
| 377 | 360377 | 022210007051 | NGÔ HỒNG PHÚC          | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.75         | 7.2   | 7.25 |         |
| 378 | 360378 | 022310001956 | DƯƠNG THỊ HÀ PHƯƠNG    | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 2.5          | 3.2   | 1.25 |         |
| 379 | 360379 | 022310007535 | LÊ THỊ MAI PHƯƠNG      | 15/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.0          | 2.6   | 4.5  |         |
| 380 | 360380 | 030310000470 | NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG    | 26/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 4.5          | 6.8   | 6.75 |         |
| 381 | 360381 | 022310005804 | NGUYỄN MAI PHƯƠNG      | 11/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 1.75         | 3.4   | 2.0  |         |
| 382 | 360382 | 022310011504 | NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG | 04/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 8.75         | 7.6   | 6.75 |         |



**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|-----------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |                 |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 383 | 360383 | 022310011872 | NGUYỄN THỊ MINH  | PHƯƠNG | 12/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 5.25         | 5.0   | 6.25 |          |
| 384 | 360384 | 022310010589 | NGUYỄN THỊ MINH  | PHƯƠNG | 05/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 2.75         | 3.2   | 5.75 |          |
| 385 | 360385 | 022210001800 | CHU ĐĂNG         | QUANG  | 21/04/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 4.25         | 4.4   | 3.25 |          |
| 386 | 360386 | 022210004905 | NGUYỄN ĐĂNG      | QUANG  | 14/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 4.75         | 3.8   | 6.5  |          |
| 387 | 360387 | 022210000956 | NGUYỄN VĂN       | QUANG  | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 5.0          | 3.0   | 2.0  |          |
| 388 | 360388 | 022210007688 | ĐỖ MINH          | QUÂN   | 17/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 4.25         | 4.6   | 6.75 |          |
| 389 | 360389 | 022210009414 | NGUYỄN ĐÌNH      | QUÂN   | 14/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 3.75         | 4.0   | 5.0  |          |
| 390 | 360390 | 022210007050 | NGUYỄN LÂM       | QUÂN   | 28/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 4.25 |          |
| 391 | 360391 | 022310007665 | TRẦN PHAN NGỌC   | QUYÊN  | 25/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 4.25 |          |
| 392 | 360392 | 022210006940 | NGUYỄN TIẾN      | QUYẾT  | 17/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.5          | 4.0   | 6.5  |          |
| 393 | 360393 | 022310003050 | BÙI NHƯ          | QUỲNH  | 20/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 4.75         | 4.6   | 3.0  |          |
| 394 | 360394 | 022310010234 | NGUYỄN NHƯ       | QUỲNH  | 09/11/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 6.75         | 9.4   | 7.75 |          |
| 395 | 360395 | 022310009485 | NGUYỄN THỊ NHƯ   | QUỲNH  | 17/09/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 3.25         | 3.2   | 2.5  |          |
| 396 | 360396 | 022310006501 | TRẦN THUỶ        | QUỲNH  | 02/01/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 4.0  |          |
| 397 | 360397 | 022210005857 | BÙI NGỌC         | SƠN    | 15/06/2010 | Vĩnh Phúc       | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 6.75         | 5.0   | 7.25 |          |
| 398 | 360398 | 022209002752 | ĐẶNG THỂ         | SƠN    | 28/09/2009 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 2.5          | 2.4   | 1.25 |          |
| 399 | 360399 | 022210006149 | NGUYỄN BÙI THANH | SƠN    | 29/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 2.0          | 2.8   | 0.75 |          |
| 400 | 360400 | 022210011021 | NGUYỄN MINH      | SƠN    | 04/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 7.0          | 9.2   | 8.0  |          |
| 401 | 360401 | 022210003335 | NGUYỄN NGỌC      | SƠN    | 24/07/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.0          | 3.2   | 6.5  |          |
| 402 | 360402 | 022210012449 | NGUYỄN XUÂN      | SƠN    | 10/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 6.5  |          |
| 403 | 360403 | 022310005193 | ĐỖ THANH         | TÂM    | 10/03/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.75         | 4.4   | 6.25 |          |
| 404 | 360404 | 022310005536 | NGUYỄN THỊ       | TÂM    | 10/10/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 5.75         | 3.6   | 3.25 |          |
| 405 | 360405 | 079210002855 | TRẦN NGỌC        | TÂM    | 13/12/2010 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 2.5          | 2.6   | 4.5  |          |
| 406 | 360406 | 022210002047 | LÀI PHÚC         | TẦN    | 10/03/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 2.5          | 2.0   | 1.25 |          |
| 407 | 360407 | 022210001357 | TRẦN TRỌNG       | TẦN    | 04/02/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.75         | 6.6   | 5.75 |          |
| 408 | 360408 | 022210003095 | TRỊNH XUÂN       | TẦN    | 25/11/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 3.25         | 2.8   | 3.5  |          |
| 409 | 360409 | 022210011762 | ĐẶNG HỮU         | THÁI   | 28/08/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 410 | 360410 | 022210005812 | LƯU NHẬT         | THÁI   | 30/12/2010 | Quảng Ninh      | Nam       | Tày              | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 2.0          | 3.2   | 1.0  |          |
| 411 | 360411 | 022310004356 | BÙI THANH        | THANH  | 13/04/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 2.5          | 4.8   | 5.25 |          |
| 412 | 360412 | 030210008525 | ĐÀO NGỌC         | THÀNH  | 18/09/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 5.0          | 3.8   | 7.5  |          |
| 413 | 360413 | 022210006285 | LÊ TUẤN          | THÀNH  | 16/10/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.0          | 4.2   | 4.0  |          |
| 414 | 360414 | 022210012092 | NGUYỄN LÊ        | THÀNH  | 26/05/2010 | Quảng Ninh      | Nam       |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 4.25         | 6.0   | 6.25 |          |
| 415 | 360415 | 022310009984 | CAO THANH        | THẢO   | 14/08/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 5.5  |          |
| 416 | 360416 | 030310003272 | ĐÀO THỊ          | THẢO   | 25/06/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 6.75         | 3.4   | 8.25 |          |
| 417 | 360417 | 022310011236 | HOÀNG BÍCH       | THẢO   | 12/05/2010 | Quảng Ninh      | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.0          | 4.8   | 6.0  |          |

## Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS            | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|------------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                   |        |            |            |           |                  |                        |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 418 | 360418 | 022310011627 | HOÀNG PHƯƠNG      | THẢO   | 08/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Dao              | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.5          | 4.2   | 4.25 |          |
| 419 | 360419 | 022310010160 | LÂM NGỌC          | THẢO   | 02/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.6   | 4.75 |          |
| 420 | 360420 | 022310000416 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO   | 25/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 6.5          | 9.0   | 7.0  |          |
| 421 | 360421 | 022310002777 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO   | 21/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 6.0          | 5.2   | 6.25 |          |
| 422 | 360422 | 022310007960 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 7.5          | 6.4   | 6.0  |          |
| 423 | 360423 | 022310006113 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THẢO   | 25/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 0.5          | 3.2   | 0.5  |          |
| 424 | 360424 | 022210010470 | HỨA TIẾN          | THẮNG  | 02/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.5          | 5.0   | 6.0  |          |
| 425 | 360425 | 022210011924 | NGUYỄN CHIẾN      | THẮNG  | 08/12/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 6.0          | 5.0   | 6.0  |          |
| 426 | 360426 | 022210005224 | NGUYỄN VIỆT       | THẮNG  | 28/04/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 5.5          | 5.0   | 7.0  |          |
| 427 | 360427 | 022210002344 | NGUYỄN XUÂN       | THẮNG  | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 2.0          | 5.6   | 5.0  |          |
| 428 | 360428 | 022310012058 | NGUYỄN VŨ BẢO     | THI    | 07/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 6.0          | 4.0   | 4.0  |          |
| 429 | 360429 | 022310011319 | DƯƠNG THỊ MAI     | THƠM   | 30/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 5.0          | 4.0   | 4.5  |          |
| 430 | 360430 | 022210010014 | VŨ THANH          | THUẬN  | 15/05/2010 | Lai Châu   | Nam       |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 431 | 360431 | 022310012656 | NGUYỄN THỊ        | THUY   | 15/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 6.25         | 5.2   | 7.0  |          |
| 432 | 360432 | 022310008514 | NGUYỄN NHƯ        | THÙY   | 11/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.0  |          |
| 433 | 360433 | 022310002066 | HỨA THỊ           | THÙY   | 17/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 6.5          | 4.4   | 5.75 |          |
| 434 | 360434 | 022310011422 | NGUYỄN THỊ THANH  | THÙY   | 19/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 5.75         | 4.2   | 5.25 |          |
| 435 | 360435 | 022310006454 | NGUYỄN THU        | THÙY   | 28/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 5.25         | 3.6   | 4.75 |          |
| 436 | 360436 | 022310007700 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THÚY   | 08/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 6.75 |          |
| 437 | 360437 | 022310006396 | BÙI THỊ QUỲNH     | THƯ    | 18/05/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.5          | 4.8   | 5.75 |          |
| 438 | 360438 | 022310005893 | DƯƠNG THỊ KIM     | THƯ    | 21/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 4.25         | 5.4   | 2.0  |          |
| 439 | 360439 | 022310002366 | GIANG MINH        | THƯ    | 13/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 4.75         | 5.8   | 5.5  |          |
| 440 | 360440 | 022310011343 | LÝ THỊ KIM        | THƯ    | 07/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.25         | 5.4   | 5.0  |          |
| 441 | 360441 | 022310005925 | NGUYỄN ANH        | THƯ    | 15/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh | 6.5          | 4.8   | 3.25 |          |
| 442 | 360442 | 030310013244 | NGUYỄN HOÀNG ANH  | THƯ    | 25/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 3.5          | 3.0   | 0.75 |          |
| 443 | 360443 | 022310009107 | NGUYỄN MINH       | THƯ    | 31/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 7.25 |          |
| 444 | 360444 | 022310003396 | PHẠM ANH          | THƯ    | 21/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh | 5.5          | 4.0   | 3.0  |          |
| 445 | 360445 | 022310000433 | LÊ DIỆU           | THƯƠNG | 08/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh | 4.0          | 3.2   | 3.75 |          |
| 446 | 360446 | 022310004111 | MẠC HOÀI          | THƯƠNG | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh           | Tiếng Anh | 5.75         | 8.2   | 6.5  |          |
| 447 | 360447 | 022210004701 | CAO MẠNH          | TIẾN   | 02/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 2.25         | 2.6   | 1.75 |          |
| 448 | 360448 | 022210003986 | NGUYỄN DUY        | TIẾN   | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 4.0          | 5.6   | 5.75 |          |
| 449 | 360449 | 022210010573 | PHAN MINH         | TIẾN   | 19/07/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An           | Tiếng Anh | 5.5          | 7.2   | 7.25 |          |
| 450 | 360450 | 022210003787 | NGUYỄN XUÂN       | TOÀN   | 27/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh | 2.25         | 3.0   | 1.25 |          |
| 451 | 360451 | 022310008797 | NGUYỄN HƯƠNG      | TRÀ    | 01/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh | 6.5          | 7.0   | 7.0  |          |
| 452 | 360452 | 022310008729 | BÙI THỊ THÙY      | TRANG  | 13/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        | Tày              | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh | 6.0          | 3.8   | 3.75 |          |

Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc ít người | Trường THCS         | Ngoại ngữ | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú  |
|-----|--------|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|------------------|---------------------|-----------|--------------|-------|------|----------|
|     |        |              |                  |        |            |            |           |                  |                     |           | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |          |
| 453 | 360453 | 022310000485 | HOÀNG THỊ THÙY   | TRANG  | 10/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.0          | 2.2   | 3.5  |          |
| 454 | 360454 | 022310009509 | NGUYỄN NGỌC ĐOAN | TRANG  | 14/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.0          | 5.0   | 4.5  |          |
| 455 | 360455 | 022310004199 | NGUYỄN QUỲNH     | TRANG  | 26/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 6.75         | 5.6   | 5.0  |          |
| 456 | 360456 | 022310008342 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | TRANG  | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 5.5          | 2.8   | 3.0  |          |
| 457 | 360457 | 022310005325 | PHẠM THỊ HUYỀN   | TRANG  | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 3.5          | 3.8   | 1.5  |          |
| 458 | 360458 | 022310003494 | PHẠM THỊ HUYỀN   | TRANG  | 24/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.75         | 2.4   | 3.0  |          |
| 459 | 360459 | 022310001908 | PHẠM THU         | TRANG  | 15/08/2010 | Hải Dương  | Nữ        |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 6.0          | 5.4   | 6.5  |          |
| 460 | 360460 | 022310004590 | VŨ THÙY          | TRANG  | 15/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.25         | 2.8   | 4.25 |          |
| 461 | 360461 | 022210006747 | VŨ MINH          | TRIẾT  | 07/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 7.25         | 9.4   | 7.25 |          |
| 462 | 360462 | 022310000484 | TRẦN KIỆU        | TRINH  | 31/03/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.0          | 4.6   | 5.5  |          |
| 463 | 360463 | 022310003188 | LÊ THANH         | TRÚC   | 24/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 1.5          | 2.0   | 1.75 |          |
| 464 | 360464 | 022310010719 | LÊ THỊ THANH     | TRÚC   | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 6.25         | 4.8   | 5.0  |          |
| 465 | 360465 | 022310007519 | NGUYỄN THỊ THANH | TRÚC   | 23/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 6.75         | 8.0   | 8.0  |          |
| 466 | 360466 | 022210011474 | LÊ BẢO           | TRUNG  | 21/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.75         | 4.0   | 6.75 |          |
| 467 | 360467 | 022210007063 | PHẠM THÀNH       | TRUNG  | 22/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 3.75         | 3.2   | 4.25 |          |
| 468 | 360468 | 022210012584 | THÁI TRỌNG       | TRUNG  | 20/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Tân Việt | Tiếng Anh | 4.5          | 3.6   | 4.25 |          |
| 469 | 360469 | 022210001900 | TRẦN ĐỨC         | TRUNG  | 14/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 4.0          | 4.0   | 3.0  |          |
| 470 | 360470 | 022210008118 | VŨ ĐỨC           | TRUNG  | 25/11/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 3.0          | 2.0   | 4.0  |          |
| 471 | 360471 | 022210009399 | NGUYỄN MINH      | TRƯỜNG | 17/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 6.5          | 3.0   | 5.5  |          |
| 472 | 360472 | 022210003674 | PHẠM THIÊN       | TRƯỜNG | 23/09/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 3.75         | 2.6   | 5.25 |          |
| 473 | 360473 | 022210011859 | PHẠM VĂN         | TRƯỜNG | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh |              |       |      | Vắng thi |
| 474 | 360474 | 030210014777 | HOÀNG XUÂN       | TÚ     | 05/04/2010 | Hải Dương  | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 4.25         | 2.0   | 5.0  |          |
| 475 | 360475 | 022310003132 | NGUYỄN CẨM       | TÚ     | 13/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 7.25         | 4.8   | 5.0  |          |
| 476 | 360476 | 022210005942 | BÙI ĐỨC          | TUẤN   | 28/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Lê Hồng Phong  | Tiếng Anh | 6.25         | 3.4   | 6.5  |          |
| 477 | 360477 | 022210007633 | NGUYỄN ANH       | TUẤN   | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Thủy An        | Tiếng Anh | 3.25         | 3.0   | 2.75 |          |
| 478 | 360478 | 030210002788 | NGUYỄN ĐÌNH      | TUẤN   | 06/06/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | TH và THCS Việt Dân | Tiếng Anh | 5.0          | 2.4   | 2.5  |          |
| 479 | 360479 | 022210001766 | CAO SƠN          | TÙNG   | 04/02/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Nguyễn Huệ     | Tiếng Anh | 4.25         | 3.0   | 5.5  |          |
| 480 | 360480 | 022210008059 | LÊ ĐÌNH          | TÙNG   | 27/10/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.25         | 3.2   | 5.5  |          |
| 481 | 360481 | 022210009781 | TRẦN QUANG       | TÙNG   | 04/01/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS Bình Khê       | Tiếng Anh | 7.0          | 4.0   | 5.75 |          |
| 482 | 360482 | 022310002337 | LƯƠNG THỊ        | TUYẾT  | 12/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Đức Chính      | Tiếng Anh | 5.0          | 2.6   | 3.0  |          |
| 483 | 360483 | 022310004595 | PHẠM THỊ ÁNH     | TUYẾT  | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 6.0          | 4.2   | 5.25 |          |
| 484 | 360484 | 022210000381 | NGUYỄN MẠNH      | TUÔNG  | 29/05/2010 | Quảng Ninh | Nam       |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.0          | 2.8   | 1.75 |          |
| 485 | 360485 | 022310010175 | VŨ PHƯƠNG        | UYÊN   | 06/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 3.0          | 2.6   | 4.0  |          |
| 486 | 360486 | 022310000600 | NGUYỄN THỊ CẨM   | VÂN    | 24/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS An Sinh        | Tiếng Anh | 5.5          | 6.2   | 3.25 |          |
| 487 | 360487 | 022310000191 | PHẠM THANH       | VÂN    | 04/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ        |                  | THCS Bình Dương     | Tiếng Anh | 7.5          | 8.2   | 7.5  |          |

**Đơn vị: Trường THPT Lê Chân (22000722)**

| STT | SBD    | Số CCCD      | Họ tên           | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc ít người | Trường THCS | Ngoại ngữ              | Điểm bài thi |       |      | Ghi chú |          |
|-----|--------|--------------|------------------|-----------|------------|------------|------------------|-------------|------------------------|--------------|-------|------|---------|----------|
|     |        |              |                  |           |            |            |                  |             |                        | Ngữ văn      | N.ngữ | Toán |         |          |
| 488 | 360488 | 022210005059 | TRẦN ĐẠI         | VIỆT      | 12/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              | Tày         | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh    | 3.5   | 2.4  | 1.5     |          |
| 489 | 360489 | 022210008672 | ĐỖ QUANG         | VINH      | 17/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS An Sinh           | Tiếng Anh    | 6.0   | 3.6  | 3.75    |          |
| 490 | 360490 | 022209002998 | LÊ ĐÌNH          | VINH      | 25/08/2009 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS An Sinh           | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 491 | 360491 | 022310000841 | VŨ HOÀNG         | VINH      | 12/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh    |       |      |         | Vắng thi |
| 492 | 360492 | 022210005488 | VŨ QUANG         | VINH      | 26/11/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh    | 4.75  | 4.2  | 5.75    |          |
| 493 | 360493 | 022210007750 | HÀ ANH           | VŨ        | 23/01/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS An Sinh           | Tiếng Anh    | 6.25  | 3.0  | 4.75    |          |
| 494 | 360494 | 022210012182 | NGUYỄN MINH      | VŨ        | 01/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh    | 6.25  | 5.4  | 7.5     |          |
| 495 | 360495 | 022210011788 | NGUYỄN PHÚC HUY  | VŨ        | 15/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Thủy An           | Tiếng Anh    | 2.25  | 2.4  | 3.5     |          |
| 496 | 360496 | 022210013285 | NGUYỄN TUẤN      | VŨ        | 30/10/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh    | 3.0   | 3.2  | 4.25    |          |
| 497 | 360497 | 022210003425 | NGUYỄN TUẤN      | VŨ        | 22/05/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | TH và THCS Tân Việt    | Tiếng Anh    | 6.5   | 5.4  | 6.5     |          |
| 498 | 360498 | 022210008002 | TRẦN ĐÌNH        | VŨ        | 16/02/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS An Sinh           | Tiếng Anh    | 4.0   | 3.0  | 0.75    |          |
| 499 | 360499 | 022210005695 | NGUYỄN VĂN       | VUÔNG     | 28/12/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh    | 3.75  | 2.2  | 4.25    |          |
| 500 | 360500 | 022310002310 | ĐÀM TRIỆU        | VY        | 26/05/2010 | Quảng Ninh | Nữ               | Nùng        | TH và THCS Trảng Lương | Tiếng Anh    | 3.75  | 3.8  | 3.25    |          |
| 501 | 360501 | 022310007245 | NGÔ VŨ HÀ        | VY        | 10/06/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh    | 5.25  | 5.8  | 7.25    |          |
| 502 | 360502 | 030310014489 | NGUYỄN HÀ        | VY        | 29/09/2010 | Hải Dương  | Nữ               |             | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh    | 2.75  | 3.0  | 1.75    |          |
| 503 | 360503 | 022310011703 | NGUYỄN NGỌC BẢO  | VY        | 07/02/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS An Sinh           | Tiếng Anh    | 4.75  | 2.8  | 3.25    |          |
| 504 | 360504 | 022310009912 | NGUYỄN THỊ HÀ    | VY        | 18/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS An Sinh           | Tiếng Anh    | 5.0   | 3.4  | 4.0     |          |
| 505 | 360505 | 022310011300 | NGUYỄN TƯỜNG     | VY        | 10/10/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh    | 6.5   | 6.4  | 6.0     |          |
| 506 | 360506 | 022310001085 | NGUYỄN TƯỜNG     | VY        | 12/11/2010 | Hải Phòng  | Nữ               |             | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh    | 4.25  | 2.0  | 3.0     |          |
| 507 | 360507 | 022310008419 | TRẦN THỊ TƯỜNG   | VY        | 28/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh    | 5.75  | 2.4  | 6.0     |          |
| 508 | 360508 | 022310001395 | TỪ VY            | VY        | 28/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bình Khê          | Tiếng Anh    | 4.5   | 5.0  | 5.5     |          |
| 509 | 360509 | 022210009952 | PHẠM PHÚ         | XUÂN      | 12/04/2010 | Quảng Ninh | Nam              |             | THCS An Sinh           | Tiếng Anh    | 5.25  | 6.8  | 5.5     |          |
| 510 | 360510 | 022310004983 | TRƯƠNG THỊ CÀNH  | XUÂN      | 29/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Trảng An          | Tiếng Anh    | 8.25  | 9.2  | 8.0     |          |
| 511 | 360511 | 022310005110 | VŨ NHƯ           | Ý         | 21/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Thủy An           | Tiếng Anh    | 4.5   | 3.2  | 2.5     |          |
| 512 | 360512 | 022310007703 | NGUYỄN HẢI       | YẾN       | 16/01/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Lê Hồng Phong     | Tiếng Anh    | 6.0   | 2.8  | 5.75    |          |
| 513 | 360513 | 022310007592 | NGUYỄN HOÀNG     | YẾN       | 13/09/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh    | 7.75  | 9.2  | 8.0     |          |
| 514 | 360514 | 022310003143 | NGUYỄN HOÀNG HẢI | YẾN       | 30/12/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh    | 6.75  | 3.6  | 5.5     |          |
| 515 | 360515 | 022310007598 | NGUYỄN THỊ       | YẾN       | 06/08/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Nguyễn Huệ        | Tiếng Anh    | 4.5   | 8.4  | 7.0     |          |
| 516 | 360516 | 022310005183 | TRẦN THỊ         | YẾN       | 26/07/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Thủy An           | Tiếng Anh    | 4.5   | 5.4  | 6.0     |          |
| 517 | 360517 | 022310007508 | TRẦN THỊ NGỌC    | YẾN       | 23/04/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | THCS Bình Dương        | Tiếng Anh    | 6.0   | 5.6  | 7.25    |          |
| 518 | 360518 | 022310006097 | VŨ THỊ HẢI       | YẾN       | 14/11/2010 | Quảng Ninh | Nữ               |             | TH và THCS Việt Dân    | Tiếng Anh    | 6.75  | 4.0  | 3.75    |          |

*(Danh sách này gồm có 518 thí sinh)*